

SINUHE

EGYPTILÄINEN



Người Ai Cập

Quyền lực & Tình yêu



Nguyên tác của *Dấu Chân Trên Cát*

MIKA WALTARI

Võ Xuân Quế & Bùi Việt Hoa dịch

NHA XUẤT BẢN DÂN TRÍ



First News®
Where there's a will, there's a way



SINUHE

EGYPTILÄINEN



Người Ai Cập

Quyền lực & Tình yêu



Nguyên tác của *Dấu Chân Trên Cát*

MIKA WALTARI

Võ Xuân Quế & Bùi Việt Hoa dịch

NHA XUẤT BẢN DÂN TRÍ



First News®
Where English is a skill - there's a way



Duong Kobo's Book Club

*Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo*



SCAN TO JOIN

NGƯỜI AI CẬP - TẬP 1

Quyền lực và Tình yêu

Mika Waltari

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860752

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập : xxxxxxxxxxxx

Trình bày : Văn Đông

Bìa : Phương Thảo

Thực hiện liên kết:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT (First News)

Địa chỉ: 11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM

Mười lăm sách kể về cuộc đời danh y Sinuhe vào những năm 1390-1335 trước Công lịch

Sách thứ nhất

Chiếc thuyền sậy

1

Tôi, Sinuhe, con trai của ông Senmut và vợ ông là bà Kipa, viết quyển sách này không phải để ngợi ca thần linh xứ Kemet, vì tôi đã chán ngấy các thần linh. Cũng không phải để ca tụng các pharaon bởi tôi quá thất vọng với những việc họ đã làm. Tôi viết quyển sách này chỉ để cho riêng tôi. Tôi không sợ thần linh, không xu nịnh các bậc đế vương, không vì sợ hãi và cũng không vì một niềm hy vọng cho tương lai. Bởi lẽ tôi đã nếm trải và mất mát quá nhiều trong cuộc đời mình nên tôi không còn bận tâm tới nỗi sợ hãi phù phiếm, và tôi cũng chán ngấy, không còn hy vọng vào sự bất tử cũng như các đấng thần linh hay các bậc đế vương. Tôi viết quyển sách này chỉ để cho riêng tôi và trong việc này tôi nghĩ mình khác với tất cả những ai từng viết sách trước đây cũng như từ nay về sau.

Bởi lẽ tất cả những gì đã được viết ra từ trước đến nay đều hoặc dành cho thần linh hoặc dành cho con người. Tôi muốn các pharaon cũng được xem như con người vì họ cũng như chúng ta, giận hờn và sợ hãi, ham muốn và thất vọng. Họ không có gì khác chúng ta, cho dù hàng ngàn lần họ đã được ghi tên vào thế giới thần linh. Cho dù hàng ngàn lần họ được xếp vào hàng ngũ của thần thánh thì họ vẫn là con người như mọi người khác. Họ có quyền lực để làm thỏa mãn cơn giận dữ hay trốn chạy khỏi nỗi sợ hãi của mình, nhưng quyền lực không giúp họ tránh được

ham muốn và thất vọng. Những gì đã được ghi lại đều được ghi theo mệnh lệnh của các đế vương, để xu nịnh các đấng thần linh hay để lừa phỉnh con người, buộc họ tin vào những điều chưa hề xảy ra. Hoặc tất cả những điều đã xảy ra khác với thực tế. Hoặc một phần của một hay hai điều đã xảy ra lớn hơn hay nhỏ hơn thực tế. Ý tôi muốn nói là từ xưa đến nay, tất cả những gì được viết ra đều là cho thần linh hoặc cho con người.

Tất cả cứ lặp lại như cũ, không có gì mới dưới bầu trời và con người không thay đổi, cho dù trang phục và ngôn từ có khác đi. Vì vậy tôi tin rằng những điều con người viết ra trong tương lai cũng sẽ không có gì thay đổi so với những điều đã được viết ra cho tới lúc này, bởi vì chính bản thân con người không thay đổi. Người ta lượn lờ từng đoàn quanh những điều giả dối giống như bầy ruồi bu quanh những chiếc bánh mật; lời người kể chuyện tỏa hương thơm ngát dù góc phố nơi anh ta ngồi đầy phân súc vật, còn sự thật thì người ta trốn chạy.

Tôi, Sinuhe, con trai của ông Senmut, đã chán ngấy sự giả dối trong những ngày tháng già nua và thất vọng ê chề của mình. Vì vậy tôi chỉ viết cho riêng mình và chỉ viết những gì chính mình từng mắt thấy tai nghe và biết đó là sự thật. Như vậy tôi khác với tất cả những ai từng sống trước tôi cũng như tất cả những ai sinh ra sau tôi. Bởi lẽ người viết những lời của mình ra giấy, nhất là người cho khắc tên và những việc làm của mình vào đá, hy vọng rằng người đời sau sẽ đọc được chúng, sẽ ngợi ca những việc làm và sự thông thái của mình. Nhưng trong từ ngữ của tôi không có sự ngợi ca, cũng như việc làm của tôi không đáng được hàm ơn và sự thông thái của tôi chỉ khiến trái tim tôi đau khổ chứ chẳng làm ai vui thích. Trẻ em không viết lời của tôi xuống bảng đất sét khi luyện chữ. Người ta cũng không nhắc lại lời của tôi, mượn sự thông thái của tôi để ra vẻ hiểu biết. Khi viết quyển sách này, tôi từ bỏ hy vọng sẽ có ai đó đọc và hiểu mình.

Bởi vì con người về bản chất còn xấu xa, độc ác và tàn bạo hơn cả cá sấu ở dưới sông. Trái tim của anh ta cứng hơn đá. Sự hờn

hình của anh ta nhẹ hơn khói bụi. Hãy dìm anh ta xuống sông, khi quần áo khô cong, anh ta lại hết như trước. Hãy dìm anh ta vào nỗi buồn và thất vọng nhưng nếu gượng dậy được, anh ta vẫn không đổi thay. Suốt cuộc đời mình, tôi, Sinuhe, đã chứng kiến biết bao thay đổi, nhưng tất cả lại vẫn tiếp tục như trước và con người không hề thay đổi. Cũng nhiều người nói rằng những điều đã xảy ra chưa từng xảy ra trước đó, nhưng đó là lời nói thật sự vớ vẩn.

Tôi, Sinuhe, từng nhìn thấy một thằng con trai đâm đá cha mình đến chết nơi góc phố. Tôi từng nhìn thấy người nghèo đứng lên chống lại kẻ giàu và thần linh chống lại thần linh. Tôi từng thấy một người đàn ông uống rượu bằng cốc vàng, khi nghèo khó đã phải cúi xuống dòng sông dùng tay vốc nước uống. Những người trước đây từng cân đồng vàng giờ đi xin ăn nơi góc phố và vợ của họ phải bán mình cho những gã da đen vẽ mặt với giá một chiếc vòng đồng để có tiền mua bánh mì cho con.

Thế nhưng trước đây cũng từng như thế. Vẫn có người phải ngủ qua đêm trên nền đất sét dưới lọng che xa hoa lộng lẫy vào thời các vị vua du mục. Cũng khi ấy những kẻ lạ xông vào nhà, đập đầu trẻ vào ngưỡng cửa nhà cho đến nát bét và bắt trói những người đàn bà mặc váy áo bằng vải lanh hoàng gia về làm nô lệ. Cũng vào thời đó người ta đánh chết những người đàn ông quyền uy từng xây cho mình khu mộ ở dãy núi phía tây và ném xác họ xuống sông.

Như vậy những gì mắt tôi nhìn thấy không hề mới, mà chỉ là những điều đã từng xảy ra và cũng sẽ xảy ra trong tương lai. Giống như con người ta không thay đổi trong quá khứ và cũng sẽ không thay đổi trong tương lai. Những người sinh ra sau tôi rồi cũng sẽ giống những người từng sống trước tôi. Làm sao họ có thể hiểu được sự thông thái của tôi? Sao tôi lại hy vọng họ đọc những lời tôi viết?

Nhưng tôi, Sinuhe, viết quyển sách này cho mình, bởi vì sự hiểu biết như nước kiềm ăn mòn tim tôi và tôi đã đánh mất tất cả những niềm vui mình có được trong đời. Tôi bắt đầu viết quyển sách này vào năm lưu đày thứ ba tại bờ biển phía đông, nơi mà từ đó các con thuyền dong buồm về hướng xứ Punt, gần sa mạc, gần những ngọn núi mà các vị hoàng đế xưa thường cho lấy đá để tạc tượng cho mình. Tôi viết cuốn sách này bởi vì rượu đắng chát trong cổ họng mình. Tôi viết cuốn sách này vì tôi đã không còn muốn vui thú với đàn bà và những vườn cây, ao cá không còn làm tôi thấy vui mắt. Vào những đêm đông giá lạnh, có một con bé da đen sưởi ấm giường tôi, nhưng tôi không còn khoái cảm với nó. Tôi đã đuổi những người hát rong ra khỏi phòng mình và tiếng đàn dây cũng như tiếng sáo đều khiến đôi tai tôi khó chịu. Vì vậy tôi viết cuốn sách này khi tôi, Sinuhe, không làm gì với sự giàu sang, với những chiếc cốc vàng, với thảo mộc thơm, với gỗ mun và ngà voi.

Bởi vì tất cả những thứ đó tôi đã có, những thứ không ai dám lấy đi. Những kẻ nô lệ vẫn sợ chiếc gậy của tôi và trước mặt tôi, những người lính canh phải cúi đầu và đặt tay lên đầu gối của họ. Nhưng lãnh địa của tôi bị khoanh vùng và không con thuyền nào được cập vào những con sóng ven bờ. Vì thế tôi, Sinuhe, sẽ không bao giờ được hít thở mùi bùn đen trong đêm xuân sang và bởi thế nên tôi viết sách này.

Dĩ nhiên tên tôi đã từng một lần được viết vào sách vàng của pharaon, và tôi từng sống trong ngôi nhà vàng bên phải cung điện của hoàng đế. Lời nói của tôi từng có sức nặng hơn lời của đám người quyền thế xứ Kemet, những kẻ thường gửi quà biếu tôi, trong đó có cả những chiếc vòng vàng đang quấn quanh cổ tôi đây. Tôi từng có tất cả những thứ mà con người ước muốn, nhưng là một con người, tôi lại mong muốn nhiều hơn những điều con người có thể đạt được. Bởi vậy tôi ở đây, nơi hiện giờ tôi đang có mặt. Tôi đã bị đày khỏi Thebes vào năm trị vì thứ sáu của Pharaon Horemheb, và nếu rời khỏi vùng đất được phép ở và quay trở lại Thebes, tôi sẽ bị đập chết như một con chó, hay sẽ

bị bẹp dí như con ngóe giữa các tảng đá. Đó là lệnh của Hoàng đế, Pharaon, người từng là bạn của tôi.

Nhưng tôi có thể trông chờ điều gì hơn từ ông ta, một kẻ xuất thân thấp hèn, người đã ra lệnh xóa tên các đế vương khỏi danh sách các vua và buộc thư lại ghi tên cha mẹ mình như thể họ là người quyền quý vào danh sách đó. Tôi đã chứng kiến lễ đăng quang của ông ta, đã thấy người ta đội lên đầu ông ta chiếc vương miện đỏ và trắng như thế nào. Ông ta đày tôi đi biệt xứ vào năm trị vì thứ sáu kể từ ngày đó. Nhưng theo cách tính của các thư lại triều đình thì đó lại là năm trị vì thứ ba mươi hai của ông ta. Vậy chẳng phải tất cả những gì được viết ra trước đây và bây giờ đều là giả dối cả hay sao!

Tôi khinh bỉ ngài, người từng sống vì sự thật. Tôi khinh bỉ sự nhu nhược của ngài trong cuộc đời và tôi khiếp sợ những tai họa mà ngài đã gieo rắc xuống xứ Kemet khi nhân danh sự thật. Giờ là lúc ngài trả thù tôi bởi tôi muốn sống vì sự thật, không phải vì thần linh của ngài mà chỉ vì chính bản thân tôi. Sự thật là con dao sắc, sự thật là vết thương vô phương cứu chữa trong con người, sự thật là nước kiềm đắng cay gặm nhấm tâm can. Vì vậy khi còn trẻ và khỏe, người ta tìm đến các nhà vui để trốn tránh sự thật và che mắt mình bằng công việc, bằng những chuyến đi và những trò tiêu khiển, bằng quyền lực và bằng các công trình xây dựng. Nhưng sẽ có một ngày, sự thật như ngọn giáo đâm xuyên qua người anh ta và sau đó anh ta không còn vui thú trong suy nghĩ cũng như trong công việc. Anh ta chỉ còn lại một mình, một mình giữa đồng loại và thần linh không giúp anh ta khuây khỏa nỗi cô đơn. Tôi, Sinuhe, viết quyển sách này và biết rõ rằng những việc tôi đã làm là tồi tệ và những con đường tôi đã đi là sai lầm, nhưng tôi cũng biết rõ rằng sẽ không ai lấy đó để làm gương dù cho họ có bị buộc phải đọc những điều này. Vì vậy tôi viết quyển sách này chỉ để cho mình tôi. Hãy để những người khác gột rửa tội lỗi của họ bằng nước thánh của thần Amon, còn tôi, Sinuhe, gột rửa mình bằng việc viết lại những việc làm của chính tôi. Hãy để những người khác cân đo sự giả dối của họ

bằng cán cân của thần Osiris, còn tôi, Sinuhe, cân đo lòng mình bằng cây bút sậy.

Nhưng trước khi bắt đầu quyển sách, tôi để cho trái tim mình giải bày những lời khóc than của nó, lời khóc than buồn bã từ trái tim đen đúa của một kẻ bị lưu đày như tôi:

Ai từng một lần uống nước sông Nile sẽ khát khao trở lại sông Nile. Nước ở bất cứ nơi nào khác cũng không thể làm dịu cơn khát của anh ta.

Ai từng sinh ra ở Thebes sẽ khát khao trở lại Thebes, bởi lẽ trên mặt đất này không có nơi nào giống như Thebes. Ai đã được sinh ra nơi một ngõ nhỏ ở Thebes sẽ khát khao trở lại ngõ nhỏ đó. Từ tòa lâu đài gỗ bách hương, anh ta khát khao được trở về túp lều đất. Sống trong mùi thơm của mộc dược và các loại hương trầm, anh ta sẽ luyến nhớ làn khói tỏa ra từ phân súc vật khô và mùi khen khét của cá rán trong dầu.

Tôi sẵn sàng đổi chiếc cốc vàng của mình lấy chiếc vỏ sò sành của người nghèo khó để được một lần nữa giẫm chân xuống nền đất mềm xứ Kemet. Tôi sẵn sàng vứt bỏ bộ quần áo lạnh để được ở trần cho da mình cháy sém như da kẻ nô lệ, nếu như một lần nữa được nghe tiếng xào xạc trong gió xuân của đám sậy bên sông.

Sông Nile dâng nước tràn bờ, các thành phố nhô lên trên làn nước xanh như những viên ngọc bích, từng đàn én bay về, những đàn sếu lội trong bùn, nhưng tôi không ở đó. Sao tôi không là chim én, sao tôi không là con sếu có đôi cánh khỏe để vượt qua được những người lính canh, trở về xứ Kemet?

Tôi sẽ xây tổ cho mình giữa những cây cột sặc sỡ của đền thần Amon, khi những ngọn tháp nhọn tỏa ánh vàng và lửa đỏ, trong mùi thơm của hương trầm và những con vật hiến tế béo mẫm. Tôi sẽ xây cho mình một tổ ấm trên mái nhà đất trong ngõ nghèo khó. Những con bò kéo xe, những người thợ thủ công cán

giấy bột sậy, những người bán hàng rong rao hàng, và bộ hung lẫn cục phân tròn như quả bóng trên con phố dài lát đá.

Dòng sông tuổi trẻ của tôi trong vắt, sự điên dại của tôi thật đáng yêu. Rượu của tuổi già đắng chát và chua loét, những chiếc bánh mật ngon nhất cũng không sánh được với những lát bánh mì khô cứng trong những ngày nghèo khó của tôi. Năm tháng ới hãy quay trở lại, quá khứ ới hãy trở về đây, và thần Amon hãy dong buồm từ tây sang đông để tôi được trở về với thời trai trẻ của tôi một lần nữa. Một từ tôi cũng không thay, một việc nhỏ tôi cũng không đổi. Ôi, chiếc bút sậy mong manh, ôi tờ giấy sậy mịn màng, hãy trả lại cho tôi những việc làm phù phiếm, tuổi trẻ và sự ngô nghê, rồ dại của tôi.

Quyển sách này do Sinuhe, kẻ bị lưu đày, người khốn khổ nhất trong tất cả những người nghèo khổ ở Kemet, viết ra.

2

Senmut, người tôi gọi bố, là một lương y của người nghèo ở Thebes. Kipa, người tôi gọi mẹ, là vợ của ông. Hai người không có con. Tôi đến với họ khi họ đã bước sang tuổi xế chiều. Theo cách mộc mạc của mình, họ nói rằng tôi là món quà của thần linh và không đoán được điều bất hạnh mà món quà này mang đến cho mình. Mẹ Kipa của tôi lấy tên Sinuhe đặt cho tôi từ một câu chuyện kể vì bà thích chuyện cổ tích và theo cách hiểu của bà, tôi cũng thoát khỏi tai họa và đến với gia đình bà giống như nhân vật Sinuhe. Sinuhe trong câu chuyện tình cờ nghe được một bí mật khủng khiếp trong lều của pharaon và chạy trốn, rồi trải qua nhiều năm tháng, nhiều cuộc phiêu lưu ở những đất nước xa lạ.

Nhưng đây chỉ là cách nói đơn giản, suy nghĩ ngây thơ của bà và bà hy vọng tôi cũng luôn luôn thoát khỏi những tai họa và tránh được mọi rủi ro. Bởi vậy nên bà đặt tên cho tôi là Sinuhe. Nhưng

các giáo sĩ của thần Amon cho rằng tên người là điềm báo. Vì thế có lẽ tên của tôi đã đẩy tôi vào những hiểm nguy và các cuộc phiêu lưu tới những miền đất xa lạ. Có lẽ tên tôi đã khiến tôi can dự vào những bí mật rừng rợn, những bí mật của các quốc vương và những phi tần của họ, những bí mật có thể khiến người ta mất mạng. Và cuối cùng tên của tôi đã khiến tôi bị đày biệt xứ và trở thành kẻ lưu vong.

Điều mẹ Kipa tội nghiệp nghĩ ra khi đặt tên cho tôi thật ngây thơ, song cho rằng tên người liên quan đến số phận của họ cũng ngây thơ không kém. Cuộc đời tôi có lẽ cũng chẳng khác, dù tên tôi có là Kepru, Kafran hay Mose, tôi nghĩ thế. Dĩ nhiên, điều không thể phủ nhận là Sinuhe đã trở thành kẻ bị lưu đày, trong khi Heb, con trai của điều hâu lại trở thành Pharaon Horemheb với vương miện đỏ và trắng, trị vì cả miền Thượng và Hạ Ai Cập. Vậy nên về điềm báo của cái tên, hãy cứ để ai muốn nghĩ thế nào mặc họ, bởi ai trong chúng ta cũng có trong đức tin của mình niềm an ủi để vượt qua những nghịch cảnh và tai họa trong đời.

Tôi sinh ra vào thời trị vì của Pharaon Amenhotep Đệ Tam vĩ đại và cùng năm đó một người khác, người chỉ muốn sống với sự thật, cũng chào đời và tên của người đó không còn được nhắc đến vì đó là cái tên bị nguyên rủa, mặc dù lúc bấy giờ không ai biết gì về điều này. Khi ấy một niềm hân hoan mãnh liệt tràn ngập trong cung điện nơi người đó được sinh ra và quốc vương đã dâng cúng rất nhiều đồ hiến tế trong đền thờ lớn của thần Amon mà chính ngài đã cho xây dựng và dân chúng cũng vui mừng mà không hay biết điều gì sẽ đến. Bởi Hoàng hậu vĩ đại Teje đã mong chờ con trai trong vô vọng, mặc dù bà là vương phi của Pharaon Đại đế đã hai mươi hai năm và tên của bà được khắc bên cạnh tên của Pharaon trong các ngôi đền và các bức tranh. Vì thế người mà tên không được phép nhắc đến đã được tuyên bố sẽ là người kế vị ngai vàng trong một buổi lễ long trọng ngay khi các giáo sĩ kịp làm lễ cắt bao quy đầu.

Nhưng người đó sinh ra đúng vụ gieo hạt mùa xuân, còn tôi, Sinuhe, sinh ra vào mùa thu trước khi nước lụt dâng lên mức cao nhất. Nhưng tôi không biết ngày sinh của mình vì một chiếc thuyền sậy nhỏ quét hắc ín đưa tôi trôi dọc theo dòng sông Nile và mẹ Kipa tìm thấy tôi từ một đám sậy ven sông gần bậc cửa nhà mình khi nước sông dâng cao đến mức ấy. Một đàn én bay đến và kêu chiu chít trên đầu tôi, nhưng tôi nằm im nên bà nghĩ rằng tôi đã chết. Bà bế tôi vào nhà, sưởi ấm tôi bên bếp lửa than rồi thổi vào miệng tôi cho đến khi tôi bắt đầu rên nhè nhẹ.

Bố Senmut của tôi vừa đi thăm bệnh nhân về, mang theo hai con vịt và một đấu bột. Nghe thấy tiếng rên ư ử của tôi, ông nghĩ rằng mẹ Kipa đã mang về một con mèo con nên bắt đầu trách bà. Nhưng mẹ tôi nói:

- Đây không phải là mèo, mà tôi vừa có được một bé trai! Vui lên nào Senmut, chúng ta có một đứa con trai rồi.

Bố tôi bực bội bảo bà nói nhảm, nhưng mẹ Kipa bế tôi lên cho ông xem và tình cảnh tội nghiệp của tôi đã khiến ông mủi lòng. Thế là họ nhận tôi làm con của mình và cũng làm cho hàng xóm tin rằng mẹ Kipa đã sinh ra tôi. Đó là điều hãnh diện của bà nhưng tôi không biết liệu bao nhiêu người đã tin bà. Còn chiếc thuyền sậy đưa tôi đến được Kipa giữ lại và treo lên phía trên giường. Bố tôi lấy chiếc nồi đồng tốt nhất mang dâng cho đền và xin ghi tên tôi vào sổ chứng sinh là con đẻ của mình, được Kipa sinh ra. Ông tự cắt bao quy đầu cho tôi chú không để các giáo sĩ chạm vào tôi vì ông là thầy thuốc và ông sợ lưỡi dao của các giáo sĩ sẽ để lại vết thương sưng mủ. Nhưng có thể ông làm vậy để tiết kiệm tiền vì ông hoàn toàn không giàu có khi chỉ là một lương y chữa bệnh cho người nghèo.

Tất cả những điều này bản thân tôi không nhìn thấy cũng như không trải qua, nhưng bố mẹ tôi từng kể lại tất cả cho tôi nghe rất nhiều lần với những từ giống nhau khiến tôi tin và tôi không nghĩ ra lý do gì để họ có thể nói dối tôi. Nhưng suốt thời niên

thiếu của mình, tôi nghĩ họ đúng là bố mẹ đẻ của tôi và chẳng có nỗi buồn nào làm vẩn đục những năm tháng trẻ thơ của tôi. Họ cho tôi biết sự thật khi mái tóc xoăn trẻ con của tôi bị cắt bỏ và tôi trở thành một chàng trai. Họ làm điều đó bởi vì họ sợ và tôn kính thần linh và bố tôi không muốn tôi sống trong sự lừa dối suốt cuộc đời mình.

Nhưng tôi không bao giờ biết được mình là ai, gốc gác từ đâu và ai là cha mẹ đẻ của tôi. Dĩ nhiên tôi tin là có thể đoán ra được từ những lý do mà tôi sẽ nói sau, mặc dù điều đó cũng chỉ là giả thiết của tôi.

Có điều tôi biết chắc chắn rằng tôi không phải là đứa trẻ duy nhất bị thả trên thuyền sậy trôi dọc sông. Thebes, nơi có nhiều đền đài và cung điện, là một thành phố lớn với các ngôi nhà đất của dân nghèo bao quanh ngút tầm mắt. Vào thời các pharaon vĩ đại, Ai Cập từng thống trị nhiều nước và cùng với sự vĩ đại và giàu có, các phong tục thay đổi; người ngoại quốc đến Thebes để buôn bán và lập nghiệp bằng nhiều nghề khác nhau đã xây dựng lên ở đây những ngôi đền để thờ thần linh của họ. Sự nghèo khổ, khốn khó ở bên ngoài những bức tường thành cũng tăng nhanh không kém sự giàu có, xa hoa, và hào nhoáng bên trong các đền đài, cung điện. Nhiều người nghèo phải bỏ rơi con mình, nhưng cũng có nhiều người vợ nhà giàu có chồng thường xuyên đi xa lâu ngày đã vứt bỏ vết tích của những cuộc tình vụng trộm xuống dòng sông trong những chiếc thuyền bằng sậy. Có thể tôi đã bị vợ của một thủy thủ bỏ rơi khi bà đan díu với một thương gia người Syria. Có thể tôi là con của một người ngoại quốc vì tôi đã không được cắt bao quy đầu khi mới lọt lòng. Khi mái tóc xoăn của tôi bị cắt bỏ và mẹ Kipa của tôi cất nó vào một chiếc hộp gỗ nhỏ cạnh đôi dép đầu đời của tôi, tôi đã ngấm nhìn hồi lâu chiếc thuyền sậy mà bà chỉ cho tôi. Những thân sậy đã ngả màu vàng và mủn ra, dính nhọ nhem bồ hóng. Theo bố mẹ tôi thì chiếc thuyền được đan bằng những múi đan theo cách của những người bầy chim, ngoài ra nó không cho biết thêm điều gì khác.

Khi tuổi già đến gần, tâm trí con người như cánh chim trốn về thời thơ ấu. Vào buổi xế chiều này, những ngày thơ ấu của tôi sáng lên trong ký ức như thể mọi điều khi ấy đều tốt hơn và đẹp hơn thế giới hiện giờ. Trong việc này có lẽ không có sự khác biệt giữa người giàu và người nghèo vì chắc chắn là không ai nghèo đến mức tuổi thơ không có chút ánh sáng và niềm vui nào thoáng qua để nhớ đến khi về già.

Bố Senmut của tôi sống ở một khu phố ồn ào và nghèo khó trải dọc theo chân thành bao quanh đền thờ về phía thượng nguồn sông. Những bến đỗ thuyền được xây bằng đá lớn của thượng nguồn sông nằm gần nhà chúng tôi, là nơi ghe thuyền trên sông Nile cập vào dỡ hàng. Trên các con phố hẹp có cả các quán rượu bia dành cho thủy thủ và thương lái, có cả những nhà vui, nơi những người giàu có ở khu trung tâm thành phố thường ngồi kiệu đến. Hàng xóm của chúng tôi là các viên thu thuế, lại viên, chủ ghe thuyền và một số giáo sĩ bậc năm. Giống như bố tôi, họ hợp thành một nhóm người oai nghiêm nhất khu phố nghèo, tựa như bức tường nhô lên trên mặt nước.

Vậy nên nhà của chúng tôi rộng và thoáng so với những ngôi nhà đất lụp xụp, tường nổi tường buồn tẻ dọc theo các con ngõ hẹp. Trước nhà chúng tôi còn có khoảnh vườn nhỏ rộng vài bước chân, nơi bố tôi trồng một cây sung; những bụi keo ngăn vườn với phố và một cái ao được xây bằng đá chỉ có nước vào mùa lũ. Nhà có bốn phòng, trong đó một phòng là để mẹ nấu nướng. Chúng tôi ăn ở hiên nhà, nơi dẫn vào phòng khám của bố. Mỗi tuần hai lần, một người đến dọn nhà giúp mẹ tôi vì bà ưa sạch sẽ. Mỗi tuần một lần, thợ giặt đến lấy xống áo của chúng tôi mang về giặt tại bến giặt bên sông.

Giữa khu phố nghèo khổ, ồn ào và ngày càng có nhiều người tứ xứ đến cư ngụ mà mãi đến tuổi trưởng thành tôi mới nhận ra sự

sa đoạ của nó, thì bố tôi cùng hàng xóm của mình là những người đại diện cho truyền thống lẫn các thói quen, tập quán cũ và thiện lương. Trong khi các phong tục đã bị xem nhẹ giữa những người quyền quý và giàu có của thành phố thì bố tôi và những người thuộc tầng lớp của ông vẫn đại diện cho một Ai Cập xưa vững chắc như đá, cho sự tôn kính thần linh và tâm hồn thanh khiết, vị tha. Cứ như các ông tương phản lại với khu phố nơi mình ở và những con người mà các ông buộc phải chung sống và hành nghề giữa họ.

Nhưng tại sao tôi lại kể điều mà mãi về sau tôi mới hiểu này. Tại sao tôi không muốn nhớ đến gốc sung dâu sần sùi và tiếng lá rì rào mỗi khi tôi ngồi nghỉ trên bộ rễ dưới tán của nó để tránh nắng vào những ngày hè nóng như thiêu đốt. Tại sao tôi không nhớ về cái đồ chơi yêu thích nhất của mình là con cá sấu bằng gỗ mà tôi hay kéo đi bằng một sợi dây dọc đường phố rải đá, con cá sấu theo sau tôi lạch cạch với cái mõm sơn đỏ há to rồi ngậm lại khiến bọn trẻ con hàng xóm thường xúm quanh trở mắt nhìn. Tôi đã kiếm được nhiều bánh mật ong, nhiều viên đá lấp lánh và những mẫu dây đồng khi cho những đứa trẻ khác kéo nó đi dọc phố và chơi với nó. Chỉ trẻ con nhà quyền quý mới có được những thứ đồ chơi như thế, nhưng một người thợ mộc trong hoàng cung đã tặng nó cho bố tôi sau khi bố chữa cho ông ta khỏi căn bệnh áp xe từng khiến ông không ngồi được.

Sáng sáng mẹ tôi thường dẫn tôi ra chợ rau quả. Thực ra bà không mua nhiều, nhưng có khi bà đứng mất một lượng nước đồng hồ để chọn một mớ hành và dành ra tất cả các buổi sáng trong tuần để chọn một đôi giày mới. Nhưng qua cung cách nói năng của bà, người ta tưởng bà là người giàu có và chỉ muốn đồ tốt nhất. Nếu bà không mua mọi thứ bà thích, chỉ vì bà muốn dạy tôi tính tiết kiệm. Chính vì thế bà nói: “Người giàu sang không phải là người có nhiều vàng bạc, mà là người hài lòng với sự ít ỏi”. Bà quả quyết với tôi như vậy, nhưng đôi mắt già nua, tội nghiệp của bà cùng lúc lại say sưa ngắm nhìn những tấm vải sặc sỡ, mỏng và nhẹ như lông chim của người Sidon và Byblos. Đôi

bàn tay nâu sạm và chai sạn vì công việc của bà mân mê ướm thử những chiếc vòng ngà voi và những chiếc lông đà điểu. “Tất cả đều xa xỉ và không cần thiết”, bà nói với tôi và tự an ủi mình. Nhưng suy nghĩ trẻ thơ của tôi đã cưỡng lại lời dạy đó và tôi ước mình có một con khỉ đuôi dài đang vòng tay ôm cổ chủ của nó, hay một con chim có màu sắc sỡ đang the thé hét lên những từ tiếng Syria và tiếng Ai Cập. Tôi cũng không việc gì phải từ chối những chiếc vòng cổ hay những đôi dép có nạm vàng. Mãi sau này tôi mới hiểu mẹ Kipa già cả tội nghiệp từng ước ao được giàu có đến thế nào.

Nhưng vì chỉ là vợ một lương y của người nghèo nên bà thỏa mãn ước mơ của mình bằng những câu chuyện cổ tích. Tối đến trước khi ngủ, bà kể cho tôi nghe bằng giọng trầm ấm tất cả những câu chuyện bà biết. Bà kể về Sinuhe và kẻ bị đắm tàu trở về từ cung điện của vua rắn cùng với những món đồ cực kỳ quý giá. Bà kể về những vị thần, các phù thủy, pháp sư và các pharaon thời cổ đại. Bố tôi thường cầu nhàu rằng bà đã gieo rắc vào đầu tôi những ý nghĩ ngốc nghếch và nhảm nhí nhưng tối đến, khi ông bắt đầu ngáy thì mẹ tôi lại tiếp tục kể, vừa để thỏa mãn sở thích của mình vừa làm cho tôi vui. Tôi còn nhớ những đêm hè nóng nực và oi bức ấy, khi tấm lưng trần của tôi như bị thiêu đốt trên chiếc giường và giấc ngủ mãi không đến, tôi vẫn nghe tiếng bà nhỏ nhẹ, du dương và tôi lại cảm thấy an bình bên mẹ. Mẹ đẻ của tôi chưa chắc đã dịu dàng với tôi và nhân hậu như bà Kipa chất phác và sùng tín. Bà luôn đón nhận những người kể chuyện mù và tàn tật vào nhà rồi đãi họ đồ ăn ngon.

Những câu chuyện kể đã làm cho tôi vui thích và đem lại cho tôi trạng thái cân bằng giữa cơn phố ồn ào, nồng nặc mùi hôi thối của xú ối và những ổ ruồi nhặng. Đôi lúc mùi thơm gắt của nhựa bách hương và nhựa tùng cũng theo gió từ cảng bay vào phố. Hoặc một giọt dầu thơm rơi xuống từ kiệu của một người đàn bà quý phái khi bà ta cúi người mắng mỏ các cậu bé trên phố. Vào buổi tối, khi chiếc thuyền vàng của thần Amon quay mũi sang dãy núi phía tây, các hiên nhà và các căn lều đất trên

phố bốc lên mùi cá rán bằng dầu khen khét lẫn với mùi bánh vừa nướng. Tôi đã quen và yêu những mùi vị của khu phố nghèo Thebes này từ thời thơ ấu và tôi sẽ không bao giờ quên.

Trong những bữa ăn nơi hiên nhà, tôi cũng nhận được những bài học đầu tiên từ bố tôi. Ông mệt mỏi từ ngoài phố bước vào vườn hay từ phòng tiếp bệnh nhân đi ra, quần áo sặc mùi thuốc và mùi dầu. Mẹ tôi giội nước cho bố rửa tay rồi chúng tôi ngồi xuống ghế trong khi mẹ tôi tiếp đồ ăn. Đôi lúc một tốp thủy thủ say bia từ ngoài phố lè nhè kéo qua, chọc gậy vào các vách nhà và giải quyết nhu cầu vào gốc các bụi keo nhà chúng tôi. Là một người cẩn trọng, lúc đó bố tôi không nói gì mà ông đợi đám người kia đi qua mới bảo tôi:

- Chỉ có tên da đen khốn nạn hay gã Syria bắn thủ mới giải quyết nhu cầu bên đường phố. Còn người Ai Cập làm điều đó giữa các bức tường.

Hoặc ông nói:

- Rượu là món quà thần linh tặng để làm vui trái tim ta khi ta nhấm nháp nó vừa phải. Một cốc không làm hại ai, hai cốc khiến ta lảm lòi, còn ai tu hết cả vò thì sẽ tỉnh dậy từ cái rãnh bên đường, bị cướp và bị đánh bầm dập.

Thi thoảng, mùi hương của các loại dầu và nước thơm phả vào tận hiên nhà khi một phụ nữ xinh đẹp đi ngang qua, thân hình choàng bộ váy mỏng tang, môi, má đầy son phấn và lông mày kẻ vẽ, ánh lên lấp lánh trên đôi mắt ướt, điều không bao giờ thấy ở những người đàn bà đoan trang. Khi tôi đang mê mẩn ngắm nhìn người ấy, bố tôi nghiêm giọng nói:

- Con phải cẩn thận với bất cứ người phụ nữ nào bảo con là “anh chàng điển trai” và dụ dỗ con đến với cô ta, vì trái tim cô ta chính là cái bẫy, là tấm lưới giăng, còn vòng ôm của cô ta thì nóng bỏng hơn cả lửa.

Có kỳ lạ không nếu sau những bài học này, tâm trí non nớt của tôi bắt đầu thấy sợ những vò rượu và những người đàn bà đẹp, những người không giống như phụ nữ bình thường. Nhưng đồng thời trong tôi, sự quyến rũ nguy hiểm đáng sợ đã gắn liền với hai điều ấy.

Ngay từ khi tôi còn bé, bố tôi đã cho phép tôi có mặt trong những buổi tiếp bệnh nhân của ông. Ông vừa chỉ dẫn cho tôi những dụng cụ nghề y, dao và các nồi nấu thuốc, vừa giảng giải cho tôi biết chúng được sử dụng như thế nào. Khi ông khám cho bệnh nhân, tôi được đứng bên cạnh và đưa cho ông bình nước, bông băng, thuốc mỡ và rượu. Như những người phụ nữ khác, mẹ tôi không dám nhìn các vết thương và ung nhọt, cũng không hiểu được sự quan tâm khờ dại của tôi đến bệnh tật. Trẻ con không hiểu được những cơn đau nhức và bệnh tật khi chưa nếm trải chúng. Với tôi việc chích vỡ một cái nhọt là việc làm ly kỳ và tôi tự hào kể lại tất cả những gì mình chứng kiến cho những đứa trẻ khác để chúng thán phục. Khi một bệnh nhân mới đến, tôi luôn chăm chú theo dõi việc khám và lắng nghe các câu hỏi của bố tôi cho đến lúc ông nói “Bệnh này có thể chữa được” hay “Tôi sẽ nhận chữa”. Nhưng cũng có những bệnh nhân không thể chữa được, và ông chỉ viết mấy dòng vào mảnh giấy cói và gửi họ đến Nhà Sống trong đền. Sau khi bệnh nhân như vậy đi khỏi, ông thường thở dài rồi lắc đầu và nói: “Thật tội nghiệp!”.

Không phải tất cả bệnh nhân của ông đều là dân nghèo. Đôi khi người ta đưa đến cho ông từ nhà vui những người ăn vận đồ lạnh mông đẹp để được băng bó hay những thuyền trưởng Syria đến nhờ ông khám mụn nhọt hay khi họ bị đau răng. Thế nên tôi không ngạc nhiên khi một lần bà vợ của chủ cửa hàng đồ khô, người đeo đầy vòng và cổ áo thêu những viên đá quý sặc sỡ, đến nhờ bố tôi khám bệnh. Bà ta thở nghe náo nức, rên rĩ và than vãn về đủ các bệnh trong khi bố tôi chăm chú lắng nghe. Tôi hết sức thất vọng khi thấy ông lấy ra một mẫu giấy cói để viết, bởi tôi đã hy vọng sẽ nhận được nhiều món quà ngon nếu ông có

thể chữa được cho người bệnh này. Vì vậy tôi thở dài, lắc đầu rồi tự nói với mình: “Thật tội nghiệp!”.

Bệnh nhân giật mình co rúm người và hoảng sợ nhìn bố tôi. Nhưng ông chép lại mấy dòng chữ cổ và một vài hình vẽ từ cuộn giấy cỏi cũ, xong ông đổ dầu ăn và rượu vào một cái bát rồi nhúng tờ giấy vào ngâm cho tới khi mực hòa với rượu, sau đó ông rót thứ nước đó vào một cái hũ sành, đậy nắp và đưa nó cho bệnh nhân, bảo bà nhấp một ít mỗi khi thấy đau đầu hay đau bụng. Sau khi người bệnh ra về, tôi tò mò nhìn bố tôi. Ông tỏ vẻ ngượng ngùng, ho vài tiếng và nói:

- Có nhiều thứ bệnh có thể được chữa khỏi bằng mực chép câu thần chú.

Ông không nói gì thêm, nhưng lát sau ông lâm bầm với chính mình:

- Ít nhất thuốc này không gây hại cho người bệnh.

Khi tròn bảy tuổi, tôi được nhận khố dành cho con trai và mẹ Kipa dẫn tôi đến đền dự lễ hiến tế. Vào thời đó đền thờ thần Amon ở Thebes là thánh đường uy nghiêm nhất của Ai Cập. Một con đường rợp bóng cây từ đền và ao của nữ thần mặt trăng chạy xuyên qua thành phố, hai bên đường là hàng nhân sư bằng đá chạm khắc đầu cừu đục. Những bức tường gạch hùng vĩ bao quanh đền và toàn bộ thánh đường với nhiều tòa nhà tạo nên thành phố trong thành phố. Những dây cờ đuôi nheo sắc sỡ bay phấp phới trên đỉnh tháp môn cao như ngọn núi và những bức tượng khổng lồ của các hoàng đế đứng hai bên cổng đồng canh gác cả khu đền.

Khi chúng tôi bước qua cổng vào đền, những người bán bùa ngải bắt đầu níu kéo mẹ tôi và léo nhéo mời mọc xem hàng. Mẹ dắt tôi đi xem các xưởng mộc và các bức tượng nô lệ và người hầu được đặt trên bục trưng bày. Những bức tượng đã được các giáo sĩ phù phép để hầu hạ chủ của họ ở thế giới bên kia và làm

những việc để người chủ của họ không phải động tay. Nhưng tại sao tôi lại kể điều mà ai cũng biết này, vì tất cả đều lặp lại như trước và trái tim con người không hề đổi thay. Mẹ tôi trả phí để được vào xem lễ hiến tế và tôi thấy các giáo sĩ vận đồ trắng trong nháy mắt đã giết và xẻ thịt xong một con bò đực. Giữa cặp sừng của nó có một mảnh triện được buộc với một sợi dây sậy để chứng tỏ rằng con bò hoàn hảo và không có một sợi lông đen nào. Các giáo sĩ béo tốt và thánh thiện, đầu cao trọc và được bôi dầu bóng nhẫy. Có vài trăm người tham dự lễ hiến tế song các giáo sĩ không để ý đến họ nhiều mà chỉ thảo nhiên trao đổi với nhau về công việc của mình trong suốt buổi lễ. Về phần mình, tôi dán mắt xem các bức họa về chiến trận trên tường của đền và kinh ngạc nhìn ngắm các cây cột khổng lồ. Tôi không hiểu được sự xúc động đến rưng rưng nước mắt của mẹ tôi khi bà dẫn tôi về nhà. Về đến nhà, bà cởi đôi dép trẻ em ra khỏi chân tôi và tôi được nhận đôi dép mới không thoải mái bằng. Chân tôi luôn bị cọ xát cho đến khi tôi quen với nó.

Khi tôi than phiền về điều đó, bố tôi âu yếm cười, nói rằng con trai của một gia đình tử tế không còn được đi chân đất trong thành phố, rằng thời gian đã làm thay đổi nhiều thứ đến thế. Ông nói vào thời của ông, những người thuộc nhà quyền quý đôi khi quàng dép lên cổ và đi chân đất. Tập quán khi đó đơn giản và lành mạnh hơn bây giờ. Y phục của phụ nữ là váy chên không tay, còn bây giờ bất cứ người phụ nữ nào nhay cảm với vị thế của mình đều chuộng y phục rộng và cổ áo sắc sỡ. Trước đây, đàn ông khoác những chiếc áo được hồ cứng và có nếp gấp với ống tay rộng sẽ bị chê cười. Quả thực, nếu ông nội đội mồ sống lại thì hẳn sẽ không thể nhận ra Thebes nữa, cũng khó hiểu được những câu nói hằng ngày vì rất nhiều từ và tên gọi bằng tiếng Syria được thêm vào. Những người dùng nhiều từ vay mượn hơn nghĩ rằng mình cao sang hơn, bố tôi bảo thế.

Nhưng sau bữa ăn, ông trở nên nghiêm trang. Ông đặt bàn tay to, khéo của mình lên đầu tôi và vân vê mái tóc xoắn mềm bên thái dương phải của tôi.

- Sinuhe, con đã bảy tuổi rồi, - ông nói, - con cần chọn cho mình một nghề.

- Chiến binh ạ, - tôi trả lời ngay và không hiểu được vẻ thất vọng trên khuôn mặt quắc thước của ông. Bởi vì các trò chơi hay nhất mà tụi con trai hay chơi trên đường phố là những trò đánh nhau và tôi đã được xem những người lính tập vật nhau và sử dụng vũ khí trước doanh trại của họ, cũng từng nhìn thấy những đoàn chiến xa âm ầm, nghiêng ngả chạy ra khỏi thành phố để luyện tập. Chắc hẳn không có nghề gì vinh dự hơn và vẻ vang hơn nghề chiến binh. Chiến binh không cần phải biết viết, đó là lý do quan trọng nhất khiến tôi lựa chọn, bởi bọn con trai lớn tuổi hơn đã kể cho tôi nghe những chuyện đáng sợ về việc học viết khó như thế nào và những ông thầy đã giật tóc chỏm của học trò ra sao nếu cái bảng đất sét chẳng may bị vỡ hay bút sậy bị gãy trong những ngón tay không thành thạo.

Dường như vào thời trẻ, bố tôi không phải là người tài năng, nếu không chắc chắn ông đã tiến xa hơn trong đời chứ không chỉ là một thầy thuốc cho người nghèo. Song ông là người tận tâm với công việc, không gây hại cho bệnh nhân và sau nhiều năm ông đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm. Ông biết rõ tôi vốn ngang bướng và nhạy cảm như thế nào nên ông không nói gì về quyết định của tôi.

Nhưng một lát sau ông bảo mẹ tôi đưa cho ông một cái hũ, rồi ông đi vào phòng mình và rót rượu rỏ tiền từ vò vào đầy hũ.

- Ta đi nào Sinuhe, - ông nói rồi dẫn tôi đi ra phía bờ sông.

Tôi ngạc nhiên đi theo ông. Tới bến cảng, ông dừng lại nhìn một chiếc sà lan trên đó những người phu khuân vác mồ hôi nhễ nhại đang còng lưng đỡ những kiện hàng được khâu trong những tấm thảm xuống cầu tàu. Mặt trời đã lặn xuống ngọn núi phía tây phía sau thành phố của người chết. Chúng tôi đã ăn uống no nê, nhưng những người phu trên bến tàu vẫn làm việc,

ngực phập phồng và hai mạn sườn ướt đầm mồ hôi. Viên đốc công dùng roi đốc thúc họ và một viên thư lại ngồi dưới một mái che lạng lẽ ghi chép từng kiện hàng bằng chiếc bút sậy.

- Con có muốn trở thành một người như họ không? - Bố tôi hỏi.

Tôi thấy câu hỏi thật ngớ ngẩn nên không trả lời mà chỉ ngạc nhiên nhìn ông, vì hiển nhiên không ai muốn làm nghề cừu vạ.

- Họ làm việc quần quật từ sáng sớm đến chiều tối, - bố Senmut của tôi nói. - Da của họ chai cứng như da cá sấu, bàn tay họ sần sùi như chân cá sấu. Chỉ khi đêm đến họ mới về túp lều đất của mình và bữa ăn của họ là một lát bánh mì, một củ hành và một ngụm bia nhạt. Đây là cuộc đời của phu khuân vác. Đây cũng là cuộc đời của người nông dân. Đây là cuộc đời của tất cả những ai làm việc chân tay. Con không ghen tị với họ chứ?

Tôi lắc đầu và ngạc nhiên nhìn bố tôi. Tôi muốn trở thành chiến binh chứ không muốn làm phu khuân vác, cũng không muốn làm người đào đất, tưới ruộng hay người chặn cừu bắn thú.

- Họ không bao giờ có thể thay đổi được số phận mình, - bố tôi nghiêm túc nói. - Trong trường hợp tốt nhất, xác của họ sau khi chết được muối và vùi dưới cát. Sự bất tử và cuộc sống vui vẻ không chờ đón họ ở miền tây như chờ đón tất cả những ai có thể xây cho mình một cái mồ vĩnh cửu và những ai có tiền để tắm ướp cho thi thể của mình được lưu giữ muôn đời. Điều ấy là do đâu, con biết không, Sinuhe?

Tôi run run cảm, nhìn về phía thành phố của người chết, nơi ánh hoàng hôn đã nhuộm đỏ màu máu các ngôi đền trắng của pharaon và tôi hiểu rằng bố tôi muốn ám chỉ điều gì.

- Họ không biết viết, - bố tôi nghiêm giọng nói. - Trên trần gian cũng như ở thế giới bên kia, tất cả những ai không biết viết đều cực khổ.

Ông trầm tư nâng hũ rượu trong tay, ngoái nhìn lại phía sau như sợ mẹ Kipa đang theo dõi chúng tôi từ sau góc phố và nhấp một ngụm, chùi miệng và lại nắm tay tôi, dắt đi về phía trước. Tôi bước theo ông lòng nặng trĩu, nhưng tôi vẫn quyết định sẽ trở thành chiến binh.

- Bố ạ, - tôi nói khi đi bên ông, - cuộc đời chiến binh rất dễ chịu. Họ sống trong doanh trại, ăn toàn đồ ngon, tối đến uống rượu trong các nhà vui và phụ nữ nhìn họ đầy trêu mến. Những người giỏi nhất trong số họ có dây chuyền vàng đeo cổ mặc dù họ không biết viết. Sau các cuộc chinh chiến, họ mang về chiến lợi phẩm và cả nô lệ để làm việc và phục dịch họ. Vậy thì sao con không làm chiến binh?

Nhưng bố tôi không nói gì, chỉ bước đi nhanh hơn. Đến gần bãi rác lớn, ruồi nhặng bay quanh trên đầu chúng tôi như một đám mây, ông cúi người nhìn vào một cái lều đất thấp.

- Inteb, bạn ơi, ông có nhà không? - Ông hỏi.

Từ trong lều một ông già chống gậy khập khiễng bước ra, người sứt sọc đầy vết côn trùng cắn. Cánh tay phải của lão cụt gần đến vai, chiếc khố thô cứng lại vì bẩn. Khuôn mặt lão già khô và nhăn nheo, miệng không còn một cái răng.

- Đây là... là ông Inteb à? - Tôi vừa khẽ hỏi bố tôi vừa sợ sệt liếc nhìn ông già. Inteb là người anh hùng từng tham gia chiến trận ở Syria cùng với Hoàng đế Thutmosis Đệ Tam, pharaon vĩ đại nhất trong số các pharaon của Ai Cập, và người ta vẫn truyền tụng nhiều về ông, về những chiến công của ông và những phần thưởng ông từng được nhận từ Pharaon.

Ông lão giơ tay chào theo kiểu nhà binh và bố tôi trao hũ rượu cho ông. Họ ngồi bệt xuống đất, vì đến một cái ghế ở trước túp lều lão cũng không có. Inteb run run tay cầm hũ rượu đưa lên miệng uống một cách thêm khát và thận trọng không để một giọt nào rơi ra ngoài.

- Con trai tôi, Sinuhe, muốn trở thành chiến binh, - bố tôi mỉm cười và nói. - Tôi dẫn nó đến gặp ông, Inteb, vì ông là người duy nhất còn sống trong số các anh hùng của cuộc chiến vĩ đại, để ông kể cho nó nghe về cuộc đời vinh quang và những chiến công của những người lính.

- Lạy thần Baal, thần Set và tất cả các ma quỷ khác, - ông già nói rồi cười ré lên, quay sang gần tôi hơn và nhìn tôi chăm chăm. - Thằng bé điên à?

Cái miệng móm của lão, đôi mắt lơ lơ của lão, cánh tay cụt lắc lư và bộ ngực nhăn nheo, bản thủ của lão trông thật đáng sợ, đến nỗi tôi phải nép sau lưng bố tôi và níu chặt tay áo ông.

- Này cháu! - Lão Inteb bật cười, nói. - Nếu bác được thưởng một ngum rượu cho mỗi lần bác nguyên rửa những ngày tháng đó của cuộc đời và số phận khốn nạn của mình, số phận đã làm nên một chiến binh như bác, thì chắc số rượu đó sẽ tràn đầy một cái hồ mà Pharaon bắt đào cho vợ ông ta tiêu khiển. Thật ra bác chưa bao giờ nhìn thấy cái hồ đó, vì bác không đủ tiền để thuê người chèo qua bờ bên kia, nhưng bác tin mình có thể lấp nó bằng rượu mà số rượu còn dư vẫn đủ để khoản đãi cả quân đội.

Lão lại tham lam uống rượu ừng ực trong hũ.

- Nhưng, - tôi nói, cầm run run, - chiến binh là nghề danh giá nhất trong tất cả các nghề.

- Danh giá và vinh quang, - vị anh hùng Inteb của quân đội hoàng gia Thutmosis nói, - những thứ ấy là cứt, là phân chỉ để nuôi sống lũ ruồi. Trong đời mình, bác đã kể nhiều điều dối trá về chiến tranh và các chiến công hiển hách của mình hòng kiếm chút rượu từ những kẻ thô lỗ há mồm nghe, nhưng cha cháu là một người đáng kính mà bác không muốn lừa dối. Vì vậy, bác nói cho cháu nghe, cậu bé ạ, lính tráng là cái nghề mạt hạng và khốn nạn nhất trong tất cả các nghề.

Rượu đã làm những nếp nhăn trên mặt ông giãn ra và đôi mắt già nua đen khùng của ông nóng lên hưng hực. Ông đứng dậy và đưa bàn tay còn lại lên bóp cổ mình.

- Cháu nhìn đây, - ông gào lên, - cái cổ gầy guộc này từng đeo năm lớp vòng vàng đầy, chính tay Pharaon quàng chúng vào cổ bác. Ai có thể đếm hết những cánh tay bị chặt mà bác đã gom lại trước lầu của ngài? Ai là người đầu tiên leo lên tường thành Kadesh? Ai đã đâm chém như một con voi gầm rú giữa hàng ngũ của quân thù? Đây là bác, chính bác, anh hùng Inteb! Nhưng còn ai cảm ơn bác nữa không? Vàng của bác đã tản mát đi khắp thế giới, những nô lệ bác được nhận làm chiến lợi phẩm đã bỏ trốn hoặc chết trong đói khổ. Tay phải của bác đã nằm lại ở xứ Mitanni, còn bác chắc đã trở thành kẻ ăn xin nơi góc phố nếu như thỉnh thoảng những người tốt bụng không mang đến cho cá khô và bia để bác kể cho con cái họ nghe sự thật về chiến tranh. Bác là Inteb, người hùng vĩ đại, nhưng cậu bé, cháu nhìn bác xem. Tuổi trẻ của bác đã tiêu tan nơi hoang mạc, trong đói khát, bệnh tật và gian lao. Nơi đó thịt tan rữa, nơi đó da bị thuộc, nơi đó tim chai cứng lại hơn đá. Và điều tệ hại nhất là ở nơi sa mạc khô cằn không nước đó, lưỡi của bác bị khô đi và bác mắc bệnh khát kinh niên giống như bất cứ người lính nào trở về từ các cuộc chinh chiến nơi viễn xứ. Vì thế mà cuộc đời bác như một hố sâu địa ngục kể từ khi bác bị mất một cánh tay. Thậm chí bác không muốn nhắc nhiều đến những cơn đau do các vết thương gây nên và sự đau đớn mà bác phải chịu khi những người cắt thịt nhúng cái mỗm cụt của cánh tay bác vào dầu đang sôi khi vừa cắt nó xong, như bố cháu đã biết rất rõ. Cầu Chúa phù hộ cho ông, Senmut ạ, ông là người tử tế và chính trực. Nhưng mà rượu hết rồi!

Ông lão buồn bã dốc ngược hũ rượu, im lặng thở hổn hển một lúc rồi ngồi xuống đất. Cái nhìn hoang dại trong mắt ông lịm tắt và ông lại trở thành một ông già bất hạnh.

- Nhưng chiến binh không cần phải biết viết, - tôi cả gan lắm lắm.

- Hừ, - ông Inteb lâu bầu, liếc nhìn bố tôi. Bố tôi liền tháo chiếc vòng đồng khỏi cổ tay mình và đưa cho ông. Ông lão to giọng gào lên và một thằng bé trông nhem nhuốc chạy ngay đến, cầm lấy chiếc vòng và cái hũ rồi chạy đi mua thêm rượu.

- Đừng mua loại ngon nhất nhé, - lão Inteb vội dặn với theo. - Lấy loại rẻ thôi để được nhiều!

Rồi ông quay sang nhìn tôi tự lự.

- Cháu nói đúng, - ông lão nói, - một người lính không cần biết viết, chỉ cần biết đánh nhau. Nhưng nếu biết viết thì anh ta sẽ trở thành người chỉ huy, ra lệnh cho cả những chiến binh dũng cảm nhất, và bắt người khác xông ra trận trước mình. Bởi vì bất cứ ai biết viết đều có thể ra lệnh cho chiến binh và người ta không thể giao một đội quân trăm lính cho một kẻ thậm chí không biết vạch nguệch ngoạc vào giấy. Vui thích gì khi mình nhận huân chương và vòng vàng, còn người chỉ huy của mình là kẻ chỉ biết cầm cây bút sậy. Nhưng sự thật là thế và mãi mãi là như thế. Thế nên con trai ơi, nếu cháu muốn ra lệnh cho những người lính và chỉ huy họ thì trước tiên cháu phải học viết. Khi đó, những kẻ được nhận vòng vàng sẽ cúi đầu trước cháu và nô lệ sẽ khênh kiệu đưa cháu ra chiến trận.

Thằng bé lem luốc trở lại với hũ rượu đầy và thêm cả một cút rượu. Nét mặt lão già lại sáng lên vui vẻ.

- Bố Senmut của cháu là một người tốt bụng, - ông ta chân thành nói, - bố cháu biết viết và ông chăm sóc bác từ những ngày bác còn khỏe và may mắn, khi bác lần đầu nhìn thấy cá sấu và hà mã, trong những ngày bác không thiếu rượu. Ông ấy là một người tử tế, mặc dù ông chỉ là một thầy thuốc không giương nổi một cánh cung. Bác rất biết ơn bố cháu!

Tôi lo lắng nhìn hũ rượu, vì biết chắc chắn ông Inteb sẽ bắt đầu uống, và bắt đầu sốt ruột kéo tay áo rộng còn dính thuốc của bố tôi vì sợ rằng chỉ vì rượu mà trong phút chốc chúng tôi có thể bị đánh rồi tỉnh dậy ở một góc phố nào đó. Bố Senmut của tôi cũng nhìn hũ rượu rồi thở dài và quay sang kéo tôi đi. Ông Inteb cất giọng the thé, già nua hát một bài ca ra trận của Syria, còn thằng bé ăn xin cưỡi trần, sạm đen vì nắng thì cười phá lên.

Tôi, Sinuhe, chôn vùi giấc mơ làm chiến binh của mình và không ho he gì nữa. Ngày hôm sau, cả mẹ và bố cùng dẫn tôi đến trường.

4

Dĩ nhiên bố tôi không có đủ tiền để có thể xin cho tôi vào học ở những trường lớn trong các thánh đường, nơi dành cho con trai, đôi khi một số con gái của các nhà quyền quý, các gia đình giàu có hay các giáo sĩ bậc cao. Thầy giáo của tôi là giáo sĩ già Oneh ở cách nhà chúng tôi chỉ vài con phố và ông dạy chúng tôi ở ngay nơi hiên nhà ọp ẹp của mình. Học trò của ông là con của những người thợ thủ công, người bán hàng, các nha lại và cai đội ở bến cảng, những đứa trẻ mà cha mẹ đầy tham vọng của chúng muốn chúng làm nghề thư lại. Ông Oneh trước đây từng là kế toán trong kho của Nữ thần Mut tại thánh đường, vì vậy ông rất thích hợp với việc dạy cho trẻ con những bài học viết đầu tiên để sau này chúng có thể ghi lại trọng lượng hàng hóa, khối lượng ngũ cốc, số lượng gia súc hay các loại hóa đơn thực phẩm của binh lính. Có từ hàng chục đến hàng trăm lớp học nhỏ như vậy ở xung quanh Thebes, thành phố lớn của thế giới. Việc học không tốn kém mấy vì học sinh chỉ cần nuôi sống ông giáo già Oneh là đủ. Con của người bán than mang một ít than đến cho ông sưởi vào mùa đông, con của thợ dệt chu cấp cho ông quần áo, con người bán ngũ cốc đem cho ông bột mì, còn bố tôi lo việc chăm sóc sức khỏe, thuốc thang và thỉnh thoảng đem biếu ông một ít rượu thuốc.

Ông Oneh là một thầy giáo độ lượng nhờ quan hệ tương hỗ này. Trò nào ngủ gật bên bảng viết thì hôm sau phải thủ cho ông thầy già một miếng ăn ngon để đỡ bị giạt tóc. Đôi khi con trai người bán ngũ cốc mang đến cho thầy một hũ bia và những hôm đó chúng tôi chăm chú lắng nghe vì thầy giáo già Oneh say sưa kể cho chúng tôi những chuyện thám hiểm kỳ lạ về thế giới bên kia, những câu chuyện về Nữ thần Mut trên trời cao, về Ptah - đấng tạo hóa của muôn loài - và về các vị thần khác mà ông am hiểu. Chúng tôi cười khúc khích và nghĩ đã lừa được ông quên đi những bài học và những ký tự khó nhằn suốt cả ngày. Mãi về sau tôi mới hiểu ông giáo già Oneh uyên bác và hiểu biết nhiều hơn tôi tưởng. Những câu chuyện cổ tích được ông kể sống động bằng trí tưởng tượng sùng kính của con trẻ đều có mục đích cả. Ông dạy cho chúng tôi luật lệ và đạo đức của Ai Cập cổ đại. Không có hành vi xấu nào thoát khỏi sự trừng phạt. Linh hồn của mỗi người đều bị xét xử một cách nghiêm khắc trước uy quyền tối cao của thần Osiris. Người mà những hành vi xấu xa bị thần đầu chó phát hiện sẽ bị vứt làm thức ăn cho hà bá và hà bá trong thân hình nửa cá sấu nửa hà mã nhưng đáng sợ hơn hai con kia nhiều.

Ông cũng kể về Mặt Sau Gáy cục cằn, người lái đò đáng sợ trên sông âm phủ mà không có trợ giúp của người này, người chết không thể đến được miền cực lạc. Ông ta luôn nhìn về phía sau chứ không phải nhìn về phía trước khi chèo đò như những người lái đò trên dương thế ở sông Nile. Thầy Oneh bắt chúng tôi học thuộc lòng các câu mua chuộc và dụ dỗ để dùng chúng thuyết phục Mặt Sau Gáy. Ông bắt chúng tôi chép các ký tự của từng câu và viết lại cả câu khi đã thuộc. Ông chữa lỗi cho chúng tôi và nhẹ nhàng khiển trách. Chúng tôi cần phải hiểu rằng một lỗi nhỏ nhất cũng có thể làm con người ta bất hạnh nơi thế giới bên kia, rằng nếu đưa cho Mặt Sau Gáy một bức thư có lỗi thì chúng tôi sẽ là cái bóng vĩnh viễn lang thang trên mép nước nơi bờ sông tối tăm và ẩm đạm hay tệ hơn nữa, bị rơi xuống những vực thẳm kinh hoàng của địa ngục.

Tôi làm học trò thầy Oneh trong mấy năm. Bố tôi có mục đích rõ ràng khi gửi tôi đến đây. Theo ông, không được bắt buộc ai làm một nghề mà người đó không muốn. Nếu tôi không có năng khiếu, ông sẽ không muốn buộc tôi phải theo nghề ký lục. Còn nếu tôi có ham muốn và nhiệt huyết, sau này thầy Oneh sẽ giới thiệu tôi vào trường học trong đền để từ đó tôi có thể có một nghề như bố tôi mong muốn. Còn nếu không được như thế, tôi vẫn có khả năng tự nuôi sống mình bằng nghề thư lại hay ký lục, hoặc có lẽ tôi sẽ cố gắng theo nghiệp chiến binh thông qua các kho cung cấp lương thực cho quân đội. Điều này lúc ấy tôi thực sự chưa biết.

Người bạn thân nhất của tôi ở trường ông Oneh là Thotmes, lớn hơn tôi vài tuổi, con trai của vị cai đội chiến xa. Từ ngày bé, cậu ta đã quen với việc chăm sóc ngựa và đấu vật. Bố cậu, người có chiếc roi chỉ huy được bên dây đồng, mong cậu trở thành một vị tướng vĩ đại nên muốn cậu học viết. Thế nhưng cái tên của cậu, Thotmes danh tiếng, không phải là điềm báo như người bố kỳ vọng. Bởi vì sau khi vào trường, Thotmes không còn hứng thú với việc phóng lao và điều khiển chiến xa. Cậu dễ dàng học viết các ký tự và trong khi các bạn đồng môn còn phải đánh vật với từng nét chữ thì cậu đã bắt đầu vẽ lên bảng viết. Cậu vẽ hình các cỗ chiến xa với những con ngựa có hai chân trước chồm lên và các chiến binh vật nhau. Cậu mang đất sét đến lớp và trong lúc ông Oneh đang say sưa kể chuyện nhờ được một hũ bia truyền cảm hứng thì cậu nặn một con hà bá có hình thù kỳ dị, đang vụng về há hốc miệng chực nuốt một người đàn ông nhỏ thó với cái đầu hói, lưng còng và cái bụng tròn mà ai nhìn cũng có thể nhận ra ngay là ông Oneh. Nhưng thầy Oneh không giận. Và ai có thể giận được Thotmes cơ chứ. Cậu ta có khuôn mặt to rộng của những người dân dã, cặp giò ngắn và to, nhưng đôi mắt cậu luôn lóe lên cái nhìn tinh nghịch, truyền cảm và đôi tay khéo léo của cậu nặn ra những con thú, con chim bằng đất sét khiến chúng tôi hết sức thích thú. Tôi kết bạn với cậu trước hết vì cậu thuộc dòng dõi nhà binh nhưng tình bạn của chúng tôi không

thay đổi mặc dù cậu không còn tỏ ra hứng thú gì với nghề binh đao nữa.

Học được một thời gian thì điều kỳ diệu đã xảy ra với tôi. Nó xảy ra hết sức bất ngờ, đến nỗi bây giờ tôi vẫn còn nhớ lại giờ phút đó như một sự hiển linh. Hôm ấy là một ngày xuân đẹp, tiết trời se se lạnh, chim chóc hót ríu rít trên bầu trời và những con cò đang tu sửa tổ của chúng trên các mái lều đất. Nước đã rút và màu xanh nõn nà đã bùng lên trên mặt đất. Người dân đã gieo hạt và trồng cây trên các mảnh vườn. Đó là một ngày với đầy những trò nghịch ngợm mạo hiểm đang chờ đón và chúng tôi không thể ngồi yên bên hiên căn nhà ọp ẹp với những bức tường gạch đang mủn ra của ông Oneh. Tôi lơ đãng vẽ những ký tự buồn tẻ, những chữ cái đã được khắc trên đá và cạnh chúng là những ký hiệu được rút ngắn để viết vào giấy. Tôi cứ viết như thế cho đến khi gặp một từ mà ngay cả ông Oneh cũng đã quên, đột nhiên một điều kỳ lạ nào đó trong tôi khiến cho các từ và con chữ sống động hẳn với tôi. Hình vẽ thành một từ, từ thành một âm tiết và âm tiết thành một chữ. Ghép các chữ của hình vẽ lại với nhau, tôi có được những từ mới sống động, kỳ lạ, những từ không dính dáng gì với các hình vẽ nữa. Một người làm ruộng bình thường nhất cũng hiểu được một hình vẽ, nhưng chỉ người biết viết mới hiểu được hai hình vẽ ghép lại với nhau. Tôi nghĩ người nào từng học viết và học đọc đều hiểu điều mà tôi vừa trải nghiệm. Trải nghiệm này là một cuộc phiêu lưu đối với tôi, nó gay cấn và hấp dẫn hơn việc lấy trộm một trái lựu từ sọt hàng của người bán trái cây, ngọt hơn quả chà là khô và ngọt ngào như nước với người đang khát.

Từ đó trở đi tôi không cần ai giục giã nữa. Từ đó trở đi tôi ngón vốn kiến thức của thầy Oneh như ruộng hạn uống nước lũ sông Nile. Tôi học viết cũng rất nhanh. Dần dần, tôi học đọc những gì người khác viết. Đến năm thứ ba, tôi có thể đánh vần được chữ trên các cuộn giấy cũ sөн và đọc chính tả những câu chuyện ngụ ngôn cho các bạn chép.

Cũng vào thời gian đó tôi nhận ra mình không giống với những đứa trẻ khác. Khuôn mặt tôi thanh thoát hơn, nước da của tôi sáng hơn, tay chân tôi thon thả hơn những cậu bé cục mịch. Trông tôi có nhiều nét của một đứa trẻ thuộc tầng lớp trên hơn là con của dân thường sống trong vùng và nếu tôi có quần áo giống những đứa trẻ ấy thì khó có ai có thể phân biệt tôi với những cậu bé được khênh trên kiệu hay được các nô lệ tháp tùng trên phố. Điều này đã khiến tôi bị trêu chọc. Con trai người bán ngũ cốc quàng tay qua cổ tôi và nói tôi là con gái, buộc tôi phải dùng bút đâm hấn. Sự gần gũi của hấn làm tôi khó chịu vì người hấn rất hôi. Trái lại, tôi muốn thân cận hơn với Thotmes nhưng cậu ta chẳng bao giờ đưa tay động chạm vào tôi.

Có lần Thotmes rụt rè bảo tôi:

- Cậu có muốn ngồi làm mẫu cho tớ không, để tớ nặn tượng cậu?

Tôi dẫn cậu ta về nhà và dưới tán sung trong vườn, cậu ta lấy đất sét nặn một bức tượng giống tôi rồi viết tên tôi lên đó. Mẹ Kipa của tôi mang bánh ngọt cho chúng tôi, vô cùng sợ hãi khi nhìn thấy bức tượng và nói rằng đây là trò phù thủy. Còn bố tôi lại bảo Thotmes có thể trở thành nghệ sĩ cung đình nếu cậu ấy được vào học ở trường trong đền. Tôi đùa với Thotmes bằng cách cúi đầu và tay duỗi thẳng để trên đầu gối trước mặt cậu theo cung cách người ta chào những người đáng kính. Ban đầu mắt Thotmes sáng lên, nhưng rồi cậu thở dài và nói rằng điều đó không thể được vì bố cậu bắt cậu trở lại doanh trại và cố gắng vào học trường đào tạo chỉ huy đội chiến xa. Cậu đã biết viết, đủ để trở thành người chỉ huy quân đội trong tương lai. Bố tôi đi vào nhà và chúng tôi nghe thấy mẹ Kipa càu nhàu hồi lâu trong bếp, còn Thotmes và tôi ăn bánh ngọt ngon lành và vui chơi cùng nhau.

Khi đó tôi vẫn còn hạnh phúc.

Rồi cũng đến ngày bố tôi mặc lên người bộ quần áo đẹp nhất vừa mới giặt và quàng quanh cổ chiếc cổ áo rộng được mẹ Kipa tự tay khâu. Ông đi đến ngôi đền lớn thờ thần Amon dù trong thâm tâm ông không thích các giáo sĩ. Nhưng nếu không có sự trợ giúp và can thiệp của các giáo sĩ thì không thể làm được bất cứ việc gì ở Thebes cũng như trên khắp đất Ai Cập. Các giáo sĩ điều hành pháp luật và đưa ra các phán quyết nên một người táo bạo có thể khiếu nại lên thánh đường cả lời phán xử của nhà vua để được xóa tội. Các giáo sĩ nắm trong tay toàn bộ việc đào tạo nghề bậc cao. Các giáo sĩ dự báo mực nước lên, mức thu hoạch của vụ mùa sắp tới và từ đó đưa ra mức thuế cho cả nước. Nhưng có lẽ tôi không cần phải giải thích điều này quá chi tiết bởi mọi thứ đều lặp lại như trước, không có gì thay đổi.

Tôi nghĩ chuyến đi nhờ vả này không hề đơn giản với bố tôi. Suốt đời mình, ông sống như một lương y của người nghèo trong khu phố bần hàn của thành phố, tránh xa đền đài và Nhà Sống. Bây giờ cũng như các ông bố nghèo khó khác, ông phải xếp hàng trước phòng giáo vụ của thánh đường, chờ đến lúc một giáo sĩ cấp cao chiếu cố tiếp ông. Ngay lúc này tôi cũng thấy họ trước mặt mình, những ông bố nghèo khó trong trang phục đẹp nhất ngồi trong sân thánh đường với khát vọng về một cuộc sống tốt hơn cho con trai mình, tốt hơn cuộc đời họ đang sống. Họ đến Thebes từ nhiều nơi, làm hành khách trên các con thuyền chạy dọc sông, mang theo đồ ăn và đưa quà hồi lộ cho lính gác cổng và các thư lại để được gặp giáo sĩ có tên vàng sức nức mùi dầu xức đất tiền. Các giáo sĩ nhăn mũi vì mùi mồ hôi của họ và nói với họ giọng rất trịch thượng. Nhưng thần Amon thường xuyên cần thêm môn đệ mới. Sự giàu có và quyền lực của thần càng tăng lên, thần càng cần có thêm người biết viết. Tuy nhiên các ông bố vẫn nghĩ chính nhờ thần linh thương tình mà con trai mình được nhận vào thánh đường, mặc dù sự thật là các ông đã mang đến cho thánh đường một món quà quý hơn vàng, là con trai họ.

Chuyến đi của bố tôi đã gặp may vì ông mới đợi đến gần chiều thì bạn học cũ của ông là Ptahor, khi đó đã là danh y khoan sơ hoàng gia, đi ngang qua. Bố tôi đánh bạo nói chuyện với ông ấy và ông hứa sẽ đến thăm gia đình chúng tôi và xem tôi thế nào.

Đến ngày hẹn, bố tôi đặt mua một con ngỗng và một hũ rượu loại ngon nhất. Mẹ Kipa vừa nướng bánh vừa làu bầu. Mùi mỡ ngỗng thơm lừng tỏa ra từ bếp nhà chúng tôi khiến những người ăn xin và người mù tụ tập trước nhà, ra sức hát hò, đánh đàn và xin được chia phần, cho đến khi mẹ Kipa vừa làu bầu vừa chia cho họ những miếng bánh nhúng mỡ rồi xua họ đi.

Thotmes cũng đến, cùng tôi quét một đoạn phố dài từ nhà về phía thành phố, vì bố tôi khuyên Thotmes nên quanh quẩn gần đây khi khách đến bởi biết đâu ông ấy cũng muốn hỏi chuyện cậu ta. Chúng tôi chỉ là hai thằng bé nhưng khi bố tôi đốt bình hương để làm thơm hiên nhà, chúng tôi cảm thấy trang nghiêm như đang dự một buổi lễ trong thánh đường. Tôi đứng trông bình đựng nước thơm và xua ruồi bằng một khăn lạnh trắng sạch mà chính ra mẹ Kipa dành để khâm liệm mình nhưng bây giờ nó được lấy ra làm khăn lau tay cho ông Ptahor.

Chúng tôi phải đợi khá lâu. Mặt trời đã lặn và trời trở mát. Hương trầm đã cháy hết ở ngoài hiên và thịt ngỗng cháy xèo xèo buồn bã dưới đáy chảo. Tôi đã thấy đói và mặt mẹ Kipa của tôi dài thườn ra, đánh lại. Bố tôi không nói gì nhưng khi trời tối hẳn, ông chẳng buồn thắp đèn nữa. Chúng tôi ngồi yên trên ghế đẩu ở hiên nhà, không ai muốn nhìn ai. Khi ấy tôi hiểu được những người giàu sang và quyền quý có thể mang đến cho những người nghèo khó, thấp hèn những nỗi đau khổ và niềm thất vọng lớn như thế nào bởi sự vô tâm của họ.

Cuối cùng rồi cũng thấy ánh đuốc bập bùng từ ngoài phố và bố tôi đứng bật dậy, chạy vào bếp lấy cục than hồng để thắp cả hai ngọn đèn dầu. Tôi run run ôm bình nước thơm vào lòng, còn Thotmes đứng thở hồi hộp bên cạnh tôi.

Danh y khoan sọ hoàng gia đến trong chiếc kiệu bình thường do hai nô lệ da đen khênh. Đi trước kiệu là một gia nhân béo tốt có vẻ như đang say rượu, tay đung đưa bó đuốc. Ông Ptahor bước xuống kiệu, vừa thở hổn hển vừa vui vẻ chào bố tôi đang cúi đầu, hai tay để trên đầu gối trước mặt ông. Ptahor đặt hai tay lên vai bố tôi như muốn nói không cần phải trịnh trọng như thế, hoặc ông cần vai bố tôi để làm chỗ tựa. Vừa dựa vào vai bố tôi, ông vừa đưa chân đá gã gia nhân cầm đuốc và bảo y đến dưới gốc cây sung làm một giấc cho đã rượu. Không đợi lệnh, hai nô lệ da đen đặt phịch chiếc kiệu xuống bên bụi keo và ngồi bệt xuống đất.

Vẫn tiếp tục dựa vào vai bố tôi, Ptahor bước lên hiên nhà. Tôi đổ nước cho ông rửa tay mặc cho ông từ chối và đưa khăn lạnh cho ông, nhưng ông bảo tôi lau tay cho ông vì tôi đã làm ướt tay ông. Ông cảm ơn một cách thân tình khi tôi lau xong và khen tôi kháukhỉnh. Bố tôi mời ông ngồi xuống chiếc ghế tựa sang trọng mượn của người bán hàng khô. Ông ấy ngồi xuống và nhìn xung quanh với đôi mắt nhỏ tò mò trong ánh sáng của ngọn đèn mỡ. Không ai nói gì một lúc. Rồi ông vừa húng hắng xin lỗi vừa xin chút gì đó để uống bởi quãng đường đi quá xa đã làm cổ họng ông khô rát. Bố tôi vui mừng rót rượu mời ông. Ptahor ngửi ngửi và nếm với vẻ ngờ vực, nhưng rồi ông uống cạn cốc vẻ thỏa mãn và thở nhẹ một hơi.

Ptahor có vóc người nhỏ thó, đầu cạo trọc, chân vòng kiềng, ngực và bụng sệ xuống sau lớp áo mỏng. Cổ áo ông đầy đá quý nhưng đầy vết bẩn như quần áo của ông và người ông sực mùi rượu, mùi dầu thơm và mồ hôi.

Mẹ Kipa mời ông bánh ngũ vị, cá con chiên mềm, trái cây và thịt ngỗng rán. Ông ăn một cách lịch sự, mặc dù rõ ràng là ông vừa dự tiệc ở đâu đó. Ông nếm tất cả các món và tấm tắc khen khiến mẹ Kipa rất vui. Nghe lời ông, tôi mang thức ăn và đồ uống cho hai nô lệ da đen, nhưng họ chỉ đáp lại việc làm tử tế của tôi bằng những lời hỗn láo và hỏi bao giờ “lão bụng to” ăn xong để còn về.

Gã gia nhân thì đang ngáy say sưa dưới gốc sung nên tôi không muốn đánh thức.

Bữa tối đó đã diễn ra rất ồn ã vì bố tôi cũng uống nhiều rượu hơn tất cả mọi lần tôi chứng kiến trước đây, đến nỗi mẹ Kipa ngồi trong bếp đưa hai tay ôm đầu và lắc lư cả thân hình. Khi hũ rượu cạn, hai người uống rượu thuốc của bố tôi và khi tất cả rượu đều hết, họ dùng đến bia bình dân vì ông Ptahor nói rằng ông không phải người kén chọn.

Hai người bạn đồng môn ôn lại chuyện thời còn học ở Nhà Sống và kể lại những chuyện vui về các thầy giáo rồi loạng choạng nắm chặt cánh tay nhau trên hiên nhà. Ông Ptahor, danh y khoan sọ trong hoàng cung, kể về những kinh nghiệm của mình và khẳng định đó là nghề sau cùng mà một danh y nên chọn theo đuổi và nó thích hợp với Nhà Chết hơn với Nhà Sống. Nhưng nghề đó ít việc và ông là người lười, như bố Senmut hiền lành của tôi chắc chắn còn nhớ rõ. Theo ông, đầu của con người, trừ răng, họng và tai là những thứ cần danh y chuyên khoa, còn lại thì các ngành học đều đơn giản nên ông chọn nó.

- Nhưng, - ông nói, - nếu như tôi có đủ tố chất đàn ông thì tôi đã là một thầy thuốc bình thường, một lương y đem lại sự sống thay vì là người luôn gieo rắc cái chết, khi họ hàng đã quá ngán ngẫm với những người già cả và người mắc bệnh hiểm nghèo. Tôi muốn mang đến sự sống, giống như anh, ông bạn Senmut của tôi. Chắc chắn tôi sẽ nghèo khó hơn, nhưng sẽ sống một cuộc sống điều độ và đáng kính trọng hơn bây giờ.

- Các con đừng tin bác ấy, - bố tôi nói, vì Thotmes cũng ngồi với chúng tôi và được cầm một cốc rượu nhỏ trên tay. - Bố tự hào được kể mình là bạn của Ptahor, người khoan sọ hoàng gia, danh y tài giỏi nhất chuyên ngành này trên khắp Ai Cập. Bố vẫn còn nhớ những lần mổ sọ tuyệt vời của bác ấy khi bác ấy cứu sống những người quyền quý và cả những người bình thường khiến ai cũng phải ngạc nhiên. Bác ấy đã xua đuổi được loại tà

ma biến con người ta thành điên khùng và lấy những khối u ở bệnh ra khỏi não của họ. Những người bệnh biết ơn đã cảm tạ bác ấy vàng, bạc, những vòng cổ và bình chứa đồ uống.

- Nhưng những người họ hàng biết ơn còn tặng quà nhiều hơn, - ông Ptahor nói với giọng ngà ngà say. - Bởi nếu ngẫu nhiên tôi chữa được một trong mười người, một trong năm mươi người, không, phải nói là một trong một trăm người, thì những người còn lại chắc chắn phải chết. Anh đã bao giờ nghe nói một pharaon sống thêm được ba ngày sau khi được mổ não không? Không, người ta đưa đến toàn những người đã hết hy vọng và điên rồ cho tôi thử lưỡi dao nhọn của mình, và càng giàu có và quyền quý, họ càng được đưa đến nhanh hơn. Đôi tay tôi giải thoát con người khỏi đau đớn, đôi tay tôi phân phối gia tài người chết để lại: đất đai, súc vật, vàng bạc, và đưa cả pharaon lên ngai vàng. Chính vì vậy mà họ sợ tôi và không ai dám làm trái lời tôi, bởi tôi biết mọi chuyện. Nhưng càng biết nhiều càng đau khổ, vì thế tôi là một người rất bất hạnh.

Ptahor bật khóc, rồi ông xỉ mũi vào chiếc khăn mẹ Kipa định dùng làm vải liệm.

- Anh nghèo nhưng lương thiện, Senmut ạ, - ông vừa nói vừa sụt sịt, - bởi thế nên tôi rất yêu quý anh. Tôi giàu có nhưng tha hóa và thối tha, thối như cục phân bò bên vệ đường.

Ông cởi chiếc cổ áo đính đá quý ra và khoác nó vào cổ bố tôi. Sau đó họ bắt đầu hát những bài hát mà tôi không hiểu được lời, nhưng Thotmes lắng nghe rất thích thú và nói rằng ngay cả ở trong trại lính cũng không nghe được bài hát nào vui nhộn hơn thế. Mẹ Kipa bắt đầu khóc thành tiếng trong bếp và một nô lệ da đen từ bụi keo chạy đến ôm lấy Ptahor, định bế ông lên kiệu vì giờ ngủ đã qua lâu rồi. Nhưng Ptahor vùng vằng chống lại, vừa rên rỉ vừa gào lên gọi lính gác đến giúp và nói rằng tên nô lệ da đen định giết ông ta. Vì bố tôi không giúp được gì nên tôi và Thotmes lấy gậy đuổi tên nô lệ đi, làm gã nổi khùng và bỏ đi,

vừa đi vừa lau bầu những lời chửi rửa tục tĩu và kéo tên kia mang kiệu theo cùng.

Lát sau, Ptahor đổ cả hũ bia lên đầu, đòi dầu thơm để bôi lên mặt và xuống tắm ở ao trong vườn. Thotmes nói thầm với tôi là chúng tôi cần đưa hai ông già đi nghỉ, thế là bố tôi và vị danh y khoan sọ hoàng gia gác tay lên cổ nhau mà ngủ trên giường cưới của mẹ Kipa sau khi thể sẽ giữ tình bạn đến trọn đời với giọng say xỉn.

Mẹ Kipa khóc tím tím, kéo tai bút tóc và lấy tro từ bếp rán rắc lên đầu. Tôi lo lắng tự hỏi không biết hàng xóm sẽ nghĩ gì vì tiếng ồn và tiếng hát vang rất xa trong đêm khuya tĩnh mịch. Nhưng Thotmes tỏ ra bình thản, nói cậu đã chứng kiến những cảnh náo loạn hơn trong trại lính và ở nhà bố cậu khi những người lính chiến xa kể về những ngày đã qua, những cuộc chinh chiến trên đất Syria và xứ Kush. Cậu nói bữa tiệc kết thúc rất tuyệt, vì hai ông bạn già đã không cho gọi các nhạc công và vũ nữ đến để mua vui. Cậu còn an ủi được mẹ Kipa và sau khi thu dọn hết dấu vết của bữa tiệc theo cách hai đứa trẻ có thể làm, chúng tôi cũng đi ngủ. Gã gia nhân nằm ngáy dưới gốc sung, còn Thotmes lên giường ngủ với tôi. Cậu gác tay lên cổ tôi và kể cho tôi nghe về các cô gái, vì cậu cũng đã ngà ngà. Song chuyện ấy không làm tôi thích thú vì tôi ít hơn cậu ta vài ba tuổi và tôi ngủ thiếp đi rất nhanh.

Sáng sớm hôm sau, tôi tỉnh dậy vì nghe thấy tiếng động và tiếng chân lảo đảo, loạng choạng trong buồng ngủ. Tôi đi vào, thấy bố tôi vẫn còn ngủ say, quần áo trên người và cái cổ áo của Ptahor vẫn ở nguyên trên cổ ông, còn Ptahor thì đã dậy, ngồi trên nền nhà, hai tay ôm đầu và rầu rĩ hỏi:

- Ta đang ở đâu đây?

Tôi cúi đầu kính cẩn chào ông, hai tay để trên đầu gối và thưa ông vẫn còn ở nhà lương y của người nghèo Senmut trong khu

phố gần bến cảng của thành phố. Điều đó đã trấn an ông và ông bảo tôi hãy vì thần Amon lấy cho ông một cốc bia. Tôi nhắc ông là tối qua ông đã đổ cả hũ bia lên đầu và điều này có thể thấy được qua quần áo của ông. Ông bèn đứng thẳng dậy, chau mày rồi bước ra ngoài. Tôi giội nước cho ông rửa tay, còn ông vừa cúi đầu xuống vừa rên rỉ, bảo tôi giội nước lên cái đầu hói của ông. Thotmes cũng đã dậy, mang đến cho ông một bình sữa chua và một con cá muối. Sau khi ăn xong ông tươi tỉnh trở lại, đi đến chỗ gã gia nhân đang nằm dưới gốc cây sung và lấy gậy quật gã cho đến khi gã tỉnh dậy, quần áo bám đầy cỏ và mặt dính đất.

- Con lợn khốn nạn! - Ptahor vừa quất vừa quật gã một gậy nữa.
- Mi làm việc chủ giao và cầm đuốc đi trước như thế này à? Kiệu của tao đâu? Quần áo sạch của tao đâu? Thuốc thang của tao đâu? Cút đi cho khuất mắt tao, tên kẻ cắp và con lợn khốn kiếp!

- Con là kẻ trộm và là con lợn của ngài, - gã gia nhân ngoan ngoãn lắp bắp. - Ngài ra lệnh gì, thưa ông chủ?

Ptahor ra lệnh và gã gia nhân vội vàng chạy đi tìm kiệu. Còn ông bình thần ngồi xuống gốc cây sung, lưng tựa vào rễ của nó, rồi ông ngâm một bài thơ nói về buổi sáng, về hoa sen, về hoàng hậu đang tắm ở bến sông, rồi ông kể cho chúng tôi nghe những chuyện mà bọn con trai rất thích nghe. Mẹ Kipa cũng đã dậy, nhóm bếp rồi đi vào chỗ bố tôi. Chúng tôi nghe tiếng bà vọng ra tới sân, lát sau bố tôi đi ra trong bộ quần áo tinh tươm, nét mặt rầu rĩ.

- Anh có cậu con trai rất kháu khỉnh, - Ptahor nói, - cậu ấy có vóc dáng của một hoàng tử và cặp mắt dịu hiền như mắt nai.

Tuy chỉ là đứa trẻ song tôi hiểu rất rõ ông ấy nói như vậy để chúng tôi quên ông ấy đã xử sự như thế nào tối hôm qua.

Rồi ông lập tức nói tiếp:

- Con trai anh biết làm những gì? Tâm hồn cậu ấy có trong sáng, rộng mở như đôi mắt của cậu ấy không?

Tôi lấy bảng viết của mình ra và Thotmes cũng lấy bảng của cậu. Sau khi lơ đãng nhìn lên tán sung, vị danh y khoan sơ hoàng gia đọc cho tôi chép một bài thơ ngắn mà đến giờ tôi vẫn nhớ. Bài thơ thế này:

“Hỡi chàng trai, hãy hưởng thụ tuổi xuân,

Vì tuổi già cổ họng đặc tro tàn

Và xác ướp cũng chẳng thể cười

Nơi hầm mộ tối đen.”

Tôi chép bài thơ theo khả năng tốt nhất của mình, trước tiên bằng kiểu chữ thông thường để nhớ. Sau đó tôi vẽ tất cả thành các hình vẽ và cuối cùng viết các từ “tuổi già”, “tro”, “xác chết” và “hầm mộ” theo những kiểu khác nhau mà từ đó các từ này có thể được viết cả theo âm tiết và theo chữ cái. Sau đó tôi đưa bảng viết cho Ptahor xem và ông không tìm thấy một lỗi nào cả. Tôi biết bố tôi rất tự hào về tôi.

- Thế còn chàng trai trẻ này thì sao? - Ptahor vừa hỏi vừa giơ tay định cầm lấy bảng của Thotmes. Thotmes ngồi cách xa tôi một quãng và đang lúi húi vẽ lên bảng viết. Cậu ta hơi ngần ngừ trước khi chìa bảng ra, nhưng mắt cậu cười thật vui. Khi chúng tôi cúi xem, tôi thấy trong hình thứ nhất, cậu ta vẽ Ptahor đang quàng chiếc cổ áo vào cổ bố tôi, hình thứ hai vẽ ông đang đổ hũ bia xuống đầu mình và trong hình thứ ba, bố tôi và ông Ptahor đang bá vai nhau và hát thật buồn cười khiến ai nhìn vào cũng biết được họ đang hát gì. Tôi suýt phì cười nhưng không dám vì sợ Ptahor phạt ý. Thotmes hoàn toàn không tăng bốc Ptahor nên cậu vẽ ông ấy với thân hình nhỏ bé và đầu hói, thậm chí chân vòng kiềng và bụng phệ y như ngoài đời thực.

Ptahor im lặng một lúc khá lâu rồi nghiêm nghị nhìn, lúc thì các hình vẽ, khi thì Thotmes. Thotmes hơi sợ và đứng im, tâm trạng bồn chồn. Cuối cùng Ptahor hỏi:

- Cậu muốn bao nhiêu từ những bức tranh đó vậy? Ta sẽ mua chúng.

Thotmes đỏ bừng mặt và nói:

- Cháu không bán bản vẽ của mình. Với bạn bè thì cháu sẽ tặng.

Ptahor bật cười:

- Tốt lắm. Chúng ta hãy kết bạn và bản này sẽ là của ta.

Ông chăm chú nhìn lại cái bản một lần nữa rồi mỉm cười, đập chiếc bản vào đá khiến nó vỡ tan thành từng mảnh. Tất cả chúng tôi giật bắn người và Thotmes cúi gập mình, xin ông thứ lỗi nếu nó đã xúc phạm ông.

- Lẽ nào ta bực với mặt nước khi nó phản chiếu hình ảnh của ta?
- Ptahor dịu dàng nói. - Nhưng tay và mắt của người vẽ kể nhiều điều hơn mặt nước. Thế nên bây giờ ta biết được hôm qua trông ta thế nào và ta không muốn bất cứ ai khác thấy ta ngày hôm qua ra sao. Vì vậy ta đập vỡ cái bản, nhưng ta thừa nhận cháu là một nghệ sĩ.

Thotmes vui sướng nhảy cẫng lên.

Rồi Ptahor quay về phía bố tôi và nói về việc của tôi một cách trang nghiêm như danh y thuở xưa tuyên thệ lúc vào nghề:

- Tôi sẽ nhận thằng bé và lo cho nó.

- Còn Thotmes, - ông nói, - tôi sẽ làm điều gì có thể.

Chuyển sang nói với nhau bằng ngôn từ chuyên ngành y như thế, cả hai cùng cười rất hài lòng. Bố tôi đặt tay lên đầu tôi và hỏi:

- Sinuhe, con trai ta, con có muốn làm thầy thuốc, như bố đây không?

Nước mắt tôi trào ra và cổ họng nghẹn lại khiến tôi không thể nói thành lời mà chỉ gật đầu đáp lại. Tôi nhìn ra xung quanh mình, mảnh sân với tôi thật thân thiết, cây sung với tôi thật gần gũi và bể xây bằng đá trở nên thân thuộc biết bao.

- Sinuhe, con trai ta, - bố tôi nói tiếp, - con có muốn trở thành một danh y, giỏi hơn bố, tốt hơn bố, là người nắm giữ sự sống và cái chết để mọi người không kể cao sang hay hèn kém đều tin tưởng trao mạng sống của họ cho con không?

- Không phải như ông ấy và cũng không phải như ta. - Ptahor ngắt lời bố tôi rồi đứng thẳng người lên, mắt ông ánh lên cái nhìn thông thái và sắc sảo. - Hãy là một danh y đích thực. Bởi vì danh y đích thực là người vĩ đại nhất trong tất cả mọi người. Trước người đó, đến pharaon cũng trần trụi và người giàu nhất cũng chỉ như người nghèo nhất mà thôi.

- Con muốn trở thành một danh y đích thực, - tôi rụt rè đáp, bởi khi ấy tôi vẫn còn là một đứa trẻ chưa biết cuộc đời là gì và cũng không biết rằng người lớn tuổi bao giờ cũng muốn giữ lại và trao những ước mơ và cả nỗi thất vọng của mình cho giới trẻ để họ tiếp tục gánh vác.

Còn với Thotmes, Ptahor đưa cho cậu xem chiếc vòng vàng đeo ở tay và bảo:

- Đọc xem!

Thotmes đánh vân hình vẽ được khắc trên chiếc vòng và ngân ngữ đọc: “Tôi muốn cớ mình đây!” và không nhịn được nên phì

cười.

- Không được cười, thẳng ranh con, - Ptahor nghiêm khắc quát. - Không có gì liên quan đến rượu nữa. Nếu cháu muốn trở thành nghệ sĩ, cháu cần đòi cho mình một cốc đầy. Chính Ptah, thần sáng tạo và xây dựng, hiển hiện trong người nghệ sĩ đích thực. Nghệ sĩ không chỉ là mặt nước hay tấm gương mà phải hơn thế. Thực vậy, nghệ thuật thường là một mặt nướcนิ่ง bọ và là tấm gương đối trá, nhưng người nghệ sĩ cho thấy nhiều hơn mặt nước. Hãy đòi cốc của mình tràn đầy, cậu bé ạ, chớ hài lòng với bất cứ điều gì người ta nói với cháu mà hãy tin nhiều hơn vào đôi mắt sáng của mình.

Sau đó ông hứa rằng tôi sẽ sớm được gọi vào học ở Nhà Sóng và ông sẽ thử xem liệu có thể giúp Thotmes vào trường nghệ thuật ở thánh đường Ptah không.

- Nhưng các cháu ạ, - ông nói thêm, - hãy nghe kỹ điều ta nói rồi quên nó đi ngay sau khi ta nói xong, ít nhất hãy quên đây là lời của một danh y khoan sọ hoàng gia. Các cháu sắp tới đây sẽ rơi vào tay của các giáo sĩ và Sinuhe đến lúc nào đó sẽ được phong làm giáo sĩ, như bố cháu và bác đây cũng từng được thụ phong giáo sĩ bậc thấp. Không ai được phép hành nghề y nếu không được thụ phong giáo sĩ. Nhưng khi đã rơi vào tay các giáo sĩ, các cháu cần đa nghi như chó hung sa mạc và ranh mãnh như rắn, để khỏi mù quáng và đánh mất bản thân mình. Nhưng bề ngoài các cháu hãy tỏ ra hiền lành như chim bồ câu, bởi vì người đàn ông chỉ bộc lộ bản chất của mình khi đã đạt đến đích. Điều này đã và sẽ luôn là như vậy. Các cháu hãy nhớ lấy.

Chúng tôi còn nói chuyện thêm một lúc nữa cho đến khi gã gia nhân của Ptahor quay lại với một chiếc kiệu thuê và bộ quần áo sạch cho ông chủ. Chiếc kiệu của Ptahor đã bị hai nô lệ gán nợ tại một nhà vui gần đó và hiện giờ cả hai vẫn đang ngủ ở đấy. Ptahor lệnh cho gã gia nhân đi chuộc kiệu và nô lệ về, rồi từ biệt

chúng tôi, cam kết tình bạn với bố tôi và trở về khu phố giàu sang của thành phố.

Thế là tôi phải vào Nhà Sống trong đại thánh đường của thần Amon. Còn Ptahor, danh y khoan sọ hoàng gia, ngày hôm sau gửi cho mẹ Kipa một món quà bằng đá quý có chạm hình con bọ hung linh thiêng để mẹ Kipa đặt dưới tấm vải liệm, chỗ trái tim, khi mẹ về thế giới bên kia. Ông ấy đã mang đến cho mẹ tôi niềm vui sướng không thứ gì có thể sánh bằng, nên Kipa bỏ qua cho ông tất cả và thôi nói với bố Senmut của tôi về những tai họa do rượu gây ra nữa.

Sách thứ hai

Nhà sống

1

Vào thời ấy giáo dục bậc cao ở Thebes đều nằm trong tay các giáo sĩ Amon và nếu không có chứng nhận của các giáo sĩ thì không ai có thể học lên để giành được một địa vị cao hơn. Ai cũng biết rằng từ thời cổ đại, do tính năng của mình, Nhà Sống và Nhà Chết đều nằm bên trong tường thành của các giáo đường và trường thần học đào tạo các giáo sĩ bậc cao cũng vậy. Việc các khoa toán học và thiên văn được xem là thuộc lĩnh vực của các giáo sĩ cũng là điều dễ hiểu, nhưng khi các giáo sĩ giành lấy cả khoa luật và khoa thương mại thì sự nghi ngờ đã bắt đầu xuất hiện trong giới có học rằng các giáo sĩ đã can thiệp vào những lĩnh vực thuộc về pharaon và thuế vụ. Thật ra những ai muốn vào học ở khoa luật hoặc khoa thương mại không cần phải là giáo sĩ, nhưng thực tế là thần Amon nắm giữ ít nhất một phần năm đất đai của Ai Cập rồi cả thương chánh và quyền lực của các giáo sĩ là rất lớn trong mọi lĩnh vực của đời sống, thì những ai muốn trở thành thương gia hay gia nhập bộ máy hành chính đều thấy sẽ khôn ngoan hơn nếu có được chứng chỉ thầy tu bậc thấp và gia nhập vào đội ngũ bầy tôi trung thành của Amon.

Khoa lớn nhất dĩ nhiên là khoa luật, bởi vì nó đảm bảo năng lực và vị thế của người học cho mọi chức tước, cho dù chức tước đó liên quan đến thuế, hành chính hay quân đội. Một nhóm nhỏ những người học thiên văn học và toán học sống một cuộc đời mơ màng trong giảng đường của mình và coi thường những kẻ

có tham vọng đang đổ xô đến các buổi giảng về địa chính và thương mại. Thế nhưng bên trong tường thành của thánh đường, Nhà Sống và Nhà Chết có cuộc sống của riêng mình và tất cả môn sinh khác trong khu đền đều cảm thấy kính trọng xen lẫn sợ hãi môn sinh của hai nơi đó.

Trước khi bước chân được vào Nhà Sống, tôi phải qua một cuộc khảo hạch dành cho bậc giáo sĩ thấp nhất ở khoa thần học. Việc học ở đây mất ba năm, vì đồng thời tôi được theo bố tôi đi thăm khám bệnh nhân để học hỏi kinh nghiệm của ông cho nghề nghiệp tương lai của mình. Tôi vẫn sống ở nhà nhưng hằng ngày phải có mặt trong một giờ học nào đó. Những ai muốn vào khoa luật thường chỉ mất vài tuần học và qua được cuộc khảo hạch dành cho tu sĩ bậc thấp nhất nếu họ có bạn bè và người đỡ đầu thuộc giới quyền quý. Nội dung khảo hạch gồm kỹ năng viết, đọc và phép tính sơ cấp; ngoài ra các thí sinh còn phải thuộc lòng các bài thánh kinh và các chuyện đọc về thần ba ngôi và thần chín ngôi linh thiêng, trong đó dĩ nhiên cao cả và linh thiêng nhất là thần Amon tối cao. Song mục đích của việc học thuộc lòng và ghi nhớ một cách máy móc như thế là nhằm ngăn học trò suy nghĩ độc lập và dạy họ tin vào ý nghĩa các bài học thuộc lòng một cách mù quáng. Chỉ sau khi mù quáng phục tùng quyền lực của Amon thì các học trò trẻ tuổi mới được công nhận là giáo sĩ bậc một. Tôi không biết người ta dạy những nhóm môn sinh ở bậc ba, bậc bốn và bậc năm, với số lượng ngày càng ít và độ tuổi ngày càng lớn hơn, như thế nào vì các giáo sĩ ở bậc cao hơn có các nghi lễ bí ẩn được canh giữ nghiêm cẩn. Các giáo sĩ bậc hai phải biết biến hóa cây gậy của mình thành con rắn trước đám đông. Họ cũng được thực hành các trò ảo thuật khác nữa trước sân của thánh đường, còn phải học nhin ăn, thức đêm và giải mã các giấc mộng cũng như ảo giác. Chỉ những giáo sĩ từng học qua bậc này mới có hiểu biết chắc chắn về tất cả những điều này cũng như mục đích cuối cùng, còn những người khác thì không. Thi thoảng, những khi có biến động, các giáo sĩ bậc hai có thể xuất ngôn, nhưng tôi chưa bao giờ thấy các giáo sĩ

bậc cao hơn tiết lộ những điều bí mật của thần linh cho những kẻ chưa được thụ phong.

Tôi đã dần quen với thánh đường; sự hùng vĩ và giàu có vô biên ở nơi đây đã tác động đến tâm hồn trẻ thơ của tôi. Ngay cả đám đông chen lấn nhau trước sân và trong hành lang của thánh đường từ sáng đến tối đã là một cảnh tượng đáng xem. Tất cả tầng lớp, tất cả các ngôn ngữ và màu da đến đây tạ ơn thần Amon, cầu xin thành công cho bản thân, cho gia đình và công việc của mình hoặc mang lễ vật đến cho thần Amon, những thứ mà thần rất xứng đáng được hưởng khi đã bảo vệ sức khỏe, công việc và những mưu kế thương trường. Mắt tôi mờ đi khi nhìn ngắm những báu vật, đồ dùng đắt tiền, những bức phù điêu bằng ngà voi và những hộp đựng bằng gỗ mun. Mũi tôi tịt lại vì ngửi những mùi hương và mùi nhựa thông đắt tiền. Tai tôi điếc đặc vì nghe những thứ tiếng xa lạ và cả những bài đọc thuộc lòng thiêng liêng mà người dân không bao giờ hiểu được. Sự vĩ đại của thần Amon đè nén, bóp nghẹt tôi khiến đêm đến tôi thường mơ thấy những giấc mộng khủng khiếp và rên rỉ trong đêm.

Sĩ tử vào học bậc thấp nhất được chia thành các nhóm theo ngành mà họ dự định theo đuổi sau này. Chúng tôi, những môn sinh vào học trong Nhà Sống, lập thành một nhóm riêng nhưng tôi không tìm được một bạn thân nào trong nhóm. Tôi ghi nhớ lời căn dặn thông thái của Ptahor và sống thu mình, ngoan ngoãn tuân thủ mọi mệnh lệnh và giả vờ ngây ngô khi các học trò khác trêu chọc hay báng bổ thần linh theo thói quen của các cậu bé. Trong nhóm chúng tôi có những cậu là con của các thầy thuốc danh giá mà việc thăm khám và chữa trị được trả bằng vàng. Cũng có những người là con của các thầy thuốc thường dân ở tỉnh lẻ, thường nhiều tuổi hơn chúng tôi và đã trưởng thành, là những đứa thô kệch, vụng về, da sạm nắng, cố giấu sự e dè của mình và chăm chỉ nhồi nhét các bài tập vào đầu. Cũng có những đứa sinh ra từ tầng lớp dưới, đương nhiên là khát khao kiến thức, cố gắng tìm kiếm một nghề khác với nghề

nghiệp và đẳng cấp của cha mẹ, nhưng chúng bị đối xử khắt khe hơn và đòi hỏi nhiều hơn, bởi vì các giáo sĩ thường nghi ngờ những ai không bằng lòng với gia cảnh của mình.

Sự thận trọng đã có ích cho tôi vì tôi nhanh chóng nhận thấy các giáo sĩ có tay sai và tay trong của họ trong nhóm chúng tôi. Một từ thiếu cân nhắc, một lời nói để lộ sự ngờ vực hay một chuyện trêu chọc giữa bạn bè lập tức đến tai các giáo sĩ và sau đó kẻ phạm tội sẽ bị thẩm tra và trừng phạt. Có những đứa bị phạt bằng gậy và cũng có những đứa bị trục xuất khỏi thánh đường, từ đó vĩnh viễn không được vào lại Nhà Sống ở Thebes hay bất kỳ nơi nào khác trên khắp Ai Cập. Nếu có chí, chúng có thể tới các xứ biên thuộc làm người phụ việc cho các lang y ở các châu, lộ hay tạo dựng cho mình một tương lai ở đất Kush hay Syria vì tiếng tăm của các danh y Ai Cập đã lan truyền khắp thế giới. Nhưng phần lớn bọn họ bị đánh bật ra khỏi quỹ đạo và trở thành những viên thư lại tầm thường nếu như đã kịp học đọc và học viết.

Khả năng viết và đọc cho phép tôi vượt lên trước các đồng môn, kể cả những người lớn tuổi hơn mình. Tôi nghĩ mình đã đủ trưởng thành để vào Nhà Sống, nhưng lễ thụ phong của tôi bị trì hoãn. Tôi không đủ can đảm để đặt vấn đề, vì như vậy sẽ bị coi là bướng bỉnh đối với thần Amon. Tôi đành phung phí thời gian vào việc chép lại các bài văn tế để người ta đem bán ở sân trước đền. Vì vậy trong thâm tâm, tôi thầm kháng cự và trở nên trầm uất. Một số bạn đồng môn dốt hơn tôi đã bắt đầu được nhận vào học ở Nhà Sống. Nhưng cũng có thể nhờ sự hướng dẫn của bố mình nên tôi mới có được học vấn ban đầu tốt hơn chúng. Sau này nghĩ lại, tôi thấy các giáo sĩ Amon thông thái hơn tôi. Họ nhìn thấu tâm can tôi, họ đoán được sự coi thường và nghi ngờ của tôi đối với họ, vì vậy họ thử thách tôi.

Nỗi buồn phiền của tôi cứ tăng lên, tôi ngủ không yên và chiều đến thường đi một mình ra sông Nile ngắm nhìn mặt trời lặn và các ngôi sao mọc. Tôi có cảm giác như mình bị ốm. Tiếng cười

của các cô gái trên đường phố khiến tôi khó chịu và bức bối. Tôi không biết mình mong muốn điều gì và sự ngọt ngào, quyến rũ của những câu chuyện và bài thơ làm trào dâng trong tôi những suy tư khiến trái tim tôi mềm yếu và mắt tôi ứa lệ mỗi khi tôi chỉ có một mình. Bố tôi thỉnh thoảng nhìn tôi cười một mình, còn mẹ Kipa bắt đầu kể say sưa hơn trước những câu chuyện về những người đàn bà xảo trá hay dụ dỗ những chàng trai trẻ đẹp đến vui thú cùng họ khi người chồng đi vắng.

Cuối cùng người ta báo cho tôi là đến lượt tôi vào canh ở thánh đường. Tôi phải ở trong thánh đường một tuần liền và trong thời gian đó không được phép ra khỏi khu vực đền. Tôi phải ăn chay và giữ mình sạch sẽ, rồi bố tôi phải đến cắt mái tóc xoắn trẻ con của tôi và mời hàng xóm láng giềng đến dự một bữa tiệc vào ngày lễ trưởng thành của tôi. Kể từ đó trở đi tôi được coi là đã trưởng thành vì tôi đã đủ chín chắn để được thụ phong, mặc dù trong thực tế việc này thật đơn giản và phù phiếm. Mặc dù vậy, cũng nhờ nó mà tôi được đưa lên vị trí cao hơn so với bọn trẻ hàng xóm và những đứa cùng trang lứa.

Mẹ Kipa đã cố gắng hết sức, nhưng tôi thấy bánh phết mật ong đắng ngắt trong miệng và sự vui vẻ cùng với những lời nói đùa tục tĩu của những người hàng xóm không làm tôi vui. Tối đến, sau khi hàng xóm đã về hết, nỗi buồn của tôi cũng lan sang Senmut và Kipa. Senmut bắt đầu kể cho tôi nghe về sự ra đời của tôi và Kipa giúp ông nhớ lại, còn tôi chăm chăm nhìn chiếc thuyền sậy treo phía trên giường của hai người. Những thân sậy đã thâm đen và mủn ra khiến tim tôi như quặn thắt. Tôi không có bố mẹ ở trên thế gian. Tôi cô đơn dưới bầu trời sao giữa thành phố rộng lớn này. Có thể tôi chỉ là một đứa trẻ ngoại lai tội nghiệp ở xứ Kemet. Có lẽ gốc gác của tôi là một bí mật đáng xấu hổ.

Tôi mang theo vết thương lòng khi trở lại thánh đường cùng với chiếc áo choàng cho ngày lễ thụ phong được mẹ Kipa kỳ công may thêu với tất cả tình thương yêu của mẹ.

Chúng tôi gồm hai mươi lăm chàng trai trẻ chuẩn bị làm lễ thụ phong. Tắm trong ao thánh đường và cạo nhẵn đầu xong, chúng tôi mặc lên người chiếc áo choàng bằng vải thô. Vị giáo sĩ thụ phong cho chúng tôi không phải là người quá kỹ tính. Theo tập quán cũ, ông ta có thể bắt chúng tôi thực hành các nghi lễ tầm thường gây khó chịu, nhưng trong nhóm chúng tôi có những người đã trưởng thành, một số thuộc tầng lớp trên, một số đã qua các khóa học về luật và đã có chứng chỉ, hạ mình phụng sự thần Amon để sự nghiệp của mình được đảm bảo. Họ có nhiều đồ ăn và tiếp rượu cho các giáo sĩ, một số còn trốn ra nhà vui suốt đêm vì lễ thụ phong không có ý nghĩa gì với họ. Tôi trần trọc với vết thương lòng và những suy nghĩ buồn rầu. Tôi tự bằng lòng với một lát bánh mì và một cốc nước - thức ăn và đồ uống theo phong tục của chúng tôi - và chờ đợi với tâm trí tràn đầy hy vọng xen lẫn sự ngờ vực u uẩn về một điều gì đó sẽ đến.

Tôi còn quá trẻ và thực lòng rất muốn tin. Người ta nói thần Amon xuất hiện tại lễ thụ phong và xuất ngôn với từng người nên đối với tôi sẽ là một niềm an ủi không diễn tả thành lời nếu tôi được giải thoát khỏi bản thân mình và đoán được mục đích của tất cả những gì diễn ra phía sau đó. Nhưng trước các danh y, ngay đến pharaon cũng trần trụi. Hồi còn bé khi đi theo bố mình, tôi từng nhìn thấy những bệnh nhân và người chết, nhờ đó tôi có cái nhìn thấu đáo hơn những cậu bé cùng trang lứa. Đối với một danh y, không điều gì là quá thần thánh và danh y không chịu khuất phục trước điều gì ngoài cái chết, đó là lời dạy của bố tôi. Vì thế tôi có sự nghi ngờ và tất cả những điều tôi chứng kiến trong ba năm qua đã làm tăng thêm nỗi nghi ngờ của tôi.

Nhưng tôi nghĩ có lẽ trong bóng tối phía sau tấm màn của vị thần tối cao có một điều gì khác mà tôi không biết. Có lẽ thần

Amon sẽ hiển hiện trước mắt tôi và đem lại sự bình yên cho trái tim tôi.

Tôi nghĩ về những điều này khi lang thang trong hành lang dành cho những người thế tục của ngôi đền. Tôi ngắm nhìn những bức tranh thánh thần màu sắc sặc sỡ và đọc những dòng chữ linh thiêng nói về vô số những vật phẩm mà các pharaon đã mang về từ các cuộc chiến cho thần Amon như chiến lợi phẩm. Khi ấy, một phụ nữ xinh đẹp trong bộ trang phục bằng lanh mỏng tang khiến ngực và eo lộ rõ đi về phía tôi. Chị ta có dáng người thon thả, môi, má và lông mày tô son, nhìn tôi với vẻ tò mò không chút ngượng ngùng.

- Cậu tên gì, chàng trai trẻ đẹp? - Chị ta hỏi, cặp mắt xanh lá cây nhìn vào tám vải choàng màu xám trên vai tôi, cho biết tôi chuẩn bị làm lễ thụ phong.

- Sinuhe, - tôi bối rối đáp, không dám nhìn vào mắt người thiếu phụ. Nhưng chị ta thật đẹp và mùi hương kỳ lạ tỏa ra từ giọt dầu động trên trán chị ta khiến tôi mong được chị ta nhờ làm người chỉ dẫn trong thánh đường. Việc đó vẫn thường xảy ra với các môn sinh của thánh đường.

- Sinuhe, - chị ta trầm ngâm nhắc lại và nhìn tôi dò xét, - nếu vậy cậu sẽ đột nhiên hoảng sợ và chạy trốn nếu ai đó kể cho cậu nghe điều bí mật.

Chị ta ám chỉ câu chuyện về những cuộc phiêu lưu của Sinuhe khiến tôi bực mình, vì tôi đã bị trêu chọc quá đủ với câu chuyện đó khi còn ở trường. Thế nên tôi đứng thẳng người và nhìn vào mắt chị ta, ánh mắt của chị ta thật lạ lùng, trong sáng và hiếu kỳ, làm mặt tôi bắt đầu đỏ bừng lên và người tôi nóng ran như lửa.

- Sao tôi phải sợ? - Tôi nói. - Danh y tương lai không sợ bí mật nào.

- A hà! - Chị ta mỉm cười. - Chú gà con đã chiếp chiếp trước khi mổ vỡ vỏ trứng để chui ra. Nhưng trong nhóm của cậu có một anh chàng tên là Metufer phải không? Anh ta là con của kiến trúc sư hoàng gia.

Metufer là người đã tiếp rượu cho vị giáo sĩ và tặng ông ấy một chiếc vòng vàng làm quà nhân lễ thụ phong. Có gì đó khiến tôi nhói đau, nhưng tôi vẫn trả lời mình có biết cậu ta và sẵn sàng đi gọi cậu ta. Tôi nghĩ thiếu phụ này có thể là chị gái hoặc họ hàng của cậu ta. Ý nghĩ ấy làm tôi dễ chịu nên tôi bạo dạn nhìn thẳng vào mắt chị ta và mỉm cười.

- Nhưng tôi làm thế nào gọi được cậu ta khi tôi còn không biết tên chị cũng như không nói được ai đang cần gặp cậu ta? - Tôi mạnh bạo hỏi.

- Cậu ta biết mà, - chị ta nói và sốt ruột giẫm chiếc dép có đính đá sắc sỡ xuống nền đá, làm tôi phải nhìn đôi bàn chân nhỏ nhắn sạch bong với những móng chân đẹp sơn màu đỏ chót. - Cậu ta biết ai cần gặp cậu ta. Có thể cậu ta nợ tôi điều gì đó. Có thể chồng tôi đi vắng và tôi đợi cậu ta đến để làm tôi khuây khỏa.

Trái tim tôi lại nặng trĩu khi nghe chị ta đã có chồng, nhưng tôi can đảm nói:

- Tốt lắm, người vô danh ạ! Tôi sẽ gọi cậu ta. Tôi sẽ nói với cậu ta rằng một phụ nữ trẻ và đẹp hơn nữ thần mặt trăng cần gặp cậu ta. Khi đó cậu ta sẽ biết chị là ai, vì ai từng gặp chị một lần sẽ không bao giờ quên được chị.

Hoảng sợ với sự bạo dạn của mình, tôi quay người định đi nhưng chị ta chạm vào người tôi và dịu dàng nói:

- Sao cậu vội thế! Đợi đã nào, có lẽ hai chúng ta còn chuyện để nói.

Chị ta lại nhìn tôi khiến trái tim tôi như tan chảy trong lồng ngực và dạ dày tôi như rơi xuống tận đầu gối. Rồi chị ta giơ bàn tay treo đầy nhẫn và vòng vàng sờ vào chòm đầu tôi và thân mật nói:

- Cái đầu đẹp bị cắt hết tóc xoắn trẻ con này có lạnh không? - Rồi chị ta nhẹ nhàng nói tiếp. - Cậu nói thật lòng chứ? Cậu nghĩ tôi đẹp à? Hãy nhìn tôi kỹ hơn.

Tôi nhìn chị ta, quần áo của chị ta là loại vải lạnh đắt tiền và trong mắt tôi chị ta rất đẹp, đẹp hơn tất cả các cô gái tôi từng nhìn thấy và chị ta không làm gì để giấu đi vẻ đẹp của mình. Tôi ngẩn nhìn chị ta và quên đi trái tim đang bị tổn thương của mình, quên đi thần Amon cũng như Nhà Sổng và việc đứng sát chị ta khiến cơ thể tôi như bị lửa thiêu đốt.

- Cậu không nói gì, - chị ta nói vẻ buồn bã. - Mà cậu cũng không cần trả lời vì trong đôi mắt đẹp của cậu, tôi chắc hẳn là một phụ nữ già, xấu và chẳng còn hấp dẫn. Cậu hãy đi gọi anh chàng Metufer sắp được thụ phong, như vậy cậu sẽ thoát khỏi tôi.

Nhưng tôi không đi và cũng không biết nói gì mặc dù tôi hiểu rõ rằng chị ta đang chế giễu tôi bằng lời nói của mình. Bóng hoàng hôn đã len vào giữa các hàng cột khổng lồ của thánh đường. Mắt chị ta lấp lánh trong ánh nhập nhoạng lọt qua hàng rào mắt cá bằng đá ở phía xa xa và không ai nhìn thấy chúng tôi.

- Có lẽ cậu không cần gọi chàng ta nữa, - thiếu phụ nói và mỉm cười với tôi. - Có lẽ cậu ở lại và vui vẻ cùng tôi là đủ vì tôi không có ai để làm mình khuây khỏa.

Lúc đó tôi nhớ lại điều mẹ Kipa từng nói về những người đàn bà chào mời những chàng trai trẻ đến ân ái cùng mình. Tôi bất chợt nhớ ra điều đó nên thấy hoảng sợ và lùi lại một bước.

- Chẳng phải tôi đã nói là Sinuhe sợ ư, - chị ta nói và bước tới gần tôi. Nhưng tôi vội giơ tay ngăn lại và nói:

- Tôi đã biết chị là ai. Chồng chị thường đi vắng và trái tim lầm lạc của chị là một cái bẫy, còn vòng tay của chị lỏng lẻo hơn cả lửa.

Cho dù nói thế nhưng tôi không sao bỏ đi được. Chị ta hơi ngạc nhiên, nhưng lại mỉm cười và càng tiến lại gần tôi hơn.

- Cậu nghĩ vậy ư? - Chị ta dịu dàng nói. - Nhưng điều đó hoàn toàn không đúng. Vòng tay của tôi không hề lỏng lẻo mà trái lại người ta nói nó rất dịu êm. Cậu hãy thử xem! - Chị ta cầm lấy bàn tay đang cố cưỡng lại của tôi đặt lên ngực mình, tôi cảm nhận được vẻ đẹp của chị ta qua làn vải mỏng nên tay tôi bắt đầu run lên và má tôi nóng bừng.

- Chắc chắn là cậu không tin, - chị ta nói, ra vẻ thất vọng. - Chắc là lớp vải đang ngăn cậu, nhưng đừng sốt ruột, để tôi vén nó ra.

Rồi chị ta kéo vạt váy sang bên và đặt bàn tay tôi vào bầu vú trần của mình khiến tôi cảm nhận được nhịp đập của tim chị ta, trong khi bầu vú vẫn mềm và mát rượi dưới tay tôi.

- Đi nào, Sinuhe! - Chị ta nói rất khẽ. - Đi với tôi, chúng ta cùng uống rượu và vui vẻ với nhau.

- Tôi không được phép ra khỏi khu vực thánh đường, - tôi vội vàng nói và xấu hổ với sự nhút nhát của mình, nhưng vẫn vừa ham muốn vừa sợ chị ta như sợ cái chết. - Tôi cần giữ mình chay tịnh khi làm lễ thụ phong, nếu không tôi sẽ bị đuổi khỏi thánh đường và không bao giờ được vào Nhà Sống. Hãy tha cho tôi!

Tôi nói vậy vì biết rằng mình sẽ đi theo chị ta nếu như chị ta rủ rê tôi lần nữa. Nhưng chị ta là một thiếu phụ từng trải và hiểu nỗi sợ của tôi. Vì vậy chị ta nhìn xung quanh, ngấm ngầm. Chỉ có hai chúng tôi, nhưng gần đó có một toán khách và người hướng dẫn đang oang oang giới thiệu cảnh đẹp của thánh đường và thu thêm các vòng đồng của họ trước khi giới thiệu tiếp cho họ những điều kỳ lạ mới.

- Sinuhe, cậu là một chàng trai rất nhút nhát! - Chị ta nói. - Những người quyền thế và giàu có trao cho tôi vòng và vàng để được tôi gọi đến ân ái cùng. Nhưng cậu, Sinuhe, lại muốn giữ mình trinh trắng.

- Chắc chị muốn tôi gọi Metufer, - tôi tuyệt vọng nói, vì tôi biết rằng Metufer không ngần ngại trốn khỏi thánh đường cả đêm dù đến phiên cậu ta phải thức canh. Cậu ta có khả năng làm điều đó vì bố cậu ta là kiến trúc sư hoàng gia, nhưng tôi có thể giết cậu ta vì điều đó.

- Có lẽ tôi không muốn cậu gọi Metufer nữa đâu, - chị ta nói và giễu cợt nhìn vào mắt tôi. - Có lẽ tôi muốn chúng ta chia tay nhau như những người bạn, Sinuhe ạ. Vì thế, tôi cũng nói cho cậu biết tên tôi là Nefernefernefer, bởi vì người ta bảo tôi rất xinh đẹp và chưa ai từng nói tên tôi một lần mà không nhắc lại lần thứ hai và lần thứ ba. Nhưng cũng có một thông lệ là những người bạn khi chia tay trao cho nhau một món quà để khỏi quên nhau. Vậy nên tôi muốn có một món quà của cậu.

Lúc đó tôi lại cảm nhận sự nghèo khó của mình, bởi vì tôi không có gì để tặng chị ta, không có đến một đồ trang sức hay vòng đồng, mặc dù những thứ như thế dĩ nhiên không xứng để tặng chị ta. Tôi xấu hổ đến mức cúi đầu không nói được lời nào.

- Hãy tặng tôi một món quà để tâm hồn tôi được khuây khỏa, - chị ta nói và đưa ngón tay lên cổ tôi rồi ghé má mình lại gần má tôi. Khi tôi hiểu ra chị ta muốn gì, tôi liền chạm môi mình vào đôi môi mềm của chị ta. Chị ta thở nhẹ và nói:

- Cảm ơn cậu, Sinuhe, món quà thật đẹp. Tôi sẽ không quên nó. Nhưng cậu chắc chắn đến từ một xứ rất xa xôi, bởi vì cậu vẫn chưa biết cách hôn. Chứ làm sao mà các cô gái thành Thebes lại chưa dạy cho cậu kỹ thuật này, cho dù mái tóc xoăn trẻ con của cậu đã được cắt bỏ.

Nói xong, chị ta rút từ ngón tay cái ra một chiếc nhẫn bằng vàng và bạc, có gắn một viên đá màu ngọc bích chưa được chạm khắc và để vào tay tôi.

- Tôi cũng phải tặng cậu một món quà để cậu không quên tôi, Sinuhe, - chị ta nói. - Khi cậu được thụ phong và được nhận vào Nhà Sống, cậu có thể khắc dấu của mình vào viên đá này để chứng tỏ cậu ngang hàng với những người giàu có và quyền quý. Nhưng cậu cũng cần nhớ rằng nó màu xanh lá cây vì tên tôi là Nefernefernefer, và vì thỉnh thoảng người ta nói rằng mắt tôi xanh ngắt như nước sông Nile vào những ngày hè nóng nực.

- Tôi không thể lấy nhẫn của chị được, Nefer, - tôi nói và nhắc lại tên chị ta lần nữa, và việc nhắc lại này đã đem đến cho tôi niềm vui không thể diễn đạt bằng lời. - Tôi sẽ không bao giờ quên chị.

- Chàng trai khờ khạo, - chị ta nói, - hãy giữ lấy chiếc nhẫn vì tôi muốn thế. Giữ lấy nó theo ý thích dị thường của tôi, bởi vì nó sẽ mang đến cho tôi một món lợi lớn. - Chị ta đứng đưa ngón tay thon nhỏ trước mắt tôi và ánh mắt chị ta cười khi chị ta nói thêm:

- Và hãy luôn nhớ đề phòng những phụ nữ mà vòng tay của họ nóng bỏng hơn cả lửa.

Rồi chị ta quay người bỏ đi, không cho tôi được tiễn. Từ cửa thánh đường tôi nhìn thấy chị ta bước lên một cái kiệu sặc sỡ ở ngoài sân. Một người chạy trước hô hoán dẹp đường, mọi người giãn ra hai bên, xì xào bàn tán và nhìn theo kiệu của chị ta. Khi chị ta đi khỏi, một cảm giác trống rỗng vô biên dâng tràn trong tôi, tựa như tôi đang đắm đầu xuống một vực thẳm tối tăm.

Mấy hôm sau, Metufer tình cờ trông thấy chiếc nhẫn trên ngón tay tôi, cậu ta cầm tay tôi và hoài nghi nhìn chiếc nhẫn.

- Ôi, lạy tất cả bốn mươi khỉ đầu chó công minh của thần Osiris!
- Cậu ta kêu lên. - Nefernefernefer, phải không? Tôi không tin

được cậu là người như thế.

Cậu ta nhìn tôi gần như thán phục dù tôi thường xuyên bị giáo sĩ bắt quét sàn và làm những việc tầm thường nhất trong thánh đường vì tôi không có gì để làm quà cho ông ta.

Lúc đó tôi tức điên Metufer và những lời cậu ta nói, kiểu cơn giận uất ức của một thanh niên chưa trưởng thành. Tôi rất muốn hỏi cậu ta về Nefer song tôi không muốn hạ mình làm thế. Vì vậy tôi chôn chặt điều bí mật trong lòng mình, bởi lời nói dối đáng yêu hơn sự thật và giấc mơ thì trong sáng hơn sự tiếp xúc trần tục. Tôi ngấm viên đá lục bích trên ngón tay mình, nhớ lại đôi mắt chị ta, bầu vú mát rượi của chị ta và vẫn còn nghe mùi dầu xức của chị ta trên ngón tay mình. Tôi níu giữ lấy chị ta và cảm giác đôi môi mềm của chị ta chạm vào môi tôi khiến tôi khuây khỏa, bởi vì thần Amon đã xuất hiện trước mắt tôi và đức tin của tôi đã sụp đổ.

Những khi nghĩ về chị ta, tôi thường thì thầm với chính mình, mặt nóng ran: “Em gái tôi”. Và ba từ đó như vuốt ve vòm miệng tôi, bởi vì từ thời cổ đại nó đã và sẽ mãi mãi có nghĩa là: Tình yêu của tôi.

3

Nhưng tôi kể thêm thần Amon đã xuất hiện trước mắt tôi như thế nào.

Vào đêm thứ tư, đến phiên tôi thức canh cho sự bình yên của thần. Chúng tôi gồm bảy chàng trai: Mata, Mose, Bek, Sinufer, Nefru, Ahmose và tôi, Sinuhe, con trai ông Senmut. Mose và Bek cũng dự định vào Nhà Sống nên tôi đã quen họ từ trước, còn những người khác thì tôi không quen.

Tất cả chúng tôi không cười, nét mặt nghiêm trang và đi theo vị giáo sĩ mà tôi không nhớ tên vào khu cấm của đền. Thần Amon dong thuyền về phía sau dãy núi phía tây, những người gác cổng đã thổi tù và bằng bạc và các cổng của thánh đường đã đóng kín. Tôi mệt lả vì nhịn ăn và hồi hộp, nhưng vị giáo sĩ dẫn chúng tôi đi đã ăn một bữa ngon với thịt gia súc hiến tế, hoa quả và bánh ngọt, dầu chảy dài trên mặt ông ta và hai má ông đỏ bừng vì rượu. Ông ta cười một mình và giơ tay vén tấm màn che cho chúng tôi nhìn vào chỗ linh thiêng nhất của đền. Thần Amon đứng trong cái am được đục ra từ một khối đá lớn, những viên đá quý trên mũ và cổ áo của thần lấp lánh ánh đỏ, xanh lá cây và xanh nước biển, sáng lấp lánh như những cặp mắt sống động dưới ngọn đèn thiêng. Buổi sáng, chúng tôi đã xúc dầu thánh và mặc bộ trang phục mới cho thần dưới sự hướng dẫn của một giáo sĩ vì thần cần thay trang phục mới mỗi buổi sáng. Tôi đã từng nhìn thấy thần trước đó. Đó là vào dịp lễ hội mùa xuân khi thần được rước ra sân trên chiếc thuyền vàng và mọi người nằm rạp xuống đất trước mặt thần. Tôi cũng từng được nhìn thấy thần trên chiếc thuyền bằng gỗ tuyết tùng trong hồ thánh khi nước lũ dâng cao đến đỉnh điểm. Nhưng lúc đó tôi là một học trò nghèo nên chỉ được ngắm thần từ xa, bộ trang phục màu đỏ của thần không gây ấn tượng mạnh với tôi như bây giờ, dưới ánh sáng đèn trong sự tĩnh lặng vô biên của am thờ linh thiêng nhất. Chỉ thần Amon mới được dùng trang phục màu đỏ và tôi có cảm giác như sức nặng của những phiến đá đè xuống ngực mình khi nhìn vào khuôn mặt cao quý của thần.

- Hãy thức và cầu nguyện trước tấm màn che, - vị giáo sĩ vừa nói vừa níu lấy vạt màn, chắc vì ông ta đứng không vững. - Có thể thần gọi các con bởi lẽ thần thường xuất hiện với những ai sắp được thụ phong, gọi tên họ và xuất ngôn với họ, nếu họ xứng đáng.

Rồi ông làm dấu thánh rất nhanh và vừa lẩm nhẩm các tên linh thiêng của Amon vừa hát tấm màn che về lại chỗ cũ, không cúi người và cũng chẳng đặt tay lên đầu gối.

Sau đó ông ta bỏ đi, để mặc bảy đứa chúng tôi lại với nhau trong bóng tối của khu cấm trong đền, nơi những tảng đá lát nền tỏa cái lạnh rợn người lên bàn chân trần của chúng tôi. Nhưng khi ông ta vừa đi khỏi, Mose lấy chiếc đèn trong áo choàng của cậu ta ra, còn Ahmose thản nhiên đi đến chỗ linh thiêng nhất và lấy được ngọn lửa thiêng của thần Amon để chúng tôi thắp đèn.

- Thật đại dột nếu chúng ta chịu ngồi yên trong bóng tối, - Mose nói và chúng tôi cảm thấy an tâm hơn mặc dù ai cũng thấy hơi sờ sợ. Ahmose lấy bánh mì và thịt ra, còn Nefru và Mata bắt đầu chơi xúc xắc bằng những viên đá dưới nền, vừa ném vừa hét to tạo ra tiếng động vang dội trong sảnh thánh đường. Nhưng sau khi ăn xong, Ahmose quần người trong áo choàng và sau khi chửi rửa độ cứng của những viên đá, cậu ta nằm xuống ngủ và một lát sau, Sinufer và Nefru cũng nằm xuống cạnh cậu ta để cả ba ngủ cùng nhau cho ấm hơn.

Nhưng tôi trẻ nhất trong bọn và sẽ thức canh, mặc dù tôi biết rõ là vị giáo sĩ đã nhận của Metufer một hũ rượu, đã gọi cậu ấy cùng một vài môn sinh con nhà quyền quý vào phòng mình và sẽ không theo dõi chúng tôi. Tôi vẫn thức dù biết qua lời kể của những người khác rằng những người sắp được thụ phong thường lén lút ăn, chơi và ngủ vào đêm trước. Mata bắt đầu kể về ngôi đền của thần Sekhmet đầu sư tử, nơi con gái thần thánh của Amon thường xuất hiện trước các vị quân vương và ôm áp họ. Ngôi đền này nằm ở phía sau đền thần Amon nhưng không còn nổi tiếng như trước. Trong vòng hàng chục năm qua không pharaon nào đến đó và cỏ đã bắt đầu mọc lên giữa các tảng đá nơi sân trước. Nhưng Mata nói vào lúc này cậu ta sẽ không từ chối nếu phải canh ở đấy và ôm nữ thần trần truồng, còn Nefru vừa tung con xúc xắc trên lòng bàn tay vừa ngáp và lấy làm tiếc đã đại dột không mang theo rượu. Sau đó cả hai nằm xuống ngủ và chẳng mấy chốc chỉ còn mình tôi thức.

Đêm của tôi thật dài và trong khi các đồng môn ngủ, niềm khát khao và lòng sùng tín sâu sắc đã chế ngự tôi, bởi tôi nghĩ mình

vẫn còn trẻ, cần giữ mình chay tịnh và tuân thủ tất cả các tập tục truyền thống để Amon có thể linh hiển trước tôi. Tôi lẩm nhẩm các tên linh thiêng của thần và lắng nghe từng tiếng động bằng sự cảnh giác của tất cả các giác quan, nhưng thánh đường vẫn trống vắng và lạnh lẽo. Tấm màn che chỗ linh thiêng nhất bắt đầu khẽ lay động khi bình minh lên, ngoài ra không có gì khác. Khi ánh sáng bắt đầu chiếu vào hành lang của thánh đường, tôi lặng lẽ thổi tắt đèn trong nỗi thất vọng vô biên và đánh thức các đồng môn.

Đội quân nhạc thổi tù và, lính canh đổi phiên trên các tường thành và âm thanh rì rầm khe khẽ như tiếng nước rơi trong gió ở xa bắt đầu vọng đến, cho chúng tôi biết rằng mọi công việc của một ngày mới đã bắt đầu trong khu thánh đường. Cuối cùng vị giáo sĩ vội vàng xuất hiện, theo sau là Metufer trước sự kinh ngạc của tôi. Họ vịn vào nhau, mùi rượu từ cả hai phả ra nồng nặc, một tay vị giáo sĩ đứng đưa chùm chìa khóa của những chiếc hòm linh thiêng và lặp đi lặp lại những con số thần bí với sự trợ giúp của Metufer trước khi họ chào chúng tôi.

- Các môn sinh dự lễ thụ phong, Mata, Mose, Bek, Sinufer, Nefru, Ahmose và Sinuhe, - vị giáo sĩ cất tiếng. - Các con đã thức và cầu nguyện đúng như yêu cầu để có thể được thụ phong chứ?

- Chúng con đã thức và đã cầu nguyện ạ, - chúng tôi đồng thanh đáp.

- Thần Amon hiển linh trước các con như thần đã hứa không? - Vị giáo sĩ hỏi, rồi vừa ợ một tiếng vừa lơ đãng nhìn chúng tôi.

Chúng tôi nhìn nhau và lưỡng lự, cuối cùng Mose ngáp ngừng nói:

- Thần đã hiển linh như đã hứa ạ.

Các môn sinh khác đều lần lượt nói:

- Thần đã hiển linh ạ.

Cuối cùng là Ahmose, nói một cách thành kính và dứt khoát:

- Quả thật, thần đã hiển linh ạ!

Cậu ta nhìn thẳng vào mắt vị giáo sĩ, nhưng tôi thì không nói lời nào và có cảm giác như tim mình bị bóp nghẹt vì tôi nghĩ những lời các đồng môn nói là báng bổ thần linh.

Metufer nói một cách trơ trẽn:

- Tôi cũng thức và cầu nguyện để được thụ phong, bởi vì đêm hôm sau tôi có việc khác cần làm hơn ở đây. Thần Amon cũng hiển linh với tôi và giáo sĩ đây có thể làm chứng. Thân hình thần tựa như một vò rượu to và thần nói với tôi về những điều linh thiêng mà tôi thấy không thích hợp để kể lại cho các cậu. Nhưng lời lẽ của thần ngọt ngào như rượu trong miệng khiến cơn khát được nghe của tôi kéo dài mãi cho đến khi bình minh lên.

Nghe thế, Mose lấy hết can đảm nói:

- Thần hiện về với tôi trong hình dáng con trai Horus của thần, ngồi trên vai tôi như một con chim ưng và nói: “Thần phù hộ con, Mose, thần phù hộ gia đình con, phù hộ những việc làm của con và con sẽ được sống trong ngôi nhà có hai cổng và ra lệnh cho các gia nhân”. Thần đã nói vậy.

Các môn sinh sắp được thụ phong khác cũng vội vàng kể thần Amon đã nói gì với mình và họ háo hức tranh nhau nói cùng lúc trong khi vị giáo sĩ lắng nghe, vừa cười vừa gật đầu. Tôi không biết liệu họ đang thật sự kể giấc mơ của mình hay họ nói dối. Tôi chỉ biết rằng mình đứng đó đơn độc và không nói gì.

Cuối cùng, vị giáo sĩ quay về phía tôi, chau mày và nghiêm giọng hỏi:

- Thế còn con, Sinuhe, con không xứng đáng để được thụ phong sao? Hay thần Amon cao cả không hiển linh với con trong bất cứ hình dạng nào? Con không nhìn thấy thần ngay cả trong hình thù của một con chuột nhỏ ư, bởi vì thần xuất hiện trong nhiều hình dạng khác nhau?

Việc vào Nhà Sống của tôi đang bị đe dọa, vì thế tôi lấy hết dũng khí và nói:

- Vào lúc sáng sớm con nhìn thấy tấm màn che linh thiêng đung đưa, ngoài ra không thấy gì khác và thần Amon cũng không nói gì với con ạ.

Tất cả phá lên cười, Metufer cười đến mức đập hai tay vào đầu gối và nói với vị giáo sĩ:

- Thằng bé ngu quá.

Rồi cậu ta giật tay áo đang ướt rượu của vị giáo sĩ và nói thầm với ông ta điều gì đó, mắt liếc nhìn tôi.

Vị giáo sĩ lại nghiêm khắc nhìn tôi và nói:

- Nếu như con không nghe được tiếng nói của thần Amon, ta không thể làm lễ thụ phong cho con được. Nhưng chuyện này có thể cho qua bởi vì ta muốn tin rằng con là đứa trẻ sùng tín và con rất thành tâm.

Nói xong, vị giáo sĩ đi về phía sau nơi linh thiêng nhất và biến mất. Metufer đi lại gần tôi, rồi nhìn vào vẻ mặt tội nghiệp của tôi, anh ta mỉm cười thân thiện và nói:

- Đừng sợ.

Nhưng một lát sau tất cả chúng tôi đều giật nảy mình, bởi vì một giọng nói siêu nhiên khác với tiếng của người thường vang lên trong bóng tối của thánh đường. Âm thanh như phát ra từ

tất cả mọi nơi, từ trên mái, từ các bức tường và giữa các cột, khiến chúng tôi liên tục xoay người nhìn ra tứ phía để xem âm thanh vọng ra từ đâu. Âm thanh vang lên:

- Sinuhe, Sinuhe, kẻ khờ khạo kia, mi ở đâu? Hãy nhanh đến quỳ trước mặt ta bởi vì ta rất bận, không đợi mi cả ngày được.

Metufer kéo tấm màn che sang bên, đẩy tôi lên nơi linh thiêng nhất rồi nắm cổ tôi và ấn tôi cúi rạp xuống sàn, bắt tôi quỳ lạy theo nghi thức người ta thường làm với các thần linh và pharaon. Nhưng tôi ngẩng đầu lên ngay và nhìn thấy am thờ linh thiêng nhất sáng bừng lên và âm thanh đang phát ra từ miệng của thần Amon. Thần nói:

- Sinuhe, Sinuhe, con lợn và khỉ đầu chó kia! Có phải khi ta gọi thì mi đã say mèm và ngủ rồi không? Mi đáng bị ném xuống giếng bùn và ăn đất suốt đời. Nhưng vì tuổi trẻ của mi, ta tha cho mi, mặc dù mi ngu ngốc, lười nhác và bẩn thỉu, vì ta tha cho tất cả những kẻ tin ta, còn những kẻ khác, ta sẽ ném xuống địa ngục.

Vẫn còn nhiều điều nữa được phát ra cùng với tiếng gào, tiếng mắng nhiếc và chửi rủa. Nhưng tôi không còn nhớ được tất cả và cũng không muốn nhớ. Tôi chưa bao giờ thấy phần uất và bẽ bàng đến thế bởi khi cố lắng nghe, tôi nhận ra tiếng của vị giáo sĩ trong những âm thanh âm ào thần bí và sự phát hiện này làm tôi cảm phần, kinh hoàng đến mức tôi không thể nghe tiếp được nữa. Tôi vẫn nằm trước tượng thần Amon dù âm thanh đã lặng ngắt, cho đến khi vị giáo sĩ đến, đá tôi sang một bên và các đồng môn bắt đầu vội vàng mang hương, dầu thơm, thuốc xức và áo đỏ vào.

Mỗi người chúng tôi đã được giao việc từ trước nên chợt nhớ ra phần việc được giao của mình, tôi đi lấy một vò đầy nước thánh và khăn thánh từ sảnh trước thánh đường để chúng tôi rửa mặt, tay và chân của thần. Nhưng khi trở lại, tôi thấy giáo sĩ nhỏ

nước bọt vào mặt Amon và lau mặt thần bằng tay áo bản của ông ta. Sau đó Mose và Nefru tô môi, má và lông mày của thần. Metufer bôi dầu thơm cho thần trong khi cột nhả xúc dầu thánh cho cái mặt bóng láng mỡ của giáo sĩ và cả mặt mình. Cuối cùng chúng tôi cởi trang phục của thần, rửa và lau khô người như thể thần vừa đi vệ sinh xong, xoa dầu cho dương vật, mặc cho thần chiếc váy đỏ xếp ly đã được là, quấn xung quanh thần chiếc áo ngoài, quàng lên vai thần một tấm vải choàng và xỏ hai tay thần vào trong tay áo.

Khi làm xong tất cả những việc này, vị giáo sĩ thu gom trang phục vừa thay ra rồi cất nước rửa và khăn lau đi, bởi vì những thứ này sẽ được xé ra nhiều mảnh và bán cho những du khách giàu có ở sân trước, còn nước thì bán cho những người bị chứng phát ban để họ làm thuốc chữa trị. Rồi chúng tôi được tự do đi ra sân đầy ánh nắng, và tôi bị nôn.

Đầu óc và tâm hồn tôi hoàn toàn trống rỗng, như cái dạ dày của tôi vậy, bởi vì tôi không còn tin vào thần linh nữa. Nhưng tròn một tuần sau, tôi được xúc dầu thơm lên đầu và được thụ phong làm giáo sĩ của Amon. Tôi đọc lời thề của giáo sĩ và nhận giấy chứng nhận thụ phong, trên đó có dấu triện của đền Amon và cả tên của tôi, cho phép tôi vào học trong Nhà Sống.

Vậy là tôi và các đồng môn Mose, Bek được nhận vào Nhà Sống. Cổng Nhà Sống đã mở ra cho chúng tôi và tên tôi được ghi vào Sinh thư, giống như tên của bố tôi, Senmut, đã được ghi vào đó trước tôi và tên của ông tôi đã được ghi vào đó trước bố tôi. Nhưng tôi sẽ không bao giờ được hạnh phúc như xưa nữa.

4

Trên danh nghĩa, việc giảng dạy trong Nhà Sống của đại thánh đường Amon do các danh y hoàng gia thuộc các chuyên ngành đảm nhiệm. Nhưng chúng tôi không mấy khi thấy họ, vì họ có

rất nhiều bệnh nhân, được nhận nhiều món quà quý từ những bệnh nhân giàu có và sống trong những ngôi nhà rộng lớn ở ngoại ô thành phố. Nhưng trong những trường hợp bệnh nhân đến Nhà Sống với căn bệnh khó chữa khiến các thầy thuốc nội trú ở đây lúng túng hoặc không dám mạo hiểm chữa trị thì danh y hoàng gia thuộc chuyên ngành đó đến và truyền dạy những kỹ năng tốt nhất của mình cho các học trò. Như vậy, bệnh nhân nghèo nhất cũng có thể được danh y hoàng gia chữa trị vì danh tiếng của Amon.

Thông thường thì bệnh nhân vào Nhà Sống phải nộp quà tùy theo tài lực của họ, nhưng nếu bệnh nhân có giấy chứng nhận của các thầy thuốc thành phố xác nhận rằng lương y thường không thể chữa trị được cho họ thì ngay cả bệnh nhân nghèo nhất cũng được đưa thẳng đến Nhà Sống mà không phải nộp quà gì. Tất cả những điều này là rất tốt và đúng đắn nhưng dù như thế, tôi vẫn không muốn ốm khi là một người nghèo, vì sẽ bị thử nghề bởi những thầy thuốc còn non tay. Các y sinh được phép chữa trị cho bệnh nhân nghèo để học hỏi và họ không được phát thuốc giảm đau, phải chịu đựng kim, dao và lửa mà không có thuốc gây mê. Vì thế những tiếng hét, gào và rên rỉ thường xuyên vang lên từ các sảnh ngoài của Nhà Sống, nơi những người nghèo được chữa trị.

Thời gian học và thực hành nghề y khá dài với ngay cả những y sinh có tài. Chúng tôi phải học kỹ cách dùng thuốc và nhận biết các loại dược liệu, thu hoạch cây thuốc đúng thời điểm, phơi khô và chế xuất thảo dược vì thầy thuốc phải biết tự bào chế thuốc khi cần thiết. Tôi và nhiều đồng môn khác bất bình về điều này, bởi chúng tôi coi đó là việc không hữu ích vì các y sinh trong Nhà Sống có thể chép đơn của tất cả các loại thuốc quen thuộc đã được pha trộn và cân đong. Nhưng dù sao, như tôi sẽ kể sau đây, việc học môn này đem lại cho tôi nhiều điều hữu ích.

Chúng tôi phải học tên các bộ phận cơ thể con người cũng như chức năng và vai trò của từng bộ phận. Chúng tôi còn học cả

cách dùng dao và kim nhổ răng, song trước tiên chúng tôi phải học dùng tay chẩn đoán bệnh cho bệnh nhân cả trong các góc ngách trên cơ thể, học chẩn đoán bệnh qua da và mắt của bệnh nhân. Chúng tôi phải giúp đàn bà sinh nở trong những ca mà bà đỡ không thể làm được. Chúng tôi phải biết kích thích cơn đau hoặc làm giảm cơn đau khi cần thiết. Chúng tôi học cách phân biệt những cơn đau nhẹ với những cơn đau nặng, cơn đau tinh thần với cơn đau thể xác. Chúng tôi phải sàng lọc sự thật từ lời nói dối của bệnh nhân và biết đặt ra những câu hỏi cần thiết, cặn kẽ từ đầu đến chân để có được một bức tranh chính xác về căn bệnh.

Vậy nên càng học được nhiều, tôi càng hiểu rõ rằng hiểu biết của mình còn quá ít. Có lẽ người thầy thuốc chỉ sẵn sàng hành nghề khi họ khiêm nhường tự nhìn nhận với bản thân rằng mình thực sự chẳng biết gì. Điều này dĩ nhiên không thích hợp để nói ra vì việc bệnh nhân tin tưởng thầy thuốc và khả năng chữa khỏi của người đó là quan trọng nhất. Đây là nền tảng của mọi phương pháp chữa trị mà người ta trông cậy vào. Vì vậy, người thầy thuốc không bao giờ được phép mắc sai lầm bởi vì nếu mắc phải sai lầm, người thầy thuốc đánh mất danh tiếng của chính mình và làm giảm thanh danh của các đồng nghiệp. Cho nên các gia đình khá giả sau khi nghe thầy thuốc đầu tiên chẩn đoán bệnh thường mời thêm hai hay có khi đến ba thầy thuốc khác để giúp chẩn đoán căn bệnh khó. Song nếu người đầu tiên chẩn đoán sai, các đồng nghiệp thà che giấu lỗi lầm của anh ta hơn là tiết lộ điều đó để cả ngành y không phải xấu hổ. Thế nên người ta hay nói thầy thuốc cùng nhau chôn bệnh nhân của mình.

Nhưng ngày đó tôi còn chưa biết tất cả những điều này mà chỉ vào học trong Nhà Sòng với tất cả sự sùng kính và tôi tin rằng mình sẽ tìm được ở đó tất cả sự thông thái và thiện lương trên trần gian. Những tuần đầu tiên ở đây thật vất vả vì những học trò vào sau cùng phải phục vụ tất cả những người khác, và ngay cả kẻ phục dịch thấp hèn nhất cũng có thể ra lệnh và bắt anh làm việc. Điều trước tiên cần phải học là cách giữ vệ sinh, bởi

không có bất cứ việc bẩn thỉu nào mà người ta không bắt anh làm đến mức anh phát ốm vì kinh tởm và cuối cùng trở nên chai sạn. Nhưng chẳng mấy chốc trong giấc mơ anh cũng biết dao mổ chỉ sạch khi được hơ trên lửa và quần áo chỉ sạch khi được nấu trong nước kiềm.

Dù sao tất cả những gì thuộc về nghề y đều được ghi trong các cuốn sách khác, nên tôi không viết thêm nữa. Tôi chỉ kể những điều thuộc về tôi, những điều tôi nhìn thấy và những điều người khác chưa viết.

Sau một thời gian dài thực tập và sau khi đã thanh tịch mình bằng các nghi lễ thánh, tôi được khoác lên mình chiếc áo choàng trắng và được vào phòng tiếp bệnh nhân, học nhỏ rằng từ miệng những người đàn ông cường tráng, băng bó chỗ đau, chọc các mụn nhọt và bó nẹp chân tay. Những việc này đối với tôi không có gì mới, tôi tiến bộ nhanh vì đã được bố tôi dạy từ trước, nên tôi trở thành người hướng dẫn và chỉ bảo các đồng môn. Thỉnh thoảng tôi được tặng quà như các danh y thường được tặng và tôi cho người khắc tên tôi, Sinuhe, vào viên đá xanh, viên đá được Nefernefernefer tặng, để tôi có thể dùng nó đóng dấu ở cuối toa thuốc của mình.

Tôi được giao những việc ngày một khó hơn, được trực ở những phòng có các bệnh nhân không còn hy vọng, theo dõi các danh y chữa bệnh và mổ ở những phòng chỉ một trên mười bệnh nhân được cứu sống. Tôi cũng học để thấy rằng cái chết không có gì đáng sợ với thầy thuốc và cái chết nhiều khi là người bạn nhân từ của bệnh nhân, làm cho nét mặt họ trông hạnh phúc hơn những ngày sống khốn khó trong cuộc đời của họ.

Nhưng tôi mù và điếc cho đến một ngày tôi tỉnh ngộ, giống như khi các hình vẽ, từ và chữ bắt đầu sống dậy với tôi vào một ngày khi tôi còn nhỏ. Đã đến lúc mắt tôi mở to, và như vừa tỉnh dậy khỏi giấc mơ với tâm trạng tràn ngập niềm vui, tôi tự hỏi mình: “Vì sao?”. Bởi vì “Vì sao?” chính là chìa khóa đáng sợ mở ra mọi

tri thức đúng đắn. Nó mạnh hơn cây bút của thần Thoth và bền vững hơn những lời được khắc trên đá.

Việc đó xảy ra như thế này: Một người đàn bà không có con và tin mình vô sinh vì đã ở độ tuổi tứ tuần. Khi biết mình đã tắt kinh, bà ta sợ và vội vàng đi đến Nhà Sống bởi bà nghi ngờ rằng linh hồn quỷ dữ đã nhập vào bà và đầu độc thể xác bà. Như đã được dạy, tôi lấy một ít hạt yến mạch và gieo xuống đất. Tôi tưới nước sông Nile lên một nửa số hạt, còn nửa số còn lại, tôi tưới bằng nước giải của người đàn bà. Tôi gieo hạt ở chỗ đất có nắng ấm và bảo bà ta mấy ngày sau hãy trở lại. Khi bà trở lại, tôi thấy các hạt mầm đã nhú lên. Những hạt được tưới bằng nước sông Nile nhú lên mầm rất nhỏ, còn những hạt khác vươn lên xanh tốt. Như vậy, điều được viết ra là đúng và tôi kinh ngạc nói với người đàn bà:

- Bà hãy vui lên, Amon linh thiêng với lòng nhân từ sẽ ban phước cho bà và bà sẽ có con như những người phụ nữ đã được ban phước khác.

Người đàn bà đáng thương mừng phát khóc và tặng cho tôi một chiếc vòng bạc nặng hai deben làm quà bởi trước đó bà đã hoàn toàn hết hy vọng. Và khi đã tin tưởng tôi, bà ta hỏi:

- Con trai phải không?

Vì bà ta nghĩ rằng tôi biết tất cả. Tôi lấy can đảm, nhìn vào mắt bà ta và nói:

- Con trai.

Bởi vì khả năng là như nhau mà thời đó tôi luôn may mắn trong cờ bạc. Người đàn bà càng mừng hơn và tặng tôi thêm một chiếc vòng bạc nặng hai deben nữa.

Nhưng khi bà ấy đi khỏi, tôi tự hỏi:

- Sao lại như thế được, sao một hạt yến mạch lại biết được điều mà không thầy thuốc nào có thể chẩn đoán, trước cả khi dấu hiệu có thai được nhận thấy bằng mắt?

Tôi đánh bạo đi hỏi vị giáo sư của mình nhưng ông ta nhìn tôi như nhìn một kẻ điên và chỉ nói:

- Người ta viết như vậy.

Nhưng điều đó không trả lời được cho câu hỏi “Vì sao?” của tôi. Tôi lại lấy can đảm thêm một lần nữa, đi hỏi ngự y sản khoa làm việc trong nhà bảo sanh. Ông ta nói: “Amon là vị thần tối cao. Mắt thần nhìn thấu dạ con của người phụ nữ, nơi hạt rơi xuống. Nếu thần đã cho phép việc thụ thai thì tại sao lại không cho hạt yến mạch mọc trong đất chứ, khi mà nó được tưới bằng nước giải của một người đàn bà đã thụ thai?”.

Ông ta nhìn tôi như nhìn một kẻ điên, nhưng điều đó vẫn không trả lời được câu hỏi “Vì sao?” của tôi.

Lúc đó tôi chợt hiểu ra và nhận thấy các danh y của Nhà Sổng chỉ biết những điều được viết ra và cách thức thực hiện, ngoài ra không biết gì hơn. Bởi vì nếu tôi hỏi vì sao một vết thương mưng mủ cần phải đốt, còn vết thương bình thường thì chỉ bôi thuốc mỡ và băng lại, hoặc vì sao nắm mốc và mạng nhện chữa được mụn nhọt thì câu trả lời sẽ là: “Từ trước đến giờ đều làm như thế”. Rồi người sử dụng dao mổ được quyền thực hiện một trăm tám mươi hai ca mổ và vết rạch, theo những điều đã được viết ra, ông ta làm theo kinh nghiệm hoặc tài năng của mình, có thể tốt hay tồi, nhanh hay chậm, gây đau ít hay nhiều nhưng không thể làm hơn thế, vì các việc này được viết ra và mô tả trong các sách, còn những việc khác trước đây chưa ai làm.

Có những người gầy rộc đi và mặt mày trắng bệch nhưng thầy thuốc không thể phát hiện liệu họ có bị bệnh hay tổn thương gì không. Dù thế nào, họ có thể lấy lại được sức và hồi phục nếu ăn gan tươi của vật hiến tế với giá đắt, nhưng vì sao lại như vậy thì

không ai được phép hỏi. Có những người bị đau bụng, mặt và tay nóng bừng bừng. Họ được cho thuốc xổ và thuốc mê, một số đỡ đau, nhưng số khác lại chết mà danh y không thể nói trước rằng ai có thể khỏi, còn ai sẽ bị phù dạ dày mà chết. Nhưng vì sao người này khỏi, người kia chết thì không ai hỏi và cũng không được hỏi.

Tôi nhanh chóng nhận ra mình đã hỏi quá nhiều, bởi vì người ta bắt đầu nhìn tôi nghi ngờ và những môn sinh vào sau tôi đã vượt lên trước tôi và ra lệnh cho tôi. Tôi cởi bỏ chiếc áo choàng trắng, tắm rửa và rời khỏi Nhà Sống, mang theo hai chiếc vòng bạc nặng tổng cộng bốn deben.

5

Nhưng khi bước ra khỏi thánh đường vào giữa trưa - điều mà tôi không làm trong nhiều năm qua - tôi lại hiểu ra lần nữa khi nhận thấy Thebes đã đổi thay trong thời gian tôi học và làm việc ở Nhà Sống. Tôi nhận thấy điều đó khi đi trên Đại lộ Nhân Sư và qua các khu chợ, bởi khắp mọi nơi đều náo nhiệt, mới lạ, quần áo của người dân đắt tiền hơn và sang trọng hơn, đến nỗi không thể biết được ai là đàn ông, ai là đàn bà nếu chỉ dựa vào váy có nếp gấp và bộ tóc giả. Từ các quán rượu và nhà vui vụng ra tiếng nhạc Syria âm ỉ, trên phố ngày càng nghe thấy nhiều từ nước ngoài hơn, những người Syria và người da đen giàu có chen vào nhóm người Ai Cập táo tợn hơn. Sự giàu có và hùng mạnh của Ai Cập là vô biên, hàng trăm năm qua không kẻ thù nào đặt chân tới được các thành phố của nó và những người đàn ông đã ở vào độ tuổi trung niên cũng chưa phải nếm mùi chiến tranh. Nhưng điều đó mang đến cho mọi người nhiều niềm vui hơn hay không, tôi nào biết bởi tôi nhìn thấy nỗi lo trong mắt họ và ai ai cũng vội vàng, ai ai cũng chờ đợi điều gì đó mới mẻ vì không hài lòng với ngày hôm nay.

Tôi đi dọc phố dài của Thebes một mình, trái tim trĩu nặng vì buồn và thất vọng. Tôi về nhà, thấy bố Senmut của tôi đã già, lưng còng xuống và ông không còn phân biệt được các con chữ trên trang giấy. Mẹ Kipa của tôi cũng đã già, thở hổn hển khi bước đi trong nhà và chỉ nói về năm mồ của mình, vì bố tôi đã mua phần mộ cho cả hai trong thành phố của người chết ở mạn tây sông bằng tiền dành dụm được. Tôi đã được xem nó, một ngôi mộ đẹp được xây bằng gạch nung, thành mộ có tranh và dòng chữ khắc đơn giản. Bên cạnh và xung quanh mộ là hàng trăm, hàng ngàn ngôi mộ giống nhau mà các giáo sĩ của Amon đã bán cho những người lương thiện và có của dành dụm với giá đắt để họ có được sự bất tử. Tôi cũng chiều lòng mẹ, viết cho bố mẹ một cuốn Tủ thư để chôn theo mộ, giúp họ không lạc lối trên hành trình dài. Đó là một cuốn Tủ thư tuyệt đẹp được viết hết sức cẩn thận, mặc dù trong đó không có các tranh màu như trong các sách được bán ở quầy sách của đền Amon.

Mẹ tôi làm đồ ăn cho tôi, còn bố tôi hỏi tôi việc học hành, nhưng chúng tôi không còn gì để nói với nhau và ngôi nhà trở nên xa lạ đối với tôi, con phố và những người đi trên phố cũng xa lạ. Vì thế tôi càng buồn hơn, cho đến khi tôi nhớ đến ngôi đền Ptah và Thotmes, bạn tôi, người hẳn đã trở thành nghệ sĩ. Lúc đó tôi chợt nghĩ: “Mình có bốn deben bạc trong túi. Mình đi rủ cậu bạn Thotmes của mình cùng đi uống rượu giải khuây và vui chơi, bởi dù sao mình cũng không bao giờ nhận được câu trả lời cho câu hỏi của mình”.

Vì vậy tôi tạm biệt bố mẹ với lý do phải trở lại Nhà Sống và khi trời gần xẩm tối, tôi tìm thấy đền Ptah và hỏi người gác cổng về trường mỹ thuật, sau đó tôi đi vào và hỏi học trò tên Thotmes. Đến lúc ấy tôi mới biết cậu ấy đã bị đuổi khỏi trường khá lâu. Khi nghe tôi hỏi về Thotmes, các đồng môn của cậu ấy, tay lấm đất sét, nhổ nước bọt xuống đất trước mặt tôi. Song một trong số đó nói:

- Nếu tìm Thotmes, tốt nhất nên đến nhà vui hay tiệm bia.

Cậu thứ hai nói:

- Nếu nghe thấy ai đó nhục mạ thánh thần thì chắc chắn Thotmes đang ở gần đó.

Còn cậu thứ ba nói:

- Chỗ nào có đánh nhau đến bươi đầu, sút trán thì chắc chắn cậu tìm được bạn Thotmes của mình ở đó.

Bọn họ nhổ nước bọt xuống đất trước mặt tôi vì tôi nói Thotmes là bạn của mình, nhưng họ làm thế chỉ vì thầy giáo đang ở đó, còn khi ông ấy quay đi thì họ bảo tôi đi đến tửu quán có tên là “Vò Rượu Syria”.

Tôi tìm thấy tửu quán Vò Rượu Syria nằm ở nơi giáp ranh giữa khu nghèo và khu giàu của thành phố, trên cửa ra vào có một dòng chữ ca tụng rượu từ đôi nho của thần Amon và rượu từ bến cảng. Tường bên trong quán có những bức tranh vui nhộn vẽ một con khỉ đầu chó mơn trớn các vũ nữ và một đàn dê thối sáo. Phía dưới tường, các nghệ sĩ đang ngồi trên sàn chăm chú vẽ lên giấy và một ông già đang râu rĩ nhìn cốc rượu cạn trơ trước mặt.

- Sinuhe à, xin bàn xoay thợ gốm chúng giám, - ai đó lên tiếng và đứng dậy chào tôi, tay giơ cao tỏ rõ sự kinh ngạc. Tôi nhận ra Thotmes, mặc dù chiếc áo choàng của cậu ấy bẩn và rách bươm, mắt cậu đỏ ngầu, trán nổi một cục to. Cậu ấy trông già và gầy đi, bên khóe miệng có nhiều nếp nhăn mặc dù cậu vẫn còn trẻ. Nhưng khi cậu nhìn tôi, mắt cậu vẫn còn ánh lên nét gì đó can đảm và tinh nghịch dễ lan sang người khác. Cậu cúi đầu gần hơn để chúng tôi chạm má vào nhau. Như thế, tôi biết chúng tôi vẫn là bạn.

- Lòng tố triu nặng nề buồn và mọi thứ đều vô nghĩa, - tôi nói với cậu ấy. - Vì thế tớ tìm cậu để chúng ta cùng uống rượu cho khuây khỏa, bởi không ai trả lời cho tớ câu hỏi “Vì sao”.

Nhưng Thotmes giơ vạt áo trước lên, ra dấu rằng cậu không có gì để có thể mua rượu.

- Tớ có bốn deben bạc đeo ở cổ tay, - tôi hãnh diện nói.

Thotmes chỉ vào cái đầu vẫn còn trọc của tôi, đó là vì tôi muốn mọi người biết mình là giáo sĩ bậc một; chẳng là tôi không có điều gì khác để hãnh diện. Nhưng bây giờ tôi lại bức vì đã không để cho tóc mọc, nên tôi sốt ruột nói:

- Tớ là thầy thuốc chứ không phải là giáo sĩ. Tớ đọc ở cửa rằng ở đây cũng có rượu bên cạnh. Chúng ta hãy uống thử nếu nó không đến nỗi nào.

Nói xong tôi lắc lắc chiếc vòng bạc trong tay và chủ quán vội vàng chạy đến trước tôi cúi đầu chào, hai tay thông xuống ngang đầu gối.

- Quán tôi có rượu Sidon và Byblos vẫn còn nguyên xi và chúng ngọt mùi mộc được, - gã nói, - cũng có rượu pha trong cốc sắc sỡ. Rượu sẽ bốc lên đầu nhanh như nụ cười của cô gái đẹp, khiến lòng ta lâng lâng.

Gã còn nói thêm nhiều nữa và kể lể một mạch không dứt khiến tôi bối rối và nhìn Thotmes dò hỏi. Thotmes gọi cho chúng tôi rượu pha, nô lệ đến giội nước lên tay chúng tôi và bê một đĩa hạt sen rang, đặt trên chiếc bàn thấp trước chúng tôi. Chủ quán mang những chiếc cốc sắc sỡ đến. Thotmes nâng cốc của mình lên rồi vừa nhấp một giọt xuống sàn vừa nói:

- Nâng cốc mừng thợ gốm thần thánh! Hồi dịch bệnh, hãy phá nát trường mỹ thuật và các ông thầy ở đó. - Cậu ấy đọc tên các thầy giáo mà cậu căm ghét nhất.

Tôi cũng nâng cốc của mình lên và nhấp một giọt xuống sàn.

- Nhân danh Amon, - tôi nói, - hãy để thuyền của ông ta rò rỉ mãi mãi, hãy chọc thủng dạ dày các giáo sĩ của ông ta và dịch bệnh hãy đưa các thầy giáo đốt nát trong Nhà Sống đi. - Nhưng khi nói câu này, tôi nhỏ giọng và ngoái nhìn chung quanh vì sợ người lạ nghe thấy.

- Đừng sợ! - Thotmes trấn an. - Trong quán này rất nhiều tai mắt của Amon đã bị chọc thủng nên họ ngán nghe rồi. Chúng ta, những người đến đây dù sao cũng coi như bị bỏ rơi. Tớ còn không có đến cả bánh mì và bia nếu không nghĩ ra việc vẽ truyện tranh cho con cái nhà giàu.

Cậu ấy cho tôi xem cuộn giấy trong đó có các bức tranh cậu vừa vẽ xong khi tôi đến, và tôi buộc phải cười phá lên vì cậu ấy vẽ một pháo đài có các tường thành được bảo vệ bởi một con mèo đang run lên vì sợ hãi, chống lại đàn chuột đang tấn công, và cậu còn vẽ một con hà mã đang hát trên ngọn cây trong khi một con bồ câu đang mệt mỏi trèo lên cây bằng cái thang dài.

Thotmes nhìn tôi và đôi mắt nâu của cậu mỉm cười. Nhưng rồi cậu mở tiếp cuộn giấy và tôi không cười nữa, vì tiếp theo là một bức tranh trong đó một giáo sĩ nhỏ bé với cái đầu trọc kéo một pharaon to lớn trong cuộn dây thừng như kéo một con vật hiến tế đến đền. Cậu còn cho xem một tranh nữa vẽ một pharaon nhỏ thó cúi đầu trước bức tượng to lớn của thần Amon. Tôi nhìn cậu dò hỏi và cậu gật đầu nói:

- Không phải vậy ư? Cả người lớn cũng cười các bức tranh, vì chúng thật điên rồ. Thật nực cười khi nhìn con chuột tấn công con mèo và cũng hết như thế khi một giáo sĩ kéo một pharaon. Nhưng những người biết thì bắt đầu nghĩ về đủ mọi điều. Vì vậy tớ có đủ bánh mì và bia cho đến khi các giáo sĩ cho lính gác nện tớ chết nơi góc phố. Điều như thế đã từng xảy ra.

- Chúng ta uống nào, - tôi nói và chúng tôi nâng cốc nhưng lòng tôi không thấy vui lên chút nào.

- Có phải hỏi “Vì sao” là sai không? - Tôi hỏi.

- Tất nhiên là sai, - Thotmes đáp, - bởi vì người dám hỏi “Vì sao” sẽ không có nhà, không có lầu, không có chỗ ở trên đất Kemet. Mọi thứ đều phải như trước, cậu biết đấy. Tớ run lên vì vui sướng và hãnh diện khi được vào trường mỹ thuật, hẳn cậu còn nhớ chứ, Sinuhe? Tớ giống như kẻ khát gặp được nguồn nước. Tớ giống như kẻ đói gặp được bánh mì. Và tớ đã học được nhiều điều hay. Tớ học được người nghệ sĩ cần cầm bút vẽ thế nào, cầm đục ra sao và đổ mẫu vào khuôn sáp như thế nào trước khi đục vào đá, học đánh bóng đá như thế nào, phối màu đá ra sao và vẽ trên thạch cao tuyết hoa như thế nào. Nhưng khi tớ khao khát làm việc và thực hiện những điều mình mơ ước cho thỏa nguyện thì một bức tường chắn ngay trước mặt tớ và người ta bắt tớ nhào đất sét cho đĩa khác nặn. Bởi vì trước tiên phải là khuôn mẫu. Nghệ thuật cũng giống như những con chữ được viết theo hình mẫu, ai làm khác sẽ bị nguyên rửa. Vì vậy mọi thứ đều có mẫu và ai làm khác mẫu sẽ không được coi là nghệ sĩ. Từ xưa đến nay đã có quy định vẽ người ngồi và người đứng như thế nào. Từ xưa đến nay đã có quy định ngựa chồm chân lên như thế nào và bò phải kéo xe ra sao. Từ xưa đến nay đã có quy định nghệ sĩ phải làm việc như thế nào và ai làm khác đi sẽ bị cấm vào đền, cấm động đến đá và đục. Sinuhe, bạn ơi, tớ cũng đã hỏi “Vì sao?”. Tớ đã hỏi “Vì sao?” quá nhiều lần. Chính vì thế tớ ngồi đây với những cái u trên đầu.

Chúng tôi uống rượu và đầu chúng tôi nhẹ bồng, tâm chúng tôi bớt ưu phiền, cứ như ung nhọt đã bị chọc thủng, bởi vì chúng tôi không còn cô đơn nữa. Thotmes nói:

- Sinuhe, bạn à, chúng ta sinh ra vào cái thời thật oái oăm. Mọi thứ đều vận động và thay hình đổi dạng giống như đất sét trên bàn xoay của thợ gốm. Quần áo thay đổi, từ ngữ, tập quán thay đổi và con người không còn tin vào thần linh, mặc dù họ vẫn sợ thần linh. Sinuhe, bạn của tôi ạ, có lẽ chúng ta sinh vào thời lụi tàn của thế giới, bởi thế giới đã già ngay từ khi kim tự tháp được

xây một, hai ngàn năm trước. Khi nghĩ về điều đó, tớ muốn gục đầu xuống cánh tay mà khóc như đứa trẻ.

Nhưng cậu ấy không khóc, vì chúng tôi đã uống rượu pha từ những chiếc cốc sắc sỡ và mỗi lần rót đầy cốc cho chúng tôi, chủ quán Vò Rượu Syria lại cúi đầu và để hai tay ngang đầu gối trước chúng tôi. Thỉnh thoảng một nô lệ lại chạy đến đổ nước lên tay chúng tôi. Lòng tôi nhẹ bẫng và lao vút như chim én trước ngưỡng cửa mùa đông, tôi muốn ngâm vang các bài thơ và ôm trọn cả thế giới xung quanh mình.

- Chúng ta đến nhà vui đi, - Thotmes cười, nói. - Chúng ta đi nghe nhạc và ngắm nhìn các cô gái nhảy để tâm hồn được khuây khỏa, để không còn hỏi “Vì sao” cũng như không đòi rượu phải đầy cốc nữa.

Tôi trả tiền rượu bằng một chiếc vòng và bảo chủ quán cầm cẩn thận vì nó vẫn còn dính nước tiểu của người đàn bà có mang. Ý nghĩ đó khiến tôi thấy rất nực cười, chủ quán cũng cười và trả lại một vốc bạc đã được đóng dấu nên tôi có thể cho tên nô lệ một đồng bạc. Hắn cúi người sát đất trước mặt tôi, còn chủ quán tiễn chúng tôi ra đến cửa và dặn tôi hãy nhớ quán Vò Rượu Syria. Gã còn nói mình quen vô số thiếu nữ trẻ trung và phóng túng, sẽ vui lòng làm quen họ với tôi nếu tôi đến chỗ họ, ôm theo hũ rượu mua từ quán của gã. Nhưng Thotmes nói rằng ông của cậu từng ăn nằm với những cô gái Syria như thế, rằng nên gọi các cô ấy là bà thì tốt hơn là em. Chúng tôi bõn cọt như vậy vì hơi men đã bốc lên đầu.

Chúng tôi đi dọc các phố, mặt trời đã lặn và tôi học làm quen với Thebes, nơi không bao giờ có đêm, bởi vì những người dạo chơi ban đêm đã làm cho khu phố của họ sáng bừng lên như ban ngày. Đuốc sáng rực trước các nhà vui và đèn thấp sáng trên đỉnh các cột nơi góc phố. Tiếng các nô lệ khênh kiệu chạy, tiếng hét của người dẫn đường, tiếng nhạc vọng ra từ các ngôi nhà hòa lẫn với tiếng la hét om sòm của những người say rượu.

Chúng tôi ngó vào trong cửa một quán rượu của người Kush, thấy những người da đen dùng tay và dùi gõ gõ trống, tiếng thập thùng sợ hãi của trống lan xa khắp vùng. Hòa cùng với nó là tiếng nhạc Syria cổ sơ leng keng. Sự lạ lẫm của loại nhạc này có thể làm tai đau nhức, nhưng nhịp điệu của nó dễ nhớ và dễ khiến máu nóng bốc lên.

Tôi chưa bao giờ bước chân vào nhà vui nên hơi sợ, nhưng Thotmes kéo tôi vào một nhà có tên “Con mèo và chùm nho”. Đó là một ngôi nhà nhỏ và sạch sẽ, những tấm thảm mềm được dùng làm chỗ ngồi, ánh sáng vàng đẹp và những cô gái trẻ, theo tôi là đẹp, đang vỗ những bàn tay tô son đỏ theo nhịp tiếng sáo và đàn dây. Khi tiếng nhạc dứt, họ ngồi xuống cạnh chúng tôi và bảo tôi gọi rượu cho họ vì cổ họ khô như rơm. Nhạc lại nổi lên và hai vũ nữ khỏa thân trình diễn một điệu nhảy khó đòi hỏi kỹ năng cao khiến tôi rất thích thú theo dõi. Là thầy thuốc, tôi đã quen nhìn thân thể trần truồng của các cô gái, nhưng đôi vú trên những thân thể ấy không rung rinh, những cái bụng nhỏ và mông không lắc lư khêu gợi như thế này.

Nhưng tiếng nhạc lại làm tôi buồn và tôi bắt đầu nhớ mà không biết nhớ gì. Một cô gái xinh đẹp đặt tay lên tay tôi, ép sát người vào người tôi và nói rằng tôi có cặp mắt của một nhà thông thái. Nhưng mắt của cô ấy không xanh như nước sông Nile vào những ngày hè nắng gắt nhất và áo váy của cô không phải là vải lanh hoàng gia, cho dù nó làm hở lộ bầu vú của cô. Vì vậy tôi uống rượu mà không nhìn vào mắt cô, cũng không có ham muốn gì để gọi cô là em gái và bảo cô tiêu khiển cùng tôi. Thế nên điều tôi nhớ đến sau cùng về nhà vui là cú đá giận dữ của một tên da đen vào mông và cái u trên đầu khi tôi ngã từ cầu thang xuống. Điều đó xảy ra với tôi hết như mẹ Kipa từng cảnh báo. Tôi nằm nơi góc phố, trong túi không một cắc bạc, tấm khoác vai rách bươm và đầu sưng vù cho đến khi Thotmes nâng cánh tay tôi lên đôi vai chắc nịch của cậu và dìu tôi ra bến cảng, uống nước sông Nile cho đỡ khát và rửa mặt mũi chân tay.

Sáng hôm ấy tôi trở lại Nhà Sổng với đôi mắt sưng vù, chỗ u trên đầu đau nhói, tám vải choàng vai đầy vết bẩn và không còn mấy may hứng thú hỏi “Vì sao?”. Tôi phải đến trực ở phòng có các bệnh nhân điếc và mắc bệnh về tai, nên tôi vội vàng lau người và mặc bộ đồ trắng của thầy thuốc rồi đi đến đây. Nhưng thầy giáo và là người hướng dẫn tôi gặp tôi ở hành lang, nhìn vào mặt tôi và bắt đầu trách mắng tôi bằng những lời tôi vẫn thường đọc trong sách và đã thuộc lòng.

- Cậu sẽ trở thành ai nếu hằng đêm cậu cứ chạy bên các tường thành và uống rượu không ngớt như thế? - Ông ta nói. - Cậu sẽ trở thành ai khi cậu tiêu phí thời gian ở các nhà vui và lấy gậy đập vào các vò rượu làm người ta sợ hãi? Cậu sẽ trở thành ai khi cậu gây ra các vết thương và chạy trốn người bảo vệ?

Nhưng sau khi nói như thế vì trách nhiệm, ông ta mỉm cười một mình và thở phào nhẹ nhõm rồi kéo tôi vào phòng mình, cho tôi uống một thứ nước mà ông nói là để làm sạch bụng tôi. Tôi cảm thấy tâm trạng sáng khoái hơn và hiểu ra rằng rượu và nhà vui cũng được chấp nhận ở Nhà Sổng, chỉ cần không hỏi “Vì sao?”.

6

Vậy là tôi cũng đã nhiễm sự náo nhiệt của Thebes và bắt đầu thích đêm hơn ngày, thích ánh sáng bập bùng của những ngọn đuốc hơn ánh sáng mặt trời, thích âm nhạc Syria hơn tiếng rên rỉ của người ốm, thích tiếng thổ thề của các cô gái đẹp hơn những chữ viết cổ trên giấy ố vàng. Nhưng không ai trách mắng tôi về điều đó, miễn là tôi làm việc của mình ở Nhà Sổng, vượt qua các cuộc sát hạch và không đánh mất sự chuẩn xác của đôi tay. Cuộc sống của người được thụ giáo là tất cả những điều đó, hiếm có môn sinh nào có đủ tiền để mua được nhà và lấy vợ trong thời gian đang học. Vì vậy những người thầy của tôi đã giúp tôi hiểu rằng tốt nhất tôi cần giải thoát đầu mình, giải thoát thân xác mình, và để cho tâm hồn được sáng khoái.

Nhưng tôi vẫn chưa nếm mùi đàn bà, mặc dù tôi nghĩ mình biết vòng tay của họ không bỏng rẫy như lửa.

Đó là khoảng thời gian có nhiều biến động và Pharaon vĩ đại ngọc thể bất an. Tôi đã thấy khuôn mặt già nua, khô héo của ngài khi ngài ngự giá đến đền dự lễ mùa thu, trên người đầy vàng và đá quý, bất động như một bức tượng thánh và đầu như lọt thỏm dưới sức nặng của vương miện hai tầng. Ngài khó ở và thuốc của các thái y không giúp ngài khỏi bệnh nên người ta đồn rằng thời của ngài đã hết và Thái tử sẽ lên ngôi pharaon. Nhưng Thái tử đang còn trẻ, như tôi.

Người ta làm lễ hiến tế, quỳ lạy trong đền Amon nhưng Amon không giúp được con trai thần thánh của ngài, mặc dù Pharaon Amenhotep Đệ Tam đã xây dựng cho thần ngôi đền vĩ đại nhất từ xưa đến nay. Người ta còn nói rằng nhà vua giận các thần linh Ai Cập và đã phái sứ giả đi gặp quốc trưởng của mình là vua Mitanni của xứ Naharani để xin người gửi nữ thần Ishtar từ Nineveh tới làm phép lạ, chữa cho ngài. Nhưng đó là điều sỉ nhục với thần Amon nên người ta chỉ dám xì xào trong khu vực đền và trong Nhà Sống.

Khi tượng Ishtar được gửi đến, tôi thấy các giáo sĩ với bộ râu xoắn, khăn trùm đầu lạ lùng và những áo khoác bông dày, đầm đìa mồ hôi khiêng tượng qua Thebes trong âm thanh lạnh lạnh của những chiếc kèn đồng và tiếng bùng bục của dàn trống con. Nhưng ngay cả thần linh của xứ khác cũng không giúp được Pharaon, các giáo sĩ rất mừng vì điều đó, vì thế khi nước sông bắt đầu lên, danh y khoan sọ hoàng gia được vời đến cung điện.

Tôi chưa nhìn thấy Ptahor lần nào từ khi đến Nhà Sống vì ít khi có ca khoan sọ và trong suốt thời gian học của mình, tôi không được theo dõi các ca mổ hay chữa trị ở các chuyên khoa đặc biệt. Bây giờ, Ptahor đang được người ta vội vàng rước từ dinh thự của ông tới Nhà Sống. Ông rửa ráy trong phòng khử trùng và tôi làm mọi cách để được ở cạnh ông. Ông vẫn hói và mặt đầy nếp

nhăn, hai má sệ xuống hai bên khoe miệng già nua, buồn bã, chán chường. Ông nhận ra tôi, mỉm cười và hỏi:

- Cháu đây à, Sinuhe? Cháu đã tiến xa thế này ư, con trai Senmut?

Ông chìa cho tôi hộp gỗ mun đựng đồ mổ của mình và bảo tôi đi theo ông. Điều này là một vinh dự mà tôi chưa xứng đáng được nhận, có lẽ cả các danh y hoàng gia cũng phải ghen tị, nên tôi xử sự rất khiêm nhường.

- Trước tiên, ta muốn kiểm tra sự chuẩn xác của đôi tay mình, - Ptahor nói. - Ở đây chúng ta sẽ khoan vài ba sọ trước để xem mọi việc có suôn sẻ không.

Mắt ông nhòe ướt và tay hơi run. Chúng tôi đi vào phòng có những người bệnh hết hy vọng, những người bị bại liệt và bị bệnh về não. Ptahor xem xét sọ của vài người và chọn một ông già mà cái chết là sự giải thoát và một nô lệ to khỏe bị mất khả năng nói, không thể cử động được chân tay vì bị đá ném vào đầu trong một cuộc ẩu đả trên đường phố. Họ được cho uống thuốc gây tê rồi được đưa sang phòng mổ và lau rửa. Ptahor tự rửa bộ đồ mổ và hơ chúng trên lửa để tẩy trùng.

Việc của tôi là cắt tóc cho hai bệnh nhân bằng dao cạo tốt, sau đó tẩy sạch đầu, rửa một lần nữa rồi bôi dầu giảm đau lên da và Ptahor đã sẵn sàng làm việc của ông. Trước tiên, ông rạch da đầu ông già và mở da sang hai bên mặc cho máu chảy nhiều. Sau đó, với động tác rất nhanh, ông khoan một lỗ vào mảnh xương lộ ra bằng mũi khoan rộng ở giữa và nhấc ra một mẫu xương. Ông già bắt đầu thở hỗn hển, mặt trở nên tái mét.

- Ta không thấy sọ của ông ta bị tổn thương gì, - Ptahor nói và để mẫu xương vào chỗ cũ rồi khâu mấy mũi để da đầu kín lại và băng đầu, ông già tắt thở ngay sau đó.

- Tay ta hơi run, - Ptahor nói. - Có lẽ cậu nào đó mang cho ta chút rượu.

Ngoài các giảng sư của Nhà Sống, toàn bộ nhóm nghiên cứu sợ tương lai cũng theo dõi chúng tôi. Ptahor cầm lấy cốc rượu rồi nhìn về phía gã nô lệ đã bị trói ngồi vào ghế, guồng guồng nhìn dù đã uống thuốc tê. Ptahor bảo buộc y chặt hơn và buộc chặt đầu y vào giá giữ sọ để ngay cả người khổng lồ cũng không thể nhúc nhích. Ptahor mở da đầu của y và lần này ông cẩn trọng hơn với việc chảy máu. Các tĩnh mạch hai bên da đầu được đốt kín lại và ông cho dùng thuốc để cầm máu. Ptahor để việc này cho các danh y khác làm vì ông muốn đôi tay mình được nghỉ ngơi. Thực ra trong Nhà Sống thường có một người cầm máu, một người không được học hành gì, mà chỉ cần sự hiện diện của anh ta đã khiến máu đông trong mấy giây, nhưng Ptahor muốn vừa làm vừa giảng giải để dành sức cho ca mổ Pharaon.

Sau khi rửa bề mặt sọ, Ptahor cho mọi người xem chỗ xương bị lõm vào trong. Rồi dùng khoan, cưa và kìm, ông tách ra từ vỏ xương đầu mỗi lần một mẫu cỡ bằng lòng bàn tay rồi chỉ cho tất cả xem máu tụ lại như thế nào giữa các lớp trắng của não. Với sự cẩn thận cao độ, ông lấy từng tí máu ra và gỡ ra mẫu xương đâm vào não. Ca mổ diễn ra khá lâu nên tất cả các học trò đều kịp thấy các thao tác của ông và ghi nhớ bề ngoài của bộ não người sống. Sau đó Ptahor bít lỗ khoan lại bằng một miếng bạc vừa được làm theo hình mẫu xương được lấy ra lúc nãy và đã được sát trùng bằng lửa, rồi ông dính chặt nó vào vỏ sọ bằng những cái ghim nhỏ. Sau khi khâu da đầu lại như cũ và băng vết thương, ông nói: “Hãy thức hẩn dậy”, vì bệnh nhân đã bất tỉnh khá lâu.

Người ta cởi trói cho gã nô lệ, đổ rượu vào họng y và cho y ngửi một loại thuốc có mùi gắt nồng. Một lát sau, y ngồi dậy và bắt đầu chửi rủa. Thật kỳ diệu, không ai có thể tin nếu không tận mắt chứng kiến bởi vì trước ca mổ, y không nói được và cũng không thể cử động tay chân. Lần này tôi không cần phải đặt câu

hỏi “Vì sao” vì Ptahor đã giải thích rằng mẫu xương đâm vào trong và máu tụ lại trên bề mặt não đã gây nên các triệu chứng như đã thấy.

- Nếu hân không chết trong vòng ba ngày tới thì coi như hân đã được chữa khỏi, - Ptahor nói, - và sau hai tuần hân có thể đánh nhau với kẻ đã ném đá vào đầu mình. Ta không nghĩ hân sẽ chết.

Sau đó ông vui vẻ cảm ơn tất cả những người đã giúp đỡ ông, nhắc cả tên tôi, mặc dù tôi chỉ đưa cho ông những dụng cụ mổ mà ông cần. Nhưng tôi không hề đoán được mục đích của ông khi cho tôi làm việc ấy vì khi đưa tôi cầm hộp gỗ mun của mình, ông đã chọn tôi làm người phụ tá cho ông trong cung điện của Pharaon. Bây giờ tôi đã hai lần đưa đồ mổ cho ông và như thế, tôi đã thành chuyên gia, giúp ông nhiều hơn so với các danh y hoàng gia khi nói đến việc mổ sọ. Nhưng tôi không hiểu điều này nên hết sức ngạc nhiên khi ông nói:

- Có lẽ chúng ta đã thuận thực để đương đầu với não của quốc vương. Cháu đã sẵn sàng chưa, Sinuhe?

Thế là với chiếc áo choàng thầy thuốc giản đơn của mình, tôi đã bước lên ngồi bên cạnh Ptahor trên chiếc kiệu hoàng gia. Người cầm mái bằng lòng ngồi trên đòn kiệu và nô lệ của Pharaon đưa chúng tôi đến bến cảng bằng những bước chạy nhịp nhàng sao cho kiệu không hề dừng đưa. Thuyền hoàng gia của Pharaon đã đợi chúng tôi trên bến cảng, các tay chèo được tuyển lựa từ đám nô lệ, chèo nhịp nhàng đến mức tôi có cảm giác như thuyền đang bay chứ không phải đang bơi trên mặt nước. Từ bến đỗ thuyền của Pharaon, người ta vội vàng đưa chúng tôi về nhà vàng và tôi không thấy ngạc nhiên, bởi vì binh lính diễu hành trên đường phố Thebes, các cổng thành đóng kín và những người buôn bán dọn hàng hóa vào kho, đóng các cửa lớn và cửa sổ lại. Những điều đó cho biết Pharaon Đại đế sắp băng hà.

Sách thứ ba

Thebes náo nhiệt

1

Rất nhiều người, cả giàu sang lẫn thấp hèn, tụ tập quanh các tường thành của hoàng cung và cả bãi cấm bên sông cũng dày đặc ghe thuyền, những chiếc thuyền chèo tay bằng gỗ của người giàu và thuyền sậy quét hắc ín của người nghèo. Khi thấy chúng tôi, đám đông râm ran tiếng xì xào, nghe như tiếng nước rì rào xa xa và tin người khoan sọ hoàng gia đã đến lan ra, truyền từ người này sang người khác. Lúc đó mọi người giơ tay làm dấu để bày tỏ sự tiếc thương, tiếng la hét và tiếng than khóc vọng đến hoàng cung trước chúng tôi, bởi ai cũng biết rằng không pharaon nào sống thêm được ba ngày sau khi bị khoan sọ.

Từ cổng hoa huệ tây, chúng tôi được đưa tới các phòng trong hoàng cung, các triều thần phục vụ chúng tôi và cúi rạp mình sát đất trước Ptahor và tôi, vì chúng tôi nắm cái chết trong tay. Ở đó, một phòng khử trùng tạm thời đã được chuẩn bị sẵn cho chúng tôi, nhưng sau khi trao đổi đôi lời với ngự y riêng của Pharaon, Ptahor giơ tay biểu thị sự buồn rầu rồi lạnh lùng làm các bước khử trùng. Ngọn lửa thiêng được đưa đến theo sau chúng tôi khi chúng tôi đi qua các phòng tráng lệ của hoàng cung để bước vào cung thất của Pharaon.

Pharaon vĩ đại nằm trên giường dưới lọng vàng, các cột giường là các thần bảo vệ ngài và chiếc giường được đỡ bởi mấy con sư tử. Ngài nằm bất tỉnh trên giường, tất cả các vật biểu trưng quyền lực đã được cởi bỏ, thân thể ngài sưng phồng, trần trụi và

tiều tụy; chiếc đầu già nua, teo tóp, ngoẹo sang một bên; ngài thở nặng nhọc và nước dãi từ khóe miệng nhều ra. Quyền lực và hào quang trần thế như bóng mờ và dần dần biến mất như vậy, khiến ngài không khác gì một người già đang nằm chờ chết trong phòng chờ của Nhà Sống. Nhưng trên các bức tường của căn phòng, ngài vẫn ngồi trong những cỗ xe hoàng gia được những con ngựa có bờm kéo lao vun vút, bàn tay rắn chắc của ngài giương cung và những con sư tử trúng tên gục ngã dưới chân ngài. Các bức tường trong cung thất lập lòe đỏ, vàng và xanh nước biển, dưới sàn cá bơi lội tung tăng, đàn vịt vỗ cánh rào rào và những cây sậy đung đưa trong gió.

Chúng tôi cúi rạp mình trước Pharaon đang hấp hối và bất cứ ai từng nhìn thấy tử thần đều biết rằng tất cả tài năng của Ptahor đều vô ích. Nhưng từ trước đến nay, khoan sọ của pharaon là giải pháp cuối cùng nếu như ngài không chết theo cách tự nhiên, vì vậy đó là việc cần thực hiện lúc này và chúng tôi bắt đầu công việc. Tôi mở hộp gỗ mun, sát trùng khoan, dao mổ và tìm trên lửa một lần nữa rồi đưa con dao nhọn thần thánh cho Ptahor. Ngự y riêng của Pharaon đã cạo sạch tóc và rửa sạch cái đầu đang hấp hối của ngài, nên Ptahor lệnh cho người cầm máu đến ngồi cạnh giường và nâng đầu Pharaon vào lòng anh ta.

Lúc đó Hoàng hậu Teje bước đến gần giường và ngăn lại. Cho đến khi ấy, Hoàng hậu vẫn đứng bên tường, tay giơ cao tỏ nỗi đau buồn và bất động như một tượng thánh. Phía sau Hoàng hậu là Thái tử trẻ Amenhotep và chị gái của ngài, Công chúa Baketamon, nhưng cho đến lúc đó tôi không dám ngẩng lên nhìn họ. Bây giờ, khi trong phòng đang lộn xộn, tôi nhận ra họ từ những bức tranh ở trong đền. Thái tử Amenhotep trạc tuổi tôi nhưng cao hơn. Ngài ngẩng cao đầu, chiếc cằm dài, thẳng và mắt nhắm nghiền. Chân tay ngài khảnh khiu, yếu ớt, đôi lông mày và gò má rung rung. Công chúa Baketamon có những nét quý phái, xinh đẹp với cặp mắt hình trái xoan. Môi và má công chúa tô son hoe hoe đỏ, xiêm áo của công chúa là loại vải lanh hoàng tộc, để lộ ra sau lớp vải, chân tay công chúa như chân tay

của thánh thần. Nhưng cả hai đều không oai nghi bằng Hoàng hậu Teje vĩ đại, mặc dù bà nhỏ người và đầy đả vì tuổi tác. Da bà màu nâu sậm, gò má rộng và cao. Nghe đồn rằng bà có gốc gác thấp hèn và mang dòng máu người da đen, nhưng điều này tôi không dám chắc vì tôi chỉ nghe nói lại. Tôi chỉ biết mặc dù trong các ghi chép, cha mẹ của bà không thuộc dòng dõi quý phái nhưng bà rất cương nghị, sắc sảo, đôi mắt bà thông minh và đáng người bà toát lên vẻ oai vệ. Khi bà giơ tay và nhìn người cầm máu thì người này tựa như cát bụi dưới đôi bàn chân to bè, nâu sậm của bà. Tôi hiểu y vì y vốn chỉ là tay lái xe bò, con nhà thấp hèn, không biết đọc và không biết viết. Y đứng rụt cổ, hai tay thông xuống, miệng mở hé và nét mặt đầy vẻ ngu dốt. Y không tài cán hay sáng dạ, nhưng lại có khả năng chặn máu chảy bằng sự hiện diện của mình và nhờ vậy y được gọi vào ăn lương ở đền, bỏ lại sau những con bò và chiếc cày của mình. Dù có tắm rửa, kỳ cọ đến thế nào thì mùi phân bò vẫn bốc ra từ người y, nhưng y không thể giải thích tại sao mình có khả năng cầm máu. Nó không phải là năng lực, cũng không phải là một kỹ năng nhờ sự trau dồi mà có. Nó tiềm ẩn trong y giống như một viên đá quý có thể có trong đồng sỏi và khả năng ấy không thể học hỏi hay qua tu luyện tâm linh mà có được.

- Ta không cho phép nó động vào thánh thể của quốc vương, - Hoàng hậu nói. - Ta sẽ giữ đầu quốc vương nếu cần thiết.

Ptahor không đồng ý và nói phẫu thuật sẽ làm máu bắn tứ tung rất gớm ghiếc. Mặc dù vậy, Hoàng hậu vẫn ngồi xuống mép giường và cẩn thận nâng đầu quân vương tôn kính của mình lên, đặt vào lòng mặc cho nước dãi của vua nhễu xuống tay mình.

- Thánh thượng là của ta, - Hoàng hậu nói. - Không ai khác được chạm vào ngài. Ngài sẽ đi vào cõi chết từ lòng ta.

- Thánh thượng là thần linh, sẽ lên thuyền của mặt trời quốc lão và lướt thẳng tới miền cực lạc. - Ptahor nói và dùng con dao

mỏng mở lớp da đầu của Pharaon. - Ngài đã sinh ra từ mặt trời và ngài sẽ trở về mặt trời và thần dân sẽ muôn đời nhắc đến tên ngài. Nhân danh thần Seth và tất cả quỷ dữ, gã cầm máu còn lần chân gì thế?

Ông nói về những điều không liên quan đến ca phẫu thuật để hướng suy nghĩ của Hoàng hậu ra chỗ khác - như các danh y tài ba thường làm để giúp bệnh nhân của mình quên đi đau đớn. Nhưng đến câu cuối cùng, ông quát người cầm máu đang tựa vào khung cửa, mắt ngài ngủ nửa nhắm nửa mở vì máu từ đầu Pharaon bắt đầu chậm chậm chảy và nhỏ xuống người Hoàng hậu khiến bà co rúm lại, mặt trở nên tái nhợt. Gã cầm máu cũng giật mình bừng tỉnh. Có lẽ y đang nghĩ đến những con bò đực và mương tưới tiêu, nhưng bây giờ y đã nhớ ra việc của mình, bước lại gần hơn và nhìn Pharaon tay đang giơ cao. Máu lập tức ngừng chảy và tôi rửa rồi lau sạch đầu Pharaon.

- Xin lỗi, bà chị bé nhỏ của thần, - Ptahor nói và cầm lấy khoan từ tay tôi. - Dù thế nào ngài cũng sẽ đến với mặt trời quốc lão trên chiếc thuyền vàng và Amon sẽ phù hộ ngài.

Vừa nói ông vừa xoay mũi khoan giữa lòng bàn tay một cách nhanh và thành thạo nhất để nó rít ken kết, xuyên vào xương. Lúc ấy, Thái tử mở mắt, bước về trước một bước và nói, cơ mặt rung rung:

- Không phải thần Amon mà thần Ra-Horakhty ban phước lành cho phụ vương và thần Aton là hiện thân của phụ vương.

Tôi đưa tay lên bày tỏ sự tôn kính mặc dù không hiểu ngài nói gì, bởi ai mà biết được hết hàng ngàn vị thần của Ai Cập, ít nhất là giáo sĩ của Amon, người có quá nhiều điều để nghĩ trong tam thành và cửu tháp thần thánh của thần.

- Aton linh thiêng, - Ptahor bình thản lầm bầm, - vì sao không phải là Aton, sao lưỡi tôi nhịu lại thế?

Ptahor lại cầm lấy con dao mổ và cái búa bằng gỗ mun rồi bắt đầu gỡ xương bằng những nhát gỗ nhẹ.

- Đúng vậy thật, tôi nhớ ra rồi, bằng sự thông thái thần thánh của ngài, Pharaon đã lập đền thờ thần Aton, hình như ngay sau khi Thái tử chào đời, phải vậy không Teje xinh đẹp? Nào, một lát nữa thôi.

Ông liếc nhìn Thái tử đang đứng cạnh giường, vẻ phiền muộn, hai bàn tay nắm chặt và mặt đang run lên.

- Quả thật có lẽ một ngụm rượu nhỏ sẽ giúp vững tay hơn và cũng không hại cho Thái tử. Hơn nữa cũng nên phá xi găng trên vò rượu của hoàng gia. Ôi chà!

Tôi đưa kìm cho ông và ông gắp ra một mẫu xương khiến cái đầu trên đùi Hoàng hậu động cựa.

- Rọi đèn vào, Sinuhe.

Ptahor thở phào vì việc khó nhất đã xong. Tôi cũng thở phào theo bản năng và hình như cảm giác nhẹ nhõm đã truyền sang Pharaon đang bất tỉnh; các bộ phận thân thể ngài khẽ động đậy, hơi thở chậm lại, rồi ngài lại chìm vào trạng thái bất tỉnh sâu hơn. Dưới ánh sáng đèn rọi vào, Ptahor nhìn chăm chăm vào phần não của Pharaon đang nhô cao lên trong lỗ khoan qua vỏ não. Não màu xanh xám và phập phồng.

- Hừm! - Ptahor kêu lên và trầm ngâm. - Điều gì làm được, ta đã làm. Cuối cùng đành để Aton săn sóc ngài, bởi vì đây là việc của thần linh chứ không phải của con người.

Ông nhẹ nhàng và thận trọng để mẫu xương lại chỗ cũ, phết keo dán vào chỗ hở, kéo da đầu lại rồi băng kín vết thương. Hoàng hậu lại ngả cái đầu xuống súc gối đỡ gáy bằng gỗ đắt tiền được chạm khắc và nhìn Ptahor. Máu trên đùi Hoàng hậu đã khô, nhưng người không để ý đến nó. Ptahor đáp lại cái nhìn can

đảm của Hoàng hậu rồi không cúi người, ông hạ thấp giọng và nói:

- Pharaon sẽ sống được đến sáng mai nếu thần của ngài chuẩn thuận.

Nói xong ông giơ tay làm dấu buồn rầu và tôi cũng làm theo. Nhưng động tác giơ tay của Ptahor biểu thị sự thương cảm còn tôi thì không dám, bởi vì tôi là ai mà dám thương xót bậc đế vương. Tôi tẩy sạch bộ đồ mỡ trên lửa và xếp chúng vào hộp gỗ mun của Ptahor.

- Ông sẽ được nhận rất nhiều quà, - Hoàng hậu nói và đưa tay ra hiệu chúng tôi được ra về.

Chúng tôi được đãi một bữa ăn trong sảnh đường của hoàng cung và Ptahor mừng rỡ khi nhìn thấy nhiều vò rượu trên giá cạnh tường. Ông sai mở một vò trong số đó sau khi đã đọc kỹ các tấm xi gấn trên miệng vò rồi nô lệ giội nước lên tay chúng tôi. Tôi hỏi Ptahor sao ông dám nói với Hoàng hậu và Thái tử một cách thất lễ như thế.

- Pharaon đích thực là thần khi người còn sống, - Ptahor nói và nhìn mặt, nhìn giống như một con khỉ đầu chó già nua. - Quả thật người ta xây dựng những ngôi đền cho ngài và dâng cúng nhiều sản vật từ mọi miền đất nước nhưng là một danh y, ta thấy Pharaon chỉ là một con người, cũng chết như chúng ta. Hoàng hậu cũng là một con người và có tất cả những tính cách đặc trưng của đàn bà. Lời nói của ta chỉ như tiếng vo ve của ruồi trong tai của gia đình hoàng gia, và cho dù ta có vo ve như những con ruồi xung quanh họ thì họ cũng không buồn động tai về phía ta. Nhưng bây giờ họ sẽ nói: "Ptahor kỳ cục nhưng là một người đàn ông đáng kính. Chúng ta hãy tha thứ cho sự nông nổi của ông ta vì ông ta đã có tuổi và vì ý định tốt đẹp của ông ta". Và họ trao cho ta nhiều món quà quý giá và sẽ không quên ta. Hãy nhớ rằng nếu cháu muốn hoàng đế nghe mình,

hãy nói với ngài những điều trái ngược với điều người khác nói, nói với ngài như với một người đàn ông, người giống như mình. Khi đó, hoặc ngài sẽ nghe lời cháu, hoặc cháu sẽ bị người ta lấy gậy đuổi ra khỏi cung điện, nhưng dù sao ngài cũng sẽ nhớ đến cháu. Và thật tuyệt vời nếu pharaon nhớ đến thuộc hạ của mình.

Ptahor uống rượu và trở nên vui nhộn. Người cầm máu lấy tay nhón miếng thịt tẩm mật ong đút vào miệng nhai nhồm nhoàm, mắt hẳn vẻ ngái ngủ ngu dần. Gã nói: “Không còn ở lâu đất nữa”.

Gã cũng uống rượu và uống như thể đó là bia, mắt mở to, mặt đỏ bừng. Gã nhắc lại lần nữa:

- Không còn ở lâu đất nữa, không bao giờ, không, chào! - Người hầu rót nước cho gã rửa tay và gã vẩy nước khắp sảnh. Ptahor nhìn gã độ lượng, bảo nhân cơ hội này hãy đi xem các chuồng trại của Pharaon, vì chúng tôi không thể rời khỏi cung điện trước khi Pharaon trút hơi thở cuối cùng hoặc khi ngài khỏi bệnh. Đó là quốc phong. Nếu Pharaon băng hà, chúng tôi buộc phải chết theo ngài.

Người cầm máu tin lời Ptahor nói và buồn hẳn. Nhưng rồi gã thấy vui ngay trở lại khi nghĩ mình sẽ không bao giờ phải chết trong lâu đất và gã đòi đi xem các chuồng ngựa của Pharaon, khi vẫn còn cơ hội. Ptahor gọi người hầu đến dẫn gã đi và dặn rằng tốt nhất hãy để cho gã ngủ trong chuồng ngựa, vì như thế gã sẽ thấy thân thuộc hơn.

Khi còn lại hai chúng tôi, tôi mạnh dạn hỏi Ptahor về Aton vì tôi thực sự không biết Amenhotep Đệ Tam đã xây đền cho một vị thần có tên như vậy ở Thebes. Ptahor giải thích, Ra-Horakhty là thần của dòng họ Amenhotep, vì Thomes Đệ Nhất, pharaon vĩ đại nhất trong các pharaon, trong một lần tới sa mạc và đứng bên cạnh một nhân sư đã mơ thấy vị thần này hiện về báo mộng

rằng ngài sẽ đội trên đầu vương miện của cả hai vương quốc, mặc dù lúc đó Thomes chưa thấy cơ may nào trở thành quốc vương. Trước ngài còn có quá nhiều người khác có thể được kế vị. Điều đó là có thật, vì vào thời trai trẻ điên rồ của mình, Ptahor từng đến chỗ các kim tự tháp và tận mắt nhìn thấy ngôi đền đã được cho xây để tưởng nhớ câu chuyện về giấc mộng của Thomes qua biểu tượng những cái chân khổng lồ của nhân sư và cái bảng ghi lại lời kể của Hoàng đế về sự hiển linh của mình. Từ đó trở đi, dòng họ Amenhotep tôn sùng Ra-Horakhty, vị thần ở hạ lưu Heliopolis và hiển hiện trong hình tượng của Aton. Aton là vị thần cổ sơ, cổ hơn Amon nhưng đã bị lãng quên cho đến khi Hoàng hậu sinh hạ được con trai sau khi đến cầu tự thần này ở Heliopolis. Vì thế một ngôi đền được xây cho Aton ở Thebes mặc dù ngoài các thành viên của hoàng gia không ai thăm viếng đền này. Aton ở đây là con bò đực với mặt trời ngự giữa đôi sừng và thần Horus được tượng hình dưới dạng chim ưng.

- Theo đó Thái tử là con trai thần thánh của Aton, - Ptahor nói và nhấp một ngụm rượu. - Hoàng hậu đã nhận được sự hiển linh trong đền Ra-Horakhty và sau đó sinh được con trai. Cũng từ nơi đó bà đã mang theo về một giáo sĩ đầy tham vọng mà bà rất ưu ái. Tên ông ta là Eje và ông ta đã cho vợ mình về làm vú nuôi của Thái tử. Ông ta có một cô con gái tên là Nefritite, bú từ cùng một bầu sữa với Thái tử và khi còn bé, cô ta giống như chị hoặc em gái Thái tử, như thế thì cháu biết chuyện gì sẽ đến.

Ptahor uống thêm một hớp rượu rồi thở phào và nói:

- À, với một ông già thì không có gì tuyệt hơn là được uống rượu và lảm nhảm về những việc không liên quan gì đến mình. Ôi, Sinuhe, con trai của ta, giá mà cháu biết bao nhiêu điều bí ẩn bị chôn vùi sau vầng trán của một danh y khoan sọ già nua. Có thể trong đó có cả những bí mật của hoàng gia và nhiều người ngạc nhiên vì sao không bé trai nào sinh ra và sống sót nơi hậu cung, bởi điều này trái với mọi nguyên lý của y khoa. Và ngài, người

hiện giờ đang nằm kia với hộp sọ bị khoan, từng không bỏ qua bất kỳ thú vui nào trong những ngày tháng vui vẻ và khỏe mạnh của mình. Ngài là một thợ săn vĩ đại và trong cuộc đời mình, ngài đã hạ cả ngàn con sư tử, mấy trăm con bò rừng, bao nhiêu thiếu nữ đã cùng ngài ân ái trên cái giường dưới lọng che thì khó có hoạn quan nào tính được, vậy mà ngài chỉ có duy nhất một con trai với Hoàng hậu Teje.

Bồn chồn vì cũng đã uống khá nhiều, tôi thở dài và nhìn viên đá xanh trên ngón tay mình. Nhưng Ptahor lại tiếp tục nói, không đoái hoài gì đến tôi:

- Ngài, người đang nằm đó, đã tìm thấy Hoàng hậu vĩ đại trong một chuyến đi săn. Người ta nói rằng Teje là con gái của một người săn chim trong rừng sậy ở lưu vực sông Nile, nhưng Hoàng đế đã phong bà lên ngang hàng với mình bởi vì trí thông minh của bà, ngài cũng coi trọng cha mẹ thương dân của bà và chất đầy mộ của họ những món quà quý giá nhất. Và Teje cũng không ngăn cản thú vui nào của ngài, miễn là không phi tần nào nơi hậu cung sinh con trai. Về điểm này, bà có may mắn kỳ lạ và thật khó có thể tin nếu điều đó thật sự đã không xảy ra. Và nếu như ngài, người nằm đó, nằm trong tay trượng và roi thì Hoàng hậu vĩ đại nắm giữ cánh tay và bàn tay. Khi nhà vua vì lợi ích quốc gia mà kết hôn với con gái của vua Mitanni để ra khỏi cuộc chiến kéo dài muôn đời ở Naharani, vùng đất nơi thượng nguồn, Teje đã thuyết phục ngài tin rằng Công chúa có móng dê ở nơi cánh đàn ông ham muốn và rằng nàng cũng có mùi dê, ít nhất như người ta đồn đại và công chúa này về sau hóa điên.

Ptahor liếc nhìn tôi và nhìn xung quanh rồi vội vàng nói:

- Nhưng, Sinuhe, đừng bao giờ tin những chuyện như thế vì đó chỉ là lời đồn đại của những người xấu xa và ai cũng biết đến Hoàng hậu bởi sự thông thái và ân cần, tài lựa chọn những người đàn ông có khả năng xung quanh mình và ngai vàng của mình. Thế đấy.

Ptahor nghiêng cốc cho một giọt rượu rơi xuống sàn và thành kính ngược mặt nhìn lên. Rồi ông liếc sang bên, cười phá lên và reo to:

- Chào người cầm vĩ ruồi, - ông reo to. - Phải anh đó không? Hãy đến ngồi xuống đây và uống cùng tôi một cốc. Đã lâu chúng ta chưa gặp nhau.

Tôi đứng phắt dậy và cúi khom người, hai tay chạm sàn, bởi vì một bậc tôn kính, người cầm vương trượng bên phải nhà vua và giữ ấn triện của ngài, đang hạ cố đến gần chúng tôi. Ông đến một mình, trong tay ông là những biểu tượng quyền lực nhìn trang nghiêm buồn thảm. Khuôn mặt già nua của ông nhăn nhúm vì đau buồn và những giọt nước mắt lăn trên má. Đó là những giọt nước mắt đau khổ chân thành, ông khóc thương chính mình cũng như khóc cho Pharaon. Ông không hề liếc nhìn tôi bởi theo tập quán, đáng bề trên không cần nhìn kẻ bề dưới vốn chỉ như không khí xung quanh mình. Ông ta ngồi xuống, đặt ấn triện và vương trượng xuống, thở dài và cúi kính nói:

- Này danh y khoan sợ, người ta đã tha thứ cho những lời đùa bỡn của ông, nhưng ông không nên cười cợt ở nơi lễ ra phải đau buồn và than khóc. - Nói xong, ông đưa tay ra dấu muốn hỏi.

- Cho tới sáng, - Ptahor nói, - nhưng nhân lúc chúng ta không ở trong lều đất sét, như một người thông thái vừa mới nói đây, ông cũng nên uống với chúng tôi một cốc vì rượu thích hợp với niềm vui lẫn nỗi buồn. Nhưng tại sao ông chỉ có một mình và xuất hiện như một cái bóng, anh bạn của tôi? Tại sao những kẻ hầu hạ và đám thượng lưu không còn vây quanh ông như ruồi bu quanh chiếc bánh ngọt?

Quan chưởng ấn lau nước mắt trên má và mỉm cười buồn bã.

- Quyền lực giống như cây sậy trong tay con người, - ông nói. - Cây sậy bị gãy và con chim khôn ngoan kịp bay sang đung đưa

trên ngọn sậy khác. Vì vậy, có lẽ ta sẽ uống một cốc với ông, Ptahor, mặc dù đó không phải là thói quen của ta, bởi vì ông nói đúng, rượu là thuốc bổ cho trái tim đau khổ.

- Lẽ nào nhanh đến như vậy? - Ptahor hỏi.

Quan chưởng ấn đang tay thể hiện sự bất lực.

- Tôi thậm chí còn không được vào thức canh bên ông chủ đang hấp hối của mình, - ông nói. - Có Amon chứng giám, thế gian trả ơn bằng sự vô ơn. Hoàng hậu vĩ đại đã đoạt lấy ấn triện của Pharaon và đám cận thần chỉ nghe lệnh của bà. Bên cạnh bà là giáo sĩ ngoại đạo và Thái tử, nói thật, Thái tử chỉ chăm chăm nhìn về phía trước, như con bê non để mặc người chăn dẫn đi đâu tùy ý.

- Nói về các giáo sĩ, - Ptahor nói và rót rượu vào cốc của quan chưởng ấn, vì mấy tên hầu đã bỏ đi khi ông đến, - như tôi vừa kể với anh bạn Sinuhe của tôi đây, một lần hồi còn trẻ bên các kim tự tháp tôi đã viết tên mình lên bàn chân của nhân sư khổng lồ như các lũ khách thường làm để tên tôi không bao giờ bị lãng quên.

Quan chưởng ấn lịch sự liếc nhìn nhưng không thấy tôi.

- À, Aton, - ông ta nói và thành kính đưa tay làm dấu biểu tượng Amon. - Các bản lề của cổng đền Aton đã bị hoen rỉ và quốc vương không còn bày tỏ lòng thành với thần đã nhiều năm nay. Ngài chẳng thà mời vị thần ngoại lai đến chữa trị cho mình. Đó là sự khác thường.

Ông ta lại liếc sang tôi lần nữa và chắc đã nhìn thấy tôi vì ông vội vàng nói thêm:

- Người ta cho thần linh được phép khác thường, bởi vì bản chất của thần linh là sự dị thường.

- Nhưng Thái tử lại nói về thần Aton, - Ptahor giải thích.

- Thái tử, - quan chưởng ấn nói với giọng coi thường thấy rõ, - Thái tử điên rồ và ốm yếu. Tôi dám nói, khi Pharaon còn chưa vào Nhà Chết, Hoàng hậu sẽ gắn bộ râu vào cằm mình, buộc đuôi sư tử vào hông rồi ngồi phán xử với vương miện trên đầu. Tất nhiên giáo sĩ đã xúi giục bà ấy, nhưng tôi cũng dám nói rằng Hoàng hậu phải liên minh với Amon nếu bà muốn trị vì Ai Cập.

Ông ta uống một ngụm rượu và mắt nhòe đi.

- Nói thật lòng, - ông nói tiếp, - các vị thần quả thật rất kỳ dị. Tôi đã hiến dâng đời mình cho thần Amon, tôi cúi đầu coi giáo sĩ tối cao của ngài như cha mình; là người kiến thiết tối cao, tôi đã dồn đất đai Ai Cập vào trong các ngôi đền của ngài nhưng không ai ngoài thần Seth với tất cả quỷ dữ của thần biết ơn tôi về điều đó.

Ông ta lại uống rượu và bắt đầu khóc.

- Tôi chỉ là một con chó già, - ông nức nở. - Tôi là con chó già và lưng tôi rụng hết lông, vì vậy mà tôi trần trụi. Ôi, tôi là chiếc ghế đẩu dưới chân đức vua của mình và ngài nhẹ nhàng ấn đầu tôi vào đất bụi trước mặt ngài.

Ông lại uống tiếp rồi ném cây roi vàng xuống sàn và xé bộ trang phục đắt tiền của mình.

- Những thứ phù phiếm, - ông ta nói, - nhưng tôi đã mất rất nhiều thứ để xây một ngôi mộ và họ không thể lấy nó đi được. Họ không thể tước đi nơi an nghỉ vĩnh hằng của tôi bên phải mộ của vua, mặc dù tôi chỉ là một con chó già trụi lông.

Ông ta gục đầu vào lòng hai bàn tay và khóc thảm thiết.

Ptahor vuốt đầu ông ấy dỗ dành, các ngón tay lần xoa những cục u trên đó.

- Ông có cái đầu thật hấp dẫn, - Ptahor nói. - Nói vui thế chứ tôi có thể mổ nó miễn phí cho ông.

Quan chưởng ấn liền nhấc đầu khỏi tay, ngược mặt lên với vẻ sợ hãi. Ptahor vờ hiểu sai phản ứng của quan chưởng ấn và nói theo kiểu lấy lòng.

- Thật đấy, hoàn toàn miễn phí, không cần đáp lại dù chỉ một món quà nhỏ; vì tình bằng hữu lâu năm, tôi sẵn sàng khoan sọ của ông, bởi vì ông có một hộp sọ hấp dẫn.

Quan chưởng ấn đứng lên nắm chặt cạnh bàn và giận dữ nhìn chằm chằm về phía trước, còn Ptahor giữ chặt cánh tay ông ta và khẳng khái thuyết phục:

- Chuyện đó nằm trong tầm tay mà. Tôi sẽ làm nhẹ nhàng, cẩn thận và biết đâu chỉ ngay hôm sau, ông có thể đi theo ông chủ của mình đến ngôi nhà ở miền tây.

- Ông đang nhạo báng tôi, - quan chưởng ấn nói, một lần nữa tỏ vẻ oai nghiêm rồi nhặt chiếc roi trên sàn nhà lên.

- Ông không tin vào Amon, - ông ta nói và thận trọng cúi người lần nữa để giữ chặt cái bàn.

- Thật tệ hại, quá tệ hại, - ông ta nói tiếp. - Nhưng tôi tha thứ cho sự ngu xuẩn của ông, bởi vì tôi không còn quyền trừng phạt nữa.

Ông ta bỏ đi với chiếc roi và cây trượng lủng lẳng bên tay trái, tám lưng mệt mỏi và đầy phiền muộn. Sau khi ông ta đi khỏi, mấy tên hầu trở lại đại sảnh và đổ nước lên tay chúng tôi rồi xúc cho chúng tôi một loại dầu thơm đắt tiền.

- Dắt ta đi, con trai ta Sinuhe, vì ta đã già rồi và đôi chân đã mỏi,
- Ptahor nói.

Tôi đưa Ptahor ra để tận hưởng bầu không khí trong lành, màn đêm đã buông xuống và phía đông Thebes sáng rực, át cả ánh sáng đỏ trên bầu trời. Tôi đã uống rượu và cảm thấy tình yêu đối với Thebes lại dâng lên trong huyết quản. Những ngôi sao lấp lánh trên đầu tôi và khu vườn tràn ngập hương hoa thơm ngát.

- Bác Ptahor, - tôi cất lời, - cháu thêm khát tình yêu khi ánh sáng mờ ảo hiện lên trên bầu trời đêm của Thebes.

- Làm gì có tình yêu, - Ptahor nói một cách dứt khoát. - Người đàn ông sẽ trở nên buồn bã nếu anh ta không có một người đàn bà để ngủ cùng. Nhưng khi đã ăn nằm với một người đàn bà, anh ta sẽ càng buồn hơn. Xưa đã thế và sau này vẫn thế.

- Vì sao? - Tôi hỏi.

- Việc đó ngay cả thần linh cũng không giải thích được, - Ptahor đáp. - Đừng nói với ta về tình yêu trừ khi cháu muốn ta mổ sọ cháu. Ta sẽ làm miễn phí và không đòi hỏi ngay cả món quà nhỏ nhất vì làm như vậy, ta sẽ giải thoát cháu khỏi nỗi buồn.

Nghe đến đó tôi thấy tốt nhất là nên làm việc của nô lệ, bế ông vào lòng và đưa ông đến căn phòng dành cho chúng tôi. Ông nhỏ bé và già nua đến nỗi tôi không phải nặng nhọc thở hay gắng sức chút nào. Khi tôi đặt ông xuống giường, ông ngủ ngay lập tức sau vài lần cố với hũ rượu ở cạnh giường. Tôi đắp cho ông những tấm da lông mềm mại vì đêm lạnh rồi trở lên sân thượng đầy hoa, vì tôi còn trẻ và tuổi trẻ thì không muốn ngủ trong đêm Hoàng đế băng hà.

Lên đến sân thượng, tôi nghe thấy âm thanh trầm thấp của những người ngủ lại bên tường thành của cung điện, như tiếng gió xào xạc trong đám sậy xa xa.

Tôi thao thức trong mùi hoa thơm ngát khi ánh sáng đỏ rực của Thebes hừng lên trên bầu trời phía đông và nhớ đến đôi mắt màu xanh như nước sông Nile trong mùa hè nóng bỏng cho đến khi nhận ra không chỉ có một mình tôi trên sân thượng.

Trăng lưỡi liềm mỏng mảnh và ánh sao nhấp nháy mờ mờ nên tôi không biết người đang đến gần là đàn ông hay phụ nữ. Nhưng ai đó đang lại gần và cố nhìn thẳng vào mặt tôi để nhận diện tôi. Tôi khẽ cự mình và người đó nói với giọng the thé kiểu trẻ con đầy kể cả:

- Có phải người đó không, Người Cô Đơn?

Tôi nhận ra Thái tử nhờ giọng nói và thân hình mảnh khảnh, eo uột và tôi cúi đầu sát đất trước mặt ngài mà không dám nói lời nào. Nhưng Thái tử sốt ruột đưa chân ấn tôi và nói:

- Đứng thẳng lên và đừng ngốc thế! Không ai thấy chúng ta, vậy nên người không cần phải cúi lạy ta. Hãy dành cái lạy ấy cho thần, người có con trai là ta đây, vì chỉ một thần tồn tại, còn tất cả những thần khác đều là hiển linh của ngài. Người có biết điều đó không?

Không đợi câu trả lời của tôi, ngài ngẫm nghĩ một lát rồi nói thêm:

- Tất cả thần linh, trừ Amon, vị thần giả.

Tôi giơ tay làm cử chỉ ngăn lại và nói “Ồ!” để thể hiện rằng mình sợ lời nói như vậy.

- Thôi đi, - ngài nói, - ta thấy người đứng cạnh giường phụ vương ta rồi đưa dao và búa cho Ptahor ngu xuẩn. Vì thế ta gọi người là Người Cô Đơn. Còn mẹ ta đặt cho Ptahor cái tên Khỉ Đầu Chó. Các người được đặt cho những cái tên này để phòng khi các

người buộc phải chết thay vì được rời khỏi cung điện. Nhưng tên của người do ta tìm ra.

Tôi nghĩ ngài thật sự có bệnh và điên rồ khi nói những điều vô nghĩa đó, nhưng cả Ptahor cũng nói rằng nếu Pharaon bằng hà thì chúng tôi sẽ phải chết và người cầm máu cũng đã tin điều đó. Vì thế những sợi tóc đang mọc trên đầu tôi bắt đầu ngứa ngáy và tôi giơ hai tay lên để chặn lại vì tôi không muốn chết.

Thái tử thở dốc và đứt quãng bên cạnh tôi, rồi vừa khua tay vừa lẩm bẩm một mình:

- Ta bồn chồn, và muốn được ở nơi nào khác nơi đây. Thần sẽ hiện ra với ta, ta biết điều đó, nhưng ta sợ. Hãy ở bên ta, Người Cô Đơn, bởi vì thần sẽ đè nát thân thể ta bằng sức mạnh của thần và lưỡi ta sẽ đau lắm khi thần hiển linh với ta.

Tôi rùng mình vì nghĩ rằng ngài đang ốm và mê sảng. Nhưng ngài nói như ra lệnh:

- Đi thôi!

Vì thế tôi theo ngài. Thái tử dẫn tôi rời sân thượng và đi qua hồ trong hoàng cung, tiếng rên rỉ, than vãn của dân chúng từ phía sau những bức tường vọng đến tai chúng tôi. Chúng tôi vòng qua chuồng ngựa và trại chó rồi ra ngoài qua cánh cổng dành cho người hầu mà không bị lính gác cản lại. Tôi vô cùng sợ hãi vì Ptahor đã nói rằng chúng tôi không được phép rời khỏi hoàng cung cho đến khi nhà vua lâm chung, nhưng tôi không thể cưỡng lại Thái tử.

Ngài bước thoăn thoắt, thân hình như săn lại khiến tôi phải lấy hết sức mới theo kịp. Ngài chỉ mặc một chiếc khố, ánh trắng chiếu lên làn da trắng mịn, đôi tay khẳng khiu và cặp đùi thon như đùi phụ nữ. Ánh trắng chiếu rõ đôi tai đang dỏng ra, khuôn mặt khổ đau và thể hiện sự cuồng tín như thể ngài đang dõi theo một ảo ảnh mà người khác không thể nhìn thấy.

Khi chúng tôi ra đến bờ sông, ngài nói:

- Chúng ta đi thuyền. Ta phải đi về phía đông để gặp cha ta.

Không lựa chọn thuyền, ngài lên chiếc thuyền sậy gần nhất, tôi đi theo và chúng tôi bắt đầu chèo qua sông mà không bị ai đuổi theo mặc dù chúng tôi đã trộm thuyền. Đêm lao xao, những chiếc thuyền ngang dọc trên sông và vùng sáng Thebes phản chiếu lên bầu trời càng đỏ thắm hơn trước mặt chúng tôi. Khi chúng tôi đến bờ, ngài để mặc cho thuyền trôi rồi bước đi về phía trước, như thể đã từng đi như thế nhiều lần. Vì không thể làm khác, tôi đi theo ngài lòng đầy sợ hãi. Rất nhiều người đi lại trong đêm nhưng không ai trong chúng tôi bị lính canh hét gọi bởi Thebes đã biết nhà vua sẽ băng hà vào đêm hôm đó.

Ngài vẫn bước đi mặc đói khát và tôi kinh ngạc về sự dẻo dai trong cơ thể yếu ớt của ngài, bởi vì mồ hôi chảy dọc sống lưng tôi khi tôi cố theo kịp ngài mặc dù đêm rất lạnh. Các chùm sao đã đổi ngôi và trăng đã lặn nhưng ngài vẫn đi và chúng tôi rời thung lũng, đặt chân lên một vùng đất hoang vu, bỏ lại Thebes ở phía sau. Trên nền trời phía đông, ba ngọn núi - những vệ sĩ trấn giữ Thebes - hiện lên đen thẫm trước mắt chúng tôi. Tôi băn khoăn tự hỏi không biết từ đâu và bằng cách nào để có được một chiếc kiệu, vì tôi nghĩ ngài sẽ không thể đi bộ cả quãng đường dài tương tự khi chúng tôi quay về.

Cuối cùng ngài vừa thở hổn hển vừa ngồi xuống cát và sợ hãi nói:

- Hãy nắm lấy tay ta, Sinuhe, vì chúng đang run rẩy và tim ta đập mạnh. Thời khắc đã gần kề, bởi vì ở đây hoang vắng, không có ai khác ngoài người và ta, nhưng ở nơi ấy, nơi ta sắp đến, người không thể theo ta. Dù vậy, ta không muốn một mình.

Tôi nắm chặt cổ tay Thái tử, nhận thấy toàn thân ngài co giật và lạnh ướt mồ hôi. Thế giới vắng lặng quanh chúng tôi và ở nơi xa xa nào đó, chó hung sa mạc bắt đầu tru lên cái chết. Những ngôi

sao chậm chậm mờ dần và không gian bao quanh chúng tôi ảm đạm màu chết chóc. Đột nhiên, ngài gỡ tay tôi ra rồi đứng dậy và ngược mặt về ngọn núi phía đông.

- Thần đang đến! - Ngài khẽ nói, khuôn mặt ồm yếu hùng lên về sùng kính.

- Thần đang đến! - Ngài nhắc lại, cao giọng hơn.

- Thần đang đến! - Ngài hét to vào sa mạc và ánh sáng bùng lên xung quanh chúng tôi, những ngọn núi phía trước chúng tôi nhuộm màu vàng rực và mặt trời lên. Sau đó, ngài hét lên giọng the thé rồi ngã xuống đất bất tỉnh, chỉ có chân tay co giật và miệng cử động, rồi ngài đưa chân đá cát. Nhưng tôi không còn sợ nữa vì đã từng nghe tiếng hét tương tự như thế trong Nhà Sống và tôi biết phải làm gì. Không có miếng gỗ để đặt vào giữa hai hàm răng ngài nên tôi xé một mảnh khố của mình, cuộn tròn lại và nhét nó vào miệng ngài rồi bắt đầu vuốt chân tay ngài. Biết rằng khi tỉnh dậy ngài có thể bị ốm và lú lẫn, tôi nhìn xung quanh để tìm sự giúp đỡ, nhưng Thebes đã ở xa phía sau chúng tôi và quanh đây không thấy đến một căn lều nhỏ bé nào.

Đúng lúc đó, một con chim ưng bay ngang qua tôi và rít lên. Nó lao thẳng đến từ vùng tia nắng sáng rực của mặt trời đang lên và lượn một vòng cung trên cao quanh chúng tôi. Rồi nó lại sà xuống, như thể muốn đậu lên trán Thái tử. Tôi kinh ngạc và làm dấu thánh Amon theo bản năng. Có lẽ Thái tử muốn nói Horus là thần của mình và thần hiện hình trước chúng tôi trong hình dạng chim ưng. Thái tử rên rỉ và tôi cúi xuống săn sóc ngài. Khi ngẩng đầu lên, tôi thấy chim ưng đã biến thành người. Trước mặt tôi là một chàng trai trẻ đứng trong ánh mặt trời đang lên, đẹp tựa một vị thần. Anh ta cầm một cây giáo và khoác trên vai tấm vải thô của dân nghèo. Dù không tin vào thần linh nhưng để cho chắc, tôi quỳ rạp xuống sát đất trước anh ta.

- Có chuyện gì vậy, - anh ta hỏi bằng giọng người miền Hạ và chỉ vào Thái tử. - Cậu bé này bị ốm sao?

Tôi xấu hổ và đứng dậy quỳ gối chào theo cách thông thường.

- Nếu anh là một tên cướp, - tôi nói, - anh sẽ chẳng cướp được gì nhiều từ chúng tôi, nhưng anh chàng đi cùng tôi bị ốm, và các vị thần có thể sẽ ban phước cho anh nếu anh giúp chúng tôi.

Anh ta rít lên như chim ưng và từ trên không trung, chim ưng bất ngờ lao thẳng xuống như một hòn đá rơi và đậu lên vai anh ta. Tôi nghĩ có lẽ tốt nhất vẫn nên thận trọng vì biết đâu anh ta là thần, dù chỉ là một vị thần hèn mọn nào đó. Vì thế, với vẻ tôn kính và lịch sự, tôi hỏi anh ta là ai và đang đi đâu.

- Tôi là Horemheb, con trai chim ưng, - anh ta nói đầy kiêu hãnh. - Cha mẹ tôi chỉ là thợ làm pho mát, nhưng tôi đã được tiên đoán vào ngày chào đời rằng tôi sẽ trở thành vị chỉ huy của nhiều người. Chim ưng bay trước mặt tôi, vì thế tôi đến đây bởi tôi không tìm thấy một nơi để trú trong những ngôi nhà nơi thành phố. Người dân Thebes sợ ngọn giáo khi trời tối. Nhưng tôi muốn làm chiến binh của Pharaon, vì người ta nói Pharaon đang ốm và ngài cần những chiến binh dũng mãnh để bảo vệ ngai vàng của mình.

Anh ta trắng kiện như một con sư tử mới lớn và ánh mắt lóe sáng như một mũi tên bay. Tôi ghen tị nghĩ thầm chắc có nhiều phụ nữ nói với anh ta: “Anh chàng điển trai, chàng không muốn đến vui với em trong nỗi cô đơn của em ư?”.

Có tiếng nước nổ phát ra từ miệng Thái tử, rồi ngài giơ tay sờ mặt mình và vận vẹo đôi chân. Tôi lấy miếng giẻ ra khỏi miệng ngài và ước giá như tôi có chút nước để làm ngài tỉnh táo lại. Horemheb tò mò nhìn ngài và lãnh đạm hỏi:

- Cậu ta sắp chết à?

- Anh ấy không chết, - tôi găt gỏng đáp. - Anh ấy mắc chứng bệnh thần linh.

Horemheb nhìn tôi, tay nắm chặt ngọn giáo.

- Anh không cần phải khinh thường tôi, - anh ta nói. - Mặc dù tôi chỉ đi chân đất và vẫn còn nghèo. Tôi biết viết tạm tạm và đọc được các hình chữ, và tôi sẽ trở thành vị chỉ huy của nhiều người. Vị thần nào đã nhập vào anh ta?

Người ta nghĩ rằng thần linh cất tiếng nói qua miệng người mắc bệnh thần linh, do đó anh ta hỏi như thế.

- Anh ấy có thần của riêng mình, - tôi nói. - Tôi nghĩ rằng anh ấy hơi loạn trí. Khi anh ấy tỉnh lại, anh có thể giúp tôi khiêng anh ấy về thành phố không? Ở đó, chúng ta có thể tìm được một chiếc kiệu để đưa anh ấy về nhà.

- Anh ta bị lạnh, - Horemheb nói rồi cởi tấm vải choàng vai đắp cho Thái tử. - Thebes thường lạnh vào buổi sáng, nhưng tôi được dòng máu của mình sưởi ấm. Ngoài ra, tôi biết rất nhiều thần và tôi có thể kể cho anh tên của những thần luôn luôn có thiện ý với tôi. Nhưng vị thần của riêng tôi là Horus. Cậu bé chắc chắn là con nhà giàu vì nước da trắng mịn như thế và cũng không làm việc tay chân. Còn anh là ai?

Anh ta nói nhiều và hào hứng, bởi vì anh ta nghèo, đã vượt một chặng đường dài để đến Thebes và trên đường đi đã nếm trải sự thù địch và sỉ nhục.

- Tôi là một thầy thuốc, - tôi đáp. - Tôi cũng đã được thụ phong giáo sĩ bậc một trong đền thờ Amon ở Thebes.

- Chắc anh đang đưa anh ta vào hoang mạc để chữa trị? - Horemheb đoán. - Nhưng anh nên cho anh ta mặc ấm hơn.

Tôi nói thế không phải vì xem thường tài năng của các thầy thuốc, - anh ta lịch sự nói thêm.

Cát đỏ và lạnh, sáng rực dưới ánh bình minh, mũi giáo của anh ta cũng đỏ rực và chim ưng vừa kêu vừa lượn quanh đầu anh ta. Thái tử ngồi dậy, hai hàm răng rung lập cập, ngài rên nhè nhẹ và bối rối nhìn xung quanh.

- Ta đã thấy, - Thái tử nói, - khoảnh khắc ấy như một thế kỷ, ta không có tuổi, và ngài giơ cả ngàn bàn tay lên đầu ta để ban phước, mỗi bàn tay trao cho ta sự sống muôn đời. Lẽ nào ta không tin?

- Hy vọng ngài không cần phải lừa, - tôi lo lắng nói. - Tôi cố bảo vệ ngài, nhưng tôi không có mảnh gỗ nào để nhét vào giữa hai hàm răng của ngài. Tiếng nói của tôi chỉ như tiếng ruồi vo ve bên tai ngài.

Thái tử nhìn Horemheb, đôi mắt mở to, sáng quắc, ngài đẹp lên khi mỉm cười và kinh ngạc.

- Anh có phải là người mà Aton, vị thần duy nhất, phái đến không? - Ngài ngạc nhiên hỏi.

- Chim ưng bay trước tôi và tôi đi theo chim ưng của mình, - Horemheb đáp, - vì thế nên tôi có mặt ở đây, còn những điều khác tôi không biết.

Thái tử nhìn cây giáo trong tay anh ta và nhăn trán.

- Anh có một cây giáo, - ngài nói với giọng trách móc.

Horemheb đưa cây giáo ra và nói:

- Cán của nó được làm bằng một loại gỗ tuyệt vời và lưỡi bằng đồng của nó khát khao lấy máu kẻ thù của Pharaon. Ngọn giáo của tôi đang khát và tên nó là Sát thủ Cửa Cổng.

- Đừng bao giờ là máu, - Thái tử nói. - Máu là thứ gớm ghiếc trước mặt Aton. Không có gì khủng khiếp hơn máu chảy.

Mặc dù tôi đã nhìn thấy Thái tử nhắm chặt mắt khi Ptahor thực hiện ca khoan sọ, nhưng tôi vẫn không biết rằng có những người phát ốm và có khi bị ngất khi nhìn thấy máu chảy.

- Máu thanh lọc các sắc tộc và làm cho họ mạnh mẽ, - Horemheb nói. - Máu nuôi béo các thần linh và làm họ hài lòng. Chừng nào còn chiến tranh, máu còn phải chảy.

- Sẽ không bao giờ có chiến tranh nữa, - Thái tử nói.

- Anh chàng thật ngớ ngẩn, - Horemheb bật cười. - Chiến tranh đã và sẽ luôn luôn xảy ra, bởi vì các dân tộc phải thử thách khả năng của nhau mới tồn tại được.

- Tất cả các dân tộc đều là con cháu của thần, tất cả các ngôn ngữ và màu da, xứ đất đen cũng như miền đất đỏ, - Thái tử nói và nhìn chăm chăm lên mặt trời. - Ta sẽ sai xây dựng đền thờ cho thần ở mọi vùng đất và sẽ gửi thánh giá sự sống tới các quốc vương của những vùng đất đó, vì ta đã thấy thần, ta được sinh ra từ thần và ta sẽ trở về với thần.

- Anh ta điên thật rồi, - Horemheb nói với tôi và lắc đầu tỏ vẻ thương hại. - Giờ tôi hiểu vì sao anh ta cần được chữa trị.

- Thần của ngài vừa hiện về với ngài, - tôi nghiêm trang nói để cảnh báo Horemheb, vì tôi đã cảm mến Thái tử. - Căn bệnh thần thánh cho ngài nhìn thấy thần linh và chúng ta không đủ khả năng để phán xét những gì thần nói với ngài. Mỗi người được ban phước với đức tin của riêng mình.

- Tôi tin vào cây giáo và chim ưng của mình, - Horemheb nói.

Nhưng Thái tử lại giơ tay chào mặt trời, khuôn mặt lại rạng ngời và đẹp lên như thể ngài đang nhìn thấy một thế giới khác với

thế giới của chúng tôi. Chúng tôi để yên cho ngài cầu nguyện, sau đó dẫn ngài vào thành phố, còn ngài để mặc không phản đối. Cơn động kinh đã làm chân tay ngài rã rời, khiến ngài rên rỉ và bước loạng choạng. Vì thế cuối cùng chúng tôi mỗi người một bên, xốc nách Thái tử đi và chim ưng bay về phía trước.

Khi chúng tôi đến được rìa vùng đất canh tác, điểm cuối nơi các kênh tưới tiêu dẫn nước đến, chúng tôi thấy một chiếc kiệu hoàng gia đang chờ sẵn. Những người hầu cúi rạp xuống đất và từ trong kiệu một giáo sĩ cao lớn bước ra đón chúng tôi, đầu ông ta cao trọc và khuôn mặt ngăm đen với vẻ đẹp u sầu. Tôi cúi đầu, để thẳng tay đến đầu gối trước mặt ông ta, vì tôi nghĩ ông ta là giáo sĩ Eje, người mà Ptahor đã nói đến. Nhưng ông ta không buồn để ý đến tôi. Ông phủ phục trước Thái tử và chào đón ngài như với một vị vua. Từ đó tôi biết Pharaon Amenhotep Đệ Tam đã băng hà. Sau đó, đám nô lệ chạy đến chăm sóc Pharaon mới. Họ rửa ráy, xoa bóp và xúc dầu lên cơ thể ngài, mặc đồ vải lanh hoàng gia cho ngài và đội chiếc khăn hoàng đế lên đầu ngài.

Trong lúc đó, Eje nói chuyện với tôi:

- Thái tử gặp được thần không, Sinuhe? - Ông ta hỏi.

- Quốc vương đã gặp thần của ngài, - tôi nói. - Nhưng tôi đã bảo vệ ngài để không có chuyện xấu xảy ra với ngài. Sao ông biết tên tôi?

Ông ta mỉm cười, nói:

- Nhiệm vụ của ta là phải biết mọi việc xảy ra trong cung điện cho đến khi thời gian của ta điểm. Ta biết tên người và biết người là một thầy thuốc. Vì thế ta tin tưởng để Thái tử đi với người. Ta cũng biết người là giáo sĩ của Amon và đã tuyên thệ với thần ấy. - Ông ta cao giọng nói với vẻ đe dọa.

Nhưng tôi dang tay hỏi:

- Lời thề với Amon có ý nghĩa gì?

- Người nói đúng, - ông ta nói, - và người không cần phải hối tiếc. Vậy hãy hiểu rằng Thái tử luôn rút khi thần đến gần ngài. Lúc đó không gì có thể ngăn giữ ngài và ngài cũng không cho phép hầu cận đi theo. Nhưng ngài và người đã được an toàn suốt đêm, không bị hiểm nguy nào đe dọa và như người có thể thấy, chiếc kiệu đang đợi ngài. Còn người có cây giáo kia là ai?

Ông ta chỉ vào Horemheb đang đứng bên cạnh, tay thủ lưỡi giáo, chim ưng đậu trên vai, rồi nói:

- Có lẽ tốt nhất là hẩn chết đi, vì bí mật của Pharaon không được chia sẻ cho nhiều người.

- Anh ta đã lấy tấm vải choàng vai của mình đắp cho Pharaon khi trời lạnh, - tôi đáp. - Anh ta sẵn sàng giương giáo chống lại kẻ thù của Pharaon. Tôi nghĩ, anh ta sống sẽ có ích cho ông hơn là chết, thừa giáo sĩ Eje.

Eje tháo chiếc vòng vàng ở cổ tay mình rồi hồ hững ném cho Horemheb và nói:

- Một ngày nào đó người hãy đến chào ta tại hoàng cung, giáo thủ ạ.

Nhưng Horemheb để chiếc vòng vàng rơi xuống đám cát ngay dưới chân mình và nhìn Eje với vẻ thách thức:

- Tôi chỉ tuân lệnh của Pharaon, - anh ta nói. - Và nếu tôi không nhầm, kia là Pharaon, người đội khăn hoàng đế. Chim ưng đã dẫn tôi đến chỗ ngài, thế là đủ.

Eje không tức giận.

- Vàng đáng giá và luôn cần thiết, - ông ta vừa nói vừa nhặt chiếc vòng vàng dưới cát lên và đeo lại vào cổ tay. - Hãy quỳ lạy

Pharaon của người, nhưng không được mang giáo đến gần ngài.

Thái tử lại gần chúng tôi. Khuôn mặt ngài tái nhợt và tiêu tụy nhưng vẫn toát lên sự say mê kỳ lạ làm ấm lòng tôi.

- Hãy theo ta, - Thái tử nói, - tất cả hãy theo ta trên con đường mới, bởi sự thật đã sáng rõ với ta.

Chúng tôi đi theo Thái tử đến chỗ chiếc kiệu, mặc dù Horemheb lăm bắm một mình: “Sự thật nằm nơi ngọn giáo”. Nhưng anh vẫn chịu đưa cây giáo của mình cho tên hầu chạy phía trước và chúng tôi ngồi xuống càng để kiệu rời đi. Những người khênh kiệu ra sức chạy, một chiếc thuyền chờ sẵn trên bến và chúng tôi trở lại cung điện theo đường mình đã đi mà không mấy ai để ý, mặc dù dân chúng đứng trắng xung quanh các bức tường thành của hoàng cung.

Chúng tôi được vào cung thất của Thái tử và ngài cho chúng tôi xem những chiếc bình to xứ Crete, trên vỏ bình vẽ những con cá và động vật sống động. Giá mà Thotmes được nhìn thấy chúng vì chúng chứng tỏ rằng nghệ thuật cũng có thể khác, như ở Ai Cập. Khi đã đỡ mệt và bình tâm trở lại, Thái tử cư xử và nói chuyện điềm đạm như một thanh niên bình thường ở tầm tuổi chúng tôi, không yêu cầu chúng tôi phải quá lễ nghi hay tôn vinh ngài thái quá. Sau đó, người ta báo rằng Hoàng hậu sẽ đến thăm Thái tử và ngài tạm biệt, nói sẽ nhớ cả hai chúng tôi. Khi chúng tôi sắp rời đi, Horemheb nhìn tôi bối rối.

- Tôi đang lo, - anh ta nói, - vì không có nơi nào để đi.

- Cứ bình tâm ở lại đây, - tôi khuyên. - Thái tử đã nói sẽ nhớ đến anh, vì vậy tốt nhất là anh có mặt khi ngài nhớ đến. Các vị thần tính khí thất thường và nhanh quên.

- Ở lại đây để nhập bầy cùng những con ruồi này ư?

Horemheb nói và chỉ vào những triều thần đang rối rít vây quanh cánh cửa cung thái tử.

- Không, tôi có lý do để lo lắng, - anh ta nói tiếp với vẻ buồn rầu. - Ai Cập sẽ thế nào nếu Pharaon sợ máu và cho rằng tất cả các dân tộc, ngôn ngữ và màu da đều bình đẳng. Tôi sinh ra để làm một người lính và khả năng suy xét của người lính trong tôi nói rằng điều này không tốt cho chiến binh. Dù thế nào, tôi cũng đi lấy cây giáo đây. Nó vẫn đang ở chỗ đám dẫn đường.

Chúng tôi chia tay và tôi bảo anh ta hãy tìm tôi ở Nhà Sống nếu cần một người bạn.

Ptahor đợi tôi trong phòng dành cho chúng tôi, đôi mắt đỏ hoe và thái độ gắt gỏng.

- Cháu đã không có mặt khi Pharaon trút hơi thở cuối cùng vào lúc rạng sáng, - ông hét lên. - Cháu bỏ đi còn ta ngủ, vì thế cả hai chúng ta đều không thấy được linh hồn của Pharaon như chim bay thẳng từ mũi ngài về phía mặt trời như thế nào. Nhiều người chứng kiến điều đó. Ta cũng muốn được nhìn thấy bởi vì ta yêu những điều kỳ diệu như vậy, nhưng cháu đã bỏ đi và không đánh thức ta dậy. Cháu đã ngủ bên cô gái nào đêm qua?

Tôi kể cho ông ấy những gì đã xảy ra đêm qua. Ông ấy giơ tay bày tỏ sự kinh ngạc.

- Amon chứng giám, - ông nói, - Pharaon quả thật điên rồi.

- Cháu không nghĩ ngài điên, - tôi đáp ứng nói, bởi vì lòng tôi đã ngả về chàng trai trẻ ốm yếu mà tôi đã bảo vệ, người cư xử nhã nhặn với tôi. - Cháu nghĩ rằng ngài có suy nghĩ riêng về một vị thần mới. Khi những suy nghĩ của Thái tử ngày càng chín với ngài, có lẽ chúng ta sẽ thấy phép màu xảy ra ở đất Kemet.

- Mong Amon che chở chúng ta khỏi điều đó, - Ptahor nói với vẻ kinh ngạc. - Tốt hơn hãy rót rượu cho ta, vì cổ họng ta khô như

bụi trên đường cái.

Tên hầu dẫn người cầm máu từ khu trại ngựa về. Gã chưa hết ngạc nhiên và kể đàn ngựa của Pharaon uống nước từ những cái bồn đất đồng và vách ngăn chuồng của chúng được tô điểm bằng những bức tranh và vô số viên đá màu.

- Nhưng tôi không nhìn thấy bò đực, - gã nói, vẻ thất vọng. - Tôi e rằng Pharaon không có con bò đực nào cả. Thay vào đó, tôi thấy nhiều giấc mơ rất kỳ lạ khi nằm ngủ. Tôi thấy Sinuhe dắt ngựa trắng đến đền làm lễ hiến tế và mẹ tôi bằng xương bằng thịt bận rộn với việc bếp núc ở miền tây.

- Giấc mơ đó thật dễ hiểu, - Ptahor nói. - Người là con ngựa trắng và mẹ người nấu cho người một bữa tiệc mừng người trở về trong căn lều nơi địa ngục, bởi vì nếu ta không nhầm thì cả ba chúng ta đều sắp chết rồi.

Nhưng người cầm máu miên man với ý nghĩ của mình.

- Tôi nghĩ rằng ở miền tây có những con bò đực to và đẹp, - gã nói. - Vì khi mẹ tôi trò chuyện với tôi và nhắc tôi không làm bẩn áo choàng của mình, tôi như nghe thấy tiếng bò ọ trồm và sâu ở ngay gần mình. Tôi tỉnh dậy với âm thanh đó, thấy bụng mình sôi và nhận ra mình vừa đái dầm. Đó là vì rượu. Tôi không quen uống rượu mà thích bia hơn.

Gã còn huyền thuyên nhiều điều ngu ngốc khác cho tới khi chúng tôi được đưa đến công đường, nơi người giữ ấn triện già ngồi trên ghế quan tòa, trước mặt là bốn mươi cuộn da ghi các bộ luật. Quân túc vệ có vũ khí vây quanh chúng tôi nên chúng tôi không thể chạy trốn. Người giữ ấn triện đọc cho chúng tôi điều luật ghi trên tấm da và nói rằng chúng tôi phải chết vì Pharaon đã không tỉnh lại sau khi bị khoan sọ. Tôi nhìn Ptahor, nhưng ông ấy chỉ mỉm cười khi tay đao phủ cầm thanh kiếm bước lên.

- Hãy bắt đầu với người cầm máu, - ông ấy nói. - Hẳn ta vội hơn chúng tôi, vì mẹ hẳn đang nấu món cháo đậu ở miền tây.

Người cầm máu thân mật từ biệt chúng tôi, làm các dấu thánh thần Amon và ngoan ngoãn quỳ gối xuống sàn trước những tấm da. Dao phủ vung kiếm lên và vung nó thành vòng cung trên đầu nạn nhân thật nhanh, làm phát ra tiếng vút dài, rồi y dừng phắt cú chém lại, để lưỡi kiếm chỉ chạm nhẹ vào cổ của người cầm máu. Nhưng gã vẫn đổ gục xuống sàn và chúng tôi nghĩ gã ngất đi vì sợ bởi trên cổ gã chẳng hề có tí vết xước nào. Khi đến lượt mình, tôi quỳ xuống không chút sợ hãi, tay dao phủ bật cười và khẽ chạm nhẹ thanh kiếm vào cổ tôi, chẳng buồn dọa tôi sợ nữa. Ptahor nghĩ rằng ông ta quá thấp nên không cần phải quỳ và dao phủ cũng vung kiếm gần cổ ông. Chúng tôi đã chết như thế, bản án đã được thực thi và chúng tôi được đặt tên mới khắc trên những chiếc vòng vàng nặng nhất. Chiếc vòng của Ptahor quả thật được khắc “Ngài, người giống Khỉ Đầu Chó” và vòng của tôi được khắc “Ngài, Người Cô Đơn”. Sau đó, người ta cân vàng làm quà phẫu thuật cho Ptahor. Người ta cân vàng cho cả tôi. Chúng tôi được mặc quần áo mới và lần đầu tiên tôi mặc một chiếc váy gấp múi bằng vải lanh hoàng gia, cổ áo nặng bạc và đá quý. Nhưng khi đám người hầu cố gắng đỡ gã cầm máu đang nằm trên đất lên thì gã không tỉnh lại mà đã chết cứng như đá. Việc này chính mắt tôi nhìn thấy nên tôi có thể khẳng định đó là sự thật. Song tại sao người cầm máu chết thì tôi không thể hiểu được, trừ khi gã chết vì tin mình sẽ chết? Cho dù thật sự ngốc nghếch nhưng gã có khả năng cầm máu và người như thế không thể giống những người khác.

Giữa đại tang của Pharaon, tin về cái chết kỳ lạ của người cầm máu lan xa và những ai nghe thấy đều không thể nhịn được cười. Họ vỗ tay lên đầu gối và cười ha hả vì điều xảy ra quá điên rồ.

Tôi cũng chính thức bị coi là đã chết nên từ đó trở đi, tôi không thể chỉ ký tên Sinuhe vào các bản viết mà phải ghi thêm dòng

chữ “Ngài, Người Cô Đơn”. Trong hoàng cung, tôi không được biết đến với cái tên nào khác.

3

Tôi trở về Nhà Sổng với quần áo mới trên người và chiếc vòng vàng trên cổ tay, các giảng sư cúi mình và để hai tay ngang đầu gối trước mặt tôi. Nhưng tôi vẫn còn là một y sinh và tôi phải viết lại kỹ lưỡng, chi tiết về cuộc phẫu thuật sọ cùng với việc Pharaon băng hà và ghi tên mình bên dưới để xác nhận. Tôi dành rất nhiều thời gian cho việc này và kết thúc câu chuyện của mình bằng việc mô tả linh hồn của Pharaon như chim bay thẳng từ mũi ngài đến mặt trời. Nhiều người gặng hỏi tôi có phải Pharaon đã tỉnh lại vào những giây phút cuối, thở dài và nói “Amon ban phước lành” hay không, như nhiều nhân chứng khác khẳng định. Ban đầu tôi gặng nhớ lại cho thật chính xác, nhưng cuối cùng tôi nghĩ tốt nhất nên xác nhận điều này và thấy rất vui khi câu chuyện của mình ngày nào cũng được đọc nơi sân trước cho dân chúng nghe trong cả bảy mươi ngày - thời gian ngọc thể của Pharaon được chuẩn bị để trường tồn trong Nhà Chết. Trong suốt thời gian quốc tang này, những nơi vui chơi và các quán rượu bia trong thành phố Thebes đều phải đóng cửa, nên muốn mua rượu bia và nghe nhạc phải đi vào những nơi đó qua cửa sau.

Sau bảy mươi ngày, tôi được báo là tôi đã trở thành một danh y và bắt đầu được phép hành nghề ở bất cứ nơi nào trong thành phố. Còn nếu tôi muốn tiếp tục học chuyên sâu vào một chuyên ngành nào đó, chẳng hạn như nha khoa hay sản khoa, hoặc trở thành một danh y xoa bóp, nhà phẫu thuật hay một danh y thuộc bất cứ ngành nào trong mười bốn lĩnh vực được giảng dạy trong Nhà Sổng dưới sự hướng dẫn của những danh y giỏi nhất của từng chuyên khoa, tôi chỉ cần nói nguyện vọng của mình. Đây là một đặc ân cho thấy Amon hậu đãi bề tôi của thần tốt như thế nào.

Tôi còn trẻ và kiến thức trong Nhà Sống không còn hấp dẫn với tôi nữa. Tôi bị cuốn hút bởi sự náo nhiệt của Thebes; tôi muốn trở nên giàu có và nổi tiếng; và tôi cũng muốn tận dụng thời gian này khi ai ai cũng vẫn còn biết đến cái tên Sinuhe, Ngài, Người Cô Đơn. Tôi đã có vàng và đã mua một ngôi nhà nhỏ ở nơi giáp với khu thượng lưu, mua sắm đồ nội thất theo túi tiền của mình và một nô lệ làm người hầu. Đó là một lão già gầy gò và chột mắt nhưng dù sao cũng thích hợp với mục đích của tôi. Tên lão là Kaptah và lão cam đoan với tôi rằng việc lão bị chột mắt chỉ có tốt, bởi vì bây giờ lão có thể kể với các bệnh nhân tương lai ngồi chờ đến lượt khám rằng tôi mua lão khi lão bị mù cả hai mắt và đã chữa lành được một mắt cho lão. Vì thế tôi mua lão ta. Trong phòng chờ của bệnh nhân, tôi cho vẽ nhiều tranh. Một bức vẽ Imhotep thông thái, vị thần của các thầy thuốc, đang dạy tôi, Sihuhe. Tôi bé nhỏ trước thần theo thể thời lúc đó nhưng dưới bức tranh có ghi: “Học trò thông minh và tài giỏi nhất của ta là Sinuhe, con trai của Senmut, Ngài, Người Cô Đơn”. Bức tranh thứ hai vẽ tôi dâng lễ hiến tế cho Amon để Amon có được những gì thuộc về thần và các bệnh nhân sẽ tin tưởng tôi hơn. Còn trong bức tranh thứ ba, Pharaon Vĩ đại trong hình dạng con chim từ trên trời cao nhìn xuống tôi, trong khi những người hầu của ngài cân vàng và mặc quần áo mới cho tôi. Những bức tranh này tôi đặt Thotmes vẽ, mặc dù cậu ấy không được chính thức công nhận và tên cậu không được viết vào sách của đền Ptah. Nhưng cậu ấy là bạn tôi, vì thế tôi để cậu vẽ. Và vì quý trọng tình bạn của chúng tôi, cậu ấy đã vẽ tranh theo phong cách cũ, với tài nghệ tuyệt vời, khiến những bức tranh trông sắc sảo màu đỏ và vàng, dù đó là những màu rẻ nhất trong các màu, khiến cho những ai lần đầu tiên nhìn thấy chúng đều giơ tay bày tỏ sự ngạc nhiên và nói: “Quả thật, Sinuhe, con trai của Senmut, Ngài, Người Cô Đơn đã làm ta tin tưởng bằng tài năng chữa bệnh của mình”.

Khi tất cả đã sẵn sàng, tôi ngồi đợi bệnh nhân đến để chữa cho họ. Tôi đợi khá lâu nhưng không có bệnh nhân nào đến. Buổi tối, tôi tìm đến một quán rượu để giải khuây, vì tôi vẫn còn một ít

vàng và bạc từ những món quà của Pharaon. Tôi còn trẻ và nghĩ mình là thầy thuốc giỏi nên không lo lắng gì về tương lai. Tôi vui vẻ uống rượu cùng Thotmes và chúng tôi thao thao bàn về đại sự của cả hai vương quốc bởi vì trong thời gian này tất cả mọi người dân, ở chợ, trước nhà các thương gia, trong các quán rượu và nhà vui, đâu đâu người ta cũng cao giọng nói về các vấn đề của cả hai vương quốc.

Mọi việc xảy ra đúng như vị chưởng ấn già đã dự đoán. Khi ngọc thể Pharaon đã được tắm ướp để vào cối trường sinh, được đưa đến ngôi mộ trong Thung lũng các hoàng đế và các cánh cửa mộ được niêm phong bằng ấn triện hoàng gia, Hoàng thái hậu lên nhiếp chính, roi da và trượng trong tay, bộ râu hoàng đế trên cằm và đuôi sư tử hoàng gia thắt quanh eo. Hoàng thái tử vẫn chưa đăng quang, nghe nói ngài muốn để tâm thanh tịch và cầu nguyện thần linh trước khi lên ngôi. Nhưng khi Hoàng thái hậu phế chức vị quan giữ ấn triện già và phong giáo sĩ vô danh Eje lên ngôi bên phải mình để vị này đứng trên tất cả triều thần của Ai Cập, ngồi trong công đường của triều đình trước bốn mươi cuốn sách luật bằng da và cử quan thu thuế và quan xây dựng cho Pharaon thì lập tức cả khu đền Amon âm ỉ như ong vỡ, bao nhiêu tiên đoán xấu và những lần hiến tế của hoàng gia đều không mang lại kết quả. Người ta đã mơ thấy nhiều hung mộng huyền bí và tìm đến các giáo sĩ để nhờ họ lý giải. Những đợt gió di chuyển theo các hướng trái với mọi quy luật tự nhiên dẫn đến mưa liên tục hai ngày liền trên đất Ai Cập, khiến các kho hàng gần bến cảng tan hoang và những đồng ngũ cốc bị thối rữa. Nước trong mấy cái ao ở ngoài Thebes chuyển thành màu đỏ như máu và dân chúng đổ đến đó xem. Nhưng người ta vẫn chưa thấy sợ vì điều như thế đã từng xảy ra mỗi khi các giáo sĩ giận dữ.

Mặc dù có những sự việc lộn xộn và lời nói xúc xiểm, quân thường trực của Pharaon trong các doanh trại - người Ai Cập, người Syria, người da đen và người Shardana - đều đã được Hoàng thái hậu cho rất nhiều quà; từ ban công cung điện, người

ta ban phát biết bao vòng vàng, trọng thưởng cho các cai đội và kỵ cương vẫn được giữ. Sự hùng mạnh của Ai Cập không bị đe dọa vì các đội quân đồn trú ở Syria vẫn giữ nghiêm khuôn phép, các vị hoàng thân của Byblos, Simyra, Sidon và Gaza, những người đã sống cả thời thơ ấu quanh Pharaon và được dạy dỗ trong hoàng cung, than khóc về cái chết của ngài như thể vừa mất đi cha đẻ. Họ viết thư cho Hoàng thái hậu cam đoan rằng họ chỉ là cát bụi dưới chân bà. Nhưng ở đất Kush nơi giáp giới giữa Nubia và Sudan, từ muôn đời nay, cứ sau mỗi lần một pharaon băng hà là xảy ra chiến tranh, như thể dân da đen muốn thử tính kiên nhẫn của tân vương. Vì thế, ngay sau khi hay tin Pharaon băng hà, tổng trấn của các xứ ở phía nam, những người thống lĩnh các nơi ấy, đã lệnh cho các đội quân của mình di chuyển, vượt qua biên giới, đốt trụi nhiều làng xóm, mang về nhiều gia súc, nô lệ, đuôi sư tử và lông đà điểu làm chiến lợi phẩm, nhờ vậy mọi con đường dẫn đến Kush đều an toàn và các toán cướp đều lớn tiếng than khóc việc Pharaon tạ thế khi nhìn thấy đầu thủ lĩnh của họ bị treo ngược trên các tường thành nơi biên ải.

Cả trên các đảo xa giữa biển, dân chúng cũng than khóc và đau buồn trước tin Pharaon Đại đế băng hà, quốc vương Babylon và quốc vương xứ Hatti của người Hittite gửi cho Hoàng thái hậu những tấm bảng viết đất sét, tỏ lòng thương tiếc Pharaon và xin vàng để đúc tượng ngài trong các đền thờ của họ vì Pharaon đối với họ như phụ vương hay huynh trưởng. Còn quốc vương xứ Mitanni ở Naharani gửi con gái mình sang làm tân vương phi như hoàng thượng trong vương triều trước từng làm và cũng theo giao ước giữa ngài với Pharaon Đại đế trước khi ngài băng hà. Công chúa tên là Tadukhipa, nàng đến Thebes cùng với rất nhiều nô tỳ, người hầu và đàn lừa thồ trên lưng những hàng hóa đắt tiền và nàng vẫn còn là một đứa trẻ, chỉ vừa tròn sáu tuổi. Thái tử cưới nàng làm phi vì đất nước Mitanni là bức tường thành ngăn giữa Syria giàu có với các vương quốc phương bắc, bảo vệ tất cả các con đường lữ hành từ đất nước Lưỡng Hà tới tận bờ đại dương. Điều này khiến cho các giáo sĩ của nữ thần

Sekhmet đầu sư tử, con gái của Amon thần thánh, mất hết niềm vui, để mặc then cửa đền của thần han gỉ, dính chặt vào nhau.

Thotmes và tôi âm ỉ bàn luận về những việc trên, mượn rượu để trải lòng, nghe nhạc Syria và ngắm nhìn các vũ nữ uốn mình. Niềm đam mê Thebes ngày càng ăn sâu vào máu tôi. Sáng ra, lão hầu một mắt của tôi bước đến bên giường tôi, hai tay buông xuống tận đầu gối trước mặt tôi, đưa cho tôi miếng bánh mì với con cá muối và rót bia vào bát của tôi. Tôi rửa ráy rồi ngồi đợi tiếp bệnh nhân, lắng nghe họ thở than và chữa bệnh cho họ.

Thế nhưng tôi không giàu lên được, bởi thi thoảng tôi mới có bệnh nhân và những người tìm đến tôi lại nghèo khó, nên tốt hơn cả là tôi chữa ngay cho họ chứ không khiến họ tốn kém bằng loại thuốc thang đắt tiền và vô hại. Tôi nhớ rằng, băng bó, khử trùng các vết thương, chữa các bệnh dạ dày và làm hạ sốt. Cả những người đàn bà cũng tìm đến tôi nhờ chữa bệnh vô sinh, họ nhìn thẳng vào mắt tôi không e thẹn. Họ mở toang váy áo trước mặt tôi, nhưng tôi bảo họ hãy đến đền thần Amon và xin các giáo sĩ lời khuyên, bởi việc thụ thai thuộc thẩm quyền của giáo sĩ. Lại có các bà mẹ khăn trùm kín mặt đến gặp tôi, cầu xin tôi giúp con gái họ vì đã lỡ mang cái thai của thủy thủ hay lính ngoại bang. Nhưng tôi không thể giúp được, bởi họ không giàu đến mức có thể đền bù những thiệt hại mà tôi có thể gặp phải nếu như tôi bị xóa tên khỏi sách của Nhà Sống và bị đuổi khỏi Thebes. Còn những người đàn bà đến gặp tôi với mong muốn lấy lại nhan sắc ngày xưa của mình, tôi pha chế những thuốc uống không gây hại cho họ. Khi những người đàn bà đến gặp tôi và than thở rằng chồng họ lười nhác hay lãnh đạm, thờ ơ với họ, tôi cho họ các loại quả thuốc để họ bí mật pha vào đồ uống của chồng. Những người này thường trở lại, mang cho tôi quà tùy theo gia sản của họ, nhưng cũng có những người trở lại than vãn rằng chồng họ vẫn đi tìm thú vui nơi khác. Nhưng trong việc này tôi làm sao giúp được, vì cho dù một danh y có thể đánh thức tình yêu khiến người đàn ông nói lời yêu đương với người đàn bà và vuốt ve họ, nhưng khi người đàn ông cần thỏa

măn ham muốn, việc họ tìm đến ai thì làm sao thầy thuốc có thể nói trước. Nhưng theo suy đoán của tôi, đàn ông sẽ chọn người đàn bà ở gần họ nhất vào lúc ấy. Và tôi đoán đúng, vì thường xuyên có người mang quà đến cho tôi và ít khi có ai đến để trách móc.

Đôi khi các bà mẹ đưa con đến gặp tôi, mẹ thì gầy gò, con thì hom hem, nhăn nhoe, đầy vết chân chim quanh vầng mắt. Những lúc ấy tôi bảo Kaptah mua thịt và trái cây để tôi cho họ, nhưng như thế tôi không thể giàu lên được và nếu tôi làm thế, vào ngày hôm sau sẽ có dăm bảy người mẹ đưa con đến đứng chờ trước nhà tôi. Khi đó, vì không thể cho họ vào nên tôi phải bảo Kaptah đóng cửa lại và khuyên họ hãy đến đền, miếu, nơi người ta phân phát thịt cho dân trong các ngày lễ hiến tế lớn vì các giáo sĩ không thể ăn hết.

Tên tôi sẽ được xướng lên ở sân trước đền trong bảy mươi ngày và tôi cứ nghĩ việc này sẽ đưa đến cho tôi những bệnh nhân giàu có, nhưng tôi đã nhầm. Quả là có những vị khách nằm trên kiệu cho người khênh đến trước cửa nhà để gặp tôi, nhưng họ đến vì nghe danh tiếng tôi là phụ tá của danh y khoan sọ và họ hứa sẽ cho tôi rất nhiều quà nếu với tư cách một danh y, tôi khoan sọ những ai cản trở họ nhận thừa kế một gia sản lớn. Nhưng tôi bảo họ đến gặp Ptahor, danh y khoan sọ hoàng gia. Còn với những người bệnh được khênh đến nhà tôi trong tình trạng vô phương cứu chữa và cuộc sống với họ chỉ là đau đớn, tôi tìm cách giảm đau cho họ rồi bảo đưa họ đến Nhà Sống.

Đêm đêm, đèn và đuốc sáng rực trên đường phố Thebes, nhạc ngân vang trong các quán rượu và nhà vui, bầu trời phía trên Thebes phản chiếu ánh sáng đỏ. Tôi muốn uống rượu để lòng khuây khỏa, nhưng rượu không giúp tôi vui lên được và của cải cũng dần cạn đến độ tôi buộc phải thế chấp nhà của mình, vay vàng từ đền để có thể ăn mặc đúng kiểu và uống rượu giải khuây.

Mùa lũ lại đến, nước dâng lên đến tận chân tường thành, đền đài và khi nước rút, mặt đất khoác lên mình màu xanh nõn nà, chim làm tổ, sen nở trong ao hồ và các bụi keo tỏa ngát hương. Vào một ngày, Horemheb đến nhà và chào tôi. Anh ta mặc đồ lanh hoàng gia, cổ đeo vòng vàng và tay cầm roi - đúng dáng vẻ của một võ quan hoàng gia. Nhưng anh ta không còn cây giáo mang theo bên mình. Tôi giơ tay lên cao biểu lộ niềm vui, anh ta cũng giơ tay và cười với tôi.

- Tôi đến xin anh lời khuyên đây Sinuhe, Người Cô Đơn. - Anh ta nói.

- Tôi không hiểu, - tôi đáp, - anh khỏe như bò tốt và dũng mãnh như sư tử. Tôi chỉ là thầy thuốc, làm sao có thể giúp được anh?

- Tôi xin anh lời khuyên với tư cách là bạn chứ không phải là danh y, - anh ta nói và ngồi xuống. Gã hầu chợt mắt Kaptah đổ nước lên tay anh ta và tôi mời anh nếm bánh nướng do mẹ Kipa của tôi làm cùng với rượu đất tiền mua từ bến cảng, bởi tôi thật sự rất vui khi gặp anh ta.

- Anh được lên chức rồi, - tôi nói. - Anh đã là một vị quan của hoàng gia và chắc hẳn nhiều phụ nữ cười với anh lắm.

Nghe vậy anh ta sầm mặt và nói:

- Toàn rác rưởi cả!

Rồi anh ta hăng lên, mặt chuyển sang đỏ và nói tiếp:

- Cung điện toàn một lũ ruồi, chúng ỉa lên đầu tôi. Những con phố của Thebes cứng quá làm chân tôi đau, còn dép chỉ làm ngón chân tôi thêm nhức nhối. - Anh ta đá đôi dép ra khỏi chân, lấy tay xoa các ngón rồi nói tiếp. - Tôi là quan cấm vệ, nhưng

đám quan quyền ở đó lại là những thằng bé còn ít tuổi, đầu vẫn đầy tóc máu và cứ cậy gia thế quyền quý để nhạo báng và cười cợt tôi. Cánh tay chúng không đủ sức giương cung, còn cây kiếm trong tay chúng là đồ chơi được giát vàng giát bạc, chỉ đủ tốt để cắt thịt nướng chứ sao có thể làm đổ máu kẻ thù được. Chúng đi trên những cỗ chiến xa nhưng không biết điều khiển, chỉ làm rối tung dây cương và khiến bánh xe của chúng xát vào bánh xe của những chiến xa bên cạnh. Lũ lính thì uống rượu và ăn nằm với nữ tỳ, nô lệ của hoàng cung và là một lũ bất tuân lệnh. Trong các trường võ bị, người ta dạy chúng đọc những sách cũ mèm, mà bọn ấy cũng chưa từng trải qua trận mạc, chưa từng nếm trải đói khát hay sợ hãi trước kẻ thù.

Anh ta giận dữ lắc lắc chiếc vòng vàng đeo ở cổ và nói tiếp:

- Vòng vàng với mẽ đay có nghĩa lý gì khi chỉ cần biết cúi rạp mình trước pharaon là có được, chứ không phải kinh qua trận mạc. Hoàng thái hậu đã buộc râu vào cằm và treo đuôi sư tử nơi eo hông mình, nhưng một người lính sao có thể kính trọng, coi đàn bà là đế vương được?

- Tôi biết, tôi biết, - anh ta nói và vung tay lên khi tôi cố nhắc anh ta nhớ đến việc Nữ hoàng vĩ đại đã phá thuyền chiến đến xứ Punt, rồi nói tiếp. - Trước đây thế nào thì bây giờ cũng phải thế. Nhưng tôi muốn nói vào thời các pharaon vĩ đại, người lính chưa bao giờ bị khinh miệt như bây giờ. Trong suy nghĩ của người dân Thebes, nghề lính là nghề đáng khinh nhất trong các nghề nên hề thấy lính là họ đóng chặt cửa. Thời gian của tôi, tuổi xuân và sức mạnh của tôi sẽ trôi qua hoài phí nếu tôi phải học binh pháp từ những kẻ hề nghe tiếng hét xung trận của dân da đen là la lên và cầm đầu bỏ chạy. Nói thật, chúng sẽ ngất xỉu vì sợ khi mũi tên của lính hoang mạc bay vèo qua tai chúng hay khi vừa nghe thấy tiếng lọc xọc, rầm rầm của những cỗ chiến xa của kẻ thù lao tới. Thề có chim ưng của tôi, binh pháp chỉ có thể học được qua trận mạc và trong tiếng vũ khí chạm nhau người ta biết được người đàn ông thế nào. Vậy nên tôi muốn bỏ đi.

Anh ta quất mạnh roi xuống bàn khiến cái cốc rơi xuống, lão hầu của tôi chạy ra ngoài, hét lên vì sợ.

- Chắc chắn là anh ốm rồi, bạn Horemheb của tôi ạ, - tôi nói. - Mắt anh đỏ bừng như đang sốt mà người lại toát mồ hôi.

- Tôi chẳng phải là đàn ông sao, - anh ta đáp rồi đứng dậy, tay nắm thùm thụp vào ngực. - Tôi có thể hai tay nhấc hai tên nô lệ to béo lên cao và đập sọ chúng vào nhau đến nát bét. Tôi có thể mang vác những vật nặng như một người lính, chạy qua những chặng đường dài không hề thở gấp, không sợ đói, không sợ khát và cũng không sợ nắng chói chang nơi sa mạc. Nhưng họ chỉ xem tất cả những việc này là đáng hổ thẹn và phụ nữ trong cung chỉ ngưỡng mộ những người đàn ông có bộ râu dài. Họ thán phục những người đàn ông có cánh tay khằng khiu, bộ ngực không lông lá và hông eo ót như của thiếu nữ. Họ ngưỡng mộ những người đàn ông dùng ô che nắng, môi tô đỏ, cặp mắt hiền lành và líu lo như chim đậu trên cành. Họ khinh bỉ tôi vì tôi cường tráng, vì mặt trời làm da tôi rám lại, và nhìn bàn tay tôi, họ biết tôi có khả năng làm việc bằng đôi tay.

Anh ta im lặng, nhìn chăm chăm về phía trước một lúc lâu rồi uống rượu.

- Anh là người cô đơn, Sinuhe, - anh ta nói, - nhưng tôi cũng là người cô đơn, cô đơn hơn tất cả, bởi tôi đoán được điều gì sẽ đến; tôi biết mình sinh ra để ra lệnh cho nhiều người và rồi sẽ đến một ngày, cả hai vương quốc đều cần đến tôi. Chính vì vậy tôi cô đơn hơn tất cả, nhưng tôi không còn chịu nổi sự cô đơn, Sinuhe ạ, vì lòng tôi như lửa đốt, cổ tôi nghẹn lại và đêm tôi không ngủ được.

Tôi là thầy thuốc và nghĩ mình có biết chút ít về đàn ông và đàn bà. Thế nên tôi nói:

- Người ấy chắc chắn là đã có chồng và chồng nàng giữ nàng rất kỹ?

Horemheb nhìn tôi, đôi mắt lóe lên giận dữ nên tôi vội vàng nhặt cái cốc từ sàn lên và rót rượu cho anh ta. Anh ta bình tĩnh lại, đưa tay sờ lên ngực, lên cổ mình rồi nói:

- Tôi phải đi khỏi Thebes thôi, nếu không sẽ chết ngạt trong đồng rác rưởi ở đây và bị lũ ruồi làm vấy bẩn.

Nhưng rồi anh ta hạ thấp người, nhìn tôi và trầm giọng nói:

- Sinuhe, anh là thầy thuốc, hãy cho tôi thuốc gì đó để tôi chiến thắng tình yêu.

- Việc đó dễ mà, - tôi bảo. - Tôi sẽ cho anh thảo dược. Khi hòa cùng với rượu, nó sẽ làm cho anh trở nên dũng mãnh và cường tráng như con khỉ đực và lũ đàn bà sẽ rên rỉ trong vòng tay anh, mắt mờ đi trong mê mê. Việc đó dễ thôi, nếu anh muốn.

- Không, không, - anh ta nói. - Anh nhầm rồi, Sinuhe. Sức đàn ông của tôi không có vấn đề gì, nhưng tôi cần loại thuốc giữ cho tôi khỏi điên lên. Tôi cần một loại thuốc có thể làm dịu trái tim tôi và làm nó cứng như đá.

- Không có loại thuốc nào như thế, - tôi đáp. - Chỉ một nụ cười và một cái nhìn từ cặp mắt xanh biếc cũng đủ khiến y học bó tay. Điều này tôi biết rất rõ. Thế nhưng những người thông thái cũng từng nói chỉ ác quỷ mới xua đuổi được ác quỷ. Tôi không thật rõ điều đó có đúng hay không, nhưng tôi đoán con quỷ đến sau còn quái ác hơn con quỷ trước.

- Thế nghĩa là sao? - Anh ta giận dữ hỏi. - Tôi đã chán ngấy những lời nói vòng vo và xoay xoắn các sự việc khiến lưỡi ta lú lút lại.

- Anh hãy tìm cho mình người đàn bà khác, và người đó sẽ xua người đầu tiên ra khỏi trái tim anh, - tôi đáp. - Thebes đầy phụ nữ đẹp và quyến rũ. Họ tô son lên mặt và mặc đồ lanh mỏng tang. Có lẽ ai đó trong số họ sẽ sẵn lòng nở nụ cười với anh. Anh

trẻ trung và dũng mãnh, chân tay anh dài và cổ anh đeo vòng vàng. Nhưng tôi thật không hiểu điều gì đã chia rẽ anh với nàng, người mà anh mê say. Cho dù nàng đã có chồng thì cũng không có tường thành nào đủ cao để ngăn cản tình yêu, và đàn bà ranh mãnh lắm, một khi nàng ta đã mê ai thì sẽ tìm cách vượt qua mọi chướng ngại. Các chuyện kể của cả hai vương quốc đều chứng minh điều đó. Người ta còn nói sự thủy chung của đàn bà giống như ngọn gió. Nó không suy chuyển mà chỉ đổi chiều. Người ta còn nói đức hạnh của đàn bà giống như sáp ong, tan chảy khi được hâm nóng. Tuy nhiên, kẻ chịu nhục, bị chê cười không phải là kẻ lừa dối mà chính là người bị cấm sùng. Xưa đã thế, sau này vẫn thế.

- Nàng chưa có chồng, - Horemheb cúi kính nói. - Anh nói về lòng chung thủy, đức hạnh hay sự nhục nhã làm gì, chỉ vô ích thôi. Nàng không thấy tôi cho dù tôi ở ngay trước mắt nàng. Nàng không chạm vào tay tôi ngay cả khi tôi giơ tay để đỡ nàng lên kiệu. Có lẽ nàng nghĩ tôi là kẻ bẩn thỉu, bởi mặt trời làm da tôi cháy sạm.

- Vậy nàng thuộc giới thượng lưu ư?

- Thôi, nói về nàng cũng vô ích, - Horemheb từ chối. - Nàng đẹp hơn trăng và các vì sao, và cách xa tôi hơn cả trăng và sao. Nói thật ôm trăng vào lòng với tôi còn dễ hơn ôm nàng. Vậy nên tôi phải quên đi thôi. Vậy nên tôi phải đi khỏi Thebes, nếu không tôi sẽ chết.

- Chẳng lẽ người anh ham muốn là Hoàng thái hậu vĩ đại ư? - Tôi đùa cợt, vì muốn thấy anh ta cười. - Tôi nghĩ bà ấy quá già và lại sồ sề so với thị hiếu của các chàng trai trẻ.

- Bà ta có giáo sĩ của mình, - Horemheb khinh bỉ nói. - Tôi nghĩ họ thông dâm với nhau cả khi quốc vương còn sống.

Nhưng tôi đã giơ tay ngăn không cho anh ta nói tiếp và bảo:

- Horemheb, tôi nghĩ anh đã uống quá nhiều nước giếng độc kể từ khi tới Thebes.

Horemheb nói:

- Người tôi say, môi và má tôi son đỏ hoe, đôi mắt sẫm màu hình trái xoan và chưa ai chạm được tới chân tay nàng dưới lớp vải lạnh hoàng gia. Tên của nàng là Baketamon và dòng máu pharaon chảy trong huyết quản của nàng, vậy nên bây giờ anh đã biết tôi điên rồ tới mức nào rồi, Sinuhe. Nếu như anh kể điều này với ai hoặc giả như anh chỉ gợi nhắc tôi nhớ đến việc này dù chỉ một lời, tôi sẽ tìm đến để giết anh dù anh có ở nơi đâu và tôi sẽ nhét thủ cấp của anh vào giữa háng và vứt xác anh lên tường thành. Mà anh cũng không bao giờ được nhắc đến tên nàng để tôi nghe thấy, bởi vì lúc đó tôi sẽ giết anh thật.

Tôi vô cùng khiếp sợ, bởi vì thật sự kinh khủng khi người có xuất xứ thấp hèn dám ngược lên nhìn con gái pharaon và có lòng thèm khát nàng. Vậy nên tôi nói:

- Không kẻ thường dân nào được động đến Công chúa ngoại trừ em nàng, Thái tử, người sẽ lấy nàng và lập nàng làm hoàng hậu, nâng nàng lên ngang hàng với mình. Việc đó sẽ xảy ra, tôi đã đọc được điều đó qua ánh mắt Công chúa bên giường bệnh của Pharaon, nàng không nhìn ai như thế ngoài em trai mình. Tôi sợ Công chúa, bởi thân thể nàng sẽ không sưởi ấm cho bất kỳ ai và trong đôi mắt trái xoan của nàng chỉ có chết chóc và trống rỗng. Vậy nên hãy đi đi, Horemheb bạn ơi, bởi Thebes không dành cho anh.

Nhưng Horemheb nóng nảy nói:

- Tôi biết rõ tất cả những điều đó và biết tỏ tường hơn anh, nên lời nói của anh chỉ như tiếng ruồi vo ve trong tai tôi thôi. Thay vì tranh luận về việc đó, ta quay lại điều anh nói lúc này, về những con quỷ ấy, vì tim tôi đầy ứ và khi đã uống rượu, tôi chỉ muốn một người đàn bà, ai cũng được, mỉm cười với tôi. Nhưng

xiêm áo của nàng phải bằng vải lanh hoàng gia, đầu nàng phải có mái tóc giả, môi, má nàng phải được tô son đỏ hoe, nhưng tôi sẽ không ham muốn nàng nếu nàng không có đôi mắt hình trái xoan như vầng trăng khuyết trên bầu trời đêm.

Tôi mỉm cười, nói:

- Anh nói phải. Vậy hai chúng ta hãy cùng nghĩ xem bây giờ anh nên làm gì là tốt nhất. Anh có bao nhiêu vàng?

Horemheb kiêu ngạo đáp:

- Tôi không thêm cân đồng vàng của mình vì chúng chỉ là rác rưởi dưới chân tôi, nhưng ngay lúc này thì tôi có vòng vàng trên cổ và vòng tay nữa, đủ không?

- Nếu vàng không đủ, - tôi nói, - thì tốt hơn là anh chỉ mỉm cười, vì những người đàn bà có xiêm áo bằng vải lanh hoàng gia rất kỳ quặc và nụ cười của anh có thể kích thích được ai đó. Lẽ nào trong hoàng cung không có ai như thế? Việc gì anh phải phung phí vàng của mình, nhớ khi anh cần đến.

- Tôi đá vào tường hoàng cung, - Horemheb đáp. - Nhưng tôi biết một cách khác. Trong đám võ quan, tôi quen một gã tên Kefta, người Crete, một lần đã bị tôi đá khi cười nhạo tôi nhưng từ đó gã bắt đầu kính nể tôi. Hôm nay gã mời tôi cùng đi đến một nhà có hội hè gì đó của giới thượng lưu. Nhà ấy nằm đâu đó gần sát đền thần đầu mèo, nhưng tôi quên mất tên của thần vì ban đầu tôi không định đến đó.

- Ý anh muốn nói thần Bast? - Tôi nói. - Tôi biết ngôi đền đó và nhà ấy có vẻ thích hợp với mục đích của anh, vì những người đàn bà nhẹ dạ rất thích cầu nguyện và dâng lễ trước thần đầu mèo để được ban cho những bạn tình giàu có.

- Nhưng Sinuhe, tôi không đến đó nếu không có anh đi cùng, - Horemheb đáp và tỏ ra rất bối rối. - Tôi xuất thân thấp kém và

quả thật chỉ biết đâm đá và dùng roi nhưng tôi không biết nên cư xử thế nào ở Thebes. Anh là người đàn ông từng trải, lại sinh ra ở Thebes. Vậy nên anh phải đi cùng tôi.

Vì đã uống rượu và sự tin tưởng của Horemheb làm tôi phồng mũi nên tôi không muốn thú nhận với anh ta là hiểu biết của tôi về phụ nữ cũng ít ỏi như anh vậy. Tôi đã uống nhiều đến mức bảo Kaptah đi kiếm cho chúng tôi cái kiệu, lại còn mặc cả tiền công với những người khên kiệu trong khi Horemheb uống thêm rượu để lấy can đảm. Những người khên kiệu đưa chúng tôi đến bên đền Bast và khi thấy đuốc và đèn sáng rực trước cửa nhà nơi chúng tôi đến, họ bắt đầu kỳ kèo đòi thêm tiền cho đến khi bị Horemheb quát cho mấy roi, họ mới chịu im miệng rồi đi, tuy vẫn âm ức. Bên cổng đền, những thiếu phụ trẻ mỉm cười với chúng tôi và mời chào chúng tôi cùng vào dâng lễ với họ, nhưng trên người họ không có vải lanh hoàng gia và họ chỉ có mái tóc bình thường nên chúng tôi chẳng để tâm đến họ.

Chúng tôi đi vào nhà, tôi đi trước, không ai ngạc nhiên trước sự xuất hiện của chúng tôi ngoài mấy đứa hầu vui vẻ đổ nước lên tay chúng tôi và từ hàng hiên, chúng tôi đã nghe thấy mùi hương hoa, mùi dầu xức, mùi thức ăn từ trong nhà tỏa ra. Đám nô lệ lấy vòng hoa trang điểm cho chúng tôi và chúng tôi bước vào sảnh lớn, vì rượu đã cho chúng tôi thêm lòng can đảm.

Nhưng khi bước vào trong sảnh, tôi không thấy ai khác ngoài người phụ nữ bước ra đón chúng tôi. Nàng khoác trên người áo váy vải lanh hoàng gia, khiến thân hình nàng hiện lên dưới lớp vải như thân thể thần linh khi nàng bước đến trước chúng tôi. Đầu nàng đội mái tóc giả màu xanh dương nặng trĩu, trên người treo bao nhiêu vòng đỏ, khóe mắt tô đen kịt còn bông mắt lại có màu xanh lục. Nhưng xanh hơn cả vẫn là đôi mắt nàng, xanh như nước sông Nile vào những ngày hè nắng đỏ lửa khiến tim tôi đắm chìm trong đó, bởi nàng chính là Nefernefernefer, người một lần tôi đã gặp giữa các cột đền Amon. Nàng không nhận ra tôi, chỉ tò mò nhìn rồi mỉm cười với Horemheb đang giơ

cao chiếc roi của quan cấm vệ lên chào. Cậu thanh niên người Crete tên Kefta đã thấy Horemheb, và vừa vấp dúi dụi vào các ghế đầu vừa chạy lại, ôm lấy anh ấy và nói anh là bạn mình. Không ai để ý đến tôi nên tôi có thừa thời gian để ngắm nhìn người tình của trái tim tôi. Nàng đã già hơn so với trí nhớ của tôi và đôi mắt nàng không cười như trước mà cứng như viên đá màu lục. Đôi mắt ấy không cười cho dù đôi môi có nhoẻn cười, và việc đầu tiên nàng làm là nhìn vào chiếc vòng vàng trên cổ Horemheb. Nhưng dù chỉ có thế, đôi chân tôi cũng bủn rủn khi tôi nhìn nàng.

Bên trong sảnh cũng còn nhiều khách khác và các bức tường của sảnh đầy những tranh vẽ của các họa sĩ nổi tiếng nhất; trần sảnh được những chiếc cột hoa huệ tây sặc sỡ nâng đỡ. Trong sảnh có cả những người đã có chồng lẫn người chưa chồng, váy áo của ai cũng bằng vải lanh mỏng nhất, ai cũng đội tóc giả và đeo nhiều đồ trang sức. Họ cười với đám đàn ông đang vây quanh mình, già có trẻ có, đẹp có xấu có. Những người đàn ông này cũng đeo vòng vàng và cổ áo họ nặng trĩu vì được thêu vàng và đá quý. Mọi người hò hét, cười đùa và trên sàn, những hũ và cốc rượu lăn lóc, những cành hoa bị đập xuống sàn; các nhạc công Syria lắc lắc những nhạc cụ làm phát ra tiếng lanh lảnh chói tai khiến lời nói bị chìm lấp. Họ đã uống rất nhiều rượu, đến mức một thiếu phụ phát nôn nhưng đứa hầu chìa cốc ra quá muộn nên ả làm bắn váy áo của mình, khiến cả đám cười nhạo ả.

Kefta, anh chàng người Crete, cũng ôm tôi và làm lấm dầu xúc lên mặt tôi khi nói tôi là bạn của cậu ta. Nhưng Nefernefernefer đã nhìn tôi và nói:

- Sinuhe! Tôi từng quen một Sinuhe. Cậu ấy cũng muốn trở thành thầy thuốc.

- Tôi là Sinuhe ấy đấy, - tôi vừa nói vừa nhìn thẳng vào mắt nàng, người tôi run lên.

- Không, anh không phải là Sinuhe ấy. - Nàng nói và đưa tay ra dấu phủ nhận. - Sinuhe mà tôi quen là một thanh niên trẻ măng và đôi mắt cậu ấy sáng như mắt nai. Còn anh đã là người đàn ông, anh có tác phong của đàn ông và bên khóe mắt anh đã có hai nếp nhăn; má của anh cũng không mịn màng như má cậu ấy.

Tôi cho nàng xem chiếc nhẫn và viên đá xanh lục trên nhẫn, nhưng nàng lắc đầu vẻ không hiểu và nói:

- Kẻ cắp đã vào nhà tôi rồi, chắc chắn anh đã giết Sinuhe, người mà mỗi khi nhìn đến là lòng tôi rạo rực. Đúng là anh đã giết cậu ấy và tháo từ ngón tay cậu ấy chiếc nhẫn mà một lần tôi đã tháo ra từ ngón cái của mình và trao cho cậu ấy để kỷ niệm tình bạn của chúng tôi. Anh còn lấy cả tên cậu ấy nữa nên Sinuhe, người tôi yêu mến không còn nữa.

Nàng đưa tay lên làm dấu buồn rầu khiến tim tôi tràn ngập niềm đắng cay và nỗi buồn lan tỏa làm tê dại chân tay. Tôi tháo nhẫn khỏi ngón tay, đưa cho nàng và bảo:

- Vậy nàng hãy nhận lại nhẫn. Tôi sẽ đi để khỏi quấy rầy niềm vui của nàng, bởi tôi không muốn nàng phiền lòng.

Nhưng nàng bảo:

- Đừng đi! - Nàng khẽ khàng đặt bàn tay lên cánh tay tôi như một lần đã từng làm và thì thào giọng yếu ớt: - Cậu đừng đi!

Khi nàng làm như thế, tôi đã biết vòng ôm của nàng bỏng rẫy hơn cả lửa và tôi sẽ không thể nào hạnh phúc nếu không có nàng. Những tên hầu rót rượu cho chúng tôi. Chúng tôi uống cho trái tim thêm rạo rực và chưa bao giờ rượu lại ngon đến thế trong miệng tôi.

Thiếu phụ vừa nôn lúc này đã súc miệng và lại uống. Rồi chị ta cởi bỏ xiêm áo đã lấm ứot và vút sang bên, gỡ xuống cả mái tóc

giả, thế là chị ta hoàn toàn trần truồng. Chị ta đưa hai bàn tay ép hai bầu vú vào với nhau, ra lệnh cho đứa hầu rót rượu vào kẽ hở giữa hai vú rồi dùng bàn tay chuốc rượu cho tất cả những ai muốn uống. Chị ta bước loạng choạng, ngã nghiêng khắp sảnh và cười to. Thiếu phụ trẻ, đẹp dừng lại trước Horemheb rồi vồn vã mời rượu anh ta giữa hai bầu vú mình. Horemheb cúi đầu xuống để uống; khi ngẩng đầu lên, mặt anh ta đỏ lựng. Anh ta nhìn vào mắt thiếu phụ rồi đưa hai tay giữ lấy cái đầu trọc của chị ta và hôn chị ta. Ai cũng cười, kể cả chị ta, nhưng rồi đột nhiên chị ta thấy xấu hổ nên xin xiêm áo mới. Sau khi mấy đứa hầu giúp mặc váy áo và đội mái tóc giả lên đầu, chị ta ngồi xuống cạnh Horemheb và không uống rượu nữa. Nghe các nhạc công Syria chơi, tôi cảm nhận niềm mê đắm Thebes trong máu mình và cả trong cơ thể mình, và biết mình được sinh ra vào ngày suy tàn của thế gian, nhưng với tôi sao cũng được, miễn là được ngồi bên người tình của trái tim mình, ngắm nhìn màu xanh biếc của đôi mắt nàng và màu đỏ trên đôi môi nàng.

Thế là nhờ Horemheb mà tôi gặp lại Nefernefernefer, người tôi say mê, nhưng giá như tôi không bao giờ gặp lại nàng nữa thì sẽ tốt hơn cho tôi.

5

- Ngôi nhà này là của nàng ư? - Tôi hỏi khi nàng ngồi bên tôi và chăm chú nhìn tôi bằng ánh mắt xanh sắc lạnh.

- Đây là nhà của tôi, - nàng đáp, - và khách cũng là khách của tôi. Tôi đón tiếp nhiều khách khứa hằng đêm vì không muốn ở một mình.

- Chắc nàng giàu lắm, - tôi nói và buồn vô cùng vì tôi sợ mình không xứng với nàng.

Nhưng nàng đã cười tôi như cười một đứa trẻ và bẽn lẽn nói với tôi bằng những lời như trong chuyện cổ tích:

- Tôi là một nữ tu chứ không phải là loại đàn bà đáng khinh. Cậu cần gì ở tôi?

Nhưng tôi thật không hiểu nàng nói vậy nhằm ám chỉ điều gì.

- Thế còn Metufer? - Tôi hỏi, vì tôi muốn biết hết, cho dù điều đó có làm tôi đau khổ.

Nàng nhìn tôi dò xét, đôi mày được tô đậm từ từ nhướng lên.

- Lẽ nào cậu không biết là Metufer đã chết? - Nàng hỏi. - Metufer chết bởi vì cậu ta đã tiêu hết tiền Pharaon cấp cho cha cậu để xây dựng đền đài. Metufer chết và cha cậu ta cũng không còn là kiến trúc sư hoàng gia nữa. Chẳng lẽ cậu không biết?

- Nếu thật như thế, - tôi nói và cười, - thì tôi gần như tin là thần Amon đã trừng phạt cậu ta bởi vì cậu ta đã chế nhạo thần.

Tôi kể cho nàng nghe chuyện vị giáo sĩ và Metufer nhổ nước bọt lên mặt tượng Amon, rửa tượng rồi dùng dầu thánh của Amon để xoa lên người mình. Nàng mỉm cười nhưng ánh mắt lạnh băng và nhìn ra xa xăm. Đột nhiên, nàng hỏi:

- Sao hôm đó cậu không đến, Sinuhe? Nếu cậu đến tìm tôi thì đã gặp được tôi. Cậu thật xấu xa vì đã không đến với tôi hôm đó mà lại đến với những người đàn bà khác, trong khi tay đeo nhẫn của tôi.

- Tôi chỉ là chàng trai mới lớn và có lẽ hôm đó tôi sợ nàng, - tôi đáp. - Nhưng trong giấc mơ nàng là người tình của tôi, Nefernefernefer ạ. Nàng có thể cười tôi, nhưng tôi chưa từng ôm ấp người đàn bà nào vì tôi vẫn mong sẽ có lúc gặp lại nàng.

Nàng cười và giơ tay phản đối.

- Chắc cậu nói dối, - nàng bảo. - Trong mắt cậu, chắc hẳn tôi chỉ là một người đàn bà già nua xấu xí, vậy nên cậu cứ thích đùa cợt

và nói dối tôi. - Nàng nhìn tôi, đôi mắt cười rạng rỡ như trong lần gặp gỡ trước đây và trong mắt tôi nàng vẫn trẻ như ngày ấy, khiến tim tôi đập mạnh và nhói đau trong lúc nhìn nàng.

- Đúng là tôi chưa bao giờ chạm vào đàn bà, - tôi bộc bạch, - nhưng có lẽ cũng không đúng, kỳ thực là tôi chỉ đợi nàng, bởi tôi muốn trung thực với nàng. Bao nhiêu đàn bà đã đi ngang qua tôi, trẻ có già có, xinh đẹp và xấu xí có, thông thái và ngu ngốc cũng có, nhưng tôi chỉ nhìn họ bằng đôi mắt của thầy thuốc, còn lòng tôi không rung động trước bất cứ ai trong số họ, nhưng vì sao lại như thế, tôi thật sự không biết.

Tôi còn nói thêm:

- Tôi có thể dễ dàng nói là vì chiếc nhẫn mà nàng đã trao cho tôi để kỷ niệm tình bạn của chúng ta và có lẽ vì nàng đã bỏ bùa tôi mà tôi không hay biết. Có thể nàng đã thật sự bỏ bùa tôi khi để đôi môi mềm ẩm của nàng khẽ chạm vào môi tôi. Nhưng giải thích như vậy cũng không đúng. Vậy nên cho dù nàng có hỏi tôi đến ngàn lần “Tại sao?”, thì tôi cũng không thể trả lời nàng.

- Có lẽ ngày còn bé chân cậu xoạc rộng trên đồng hàng và cứ thế rơi xuống cang xe nên bây giờ cậu mới ưu tư và chỉ muốn một mình như vậy.

Nàng trêu tôi và khẽ chạm tay lên người tôi; chưa người đàn bà nào từng làm như thế với tôi. Tôi thấy không cần trả lời, bởi chính nàng cũng biết điều nàng vừa nói là không đúng. Rồi nàng rút tay lại rất nhanh và nhẹ nhàng nói:

- Chúng ta hãy uống nào, để lòng ta vui. Biết đâu đấy, có thể tôi sẽ vui vẻ với cậu, Sinuhe ạ.

Chúng tôi uống rượu khi đám nô lệ khênh mấy người khách ra kiệu, còn Horemheb quàng tay ôm cô gái ngồi cạnh và gọi cô này là em gái. Cô ta mỉm cười, đặt bàn tay lên miệng anh ta và bảo anh ta không nên nói ra những lời ngu ngốc khiến sang

ngày hôm sau đã phải hối hận. Thế là Horemheb đứng dậy và gào lên với cốc rượu trên tay:

- Dù làm gì đi nữa tôi cũng không tiếc nuối vì kể từ hôm nay, tôi chỉ nhìn về phía trước và không bao giờ ngoái lại phía sau. Thế có chim ưng của tôi và hàng ngàn thần linh của hai vương quốc, những thần linh mà tôi không tài nào nhớ nổi tên, nhưng dù sao các vị hãy nghe lời tôi thế.

Rồi anh ta tháo vòng vàng trên cổ, định đeo nó vào cổ cô gái nhưng cô ta không chịu, bực tức nói:

- Tôi là một người đàn bà đức hạnh chứ không phải gái làng chơi. - Nói rồi cô ta giận dữ đứng dậy và bỏ đi nhưng đến cửa, cô ta kín đáo đưa tay vẫy Horemheb và anh ta đi theo, thế là suốt cả tối tôi không thấy cả hai đâu nữa.

Tuy nhiên không mấy ai để ý điều này vì đêm cũng đã khuya và đã đến lúc khách khứa phải ra về. Nhưng mọi người vẫn cứ uống rượu và lão đảo trên sàn nhà, chân vướng vào ghế, tay vung vẩy những cái xúc xắc giật từ tay các nhạc công. Họ ôm nhau và gọi nhau là anh em, là bạn nhưng chỉ lát sau đã đấm nhau, gọi nhau là gã trọc hay kẻ bị thiếu. Những người đàn bà không chút thẹn thùng gỡ bỏ mái tóc giả và để cho lũ đàn ông xoa xoa đỉnh đầu nhẵn thín, bởi từ lúc những phụ nữ quyền quý và giàu có bắt đầu cạo trọc đầu thì không kiểu vuốt ve nào kích động đàn ông hơn thế. Có mấy gã tiến lại gần Nefernefernefer nhưng nàng giơ tay xua họ đi, còn tôi đập lên ngón chân những kẻ cứ thế xông bừa đến, phớt lờ địa vị và chức tước của mình bởi tất cả bọn họ đều đã say xỉn.

Nhưng tôi không say vì rượu, tôi say vì những cái chạm tay của nàng và vì được ở gần nàng, cho đến khi nàng ra hiệu và đám người hầu lần lượt tắt đèn, khiêng bàn ghế ra ngoài, nhặt những cành cây, vòng hoa bị đập trên nền nhà và dìu những người khách đã ngủ gật bên vò rượu ra kiệu của họ. Vì thế tôi bảo:

- Chắc tôi cũng phải về rồi.

Nhưng mỗi từ tôi nói ra đều làm tim tôi nhói đau, nhức buốt như vết thương bị xát muối, vì tôi không muốn rời nàng và với tôi mỗi phút giây không được ở cạnh nàng đều vô vị.

- Cậu muốn đi đâu? - Nàng hỏi, ra vẻ ngạc nhiên.

- Tôi qua đêm trên phố trước cửa nhà nàng, - tôi nói. - Tôi đến từng ngôi đền ở Thebes, dâng lễ cảm ơn thần linh đã cho tôi gặp được nàng, vì chỉ thấy nàng rồi tôi mới lại tin vào thần linh. Tôi đi hái hoa từ trên cây và rải chúng xuống những con đường nàng đi qua mỗi khi nàng bước ra khỏi nhà. Tôi đi mua mộc dược để xúc lên cột cổng nhà nàng.

Nhưng nàng mỉm cười và nói với tôi:

- Tốt hơn cậu đừng đi, vì tôi cũng có hoa và mộc dược. Tốt hơn cậu đừng đi vì bị rượu kích thích, có khi cậu lạc vào nhà người đàn bà nào đó, mà tôi lại không muốn thế.

Lời nàng nói làm tôi sững mê ly, muốn ôm ngay lấy nàng nhưng nàng ấn tôi ra và bảo:

- Đừng! Đám hầu của tôi sẽ nhìn thấy, mà tôi không cho phép điều đó vì cho dù tôi sống một mình, tôi cũng không phải là loại đàn bà đáng khinh. Nhưng vì cậu đã muốn trung thực với tôi, tôi cũng muốn ngay thật với cậu. Vì vậy chúng ta chưa làm cái việc mà vì nó cậu đến đây, tôi chỉ đưa cậu ra vườn để có thể kể cho cậu nghe một câu chuyện.

Nàng dẫn tôi ra vườn, trăng sáng vàng vạc, các khóm hương thảo cùng các bụi keo ngào ngạt tỏa hương, những đóa sen đã khép cánh ngủ yên trong ao, bờ ao được lát bằng những loại đá nhiều màu sắc sỡ. Đám nô tỳ rót nước lên tay chúng tôi và bê ra đặt trước chúng tôi ngỗng rán và các loại quả ướp mật.

Nefernefernefer nói:

- Sinuhe, hãy ăn và vui cùng tôi.

Nhưng cổ tôi khản đặc vì thèm muốn nên tôi không ăn được. Nàng nhìn tôi, vừa mỉm cười bốn cột vừa ăn rất ngon miệng và cứ mỗi lần nàng nhìn tôi, ánh trắng trong ngần phản chiếu trong mắt nàng. Ăn xong nàng nói:

- Bây giờ tôi sẽ kể cậu nghe một truyền thuyết như đã hứa, vì thời gian từ giờ đến sáng còn dài mà tôi lại chưa buồn ngủ. Chuyện kể về Setne Khemves và Tabubue, nữ tu của thần Bast.

- Tôi đã nghe câu chuyện đó rồi, - tôi nói và không thể kìm được nỗi thèm khát của mình. - Tôi đã nghe chuyện đó nhiều lần rồi, yêu dấu ạ. Hãy vào nhà cùng tôi để tôi có thể nằm ôm nàng vào lòng trên giường và nàng có thể ngủ trên cánh tay tôi. Đi nào yêu dấu ơi, bởi thân thể tôi đang quặn đau vì thèm muốn, tôi sẽ lấy đá cào lên mặt mình và gào lên nếu nàng không vào.

- Yên nào, yên nào, Sinuhe, - nàng vừa nói vừa chạm tay vào tôi.
- Cậu dữ tợn thế, tôi sợ cậu. Bởi vậy tôi sẽ kể chuyện đó để cậu trấn tĩnh lại. Chuyện rằng Setne, con trai của Khemves, trong khi đi tìm cuốn sách của Thoth bị cất giấu trong đền đã gặp Tabubue, nữ tu của thần Bast, và vì nỗi thèm muốn thôi thúc nên Setne đã bảo người hầu đến dâng nàng mười deben vàng, nếu nàng chịu chiều Setne trong một giờ. Nhưng Tabubue đã trả lời: “Ta là nữ tu chứ không phải loại đàn bà đáng khinh. Nếu chàng thực lòng muốn điều đã nói, hãy đến với ta ở nhà ta, nơi không ai nhìn thấy chúng ta để ta khỏi phải hành xử như gái làng chơi”. Nghe thế, Setne vô cùng mừng rỡ, vội vàng đến nhà Tabubue. Tabubue đón chàng vào nhà và mời rượu. Rượu càng khiến cơn thèm tăng lên, Setne muốn bắt đầu ngay việc mà vì nó chàng đến đây.

Nhưng Tabubue nói:

- Chàng đã ở nơi chàng muốn, nhưng ta là nữ tu chứ không phải là loại đàn bà đáng khinh. Nếu quả thật chàng muốn thứ mà

chàng nói thì chàng phải trao cho ta tất cả cửa cải và tiền bạc, nhà cửa và trang trại của chàng, những thứ chàng sở hữu.

Setne nhìn nàng và sai người vờ thư lại am tường luật pháp đến để viết khế ước, theo đó chàng sẽ trao cho Tabubue tất cả những gì chàng sở hữu. Lúc đó Tabubue đứng dậy, khoác lên người xiêm áo bằng vải lanh hoàng gia, thân thể nàng lộ ra dưới lớp vải như thân thể của nữ thần, được trang điểm thật diễm dúa. Nhưng khi Setne muốn điều mà vì nó chàng đến, Tabubue vẫn từ chối và nói:

- Chàng sẽ sớm có được điều chàng muốn. Nhưng ta là nữ tu chứ không phải loại đàn bà đáng khinh, vì vậy chàng hãy đuổi vợ mình ra khỏi nhà, để ta không phải nghi ngờ rằng lòng chàng sẽ lại hướng về người đó.

Setne nhìn nàng ta và sai kẻ hầu đuổi vợ mình ra khỏi nhà. Khi ấy Tabubue nói:

- Hãy vào phòng ta và nằm xuống giường ta, chàng sẽ nhận được phần của mình.

Setne háo hức đi vào phòng Tabubue và nằm xuống chiếc giường nhưng ngay lúc ấy, một tên hầu đi vào và nói:

- Các con ông đang ở đây và đứng bên cổng khóc đòi mẹ chúng.

Nhưng Setne làm như không nghe thấy, chỉ muốn vào ngay việc mà vì nó chàng đến đây. Lúc đó Tabubue lại nói:

- Ta là nữ tu chứ không phải là loại đàn bà đáng khinh, bởi thế ta chột nghĩ có thể đàn con của chàng sẽ tranh cãi với các con ta về quyền thừa kế. Để tránh điều đó, chàng hãy cho phép ta giết chúng.

Setne để Tabubue giết con mình ngay trước mắt mình và vút xác chúng qua cửa sổ xuống sân cho chó, mèo ăn. Khi uống rượu

cùng Tabubue, chàng ta còn nghe thấy tiếng chó và mèo kêu sủa ầm ĩ vì giành giết thịt của lũ trẻ.

Nghe đến đó, tôi ngăn nàng lại và tìm tôi thất lại trong lồng ngực, như mỗi lần nghe câu chuyện ấy hồi còn bé. Tôi nói:

- Nhưng tất cả những điều đó chỉ có trong giấc mộng. Bởi vì khi nằm xuống giường của Tabubue, Setne nghe tiếng thét của nàng ta và bừng tỉnh, và chàng ta thấy mình như đang ở trong lò lửa khi trên người không có lấy một mảnh vải. Tất cả chỉ là giấc mộng mà Neferkaptah đã bông đùa và người ta kể trong nhiều câu chuyện khác.

Nhưng Nefernefernefer bình thản nói:

- Setne mơ và tỉnh giấc, nhưng rất nhiều người khác chỉ tỉnh giấc trong Nhà Chết mà thôi. Sinuhe, ta buộc phải nói với cậu, cả ta cũng là một nữ tu chứ không phải là loại đàn bà đáng khinh. Ta cũng có thể có tên là Tabubue.

Nhưng ánh trăng phản chiếu lại từ mắt nàng khi nàng nhìn tôi khiến tôi không tin lời nàng nên tôi vẫn muốn kéo nàng vào lòng. Nhưng nàng ngăn tôi lại và hỏi:

- Sinuhe, chẳng lẽ cậu không biết tại sao Bast, nữ thần tình yêu, lại được miêu tả trong hình dạng con mèo?

- Tôi không quan tâm đó là mèo, miu hay thần linh, - tôi nói và cố kéo nàng vào lòng, mắt nhòa đi vì cơn thèm muốn đã dâng lên tột đỉnh. Nhưng nàng hất tay tôi ra và nói:

- Cậu sẽ được chạm tay vào thân thể tôi ngay thôi. Tôi sẽ để cậu sờ lên bầu vú tôi và sà vào lòng tôi nếu như điều đó làm cậu trấn tĩnh lại, nhưng trước tiên cậu phải nghe tôi nói và phải biết đàn bà cũng giống như mèo và ham muốn nhục dục cũng giống như mèo. Lòng bàn chân của nó thật mềm mại nhưng lại ẩn giấu bên trong những vuốt sắc nhọn, sẵn sàng đâm vào tận tâm can đối

phương không chút xót thương. Quả đúng vậy, đàn bà có bản tính của loài mèo, cũng rất thích đùa giỡn, vờn con mồi của nó và dùng vuốt sắc làm đau con mồi không biết chán. Đến khi con mồi hoàn toàn tê liệt thì nó mới ăn, rồi lại đi tìm con mồi mới. Tôi kể với cậu tất cả những điều này vì tôi muốn thành thực với cậu và tôi không muốn gây cho cậu điều gì bất hạnh.

- Không, tôi không muốn gây bất hạnh cho cậu dù bằng bất cứ cách nào.

Nàng nhắc lại và lơ đãng nhắc một tay tôi đặt lên bầu vú mình rồi kéo tay còn lại của tôi vào lòng, khiến cả người tôi bắt đầu run lên và nước mắt ứa ra. Nhưng ngay lúc đó nàng ta lại nóng nảy hất tay tôi ra và nói:

- Tôi là Tabubue, biết rồi thì cậu hãy tránh xa tôi và đừng bao giờ quay lại để tôi khỏi làm hại cậu. Nhưng nếu không tránh đi, ít nhất cậu không thể đổ lỗi cho tôi nếu có điều gì không hay xảy ra với cậu.

Nàng ta chờ tôi bỏ đi, nhưng tôi không đi nên bèn thở dài như thể đã chán trò chơi và nói:

- Thôi được, chắc tôi phải cho cậu điều mà cậu đòi. Nhưng đừng có dữ tợn quá vì tôi mệt lắm và tôi sợ mình sẽ thiếp đi trên tay cậu.

Nàng đưa tôi vào phòng mình và chúng tôi nằm xuống chiếc giường bằng gỗ mun và ngà voi của nàng. Rồi nàng cởi xiêm áo và ôm tôi vào lòng, tôi cảm thấy như cả người tôi, trái tim tôi và tất cả mọi thứ trong tôi đều cháy thành than trong lòng nàng. Nhưng chỉ một lúc sau, nàng ta bắt đầu ngáp và nói:

- Quả thật tôi rất mệt và tôi tin cậu chưa từng ân ái với đàn bà, vì cậu vụng lắm và cũng không làm tôi thỏa mãn. Thế nhưng một cậu trai trẻ lần đầu tiên biết đến mùi đàn bà đến với một người phụ nữ tức là đã trao cho người phụ nữ món quà vô giá. Vậy nên

tôi không đòi ở cậu bất cứ quà gì. Nhưng giờ thì cậu đi đi và để tôi ngủ, vì cậu đã nhận được điều mà vì nó cậu đến đây.

Khi tôi vẫn cố kéo nàng vào lòng thì nàng ẩng tôi ra và bắt tôi đi về. Nhưng cả thân thể tôi như trong bể lửa, mọi thứ bên trong tôi sôi lên sùng sục và tôi biết mình sẽ không bao giờ quên được nàng.

6

Ngày hôm sau, tôi bực bội bảo Kaptah cho tất cả bệnh nhân ra về và khuyên họ tìm thầy thuốc khác. Còn tôi đi đến chỗ thợ cắt tóc rồi về tắm rửa, mặc quần áo và xúc dầu thơm lên khắp người. Nhưng khi tôi chuẩn bị đi gặp Nefernefernefer, Horemheb đến và giữ tôi lại.

- Sinuhe, bạn tôi ơi, - anh ta nói, - tất cả bọn họ chỉ là rác rưởi mà thôi.

- Tôi đang vội, - tôi sốt ruột bảo, - nhưng anh cứ vào nhà, đây tờ của tôi sẽ mang cho anh cá muối và bia lạnh rót ra từ hũ sành.

Tôi định đi nhưng Horemheb nắm tay giữ tôi lại và vì anh ta khỏe hơn nên tôi buộc phải quay vào nhà nghe anh ta giải bày tâm sự. Anh ta nhai cá muối, uống bia và nói:

- Cái ả hôm qua đi cùng tôi rất chiều tôi. Nhưng tôi cũng không rõ liệu cuối cùng tôi nhận được gì hơn từ ả ngoài thứ mà một nô tỳ rẻ mạt nhất cũng có thể trao cho một người đàn ông.

Anh ta dừng một lát rồi nói tiếp:

- Ừ thì tôi cũng phải thừa nhận là ả có thân hình mềm mại, làn da trắng và tôi cũng thấy thích thú khi đang ngà ngà lại được nghe tiếng ả rên rỉ vì sức mạnh của tôi, nhưng bây giờ tôi cũng không thật biết liệu có nên mất nhiều công sức vì việc này đến

thế không. Hơn nữa, ả ta đã có chồng, dù chồng ả hiện không có nhà và chắc chắn tôi phải giết chồng ả khi hắn quay về, nếu không hắn cũng sẽ giết tôi khi về đến nhà.

- Anh không cần phải sợ, - tôi sốt ruột ngắt lời. - Đó không phải là tập quán của Thebes. Nếu thi thoảng gặp chồng ả tại nhà ả, anh có thể cúi chào hắn, tay duỗi thẳng xuống tận đầu gối. Rồi hắn sẽ mời anh uống rượu và chính hắn cũng uống đến say mềm, sau đó anh có thể ôm ấp vợ hắn ngay trên giường của hắn. Xưa đã thế, sau này vẫn thế và cả hai vợ chồng nhà ả đều sẽ rất thỏa mãn, ả thỏa mãn với anh, còn chồng ả, vì mục vợ đã cho uống đến say mà không mắng mỏ cần nhần, cũng thôi không ngăn cản như lũ đàn bà hay làm.

- Chồng của ả gây gò, hói và bủn xỉn, ả bảo với tôi thế, - Horemheb kể và uống bia, - nên tôi tháo vòng vàng trên cổ mình cho ả, vì vàng chỉ là cát bụi dưới chân và không có nghĩa lý gì với tôi nếu không phải là chiến lợi phẩm mà tôi có được trong trận mạc. Về phần mình, ả tặng tôi mái tóc giả của ả vì cả hai chúng tôi lúc đó đã ngà ngà, mặc dù tôi không biết làm gì bây giờ với nó.

Horemheb lôi từ dưới áo khoác ngoài ra một mái tóc giả, những bím tóc lấp lánh được nhuộm màu xanh nõn rất khéo, và hờ hững vung vẩy nó.

- Điều duy nhất làm tôi khó chịu là tôi bỏ quên cây roi của mình dưới giường ả trong lúc say, nên bây giờ đám lính ngoài phố không chào tôi nữa. Anh có nghĩ là ngoài chợ có thể đổi tóc giả lấy roi chỉ huy không, vì tôi không chắc mình sẽ quay lại nhà ả nữa, cho dù ả mềm và ấm đến thế nào.

Tôi bảo chắc được thôi và còn nói thêm là tôi đang rất vội. Nhưng Horemheb vẫn không có ý rời đi. Anh ta nói trong miệng anh ta có vị gì đó, như thể đã ăn phải bùn, và tay anh ta vẫn còn vương mùi của ả khiến anh thấy tởm lợm. Anh ta cũng ngửi

ngửi tôi và đoán tôi cũng đã qua đêm với đàn bà vì người tôi có mùi dầu xức. Tôi bảo mình vừa đi cắt tóc về, bởi tôi cảm thấy nếu đặt Nefernefernefer ngang hàng với cô ả của anh ta thì tôi có phần hạ thấp phẩm giá nàng. Vì tôi cảm thấy việc mình làm hoàn toàn khác với việc anh ta đã làm, như thể linh hồn mình được bọc trong một tấm lưới vàng vô hình. Cũng có thể tôi đúng, bởi những việc con người làm sẽ không có ý nghĩa gì, chỉ có nghĩa khi trái tim người ta cảm nhận được gì khi làm việc đó.

- Anh có nhớ lời thề của tôi không? - Horemheb hỏi. - Quả thật tôi đã uống quá nhiều rượu, nhưng rượu đã giúp tôi hiểu rõ nhiều việc mà tôi từng suy ngẫm. Tôi đã hiểu ra rằng tất cả bọn họ, những kẻ vừa ăn chơi thỏa sức vừa khoe khoang của cải và địa vị của mình, chẳng qua chỉ là lũ ruồi nhặng xung quanh tôi. Mà có thể cả Công chúa Baketamon cũng vậy, nàng, người mà tôi yêu, cũng chỉ là con ruồi bướng bình quanh tôi. Chỉ còn duy nhất một thứ có chút ý nghĩa, đó là quyền lực. Mà không có vũ khí thì cả quyền lực cũng không có. Vậy nên chim ưng của tôi đã đúng khi bắt tôi trở thành người lính.

- Nhưng quyền lực không nằm trong tay những kẻ xông pha trận mạc, - tôi nói, - mà thuộc về những người ra lệnh cho binh lính, binh lính vì họ mà đánh giết nhau.

- Tôi đâu phải kẻ ngu, - Horemheb nói, - để cho tất cả bọn họ, những kẻ ăn trên ngồi trốc nghĩ mình có quyền ra lệnh, nhưng nói cho cùng họ cũng không có quyền bính gì, mà quyền bính thật sự bí mật nằm trong tay những người khác. Vậy nên tôi nghĩ rằng hội đồng giáo sĩ Amon có quyền lực rất lớn trên cả đất Ai Cập này, và vị giáo sĩ, người ngồi bên phải Hoàng thái hậu, là người có trong tay cả nắm quyền lực vào thời điểm này. Nhưng nếu có một ai đó có khả năng tập hợp quân đội, đưa họ vào trận chiến và buộc đội quân đó thực hiện mệnh lệnh của mình thì đó mới chính là người trị vì đích thực, cho dù không ai nhận ra điều đó.

- Anh như thế mới thật là kẻ ngu, - tôi nói, - vì người lính phải tuyên thệ trung thành với pharaon nên pharaon luôn là người đứng trên quân đội.

- Đúng thế thật, - Horemheb đồng ý, - trung thành là phẩm chất không thể thiếu của người lính vì mọi quyền chỉ huy trong quân đội đều dựa vào đó cả. Ngọn roi dạy cho đám lính quèn phải trung thành, còn cấp chỉ huy hẳn nhiên biết không có sự trung thành thì không có quân đội và nếu cấp cao nhất không trung thành thì cấp thấp nhất cũng không và tất cả sẽ tan rã. Vấn đề nằm ở đây. Nhưng dù sao đi nữa, tôi phải ở lại Thebes và chờ thời cơ của mình đến. Sau khi vui thú với đàn bà, tôi nhận ra mình đã trấn tĩnh lại và mặc dù tôi vẫn yêu trong vô vọng, tình yêu trong tim tôi đã lắng xuống ít nhiều và nó không còn gây đớn đau hơn một cơn đau dạ dày bình thường nữa. Bởi vậy tôi cảm ơn anh, Sinuhe ạ, vì đã cho tôi lời khuyên hữu ích, nếu thì thoảng anh cần sự giúp đỡ hay lời khuyên thì hãy đến tìm tôi ở hoàng cung nhé.

Anh ta ra chợ, đổi mái tóc giả màu xanh lục lấy cây roi chiến binh. Còn tôi cho gọi kiệu đến rồi giục đám phu khênh kiệu chạy thật nhanh đưa tôi đến nhà Nefernefernefer, vì tôi không muốn áo hay chân mình lấm bụi đường phố. Kaptah, người hầu một mắt của tôi, lo lắng dõi theo tôi và lắc đầu, bởi tôi chưa từng bỏ phòng khám vào giữa ngày thế này bao giờ và lão sợ qua cấp người bệnh cho thầy thuốc sẽ cạn dần nếu tôi cứ bỏ bê người bệnh của mình như thế. Nhưng tôi không còn bất cứ suy nghĩ nào trong đầu ngoại trừ một ý nghĩ duy nhất và toàn thân tôi như cháy trong lửa. Tuy nhiên, ngọn lửa này thật đáng yêu.

Tên đầy tớ cho tôi vào nhà và dẫn tôi đến phòng Nefernefernefer. Đang trang điểm trước gương, nàng ta nhìn tôi, đôi mắt thờ ơ, cứng rắn như hai viên đá xanh.

- Cậu muốn gì, Sinuhe? - Nàng hỏi. - Sự hiện diện của cậu làm tôi phát ngán.

- Nàng biết quá rõ tôi muốn gì. - Tôi đáp và thử ôm nàng khi nhớ lại sự thân mật của nàng đêm qua. Nhưng nàng ta nhẩn tâm ẩn tôi ra.

- Cậu ngu ngốc hay cậu ghen mà đến quấy rầy tôi thế? - Nàng ta cáu kỉnh nói. - Cậu không thấy tôi đang trang điểm sao? Vì có một thương gia từ Sidon vừa đến Thebes, mang theo chiếc trâm cài trán của hoàng hậu mới được tìm thấy dưới hầm mộ. Tối nay ai đó sẽ tặng trâm cho tôi, vì từ lâu tôi đã khát khao những đồ trang sức chưa ai từng có. Vậy nên tôi phải trang điểm cho mình thật đẹp và cho người xúc dầu khắp người.

Không hề thẹn thùng, nàng ta cởi bỏ xiêm áo và nằm xuống giường để nữ tỳ xoa dầu thơm lên khắp cơ thể. Tim tôi dâng lên ghen hòng và hai bàn tay tôi toát mồ hôi khi tôi nhìn thấy sắc đẹp của nàng.

- Sao cậu còn chần chừ, Sinuhe? - Nàng ta hỏi và vẫn thản nhiên nằm trên giường sau khi nô tỳ đã đi khỏi. - Tại sao cậu không đi đi, tôi còn phải vận xiêm áo đây.

Lúc ấy lòng ham muốn làm tôi mù mị và tôi nhào đến bên nàng nhưng nàng ta khéo léo tránh tôi khiến tôi không làm được gì, đành bật khóc trong nỗi thèm khát bất lực. Cuối cùng tôi nói:

- Nàng biết là nếu tôi có vàng bạc, tôi sẽ mua cho nàng chiếc trâm cài trán đó. Tôi sẽ không cho phép ai khác chạm đến nàng.

- Cậu thật có ý định đó sao? - Nàng ta nói nhỏ nhẹ và lim dim mắt. - Cậu thật không cho ai động đến tôi ư? Vậy nếu tôi dành ngày hôm nay cho cậu, ăn uống và ái ân cùng cậu bởi ai biết được ngày mai điều gì sẽ đến, thì cậu cho tôi cái gì, Sinuhe?

Nàng ta dang rộng hai tay và ngả ngón ưỡn người trên giường làm cái bụng mìn màng hõm xuống ngay trước mắt tôi, mà cả người nàng ta không có đến một sợi lông, cả trên đầu và bất cứ chỗ nào lông tóc thường mọc.

- Cậu cho tôi cái gì nào? - Nàng ta vừa nhắc lại vừa ưỡn người và nhìn tôi.

- Tôi chẳng có gì để cho nàng đâu, - tôi đáp và nhìn xung quanh. Giường của nàng bằng ngà voi và gỗ mun, nền nhà lát đá lưu ly xanh lam và được trang trí bằng ngọc lam, còn trong phòng có rất nhiều bát, cốc bằng vàng.

- Không, quả thật tôi không có gì đáng làm quà cho nàng, - tôi nói và chân bủn rủn. Tôi đã định quay đi nhưng nàng ta giữ tôi lại.

- Tôi thương hại cậu, Sinuhe ạ, - nàng ta nhỏ nhẹ nói và lại mềm mại ưỡn người. - Quả thật cậu đã cho tôi cái đáng giá nhất trong cậu, cho dù sau đó nghĩ lại tôi thấy giá trị cái đó bị thổi phồng quá mức. Nhưng cậu vẫn còn ngôi nhà, quần áo và dụng cụ mà một thầy thuốc cần đến. Cậu có nghèo lắm đâu.

Người tôi run rẩy từ đầu đến chân, nhưng tôi nói:

- Tất cả những thứ đó là của nàng nếu nàng muốn, Nefernefernefer. Tất cả là của nàng, nếu nàng ân ái cùng tôi hôm nay. Thật ra tất cả đều không đáng giá cho lắm nhưng ngôi nhà đó được trang bị cho một danh y và một môn sinh ở Nhà Sống có thể trả nhiều để có nó nếu cha mẹ của hắn giàu có.

- Cậu nghĩ vậy thật sao? - Nàng ta nói và quay tám lưng trần lại phía tôi, nhìn ngắm mình trong gương và lấy ngón tay vuốt nhẹ hàng lông mày đen thẫm. - Thôi được, nếu cậu muốn. Vậy cậu hãy gọi thư lại đến để ghi điều này ra giấy và tôi sẽ chuyển tất cả những gì cậu sở hữu sang tên tôi. Bởi dù sống một mình, tôi không phải là loại đàn bà đáng khinh và tôi phải lo cho tương lai của mình một khi cậu ruồng bỏ tôi, Sinuhe ạ.

Tôi ngẩng nhìn tám lưng nàng ta, lưỡi cứng đờ trong miệng, tim đập thình thịch khiến tôi phải lập tức quay đi và tìm một viên thư lại am tường luật để người này nhanh chóng viết tất cả mọi

điều cần thiết ra giấy và gửi vào lưu trong văn khố hoàng gia. Khi tôi quay lại, Nefernefernefer đã khoác xiêm áo lạnh hoàng gia lên người, đội mái tóc giả lên đầu, sắc đỏ như vàng, còn quanh cổ tay, cổ chân là những đồ trang sức tuyệt đẹp, chiếc kiệu sang trọng đang đợi nàng ta trước cửa nhà. Tôi đưa cho nàng khế ước mà viên thư lại đã làm và nói:

- Tất cả những gì tôi sở hữu nay đã thuộc về nàng, Nefernefernefer, tất cả là của nàng, kể cả quần áo trên người tôi. Hôm nay chúng ta hãy cùng ăn uống và tận hưởng lạc thú, bởi vì ai biết được điều gì sẽ đến vào ngày mai.

Nàng ta cầm tờ giấy, hồ hững cật nó vào cái hộp gỗ mun và nói:

- Tôi rất lấy làm tiếc Sinuhe ạ, bởi tôi vừa nhận ra là kinh nguyệt của tôi mới bắt đầu, nên cậu không thể ăn nằm với tôi được như tôi mong muốn. Vậy nên tốt hơn là cậu về đi đã, hãy để cho tôi sạch sẽ theo cách thần ban, vì đầu tôi nặng trĩu và lưng tôi mỏi. Một hôm nào khác khi cậu quay lại, cậu sẽ nhận được điều cậu muốn.

Tôi nhìn nàng ta và thần chết chế ngự trong lồng ngực nên tôi không thốt ra được lời nào. Nàng ta tỏ vẻ rất sốt ruột, giậm chân xuống sàn nhà và nói:

- Cậu biến đi, tôi đang vội.

Khi thấy tôi định ôm nàng ta, nàng bảo:

- Đừng làm bẩn son trên mặt tôi.

Tôi về nhà, dọn dẹp đồ đạc để mọi thứ sẵn sàng cho người chủ mới. Lão đầy tớ một mắt của tôi vừa đi theo tôi từng bước vừa lúc lắc đầu, cho đến khi sự chường mặt của lão làm tôi vương mắt, tôi gắt lên:

- Đừng có đi theo ta như thế vì ta không còn là chủ người nữa rồi, người khác đã sở hữu người. Hãy ngoan ngoãn vâng lời khi người đó đến và đừng có lấy cắp của người đó nhiều như đã lấy của ta, vì có thể cây gậy của hắn sẽ cứng hơn của ta đấy.

Lúc đó lão cúi rạp người xuống đất trước mặt tôi và giơ hai tay lên quá đầu vì quá đau buồn, vừa cay đắng khóc vừa nói:

- Ông chủ ơi, xin ngài đừng đuổi con đi, vì trái tim già nua của con đã kính yêu ông và sẽ vỡ làm đôi nếu bây giờ ông đuổi con đi. Con luôn trung thành với ông cho dù ông còn rất trẻ và hồn nhiên, thứ gì con đã trộm của ông, con đã tính toán rất kỹ nên trộm bao nhiêu và dựa theo lợi ích của ông. Con đã chạy dọc các con phố bằng đôi chân già nua của mình vào giữa trưa nóng bức, mồm gào tên ông và tài chữa bệnh của ông để ai cũng nghe thấy, mặc dù kẻ hầu người hạ của các thầy thuốc khác lấy gậy đánh con và nhặt rác rưởi, phân cứt ném con.

Tim tôi quặn đau và miệng tôi đắng ngắt khi nhìn lão ta, nhưng rồi tôi mỉm lòng, đưa tay vỗ lên vai lão rồi nói:

- Đứng dậy nào, Kaptah!

Tên được ghi trên giấy mua nô lệ của lão là Kaptah nhưng tôi chưa bao giờ gọi lão bằng tên để lòng tự trọng của lão đừng trỗi dậy, để lão đừng nghĩ mình ngang hàng với tôi. Nên khi gọi lão, bao giờ tôi cũng chỉ hét to “tên nô lệ”, “đồ ngu”, “đồ vô lại”, hay “tên trộm”.

Giờ nghe tôi thốt lên tên mình, lão khóc thảm thiết hơn, chạm trán vào tay và chân tôi rồi đặt bàn chân tôi lên đầu mình cho đến khi tôi phát cáu, ầm lão ra và lệnh cho lão đứng dậy.

- Khóc lóc cũng không giúp gì được nữa, - tôi bảo. - Nhưng lão nên biết rằng ta không bán lão cho kẻ khác vì ta ghét lão, vì quá thật ta hài lòng với cách lão hầu ta cho dù nhiều lúc lão đập cửa rầm rầm, gõ nổi xoong loảng xoảng để cãi lại không biết xấu hổ

khi có gì đó không vừa lòng lão. Cho dù lão có lấy trộm của ta, ta cũng không lấy đó làm bực vì đó là quyền của kẻ nô lệ. Xưa đã thế và sau này vẫn thế. Nhưng ta buộc phải từ giã lão cho dù ta không muốn, vì ta không có gì để làm quà tặng. Ta còn mất cả nhà cửa và tất cả những gì ta sở hữu, ngay đến quần áo trên người cũng không còn là của ta. Thế nên lão khóc lóc trước mặt ta thế này cũng vô ích.

Lúc đó Kaptah đứng dậy, đưa tay gỡ đầu và nói:

- Hôm nay là một ngày đáng nguyên rủa.

Rồi lão suy nghĩ rất lung và nói:

- Ông chủ Sinuhe, ông là thầy thuốc vĩ đại, dù ông còn trẻ và cả thế giới rộng mở trước ông, nên tốt nhất là con sẽ nhanh chóng thu dọn tất cả của cải có giá trị và khi đêm đến ta sẽ đi trốn, ta sẽ trốn trong cái thuyền nào có chủ thuyền không quá kỹ tính và sẽ dong buồm xuôi sông. Có biết bao nhiêu thành phố trong cả hai vương quốc, nếu ông bị đám nha lại phát hiện và truy tìm, hay nếu con bị nhận ra trong bảng tên của nô lệ bỏ trốn, thì chúng ta vẫn có thể đến các vùng đất đỏ, nơi không ai biết ông. Chúng ta cũng có thể đến các đảo ở biển xa, nơi rượu ngọt lành và đàn bà vui vẻ, và cả ở đất Mitanni và Babylon, nơi các dòng sông chảy sai hướng, nơi người ta coi trọng tài năng của danh y Ai Cập, ông có thể giàu có và con đây thành người hầu của đức ông đáng kính. Ông chủ ơi nhanh lên để ta còn kịp thu dọn đồ đạc của ông trước khi trời tối.

Lão giật giạt tay áo tôi.

- Này Kaptah, Kaptah! - Tôi nói. - Lão đừng có quấy rầy ta bằng những lời ngu ngốc của lão, bởi vì tim ta tối tăm như tử thần và thân thể ta không còn của ta nữa. Ta đã bị trói buộc bằng những xiềng xích còn chắc hơn cả dây đồng dù lão không nhìn thấy. Vậy nên ta không thể bỏ trốn bởi mỗi phút giây ở xa Thebes, ta sẽ phải sống như trong lò lửa.

Lão hầu của tôi ngồi phịch xuống nền nhà, vì chân lão đầy những cục bướu đau nhức mà khi rảnh rỗi, tôi cũng chữa trị cho lão. Lão nói:

- Có lẽ thần Amon đã hắt hủi chúng ta rồi, mà con cũng không lấy làm ngạc nhiên, vì ông chủ ít khi dâng lễ cho thần. Tuy con vẫn thường xuyên cúng cho thần một phần năm những gì con lấy trộm của ông để tỏ lòng biết ơn thần vì đã ban cho con một ông chủ trẻ và chân chất, nhưng cả con cũng bị thần hắt hủi rồi. Đúng thế! Chúng ta nên đổi thần thôi và phải đi dâng lễ ngay cho thần khác, biết đâu thần đó sẽ xua được điều tồi tệ khỏi ta và làm cho mọi việc trở nên tốt lành.

- Đừng có lắm nhảm như thế, - tôi nói và bắt đầu thấy hối hận đã gọi lão bằng tên, vì lão đã ngay lập tức làm ra vẻ thân thiết quá. - Lời nói của lão như tiếng ruồi vo ve trong tai ta và lão quên rằng ta không còn gì để dâng lễ nữa, bởi vì người khác đã sở hữu tất cả những gì ta có.

- Người đó là đàn ông hay đàn bà? - Kaptah tò mò hỏi.

- Đàn bà, - tôi đáp, vì tôi giấu lão làm gì cơ chứ.

Nghe thế lão lại òa khóc và vừa bứt tóc vừa gào:

- Giá như tôi đừng sinh ra trên cõi đời này! Giá như mẹ đã quấn dây rốn thít chặt cổ cho tôi chết vào đúng ngày tôi ra đời! Bởi vì không có số phận nào tàn nhẫn hơn cho đứa nô lệ khi phải hầu hạ một mục đàn bà nhẫn tâm và bà ta chắc chắn là người nhẫn tâm vì đã làm việc này với ông. Rồi bà ta sẽ bắt tôi nhảy nhót và chạy từ sáng sớm tới tối mịt trên đôi chân đau, sẽ lấy kim chọc tôi và quất gậy vào cái lưng già nua của tôi cho đến khi tôi kêu lên và khóc nức nở. Điều này xảy ra với tôi, dù tôi đã cầu Amon ban phúc và dâng lễ tạ ơn thần linh khi thần cho tôi hầu hạ ông chủ trẻ và ngây thơ.

- Nàng không độc ác chút nào! - tôi nói. Con người ta sao lại điên rồ đến thế, tôi lại muốn kể về Nefernefernefer với cả đầy tớ của mình, vì tôi không có ai để nói chuyện, không có ai tôi có thể tin tưởng. - Khi nằm trên giường không xiêm áo, nàng đẹp hơn cả trăng rằm, chân tay nàng mịn màng với dầu xúc đất tiên và đôi mắt nàng xanh như nước sông Nile giữa ngày hè cháy bỏng. Lão sẽ thấy mình hạnh phúc và đáng ghen tị nếu lão được sống gần nàng và thở cùng bầu không khí mà nàng hít thở.

Kaptah khóc dữ hơn, lão gào lên:

- Tất nhiên là mẹ ta sẽ bán tôi làm cướp vạ hoặc phu đập đá khiến phổi tôi nghẹt lại, máu tóe ra dưới móng tay và chết gục xuống bùn đen như thể con lừa bị đá.

Trong thâm tâm tôi biết có lẽ lão nói đúng vì trong nhà của Nefernefernefer chắc không có chỗ nằm và đồ ăn cho người như lão. Nước mắt tôi bắt đầu trào ra, nhưng tôi thật không biết mình khóc vì lão hay vì bản thân. Nhìn thấy thế Kaptah nín bật và sợ hãi nhìn tôi. Nhưng tôi chỉ đưa hai tay ôm đầu, mặc người đầy tớ của mình nhìn thấy mình khóc. Kaptah đặt bàn tay rộng bè lên đầu tôi và buồn bã nói:

- Tất cả là lỗi của kẻ tôi tớ này vì đã không bảo vệ được ông chủ của mình tốt hơn. Nhưng sao tôi có thể đoán được khi ông ấy trong trắng và sạch sẽ như tấm áo chưa qua một lần giặt. Thật ra tôi cũng đã thấy ngạc nhiên khi ông chủ chưa bao giờ bảo tôi dắt gái về cho ông khi đêm đêm ông trở về từ quán rượu. Và những người đàn bà mà tôi bảo đến gặp ông chủ, cởi xiêm áo, khoe thân hình và sẵn lòng hoan lạc với ông, đều thất vọng bỏ đi, gọi tôi là đồ chuột thối tha, là chim bới đồng rác. Trong số đó cũng có người còn tương đối trẻ đấy chứ, mà có khi còn xinh đẹp nữa. Nhưng mọi sự săn sóc này của tôi đều vô ích và thẳng góc tôi trong thâm tâm vô cùng mừng rỡ khi nghĩ ông chủ không bao giờ muốn lấy vợ, cái người có khi lại gõ lên đầu tôi và hắt nước sôi vào chân tôi sau khi cãi nhau với chồng. Ôi, sao tôi lại

ngu ngốc và điên rồ thế! Khi ta vút hòn than hồng đầu tiên vào túp lều sậy thì lều đã ngay lập tức cháy rụi thành tro.

Lão còn nói:

- Tại sao ông chủ không hỏi tôi khi ông còn ngây thơ như thế, bởi tôi đã nhìn thấy nhiều điều và tôi biết cũng nhiều, dù ông có thể không tin. Cả tôi cũng đã từng ăn nằm với lũ đàn bà, cho dù việc đó xưa lắm rồi và tôi đảm bảo với ông rằng bánh mì, bia với cái bụng no đầy tốt hơn cả vòng tay ôm của người đàn bà đẹp nhất. Ôi, ôi ông chủ ơi, khi người đàn ông đến gặp đàn bà, anh ta phải cầm theo cây gậy, nếu không anh ta sẽ bị đàn bà điều khiển, bị trói vào dây xích. Dây xích sẽ hằn xuống thịt như sợi chỉ mỏng và làm tim xây xước như mảnh đá trong dép làm chân ta đau. Ông chủ ơi, thế có thần Amon, giá như ông cứ gọi lũ con gái về nhà hằng đêm thì chúng ta đâu đến nông nỗi này. Ông chủ đã phí hoài thời gian trong các quán rượu với nhà vui, để bây giờ ông bị đàn bà biến thành nô lệ cho họ.

Lão còn lắm nhảm nhiều nữa cho đến khi lời lão nói như lũ ruồi vo ve trong tai tôi. Cuối cùng lão trấn tĩnh lại và nấu cho tôi ăn, đổ nước cho tôi rửa tay, nhưng tôi không tài nào ăn được vì cơ thể tôi như bị lửa thiêu đốt và tối đến tôi không thể nghĩ được gì khác ngoài một việc.

Kaptah ăn rất nhiều và uống đến cạn hũ rượu, nghe ngao những bài ca buồn bã, bứt tóc và rắc tro đầy người cho đến khi ngủ thiếp đi. Nhưng tôi không tài nào ngủ được, cả người bủn rủn. Vậy nên tôi bước vào đêm tối, lang thang quanh đền thờ thần Bast và tôi thấy đuốc sáng trước nhà Nefernefernefer, những người khách vui vẻ bước xuống kiệu, vào nhà nàng. Nhưng tôi không dám đến gặp nàng vì nàng đã cấm tôi làm điều đó, nên tôi lại tiếp tục lang thang quanh đền Bast và suy nghĩ của tôi như đám rần độc cắn da thịt tôi. Vài cô ả đến kéo tay áo tôi, cười đùa và thì thào gọi tôi trong bóng tối cho đến khi tôi đau khổ và vô vọng đi theo một người trong bọn họ. Cô ả xin tôi

quà và tôi đưa cho ả miếng đồng cuối cùng của mình rồi theo ả đến bên chân tường đền Bast. Cô ả nằm xuống đất, cởi xiêm áo và vòng tay ôm tôi. Nhưng tôi không thể ẩn cái của nợ của mình vào cô ta dù tôi có ham muốn, đất bên tường thành đền bốc mùi khăm khăm và cô ả đứng lên theo sau tôi, nhổ một bãi nước bọt về phía tôi và nguyên rửa tôi.

Tôi trở về nhà mệt mỏi, rã rời như vừa chịu một trận đòn, cái giường của tôi như lò lửa và tôi rên rỉ trong giấc ngủ của mình. Sáng ra tôi tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo và xúc dầu lên mặt để đến nhà Nefernefernefer, bởi tôi nghĩ mình sẽ chết nếu không được nhìn thấy nàng và chạm tay vào nàng. Đôi mắt Kaptah đỏ mọng vì khóc, lão rắc tro lên đầu rồi ngã nhào xuống đất trước mặt tôi ngăn không cho tôi đi. Nhưng lòng tôi đã quyết, tôi lấy chân gạt lão sang bên để có thể đi được, nhưng giá mà tôi đừng đi thì đã tốt hơn biết bao nhiêu.

Sách thứ tư

Nefernefernefer

1

Từ sáng sớm, tôi đã đến nhà Nefernefernefer nhưng nàng ta còn ngủ và đám gia nhân cũng chưa dậy. Tôi đánh thức chúng, chúng chửi bới và hắt nước bẩn vào đầu tôi. Vì vậy tôi ngồi ở cổng như một kẻ ăn xin cho đến khi nghe thấy tiếng đi lại và tiếng động trong nhà, tôi mới lại thử đi vào.

Nefernefernefer nằm trên giường, khuôn mặt thanh tú và nhợt nhạt, đôi mắt còn đượm màu xanh xám vì rượu.

- Sinuhe, cậu làm tôi phát mệt, - nàng ta nói. - Quả thực tôi rất mệt mỗi với cậu. Cậu muốn gì?

- Tôi muốn ăn uống và ân ái cùng nàng, - tôi nói, tim buồn nặng trĩu, - nàng đã hứa như thế.

- Đây là hôm qua, còn hôm nay là một ngày mới.

Nàng ta nói khi nô tỳ cởi bộ đồ nhàu nhĩ của nàng ra, xúc dầu và xoa bóp chân tay cho nàng. Rồi nàng ta nhìn mình trong gương, vẽ mặt, đội mái tóc giả lên đầu rồi lấy ra một chiếc trâm cài trán có những viên ngọc và đá quý đính chìm vào lớp vàng cũ, cài lên trán.

- Chiếc trâm của tôi tuyệt đẹp, - nàng ta nói. - Chắc chắn là nó xứng với giá của nó, vậy nên tôi đang rất mệt, tay chân rã rời như thể đã lăn lộn suốt đêm.

Nàng ta ngáp ngắn ngáp dài và uống bát rượu để lấy lại sức. Nàng ta cũng mời tôi rượu nhưng rượu không có vị gì khi tôi chăm chăm nhìn nàng.

- Vậy là hôm qua nàng đã dối tôi, - tôi nói. - Nàng không chịu vui thú cùng tôi đâu phải vì nàng có thán.

Nhưng tôi nói thế chỉ vô ích bởi trong thâm tâm tôi đã biết điều đó từ hôm qua.

- Tôi nhầm, - nàng ta nói, - nhưng theo kỳ kinh thì đáng lẽ tôi phải thấy rồi. Tôi đang rất lo vì có thể cậu đã làm tôi mang bầu, Sinuhe ạ, khi tôi mềm nhũn ra trong vòng tay cậu và cậu đã làm quá mạnh với tôi.

Nhưng nàng ta mỉm cười khi nói và đặc chí nhìn tôi, vì vậy tôi biết nàng ta chỉ nhạo báng tôi.

- Chiếc trâm của nàng chắc được tìm thấy trong mộ của các vị vua ở Syria? - Tôi hỏi. - Tôi nhớ hôm qua nàng đã nói thế với tôi.

- À, - nàng ta mệt mỏi thốt lên, - quả thật chiếc trâm cài trán được tìm thấy dưới gối trên giường của thương gia Syria nhưng cậu không phải lo, bởi ông ta là một tay bụng phệ, to béo như lợn và phả ra mùi hành. Tôi không muốn gặp ông ta nữa sau khi đã có được thứ tôi muốn.

Nàng ta cởi bộ tóc giả và tháo chiếc trâm ra, hờ hững thả chúng xuống sàn cạnh giường rồi lại nằm xuống giường. Đỉnh đầu của nàng ta thật mịn và đẹp khi nàng để lộ ra trước ánh mắt tôi. Rồi nàng ta duỗi thẳng người và đưa hai tay ra sau cổ.

- Tôi yếu đuối và mệt mỏi, Sinuhe ạ, - nàng ta nói. - Cậu đang lợi dụng sự mệt mỏi của tôi để nhìn tôi như thế này khi tôi không đủ sức ngăn cậu. Cậu nên nhớ tôi không phải là loại đàn bà đáng khinh, mặc dù tôi sống một mình và phải giữ phẩm giá của mình.

- Nàng biết tôi không còn món quà nào để tặng nàng vì nàng đã sở hữu tất cả mọi thứ tôi có.

Tôi nói và cúi đầu xuống mép giường, cảm nhận mùi dầu và mùi da của nàng. Nàng đưa tay chạm vào tóc tôi nhưng nhấc tay ra ngay rồi bật cười và ngo ngoay đầu khi đang nằm.

- Lũ đàn ông mới dối trá và quỷ quyết làm sao, - nàng ta nói. - Cả cậu cũng lừa dối tôi nhưng tôi không thể làm gì được với việc tôi thích cậu và tôi quá yếu đuối. Có lần cậu đã nói vòng tay của tôi nóng hơn lửa nhưng điều đó không đúng. Cậu thử xem, nó thật mát mẻ và dịu dàng với cậu. Cậu cũng có thể đưa tay vuốt ve vú tôi vì chúng mệt mỏi và muốn được cậu vuốt ve.

Nhưng khi tôi muốn ân ái cùng nàng thì nàng ta ản tôi ra rồi ngồi bật dậy và nói với vẻ bức tức:

- Tôi yếu đuối và đơn độc, song tôi không cho phép một người đàn ông dối trá ăn nằm với mình. Bởi vì cậu đã giấu tôi, cha cậu, Senmut, có một ngôi nhà ở khu phố nghèo gần bến cảng. Ngôi nhà không mấy giá trị, nhưng mảnh đất đó nằm gần cầu cảng và trong nhà hẳn phải có thứ gì đó bán được ngoài chợ. Tôi có thể ăn uống và ân ái cùng cậu hôm nay nếu cậu trao cho tôi tài sản đó, vì không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến và tôi phải giữ danh giá của mình.

- Tài sản của cha tôi không phải là tài sản của tôi, - tôi giật mình nói. - Nàng không thể đòi hỏi từ tôi thứ không phải của tôi, Nefernefernefer ạ.

Nàng ta nghiêng đầu và nhìn tôi với đôi mắt màu xanh lá cây, khuôn mặt nàng nhợt nhạt và nhỏ bé khi nói:

- Tài sản của cha cậu là tài sản hợp pháp của cậu, Sinuhe ạ, cậu biết rõ điều đó. Vì cha mẹ cậu không có con gái nên quyền thừa kế thuộc cả về con trai và cậu là con trai duy nhất của họ. Cậu cũng giấu tôi cha cậu bị mù, nên ông ấy đã giao con dâu của ông

cho cậu và cậu có quyền trông coi, định đoạt tài sản đó như thể nó là của cậu vậy.

Đó là sự thật, vì thị lực kém đi, bố tôi, Senmut, đã trao cho tôi con dấu của ông và yêu cầu tôi coi sóc tài sản và đồ dùng trong nhà giúp ông, bởi ông không còn nhìn thấy và tự viết được tên mình. Kipa và ông cũng thường nói ngôi nhà cần được bán với giá hời để họ có thể mua một trang trại nhỏ ở ngoại ô và sống ở đó cho đến ngày đi xuống mồ và bắt đầu cuộc hành trình vào cõi vĩnh hằng.

Tôi không nói được lời nào, nổi kinh hoàng khủng khiếp tràn ngập tâm trí khi nghĩ rằng tôi có thể phản bội cha mẹ yêu kính của mình. Nhưng Nefernefernefer nheo mắt lại và nói:

- Hãy ôm lấy đầu tôi và chạm môi cậu vào hai bầu vú vì cậu có gì đó khiến tôi mềm yếu, Sinuhe ạ. Tôi sẽ quên hết lợi lộc của mình vì cậu và chúng ta sẽ mây mưa cả ngày hôm nay nếu cậu trao cho tôi tài sản của cha cậu, mặc dù nó chẳng đáng bao nhiêu.

Tôi ôm đầu nàng ta trong tay, nó thật trơn tru, nhỏ bé trong tay tôi và cơn dục vọng không thể diễn đạt bằng lời bùng lên chế ngự tôi.

- Được, hãy làm như nàng muốn.

Tôi nói và tiếng của tôi khản đặc trong tai tôi. Nhưng khi tôi muốn ấn nàng xuống, nàng ta nói:

- Cậu sẽ vào ngay được nhà mình, nơi cậu đã ở, nhưng trước tiên hãy tìm một thư lại am tường luật pháp để viết các giấy tờ cần thiết, bởi tôi không tin lời hứa của đàn ông vì họ luôn dối trá và tôi phải giữ thanh danh của mình.

Tôi đi mời ký lục, và mỗi bước rời xa Nefernefernefer là một lần tôi đau khổ nên tôi giục viên ký lục làm nhanh kế ước, đóng ấn triện của cha tôi rồi viết tên ông vào bản ký lục để viên ký lục có

thể gửi ngay khế ước đến văn khố hoàng gia. Nhưng tôi không còn lấy một mẫu bạc hay một đồng để trả công cho viên ký lục, tuy không hài lòng nhưng ông ta cũng đồng ý đợi đến khi tài sản được bán mới lấy tiền công và điều này cũng được ghi vào giấy.

Nhưng khi tôi quay trở lại, đây tớ nói Nefernefernefer đã ngủ và tôi buộc phải đợi đến khi nàng ta thức dậy vào tối muộn. Cuối cùng nàng ta cũng tỉnh giấc và tiếp tôi. Tôi đưa cho nàng ta giấy của viên ký lục và nàng ta dừng dừng nhét nó vào chiếc hộp gỗ mun của mình.

- Cậu rất buồn bực, Sinuhe ạ, - nàng ta nói, - nhưng tôi là người phụ nữ giàu lòng tự trọng và luôn giữ lời hứa. Vì vậy lấy đi, vì nó cậu đến mà.

Nàng ta nằm xuống giường và dang rộng vòng tay nhưng không ôm ấp, âu yếm tôi mà quay đầu sang một bên, nhìn mình trong gương rồi giơ tay che cái ngáp khiến cho cơn thèm khát khoái lạc của tôi trở nên nguội lạnh. Khi tôi đứng dậy khỏi giường, nàng ta bảo:

- Sinuhe, cậu đã nhận được cái cậu muốn, giờ hãy để tôi yên vì cậu làm tôi chán ngấy. Cậu chẳng đem lại cho tôi tí khoái lạc nào, vừa vụng về vừa mạnh và tay cậu làm tôi đau. Nhưng tôi không muốn kể lể những điều tôi phải chịu vì dù sao cậu cũng không biết làm tốt hơn. Giờ cậu để tôi yên. Hôm khác cậu có thể quay lại, mặc dù có thể cậu cũng đã chán tôi rồi.

Như vỏ trứng rỗng, tôi lảo đảo ra khỏi nhà nàng ta và trở về nhà mình. Tôi muốn vào phòng tối yên tĩnh để có thể lấy tay ôm đầu than khóc cho nỗi đau buồn và thất vọng của mình nhưng một người khách với bộ tóc giả trên đầu và trang phục Syria sắc sảo đang ngồi trên hiên nhà. Ông ta hống hách chào tôi và xin tôi lời khuyên với tư cách một danh y.

- Tôi không còn tiếp bệnh nhân nữa, - tôi nói, - vì nhà này không phải của tôi.

- Chân tôi có những cục u, - ông ta nói, chen cả những từ Syria vào lời nói của mình. - Lão nô lệ thông thái của anh, Kaptah, đã giới thiệu với tôi anh là người chữa u bướu giỏi. Vì vậy, hãy giải thoát tôi khỏi nỗi khổ của mình và anh sẽ không hối tiếc.

Ông ta bưng bình đến nỗi cuối cùng tôi phải dẫn ông ta vào phòng khám và gọi Kaptah mang nước nóng đến cho tôi rửa ráy. Nhưng Kaptah biến đâu mất và chỉ khi xem xét đôi chân Syria, tôi mới nhận ra đó là đôi chân có những nốt sừng phồng của Kaptah. Kaptah bỏ tóc giả ra, để lộ khuôn mặt mình rồi cười to với tôi.

- Người làm trò quái quỷ gì vậy? - Tôi hỏi và lấy gậy đánh lão khiến tiếng cười của lão đột nhiên biến thành tiếng khóc. Nhưng sau khi tôi ném cây gậy đi, lão nói:

- Bởi vì tôi không còn là nô lệ của ông mà là nô lệ của người khác, tôi có thể nói thẳng là tôi sẽ bỏ trốn, vì thế tôi thử xem ông có nhận ra tôi trong trang phục này không.

Tôi nhắc ông ta về những hình phạt răn đe những nô lệ bỏ trốn và nói chắc chắn ông ta sẽ bị bắt một lúc nào đó, vì ông ta lấy gì nuôi mình chứ. Nhưng ông ta nói:

- Đêm qua, sau khi uống rất nhiều bia tôi đã nằm mơ. Trong giấc mơ, ngài, ông chủ của tôi, nằm trong một lò lửa nhưng khi tôi đến, tôi đã nói với ông những lời cay nghiệt, nắm cổ đùi ông xuống dòng nước chảy xiết và nó cuốn ông đi. Tôi ra chợ và hỏi người giải mộng rằng giấc mộng của tôi ám chỉ điều gì, ông ta nói chủ của tôi đang gặp nguy hiểm và tôi sẽ bị quật mấy gậy vì sự hỗn xược của mình, ông ta còn nói ông chủ của tôi có một hành trình dài phía trước. Giấc mộng đó là thật, bởi vì ông chủ của tôi ơi, chỉ cần nhìn vào khuôn mặt ông là có thể biết rằng ông đang gặp nguy hiểm lớn, những gậy ông đánh tôi chứng tỏ

giấc mộng này đúng. Vậy nên tôi sắm cho mình bộ quần áo này để không ai nhận ra, bởi vì chắc chắn tôi sẽ đi theo ông chủ.

- Lòng trung thành của người làm ta xúc động, Kaptah ạ, - tôi nói, cố tỏ ra hài hước. - Có thể phía trước ta là một cuộc hành trình dài nhưng nếu đúng vậy, nó sẽ đưa ta đến Nhà Chết, và người chắc sẽ không muốn theo ta trong hành trình đó.

- Không ai biết trước được ngày mai, - Kaptah táo tợn nói. - Ông vẫn còn thơ dại và tái nhợt như bê con chưa được mẹ liếm sạch, ông chủ của tôi ạ. Vì thế tôi không dám để ông một mình đi trên cuộc hành trình gian khó đến Nhà Chết và miền tây. Có thể tôi đi theo ông chủ, nếu việc xảy ra như thế, để giúp ông với kinh nghiệm của mình, bởi lòng tôi đã gắn bó với ông bất chấp mọi sự điên rồ của ông và cũng bởi vì tôi chưa bao giờ có một đứa con trai, mặc dù tôi có thể là cha của nhiều đứa trẻ. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy chúng, vì thế tôi muốn nghĩ rằng ông là con trai tôi. Tôi nói điều đó không phải để báng bổ ông, mà chỉ cho thấy tôi yêu thương ông đến thế nào.

Sự táo tợn của ông ta đã đi quá đà, nhưng tôi không thèm lấy gậy quất ông nữa vì ông không còn là dây tở của tôi. Tôi vào phòng mình, lấy quần áo trùm đầu và ngủ như chết cho đến sáng, bởi vì khi sự xấu hổ và hối hận của người ta đủ lớn, nó như một loại thuốc mê. Nhưng điều trước tiên tôi nhớ đến khi tỉnh dậy vào sáng hôm sau là đôi mắt và thân hình của Nefernefernefer, như thể tôi đang ôm cái đầu nhẵn trơn của nàng ta trong tay và vú của nàng ta dưới ngực mình. Vì sao lại thế, tôi không thể nói và có lẽ đúng là nàng ta đã bỏ bùa tôi theo cách mà tôi không biết, mặc dù tôi không còn tin vào ma thuật nữa. Tôi chỉ biết mình đã tắm rửa, mặc quần áo và xúc dầu thơm để đi đến nhà nàng.

Nefernefernefer đón tôi bên ao sen trong vườn. Đôi mắt nàng ta sáng trong, vui tươi và còn xanh hơn nước sông Nile. Nàng ta reo lên khi nhìn thấy tôi:

- Ôi, Sinuhe! Cậu vẫn quay trở lại với tôi ư? Có lẽ tôi vẫn chưa già và xấu, vì cậu vẫn chưa chán tôi. Cậu muốn gì ở tôi?

Tôi nhìn nàng ta như người sắp chết đói nhìn miếng bánh mì và nàng ta nghiêng đầu, chột trở nên bức tức và nói:

- Sinuhe, Sinuhe, lẽ nào cậu lại muốn hoan lạc tiếp với tôi? Đúng là tôi sống một mình, nhưng tôi không phải là gái làm tiền và tôi phải giữ thanh danh.

- Hôm qua tôi đã trao cho nàng tất cả tài sản của cha tôi, - tôi nói, - giờ đây cha tôi đã trở thành người đàn ông nghèo mặc dù ông là một lương y đáng kính. Ai biết được, có khi ông phải làm kẻ ăn xin mù lòa vào những ngày cuối đời mình và mẹ tôi trở thành người giặt thuê.

- Hôm qua là hôm qua, còn hôm nay là hôm nay, - Nefernefernefer nói và nhìn tôi, đôi mắt lim dim. - Nhưng tôi có đòi hỏi gì đâu, tôi cho phép cậu ngồi xuống cạnh tôi và được nắm tay tôi nếu cậu muốn. Hôm nay tôi rất vui và muốn chia sẻ chút ít là với cậu niềm vui của mình, song tôi không dám ân ái cùng cậu.

Nàng ta nhìn tôi cười giễu cợt và nhẹ nhàng đưa tay xoa ngực mình.

- Cậu không buồn hỏi tại sao tôi vui, - nàng nói về trách móc, - nhưng tôi vẫn có thể kể điều đó với cậu, rằng có một gã quý phái từ miền Hạ đến thành phố, mang theo bộ bát vàng nặng gần cả trăm deben, trên bát vẽ nhiều hình ảnh đẹp và vui nhộn. Thực ra ông ta già và gầy đến nỗi xương ông ta có thể chọc vào bụng tôi, nhưng tôi vẫn nghĩ chỉ ngày mai thôi, bộ bát đĩa bằng vàng

đó sẽ làm đẹp nhà tôi. Vì tôi không phải là người đàn bà đáng khinh bỉ và tôi phải bảo vệ thanh danh của mình.

Thấy tôi không nói gì, nàng ta ra bộ thở dài rồi mơ màng nhìn những đóa sen và hoa trong vườn. Sau đó, nàng từ từ cởi xiêm áo và đắm mình xuống ao để bơi. Đầu nàng nhô lên khỏi mặt nước cạnh khóm sen, nhìn còn đẹp hơn cả hoa. Nàng ta đến gần, đong đưa trước mặt tôi rồi vươn cánh tay ra sau cổ và nói:

- Hôm nay sao cậu ít lời vậy, Sinuhe? Chẳng lẽ tôi đã vô tình làm cậu buồn? Nếu có thể làm gì để sửa chữa lỗi đó, tôi sẽ sẵn lòng.

Lúc đó tôi không thể im lặng được nữa:

- Nàng biết rõ tôi muốn gì, Nefernefernefer ạ.

- Mặt cậu đỏ bừng và tĩnh mạch phập phồng trên thái dương kìa, Sinuhe! - Nàng ta nói. - Có lẽ tốt hơn nếu cậu cởi quần áo và xuống ao tắm mát với tôi, vì hôm nay thật là một ngày nóng nực. Ở đây không ai nhìn thấy chúng ta nên cậu không phải e ngại.

Tôi cởi quần áo, lội xuống nước và đến bên nàng ta. Dưới làn nước, hông nàng chạm vào hông tôi. Nhưng khi tôi muốn ôm nàng, nàng ta vừa cười vừa tránh ra và hắt nước vào mắt tôi.

- Tôi biết rõ cậu muốn gì, Sinuhe ạ, - nàng ta nói, - mặc dù tôi quá thẹn thùng để nhìn cậu. Nhưng trước tiên cậu phải tặng tôi một món quà, vì cậu quá biết tôi không phải là người đàn bà đáng khinh.

Tôi phát khùng và hét lên:

- Nefernefernefer, nàng thật điên rồ! Nàng biết rõ là nàng đã tước đi mọi thứ của tôi. Tôi thấy hổ thẹn và không bao giờ dám gặp bố mẹ mình. Tuy vậy, tôi vẫn là một danh y và tên tôi được ghi trong sách của Nhà Sống. Có thể thỉnh thoảng tôi vẫn còn

kiếm được đôi chút để có thể tặng nàng một món quà xứng đáng nhưng hãy rủ lòng thương tôi, bởi vì tuy ở trong nước mà cơ thể tôi như bị lửa thiêu đốt và tôi cắn tay đến chảy máu khi nhìn nàng.

Nàng ta trườn đi trong nước rồi nhẹ nhàng rập rờn ở đó, đôi vú như hai bông hoa đỏ nhú lên từ mặt nước.

- Thầy thuốc hành nghề bằng tay và mắt, phải không, Sinuhe? - Nàng ta nói. - Không có tay và mắt, cậu khó có thể là danh y ngay cả khi tên cậu được viết trong sách của Nhà Sống. Tôi có thể ăn uống và truy hoan cùng cậu hôm nay nếu cậu để người ta moi mắt và chặt tay để tôi có thể treo chúng lên dầm đỡ của cánh cửa vào phòng tôi như biểu tượng của chiến thắng, cho thấy khách của tôi tôn trọng tôi và tôi không phải là loại đàn bà đáng khinh bỉ.

Nàng ta nhìn tôi từ dưới đôi mí mắt được tô màu xanh lá cây, tiếp tục lạnh lùng:

- Không, tôi chẳng thêm để ý đến những thứ đó vì tôi làm gì với đôi mắt của cậu chứ, còn đôi tay cậu chỉ bốc mùi hôi thối, kéo ruồi vào phòng tôi thôi. Chả lẽ chúng ta không còn nghĩ ra thứ gì để cậu tặng tôi sao? Vì cậu làm tôi mềm rũ đi, Sinuhe ạ, và tôi đang còn cào khi nhìn cậu trần truồng trong ao. Thực ra cậu vụng về và thiếu kinh nghiệm nhưng tôi nghĩ nội trong hôm nay, tôi có thể dạy cậu nhiều điều cậu chưa biết, bởi vì tôi biết vô số cách để làm đàn ông thỏa mãn và đàn bà cũng có thể mê. Hãy nghĩ về việc đó một chút, Sinuhe.

Nhưng khi tôi lại gần, nàng ta bật dậy và rời đi rồi đến đứng giữa nước trong bóng cây.

- Tôi chỉ là một phụ nữ yếu đuối, còn đàn ông thì xảo quyệt và gian dối, - nàng nói. - Cậu cũng vậy, Sinuhe ạ, cậu vẫn nói dối tôi. Tôi rất buồn khi nghĩ về điều đó và nước mắt chỉ chực trào ra, rõ ràng cậu đã chán tôi rồi vì nếu không, cậu sẽ không giấu

tôi cha mẹ cậu đã mua cho mình một ngôi mộ đẹp ở nghĩa địa của thành phố và gửi vào đền đầy đủ của cải cần thiết để thi thể họ được chăm nom, vượt qua cái chết và có đủ thứ cần thiết cho cuộc hành trình đến miền tây.

Nghe thế, tôi đưa tay cào xước ngực mình khiến máu rỉ ra và hét lên:

- Đúng thật tên cô là Tabubue, giờ thì tôi tin điều đó!

Nhưng nàng ta tỏ ra buồn bã và nói:

- Cậu không nên trách tôi chỉ vì tôi không muốn thành người đàn bà bị khinh rẻ. Tôi cũng không mời cậu đến đây mà tự cậu đến. Tốt thôi. Bây giờ tôi biết cậu hoàn toàn không yêu gì tôi mà chỉ đến để phỉ báng tôi, vì cái chuyện nhỏ xíu mà thành trở ngại giữa chúng ta.

Những giọt nước mắt bắt đầu lăn dài trên má tôi và tôi nức nở vì buồn tủi, nhưng tôi đến bên nàng ta và nàng ta chạm nhẹ thân thể mình vào người tôi.

- Chỉ nghĩ đến thôi đã thấy tội lỗi và khiếp đảm rồi, - tôi nói. - Lễ nào tôi lại tước mất cuộc sống vĩnh cửu của bố mẹ tôi, để thân thể họ nát rữa vào hư vô như thân xác của đám nô lệ, của những người nghèo hay những người bị ném xuống sông vì tội lỗi. Nàng không thể đòi hỏi tôi điều đó.

Nhưng nàng ta áp thân thể trần truồng vào người tôi và nói:

- Hãy cho tôi ngôi mộ của cha mẹ cậu, tôi sẽ thì thầm vào tai cậu: “Yêu dấu ơi, cơ thể rực lửa ngọt ngào này dành cho cậu” và tôi sẽ dạy cậu hàng ngàn ngón yêu đương khiến đàn ông mê mẩn mà cậu chưa biết.

Tôi không còn làm chủ được mình, chỉ khóc và nói:

- Thôi được, hãy làm như nàng muốn và để tên tôi bị nguyên rửa muôn đời chứ tôi không thể cưỡng lại nàng, vì nàng đã dùng ma thuật mạnh như thế để bỏ bùa tôi.

Nhưng nàng ta nói:

- Đừng nặng lời thế với tôi bởi vì điều đó làm tổn thương tôi, vì tôi không phải là loại đàn bà đáng khinh, tôi sống trong nhà của mình và giữ gìn phẩm giá của mình. Nhưng vì cậu đang bức bối và buồn rầu, tôi sẽ sai người hầu đi gọi ký lục và trong lúc đó, chúng ta cùng ăn uống để cậu vui lên thì chúng ta mới có thể mây mưa sau khi giấy tờ được viết xong.

Nàng ta cười rất vui và chạy vào nhà. Tôi mặc quần áo và đi theo nàng ta, người hầu gội nước lên tay tôi, cúi đầu và đặt hai tay lên đầu gối trước mặt tôi. Nhưng sau lưng tôi, họ cười và nói lời chế giễu tôi để tôi có thể nghe thấy, mặc dù tôi đã xem như những lời họ nói chỉ là tiếng ruồi vo ve trong tai mình. Họ im bật khi Nefernefernefer quay trở xuống và chúng tôi cùng nhau ăn uống, thịt năm loại, bánh ngọt mười hai thứ và chúng tôi uống loại rượu pha bốc ngay lên đầu khi uống vào. Viên ký lục đến, viết tất cả các giấy tờ cần thiết và tôi bàn giao cho Nefernefernefer mộ của cha mẹ tôi trong nghĩa địa thành phố cùng với tất cả các đồ đạc, tiền gửi trong đền của họ. Như thế họ đã bị lấy mất cuộc sống vĩnh hằng cùng với cơ hội bắt đầu cuộc hành trình đến miền tây sau khi chết. Tôi đóng ấn triện của cha tôi, viết tên ông lên các giấy tờ và viên ký lục mang giấy tờ đến văn khố hoàng gia ngay hôm đó để chúng có giá trị pháp lý. Còn Nefernefernefer, viên ký lục đưa cho nàng ta giấy biên nhận cho toàn bộ việc này. Nàng ta hồ hững nhét nó vào chiếc hộp gỗ mun của mình và trả tiền công cho viên ký lục khiến y cúi đầu chào, tay đặt lên đầu gối trước chúng tôi và rời đi.

Sau khi viên ký lục đi khỏi, tôi nói:

- Nefernefernefer, từ lúc này trở đi, trước con người và thần linh, tôi bị nguyên rủa và khinh bỉ. Bây giờ nàng hãy chứng tỏ rằng việc làm của tôi là đáng giá.

Nhưng nàng ta mỉm cười và nói:

- Uống rượu đi em trai, để lòng tôi thỏa mãn.

Khi tôi muốn ôm nàng ta, nàng tránh sang bên và rót tiếp rượu vào bát của tôi. Một lát sau, nàng ta nhìn mặt trời và nói:

- Ôi, ngày đã qua và sắp đến tối rồi. Cậu còn muốn gì nữa, Sinuhe?

- Nàng biết ta muốn gì rồi, - tôi nói.

Nhưng nàng ta bảo:

- Lẽ ra cậu phải biết giếng nào sâu nhất và hố nào không đáy chứ, Sinuhe. Tôi phải nhanh chóng ăn vận và trang điểm, vì một chiếc bát vàng đang chờ tôi ngày mai mang nó về làm vật trang trí trong nhà.

Khi tôi muốn ôm lấy nàng ta, nàng tránh sang bên, cười lên khanh khách rồi hét toáng lên để người hầu xông vào. Nàng ta bảo đám người hầu:

- Đứa ăn xin không chịu nổi này từ đâu đến nhà ta vậy? Mau quăng hắn ra và đừng bao giờ để hắn bước chân vào cổng nhà ta. Nếu hắn chống cự, hãy nện cho hắn mấy gậy.

Bất lực vì đã say và vì nổi giận điên cuồng, tôi bị mấy tên hầu lôi ra ngoài. Chúng còn quay ra dùng gậy đánh tôi khi tôi lấy đá đập vào cánh cổng đóng kín. Khi tôi vẫn la hét và chửi rủa khiến đám đông bắt đầu kéo đến, chúng nói:

- Gã say rượu này đã xúc phạm bà chủ của chúng tôi, người sống trong ngôi nhà của mình và không phải là loại đàn bà đáng khinh.

Chúng lấy gậy quật tôi đến bất tỉnh và để tôi nằm trên phố, mọi người nhổ nước bọt vào đầu tôi và lũ chó đái lên quần áo của tôi.

Nhưng khi tỉnh lại và nhận ra tình cảnh đau xót của mình, tôi không muốn dậy mà chỉ nằm yên một chỗ cho đến tận sáng. Bóng tối chở che tôi và tôi cảm thấy mình không bao giờ có thể lộ mặt với bất kỳ ai nữa. Thái tử đã đặt cho tôi cái tên “Người Cô Đơn” và quả thật vào đêm hôm đó, tôi là người cô đơn nhất trên thế gian. Nhưng rồi bình minh lên, nhiều người bắt đầu đi lại trên đường phố, những người bán hàng bắt đầu bày đồ ra để bán trước gian hàng của họ và những con bò bắt đầu lọc cọc kéo xe. Tôi đứng dậy đi ra ngoài ô và trốn trong đám sậy ba ngày ba đêm liền, không ăn không uống. Cơ thể và trái tim tôi hòa quyện thành một vết thương duy nhất và lúc đó nếu có ai hỏi chuyện tôi, tôi sợ mình sẽ gào thét lên và phát điên lên mất.

3

Sang ngày thứ ba, tôi rửa mặt mũi, chân tay, gột sạch máu khô trên quần áo rồi trở về thành phố và về nhà tôi. Nhưng ngôi nhà không còn là của tôi và biển hiệu khám chữa bệnh trên cổng để tên một thầy thuốc khác. Tôi gọi Kaptah và ông ta chạy ra, khóc òa lên vì mừng khi nhìn thấy tôi và đưa tay ôm vòng quanh đầu gối tôi.

- Ông chủ ơi, - ông ta kêu lên, - vì trong trái tim của kẻ tôi tớ này, ông vẫn là ông chủ của tôi bất kể người đang sai khiến tôi là ai. Một gã trai trẻ vừa chuyển đến đây và nghĩ rằng mình là danh y vĩ đại, anh ta còn ướm thử quần áo của ông và cười vui sướng. Mẹ anh ta vào bếp, hắt nước nóng vào chân tôi và gọi tôi là chuột chù, là ruồi nhặng. Nhưng bệnh nhân của ông nhớ ông,

họ nói bàn tay anh ta không nhẹ nhàng như tay ông, cách chữa trị của anh ta làm họ đau đớn và anh ta cũng không biết rõ bệnh của họ như ông.

Ông ta huyền thuyên một lúc lâu và nhìn tôi với con mắt còn lại đỏ hoe đầy kinh hãi, khiến tôi cuối cùng phải lên tiếng:

- Hãy kể cho ta nghe mọi chuyện, Kaptah. Trái tim trong ngực ta đã chai cứng như đá rồi nên không điều gì có thể làm ta đau được nữa.

Lúc đó ông ta đưa tay lên để bày tỏ nỗi buồn sâu thẳm nhất và nói:

- Tôi sẽ hiến con mắt duy nhất này của mình nếu như bằng cách ấy, tôi có thể gánh chịu cho ông chủ nỗi buồn này. Nhưng đây là một ngày tồi tệ và thật may là ông đã về, bởi ông cần phải biết cha mẹ ông đã qua đời.

- Ôi, Senmut bố tôi và Kipa mẹ tôi! - Tôi nói và giơ tay lên theo tập quán, tim tôi thắt lại trong lồng ngực.

- Sáng nay, một toán sai nha phá cửa vào nhà họ sau khi đã đưa trát đuổi họ ra khỏi nhà vào ngày hôm qua, - Kaptah nói, - nhưng cả hai nằm trên giường và không còn thở nữa. Vì thế ông còn ngày hôm nay để khâm liệm thi thể và đưa họ vào Nhà Chết, vì ngày mai nhà sẽ bị dỡ bỏ theo lệnh của người chủ mới.

- Bố mẹ ta có biết vì sao ra nông nỗi này không? - Tôi hỏi mà không thể nhìn vào mắt lão đầy tở của mình.

- Bố Senmut của ông đã đến tìm ông, - Kaptah nói. - Mẹ ông dặt tay ông ấy vì mắt ông không còn nhìn thấy gì nữa, cả hai người đều già yếu, run rẩy và đi khắp khiêng đến đây. Nhưng tôi không biết ông chủ đang ở đâu và bố của ông nói như vậy có lẽ tốt hơn. Ông ấy kể đám sai nha đã đuổi ông ra khỏi nhà, đóng ấn triện lên hộp đồ nghề và tất cả đồ đạc của ông, đến nỗi họ không

có gì khác ngoài bộ quần áo rách rưới nhất trên người. Khi ông ấy hỏi vì sao lại như thế, đám sai nha cười và nói rằng con trai Sinuhe của ông đã bán căn nhà, cửa cải và phần mộ của cha mẹ mình để lấy vàng cho một người đàn bà xấu xa. Ngẫm nghĩ một lúc lâu, bố ông đã hỏi vay tôi một miếng đồng để thuê một viên thư lại viết thư cho ông. Nhưng người chủ mới vừa chuyển đến nhà ông và ngay lúc đó mẹ anh ta ra gọi tôi và lấy gậy đánh tôi vì tôi đã mất thời gian nói chuyện với những người ăn xin. Chắc ông tin tôi khi tôi nói rằng tôi đã đưa cho bố ông một miếng đồng, bởi vì mặc dù tôi chưa kịp lấy trộm từ người chủ mới, song tôi có đồng và cả một số bạc dành dụm được từ những thứ tôi đã trộm của ông và những người chủ trước của mình. Nhưng khi tôi quay lại, bố mẹ ông đã đi rồi. Mẹ người chủ mới đã ngăn không cho tôi chạy theo họ và nhốt tôi một đêm trong xó bếp để tôi khỏi trốn.

- Như vậy nghĩa là bố tôi không để lại cho tôi một lời nào cả? - Tôi hỏi.

Kaptah đáp:

- Bố ông không để lại lời nào cho ông, thưa ông chủ.

Trái tim tôi như đá trong ngực và không còn cử động nữa, nhưng suy nghĩ của tôi vẫn tỉnh táo và bình thản như chim trong tiết trời lạnh giá.

Lát sau, tôi nói với Kaptah:

- Đưa cho ta tất cả đồng và bạc của ngươi. Hãy nhanh đưa chúng cho ta, rồi Amon hay một vị thần nào đó sẽ đền bù cho việc làm của ngươi nếu như ta không thể làm được điều đó, vì ta phải đưa bố mẹ ta vào Nhà Chết và ta không còn gì để trả cho việc tắm ướp thi thể của họ.

Kaptah bắt đầu khóc lóc, than vãn và nhiều lần đưa tay lên để thể hiện nỗi buồn sâu thẳm nhất của mình. Cuối cùng, ông đi

đến góc vườn nhà tôi, vừa đi vừa nhìn lại phía sau như con chó đi lấy lại khúc xương nó đã chôn dưới đất. Ông ta lật hòn đá ở góc vườn lên và lấy từ dưới đó lên đồng và bạc của mình được gói trong miếng giẻ, tất cả chứa đầy hai deben, dù đó là của dành dụm được trong cả một đời nô lệ. Nhưng Kaptah vừa khóc vừa bày tỏ nỗi buồn sâu sắc và đưa hết cả cho tôi. Vì điều này, xin thần linh hãy cho ông ta luôn được phước lành và thi thể ông được lưu giữ mãi mãi.

Thật ra tôi còn có bạn bè và Ptahor hay Horemheb đều có thể cho tôi vay vàng, cả Thotmes cũng có thể giúp tôi, nhưng tôi còn trẻ và tôi tin ai cũng đã biết nỗi ô nhục của tôi nên tôi thà chết chứ không thể nhìn mặt họ. Vì việc làm của mình, tôi đã bị nguyên rửa trước mọi người và thần linh, thậm chí tôi không thể cảm ơn Kaptah vì cũng lúc đó, mẹ tay chủ mới của ông ta bước ra hiên nhà để gọi nô lệ với giọng độc ác, khuôn mặt giống cá sấu và trong tay cầm cây gậy. Vì thế Kaptah lập tức chạy khỏi chỗ tôi và bắt đầu gào khóc ngay ở bậc thang nơi hiên nhà trước khi cây gậy quất vào ông ta. Lần này ông ta đâu cần giả vờ, ông ta khóc vì mất đồng và bạc của mình.

Tôi vội vàng đến nhà bố mẹ tôi. Cửa nhà bị giật mở tung, tất cả đồ đạc bị nhá lại niêm phong. Những người hàng xóm đứng trong sân giơ tay làm dấu hiệu đau buồn, không ai nói với tôi lời nào mà tất cả đều khiếp sợ tránh ra xa. Trong phòng trong, Senmut và Kipa nằm trên giường, mặt đỏ hồng như thể họ vẫn còn sống và trên nền nhà, một chậu than vẫn còn âm ỉ cháy; họ ngủ và ngạt thở trong hơi than khi cửa nhà và cửa sổ đều đóng chặt. Tôi quán thi thể bố mẹ tôi trong chăn có dấu niêm phong của đám sai nha và đi gọi một người lái lừa chịu chở xác chết đến. Tôi cùng với anh ta để xác của bố mẹ tôi lên lưng lừa và đưa đến Nhà Chết. Nhưng họ không được nhận vào Nhà Chết vì tôi không có đủ bạc, ngay cả cho phương thức lưu giữ thi thể rẻ nhất. Tôi nói với những người tắm rửa thi thể:

- Tôi là Sinuhe, con trai của ông bà Senmut và tên của tôi được ghi trong sách của Nhà Sống. Số phận nghiệt ngã đã đẩy tôi nên tôi không có đủ bạc để trả cho việc mai táng cha mẹ mình. Vì vậy, tôi cầu xin các người, thể có Amon và tất cả thần linh Ai Cập, hãy tắm ướp thi thể cha mẹ tôi và tôi sẽ phục vụ các người với tất cả kỹ năng của mình trong suốt thời gian tắm ướp.

Họ nguyên rửa sự kẻo nèo của tôi và mắng nhiếc tôi nhưng cuối cùng, một người ngâm rửa từng mắc bệnh dịch hạch đã chịu nhận từ tôi mẫu đồng và bạc của Kaptah, ngoắc cái móc của hắn vào dưới hàm bố tôi và ném ông vào bể lớn dành cho người nghèo. Rồi hắn ngoắc cái móc vào hàm mẹ tôi và cũng thả bà vào cùng bể đó. Có tất cả ba mươi bể; mỗi ngày một bể được chất đầy, một bể được dọn sạch, và xác người nghèo được ngâm trong muối với nước kiềm trong cả ba mươi ngày đêm để tránh phân rã, ngoài ra không phải làm gì thêm, mặc dù lúc đó tôi vẫn chưa biết điều này.

Tôi còn phải trở về nhà bố mẹ tôi để trả lại tấm chăn có dấu niêm phong của đám sai nha. Người tắm rửa cười chế giễu tôi và nói:

- Hãy quay lại vào buổi sáng, vì nếu sáng ra mi không quay lại phục vụ chúng tao, chúng tao sẽ lấy thi thể của cha mẹ mi ra khỏi bể và ném cho chó ăn.

Tôi đồ rằng hắn ta không tin tôi là một thầy thuốc thực thụ mà nghĩ tôi nói dối.

Tôi trở về nhà bố mẹ tôi, trái tim như đá trong ngực, mặc những viên gạch đất sét trên bức tường thủng lỗ chỗ gào thét lên với tôi, mỗi viên gạch đều gào lên với tôi, cây sung trong sân gào lên với tôi và cái ao thời thơ ấu cũng hét lên với tôi. Vì thế tôi để lại chiếc chăn vào chỗ cũ rồi vội vàng bỏ đi. Nhưng ở cổng, tôi gặp viên thư lại vẫn hành nghề bên cạnh quầy gia vị ở góc phố. Ông ta giơ tay bày tỏ sự đau buồn khi nhìn thấy tôi và nói:

- Sinuhe, con trai của Senmut tốt bụng, có phải anh không?

Tôi đáp:

- Vâng, tôi đây.

Người thư lại nói:

- Đừng tránh tôi, bởi cha anh đã để lại cho tôi những lời ông ấy muốn nói với anh, vì ông ấy không gặp được anh ở nhà anh.

Nghe thế, tôi ngã khụy xuống đất và lấy tay ôm đầu. Còn người thư lại lấy tờ giấy ra và đọc cho tôi:

“Senmut, người có tên được viết trong sách của Nhà Sống và vợ là Kipa gửi những lời này đến con trai là Sinuhe, người được đặt tên Ngai, Người Cô Đơn trong hoàng cung của Pharaon. Thần linh đã gửi con đến cho bố mẹ và trong tất cả tháng ngày của cuộc đời mình, con chỉ mang lại cho bố mẹ niềm vui và không bao giờ là nỗi buồn, bố mẹ hết sức tự hào về con. Bây giờ bố mẹ rất buồn cho con, vì con đã gặp nghịch cảnh mà bố mẹ không thể giúp con được như bố mẹ muốn. Bố mẹ tin rằng tất cả những gì con đã làm đều đúng và con không thể không làm. Nên đừng buồn vì bố mẹ, cho dù con phải bán cả phần mộ của bố mẹ, bởi vì chắc chắn con sẽ không làm điều đó nếu con không có lý do. Nhưng các viên nha lại muốn làm việc của họ thật nhanh và bố mẹ không thể chờ đến ngày chết của mình được, mà bố mẹ chờ mong cái chết đến như người mệt mỏi mong giấc ngủ, như người tị nạn muốn có căn lều. Cuộc đời của bố mẹ đã khá dài với rất nhiều niềm vui, nhưng niềm vui lớn nhất là con, Sinuhe, con đã theo dòng sông đến nhà bố mẹ, mặc dù bố mẹ đã già và cô đơn. Vì vậy, bố mẹ cầu nguyện cho con và con không cần phải hối hận mặc dù bố mẹ không có mộ, bởi sự phù phiếm của cuộc đời là vô biên và vì vậy, có lẽ tốt hơn là bố mẹ nên tan vào hư vô, không phải trải qua những lo lắng và hiểm nguy trên hành trình khó khăn đến miền tây. Con hãy luôn nhớ cái chết đến với bố mẹ rất dễ dàng và bố mẹ cầu nguyện cho con trước khi ra đi. Cầu mong tất cả các vị thần của Ai Cập bảo vệ con khỏi những hiểm nguy, cứu

trái tim con thoát khỏi nỗi buồn đau và có nhiều niềm vui từ con cái của con như bố mẹ đã có từ con. Đây là những gì bố của con Senmut và mẹ của con Kipa mong muốn cho con."

Trái tim tôi không còn như đá nữa, mà khe khẽ cựa quậy, tan chảy và nhỏ lệ xuống bụi đất trước mình. Người thư lại nói:

- Bức thư đây. Tất nhiên, dấu triện của cha anh không có ở đó và ông ấy không nhìn được để viết tên mình, song anh có thể tin tôi khi tôi nói rằng tôi đã viết chính xác từng từ mà ông đọc, và nước mắt mẹ anh làm mờ chữ này và chữ này là chứng cứ bảo đảm.

Ông ta đưa tờ giấy cho tôi xem, nhưng mắt tôi nhòa nước và tôi không nhìn thấy gì. Ông ta cuộn tròn tờ giấy lại rồi đặt nó vào tay tôi và nói:

- Cha Senmut của anh là một người đàn ông chính trực và mẹ Kipa của anh là một phụ nữ nhân hậu, dù đôi khi gắt gỏng theo kiểu đàn bà. Vì thế tôi viết thư này hộ cha anh, mặc dù ông không có đến món quà nhỏ nhất để tặng tôi và tôi cũng đưa cho anh cả tờ giấy, mặc dù đó là giấy tốt và có thể tẩy sạch để dùng lại được.

Tôi nghĩ một lát rồi nói:

- Tôi cũng không có món quà nào để tặng ông cả, ông lão tốt bụng ạ. Xin ông nhận tấm vải choàng này của tôi, nó là một loại vải tốt tuy có hơi bẩn và nhăn.

Tôi cởi tấm vải choàng vai trao cho ông. Ông ta nghi ngại sờ sờ chất vải rồi ngạc nhiên giơ cao tay và nói:

- Lòng tốt của anh thật đáng trọng, Sinuhe, hãy mặc mọi người nói bất cứ điều gì về anh. Cho dù người ta nói rằng anh đã đánh cắp cuộc sống của cha mẹ mình, để họ chết một cách nghèo hèn, tôi vẫn sẽ bảo vệ anh. Nhưng tôi không thể lấy tấm vải choàng

của anh, vì nó là loại vải đắt tiền và nếu không có nó, mặt trời sẽ làm lưng anh cháy đỏ như lưng của nô lệ và làm da anh phồng rộp, đau rất lắm.

Nhưng tôi nói:

- Ông hãy cầm lấy và cầu xin tất cả các vị thần Ai Cập phù hộ ông và giữ thi thể ông sống mãi muôn đời, vì ông không biết ông đã làm một việc tốt cho tôi như thế nào đâu.

Lúc đó, ông lão mới cầm lấy tấm vải choàng vai rồi giơ cao trên đầu và cười thích thú. Còn tôi đi đến Nhà Chết chỉ với chiếc khố trên người như nô lệ hay người chăn bò, để phụ giúp những người ngâm ướp thi thể trong ba mươi ngày, ba mươi đêm.

4

Là thầy thuốc, tôi từng nghĩ mình đã chứng kiến quá nhiều cái chết và sự đau đớn, đã dạn dày với mùi hôi thối, đã chọc chích ung nhọt và vết thương lở loét nhưng khi bắt đầu giúp việc trong Nhà Chết, tôi mới nhận thấy mình chỉ là đứa trẻ chưa biết gì. Thực ra thi thể người nghèo không đòi hỏi nhiều công sức vì họ lạng lẽ yên nghỉ trong bể chứa đầy mùi chua ngạt của nước kiềm và muối và chẳng mấy chốc tôi đã học được cách dùng móc để dịch chuyển xác người, nhưng thi thể của người giàu cần nhiều kỹ năng và công đoạn hơn, như việc tẩy rửa nội tạng và nhét tất cả vào vò, buộc người làm nó phải có tính chai lì. Amon cướp bóc của con người khi họ chết nhiều hơn khi họ còn sống và việc này đòi hỏi sự chai lì nhiều nhất, bởi mức giá lưu giữ thi thể thay đổi tùy theo mức độ giàu có của gia đình người chết và những người tắm ướp thi thể đối gặt họ bằng việc liệt kê nhiều loại dầu, thuốc mỡ và chất bảo quản đắt tiền mà họ nói đã dùng, mặc dù tất cả đều chỉ là một loại dầu mè. Chỉ thi thể của giới thượng lưu được tắm ướp kỹ càng với tất cả các công đoạn, còn thường thì xác được tiêm dầu vào để làm cho nội tạng phân

hủy, sau đó được nhồi bằng thân sậy đã ngâm trong nhựa cây. Nhưng thi thể người nghèo không được như thế, mà sau ba mươi ngày ngâm trong bể, người ta vớt ra cho khô rồi trao lại cho người thân.

Mặc dù Nhà Chết được các giáo sĩ giám quản, nhưng những người ngâm tẩm thi thể đã lấy đi những gì họ có thể lấy và coi đó là quyền của họ. Họ lấy cắp các loại thảo mộc và dầu xức, thuốc mỡ và khăn liệm đắt tiền để bán đi rồi lại lấy cắp những thứ đó thêm lần nữa, mà việc này các giáo sĩ không thể ngăn chặn được vì những người này thạo nghề và việc tìm người vào làm trong Nhà Chết không dễ. Chỉ những người bị thần linh nguyên rủa và kẻ phạm tội đang lẩn trốn chính quyền mới làm nghề này vì từ xa đã có thể nhận ra họ bởi mùi muối, mùi kiềm và mùi xác chết bám vào họ trong Nhà Chết, khiến họ bị mọi người tránh xa và không được phép vào quán rượu hay nhà vui.

Vì thấy tôi tự nguyện vào phụ giúp nên những người ngâm ướp thi thể nghĩ tôi cũng giống như họ nên không giấu tôi việc họ làm. Nếu chuyện xảy ra với tôi không tồi tệ như thế, hoặc còn hơn thế, chắc tôi sẽ hoảng sợ và chạy trốn khi thấy họ làm ô uế cả thi thể các quý tộc, cắt nhỏ thi thể rồi bán cho pháp sư những phần nào đó. Và nếu có một miền tây cực lạc như tôi hy vọng cho bố mẹ tôi, tôi tin rằng nhiều người chết sẽ hết sức ngạc nhiên khi nhận ra mình bắt đầu cuộc hành trình khó khăn như thế nào, mặc dù họ đã gửi vàng vào đền cho việc chôn cất mình.

Nhưng niềm vui lớn nhất xuất hiện mỗi khi xác phụ nữ trẻ được mang đến Nhà Chết, bất kể người đó đẹp hay xấu. Khi đó, thi thể không bị thả ngay xuống bể ngâm mà được giữ lại qua đêm như bạn chăn gối của người ngâm ướp và họ cãi nhau rồi rút thăm xem ai được qua đêm với xác ấy trước. Vì những người ngâm ướp bị kinh tởm quá đỗi, đến mức một gái điếm dù thấp hèn nhất cũng không nhận lời làm tình với họ dù được cho vàng; thậm chí ngay cả đàn bà da đen cũng không dám đến với họ vì quá kinh sợ. Trước đây khi nô lệ bị bán rẻ sau các cuộc chiến lớn,

những người ngâm ướp xác cũng dành dụm tiền và mua gái nô lệ để tận hưởng lạc thú, nhưng cuộc sống ở Nhà Chết khủng khiếp đến mức bất cứ ai được mua về nơi đó, kể cả nô lệ, cũng bị mất trí, điên loạn và gây náo động khiến các giáo sĩ buộc phải cấm bán nô tỳ cho Nhà Chết. Từ đó, những người ngâm ướp xác tự nấu ăn, tự giặt quần áo và bằng lòng hưởng lạc với các xác chết. Nhưng chính họ đã biện minh rằng trong thời gian trị vì của các quốc vương vĩ đại, thi thoảng xác phụ nữ được đưa vào Nhà Chết đã sống lại trong tay những người ngâm tắm thi thể, một phép lạ lớn làm tăng thanh danh của Amon và mang lại niềm vui cho bố mẹ và chồng của người phụ nữ. Do đó, nghĩa vụ mà họ tiếp tục làm với lòng thành kính là thực hiện phép lạ, sưởi ấm những người phụ nữ được đưa vào Nhà Chết bằng sức nóng khủng khiếp của mình, trừ khi người phụ nữ quá già khiến việc họ sống lại không còn là niềm vui với bất kỳ ai. Nhưng liệu các giáo sĩ có biết việc xảy ra thế này không? Tôi không thể nói, bởi tất cả những điều này diễn ra bí mật và vào ban đêm khi Nhà Chết đóng cửa.

Ai đã một lần vào Nhà Chết và làm người ngâm ướp thi thể, người ấy hiếm khi rời khỏi đó để tránh sự chế giễu của mọi người; họ sống cả đời mình giữa các xác chết. Trong những ngày đầu, tôi coi tất cả họ là những người bị thần linh nguyên rửa và những lời chế nhạo làm ô uế các thi thể của họ khiến tôi kinh sợ. Vào những ngày đầu, tôi chỉ thấy những người hèn hạ nhất và ghê tởm nhất này lấy việc sai khiến tôi làm niềm vui và giao cho tôi những công việc tồi tệ nhất, nhưng sau đó tôi phát hiện ra trong số những người ngâm ướp thi thể có những người thợ lành nghề mà kiến thức của họ là những điều được đúc kết và truyền lại từ những người thợ tốt nhất và họ coi việc mình làm là một nghề có giá trị lớn và quan trọng nhất trong tất cả các nghề. Mỗi người trong số họ đều có chuyên môn và nhiệm vụ riêng như các danh y trong Nhà Sống, ví dụ người thứ nhất phụ trách đầu của người chết, người thứ hai phụ trách dạ dày, người thứ ba tim, người thứ tư phổi... cho đến khi tất cả các phần của cơ thể được lưu giữ trường tồn.

Trong số họ có Ramose, một người đã luống tuổi, làm công việc khó khăn hơn cả. Ông ấy dùng kim tách và rút não của thi thể ra qua đường mũi, sau đó rửa sạch hộp sọ bằng dầu tẩy rửa. Nhận thấy đôi tay tôi rất khéo léo, ông ấy lấy làm kinh ngạc và bắt đầu chỉ dạy cho tôi và chỉ mới qua một nửa thời gian tôi ở Nhà Chết, ông ấy đã nhận tôi làm phụ tá riêng cho ông, khiến tôi cảm thấy dễ chịu hơn. Dù trong mắt tôi, tất cả những người ngâm ướp xác đều như bị quỷ ám và có cuộc sống như loài vật, khiến suy nghĩ và lời nói của họ không còn giống như những người sống dưới ánh sáng mặt trời, nhưng Ramose, nếu là động vật thì con vật mà ông ấy giống nhất sẽ là một con rùa sống lặng lẽ trong lớp mai của nó. Cổ ông ấy cũng cong như cổ rùa, mặt và cánh tay cũng nhăn nheo giống rùa. Tôi giúp ông ấy trong công việc của ông, một công việc sạch sẽ và đáng trân trọng nhất trong Nhà Chết, và quyền thế của ông ấy lớn đến mức không ai còn dám dọa tôi và ném nội tạng hay những thứ bẩn của thi thể lên đầu tôi. Nhưng tôi không biết quyền thế của ông ấy đến từ đâu, vì ông ấy không bao giờ lớn tiếng.

Khi nhìn thấy những kẻ ngâm tẩm ăn cắp bộ phận thi thể ra sao và xác của người nghèo được làm sơ sài đến thế nào dù trả chi phí lớn, tôi quyết định giúp bố mẹ tôi hết sức có thể và lấy cắp cuộc sống vĩnh cửu cho họ. Vì tôi nghĩ tội lỗi của tôi đối với bố mẹ mình lớn đến mức việc trộm cắp này cũng không thể làm nó lớn hơn được nữa. Bằng lòng tốt của mình, Ramose đã dạy tôi nên lấy gì và lấy bao nhiêu, từ thi thể người quyền quý nào, vì ông chỉ xử lý thi thể của giới thượng lưu và tôi là người giúp việc của ông. Nhờ đó, tôi có thể lấy móc kéo thi thể của bố mẹ tôi ra khỏi bể chứa xác người nghèo rồi nhồi vào các khoang rỗng trong thi thể họ những thân sậy đầy nhựa thơm và quấn họ vào vải khâm liệm. Tôi không thể làm gì hơn được nữa vì việc trộm cắp cũng có những giới hạn nghiêm ngặt mà Ramose không nên vượt qua.

Ngoài ra, ông ấy đã dạy tôi rất nhiều kiến thức trong thời gian làm công việc thầm lặng và chậm chạp ở các hang sâu của Nhà

Chết. Sau một thời gian, tôi bắt đầu mạnh dạn hỏi ông ấy hết điều này đến điều khác và ông không ngại trả lời tôi những câu hỏi “Tại sao?”. Vào thời gian này, mũi tôi cũng không còn khó chịu với mùi hôi thối và chua loét của Nhà Chết bởi con người có thể thích nghi, quen thuộc với mọi thứ, và sự thông thái của Ramose xua tan dần nỗi sợ hãi của tôi nên tôi đã hỏi ông rất nhiều điều khi chúng tôi cùng làm việc trong hang với kìm và các hũ dầu.

Đầu tiên, tôi hỏi ông ấy tại sao những người ngâm tẩm thi thể lại ăn nói báng bố và ẩu đả nhau chỉ vì một cái xác đàn bà và không thể nghĩ gì khác ngoài ham muốn của mình, mặc dù lẽ ra họ có thể đã bình tâm khi sống bấy nhiêu năm trời với tử thần, từ ngày này qua ngày khác. Ramose nói:

- Họ là những kẻ ít học và ý chí của họ quanh quẩn trong bùn, giống như thân xác con người chỉ là bùn nếu để cho tan rữa. Nhưng trong bùn cũng có ham muốn sống, ham muốn đó sinh ra động vật và con người, và chính ham muốn đó sinh ra cả thần linh, ta tin như vậy. Nhưng kẻ nào cận kề với cái chết hơn, ham muốn bùn đen trong kẻ đó bùng cháy mãnh liệt hơn nếu ý chí của kẻ đó tồn tại trong bùn. Vì vậy, cái chết làm người thông tuệ bình tâm nhưng lại biến kẻ thấp hèn thành như thú vật, mà loài vật thì dù bị mũi tên đâm vẫn gieo hạt giống xuống cát. Cả trái tim của họ cũng bị mũi tên xuyên qua, nếu không họ đã không bao giờ phải đến Nhà Chết. Vậy nên, đừng ngạc nhiên về hành vi của họ mà thay vào đó hãy thương hại họ. Bởi họ không còn gây hại hay ô nhục gì cho thi thể vì thi thể đã lạnh và không còn cảm thấy gì, nhưng mỗi lần trở về bùn đen họ lại gây hại cho chính mình.

Cẩn trọng và chậm rãi, ông dùng một mũi kìm ngắn, xuyên qua mũi, bẻ gãy những lát xương sọ mỏng trong đầu người quyền quý rồi lấy những cái kìm dài và dễ uốn, bắt đầu nhặt não bỏ vào cái bát đựng một loại dầu mạnh.

- Vì sao? - Tôi hỏi. - Vì sao thì thể con người phải được giữ để vượt qua cái chết ngay cả khi nó đã lạnh và không cảm thấy gì?

Ramose liếc nhìn tôi bằng đôi mắt tròn nhỏ như mắt rùa, lau tay vào vạt áo trước và uống bia từ chiếc vò để bên cạnh vò đựng nảo.

- Xưa đã thế và sau này vẫn thế! - Ông ấy nói. - Ta là ai mà giải thích những cái đã xảy ra từ trước đây chứ, nhưng người ta nói trong mộ có Ka của người, chính là linh hồn của anh ta trở về với thể xác, ăn thức ăn được cúng cho chính mình và vui mừng khi thấy hoa được đặt trước mộ mình. Nhưng Ka ăn ít lắm, ít đến mức không thể nhìn thấy bằng mắt. Do đó, cùng một đồ cúng có thể đem cúng cho nhiều người, nên người ta bê đồ cúng dâng nhà vua rồi từ mộ của ngài đến trước mộ các cận thần của ngài và cuối cùng đồ cúng đó được các giáo sĩ cúng tế ăn khi trời tối. Còn Ka, hơi thở của con người, bay ra từ mũi anh ta ngay lúc chết, nhưng nó bay đi đâu, ta không thể nói. Điều đó là có thật và được nhiều người từng chứng kiến cam đoan từ bao đời nay. Ngoài điều đó ra, không có quá nhiều sự khác biệt giữa Ka và con người, trừ việc Ka không có bóng trong ánh sáng còn con người thì có. Những cái khác thì Ka và con người tương tự nhau, người ta bảo thế.

- Những lời của bác giống như tiếng vo ve của ruồi trong tai cháu, Ramose ạ, - tôi nói. - Cháu không phải là một người đàn ông hoàn toàn ngây thơ và bác không cần phải huyền thiên với cháu những điều cổ lỗ mà cháu đã nghe và đọc từ các cuốn sách đến chán ngấy. Nhưng sự thật là gì?

Ramose uống thêm một ngụm bia nữa và lơ đãng nhìn bộ nảo, là những mảnh nhỏ nổi trên mặt dầu trong cái vò bên cạnh.

- Cậu hỏi thế vì vẫn còn trẻ và bị kích động, - ông nói, nhăn nhó với chính mình rồi há miệng và cười. - Tim cậu chắc đã bị tiêm nhiễm nên mới hỏi như thế. Tim ta già yếu và đầy sẹo, không

còn nhức nhối vì bao nhiêu câu hỏi nữa. Nhưng con người có được lợi hay không nếu thi thể được lưu giữ để chịu đựng cái chết, ta không thể nói và không ai có thể nói, ngay cả các giáo sĩ. Nhưng vì việc này đã được làm và sẽ luôn luôn được làm nên cứ theo tập quán là chắc chắn nhất vì ít nhất sẽ không bị thiệt hại. Ta chỉ biết rằng chưa có ai trở về từ miền tây để nói ở đó như thế nào. Tuy nhiên, một số người nói rằng Ka của người thân của họ sẽ quay trở lại trong giấc mơ và khuyên bảo, dạy dỗ, cảnh báo họ, nhưng giấc mơ chỉ là giấc mơ, dần tan biến vào buổi sáng khi không còn mơ nữa. Tuy nhiên, sự thật là một thiếu phụ đã sống lại trong Nhà Chết, trở về với chồng và cha mẹ và sống đến già trước khi chết lần nữa. Nhưng có thể điều này xảy ra chỉ vì cô ta chưa thực sự chết, theo ta nghĩ, mà ai đó phù phép khiến cô ta giống như đã chết để đánh cắp thi thể của cô ta và điều khiển nó theo ý muốn, vì đó là việc đã từng xảy ra. Người thiếu phụ đó quả thật đã kể rằng trong khi chết, cô ta đã phải đi vào một cái hang tối om có nhiều quái vật kỳ lạ, những con khỉ đầu chó ôm lấy cô ta, những con quái vật đầu cá sấu cắn vào vú cô ta khiến cô hoảng sợ. Những chuyện đó đã được ghi lại và lưu giữ trong đền, ai muốn biết thì trả tiền và sẽ được đọc cho nghe. Nhưng ai mà tin lời đàn bà? Dù sao cái chết cũng tác động tới cô ta, đến mức cô ta trở nên sùng đạo cho đến hết đời, hằng ngày đến đền thờ và tiêu phí của cải của chồng cho đồ cúng tế, khiến con của cô ta trở nên nghèo khó và không còn của cải để giữ cho thi thể cô ta được trường tồn khi cô chết. Thay vào đó, đền thờ đã tặng cho cô ta một ngôi mộ và lưu giữ thi thể cô. Ngôi mộ vẫn còn trong nghĩa địa, việc này có lẽ cậu cũng biết.

Ông ấy càng nói, tôi càng quyết tâm giữ thi thể của bố mẹ tôi, bởi vì tôi mắc nợ họ, mặc dù sau khi sống trong Nhà Chết, tôi không biết liệu điều đó còn có ích cho họ nữa không. Việc bảo quản thi thể để trường tồn luôn khiến bố mẹ tôi vui khi nghĩ đến và là ước muốn duy nhất của họ trong tuổi già, do vậy tôi mong ước muốn đó được thực hiện và tôi có thể làm điều đó với sự giúp đỡ của Ramose. Tôi bực họ trong vải và vì việc này, tôi đã ở trong Nhà Chết đến bốn mươi ngày đêm vì tôi phải trộm đủ để

bảo quản thi thể bố mẹ tôi đúng cách. Nhưng tôi không có mộ cho họ, thậm chí một cái quan tài gỗ cũng không. Vì vậy, tôi khâu cả hai vào một tấm da bò để họ mãi mãi ở bên nhau.

Nhưng khi mọi việc đã xong và có thể rời Nhà Chết, tôi bắt đầu do dự, tim đập run rẩy trong lồng ngực. Nhận ra sự khéo léo của đôi tay tôi, Ramose khuyên tôi ở lại làm phụ tá cho ông. Nếu vậy, tôi có thể kiếm tiền và trộm thêm nhiều, có thể sống trong các hang hốc của Nhà Chết mà không bạn bè nào hay biết mình đang ở đâu, không phải trải qua những đau khổ của đời thường. Tuy nhiên, tôi không ở lại Nhà Chết, nhưng tại sao không thì tôi không thể nói, mặc dù tôi đã quen với cuộc sống trong hang, ở đó tôi thấy tốt và không ham muốn điều gì.

- Các thi thể lạnh cứng và không còn cử động, - Ramose nói. - Vì vậy hãy ở lại đây, bởi vì làm bạn với người chết tốt hơn với người sống. Khi đã chết, con người ta không làm tổn thương ai hay đem lại đau khổ cho ai như khi còn sống. Trái tim cậu cũng đã bị mũi tên xuyên thủng, nếu không cậu đã không ở đây. Vì sao cậu còn muốn quay lại với lũ người, nơi các mũi tên độc bay vun vút và cậu bị họ chọc thủng mắt, cắt tay, làm tổn thương trái tim cho đến khi nó quá già và thành sẹo đến nỗi không còn gì khiến nó rung động nữa.

- Tại sao bác vào Nhà Chết, Ramose? - Tôi hỏi. - Bác là một người thông thái và khéo léo, chắc chắn bác cũng sống được bằng nghề khác. Tại sao bác đến đây?

Nhưng Ramose quây quây lắc đầu như một con rùa, rụt cổ và không nhìn tôi.

- Cậu biết là không có ai đến Nhà Chết nếu không bị buộc phải làm thế, - ông nói. - Như thế đã đủ trả lời cậu rồi chứ?

Nhưng sau đó ông ta há miệng và cười hình hích rồi lại uống bia lạnh từ vò của mình.

- Thật tốt khi được ở đây, - ông nói, - ta không cần gì cả, bởi vì mọi thứ đều phù phiếm. Tuy nhiên, cần biết rằng ai đã một lần ở trong Nhà Chết sẽ gắn bó với Nhà Chết đến cuối đời, đó là điều không thể tránh.

Nhưng khi đó tôi không hiểu ý ông ấy mà chỉ nghĩ ông hài hước. Vậy nên tôi tắm rửa sạch sẽ và rời khỏi Nhà Chết, và những người ngâm tắm thi thể đã hét lên nguyên rửa và giễu cợt tôi. Tuy nhiên, họ không có ý như thế mà đó chỉ là cách họ nói chuyện với nhau và họ không biết thể hiện cách khác. Họ giúp tôi mang tấm da bò gói thi thể được tắm ướp của bố mẹ tôi ra ngoài. Nhưng dù tôi đã tắm rửa sạch sẽ, dân chúng vẫn tránh xa tôi, đưa tay bịt mũi và làm những cử chỉ xúc phạm tôi. Mùi của Nhà Chết đã bám chặt vào tôi đến thế nên không ai nhận chèo đưa tôi qua sông. Vì thế tôi chờ đêm đến, trộm một chiếc thuyền sậy mà không thèm để ý đến lính gác và đưa thi thể của bố mẹ tôi qua sông, đến nghĩa địa của thành phố.

5

Thành phố của người chết được canh gác nghiêm ngặt cả về đêm, khiến tôi không tìm thấy ngôi mộ nào không được canh giữ để có thể giấu xác của bố mẹ mình, để họ được mãi trường tồn, được hưởng đồ cúng tế mà người ta dâng cúng cho những người giàu sang và quyền thế. Vì thế tôi vác tấm da bò chưa thuộc trên lưng đi vào vùng hoang mạc, mặc cho mặt trời đốt cháy lưng tôi, rút sức lực của đôi chân tôi, khiến tôi thở hồng hộc và nghĩ mình sẽ chết. Tôi vác tấm da bò trên lưng, leo những con dốc, theo những con đường mòn nguy hiểm mà chỉ những kẻ trộm xác mới dám đi để tới thung lũng cấm nơi các pharaon yên nghỉ. Chó hung sa mạc sủa dữ dội trong đêm, rắn độc vùng hoang mạc ngóc đầu phì phì với tôi và những con bọ cạp bò trên những tảng đá nóng, nhưng tôi không sợ vì trái tim tôi đã chai lì với mọi hiểm nguy và dù còn trẻ, tôi cũng sẽ vui vẻ đón nhận cái chết nếu như thần chết bắt tôi đi. Trở lại với ánh

sáng ban ngày và nhìn thấy mọi người, tôi cảm thấy nỗi tủi hổ chua xót như nước kiềm và cuộc sống không có gì dành cho tôi.

Lúc đó tôi chưa biết rằng cái chết né tránh những người chờ mong nó và thần chết chỉ tìm đến những người vẫn còn ham sống. Vậy nên loài rắn tránh tôi, bò cạp không làm tôi bị thương và cái nóng ban ngày nơi hoang mạc không làm tôi ngột thở. Lính canh thung lũng cấm cũng mù và điếc, họ không nhìn thấy tôi và không nghe tiếng những tảng đá lăn khi tôi trượt xuống thung lũng. Vì nếu nhìn thấy tôi, họ sẽ giết tôi ngay và để xác tôi làm mồi cho chó hung sa mạc. Nhưng tôi đến vào ban đêm và có lẽ lính canh sợ cái thung lũng mà họ bảo vệ, vì các giáo sĩ đã bỏ bùa và yểm lên mộ các vị vua phép thuật mạnh nhất của mình. Nếu nhìn thấy tôi vác tấm da bò trên lưng trong thung lũng dưới ánh trăng hay nghe tiếng đổ ầm ầm trên sườn núi, có thể họ cũng quay mặt đi, kéo áo che đầu và nghĩ rằng những người chết đang lang thang trong thung lũng, bởi vì tôi không né tránh ai, mà cũng không thể né tránh vì không biết những nơi nào có điểm canh và cũng không nguy trang mình. Thung lũng cấm hiện ra trước mặt tôi chết chóc đến rợn người và trong mắt tôi, với sự câm lặng của nó, thung lũng uy nghi hơn so với thời các pharaon từng ngồi trên ngai vàng trong những ngày họ còn sống.

Tôi đi lòng vòng trong thung lũng suốt đêm để tìm cửa mộ của một pharaon vĩ đại đã được các giáo sĩ dùng dấu niêm phong đóng kín vì tôi nghĩ khi đã đến được đây, chỉ có lăng mộ tốt nhất mới đủ tốt cho bố mẹ tôi. Tôi cũng muốn tìm mộ của Pharaon mới bước xuống thuyền Amon để các vật cúng tế dâng ngài vẫn còn tươi và việc cúng tế trong đền thờ ngài trên bờ sông được làm theo đúng nghi lễ, bởi vì chỉ có điều tốt nhất mới đủ tốt cho bố mẹ tôi khi tôi không thể cho họ ngôi mộ.

Trăng lặn dần, tôi đào xuống cát một cái hố bên cạnh cửa mộ Pharaon Amenhotep Đệ Tam, chôn xuống đó tấm da bò mà tôi bó xác bố mẹ tôi rồi lấp cát lại. Ở nơi nào đó xa xa trong hoang

mạc, chó hung sa mạc sủa oang oang nên tôi biết thần Anubis đang lang thang nơi hoang mạc, chăm sóc bố mẹ tôi và tiễn đưa họ trong chuyến đi cuối cùng. Và trước thần Osiris, tôi biết trái tim bố mẹ tôi sẽ vượt qua được thử thách của vị thần phán xét vĩ đại mà không cần đến Tủ thư của các giáo sĩ cũng như những lời dối trá mà những người giàu có thường học thuộc lòng để dựa vào. Vì thế tâm trí tôi hoàn toàn thanh thản khi tay tôi lấp cát lên thi hài bố mẹ mình, vì tôi biết họ sẽ sống mãi muôn đời trong cõi vĩnh hằng bên cạnh Pharaon vĩ đại và khiêm nhường hưởng đồ cúng tế ngon lành người ta dâng cho ngài. Nơi miền tây, họ có thể đi trên thuyền của Pharaon, ăn bánh mì của Pharaon và uống rượu của Pharaon. Tôi đã làm được việc này bằng cách đặt cả thân mình dưới ngọn giáo của lính canh thung lũng cấm, nhưng không thể coi đó là việc làm dũng cảm vì tôi không sợ giáo của họ, mà bởi vì vào đêm đó, tôi xem cái chết dịu êm hơn cả một đực với tôi.

Nhưng khi đang hất cát xuống hố, tay tôi chạm phải một vật gì đó, tôi cầm lên một con bọ hung linh thiêng được khắc trên đá đỏ, mắt là những viên đá quý nhỏ và mình được khắc đầy những dấu linh thiêng. Khi ấy cả người tôi run lên và nước mắt tôi trào ra, rơi lã chã, bởi vì giữa thung lũng chết, tôi nghĩ tôi đã nhận được một tín hiệu từ bố mẹ mình, rằng họ hài lòng và mọi chuyện xảy ra với họ đều tốt. Tôi muốn tin như thế, mặc dù tôi biết chắc bọ hung đã rơi ra từ cửa cải trong mộ Pharaon và bị mắc lại trên cát.

Trăng đã lặn và bầu trời xám xịt màu chết chóc. Tôi cúi rạp xuống cát rồi giơ tay nói lời tạm biệt với bố Senmut và mẹ Kipa của tôi. Hãy để thi thể bố mẹ tôi trường tồn và cuộc sống của họ đầy niềm vui nơi miền tây. Vì họ mà tôi muốn tin rằng một vùng đất như vậy tồn tại, mặc dù tôi không còn tin vào điều đó nữa. Rồi tôi ra đi và không ngoái nhìn lại. Nhưng tôi mang theo con bọ hung linh thiêng trong tay và nhờ quyền năng rất mạnh của nó, tôi không bị lính canh nhìn thấy mặc dù tôi nhìn thấy họ khi họ đi ra khỏi điểm canh và nhóm lửa hâm nóng đồ ăn. Bọ

hung rất thiêng vì tôi không bị trượt chân trên đá và bò cạp, rắn không động đến tôi mặc dù tôi không còn vác tấm da bò trên lưng. Tối hôm đó tôi ra đến bờ sông Nile, uống nước sông Nile rồi ngã vật ra đất và ngủ vùi trong một đám sậy. Bàn chân tôi ứa máu và đầy vết xước, tay tôi dính máu và trầy trụa, mắt tôi mờ đi sau khi qua vùng đất lạ, người tôi cháy đỏ và đầy vết rộp. Nhưng tôi vẫn sống và cơn đau không ngăn được tôi ngủ thiếp đi vì quá mệt.

6

Sáng sớm tôi thức dậy giữa tiếng quàng quạc của bầy vịt trong đám sậy, Amon chèo thuyền vàng trên bầu trời và tiếng ồn ào của thành phố vang đến tai tôi từ phía bên kia sông. Thuyền bè với những cánh buồm sạch bong chạy dọc sông, những người thợ giặt đập chày vào nhau, cười và hét rõ to trong khi làm việc. Buổi sáng tinh khôi và tươi sáng nhưng trái tim tôi trống vắng và cuộc sống như nắm tro tàn trong tay tôi.

Những cơn đau thể xác làm tôi hạnh phúc vì chúng đem lại cho sự tồn tại của tôi một mục đích nào đó. Vì cho đến lúc này, mục đích duy nhất của tôi là đem lại cho bố mẹ tôi một cuộc sống vĩnh hằng mà tôi đã lấy đi khi đẩy họ đến chỗ chết sớm. Việc tôi làm giờ đây đã được đền bù theo cách tôi có thể, nhưng sau đó cuộc đời tôi không có mục đích hay ý nghĩa nào khác. Trên người tôi chỉ có một cái khố rách bươm như của nô lệ, lưng tôi bị cháy sém thành vảy và tôi không có đến một miếng đồng nhỏ nhất để có thể mua đồ ăn. Nếu tiếp tục đi, tôi biết chẳng chóng thì chầy tôi sẽ gặp lính canh và họ sẽ hét gọi tôi, hỏi tôi là ai, từ đâu đến và tôi sẽ không thể trả lời, vì tôi tin cái tên Sinuhe đã bị tẩy xóa và nguyên rửa muôn đời. Chính vì vậy, tôi không thể đi đến nhà bạn bè mình, bởi tôi không muốn họ chia sẻ nỗi nhục nhã của mình, tôi cũng không muốn họ giơ tay từ chối tôi và quay lưng lại với tôi vì điều đó sẽ gây cho họ đau khổ. Tôi nghĩ mình đã làm quá nhiều điều tồi tệ rồi.

Đang miên man nghĩ về những điều đó, tôi để ý thấy một sinh vật sống đang rón rén rình quanh mình, nhưng lúc đầu tôi không thể tin đó là một con người mà chỉ nghĩ đó là bóng ma của một cơn ác mộng. Nơi vốn là cái mũi giờ chỉ còn là một cái hốc, tai đã bị cắt đứt và gây đến phát sợ, nhưng khi nhìn kỹ hơn, tôi thấy bàn tay ông ta có những đốt to khỏe, cơ thể ông ta rắn chắc và đầy những vết hằn do mang vác hoặc dây thừng cọ xát.

Ông ta hỏi khi nhận ra tôi đã thấy ông ta:

- Anh đang giữ chặt cái gì trong nắm tay thế?

Tôi xòe bàn tay ra và cho ông ta xem con bọ hung thiêng của pharaon mà tôi tìm thấy trên cát trong thung lũng cấm. Ông ta nói:

- Anh cho tôi nhé, để nó mang lại may mắn cho tôi, vì tôi là một người đàn ông nghèo khổ và đang rất cần sự may mắn.

Nhưng tôi đáp:

- Tôi cũng là kẻ khốn cùng, không có gì khác ngoài con bọ hung này. Tôi muốn giữ nó như một lá bùa để nó mang lại may mắn cho tôi.

Ông ta liền nói:

- Tôi nghèo và khốn khổ thật, nhưng tôi cho anh một miếng bạc, mặc dù nó là quá nhiều so với viên đá sặc sỡ như thế. Song thương hại cho sự nghèo khó của anh nên tôi cho anh miếng bạc.

Rồi ông ta lấy ra một miếng bạc từ thắt lưng, nhưng vì thế tôi càng quyết tâm giữ con bọ hung và nhất mực tin rằng nó sẽ mang lại thành công cho tôi, và tôi nói điều đó với ông ta. Nghe xong ông ta giận dữ nói:

- Anh quên là tôi có thể giết anh khi anh đang nằm. Tôi đã nhìn anh rất lâu trong khi anh ngủ và bản khoán không biết tay anh giữ chặt cái gì, vì vậy tôi đợi cho đến khi anh thức dậy, nhưng bây giờ tôi ân hận đã không giết anh vì anh vô ơn như thế.

Tôi trả lời ông ta:

- Nhìn mũi và tai của ông, tôi biết ông là một tên tội phạm và đã trốn khỏi mỏ đá. Giả như ông cứ giết tôi khi tôi ngủ thì ông đã làm một việc tốt, bởi tôi cô đơn và đang không biết đi đâu. Hãy giữ lấy tài sản của ông và trốn khỏi đây, bởi vì nếu lính canh nhìn thấy ông, họ sẽ bắt ông, nện cho nhừ tử rồi treo ngược ông lên tường hoặc ít nhất là đưa ông trở lại mỏ.

Nhưng ông ta nói:

- Tôi vẫn có thể giết anh nếu tôi muốn, bởi dù khốn khổ thế này nhưng tôi là người đàn ông khỏe mạnh. Nhưng vì viên đá, tôi không thêm làm điều đó, bởi chúng ta đang ở gần thành phố của người chết và lính canh có thể nghe thấy tiếng thét của anh. Vì vậy hãy giữ lấy vận may của mình, có lẽ anh thực sự cần nó hơn tôi. Tôi cũng muốn hỏi anh là loại người gì mà không biết rằng tôi không hề sợ lính canh, vì tôi là một người tự do chứ không còn là nô lệ nữa. Tôi có thể đi vào thành phố nhưng tôi sẽ không chường mặt ra nơi phố xá bởi vì trẻ con sợ khuôn mặt tôi.

- Làm sao một người bị đày chung thân ở mỏ lại tự do được? Tôi biết điều đó từ mũi và đôi tai bị cắt của ông, - tôi nhạo báng nói vì nghĩ đến sự khoác lác của ông ta.

- Tôi không giận vì lời nói của anh bởi vì tôi là một người sùng đạo và tôi sợ thần linh, - ông ta nói, - bởi thế tôi không nỡ giết anh khi anh đang ngủ. Nhưng đúng là anh không biết sau khi được trao vương miện của cả hai miền, Thái tử đã truyền cởi bỏ tất cả xiềng xích và giải phóng nô lệ khỏi các hầm mỏ, và những người làm việc ở đây từ nay trở đi là những người tự do.

Ông ta cười một lúc lâu rồi nói tiếp:

- Vì vậy ở bãi sậy này chúng tôi có nhiều người, những người đàn ông lực lưỡng sống bằng đồ cúng tế của kẻ giàu có trong nghĩa địa, bởi lính canh sợ chúng tôi, còn chúng tôi không sợ người chết. Những ai từng ở mỏ không còn sợ bất cứ điều gì, vì như anh biết đấy, không điều gì xảy ra với con người có thể tồi tệ hơn việc làm nô lệ ở mỏ. Nhiều người trong chúng tôi thậm chí còn không sợ thần linh, nhưng tôi vẫn ngoan đạo vì tôi nghĩ cần tắc vô áy náy, mặc dù như anh thấy, tôi đã sống mười năm ở mỏ.

Lúc đó tôi mới nghe được tin Thái tử vừa lên ngôi là Amenhotep Đệ Tứ đã giải phóng tất cả nô lệ và tù nhân khiến các hầm mỏ và mỏ đá ở bờ biển phía đông cũng như ở Sinai đều hoang vắng. Bởi vì không ai ở Ai Cập điên rồ đến mức tự nguyện làm việc trong các hầm mỏ. Hoàng hậu vĩ đại hiện giờ là Công chúa Mitanni còn chơi búp bê, và Pharaon tôn thờ vị thần mới.

- Thần của ngài chắc là một vị thần kỳ lạ, - cựu phu mỏ nói, - bởi vì thần cho phép Pharaon làm những điều vô lý; vì lũ cướp và những kẻ giết người bây giờ được tự do đi lại ở cả hai miền; các mỏ bị bỏ hoang và Ai Cập không giàu lên nữa. Tôi thực sự vô tội và đã chịu bất công, nhưng điều đó luôn xảy ra và vẫn sẽ tiếp tục xảy ra. Vì thế thật điên rồ khi thả một trăm, một ngàn tội phạm chỉ để một người vô tội được tự do. Nhưng đó là việc của Pharaon chứ không phải của tôi. Hãy để ngài nghĩ thay tôi.

Trong khi nói, ông ta nhìn tôi, nghịch tay tôi và chạm lớp vảy trên lưng tôi. Mùi Nhà Chết từ tôi không làm ông ta sợ và dường như tiếc thương cho tuổi trẻ của tôi, ông ta nói:

- Da anh bị cháy. Tôi có dầu, để tôi xoa cho anh.

Ông ta xoa dầu lên lưng rồi chân và tay tôi nhưng vừa làm, ông ta vừa thề và nói:

- Thế có Amon, thực tình tôi không biết sao mình lại làm điều này bởi vì tôi không được lợi lộc gì từ anh, và chẳng ai xoa dầu cho tôi khi tôi bị đánh đến bị thương và nguyên rửa thần linh vì điều oan ức đã xảy ra với tôi.

Tất nhiên, tôi biết tất cả nô lệ và tội phạm đều thế rằng mình vô tội, nhưng ông ta cư xử tốt với tôi, bởi vậy tôi muốn thân thiện với ông ta. Và vì tôi chỉ có một mình nên tôi sợ ông ta rời xa tôi, để tôi lại một mình với trái tim cô đơn, vì thế tôi nói:

- Hãy kể cho tôi sự bất công xảy ra với ông để tôi có thể chia sẻ nỗi đau buồn cùng ông.

- Người ta đã đánh bật nỗi đau buồn ra khỏi tôi trong năm đầu tiên ở mỏ đồng, - ông ta nói. - Nỗi hận thù dai dẳng hơn, bởi vì phải mất năm năm hận thù mới bị đánh bật khỏi tôi và trái tim tôi trở nên chai lì với tất cả cảm xúc của con người. Nhưng sao tôi không kể với anh tất cả cơ chứ, bởi tôi muốn anh quên khi ngón tay tôi chắc chắn làm anh đau trong khi chà xát lớp vảy của anh. Hãy biết rằng trước đây tôi là một người tự do; tôi làm nông, có một ngôi nhà, có bò, có vợ và bia trong hũ của mình. Dĩ nhiên, tôi có một người hàng xóm, một người đàn ông có thể lực tên là Anukis - hãy để thi thể hắn tan rữa đi. Cửa cải của hắn không thể đo bằng mắt, số gia súc của hắn nhiều như cát và tiếng rống của chúng giống như tiếng gầm của biển, nhưng hắn vẫn thèm muốn mảnh đất nhỏ của tôi. Vì vậy hắn gây cho tôi rất nhiều rắc rối và sau mỗi trận lụt, khi đất được đo lại, hắn đòi hòn đá ranh giới tới gần nhà tôi và tôi mất đất. Tôi không thể làm được gì bởi bọn địa chính nghe hắn chứ không nghe tôi vì hắn cho chúng những món quà tốt. Hắn cũng chặn mương tưới nước của tôi và ngăn nước chảy vào ruộng của tôi, để đàn bò của tôi khát nước, ngũ cốc của tôi héo khô và hũ bia của tôi cạn đi. Nhưng hắn không nghe thấy những lời phàn nàn của tôi vì mùa đông hắn sống trong ngôi nhà lớn ở Thebes và mùa hè hắn đến trang trại của mình để tận hưởng, chỉ có bọn đầy tớ của hắn ở

đó, chúng lấy gậy đánh tôi và xua chó cắn tôi nếu tôi dám đến gần.

Người không mũi thở dài và xúc dầu lên lưng tôi rồi nói tiếp:

- Nhưng có lẽ tôi vẫn sẽ sống trong nhà của mình nếu thần linh không nguyên rủa tôi bằng cách cho tôi một cô con gái xinh đẹp. Tôi có năm con trai và ba con gái, vì người nghèo khổ khổ và khi chúng lớn lên, tôi được chúng giúp đỡ rất nhiều, chúng mang lại cho tôi niềm vui, mặc dù một đứa con trai khi còn nhỏ đã trộm của một người bán hàng Syria. Nhưng con gái út của tôi rất xinh đẹp và trong cái đại đột điên rồ của mình, tôi tự hào về nó nên không để nó phải làm việc nặng nhọc, không bị cháy da trên đồng và cũng không phải kín nước. Lẽ ra khôn ngoan hơn, tôi nên cắt tóc con bé và bôi nhọ nổi lên mặt nó, bởi vì hàng xóm của tôi, Anukis nhìn thấy con bé và thêm muốn nó khiến tôi không còn đến một ngày bình yên. Hẳn ta kiện tôi ra tòa với lý do bò của tôi giẫm đạp trên đồng của hã, các con trai tôi chặn mương tưới nước của hã và vứt xác súc vật thối vào giếng của hã; hã cũng nói tôi vay hạt giống của hã trong những năm mất mùa; tất cả những điều đó được đầy tớ của hã chứng thực và quan tòa đã không nghe tôi. Nhưng hã ta nói sẽ cho tôi giữ lại cánh đồng của mình nếu tôi cho hã con gái tôi. Điều đó dĩ nhiên tôi không đồng ý, vì tôi hy vọng với sắc đẹp của con gái tôi, nó sẽ có được một người đàn ông đáng kính, sẽ chăm sóc và thương yêu tôi lúc tuổi già. Cuối cùng, đám đầy tớ của hã xông đến đánh tôi, còn tôi không có gì khác ngoài cây gậy của mình và tôi đã lấy gậy quật vào đầu một đứa khiến hã ta chết. Sau đó tôi bị cắt tai và mũi rồi bị đày đến mỏ, vợ con tôi bị bán làm nô lệ vì các khoản nợ chưa trả, riêng con gái út bị Anukis giữ lại và sau khi ăn nằm chán chê, hã để con bé cho lũ gia nhân. Vì thế, tôi tin việc tôi bị đày đến mỏ thật bất công. Bây giờ, khi được nhà vua trả tự do sau mười năm, tôi vội vàng trở về nhà nhưng nhà tôi đã bị dỡ, trên đồng cỏ là một đàn gia súc lạ và con gái tôi không còn nhận ra tôi mà hắt nước nóng vào chân tôi trong lều của những người chăn gia súc. Nhưng tôi nghe nói Anukis đã

chết và trên cửa ngôi mộ to lớn của hắn trong nghĩa địa Thebes có một dòng chữ dài. Vì thế tôi đến Thebes để nhìn xem dòng chữ trên mộ hắn viết gì cho lòng khuây khỏa, nhưng tôi không biết đọc và không ai đọc nó cho tôi, mặc dù tôi đã dò hỏi và tìm được ngôi mộ.

- Nếu ông muốn, tôi đọc cho ông, - tôi nói, - vì tôi biết đọc.

- Thi thể của anh sẽ được giữ mãi muôn đời nếu anh giúp tôi được việc này, - ông ta nói. - Tôi là một người đàn ông nghèo và tôi tin tất cả những gì được viết, vì vậy tôi muốn biết người ta viết gì về Anukis trước khi tôi nhắm mắt xuôi tay.

Ông ta xoa dầu lên người tôi và giặt khố cho tôi, rồi chúng tôi đi đến nghĩa địa và lính canh không chặn chúng tôi. Chúng tôi đi qua các ngôi mộ cho đến khi ông ta chỉ cho tôi một ngôi mộ lớn, phía trước bày thết với nhiều loại bánh ngọt, trái cây và hoa. Trước mộ còn có một hũ rượu đầy kín. Người không mũi ăn các đồ cúng và đưa cho tôi cùng ăn rồi nhờ tôi đọc những gì được viết trên cửa ngôi mộ. Tôi đọc cho ông ta:

"Tôi, Anukis, trồng ngũ cốc và cây ăn quả, mùa màng của tôi bội thu bởi tôi, vì sợ thần linh nên đã dâng cúng cho các thần một phần năm số sản phẩm thu hoạch được. Sông Nile đã độ lượng với tôi và trong suốt cuộc đời tôi, không ai trong trang trại của tôi phải chịu đói, hàng xóm của tôi cũng không bị đói vì tôi dẫn nước đến ruộng của họ và cho họ ngũ cốc những khi mất mùa. Tôi đã lau khô nước mắt của trẻ mồ côi, không cướp bóc những quả phụ và còn xóa cho họ tất cả các khoản nợ nên tên của tôi được cầu nguyện khắp vùng. Ai mất bò, tôi, Anukis, cho người đó một con bò khỏe mạnh. Tôi đã không dời những hòn đá ranh giới cũng như không ngăn dòng nước chảy qua cánh đồng lán giềng mà tuân thủ pháp luật và đạo lý trong suốt cuộc đời mình. Tôi, Anukis, đã làm tất cả những điều này để các vị thần ưu ái và giúp cho hành trình của tôi đến miền tây được thuận chèo mái."

Người không mũi lắng nghe chăm chú. Sau khi tôi đọc xong, ông khóc thảm thiết và nói:

- Tôi là một người đàn ông nghèo và tôi tin tất cả những gì được viết. Tôi thấy Anukis là người ngoan đạo và hẳn ta được kính trọng sau khi chết. Các thế hệ tương lai cũng sẽ đọc những lời khắc trên cửa mộ của hẳn và kính trọng hẳn ta. Còn tôi là một tội phạm và người khốn khổ, không tai, không mũi nên mọi người nhìn thấy nổi nhục nhã của tôi, rồi khi tôi chết, thi thể của tôi bị ném xuống sông và tôi không còn nữa. Vậy, chẳng phải tất cả mọi thứ trên thế gian này đều hết sức vô nghĩa ư?

Ông ta cạy lớp xi trên hũ rượu và uống. Lính canh đến và giờ gây đe dọa nhưng ông ta nói:

- Anukis đã làm rất nhiều điều tốt cho tôi trong cuộc đời tôi. Do đó, tôi tưởng nhớ ông ta bằng cách ăn uống bên mộ ông ta. Nếu anh động đến tôi hoặc anh bạn đứng cạnh tôi đây, một người có học vì anh ấy biết đọc các bia ký, hoặc nếu anh gọi các lính canh khác đến giúp, thì hãy biết rằng trong bãi sậy chúng tôi có nhiều người khỏe mạnh, nhiều người có dao có thể đến cắt cổ anh. Tất nhiên tôi sẽ lấy làm tiếc về điều đó, vì là một người ngoan đạo và tin vào thần linh, tôi không muốn làm điều bất công cho bất cứ ai. Vậy nên tốt hơn là anh hãy để chúng tôi được yên và coi như không nhìn thấy chúng tôi.

Ông ta trừng mắt nhìn gã lính canh, và thấy ông ta rách rưới, không mũi, không tai trông cũng thật kinh khủng nên gã tin lời ông ta, nhìn xung quanh rồi bỏ đi. Chúng tôi ăn và uống bên cạnh mộ Anukis, trong lều cúng tế mát mẻ và dễ chịu và sau khi uống rượu xong, người không mũi nói:

- Bây giờ tôi hiểu rằng nếu tôi tự nguyện trao con gái mình cho Anukis thì chắc sẽ tốt hơn. Có lẽ hẳn ta sẽ để tôi giữ lại căn nhà và có thể sẽ tặng quà cho tôi, vì con gái tôi rất xinh đẹp và ngây thơ, mặc dù bây giờ nó chỉ là tấm thảm ngủ cho lũ đầy tớ của

hắn. Bây giờ tôi biết rằng trên thế gian này không có lẽ phải nào khác ngoài lẽ phải của kẻ giàu, và lời nói của kẻ nghèo hèn không đến được tai của pharaon.

Ông ta nhắc hũ rượu lên, cười lớn và nói:

- Chúc mừng người, Anukis đức độ, hãy giữ thi thể người muôn đời vì ta không muốn theo người đến miền tây, nơi người và những người như người sống một cuộc đời hạnh phúc mà không sợ thần linh phiền nhiễu. Tuy nhiên, ta nghĩ sẽ tốt hơn nếu người vẫn tiếp tục sống tốt trên trần gian và chia phần cho ta những chiếc bát và đồ trang sức bằng vàng được cất giữ trong mộ của người. Vì thế tối nay ta sẽ đến chào người khi mặt trăng khuất vào đám mây.

- Ông nói gì, người không mũi? - Tôi sợ hãi kêu lên và theo bản năng giơ tay làm dấu Amon linh thiêng. - Ông không định thành kẻ trộm mộ chứ, bởi vì đó là tội nhục nhã nhất trước thần linh và con người?

Nhưng người không mũi bị rượu làm cho điên lên và nói:

- Anh có học mà nói như cút! Anukis nợ tôi và tôi không nhân từ như hắn, tôi phải đòi món nợ của mình. Nếu anh định cản tôi, tôi sẽ cắt cổ anh, còn nếu khôn ngoan, anh hãy giúp tôi bởi vì bốn mắt sẽ nhìn rõ hơn hai mắt và cùng nhau, chúng ta sẽ lấy được từ mộ nhiều hơn so với chỉ một người khi cửa mộ bị đập vỡ, nếu đêm mai không có trăng.

- Tôi không muốn bị đánh rồi bị treo ngược lên tường thành, - tôi hốt hoảng nói nhưng khi bắt đầu ngẫm nghĩ, tôi thấy nỗi nhục nhã của tôi không vì thế mà tăng lên nếu như bạn bè nhìn thấy tôi bị treo ngược trên tường và cái chết không đe dọa nổi tôi.

Thế nên chúng tôi ăn và uống hết vò rượu rồi đập vỡ nó và ném các mảnh vỡ lên các mộ xung quanh. Lính canh không hét dọa

chúng tôi mà tránh xa vì sợ. Đêm đến, lính từ thành phố chèo thuyền đến thành phố chết để bảo vệ các ngôi mộ, nhưng Pharaon mới không tặng họ quà sau khi đăng quang như thông lệ. Vì thế họ rên rỉ, đốt đuốc, bắt đầu phá các ngôi mộ rồi uống rượu và cướp mộ, vì trong các am thờ trước mộ có rất nhiều hũ rượu. Cũng không ai ngăn chặn người không mũi và tôi khi chúng tôi phá mộ của Anukis rồi lật quan tài của hắn ta lên, lấy đi những chiếc bát vàng và những thứ đắt tiền mà chúng tôi có thể mang theo. Vào sáng sớm, một tốp thương nhân Syria đã chờ trên bờ sông để mua đồ bị cướp từ các hầm mộ và đưa xuống thuyền xuôi dọc sông. Chúng tôi đã bán cho họ các thứ lấy được và nhận về vàng và bạc, tổng cộng gần hai trăm deben rồi chia đều cho nhau theo trọng lượng được ghi trên vàng và bạc. Nhưng vàng bạc chúng tôi nhận được từ số của cải lấy từ mộ chỉ bằng một phần nhỏ so với giá thật của chúng và vàng là vàng pha. Tuy nhiên, người không mũi vẫn rất vui, ông ta nói:

- Tôi sẽ trở thành người giàu có, vì chắc chắn nghề này mang lại nhiều lợi nhuận hơn là khuôn vác trên bến cảng hoặc kín nước từ kênh thủy lợi lên đồng ruộng.

Nhưng tôi bảo:

- Vận may đến rồi đi thôi!

Vậy nên chúng tôi chia tay nhau, tôi lên thuyền buôn để trở lại bờ bên kia, về Thebes. Tôi mua cho mình quần áo mới và ăn uống trong quán rượu vì mùi Nhà Chết từ người tôi đã bắt đầu bay hết. Nhưng suốt cả ngày, tiếng tù và và tiếng vũ khí lách cách vang lên từ thành phố chết bên kia sông. Các chiến xa chạy dọc theo lối đi giữa các hầm mộ và lính cấm vệ của Pharaon tay cầm giáo truy đuổi những người lính và phu mả cướp mộ khiến tiếng khóc chết chóc của họ vọng đến thành phố. Tối hôm đó, trên tường thành đầy thân người treo ngược và trật tự được thiết lập lại ở Thebes.

Tôi qua đêm ở một nhà trọ, sau đó về nhà cũ của mình và gọi Kaptah. Kaptah khập khiễng đi ra, má sưng vù vì bị đánh nhưng khi nhìn thấy tôi, ông ấy bắt đầu khóc vì vui sướng với con mắt còn lại của mình và gục xuống dưới chân tôi, nói:

- Ông chủ của tôi, ông đã trở về, vậy mà tôi cứ tưởng ông đã chết. Bởi tôi nghĩ nếu còn sống, chắc ông sẽ bảo tôi đưa thêm đồng và bạc, vì khi đã cho một lần, người ta phải cho thêm nữa. Nhưng ông đã không đến, mặc dù vì ông tôi đã lấy trộm từ người chủ mới thật nhiều khi còn kịp. Cầu cho thi thể ông ta thối rữa, như ông nhìn thấy, chân và má tôi bị ông ta đá hôm qua. Mẹ ông ta, mụ cá sấu, cầu cho mụ ta tan thành bụi vì đã dọa bán tôi khiến tôi rất sợ. Vậy nên hãy nhanh chóng rời khỏi ngôi nhà xấu xa này, ông chủ của tôi ạ, và tôi sẽ trốn cùng ông.

Tôi ngần ngừ và có thể ông ấy hiểu lầm sự ngần ngừ của tôi, vì ông nói:

- Tôi đã trộm rất nhiều, đủ để chu cấp cho ông trong một thời gian, ông chủ ạ, và khi của cải của tôi hết, tôi có thể làm việc cho ông, miễn là ông giải thoát tôi khỏi bàn tay của mụ cá sấu này và con trai bà ta.

- Tôi chỉ đến để trả nợ cho ông thôi, Kaptah, - tôi nói rồi đếm vàng và bạc cho ông ấy, nhiều hơn gấp nhiều lần số ông ấy đã đưa cho tôi. - Nhưng nếu ông muốn, tôi có thể mua lại ông từ chủ của ông để ông được tự do và có thể đi bất cứ nơi nào ông muốn.

Khi cảm nhận được sức nặng của vàng và bạc trong tay, Kaptah rất vui và bắt đầu nhẩy cẫng lên, quên rằng mình đã là một ông già và chân đi khập khiễng. Nhưng rồi ông ấy xấu hổ nói:

- Đúng là tôi đã đau khổ khóc khi đưa cho ông số tiền tiết kiệm, nhưng xin ông đừng giận tôi. Nếu ông giải thoát tôi thì tôi đi đâu, suốt cuộc đời mình tôi cũng chỉ là một nô lệ. Không có ông, tôi giống như con mèo con bị mù hoặc con cừu non bị lạc mẹ. Ông không nên tiêu số vàng đắt đỏ để giải phóng tôi, vì tại sao ông lại phải trả để có thứ mà ông đã sở hữu.

Ông ấy nhấp nháy con mắt còn lại của mình một cách ranh mãnh và vờ ngẫm nghĩ.

- Trong thời gian chờ đợi ông, mỗi ngày tôi đều dò hỏi về các chuyến thuyền đi, - ông nói tiếp. - Hiện giờ có một thuyền lớn và có vẻ chắc chắn sắp rời đi Simyra mà ta có thể đi nếu có đủ lễ vật cho các thần. Thật đáng tiếc là tôi chưa tìm thấy một vị thần đủ mạnh sau khi từ bỏ Amon, vị thần chỉ gây ra mất mát. Tôi đã cần mẫn dò hỏi về một số thần và tôi cũng đang thử vị thần mới của Pharaon; đền thần này đã mở cửa trở lại và nhiều người đến đó vì mong được Pharaon sủng ái. Nhưng theo lời người ta kể, Pharaon nói thần của ngài sống vì sự thật, vì vậy tôi sợ rằng thần của ngài là một vị thần dễ gây rắc rối và có vẻ không đem lại cho tôi lợi ích gì.

Nhớ ra con bộ hung mà mình đã tìm thấy, tôi đưa nó cho Kaptah và bảo:

- Đây là thần cho ông đây, một vị thần rất mạnh dù có kích thước nhỏ. Hãy bảo quản ngài thật tốt vì tôi tin ngài sẽ mang lại may mắn cho chúng ta bởi tôi đã có vàng trong túi mình. Vì vậy hãy mặc quần áo, cải trang thành người Syria và trốn đi nếu ông thực sự muốn, nhưng đừng đổ lỗi cho tôi nếu ông bị bắt như một kẻ đào tẩu. Hãy để vị thần nhỏ này giúp ông vì có lẽ tốt nhất chúng ta nên tiết kiệm tiền để trả cho chuyến đi tới Simyra. Bởi tôi không thể nhìn mặt ai ở Thebes hay bất cứ nơi nào khác trên đất Ai Cập nữa. Tôi ra đi vì rõ ràng tôi phải có một nơi để sống và tôi không bao giờ trở lại Thebes nữa.

Nhưng Kaptah nói:

- Tốt nhất là không thể nguyên gì, ông chủ ạ, vì không ai biết ngày mai thế nào, ai đã từng một lần uống nước sông Nile, suốt đời sẽ thèm khát nguồn nước ấy. Còn lại thì suy nghĩ và quyết định của ông là khôn ngoan; thêm nữa, ông còn khôn ngoan hơn khi đưa tôi đi cùng, bởi vì thiếu tôi, ông giống như một đứa trẻ không thể tự quán tã. Tôi không biết ông đã làm gì xấu, mặc dù mắt ông trợn trừng trắng dã khi nhớ lại, nhưng ông vẫn còn trẻ và rồi ông sẽ quên thôi. Việc làm của con người giống như hòn đá bị ném xuống nước. Đá rơi tõm xuống và nước bắn lên, nhưng rồi mặt nước phẳng lại và không thấy đá đâu nữa. Ký ức của con người cũng giống như vậy. Khi thời gian trôi qua đủ lâu, mọi người sẽ quên ông và việc làm của ông, ông có thể trở lại và hy vọng khi đó ông mạnh mẽ và giàu có, đến mức ông cũng có thể bảo vệ được tôi nếu không may danh sách truy tìm nô lệ gây phiền phức cho tôi.

- Tôi đi và sẽ không bao giờ trở lại! - Tôi nói một cách dứt khoát.

Lúc này bà chủ mới the the hét gọi Kaptah. Tôi tránh đi và đợi ông ta ở góc phố, một lúc sau ông ta đi ra với cái giỏ có một gói nhỏ bên trong và một nắm đồng leng keng trong tay.

- Mụ cá sấu sai tôi ra chợ mua đồ, - ông ta hớn hở nói. - Mụ ta đưa tôi quá ít miếng đồng như thường lệ, nhưng đã lên đường thì càng nhiều càng ít, bởi tôi nghĩ từ đây đến Simyra rất xa.

Trong giỏ của ông ấy có một bộ quần áo và một bộ tóc giả. Chúng tôi đi đến bãi sông, Kaptah vào đám sậy thay quần áo rồi tôi mua cho ông ấy một cây gậy đẹp, loại gậy gia nhân và người chạy trước kiệu của giới quyền quý thường dùng. Sau đó chúng tôi đi đến bến cảng nơi thuyền Syria cập vào và tìm thấy một chiếc thuyền lớn có dây cáp to dày cỡ một người, chạy dài từ mũi đến đuôi; trên cột buồm, cờ hiệu xuất phát đang bay. Thuyền trưởng là người Syria, rất vui khi biết tôi là danh y vì

ông ta coi trọng y học Ai Cập và nhiều thủy thủ của ông bị bệnh. Bọ hung quả thật đã mang lại may mắn cho chúng tôi, vì thuyền trưởng viết tên chúng tôi vào danh sách của thuyền và không thu phí chuyển đi của chúng tôi, miễn là chúng tôi tự trả cho bữa ăn của mình. Từ đó trở đi, Kaptah sùng tín bọ hung như một vị thần, mỗi ngày xúc cho nó một loại dầu tốt và bọc nó vào một miếng vải đắt tiền.

Chiếc thuyền rời bến, các nô lệ bắt đầu chèo và sau mười tám ngày, chúng tôi đã đến ranh giới giữa hai miền và sau mười tám ngày nữa, chúng tôi đến nơi con sông chia làm hai nhánh chảy ra biển và hai ngày sau, biển cả đã ở trước mặt chúng tôi. Thuyền đã đi qua các thành phố và đền đài, các cánh đồng và gia súc, nhưng sự giàu có của Ai Cập không làm tôi vui mà tôi chỉ nóng lòng, ước sao hành trình ngắn lại và nhanh đưa tôi rời khỏi xứ đất đen. Nhưng khi biển ở trước mặt và không nhìn thấy bờ bên kia, Kaptah bồn chồn lo lắng và hỏi liệu bây giờ lên đất liền, đi theo đường bộ đến Simyra thì có tốt hơn không, mặc dù hành trình có thể khó khăn và bọn cướp sẽ gây phiền nhiễu cho chúng tôi. Sự bồn chồn của ông ấy tăng lên khi những người chèo thuyền và thủy thủ, theo phong tục của họ, bắt đầu than vãn và lấy những hòn đá sắc nhọn cào lên mặt khiến máu rỉ ra, phớt lờ lệnh cấm của thuyền trưởng vì anh ta không muốn làm hành khách trên thuyền sợ hãi. Tên của thuyền là “Cá Kiếm”. Thuyền trưởng sai lấy roi quất đám thủy thủ và người chèo thuyền, nhưng việc này không làm họ bớt kêu than và gào khóc, vì vậy nhiều hành khách cũng bắt đầu than vãn và cầu cứu thần linh. Người Ai Cập cầu xin thần Amon giúp đỡ, còn người Syria giết râu và gọi thần Baal của Simyra, Sidon, Byblos hay các thành phố khác, tùy theo quê quán của họ.

Thấy thế tôi cũng bảo Kaptah nếu sợ thì cầu cứu thần của chúng tôi nên ông ấy đã mở miếng vải quấn bọ hung linh thiêng ra rồi nằm rạp xuống sàn thuyền, ném một miếng bạc xuống nước để xoa dịu thần biển và khóc cho cả chính mình lẫn miếng bạc bị mất. Các thủy thủ ngừng la hét và gương buồn khi thuyền

ngiêng và bắt đầu lắc lư; các tay chèo được phát bìa và bánh mì.

Nhưng khi thuyền bắt đầu chao đảo, mặt Kaptah trở nên xám ngoét, ông ấy không hét lên nữa mà ôm chặt lấy dây cáp. Một lúc sau ông ấy buồn rầu nói với tôi rằng dạ dày ông như leo lên tận tai và ông biết mình sắp chết. Nhưng ông không muốn trách tôi dù tôi đã dụ dỗ ông vào chuyến đi này, mà tha thứ cho tôi để thần linh cũng phù hộ ông, bởi vì ông có hy vọng mong manh rằng nước biển sẽ đủ mặn để giữ thi thể ông, nhờ đó ông sẽ đến được miền tây sau khi chết đuối. Nhưng các thủy thủ nghe được lời ông đã cười nhạo ông, rằng biển đầy quái vật và chúng sẽ nuốt chửng ông trước khi ông chạm được đến đáy.

Gió mạnh lên, thuyền bắt đầu rung lắc mạnh hơn và thuyền trưởng đã lái nó ra xa tới mức không còn thấy bờ nữa. Lúc ấy tôi cũng bắt đầu lo vì tôi không hiểu anh ta làm thế nào có thể tìm lại bờ để lái thuyền vào một khi đã để mất nó. Tôi không còn cười Kaptah mà đầu óc tôi choáng váng và tôi có một cảm giác rất lạ lùng. Một lúc sau, Kaptah nôn ọe và gục xuống sàn thuyền mặt xanh mét, không nói năng gì nữa. Lúc đó tôi hoảng sợ và khi thấy nhiều hành khách khác cũng nôn mửa, mặt xám ngoét và rên rỉ rằng họ sẽ chết, tôi vội vàng đi đến chỗ thuyền trưởng và nói các vị thần rõ ràng đã nguyên rủa thuyền của anh ta, vì vậy trên thuyền có một bệnh dịch đáng sợ bất chấp tài chữa bệnh của tôi. Tôi van thuyền trưởng quay thuyền trở lại bờ, nếu anh ta có thể tìm thấy nó; nếu không, dù là thầy thuốc tôi cũng không thể chịu trách nhiệm về các hậu quả. Tôi cũng nói cơn bão đang hoành hành quanh chúng tôi thật khủng khiếp, làm rung lắc thuyền khiến các mối ghép kêu răng rắc, mặc dù tôi không muốn chõ mũi vào nghề nghiệp của anh ta.

Nhưng thuyền trưởng trấn an tôi và an ủi rằng chúng tôi chỉ đang gặp một cơn gió vừa đủ để dong buồm, giúp hành trình nhanh hơn, vì vậy tôi không nên chế nhạo thần linh khi nói về cơn bão. Còn căn bệnh xảy ra với các hành khách chỉ là do vì đã

trả tiền cho bữa ăn trong chuyến đi nên họ tham mà đã ăn quá nhiều của nhà hàng, điều này gây thiệt hại đáng kể cho chủ quán người Simyra, cũng là chủ thuyền. Vì thế có lẽ hãng buôn ở Simyra đã cúng tế các thần biển để hành khách không thể giữ thức ăn trong bụng và do đó sẽ không như những con quỷ đói làm cạn rỗng nguồn cung lương thực khiêm tốn của thuyền.

Giải thích của anh ta không thật sự an ủi tôi và tôi dám hỏi liệu anh ta có tìm lại bờ được không vì trời sắp tối. Anh ta cam đoan rằng trong buồng thuyền trưởng của anh ta có rất nhiều vị thần có thể giúp anh ta tìm đúng hướng dù ngày hay đêm, miễn là có thể nhìn thấy những ngôi sao vào ban đêm và mặt trời vào ban ngày. Nhưng chắc chắn anh ta đã nói dối vì làm gì có vị thần nào như vậy.

Vì thế tôi chế nhạo và hỏi anh ta tại sao tôi không bị bệnh như những hành khách khác. Anh ta nói điều đó không khó hiểu, vì tôi tự trả tiền thức ăn của mình trên thuyền và cũng không gây ra bất kỳ thiệt hại nào cho chủ thuyền. Còn Kaptah, anh ta nói gia nhân thì khác. Họ khi ốm khi khỏe mạnh, rất thất thường. Nhưng anh ta cam đoan rằng tất cả hành khách sẽ sống khỏe như dê con ngay khi đặt chân lên vùng đất khô ráo ở Simyra và tôi không cần phải lo sợ về thanh danh thầy thuốc của mình. Nhưng tôi khó có thể tin vào điều này khi nhìn tình cảnh khốn khổ của họ.

Nhưng vì sao tôi không bị bệnh nặng, điều đó tôi không thể nói, ngoại trừ lý do ngay sau khi được sinh ra, tôi đã bị ném vào sóng của sông Nile trên một chiếc thuyền sậy đung đưa. Tôi không thể tìm được lời giải thích nào khác.

Tôi cố gắng chăm sóc Kaptah và các hành khách theo cách tốt nhất có thể nhưng khi tôi chạm vào họ, họ la mắng tôi và khi tôi đưa thức ăn cho Kaptah ăn để lấy sức, ông quay đầu đi và phát ra những tiếng lộc bộc nghe như hà mã đang làm rỗng bụng mặc dù không còn gì để nôn ra. Trước đây Kaptah chưa bao giờ

quay mặt đi trước bát thức ăn, vì thế tôi bắt đầu tin rằng có thể ông ấy sẽ chết và tôi rất lấy làm tiếc vì đã kịp quen với những lời ngu ngốc của ông.

Màn đêm buông xuống, cuối cùng tôi cũng ngủ, mặc dù tiếng nghiêng ken két của các chỗ nổi và tiếng đập kinh hoàng của những cánh buồm do sóng biển đập vào hai bên mạn thuyền làm tôi hoảng sợ. Phải mất vài ngày như thế, song không có hành khách nào chết mà một số bắt đầu ăn trở lại và đi lại dọc mạn thuyền. Chỉ Kaptah nằm yên tại chỗ và không sờ đến thức ăn, nhưng vẫn có dấu hiệu của sự sống vì ông ấy bắt đầu cầu khẩn bộ hung của chúng tôi, từ đó tôi luận ra ông ấy có hy vọng sống được đến khi vào đất liền. Vào ngày thứ bảy, bờ biển lại hiện ra và thuyền trưởng nói thuyền đã đi qua Joppa và Tyre, đang hướng thẳng đến Simyra nhờ đang xuôi gió. Nhưng từ đâu mà anh ta biết tất cả những điều đó, đến hôm nay tôi vẫn không thể biết. Dù sao, Simyra cũng đã hiện ra vào ngày hôm sau và thuyền trưởng cúng rất nhiều đồ lễ cho các vị thần của biển và các vị thần trong buồng thuyền trưởng. Những cánh buồm được hạ xuống, toán chèo thuyền thả chèo xuống nước và thuyền được chèo đến bến cảng Simyra.

Khi chúng tôi vào đến được vùng nước lặng, Kaptah đứng lên và thề với bộ hung rằng ông sẽ không bao giờ đặt chân lên thuyền nữa.

Sách thứ năm

Người Khabiri

1

Bây giờ tôi phải kể về Syria và những thành phố tôi đã đi qua. Tôi nghĩ cách tốt nhất là kể ngay những thứ có ở xứ đất đỏ, những điều xảy ra ở đó hoàn toàn trái ngược với ở xứ đất đen. Ở đó không có sông, chỉ có suối đỏ ào từ trời xuống mặt đất và tưới cho đất. Cạnh mỗi thung lũng là một ngọn núi, sau núi lại có một thung lũng; mỗi dân tộc sinh sống trong từng thung lũng do một hoàng thân tự trị và nộp thuế cho pharaon, ít nhất là đã nộp cho đến thời điểm tôi kể. Họ nói các ngôn ngữ và phương ngữ khác nhau; những người sống ven biển kiếm kế sinh nhai từ biển bằng công việc đánh cá hay buôn bán, còn những người ở sâu trong đất liền sống bằng nghề trồng trọt và cướp bóc của nhau mà việc này thì quân đồn trú Ai Cập không thể ngăn chặn. Họ mặc quần áo bằng vải bông nhiều màu được dệt rất tinh xảo và che kín cơ thể từ đầu đến chân, tôi nghĩ vì xứ của họ lạnh hơn Ai Cập nhưng cũng còn vì họ thấy xấu hổ khi phô bày cơ thể, trừ khi đại tiểu tiện ngoài trời, điều mà người Ai Cập coi là kinh khủng. Họ cũng để tóc dài, để râu và ăn uống trong nhà; mỗi thành phố có những vị thần riêng và họ phải hiến tế người cho các thần này. Khi tôi kể ra tất cả những điều này, ai cũng cần phải hiểu rằng mọi điều ở xứ đất đỏ đều khác với ở Ai Cập, nhưng tại sao lại thế, tôi không thể nói, bởi vì tôi không biết.

Vì thế ai cũng hiểu những quý tộc Ai Cập được cử đến làm công sứ ở các thành phố Syria vào thời gian đó để giám sát các khoản thuế nộp cho pharaon và trấn thủ các đồn trú coi nhiệm vụ của

họ như một hình phạt hơn là vinh dự và chỉ mong trở lại với bờ bãi, đất đai bên sông Nile, trừ một số mềm yếu, dễ bị những điều mới lạ cảm dỗ nên đã thay đổi trang phục cũng như suy nghĩ và bắt đầu thờ cúng các vị thần xa lạ. Những phong tục kỳ lạ, những mảnh lời và việc trốn thuế liên tục của người Syria cũng như xung đột giữa các hoàng thân đã khiến cho cuộc sống của các công sứ Ai Cập trở nên khó khăn. Tuy nhiên, cũng có đền thờ Amon ở Simyra và khu kiều dân Ai Cập, nơi họ tổ chức tiệc tùng và giao lưu mà không can thiệp vào cuộc sống của người Syria, để giữ tập quán riêng và hình dung theo cách tốt nhất là mình đang ở Ai Cập.

Tôi sống ở Simyra hai năm và trong thời gian này tôi đã học tiếng nói và chữ viết của người Babylon, vì người ta nói với tôi rằng ai biết được hai điều này, người đó sẽ đến được tất cả những nơi danh tiếng trên thế giới và ở mỗi nơi đều khiến những người có học hiểu được mình. Chữ viết Babylon được viết trên bảng đất sét bằng cách ấn que viết sắc nhọn xuống như mọi người đều biết, và tất cả thư từ trao đổi giữa các vị vua được thực hiện theo cách này. Nhưng tại sao lại như thế, tôi không thể nói; giấy có thể cháy, còn bảng đất sét sẽ tồn tại mãi mãi để kể lại rằng các quốc vương đã nhanh chóng quên các liên minh và hiệp ước thiêng liêng của họ đến thế nào.

Khi nói ở Syria mọi việc khác ở Ai Cập, tôi cũng muốn kể thêm là ở Syria thầy thuốc thường phải tự tìm bệnh nhân chứ bệnh nhân không tìm thầy thuốc và khi bị ốm, người ta đón thầy thuốc về nhà, vì họ nghĩ rằng thần của họ gửi thầy thuốc đó đến nhà mình. Họ cũng tặng quà cho thầy thuốc trước thay vì sau khi lành bệnh, điều này có lợi cho thầy thuốc vì người bệnh thường quên ngay sự biết ơn sau khi lành bệnh. Cũng có thông lệ là giới quyền quý và người giàu sang thường có thầy thuốc riêng, nhưng họ không tặng quà cho thầy thuốc khi bị bệnh mà chỉ tặng khi họ khỏe mạnh hoặc sau khi được chữa lành.

Tôi có ý định bắt đầu lảng lạng hành nghề y ở Simyra, nhưng Kaptah bảo: “Không được”. Ông ta muốn tôi dùng hết tiền bạc để mua những bộ quần áo đẹp và thuê nhiều người loan tin, quảng bá danh tiếng của tôi nơi có đông người tụ tập trong thành phố. Người loan tin cũng phải nói là tôi không tìm kiếm người bệnh mà người bệnh phải tìm đến tôi, và Kaptah thậm chí còn không cho tôi thăm bệnh bất kỳ ai nếu họ không tặng cho tôi ít nhất là một mẫu vàng làm quà. Tôi bảo ông ấy điều này thật điên rồ trong một thành phố mà không ai biết đến khả năng của tôi và mọi tập quán đều khác so với xứ đất đen. Nhưng Kaptah vẫn giữ nguyên ý mình và tôi không thể làm gì, bởi một khi đã nảy ra ý gì thì ông ấy gàn bướng như một con lừa.

Ông ấy cũng thuyết phục tôi tìm đến các danh y tốt nhất ở Simyra và nói với họ: “Tôi là Sinuhe, thầy thuốc Ai Cập, người được Pharaon mới lên ngôi đặt cho tên Người Cô Đơn và là danh y rất có uy tín trong nước. Tôi làm người chết sống lại và làm người mù sáng mắt nếu thần linh của tôi muốn vậy, vì tôi mang theo vị thần tuy nhỏ nhưng linh thiêng trong tráp của mình. Tất nhiên, kiến thức ở mọi lĩnh vực đều không giống nhau và các chứng bệnh cũng có nhiều loại khác nhau. Vì vậy, tôi đến thành phố các ngài để nghiên cứu các căn bệnh, chữa trị chúng, đồng thời tiếp thu kiến thức và tài năng của quý vị. Tôi hoàn toàn không muốn gây phiền toái cho quý vị trong nghề nghiệp hợp pháp của quý vị, vì tôi là ai mà cạnh tranh với quý vị chứ. Vàng cũng như cát bụi dưới chân tôi, do đó tôi đề nghị quý vị hãy gửi cho tôi những bệnh nhân mà thần linh của quý vị vì nổi giận đã khiến quý vị không thể chữa lành cho họ, nhất là những bệnh nhân cần đến dao trong khi quý vị không dùng dao, để tôi có thể khám cho họ, xem thần của tôi có chữa lành cho họ được không. Nếu một bệnh nhân như vậy được chữa lành, tôi sẽ tặng quý vị một nửa món quà mà người đó tặng tôi, vì tôi thật sự không đến đây vì vàng mà vì kiến thức. Nhưng nếu người đó không thể khỏi bệnh, tôi cũng không muốn nhận quà từ họ mà sẽ trả người đó cùng với quà cáp về nhà quý vị”.

Các danh y Simyra mà tôi gặp trên đường phố cũng như trong chợ và nói như thế khi họ đang đi tìm bệnh nhân, đã vung vẩy vạt áo dài, gãi râu và nói với tôi: “Anh còn rất trẻ nhưng chắc thần của anh đã ban cho anh sự thông thái, vì lời nói của anh rất thuận tai chúng tôi. Nhất là về vàng và quà tặng, anh đã nói rất khôn khéo. Điều anh nói về việc dùng dao cũng hợp ý chúng tôi vì khi điều trị bệnh, chúng tôi không bao giờ dùng dao, bởi có những bệnh nhân nếu động dao vào thì khả năng chết cao hơn là không dùng dao. Chỉ có một việc chúng tôi đề nghị anh, đó là không chữa trị cho bất cứ ai bằng ma thuật, bởi ma thuật riêng của chúng tôi rất mạnh và có quá nhiều cạnh tranh trong lĩnh vực này ở Simyra và các thành phố ven biển khác”.

Điều họ nói về ma thuật là đúng, vì có rất nhiều người không học hành và cũng không biết viết lang thang trên đường phố nhưng lại hứa hẹn chữa lành bệnh bằng phép thuật; họ sống nhiều ngày phè phỡn trong nhà của những người cả tin cho đến khi bệnh nhân của họ hoặc được chữa lành hoặc chết. Ở đây cũng khác với ở Ai Cập, vì như mọi người đều biết, phép thuật ở Ai Cập chỉ được làm trong đền thờ và được các giáo sĩ bậc cao thực hành, do vậy tất cả những người khác phải làm phép thuật trong bí mật và họ cũng sợ bị trừng phạt.

Kết quả của việc làm này là những bệnh nhân mà người khác không thể chữa trị đến gặp tôi và tôi đã chữa lành cho họ, còn những ai tôi không thể chữa khỏi, tôi gửi họ lại cho các danh y Simyra. Tôi lấy lửa thiêng từ đền Amon về nhà để có thể tẩy trùng theo quy định; tôi cũng dám dùng dao mổ và thực hiện các ca phẫu thuật làm các thầy thuốc Simyra vô cùng kinh ngạc, gãi gãi chòm râu. Tôi cũng may mắn chữa cho một người mù nhìn lại được, dù mắt anh ta trước đó đã được cả thầy thuốc và phù thủy dùng nước bọt trộn với đất sét xoa vào mà không lành, còn tôi dùng kim chữa cho anh ta theo cách ở Ai Cập và tôi đã có được danh tiếng sau lần chữa này mặc dù sau một thời gian, người bệnh bị mù trở lại vì sự hồi phục thị lực này không kéo dài được lâu.

Các thương nhân và người giàu Simyra sống rất lười biếng và xa xỉ. Họ béo hơn người Ai Cập, thường mắc chứng khó thở và bệnh đường ruột. Tôi dùng dao chữa cho họ khiến máu chảy xối ra như máu lợn. Khi tử thuốc của mình dần cạn, tôi tận dụng lợi thế đã học là cách thu hái thảo dược theo đúng thời vụ dựa theo trăng và sao, bởi các lương y Simyra hiểu biết ít ỏi trong việc này nên tôi không thể tin tưởng vào thuốc của họ. Tôi cho người béo các loại thuốc làm thuyên giảm những căn bệnh tiêu hóa của họ, ngăn ngừa chứng khó thở và bán thuốc cho người bệnh với mức giá đắt hay rẻ tùy theo gia tài của họ; tôi cũng không xích mích với ai mà còn tặng quà cho các thầy thuốc lẫn các quan viên trong thành phố; Kaptah làm cho danh tiếng của tôi lan xa, gọi người ăn xin và kể chuyện rong vào ăn trong nhà tôi để họ quảng bá danh tiếng của tôi trên đường phố và ngoài chợ cho tên tôi khỏi bị lãng quên.

Tôi đã kiếm được rất nhiều vàng và những gì không dùng đến hoặc không làm quà tặng, tôi đầu tư vào các thương điểm của Simyra, những nơi thường cho thuyền đến Ai Cập, các đảo trên biển và xứ Hatti, nên tôi có cổ phần ở nhiều thuyền, khi một phần trăm, lúc năm phần trăm tùy theo cổ phần của tôi. Có những thuyền không bao giờ trở lại, còn hầu hết đều trở lại và số vàng của tôi được tăng lên hai, ba lần trong tài sản của hãng buôn. Đây là cách của người Simyra và không được biết đến ở Ai Cập, cả người nghèo cũng đầu tư và làm giàu theo cách này, nếu không còn nghèo khó hơn, mười hay hai mươi người nghèo cùng nhau góp đồng để có thể mua một phần ngàn cổ phần của thuyền và hàng hóa trên thuyền. Với cách này tôi không phải giữ vàng trong nhà để thu hút lũ trộm cướp mà tất cả vàng của tôi đều nằm trong sổ sách của các thương điểm và khi tôi đi đến các thành phố khác như Byblake và Sidon để khám và chữa bệnh, tôi không cần mang vàng theo mà tôi nhận một bảng đất sét từ thương điểm và xuất trình nó để nhận vàng khi đến văn phòng của họ ở Byblos và Sidon, khi tôi cần và muốn mua thứ gì đó đặc biệt. Nhưng thường thì tôi không cần làm thế vì tôi nhận được vàng từ những người bệnh mà tôi chữa khỏi và từ những

người được gửi đến chỗ tôi, thầy thuốc đến từ Simyra, sau khi mất niềm tin vào các thầy thuốc của chính thành phố của họ.

Bằng cách này, tôi trở nên khá giả và tài sản được tích lũy, Kaptah có da có thịt và mặc quần áo đắt tiền, xúc dầu thơm, kem tốt và kiêu căng cả với tôi cho đến khi tôi đánh cho mấy gậy. Nhưng do đâu tôi thành công như vậy, tôi không thể nói. Tôi còn trẻ và tin vào khả năng của mình; tay tôi không run rẩy khi cầm dao; và tôi đã liều chữa cho nhiều bệnh nhân vì tôi nghĩ mình không có gì để mất. Tôi cũng không khinh thường khả năng của người Syria mà sử dụng thuốc hay cách chữa của họ nếu thấy tốt, nhất là khi thấy họ khéo léo dùng sắt nung đỏ thay dao, mặc dù cách này gây đau đớn hơn cho bệnh nhân. Có lẽ tôi thành công là nhờ bọ hung linh thiêng mà Kaptah tôn kính như một vị thần, nên tôi đã đặt làm cho nó một phòng ở bằng vàng và bạc, còn Kaptah nhật phân bò tươi cúng cho nó hằng ngày để nó có thể xoắn đẩy những quả bóng phân như bọ hung thường làm, mặc dù tôi không bao giờ nhìn thấy nó xoa tròn cái gì. Tôi không biết chắc liệu thành công của mình có phải nhờ bọ hung hay không nhưng cần tắc vô áy náy, tôi đối xử tốt với nó và cho Kaptah phục vụ nó, để ông ấy bắt đầu nghĩ mình là một giáo sĩ chứ không phải là người hầu nữa.

Nhưng tôi đã thành công rất nhiều vì không ghen tị hay cạnh tranh với ai mà vui lòng chia sẻ quà cáp với những người khác và nhận chữa những bệnh nhân mà người khác không muốn chữa trị vì với tôi, kiến thức quan trọng hơn vàng. Vì khi đã có đủ vàng để sống tốt và tương xứng với danh giá của mình, kiến thức càng quan trọng với tôi hơn bao giờ hết, nên đôi khi tôi cũng chữa trị cho cả người nghèo để tìm hiểu về những căn bệnh của họ. Đôi khi tôi cũng có bệnh nhân bị chết và tài năng của tôi không đủ để chữa lành mọi bệnh nhân, nhưng không vì thế mà tôi bị quy tội, mặc dù thầy thuốc thường sẽ mất danh tiếng nếu bệnh nhân của anh ta chết. Người ta nói về các bệnh nhân chết sau khi được tôi chữa trị: “Thần Baal của anh ta muốn

như vậy, vì ngay cả Sinuhe, Người Ai Cập cũng không thể chữa lành cho anh ta”. Ở Simyra tiếng tăm của tôi lớn như thế đấy.

2

Nhưng tôi vẫn cô đơn và cuộc sống không mang lại cho tôi niềm vui. Tôi cũng chán rượu, vì nó không làm tôi vui mà chỉ làm mặt tôi đen như bồ hóng, đến nỗi tôi muốn chết sau khi uống rượu. Đó là lý do tôi trau dồi kiến thức, học ngôn ngữ và văn tự của Babylon, đến nỗi tôi không có bất kỳ khoảnh khắc rảnh rỗi nào trong ngày và đêm đến, tôi ngủ ngon giấc. Bởi vì nếu không làm gì, tim tôi sẽ sưng lên và sẽ bị nỗi buồn chua chát hơn kiềm gặm nhấm vì những việc làm của mình.

Tôi cũng tìm hiểu các vị thần Syria để xem họ có điều gì nói cho tôi không. Như những việc khác, các vị thần ở Simyra cũng khác với ở Ai Cập. Vị thần lớn của họ, thần Baal ở Simyra, là một vị thần độc ác khi đòi các giáo sĩ của ngài tự hiến mình và phải có máu người thì mới chịu làm điều tốt cho thành phố. Ngay cả biển cũng đòi họ đồ hiến tế, mà Baal đòi cả trẻ nhỏ, khiến các thương nhân và quan lại Simyra luôn bằng mọi cách tìm vật hiến tế. Vì vậy, không thể tìm thấy ở Simyra một nô lệ tật nguyên nào và người nghèo bị đe dọa với những hình phạt tàn ác chỉ vì những tội rất nhỏ, ví như một người đàn ông đã bị tòng xẻo làm vật hiến tế trên bàn thờ Baal vì đi trộm cá để nuôi gia đình. Trong khi đó, một người đàn ông lừa gạt người khác bằng cách cân điều hay pha bạc với vàng không những không bị trừng phạt mà còn được tiếng là thương nhân tốt bụng, vì người ở đó nói: “Con người sinh ra để bị lừa dối”. Vì thế các thủy thủ và thuyền trưởng của họ cũng bắt cóc trẻ em từ Ai Cập và các xứ dọc theo bờ biển để hiến tế cho thần Baal và điều đó được tính là chiến công lớn của họ.

Nữ thần của họ là Astarte, còn được gọi là Ishtar, như Ishtar ở Nineveh. Thần có nhiều vú, hằng ngày được khoác lên những

bộ xiêm áo mỏng tang và nhiều đồ trang sức, được những người đàn bà vì lý do nào đó được gọi là trinh nữ của đền phục vụ, dù họ hoàn toàn không phải là trinh nữ. Mà ngược lại, công việc của họ trong đền là tiêu khiển đàn ông, việc được coi là mang lại điều tốt lành cho thần, càng tốt lành hơn nếu khách hiến tặng cho đền nhiều vàng và bạc. Vì thế những người này tranh nhau làm hài lòng đàn ông bằng nhiều cách khác nhau và ngay từ thời thơ ấu, họ đã được dạy nhiều cách mua vui khác nhau cho đàn ông để đàn ông tìm đến họ và vì họ mà cúng cho Astarte rất nhiều vàng. Cả việc này cũng không giống ở Ai Cập, vui vẻ với đàn bà trong khu vực đền thờ bị xem là một tội lỗi lớn, đến mức ai đó nếu bị phát hiện sẽ bị đày đến các khu mỏ và đền thờ phải được tẩy rửa.

Nhưng thương gia Simyra canh giữ người phụ nữ của mình rất nghiêm ngặt, họ bị nhốt ở nhà và phải mặc kín từ đầu đến chân trong xiêm áo dày cộm để vẻ ngoài của họ không thu hút đàn ông lạ. Tuy nhiên, chính các thương gia lại đi đến đền thờ để tìm của lạ và làm hài lòng thần của mình. Vì vậy ở Simyra không có nhà vui như ở Ai Cập, còn nếu ai không hài lòng với trinh nữ của đền, người đó phải lấy vợ cho mình hoặc mua một nô tỳ ngoài chợ để vui thú với cô ta. Mỗi ngày có nhiều nô lệ được bán vì thuyền cập cảng Simyra liên tục, với đủ màu da và vóc dáng, béo phì và gầy nhom, trẻ em và thiếu nữ, đáp ứng những mục đích và ham muốn khác nhau. Nhưng quan lại của thành phố đã mua các nô lệ tật nguyên với giá rẻ để hiến tế cho Baal và khi làm việc đó, họ mỉm cười, vỗ ngực và nghĩ mình ranh mãnh lừa dối được thần linh. Còn nếu nô lệ quá già và không có răng, không có chân hoặc ốm chờ chết thì họ buộc vải bịt mắt thần linh để thần không nhìn thấy một khuyết tật nào ở kẻ bị hiến tế mà thích thú khi mũi ngửi thấy mùi máu của người đó chảy ra vì sự sùng kính dành cho mình.

Tôi cũng đã hiến tế cho Baal vì đây là vị thần của thành phố và giữ quan hệ tốt với thần này là an toàn nhất. Nhưng là người Ai Cập, tôi không mua người để hiến cho thần mà hiến vàng.

Thỉnh thoảng tôi cũng đến đền thờ Astarte, thường được mở vào buổi tối, nghe nhạc của họ và nhìn những người mà tôi không muốn gọi là trinh nữ nhảy những điệu nhảy khêu gợi để tôn vinh nữ thần của họ. Và bởi đó là tập tục nên tôi ân ái cùng họ và thật sự kinh ngạc khi họ dạy tôi tất cả những điều mà tôi không biết. Nhưng lòng tôi không vui cùng họ mà tôi chỉ làm vì tò mò và khi họ dạy tôi những gì họ có, tôi thấy quá ngán nên không đến đền thờ của họ nữa và nghĩ không có gì đơn điệu như những kỹ năng của họ.

Nhưng Kaptah lo lắng về tôi và thường lắc đầu khi nhìn tôi, thấy mặt tôi già đi, nếp nhăn nơi khóe mắt hẳn sâu hơn và trông tôi rầu rĩ. Vì vậy ông ấy muốn tôi mua cho mình một nô tỳ để giải khuây khi có thời gian, vì tôi không thể lấy một người nước ngoài làm vợ và cũng không thể lui tới khu kiều dân Ai Cập nên không vui vẻ được với những phụ nữ có chồng đi xa nhà hay đang đóng tại các đồn trú trong đất liền. Vì là quản gia và giữ vàng của tôi, một hôm Kaptah mua cho tôi một nô lệ theo thị hiếu của ông rồi tắm rửa, vận trang phục, xúc dầu cho cô ta và đưa cô ta đến chỗ tôi vào buổi tối khi tôi muốn nghỉ ngơi sau một ngày mệt mỏi với việc chữa bệnh.

Cô gái này đến từ một hải đảo, làn da trắng, hàm răng hoàn hảo, không quá gầy, đôi mắt tròn và dịu dàng như mắt của một con bê non. Cô ta cung kính nhìn tôi, đầy vẻ sợ thành phố xa lạ mà cô bị đưa đến. Kaptah giới thiệu cô ta với tôi và hào hứng nói về vẻ đẹp của cô ta, nên tôi cố gắng vui vẻ cùng cô ta để làm vui lòng ông ấy. Nhưng dù tôi đã cố hết sức để đỡ cô đơn, tôi không thấy hạnh phúc với cô ta và không thể nói lời yêu đương với cô như với một người tình.

Nhưng tôi đã sai lầm khi tỏ ra thân thiện với cô ta, vì cô ta ngày càng trở nên kiêu ngạo và làm phiền tôi rất nhiều trong khi tôi khám chữa cho bệnh nhân. Cô ta ăn nhiều, mập ra và liên tục đòi hỏi các loại đồ trang sức lẫn xiêm áo mới, lại luôn lơ đãng theo sau, nhìn tôi vẻ quyến rũ và thường xuyên muốn vui thú

với tôi. Tôi đã thử vắng nhà, đi đến nhiều nơi trong vùng hay các thị trấn ven biển nhưng điều đó chẳng giúp ích được gì bởi vì khi trở về nhà, cô ta là người đầu tiên đón tôi, khóc vì vui sướng khi nhìn thấy tôi rồi lại lẻo đẻo theo tôi để tôi có thể vui vẻ cùng. Dù tôi giận dữ lấy gậy đánh cô ta cũng vô ích, vì như vậy càng khiến cô ta hào hứng và thán phục sức mạnh của tôi hơn, khi ấy cuộc sống trong nhà tôi sẽ trở nên không thể chịu nổi. Cuối cùng, tôi muốn giao cô ta cho Kaptah vì ông ấy là người chọn cô ta theo sở thích của mình, để ông ấy mua vui cùng cô ta và tôi sẽ được yên thân nhưng cô ta cần, đá Kaptah và chửi rủa ông ấy vừa bằng tiếng Simyra, một số từ cô ta vừa học được, lẫn tiếng của dân đảo mà cả hai chúng tôi đều không hiểu. Dù cả hai chúng tôi đều lấy gậy quật cô ta thì cũng vô ích, vì như vậy cô ta lại càng thích vui thú cùng tôi hơn.

Nhưng bọ hung đã đem may mắn đến cho tôi, vì một hôm quốc vương của Amori, một xứ nằm sâu trong đất liền, tên là Aziru, đã nghe danh tiếng tôi và tìm đến tôi để chữa bệnh. Tôi khám răng ngài và làm cho ngài một chiếc răng mới bằng ngà voi thay cho cái bị mất trong trận chiến với xứ láng giềng và mạ vàng những chiếc răng hỏng. Tôi đã làm tất cả với khả năng tốt nhất của mình. Aziru lưu lại Simyra để họp bàn với hội đồng thành phố về các vấn đề giữa Amori và Simyra, hằng ngày ghé thăm tôi. Nhờ thế ngài đã thấy nô tỳ của tôi, người tôi đặt tên là Keftiu vì tôi không biết tên ngoại đạo của cô ta, và ngài rất thích cô này. Aziru trắng trẻo và khỏe như bò mộng. Râu của ngài xanh đen và sáng bóng, mắt ngài có cái nhìn sắc sảo và lạnh lợi khiến Keftiu bắt đầu nhìn ngài một cách thèm thuồng, vì đàn bà quan tâm đến tất cả những người lạ. Ngài đặc biệt thích cơ thể mập mạp của Keftiu mặc dù cô ta vẫn còn trẻ và bộ xiêm áo theo thời trang Hy Lạp của Keftiu càng kích động quốc vương hơn, vì nó che kín cổ nhưng lại để lộ ngực và ngài đã quen với việc nhìn đàn bà che kín từ đầu đến chân. Cuối cùng không thể cưỡng lại ham muốn của mình, ngài bắt đầu thở dốc nặng nề và nói với tôi:

- Tôi là bạn của anh, Sinuhe, Người Ai Cập. Anh đã trông rằng mới cho tôi và làm cho miệng tôi lấp lánh ánh vàng khi há ra nên danh tiếng của tôi sẽ rất lớn ở xứ Amori. Vì những việc này, tôi sẽ tặng anh những món quà quý giá khiến anh phải giơ tay lên vì kinh ngạc. Song tôi lại buộc phải làm tổn thương anh dù tôi không muốn, vì ngay khi thấy cô gái sống trong nhà anh, tôi đã thích cô ấy đến mức không thể ngăn nổi ham muốn của mình, vì ham muốn đó như một con mèo hoang cầu xé tôi mà không kỹ năng nào của anh có thể chữa lành được. Ham muốn của tôi với người đàn bà này mạnh đến nỗi tôi coi đó là một căn bệnh. Tôi chưa bao giờ thấy một ai như nàng và tôi hiểu anh yêu nàng lắm khi đêm đêm nàng sưởi ấm anh trên giường. Dù vậy tôi vẫn xin anh cho nàng về làm phi của tôi cạnh những phi tần khác để nàng không còn là nô lệ nữa. Tôi nói thẳng tất cả điều này với anh vì tôi là bạn của anh và là một người đàn ông trọng danh dự, tôi sẽ mua nàng với bất cứ giá nào mà anh đưa ra. Nhưng tôi cũng nói thẳng rằng nếu anh không vui lòng nhượng lại nàng cho tôi, tôi sẽ cướp nàng bằng vũ lực và đưa nàng về vương quốc của tôi, nơi anh sẽ không bao giờ tìm được nàng cho dù anh dám đến đó để tìm. Kể cả khi anh cùng nàng chạy trốn khỏi Simyra, tôi cũng sẽ tìm thấy, người của tôi sẽ tìm thấy nàng cho dù phải đi đến tận cùng trái đất, rồi họ sẽ giết anh và đưa nàng về cho tôi. Tôi nói trước với anh tất cả những điều này vì tôi là một người đàn ông trọng danh dự, một người bạn của anh và tôi không muốn nói với anh những lời giả dối.

Lời nói của ngài khiến tôi vui mừng đến nỗi tôi giơ tay lên biểu lộ niềm vui, nhưng Kaptah cũng nghe được, bắt đầu dứt tóc và nói như gào lên:

- Đây là một ngày thật tồi tệ! Giá ông chủ của tôi chưa bao giờ được sinh ra thì sẽ tốt hơn, vì ngài định lấy đi cô gái, người duy nhất làm ông ấy vui vẻ. Sự mất mát này không thể nào bù đắp được, vì ông chủ của tôi quý cô ấy hơn cả vàng, đá quý và hương liệu, vì cô ấy đẹp hơn trăng rằm, bụng cô ấy tròn và trắng như chiếc bánh, mặc dù ngài không nhìn thấy nó, và vú của cô ấy

giống quả dưa, như chính mắt ngài có thể nhìn thấy, thừa quốc vương.

Ông ấy nói như thế vì đã học được thói quen của các thương nhân ở Simyra khi muốn bán cô gái với giá đắt, dù cả hai chúng tôi không muốn gì hơn là được thoát khỏi cô ta. Khi nghe điều này, cả Keftiu cũng bật khóc và nói rằng cô ta sẽ không bao giờ bỏ tôi, nhưng vừa khóc, cô ta vừa thích thú liếc nhìn hoàng thân Aziru và bộ râu xoắn của ngài qua kẽ tay.

Tôi giơ tay bảo họ im lặng và làm bộ nghiêm túc nói:

- Hoàng thân Aziru, quốc vương xứ Amori và bạn của tôi! Cô gái này thực sự là người tôi rất yêu quý và tôi coi cô ấy là người tình, nhưng đối với tôi tình bạn với ngài quý hơn mọi thứ, vì thế tôi sẽ nhường cô ấy cho ngài để minh chứng cho tình bạn của chúng ta. Tôi không bán mà chỉ tặng ngài và yêu cầu ngài đem lại cho cô ấy những điều tốt đẹp, làm mọi thứ mà mèo hoang ngự trong ngài mong muốn vì nếu tôi không nhầm, trái tim cô ấy đã ngã về phía ngài và cô ấy hẳn sẽ rất vui mừng với những điều đó, bởi trong thân thể cô ấy cũng có nhiều mèo hoang ẩn nấp.

Aziru sung sướng reo lên:

- Nói thật tình, dù anh là người Ai Cập và tất cả những điều xấu xa đều đến từ Ai Cập, song từ hôm nay trở đi anh là người anh em, người bạn của tôi và tên của anh trở thành thiêng liêng trên khắp xứ Amori; bất cứ khi nào anh đến thăm tôi, anh sẽ ngồi bên phải tôi trước cả những triều thần quý phái của tôi và những vị khách khác, ngay cả khi khách của tôi là các quốc vương khác, tôi thề đấy.

Nói rồi ông ta cười vang, răng lấp lánh vàng và nhìn Keftiu lúc này đã nín và trở nên nghiêm trang. Mắt ông bắt đầu sáng lên như hai hòn than và ông kéo mạnh cô gái vào lòng khiến hai quả dưa lúc lắc rồi ném cô ta vào kiệu của mình như thể cô ta

nhẹ lắm. Thế là ông ta đi, mang theo Keftiu và ba ngày sau tôi cũng như những người khác không thấy ông trong thành phố Simyra, vì ông ở lì trong nhà nghỉ suốt ba ngày ba đêm liền. Kaptah và tôi rất vui vì thoát được cô ả khó chịu đó, nhưng Kaptah đã trách tôi không đòi quốc vương quà tặng khi cho cô ta, dù tôi đã có thể nhận được từ Aziru bất cứ quà gì. Nhưng tôi đã nói với Kaptah:

- Vì tình bạn với Aziru mà ta tặng cô gái cho ông ta làm quà. Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến. Dù xứ Amori nhỏ và nghèo, chỉ nuôi lừa và cừu nhưng tình bạn với nhà vua là tình bạn hoàng gia và có lẽ còn quý hơn vàng.

Kaptah lắc đầu nhưng xúc dầu mộc được cho bộ hung của chúng tôi và mang phân tươi cho nó để cảm ơn vì chúng tôi thoát khỏi Keftiu.

Trước khi trở về xứ Amori, Aziru còn trở lại chỗ tôi, cúi thấp đầu trước mặt tôi và nói:

- Tôi sẽ không tặng quà cho anh, Sinuhe, vì anh đã tặng tôi thứ không thể đổi bằng quà. Cô gái thậm chí còn tuyệt vời hơn tôi tưởng, cặp mắt của cô ấy như giếng không đáy khiến tôi không bao giờ chán cô ấy, dù cô ấy đã vắt tôi kiệt sức như ép dầu từ quả mọng. Thành thật mà nói với anh, vương quốc của tôi không giàu và tôi không thể kiếm được vàng bằng cách nào khác ngoài việc đánh thuế các thương lái đi qua vùng đất của tôi và gây ra các cuộc chiến với lân bang, nhưng lúc đó Ai Cập sẽ ngay lập tức bu lại như ruồi trâu trên cổ tôi và khi ấy hại nhiều hơn lợi. Cũng chính vì thế nên tôi không thể tặng anh những món quà xứng đáng với thứ tôi nhận được từ anh và tôi oán giận Ai Cập, đất nước đã đè bẹp nền tự do cổ xưa của vương quốc tôi, khiến tôi không thể yên tâm gây chiến và cướp bóc các thương lái, như cha ông tôi từng làm. Nhưng tôi hứa bất cứ lúc nào anh đến với tôi, hỏi xin tôi bất cứ điều gì, tôi sẽ trao nó cho anh nếu điều đó nằm trong khả năng của tôi, miễn là anh không đòi lại người

phụ nữ này cũng như những con ngựa, bởi vì tôi có ít ngựa và tôi cần chúng cho các chiến xa. Nhưng bất cứ thứ gì anh muốn, tôi sẽ cho anh nếu nó nằm trong khả năng của tôi. Và nếu ai đó phiền nhiễu anh, chỉ cần anh báo cho tôi, người của tôi sẽ giết hắn cho dù hắn ở đâu, bởi vì tôi có người của mình ở Simyra và cả các thành phố khác nữa, mặc dù không ai biết, song tôi hy vọng anh giữ bí mật. Tôi chỉ nói điều này với anh để anh biết rằng nếu anh muốn bất cứ ai phải chết, tôi sẽ ra lệnh giết hắn và không ai nghi ngờ anh về việc đó. Tình bạn của tôi với anh lớn đến thế.

Nói xong, ông ôm tôi theo cách của người Syria và tôi nhận thấy ông rất tôn trọng và ngưỡng mộ tôi; ông lấy sợi dây chuyền vàng trên cổ mình treo vào cổ tôi, mặc dù chắc chắn đó là một hy sinh to lớn vì ông thở rất dài khi làm việc đó. Thấy vậy, tôi tháo từ cổ mình sợi dây chuyền vàng mà chủ thuyền giàu nhất Simyra đã tặng tôi sau khi tôi cứu vợ anh ta trong một ca sinh nở khó khăn, treo vào cổ ông để ông không bị thiệt trong cuộc trao đổi, khiến ông mừng vui khôn xiết. Chúng tôi chia tay nhau như thế.

3

Sau khi được giải thoát khỏi cô ả đó, lòng tôi nhẹ bẫng như chim, đôi mắt tôi khát khao được nhìn cái mới và tâm trí tôi tràn ngập nỗi bồn chồn khắc khoải khiến tôi không còn muốn ở Simyra nữa. Lại một mùa xuân nữa đến, thuyền trong bến cảng đã sẵn sàng cho những chuyến đi dài và khi màu xanh đã trỗi dậy trên mặt đất, các giáo sĩ đi ra ngoại ô đào Tammuz, thần cây mà họ đã an táng vào mùa thu trước, vừa chôn vừa cào rạch thân thể khiến máu ứa ra, giữa những tiếng than khóc vật vã.

Tôi bồn chồn cùng đám đông dân chúng đi theo các giáo sĩ. Mặt đất đã có màu xanh nõn nà, lá đã đâm chồi trên cành, chim cu gù và ếch kêu ộp ộp trong hồ ao. Các giáo sĩ lăn hòn đá ra khỏi

cửa mộ, đào vị thần của họ lên rồi hò reo vui mừng, nói rằng thần đã phục sinh và thăng thiên. Dân chúng cũng hò reo và bắt đầu la hét, ồn ào, vật bẻ cành cây và uống bia rượu từ các dãy quán mà các thương nhân vội vã dựng lên xung quanh mộ. Những người đàn bà kéo theo sau một chiếc xe gỗ chở một dương vật to được đeo bằng gỗ, hò reo thích thú và khi đêm đến họ cởi bỏ xiêm áo, chạy dọc theo đồng cỏ, không cần biết ai đã có chồng ai chưa, mỗi người cặp đôi với bất kỳ ai mình gặp khiến đồng cỏ và triền đồi nhộn nhịp, rộn ràng. Về điều này, họ cũng khác với người Ai Cập. Nhìn họ, tôi thấy vô cùng ghen tị và nghĩ chắc mình đã già ngay khi được sinh ra, giống như xứ đen nhiều tuổi hơn tất cả các xứ khác, còn những tộc người này trẻ hơn và phục vụ thần của họ theo cách tương xứng.

Cùng đến với mùa xuân là tin người Khabiri từ sa mạc tràn đến, cướp phá các vùng biên giới từ bắc tới nam của Syria, đốt cháy làng mạc và bao vây các thành phố. Nhưng các đội quân của Pharaon cũng từ Tanis, vượt qua sa mạc Sinai, đến đánh nhau với quân Khabiri, bắt trói chỉ huy của họ và đuổi họ trở lại vùng hoang mạc. Chuyện thế này luôn xảy ra vào mỗi mùa xuân và trước đây cũng hay xảy ra, nhưng lần này dân chúng Simyra lo lắng vì quân Khabiri đã cướp phá thành phố Katna nơi có quân Ai Cập đồn trú, giết quốc vương ở đó và chém giết cả đàn bà lẫn trẻ em Ai Cập mà không bắt họ làm nô lệ để kiếm tiền chuộc. Việc như thế này chưa bao giờ xảy ra trong trí nhớ của mọi người, vì thông thường quân Khabiri hay tránh những thành phố có quân đồn trú.

Chiến tranh đã nổ ra như thế ở Syria và tôi chưa bao giờ thấy chiến tranh, vì thế tôi đi đến nơi có quân đội của Pharaon, bởi tôi cũng muốn chứng kiến một cuộc chiến để xem nó có điều gì nói cho tôi không, và tôi muốn nghiên cứu các vết thương do kiếm, đao và chùy gây ra. Nhưng điều quan trọng hơn cả khiến tôi lên đường là Horemheb chỉ huy các đội quân do Pharaon phái đến và trong nỗi cô đơn của mình, tôi khát khao được nhìn thấy khuôn mặt và nghe giọng nói của một người bạn. Vì thế,

tôi đã cật vấn chính mình và nghĩ anh ấy không cần phải nhận ra tôi nếu thấy xấu hổ vì những việc tôi đã làm. Nhưng thời gian đã trôi qua, trong hai năm đã có rất nhiều điều xảy ra với tôi và có lẽ trái tim tôi đã xơ cứng, bởi ký ức về điều tử hủ mình đã làm không còn khiến tôi kinh sợ như trước. Vì thế, tôi đi và lên một chiếc thuyền chạy dọc theo bờ biển về phía nam rồi nhập vào một đoàn tải lương từ bờ biển đi vào nội địa với những cỗ xe bò chở lúa mạch và đàn lừa thồ nhiều hũ dầu, vò rượu và những bao hành. Thế là tôi đến một thị trấn nhỏ nằm trên đỉnh núi với những bức tường thành bao quanh có tên là Jerusalem, nơi có một đơn vị đồn trú nhỏ của Ai Cập và Horemheb đã lấy thành phố này làm đại bản doanh trong khi tiếp tục cuộc chiến. Nhưng những tin đồn ở Simyra đã quá thổi phồng sức mạnh của quân Pharaon, bởi vì Horemheb chỉ có dưới trướng một đội chiến xa với vài ngàn tay cung và giáo trong khi quân Khabiri được cho là đông hơn cát sa mạc lúc xuân sang.

Horemheb tiếp tôi trong một lán đất sét bần thủ và nói:

- Tôi có biết một Sinuhe, cũng là bác sĩ và anh ấy là bạn tôi.

Anh ấy nhìn tôi và cái áo choàng Syria tôi đã quen dùng khiến anh ngạc nhiên. Cũng như anh ấy, tôi đã già đi và khuôn mặt tôi đã thay đổi, nhưng anh ấy nhận ra tôi và vung chiếc roi chỉ huy được tết bằng những sợi vàng của mình lên, mỉm cười và nói:

- Thề có Amon, cậu chính là Sinuhe, mặc dù tôi nghĩ cậu đã chết.

Anh ấy đuổi các chỉ huy trong ban tham mưu và các ký lục cùng với bản đồ và giấy tờ ra khỏi lán rồi gọi rượu vào mời tôi uống và nói:

- Những con đường của Amon thật kỳ lạ khi chúng ta gặp nhau ở miền đất đỏ, trong cái thành phố khốn khổ, bần thủ này.

Khi nghe anh ấy nói, trái tim trong ngực tôi rung động và tôi biết mình nhớ anh ấy. Tôi kể với anh về cuộc sống của mình và

các chặng đường tôi đã trải qua trong chừng mực mà tôi thấy phù hợp và anh nói:

- Nếu muốn, cậu có thể đi với chúng tôi như một thầy thuốc và chia sẻ vinh quang cùng chúng tôi, vì chắc chắn tôi sẽ giáng cho bọn Khabiri chó má một trận để chúng nhớ tên tôi và khóc cho sự ra đời của chúng trên thế gian này.

Anh ấy còn nói thêm:

- Có lẽ tôi là một cậu bé ngốc nghếch khi chúng ta gặp nhau lần đầu tiên và tôi còn không rửa cát bẩn trong các kẽ chân của mình. Ngay từ lúc ấy, cậu đã là một người nhìn xa trông rộng và đã cho tôi những lời khuyên tốt. Bây giờ tôi hiểu biết hơn nhiều và trong tay tôi có cây roi vàng, như cậu thấy, nhưng tôi được nhận nó qua công việc cực nhọc trong đội cận vệ của Pharaon, săn đuổi những tên cướp và tội phạm mà ngài ấy đã điên rồ phóng thích từ các hầm mỏ khiến chúng tôi phải rất vất vả để tiêu diệt. Nhưng khi nghe tin quân Khabiri tấn công và tôi đòi Pharaon cho quân đánh lại chúng thì không võ quan nào cạnh tranh với tôi vị trí chỉ huy đội quân, bởi ở gần Pharaon sẽ được nhận nhiều vàng và huân chương hơn nơi sa mạc và giáo gươm của quân Khabiri rất sắc, tiếng hò hét trong trận mạc của chúng rất khùng khiếp vì chính tôi đã trải nghiệm. Nhờ thế, cuối cùng tôi có được kinh nghiệm và quân lính được rèn luyện trong các trận chiến thật sự, nhưng điều bận tâm duy nhất của Pharaon lại là tôi phải dựng một ngôi đền cho vị thần của ngài ở Jerusalem và đuổi được quân Khabiri mà không phải đổ máu.

Horemheb cười phá lên và quất roi vào đùi mình, tôi cũng cười, nhưng rồi anh ấy im bặt, uống rượu và nói:

- Nói thật tình, Sinuhe, tôi đã thay đổi rất nhiều từ khi ta gặp nhau lần cuối, vì bất cứ ai sống gần vị Pharaon này cũng buộc phải thay đổi dù không muốn. Ngài khiến tôi lo lắng vì ngài nghĩ và nói nhiều về thần của mình, một vị thần không giống

những thần khác, đến nỗi ở Thebes mà cả tôi cũng thường có cảm giác có đàn kiến bò trong đầu, khiến đêm đến tôi không ngủ được nếu không uống rượu và ngủ với đàn bà để đầu óc mình bớt u mê. Thần của ngài ấy thật kỳ lạ. Thần của ngài không có hình dạng mặc dù hiện diện ở khắp mọi nơi, trong hình tròn, thần dang tay ban phước cho tất cả các sinh linh; trước thần, nô lệ hay người quyền quý không khác gì nhau. Sinuhe, hãy nói cho tôi biết, những lời này có phải là của một người bệnh hay không; tôi không thể nghĩ gì khác hơn là ngài đã bị một cơn khỉ điên cắn khi ngài còn bé. Bởi chỉ có kẻ điên mới nghĩ rằng có thể đuổi được quân Khabiri đi mà không cần đổ máu. Anh sẽ biết là tôi nói đúng khi nghe tiếng gào thét nơi trận mạc của chúng. Nhưng Pharaon cứ việc rũ bỏ trách nhiệm nếu đó là ý định của ngài. Tôi sẵn sàng nhận tội về mình trước thần của ngài và sẽ dè bẹp quân Khabiri dưới bánh đội chiến xa của mình.

Anh ấy uống thêm rượu và nói:

- Horus là thần của tôi, mà tôi không có lý do gì để ghét bỏ Amon vì ở Thebes, tôi đã học được rất nhiều lời nguyện rửa rất hay từ tên của thần và chúng có tác động đến binh lính. Nhưng tôi cũng hiểu Amon đã quá hùng mạnh, vì thế nên vị thần mới tranh giành quyền lực với Amon nhằm củng cố vị thế của Pharaon. Chính Hoàng thái hậu đã nói với tôi điều đó và giáo sĩ Eje, người hiện cầm cây trượng cong và ngồi bên phải quốc vương, cũng đã thừa nhận như vậy. Họ có ý định loại bỏ Amon với sự trợ giúp của Aton hoặc ít nhất là hạn chế quyền lực của Amon, vì thật không thích hợp khi các giáo sĩ Amon trị vì Ai Cập trên cả hoàng đế. Đây là phép trị vì đất nước khôn ngoan và là một người lính, tôi hiểu tại sao lại cần một vị thần mới. Tôi sẽ không phản đối nếu Pharaon có thể bằng lòng với việc xây dựng nhiều đền thờ cho thần và trả công cho giáo sĩ, nhưng Pharaon lại nghĩ quá nhiều về vị thần của mình và nói về thần nhiều đến mức bất cứ việc gì xảy ra, trước hoặc sau đó ngài đều nói về thần linh. Vì thế, ngài làm cho mọi người xung quanh phát điên, điên

hơn cả ngài. Ngài nói rằng ngài đang sống vì sự thật, nhưng sự thật giống như con dao sắc trong tay một đứa trẻ và còn nguy hiểm hơn nhiều nếu ở trong tay một kẻ điên, bởi dao phải được giữ trong vỏ và chỉ được sử dụng khi cần. Và nó càng nguy hiểm với nhà cai trị hay người phát lệnh, hơn bất kỳ ai khác.

Anh ấy uống rượu và nói tiếp:

- Tôi biết ơn chim ưng của mình đã giúp tôi thoát khỏi Thebes. Thebes đang sục sôi như một tổ rắn vì thần của Pharaon mà tôi lại không muốn dính dáng gì đến những mâu thuẫn giữa các thần. Các giáo sĩ Amon đã kể đủ mọi chuyện tục tĩu về dòng dõi của Pharaon và kích động dân chúng chống lại thần của ngài. Hôn sự của ngài ấy cũng gây phẫn nộ, bởi Công chúa Mitanni, người thường chơi với búp bê, đột ngột qua đời và Pharaon đã tấn phong cho người nữ có tên Nefritite, con gái của giáo sĩ Eje, làm vương phi. Thực ra nàng Nefritite này đẹp và biết cách ăn vận, nhưng nàng ta rất ngang ngạnh và theo ý cha trong mọi việc.

- Vì sao Công chúa Mitanni chết? - Tôi hỏi, vì đã thấy đứa trẻ mắt to ấy nhìn Thebes sợ hãi khi được khênh trên kiệu dọc Đại lộ Nhân Sư đến đền, xiêm áo và trang điểm như một nữ thần.

- Các danh y nói Công chúa không chịu đựng được khí hậu của Ai Cập, - Horemheb đáp và cười. - Đó là lời nói vô cùng vớ vẩn bởi ai cũng biết không đất nước nào có khí hậu tốt hơn Ai Cập. Nhưng chính cậu cũng biết số trẻ em chết trong hậu cung của Pharaon là rất lớn, lớn hơn cả số trẻ em trong khu phố nghèo ở Thebes, mặc dù điều đó thật khó tin. Không kể tên là khôn ngoan hơn cả, nhưng nếu là tôi và nếu có gan, tôi sẽ lái chiến xa xông đến trước nhà giáo sĩ Eje.

Anh ấy nói năng bạt mạng và đập đập cây roi vàng vào đùi khi uống rượu, nhưng anh ấy đã thành một người đàn ông trưởng

thành với tâm tính hay ưu tư, bồn chồn chứ không còn là một cậu bé khoe khoang khoác lác nữa. Rồi anh ấy nói:

- Nếu cậu muốn làm quen với thần của Pharaon thì ngày mai đến dự lễ khánh thành ngôi đền mà tôi đã gấp rút xây dựng cho thần của ngài trên đỉnh ghềnh đá ở thành phố này. Tôi sẽ gửi tin về việc khánh thành cho Pharaon và ngài sẽ không cần biết gì về những người đã ngã xuống, máu bao người đã đổ mà chỉ việc hoan hỉ trong nhà vàng với thần của mình.

Anh ấy còn nói thêm:

- Cậu hãy ngủ trong lều nếu tìm thấy chỗ. Vì địa vị của mình, tôi phải ngủ ở đây, trong nhà của hoàng thân, nhưng ở đây chấy rận hung nhúc. Tất nhiên, chấy rận cũng là một phần của chiến tranh như đói và khát, những vết thương và làng mạc cháy rụi, vậy nên tôi không muốn phàn nàn.

Tôi đã ngủ qua đêm trong lều và cảm thấy thoải mái vì tôi đã kết bạn với viên cai đội đoàn tải lương trên hành trình từ bờ biển đến Jerusalem. Anh ta tìm mọi cách để lấy lòng tôi khi biết tôi là thầy thuốc đi theo quân đội, bởi có người lính nào lại không muốn có quan hệ tốt với thầy thuốc. Suốt buổi tối, anh ta thở dài và than vãn:

- Giá mà tôi không sinh ra là lính, bởi vì nỗi sợ hãi như chuột gặm nhấm trái tim người lính suốt ngày đêm. Khi còn là một đứa trẻ, anh ta nhận đòn roi nhiều hơn thức ăn; trên chiến trận, anh ta phải mang nước và lương thực trên vai như một con lừa, đến nỗi cổ anh ta cứng lại như cổ lừa và gân vai bong rát. Kẻ thù đâm anh ta bằng mũi giáo, bắn tên vào da thịt anh ta và nếu bị bắt, anh ta sẽ giống như chim trong lồng, bị đánh và trói tay chân. Nước bẩn là đồ uống của lính và anh ta phải trộm cắp hoặc đánh bại kẻ thù để có được đồng lương khốn khổ của mình. Khi cuối cùng được trở về Ai Cập, người lính giống như cái cây bị sâu đục, không còn thích hợp vào bất cứ việc gì. Anh

ta bị đánh đến đầy thương tích hoặc bị bệnh và chỉ nằm được trong tư thế được chõ trên lưng lừa qua những quãng đường dài, quần áo bị đánh cắp và tên hầu đã bỏ trốn. Giá mà tôi chưa bao giờ sinh ra làm lính.

Anh ấy chỉ cho tôi xem hai người lính đã thử bỏ trốn và bị Horemheb cho treo ngược lên tường, họ đã chết nhờ những tay cung của đồng đội mở lồng nhân từ lấy họ làm bia để chuẩn bị cho trận chiến mới. Anh cũng chỉ cho tôi vài ba tù binh Khabiri, những người đàn ông to lớn, giận dữ với mũi to, dày và đầu dính máu. Sau đó chúng tôi đi vào lều ngủ.

Tiếng tù và đánh thức tôi dậy từ sáng sớm, quân lính tập hợp thành nhóm, đứng thành hàng ngũ, các viên cai đội và quản cơ chạy dọc các hàng quân la hét, xô đẩy họ và dùng roi quất họ. Khi tất cả đã chỉnh tề, Horemheb từ căn lều đất sét bắn thủ của hoàng thân bước ra với cây roi vàng trong tay, viên hộ vệ cầm dù che trên đầu và lấy quạt xua ruồi quanh anh ấy khi anh ấy nói trước đội quân:

- Hỡi những người lính Ai Cập! Ta nói với những người lính Ai Cập và ở đây ta muốn nói cả với các người nữa, đồ da đen rác rưởi, cũng như các người, những giáo thủ Syria bắn thủ; ta cũng muốn nói với các người, những gã lính Shardana và những tên lái chiến xa, những kẻ giống chiến binh và người Ai Cập nhất trong đoàn gia súc be be và ò ọ này. Ta đã rộng lượng với các người, kiên nhẫn dạy các người đánh trận, nhưng bây giờ lòng vị tha của ta đã hết, ta thậm chí không muốn ra lệnh cho các người luyện tập bởi vì khi diễn tập, các người ngã dúi dụi vào ngọn giáo của mình và nếu các người bắn cung trong khi chạy, mũi tên của các người sẽ theo gió bay lên trời rồi các người bắn phải nhau, vậy thì số mũi tên vốn đã không đủ sẽ lại bị phí phạm, đội ơn Pharaon, thi thể của ngài sẽ tồn tại mãi mãi. Vì thế, hôm nay ta đưa các người ra trận bởi vì các do thám của ta cho biết quân Khabiri dựng trại ở sau dãy núi, nhưng chúng có bao nhiêu thì ta không thể nói, bởi vì tội do thám đã sợ hãi bỏ

chạy trước khi kịp đếm. Nhưng ta hy vọng chúng đủ đông để giết hết tất cả các người để cuối cùng ta không phải nhìn thấy những khuôn mặt kinh tởm, hèn nhát của các người và ta có thể trở về Ai Cập để tập hợp một đội quân gồm những người đàn ông thật sự ham chuộng vinh quang và chiến lợi phẩm. Nhưng hôm nay ta cũng cho các người một cơ hội cuối cùng. Nay cai đội, mi đây, kẻ sút mũi kia, sao lại gãi đít khi ta đang nói! Vì vậy, hôm nay ta sẽ cho các người cơ hội thử sức lần cuối!

Horemheb dữ tợn nhìn đám lính, ánh mắt anh ấy trừng trừng nhìn không sót một ai khiến không kẻ nào dám cựa quậy khi anh nói tiếp:

- Ta đưa các người ra trận chiến và các người phải biết ta sẽ là người dẫn đầu đoàn quân, ta sẽ không nhìn xem ai hay liệu có ai theo sau ta không. Bởi ta là con trai của Horus, chim ưng sẽ bay trước dẫn đường cho ta và hôm nay ta quyết đánh bại quân Khabiri dù phải chiến đấu một mình. Tuy nhiên, ta nói trước rằng tối nay roi của ta sẽ dính máu, bởi chính tay ta sẽ quất những kẻ không theo ta mà tìm cách lẩn trốn hoặc bỏ chạy, ta sẽ đánh chúng đến mức chúng ước giá mà không bao giờ được sinh ra và ta cam đoan với các người, roi của ta cắn xé còn đau hơn ngọn giáo của quân Khabiri vốn được làm bằng đồng xấu và dễ gãy. Và về phía quân Khabiri, không có gì đáng sợ hơn tiếng la hét của chúng, nhưng kẻ nào sợ hãy lấy đất sét bịt tai lại. Việc đó không hại gì vì nhờ vậy các người sẽ không nghe thấy mệnh lệnh giữa tiếng la hét của quân Khabiri, mà mỗi người hãy làm theo lệnh chỉ huy của mình và các chỉ huy hãy theo chim ưng của ta. Ta nói thêm rằng quân Khabiri chiến đấu trong tình trạng hỗn loạn như bầy gia súc, nhưng ta đã huấn luyện các người luôn trong hàng ngũ và các cung thủ đã được luyện tập để bắn cùng một lúc theo lệnh hoặc ám hiệu. Vì vậy, thần Seth và tất cả các ác quỷ của thần sẽ thiêu sống kẻ nào bắn trước hoặc bắn mà không trúng đích. Đừng gào khóc như đàn bà khi ra trận, ít nhất hãy giả làm đàn ông, người quần khố quanh lưng thay váy. Nếu đánh bại được quân Khabiri, các người được chia

nhau gia súc, của cải của chúng và trở nên giàu có, vì chúng đã vơ vét được rất nhiều chiến lợi phẩm từ những ngôi làng mà chúng đã đốt, còn ta không định kiếm cho mình nô lệ hay bò đực mà các người được chia đều tất cả cho nhau. Đàn bà của họ, các người cũng được chia nhau và ta tin rằng các người sẽ có buổi tối vui vẻ với những phụ nữ này vì phụ nữ Khabiri rất đẹp, rất hăng và yêu chiều những chiến binh dũng cảm.

Horemheb nhìn đội quân của mình, binh lính đột nhiên đồng thanh hét to, đập giáo vào khiên, vung cung và gào vang. Horemheb mỉm cười, lạnh lùng phát roi lên cao và nói:

- Ta thấy các người đang cuống lên muốn nhận roi đây, nhưng trước tiên chúng ta phải khánh thành đền thờ vị thần mới tên là Aton của Pharaon. Dĩ nhiên, ngài là một vị thần không thích chiến tranh, vậy nên ta không tin hôm nay các người vui vẻ lắm với ngài. Vì thế, tiền quân sẽ diễu hành, còn hậu quân ở lại khánh thành ngôi đền để đảm bảo được hưởng ân sủng của Pharaon dành cho chúng ta. Các người có một cuộc hành quân dài phía trước vì ta sẽ bắt các người chiến đấu khi đang mệt lả để các người không còn sức chạy trốn mà chiến đấu dũng cảm vì mạng sống của mình.

Anh ấy lơ đãng vút cây roi vàng, quân lính lại cuống nhiệt hô to rồi lần lượt rời khỏi thành phố, lộn xộn nhưng theo từng đội với cờ hiệu được buộc vào đầu gậy trước đội quân, giống như họ theo đuôi sư tử, chim ưng và đầu cá sấu đi vào trận chiến và những chiến xa tấn công hạng nhẹ đi trước đoàn quân để mở đường. Còn các cai, cơ và hậu quân theo Horemheb đến ngôi đền được xây dựng trên một vách đá cao bên rìa thành phố. Khi chúng tôi đến đó, tôi nghe thấy các sĩ quan bất bình bàn tán và hỏi nhau: “Lẽ nào thống lĩnh quân đội lại là người xung trận đầu tiên? Chúng ta sẽ không làm điều đó bởi vì theo thông lệ từ xưa tới nay, thống lĩnh và các chỉ huy được khênh trên kiệu và đi sau quân đội, vì họ là những người biết viết, nếu không làm sao họ

có thể ghi lại những gì binh lính làm và trừng phạt những kẻ hèn nhát”.

Horemheb nghe rõ lời họ nói nhưng chỉ mỉm cười vung roi mà không nói gì.

Ngôi đền nhỏ được vôi vàng ghép lại từ gỗ và trát đất sét, trông không giống những ngôi đền thông thường; nó trống, chỉ có một bàn thờ ở giữa và không thấy có vị thần nào khiến binh lính ngạc nhiên nhìn xung quanh để tìm. Horemheb nói:

- Thần của ngài hình tròn và giống như vầng hào quang mặt trời, vậy nên các người hãy nhắm mắt nhìn lên bầu trời nếu mắt các người chịu nổi. Ngài dùng tay ban phước lành cho các người, mặc dù ta ngờ rằng sau cuộc hành quân hôm nay, các người sẽ có cảm giác những ngón tay của ngài như những cây kim nóng đỏ trên lưng mình.

Nhưng quân lính lâu bầu và nói thần của Pharaon ở quá xa. Họ muốn một vị thần mà họ có thể nằm rạp xuống đất trước ngài và có thể chạm tay vào ngài nếu họ dám. Thế nhưng họ đã im bặt khi vị giáo sĩ, một thanh niên trẻ gầy ẻo lả, đầu không cạo trọc và trên người khoác áo choàng trắng, bước ra. Đôi mắt sáng ngời và đầy nhiệt thành, giáo sĩ dâng những bông hoa xuân sắc sỡ, dầu thơm và rượu lên bàn thờ cho đến khi quân lính bắt đầu cười to. Giáo sĩ cũng hát thánh ca cho Aton và người ta nói rằng chính Pharaon đã sáng tác nó. Bài thánh ca khá dài và đơn điệu, quân lính há hốc mồm nghe mà chẳng hiểu chút gì. Giáo sĩ hát như thế này:

“Người thật đẹp khi mọc lên từ đường chân trời,

Người, Aton sinh động, thực thể đầu tiên giữa muôn loài!

Khi nhô lên trên bầu trời phía đông

Người tỏa ánh vinh quang ngập tràn mặt đất,

Bởi người đẹp, vĩ đại và xán lạn, cao cao phía trên trái đất.

Ánh sáng của Người ôm ấp tất cả vương quốc Người đã tạo nên,

Những vùng đất Người gắn kết bằng những tia sáng yêu thương,

Dù Người ở rất xa, ánh sáng của Người ngay trên mặt đất,

Bàn chân Người giẫm trên bùn dù Người thật quyền uy.”

Rồi giáo sĩ miêu tả cái u ám của đêm đen, những con sư tử lừng lững từ hang bước ra khi đêm đến và cả những con rắn khiến nhiều người nghe bắt đầu sợ hãi. Chàng trai miêu tả ánh sáng rực rỡ của ban ngày và thuyết phục mọi người hãy tin rằng đàn chim sáng sủa vỗ cánh để ca ngợi Aton. Giáo sĩ cũng cam đoan rằng vị thần mới mang lại sự sống cho bào thai trong dạ con người phụ nữ và cường sinh cho tinh trùng của nam giới. Trong khi lắng nghe giáo sĩ, người ta có thể thật sự tin rằng không một điều nhỏ nhặt nào trên thế gian mà Aton không can dự, vì giáo sĩ thậm chí nghĩ rằng gà con không thể đâm thủng vỏ trứng và cất tiếng chiêm chiếp nếu không có sự giúp đỡ của Aton. Và chàng trai hát tiếp:

“Người đã làm bao điều kỳ diệu,

Những việc xảy ra chúng con nào hay

Ôi, vị thần duy nhất, quyền lực hơn mọi vị thần

Duy nhất Người tạo dựng thế gian theo ý muốn,

Loài người cùng gia súc và động vật nhỏ to,

Mọi loài, những gì ở trên trái đất và đi bằng đôi chân mình,

Mọi loài, những gì ở trong không gian và bay bằng đôi cánh của mình,

Các vùng đất Syria và Nubian

Và đất nước Ai Cập.

Người đặt từng sinh linh vào chỗ của chúng

Và trao cho muôn loài những gì chúng cần,

Người cho từng sinh linh nơi chốn của mình

Và ngày tháng năm sinh linh tồn tại.

Chúng sinh nói nhiều ngôn ngữ theo ý muốn của Người,

Màu da và hình dáng khác nhau,

Và như thế, Người biết ai là ai.”

Chàng ta còn quả quyết rằng chính Aton tạo ra cả sông Nile trên gian và sông Nile thiên giới, khiến các sĩ quan lầm bầm rằng ngài can thiệp vào công việc của Amon. Ngài tạo ra cả các mùa trong năm và hiện diện trong hàng triệu triệu hình dạng khác nhau tại các thành phố, làng mạc và pháo đài, trên dòng sông và các con đường. Và chàng ta kết thúc:

“Trong tim con chỉ có một mình Người

Không ai khác biết Người

Ngoài con Người, đức vua.

Người cho đức vua biết dự định của mình

Với quyền năng của mình, Người trao việc.

Thế giới trong tay Người,
Nguyên vẹn như khi được Người tạo ra.
Con người sống nhờ ánh sáng của Người,
Nếu Người rơi vào cõi hư vô, họ sẽ chết,
Bởi Người là sự sống,
Và thông qua Người, con người ta tồn tại.
Mọi ánh mắt ngăm nhìn vẻ đẹp của Người,
Cho đến khi Người lặn xuống,
Mọi công việc bị gián đoạn,
Khi Người về miền tây.
Kể từ khi Người tạo dựng thế gian,
Người chuẩn bị cho sự xuất hiện của con trai mình,
Được sinh ra từ vòng tay ôm ấp của Người,
Chuẩn bị cho đức vua, Người sống vì sự thật,
Cho con trai của Ra, chủ nhân hai vương quốc,
Người sống vì sự thật.
Người tạo dựng ra thế gian cho vua, chủ nhân hai vương miện,
Cho Hoàng hậu vĩ đại,
Người được vua yêu thương, nữ hoàng của cả hai vương quốc,
Và cho Nefritite, Người hãy sống và mãi mãi trường tồn."

Binh lính vừa nghe vừa lấy ngón chân nguyệt ngọc trên cát và cuối cùng khi bài hát kết thúc, họ thoải mái hẳn và hò reo tôn vinh Pharaon, bởi điều duy nhất họ hiểu được trong bài thánh ca là ca ngợi Pharaon và tuyên bố ngài là con trai của thần. Điều đó đúng và phù hợp, vì xưa đã thế và sau này vẫn thế. Horemheb để cho giáo sĩ đi và chàng thanh niên, vui mừng vì sự thân thiện của quân lính, đi viết cho nhà vua về việc này. Nhưng tôi nghĩ bài hát và ý nghĩa của nó sẽ không đem đến nhiều niềm vui cho những người lính đang dùng ngón chân xoi cát và chuẩn bị bước ra trận chiến mà nhiều người sẽ chết.

4

Đoàn hậu quân xuất phát, theo sau là các cỗ xe do bò và lừa kéo. Horemheb vượt nhanh lên trước trong chiến xa của mình, còn các quân cơ cũng xuất phát trên kiệu của họ và than vãn về cái nóng bức ban ngày. Tôi tạm ngồi trên lưng lừa theo cách của viên cai đội tải lương bạn tôi và chở theo thùng đồ nghề của mình vì tôi nghĩ sẽ cần đến chúng.

Binh lính hành quân đến tận chiều, chỉ được phép nghỉ trong một thời gian ngắn khi ăn uống. Ngày càng có nhiều lính đau chân nằm lại trên đường không đứng dậy được mặc cho các cai đội đánh họ và lấy chân đá họ. Quân lính thì lúc hát, lúc lại chửi rủa và khi những cái bóng đổ dài xuống cát, những mũi tên đầu đó từ phía các ngọn núi ven đường bắt đầu bay đến chiu chiu khiến thỉnh thoảng ai đó trong hàng quân hỗn loạn hét lên và lấy tay sờ vai, nơi mũi tên cắm vào, hay ngã sấp xuống đường. Nhưng Horemheb không dừng lại để dọn sạch những trở ngại trên đường mà tăng tốc cho đến khi đoàn quân lục tục tiến lên phía trước. Những chiến xa tấn công gọn nhẹ để mở đường và không lâu sau chúng tôi nhìn thấy những xác quân Khabiri nằm bên vệ đường trong những chiếc áo choàng rách rưới, miệng và mắt đầy ruồi vo ve. Một số lính dừng lại lật những cái xác lên,

tìm kiếm kỷ vật chiến tranh nhưng trong những xác ấy không còn gì để lấy.

Viên cai đội tải lương ngồi trên lưng lừa mồ hôi ròng ròng, nhờ tôi chuyển lời chào lần cuối tới vợ con bởi anh ta nghĩ đây là ngày cuối cùng của mình. Vì thế, anh ta cho tôi địa chỉ nhà ở Thebes và nhờ tôi lưu ý để thi thể anh ta không bị cướp nếu quân Khabiri không kịp giết tất cả chúng tôi trước khi trời tối như anh ta rầu rĩ nghĩ.

Cuối cùng, một bãi rộng nơi quân Khabiri dựng trại hiện ra trước mặt chúng tôi. Horemheb thổi tù và, dàn quân tấn công với lính cầm chùy ở giữa và cung thủ ở hai bên. Còn các chiến xa tấn công được lệnh lảng tránh nên lao đi rất nhanh khiến bụi bay mù lên cao và che chúng khỏi tầm mắt. Anh ấy chỉ giữ một vài chiến xa hạng nặng ở lại gần mình. Những ngôi làng đang cháy bốc khói từ các thung lũng xa xa phía sau dãy núi. Có vẻ như quân Khabiri đông như kiến trên cánh đồng, tiếng hò reo và la hét âm vang như tiếng sóng biển gầm khi chúng bắt đầu tiến về phía chúng tôi với những tấm khiên và mũi giáo lấp lánh rất đáng sợ trong ánh nắng. Nhưng Horemheb hét lên rất to:

- Đừng run chân mỗi gối, hỡi những con bọ bắn thủ yêu quý của ta, bởi để đánh nhau thì quân Khabiri không nhiều và thứ mà các người thấy là gia súc, là vợ, là con họ, tất cả đều là của các người trước khi trời tối. Thức ăn nóng trong nồi của chúng đang chờ các người, vì vậy hãy xông lên để chúng ta có thể ăn trước khi trời tối vì ta đã đói như cá sấu rồi!

Nhưng quân Khabiri tràn đến sát chúng tôi và đông hơn chúng tôi nhiều, mũi giáo của chúng trông sắc bén dưới ánh sáng ban ngày khiến tôi không còn hứng thú gì với chiến tranh nữa. Các hàng lính giáo, giống như tôi, dao động và quay nhìn lại phía sau nhưng các viên đội vung roi, vừa quát vừa chửi rủa. Chắc đám lính cũng thấy đã quá mệt mỏi và đói để có thể chạy trốn

quân Khabiri, nên hàng ngũ được sắp xếp lại và lính cung bắt đầu căng dây cung chờ lệnh.

Sau khi tiến đến gần, quân Khabiri hét to; tiếng hét của chúng đáng sợ đến nỗi máu từ đầu tôi dồn xuống và chân tôi bắt đầu run. Cùng lúc đó, chúng bắt đầu xông lên và bắn cung về phía chúng tôi khiến tôi nghe thấy tiếng mũi tên chiu chiu bên tai như tiếng ruồi và âm thanh phụt, phụt. Có lẽ trong đời mình tôi chưa bao giờ nghe thấy tiếng gì nhanh hơn tiếng vèo của mũi tên bay vút qua tai. Nhưng tôi thấy mũi tên không gây nhiều thương tích vì phần lớn chúng bay qua đầu chúng tôi và một số bị khiên chặn lại, nhận ra điều này khiến tôi can đảm lên rất nhiều. Cùng lúc đó, Horemheb gào lên:

- Theo ta, hỡi những con bọ bắn thủ của ta!

Người lái chiến xa của anh ấy thúc ngựa chạy, các chiến xa khác theo sau, lính cung đồng loạt bắn và lính giáo chạy theo sau các chiến xa. Đúng lúc ấy, một tiếng gầm rên vang lên từ trong cổ của mọi người, đáng sợ hơn cả tiếng hò reo của quân Khabiri, bởi trước cái chết, ai cũng gào lên để xua tan nỗi sợ hãi. Tôi cũng thấy mình hét to hết cỡ và tâm trạng đã ổn hơn rất nhiều.

Các chiến xa lao vào giữa đội quân tấn công của Khabiri với tiếng loảng xoảng chói tai khủng khiếp; chiếc mũ dính lông đà điểu của Horemheb sáng lóa phía trước đám bụi đang bốc lên và những ngọn giáo đang đâm đưa tua tủa. Phía sau các cỗ chiến xa, lính giáo chạy theo đuôi sư tử và chim ưng, lính cung dàn rộng ra trên bãi và đồng loạt bắn vào đám quân Khabiri lộn xộn. Từ lúc đó tất cả trở thành một bãi hỗn chiến đầy thịnh nộ, gầm gào, hò hét và chết chóc rùng rợn. Những mũi tên rít qua tai tôi, lửa của tôi lồng lên và lao vào giữa đám hỗn chiến tồi tệ, vừa đá vừa hí lên trong hoảng loạn, nhưng tôi không thể dừng nó lại được. Quân Khabiri không hề sợ hãi và kiên cường chống cự, những tên lính bị ngựa giẫm ngã nằm trên đất vẫn đâm giáo vào những ai chạy qua chúng và nhiều lính Ai Cập bị giết khi

đang cúi xuống chặt tay kẻ bị ngã để làm dấu hiệu chiến thắng. Lúc này mùi máu đậm hơn mùi mồ hôi và mùi của lính chiến; quạ bay vòng quanh trên trời thành đàn rồi lao xuống mỗi lúc một đông.

Đột nhiên quân Khabiri gào lên giận dữ và bắt đầu lùi lại, chạy trốn, vì chúng nhìn thấy các chiến xa đã bao quanh bãi chiến trường và đang lao về phía trại của chúng, đe dọa đám đàn bà và tách riêng đàn gia súc vừa cướp được. Chúng không thể chịu được cảnh đó, buộc phải lui về để giải cứu trại và vợ của mình và đó chính là thảm họa của chúng, bởi các chiến xa quay đầu lại để chặn và truy đuổi chúng; cuối cùng, lính giáo và lính cung của Horemheb đã giải quyết nốt đám hỗn binh. Khi mặt trời lặn, bãi chiến trường đầy những xác chết không tay, trại chìm trong biển lửa và khắp nơi vang lên tiếng rống của đàn gia súc chạy tán loạn.

Nhưng trong cơn say chiến thắng, quân lính vẫn tiếp tục giết và đâm giáo vào tất cả những gì họ thấy, giết cả những người đã vứt bỏ vũ khí, dùng chùy đập chết trẻ con và bắn tên vào đàn bò đang chạy tán loạn cho đến khi Horemheb cho thổi tù và, các quân cơ cũng như các viên đội mới sức tỉnh và bắt đầu quất roi tập hợp quân lính của mình. Nhưng cơn lừa điên rồ của tôi vẫn tiếp tục chạy quanh bãi chiến trường khiến cả người tôi rung bần bật trên lưng nó như một cái bao và tôi không còn biết mình còn sống hay đã chết. Quân lính cười và chế nhạo tôi cho đến lúc một người lính trở cán giáo đập vào mõm lừa khiến nó bất ngờ khựng lại, đổng tai lên, tôi liền nhảy xuống khỏi lưng nó. Từ đó trở đi, những người lính gọi tôi là Con Trai Lừa Hoang.

Tù binh bị dồn vào một nơi có rào chắn, vũ khí được thu gom thành từng đống và những người chăn thả gia súc được gọi đến để thu gom gia súc chạy trốn. Quân Khabiri nhiều đến nỗi phần lớn đã kịp trốn thoát, nhưng Horemheb cho rằng chúng sẽ chạy suốt đêm và không quay lại trong một thời gian dài. Trong ánh sáng của các xe chở cỏ cho gia súc và lều trại đang cháy, chiếc

hòm thiêng được đưa đến chỗ Horemheb; anh ấy mở hòm rồi lấy ra Sekhmet đầu sư tử kiêu hãnh nhô cao bộ ngực bằng gỗ trong ánh lửa. Quân lính vấy lên mình thần những giọt máu chảy ra từ vết thương của họ và vút xuống trước mặt thần những cánh tay bị chặt rời, dấu hiệu của chiến thắng. Những cánh tay bị chặt đứt này cao dần thành đồng và có những người đã ném vào đó bốn, năm bàn tay. Horemheb cho họ dây chuyền, vòng đeo tay và ban thưởng cho những người can đảm nhất bằng cách bổ nhiệm họ làm cai đội. Người anh ấy lăm lem đầy máu và máu nhỏ xuống từ chiếc roi vàng của anh, nhưng mắt anh mỉm cười với quân lính; anh gọi họ là những con bọ cắn thối và những kẻ hút máu đáng yêu của mình.

Tôi có rất nhiều việc, bởi vì giáo và chùy của quân Khabiri đã gây ra những vết thương đáng sợ. Tôi làm việc dưới ánh sáng của những chiếc đèn đang cháy và tiếng kêu đau đớn của những người bị thương hòa với tiếng hét của những người đàn bà khi binh lính kéo họ theo mình và rút thăm xem ai sẽ hoan lạc với họ. Tôi rửa và khâu kín những vết thương toác hoác, nhét ruột lại vào những cái bụng bị xẻ ra và kéo các mảnh da đầu lòng thông trước mắt về đúng chỗ. Đối với những người sẽ phải chết, tôi cho họ bia và thuốc tê để đỡ đau đớn nếu chết trong đêm.

Tôi cũng cứu chữa cho những người Khabiri vì bị thương không thể chạy trốn và khâu vết thương cho họ, nhưng vì sao tôi làm điều đó, thật khó nói: có lẽ vì tôi nghĩ nếu tôi chữa cho họ, Horemheb sẽ được giá hơn khi bán họ làm nô lệ. Nhưng nhiều người thậm chí không để ý đến sự giúp đỡ của tôi, họ xé toác vết thương ra khi nghe tiếng gào khóc của con mình và tiếng thét của người vợ khi bị lính Ai Cập hãm hiếp. Họ co chân lại, lấy áo trùm đầu và chết vì mất máu.

Tôi nhìn họ và không còn thấy tự hào về chiến thắng như vào lúc ngay sau trận chiến, vì họ là những người nghèo ở nơi hoang mạc và đói nghèo buộc họ đến cướp gia súc cùng lương thực trong các thung lũng. Vì thế họ đến cướp bóc Syria, chân tay họ

khảng khiu và nhiều người mắc các bệnh về mắt. Cho dù như vậy, họ thật hung dữ và đáng sợ trong chiến trận, họ bỏ lại phía sau khói của những ngôi làng đang cháy bốc lên cao cùng với tiếng khóc và tiếng kêu than của người dân. Nhưng tôi không thể làm gì, vẫn thương hại họ khi nhìn cái mũi to, dày của họ dần tái nhợt và họ kéo quần áo rách rưới để che đầu trước khi chết.

Ngày hôm sau tôi gặp Horemheb. Anh ấy cảm ơn tôi, còn tôi hồi thúc anh ấy lập một trại có bảo vệ để chữa trị tại chỗ cho những người bị thương nặng nhất, vì họ sẽ chết trên đường đi nếu phải chuyển đến Jerusalem. Horemheb cảm ơn sự giúp đỡ của tôi và nói:

- Tôi không nghĩ là cậu dừng cảm cho đến ngày hôm qua khi tôi tận mắt chứng kiến cậu cưỡi trên lưng con lừa giận dữ lao về nơi ác liệt nhất. Nhưng chắc chắn cậu không biết rằng trong chiến tranh, công việc của người thầy thuốc chỉ bắt đầu khi trận chiến kết thúc. Tôi đã nghe quân lính gọi cậu là Con Trai Lừa Hoang và nếu cậu muốn, thỉnh thoảng tôi sẽ đưa cậu ra trận trong chiến xa của tôi, bởi vì cậu là người may mắn, cậu vẫn sống sót dù không có giáo, thậm chí không có đến một cây chùy.

Anh ấy nghiêm trang nhìn tôi và tôi không biết anh ấy có ý chế giễu tôi không. Vì thế tôi nói:

- Trước đây tôi chưa bao giờ qua trận mạc nên tôi muốn được mục kích nó càng gần càng tốt. Nhưng chiến tranh không có gì để kể cho tôi và tôi nghĩ nếu được, anh cho tôi quay trở lại Simyra.

Anh ấy nói:

- Cậu đã cứu sống nhiều người lính bằng tài năng của mình nên cậu xứng đáng được nhận huy chương như một chỉ huy đã cứu sống những người lính của mình với tài năng và lòng can đảm.

Nhưng tôi nói:

- Thôi mà! Tôi có đủ vàng để lo cho bản thân, huy chương của anh chỉ là cát bụi dưới chân tôi.

- Chắc cậu nói đúng, - Horemheb công nhận, - nhưng với những người đàn ông bình thường như tôi, vàng đeo trên cổ có ý nghĩa rất nhiều, nhất là khi tôi kiếm được nó trong chiến trận. Giờ đây khi đã nhìn thấy những người lính của mình trong trận chiến, tôi biết mình có khả năng chỉ huy họ và Sekhmet đầu sư tử đã ủng hộ tôi, nhờ vậy tôi đã giành được chiến thắng mà có lẽ sẽ được khắc vào đá nếu tôi muốn. Nhưng chiến thắng này là cát bụi dưới chân tôi vì chẳng cần đến tài năng cao siêu để thắng những kẻ trộm gia súc.

- Lính của anh ngợi ca tên anh và thế sẽ theo anh đi bất cứ đâu, - tôi nói, có chút tăng bốc anh ấy. - Nhưng làm thế nào anh thậm chí còn không bị thương, mặc dù tôi đã nghĩ chắc anh sẽ chết thôi khi là người đầu tiên xông đến trước làn tên, mũi giáo?

- Tôi có người đánh xe rất giỏi, - anh ấy nói, - hơn nữa, chim ưng của tôi bảo vệ tôi, vì tôi được dành cho những sứ mệnh cao cả. Do đó, hành động của tôi không có gì gọi là đáng tôn vinh hay dũng cảm, vì tôi biết sứ mệnh của mình buộc tôi phải làm đổ nhiều máu, mặc dù máu đổ không mang lại cho tôi nhiều niềm vui sau khi giết quá nhiều, cũng như tiếng gào thét đau đớn của những kẻ bị chẹt dưới bánh xe ngựa không hề làm tôi vui thích. Chừng nào các đội quân của tôi quen trận mạc và không còn sợ chết, tôi sẽ ngồi trên kiệu theo sau đoàn quân như những vị tướng khôn ngoan thường làm, bởi một thống lĩnh thực sự không làm những việc bắn thủ và đâm máu mà đưa nô lệ rể mặt nhất cũng làm được, mà là người chỉ huy hết lòng, tiêu tốn nhiều giấy và đọc cho vô số thư lại đủ loại mệnh lệnh quan trọng mà cậu, Sinuhe, không thể hiểu vì đó không phải là nghề của cậu, giống như tôi không hiểu nghề y mặc dù tôi coi trọng tài năng của cậu. Vì thế, tôi chỉ hổ thẹn hơn khi tay và mặt mình

dính máu những kẻ trộm gia súc nhưng tôi không thể làm khác, vì nếu tôi không là người tiên phong xông lên trước lính của mình, chúng có thể mất hết can đảm, quỳ sụp xuống đất và bắt đầu gào khóc bởi nói cho đúng, ra sau một vài thế hệ và không hề biết chiến trận là gì, những người lính Ai Cập này là đám hỗn quân, khốn khổ và hèn nhát hơn quân Khabiri. Vì thế tôi gọi chúng là những con bọ bần thủ và chúng tự hào với tên gọi này.

Nhưng tôi vẫn không thể tin là anh ta không sợ chết khi là người đầu tiên xông ra trước mũi tên ngọn giáo trong trận chiến. Bởi vậy tôi ngoan cố nói:

- Da anh ấm và máu anh chảy dưới da, giống như tất cả những người khác. Lẽ nào anh đã dùng những ma thuật rất mạnh để phù phép mình hay sao mà anh không bị thương và cũng không sợ?

Anh ấy đáp:

- Quả thực tôi có nghe nói về loại ma thuật như vậy và nhiều người lính đeo trên cổ những túi bùa bảo vệ họ, nhưng sau trận chiến này, nhiều chiếc bùa hộ mệnh như thế đã được gỡ khỏi cổ những kẻ thiệt mạng, vì vậy tôi không tin vào loại phép thuật như thế, mặc dù tất nhiên nó hữu ích bởi vì nó làm cho những kẻ thất học, những người không biết đọc hoặc viết, tin vào bản thân và dũng cảm hơn trong trận chiến. Nói thật, tất cả những điều đó là nhảm nhí cả thôi, Sinuhe ạ. Còn tôi ở vị thế hoàn toàn khác, tôi biết mình được giao làm những việc lớn lao, nhưng làm thế nào biết được điều đó, tôi không thể nói với cậu. Người lính hoặc may mắn, hoặc không, và vận may của tôi bắt đầu từ khi chim ưng của tôi dẫn tôi đến với Pharaon. Chim ưng của tôi không thật thích cung điện mà bay đi và không trở lại, nhưng khi chúng tôi hành quân qua sa mạc Sinai đến Syria, chịu đói khát khủng khiếp - vì tôi cùng binh lính chịu đói khát để biết được suy nghĩ của họ, từ đó có thể chỉ huy họ - tôi nhìn thấy trong thung lũng nọ một bụi cây đang cháy. Đó là đám lửa đang

cháy bùng bùng, có hình dạng một thân cây hay bụi cây lớn. Nó không cháy hết rồi tàn đi mà cháy suốt đêm ngày và đất xung quanh nó có mùi hơi bốc lên đầu cho tôi thêm dũng khí. Tôi thấy ngọn lửa khi ngồi trong chiến xa dẫn đầu các đội quân của mình và săn đuổi những con sói hoang trên sa mạc, không ai khác thấy nó ngoại trừ tôi và người đánh chiến xa của tôi, người có thể đứng ra làm chứng. Và cũng từ đó tôi biết không một ngọn giáo, mũi tên hay chiếc chùy nào trúng được vào tôi trước khi thời gian của tôi kết thúc, nhưng từ đâu tôi biết được điều đó, tôi không thể nói vì đó là điều bí mật.

Tôi tin chuyện anh ấy kể và rất tôn trọng anh bởi không có lý do gì để Horemheb bịa ra một chuyện như thế chỉ để giải khuây cho tôi và tôi cũng không nghĩ anh ấy có thể nghĩ ra nó dù muốn, bởi vì anh ấy là người chỉ tin và biết những gì bản thân nhìn thấy và tay có thể sờ được.

Anh ấy cho quân lính nghỉ lại trong doanh trại của quân Khabiri, ăn uống, bắn bia và tập ném giáo. Bia là lính Khabiri, những kẻ không thể làm nô lệ vì bị thương hoặc quá cứng đầu không làm nô lệ được. Như thế, binh lính sẽ không rên rỉ vì phải luyện tập mà hào hứng bắn và ném giáo. Nhưng vào ngày thứ ba, mùi tử thi trên cánh đồng bốc lên thật khủng khiếp; quạ, chó hung sa mạc và linh cẩu từ sa mạc đổ dồn về từng đàn, rú rít tru lên trên bãi chiến trường làm náo động cả đêm khiến không ai có thể ngủ được. Nhiều phụ nữ Khabiri cũng lấy tóc thắt cổ vì tóc họ để dài và không ai còn hứng thú với họ nữa. Đó là những người đàn bà gầy gò và bẩn thỉu, mắt ngậy dại như vùng hoang dã, mặc dù binh lính khen và coi họ là đẹp sau một thời gian dài không biết đến mùi vị đàn bà. Tất cả những điều này làm tôi dần trở nên không những chán chiến tranh mà tim tôi còn đau đớn với tất cả những gì người ta gây ra cho nhau. Khi nhìn vào những xác chết đã bị quạ mổ, xương bị chó rừng và linh cẩu gặm, tôi nói với viên cai đội tải lương bạn tôi:

- Chẳng mấy chốc những cái sợ này trở hều và sẽ không ai biết được ai là người Ai Cập, ai là người Khabiri, thậm chí tôi nghĩ thần linh sẽ không phân biệt được ai có trái tim trong sáng, đấu tranh cho lẽ phải và ai sai trái.

Nhưng viên cai đội tải lương vẫn không thấy buồn khổ gì khi đánh dấu vào cuốn sổ ghi chép của anh ta số lương thực đã bị quân Khabiri cướp, anh ta đếm đàn gia súc rồi nói:

- Chúng ta có một vị tướng dũng cảm và đầy thao lược, tiếng gầm của ngài trong trận chiến dũng mãnh hơn tiếng gầm của sư tử. Trong tai tôi, tiếng tru của chó hung sa mạc và linh cầu còn ngọt ngào hơn tiếng gào thét của quân Khabiri và tôi thà ngửi mùi tử thi hơn mùi của mũi giáo đâm trong da thịt mình. Nhưng điều anh nói về sợ và thần linh là đáng suy ngẫm, vì dù tôi biết lính Ai Cập gọi tên Amon khi ngã xuống trong chiến trận và nếu vững tin vào Osiris, anh ta sẽ được đi thẳng đến miền tây cho dù thi thể của anh ta không được giữ, nhưng nếu không để tâm đến điều đó, có thể tôi vẫn vui vì đã không ngã xuống nơi chiến trường. Các vị thần chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc phân biệt ai là người ngoan đạo, ai là kẻ tà tâm. Nhưng tại sao tôi không ngã xuống nơi chiến trường? Vì trong nỗi sợ hãi, tôi đã gào thét đến mức một tên lính Khabiri giờ giáo định đâm tôi bắt đầu run rẩy và nằm rạp xuống trước mặt tôi.

Vào ngày thứ ba, Horemheb tổ chức lại quân của mình và phái một đội trở lại Jerusalem, mang theo chiến lợi phẩm vì có quá ít thương nhân đến bãi chiến trường để mua nô lệ, dụng cụ nấu ăn và lúa mạch; và đội còn lại, anh cho đi chăn thả gia súc. Những người bị thương ở lại trong trại được đội lính đuổi sư tử ở lại bảo vệ, mặc dù phần lớn những người bị thương rồi cũng chết. Còn Horemheb cùng đoàn chiến xa đuổi theo quân Khabiri vì sau khi tra khảo tù nhân, anh ấy biết tin quân Khabiri đã mang được thần của họ theo khi chạy trốn.

Anh ấy lấy tôi theo, mặc dù tôi không muốn và tôi đứng sau anh ấy trên cỗ chiến xa, vừa giữ chặt eo anh ấy vừa ước giá như mình không bao giờ được sinh ra, vì anh ấy đánh xe như kẻ mất trí và tôi sợ chiếc chiến xa có thể lật bất cứ lúc nào làm tôi văng thẳng vào vách đá. Nhưng anh ấy cười, chế nhạo tôi và nói sẽ cho tôi ném mùi chiến tranh vì tôi đến để xem chiến tranh có điều gì nói với tôi không.

Anh ấy cho tôi ném mùi chiến tranh thật, và tôi thấy những cỗ chiến xa như cơn bão lốc tấn công vào quân Khabiri đang hát hò vui vẻ và vấy những cành cọ khi lừa gia súc cướp được vào nơi ẩn náu trong sa mạc. Đàn ngựa của anh ấy giẫm đạp lên người già, phụ nữ, trẻ em và khói của những căn lều đang cháy bao phủ quanh anh ấy; bằng máu và nước mắt, anh dạy cho quân Khabiri rằng tốt nhất họ cứ sống nghèo khổ ở nơi sa mạc và chết đói ở nơi trú ẩn của mình còn hơn tấn công vào đất Syria màu mỡ, giàu có để có dầu thơm bôi lên lớp da cháy sạm và trở nên béo tốt, no đủ nhờ lúa mạch cướp được. Thế là tôi đã ném trải một cuộc chiến không còn là chiến tranh mà là một cuộc đuổi bắt và đâm giết, cho đến khi Horemheb chán ngấy và cho dựng lại những trụ đá làm mốc biên giới bị quân Khabiri đạp đổ trước đó, thay vì dịch chúng vào xa hơn trong sa mạc mặc dù anh ấy có thể làm thế, bởi vì anh ấy nói:

- Tôi phải giữ lại mầm mống của Khabiri để có thể luyện cho quân đội chiến đấu, bởi nếu tôi tàn sát họ và lập lại hòa bình, cả nước sẽ không có nơi nào để tôi đánh trận. Thế giới đã sống trong hòa bình bốn mươi năm nay, tất cả các dân tộc hòa thuận với nhau và các vị vua của các đất nước vĩ đại gọi nhau là anh em hay bạn bè trong những lá thư của mình; và Pharaon gửi cho họ vàng để đúc tượng cho ngài và dựng đền thờ cho các vị thần của ngài. Vì thế tôi phải giữ lại mầm mống Khabiri, bởi chỉ trong một vài năm tới, đói khát sẽ đẩy họ ra khỏi sa mạc và họ sẽ quên những gì đã ném trải hôm nay.

Trên chiến xa của mình, anh ấy cũng đuổi kịp thần của người Khabiri và như chim ưng bổ thẳng vào cổ ngài, khiến những người khênh kiệu ném thần của họ xuống đất, bỏ rơi thần và trốn lên núi để tránh những cỗ chiến xa. Horemheb sai chặt thần của họ thành khúc và đốt cháy thần trước Sekhmet nên binh lính vỗ vào ngực mình và hãnh diện nói:

- Vậy là chúng ta đã đốt cháy thần của người Khabiri. Tên của thần này là Jehou hay Jahve và người Khabiri không có thần nào khác, vì vậy họ phải trở về sa mạc không có thần theo cùng, sẽ nghèo hơn cả khi họ từ đó ra đi, mặc dù họ vẫn vui vẻ hát ca và vung vẩy cành cọ.

5

Horemheb quay về Jerusalem nơi cư dân các vùng gần biên giới dồn về lánh nạn trong thời gian anh ấy ra chiến trận, bán lại cho họ gia súc, ngũ cốc, đồ nấu nướng của chính họ, khiến họ xé quần áo và hét lên: “Tên cướp này còn tệ hơn quân Khabiri”, nhưng họ không có gì phải lo vì có thể vay tiền từ đền thờ thần của mình, từ các thương nhân cũng như từ sở thuế. Còn những gì họ không thể chuộc lại, Horemheb bán cho các thương lái kéo đến Jerusalem từ khắp Syria. Bằng cách này, anh ấy có thể chia chiến lợi phẩm bằng đồng và bạc cho những người lính, và bây giờ tôi hiểu vì sao hầu hết những người bị thương đều chết bất chấp mọi cố gắng của tôi. Như thế, đồng đội của họ sẽ được nhận nhiều chiến lợi phẩm hơn và cũng có thể lấy trộm quần áo, vũ khí và đồ trang sức của những người bị thương, bằng cách không cho họ nước hoặc thức ăn, để họ chết. Vì vậy, tôi hiểu tại sao những gã đồ tể vô học lại vui vẻ xung quân ra chiến trường và giàu có khi trở về Ai Cập, mặc dù họ không giỏi giang gì.

Jerusalem nhộn nhạo và ồn ào, lè nhè tiếng hát hò và đầy tiếng lọc xọc, lách cách vang ra từ các nhạc cụ Syria. Những người

lính có đồng và bạc uống bia và hoan lạc với những cô gái tô vẽ được các thương lái mang đến, lúc vật nhau, lúc dùng vũ khí đánh nhau, gây thương tích cho nhau rồi trộm cắp của nhau và trộm của các thương lái, đến mức ngày ngày đều có những người bị treo ngược lên tường thành. Lính tráng không vì thế mà buồn bực hay giận dữ mà chỉ nói: “Xưa đã thế, sau này vẫn thế”. Họ tiêu đồng và bạc của mình vào gái và bia cho đến khi các thương lái rời đi, mang theo đồng và bạc của họ. Horemheb thu thuế các thương lái khi họ đến lẫn khi họ rời đi và anh ấy trở nên giàu có dù không nhận chiến lợi phẩm nào cho mình mà cho binh lính hết. Tuy nhiên, điều đó không làm anh ấy vui, vì khi tới đến chào tạm biệt để trở về Simyra, anh ấy bảo:

- Cuộc chinh phạt này đã kết thúc trước khi nó bắt đầu và Pharaon khiển trách tôi trong một tờ dụ của ngài rằng tôi đã gây đổ máu dù ngài đã ngăn cấm. Tôi phải dẫn đoàn bộ binh của mình về Ai Cập, giải tán chúng, nộp chim ưng và đuôi sư tử vào các đền thờ để bảo quản, nhưng tôi không thể nói việc gì sẽ xảy ra sau đó, vì đây là những đội quân duy nhất được huấn luyện ở Ai Cập, còn số khác không biết gì hơn ngoài việc ỉa bậy trên tường thành và chọc ghẹo đàn bà ở chợ. Thế có Amon, thật dễ cho Pharaon khi ngài cứ ngồi trong cung điện sáng tác những bài ca ca ngợi thần của mình và tin rằng có thể cai trị tất cả các dân tộc bằng tình yêu thương, nhưng giá như chỉ một lần ngài nghe được binh lính rên rỉ đau đớn và những người đàn bà gào khóc trong những ngôi làng đang cháy khi kẻ thù vượt qua biên giới, có lẽ ngài sẽ nghĩ khác.

- Ai Cập không có kẻ thù, vì Ai Cập quá giàu có và hùng mạnh, - tôi nói. - Danh tiếng của anh cũng đã lan truyền khắp Syria và quân Khabiri sẽ không dám vượt qua cột đá biên giới nữa. Cớ sao anh không giải tán quân đội của mình chứ, bởi vì nói thực lòng, khi say xỉn binh lính đập phá hỗn loạn như những con thú, nhà nông nặc mùi nước giải và người đầy chấy rận.

- Cậu không biết mình đang nói gì, - anh ấy nói, nhìn chăm chăm về phía trước rồi bực bội đưa tay gãi nách, bởi vì ngôi nhà đất sét hoàng gia trong thị trấn đầy rẫy cháy rận. - Ai Cập đang tự phụ và điều đó không đúng, bởi thế giới rộng lớn và mênh mông tai họa được gieo ở nơi mắt ta không nhìn thấy có thể lớn thành lửa và thành thảm họa. Chẳng hạn, tôi từng nghe vua xứ Amori háo hức gom ngựa và mua chiến xa, một việc hoàn toàn không thích hợp bởi lẽ ra điều ông ta cần làm là phải nộp thuế thường xuyên hơn cho Pharaon. Trong các bữa tiệc của mình, các quý tộc của ông ta nói người Amori trước đây đã cai trị cả thế giới; điều đó cũng đúng phần nào vì những người cuối cùng sống ở vùng đất Amori là người Hyksos.

- Aziru này là bạn tôi và là một người phù phiếm, vì tôi đã mạ vàng răng cho ông ta, - tôi nói. - Tôi cũng nghĩ bây giờ ông ta có nhiều mối lo khác, vì tôi nghe nói người thiếp mới của ông ta đang hút hết tinh lực của ông ta và trước sau cũng làm cho ông ta run chân, mỗi gối mà thôi.

- Cậu biết nhiều chuyện, Sinuhe ạ, - Horemheb nói và nhìn tôi thăm dò. - Cậu là một người tự do và quyết định việc mình làm; cậu đi từ thành phố này đến thành phố khác và nghe được nhiều chuyện người khác không được nghe. Nếu ở địa vị của cậu và tự do như cậu, tôi sẽ đi khắp các nước để học hỏi. Tôi sẽ đến vùng đất Mitanni, ghé thăm Babylon và có lẽ cũng sẽ xem ngày nay người Hittite sử dụng loại chiến xa gì, họ rèn luyện quân đội như thế nào, và đến các hải đảo xem những hải thuyền vốn được rất nhiều người nói đến của họ to lớn ra làm sao, nhưng tôi không thể vì Pharaon gọi tôi về. Tên tôi cũng đã nổi tiếng khắp Syria nên tôi khó nghe được những gì tôi muốn nghe. Nhưng cậu, Sinuhe, cậu ăn vận như người Syria, nói ngôn ngữ mà người có học ở tất cả các nước đều dùng; cậu còn là một danh y và không ai tin cậu hiểu biết điều gì khác ngoài những điều dành cho thầy thuốc. Lời nói của cậu cũng đơn giản và thường rất trẻ con trong tai tôi, và tuy cậu nhìn tôi mắt mở to nhưng tôi

biết tim cậu đang khép kín và cậu có điều gì đó mà không người nào biết. Tôi nói đúng không?

- Có lẽ anh nói đúng, - tôi nói, - nhưng anh muốn gì ở tôi?

- Cậu nghĩ sao nếu tôi đưa cho cậu rất nhiều vàng, - anh ấy nói, - và gửi cậu đến những đất nước mà tôi đã nói đến để hành nghề y và truyền bá danh tiếng của nền y học Ai Cập và cả của riêng cậu, một danh y, khiến giới giàu có và thượng lưu ở mọi thành phố mời cậu đến nhà và cậu nhìn thấu tâm can họ; có thể các vị vua và bậc vương quyền cũng mời cậu đến nhà họ và cậu biết được tâm tư của họ. Nhưng trong khi làm nghề của mình, cậu là tai, là mắt của tôi, cậu sẽ nhập vào tâm tất cả những điều mình thấy và nghe để lần nào đó khi quay về Ai Cập, cậu kể lại cho tôi.

- Tôi không bao giờ có ý định quay trở lại Ai Cập! - Tôi nói. - Anh cũng nói về những việc rất nguy hiểm, còn tôi lại không muốn bị treo ngược lên tường ở một thành phố xa lạ.

- Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến! - Anh ấy nói. - Tôi tin cậu sẽ trở về Ai Cập, bởi ai từng một lần uống nước sông Nile sẽ suốt đời nhớ nguồn nước đó. Những đàn nhạn và sếu cũng trở lại Ai Cập mỗi mùa đông chứ không ở lại bất kỳ nơi nào mãi mãi. Vì thế lời cậu như tiếng vo ve của đàn ruồi trong tai tôi. Cả vàng cũng chỉ là cát bụi dưới chân tôi và tôi muốn đổi nó thành tin tức. Cả lời cậu nói về bức tường thành cũng chẳng khác nào ruồi nặng với tôi, vì tôi không yêu cầu cậu làm điều gì có hại, sai trái hay vi phạm luật pháp của nước khác. Chẳng phải tất cả các thành phố lớn đều chào mời du khách đến thăm đền thờ của họ, tổ chức các lễ hội và trò giải trí để thu hút du khách đến tiêu vàng, trả lại cho cư dân thành phố đó sao? Cậu sẽ được chào đón ở mọi đất nước nếu cậu có vàng mang theo. Kỹ năng ngày một tiến bộ của cậu cũng được chào đón tại những nơi người già bị giết bằng rìu và người đau ốm bị đưa vào chết trong sa mạc, như tôi từng nghe kể. Các vị vua tự hào về sự vĩ đại của mình và thường cho binh lính đi hành để người lạ khi nhìn thấy cũng

tôn sùng sự vĩ đại của họ. Chẳng có gì xấu xa nếu cậu xem binh lính điều hành như thế nào và họ có những loại vũ khí gì, nếu cậu đếm số lượng chiến xa và ước lượng chúng to và nặng hay nhỏ và nhẹ, chở được hai hay ba người, vì tôi đã nghe kể trên một số chiến xa, ngoài người điều khiển còn có cả người cầm khiên trong trận chiến. Một điều quan trọng nữa tôi cần biết là binh lính có được ăn uống tốt và lấp lánh dầu xúc hay không, hay gầy gò và đầy chấy rận, và họ có tật ở mắt như những con rận bắn thủ của tôi không. Tôi còn nghe người Hittite đã niệm chú được một kim loại mới từ lòng đất và vũ khí rèn từ kim loại này đủ làm sút mẻ lưỡi rìu được rèn từ loại đồng tốt nhất; kim loại này màu xanh lam, được gọi là sắt, nhưng tôi không biết điều đó có đúng hay không, bởi có thể họ chỉ học được cách tôi luyện, pha trộn đồng mới, và tôi muốn biết cách làm này là thế nào. Song điều quan trọng nhất tôi phải biết là tâm ý của các quốc vương và tính cách các cận thần của họ ra sao.

Tôi nhìn anh ấy, song anh ấy không còn nhìn tôi mà chỉ hờ hững vung chiếc roi vàng trên tay rồi chăm chăm nhìn những bức tường đất sét và ghềnh đá của Jerusalem đang rực đỏ trong ánh nắng và những cây ô liu lá nhuốm bụi màu xám qua cửa sổ phía trên đầu tôi. Nhưng anh ấy còn nhìn xa hơn những cảnh ấy, như thể nhìn vào một vùng đất xa xôi, cổ ngẳng cao và ánh mắt u ám.

- Tôi hiểu điều anh nói, - tôi lên tiếng sau khi suy nghĩ hồi lâu. - Vào thời gian sau này lòng tôi cũng không yên và xốn xang như chim trong lồng. Vì thế tôi mới đến chỗ anh để ném trái xem chiến tranh là thế nào, dù đầy tớ của tôi đã cảnh báo. Tôi không phản đối việc đến những vùng đất xa xôi nơi nhiều người Ai Cập chưa từng đặt chân tới, bởi Simyra nhỏ bé và tôi cũng đã chán Simyra và khi nghe anh nói, tôi đã ngạc nhiên sao mình lại ở đó một thời gian dài như vậy. Nhưng có lẽ con người ta vốn chậm chạp khi quyết định và chậm chạp khi rời đi, trừ khi bị ai đó ra lệnh và bắt đi. Nhưng anh không phải là người ra lệnh cho tôi, tôi không hiểu anh muốn biết tất cả những điều đó làm gì và

anh được lợi gì về việc đó khi ngồi trong cung điện của Pharaon và vui đùa với phụ nữ.

Anh ấy chỉ nói:

- Hãy nhìn tôi.

Tôi nhìn anh ấy và càng nhìn càng thấy anh ấy lớn lên trong mắt mình, mắt anh ấy toát lên vẻ u ám và anh ấy trông như một vị thần, khiến tim tôi run lên và tôi cúi đầu, hai tay duỗi thẳng xuống ngang đầu gối. Anh ấy hỏi:

- Cậu đã tin tôi là người ra lệnh cho cậu chưa?

- Trái tim tôi mách bảo anh là người ra lệnh của tôi, nhưng tại sao như vậy thì tôi không biết. - Tôi nói với anh ấy, lưỡi tôi như cứng lại trong miệng và tôi thấy sợ. - Có lẽ đúng là anh được sinh ra để ra lệnh cho nhiều người, như anh từng nói. Vì vậy, tôi sẽ lên đường và mắt tôi sẽ là mắt của anh, tai tôi sẽ là tai của anh, nhưng tôi không biết liệu những gì tôi thấy và nghe có ích cho anh không, vì tôi là kẻ khù khờ trong những việc anh muốn biết, tôi chỉ là danh y giỏi hơn người. Nhưng tôi muốn làm hết sức mình, hoàn toàn không vì vàng mà chỉ vì anh là bạn tôi và có lẽ vì thần linh ra lệnh, nếu như có thần linh.

Anh ấy nói:

- Tôi không tin là một lúc nào đó cậu lại hối hận vì đã là bạn của tôi, nhưng dù sao tôi cũng đưa cậu vàng vì cậu sẽ cần nó, theo như hiểu biết của tôi về con người. Cậu cũng không cần biết tại sao những tin tức tôi cần lại quan trọng hơn cả vàng đối với tôi. Tuy nhiên tôi có thể nói với cậu rằng các pharaon vĩ đại đều phái những người tài giỏi đến cung điện của các vương quốc khác, còn các sứ thần của Pharaon hiện thời là những thằng ngu không biết gì khác ngoài việc gấp váy cho mình thế nào, cài tước hiệu của mình ra sao và mình cần đứng chỗ nào theo thứ bậc, bên phải hay bên trái Pharaon. Vì thế nếu gặp họ, cậu không cần

để ý đến họ mà hãy coi lời nói của họ như tiếng vo ve của ruồi trong tai.

Nhưng khi chúng tôi chia tay nhau, anh ấy đã cởi bỏ vẻ trang nghiêm của mình, đưa tay lên má tôi, chạm má mình vào vai tôi và nói:

- Tôi thấy thật nặng nề khi cậu đi xa, Sinuhe ạ, bởi nếu cậu cô đơn, tôi cũng cô đơn và không còn ai biết được những bí mật của trái tim tôi.

Tôi nghĩ rằng khi nói thế, anh ấy vẫn đang nghĩ về Công chúa Baketamon, người mà vẻ đẹp đã mê hoặc anh ấy.

Anh ấy đưa cho tôi rất nhiều vàng, nhiều hơn tôi có thể đoán, tôi nghĩ đó là tất cả số vàng anh ấy thu được trong trận chinh phạt ở Syria và anh ấy lệnh cho đội hộ tống đưa tôi đến miền duyên hải để chuyến đi của tôi an toàn, không lo bị cướp. Đến miền duyên hải, tôi đã đầu tư vàng vào các thương điểm lớn và đổi chúng lấy các bảng đất sét để vận chuyển an toàn hơn so với vàng, bởi vì bọn trộm cướp không được lợi lộc gì từ chúng, rồi tôi lên thuyền để trở về Simyra.

Tuy nhiên, tôi vẫn nói thêm rằng trước khi rời Jerusalem, tôi đã khoan sọ của một người lính bị chùy đập vào đầu khi đánh lộn trong cơn say tại đền Aton, khiến xương sọ bị vỡ và anh ta nằm hấp hối, không thể nói hay cử động chân tay. Nhưng anh ta đã không hồi phục, lên cơn sốt, lăn lộn và chết vào ngày hôm sau.

Sách thứ sáu

Ngày vua hồ

1

Trước khi bắt đầu vào sách mới, tôi cần phải ngợi ca thời quá khứ ấy, khi tôi được tự do đi qua nhiều nước và học được thêm bao nhiêu kiến thức, vì thời gian như thế chắc sẽ không bao giờ trở lại. Cứ thế, tôi du hành trong một thế giới bốn mươi năm liền không có chiến tranh, các đoàn chở hàng và thương gia được lính cấm vệ của các quốc vương bảo vệ, và vùng sông, biển được hải đội của pharaon các triều đại bảo vệ khỏi thủy hải tặc. Biên giới rộng mở và thương gia cùng du khách mang vàng theo người được chào đón ở khắp các thành phố; người ta không xúc phạm nhau mà cúi người chào, hạ tay xuống ngang đầu gối và học hỏi phong tục của nhau; người có học thức nói nhiều thứ tiếng và viết hai loại chữ. Các cánh đồng được tưới tiêu đem lại mùa màng bội thu và thay vào vị thế sông Nile, dòng Nile từ trời cao tưới nước cho ruộng đồng của miền đất đỏ. Những nơi tôi du hành qua, đàn gia súc lững thững, bình an trên đồng cỏ; người chăn dắt không giáo mác thổi tiêu và hát những bài ca vui nhộn; những đôi nho tươi tốt và cây ăn quả trĩu nặng trái chín; các giáo sĩ béo tốt, mặt bóng nhẫy dầu xúc và khói bốc lên từ vô số vật hiến tế trong sân trước các đền ở tất cả các nước; cả thần linh cũng mãn nguyện, nhân từ và béo tốt nhờ đủ loại đồ cúng tế. Người giàu giàu hơn, kẻ quyền thế quyền thế hơn, còn người nghèo lại nghèo hơn, như thần linh đã sắp đặt và như vậy, tất cả mọi người đều hài lòng, không than vãn, kêu ca. Trong tâm trí tôi hiện về những hình ảnh như vậy của một thời đã qua, thời có lẽ không bao giờ trở

lại, khi tôi còn trẻ và thân thể tôi chưa mệt mỏi với những chuyến đi dài, đôi mắt tò mò của tôi thêm được thấy những điều mới lạ, lòng tôi khao khát tri thức và háo hức tiếp nhận mọi điều.

Để ví dụ cho cuộc sống quy củ và ở mọi nơi đều như nhau, tôi có thể kể đến việc thương điểm của một ngôi đền ở Babylon đã không ngần ngại trao cho tôi số vàng được viết trên những bảng đất sét mà tôi nhận được từ thương điểm của mình ở Simyra; hay ở tất cả các thành phố lớn đều có thể mua rượu của vùng núi hay của bến cảng, những thứ được đưa từ xa đến; và ở các thành phố Syria, rượu vang vùng núi Babylon được cho là tốt nhất còn ở Babylon người ta trả vàng cho rượu Syria. Ai có vàng đều có thể mua nô lệ với màu da và dáng vóc khác nhau, mua trẻ em và người lớn, mua các cô gái trẻ để có người vui thú và thuê cho mình người làm công. Ai không có vàng thì làm việc chân tay cho đến khi tay chai cứng, da sần sùi và dày cộp hay lưng còng. Nhưng kẻ nào lén vào nhà giàu trộm vàng để uống rượu, tiêu khiển và mua nô lệ cho mình, kẻ đó sẽ bị bắt và treo ngược trên tường để làm gương cho kẻ khác.

Tôi đã ngơ ngác như thế về những ngày hạnh phúc đã qua, khi ngay cả mặt trời cũng chiếu sáng hơn và cơn gió cũng dịu dàng hơn những ngày tồi tệ này, còn giờ đây, tôi sẽ kể về tất cả những điều mắt tôi đã thấy và tai tôi đã nghe được trong những chuyến đi. Nhưng trước tiên, tôi cần kể tôi đã trở lại Simyra như thế nào.

Khi tôi trở về nhà mình ở Simyra, Kaptah lao về phía tôi, hét to lên, òa khóc sung sướng rồi nằm rạp xuống chân tôi và nói:

- Tạ ơn ngày may mắn đã đưa ông chủ tôi về nhà. Ông đã quay về mặc dù tôi nghĩ rằng ông đã chết trong trận chiến và tôi tin chắc ông đã bị ngọn giáo đâm xuyên người vì ông không chịu nghe lời cảnh báo của tôi mà muốn đi xem trận chiến tranh thế nào. Nhưng bạo hung của chúng ta đúng là vị thần uy lực đã bảo vệ ông, nên ngày hôm nay mới tươi đẹp làm sao. Tôi vô cùng

vui sướng khi nhìn thấy ông, vui đến trào nước mắt vì không kiểm chế được mình dù tôi tin rằng mình đã được thừa kế gia sản của ông và tất cả số vàng ông để vào thương điểm Simyra. Nhưng tôi không buồn về sự giàu có vừa vượt mất này bởi không có ông, tôi như con cừu non mất mẹ khốn khổ kêu be be và ngày tháng của tôi chỉ là bóng tối. Tôi cũng không lấy cắp nhiều hơn trong lúc ông vắng nhà mà đã trông coi ngôi nhà của ông, đồ đạc của ông cũng như tất cả của cải của ông để khi trở về, ông trở nên giàu có hơn lúc ra đi.

Ông ta rửa chân cho tôi, gội nước lên tay tôi, chăm sóc tôi bằng mọi cách và khóc lóc không dứt cho đến khi tôi bảo ông ta im đi và nói:

- Hãy chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng, vì chúng ta sẽ làm một chuyến đi dài, có thể kéo dài nhiều năm và đầy khó khăn cực nhọc, chúng ta đến xứ Mitanni, Babylon và các hải đảo.

Kaptah lập tức im bật, nét mặt trở nên tối sầm và xám ngoét vì sợ hãi, rồi ông ta hét lên:

- Thề có bọ hung, ông chủ của tôi đã mất trí và tốt nhất tôi nên trói ông lại, bỏ đĩa lên cánh tay và đầu gối ông. Vì ở Simyra chúng ta no đủ, chúng ta rưới mật ong lên bánh mì của mình, các thương gia và quan lại của thành phố tôn trọng chúng ta, các trinh nữ của đền Ishtar cũng đã học được từ các thủy thủ nhiều cách thức quyến rũ đàn ông mới và làm cho thân thể họ nhảy tanh tách như cá trên đất khô, vậy nên tốt nhất ông hãy đi ngay đến đền cúng tế hầu quên đi những lời nói điên rồ.

Tôi bảo ông ta:

- Ta không tự quyết định đường đi của mình được nữa, nhưng vì sao thì ta không muốn kể với ông, vì ông là nô lệ và ngu dốt. Nhưng thôi cứ làm như ông muốn, hãy ở lại đây trông coi nhà cũng như tài sản của ta và thỏa sức vui thú với những đàn bà mà ta không muốn gọi là trinh nữ của đền thờ, trong khi ta đi

vắng. Ta sẽ đi một mình nếu ông không muốn đi cùng, ta không ép buộc ông bởi trong chuyến đi dài, ông có thể gây cho ta nhiều rắc rối hơn là thuận lợi.

Lúc đó Kaptah bắt đầu gào khóc và hét lên:

- Giá như tôi chưa bao giờ được sinh ra trên thế gian này. Giá như tôi chưa bao giờ béo lên và có được những ngày tốt đẹp, vì ai đã từng được sung sướng, người đó càng khó từ bỏ ấm no. Nếu ông chỉ đi một hoặc hai tháng như trước đây, tôi sẽ không nói gì mà chỉ yên tâm ở lại Simyra. Nhưng nếu chuyến đi của ông kéo dài hàng năm, có thể ông sẽ không bao giờ quay lại thì tôi sẽ không bao giờ được thấy ông nữa. Vì thế tôi phải theo ông và mang theo bộ hung linh thiêng của chúng ta, bởi trên hành trình như vậy ông cần tất cả vận may mà ông có và nếu thiếu bộ hung, ông sẽ rơi xuống vực trên đường đi, bọn trộm cướp sẽ đâm giáo nát người ông. Không có tôi và kinh nghiệm của tôi, ông như con bê con bị tên trộm trói hai chân sau rồi vác trên lưng đi bất cứ đâu và không có tôi, ông như người đàn ông bị chằm mắt và bắt lực quờ tay về phía trước dò đường đi, khiến ai gặp ông đều thỏa sức lấy hết đồ của ông khi chưa kịp bị phát hiện. Tôi không cho phép điều đó, bởi nếu phải có ai đó trộm của ông thì tốt nhất người đó là tôi, vì tôi lấy của ông một cách vừa phải và cẩn trọng, cân nhắc tới lợi ích của ông. Nhưng tốt hơn cả là chúng ta nên ở lại trong nhà của chúng ta ở Simyra thôi.

Quả thật theo thời gian Kaptah đã trở nên trơ tráo hơn, đã nói “nhà của chúng ta”, “bộ hung của chúng ta” và khi trả tiền, ông ta đã nói “vàng của chúng ta”. Nhưng tôi đã mệt mỏi về chuyện này và chán ngấy lời than vãn của ông ta nên cuối cùng tôi cầm cây gậy của mình lên, cho tấm lưng béo ấy một trận nhừ đòn để ông ta có lý do thật sự mà gào khóc, rồi tôi nói:

- Tim ta mách bảo rồi sẽ có lúc ông bị treo ngược trên tường vì sự hỗn xược của mình. Nói nhanh, ông đi với ta hay ở lại? Nhưng trước hết, hãy thôi ngay cơn lải nhải muôn thuở của ông

đi, nó làm ngứa tai ta trong khi ta phải chuẩn bị cho một chuyến đi dài.

Nghe thế Kaptah trấn tĩnh lại, phục tùng số phận của mình và chúng tôi chuẩn bị cho chuyến đi. Bởi ông ta đã từng thể không bao giờ bước chân lên thuyền, nên chúng tôi nhập vào một đoàn lũ hành đang đi về phía bắc Syria, vì tôi muốn nhìn thấy những khu rừng tuyết tùng Li-băng, nơi có những cây thân gỗ được dùng để xây cung điện và đóng thuyền thiêng cho thần Amon. Tôi không có nhiều điều để kể về chuyến đi vì nó đơn điệu và chúng tôi không bị lũ cướp đường quấy nhiễu. Các nhà nghỉ được trang bị tốt, chúng tôi ăn uống thoải mái và ở một số trạm nghỉ, bệnh nhân tìm đến tôi và tôi chữa lành cho họ. Tôi ngồi kiệu vì đã quá ngán cưỡi lừa, Kaptah cũng không thích lừa nhưng tôi không thể cho ông ta cùng ngồi kiệu với mình để khỏi mất thanh danh trong mắt những hành khách khác, vì ông ta là đầy tớ của tôi. Vì thế Kaptah than vãn rất nhiều và nói ông ta muốn chết. Tôi nhắc ông ta rằng chúng tôi có thể thực hiện chuyến đi này nhanh hơn và dễ chịu hơn bằng thuyền, nhưng điều đó không an ủi được ông ta là bao. Gió khô cào rát mặt tôi đến nỗi tôi phải liên tục bôi dầu lên da; bụi bám vào cổ họng và những con rận cát làm phiền tôi, nhưng tôi nghĩ những trở ngại này là chuyện nhỏ và tôi vui mừng với tất cả những điều mắt mình nhìn thấy.

Tôi cũng thấy những rừng tuyết tùng và những cây to đến mức không người Ai Cập nào tin là có thật nếu tôi kể, nên tôi sẽ không kể. Nhưng tôi buộc phải nói rằng mùi hương của những khu rừng này thật huyền diệu, cũng như những dòng suối trong vắt và tôi đã nghĩ chắc không ai có thể cảm thấy bất hạnh ở đất nước tuyết vời này. Tôi đã nghĩ thế cho đến khi nhìn thấy những nô lệ chặt cây và róc cành để vận chuyển dọc theo sườn núi ra bờ biển. Nỗi khốn khổ của những nô lệ này là vô cùng, tay chân họ đầy vết thương và vết xước do vỏ cây và dụng cụ làm việc gây nên, ruồi bâu lúc nhúc kín những vết roi trên lưng họ, khiến tôi không còn nghĩ như trước nữa sau khi nhìn cảnh ấy.

Nhưng Kaptah lại giải khuây bằng việc tính xem ông ta sẽ giàu đến mức nào nếu sở hữu tất cả những cây này ở Ai Cập; ông ta sẽ dùng thuyền chở tất cả đến bến ở Thebes. Ông ta tính giá một cây to đủ để một người đàn ông bình thường nuôi sống gia đình suốt đời, cho con trai học thành ký lục và con gái được gả vào một dòng họ tốt. Ông ta bắt đầu đếm cây nhưng cây nhiều vô kể và đầu ông ta rối tung, ông ta bắt đầu đếm lại và cuối cùng gào lên: “Tim tôi nhói đau khi thấy tất cả sự giàu có nhường này chỉ hoài phí đung đưa trong gió”. Thế là ông ta kéo áo trùm lên đầu để không thấy rừng cây nữa. Còn tôi, khi nghe tiếng rì rào trong tán tuyết tùng, tôi lại nghĩ cũng đáng cho một chuyến đi dài và xa để nghe được âm thanh ấy.

Cuối cùng chúng tôi đến thành phố Kadesh, nơi có một pháo đài và khu kiều dân lớn của Ai Cập. Nhưng trên thành pháo đài không có lính gác, cỏ mọc kín hào nước xung quanh thành, quân lính và chỉ huy sống trong thành phố cùng với gia đình họ và chỉ nhớ mình là lính vào những ngày kho của Pharaon phân phát lương thực, hành và bia. Chúng tôi nán lại trong thành phố để những vết thương do cuội lửa trên mông Kaptah kịp đóng sẹo và tôi chữa cho nhiều bệnh nhân ở đó, vì các thầy thuốc Ai Cập trong thành phố không đủ tốt; tên họ đã bị xóa khỏi Sinh thư từ lâu, nếu một lúc nào đó đã có trong ấy. Vậy nên người bệnh thường sai đưa mình đến xứ Mitanni nếu họ có đủ vàng và đành chịu ở đó cho các thầy thuốc đã học nghề ở Babylon chữa trị. Tôi nhìn thấy ở thành phố này những tượng đài được các pharaon vĩ đại cho xây dựng và tôi đọc trên đó những dòng chữ kể về chiến thắng của họ cùng với sự thất bại của kẻ thù và những cuộc săn voi của họ. Ở đây tôi cũng cho khắc một ấn triện bằng đá quý vì muốn mình được kính trọng ở những nước này, bởi khác với ở Ai Cập, ấn triện ở đây không gắn vào nhẫn đeo trên ngón tay mà treo trên cổ vì nó có hình trụ với một lỗ thủng ở giữa và được quấn quanh bằng đất sét nên có thể in dấu trên bảng. Còn người nghèo và người ít học thì chỉ ấn ngón tay cái xuống bảng đất sét nếu họ có việc dùng bảng.

Nhưng Kadesh là một thành phố rất buồn bã và ảm đạm, khô rang dưới cái nắng ban ngày và đời bại đến mức cả Kaptah cũng muốn tiếp tục cuộc hành trình, mặc dù ông ta rất sợ ngồi trên con lừa của mình. Sự thay đổi duy nhất diễn ra ở đó là các đoàn hành hương từ tất cả các nước đều đi qua đây vì thành phố nằm ở ngã ba đường. Nhưng tất cả các thành phố biên ải đều như thế, dù dưới triều đại bất cứ vị vua nào, là nơi đầy ải các võ quan và binh lính, dù quân đội của họ thuộc về Ai Cập hay Mitanni, Babylon hay Hatti. Vì thế ở bất cứ thành phố biên ải nào, tôi không nghe thấy binh lính và cai, cơ làm gì khác ngoài việc nguyên rửa sự có mặt của chính mình trên thế gian, chơi bời và ẩu đả nhau, uống loại bia chua lèm và vui thú với đàn bà, dù đàn bà ít khi mang lại cho họ niềm vui mà phần nhiều chỉ nỗi buồn.

Chúng tôi tiếp tục đi và vượt qua biên giới đến vùng đất Naharani mà không bị ai chặn lại, nhưng lại gặp một dòng sông nước chảy ngược lên chứ không xuôi xuống như sông Nile. Người ta cho biết chúng tôi đang ở đất Mitanni và chúng tôi trả thuế du lịch cho sở thuế của hoàng gia. Vì chúng tôi là người Ai Cập nên mọi người dành cho chúng tôi sự đối xử tôn trọng, họ đến gặp chúng tôi trên đường phố và nói:

- Chào mừng các ngài đã đến, chúng tôi rất vui khi thấy người Ai Cập, vì rất lâu rồi chúng tôi không thấy người Ai Cập nào. Pharaon đã không gửi binh lính và vũ khí cũng như vàng đến đất nước chúng tôi, làm chúng tôi rất buồn chồn. Có tin đồn rằng ngài đã chào mời quốc vương chúng tôi một vị thần mới mà chúng tôi không hề biết chút gì, dù chúng tôi đã có thần Ishtar ở Nineveh và nhiều vị thần vĩ đại khác bảo vệ từ trước đến nay.

Họ mời tôi đến nhà và thết đãi tôi, Kaptah cũng được họ cho ăn và uống vì ông ấy là người Ai Cập, mặc dù chỉ là đầy tớ của tôi, nên Kaptah nói:

- Đây là xứ sở tốt. Chúng ta hãy ở lại đây thôi ông chủ ạ, để làm nghề thuốc. Vì tôi thấy người ở đây thiếu hiểu biết, cả tin và dễ bị lừa.

Vua Mitanni và triều đình chuyển vào vùng núi ở phía bắc vào quãng thời gian nóng nhất của mùa hè nhưng tôi không muốn đi theo họ, vì tôi đang rất nôn nóng và khát khao được nhìn thấy tất cả những điều kỳ diệu của Babylon mà tôi đã nghe nói đến rất nhiều. Nhưng tuân lệnh Horemheb, tôi bắt chuyện với cả người quý phái lẫn thường dân, tất cả đều nói giống nhau nên tôi hiểu rằng lòng họ thật sự không yên. Bởi ngày xưa xứ Mitanni vốn rất hùng mạnh nhưng bây giờ là một vùng đất bất ổn, bao quanh bởi Babylon ở phía đông, dân mọi rợ ở phía bắc và phía tây là người Hittite trong vương quốc Hatti. Càng nghe họ nói về người Hittite mà họ sợ, tôi càng hiểu ra rằng mình phải đặt chân đến đất Hatti, nhưng trước tiên tôi muốn đến Babylon.

Người dân xứ Mitanni này nhỏ nhắn, phụ nữ của họ rất đẹp và thon thả, trẻ con của họ trông như búp bê. Có lẽ họ từng là một dân tộc hùng mạnh, vì họ kể rằng đã có lúc họ cai trị tất cả các bộ tộc ở phía bắc, phía nam, phía đông và phía tây, nhưng tất cả các dân tộc khác cũng từng nói như vậy. Tôi không tin rằng thuở xưa họ đã từng chiến thắng và cướp bóc Babylon cho dù họ kể thế, mà nếu quả đúng như vậy thì họ đã làm điều đó với sự giúp đỡ của các pharaon. Bởi vì từ thời các pharaon vĩ đại, vùng đất này đã phụ thuộc vào Ai Cập và trong vòng hai thế hệ, con gái các quốc vương của Mitanni đã sống trong cung điện của pharaon và làm phi tần của họ. Chiến xa của tổ tiên dòng họ Amenhotep đã từng có mặt trên khắp xứ Naharani này và trong các thành phố vẫn còn các bia ký ghi chiến tích của họ. Khi nghe những lời kể và than vãn của người Mitanni, tôi hiểu rằng đất nước này được thiết lập để làm vùng đệm, bảo vệ Syria và Ai Cập khỏi sự cai trị của Babylon và các bộ tộc mọi rợ; là lá chắn của Syria, đất nước này nhận vào mình những ngọn giáo nhắm tới quyền lực của Ai Cập. Vì thế, và chỉ vì thế, các pharaon đã giúp quốc vương xứ này giữ vững ngai vàng vốn bị lung lay và gửi

cho ông ta vàng, vũ khí và các đội lính đánh thuê. Nhưng dân chúng không hiểu điều này mà chỉ tự hào về xứ sở vĩ đại và hùng mạnh của mình. Họ nói:

- Công chúa của chúng tôi, Tadukhipa, đã là vương phi vĩ đại ở Thebes khi nàng chỉ là một đứa trẻ, và đã đột ngột qua đời. Chúng tôi không hiểu vì sao Pharaon không còn gửi vàng cho chúng tôi, mặc dù theo trí nhớ của chúng tôi, các pharaon đều yêu quý các quốc vương của chúng tôi như anh em và vì mối thâm tình này mà đã gửi cho họ các cỗ chiến xa, vũ khí, vàng và quà tặng đắt tiền.

Nhưng tôi thấy đất nước này đã quá rệu rã và sắp lụi tàn, bóng thần chết đang lơ lửng phía trên những ngôi đền và những tòa nhà to đẹp của nó. Bản thân họ không nhận thấy điều đó mà chỉ chú tâm đến những thứ mình ăn, cố công chế biến chúng sao cho lạ mắt nhất và tiêu phí thời gian thử quần áo mới, giày mũi cong, mũ chóp cao và hết sức cẩn thận chọn đồ trang sức cho mình. Cánh tay của họ thon thả như tay người Ai Cập và làn da phụ nữ của họ mỏng mịn đến mức có thể thấy máu chảy trong huyết quản; họ nói năng, cư xử từ tốn và cả nam lẫn nữ từ tấm bé đã học cách đi đứng duyên dáng. Sống ở đất nước này thật dễ chịu, cả những âm thanh ồn ã và tiếng lè nhè trong các nhà vui ở đây cũng không làm nhức tai mà tất cả diễn ra lặng lẽ và độc đáo, khiến tôi có cảm tưởng mình nói to và vụng về khi tán gẫu và uống rượu với họ. Nhưng trái tim tôi trĩu nặng khi nhìn họ, vì tôi đã nếm trải chiến tranh và nếu tất cả đúng như những gì họ nói về xứ Hatti, đất nước của họ là một vùng đất sắp diệt vong.

Kiến thức y học của họ cũng rất uyên bác, danh y của họ là những người có tài, có hiểu biết chuyên môn và biết rất nhiều điều mà tôi không biết. Chẳng hạn, họ cho tôi một loại thuốc tẩy giun ít gây đau đớn và dễ dùng hơn bất kỳ loại thuốc nào tôi từng biết. Họ cũng biết cách dùng kim chữa cho người mù nhìn được và tôi cũng học được từ họ cách dùng kim tốt hơn. Nhưng

họ không hề biết đến khoan sọ, cũng không tin những gì tôi kể với họ mà nói rằng chỉ thần linh mới có thể chữa lành các bệnh về não và dù cho các vị thần có chữa lành cho họ, họ cũng không bao giờ trở lại như trước, vì vậy tốt hơn nên để họ chết.

Tuy nhiên, người dân Mitanni rất tò mò, họ đến gặp tôi và đưa bệnh nhân đến chỗ tôi, bởi vì tất cả những người lạ đều thu hút họ, giống như việc họ thích mặc quần áo khác lạ, ăn món ăn lạ, uống rượu miền núi và yêu thích trang sức từ xứ lạ, và họ cũng muốn thấy thuốc nước ngoài chữa bệnh cho mình. Những phụ nữ ở đó đến gặp tôi, cười với tôi, kể cho tôi nghe về căn bệnh của mình và phàn nàn rằng chồng họ lạnh lùng, lười biếng và mệt mỏi. Tôi biết rõ họ muốn gì ở tôi, nhưng tôi không động vào người họ để mua vui vì tôi không muốn vi phạm luật pháp nước ngoài. Thay vào đó, tôi đưa cho họ những loại thuốc để họ có thể bí mật hòa lẫn vào rượu của chồng mình, những loại thuốc tôi nhận được từ các thầy thuốc Simyra, những loại khiến cả người ốm sắp chết cũng có thể vui cùng phụ nữ, bởi các danh y Syria là những người giỏi nhất thế giới về khoản này và thuốc loại này của họ mạnh hơn thuốc Ai Cập. Nhưng những phụ nữ đó có đưa thuốc cho chồng không, hay lại chỉ đưa cho những người đàn ông lạ, tôi thật sự không biết, song tôi nghĩ họ thích những người lạ hơn chồng mình, vì cách sống của họ rất phóng túng và họ không có con; cũng từ điều này mà tôi đi đến kết luận là bóng thần chết đang che phủ xứ này.

Tôi cần kể thêm rằng người dân của đất nước này không còn biết đâu là biên giới của họ, bởi đá mốc biên cương của họ liên tục bị dịch chuyển, vì người Hittite chất những hòn đá lên chiến xa, chở đi và đặt xuống bất cứ chỗ nào mình muốn. Nếu họ phản đối, người Hittite chỉ cười và bảo họ cứ việc dịch chuyển những hòn đá trở lại nếu thật sự muốn. Nhưng họ không muốn, vì nếu điều họ nói về người Hittite là đúng thì trên trái đất này chưa bao giờ có dân tộc nào tàn nhẫn và đáng sợ như vậy. Theo lời kể của họ, niềm vui lớn nhất của người Hittite là được nghe tiếng gào thét của những kẻ bị xẻ thịt và thấy máu phun ra từ những

vết thương hở hoác; và người Mitanni miền biên cương đã phàn nàn vì gia súc của chúng giày xéo ruộng đồng và ăn cây trồng, rồi chúng còn nhạo báng, bảo họ nhắc những cột đá làm mốc biên giới về chỗ cũ. Chúng cũng chặt chân họ rồi bảo hãy chạy đến chỗ quốc vương mà than khóc, chúng còn rách da đầu họ và kéo da xuống che mắt để họ không thể thấy những cột đá làm mốc ranh giới đã được xê dịch thế nào. Người dân Mitanni cũng nói rằng người Hittite nhạo báng các vị thần Ai Cập, một sự sỉ nhục lớn đối với toàn Ai Cập, và như vậy là đã có quá đủ lý do để Pharaon gửi vàng, vũ khí và lính đánh thuê đến xứ Mitanni giúp họ chiến đấu chống lại người Hittite, mặc dù họ không thích chiến tranh mà chỉ mong quân Hittite rút đi khi thấy quân đội của Pharaon đến bảo vệ Mitanni. Tôi không thể nhắc lại và không thể kể ra tất cả những điều xấu xa mà người Hittite đã gây ra cũng như những hành động tàn ác và lễ nghi đáng hổ thẹn mà chúng làm. Họ nói rằng người Hittite còn tồi tệ hơn cả châu chấu, bởi sau khi đàn châu chấu bay đi, đất đai tốt trở lại, nhưng nơi nào chiến xa của Hittite đi qua, nơi đó cỏ không mọc được nữa.

Tôi không muốn ở lại xứ Mitanni lâu hơn, vì tôi nghĩ mình đã biết được tất cả những điều muốn biết, và danh tiếng thầy thuốc của tôi bị xúc phạm bởi sự nghi ngờ của các danh y Mitanni, họ không tin những gì tôi nói với họ về khoan sọ. Nhưng sau đó, một người quyền quý đã đến nhà trọ của tôi và than phiền là anh ta nghe thấy tiếng âm ào không dứt của sóng biển trong tai, và hay bị ngã, có lúc ngất đi và đau đầu khủng khiếp đến nỗi không còn muốn sống nếu không ai có thể chữa lành cho anh ta. Các thầy thuốc Mitanni không muốn chữa cho anh ta, nên anh ta chỉ muốn chết, vì sống chỉ khiến anh thêm đau đớn. Tôi nói với anh ta:

- Có thể anh sẽ khỏi nếu anh cho tôi khoan hộp sọ của mình, nhưng nhiều khả năng là anh sẽ chết, bởi trong một trăm người chỉ có một người sống sót sau khi bị khoan sọ.

Anh ta đáp:

- Tôi điên mới không đồng ý với đề nghị của ông, bởi vì ít nhất tôi cũng có một phần trăm cơ hội sống, còn nếu tôi tự làm cho đầu mình hết đau, tôi sẽ nằm dài và không bao giờ dậy nữa. Quả thực tôi không tin ông có thể chữa lành cho tôi nhưng nếu ông khoan sọ của tôi, tôi sẽ không phạm tội với thần linh như khi tôi tự kết liễu đời mình. Nếu kết quả trái với dự đoán của tôi, ông chữa cho tôi khỏi bệnh, tôi sẽ vui lòng trao cho ông một nửa những thứ tôi có, không hề ít, còn nếu tôi chết, ông cũng không phải ân hận mà vẫn được nhận một món quà lớn.

Tôi khám anh ta một cách kỹ lưỡng và dùng tay kiểm tra mọi điểm trên đầu anh ta, nhưng sự đụng chạm của tôi không khiến anh ta đau đớn, điểm chạm nào cũng thế. Khi ấy Kaptah nói:

- Ông hãy lấy búa gõ vào đầu anh ta, có mất gì đâu.

Tôi dùng búa gõ vào nhiều chỗ trên đầu anh ta, anh ta không phản nản, nhưng đột nhiên thét lên, ngã xuống đất và bất tỉnh. Nên tôi nghĩ có lẽ mình đã tìm thấy điểm tốt nhất trên hộp sọ để khoan. Tôi mời tất cả các danh y Mitanni, những người không tin tôi, đến và nói:

- Có thể tin tôi hoặc không, nhưng tôi sẽ chọc thủng sọ người đàn ông này để chữa cho anh ta, mặc dù nhiều khả năng là anh ta sẽ chết.

Nhưng các thầy thuốc cười nhạo tôi và nói:

- Chúng tôi thật sự muốn nhìn thấy việc đó.

Tôi xin lửa từ đền thờ Amon, tẩy rửa mình và tẩy rửa cả người bệnh quyền quý của tôi rồi tẩy trùng tất cả các thứ trong phòng. Vào giữa trưa khi ánh nắng sáng rõ nhất, tôi bắt đầu bằng việc mở da đầu anh ta và chặn các mạch máu bằng sắt nung đỏ, nói rằng tôi rất lấy làm tiếc về cơn đau mà tôi gây ra, nhưng bệnh

nhân của tôi nói cơn đau này không thấm vào đâu so với những cơn đau đầu mà anh ta phải chịu hằng ngày. Tôi cho anh ta uống rất nhiều rượu mà tôi đã pha với các loại thuốc tê khiến mắt anh ta trợn trừng như mắt cá chết và anh ta vẫn rất vui vẻ. Sau đó, tôi rạch lớp da đầu của anh ta một cách cẩn thận nhất có thể bằng các đồ nghề mà tôi có; anh ta thậm chí không ngất mà thở sâu và nói đã cảm thấy nhẹ hơn ngay khi tôi nhấc mẫu xương vừa gỡ ra khỏi chỗ của nó. Lòng tôi mừng rỡ vì chỗ tôi mổ là nơi ma quỷ hay linh hồn của mầm bệnh đã đẻ trứng vào đó, như Ptahor đã dạy, nó có màu đỏ và xấu xí, cỡ bằng trứng chim nhạn. Tôi đã dùng tất cả kỹ năng của mình để lấy nó ra, đốt cháy mọi thứ dính với nó trong não rồi đưa nó cho các thầy thuốc xem; họ xem và không cười nữa. Tôi bó hộp sọ bằng một tấm bạc rồi khâu da đầu lên nó; bệnh nhân có ý thức trong suốt thời gian đó. Anh ta đứng dậy, đi lại và cảm ơn tôi rất nhiều vì không còn nghe thấy tiếng ong ong khủng khiếp trong tai và những cơn đau cũng đã dứt.

Từ ca phẫu thuật này, danh tiếng của tôi lan khắp xứ Mitanni và còn bay đến tận Babylon trước tôi. Nhưng bệnh nhân của tôi bắt đầu uống rượu và thỏa mãn ham muốn, cơ thể phát sốt và anh ta mê sảng, đến ngày thứ ba anh ta ra khỏi giường và chạy đi, ngã từ tường thành xuống, gãy cổ và chết. Tuy vậy mọi người ai cũng nói rằng lỗi không phải ở tôi và hết lời khen ngợi tài năng của tôi.

Nhưng Kaptah và tôi thuê một chiếc thuyền, chèo xuôi dòng sông xuống Babylon.

2

Vương quốc mà Babylon cai trị được gọi bằng nhiều tên, cũng được gọi là Kaldea hay Khossea, theo tên các tộc người sống ở đó. Nhưng tôi gọi nó là Babylon bởi như vậy ai cũng sẽ biết đây là đâu. Đây là một vùng đất màu mỡ, các cánh đồng có rất nhiều

kênh tưới tiêu, đất đai bằng phẳng, trái dài hút tầm mắt, khác với Ai Cập. Về mặt này cũng như trong mọi việc, ở đây đều khác, tỷ như ở Ai Cập, đàn bà quỳ gối xuống đất và xoay tròn cối đá để nghiền hạt ngũ cốc, còn ở Babylon, đàn bà ngồi và xoay hai phiến đá vào nhau, nặng nhọc hơn nhiều.

Ở nơi này không có cây cao và cây cối ít đến mức ai chặt cây sẽ bị khép tội chống lại con người lẫn thần linh và trong luật pháp có quy định hình phạt cho tội này. Còn người nào trồng cây, người đó nhận được sự che chở của thần. Dân ở Babylon cũng đầy đà hơn, béo tốt hơn người ở bất cứ nơi nào khác và họ hay cười, như thường thấy ở những người béo. Họ ăn nhiều chất bột khó tiêu, tôi nhìn thấy trong nhà họ những con chim mà họ gọi là gà không biết bay, chúng sống với người và hằng ngày tặng cho người quả trứng to như trứng cá sấu; tôi kể điều này dù biết sẽ không ai tin nếu chỉ nghe kể. Người ta cho tôi trứng này để ăn và người dân Babylon coi chúng là món khoái khẩu. Tuy nhiên, tôi không dám động vào chúng vì cẩn tắc vô lo, tôi hài lòng với những món ăn mình quen dùng hoặc ít nhất biết chúng được chế biến như thế nào.

Người dân nước này nói Babylon là một trong những thành phố lâu đời nhất và lớn nhất trên thế giới, nhưng tôi không tin lời họ, vì tôi biết Thebes là thành phố lâu đời nhất và lớn nhất. Tôi vẫn tiếp tục nói trên thế giới không có thành phố nào như Thebes nhưng tôi phải thừa nhận rằng Babylon làm tôi ngạc nhiên bởi sự vĩ đại và giàu có của nó, bởi vì tường thành của nó cao như núi và rất đáng sợ, còn những ngọn tháp mà họ xây cho các vị thần của họ vươn tận trời cao. Các ngôi nhà trong thành phố được xây tới bốn, năm tầng nên mọi người ở và sinh hoạt trên hoặc dưới nhau và không ở đâu, ngay cả ở Thebes, tôi thấy các cửa hiệu giàu có, sang trọng và nhiều hàng hóa như trong các thương điểm của đền.

Thần của họ là Marduk và họ đã xây cho Ishtar một cái cổng lớn hơn tháp môn đền Amon, ốp gạch tráng men nhiều màu sắc sỡ,

tạo nên những hình ảnh làm lóa mắt người trong ánh nắng ban ngày. Từ cổng này, một con đường rộng rãi dẫn đến Tháp Marduk, tòa tháp được xây thành các tầng với con đường thoải thoải và rộng để đi lên đỉnh tháp, rộng đến mức nhiều xe ngựa có thể chạy cạnh nhau. Trên đỉnh tháp là chỗ ở của các nhà thiên văn, những người biết mọi thứ về các thiên thể, biết tính toán quỹ đạo của chúng và thông báo ngày tốt, ngày xấu để mọi người có thể dựa vào đó thu xếp cuộc sống của họ. Người ta nói họ cũng có khả năng dự đoán tương lai con người nhưng để làm được việc đó, người ta phải biết chính xác ngày, giờ sinh của mình, vì vậy tôi không thể kiểm chứng tài năng của họ, việc mà tôi ao ước làm nhưng lại không biết chính xác giờ sinh của mình.

Tôi có vàng nhiều hơn mức cần phải lấy từ kho bạc của đền bằng cách đổi những bảng đất sét của mình, vì thế tôi ở trong một nhà trọ lớn cạnh Cổng Ishtar, một tòa nhà có nhiều tầng, trên mái trồng nhiều bụi hương đào, có suối chảy róc rách và cá nhảy trong ao. Nhà trọ này là nhà ở dành cho giới quyền quý khi họ từ trang trại của mình đến thành phố mà không có nhà riêng ở Babylon. Cả sứ thần ngoại quốc cũng sống ở đây. Các phòng đều phủ thảm dày, nơi nghỉ được trải các tấm da thú, còn tường là gạch thủy tinh nhiều màu sắc với các hình ảnh đầy tính giải trí và vui nhộn. Tên nhà trọ này là “Vọng lâu Ishtar”, vì nó thuộc về tháp của thần này, giống như tất cả những thứ quan trọng khác ở Babylon. Nếu tính cả người ở và người phục vụ trong tất cả các phòng, tôi tin rằng chỉ riêng tòa nhà đó đã có nhiều người hơn một khu phố của Thebes, dù không ai tin nếu chính mình không sống ở đó.

Không nơi nào trên thế giới có nhiều người tứ xứ như ở Babylon và không nơi nào có thể nghe nhiều thứ tiếng như ở đây, vì chính người dân Babylon nói mọi con đường đều dẫn đến thành phố của họ và Babylon là trung tâm của thế giới. Họ quả quyết rằng vương quốc của họ không nằm ở rìa thế giới, như người Ai Cập vẫn tin, mà ở phía đông sau các dãy núi, là nơi có những

vương quốc hùng mạnh, nơi các đoàn lữ hành có vũ khí thỉnh thoảng mang đến những hàng hóa kỳ lạ, vải vóc và loại bát đĩa dễ vỡ. Tôi cũng nói thêm rằng ở Babylon, tôi đã nhìn thấy những người mặt vàng, mắt xéch và họ hoàn toàn không vẽ mặt; họ buôn bán các loại vải mỏng như vải lanh hoàng gia, nhưng mịn màng và đủ loại màu sắc lóng lánh như nước dầu tinh khiết.

Vì người Babylon trước hết là các thương gia nên buôn bán là nghề được coi trọng nhất, đến mức thần linh của họ cũng buôn bán với nhau. Vì vậy họ không ưa thích chiến tranh mà thuê binh lính và cho xây dựng tường thành để bảo vệ việc giao thương của mình. Họ muốn mở rộng các con đường cho tất cả mọi người từ tất cả mọi vùng đất. Họ thật sự muốn làm như thế chỉ vì họ biết mình là những người buôn bán giỏi nhất và được hưởng lợi nhiều từ buôn bán hơn là từ chiến tranh. Nhưng dù vậy, dân Babylon vẫn tự hào về những người lính ngày ngày diễu hành đến Cổng Ishtar, với mũ và tấm che ngực bằng vàng và bạc để bảo vệ các tường thành và đền thờ trong thành phố. Tay kiếm và lưới giáo của họ được nạm vàng và bạc để tỏ rõ sự giàu có của mình. Họ thường hỏi: “Này khách lạ, anh đã bao giờ thấy binh lính và những cỗ xe như vậy chưa?”.

Quốc vương Babylon vẫn còn là một cậu bé chưa có râu quai hàm, phải quàng dưới cằm bộ râu giả khi lên ngôi. Tên quốc vương là Burraburiash. Ngài ta thích đồ chơi và những câu chuyện ly kỳ. Danh tiếng của tôi từ Mitanni đã lan đến Babylon nên sau khi tôi đến Vọng lâu Ishtar và đến đền, nói chuyện với các giáo sĩ và danh y của Tháp, tôi được báo rằng quốc vương sai vời tôi đến gặp. Như thường lệ, Kaptah đâm ra lo lắng và nói:

- Ông đừng đến, mà chúng ta hãy mau mau trốn đi, bởi vì không mong có điều gì tốt lành từ các đế vương.

Nhưng tôi nói với ông ta:

- Rõ ngớ ngẩn, người quên là chúng ta có bộ hung đi cùng ư?

Ông ta nói:

- Bọ hung là bọ hung và tôi không bao giờ quên nó nhưng cần tắc vô áy náy, mà chúng ta cũng không nên thử thách sự chịu đựng của bọ hung quá nhiều. Nhưng nếu ông nhất quyết đi thì tôi không thể ngăn ông, tôi đi cùng để ít nhất ta chết cùng nhau. Nếu chúng ta sống sót, điều tôi hoàn toàn không tin là có thể, thì khi quay trở lại Ai Cập, tôi sẽ kể rằng mình đã cúi rạp trước quốc vương Babylon. Có mà ngốc mới không tận dụng cơ hội được dâng đến tận miệng như thế này. Nhưng nếu đến đó, chúng ta phải đến làm sao cho xứng với danh tiếng của mình. Ông nên đòi kiệu hoàng gia đến rước và chúng ta không đi hôm nay, vì hôm nay là một ngày xấu theo tập quán của nước này; các thương nhân đã đóng cửa tiệm và người dân không làm việc mà nghỉ ngơi trong nhà, vì hôm nay là ngày thứ bảy của tuần và mọi việc đều đen đủi.

Tôi ngẫm nghĩ và nhận thấy Kaptah nói đúng, bởi cho dù người Ai Cập xem tất cả các ngày như nhau, song vẫn có một số ngày bị coi là ngày xấu nếu chiếu theo các vì sao, vì vậy nếu quả thực ở đất nước này, mỗi thứ bảy là một ngày tồi tệ thì cũng không loại trừ người Ai Cập, nên cần tắc vô áy náy. Vì vậy tôi nói với tín sứ của nhà vua:

- Chắc anh nghĩ tôi là một kẻ khờ, một người lạ, nên anh vờ tôi đến diện kiến nhà vua vào ngày như thế này. Nhưng ngày mai tôi sẽ đến nếu quốc vương cho kiệu đến đón rước tôi, bởi vì tôi không phải là kẻ tầm thường và không muốn diện kiến nhà vua với những ngón chân dính phân cừu.

Viên tín sứ nói:

- Gã Ai Cập bẩn thỉu kia, ta sợ rằng vì những lời nói đó, mi sẽ được đưa đến trước nhà vua với những mũi giáo nhọn chọc sau lưng.

Rồi anh ta bỏ đi và có lẽ cũng dành cho tôi sự kính trọng nên hôm sau, một chiếc kiệu hoàng gia đã đến Vọng lâu Ishtar để đón tôi. Nhưng đó là loại kiệu thông thường, được dùng để đưa rước các thương nhân và những kẻ thấp hèn mang đồ trang sức và lông chim, lông khỉ đến cung điện. Thế nên Kaptar hét lên với đám rước kiệu và người dẫn đường:

- Lạy Seth và tất cả loài ma quỷ, thần Marduk hãy quất các người bằng roi bọ cạp! Các người hãy xéo ngay! Vì ông chủ của ta không thể ngồi lên cái thứ ọp ẹp đó.

Mấy gã khênh kiệu lúng túng, người dẫn đường giơ gậy đe Kaptah, đám đông kéo đến trước nhà trọ. Họ cười ầm và hò hét:

- Chúng tôi thật sự muốn nhìn thấy chủ của ông, người mà đến kiệu của nhà vua cũng chê là tồi tàn.

Nhưng Kaptah đã thuê của nhà trọ một chiếc kiệu lớn cần tới bốn mươi nô lệ khỏe mạnh để khênh, được các sứ thần đáng kính sử dụng trong các việc quan trọng và được dùng để rước các vị thần ngoại quốc khi họ đến thành phố. Đám đông không còn cười nữa khi tôi từ phòng mình bước ra trong bộ quần áo có những hình đặc trưng của nghề y, được dệt tinh xảo với sợi bạc và vàng, cổ áo lấp lóa vàng và đá quý dưới ánh sáng ban ngày, những sợi dây chuyền vàng leng keng trên cổ, theo sau là các nô lệ của nhà trọ, khiêng những chiếc rương bằng gỗ tuyết tùng và gỗ mun khảm ngà đựng thuốc và dụng cụ y tế của tôi. Lúc đó tuyệt nhiên không một ai cười nữa, chính xác là họ cúi người thật thấp trước tôi và nói với nhau: “Chắc hẳn người này phải thông thái như những vị thần nhỏ. Chúng ta hãy đi theo ông ta đến cung điện”. Thế là một nhóm rất đông theo sau kiệu đến tận cổng cung điện. Kaptah cười một con lừa trắng đi phía trước kiệu, những chiếc chuông bạc kêu leng keng trên bộ dây cương. Nhưng tôi không làm tất cả những điều này vì lợi ích của mình mà vì Horemheb, bởi anh ta đã cho tôi nhiều vàng và mắt của tôi là mắt của anh ta, tai của tôi là tai của anh ta.

Tại cổng cung điện, binh lính chĩa giáo xua đuổi đám đông và nâng khiên lên để bảo vệ cổng khiến những chiếc khiên tạo thành một bức tường vàng và bạc, những con sư tử có cánh bảo vệ dọc con đường mà kiệu của tôi được rước đi vào sân trong. Tại đây, một ông già râu quai hàm cạo sạch theo kiểu của các học giả ra đón tôi. Hai tai lúc lắc những chiếc khuyên vàng, hai má sệ xuống đầy vẻ bất mãn, ông ta nhìn tôi bằng ánh mắt bức tức và nói:

- Gan ta đau nhức vì tiếng ồn ào và sự náo động anh gây ra khi đến đây, vì ông chủ của tất cả bốn phương đất hỏi người đàn ông này là ai mà đến theo ý mình chứ không theo lệnh vời của quốc vương và làm ồn ào như thế.

Tôi bảo với ông ta:

- Này ông già! Lời ông nói như tiếng ruồi vo ve trong tai tôi, nhưng tôi vẫn muốn hỏi ông là ai mà dám nói chuyện với tôi như vậy.

Ông ta đáp:

- Ta là ngự y của chủ bốn phương đất và là thái y danh giá nhất trong các thái y của ngài, còn người là kẻ lừa đảo nào mà đến đây với các trò ảo thuật hòng dụ vàng, bạc từ nhà vua? Hãy nhớ rằng nếu quốc vương hào phóng đưa cho người bạc hay vàng đã đóng dấu, người phải đưa một nửa số đó cho ta.

Tôi nói với ông ta:

- Ta đâu thêm chấp ông và tốt hơn ông nên nói chuyện với người hầu của ta, vì việc của ông ta là xua đuổi những kẻ tống tiền và những kẻ chọc ngoáy xung quanh ta. Tuy nhiên, ta muốn trở thành bạn của ông vì ông đã già và không biết thế nào là tốt, xấu. Vì vậy ta cho ông những vòng vàng ta đeo ở cổ tay đây để ông thấy vàng và bạc chỉ là cát bụi dưới chân ta và ta đến đây không phải để tìm vàng, mà tìm tri thức.

Nói rồi tôi đưa cho ông ta những chiếc vòng vàng ở cổ tay mình. Ông ta rất kinh ngạc, đến nỗi không biết phải nói gì với tôi nữa. Thế là ông ta đồng ý để Kaptah đi theo tôi và đưa tôi đến diện kiến quốc vương. Vua Burraburiash ngồi trên những tấm nệm mềm, cung thất thoáng mát với những bức tường ốp gạch thủy tinh lấp lánh đủ màu. Vua, chỉ là một cậu bé được nuông chiều, đang ngồi chống tay một bên má, bên cạnh là một con sư tử nằm chầu hầu, nghe răng gầm gừ khi thấy chúng tôi. Ông già nằm ẹp xuống, miệng lau sàn nhà trước mặt vị vua và Kaptah cũng làm như vậy, nhưng khi nghe tiếng gầm gừ của sư tử, ông ta nhồm ngay dậy, tay chống sàn, chân co lại như con ếch và hét lên sợ hãi khiến nhà vua cười phá lên, nghiêng ngả trên nệm. Nhưng Kaptah đã tức giận và nói:

- Hãy dắt con quỷ đáng sợ ấy đi trước khi nó cắn tôi, vì từ xưa đến nay tôi chưa bao giờ nhìn thấy con vật nào đáng sợ hơn, tiếng gầm gừ của nó nghe như tiếng các cỗ chiến xa ầm ầm trên đường phố Thebes khi các vệ sĩ đánh xe ra bãi tập trong cơn say xỉn.

Ông ta ngồi dậy trên sàn và giơ tay ra dấu xua đi, sư tử cũng nhồm dậy và ngáp một lúc lâu, rồi nó ngậm miệng lại, răng va vào nhau kêu lách cách, nghe như tiếng kêu của hộp tiền trong đèn khi nuốt những đồng xu công đức của mọi người.

Nhà vua cười đến nỗi nước mắt trào ra, nhưng sức nhớ mình đang đau, ngài rên lên rồi tựa tay vào má trở lại, một bên má ngài sưng đến nỗi mắt chỉ mở được he hé. Ngài cau mày, ông già nhìn ngài rồi vội vã tâu:

- Muôn tâu quốc vương, đây là gã Ai Cập cứng đầu đã không đến khi ngài gọi. Chỉ cần ngài nói một lời, hạ thần sẽ sai quân lính chọc thủng gan gã.

Nhưng nhà vua đưa chân đá ông ta, quát:

- Bây giờ không phải là lúc để nói linh tinh, mà ta muốn biết hẳn có thể chữa ngay cho ta không, vì cơn đau của ta thật khủng khiếp và ta sợ mình sẽ chết vì nhiều đêm không ngủ được cũng như không thể ăn gì ngoài súp nóng.

Lúc đó, ông già rên rỉ, đập đầu xuống sàn nhà và than:

- Bẩm chúa tể bốn phương đất, chúng thần đã làm hết sức mình để chữa lành cho bệ hạ, chúng thần đã dâng cúng hàm và răng trong đền thờ để xua đuổi tà ma, đã chui vào cằm bệ hạ và cũng đã đánh trống, thổi tù và, ăn vận trang phục đỏ nháy múa trước bệ hạ để xua tà ma, chúng thần không thể làm gì khác, vì bệ hạ không cho phép chúng thần chạm vào hàm thánh của ngài để chữa lành vết thương cho ngài. Vậy nên hạ thần cũng không tin kẻ lạ mặt bản thổ này có thể làm điều gì tốt hơn.

Nhưng tôi nói:

- Tôi là Sinuhe, Người Ai Cập, Người Cô Đơn, Con Trai Lừa Hoang. Không cần khám cho ngài, tôi cũng biết một chiếc răng sâu đã làm cho má ngài sưng mủ bởi vì ngài đã không cho rửa sạch răng hoặc nhổ nó đi như các thái y của ngài chắc chắn đã khuyên. Đây là căn bệnh của trẻ con và những kẻ hèn nhát, không phải của chúa tể bốn phương đất, người mà cả thiên hạ đều run sợ và sư tử cũng phải cúi đầu, như chính mắt tôi nhìn thấy. Tôi biết cơn đau đớn của ngài rất khủng khiếp, vì vậy tôi muốn giúp ngài.

Nhà vua đưa tay lên má và nói:

- Lời nói của ngươi thật trơ tráo, nếu khỏe mạnh, chắc chắn ta đã cho xẻo cái lưỡi điêu toa trong miệng ngươi và moi gan ngươi, nhưng lúc này không có thời gian cho ta làm điều đó. Hãy nhanh chữa cho ta, rồi ngươi sẽ được trả công hậu hĩnh. Nhưng nếu ngươi làm ta đau, ta sẽ ra lệnh giết ngươi ngay lập tức.

Tôi nói với nhà vua:

- Được, ngài sẽ được như ý. Tôi có một vị thần hộ mệnh nhỏ nhưng vô cùng mạnh mẽ, hôm qua tôi không đến với ngài vì sự có mặt của tôi lúc đó không cần thiết. Nhưng bây giờ, không cần khám tôi cũng biết cơn đau của ngài đã chín muồi, chỗ sưng cần phải chọc đi, và tôi sẽ chữa trị cho ngài nếu ngài muốn, nhưng không thần linh nào có thể bảo vệ con người, kể cả vua, khỏi cơn đau. Tôi cam đoan với ngài rằng ngài sẽ thấy nhẹ nhõm đến mức sau đó ngài không nhớ là mình đã từng đau đớn, và tôi cũng đảm bảo sẽ làm điều đó một cách dễ dàng như một người khéo léo nhất có thể làm.

Nhà vua ngấn ngực một lát, tay để lên má và nhíu mày nhìn tôi. Nếu không bị đau, ngài là một chàng trai trẻ, đẹp, rất tự mãn và khiến tôi cảm mến. Nhà vua cảm nhận được ánh mắt của tôi, ngài cúi kính nói:

- Làm gì thì hãy làm mau đi.

Vị danh y già bắt đầu rên rĩ và đập đầu xuống sàn, nhưng tôi không để ý đến ông ta mà chỉ bảo hâm rượu, rồi tôi trộn thuốc tẽ vào và đưa nhà vua uống. Chỉ một lúc sau, ngài đã trở nên tươi tỉnh và nói:

- Cơn đau của ta đã giảm, người không cần đến gần ta với kim và dao nữa.

Nhưng ý chí của tôi mạnh hơn ý muốn của ngài, tôi buộc ngài há miệng, kẹp chặt đầu ngài trong nách mình rồi lấy con dao đã được Kaptah tẩy trùng trong lửa chọc thủng đám mủ ở hàm ngài. Ngọn lửa không phải là lửa thiêng của Amon, vì nó đã bị Kaptah sơ ý làm tắt trong khi đi trên sông và Kaptah đã đánh ngọn lửa mới bằng cái khoan lửa trong phòng tôi ở nhà trọ với niềm tin điên rồ rằng bộ hung cũng mạnh mẽ không kém Amon.

Nhà vua hét toáng lên khi con dao đâm vào hàm ngài khiến sư tử bật dậy gầm gừ, đuôi quất mạnh, mắt rực lửa, nhưng nhà vua không để ý vì đang bận nhổ dãi lẫn nước mủ chảy ra từ hàm và ngài tỏ ra rất dễ chịu; tôi giúp ngài bằng cách ấn nhẹ vào má ngài. Nhà vua khạc nhổ, bật khóc vì sung sướng, rồi lại khạc nhổ và nói:

- Sinuhe, Người Ai Cập, thần thánh đã ban phép cho ngươi, dù ngươi làm ta đau.

Vua lại khạc nhổ liên tục. Vị danh y già nói:

- Thần có thể làm như anh ta, thậm chí còn tốt hơn, nếu như bệ hạ cho phép thần chạm vào cằm thánh của ngài. Nha sĩ của bệ hạ đã có thể làm việc này tốt nhất.

Ông ta rất ngạc nhiên khi tôi nói:

- Ông già này nói đúng, vì ông ấy có thể làm việc đó tốt như tôi và nha sĩ của ngài sẽ làm việc đó tốt nhất. Nhưng ý chí của họ không mạnh bằng ý chí của tôi, vì vậy mà họ không thể giải thoát ngài khỏi cơn đau. Thầy thuốc cũng phải dám làm đau cả nhà vua nếu đó là điều cần thiết và không được sợ vì chính mình. Các thái y của ngài đã sợ nhưng tôi không sợ, bởi với tôi thế nào cũng được, kể cả nếu ngài muốn, ngài có thể cho lính của mình xé nát gan tôi sau khi tôi chữa lành cho ngài.

Quốc vương khạc nhổ, áp tay vào má mình rồi lại khạc nhổ và ngài không còn thấy đau ở má nữa. Rồi ngài nói:

- Ta chưa từng nghe ai nói như ngươi, Sinuhe. Nếu những điều ngươi nói là đúng, ta sẽ không để cho quân lính của ta xé gan ngươi miễn là ngươi không hối tiếc việc đã làm, mà hối tiếc thì có ích gì. Quả thực là ngươi đã làm ta cảm thấy hết sức dễ chịu, vì thế ta tha thứ cho sự hỗn xược của ngươi và tha thứ cho cả tên hầu của ngươi, kẻ đã nhìn thấy đầu ta ở trong nách ngươi và

nghe ta rên rỉ. Nhưng ta tha thứ cho hắn vì hắn đã khiến ta cười trở lại sau một thời gian dài bằng điệu nhảy như điên của hắn.

Rồi ngài ta nói với Kaptah:

- Làm lại lần nữa đi.

Nhưng Kaptah hờn dỗi nói:

- Việc ấy không hợp với thanh danh tôi.

Burraburiash mỉm cười và nói:

- Chúng ta xem nào.

Ngài gọi sư tử, nó đứng dậy, duỗi toàn thân khiến các khớp xương kêu răng rắc rồi nhìn ông chủ với đôi mắt góm ghiếc. Nhà vua chỉ vào Kaptah và con sư tử bắt đầu uể oải nhấc chân đi về phía Kaptah, đuôi vung vẩy. Kaptah lùi lại và nhìn nó chằm chằm như bị thôi miên cho đến khi sư tử đột nhiên há to miệng và gầm vang. Lúc đó Kaptah quay ra, túm lấy tấm rèm cửa vào lòng rồi bám vào đó, trèo lên dầm cửa và hốt hoảng gào lên khi sư tử giơ chân lên, với theo ông ta. Nhà vua cười còn nhiều hơn lúc trước, ngài nói:

- Ta chưa bao giờ nhìn thấy cái gì điên rồ hơn.

Sư tử ngồi trên sàn và liếm mép trong khi Kaptah ngồi trên dầm cửa, vô cùng sợ hãi. Nhưng nhà vua sai gọi đồ ăn thức uống và nói:

- Ta đói rồi.

Lúc đó vị danh y già mới mừng rỡ bật khóc vì thấy vua đã được chữa lành, và người ta mang đến cho vua nhiều món ăn trong các bát đĩa bạc có chạm hình và rượu trong cốc vàng.

Nhà vua bảo tôi:

- Ăn với ta, Sinuhe, mặc dù điều này không hợp với danh vị của ta nhưng hôm nay ta tạm quên điều ấy, bởi người đã dám dúi đầu ta vào nách người và lấy ngón tay khua khoắng trong miệng ta.

Thế là tôi được ăn và uống cùng với nhà vua và tôi nói với ngài:

- Sự đau đớn của ngài giờ đã giảm bớt nhưng nó sẽ tái phát bất cứ lúc nào, trừ khi ngài cho phép nhổ chiếc răng đau đi. Vì thế, ngài phải để nha sĩ nhổ nó ngay khi má của ngài bớt sưng và việc này có thể làm được mà không gây hại cho sức khỏe của ngài.

Vua nhăn mặt, cúi kính nói:

- Người nói những lời không tốt và phá hỏng niềm vui của ta, người lạ điên rồ.

Nhưng sau một lát suy nghĩ, ngài bảo:

- Có lẽ người nói đúng, bởi vì cơn đau của ta tái phát vào mỗi mùa thu và mùa xuân khi chân ta bị ướt, khiến ta đau đớn đến nỗi ước gì mình chết quách đi. Nếu đúng là phải làm như thế thì ta cho phép người, bởi vì ta không còn muốn nhìn thấy ngượng của mình nữa, khi mà hẳn ta đã nhiều lần làm ta đau khủng khiếp.

Tôi nói với nhà vua:

- Qua những lời ngài vừa nói, tôi nhận thấy hồi nhỏ, hẳn ngài đã uống nhiều rượu hơn sữa; đồ ngọt không có lợi cho ngài, bởi vì các đồ ngọt ở thành phố này được làm từ nước quả chà là, thứ làm hỏng răng. Còn ở Ai Cập, đồ ngọt được làm từ mật ong, bởi những con chim nhỏ xiu gom nhặt thành những chiếc bánh lớn cho con người. Vậy nên từ nay trở đi, ngài hãy chỉ ăn đồ ngọt của bên cảng và uống sữa mỗi buổi sáng sau khi ngài thức dậy.

Nhà vua nói:

- Chắc ngươi là tay pha trò có hạng, Sinuhe, bởi vì ta không tin những con chim nhỏ gom nhặt kẹo cho con người. Ta chưa bao giờ nghe điều như thế.

Nhưng tôi nói:

- Số phận tôi thật long đong, bởi vì ở đất nước tôi, người ta sẽ gọi tôi là kẻ nói dối khi tôi nói với họ mình đã thấy ở đây những con chim không có cánh, sống cùng với con người và làm quà cho chủ của chúng bằng những quả trứng tươi mỗi sáng để làm cho họ trở nên giàu có. Do đó, tốt hơn tôi không nên nói gì, vì tôi sẽ mất danh tiếng nếu bị cho là kẻ nói dối.

Nhưng nhà vua gạt phắt đi:

- Cứ nói đi, vì không ai nói với ta như ngươi cả.

Lúc đó tôi mới nói một cách nghiêm nghị:

- Tôi sẽ không nhổ răng ra khỏi miệng ngài mà chỉ nha sĩ của ngài được làm điều đó, vì trong những việc như thế này, anh ta là người giỏi nhất ở đất nước này và chắc cũng giỏi hơn tôi, còn tôi thì không muốn làm anh ta ghét tôi. Nhưng nếu ngài muốn, tôi có thể đứng bên cạnh ngài, giữ chặt tay và khích lệ ngài khi anh ta làm việc đó. Đồng thời tôi cũng làm giảm cơn đau của ngài bằng tất cả các kỹ năng mà tôi đã học được ở nhiều miền đất và nhiều bộ tộc. Việc này sẽ được làm sau hai tuần kể từ hôm nay; đặt ngày trước như thế sẽ tốt hơn để ngài không hối tiếc. Cho tới lúc đó, hàm của ngài có đủ thời gian để lành hẳn, nên từ bây giờ, ngài cần súc miệng vào mỗi buổi sáng và tối với thuốc tôi đưa cho ngài, mặc dù nó có thể gây xót và có vị rất khó chịu.

Nhà vua xịu mặt và hỏi:

- Thế ta không làm thì sao?

Tôi nói:

- Ngài phải hứa bằng lời của đấng quân vương rằng ngài cho phép làm như tôi nói, bởi chúa tể bốn phương đất không thể không giữ lời hứa của mình. Nếu ngài cho làm điều đó, tôi sẽ làm ngài vui bằng hết khả năng của mình, tôi sẽ biến nước thành máu trước mắt ngài, đồng thời dạy ngài làm điều đó để ngài có thể làm kinh ngạc các thuộc hạ của mình. Tuy nhiên, ngài phải hứa sẽ không truyền lại bí quyết này cho bất kỳ ai khác, vì đó là bí mật thiêng liêng của các giáo sĩ Amon mà tôi sẽ không biết được nếu không phải là giáo sĩ bậc một, cũng như tôi sẽ không dám truyền dạy cho ngài nếu ngài không phải là quốc vương.

Tôi vừa nói đến đó thì Kaptah đã gào lên nơi dầm cửa và rên rỉ:

- Hãy dắt con quỷ đó đi, nếu không tôi sẽ trèo xuống và giết nó, bởi vì tay tôi đã bị tê và móng tôi đau khi ngồi ở nơi thối tả không xứng với tôi này. Chắc chắn tôi sẽ trèo xuống và giết con vật đó nếu người ta không dắt nó đi ngay.

Burraburiash càng cười to hơn khi nghe lời đe dọa của ông ấy, nhưng rồi vua giả vờ nghiêm túc và nói:

- Thật đáng tiếc nếu người giết sư tử của ta, vì nó đã lớn lên trước mắt ta và bầu bạn với ta từ khi ta còn bé tí. Bởi vậy ta sẽ bảo nó đi để người không làm điều tàn bạo trong cung điện của ta.

Burraburiash gọi sư tử đến chỗ mình và Kaptah đu xuống theo tấm rèm che rồi đứng cọ xát đôi chân cứng đờ của mình và hậm hực nhìn con sư tử, khiến nhà vua vừa cười vừa đập tay xuống đầu gối và nói:

- Quả thật ta chưa bao giờ nhìn thấy một gã nào điên khùng hơn. Bán hẳn cho ta và ta sẽ làm cho người giàu có.

Tất nhiên tôi không muốn bán Kaptah cho nhà vua và vua cũng không ép. Chúng tôi chia tay như bạn bè khi vua bắt đầu gật gù và mắt riu lại vì thiếu ngủ. Đã nhiều đêm ngài không ngủ được vì đau. Vị danh y già, ngự y của vua, tiễn tôi ra và nói với tôi:

- Qua cách cư xử cũng như lời nói của anh, tôi thấy anh không phải là kẻ lừa đảo, mà là người giỏi giang và có kỹ năng chuyên môn. Nhưng tôi kinh ngạc khi anh dũng cảm nói những lời đó trước mặt vua bốn phương đất, vì nếu danh y nào của ngài dám nói như thế, người đó đã nằm trong chum sành và làm bạn với tổ tiên.

Tôi nói với ông ta:

- Tốt nhất là chúng ta trao đổi với nhau tất cả những gì sẽ xảy ra trong hai tuần tới, bởi vì đó sẽ là một ngày tồi tệ và chúng ta cần dâng lễ cho tất cả các vị thần thích hợp trước ngày đó.

Ông ấy rất hài lòng với ý kiến của tôi, vì ông là một người đàn ông chính trực, và chúng tôi thỏa thuận sẽ gặp nhau trong đền thờ để dâng lễ và tổ chức một cuộc hội kiến giữa các danh y về hàm răng của nhà vua. Trước khi chúng tôi rời khỏi cung điện, ông ấy còn cho thết đãi những phu khênh kiêu đã đưa tôi đến cung điện, họ ăn uống vui vẻ trong sân và hết lời ca ngợi tôi. Khi đưa tôi trở lại nhà trọ, họ hát hò rất to và đám đông đi sau tôi, và từ ngày đó tên tôi trở nên nổi tiếng ở Babylon. Nhưng Kaptah cười con lừa trắng và hờn dỗi, không nói gì với tôi bởi vì ông ấy thấy vị thế của mình bị hạ thấp.

3

Hai tuần sau, tôi gặp các danh y của quốc vương Burraburiash tại Tháp Marduk. Chúng tôi cùng nhau dâng cừu để các giáo sĩ xem gan của nó và giúp chúng tôi đoán định, vì ở Babylon, các giáo sĩ dựa trên gan của vật hiến tế và từ đó hiểu biết nhiều điều

mà người khác hoàn toàn không lý giải được. Họ nói nhà vua sẽ rất tức giận nhưng chúng tôi không ai mất mạng hoặc chịu tổn thương nào vĩnh viễn. Tuy nhiên, chúng tôi cần đề phòng móng vuốt và giáo mác khi chữa cho nhà vua. Chúng tôi còn nhờ các nhà chiêm tinh xem Sổ Thiên Tào, tính xem ngày đó có thích hợp với việc định làm hay không. Họ nói rằng ngày đó thích hợp, mặc dù chúng tôi có thể chọn một ngày khác tốt hơn. Chúng tôi còn để các giáo sĩ đổ dầu vào nước và dựa vào đó để xem tương lai; sau khi xem dầu, các giáo sĩ nói họ không thấy có gì đáng nói hiện ra trong dầu, ít nhất là không có gì quá xấu. Khi chúng tôi ra khỏi đền, một con kền kền bay qua, vuốt của nó mang theo một chiếc đầu người mà nó quặp được từ trên tường thành. Các giáo sĩ giải thích đó là một điềm báo tốt cho việc làm của chúng tôi, song tôi lại nghĩ điềm báo đó cho biết nhiều việc, trừ thuận lợi.

Theo lời khuyên có được từ gan cừu, chúng tôi ngăn các vệ sĩ của nhà vua lại và không cho sư tử đi theo ngài mà nhốt nó ngoài cửa, bởi khi tức giận, vua có thể xua nó tấn công chúng tôi và nó có thể xé xác chúng tôi như nó đã từng làm, theo lời các danh y kể. Vua Burraburiash đã trở nên can đảm hơn và ngài uống rượu “để gan thêm phần phấn khích”, như cách nói của người Babylon, nhưng khi ghé nhổ răng được mang đến cung điện, nhà vua nhận ra nó, mặt tái ngắt và ngài nói có việc triều chính quan trọng cần làm mà khi uống rượu ngài quên mất.

Quốc vương định bỏ đi nhưng khi các thái y khác nằm sấp trên sàn và lấy môi lau sàn, tôi nắm lấy tay ngài, khích lệ và nói tất cả sẽ qua đi rất nhanh, chỉ cần ngài dũng cảm là được. Tôi lệnh cho các thái y tự tẩy trùng mình, còn tôi tẩy trùng các dụng cụ nha khoa bằng lửa bọ hung và bôi thuốc mỡ gây tê lên lợi của nhà vua cho đến khi ngài bảo tôi dừng lại, vì má ngài đã giống như gỗ và lưỡi không muốn động đậy trong miệng. Rồi chúng tôi đặt nhà vua ngồi vào ghế, buộc chặt đầu ngài vào thành ghế rồi nhét cái nêm vào miệng để vua không thể ngậm miệng lại. Tôi giữ tay vua và động viên ngài, còn viên nha sĩ vừa lớn tiếng cầu

xin tất cả thần linh của Babylon đến giúp vừa đưa chiếc kìm vào miệng ngài và giật chiếc răng ra khỏi hàm vua, khéo đến mức tôi chưa bao giờ thấy ai nhổ một chiếc răng sâu ra khỏi miệng khéo đến thế. Nhưng nhà vua gào lên khủng khiếp dù cái nệm vẫn trong miệng, khiến sư tử bắt đầu gầm lên ngoài cửa, đập mình vào cửa cho cánh cửa rung lên bần bật rồi dùng vuốt cào cào.

Đây là một thời điểm thật đáng sợ, vì sau khi chúng tôi tháo dây buộc đầu nhà vua và lấy nệm ra khỏi miệng ngài, ngài nhổ máu xuống chiếc bình to rồi vừa rên rỉ vừa hét gào khiến nước mắt chảy dài trên má. Sau khi nhổ máu ra, vua vừa khóc vừa hét gọi vệ sĩ vào giết tất cả chúng tôi; ngài còn gọi sư tử và đá ngọn lửa thiêng rồi dùng gậy đánh các danh y cho đến khi tôi lấy cây gậy ra khỏi tay ngài và bảo ngài súc miệng. Khi ngài súc miệng, các danh y nằm xuống sàn dưới chân ngài, người run bần bật, còn viên nha sĩ nghĩ rằng thời khắc cuối cùng của đời mình đã đến. Nhưng nhà vua bình tĩnh lại và uống rượu dù miệng vẫn còn méo xệch và bắt tôi làm cho ngài vui như tôi đã hứa.

Chúng tôi đến sảnh khánh tiết của hoàng cung vì nhà vua căm ghét phòng nhổ răng, sai đóng cửa nó vĩnh viễn và gọi nó là phòng đáng nguyên rủa. Trong phòng khánh tiết, tôi đổ nước vào một chiếc bát để vua và các danh y ném thử và tất cả có thể xác nhận đó là nước bình thường. Sau đó tôi từ từ đổ nước vào một bát khác và khi nước chảy vào bát thứ hai, nó biến thành máu khiến nhà vua và các danh y của ngài kêu to vì kinh ngạc và rất sợ hãi.

Tôi còn bảo Kaptah mang vào một chiếc rương bên trong có một con cá sấu, vì tất cả đồ chơi được bán ở Babylon đều được làm bằng đất sét và rất đẹp nhưng nhớ lại con cá sấu bằng gỗ mà mình từng chơi thuở nhỏ, tôi đã đặt một nghệ nhân lành nghề làm một con cá sấu tương tự. Ông ta đã làm nó bằng gỗ tuyết tùng và bạc, rồi vẽ và trang trí khiến nó trông giống như cá sấu thật. Bây giờ tôi lấy nó ra khỏi hộp và khi tôi kéo nó dưới sàn, hai

chân nó chuyển động đi theo tôi, hàm trên cắn vào hàm dưới giống như khi cá sấu đớp mồi. Tôi tặng nó cho nhà vua và ngài rất thích thú, vì sông ở xứ ngài không có cá sấu. Khi kéo cá sấu dưới sàn, nhà vua hoàn toàn quên đi cơn đau mà ngài đang chịu và các danh y nhìn nhau cười rất vui.

Sau đó, nhà vua tặng các danh y rất nhiều quà, làm nha sĩ thành người giàu có rồi bảo họ ra về. Còn tôi, ngài giữ lại và tôi dạy ngài cách biến nước thành máu như thế nào; tôi cho ngài một thứ bột để trộn với nước trước khi phép lạ này có thể xảy ra. Kỹ năng này rất đơn giản, những ai biết làm đều biết điều đó. Quả thực tất cả các phép lạ lớn đều đơn giản và nhà vua rất ngạc nhiên, khen ngợi tôi. Song vua vẫn chưa hài lòng mà cho tập hợp tất cả quần thần trong triều đình đến vườn thượng uyển và cho gọi cả thần dân sống gần các tường thành đến. Trước sự chứng kiến của tất cả mọi người, vua biến nước trong bể thành máu, đình thần cũng như dân chúng đều hét lên vì sợ hãi và nằm phủ phục xuống đất trước mặt ngài khiến nhà vua rất hài lòng.

Vua không còn nhớ tới cái răng của mình nữa mà nói với tôi:

- Sinuhe, Người Ai Cập! Người đã giải thoát ta khỏi cơn đau và bằng nhiều cách làm cho gan của ta dễ chịu. Vì thế, hãy xin ta bất cứ điều gì người muốn và nói cho ta biết người muốn món quà gì để ta tặng cho người, bất kể đó là gì, bởi vì ta cũng muốn làm cho gan của người dễ chịu.

Lúc đó, tôi tâu với đức vua:

- Bẩm quốc vương Burraburiash, chúa tể bốn phương đất, là danh y, tôi đã ấn đầu ngài dưới nách tôi và đã giữ chặt tay ngài khi ngài giận dữ gào thét. Tôi thấy thật thất lễ khi tôi, một người xa lạ, có một ký ức như vậy về vua của Babylon và trở về đất nước của mình kể lại những gì tôi đã thấy ở đây. Vì thế sẽ tốt hơn nếu ngài làm cho tôi choáng ngợp, cho tôi thấy tất cả quyền

lực của ngài, ngài đeo râu lên cằm, buộc thắt lưng lên người và lệnh cho quân lính của ngài diễu hành qua để tôi có thể cảm nhận được sức mạnh của đất nước ngài và cung kính nằm xuống liếm đất trước mặt ngài. Ngoài ra tôi không đòi hỏi ngài điều gì khác.

Đề nghị của tôi đã làm nhà vua hài lòng, vì ngài nói:

- Quả thực không ai nói với ta giống như người, Sinuhe. Vì thế, ta sẽ làm theo thỉnh cầu của người, mặc dù với ta điều đó thật nhàm chán, bởi lẽ lúc đó ta sẽ phải ngồi cả ngày với tư cách là quốc vương trên ngai vàng, mắt ta sẽ mỏi và ta sẽ bắt đầu ngáp. Nhưng được rồi, ta sẽ chiều theo ý người.

Quốc vương cho truyền lệnh đến tất cả các xứ để triệu tập quân lính và định ra một ngày các đội quân phải diễu hành trước nhà vua.

Cuộc diễu hành được tổ chức tại Cổng Ishtar. Quốc vương ngồi trên ngai vàng, sư tử nằm dưới chân, tất cả triều thần đeo vũ khí đứng xung quanh khiến cho quanh nhà vua như có những đám mây vàng, bạc và đỏ tía. Còn trên con đường rộng phía dưới, binh lính chạy diễu hành qua trước nhà vua, các giáo thủ và cung thủ mỗi lần sáu mươi người thành hàng sát nhau, còn các cỗ chiến xa từng sáu chiếc một nối tiếp nhau chạy, khiến phải mất trọn cả ngày để tất cả đi qua trước nhà vua. Bánh của các cỗ xe rít vang âm âm như sấm, tiếng chân chạy rầm rập và tiếng vũ khí khua nghe giống như tiếng gầm của sóng biển trong bão, khiến ai nhìn tất cả những cảnh này cũng thấy đầu óc choáng váng và chân run lẩy rẩy.

Tôi nói với Kaptah:

- Nếu chúng ta chỉ nói quân đội của Babylon đông như cát biển hay sao trên trời thì vẫn chưa đủ. Chúng ta phải đếm con số của họ.

Nhưng Kaptah lầm bầm:

- Ông chủ ơi, điều đó là không thể vì trên đời này không có thật nhiều con số.

Tuy nhiên, tôi đã đếm những gì tôi có thể, bộ binh là sáu mươi lần sáu mươi lần sáu mươi lần, chiến xa ngựa kéo sáu mươi lần sáu mươi, bởi vì sáu mươi là con số linh thiêng ở Babylon; năm, bảy và mười hai cũng là số thiêng, nhưng tại sao lại thế, tôi không biết, mặc dù các giáo sĩ đã giải thích cho tôi. Chắc tôi đã không hiểu lời giải thích của họ.

Tôi cũng nhìn thấy khiên các vệ sĩ của nhà vua lấp lánh vàng và bạc, vũ khí của họ được mạ vàng và bạc, mặt họ lấp lánh dầu xức và họ béo đến mức khi chạy ngang trước mặt vua với vũ khí, họ thở phì phò như đàn bò đực. Nhưng số này không nhiều mà phần đông binh lính từ các trấn về da rám nắng, người bẩn thỉu và khai khảm mùi nước tiểu. Thậm chí nhiều người trong số họ còn không có giáo vì lệnh của nhà vua đến với họ quá bất ngờ và mắt họ dính đầy dử, vậy nên tôi nghĩ quân lính ở mọi miền đất hầu như giống nhau. Tôi cũng nhận thấy nhiều chiến xa đã cũ, kêu cọt két, một vài bánh xe rơi ra khi chạy và những cái liềm gắn vào thùng xe xanh nhợt vì mốc.

Vào buổi tối, quốc vương cho gọi tôi đến và mỉm cười nói:

- Người đã thấy uy lực của ta chưa, Sinuhe?

Tôi phủ phục trước mặt nhà vua, miệng chạm sàn trước chân ngài và nói:

- Chắc chắn không có vị vua nào vĩ đại hơn ngài, và ngài được coi là chúa tể của bốn phương đất cũng đúng. Mắt tôi mệt mỏi, đầu tôi quay cuồng và chân tay tôi rã rời vì sợ hãi bởi binh sĩ của ngài đông như cát trên biển hay sao trên bầu trời.

Quốc vương mỉm cười hài lòng và nói:

- Người đã nhìn thấy những gì người muốn thấy, Sinuhe, mặc dù người nên tin vừa vừa thôi, vì các triều thần của ta rất bức tức về việc này và các địa phương đã phải dành tiền tô thuế cả năm cho nó vì quân lính phải được ăn uống và tối nay họ làm loạn trong thành phố, làm nhiều chuyện phạm pháp theo thói quen của lính tráng. Trong vòng một tháng nữa, binh lính vẫn sẽ làm hỗn loạn các con đường lớn, nên ta sẽ không làm điều này lần thứ hai. Mong ta tê cứng khi ngồi trên ngai vàng và mắt ta cũng hoa lên rồi. Hãy uống rượu nào, để gan ta vui lên sau ngày mệt mỏi này, vì ta có rất nhiều điều cần hỏi người.

Tôi uống rượu trước mặt nhà vua, ngài hỏi tôi rất nhiều điều những đứa trẻ và thanh niên thường hỏi về thế giới họ chưa từng thấy. Các câu trả lời của tôi khiến vua hài lòng, cuối cùng ngài hỏi:

- Pharaon nhà người có con gái chứ? Theo như tất cả những gì người đã nói về xứ Ai Cập, ta quyết định cưới con gái Pharaon làm vợ. Ta đã có bốn trăm phi tần trong hậu cung của mình và như vậy là quá đủ đối với ta, vì ta không đủ sức gặp nhiều hơn một người mỗi ngày và việc này cũng thật nhàm chán, nhưng cũng may là họ đều khác nhau. Nhưng thanh danh của ta sẽ tăng lên nếu trong hậu cung ta có con gái Pharaon, và các dân tộc ta trị vì sẽ tôn kính ta hơn.

Tôi kinh hãi giơ tay lên và nói:

- Bẩm quốc vương Burraburiash, ngài không hiểu mình đang nói gì, vì chừng nào thế giới còn tồn tại, con gái của Pharaon không hợp hôn với một người đàn ông lạ mà chỉ kết hôn với anh em của họ; nếu họ không có anh em, họ không lập gia đình và sẽ trở thành nữ giáo sĩ. Do đó, lời nói của ngài xúc phạm các vị thần Ai Cập, nhưng tôi bỏ qua cho ngài vì ngài không hiểu điều mình nói.

Đức vua cau mày và cúi kính nói:

- Người là ai mà dám tha thứ cho ta? Không phải máu ta cũng thiêng liêng như máu Pharaon sao?

- Tôi đã thấy máu ngài khi ngài nhổ nó vào cái bình bên cạnh tôi, - tôi thừa nhận. - Tôi cũng đã thấy máu Pharaon Amenhotep chảy rất nhiều và tôi không thể nói máu hai ngài có gì khác nhau. Nhưng ngài cũng phải nhớ rằng Pharaon chỉ mới kết hôn chưa lâu và tôi không biết Pharaon đã có con gái chưa.

- Ta vẫn còn trẻ và ta có thể chờ được, - Burraburiash nói và nhìn tôi ranh mãnh, bởi vì ngài là vua của dân tộc doanh thương. - Ngoài ra, nếu Pharaon nhà người không có con gái gả cho ta, hay nếu ông ta không muốn gả con gái mình cho ta, thì hãy gửi bất cứ thiếu nữ quyền quý nào của Ai Cập đến đây, để ta có thể nói nàng là con gái của Pharaon. Ở đây không ai nghi ngờ lời ta và Pharaon cũng chẳng mất gì. Tuy nhiên, nếu ông ta vẫn không chấp thuận thì ta sẽ sai quân lính sang bắt con gái của Pharaon, vì ta rất cứng đầu và điều gì nảy ra trong đầu ta, nó sẽ ở đó mãi mãi.

Lời ngài làm tôi hoảng sợ, tôi nói với ngài rằng chiến tranh sẽ rất tốn kém và làm thương tổn nghiêm trọng thương mại thế giới, điều này sẽ làm ngài bị thiệt hại nhiều hơn Ai Cập. Tôi còn nói thêm:

- Có lẽ tốt nhất là ngài nên đợi sứ giả của ngài báo tin Pharaon đã có con gái. Khi đó, ngài có thể viết ý muốn của mình với Người vào một bảng đất sét và nếu Pharaon đồng ý, chắc chắn Người sẽ gả con gái mình cho ngài mà không phản bội ngài, vì Pharaon có một vị thần mới hùng mạnh và Người sống với thần ấy trong sự thật. Do đó mọi sự dối trá đều khủng khiếp với Người.

Nhưng Burraburiash không thể hiểu điều đó mà nói:

- Ta không muốn nghe về những thần như thế và ta rất ngạc nhiên thấy Pharaon nhà người đã chọn một vị thần như vậy, vì tất cả mọi người đều biết rằng sự thật thường làm hại con người

và khiến người đó trở nên nghèo khó. Thực ra ta cầu nguyện tất cả thần linh, kể cả các vị thần mà ta không biết, bởi cần tắc vô ưu và đó cũng là tập tục nhưng với vị thần này ta không muốn gì khác hơn là tránh thật xa.

Ngài còn nói thêm:

- Rượu đã làm ta sảng khoái và gan ta hoan hỉ, lời người nói về con gái của Pharaon và vẻ đẹp của họ khiến ta phấn khích, vì vậy bây giờ ta nghĩ ta sẽ đến hậu cung của ta. Nhưng người hãy đi cùng ta, vì là danh y, người có thể làm điều đó và như ta đã nói, ta có quá nhiều thê thiếp, ta sẽ không lấy làm khó chịu nếu người chọn một trong số họ để vui vẻ, nhưng đừng làm nàng ta có con vì điều đó sẽ gây ra nhiều phiền toái. Ta cũng tò mò muốn thấy người Ai Cập ăn nằm với đàn bà như thế nào, bởi vì mỗi một chủng dân đều có phong tục riêng và nếu ta kể với người những thê thiếp được lấy về từ các miền đất xa xôi của ta có những cách gì, người sẽ không tin mà rất lấy làm kinh ngạc.

Đức vua không thềm để ý tới lời từ chối của tôi mà bắt ép tôi đi cùng đến hậu cung của ngài và chỉ cho tôi xem những hình ảnh đàn ông và phụ nữ đang ân ái theo nhiều kiểu khác nhau được các nghệ nhân tạo tác bằng gạch thủy tinh màu trên tường. Ngài cũng chỉ cho tôi mấy người thiếp của ngài có đồ trang sức và xiêm áo đắt tiền, gồm cả người nữ đứng tuổi và thiếu nữ từ tất cả các nước quen biết, có cả những cô gái từ xứ mọi rợ mà các thương nhân mang đến. Màu da, vóc dáng của họ khác nhau và họ nói liến thoắng, âm ỉ nhiều thứ tiếng nghe như bầy khỉ. Họ nhảy múa trước mặt nhà vua, để hở bụng và tiêu khiển ngài theo nhiều cách để tranh giành sự ưu ái của ngài. Đức vua không ngừng giục tôi chọn một trong những thê thiếp đó cho đến khi tôi nói với ngài rằng tôi đã hứa với thần linh sẽ kiêng phụ nữ bất cứ khi nào tôi chữa trị cho ai đó. Tôi đã hứa hôm sau sẽ phẫu thuật cho một trong những cận thần của vua có khối u ở bìu dái, vì thế không thể động vào đàn bà, mà tốt hơn là tránh xa họ, nếu không sẽ gây tiếng xấu cho danh tiếng chữa trị của

mình. Nhà vua tin điều đó và để tôi đi, nhưng các phi tần rất bức bối, họ giơ tay rồi kêu la bày tỏ sự tiếc nuối. Trừ các hoạn quan của triều đình, họ thật sự chưa bao giờ nhìn thấy một người đàn ông khỏe mạnh, dương lực sung mãn nào trong hậu cung, nhà vua thì còn trẻ, yếu ớt và vẫn chưa có râu.

Nhưng trước khi tôi đi khỏi, nhà vua cười và như nói với chính mình:

- Các dòng sông đang dâng nước và mùa xuân đang đến. Vì thế, các giáo sĩ chọn bắt đầu từ hôm nay, ngày thứ mười ba, là ngày lễ mùa xuân và là ngày của vị vua hờ. Để ghi nhớ ngày hôm nay, ta có một bất ngờ dành cho người mà ta nghĩ người sẽ rất thích thú và ta hy vọng nó cũng đem lại cho bản thân ta nhiều niềm vui, nhưng đó là gì, ta không muốn nói trước với người để người khỏi làm hỏng niềm vui của ta.

Tôi nghi ngại bỏ đi, vì tôi sợ rằng điều quốc vương Burraburiash thích thú sẽ không làm tôi hài lòng chút nào. Trong việc này, lần đầu tiên Kaptah đã đồng ý với tôi.

4

Các thái y của nhà vua không biết nên bày tỏ họ ngưỡng mộ tôi như thế nào, vì nhờ có tôi mà đức vua đã không cảm giận, lại còn ban cho họ những món quà lớn, và tôi đã bảo vệ họ trước nhà vua, khen ngợi kỹ năng của họ. Tôi đã làm điều này vì họ đúng là những danh y có tay nghề giỏi trong lĩnh vực của mình và tôi có rất nhiều điều để học hỏi từ họ, còn họ không giấu tôi bất cứ điều gì. Điều quan trọng nhất tôi học được từ họ là cách họ cô đặc nhựa chảy ra từ lõi hạt anh túc và chế nó thành một loại thuốc giúp ngủ ngon hay làm ai đó bất tỉnh hoặc chết, tùy vào liều lượng thuốc. Nhiều người ở Babylon đã dùng thuốc này với rượu hoặc không và kể rằng nó cho con người ta sự khoái cảm lớn lao. Các giáo sĩ cũng dùng nó để mơ khi ngủ và tiên

đoán theo các giấc mơ ấy, bởi theo họ tri thức mà thuốc này đem lại là rất lớn. Vì thế ở Babylon, người ta trồng cây anh túc trên những cánh đồng rộng lớn và những cánh đồng hoa anh túc nhiều màu sắc này đem lại một cảnh tượng kỳ lạ, đáng sợ và được gọi là cánh đồng của các vị thần vì chúng thuộc sở hữu của đền thần Marduk.

Các giáo sĩ cũng bí mật tinh chế hạt cây dầu gai để được một loại thuốc mà sau khi dùng nó, người dùng không sợ đau đớn hay tử vong và nếu dùng nó thường xuyên với liều lượng cao, đàn ông không còn ham muốn vui thú với đàn bà trần thế nữa mà tận hưởng niềm vui thiên đường cùng với những người trong ảo mộng mà thuốc này đặt vào lòng họ. Vậy là tôi đã thu thập được nhiều thông tin khi tôi ở Babylon, nhưng ấn tượng nhất với tôi về phép thuật tài tình của các giáo sĩ là chiếc kính trong suốt: các vật thể sẽ được phóng to nếu nhìn qua kính đó. Có lẽ tôi sẽ không tin nếu không cầm chiếc kính trong tay và nhìn qua nó, nhưng tại sao viên pha lê này có sức mạnh như vậy, tôi không biết và các giáo sĩ cũng không giải thích và tôi nghĩ không ai có thể giải thích. Nhưng giới quyền quý và những người giàu nhất đã dùng kính này khi mắt họ kém đi để có thể đọc các bản văn cổ xưa trên các bảng đất sét và đóng triện tên của họ mà không nhầm lẫn.

Song có lẽ điều kỳ diệu hơn cả là khi mặt trời chiếu xuyên qua những viên pha lê này, chúng có thể đốt cháy phân khô, mặt cửa và lá khô, vậy nên khi mặt trời chiếu sáng có thể lấy được lửa mà không cần đến khoan lửa. Nhờ những viên pha lê này, tôi tin rằng các phù thủy Babylon có sức mạnh lớn hơn phù thủy của bất kỳ vương quốc nào khác và tôi rất kính trọng các giáo sĩ của họ. Những chiếc kính này cũng rất đắt, có giá gấp nhiều lần trọng lượng vàng của chúng, nhưng khi thấy tôi thích nó đến thế, nha sĩ của nhà vua đã tặng tôi một chiếc. Đổi lại, tôi tặng anh ta một cánh cửa tuyết tùng cho nhà anh ấy; trên cánh cửa, tôi đã đặt các nghệ sĩ vẽ theo lối vẽ của người Ai Cập đức vua và anh ta cùng chiếc răng mà anh ta đã nhổ từ miệng ngài bằng tài

năng điều luyện và cả những món quà mà nhà vua đã ban thưởng cho anh ta, bởi vì ở Babylon cũng có những họa sĩ có thể vẽ theo lối Ai Cập và ở đây gỗ quá đắt nên cửa là vật gia truyền từ đời cha sang đời con, từ thế hệ này sang thế hệ khác, nên những người giàu có và quý phái khi chuyển nhà thường mang theo cánh cửa của họ.

Tài tiên tri của các giáo sĩ Babylon cũng làm tôi chú ý và vì tôi được đức vua ưu ái, các danh y của ngài cũng nói thêm vào, nên tôi được phép học nghệ thuật tiên tri trong Tháp. Nhờ thế, tôi học được cách đọc gan cừu, phân biệt trong đó núi với sông, đường phố, cổng và tháp, đầu, tay chân, tai, ngón tay và nhiều thứ khác nữa, ví như cái giếng sâu nhất ở đâu - những điều rất có lợi cho thầy thuốc vì danh y có thể từ gan của cừu hiến tế mà biết được bệnh và cách chữa trị cho bệnh nhân của họ, không cần khám người bệnh. Phương pháp này thường được các thầy thuốc Babylon sử dụng khi không biết chắc chắn về chứng bệnh của bệnh nhân, và đem lại cho danh y sự tự tin cần thiết khi bối rối. Vậy nên tôi đã học nó kỹ hơn.

Nhưng kiến thức chính xác nhất về tất cả những gì đã và sẽ xảy ra chỉ có thể biết được khi đọc những chữ lửa trên trời cao vào ban đêm. Nhưng tôi đã không cố học luận hình chữ này bởi nó đòi hỏi nhiều năm, thậm chí nhiều thập niên, mà những người giải mã các vì sao khi đã già, râu đã bạc, mắt đã mệt mỏi vì phải nhìn chăm chăm vào các vì sao vẫn còn tranh cãi cũng như không bao giờ đồng ý với nhau về ý nghĩa vị trí của các ngôi sao, nên tôi nghĩ việc học này là vô ích. Nhưng qua điều mà các giáo sĩ nói, tôi biết rằng mọi chuyện xảy ra nơi hạ giới đều xảy ra trên trời cao, không có chuyện gì nhỏ bé hay tầm thường mà không thể được biết trước từ các vì sao, không nói đến những chuyện lớn hơn, chỉ cần học đủ để luận các chữ của bầu trời. Tôi thấy môn này đáng tin và dễ hiểu hơn nhiều lý thuyết khác về con người và thần linh, nó làm cho cuộc sống trở nên dễ dàng bởi nó dạy người ta hiểu rằng mọi thứ đều xảy ra theo những quy luật bất di bất dịch, không ai có thể thay đổi số mệnh của mình, vì ai

có thể lay chuyển được vị trí các ngôi sao, ai có thể buộc các vì tinh tú dịch chuyển. Nghĩ sâu hơn sẽ thấy lý thuyết này tự nhiên và dễ hiểu nhất trong tất cả các lý thuyết và nó phù hợp với đức tin của con người, mặc dù người Babylon nói về gan còn người Ai Cập nói về trái tim, nhưng sự phân biệt này theo tôi chỉ là cách nói chứ không phải điều gì khác.

Kiến thức tuyệt vời này đã tác động nhiều đến tôi, khiến tôi mất một thời gian để suy nghĩ nghiêm túc về việc có nên ở lại Babylon nghiên cứu các vì sao và có nên từ bỏ các chuyến đi cùng tất cả những việc khác, chỉ để nhiều năm hay nhiều thập niên sau hiểu được những điều các vì tinh tú ghi lại trên bầu trời, vì tôi nhận ra rằng cuộc sống của con người không có mục đích nào lớn hơn là học kỹ năng này. Tôi cũng nói với Kaptah về điều này, nhưng ông ta bảo:

- Ích gì khi một người dành nhiều năm của cuộc đời để lé mắt nhìn lên bầu trời cho đến khi đủ bắt đầu rỉ ra đầy mắt. Bởi một khi mọi chuyện xảy ra đều được viết trên các vì sao thì con người không thể tránh được điều sẽ xảy ra, ngay cả khi biết trước nó. Đã có nhiều chuyện kể về điều này, chẳng hạn như chuyện về vị hoàng tử và những con chó của chàng ta. Nhưng nếu con người biết trước tất cả những điều tệ hại sẽ xảy ra với anh ta thì anh ta sẽ đau dạ dày, sẽ trở nên đau khổ và cố gắng vô ích để thay đổi điều sẽ xảy ra. Còn nếu người ta biết chỉ toàn điều tốt sẽ đến với mình, điều dĩ nhiên thường không xảy ra với con người, thì chẳng phải tốt hơn là anh ta cứ vui vẻ và tận hưởng điều tốt đẹp này mà không cần dòm ngó lên các vì sao cho tốn thời gian mà dành thời gian đó để làm tim mình vui. Tuy nhiên, cả điều tốt lẫn điều xấu đều xảy ra với con người, như thần linh ấn định, vì vậy việc đọc các ngôi sao sẽ chẳng đem lại gì ngoài sự lộn xộn và tiêu phí thời gian khi con người lúc vui vẻ lúc lại bức bối vì điều sắp xảy ra. Tốt hơn chúng ta nên tin vào bụng của mình.

- Nhưng, - tôi nói, - một khi mọi chuyện xảy ra với chúng ta đều được viết trên các vì sao, bọ hung không thể thay đổi chút gì số mệnh của chúng ta và nó cũng không có sức mạnh nào đối với những điều đó.

Nghe thế Kaptah rất bức tức, ông ta nói:

- Đó là lời nói ngu ngốc và thói như cút lợn. Vì nếu đúng như ông nói thì chắc chắn trên các vì sao cũng có ghi bọ hung mang lại may mắn cho chúng ta và liệt kê chính xác tất cả những điều lớn, nhỏ mà nó đã mang lại, vì không có bọ hung, chúng ta đã bị treo ngược đầu trên tường thành hoặc sọ của ông đã trắng hếu trong bãi tha ma.

Thế thì còn gì để nói nữa, nên tôi từ bỏ ý định ở lại Babylon để nghiên cứu các vì sao. Khi tự vấn lòng mình, tôi thấy quyết định này làm tôi hạnh phúc, bởi sự xê dịch đã ngấm vào máu của tôi, đôi mắt tôi luôn bồn chồn và tôi thèm được thấy điều gì đó mới mẻ. Tôi cũng được an ủi vì nghĩ rằng mình chẳng mất gì, dù không ở lại, vì quyết định này của tôi và cuộc trò chuyện với Kaptah chắc chắn đã được viết vào ngôi sao trước ngày tôi được sinh ra, vì vậy tôi không thể ở lại dù tôi muốn, bởi các ngôi sao đã ấn định như vậy.

Thay vào đó, tôi đã nghiên cứu gan cừu và ghi lại những gì các giáo sĩ Marduk biết về những chuyến bay của loài chim để có thể lưu ý đến những dự báo chim chỉ ra cho chuyến đi của mình. Tôi cũng dành nhiều thời gian để xem họ đổ dầu vào nước và sau đó giải thích các hình ảnh hiện ra trên mặt nước, nhưng đây là kỹ xảo tôi ít tin nhất vì các hình luôn khác nhau và việc giải thích chúng không cần nhiều thông tin lắm, ngoài cái lưỡi liến láu. Nhưng tôi vẫn cố gắng ghi nhớ những gì họ nói về kỹ năng này.

Tôi đã tập trung vào việc học đến mức quên mình là danh y trong một thời gian và ở lại suốt ngày trong đền, từ chối gặp các bệnh nhân tìm đến tôi để chữa bệnh và lấy thuốc mà gửi họ tới

các danh y của hoàng gia khiến các danh y rất hài lòng, vì điều này làm tăng uy tín của họ trong mắt người dân Babylon. Còn tôi, người đã kết hợp được sự thông thái của Babylon với tri thức của Ai Cập, tâm trí tôi run lên vì sự tinh thông của mình khi nghĩ rằng tất cả những kiến thức mà con người thu thập được ở khắp bốn phương trong hàng ngàn năm qua giờ đây đã là kiến thức của tôi. Nghĩ về điều này, tôi cảm thấy sức lực mình tăng lên gấp bội và kiêu hãnh nghĩ rằng với mình tất cả đều trong tầm tay. Quả thật tôi còn trẻ, song tôi có nhiều tri thức và kinh nghiệm đến thế.

Nhưng trước khi kể về lễ hội xuân Babylon và ngày vua hờ, tôi phải kể về điều kỳ lạ liên quan tới sự ra đời của tôi. Khi đọc gan cừu về tôi và nhìn vào hình dầu loang trong nước, các giáo sĩ nói:

- Có một điều bí ẩn đáng sợ về sự ra đời của anh mà chúng tôi không thể giải thích nổi, thực ra anh không đơn thuần là một người Ai Cập như anh nghĩ, mà là một người lạ trên thế gian này.

Tôi liền kể với họ tôi không được sinh ra như những người khác, mà tôi đã trôi dưới sông vào một đêm nào đó trên một chiếc thuyền bằng sậy và mẹ tôi đã tìm thấy tôi trong một đám sậy. Khi đó, các giáo sĩ liếc nhìn nhau rồi cúi đầu thật thấp trước mặt tôi và nói:

- Đó là điều chúng tôi đoán.

Và họ kể cho tôi rằng vua Sargon vĩ đại của họ, người đã chinh phục cả bốn cõi thế gian, thống trị cả một vùng từ Biển Bắc đến Biển Nam và cũng là người trị vì các hải đảo, khi còn là đứa trẻ sơ sinh cũng trôi dưới sông trên một chiếc thuyền sậy và không ai biết về sự ra đời của ông cho đến khi những hành động vĩ đại của ông cho thấy ông được sinh ra từ thần linh.

Nghe thế tôi bắt đầu thấy sợ, song tôi gượng cười và nói với họ:

- Chắc các ông không nghĩ rằng tôi, một thầy thuốc, được sinh ra từ các vị thần chứ?

Nhưng họ không cười mà nói:

- Điều đó chúng tôi không biết, nhưng cần tắc vô ưu nên chúng tôi xin cúi đầu trước ngài.

Họ cúi đầu trước mặt tôi một lần nữa, cho đến khi tôi thấy chán và nói:

- Chúng ta hãy chấm dứt trò chơi này và trở lại với công việc.

Chúng tôi trở lại bên mô hình đất sét và họ lại giải thích tiếp cho tôi về mê cung của gan cừu, nhưng đôi lúc vẫn tôn kính liếc nhìn tôi và thì thầm với nhau.

Từ đó trở đi, suy nghĩ về sự ra đời của mình bắt đầu giày vò tâm trí tôi và tim tôi nặng như chì khi nghĩ mình là một người lạ trên thế gian. Tôi cũng đã muốn hỏi các nhà chiêm tinh về sự ra đời của mình, nhưng vì tôi không biết chính xác thời điểm nên không hỏi được gì và họ cũng không thể cho tôi lời khuyên. Nhưng theo yêu cầu của các giáo sĩ, các nhà chiêm tinh cũng lấy ra những bảng đất sét của họ liên quan đến năm và những ngày dòng nước đưa tôi đến, vì các giáo sĩ cũng tò mò về sự ra đời của tôi. Nhưng các nhà chiêm tinh chỉ biết được nếu tôi được sinh ra vào giờ đó và ngày đó, tôi mang dòng máu hoàng tộc và sinh ra để trị vì nhiều dân tộc. Nhưng tiết lộ ấy không hề làm tôi nhẹ lòng, vì khi muốn nghĩ về điều gì đó trong quá khứ, tôi chỉ nghĩ về tội lỗi và sự nhục nhã mà tôi đã để lại ở Thebes. Nhưng, tôi nghĩ, có lẽ các ngôi sao đã nguyên rửa tôi vào đúng ngày tôi được sinh ra, đặt tôi vào một chiếc thuyền sậy để làm Senmut và Kipa chết trước tuổi và cướp đi niềm vui tuổi già của họ, rồi cướp luôn cả ngôi mộ của họ. Khi nghĩ về điều này, tôi thấy gai người, bởi vì một khi các ngôi sao đã nguyên rửa, tôi không thể tránh khỏi số mệnh của mình, mà trong tương lai tôi còn mang đến hiểm họa và đau khổ cho những người thương

yêu tôi. Bởi vậy, tương lai ngự trị tâm trí tôi và tôi sợ tương lai, đồng thời tôi nhận ra rằng tất cả những gì xảy ra với tôi đều có mục đích là buộc trái tim tôi rời xa người khác và phải sống cô đơn, vì chỉ khi cô đơn tôi mới không thể gây đau khổ cho người khác.

5

Nhưng tôi còn phải kể về ngày vua hờ. Đó là khi hạt giống nảy mầm xanh và những đêm giá buốt đã dần lùi xa, các giáo sĩ ra ngoài thành phố, đào thần linh từ hầm mộ lên và hét thật to báo tin rằng đức thần đã phục sinh khỏi hầm mộ. Và cả Babylon biến thành một nơi hội hè âm ỉ và nhộn nhạo, những đoàn người ăn vận quần áo lễ hội đổ ra các con phố, đám tiện dân nhộn nhạo đập phá, cướp các cửa hiệu và làm đường phố náo loạn, còn tôi tề hơn cả binh lính trên đường về nhà sau cuộc duyệt binh hôm trước. Đàn bà và đám con gái đến tất cả các đền thờ Ishtar để thu nhật bạc làm của hồi môn và bất cứ ai cũng có thể ăn nằm với họ, không ai coi việc này là đáng hổ thẹn mà ai nấy tha hồ vui thú và hưởng thụ theo sức lực, ham muốn của mình. Ngày cuối cùng của lễ hội xuân chính là ngày vua hờ.

Tôi đã quen với khá nhiều phong tục ở Babylon, nhưng vẫn rất kinh ngạc khi bình minh chưa lên mà các cận vệ của nhà vua đã say xỉn xông vào Vọng lâu Ishtar đập phá, mở hết các cửa, lấy cán giáo đánh bất cứ ai mà họ gặp và gào hét cỡ:

- Vua của chúng tôi đang trốn ở đâu? Hãy trả ngay vua cho chúng tôi! Trời sắp sáng rồi, mà vua phải đem lại công lý cho người dân.

Tiếng âm ỉ bất thường, đèn được thắp sáng và những kẻ làm công trong khách sạn sợ hãi chạy dọc hành lang. Kaptah nghĩ rằng bạo loạn nổ ra trong thành phố nên trốn dưới giường tôi,

còn tôi đi đến chỗ những người lính, trên người chỉ khoác áo choàng vải vì vừa ra khỏi giường, và hỏi:

- Các người muốn gì, hãy cẩn thận kẻo làm ta bị thương, vì ta là Sinuhe, Người Ai Cập, Con Trai Lửa Hoang, chắc chắn các người đã nghe tên ta.

Nghe thế họ hét lên:

- Nếu ông là Sinuhe, thì ông là người chúng tôi đang tìm kiếm!

Họ xé rách áo choàng vải của tôi khiến tôi trần truồng rồi ngạc nhiên chỉ tôi cho nhau xem vì họ chưa bao giờ nhìn thấy một người đàn ông cắt bao quy đầu. Vì vậy, họ nói với nhau:

- Chúng ta có nên để người đàn ông này đi lại tự do không vì anh ta sẽ là mối nguy hiểm cho đàn bà của chúng ta, bởi vì họ rất thích những thứ mới và lạ.

Họ còn nói thêm:

- Đúng là chúng tôi chưa nhìn thấy người nào lạ như thế này kể từ khi chúng tôi nhìn thấy gã da đen tóc xoắn từ đảo của biển ấm đến, đã đứt một que xương và cái chuông nhỏ vào cục thịt của hắn để làm hài lòng phụ nữ.

Nhưng sau khi đã chế nhạo tôi đến chán, họ thả tôi và nói:

- Đừng bắt chúng ta mất thêm thời gian với những trò hề của anh nữa, mà trao tên đầy tớ cho chúng ta, vì chúng ta phải đưa hắn vào cung điện bởi hôm nay là ngày vua hờ và nhà vua muốn chúng ta đưa hắn vào cung.

Nghe thế, Kaptah vô cùng sợ hãi, đến nỗi tay chân ông ta bắt đầu run rẩy làm chiếc giường rung rinh theo, vì vậy họ tìm thấy ông và vừa kéo ông ra từ dưới gầm giường, họ vừa sung sướng reo lên và cúi thấp người trước mặt ông. Rồi họ nói với nhau:

- Đây là một ngày rất vui với chúng ta, vì cuối cùng chúng ta cũng đã tìm thấy vua của mình, người đã bỏ trốn khỏi tầm mắt của chúng ta. Bây giờ mắt ta reo cười khi thấy ngài, hy vọng ngài sẽ thưởng cho chúng ta nhiều quà vì sự trung thành của mình.

Kaptah nhìn họ đầu đung đưa, mắt tròn tròn như chiếc vòng nơi hàm ngựa. Nhìn thấy sự kinh ngạc và sợ hãi của ông, họ càng cười to hơn và hét lên:

- Hẳn ta đúng là vua của bốn phương đất và chúng ta biết mặt hẳn.

Rồi họ cúi thấp người trước ông ấy và những người đứng sau đá vào đất ông để buộc ông bước đi. Còn Kaptah nói với tôi:

- Đúng là thành phố và cả vương quốc này đã thối nát, điên rồ và đầy rẫy tội lỗi, mà có lẽ bọ hung cũng không thể che chở tôi được nữa nên tôi mới phải chịu như thế này. Tôi cũng không biết là mình đang đứng trên đôi chân hay bằng đầu nữa, mà có lẽ tôi đang ngủ trên chiếc giường kia và đang mơ, tất cả đúng chỉ là mơ. Nhưng gì thì gì, tôi cũng phải đi theo họ, vì họ là những gã đàn ông lực lưỡng, nhưng xin ông hãy giữ tính mạng mình, ông chủ của tôi, nếu ông có thể. Và hãy lấy xác tôi khỏi tường thành sau khi họ treo ngược đầu tôi lên đó, hãy giữ thân xác tôi chứ đừng để họ vứt xuống sông. Vì nếu tôi chết trong tay những người lính mà vẫn giữ trọn khí tiết Ai Cập, thì dựa trên những điều luật đã được viết xuống, tôi đương nhiên được đến thẳng miền tây, ngay cả khi thi thể tôi bị nát, nhưng cần tắc vô ưu và để tránh bất kỳ sự nhầm lẫn nào, ông hãy bảo quản thi thể tôi, vì ông biết làm việc đó.

Nghe ông ấy nói, những người lính cười ngặt nghẽo, nghiêng ngả, quỳ gối xuống mà cười và đập bôm bốp vào lưng nhau vì sợ ghệt thở, và họ nói:

- Thề có Marduk, chúng ta không thể tìm được một vị vua tốt hơn, thật kỳ lạ là lưỡi ông ta không xoắn lại khi ông ta nói.

Nhưng trời đang dần sáng và họ lấy cán giáo đánh vào lưng Kaptah để giục ông ấy ra nhanh và dẫn ông đi. Tôi vội vàng mặc quần áo và theo họ vào cung mà không bị ai ngăn lại. Những người đang reo hò huyên náo đứng đầy khắp các sân trước và trong tiền sảnh của cung điện. Vì thế, tôi tin là đã có một cuộc nổi loạn ở Babylon và máu sẽ sớm chảy dọc theo các rãnh trên đường phố khi quân lính từ các địa phương kéo đến hỗ trợ cho thành phố.

Nhưng khi theo quân lính đến đại sảnh, tôi nhìn thấy Burraburiash đang ngồi trên ngai vàng được nâng bởi bốn chân sư tử dưới vòm lâu hoàng gia, trên người vận trang phục hoàng đế và tay cầm biểu tượng quyền lực của mình. Xung quanh vua là các giáo sĩ hàng đầu của Marduk, các triều thần và giới quyền quý trong vương quốc. Nhưng quân lính không để ý đến họ mà kéo Kaptah lên trước, lấy giáo chụm chéo nhau làm thành đường đi và dừng trước ngai vàng chờ đợi. Đột nhiên cả đại sảnh im phắc không ai nói gì cho đến khi Kaptah cất tiếng:

- Hãy đuổi con thú dữ đó đi, nếu không ta sẽ mệt mỏi với trò chơi này và bỏ đi đây.

Đúng lúc đó một luồng ánh sáng từ cửa sổ phía đông chiếu vào phòng - mặt trời mọc - và tất cả, giáo sĩ và giới quyền quý, cận thần và binh lính của nhà vua, đồng thanh hét lên:

- Ông ấy nói đúng! Hãy dắt con thú đó ra, bởi vì chúng ta mệt mỏi với sự điều hành của thằng bé không râu. Trái lại, người đàn ông này thật thông thái, vì thế chúng ta hãy cho ông ta làm vua để ông ta được ra lệnh cho chúng ta.

Và tôi đã không tin vào mắt mình khi nhìn thấy họ chen lấn, cười đùa, tranh nhau nhào đến bên nhà vua, giật trượng quyền lực từ tay ngài và lột cởi hoàng bào, khiến vua trần truồng hết như tôi khi lũ lính bất chợt xông đến bên giường. Họ véo vào cánh tay và nắn các bắp thịt ở đùi vua rồi chế nhạo ngài:

- Rõ ràng là anh ta vừa mới được cai sữa và miệng vẫn còn dính sữa mẹ. Vì thế, đã đến lúc đàn bà trong hậu cung được vui thú và chúng tôi nghĩ rằng lão già lừa đảo Kaptah người Ai Cập này cũng biết cười trên yên đàn bà đấy.

Burraburiash không hề chống cự mà cũng cười, còn con sư tử của ngài ngơ ngác, bị đám đông làm cho hoảng sợ nên nép sang bên, đuôi cụp xuống.

Nhưng sau đó tôi không còn biết mình đang đứng bằng đầu hay trên đôi chân của mình nữa khi thấy họ từ chỗ nhà vua xông tới chỗ Kaptah, mặc hoàng bào cho ông ấy, buộc ông ấy phải cầm trượng quyền và ép ông ngồi lên ngai vàng. Rồi họ nằm rạp xuống trước mặt ông ấy và chà miệng lau sàn cạnh chân ông. Người đầu tiên bò trước mặt ông ấy là Burraburiash đang trần truồng, ngài hét lên:

- Đúng rồi. Hẳn ta sẽ là vua của chúng ta, chúng ta không thể chọn được vị vua nào tốt hơn.

Rồi tất cả đều đứng dậy tôn xưng vua Kaptah và ôm bụng cười ngặt nghẽo.

Kaptah trợn tròn mắt nhìn họ, mái tóc xoắn dựng ngược dưới cái mũ hoàng đế mà họ đã vội vã chụp lên phía sau đầu ông một cách xiên xẹo. Cuối cùng, ông ấy tức giận hét to khiến tất cả im lặng, lắng nghe ông nói:

- Chắc chắn đây là một giấc mơ tồi tệ mà ai đó đã phù phép để ta nằm mê thấy, vì nó đã xảy ra. Ta không hề mong muốn trở thành vua của các người vì ta thà làm vua của lũ khỉ đầu chó và đàn lợn còn hơn. Nhưng nếu các người thực sự muốn ta trở thành vua, ta không làm gì khác được, bởi một người làm sao chống lại được nhiều người. Vì vậy, ta buộc các người phải nói thật, ta có phải là vua của các người không?

Nghe thế tất cả cùng hét lên:

- Ngài là vua của chúng tôi và là chúa tể của bốn phương thế giới! Ngài không tự nhận thấy điều đó ư, lão ngốc!

Một lần nữa, họ cúi rạp người trước ông ấy và một trong số họ khoác lên người bộ da sư tử và ngồi xuống cạnh chân ông, gặm gù và vận vẹo mình trong tấm da theo nhiều cách điên rồ. Kaptah suy nghĩ một lúc, tỏ ra lưỡng lự. Cuối cùng, ông nói:

- Nếu quả thực ta là vua thì cần có đại tiệc. Vậy hãy mau mang rượu vào, nếu ở đây có, hỡi lũ người hầu, nếu không gậy của ta sẽ nhảy múa trên lưng các người và ta sẽ cho treo các người lên tường, khi ta là vua. Hãy mang thật nhiều rượu vào để các quý ông và những người bạn đã tôn xưng ta lên làm vua uống với ta và hôm nay ta muốn uống ngập đến tận cổ.

Lời của ông ấy làm dấy lên niềm phấn khích, một nhóm người xông lên túm lấy ông và đưa đến một phòng lớn chứa đầy đồ ăn và rượu ngon. Mỗi người lấy những gì mình tìm thấy, Burraburiash mặc đồ của người hầu, chạy đi chạy lại quanh chân mọi người như một đứa hầu ngốc nghếch, làm đổ cốc chén đựng nước xốt lên quần áo của khách, khiến nhiều người xỉ vả và ném xương đã gặm vào ngài. Ngoài sân trước cung điện, dân chúng cũng được cho ăn uống thỏa sức những đồ ăn thức uống đã được chuẩn bị từ trước, những con bò và cừu được xẻ thành miếng cho dân ăn; dân chúng có thể múc bia và rượu ủ dưới hầm đất sét, thưởng thức món cháo đại mạch cùng với mứt hoa quả và kem; tất cả tạo ra một sự ồn ã khác thường, tiếng la hét, tiếng cười nói và đập phá lan khắp cung điện khi mặt trời càng lên cao, mà tôi không thể nào tưởng tượng được.

Ngay khi có cơ hội, tôi đến gần Kaptah và nói khẽ để những người khác không nghe thấy:

- Kaptah, đi theo ta, chúng ta sẽ chạy trốn vì ở lại đây không tốt.

Nhưng Kaptah đã uống rượu, bụng căng đầy thức ăn ngon, ông ấy bảo tôi:

- Lời nói của ông giống như tiếng ruồi vo ve trong tai tôi, vì tôi chưa bao giờ nghe điều gì điên rồ hơn thế. Bây giờ tôi bỏ đi ư, khi dân tộc tốt bụng này đã đưa tôi lên làm vua và ai cũng tôn sùng tôi? Tôi biết bộ hung đã làm điều này và tôi cũng biết ngoài bộ hung còn nhờ những phẩm chất tốt đẹp của tôi, những phẩm chất mà chỉ dân tộc thông minh này mới nhận ra giá trị thực của chúng. Tôi nghĩ ông không nên nói với Kaptah tôi thoải mái như với nô lệ hay gia nhân, mà ông phải cúi đầu tôn kính tôi như những người khác đang làm.

Nhưng tôi cố thúc ép ông ấy, tôi nói:

- Kaptah, Kaptah, đây là trò bịp bợm mà ông còn phải trả giá đắt, vì vậy hãy chạy trốn càng xa càng tốt, và tôi sẽ tha thứ cho sự ma mãnh của ông.

Nhưng Kaptah lau sạch vệt nhờn trên mép rồi vừa đánh tôi bằng khúc xương lừa đã gặm vừa hét lên:

- Hãy tống cái tên Ai Cập bẩn thỉu này đi trước khi ta nổi giận và để cho gậy của ta nhảy múa trên lưng hắn.

Lúc đó, gã choàng da sư tử nắm đầu tôi, la hét rồi cắn chân tôi, quật ngã tôi và lấy tay cào mặt tôi. Điều tồi tệ hắn đã đến với tôi nếu như ngay lúc đó không có tiếng tù và vang lên báo hiệu đã đến giờ nhà vua thực hiện công lý cho người dân, nên họ đã quên tôi tức khắc.

Kaptah hơi sững sờ khi được dẫn đến công đường, nói rằng ông vui lòng trao quyền phán quyết công lý cho các quan tòa được bổ dụng, những người đáng kính và ông tin tưởng. Nhưng dân chúng đã kịch liệt phản đối, họ hét lên:

- Chúng tôi muốn thấy sự thông thái của nhà vua để biết chắc ngài là vua thật và ngài am tường luật pháp.

Vì vậy họ nhắc Kaptah lên ghế quan tòa và đặt trước mặt ông ấy các thứ biểu tượng cho công lý, đòn roi và xiềng xích. Người ta thúc giục mọi người kể vụ việc của mình với nhà vua. Người đầu tiên phủ phục dưới chân Kaptah là một người đàn ông đã xé quần áo và rắc tro lên tóc mình. Ông ta áp mặt xuống đất dưới chân Kaptah, vừa khóc vừa nói:

- Không ai thông tuệ như vua của chúng ta, chúa tể của bốn phương trời. Vì vậy tôi xin ngài phán quyết về việc của tôi, như thế này: Tôi có một người vợ mà tôi đã lấy bốn năm trước, chúng tôi không có con và bây giờ vợ tôi mang thai. Thế nhưng, hôm qua tôi được biết vợ tôi đã giấu tôi đi lại với một tên lính, thậm chí tôi còn bắt được quả tang họ ăn nằm với nhau, nhưng tên lính to lớn và khỏe mạnh nên tôi không thể làm gì được hắn ta, bây giờ gan tôi đầy phiền muộn và nghi ngờ, vì làm thế nào tôi có thể biết đứa trẻ được sinh ra là con tôi hay con của tên lính đó. Do đó tôi cầu xin nhà vua đem lại cho tôi công lý và tôi muốn biết chắc chắn sự thật để tôi có thể cư xử đúng đắn.

Kaptah im lặng và lo lắng nhìn quanh, cuối cùng ông nói một cách dứt khoát:

- Hãy lấy gậy và đánh thẳng cha này để hắn ghi nhớ ngày hôm nay.

Đám nha lại công đường bắt giữ người đàn ông và đánh anh ta, khiến anh ta khóc thét lên và cầu cứu mọi người:

- Công lý thế này à?

Đám đông cũng bắt đầu xì xào và yêu cầu giải thích. Lúc đó Kaptah nói:

- Người đàn ông này đáng bị đánh đòn vì hắn quấy rầy ta bằng một việc đáng ghét. Thậm chí hắn đáng bị đánh nhiều hơn nữa vì sự ngu ngốc của mình, vì lẽ nào một người đàn ông đã không gieo hạt trên cánh đồng của mình lại còn than thở khi một

người khác có công gieo trồng vào đó và để lại vụ mùa cho anh ta gặt hái? Cũng không phải lỗi của người đàn bà khi ả ta quay sang người đàn ông khác mà đó là lỗi của người chồng, bởi vì người này đã không trao cho vợ mình điều ả ta muốn, vì thế người đàn ông này đáng bị ăn gậy.

Nghe thế, mọi người hét to và cười ngặt nghẽo rồi hết lời ca ngợi trí thông minh của vua. Khi đó một ông già nghiêm trang bước đến trước nhà vua và tâu:

- Trước cây cột đá được khắc luật này và trước nhà vua, tôi đòi công lý và vụ việc của tôi như sau: Tôi đã xây một ngôi nhà cho mình bên đường phố, nhưng người thợ xây chính đã lừa tôi khiến ngôi nhà bị đổ, giết chết một người bất ngờ đi ngang qua. Bây giờ gia đình người chết buộc tội tôi và đòi bồi thường. Tôi phải làm gì?

Kaptah nghĩ một lát rồi nói:

- Đây là một việc phức tạp và cần được xem xét kỹ lưỡng. Theo ta nghĩ, đây là chuyện của thần linh hơn là của con người, nhưng luật pháp nói gì về việc này?

Những người rành luật tiến đến đọc luật ghi trên cột và giải thích:

- Nếu ngôi nhà đổ do sự bất cẩn của người thợ xây và giết chết chủ ngôi nhà, người phụ trách xây dựng cũng phải bị giết. Còn nếu ngôi nhà đổ và giết chết con trai của chủ nhà, con trai của người phụ trách xây dựng phải bị giết. Luật pháp không nói gì thêm nữa, nhưng chúng tôi giải thích thêm là một ngôi nhà sụp đổ vì bất cứ lý do gì thì người phụ trách xây dựng cũng phải chịu trách nhiệm, phải bị mất một phần tài sản tương tự. Chúng tôi không biết nói gì khác.

Kaptah phán:

- Ta không biết ở đây có những tay thợ xây chính bịp bợm như vậy và trong tương lai ta sẽ lưu ý đến người xây dựng. Nhưng theo luật, vấn đề này đơn giản: Hãy để người thân của người chết đến nhà của người thợ xây chính và chờ ở đó rồi giết chết người qua đường đầu tiên đi lại phía họ, như vậy thì công lý được thực hiện. Nhưng nếu họ làm vậy thật và nếu người thân của người qua đường này bắt họ phải chịu trách nhiệm về việc giết người thì họ hãy tự chịu hậu quả, bởi thật ra đây là việc của thần linh hơn là của con người. Ta nghĩ lỗi lớn nhất thuộc về kẻ qua đường đi dưới ngôi nhà bị đổ, bởi không có người khôn ngoan nào làm như thế, trừ khi bị thần linh sai bảo. Vì vậy ta cởi bỏ tất cả trách nhiệm của người phụ trách xây dựng và tuyên bố người đòi công lý từ ta là một kẻ ngốc, vì ông ta không để ý đến thợ xây xem anh ta làm việc có cẩn thận không, nên người thợ xây chính lừa anh ta cũng đúng thôi, vì những kẻ ngu phải bị lừa để còn rút kinh nghiệm. Xưa đã thế, sau này cũng sẽ thế.

Dân chúng lại hết lời ca ngợi sự thông thái của nhà vua và người khiếu nại bối rối bỏ đi. Tiếp đó, một thương gia to béo, ăn vận trang phục đắt tiền tiến đến trước nhà vua. Ông ta trình bày sự việc của mình:

- Ba ngày trước, tôi đã đến Cổng Ishtar và các cô gái nghèo của thành phố đã tụ tập ở đó vào đêm lễ hội mùa xuân để dâng hiến trình tiết của họ cho nữ thần theo như lệnh truyền để góp nhặt của hồi môn cho mình. Tôi rất thích một cô trong số họ nên mất một thời gian mặc cả, xong tôi đưa cho cô ta cả xâu bạc và chúng tôi thỏa thuận. Nhưng đến lúc vào việc, tôi bất ngờ thấy đau bụng, vì vậy tôi phải đi giải quyết. Khi tôi quay lại, cô ta đã đồng ý đi với một người đàn ông khác và cũng đã nhận bạc của ông ta và làm điều mà vì nó cô ta đến Cổng. Cô ta cũng vui vẻ chào mời tôi nhưng tôi từ chối vì cô ta không còn trinh trắng và tôi đòi lại bạc, song cô ta không trả. Vì thế tôi cầu xin nhà vua đem lại công lý cho tôi, vì lẽ nào tôi đã mất bạc mà không nhận được gì? Nếu tôi mua một cái vò thì vò đó là của tôi cho đến khi tôi đập

vỡ nó, người bán không có quyền đập vỡ vò và đưa cho tôi những mảnh vỡ của nó.

Nhưng khi nghe xong, Kaptah trở nên tức giận, bật dậy khỏi ghế quan tòa rồi đập roi xuống trước mặt và hét lên:

- Quả thật ta chưa bao giờ gặp những điều ngu ngốc như ở thành phố này và ta không thể hiểu gì khác ngoài việc con dê cụ này đang chế giễu ta. Bởi cô gái đã đúng khi đi với người khác, một khi kẻ ngốc này không thể lấy cái mà hắn đã mua. Cô gái cũng cư xử đẹp và tốt khi định đền bù cho ông ta cái mà hắn không đáng được hưởng. Lẽ ra hắn phải biết ơn cô gái và người đàn ông kia vì họ đã cùng nhau gỡ bỏ một chương ngại cho hắn. Thế mà hắn còn đến kêu ca trước mặt ta và bắt đầu lảm nhảm về vò với chả hũ. Nếu hắn nghĩ các cô gái trẻ là những cái vò, từ nay ta sẽ bắt hắn chỉ vui thú với những cái vò mà không bao giờ còn được động vào các cô gái nữa.

Sau khi xử xong việc này Kaptah tỏ ra ngán ngẩm với việc xử án, ông vươn người trên ghế và nói:

- Hôm nay ta đã ăn uống no say và việc xử án khiến đầu ta mệt mỏi, ta nghĩ việc của ta hôm nay đã đủ. Vậy nên các quan tòa sẽ tiếp tục công việc của ta, nếu vẫn còn người khiếu kiện, vì những vụ việc khiếu kiện mới đây khiến ta nhớ ra rằng là một quốc vương, ta cũng là ông chủ của hậu cung, nơi ta biết có bốn trăm cung nữ đang đợi ta. Do đó bây giờ ta phải đi kiểm tra và sẽ không có gì ngạc nhiên nếu trên đường đi một vài vò bị vỡ, vì rượu và vương quyền đã tăng thêm cho ta sức mạnh ghê gớm khiến ta cảm thấy mình mạnh mẽ như một con sư tử.

Nghe thế, dân chúng hét âm lên tưởng như không bao giờ dứt, họ đưa ông ấy trở lại cung điện rồi ở lại đợi ông trước cửa hậu cung và trong sân trước. Nhưng Burraburiash không còn cười nữa mà lo lắng xoa tay vào nhau và đưa bàn chân cọ cọ vào đùi. Khi nhìn thấy tôi, ngài đến gần và vội vàng nói:

- Sinuhe, người là bạn của ta và là một danh y, người có thể đến hậu cung. Hãy đi theo lão ta và để ý, đừng để lão làm điều gì phải hối tiếc sau này, bởi vì ta nhất định sẽ cho lột da lão khi lão còn sống và treo da lên tường cho khô nếu lão đụng vào cung nữ của ta, còn nếu lão cư xử tốt, ta hứa sẽ để cho lão chết một cách dễ dàng.

Tôi hỏi lại:

- Thưa Burraburiash, tôi là bạn của ngài và muốn điều tốt cho ngài, nhưng hãy cho tôi biết những điều đang xảy ra nghĩa là gì, bởi vì gan tôi nhức nhối khi thấy ngài trong vị thế của kẻ hầu và bị tất cả mọi người nhạo báng.

Đức vua nhanh nhẩu nói:

- Ai cũng biết hôm nay là ngày vua hờ, nhưng hãy mau đi theo lão ta kéo xảy ra chuyện bây giờ.

Nhưng tôi đã không làm theo lời đức vua mặc dù ngài kéo cánh tay tôi, mà chỉ nói:

- Tôi không biết phong tục của đất nước ngài, vì vậy ngài cần phải giải thích tất cả những điều này nghĩa là gì.

Lúc đó đức vua giải thích:

- Mỗi năm vào ngày vua hờ, người ta chọn một người đàn ông ngu ngốc và điên rồ nhất ở Babylon, cho làm vua và cai trị một ngày từ sáng đến tối với tất cả quyền lực của nhà vua và ngay cả nhà vua cũng phải hầu hạ hắn ta. Ta chưa bao giờ thấy một vị vua điên rồ như Kaptah, người mà ta đã đích thân chọn vì sự điên rồ kinh khủng của lão. Lão không biết chuyện gì sẽ xảy ra với mình và đó chính là điều điên rồ nhất.

- Vậy chuyện gì sẽ xảy ra với ông ta? - Tôi hỏi.

- Khi mặt trời lặn, lão ta sẽ bị giết, bất ngờ như khi được lên ngôi vào buổi sáng, - Burraburiash giải thích. - Ta có thể cho giết vua hồ thật tàn nhẫn nếu ta muốn, nhưng thường thì hẳn được cho uống rượu đã pha với độc tố nhẹ khiến hẳn chỉ ngủ thiếp đi mà không hay biết mình sẽ chết, bởi vì người được làm vua vào ngày vua hồ không thích hợp để sống. Nhưng trước kia từng xảy ra sự cố, một vị vua thật đã chết vào ngày vua hồ vì đã đổ canh nóng vào khí quản của mình trong cơn say, còn vua hồ tiếp tục nắm quyền và trị vì Babylon trong ba mươi sáu năm mà không ai dám kêu ca phàn nàn về sự cai trị của ông ta. Vì thế hôm nay ta sẽ cẩn trọng để không vô tình uống phải nước canh nóng. Nhưng người đi nhanh đi, đừng để người hầu của người làm điều ngu ngốc kéo đêm nay không kịp hối.

Tuy nhiên, tôi đã không cần phải làm gì vì Kaptah đã chạy ra từ hậu cung của nhà vua, vô cùng tức giận, hai bàn tay che con mắt còn lại và máu mũi chảy ròng ròng. Ông ấy vừa gào khóc vừa nói:

- Các ngài hãy nhìn những gì họ đã làm với tôi, họ dành cho tôi mấy mụ già và mấy bà da đen béo ú, nhưng khi tôi muốn ném một con dê non, nó biến thành một con hổ, đập tới tấp vào con mắt duy nhất còn nhìn được của tôi và dùng dép lê đánh vào mũi tôi.

Burraburiash cười ngặt nghèo đến nỗi phải giơ hai tay níu lấy cánh tay tôi kéo ngã. Nhưng Kaptah vẫn vừa rên rỉ vừa kêu ca:

- Tôi không dám mở cánh cửa của ngôi nhà đó nữa, vì con bé ấy gào thét ở đó như một con thú hoang và tôi không biết phải làm gì. Nhưng ông, Sinuhe, ông hãy đến đây và mổ sọ nó bằng tất cả kỹ năng của ông, để giải thoát linh hồn nó khỏi quỷ dữ. Chắc nó đã bị một linh hồn xấu xa chế ngự nên mới không có can đảm ôm ấp vua của mình và lại còn dùng dép đánh vào mũi vua, khiến máu tôi chảy như con bò bị chọc tiết.

Burraburiash ẩn tôi và nói:

- Đi đi, Sinuhe, xem điều gì đã xảy ra vì người đã biết ngôi nhà ấy và vì hôm nay ta không thể vào đó, rồi quay lại kể ta hay chuyện gì đã xảy ra. Ta nghĩ ta biết đó là ai, vì hôm qua người ta đưa đến một cô gái từ hải đảo và ta đang mong được ân ái với nàng, mặc dù trước tiên nàng phải được uống nước anh túc cho mê man đi.

Đức vua giục mãi, buộc tôi phải đi vào hậu cung đang náo động và rối loạn của ngài; hoạn quan không ngăn cản tôi vì biết tôi là danh y. Những mục già, ăn mặc diêm dúa, trang điểm và tô vẽ khuôn mặt nhăn nheo chỉ vì ngày hôm nay, vây quanh tôi và hỏi tôi cùng một lúc:

- Ngài đã trốn đi đâu, người yêu của chúng tôi, trái tim yêu dấu của chúng tôi, con dê nhỏ của chúng tôi, người chúng tôi chờ đợi từ sáng đến giờ?

Một bà da đen to lớn, cặp vú đen như hai chiếc chảo úp trên bụng, đã cởi đồ, sẵn sàng là người đầu tiên đón Kaptah, kêu van trách móc:

- Hãy cho tôi người yêu dấu của mình để tôi ôm chặt ngài vào ngực!

Nhưng các hoạn quan lo lắng nói:

- Đừng chú ý đến những mục này. Việc của họ là tiêu khiển vua hờ và trong khi chờ đợi ông ta, tất cả bọn họ đã uống rất nhiều rượu. Kỳ thực là chúng tôi cần một thầy thuốc vì cô gái được đưa đến đây hôm qua đã bị điên rồi, cô ta khỏe hơn chúng tôi và đá chúng tôi đau điếng, mà chúng tôi không biết điều gì sẽ xảy ra vì chẳng biết từ đâu cô ta lại có dao cầm tay và gào thét như thú dữ.

Họ dẫn tôi đến sân hậu cung đang sáng rực dưới ánh mặt trời với đủ màu sắc rực rỡ của gạch thủy tinh. Giữa sân có một hồ

nước hình tròn và giữa hồ là những con vật thủy sinh miệng đang phun nước. Cô gái điên trèo lên chúng. Các hoạn quan đã làm rách xiêm áo cô khi cố gắng giữ cô lại. Người cô ướt đầm vì đã bơi dưới hồ và bị nước phun từ tứ phía. Một tay cô nắm chặt mõm con lợn biển đang phun nước để khỏi ngã, còn tay kia cầm một con dao sáng loáng. Nước tung bọt rào rào, các hoạn quan đang gào thét và la hét xung quanh tôi nên tôi không thể nghe được cô gái nói gì. Cô ta hẳn là một cô gái xinh đẹp mặc dù xiêm áo cô bị rách và tóc ướt sũng. Tôi thấy lúng túng, rồi giận dữ nói với đám hoạn quan:

- Các người xéo đi để ta nói chuyện với cô ta và khuyên nhủ cô ta. Tắt nước đi để ta nghe được lời cô ta vì hễ thấy các người là cô ta liên tục gào thét.

Họ hốt hoảng nói:

- Đừng đến gần cô ta vì con dao rất sắc, chúng tôi đã phải nhận mấy nhát rồi.

Nói vậy nhưng họ cũng đã tắt nước để các quái thú không phun nước nữa, những cột nước hạ xuống xung quanh cô gái và cô ta hiện ra, khiến tôi nhìn thấy cả người cô. Đó là một cô gái xinh đẹp đang độ dậy thì, mặc dù lúc đó tôi không hề nghĩ về điều đó. Nhưng khi nước ngừng chảy, tôi nghe thấy cô ấy không hét nữa mà hát, dù tôi không hiểu lời, vì cô ta hát bằng thứ tiếng tôi không biết. Cô ta hát, đầu ngẩng cao, đôi mắt màu xanh lục như mắt mèo và gò má đỏ ửng vì bị kích động, khiến tôi bực bội hét lên:

- Hãy thôi rú rít ngay con mèo cái kia, mau vứt dao và lại đây để chúng ta có thể nói chuyện và tôi sẽ chữa cho cô, bởi cô chắc chắn bị điên rồi.

Cô ta ngừng hát và trả lời tôi bằng tiếng Babylon không thành thực, thậm chí còn tệ hơn cả tôi:

- Nhảy xuống ao đi, khỉ đầu chó, và bơi đến đây để con dao này có thể lấy máu ra khỏi gan ngươi vì ta đang quá tức giận!

Tôi hét lên:

- Ta không hại cô đâu!

Cô ta hét lại:

- Đó là điều mà nhiều gã đàn ông đã nói với tôi khi muốn hại tôi, chỉ vì tôi không thể ôm ấp đàn ông cả khi tôi muốn. Tôi đã được tấn phong để chỉ nhảy múa cho thần linh. Bởi thế mà tôi có con dao này và thà cho nó uống máu của mình còn hơn để đàn ông động vào tôi, nhất là con quỷ một mắt trông giống một bao tải da căng phồng hơn là một gã đàn ông kia, kẻ đã cố sờ mó tôi.

- Có phải cô đã đánh nhà vua? - Tôi hỏi.

Cô ta đáp:

- Tôi đã đâm vào mắt ông ta và lấy dép đập vào mũi ông ta khiến máu chảy và tôi rất hả hê với hành động của mình, dù ông ta là vua hay không, bởi cả nhà vua cũng không được chạm vào tôi nếu tôi không muốn. Thần của tôi cấm tôi đụng vào bất cứ ai vì tôi được nuôi lớn để làm vũ nữ của thần.

- Thì cứ múa đi nếu muốn, cô điên kia, - tôi nói. - Việc đó không liên quan gì đến tôi, nhưng cô phải bỏ con dao ra vì khi cầm nó cô có thể làm hại chính mình và điều đó thật tồi tệ, bởi các hoạn quan nói rằng họ đã thay nhà vua trả cả xâu vàng ở chợ nô lệ để mua cô.

Cô ta nói:

- Tôi không phải là nô lệ mà bị người ta dùng mưu mô xảo quyệt cướp về đây, như ông có thể nhìn thấy điều đó ở tôi nếu ông có mắt. Nhưng ông có thể nói thứ ngôn ngữ khả kính nào mà

những người ở đây không hiểu được không, vì tôi thấy các hoạn quan đang ghé tai qua những cây cột đá để cố nghe chúng ta?

- Tôi là người Ai Cập, - tôi nói bằng tiếng cha đẻ của mình, - tôi tên là Sinuhe, Người Cô Đơn, Con Trai Lửa hoang. Tôi là thầy thuốc, nên cô không phải sợ tôi.

Nghe thế, cô ta nhảy xuống nước và bơi lồm bồm đến chỗ tôi làm nước bắn tung tóe; tay vẫn cầm dao, cô nằm rạp xuống trước mặt tôi và nói:

- Tôi biết đàn ông Ai Cập yếu đuối và không làm gì xấu xa với phụ nữ trừ khi cô ấy muốn. Vì thế, tôi tin ông và mong ông lượng thứ cho tôi nếu tôi không bỏ dao xuống, bởi hôm nay có vẻ như tôi sẽ phải cắt động mạch mình, để chúng không làm nhục thần của tôi qua thân thể tôi. Nhưng nếu ông sợ thần linh và muốn điều tốt cho tôi, hãy cứu tôi và đưa tôi ra khỏi xứ sở này, mặc dù tôi không thể đền đáp một cách xứng đáng cho nghĩa cử ấy của ông, bởi vì tôi thực sự không thể chạm vào đàn ông.

- Tôi không hề có chút ham muốn nào để động vào cô, - tôi nói. - Cô có thể yên tâm về điều đó. Nhưng sự điên rồ của cô quả thực quá lớn, vì cô đã cố rời khỏi hậu cung của vua mặc dù ở đây cô có thể ăn thức ăn ngon và uống rượu, được mặc xiêm áo đẹp, đồ trang sức và có được bất cứ điều gì cô muốn.

- Đàn ông chỉ nói về việc ăn uống, đồ trang sức và xiêm áo bởi họ không biết gì khác tốt hơn, - cô ta nói, đôi mắt màu xanh lá cây nhìn tôi nghiêm nghị. - Nhưng đàn bà có thể mong muốn điều khác nữa mà đàn ông không hiểu, cũng như tôi hoàn toàn không hiểu được lời ông khi ông nói không muốn chạm vào người tôi, vì điều đó làm tôi tổn thương ghê gớm. Vì tôi đã quá quen với việc tất cả đàn ông đều muốn sờ mó tôi; tôi nhìn thấy điều đó trên nét mặt họ và nghe thấy mong muốn ấy trong hơi thở của họ khi tôi múa. Tôi nhận thấy điều đó rõ nhất khi lũ đàn

ông háo hức nhìn tôi trần truồng ở chợ nô lệ và trao tôi cho hoạn quan để kiểm tra xem tôi có phải là một trinh nữ hay không. Nhưng chúng ta có thể nói về chuyện này sau nếu ông muốn, vì trước tiên ông phải đưa tôi ra khỏi đây và giúp tôi trốn khỏi Babylon.

Cô ta trở trên quá đến mức tôi không thể nói gì thêm mà cuối cùng đành gất lên với cô ta:

- Tôi không có ý định giúp cô trốn, vì như thế sẽ phạm tội với nhà vua, bạn của tôi và là người đã trả cả xâu vàng để mua cô. Tôi cũng có thể nói với cô rằng cái bao tải da căng phồng chính là vua hờ, chỉ trị vì ngày hôm nay, còn ngày mai đức vua thật sẽ đến với cô. Đức vua vẫn là một chàng trai trẻ chưa có râu, thân hình rất đỗi hào hoa và ngài đang mong đợi được vui vẻ với cô, nhưng trước tiên ngài sẽ bắt cô quy phục. Mà tôi thì không tin thần của cô có thể lan tỏa được sức mạnh đến đây, nên cô có mất gì đâu nếu chịu khuất phục điều tất yếu, vì vậy tốt nhất đừng ngu ngốc nữa mà hãy buông dao, mặc xiêm áo vào và trang điểm cho đẹp rồi chờ ngài, bởi cô trông thật tẻ với mái tóc ướn và son môi lấm lem đến tận tai thế kia.

Điều này tác động đến cô ta, vì cô đưa tay vuốt tóc và thấm nước bọt vào đầu ngón tay rồi đưa lên chùi lông mày và môi. Rồi cô ta mỉm cười với tôi, khuôn mặt trông nhỏ nhắn và thật đáng yêu khi cô ta nhìn tôi và bẽn lẽn nói:

- Tên em là Minea, ông có thể gọi tên em khi ông đưa em đi và chúng ta hãy cùng nhau trốn khỏi xứ sở ma quỷ này.

Tôi giơ tay kinh hoàng trước sự trở trên của cô ta và định bỏ đi lập tức, nhưng nét mặt cô làm tôi khó xử nên tôi quay lại nói:

- Minea, tôi sẽ nói chuyện với nhà vua về việc của cô, chứ tôi không thể làm gì hơn. Trong khi đó, cô phải ăn vận vào và bình tĩnh lại, còn nếu cô muốn, tôi sẽ cho cô một loại thuốc giúp cô

trấn tĩnh lại và không quá để tâm đến những gì đang xảy ra với mình.

- Hãy thử làm điều ông dám làm, - cô ta nói. - Nhưng vì ông đã coi việc của em là của mình nên em đưa cho ông con dao này, thứ đã bảo vệ em cho đến lúc này, bởi vì em biết rằng khi em đưa dao cho ông, ông sẽ bảo vệ em và không bao giờ phản bội em, mà sẽ đưa em ra khỏi đất nước này và chạy trốn cùng em.

Rồi cô mỉm cười với tôi và đặt con dao vào tay tôi, cho dù tôi hét lên:

- Tôi không cần con dao của cô, cô gái điên rồ!

Cô ta không chịu cầm lại con dao, mặc dù tôi đã cố ấn nó vào tay cô, mà chỉ cười và nhìn tôi qua mái tóc ướt nước của mình, cho đến khi tôi bỏ đi với con dao trên tay và rất bối rối. Bởi tôi thấy cô ta khôn hơn tôi, vì khi đưa con dao cho tôi, cô ta đã trói buộc số phận của mình với định mệnh của tôi và như thế, tôi không thể tránh xa cô ta nữa.

Burraburiash rất tò mò khi thấy tôi từ hậu cung quay lại và hỏi tôi chuyện gì đã xảy ra.

- Các hoạn quan của ngài đã làm một thương vụ tồi, - tôi nói với đức vua, - vì Minea, cô gái mà họ đã mua cho ngài, đang phát điên và không muốn chạm vào đàn ông vì thân của cô ta cấm làm điều đó. Vì vậy, tốt nhất ngài nên để cô gái một mình cho đến khi cô ấy nghĩ lại.

Nhưng Burraburiash vui vẻ cười và nói:

- Chắc chắn ta sẽ rất thỏa mãn với cô ta, vì ta biết những cô gái như vậy và cách tốt nhất bắt họ quy phục là lấy gậy nện cho một trận. Ta vẫn còn trẻ và râu ta vẫn chưa mọc, vì thế ta thường cảm thấy mệt mỏi khi ân ái với phụ nữ, ta thấy vui thích hơn khi nhìn họ và nghe tiếng la hét của họ khi bị ăn roi của đám

hoạn quan. Do vậy cô gái cứng đầu này sẽ làm ta đặc biệt thích thú, vì ta đã có cơ để sai hoạn quan đánh cô ta cho ta nhìn; và ta thề rằng đêm hôm sau, da cô ta sẽ sưng vù lên khiến cô ta không thể nằm ngửa được và như thế ta sẽ càng sung sướng hơn.

Đức vua rời chỗ tôi, vừa xoa hai tay vào nhau vừa cười rinh rích như một đứa con gái. Nhìn vua bước đi, tôi biết ngài không còn là bạn của tôi nữa và tôi không còn muốn điều tốt lành cho ngài; con dao của Minea vẫn còn trong tay tôi.

6

Sau việc này tôi không thể cười vui như trước được nữa, mặc dù sân trước cung điện đầy kín người và mọi người uống rượu bia và cuồng nhiệt cổ vũ những trò hề mà Kaptah không ngớt nghĩ ra; chắc ông ta đã quên những xấu hổ, khó chịu trong hậu cung, con mắt bị đánh thâm tím được đắp những lát thịt tươi nên không còn đau mặc dù vẫn còn thâm và loang lổ màu. Nhưng điều gì khiến tôi bận tâm, tôi không thể nói vì tôi không biết.

Tôi nghĩ mình vẫn còn nhiều điều cần học ở Babylon, việc học đọc gan cừu vẫn còn dang dở và tôi cũng chưa biết đổ dầu vào nước theo cách các giáo sĩ làm. Burraburiash cũng còn nợ tôi rất nhiều vì được tôi chữa lành bệnh và vì tình bạn với tôi. Tôi biết đức vua sẽ tặng tôi những món quà quý khi tôi ra đi nếu tôi vẫn là bạn của ngài. Nhưng càng nghĩ, khuôn mặt của Minea càng làm tôi bận tâm, nỗi lo nghĩ cũng lớn hết như sự càn rỡ của cô ta đối với tôi và tôi cũng nghĩ về Kaptah, người phải chết đêm nay vì sở thích quái đản của nhà vua khi bắt ông ta làm vua giả mà không hỏi qua tôi, dù Kaptah là gia nhân của tôi.

Điều đó khiến tim tôi nhói đau và tôi nghĩ Burraburiash đã xúc phạm tôi, vì vậy nếu tôi cư xử với ngài theo cách tương tự thì cũng hợp lý thôi, mặc dù trong thâm tâm tôi, mới chỉ nghĩ như

thế tôi đã thấy mình phá vỡ tất cả chuẩn mực về tình bạn. Nhưng tôi là người lạ, tôi đơn độc và những tập tục dù tốt đẹp cũng không trói buộc được tôi. Vì vậy khi trời sắp tối, tôi đi ra bờ sông, thuê một chiếc thuyền với mười tay chèo và nói với những người chèo thuyền:

- Tôi biết hôm nay là ngày vua hờ và các anh chỉ thích say sưa chè chén, không thiết đi chèo. Nhưng tôi trả cho các anh gấp đôi giá bình thường, vì ông chú giàu có của tôi vừa qua đời nên tôi phải đưa thi thể ông về với tổ tiên và phải làm nhanh trước khi các con ông và các anh em tôi bắt đầu cãi nhau về quyền thừa kế mà không để lại gì cho tôi. Vì vậy tôi sẽ trả công các anh hậu hĩnh nếu chúng ta đến đó nhanh hơn, mặc dù quãng đường khá dài. Tổ tiên chúng tôi đã được quy tập ở nhà cũ của chúng tôi gần biên giới Mitanni.

Những người chèo thuyền cầu nhàu nhưng tôi đã mua cho họ hai vò bia và nói họ có thể uống cho đến khi mặt trời lặn, miễn là họ sẵn sàng đi khi tối đến. Nghe thế, họ kiên quyết từ chối:

- Chúng tôi không chèo thuyền ban đêm, vì đêm tối đầy rẫy các loại quỷ dữ lớn, nhỏ và những linh hồn ác độc phát ra những tiếng rất đáng sợ, có thể lật đổ thuyền của chúng tôi hoặc giết chết chúng tôi.

Nhưng tôi nói với họ:

- Tôi sẽ đến đền thờ dâng cúng để không có điều gì xấu xảy ra với chúng ta trên đường đi và âm thanh lạnh lốt của những đồng bạc mà tôi sẽ trả cho các anh khi chúng ta đến nơi chắc chắn đủ để tai các anh không nghe thấy tiếng gào thét của ma quỷ.

Tôi cũng đến Tháp và hiến tế một con cừu ở sân trước. Trong đền chỉ có lác đác mấy người, vì tất cả cư dân của thành phố đã tập trung quanh cung điện để chúc mừng vua hờ. Tôi đã kiểm tra gan cừu, nhưng suy nghĩ của tôi rồi bời đến nỗi gan không kể

ra điều gì đáng nói với tôi. Tôi chỉ nhận thấy nó đen hơn bình thường và có mùi khó chịu, khiến những ý nghĩ tồi tệ tràn ngập tâm trí tôi. Tôi cho tiết cừu chảy hết vào chiếc túi da rồi cặp dưới nách mang đến cung điện. Khi tôi bước vào hậu cung của nhà vua, một con chim én bay qua đầu tôi làm tim tôi ấm áp và cơ thể tôi mạnh mẽ hơn, vì đó là loài chim của đất nước tôi và tôi nghĩ nó báo điềm lành cho tôi.

Trong hậu cung của nhà vua, tôi nói với các hoạn quan:

- Hãy để tôi ở lại một mình với cô gái điên rồ này để tôi có thể xua đuổi tà ma ra khỏi cô ta.

Họ nghe lời tôi và đưa tôi đến một căn phòng nhỏ, ở đó tôi giải thích cho Minea cần phải làm gì, để lại cho cô ấy con dao và cả túi da đầy máu. Cô hứa sẽ làm theo lời khuyên của tôi và tôi để cô ở đó, đóng cửa lại. Tôi dặn các hoạn quan không ai được quấy rầy cô vì tôi đã cho cô một loại thuốc để xua đuổi tà ma ra khỏi người và ác quỷ đó có thể vô tình nhập vào người đầu tiên mở cửa mà không được lệnh của tôi. Họ tin tôi ngay nên không cần phải nhiều lời.

Mặt trời bắt đầu lặn và ánh sáng đỏ như máu trong tất cả các phòng của cung điện. Kaptah lại tiếp tục ăn và uống, còn Burraburiash phục vụ ông ta, lúc thì cười to, lúc lại rình rích như con gái. Dọc hành lang dài, những người đàn ông say xỉn, quý phái lẫn bình dân, nằm ngủ trong vũng rượu. Tôi nói với Burraburiash:

- Tôi muốn Kaptah được chết không đau đớn, vì ông ta là gia nhân của tôi và tôi chịu trách nhiệm về ông ta, như các ông chủ có trách nhiệm với đầy tớ của họ.

Burraburiash nói:

- Vậy thì nhanh lên, vì lão già đang pha thuốc độc vào rượu và đầy tớ của người sẽ chết khi ngáy hết theo phong tục.

Tôi tìm thấy viên ngọc y già và ông ta tin tôi ngay khi tôi nói rằng nhà vua sai tôi đến, ông hát lắm nhảm một mình và nói:

- Ông trộn thuốc độc thì tốt hơn, vì tay tôi đang run vì rượu và mắt tôi nhòe nước nên tôi không thể nhìn thấy gì. Hôm nay tôi đã cười suốt ngày với những trò hề của ông ta.

Tôi đổ rượu pha thuốc của ông ta đi và nhỏ nhựa anh túc vào rượu, dĩ nhiên thận trọng để nó không giết chết Kaptah. Tôi đưa cốc rượu cho Kaptah và nói:

- Kaptah, có thể chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau vì sự ngạo mạn chứa đặc đầu người đến mức ngày mai chắc người không còn quen biết ta nữa. Vì vậy, hãy uống cốc rượu ta mời này để khi trở về Ai Cập, ta có thể nói ta là bạn của vua bốn phương đất. Sau khi uống nó, người sẽ biết ta luôn luôn muốn điều tốt đến với người dù bất cứ chuyện gì xảy ra với người, và luôn nhớ về bộ hung của chúng ta.

Kaptah nói:

- Lời nói của gã Ai Cập này sẽ giống tiếng ruồi vo ve trong tai ta, nếu như tai ta không đầy ắp tiếng rì rào của rượu đến nỗi không nghe thấy gã nói gì. Tuy nhiên, ta chưa bao giờ hát cốc đi, như mọi người đều biết, và hôm nay ta đã cố gắng hết mình để chứng minh cho tất cả thần dân của ta, những người ta rất yêu mến. Vì thế ta uống cốc rượu người mời, mặc dù ta biết rõ rằng ngày mai những con lừa hoang sẽ đá vào cái đầu tội nghiệp của ta.

Ông ấy uống cạn cốc, cùng lúc đó mặt trời lặn. Đuốc được mang vào và đèn được thắp lên, tất cả đứng dậy và im lặng khiến cung điện im phăng phắc. Kaptah cởi vương miện vua Babylon trên đầu ra và nói:

- Vương miện quái quỷ này đè nặng đầu ta và ta ngán nó quá rồi. Hai chân ta cũng bị tê và mí mắt ta nặng như chì, vì vậy có lẽ tốt

nhất là ta đi ngủ.

Rồi ông kéo một tấm khăn trải bàn dày quần lên người và nằm xuống sàn để ngủ, kéo theo những chiếc vò và cốc đổ đè lên người ông, khiến ông ngập trong rượu đến cổ, đúng như đã hứa vào buổi sáng. Nhưng những người hầu của Burraburiash đã cởi ngay quần áo Kaptah đang mặc, khoác bộ quần áo ướt rượu đó lên người nhà vua và đội vương miện lên đầu vua, đưa cho đức vua quyền trượng của mình rồi để vua ngồi lên ngai vàng.

- Hôm nay là một ngày mệt mỏi, - Burraburiash nói, - nhưng dĩ nhiên, ta đã để ý một số các người đã không tỏ rõ sự tôn trọng cần thiết đối với ta trong khi nhậu nhẹt, chắc muốn ta nghẹt thở vì súp nóng. Vì thế hãy tống cổ những kẻ ngủ trên sàn ra ngoài, dọn dẹp phòng, đuổi dân chúng ra khỏi sân và tống kẻ ngạo mạn mà ta đã chán ngấy kia vào chum vĩnh viễn, nếu hắn ta đã chết.

Kaptah bị lật ngửa ra và quan ngự y, với những ngón tay run rẩy và mắt nhòe vì rượu, kiểm tra ông ấy và khẳng định:

- Đúng là người đàn ông này đã chết như một con bọ.

Sau đó những người hầu khiêng vào một chum sành to mà người Babylon dùng để bỏ xác chết, họ bỏ ông vào đó rồi trát miệng chum lại bằng đất sét. Nhà vua sai mang ông xuống hầm mộ dưới cung điện nơi chứa các vua hờ khác theo phong tục, nhưng khi đó tôi nói:

- Người đàn ông này là người Ai Cập và đã cắt bao quy đầu như tôi. Vì thế, tôi phải ướp xác ông ta theo tập quán của người Ai Cập và mang theo tất cả những gì cần thiết đến xứ miền tây cho ông ta, để ông ta được ăn uống, vui chơi mà không phải làm gì sau khi chết. Tất cả những việc này mất ba mươi ngày hoặc bảy mươi ngày, tùy thuộc vào địa vị người chết khi còn sống, nhưng với lão Kaptah này thì tôi nghĩ cần ba mươi ngày vì ông ta chỉ là người hầu của tôi. Sau đó tôi sẽ đưa xác ông ta trở lại và chôn

cạnh các vị vua hờ trước ông ta trong hầm mộ dưới cung điện của ngài.

Burraburiash tò mò lắng nghe rồi nói:

- Được, nếu người muốn, song ta nghĩ sự quan tâm của người sẽ vô ích, vì người chết sẽ vĩnh viễn nằm xuống và linh hồn của họ lang thang khắp nơi không tìm được bình yên và ăn rác rưởi từ đường phố, trừ khi thi thể họ được người thân cho vào chum giữ trong nhà thì linh hồn có thể được hưởng các đồ ăn của gia đình. Chuyện đó xảy ra với tất cả mọi người trừ ta, vì ta là vua và các vị thần sẽ cho ta đi cùng họ sau khi ta chết, nên ta không cần phải rối rít lo cháo hay bia sau cái chết như người khác. Nhưng hãy làm những gì người muốn cho y, vì đó là phong tục của đất nước người và ta không muốn tranh luận về việc đó, song ta cũng cầu nguyện những vị thần mà ta không biết tha thứ cho những tội lỗi mà ta phạm phải dù ta không nghĩ mình đã làm, nhưng cần tắc vô ưu.

Tôi bảo những người hầu khiêng chum sành đựng thi thể Kaptah ra và để lên chiếc kiệu đang chờ sẵn bên tường thành cung điện. Trước khi rời đi, tôi nói với nhà vua:

- Trong ba mươi ngày tới ngài sẽ không gặp tôi, bởi vì trong khoảng thời gian ướp xác, tôi không thể hiện diện trước người khác để tránh làm họ nhiễm hồn ma quỷ lớn vờn quanh xác chết.

Burraburiash cười và nói:

- Được, ta sẽ làm như người nói và nếu người đến, ta sẽ sai đuổi người đi, kéo người mang linh hồn ma quỷ vào cung điện của ta.

Nhưng khi ở trong kiệu, tôi xoa đất sét vẫn còn mềm, trát trên chum sành cho Kaptah có không khí để thở. Sau đó tôi bí mật trở lại hoàng cung và đến hậu cung, nơi các hoạn quan vui mừng khi thấy tôi vì họ sợ nhà vua sẽ đến bất cứ giây phút nào.

Nhưng khi vừa mở cửa căn phòng mà tôi đã nhốt Minea, tôi lập tức xoay người lại, dứt tóc và hét lên thảm thiết:

- Hãy đến ngay, xem điều gì đã xảy ra, vì cô ta đã tắt thở trong vũng máu, con dao dính máu ở bên cạnh trên sàn và cả đến tóc của cô ta cũng đầy máu.

Các hoạn quan chạy đến, vô cùng kinh hãi khi nhìn thấy máu - bởi các hoạn quan sợ máu - và không dám chạm vào người cô. Rồi họ bắt đầu khóc và than vãn, sợ nhà vua nổi giận. Nhưng tôi nói với họ:

- Các ông và tôi, chúng ta cùng bị coi là tội phạm. Vì vậy, hãy mau mang đến một tấm thảm để tôi có thể quần thi thể và rửa sạch máu trên sàn, để không ai biết chuyện gì đã xảy ra. Vì nhà vua mong đợi được tận hưởng niềm hoan lạc với cô gái này mặc dù chưa nhìn thấy cô ta, cơn thịnh nộ của ngài sẽ rất đáng sợ nếu ngài biết rằng vì sự bất lực của chúng ta mà cô gái chết, như thần của cô ấy đòi hỏi. Vậy nên các ông hãy mau chóng tìm một cô gái khác để thay thế cô gái này, tốt nhất là người đến từ một vùng đất xa xôi và không nói ngôn ngữ của các ông. Hãy mặc quần áo và trang điểm cho cô ta vì nhà vua và nếu cô ta chống cự, hãy lấy gậy đánh cô ta để vua nhìn thấy, vì nó sẽ mang lại niềm vui lớn cho nhà vua và ngài sẽ ban thưởng cho các ông rất hậu hĩnh.

Các hoạn quan nhận thấy sự khôn ngoan trong lời khuyên của tôi; sau khi mặc cả xong, tôi đưa cho họ một nửa số bạc mà họ nói sẽ trả cho cô gái mới, mặc dù tôi biết họ sẽ giữ số bạc này của tôi, vì ai cũng biết là họ sẽ mua cô gái mới bằng bạc của vua và còn trộm thêm bằng cách bảo người bán viết lên đĩa đất sét con số lớn hơn số mà họ thực trả. Điều này đã và sẽ luôn luôn là cách làm của các hoạn quan trên khắp thế gian. Nhưng tôi không muốn tranh cãi thiệt hơn với họ. Họ mang cho tôi một tấm thảm để quần Minea và giúp tôi khiêng cô ta qua các khu sân tối tăm đến chiếc kiệu có Kaptah trong chum sứ.

Với cách này tôi ra đi trong đêm tối như một người tị nạn từ Babylon, mất rất nhiều vàng và bạc nhưng có thể giàu có thêm và học được thêm rất nhiều kiến thức ở đó. Những người khênh kiệu thì thầm với nhau: “Gã này là ai mà bắt chúng ta phải đi trong đêm tối không có đuốc và lại chắt cả bình đựng xác và thảm hoàng gia lên kiệu khiến cổ chúng ta cúi xuống như cổ bò dưới ách và những khúc gỗ làm vai chúng ta bị thương. Chắc gan của chúng ta thâm đen vì sợ hãi khi chúng ta phải khiêng xác trong đêm tối và máu rỏ từ thảm xuống cổ chúng ta. Ông ta phải trả rất nhiều cho chúng ta vì việc này”.

Khi chúng tôi đến bờ sông, tôi bảo họ khiêng cái chum lên thuyền, còn tôi tự mình vác tám thảm lên thuyền và giấu nó dưới mũi. Tôi nói với những người khênh kiệu:

- Lũ nô lệ và những tên chó kia! Tối nay nếu có ai hỏi, bọn bây phải nói không nhìn thấy hoặc nghe thấy bất cứ điều gì, làm đúng như thế ta trả cho mỗi đứa một miếng bạc.

Họ nhảy lên vì sung sướng và reo lên:

- Chắc chắn chúng tôi đang phục vụ một quý ông tôn kính. Tai chúng tôi sẽ điếc, mắt chúng tôi sẽ mù và chúng tôi không nhìn thấy hay nghe thấy gì tối nay.

Tôi để họ đi như vậy, mặc dù tôi biết họ sẽ uống say như thói quen của những người khênh kiệu và khi say xỉn họ sẽ lè nhè phun hết ra những điều họ thấy. Nhưng tôi không thể làm gì được vì họ có tám người và là những người đàn ông to khỏe nên tôi không thể giết tất cả và ném xuống sông cho dù tôi muốn.

Khi họ đi khỏi, tôi đánh thức những người chèo thuyền và khi trăng lên họ đẩy thuyền xuống sông rồi chèo đưa tôi rời khỏi thành phố, trong khi vừa ngáp vừa lằm bằm cho số phận của mình, vì đầu họ đang đau nhức khi vừa uống đầy bia. Thế là tôi chạy trốn khỏi Babylon, nhưng tại sao tôi làm thế, tôi không thể nói bởi vì tôi không biết vì sao, mà có lẽ việc này đã được viết lên

các ngôi sao trước khi tôi được sinh ra và tôi không thể ngăn được nó.

Sách thứ bảy

Minea

1

Khi ra khỏi thành phố, chúng tôi không bị lính gác gọi lại vì ban đêm sông không bị chặn, tôi trườn xuống thuyền và chui vào trong khoang để cho cái đầu mệt mỏi của mình được nghỉ ngơi, vì lính của nhà vua đã đánh thức tôi trước lúc bình minh như tôi đã nói và ban ngày đầy rẫy chuyện rắc rối, khủng khiếp mà tôi chưa bao giờ trải nghiệm trước đây. Nhưng tôi vẫn chưa được yên vì Minea đã lặn ra khỏi thảm, lấy tay vốc nước dưới sông lên để gột máu trên người, ánh trăng sáng lấp lánh trong những giọt nước chảy ra từ tay cô. Cô ta nhìn tôi, không cười mà nói với vẻ trách móc:

- Theo lời khuyên của ông, tôi đã vấy bẩn mình và người đầy mùi máu. Có lẽ tôi sẽ không bao giờ sạch được nữa, tất cả là lỗi của ông. Thêm nữa, khi ôm thảm quần tôi lên, ông đã ghì chặt tôi vào ngực mình quá mức cần thiết khiến tôi rất khó thở.

Nhưng tôi đã chán ngấy với những gì cô ta nói và rất mệt, vì vậy tôi ngáp và nói:

- Hãy im mồm đi, cô gái đáng nguyên rửa kia, chỉ nghĩ cô đã buộc tôi làm bao việc, tim tôi đã nhói đau và tôi sẵn lòng ném cô xuống sông để nước sông rửa sạch cô như có vẻ cô đang muốn. Nếu không có cô, tôi đã ngồi ở Babylon bên phải nhà vua và các giáo sĩ của Tháp sẽ dạy tôi tất cả sự thông thái của họ mà không giấu giếm bất cứ điều gì, để tôi có thể thành người thông thái nhất trong tất cả các danh y trên trái đất. Tôi cũng đã tiêu tốn

hết những món quà mình nhận được khi chữa bệnh để giải cứu cô, vàng của tôi giờ còn rất ít và tôi không dám dùng các bảng đất sét để có thể lấy vàng từ quỹ của các ngôi đền nữa. Tất cả điều này là chỉ vì cô, vậy nên tôi nguyện rửa cái ngày tôi nhìn thấy cô và hằng năm tôi sẽ mặc bao tải, mang hũ tro khi nhớ đến ngày này.

Cô ta khóa tay trong dòng nước dưới ánh trăng, nước xé rẽ ra tránh đường cho bàn tay cô trông như bạc tan chảy và cô ta nói nhỏ mà không nhìn tôi:

- Nếu vậy, tốt nhất là tôi nhảy xuống sông như ông muốn. Như thế ông sẽ thoát được tôi.

Rồi cô ta đứng lên, định nhảy xuống sông nhưng tôi kịp giữ chặt cô và nói:

- Đừng có ngốc thế vì nếu cô nhảy xuống sông, tất cả những điều tôi làm cho cô thành công cốc và đó sẽ là tột đỉnh của sự điên rồ. Vì thế, lạy tất cả thần linh hãy cho tôi được yên và Minea, đừng hành hạ tôi với những ý nghĩ ngu ngốc của cô vì tôi đang rất mệt.

Nói xong, tôi chui xuống dưới tấm thảm và kéo nó lên che kín đầu vì ban đêm trời lạnh, mặc dù giờ đã là mùa xuân và bây vệt đang kêu trong đám sậy. Cô ta chui vào dưới thảm bên cạnh tôi và nói thì thầm:

- Khi không thể làm gì khác cho ông, có lẽ cho em được sưởi ấm ông bằng cơ thể của mình, vì đêm đang lạnh.

Tôi không còn sức để phản đối cô ta nữa mà ngủ thiếp đi và cô ta sưởi ấm tôi bằng cơ thể mình, tôi ngủ rất ngon vì cô ta còn trẻ và cơ thể cô giống như một cái lò nướng hẹp bên sườn tôi.

Sáng sớm khi tôi thức dậy, chúng tôi đã rời xa lên thượng nguồn, nhưng những người chèo thuyền cầu nhàu và nói:

- Vai chúng tôi cứng như khúc gỗ và lưng chúng tôi đau như.
Ông muốn giết chúng tôi bằng cách bắt chúng tôi chèo ư, chúng tôi có đi đập nhà cháy đâu.

Tôi tỏ ra cứng rắn và nói với họ:

- Kể nào ngừng chèo sẽ ném gậy của ta vì đến trưa chúng ta mới dừng lại nghỉ. Lúc đó, các người sẽ được ăn, được uống và ta sẽ cho mỗi người một ngụm rượu chà là để các người thấy sảng khoái và nhẹ nhõm. Còn nếu các người cãi nhảm với ta, ta sẽ gọi ma quỷ bóp cổ các người, vì các người phải biết ta là giáo sĩ, là phù thủy và quen rất nhiều ma quỷ thích ăn thịt người.

Tôi dọa thế để họ sợ, nhưng mặt trời đã chiếu sáng rực rỡ nên họ không tin tôi mà nói:

- Ông ta chỉ có một mình, còn chúng ta có mười người!

Và kẻ gần tôi nhất đã thử lấy mái chèo đánh tôi.

Đúng lúc ấy, cái chum sành đựng thi thể ở mũi thuyền bắt đầu lạch cạch và Kaptah vừa đập mạnh phía trong vừa gầm gừ và cao giọng chửi rủa, làm những người chèo thuyền tái người kinh hoảng, người trước kẻ sau nhẩy xuống sông và bơi nhanh mất hút theo dòng nước. Thuyền xoay ngang rập rình và nghiêng đi, nhưng tôi lái được nó vào bờ và thả neo. Minea vừa từ khoang thuyền bước ra vừa chải tóc và tôi không còn sợ nữa vì trong mắt tôi cô ấy thật đẹp, ánh mặt trời đang tỏa sáng và những con diệc đang kêu chiu chiu trong đám sậy. Tôi đến bên cái chum sành, đập vỡ đất sét và hét to:

- Dậy đi, lão kia, đừng nằm nữa!

Kaptah nhô cái đầu xù xì ra khỏi chum, kinh ngạc nhìn xung quanh và có lẽ tôi chưa bao giờ thấy một người nào kinh ngạc hơn ông ta lúc đó. Ông ta rên rĩ và nói:

- Trò quỷ quái gì thế này? Tôi đang ở đâu đây, vương miện của tôi đâu và quyền trượng của tôi ai giấu đâu rồi, còn tôi thì trần truồng và lạnh cóng thế này? Đầu tôi ong ong và tay chân tôi cứng như chì, cứ như bị rắn độc cắn. Coi chừng, Sinuhe, đừng đùa với tôi, vì với các đức vua thì không được đùa giỡn.

Tôi muốn phạt ông ta vì tội xác xược hôm trước, vì vậy tôi giả vờ không biết gì và nói:

- Ta không biết ông đang nói về chuyện gì, Kaptah ạ. Có lẽ đầu ông vẫn còn lơ mơ với rượu, bởi vì ông nhớ là khi chúng ta rời Babylon hôm qua ông đã uống quá nhiều, quậy phá trên thuyền này rồi nói lảm nhảm đủ thứ khiến các tay chèo thuyền phải nhốt ông trong chiếc chum này kéo ông đánh chúng. Ông đã nói về nhà vua, các quan tòa và nhiều điều ngớ ngẩn khác.

Kaptah nhắm mắt lại, suy nghĩ một lúc lâu, rồi nói:

- Ông chủ của tôi ơi, trong cuộc đời này tôi sẽ không bao giờ muốn uống rượu nữa vì rượu và cơn mê đã đưa tôi vào những cuộc phiêu lưu khủng khiếp mà tôi không thể kể được với ông. Tôi chỉ có thể nói là nhờ sự che chở của bọ hung, tôi tưởng mình là vua, ban phát công lý từ ngai vàng của nhà vua, thậm chí còn đến hậu cung và thoải mái ân ái với một nàng xinh đẹp. Nhiều chuyện nữa xảy ra với tôi nhưng tôi không thể nhớ được vì đầu tôi rất đau, xin ông nhân từ cho tôi liều thuốc mà những kẻ uống rượu chết tiệt ở Babylon dùng vào ngày hôm sau.

Nói đến đó Kaptah nhận ra Minea, vội vã thụt lại vào chum rồi nói như van nài:

- Ông chủ của tôi ơi, có lẽ tôi không khỏe lắm hay vẫn đang mơ, vì tôi nghĩ cô gái ngồi ở đuôi thuyền kia là người tôi gặp trong hậu cung của vua. Bọ hung ơi hãy bảo vệ tôi vì tôi sợ mình hóa điên mất.

Ông ta lấy tay sờ con mắt bị đánh thâm đen và cái mũi sưng rồi bắt đầu rên to hơn. Nhưng Minea đến bên cạnh cái chum, nắm lấy tóc rồi kéo đầu ông ta lên và nói:

- Hãy nhìn ta xem! Có phải ta là cô gái mà nhà người nghĩ đêm qua đã ân ái cùng không?

Kaptah sợ hãi nhìn cô ta rồi nhắm mắt lại và khóc lóc nói:

- Xin các thần linh Ai Cập hãy thương xót và tha thứ cho tôi khi tôi hầu hạ và cúng tế cho các vị thần lạ nhưng đúng là cô thật rồi, hãy tha thứ cho tôi bởi vì đó chỉ là một giấc mơ.

Minea lấy dép dưới chân ra đập vào hai má ông ta khiến chúng run lên và nói:

- Hãy để hình phạt này xứng với giấc mơ tồi tệ của ông, để ông biết bây giờ ông đã tỉnh.

Nhưng Kaptah còn gào to hơn:

- Thật tình tôi không biết mình đang ngủ hay thức vì điều tương tự đã xảy ra với tôi trong giấc mơ khi người đàn bà khủng khiếp đó đi về phía tôi trong hậu cung.

Tôi giúp ông ấy ra khỏi chum, cho ông một loại thuốc đắng để súc dạ dày rồi buộc một sợi dây quanh người ông và thả xuống nước, mặc cho ông gào thét. Tôi để mặc ông ấy vùng vẫy trong nước cho hết cơn say nhựa anh túc và tỉnh rượu. Nhưng khi kéo ông lên khỏi mặt nước, tôi tha thứ cho ông ấy và nói:

- Đây là một bài học cho sự trơ trẽn của người đối với ta, ông chủ của người. Nhưng hãy biết rằng tất cả những gì xảy ra với người đều đúng và không có ta thì bây giờ người đã chết trong cái chum đựng xác nơi hầm mộ các vị vua hờ.

Sau đó tôi kể với ông ấy mọi chuyện đã xảy ra, và tôi phải nói đi nói lại nhiều lần trước khi ông ấy hiểu và tin tất cả. Cuối cùng tôi nói:

- Chúng ta đang gặp nguy hiểm và ta không cười được nữa, bởi vì đúng là chúng ta đang ngồi trên thuyền đây, nhưng đầu chúng ta cũng sẽ bị treo ngược trên tường, thậm chí còn bị trưng trị tệ hơn nếu nhà vua bắt được chúng ta. Vì thế, người, Kaptah, phải nghĩ làm cách nào chúng ta sống sót đến được đất Mitanni, vì các tay chèo của chúng ta đã bỏ trốn.

Kaptah vò đầu nghĩ một lúc lâu, cuối cùng ông nói:

- Nếu tôi hiểu đúng lời ông, tất cả những gì xảy ra đều là sự thật chứ không phải tôi nằm mơ và rượu làm tôi phát rồ. Nếu đúng vậy, cầu xin phước lành cho ngày hôm nay vì như thế tôi có thể yên tâm uống rượu để chữa cho đầu mình dù tôi đã nghĩ mình sẽ không bao giờ dám ngủi rượu nữa.

Nói rồi ông ta chui xuống khoang thuyền, cạy nắp hũ rượu và uống một lúc lâu, ngợi ca tất cả các vị thần Ai Cập và Babylon mà ông ta biết tên cũng như không biết tên. Mỗi lần nhắc tên một vị thần, ông ta lại nghiêng hũ cho đến khi ngã vật xuống tấm thảm và ngủ thiếp đi rồi bắt đầu ngáy ồm ồm như hà mã.

Tôi tức điên với cách hành xử của ông ta đến mức muốn lặn ông ta xuống sông và dìm chết ông ta, nhưng Minea nói:

- Kaptah này nói đúng vì mỗi ngày một nỗi bận tâm riêng. Vậy tại sao chúng ta không uống rượu và mừng vui ở nơi dòng sông đưa ta đến, bởi đây là một nơi thật đẹp, có đám sậy bảo vệ chúng ta và đàn vịt đang kêu vang trong đó. Em cũng nhìn thấy những con vịt vươn thẳng cánh, ngóng cổ bay đến nơi làm tổ, nước lấp lánh xanh, vàng trong ánh nắng mặt trời và tim em nhẹ bồng như chim sau khi được giải thoát khỏi kiếp nô lệ.

Ngẫm nghĩ những điều cô ấy nói và thấy thật đúng, tôi nói:

- Khi cả hai người đều điên, tại sao tôi không điên, vì thành thật mà nói tôi cũng mặc kệ điều gì sẽ xảy ra, da tôi bị phơi khô trên tường vào ngày mai hay sau mười năm nữa thì cũng thế cả, vì tất cả những điều này đã được viết trong các vì sao trước ngày chúng ta sinh ra như các giáo sĩ của Tháp đã dạy tôi. Mặt trời chiếu ánh nắng rực rỡ và cây cối xanh mát ven sông, vì thế tôi muốn xuống sông bơi và bắt cá bằng tay như tôi đã từng làm khi còn bé, bởi vì hôm nay là một ngày tốt lành như những ngày khác.

Thế là chúng tôi xuống sông bơi, để mặt trời hong khô quần áo. Rồi chúng tôi cùng nhau ăn uống, Minea đã tế thần của cô, nhảy những điệu nhảy thần linh trên thuyền khiến ngực tôi tức nghẹn và tôi thở dồn dập khi nhìn cô. Vì vậy, tôi nói với cô:

- Trong đời mình chỉ có một lần tôi nói với một cô gái là “em yêu”! Nhưng với tôi vòng tay cô ta như một lò lửa và cơ thể cô ta giống như một sa mạc khô cằn không làm mát được tôi. Vì vậy, Minea, tôi van em, hãy để tôi thoát khỏi vòng quỷ quyết mà chân tay em đã khóa tôi vào và đừng nhìn tôi bằng cái nhìn như ánh trăng đang chiếu sáng dòng sông, nếu không tôi sẽ nói với em là “yêu dấu của tôi” và em sẽ đưa tôi đến với tội lỗi và cái chết, như cô gái kia đã làm.

Minea tò mò nhìn tôi và nói:

- Sinuhe, qua lời ông nói với em, em nghĩ chắc ông đã phải lòng những người đàn bà kỳ lạ, nhưng có thể đàn bà ở nước ông là như thế. Ông không cần phải lo lắng về em vì em không có ý định cám dỗ ông như ông sợ. Vì thần của em đã cấm em đụng vào đàn ông và nếu làm thế, em sẽ phải chết. Do đó, em tự bảo vệ mình và không bao giờ có ý định cám dỗ ông như ông nghĩ, mặc dù em không hiểu được do đâu trong đầu ông có những suy nghĩ như thế.

Cô đưa hai tay ôm đầu tôi đặt lên đầu gối mình rồi đưa tay xoa má và tóc tôi, nói:

- Ông thật ngốc nghếch khi nói xấu đàn bà vì dù có những người đàn bà đầu độc mọi giếng nước, song chắc chắn cũng có những người như nguồn nước trên sa mạc hay sương ướt trên đồng cỏ khô. Nhưng dù đầu ông đặc, đại khờ và tóc ông đen, thô cứng, song em thích giữ nó trong tay mình, bởi vì trong ông cũng như trong mắt và cánh tay ông có cái gì đó rất đáng yêu mời gọi em. Vì thế em rất tiếc khi không thể đem đến cho ông những gì ông muốn và em không chỉ tiếc cho ông mà còn tiếc cho số mệnh của chính em, nếu lời thú nhận không chút e thẹn này làm ông vui.

Nước xanh mướt, vàng óng dập dềnh vỗ bên mạn thuyền, tôi cầm tay cô, đôi bàn tay rắn chắc và đẹp. Như kẻ sắp chết đuối, tôi nắm chặt tay cô, nhìn vào cặp mắt trong suốt như ánh trăng dưới dòng sông, ấm áp như những cái vuốt ve, và nói:

- Minea, em yêu của ta! Trên thế gian có rất nhiều thần linh và mỗi vương quốc có những vị thần riêng của mình mà con số không có đủ để đếm hết và ta đã quá mệt mỏi với tất cả các vị thần mà con người đã nghĩ ra chỉ vì nỗi sợ hãi của chính mình, ta đoán vậy. Vì thế, hãy từ bỏ thần của em, bởi đòi hỏi của thần thật tàn nhẫn và vô lý, tàn nhẫn nhất là đúng hôm nay, ngay lúc này. Ta sẽ đưa em đến một xứ sở mà quyền lực thần của em không với tới được, dù chúng ta phải đi đến tận cùng trái đất, phải ăn cỏ và cá khô ở vùng đất của những tộc người mọi rợ, đêm phải ngủ trong đám sậy cho đến hết đời, bởi vì phải có một nơi nào đó ở biên giới mà vị thần của em không với tới.

Nhưng cô giữ chặt tay tôi, mắt nhìn sang bên và nói:

- Thần của em đã vạch một ranh giới trong trái tim em, nên dù em đi tới bất cứ nơi đâu, quyền lực của thần cũng với tới và em phải chết nếu chạm vào đàn ông. Khi nhìn ông hôm nay, em tin

rằng thần của em có lẽ là một vị thần độc ác và vô lý khi đòi hỏi như vậy, nhưng bản thân em không thể chống lại được thần và có thể ngày mai thôi, mọi việc lại khác đi khi ông chán em và quên em, bởi đàn ông là những người như thế.

- Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến, - tôi sốt ruột nói và tất cả trong tôi bùng lên chống lại cô ấy, như thể cơ thể tôi là một đồng sậy trên bãi sông đã bị mặt trời thiêu đốt hết năm này sang năm khác cho đến khi chỉ một tia hồng cũng làm nó bùng lên thành đồng lửa. - Những điều em nói là cái cớ vớ vẩn và em chỉ muốn trêu chọc ta, giống như đàn bà thường làm, để cười trên nỗi đau của ta.

Nhưng cô rút tay lại, nhìn tôi với vẻ trách móc và nói:

- Em không phải là một cô gái ít học, mà ngoài tiếng của mình, em còn nói cả tiếng Babylon và tiếng của ông, em biết viết tên mình bằng ba thứ chữ trên đất sét cũng như trên giấy. Em cũng đã đi đến nhiều thành phố lớn và đã đến bờ biển Ai Cập với thần của mình, em đã nhảy múa trước nhiều loại khán giả, đến mức họ ngạc nhiên với tài nghệ của em, cho đến khi các thương nhân cướp em vì thuyền của em bị đắm. Em biết rõ đàn ông và đàn bà đều như nhau ở mọi vương quốc mặc dù màu da và tiếng nói của họ khác nhau và họ thờ phụng các vị thần khác nhau. Cũng như thế em biết người có học ở tất cả các thành phố lớn đều giống nhau, suy nghĩ và hành xử không khác biệt nhiều, họ chỉ vui thú với rượu và không còn tin vào thần linh, mặc dù họ phụng sự thần vì đó là tập tục tốt và cần tắc thì vô ưu. Em biết rõ những điều này, nhưng ngay từ nhỏ em đã lớn lên trong các nhà trại của thần linh và được tấn phong vào các nghi lễ bí mật của thần mình để không có thế lực hay ma quỷ nào có thể tách em ra khỏi thần của em. Nếu ông đã múa trước những con bò đực, nhảy giữa những chiếc sừng sắc nhọn và thử đưa chân chạm nhẹ, đùa giỡn với mõm bò đang rống trong khi múa, ông sẽ biết điều em nói là gì. Nhưng em nghĩ ông chưa bao giờ nhìn các cô gái và những chàng trai nhảy múa trước những con bò.

- Ta từng nghe kể, - tôi nói. - Ta cũng biết đó là những trò chơi ở miền Hạ nhưng ta nghĩ những trò này mua vui cho dân chúng, dù lẽ ra phải đoán được là các vị thần cũng nhúng tay vào như với tất cả những chuyện khác đã và đang xảy ra. Nhưng nếu đúng là thế thì ở Ai Cập cũng cúng tế bò đực có các biểu tượng của thần và chỉ một lần trong một đời người, mặc dù ta chưa bao giờ nghe nói ai nhảy trên cổ bò, bởi vì như thế là sỉ nhục và xúc phạm thần bò. Vì bò này biết tiên tri. Nhưng nếu em muốn ta hiểu rằng em phải dành sự trinh trắng của mình cho các bò đực thì chuyện em nói ta chưa nghe đến bao giờ, mặc dù ta biết rất rõ trong các nghi lễ bí mật tế mẹ đất ở Syria, các giáo sĩ hiến tế những cô gái trinh trắng được chọn lựa.

Lúc đó cô tát hai bên má tôi đau điếng, hai mắt cô long sòng sọc như mắt mèo hoang trong bóng tối và cô giận dữ hét lên:

- Khi ông nói điều đó, tôi biết đàn ông và dê cụ không khác gì nhau, mọi ý nghĩ của ông chỉ xoay quanh nhục dục thân xác, khiến dê cái cũng có thể làm cho ông thỏa mãn ham muốn như đàn bà. Vậy nên hãy cút xuống âm phủ đi cho tôi nhờ và để tôi yên, đừng chọc tức tôi bằng sự ghen tuông của ông vì ông nói những điều mà ông không biết chút gì.

Điều cô ta nói thật tồi tệ và những cái tát làm má tôi bỏng rát nên tôi mất hết hứng, rời cô ta và đi đến phía cuối thuyền. Để giết thời gian, tôi mở túi đồ nghề của mình rồi lau chùi các dụng cụ và cân thuốc. Cô ta ngồi nơi mũi thuyền và giận dữ giẫm gót chân xuống thuyền, nhưng một lát sau cô bực bội cởi xiêm áo, xoa dầu lên người rồi bắt đầu nhảy múa và uốn người mạnh đến mức làm thuyền lắc lư. Tôi không thể không lén lút liếc nhìn, vì tài nghệ của cô ta thật tuyệt vời và không thể tin nổi. Rồi cô uốn người về phía sau, hai tay chống xuống sàn, người cong như cánh cung, sau đó hai chân giơ thẳng lên không trung. Tất cả các thớ thịt trên cơ thể cô rung lên dưới làn da xoa dầu bóng loáng. Cô thở mạnh và mái tóc hất tung quanh đầu vì điệu nhảy của cô đòi hỏi sức mạnh và kỹ năng mà tôi chưa bao giờ được

nhìn thấy, mặc dù tôi đã chứng kiến sự điêu luyện của các vũ nữ trong các nhà vui ở nhiều nơi.

Khi nhìn cô, nổi tức giận trong tôi tan biến và tôi không còn nghĩ đến việc mình đã tiêu phí bao nhiêu để đánh cắp cô gái lạ thường và vô ơn này từ hậu cung của vua Babylon. Tôi cũng nhớ cô ấy đã suýt dùng dao tự sát để bảo vệ sự trinh trắng của mình và tôi hiểu mình đã xử sự sai và thật tệ khi đòi hỏi cô ấy cái mà cô không thể cho tôi. Nhảy múa đến mệt lử, mồ hôi như một lớp ngọc trai phủ khắp làn da và từng thớ thịt run rẩy vì quá mệt, cô gạt mồ hôi và rửa sạch chân tay dưới sông. Rồi cô mặc xiêm áo lên người, che kín cả đầu và tôi nghe thấy cô khóc. Lúc đó tôi quên hết cả thuốc và dụng cụ của mình, vội vàng lại gần, thận trọng đặt tay lên vai cô và hỏi:

- Em ốm à?

Nhưng cô không trả lời mà gạt tay tôi ra và khóc to hơn. Tôi ngồi xuống bên cạnh cô, nổi buồn trào dâng trong tim, tôi nói:

- Minea, em yêu của anh, đừng khóc, ít ra thì cũng đừng vì anh, vì chắc chắn anh sẽ không động vào em, không bao giờ, cho dù chính em bảo anh làm điều đó, bởi vì anh muốn giúp em thoát khỏi nỗi buồn đau và anh muốn khi nào em cũng như em lúc này.

Cô ngẩng đầu, giận dữ lau nước mắt và cúi kính:

- Em không hề sợ đau đớn hay buồn phiền, nếu anh nghĩ vậy, đồ ngốc ạ. Mà em cũng hoàn toàn không khóc vì anh mà chỉ khóc vì số phận đã dứt em ra khỏi thân của mình và làm người em mềm như miếng giẻ ướt, đến nỗi ánh mắt của người đàn ông ngu ngốc đã làm chân tay em bủn rủn.

Nhưng cô không nhìn tôi khi nói điều này, mà búng bình nhìn tránh sang chỗ khác, chớp mắt liên hồi và chùi nước mắt. Tôi nắm tay cô, cô không rút tay lại mà quay sang tôi và nói:

- Sinuhe, Người Ai Cập, chắc trong mắt anh em rất vô ơn và nhõng nhẽo, nhưng em không biết làm gì khác vì em không còn nhận ra bản thân mình nữa. Nếu được phép, em sẽ rất vui kể cho anh nghe về thần của mình để anh hiểu rõ em hơn. Nhưng cho người chưa được tấn phong thì không được phép kể, nên em chỉ có thể nói ngài là thần biển và sống trong một ngôi nhà tối tăm trong núi và ai đã bước chân vào nhà ngài sẽ không bao giờ trở về mà sẽ sống với ngài suốt đời. Nhưng một số người nói rằng ngài có hình dạng giống bò mặc dù ngài sống ở biển, vì thế chúng em, những người được tấn phong cho ngài, đều được dạy nhảy múa trước bò đực. Người ta cũng nói rằng ngài giống người nhưng có đầu bò, song sau khi đến nhiều vương quốc và các thành phố lớn, em nghĩ đó là truyền thuyết. Em chỉ biết là mỗi năm mười hai người trong số những người được tấn phong và chọn ra cho ngài lần lượt vào sống trong nhà của ngài vào đêm rằm mỗi tháng và với những người được tấn phong, không có niềm vui nào lớn hơn là được vào sống ở nhà thần của mình. Số phận cũng chọn em nhưng trước khi đến lượt, thuyền của em bị đắm, như em đã kể, và các thương gia đã cướp rồi bán em ở chợ nô lệ Babylon. Suốt những ngày thơ bé, em đã mơ tới những sảnh phòng tráng lệ, chiếc giường của thần cũng như cuộc sống bất tử, bởi vì nếu muốn, người được tấn phong có thể trở về sau một tháng sống ở nhà của thần nhưng chưa bao giờ có ai từ đó trở về. Vì vậy em tin là với những người từng gặp thần, cuộc sống trên dương gian không có gì mới lạ.

Khi cô ấy nói, trong tâm trí tôi như có đám mây che khuất mặt trời và tất cả trở nên xám xịt, chết chóc, người tôi run lên vì biết Minea không phải dành cho tôi. Câu chuyện cô ấy kể giống hết những điều các giáo sĩ đã kể ở tất cả các vương quốc, nhưng cô ấy tin và điều đó chia cách cô với tôi mãi mãi. Tôi không muốn làm cô hoảng sợ vì những lời nói của mình hoặc làm cô buồn bã, mà tôi sưởi ấm tay cô trong tay mình, cuối cùng tôi nói:

- Anh hiểu em muốn trở về với thần của mình, vì thế anh sẽ đưa em ra biển để trở lại đảo Crete vì bây giờ anh đã biết em từ đảo

Crete đến. Anh đã suy đoán điều đó khi em kể về những con bò đực, nhưng bây giờ anh biết điều đó khi em kể về vị thần sống trong ngôi nhà tối vì các thương gia và thủy thủ ở Simyra đã kể với anh về ngài, mặc dù cho đến giờ anh vẫn không tin họ. Mặt khác họ lại kể các giáo sĩ đã giết những người cố tìm cách trở về từ nhà thần để không ai biết thần biển như thế nào. Nhưng, dĩ nhiên, đây là câu chuyện của các thủy thủ và đám thường dân, còn em biết mọi chuyện rõ hơn vì em đã từng được tấn phong.

- Em phải quay lại, anh biết đấy, - cô nói giọng nài nỉ. - Em sẽ không được yên ở bất cứ nơi nào trên thế gian nếu em không quay trở lại, bởi vì từ khi còn nhỏ em đã được dạy dỗ trong trường trại của thần. Mặc dù vậy em thấy hạnh phúc với từng ngày em còn ở bên anh, với từng giây em còn được nhìn anh. Không phải vì anh đã cứu em khỏi ác quỷ mà vì không có ai đối xử với em như anh, nên em không còn khát khao được vào nhà thần như trước nữa mà đến đó với nỗi buồn bã trong lòng. Nếu được phép, sau một thời hạn nhất định em sẽ từ đó trở về bên anh, mặc dù em không tin, vì chưa ai quay trở lại. Nhưng thời gian của chúng ta ngắn ngủi và không ai biết trước ngày mai sẽ như thế nào, như anh nói. Do đó Sinuhe ơi, tốt nhất là chúng ta hãy vui cho mỗi một ngày, chúng ta hãy vui với đàn vịt đang vỗ cánh bay qua đầu chúng ta, chúng ta hãy vui với dòng sông và lau sậy, với thức ăn và rượu mà không nghĩ điều gì sẽ đến.

Nếu tôi là một người khác, tôi sẽ dùng sức ép buộc cô ấy đi với mình, đưa cô đến đất nước mình và sống với cô hết những ngày còn lại của cuộc đời. Nhưng tôi biết cô ấy đã nói thật, cô sẽ không có một ngày bình yên nếu phản bội lại vị thần mà cô đã vì ngài mà sống và được dạy dỗ, và sẽ có ngày cô nguyện rửa và rời bỏ tôi. Sức mạnh của thần linh quả thật khủng khiếp với những ai tin, còn với những ai không tin, quyền lực của thần linh không chạm tới được họ. Vì thế tôi nghĩ cô ấy có thể sẽ chết nếu tôi chạm vào cô, vì tôi đã thấy nhiều người khô héo và chết trong Nhà Sống không có thương tích hay bệnh tật gì mà chỉ vì họ đã phản lại vị thần mình sùng tín.

Những điều này chắc chắn đã được viết vào các vì sao trước ngày tôi được sinh ra và không thể thay đổi. Vì thế chúng tôi cùng ăn và uống trên thuyền ăn trong đám sậy và tương lai mới xa xôi làm sao. Minea cúi đầu, lấy tóc vuốt nhẹ má tôi và mỉm cười với tôi. Sau khi uống rượu, cô ấy chạm đôi môi thơm nồng mùi rượu vào môi tôi và nổi đau mà cô mang đến cho trái tim tôi thật ngọt ngào, có lẽ còn ngọt ngào hơn nếu tôi ân ái cùng cô, dù lúc đó tôi không hề nghĩ đến điều này.

2

Chập tối, Kaptah tỉnh dậy trong mũi thuyền, ông chui ra khỏi tấm thảm, vừa dụi mắt vừa ngáp và nói:

- Nhờ bộ hung và cả thần Amon nên đầu tôi không cứng như cái đe trong xưởng rèn mà tôi thấy hòa nhập lại với thế gian, chỉ cần có thứ gì để ăn vì tôi cảm thấy trong bụng mình như có một vài con sư tử đã nhịn ăn nhiều ngày.

Không thềm xin phép, ông ta ngồi ăn cùng chúng tôi, nhai rau ráu những con chim chiên trong nồi đất rồi phì phì nhổ xương qua mạn thuyền xuống nước.

Nhưng thấy ông ấy tôi lại nhớ ra tình cảnh của chúng tôi và vô cùng hoảng sợ, tôi nói:

- Con dơi đêm say xỉn kia, đáng lẽ người phải đưa ra lời khuyên để động viên và giúp chúng ta ra khỏi tình cảnh nguy hiểm này, để cả ba chúng ta không bị treo ngược đầu cạnh nhau trên tường, đằng này người lại uống đến say xỉn và nằm bẹp như lợn giữa đồng rác. Nói ngay đi, chúng ta phải làm gì, vì lính của triều đình chắc chắn đã lên thuyền đuổi theo để giết chúng ta.

Nhưng Kaptah không lo sợ mà nói:

- Nếu đúng như ông nói, nhà vua không mong gặp ông trong vòng ba mươi ngày, lại còn bảo sẽ sai lính dùng gậy đuổi ông ra khỏi cung điện nếu ông đến diện kiến ngài trước thời hạn đó. Do vậy, tôi nghĩ chúng ta không phải vội, nhưng nếu sự việc trở nên tồi tệ và những kẻ khênh kiêu để lộ việc ông đã trốn hoặc bọn hoạn quan trong hậu cung làm rối tung lên thì chúng ta không thể làm gì được nữa. Tuy nhiên, tôi vẫn tin vào bọ hung và tôi nghĩ ông đã rất dở khi cho tôi uống nước anh túc khiến đầu tôi đau như thể thợ giày đang chích nó bằng kim, vì nếu ông không vội vã quá, có thể Burraburiash đã bị hóc xương hoặc trượt chân ngã treo cổ để tôi trở thành vua của Babylon và của cả bốn phương đất thì bây giờ chúng ta không gặp rắc rối gì cả. Tôi rất tin vào bọ hung nhưng tôi vẫn tha thứ cho ông vì ông là ông chủ của tôi và ông không thể am hiểu hơn. Tôi cũng sẽ tha thứ cho ông vì đã nhốt tôi trong cái chum sành không xứng với tôi chút nào khiến tôi gần như nghẹt thở. Nhưng vì tất cả những điều này, tôi nghĩ tốt nhất ông nên chữa cho đầu tôi khỏi trước khi tôi cho ông lời khuyên vì vào buổi sáng, ông nhận được lời khuyên từ củ cải thối dễ dàng hơn là từ đầu tôi. Tuy nhiên bây giờ tôi sẵn sàng đem tất cả sự khôn ngoan của mình cho ông dùng vì tôi biết rất rõ rằng nếu không có tôi đi cùng ông trong thế giới này, ông sẽ như cừu con lạc mẹ.

Tôi bảo ông ấy thôi cãi nhải những lời nhảm nhí đó và hỏi theo ông ấy chúng tôi nên đi đâu để thoát khỏi xứ Babylon. Kaptah gật đầu và nói:

- Quả thật chiếc thuyền này quá lớn để ba người chèo ngược sông và thật tình tôi không hề thích chèo vì mái chèo chà sát làm phồng rộp lòng bàn tay. Vì vậy chúng ta phải lên đất liền và trộm vài con lừa để thổ hành lý của chúng ta. Tốt nhất chúng ta nên ăn vận tồi tàn và mặc cả mọi thứ trong nhà trọ và trong làng để tránh sự chú ý, còn ông không nên nói mình là thầy thuốc mà giả vờ là một người khác. Vì vậy chúng ta hãy làm một gánh hát, tối tối mua vui cho dân chúng ở các sân đất nện của làng, vì không ai xua đuổi người hát rong, mà quân cướp đường

cũng nghĩ lũ hát rong không đáng cướp. Ông bói dầu cho nông dân như ông đã học và tôi sẽ kể cho họ nghe những câu chuyện cười mà tôi có nhiều vô kể, như ông biết, còn cô gái có thể nhảy múa để kiếm bánh ăn. Nhưng chúng ta cũng có thể thuê người chèo thuyền chèo thuyền này đến biên giới, bởi vì nói cho cùng, tất cả đều tùy thuộc vào bộ hung và nó có thể bảo vệ chúng ta ở dưới sông cũng như trên cạn. Tuy nhiên, cản tắc vô áy náy và cũng không hay nếu chúng ta lấy thuyền của những người chèo thuyền nghèo khổ, chắc chắn đang rình rập chúng ta trong đám sậy, chờ tối đến để giết chúng ta. Vì vậy, tốt nhất chúng ta nên đi ngay lập tức và nếu các tay chèo có gắng giục lính gác triều đình đuổi theo chúng ta, tôi nghĩ không ai tin lời họ vì họ sẽ nói về ma quỷ đập phá trong chum đựng thi thể và những điều kỳ lạ họ trải qua, khiến quân lính và quan tòa đưa họ vào đền để nghe các giáo sĩ mà không nhọc công kiểm tra câu chuyện của họ.

Trời đã tối nên chúng tôi phải làm thật nhanh vì có thể Kaptah đoán đúng rằng các tay chèo đã bớt sợ và sẽ quay lại lấy thuyền của họ về, mà họ những mười người lực lưỡng còn chúng tôi chỉ có ba. Vì vậy, chúng tôi xoa lên người dầu bôi của thợ chèo thuyền, bôi đất sét lên quần áo và mặt rồi chia nhau phần vàng, bạc còn lại của tôi để giấu trong thắt lưng và quần áo của mình. Chúng tôi quần áo đồ nghề y mà tôi không muốn bỏ lại vào trong tấm thảm và chất hết lên lưng Kaptah mặc cho ông ấy ra sức phản đối. Sau khi lội lên đến bờ, chúng tôi đẩy cho thuyền dập dềnh trôi vào đám sậy. Trên thuyền còn lại thức ăn và một vài be rượu, vì Kaptah tin rằng các tay chèo sẽ hài lòng và uống say mèm mà không thèm đuổi theo chúng tôi. Nếu sau khi tỉnh lại họ đến công đường tố cáo chúng tôi thì họ sẽ kể ra mười câu chuyện khác nhau về một việc và chuyện của họ sẽ rối tung buộc quan tòa sai lính dùng gậy đuổi họ đi. Tôi hy vọng như vậy.

Thế là chúng tôi bắt đầu lên đường và đến được vùng đất có người canh tác, tìm thấy con đường hành hương rồi đi dọc đường đó suốt đêm, mặc cho Kaptah lẩm bẩm và nguyên rửa sự có mặt của mình trên thế gian này vì gói đồ dè nặng làm cổ ông

ấy gập xuống. Sáng ra, chúng tôi đến một ngôi làng và được người dân ở đó chào đón rất thân thiện vì chúng tôi dám đi vào ban đêm mà không sợ ma quỷ. Họ cho chúng tôi cháo sữa ăn sáng và bán cho chúng tôi hai con lừa rồi vui mừng tiễn chúng tôi, vì họ là những người chất phác, hàng bao tháng trời không nhìn thấy nhẵn bạc, đóng thuế bằng ngũ cốc và gia súc, sống cùng gia súc và thú nuôi của mình trong các túp lều đất sét.

Như thế, chúng tôi cuộc bộ hết ngày này sang ngày khác dọc theo các con đường của xứ Babylon, chạm trán các thương nhân, nhường đường cho kiệu của những người quyền quý và cúi chào khi họ đi qua. Mặt trời đốt sém da chúng tôi, quần áo của chúng tôi bị sờn và chúng tôi quen dần với việc trình diễn trước dân chúng trên những sàn đất nện. Tôi đổ dầu vào nước và tiên đoán cho họ những ngày tốt đẹp với những vụ mùa bội thu, những đứa bé trai và những cuộc hôn nhân giàu có, vì tôi thấy thương họ sống nghèo khó và không muốn tiên đoán điều gì xấu cho họ. Họ tin tôi và vô cùng mừng rỡ. Nhưng nếu tôi phải kể thật những gì mình thấy, tôi sẽ phải nói cho họ về những kẻ thu thuế độc ác, những cú nện gậy và những quan tòa xảo trá, những năm mất mùa đói khát, những cơn sốt trong mùa nổi, nạn cào cào và ruồi, hạn hán đổ lửa và lụt thối cây vào mùa hè, cuộc đời lao dịch và sau đó là cái chết, vì đó là cuộc sống của họ. Kaptah kể cho họ nghe những câu chuyện về phù thủy và công chúa, về các vương quốc xa xôi nơi con người ta đi đầu nằm trong nách và biến thành sói mỗi năm một lần. Họ tin chuyện của ông ấy, kính trọng ông và cho ông ăn mận ú. Minea cũng múa cho họ xem trên nền đất nện, vì cô cần múa hằng ngày để luyện tài nghệ vì thần của mình; họ ngạc nhiên trước tài năng của cô và nói: “Từ trước đến giờ chúng tôi chưa từng thấy ai múa như thế này”.

Hành trình này rất có ích cho tôi, bởi vì tôi đã học để nhận ra nếu người giàu có và quyền quý ở tất cả các nước và các thành phố lớn đều giống nhau và suy nghĩ theo cùng một cách, thì người nghèo ở tất cả các nơi cũng giống nhau và suy nghĩ như

nhau, mặc dù phong tục của họ khác nhau và thần linh của họ có tên khác nhau. Tôi học để nhận ra người nghèo nhân hậu hơn người giàu, vì khi nghĩ chúng tôi nghèo, họ đã cho chúng tôi cháo và cá khô từ lòng tốt của mình, không mong chờ chúng tôi tặng lại họ thứ gì, trong khi người giàu dùng gậy xua đuổi người nghèo đi và miệt thị họ. Tôi biết được rằng người nghèo cũng cảm nhận được niềm vui cũng như nỗi buồn, niềm mong nhớ cũng như cái chết, và một đứa trẻ nghèo khó cũng được sinh ra trên đời này như một đứa trẻ giàu sang. Trái tim tôi trở nên yếu mềm vì sự chất phác của họ và tôi không thể không chữa trị khi nhìn thấy những người ốm, những cục mủ không được chọc thủng và những cặp mắt mờ mà tôi biết rằng sẽ sớm bị mù nếu không có sự giúp đỡ của tôi. Và tôi không đòi hỏi họ tặng quà cho tất cả những việc đó mà làm thế nào tùy ý.

Nhưng vì sao tôi làm tất cả những điều này bởi làm như thế có thể khiến chúng tôi bại lộ, tôi không thể nói. Có lẽ trái tim tôi yếu mềm vì Minea, người tôi nhìn thấy mỗi ngày và bằng sức trẻ của mình đã sưởi ấm tôi ban đêm khi chúng tôi nằm trên nền đất sét sục mùi rơm và phân gia súc. Có thể tôi dâng tặng các vị thần những việc làm tốt vì cô ấy, nhưng cũng có thể vì tôi muốn luyện tập tay nghề của mình để không quên sự chắc chắn của đôi tay và sự chính xác của đôi mắt trong chẩn đoán bệnh. Bởi càng sống lâu tôi càng hiểu thêm rằng người ta làm bất cứ việc gì thường vì nhiều lý do, mà chính họ đôi khi cũng không biết được. Vì vậy, tất cả các việc làm của con người đều là cát bụi dưới chân tôi khi tôi không biết họ làm việc đó vì mục đích và mong muốn gì.

Chúng tôi đã trải qua nhiều gian khổ suốt hành trình, đôi tay tôi chai cứng và da bàn chân dày cộp, mặt trời làm khô dầu trên mặt tôi và bụi làm mờ mắt tôi nhưng bỏ qua tất cả những cái đó, sau này khi nhìn lại, tôi thấy hành trình dọc theo những con đường bụi bặm của Babylon này của chúng tôi thật đẹp khiến tôi không thể nào quên mà sẵn sàng đổi đi mọi thứ khác tôi đã trải qua và sở hữu được trên thế gian này, nếu tôi có thể thực

hiện hành trình đó một lần nữa, trẻ trung như vậy, đầy cảnh giác hết như vậy và không bao giờ mệt mỏi, với Minea bước bên cạnh tôi, mắt lấp lánh như ánh trăng dưới sông. Suốt cuộc hành trình, cái chết bám theo chúng tôi như hình với bóng, nếu chúng tôi bị phát hiện và rơi vào tay nhà vua thì cái chết của chúng tôi sẽ rất kinh hoàng. Nhưng trong những ngày xa xôi đó tôi không hề nghĩ đến cái chết và không sợ nó, mặc dù lúc đó cuộc sống đối với tôi quý giá hơn bao giờ hết, chừng nào tôi còn được đi bên cạnh Minea và nhìn cô ấy nhảy múa trên nền đất nện. Vì Minea, tôi quên đi tội lỗi và sự nhục nhã thời trẻ của mình, mỗi buổi sáng khi thức dậy trong tiếng cừu be be và tiếng gia súc, trái tim tôi nhẹ bồng như chim khi bước ra ngoài nhìn mặt trời mọc và như thuyền vàng giương buồm lướt theo đường chân trời đã được màn đêm rửa sạch thành màu xanh lam biêng biếc.

Cuối cùng, chúng tôi đến vùng biên ải đã bị đốt trụi đến hoang vu, những người chăn gia súc nghĩ rằng chúng tôi là những người nghèo nên chỉ dẫn chúng tôi, để chúng tôi đi vào vùng đất Mitanni và Naharani mà không phải trả thuế và tránh gặp phải lính canh của cả hai vương quốc. Chỉ sau khi đến một thành phố lớn, nơi mọi người không còn biết nhau, chúng tôi mới đi đến các sạp hàng trong các khu chợ mua cho mình quần áo mới, tắm rửa rồi ăn mặc theo đúng địa vị của mình và đến ở trong một nhà trọ sang trọng. Vì vàng của tôi đã bị hao hụt, tôi ở lại thành phố này một thời gian để hành nghề của mình. Tôi tiếp rất nhiều bệnh nhân và chữa lành cho rất nhiều người, vì dân Mitanni vẫn luôn tò mò và yêu thích người lạ. Minea cũng thu hút sự chú ý với vẻ đẹp của cô ấy và nhiều người hỏi tôi mua cô ấy. Kaptah được nghỉ ngơi, lại sức, tăng cân và gặp rất nhiều phụ nữ xởi lởi với ông ấy vì những câu chuyện ông kể. Sau khi nốc rượu trong các nhà vui, ông ấy kể cho họ nghe về một ngày làm vua ở Babylon, mọi người phá lên cười nhạo ông ấy, đập tay đen đét lên đầu gối và nói: “Chúng ta chưa bao giờ thấy ai nói khoác không ngượng mồm như thế này. Lưỡi ông ta dài và trơn như suối”.

Thời gian trôi đi cho đến khi Minea bắt đầu nhìn tôi với nỗi lo lắng hiện lên qua đôi mắt và đêm đêm cô thao thức, khóc ròng. Cuối cùng tôi nói với cô:

- Anh biết em nhớ đất nước, nhớ thần của em, và chúng ta còn chặng đường dài phía trước. Nhưng trước tiên anh phải đến thăm xứ Hatti, miền đất của người Hittite, vì những lý do anh không thể nói với em. Sau khi hỏi thăm các thương nhân, khách du lịch và nhà trọ, anh đã biết được nhiều thông tin mặc dù những thông tin đó mâu thuẫn với nhau, anh nghĩ từ đó chúng ta có thể đi thuyền đến đảo Crete song anh không dám chắc, còn nếu em muốn, anh sẽ đưa em đến thẳng bờ biển Syria, từ đó mỗi tuần đều có thuyền đi đến đất nước của em. Nhưng, anh nghe nói một đoàn sứ thần sắp rời khỏi đây để mang quà hằng năm của vua Mitanni đến cho vua xứ Hatti, chúng ta có thể đi cùng với họ một cách an toàn, được nhìn và trải nghiệm nhiều điều mà chúng ta chưa biết đến trước đó, nhưng cơ hội như thế một năm nữa mới đến với anh. Song anh không muốn tự mình quyết định điều này mà tùy thuộc vào ý muốn của em.

Trong thâm tâm tôi biết mình lừa dối cô ấy, vì tôi muốn đến vùng đất Hatti chỉ nhằm giữ cô ấy bên cạnh tôi được lâu hơn trước khi buộc phải từ bỏ cô ấy vì thần của cô. Nhưng cô nói:

- Em là gì mà thay đổi kế hoạch của anh. Em vui lòng theo anh đến bất cứ nơi nào, một khi anh hứa sẽ đưa em về đất mẹ của em. Em cũng biết rằng các cô gái và chàng trai Hittite xứ Hatti có phong tục nhảy múa cho bò rừng trên cánh đồng, nên từ đó đến đảo Crete chắc không quá xa. Như thế, em có thể luyện tập nhảy múa, vì gần một năm rồi em không nhảy trước bò đực nên sợ chúng sẽ dùng sừng đâm em nếu em vụng về nhảy trước chúng ở Crete.

Tôi nói với cô ấy:

- Anh không biết gì về bò đực nhưng anh phải nói với em rằng theo những gì anh biết được, người Hittite là những người độc ác và dối trá, nên chúng ta có thể gặp nhiều nguy hiểm trên đường đi, thậm chí có thể bị giết. Vì vậy có lẽ tốt nhất em nên ở lại Mitanni đợi đến khi anh trở lại, và anh có thể để vàng lại cho em nên em có thể yên tâm ở đây trong thời gian đó.

Nhưng cô ấy nói:

- Đó là lời khuyên đại dột, Sinuhe ạ. Anh đi đâu, em sẽ đi đó và nếu chúng ta bị giết, em sẽ không tiếc cho bản thân mình mà chỉ tiếc cho anh.

Thế là tôi quyết định gia nhập đoàn sứ thần của hoàng gia với tư cách là danh y để được an toàn đến vùng đất Hatti, còn được gọi là Kheta. Nhưng khi nghe thế, Kaptah bắt đầu nguyên rửa và kêu gào thần linh giúp đỡ:

- Chúng ta vừa thoát khỏi miệng tử thần này thì ông chủ của tôi lại mơ đến cuống họng một tử thần khác. Ai cũng biết người Hittite giống như những con thú độc ác, thậm chí còn ác độc hơn, ăn thịt người và chọc thủng mắt người lạ để bắt họ quay những chiếc cối đá lớn. Thần linh đã lấy sự điên rồ trừng phạt ông chủ tôi, và cả cô Minea cũng ngốc nghếch khi bảo vệ ông ấy, tốt hơn hết là chúng ta trời ông chủ lại rồi nhốt ông ấy trong một phòng kín và cho đũa vào dưới khuỷu đầu gối để ông ấy bình tĩnh lại. Thế có bọ hung, tôi vừa mới lấy lại được da thịt, nay lại phải bắt đầu một hành trình gian khó mà vì cái gì chứ. Vì thế, thật đáng nguyên rửa cái ngày tôi được sinh ra trên thế gian này để phải chịu đựng những ý thích điên rồ của ông chủ mất trí của tôi.

Thế là tôi lại phải lấy gậy quất ông ấy mấy cái cho đến khi ông bình tĩnh lại và khi ông ấy đã tỉnh tâm, tôi mới nói:

- Được thôi, như người muốn. Ta sẽ trả tiền và gửi người đến thẳng Simyra với các thương gia. Hãy trông coi nhà của ta ở đó

cho đến khi ta trở lại vì ta thực sự ngán đến tận cổ cái tật lải nhải muôn thuở của người rồi.

Nhưng Kaptah lại nổi đóa lên và nói:

- Thế mà được à? Lại còn nói tôi để ông chủ đi một mình đến Hatti, vì như thế có khác gì nhốt con cừ non mới sinh vào chuồng chó, mà như vậy tôi sẽ không bao giờ ngừng buộc tội mình. Vậy nên tôi chỉ hỏi ông chủ một câu và hãy nói thẳng với tôi những gì ông biết. Chúng ta đến Hatti bằng đường biển hay sao?

Tôi bảo với ông ấy theo như tôi biết, giữa Hatti và Mitanni không có biển, mặc dù người này nói có, người kia nói không, và không biết chặng đường đi dài hay ngắn. Lúc đó Kaptah nói:

- Cầu xin bộ hung của tôi phù hộ, vì nếu phải đi bằng đường biển, tôi không thể đi cùng ông chủ vì tôi đã thề với thần linh rằng tôi không bao giờ bước chân lên một chiếc thuyền biển nào nữa. Tôi không thề vì ông mà cũng không phải vì Minea trơ trẽn, nói năng và cư xử như một đứa trẻ này mà phản bội các vị thần tôi có thể kể tên nếu cần.

Nói xong, ông ta bắt đầu thu dọn đồ đạc của chúng tôi và chuẩn bị cho cuộc hành trình, tôi để mặc tất cả cho ông ấy lo, vì ông hiểu rõ những việc đó hơn tôi.

3

Tôi đã kể những gì mà dân xứ Mitanni nói về người Hittite, còn sau đây tôi sẽ kể những điều mình tận mắt nhìn thấy và biết là đúng sự thật. Nhưng không biết liệu có ai tin những gì tôi kể không, vì sức mạnh của người Hittite đã khiến cả thế giới kinh hoàng đến thế và người ta kể nhiều đến thế về những hành động độc ác, xấu xa của họ. Nhưng dù sao họ cũng có điểm gì đó

tốt và đáng để học hỏi, cho dù họ là một dân tộc nguy hiểm, có phong tục khác với phong tục các dân tộc khác trên thế giới. Không phải đất nước họ hỗn loạn như lời kể mà họ có luật lệ và kỷ cương, nên với những người đã được cấp phép, việc đi lại qua núi non hiểm trở trên đất họ an toàn hơn rất nhiều so với bất cứ vương quốc nào khác, đến mức nếu người được cấp phép bị lạc hoặc bị cướp dọc đường, vua của họ sẽ đền bù thiệt hại gấp đôi cho người đó, còn nếu bị chết trong tay người Hittite, nhà vua sẽ bồi thường cho người thân của nạn nhân theo cách tính đặc biệt, theo giá trị người đó có khi còn sống.

Bởi thế nên hành trình cùng đoàn sứ thần của vua Mitanni rất buồn tẻ, không có nhiều điều để kể vì các chiến xa của người Hittite luôn theo sau chúng tôi và họ luôn lo cho chúng tôi đủ đồ ăn và thức uống ở nhà trọ. Người Hittite quen chịu gian khổ, không sợ giá rét cũng không sợ nóng nực, vì họ sống ở vùng đồi núi cần cỗi và từ thời thơ ấu đã quen với những gian nan khó khăn của cuộc sống nơi đó. Vì vậy họ không sợ chiến tranh, không tiếc thân mình, coi khinh những dân tộc hèn yếu bị họ chinh phục nhưng coi trọng những dân tộc dũng cảm, kiên cường và kết giao bạn hữu với họ.

Dân của họ gồm nhiều bộ lạc sống trong các bản làng nơi các hoàng thân nắm toàn bộ quyền hành, nhưng quyền cai trị tối cao thuộc về một vị vua tối thượng sống ở thành phố Khattushash nằm giữa những ngọn núi. Ngài là giáo sĩ tối cao, người thống lĩnh quân đội và là vị quan tòa cao nhất, ngài nắm tất cả quyền cai trị đất nước, cai trị cả dân chúng cũng như thần linh và tôi không biết vị vua nào khác có quyền lực tuyệt đối như ngài, mặc dù các vị vua đều được cho là có quyền hành vô biên. Ở các vương quốc khác, cũng như ở Ai Cập, các giáo sĩ và quan tòa kiểm soát các việc làm của vua nhiều hơn ta nghĩ.

Nhưng thành phố nơi quốc vương họ trị vì nằm giữa núi như thế nào, tôi sẽ kể, mặc dù tôi biết có lẽ sẽ không ai tin tôi dù có đọc những điều tôi kể.

Khi đi dọc vùng đất biên cương đã bị đốt trụi, nơi các đội quân biên phòng dựng trại, vừa lấy những thứ cướp bóc được của các vương quốc láng giềng làm lương ăn vừa tùy ý xé dịch các cột mốc biên giới mà không ai dám ngăn cản, không ai có thể đoán được sự giàu có của vương quốc Hatti, cũng như những ngọn núi trở trời nóng hừng hực dưới mặt trời vào mùa hè, không ai đoán được khi đông đến lại chìm dưới những lớp lông lạnh lẽo, như tôi cũng chỉ được nghe kể chứ không tận mắt nhìn thấy. Những lớp lông này từ trên trời rơi xuống và tan thành nước phủ kín mặt đất khi hè sang. Tôi đã nhìn thấy nhiều điều kỳ lạ ở đất Hatti nên tôi cũng tin chuyện này, mặc dù không hiểu lông có thể tan thành nước như thế nào. Nhưng tôi đã tận mắt nhìn thấy đỉnh của một số ngọn núi trắng xóa vì lông.

Pháo đài biên giới Karkemish của Hatti, nằm trên cao nguyên bị đốt trụi ở biên giới Syria, có những bức tường được xây từ những tảng đá khổng lồ và đầy những hình đục khắc đáng sợ. Từ pháo đài này, họ thu thuế tất cả các đoàn hành hương và thương nhân đi qua địa phận của họ, nhờ đó có được nguồn của cải rất lớn, vì thuế của họ rất hà khắc và Karkemish nằm ở giữa nhiều tuyến đường hành hương. Ai đã từng nhìn thấy pháo đài này nhô lên đe dọa trên triền núi vào lúc mờ sáng giữa một cao nguyên bị cháy trụi, nơi những con quạ sà xuống rỉa những hộp sọ và xương người trắng hếu, người đó sẽ tin vào điều tôi kể về Hatti và không nghi ngờ câu chuyện kể của tôi. Nhưng các đoàn hành hương và thương gia chỉ được phép đi qua vùng đất Hatti theo những con đường được chỉ định, hai bên đường chỉ có làng mạc nghèo khó, hoang sơ, và có rất ít đất canh tác theo cái nhìn của các thương nhân và nếu ai rời con đường được cho phép sẽ phải vào tù, hàng hóa bị tịch thu và người đó sẽ bị dày đi khổ sai trong hầm mỏ.

Tôi nghĩ sự giàu có của người Hittite đến từ các hầm mỏ, nơi tù nhân và nô lệ của họ đào lên không chỉ vàng và đồng mà cả thứ kim loại bí hiểm, phát màu xám sáng và xanh lam, cứng hơn bất cứ kim loại nào và đắt đến mức được dùng làm trang sức ở

Babylon, song người Hittite tôi luyện nó thành vũ khí. Nhưng tôi không biết các thứ kim loại này được rèn dập như thế nào vì nó không được chế tác ở vương quốc nào khác và cũng không tan chảy trong độ nóng mà đồng tan chảy. Điều này tôi tận mắt thấy. Ngoài các hầm mỏ, họ có những cánh đồng màu mỡ và những dòng suối trong vắt trong các thung lũng nằm giữa những rặng núi cao, ở đó họ trồng cây ăn quả, những thảm cây như những khu rừng che phủ sườn núi và trồng cả nho ven bờ biển. Của cải lớn nhất mắt thường có thể nhìn thấy là những đàn gia súc.

Khi nói đến các thành phố lớn trên thế giới, người ta thường nhắc đến Thebes và Babylon, một số nói đến Nineveh mặc dù tôi chưa từng đến đó, chứ tôi chưa bao giờ nghe ai nhắc đến Khattushash, thành phố lớn của người Hittite và là tổ quyền lực của họ, giống như điều hâu có tổ trên núi ở giữa vùng săn mồi. Nhưng thành phố lớn này có thể so sánh với Thebes và Babylon về sự hùng vĩ và khi nghĩ đến các tòa nhà đáng sợ to như trái núi của nó, được dựng bằng những tảng đá được đục ra với các tường thành vững chãi và chắc chắn hơn tất cả các tường thành tôi đã nhìn thấy trước đây, tôi cho rằng thành phố này là một trong những điều kỳ diệu nhất mà tôi từng thấy, vì tôi không hề nghĩ mình sẽ được đến một nơi như thế. Song thành phố này bí ẩn ở chỗ nó bị đóng cửa với người lạ theo lệnh vua, chỉ các sứ thần của các triều đình mới được phép vào để gặp nhà vua, mang quà cho ngài và họ cũng bị theo dõi nghiêm ngặt trong suốt thời gian ở lại Khattushash. Bởi vậy người dân thành phố không muốn chuyện trò với người lạ dù biết ngôn ngữ của họ đi nữa và khi được hỏi điều gì đó, họ sẽ trả lời “Tôi không hiểu” hoặc “Tôi không biết” rồi liếc nhìn xung quanh vì sợ ai đó trông thấy. Tuy nhiên, họ không phải là những người hiểm ác mà có bản tính thân thiện, họ thích ngắm nhìn trang phục của người lạ và nếu chúng đẹp, họ sẽ đi theo người lạ trên đường phố.

Trang phục của người giàu và quan lại Hittite cũng lộng lẫy không kém người ngoài và sứ thần các vương quốc khác, vì họ

nhuộm quần áo nhiều màu và dùng chỉ vàng và bạc thêu vào nhiều hoa văn, ví như vương miện tường thành và rìu đôi vốn là dấu hiệu thần của họ. Trang phục lễ hội của họ cũng thường có hình mặt trời có cánh. Chân họ đi giày hoặc dép bằng da thuộc, mềm, mũi dài và nhọn hất lên; đầu họ đội mũ cao chóp nhọn; tay áo của họ rộng, có thể dài xuống tới sát đất, còn váy xò quạt đất được gấp nếp rất khéo. Khác với người Syria, Mitanni và Babylon, họ cạo râu như người Ai Cập, một số người quyền quý còn cắt tóc, chỉ để một núm tóc tết trên đỉnh đầu. Cằm họ dày, chắc nịch, mũi cũng to và khoằm như của các loài chim ăn thịt. Quan lại và quý tộc sống trong thành phố béo tốt, mặt bóng mỡ vì quen sống xa hoa như những người giàu sang ở các thành phố lớn khác.

Họ không trả lương cho quân lính như các vương quốc văn minh, mà mọi người đều là chiến binh và đàn ông được xếp hạng theo thứ bậc trong quân ngũ, trong đó cao nhất là những người có nhiều chiến xa, và địa vị của họ được xác định dựa trên tài nghệ sử dụng vũ khí chứ không phải xuất xứ gia đình. Vì thế hằng năm, tất cả đàn ông chịu sự chỉ huy của các hoàng thân và võ quan của họ. Khattushash không phải là thành phố buôn bán như các thành phố lớn khác mà đường phố đầy các xưởng rèn phát ra tiếng búa chát chúa vang rền không dứt, vì các binh xưởng này là nơi họ rèn mũi giáo, mũi tên, làm bánh xe và khung cỗ chiến xa.

Tòa án của họ cũng khác với tòa án ở các vương quốc khác vì hình phạt của họ lạ lùng và phi lý. Chẳng hạn, nếu một hoàng thân âm mưu chống lại đức vua để tiến ngôi, người đó không bị giết mà chỉ bị đày ra miền biên ải để lập công và cải thiện danh tiếng của mình. Người Hittite dùng quà cáp để xét xử hầu hết mọi tội lỗi, ví như một người có thể giết người khác nhưng không bị xử tử mà chỉ trao quà cho người thân của nạn nhân để bồi thường những thiệt hại mà họ phải gánh chịu. Họ cũng không trừng phạt tội ngoại tình, vì nếu một người đàn bà gặp một người đàn ông thỏa mãn ham muốn của mình tốt hơn

chồng mình, người nữ đó có quyền rời khỏi nhà mình đến ở nhà người đàn ông kia, và người kia phải vì người nữ này mà bồi thường cho chồng bà ta. Các cặp vợ chồng vô sinh cũng được công khai bỏ nhau, vì vua của họ đòi hỏi thần dân sinh nhiều con. Nếu ai đó giết người nơi vắng vẻ, người đó không phải đền bù nhiều như khi hành động này xảy ra trong thành phố và có nhiều người chứng kiến, vì họ cho rằng ai đó đi một mình đến nơi vắng vẻ là cố tình dụ người khác “hãy giết tôi đi” để luyện tập kỹ năng đánh giết. Chỉ có hai việc nếu phạm phải sẽ bị xử tử, qua đó có thể thấy rõ nhất sự vô lý trong luật pháp của họ. Anh chị em ruột không được phép lấy nhau, nếu vi phạm sẽ bị xử tội chết. Không ai được hành nghề phù thủy khi chưa được phép - phù thủy phải chứng minh được khả năng của mình trước các nhà chức trách và được những người này cấp giấy phép hành nghề.

Khi tôi đến xứ Hatti, vua Shubbiluliuma của họ đã trị vì được hai mươi tám năm, tên của ngài là nổi kinh hoàng đến mức ai nghe thấy cũng cúi đầu, giơ tay lên trời và hét to những lời tôn kính ngài, bởi ngài đã thiết lập trật tự ở đất nước Hatti và thu phục nhiều bộ tộc khác về dưới quyền cai trị của Hatti. Ngài sống trong cung điện đá ở giữa thành phố và biết bao câu chuyện đã được kể về những hành động anh hùng của ngài trong các cuộc chiến cũng như sự ra đời của ngài, giống như người ta hay kể về các đức vua vĩ đại, nhưng tôi không thể thấy ngài và đến cả các sứ giả của Mitanni cũng vậy, họ chỉ có thể để lại những món quà của mình trên sàn của sảnh tiếp tân ở lâu đài và lính cận vệ của ngài cười cợt, chế nhạo họ.

Lúc đầu, thầy thuốc như tôi dường như không có nhiều việc phải làm ở Khattushash vì theo tôi hiểu, người Hittite lấy làm xấu hổ về bệnh tật của mình và cố giấu nhem bệnh càng lâu càng tốt. Những đứa trẻ tật nguyền và yếu ớt bị giết ngay sau khi sinh, nô lệ ốm cũng bị giết. Vì thế theo tôi, các thầy thuốc của họ không tài giỏi lắm mà là những người đàn ông ít học, không biết đọc, song họ khéo chữa lành các vết thương, các vết

bầm tím; họ cũng có thuốc tốt để chữa các căn bệnh do địa hình, thời tiết gây ra và giúp hạ sốt nhanh chóng. Điều này tôi học được từ họ. Nhưng nếu ai đó mắc một căn bệnh hiểm nghèo và có thể chết, người đó sẽ thà chết hơn là được chữa bệnh, vì sợ rằng mình sẽ quá yếu hoặc mắc tật trong phần đời còn lại. Người Hittite không sợ chết như người các xứ văn minh mà sợ cơ thể yếu ớt nhiều hơn.

Nhưng thực ra tất cả các thành phố lớn đều giống nhau, cũng như người giàu và quý tộc ở tất cả các vương quốc tốt cuộc cũng như nhau. Khi danh tiếng của tôi lan xa, rất nhiều người Hittite bị những căn bệnh tôi biết rõ và có thể chữa khỏi đã đến nhà trọ gặp tôi, đúng ra là họ thích bí mật đến chỗ tôi khi trời đã tối trong bộ quần áo khác ngày thường để khỏi đánh mất thanh danh của mình. Họ cũng tặng tôi rất nhiều quà nên cuối cùng tôi đã kiếm được vô khối vàng và bạc ở Khattushash, dù lúc đầu tôi nghĩ mình sẽ phải rời khỏi đó như kẻ ăn xin. Kaptah đã góp công lớn cho khoản thu nhập này vì ông ta có thói quen la cà ở các quán bia, cửa hiệu và tất cả những nơi đông người, lớn tiếng khoe khoang, ca ngợi danh tiếng và tài nghệ của tôi bằng các thứ ngôn ngữ mà ông ta biết, nên nhiều gia nhân đã kể với các ông chủ của họ về tôi.

Phong tục của người Hittite rất nghiêm khắc và những người quyền quý không dám uống đến say xỉn ngoài phố vì sợ mang tiếng xấu. Nhưng giống như ở tất cả các thành phố lớn, giới thượng lưu và giàu có uống rất nhiều rượu, cả loại rượu pha rất nguy hiểm. Tôi chữa cho họ khỏi những cơn đau vì rượu và chứng run tay khi đến chầu đức vua; số khác nghĩ rằng chuột đang gặm nhấm cơ thể họ, tôi chữa bằng cách cho họ tắm và uống thuốc an thần. Tôi cũng để Minea múa mua vui cho họ và họ hết sức ngưỡng mộ cô ấy, tặng cô ấy những món quà quý giá mà không đòi hỏi cô ấy điều gì, vì người Hittite đã quý ai thì rất hào phóng. Vì thế tôi đã giành được cảm tình của họ nhiều đến mức tôi dám hỏi họ về những điều mà tôi thường không dám công khai dò hỏi. Tôi thu thập được nhiều thông tin nhất từ

quản thủ văn khố của triều đình, người biết nói, biết viết nhiều ngôn ngữ và phụ trách việc trao đổi thư tín của đức vua với nước ngoài và không bị các phong tục, tập quán ràng buộc. Dĩ nhiên tôi làm cho người này tin rằng tôi đã bị trục xuất khỏi Ai Cập và không bao giờ được quay về, rằng tôi đã đi khắp các nước để kiếm vàng và bồi bổ kiến thức của mình chứ không có mục đích nào khác. Vì thế ông ta tin tôi và trả lời các câu hỏi của tôi, chỉ cần được uống rượu ngon và được nhìn Minea múa. Tôi hỏi ông ta:

- Vì sao Khattushash đóng cửa với người ngoài và các đoàn hành hương hay thương nhân chỉ được phép đi theo một số tuyến đường nhất định, mặc dù đất nước của các ông giàu có và thành phố của các ông có thể sánh với bất kỳ thành phố nào về danh lam thắng cảnh? Không tốt hơn sao nếu các dân tộc khác thấy được sức mạnh của các ông để họ ca ngợi Hatti trong các cuộc chuyện trò, vì đất nước của ông thật sự đáng được ca ngợi?

Ông ta vừa nhấp rượu vừa ngắm nhìn cơ thể mềm dẻo của Minea một cách thèm thuồng và đáp:

- Hoàng đế vĩ đại Shubbiluliuma của chúng tôi đã nói khi lên ngôi: “Hãy cho tôi ba mươi năm, tôi sẽ biến đất nước Hatti thành vương quốc vĩ đại nhất mà thế giới chưa từng thấy”. Thời gian này sắp hết và tôi nghĩ thế giới sẽ sớm được biết thêm về đất nước Hatti hơn cả những gì họ muốn biết.

- Nhưng ở Babylon, - tôi nói, - tôi đã thấy sáu mươi lần sáu mươi lần sáu mươi lính diễu hành ngang qua nhà vua và tiếng chân đi rầm rập, vang rền như tiếng sóng biển vỗ bờ của họ. Ở đây tôi nhìn thấy cùng lúc một đoàn có lẽ chỉ mười lần mười lính, tôi không hiểu các cỗ chiến xa mà các ông làm ra tại các công xưởng của thành phố dùng để làm gì vì chúng chỉ dành cho chiến trận nơi đất bằng, trong khi các ông ở vùng núi.

Ông ta cười nói:

- Anh là thầy thuốc mà tò mò quá vậy, Sinuhe, Người Ai Cập! Nhưng có lẽ chúng tôi kiếm được một ít bánh bằng cách bán chiến xa cho các vị vua ở các bình nguyên.

Khi nói điều đó, ông ta nheo mắt trông thật ranh mãnh.

- Tôi không tin, - tôi mạnh dạn nói. - Cứ như thể sói đưa nanh và vuốt của mình cho thỏ mượn.

Ông ta cười phá lên, đập tay xuống đầu gối khiến rượu tràn ra khỏi cốc và nói:

- Tôi phải nói điều đó với đức vua và có lẽ anh vẫn sẽ phải chứng kiến những cuộc săn thỏ khùng khiếp trong những ngày còn lại của đời mình, vì đạo lý của người Hittite khác với đạo lý ở các bình nguyên. Theo tôi biết, ở nước anh, người giàu cai trị người nghèo nhưng ở đất nước chúng tôi, kẻ mạnh cai trị kẻ yếu và tôi nghĩ rằng thế giới sẽ biết một thuyết mới trước khi tóc anh nhuộm bạc, Sinuhe ạ.

- Pharaon mới ở Ai Cập cũng tìm thấy một vị thần mới, - tôi nói, vờ tỏ ra ngỡ ngàng.

- Tôi biết điều đó, - anh ta nói, - bởi tôi đã đọc tất cả thư tín của quốc vương tôi. Vị thần mới này rất yêu hòa bình và tuyên bố rằng không có xung khắc nào giữa các vương quốc mà không thể hòa giải, nên chúng tôi không có gì chống lại vị thần này, mà ngược lại chúng tôi yêu quý ông ấy chừng nào ông ấy còn trị vì ở Ai Cập và ở xứ đồng bằng. Pharaon của các anh đã gửi cho quốc vương vĩ đại của chúng tôi một cây thánh giá Ai Cập và bảo đó là biểu tượng của sự sống. Chắc chắn ông ta còn giữ được hòa bình trong vài năm nữa, chỉ cần gửi cho chúng tôi nhiều vàng để chúng tôi có thể mua thêm vào kho nhiều đồng, sắt, lúa mạch và xây dựng thêm các công xưởng mới để sản xuất thêm nhiều chiến xa hạng nặng hơn so với trước đây, vì những việc này cần rất nhiều vàng và quốc vương chúng tôi đã chiêu mộ về Khattushash những thợ rèn vũ khí giỏi nhất từ tất cả các vương

quốc, hào phóng trả họ lương cao. Nhưng vì sao ngài lại làm như vậy, tôi không nghĩ rằng trí khôn của thầy thuốc có thể trả lời được.

- Tương lai mà ông dự đoán có thể khiến quạ và chó rừng vui thích, - tôi nói, - chứ nó không làm tôi hài lòng và không thấy gì có thể cười vui được. Tôi đã nhìn thấy những tù nhân bị chọc mắt quay những chiếc cối đá xay bột và ở biên giới Mitanni người ta kể nhiều chuyện về sự tàn bạo của nước ông mà tôi không muốn nhắc lại để tai ông không bị tổn thương, vì những chuyện ấy không thích hợp với những dân tộc văn minh.

- Văn minh là gì? - Ông ta hỏi và rót thêm rượu vào cốc mình. - Chúng tôi cũng biết đọc, viết và thu thập các đĩa đất sét được đánh số vào kho lưu trữ của chúng tôi. Chúng tôi chọc mù mắt những tù nhân phải quay cối xay suốt cuộc đời chỉ để thể hiện thiện chí với họ, vì công việc này rất nặng nhọc và nếu nhìn thấy bầu trời, mặt đất và những con chim bay lượn trên trời, họ sẽ còn cảm thấy nặng nề hơn, nó chỉ làm nảy sinh trong họ những suy nghĩ vô ích và nếu có ý định chạy trốn họ sẽ bị giết. Nếu quân lính ở vùng biên giới của chúng tôi chặt tay một vài đứa và kéo da đầu trùm lên mắt những đứa khác, điều đó không có nghĩa là chúng tôi tàn nhẫn, vì chính anh cũng đã thấy, trong nhà mình chúng tôi rất hiếu khách, thân thiện, yêu trẻ con, thương thú vật nuôi và không đánh đập vợ mình. Mục đích của chúng tôi là gieo rắc sự sợ hãi và hoảng loạn trong dân chúng của các nước thù địch để dần dần họ sẽ đầu hàng trước sức mạnh của chúng tôi mà không phải chém giết, không gây nên thiệt hại và thảm họa vô ích cho chính mình. Vì chúng tôi hoàn toàn không muốn sự diệt vong mà muốn các nước mình xâm chiếm không bị tàn phá và các thành phố được nguyên vẹn. Kẻ thù sợ hãi là đã thua đến một nửa rồi.

- Vậy tất cả các vương quốc đều là kẻ thù của các ông sao? - Tôi giễu cợt hỏi. - Các ông không khi nào có bạn ư?

- Bạn của chúng tôi là tất cả các vương quốc quy phục quyền lực của chúng tôi và cống nạp cho chúng tôi, - ông ta giảng giải. - Chúng tôi cho phép họ sống theo hoàn cảnh của riêng họ, chúng tôi không xúc phạm phong tục hay thần linh của họ, chừng nào chúng tôi được cai trị họ. Bạn của chúng tôi thường là các dân tộc không phải hàng xóm của chúng tôi, ít nhất cho đến khi họ trở thành hàng xóm của chúng tôi, vì sau đó chúng tôi thường thấy họ làm nhiều việc rất xúc phạm, ảnh hưởng tới sự hữu hảo láng giềng, buộc chúng tôi phải gây chiến chống lại họ. Đó là điều cho đến nay đã xảy ra, và tôi sợ rồi sẽ tiếp tục xảy ra vì tôi hiểu quốc vương vĩ đại của chúng tôi.

- Các vị thần của các ông không nói gì về chuyện này sao? - Tôi hỏi. - Vì ở các vương quốc khác, các vị thần thường quyết định điều gì đúng và điều gì sai.

- Điều gì đúng và điều gì sai ư? - Ông ta hỏi lại. - Với chúng tôi, đúng là những gì chúng tôi muốn, và sai là những gì vương quốc láng giềng muốn. Đó là bài học rất đơn giản, làm cho cuộc sống và việc cai trị trở nên dễ dàng, và tôi nghĩ bài học này không khác nhiều lắm so với lời dạy của các vị thần ở xứ bình nguyên vì nếu tôi hiểu đúng, thần linh ở đó coi những gì người giàu muốn là đúng và những gì người nghèo muốn là sai. Nhưng nếu anh thật sự muốn biết điều gì đó về thần linh của chúng tôi thì thần duy nhất của chúng tôi là mẹ đất và trời cao, chúng tôi chào mừng họ vào mỗi mùa xuân khi cơn mưa đầu tiên từ trời cao rơi xuống thụ tinh cho mẹ đất, giống như tinh trùng của người đàn ông thụ tinh cho người đàn bà. Trong các lễ hội này, chúng tôi giảm nhẹ những hà khắc trong phong tục, vì người dân cũng cần được thỏa thuê mỗi năm một lần. Nên sau các lễ hội này nhiều đứa trẻ được sinh ra và thế là tốt vì vương quốc hùng mạnh lên nhờ trẻ em và những cuộc hôn nhân sớm. Dĩ nhiên, đám dân đen cũng có nhiều vị thần nhỏ khác, giống như các bộ lạc, nhưng anh không nên tính họ vào, vì các thần này không có tầm quan trọng trên toàn vương quốc. Vậy nên,

anh không thể phủ nhận sự hào phóng của tôn giáo chúng tôi, nếu tôi có thể nói như vậy.

- Càng nghe nhiều về các vị thần, tôi càng thấy chán họ. - Tôi nói, lòng đầy phiền muộn, nhưng viên quản thủ văn khố của Shubbiluliuma chỉ cười, người ngả ra sau trên đệm ngồi, thỏa thuê vì rượu và cánh mũi dày đỏ ửng.

- Nếu anh là người nhìn xa trông rộng, - ông ta nói, - hãy ở lại với chúng tôi và bắt đầu phụng sự thần của chúng tôi, vì tất cả các vương quốc khác đã lần lượt thống trị thế giới và bây giờ đến lượt chúng tôi. Thần của chúng tôi rất hùng mạnh, tên là Quyền lực và Sợ hãi, và chúng tôi sẽ dựng những đền thờ lớn cho thần này từ những hộp sọ đã ngả màu trắng hếu. Tôi cũng không cấm anh nói điều này với người khác nếu anh đại dốt mà rời bỏ chúng tôi, vì sẽ không ai tin anh bởi họ đều biết người Hittite chỉ yêu thích đồng cỏ và là những người du mục nghèo khó, sống trên núi với dê và cừu của mình. Nhưng tôi đã ngồi với anh quá lâu rồi, giờ tôi phải trở lại với khuôn phép cùng các lực sự của mình và đánh dấu các bảng đất sét mềm để khẳng định với tất cả các vương quốc những ý định tốt đẹp của chúng tôi, theo đúng trách nhiệm của mình.

Ông ta ra về và tối đó tôi nói với Minea:

- Anh đã biết rõ về xứ Hatti và đã tìm được thứ cần tìm. Vì thế, anh sẵn sàng cùng em rời khỏi nơi này nếu thần linh cho phép vì ở đây nồng nặc mùi xác chết và mùi tử thần làm anh ghê tởm. Thật thế, tử thần như cái bóng đè nặng xuống anh chừng nào chúng ta còn ở lại đây, và anh tin nếu vua của họ biết anh đã biết được những gì, ông ta sẽ cho xuyên người anh vào cọc nhọn, vì ở đây nếu muốn giết ai, họ sẽ không treo ngược người đó lên tường như ở các nước văn minh mà trồng cột rồi xuyên dọc cơ thể cho đến khi người đó chết. Vậy nên chừng nào ta còn ở trong biên giới của xứ này, bụng anh còn đau.

Nhờ sự giúp đỡ của các bệnh nhân quyền quý, tôi đã có được giấy phép, cho phép chúng tôi đi đến vùng duyên hải theo con đường quy định và lên thuyền để rời khỏi xứ này, mặc dù những bệnh nhân của tôi rất tiếc về sự ra đi của tôi, khuyên tôi nên ở lại và cam đoan rằng vài ba năm nữa tôi sẽ trở nên giàu có nếu tiếp tục hành nghề y giữa bọn họ. Nhưng cũng không ai ngăn cản sự ra đi của tôi, và tôi đã cười và kể cho họ nghe những chuyện khôi hài mà họ thích rồi chúng tôi chia tay nhau như những người bạn và tôi nhận được rất nhiều quà khi ra đi. Thế là chúng tôi bỏ lại sau mình những tường thành đáng sợ của Khattushash và thế giới của tương lai đang rình rập sau tường thành, chúng tôi lên lưng lừa, cưỡi chúng băng qua những cối xay bằng đá phát ra tiếng ầm ầm do những nô lệ mù nặng nhọc quay, qua những con đường mà hai bên bờ đầy xác phù thủy, vì ở Khattushash những phù thủy truyền bá các học thuyết không được nhà nước chấp thuận đều bị giết bởi vì nhà nước chỉ theo một học thuyết duy nhất. Tôi cố gắng đi càng nhanh càng tốt và sau hai mươi ngày, chúng tôi đã đến thành phố cảng.

4

Thành phố cảng này đón thuyền bè đến từ Syria và tất cả các hải đảo, cũng giống như tất cả các cảng trên thế giới, mặc dù người Hittite canh giữ nó, đánh thuế thuyền và kiểm tra bằng đất sét của tất cả những thuyền dự định rời đất liền. Nhưng không ai trên thuyền tìm cách đi vào sâu trong đất liền, từ thuyền trưởng, lái thuyền đến thủy thủ, không ai biết gì khác về miền đất Hatti ngoại trừ bến cảng này. Họ cũng có những tửu quán, những nhà vui, gái điếm và cả thứ nhạc Syria kinh khủng nơi bến cảng hết như ở mọi cảng khác trên thế giới. Vì vậy họ cảm thấy bến cảng này rất thân thuộc và thích ở lại đây lâu hơn; họ không những không vội vàng rời bến mà để yên tâm còn cúng tế cho các vị thần Hittite, mẹ đất và trời cao, song cũng

không quên các vị thần riêng của mình mà các thuyền trưởng giấu trong cabin của họ.

Lặng nặng như một đàn ruồi, họ tụ tập tại cầu cảng, dùng cần mút bia trong vò, đông đến mức xung quanh mỗi vò có chừng mười, mười hai người đàn ông từ tất cả các nước thi nhau hút. Bia của người Hittite rất mạnh và bốc lên đầu như khói, khiến tối đến họ phá khóa cửa các nhà vui, đá đổ các bàn xoay của những thợ gốm, dùng chày gỗ đánh nhau bị thương và đưa gái lên thuyền cho đến khi lính canh Hatti đến và dùng cán giáo buộc họ yên. Nhưng dù có làm gì hay không, họ cũng phải trả tiền cho việc đó và đền bù bằng đồng và bạc để không bị ai hành hạ thêm nên họ đều biết trước phải trả bao nhiêu nếu đầu bị bổ toác, mắt bị chọc thủng hay vết thương toác miệng. Vì thế họ cười lớn với nhau và nói: “Đây là một đất nước tốt và chúng tôi sẽ trở lại”. Còn nếu nhìn thấy phù thủy bị xâu dọc trên cột cạnh tường thành, họ sẽ nói: “Phép thuật là một điều xấu và người đàn ông này đã dùng lưỡi làm phép chọc thủng ruột mình”. Nhưng người Hittite đã chiêu mộ những thủy thủ giỏi nhất và dụ họ trốn khỏi thuyền, vì người Hittite không phải là dân biển và trong khi các nước khác thuê lính thì người Hittite thuê thủy thủ, hoa tiêu, thợ đóng thuyền và đối xử tốt với những người này, làm họ lớn tiếng khoe khoang về mức lương và cuộc sống mới sung túc để dụ dỗ những người khác cũng trốn khỏi thuyền.

Chúng tôi ở lại thành phố này một thời gian, dù đó là một thành phố ồn ào đầy chuyện xấu xa và tội ác, vì khi chúng tôi thấy một thuyền sắp khởi hành đến đảo Crete, Minea nói: “Nó nhỏ quá, có thể gặp nạn trên biển và em không muốn chịu một vụ đắm thuyền mới”. Còn khi chúng tôi thấy một thuyền lớn hơn, cô nói: “Đó là thuyền Syria và em không muốn đi trên thuyền Syria”. Đến thuyền thứ ba, cô lại nói: “Thuyền trưởng có con mắt gian xảo, em sợ rằng anh ta sẽ bán hành khách của mình làm nô lệ cho những xứ xa lạ”.

Thế là chúng tôi ở lại bến cảng nhưng tôi cũng không lấy thế làm tiếc vì có quá nhiều việc để làm - lúc khâu, khi làm sạch vết thương và khi khoan hộp sọ vỡ. Cả viên cai đội canh cảng cũng cần tôi vì anh ta mắc bệnh giang mai và không thể đung vào đàn bà con gái vì sẽ đau khủng khiếp. Nhưng tôi biết bệnh này hồi ở Simyra và có thể chữa trị nó bằng thuốc của các thầy thuốc Simyra, nên anh ta hết lòng biết ơn khi được vui vẻ trở lại với các cô gái ở bến cảng. Ân ái là một ưu đãi dành cho anh ta, vì mọi cô gái muốn hành nghề ở bến cảng đều phải đồng ý vui vẻ với anh ta và những người thư lại của anh ta mà không đòi tiền. Do đó, anh ta đã rất tiếc khi không thể tận dụng lợi thế này.

Sau khi được tôi chữa lành bệnh, anh ta hỏi tôi:

- Sinuhe, tôi có thể tặng quà gì cho xứng với tài năng tuyệt vời của anh? Cân đo vàng để trả ơn anh đã chữa cho tôi lành bệnh?

- Tôi không muốn vàng của anh, - tôi nói. - Cho tôi con dao bên lưng anh, tôi sẽ rất biết ơn vì như thế tôi có vật lưu niệm để nhớ mãi về anh, còn anh không cần cảm ơn tôi.

- Con dao này đơn giản, - anh ta từ chối khéo, - nó không có sói chạy dọc theo lưỡi dao và tay cầm không được mạ bạc.

Nhưng anh ta nói thế vì con dao được làm bằng kim loại của người Hititte và không được phép tặng hoặc bán cho người ngoài, chính vì thế tôi đã không mua được một vũ khí như vậy ở Khattushash, bởi không muốn quá ngoan cố vật nài dễ gây nghi ngờ. Những con dao như vậy chỉ được thấy ở những người có địa vị cao nhất của Mitanni và có giá gấp mười lần trọng lượng vàng, mười bốn lần trọng lượng bạc mà người chủ vẫn không muốn bán vì loại dao như vậy không có nhiều trên thế giới. Nhưng với người Hittite, dao này không có giá trị lớn vì anh ta không được phép bán cho người lạ.

Nhưng viên cai đội biết tôi sẽ rời cảng sớm và nghĩ anh ta có thể dùng vàng của mình vào việc gì khác tốt hơn là làm quà cho

danh y, vì thế anh ta quyết định tặng tôi con dao sắc lẹm, đến mức nó cắt râu ngọt hơn lưỡi dao cạo râu tốt nhất và lưỡi của nó có thể chặt vào đồng mà không hề sút mẻ. Tôi rất thích con dao này và quyết định tráng cho nó một lớp bạc và sắn cho nó cái cán bằng vàng, như các quý tộc Mitanni thường làm sau khi nhận được con dao như vậy. Viên cai đội cảng không tiếc mà chúng tôi đã trở thành bạn vì tôi đã chữa cho anh ta khỏi hẳn bệnh. Tôi bảo anh ta hãy đuổi cô gái mà anh ta ân ái cùng ra khỏi cảng vì cô ta đã làm lây bệnh, nhưng anh ta nói đã sai xuyên cọc cô ả, vì bệnh như vậy rõ ràng từ ma thuật mà ra.

Thành phố cảng này cũng có một cánh đồng, ở đó có những con bò rừng như ở hầu hết các thành phố cảng ngày đó và thanh niên luyện tập sự nhanh nhẹn và lòng can đảm của mình bằng cách chiến đấu với những con bò này, đâm vật nhọn vào cổ chúng và nhảy qua chúng. Minea rất vui khi thấy bò và muốn thử tài nghệ của mình. Thế là lần đầu tiên tôi nhìn cô ấy nhảy múa trước những con bò rừng, cảnh tượng mà tôi chưa bao giờ được mục kích, mặc dù trái tim tôi lạnh cứng vì sợ hãi. Vì bò rừng là loài đáng sợ nhất trong tất cả các loài thú dữ, đáng sợ hơn cả voi, loài thú thường rất hiền lành trừ khi bị quấy rầy, sừng nó dài và nhọn như kim, dễ dàng đâm xuyên người và nó có thể hất người lên không trung rồi chà đạp dưới chân nó.

Nhưng Minea chỉ mặc một bộ váy áo mỏng khi nhảy trước những con bò rừng, lệ làng né tránh chúng khi chúng hạ thấp cổ và gầm gừ chực nhào đến tấn công cô. Mặt đỏ bừng, cô lao đến, lưỡi tóc màu bạc của cô bị hất tung ra khiến tóc bay bồng bềnh trong gió; điệu nhảy của cô nhanh đến mức mắt không thể theo dõi kịp mọi chuyển động khi cô nhảy lên giữa sừng của con bò đang lao đến, vừa giữ chặt sừng nó vừa lấy chân ấn vào trán nó lấy đà rồi tung người lên quay một vòng và hạ xuống đứng trên lưng bò. Tôi nhìn tài nghệ của cô ấy và nghĩ sự ngưỡng mộ này của tôi đã khiến cô trong phút chốc làm điều mà tôi không bao giờ tin con người có thể làm được, nếu chỉ nghe ai đó nói. Vì thế, tôi nhìn cô ấy đến nỗi cả người ướt đẫm mồ hôi và đứng bật dậy

trên khán đài, mặc những người ngồi sau tôi chải rửa và giặt vai áo tôi.

Minea được chào mừng nhiệt liệt khi từ cánh đồng trở về, đầu và cổ quần đầy vòng hoa, các chàng trai trẻ đã tặng cô một cái cốc kỳ lạ trên đó có hình những con bò được vẽ bằng màu đỏ và đen. Ai cũng nói: “Chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy điều như vậy”. Các thuyền trưởng từng đến đảo Crete vừa nói vừa phả hơi rượu ra từ hai lỗ mũi: “Ngay cả ở đảo Crete cũng không vũ nữ nào có thể sánh với cô ta”. Nhưng cô đến bên tôi và tựa vào tôi, váy áo mỏng ướt đầm mồ hôi. Cô tựa vào tôi toàn bộ cơ thể mảnh mai rắn chắc, từng thớ thịt run rẩy vì kiệt sức lẫn tự hào của mình, tôi nói với cô: “Anh chưa bao giờ thấy ai như em”. Nhưng trái tim tôi đau thắt, vì khi nhìn cô ấy nhảy múa trước những con bò rừng, tôi biết rằng những con bò như phù thủy độc ác đã chia lìa cô khỏi tôi.

Không lâu sau đó, một chiếc thuyền không quá lớn cũng không quá nhỏ từ đảo Crete cập bến, vị thuyền trưởng cũng không có vẻ ác độc và nói tiếng mẹ đẻ của cô ấy, vì vậy cô ấy bảo:

- Thuyền này sẽ đưa em an toàn về đến đất mẹ và với các thần của em, vì thế bây giờ chắc chắn anh sẽ bỏ em và thỏa sức vui mừng vì thoát được em, sau khi em đã gây ra cho anh rất nhiều phiền toái và mất mát.

Nhưng tôi nói:

- Minea, em biết là anh sẽ đi theo em đến đảo Crete.

Cô ấy nhìn tôi, cặp mắt xanh như biển dưới ánh trăng, đôi môi được tô phớt hồng, cặp lông mày mỏng như hai vệt kẻ đen trên đôi mắt. Cô bảo:

- Sinuhe, em không hiểu vì sao anh lại muốn đi theo em, vì thuyền đưa em đi thẳng, an toàn đến đất mẹ và không có chuyện gì xấu có thể xảy ra với em nữa.

- Cũng như anh, em biết rất rõ điều đó, Minea, - tôi nói.

Khi ấy cô đặt những ngón tay dài, rắn chắc của mình vào tay tôi rồi thả dài và nói:

- Em đã cùng anh trải qua rất nhiều điều, Sinuhe, đã nhìn thấy nhiều xứ sở khác nhau, khiến trong tâm trí em đất mẹ phai mờ giống như một giấc mơ đẹp và em không còn khao khát thân của em như trước. Vì vậy mà em đã trì hoãn chuyến đi với những lý do vớ vẩn, như anh thừa biết, nhưng khi nháy múa trước đàn bò, em lại biết rằng mình phải chết nếu anh xâm hại em.

Tôi nói với cô ấy:

- Đúng, đúng, đúng, chúng ta đã nói về điều này quá nhiều lần và anh không muốn chạm vào em, bởi lẽ việc đó không đáng để chọc tức thần linh của em và bất kỳ nô tỳ nào cũng có thể cho anh điều mà em ngăn cấm anh, không có gì khác biệt trong việc đó, như Kaptah nói.

Lúc đó đôi mắt cô lóe lên xanh lục như mắt mèo hoang trong bóng tối rồi cô ấn móng tay vào lòng bàn tay tôi và rít lên:

- Đến ngay chỗ nô tỳ của anh đi, vì nhìn anh tôi phát điên lên. Chạy thẳng đến chỗ những con bé bán thủy trong bến cảng đi, khi anh muốn thế, nhưng anh phải biết rằng tôi sẽ không nhìn đến anh nữa mà có thể còn làm anh đổ máu bằng con dao của mình. Điều gì tôi không thể có, anh cũng không thể có.

Tôi cười nói với cô ấy:

- Không thần linh nào ngăn cấm anh việc ấy.

Nhưng cô ấy bảo:

- Tôi cấm và cứ thử đến gần tôi sau khi làm việc đó xem.

Tôi nói với cô ấy:

- Đừng lo, Minea, anh đã thực sự ngăn việc em nói đến tận cổ rồi! Mà hầu như không có gì đơn điệu hơn vui thú với đàn bà, vì thế sau một lần thử, anh không có hứng làm lại việc đó lần nữa.

Cô ấy lại nổi khùng lên:

- Lời anh nói xúc phạm ghê gớm tới nhân phẩm nữ giới trong tôi và tôi chắc chắn là anh sẽ không thể chán tôi, nếu việc đó xảy ra.

Cứ vậy tôi không thể nói bất cứ điều gì vừa lòng cô ấy mặc dù tôi đã cố gắng hết sức, và tối đó cô không ở bên tôi như trước mà lấy tấm thảm của mình và đi sang phòng khác, trùm chăn kín đầu định ngủ.

Lúc đó, tôi gọi cô ấy và gào lên:

- Minea, vì sao em không sưởi ấm anh như trước, khi em trẻ hơn anh mà đêm lại lạnh và anh rét run trên tấm thảm của mình.

- Anh không hề nói thật, - cô ấy nói, - vì người tôi nóng như lên cơn sốt và tôi không thể thở trong cái nóng ngột ngạt này. Nên tôi thích ngủ một mình, nếu anh bị lạnh hãy gọi mang chậu than vào phòng hoặc để con mèo nằm bên cạnh anh, đừng làm phiền tôi nữa.

Tôi đến chỗ cô ấy và sờ trán cô, người cô nóng ran và run lên dưới tấm chăn nên tôi nói:

- Có thể em bị ốm, để anh chữa cho em.

Nhưng cô đạp chân, gạt tôi ra và gắt lên:

- Tránh ra, đi về chỗ của anh đi, thần của tôi sẽ chữa cho tôi khỏi bệnh.

Song một lúc sau, cô lại nói:

- Nhưng hãy cho em một ít thuốc gì đó đi, Sinuhe, nếu không ngực em sẽ tức nghẹn và em sẽ khóc.

Tôi cho cô thuốc an thần và cuối cùng cô ngủ thiếp đi, còn tôi thức cho đến khi những con chó bắt đầu sủa trong ánh xám bàng bạc của rạng ngày trên bến cảng.

Ngày khởi hành của chúng tôi đã đến, tôi nói với Kaptah:

- Hãy thu xếp hành lý, chúng ta sẽ lên thuyền để đi đến đảo Keftiu, đất mẹ của Minea.

- Tôi đã đoán được điều này, - Kaptah nói, - nên không vì thế mà xé quần áo của mình, bởi làm vậy thì lại phải khâu chúng và ông cũng không đáng để tôi rắc tro lên tóc mình vì sự lật lọng của ông. Chẳng phải khi rời Mitanni ông đã thề rằng chúng ta sẽ không bao giờ dong buồm trên biển nữa ư? Tôi đã biết trước điều này khi thấy ông lén lút ở bến cảng như kẻ trộm và nghe lỏm được điều ông thì thảo với cô Minea đáng nguyên rửa kia, người sẽ đẩy chúng ta đến thảm họa cuối cùng, như tôi đã đoán khi gặp cô ta lần đầu tiên, lúc cô ta lấy dép đập mũi tôi chảy máu trong khi tôi chỉ muốn điều tốt cho cô ta. Nhưng tôi cố kìm nén, không nói bất cứ điều gì, thậm chí không khóc bởi tôi sợ bị mù nốt con mắt còn lại, vì tôi đã khóc quá nhiều cho số phận ông ở tất cả những nước mà chúng ta đã đến do sự điên rồ đáng nguyên rửa của ông. Tôi chỉ nói với ông rằng tôi đã biết trước chuyến đi này là chuyến đi cuối cùng của tôi, vì dạ dày của tôi nói với tôi điều đó, nhưng tôi không thèm buộc tội ông nữa, bởi chỉ nhìn ông và ngửi cái mùi danh y của ông đã làm tôi phát khiếp. Nhưng tôi đã thu xếp đồ đạc và sẵn sàng đi, bởi vì không có bọ hung, ông không thể đi thuyền ra biển và không có bọ hung, tôi không thể sống sót nếu theo đường bộ đến Simyra, vì vậy tôi theo bọ hung và chết trên thuyền hoặc chết đuối với ông trên biển, chứ tôi không có niềm an ủi nào khác ngoài việc ông đã dùng gậy viết tất cả những điều này lên mộ tôi vào ngày ông mua tôi từ chợ nô lệ Thebes.

Tôi ngạc nhiên thấy Kaptah thuận lòng, cho đến khi phát hiện ra là ông ấy đã hỏi nhiều thủy thủ ở bến cảng những cách thức khác nhau và đã mua từ họ những vật làm bùa hộ mệnh chống các bệnh trên biển với giá đắt. Thế nên trước khi chúng tôi khởi hành, ông ấy nhin ăn, treo bùa hộ mệnh vào cổ, thắt chặt dây lưng quanh bụng và uống loại thảo dược chống say. Vừa bước lên thuyền, mắt trừng trừng như mắt cá luộc, ông ấy đã thều thào hỏi xin mỡ lợn vì đám thủy thủ cam đoan rằng đó là phương thuốc tốt nhất chống say sóng. Rồi ông ta chui vào chỗ của mình và ngủ thiếp đi, một tay cầm miếng thịt sấn còn tay kia nắm chặt bộ hung. Viên cai đội cảng lấy bảng đất sét của chúng tôi và tạm biệt tôi, sau đó những người chèo thuyền thả mái chèo xuống nước và chèo chúng tôi rời cảng.

Thế là chúng tôi bắt đầu chuyến đi đến đảo Crete. Ra khỏi bến cảng, thuyền trưởng dâng lễ cho thần biển và các vị thần bí mật trong buồng lái của mình rồi hạ lệnh kéo buồm lên khiến con thuyền nghiêng đi, bắt đầu rẽ nước, dạt dờn tôi nảy từ thắt lưng lên đến cổ và trước mặt chúng tôi biển dập dềnh, mênh mông, không còn thấy bến bờ.

Sách thứ tám

Nhà tối

1

Biển bao la, sóng dềnh trước mặt và xung quanh, trong nhiều ngày liền chúng tôi không thấy bờ, nhưng tôi không sợ vì có Minea bên cạnh, nàng lấy lại thần sắc khi được hít thở không khí biển. Trăng lấp lánh trong mắt nàng khi nàng đứng trên mũi thuyền, người vươn về trước và tham lam hít khí trời như muốn dùng sức mạnh của mình thúc thuyền đi nhanh hơn. Bầu trời trong xanh phía trên chúng tôi, mặt trời tỏa sáng và gió không quá mạnh, chỉ vừa đủ thổi căng những cánh buồm và đưa chúng tôi đi đúng hướng. Đây là thuyền trưởng nói thế và tôi không có lý do để nghi ngờ lời của anh ta. Khi đã quen với sự lắc gập của thuyền, tôi không bị say nữa, cho dù một nỗi sợ vô hình bóp nghẹt tim tôi khi những con mòng biển vẫn chấp chới đôi cánh trắng lượn vòng quanh chúng tôi rồi cuối cùng cũng bỏ thuyền lại vào ngày thứ hai và bay đi. Thay vào đó, các cỗ xe của thần biển bắt đầu bám theo thuyền và những con heo biển uốn mình phơi tằm lưng lấp lánh trên mặt nước, Minea hét to chào chúng bằng ngôn ngữ riêng của mình vì chúng trao cho nàng lời chào từ thần của nàng.

Biển cũng không hoàn toàn vắng vẻ, một thuyền chiến Crete với những tấm khiên đồng lấp lánh bên mạn thuyền đang chạy hướng ngược lại, họ chào chúng tôi bằng cờ hiệu sau khi nhận ra thuyền chúng tôi không phải là thuyền của cướp biển. Cả Kaptah cũng dậy, ra khỏi chỗ nằm sau khi nhận ra có thể đi lại trên thuyền và khoác lác với các thủy thủ về những chuyến đi đến nhiều nước của mình. Nhận thấy mình sẽ không bị say nữa,

ông ấy kể về chuyến đi từ Ai Cập đến Simyra, về cơn bão đã xé toạc cánh buồm ra khỏi thuyền khiến chỉ thuyền trưởng và ông ấy có thể ăn trên thuyền, còn những người khác nằm trên sàn rên rỉ và nôn thốc nôn tháo theo hướng gió. Ông ấy cũng kể về những quái vật biển đáng sợ canh giữ đồng bằng sông Nile và sẽ nuốt trọn bất cứ thuyền đánh cá nào dám đi quá xa ra biển. Đám thủy thủ cũng không chịu thua, kể cho ông ấy nghe về những cây cột chống trời ở nửa bên kia của biển và những nàng tiên đuôi cá bám theo các thủy thủ để phù phép, bắt họ vui thú cùng mình; những câu chuyện kể về quái vật biển khiến Kaptah sợ dựng tóc gáy, chạy đến chỗ tôi mặt tái xanh tái xám và túm chặt lấy vai áo tôi. Còn miếng mỡ lợn thì ông ấy đã ném xuống biển vì không thể nuốt được.

Minea ngày càng hoạt bát hơn, tóc nàng bông bênh trong gió, đôi mắt nàng giống như ánh trăng dưới biển, nàng trông thật mềm dẽo và xinh đẹp, khiến tim tôi tan chảy trong lồng ngực khi nhìn nàng và nghĩ về việc tôi sắp mất nàng. Tôi cảm thấy trở về Simyra và Ai Cập khi không có nàng thật vô vị, bởi tôi đã quen ở bên nàng; cuộc đời như vắng ngắt trong miệng khi tôi nghĩ sẽ đến lúc không nhìn thấy nàng nữa, tay nàng không còn để lên tay tôi và hông nàng không còn áp vào cạnh hông tôi. Nhưng thuyền trưởng và các thủy thủ rất cảm phục nàng khi nghe kể nàng nhảy múa trước những con bò đực và là người đã được chọn để có quyền bước vào nhà của thần trong đêm rằm, cho dù vụ đắm thuyền đã ngăn cản nàng. Khi tôi gắng hỏi về thần linh của họ, họ không trả lời tôi và nói: “Chúng tôi không biết”. Một số khác nói: “Chúng tôi không hiểu tiếng của anh, một ngôn ngữ lạ”. Tôi chỉ hiểu rằng thần Crete cai trị biển và các hải đảo đã gửi những chàng trai và cô gái trẻ của họ đến nhảy múa trước những con bò của thần.

Rồi đến ngày Crete nhô lên trước mắt chúng tôi như một đám mây xanh dương trên biển, đám thủy thủ thốt ra những tiếng kêu sung sướng, còn thuyền trưởng tạ ơn thần biển vì ngài đã ban cho chúng tôi gió thuận và thời tiết đẹp. Những ngọn núi và

bãi biển dốc của Crete với những cây ô liu nhô dần lên trước mắt và tôi nhìn nó như một miền đất xa lạ mình không biết chút gì, dù sẽ phải chôn chặt trái tim mình ở đó. Nhưng Minea nhìn đất mẹ của mình và vui sướng khóc òa khi thấy vẻ hùng vĩ của những rặng núi và màu xanh êm ả của đất mẹ trong vòng ôm của biển, cho tới khi những cánh buồm hạ xuống và các tay chèo đẩy mái chèo xuống nước và chèo thuyền vào bến, lướt qua các con thuyền đang neo đậu, trong đó có những thuyền buôn và thuyền chiến từ khắp các nước. Ở cảng Crete có đến cả ngàn thuyền và Kaptah vừa nhìn chúng vừa nói rằng ông sẽ không bao giờ tin nếu ai đó nói trên thế giới có nhiều thuyền đến thế. Ở cảng không có tháp, tường thành hay đồn biên phòng, mà thành phố bắt đầu ngay từ cảng. Quả thật Crete hoàn toàn cai trị biển và thần của Crete rất hùng mạnh.

2

Giờ tôi sẽ kể về Crete và tôi muốn kể những gì tận mắt nhìn thấy, chứ không muốn kể mình nghĩ gì về đất nước và thần linh xứ này, tôi giấu những suy nghĩ ấy trong tim và chỉ kể bằng mắt mình. Tôi chưa thấy nơi nào trong tất cả các vùng đất mình từng đặt chân tới đẹp và lạ như Crete. Như biển xô những con sóng lấp lóa vào bờ, như những bóng nước phát ra cả năm sắc cầu vồng và như những vỏ trai lấp lánh màu ngọc trong vạt, Crete cũng lấp lánh, chói lòa trong mắt tôi. Bởi không ở đâu niềm vui cuộc sống và sự hưởng lạc của con người lại tự nhiên và thất thường như ở Crete, họ không sẵn sàng làm bất cứ điều gì khác ngoài điều họ chợt nghĩ ra, do vậy rất khó có được thỏa thuận hay lời hứa với người ở đây, ai cũng làm theo ý mình và thay đổi quyết định như trở bàn tay. Cũng vì vậy, họ thường nói tất cả đều đẹp hoặc dễ thương mặc dù điều đó có thể không đúng, vì âm điệu du dương của từ ngữ làm họ thích thú; và ở đất nước họ không ai biết đến cái chết, thậm chí tôi nghĩ trong ngôn ngữ của họ không có từ chết, vì họ giấu nó đi và nếu ai đó chết,

người đó được bí mật đưa đi để người khác không lấy làm buồn. Tôi nghĩ, mặc dù tôi không biết chắc, rằng họ đốt xác của người quá cố vì khi ở Crete tôi không thấy ai chết, cũng không thấy nấm mồ nào trừ lăng mộ của các vị vua trước đây được xây bằng những tảng đá lớn từ thời cổ đại và họ tránh nơi đó thật xa vì không muốn nghĩ đến cái chết, cứ như thể làm thế họ thoát được nó.

Nghệ thuật của họ cũng thật lạ lùng và kỳ dị, các nghệ sĩ đều vẽ như ý mình muốn, bỏ qua mọi quy tắc và chỉ yêu thích những gì đẹp theo cách nhìn của mình. Bình và lọ của họ màu sắc sặc sỡ, trên thân chúng tất cả các loài thủy vật và hải sản kỳ lạ của biển bơi lội tung tăng, những bông hoa khoe sắc mọc và những con bướm bay lượn trong không trung, khiến những người vốn quen với các quy tắc nghệ thuật nghiêm ngặt cảm thấy bần khoản và nghĩ như mình đang mơ khi ngắm nhìn các tác phẩm của họ.

Các tòa nhà của họ không to lớn và hùng vĩ như các đền thờ và cung điện ở các xứ khác, mà khi xây họ nhằm đến sự thoải mái và sang trọng chứ không quá chú ý đến hình thức bên ngoài của các công trình. Họ yêu thích sự thoáng đãng và sạch sẽ, các chấn song cửa sổ của họ thưa để gió lùa vào các phòng và nhà của họ có nhiều phòng tắm, trong đó cứ xoay vần vôi là nước nóng và lạnh từ các ống bạc chảy xuống những cái bồn sáng loáng. Nhà vệ sinh của họ, nước xả xuống rất mạnh làm sạch mọi thứ phía dưới bồn, khiến tôi thấy không ở đâu có sự xa xỉ như trong các ngôi nhà Crete, và không phải chỉ nhà của giới quyền quý và giàu có mà cả nhà của những người không sống ở bến cảng, người nước ngoài và dân lao động.

Đàn bà của họ dành không biết bao nhiêu thời gian để tắm rửa, cạo nhổ lông trên người, làm đẹp và vẽ mặt đến nỗi mỗi khi được mời, họ không bao giờ sửa soạn xiêm áo xong kịp thời gian mà khi nào xong mới đến. Khi được vời đến yến tiệc của đức vua, họ cũng tùy ý đến lúc nào họ muốn. Nhưng lạ lùng nhất là

xiêm áo của đàn bà: họ mặc những bộ đồ bó sát người được may từ vải dệt bằng sợi bạc và vàng, che kín cơ thể, chỉ để hở cánh tay và bầu vú, bởi vì họ hãnh diện về bầu vú đẹp của mình; họ thêu hàng ngàn hoa văn lên chiếc váy rộng, gấp nếp và để các họa sĩ vẽ lên đó nhiều hình trang trí. Họ cũng có những bộ trang phục được làm từ hàng trăm mảnh vàng hình những con cá mực, các loài bướm, những thuyền lá cọ và làn da của họ sáng lấp ló giữa chúng. Họ dành cả ngày khéo léo uốn xoắn tóc lên cao và trang trí tóc bằng những chiếc mũ nhỏ, nhẹ và gắn lên tóc những chiếc ghim vàng, khiến chúng rung rinh như những con bướm bay trên đỉnh đầu. Thân hình họ thon thả và mảnh mai, hông họ hẹp như của những đứa bé trai khiến việc sinh nở rất khó khăn với họ, họ gắng hết sức để không sinh con và không coi việc không có con là xấu hổ, hoặc chỉ có một hoặc hai con.

Đàn ông đi ủng có trang trí cao đến đầu gối, nhưng xà rông của họ rất đơn giản và họ quấn cơ thể rất chặt vì họ tự hào với vòng eo hẹp và bờ vai rộng. Đầu họ thon nhỏ, tay chân thanh tú và giống như đàn bà, họ không chịu để một sợi lông nào mọc trên cơ thể. Rất ít người trong số họ nói tiếng nước ngoài vì họ yêu mến đất nước mình và không muốn sang sống ở các vương quốc khác, những nước không mang lại cho họ sự thoải mái và niềm vui như ở đất nước mình. Mặc dù họ có được tất cả sự giàu có nhờ có bến cảng và việc buôn bán trao đổi hàng hóa, nhưng tôi đã gặp trong số họ những người đàn ông không bao giờ chịu đến bến cảng vì ở đó có mùi hôi và họ không thể làm các phép tính đơn giản, mà hoàn toàn tin tưởng người quản gia của mình trong mọi việc. Do đó, những người lạ có tay nghề cao sẽ nhanh chóng trở nên giàu có ở Crete nếu bằng lòng cư ngụ ở bến cảng.

Họ cũng có các loại máy nhạc phát âm thanh ngay cả khi nhạc công không có mặt và còn khẳng định họ có thể ghi lại nhạc để người khác chỉ cần đọc những bản ghi ấy là chơi được nhạc ngay cho dù trước đó chưa bao giờ được nghe. Các nhạc công Babylon cũng khẳng định họ có kỹ năng như vậy và tôi không muốn

tranh luận với họ hay người Crete, vì bản thân tôi không phải là nhạc công và nhạc cụ của các vùng đất khác nhau làm tôi bối rối. Nhưng từ những điều này, tôi hiểu tại sao người các xứ khác có câu tục ngữ nói về người dân xứ này: “Nói dối như người Crete”.

Họ không có những ngôi đền nổi bật và cũng không quan tâm nhiều đến thần linh mà chỉ bằng lòng phụng sự những con bò đực của mình. Họ còn làm điều này hết sức nhiệt tình, đến mức hiếm có ngày nào trôi qua mà không thấy họ trên khán đài để xem bò. Tuy nhiên, tôi không nghĩ điều này là do tôn kính thần linh mà đúng hơn là bởi sự hồi hộp và niềm mê say mà những điệu nhảy múa trước những con bò mang đến cho người xem.

Tôi cũng không thể nói họ hết lòng tôn kính quốc vương của họ, vì ông ta cũng như họ, cho dù ông ta sống trong một cung điện lớn hơn nhiều so với nhà của dân chúng. Nhưng họ gặp gỡ, cư xử với vua của mình như người đồng vai phải lứa, đùa cợt và kể chuyện khôi hài về đức vua, đến chỗ vua khi được bắt chợt vờ đến và ra về theo ý muốn của mình khi thấy buồn chán hay chợt nảy ra điều gì đó khác. Họ uống rượu rất sành để tinh thần vui vẻ và tập quán của họ rất tự do, song không bao giờ họ uống say vì họ nghĩ đó là thói quen mọi rợ và tôi chưa thấy ai nôn ọe vì uống quá nhiều trong các bữa tiệc, như thường thấy ở Ai Cập và các vương quốc khác. Thay vào đó, họ bắt chợt mê đắm nhau, bất kể đó là chồng hay vợ của ai và vui vẻ cùng nhau với bất cứ cách nào hay khi nào họ muốn. Những nam thanh nhảy múa trước bò đực rất được phụ nữ ưu ái, khiến nhiều quý ông thượng lưu luyện tập nhảy múa trước bò đực mặc dù không được thụ phong. Họ làm điều đó để giải trí và đôi khi để có được tài nghệ giống như những thanh niên đã được thụ phong cho thần linh, và họ không được ăn nằm với đàn bà, giống như các thiếu nữ được thụ phong bị cấm giao cấu với đàn ông. Nhưng vì sao lại thế, tôi không thể hiểu, bởi vì dựa trên phong tục của họ, ai có thể nghĩ là họ sẽ chú ý đến vấn đề này như vậy.

Tôi kể tất cả những điều này để chứng tỏ tôi đã kinh ngạc biết bao lần trước khi làm quen được với tập quán Crete, nếu như có lúc nào đó tôi có thể quen được, bởi họ luôn tự hào khi nghĩ ra điều gì đó mới mẻ và gây kinh ngạc, đến nỗi không bao giờ có thể biết trước điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Nhưng giờ tôi phải kể về Minea, mặc dù trái tim tôi quặn đau khi kể về nàng.

Sau khi cập cảng, chúng tôi vào một nhà trọ dành cho người ngoại quốc, một ngôi nhà về mặt tiện nghi là xa hoa nhất trong tất cả các nhà trọ mà tôi nhìn thấy, mặc dù nó không to lắm, đến mức "Vọng lâu Ishtar" ở Babylon, với tất cả sự tráng lệ bụi bặm và đám nô lệ dốt nát của nó, thật thô sơ, mọi rợ bên cạnh ngôi nhà này. Ở đó chúng tôi tắm rửa và thay quần áo, Minea cho uốn tóc, mua váy áo mới để có thể đi gặp bạn bè khiến tôi rất ngạc nhiên khi thấy nàng, vì trên đầu nàng có một chiếc mũ nhỏ giống như một cái đèn, dưới chân là đôi giày gót cao rất khó đi. Nhưng tôi không muốn làm nàng bức mình nên không nói gì về xiêm áo của nàng, thay vì thế tôi tặng nàng bông tai và một chiếc vòng cổ chạm những viên đá màu sắc khác nhau mà theo lời người bán là để dùng vào ngày hôm đó ở Crete, nhưng ngày mai sẽ dùng loại gì thì anh ta không thể nói. Tôi cũng kinh ngạc nhìn hai bầu vú để hở nhô lên từ làn da bằng bạc và hai núm vú được tô màu đỏ, khiến nàng tránh cái nhìn của tôi và bức tức nói rằng bầu vú của nàng không có gì đáng xấu hổ mà có thể sánh với bất kỳ phụ nữ nào ở Crete. Sau khi ngắm nhìn kỹ, tôi không phản đối vì thấy trong việc này có thể nàng nói đúng.

Sau đó chúng tôi gọi kiệu đưa mình từ bến cảng vào trong thành phố, nơi có những tòa nhà thanh thoát và những mảnh vườn nhỏ, một thế giới khác hẳn sau tiếng ồn ào, mùi tôm cá và cảnh buôn bán ở bến cảng. Minea đưa tôi đến gặp một nhà quý tộc lớn tuổi, là bạn đồng thời là người bảo trợ đặc biệt của nàng, người đã đánh cược tài năng của nàng ở sân đấu bò nên Minea đã sống ở chỗ ông ta và sử dụng nhà ông ta như nhà mình. Ông ta đang xem kỹ danh sách bò đực của mình và ghi chú vào tờ giấy để đặt cược cho ngày mai, nhưng khi thấy Minea ông ta quên hẳn việc

đó, mừng vui khôn xiết, không ngưng ngừng ôm lấy Minea và nói:

- Cháu đã trốn ở đâu mà quá lâu ta không được gặp cháu, cứ nghĩ rằng cháu đã tới lượt vào ở nhà thần rồi. Tuy nhiên ta vẫn chưa chọn cho mình người mới để bảo trợ, vì vậy phòng của cháu vẫn y nguyên, nếu gia nhân vẫn nhớ lau dọn nó hay vợ ta không sai dỡ nó và xây một bể nước thay vào đó, vì bà ấy đã bắt đầu nuôi các loại cá trong nhiều bể nước và hiện giờ không còn nghĩ đến điều gì khác.

- Helea đã bắt đầu nuôi cá trong bể à? - Minea ngạc nhiên hỏi.

- Bà ấy không phải là Helea, - ông nói, với chút lúng túng, - mà ta có một người vợ mới và bà ấy vừa mới vào phòng với một người đầu bò trẻ chưa được thụ phong để xem cá và ta nghĩ bà ấy sẽ không vui nếu chúng ta làm phiền họ. Nhưng hãy nói cho ta hay về người bạn của cháu để anh ấy cũng có thể là bạn của ta và nhà này là nhà của anh ấy.

- Bạn cháu là Sinuhe, Người Ai Cập, Người Cô Đơn và là danh y, - Minea nói.

- Ta ngờ rằng anh ta sẽ không cô đơn ở đây lâu, - ông già nói, giọng đùa đùa. - Nhưng cháu không bị ốm khi đi cùng danh y đó chứ Minea, điều mà ta không muốn, vì ta hy vọng cháu sẽ nhảy múa trước những con bò ngay ngày mai và đem lại may mắn cho ta? Cháu biết không, quản gia của ta ở bến cảng than phiền rằng thu nhập của ta không còn đủ chi tiêu hay chi tiêu không đủ cho thu nhập, thế nào cũng được, vì ta không hiểu các phép tính rối rắm mà anh ta luôn đưa ra trước mắt ta, khiến ta đâm lo lắng.

- Cháu không ốm, - Minea nói. - Nhưng bạn cháu đã cứu cháu khỏi nhiều hiểm nguy và chúng cháu đã đi qua nhiều vương quốc để trở về đất mẹ vì cháu bị đắm thuyền khi đang trên đường đến Syria để nhảy múa trước bò ở đó.

- Thật thế sao? Thật vậy ư? - Ông lão nói, vẻ bồn chồn. - Nhưng ta hy vọng cháu vẫn còn trinh trắng dù đã có tình bạn của mình, bởi vì nếu không cháu sẽ bị loại khỏi cuộc thi và sẽ gặp điều bất hạnh khác như cháu cũng biết rõ. Ta thật lấy làm tiếc về việc này, vì ta thấy cặp vú của cháu to ra và phát triển rất đáng ngờ, đôi mắt cháu ươn ướt. Minea, Minea, lẽ nào cháu đã làm hư mình?

- Không, - Minea tức giận đáp. - Khi cháu nói không thì ông có thể tin lời cháu và không ai cần phải động chạm sờ mó cháu, như người ta đã làm tại chợ nô lệ ở Babylon. Ông khó mà hiểu được rằng nhờ sự giúp đỡ của người bạn này mà cháu thoát khỏi tất cả những hiểm nguy để trở về đất mẹ của mình và cháu nghĩ bạn bè của cháu sẽ vui mừng khi thấy cháu trở về, nhưng ông chỉ nghĩ đến những con bò của mình và cá cược.

Nàng bắt đầu khóc nức nở vì tức giận khiến những giọt nước mắt chảy thành vệt dài làm bẩn hai gò má.

Ông lão trở nên bối rối và ân hận nói:

- Ta không nghi ngờ là cháu thấy khủng khiếp về hành trình của mình vì ở xứ lạ, cháu khó có thể tắm hằng ngày, phải vậy không? Ta không nghĩ bò ở Babylon được như bò của chúng ta. Từ chuyện này đột nhiên ta nhớ ra đáng lẽ mình cần ở chỗ Minos lâu rồi, mặc dù ta đã quên hẳn việc này, nên ta phải đi đây và thôi không cần thay quần áo nữa. Mà chắc không ai chú ý đến trang phục của ta bởi ở đó luôn có rất nhiều người. Vậy nên ăn và uống đi nhé, những người bạn quý, Minea, hãy bình tĩnh lại và nếu vợ ta đến, hãy nói rằng ta lên chỗ Minos vì ta không muốn quấy rầy niềm vui với đấu sĩ bò trẻ trung của bà ấy. Thật ra ta cũng có thể đi ngủ, vì chắc chắn không có ai ở Minos để ý ta có ở đó hay không, nhưng ta chợt nhớ mình cũng có thể tạt qua chuồng để xem con bò mới có đốm bên hông thế nào, nên có lẽ tốt nhất là ta đi. Đó thật sự là một con bò tuyệt vời.

Ông ta hứa hẹn tạm biệt chúng tôi cho đến khi Minea nói:

- Chúng cháu sẽ đi cùng ông tới chỗ Minos để cháu có thể gặp tất cả bạn bè của mình và giới thiệu Sinuhe với họ.

Thế là chúng tôi đi đến cung điện của Minos và rốt cuộc là đi bộ, vì ông lão không dứt khoát được có nên đi kiệu hay không, với một quãng đường ngắn như vậy. Chỉ đến khi chúng tôi đến cung điện, tôi mới hiểu Minos là vua và biết được vua của họ luôn có tên là Minos, để phân biệt vua với người khác. Nhưng vua là Minos thứ bao nhiêu, không ai biết, bởi không ai đủ kiên nhẫn tính và ghi nhớ vì một ngày nào đó Minos này sẽ biến mất và một Minos mới sẽ thay thế hết như trước, vậy nên không có gì thay đổi ở Crete.

Cung điện có rất nhiều phòng; trên tường của phòng khánh tiết, các loại rong biển đựng đĩa, những con cá mực và sứa lược tung tăng bơi trong nước trong veo. Cả sảnh lớn đầy kín người, người này ăn vận kỳ lạ và sang trọng hơn kẻ khác, họ đi lại và chào hỏi, nói chuyện với nhau, cười to, uống đồ uống lạnh, rượu hoặc nước trái cây từ những chiếc bát nhỏ và phụ nữ so bì xiêm áo với nhau. Minea giới thiệu tôi với một vài người bạn của nàng, tất cả đều quá lịch sự và lạnh lùng, vua Minos nói vài lời xã giao bằng tiếng Ai Cập, cảm ơn tôi đã giải cứu Minea cho thần của họ và đưa nàng về để việc đầu tiên là nàng có thể vào nhà của thần, mặc dù lượt của nàng do con tạo ấn định đã qua.

Sau đó, tôi đứng sang một bên, nhìn xung quanh và cảm thấy mình lạc lõng ở nơi tôi không thể hiểu được ngôn ngữ và nguyên cơ của niềm vui, cho đến khi một phụ nữ đứng tuổi với kiểu tóc búi cao như cái tháp được trang trí bằng những bông hoa tươi đi lại chỗ tôi, người mà tôi thấy dù có được trả tiền cũng không nên để lộ vú của mình. Bà ta nói với tôi bằng tiếng Ai Cập ngọt ngào:

- Chắc hẳn chúng ta đã từng gặp nhau mặc dù tôi không nhớ tên anh, nhưng chắc anh là giáo sĩ Ai Cập đã làm lễ thụ phong cho chúng tôi trong một nghi lễ thần bí của thần Isis.

Tôi nói tôi không nhớ đã từng gặp bà ta và cam đoan với bà ta nếu đã gặp chắc hẳn tôi sẽ nhớ, và điều đó là thật bởi bà ta thực sự giống một con dê đang ngoạm nhúm cỏ khô. Tôi cũng nói mình không phải là giáo sĩ mà là một danh y và bà ta hỏi:

- Anh cũng chữa cho cả bò chứ?

Tôi thấy bị xúc phạm dù không có lý gì để cảm thấy như thế bởi bò ở Crete được quý trọng hơn những người cao quý nhất, và chữa bệnh hay chọc chúng cho đến điên loạn chính là tài năng. Nhưng vì không biết thế nên tôi nói:

- Quả thực tôi đã chữa cho đôi ba dê và khỉ cái, nhưng chưa chạm vào bò.

Lúc ấy bà ta đùa đùa lấy quạt đánh tôi và nói tôi là một người đàn ông tồi tệ. Tôi nghĩ mình không thể thoát nếu Minea không đến và cứu tôi ra khỏi tầm với của bà ta.

Minea đi lại trong cung điện cứ như ở nhà và dẫn tôi đi từ phòng này sang phòng khác, nàng sung sướng reo lên khi nhìn thấy những đồ vật quen thuộc và chào hỏi những người hầu chào đón nàng như thể nàng chưa hề đi vắng. Minea cũng kể bất kỳ quý tộc nào của Crete cũng có thể rời thành phố về trang trại của mình hoặc đi xa đâu đó bất cứ lúc nào anh ta muốn, không cần báo với bạn bè và không ai ngạc nhiên về điều đó hay bất ngờ về sự vắng mặt của anh ta, mà khi trở về, anh ta gặp lại mọi người cứ như không có chuyện gì xảy ra. Có lẽ điều này cũng khiến người ta chết dễ dàng, bởi vì nếu ai đó mất đi, sẽ không ai hỏi cho đến khi người đó bị lãng quên, và nếu ai đó nhớ tới anh ta vì một hợp đồng, một cuộc gặp gỡ hay lời mời đã được đồng ý trước thì họ cũng không băn khoăn khi người đó không đến, bởi vì rốt cuộc có khi anh ta muốn làm một việc gì khác.

Cuối cùng Minea đưa tôi đến một căn phòng xinh đẹp nằm trên sườn đồi cao hơn hẳn các ngôi nhà khác, nên từ cửa sổ lớn của nó nhìn xuống thấy những sân bãi, cánh đồng, rừng ô liu và vườn cây như đang mỉm cười nơi ngoại vi thành phố. Nàng bảo đó là phòng của nàng, mọi thứ vẫn nguyên vẹn như thể nàng mới đi vắng hôm qua, mặc dù trang phục và đồ trang sức trong thùng quần áo và những cái hộp của nàng đã quá cũ kỹ nên không dùng được nữa. Khi đó tôi mới biết nàng sinh ra đã là một Minos của Crete, mặc dù tôi đã có thể đoán điều đó từ tên của nàng. Do đó vàng, bạc và những món quà quý giá chẳng có ý nghĩa gì với nàng vì ngay từ bé nàng đã quen được nhận tất cả những gì nàng muốn. Nhưng nàng đã được dâng hiến cho thần ngay khi còn nhỏ nên được nuôi dưỡng trong nhà trại của bò và sống ở đó thay vì trong cung điện hay trong nhà của người bảo trợ hoặc với bạn bè, vì việc người Crete sống ở đâu cũng thất thường như cuộc sống của họ.

Tôi tò mò muốn được nhìn nhà trại của bò, vì vậy chúng tôi trở lại phòng khánh tiết để từ biệt người bảo trợ Minea; ông ấy vô cùng kinh ngạc khi thấy tôi và lịch sự hỏi liệu trước đây chúng tôi đã gặp nhau chưa vì theo ông ấy tôi nhìn rất quen. Sau đó Minea đưa tôi đến nhà trại bò, thực ra là cả một thành phố, với chuồng trại, đồng cỏ, đấu trường, sân chạy, trường học và khu nhà ở của giáo sĩ. Chúng tôi đi từ trại này đến trại khác trong mùi hôi thối của bò, Minea không ngớt nói chuyện với bò và gọi chúng bằng những cái tên âu yếm, mặc dù chúng cố chọc những chiếc sừng vào nàng qua hàng rào và gặm gừ đào cát bằng những chiếc móng sắc, mắt long lên sòng sọc.

Nàng cũng gặp các chàng trai và các cô gái mà nàng quen, mặc dù những người nhảy múa trước bò thường không phải là bạn bè vì họ ghen tị với tài năng của nhau và không muốn dạy cho nhau các mảnh lời của mình. Nhưng các giáo sĩ huấn luyện bò và nuôi dạy các vũ công chào đón chúng tôi; khi biết tôi là danh y, họ đã hỏi tôi vô số điều về hệ tiêu hóa của bò, hỗn hợp thức ăn và độ mượt của lông, mặc dù có thể họ còn biết nhiều hơn tôi về

những chuyện này. Họ đặc biệt ưa thích Minea, vì nàng được nhận bò và số dự thi cho cuộc thi vào ngày mai. Nàng gần như bị kích động bởi ước muốn cho tôi xem tài năng của mình trước những con bò tốt nhất.

Cuối cùng Minea đưa tôi đến một ngôi nhà nhỏ, nơi vị giáo sĩ trưởng của thần Crete sống một mình cùng những con bò ở đó, bởi vì dù Minos trên danh nghĩa cũng là giáo sĩ trưởng, song vì phải lo việc trị vì và thương chánh nên ngài không có thời gian để can thiệp vào việc đấu bò mà cũng chỉ cá cược trong những cuộc đua như những người Crete khác. Giống như Minos luôn được gọi là Minos, giáo sĩ trưởng luôn là Minotauros và vì lý do nào đó ông ta là người đáng kính và đáng sợ nhất ở Crete, mọi người tránh nhắc đến tên mà chỉ gọi ông là “người đàn ông trong nhà bò nhỏ”. Ngay cả Minea cũng sợ đến nhà ông ta, mặc dù nàng không tiết lộ điều này với tôi song tôi nhận ra từ đôi mắt của nàng, đôi mắt mà mọi biểu hiện đều quá quen thuộc với tôi.

Khi được báo có chúng tôi đến thăm, ông ta tiếp chúng tôi trong căn phòng sáng nhờ nhờ và khi thấy ông, tôi nghĩ mình đã thấy thần linh và tin mọi chuyện kể về Crete, vì đó là một người giống người nhưng có đầu bò vàng. Tuy nhiên sau khi chúng tôi cúi chào, ông ta lấy đầu bò vàng xuống và để lộ mặt trước chúng tôi. Nhưng dù ông ta mỉm cười lịch sự với tôi, tôi không thích ông ta vì có gì đó cứng rắn và tàn nhẫn trên khuôn mặt vô cảm của ông ta, mặc dù tôi không thể giải thích từ đâu tôi có cảm giác này, vì ông ta là một người đẹp trai, da rất sạm màu và dường như sinh ra để chỉ huy. Minea không cần giải thích gì với ông ta, vì ông ta đã biết tất cả về vụ đắm thuyền và các chuyến đi của nàng, ông ta cũng không hỏi bất cứ điều gì không cần thiết mà chỉ cảm ơn tôi về tình bạn tôi dành cho Minea, cho Crete cũng như thần của họ và nói rằng rất nhiều món quà mà ông ta nghĩ tôi sẽ thích đang đợi tôi ở nhà nghỉ.

- Tôi không nghĩ đến quà, - tôi nói. - Với tôi kiến thức quan trọng hơn vàng, vì thế tôi đã đi tới nhiều vương quốc để tích lũy thêm tri thức cho mình, nhờ vậy mà bây giờ tôi biết các vị thần của Babylon và cả của người Hittite. Giờ đây tôi muốn được biết về thần của người Crete, vị thần mà tôi đã nghe kể nhiều điều kỳ lạ, chỉ yêu thích các thiếu nữ trinh trắng và các chàng trai tơ, trái ngược với thần của Syria có các ngôi đền là những nhà vui và được các giáo sĩ hoạn phụng sự.

- Chúng tôi có nhiều thần mà người dân thờ phụng, - ông ta nói. - Ngoài ra ở bến cảng còn có đền thờ thần của các xứ khác, vì vậy anh có thể tế thần Amon hoặc thần Baal ở bến cảng nếu muốn. Tuy nhiên, vì không muốn anh hiểu lầm, tôi thừa nhận rằng sức mạnh của Crete phụ thuộc vào vị thần đã được bí mật tế lễ từ rất lâu kể từ khi chúng tôi biết đến thần. Chỉ những ai đã được thụ phong mới có thể biết ngài và cũng chỉ biết khi trực tiếp gặp, song chưa một ai trở về để kể hình dạng ngài ra sao.

- Thần của người Hittite là bầu trời và mẹ đất, và mưa từ trời rơi xuống làm cho đất màu mỡ, - tôi nói. - Tôi hiểu biển là thần của Crete, vì sức mạnh và sự giàu có của Crete bắt nguồn từ biển.

- Có lẽ anh nói đúng, Sinuhe ạ, - ông ta nói và mỉm cười rất lạ. - Song anh cần biết rằng người Crete chúng tôi thờ một vị thần sống, khác với các dân tộc lục địa thờ các vị thần đã chết và các tượng gỗ. Thần của chúng tôi không phải là tượng ảnh, mặc dù bò có thể tượng trưng cho ngài, nhưng chừng nào thần của chúng tôi còn sống, sức mạnh của Crete vẫn còn trên biển. Đó là điều đã được tiên đoán và chúng tôi biết điều đó, dù chúng tôi cũng rất tin vào các thuyền chiến của mình, những chiến hạm mà không vương quốc biển nào có thể sánh được.

- Tôi nghe nói thần của các ông ở trong mê cung của ngôi nhà tối, - tôi gắng hỏi. - Tôi rất muốn được thấy mê cung mà tôi đã nghe nói đến rất nhiều, nhưng tôi không hiểu vì sao những

người được thụ phong không bao giờ trở về từ đó, mặc dù họ được phép quay về sau khi ở đó một tuần trăng.

- Vinh dự lớn nhất và hạnh phúc tột bậc mà một chàng trai tơ và một trinh nữ Crete có được là được vào lâu đài của thần, - giáo sĩ Minotauros nhắc lại những lời ông ta đã nói không biết bao nhiêu lần, - vì thế các hải đảo đua nhau tiến cử những thiếu nữ xinh đẹp nhất và những chàng trai tài hoa nhất của họ đến nhảy múa trước bò của chúng tôi để họ được bốc thăm. Tôi không biết anh đã nghe chuyện về các sảnh lớn của thần biển chưa, nơi cuộc sống rất khác với cuộc sống trên đất liền, khiến không ai đã vào đó lại còn muốn trở về với đau khổ và nỗi buồn trên mặt đất. Hay cô còn sợ bước vào lâu đài của thần, Minea?

Nhưng Minea không trả lời, và tôi nói:

- Tôi đã thấy ở bãi biển Simyra xác những thủy thủ chết đuối, đầu bị sưng, bụng trương phồng và nét mặt không biểu lộ niềm vui gì. Đó là điều duy nhất tôi biết về các sảnh đường của thần biển, nhưng tôi không nghi ngờ lời ông nói và tôi chúc Minea mọi điều tốt đẹp.

Minotauros lạnh lùng nói:

- Anh sẽ được thấy mê cung, vì chỉ mấy hôm nữa thôi là đến đêm rằm và đêm đó, Minea sẽ vào nhà thần.

- Thế nếu Minea từ chối vào nhà thần thì sao? - Tôi vội hỏi, vì điều giáo sĩ nói khiến tôi ngạc nhiên và trái tim quặn đau, tuyệt vọng.

- Điều đó chưa bao giờ xảy ra, - Minotauros nói. - Anh đừng lo, Sinuhe, Người Ai Cập ạ. Sau khi nhảy trước những con bò của chúng tôi, Minea sẽ tự nguyện vào nhà thần.

Rồi ông ta nhắc đầu bò vàng đội lên đầu để báo hiệu đã đến lúc chúng tôi phải đi và chúng tôi không còn nhìn thấy ông ta nữa.

Minea nắm lấy tay tôi và dắt tôi đi, không còn chút hào hứng nào nữa.

3

Khi tôi về nhà trọ, Kaptah đã ở nhà. Ông ấy đã uống rất nhiều trong quán rượu ở bến cảng và nói với tôi:

- Ông chủ ơi, đất nước này là miền tây của gia nhân, vì ở đây không ai lấy gậy đánh người hầu của mình, cũng không ai nhớ mình có bao nhiêu vàng trong túi hay mình đã sắm những vòng gì. Quả thật đây là miền tây trên mặt đất với người hầu, vì nếu người chủ tức giận và đuổi người hầu ra khỏi nhà là hình phạt tồi tệ nhất ở đây, thì người hầu chỉ cần trốn đi và trở lại vào ngày hôm sau khi người chủ đã quên mọi chuyện. Nhưng với thủy thủ và nô lệ trên bến cảng, đây là một nơi tồi tệ, bởi các giám quản là những người bủn xỉn, dùng những cây gậy sắc, và các thương lái lừa đảo người Simyra cũng dễ dàng như người Simyra lừa dối người Ai Cập. Tuy nhiên, họ có loài cá nhỏ được ngâm với dầu trong các hũ sành, nhắm cùng rượu ngon tuyệt. Tôi đã tha thứ cho họ rất nhiều vì loại cá tuyệt ngon này.

Ông ấy nói những điều này với vẻ hơi ngà ngà như thường lệ, nhưng sau đó ông đóng cửa lại và khi đã chắc chắn không có ai nghe trộm, ông nói:

- Ông chủ ơi, ở đất nước này đang xảy ra những chuyện kỳ lạ, bởi các thủy thủ trong quán rượu nói thần của Crete đã chết và các giáo sĩ đang khẩn cấp tìm vị thần mới. Nhưng đây là những lời nguy hiểm, vì vậy đã có một số thủy thủ bị ném từ vách đá xuống biển làm mồi cho bạch tuộc, bởi có tiên đoán rằng sức mạnh của Crete sẽ tiêu tan nếu thần của họ chết.

Lúc đó trong lòng tôi tràn ngập hy vọng điên rồ và tôi nói với Kaptah:

- Vào đêm rằm tới đây Minea phải vào nhà của thần, nhưng nếu thần của họ quả thực đã chết, có thể là vậy - cuối cùng người dân luôn biết mọi chuyện dù không ai nói gì với họ, lúc đó có lẽ Minea sẽ trở về từ nhà của thần, nơi mà từ trước đến nay chưa có ai trở lại.

- Không phải cô gái đáng nguyên rủa này đã mang đến cho chúng ta quá đủ rắc rối và khó xử rồi ư, - Kaptah nói, - vì theo suy nghĩ của tôi, thật không thích hợp với thanh danh của tôi khi một đứa con gái lấy dép của mình đánh tôi chảy máu mũi. Nhưng ông nói đúng: cuối cùng người dân luôn biết mọi chuyện, mặc dù không ai nói với họ, lúc đầu họ biết mọi chuyện mơ hồ như trong một giấc mộng, nhưng rồi mọi việc sẽ sáng rõ với họ như một tia chớp, và lúc đó người ta đánh nhau ở các góc phố, những ngôi nhà bốc cháy và nhiều thứ thay đổi theo. Tôi hoàn toàn không ghen tị với giới quyền quý Crete nếu thần của họ quả thực đã chết, vì tôi nghĩ khi tin đó lộ ra, cả bến cảng sẽ ủa vào thành phố, thợ rèn cầm búa tạ, ngư dân cầm lưỡi câu và thợ khuân vác sẽ bẻ cây làm chùy, tôi nghĩ thế dù mọi việc có thể khác đi.

Khi ông ấy nói, tôi nhớ lại điều các nhà chiêm tinh Babylon đã dự đoán nên bảo:

- Các giáo sĩ Babylon đã tiên đoán dựa trên các vì sao rằng năm của thế giới sắp kết thúc và các dân tộc sẽ chuyển sang năm mới, khi đó các vị thần sẽ chết và sau đó tất cả sẽ đổi thay. Nhưng có lẽ lời tiên tri này dành cho Crete, bởi thần của Syria và Ai Cập không bao giờ chết mà tồn tại mãi mãi.

- Ông chủ của tôi thật thông thái, - Kaptah nói, - nếu như trong đầu tôi có đủ hơi men, chắc chắn tôi đã hiểu rõ điều ông nói, nhưng lúc này các vì sao và các giáo sĩ, các vị thần và các năm của thế giới rối loạn trong đầu tôi nên điều duy nhất tôi hiểu là điều ông nói về Minea. Cô ta là bắt đầu và kết thúc, là tâm điểm của vòng tròn trong tất cả những câu chuyện của ông nên tôi

thấy thật thương hại ông, bởi đã nhiều lần tôi nói với ông, từ một đứa nô tỳ hay gái nhà vui ông vẫn nhận được điều đó, ít phiền toái hơn nhiều. Hơn nữa, những người đàn bà khoe vú như ở Crete này không khếp gối vào nhau, theo như tôi nghe được trong quán rượu. Nhưng nếu ông muốn cô ta, vấn đề thật đơn giản: chúng ta lấy gậy đập đầu cô ta, bỏ cô ta vào một cái bao và đưa lên thuyền rồi cùng cô ta dong buồm đến Ai Cập với sự giúp đỡ của bộ hung. Điều này có gì khác hơn đâu, mặc dù tôi tin chắc rằng như thế là ông mang bao mèo hoang vào nhà mình. Nhưng tôi sẵn sàng vì ông mà giúp ông trong công việc nguy hiểm này, bởi tôi không thể đứng nhìn ông vừa nói vừa be be như con dê râu rĩ và gậy rộc đi, tóc rối bết như lông mèo đực vào kỳ động cái.

Tôi không bực Kaptah vì sự hỗn xược đó mà đã ngẫm nghĩ rất lâu về những lời ông ấy nói và kế hoạch của ông cám dỗ tôi. Nhưng tôi quý trọng Minea và ý chí của nàng đến nỗi trong cơn điên của mình tôi cũng không làm theo lời khuyên của Kaptah. Tôi nghĩ Minea không bao giờ tha thứ cho tôi nếu tôi cướp nàng như mèo trong bao bố.

Ngày hôm sau, nhờ số của Minea, tôi được một chỗ ngồi tốt trong trường đấu bò rộng lớn, nơi những hàng ghế đá cao dần từ dưới lên, ghế sau cao hơn ghế trước nên không ai bị che và đều nhìn thấy bò. Tôi ngạc nhiên và khâm phục sự sắp xếp hợp lý này, điều mà tôi chưa từng thấy ở bất kỳ nơi nào khác, vì ở Ai Cập người ta dựng các sân khấu cao cho các đám rước thần và các cuộc trình diễn để ai cũng nhìn thấy thần cũng như giáo sĩ và vũ công. Những con bò lần lượt được thả ra sân và mỗi vũ công khi đến lượt thực hiện tiết mục phức tạp, đòi hỏi sự khéo léo của mình; vì mỗi tiết mục liên quan đến nhiều màn trình diễn khác nhau, tất cả đều phải được thực hiện chính xác và theo một thứ tự nhất định, mà khó nhất là nhảy giữa sừng bò và từ đó nhảy lộn vòng lên không rồi kết thúc khi đứng trên lưng con bò đang chạy. Không phải tất cả những người thành thạo nhất đều có thể thực hiện toàn bộ các động tác mà không phạm

lỗi, vì điều này phụ thuộc nhiều vào bò, cách nó dừng lại, chạy hoặc cúi đầu. Những người quyền quý và giàu có ở Crete đặt cược vào các con số và những vũ công mình mến mộ, nhưng sau khi nhìn các dãy số, tôi không còn muốn hiểu về sự nhiệt thành vô hạn của họ, bởi vì với tôi tất cả bò đều nhàm chán như nhau và tôi không thấy các màn trình diễn có gì khác nhau.

Minea cũng nhảy trước những con bò và tôi sợ thay cho nàng cho đến khi kỹ năng tuyệt vời và sự mềm dẻo của cơ thể nàng mê hoặc tôi, đến mức tôi không còn nhớ đến sự nguy hiểm mà nàng đối mặt nữa mà cùng những người khác mừng rỡ cổ vũ nàng. Ở đây các thiếu nữ cũng như các chàng trai đều trần truồng nhảy múa trước bò, bởi vì trò diễn của họ đầy xảo thuật đến mức ngay cả trang phục nhỏ nhất cũng có thể cản trở sự di chuyển của họ và có thể làm họ gặp nguy hiểm chết người. Theo tôi, Minea là người đẹp nhất, khi nàng nhảy múa thân thể lấp lánh ánh dầu, mặc dù phải thừa nhận cũng có những cô gái xinh đẹp khác, cũng được hò reo khích lệ. Tuy nhiên, mắt tôi chỉ hướng về Minea. So với những người khác, nàng chưa được luyện tập nhiều sau thời gian dài đi vắng và chưa giành được một vòng nguyệt quế nào. Người bảo trợ già đã đặt cược vào nàng rất đau khổ và tức giận về điều này, cho đến khi ông ta quên số bạc đã mất của mình và đi đến nhà bò để chọn những con bò mới và những con số mới mà ông ta được hưởng vì là người đỡ đầu của Minea.

Nhưng khi gặp lại tôi tại nhà bò sau buổi trình diễn, Minea nhìn xung quanh và lạnh lùng nói với tôi:

- Sinuhe, em không thể gặp anh được nữa, vì bạn em rủ em đến các bữa tiệc của họ và em còn phải chuẩn bị đến nhà thần vì ngày kia là rằm rồi. Vì thế chúng ta có thể sẽ không gặp nhau trước khi em đến nhà thần, nếu như anh muốn cùng với những người bạn khác của em tiễn em đến đó.

- Được thôi, như em muốn, - tôi đồng ý, - vì chắc chắn anh có rất nhiều thứ để xem ở Crete, và anh rất thích phong tục của vương quốc này cũng như trang phục của phụ nữ. Khi anh ngồi vào nơi có số của em, nhiều bạn gái của em đã mời anh đến nhà họ, mà nhìn khuôn mặt và ngực của họ cũng dễ chịu, cho dù họ hơi mập hơn và dễ dãi hơn em.

Lúc đó nàng níu chặt lấy cánh tay tôi và đôi mắt lóe lên, nàng thở gấp và nói:

- Em sẽ không cho anh ra ngoài vui chơi với bạn gái của em khi không có em bên cạnh. Sinuhe, vì em ít nhất anh hãy chờ đến khi em đi xa. Mặc dù có lẽ em quá gầy trong mắt anh, điều mà trước đây em không bao giờ nghĩ đến, nhưng anh có thể chấp thuận việc này vì tình bạn với em khi em đề nghị.

- Anh chỉ đùa thôi, - tôi nói, - anh cũng không muốn làm phiền em, vì em có rất nhiều việc phải làm trước khi vào nhà thần. Vậy nên anh sẽ về nhà trọ và chữa cho những người bệnh ở đó, vì ở bến cảng có rất nhiều người bệnh cần đến tay nghề của anh.

Tôi rời khỏi chỗ nàng và rất lâu sau này tôi vẫn nghĩ thấy mùi bò trong mũi và cả mùi bò trong nhà bò Crete, tôi cũng không bao giờ quên được, đến nỗi mỗi khi nhìn thấy đàn bò và nghĩ thấy mùi chúng, tôi phát ốm đến không thể ăn và trái tim tôi nhói đau. Nhưng tôi vẫn rời nàng, tiếp bệnh nhân ở nhà trọ, chữa cho họ và giúp họ đỡ đau cho đến khi trời tối, đèn trong các nhà vui ở bến cảng sáng lên. Tôi nghe thấy tiếng nhạc vang lên qua các bức tường, tiếng cười nói vô lo của mọi người, vì những nô lệ và người hầu ở Crete cũng học được sự vô lo của chủ nhân họ; ai cũng sống như thể không bao giờ phải chết và trên thế gian không có bệnh tật, nỗi buồn hay khổ đau.

Tối đến tôi ngồi trong phòng và Kaptah đã trải thảm để tôi ngủ, nhưng tôi không muốn thắp đèn mà chỉ ngồi trong bóng tối. Trăng lên to và sáng dù vẫn chưa tròn hẳn, song tôi thấy ghét nó

vì đã chia cách tôi với người duy nhất mà tôi có thể gọi em yêu trong cuộc đời, tôi cũng ghét chính mình vì hèn nhát, yếu đuối và không biết mình muốn gì. Cho đến khi cửa mở, Minea bước vào, cẩn thận ngoái nhìn lại phía sau và xung quanh, không còn mặc theo kiểu Crete nữa, trên người chỉ có bộ xiêm áo đơn giản giống như khi nàng nhảy múa cho những người quyền quý cũng như thường dân ở nhiều vương quốc xem, tóc buộc bằng một dải ruy băng vàng.

- Minea, - tôi kinh ngạc kêu lên, - sao em đến đây, anh cứ nghĩ em phải chuẩn bị cho thần của mình?

Nàng bảo:

- Anh nói nhỏ thôi, vì em không muốn người khác nghe thấy.

Nàng ngồi xuống bên tôi, nhìn lên mặt trăng và thốt lên lạ lùng:

- Em không thích giường của mình trong nhà bò, cũng không muốn ngồi giữa đám bạn của mình như trước nữa. Nhưng vì sao em đến đây với anh, đến nhà trọ bên cảng này dù nó hoàn toàn không thích hợp, em không thể nói được. Tuy nhiên, nếu anh muốn ngủ, em không dám làm phiền anh mà sẽ đi, nhưng mỗi khi không ngủ được, em lại muốn một lần nữa được hít thở mùi thuốc và thảo dược quanh anh, véo tai và túm tóc Kaptah vì những lời nói ngu ngốc của ông ta. Những chuyến đi và những dân tộc xa lạ hẳn đã xáo động tâm tính em, bởi em không còn thấy nhà bò là nhà của mình như trước, em cũng không mừng vui vì được cổ vũ trên đấu trường và thậm chí không còn thấy luyến nhớ nhà thần; lời nói của mọi người xung quanh em giống như tiếng mè nheo của những đứa trẻ khờ dại, niềm vui của họ như bọt sóng ven biển và em không còn thấy có gì vui trong các trò tiêu khiển của họ. Trái tim em trống rỗng, đầu em cũng trống rỗng, em không có đến một ý nghĩ nào có thể gọi là của riêng mình. Tất cả những điều đó khiến em đau khổ và em chưa bao giờ cảm thấy buồn như vậy. Vì thế em muốn anh nắm

chặt tay em một lúc như trước đây, vì khi anh nắm chặt tay em, em sẽ không sợ điều tệ hại nào và không sợ cả cái chết, Sinuhe ạ, mặc dù em biết anh thích nhìn những người phụ nữ đầy đặn hơn, xinh đẹp hơn em và muốn cầm tay họ.

Tôi nói với nàng:

- Minea, em yêu dấu của anh, thời thơ ấu và niên thiếu của anh giống như một con suối sâu trong vắt, nhưng thời trai trẻ của anh như một dòng sông lớn, nước tràn lên một vùng rộng lớn và bao phủ nhiều miền đất, song nước của nó nông, tù đọng và bốc mùi hôi. Nhưng khi em đến với anh, Minea ạ, em đã dồn nước lại và nước hân hoan chảy xuống dòng sâu, mọi thứ trong anh được gột sạch, thế giới mỉm cười trong mắt anh và tất cả những điều xấu xa đối với anh như mạng nhện, chỉ cần dùng tay nhẹ nhàng gạt nó sang bên. Vì em, anh muốn thành người tốt, chữa bệnh cho mọi người bất kể quá cấp họ cho anh là gì và những thần độc ác không còn quyền lực với anh. Mọi điều là vậy khi em đến với anh, nhưng giờ đây khi em rời xa anh, mọi thứ xung quanh anh trở nên tối tăm và anh như con quạ cô đơn nơi hoang mạc, anh không còn muốn tốt với người khác nữa mà căm hận tất cả kể cả thần linh và không còn muốn nghe chút gì về những đấng ấy. Thế đấy Minea ạ, vì vậy anh muốn nói với em: trên thế giới có nhiều vùng đất, nhưng chỉ có một dòng sông Nile. Hãy để anh đưa em đến miền đất đen bên bờ sông, nơi những con vịt kêu trong đám sậy và mặt trời chèo thuyền vàng băng qua bầu trời mỗi ngày. Hãy đi với anh, Minea, chúng ta sẽ cùng nhau đập vỡ vỏ và trở thành vợ chồng, sẽ không bao giờ xa nhau, cuộc sống sẽ dễ dàng với chúng ta và khi chết thì thể của chúng ta gặp nhau ở miền tây, cùng sống ở đó mãi muôn đời.

Nhưng nàng bóp chặt tay tôi trong tay nàng rồi đưa ngón tay chạm vào mắt, môi và cổ tôi, nói:

- Sinuhe, em không thể đi cùng anh, dù em muốn, vì không thuyền nào đưa chúng ta ra khỏi Crete, không thuyền trưởng

nào dám giấu chúng ta trên thuyền, vì người ta đã canh giữ em cho thần linh và em không thể để người ta giết anh vì em. Cho dù có muốn, em cũng không thể theo anh, vì khi em nhảy múa trước bò, ý chí của bầy bò mạnh hơn ý muốn của em, mặc dù em không thể giải thích điều đó với anh vì bản thân anh chưa trải qua việc ấy. Do đó, em phải bước vào nhà thần vào đêm trăng tròn, điều này em cũng như anh hay bất kỳ thế lực nào khác trên thế gian đều không ngăn cản được. Nhưng vì sao lại thế, em không thể giải thích và có lẽ không ai khác có thể biết ngoài Minotauros. Em đã lớn lên trong bóng thần linh từ khi còn nhỏ xíu và hôm nay khi em nhảy múa trước bò, chúng đã thắng em. Nhưng em bắt đầu căm hận những con bò với nỗi phẫn uất cay đắng, vì chúng bắt em lừa anh; em cũng bắt đầu chán ghét người dân nước mình, bởi họ xem niềm vui chỉ là cái bóng thoáng qua, cuộc đời là trò chơi trẻ con và họ độc ác như những đứa trẻ khát khao thấy máu tuôn chảy trước những con bò. Ngay cả hôm nay, họ rất bất mãn và tiếc nuối khi những đôi sừng bò không đâm thủng ai, không ai bị trượt chân để đàn bò có thể giày xéo lên, xé ruột người đó quăn quanh sừng. Đây là sự thật về cá cược và niềm đam mê lớn lao dành cho những con bò, mặc dù họ không thừa nhận điều đó với nhau hoặc với chính mình mà nói vì ngưỡng mộ tài năng trác tuyệt.

Nàng hôn môi và cổ tôi, dang tay ôm quanh người tôi rồi ép sát người vào tôi và nói:

- Vì tất cả những điều này, Sinuhe ạ, em sẽ rời nhà thần về với anh, vì em được phép làm việc này theo luật của thần bò, mặc dù chưa có ai trở về từ đó. Nhưng em muốn mình là người đầu tiên sẽ trở lại. Sau đó anh sẽ làm cho em những gì anh muốn và cuộc đời của anh sẽ là cuộc đời của em, bạn của anh sẽ là bạn của em và thần của anh cũng là thần của em, Sinuhe ạ.

Nhưng tim tôi trống rỗng như một nắm mồ trong ngực, tôi nói:

- Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến và anh không tin là em sẽ trở về từ nơi mà từ trước đến nay chưa có ai trở về. Có lẽ trong các sảnh vàng của thần biển, em sẽ uống sự sống vĩnh cửu từ giếng thần và sẽ quên đi mọi thứ của trần gian, quên cả anh, mặc dù anh không tin điều đó, bởi tất cả những điều như thế chỉ là cổ tích và cho đến nay, tất cả những gì anh thấy từ thần linh ở tất cả các miền đất đều khiến anh không tin vào cổ tích. Vậy nên em phải biết anh sẽ theo dấu chân em vào nhà thần đón em nếu em không trở về trong thời gian đã ấn định. Anh sẽ đón em ngay cả khi em không muốn quay về. Đó là điều anh sẽ làm, Minea, cho dù đó là việc làm cuối cùng của anh trên thế gian này.

Nhưng Minea hoảng sợ đưa tay che miệng tôi và nhìn xung quanh rồi nói:

- Im nào! Điều như thế anh không thể nói ra, thậm chí không được nghĩ tới, vì nhà của thần là nhà tối tăm mà không người lạ nào tìm được đường đến và người chưa được thụ phong bước vào đó sẽ chết thảm thương. Thậm chí anh không thể đến đó vì những cánh cổng bằng đồng đỏ đóng kín nhà thần, em mừng vì thế bởi em biết anh sẽ làm điều anh nói trong sự điên rồ của mình và như thế sẽ đưa mình vào thảm họa. Nhưng hãy tin em, tự em sẽ vui lòng trở về với anh, vì thần của em không xấu xa đến nỗi không cho phép em quay lại với anh nếu em muốn. Ngài quả thật là một vị thần kỳ diệu và đẹp đẽ, người bảo vệ quyền lực của Crete và muốn điều tốt lành cho vạn vật, khiến những cây ô liu tươi tốt, ngũ cốc chín trên các cánh đồng và thuyền dong buồm từ cảng này đến cảng khác. Ngài làm gió thuận chiều và dẫn thuyền đi trong sương mù để những ai được sự bảo trợ của ngài không gặp điều gì xấu. Vậy thì sao ngài lại muốn làm tổn thương em?

Minea đã lớn lên dưới bóng của thần từ khi còn nhỏ, nên nàng lóa mắt vì mù quáng và tôi không thể làm mắt nàng sáng được, mặc dù tôi đã chữa cho người mù bằng kim và giúp họ nhìn lại được. Vì thế trong cơn giận dữ vì bất lực của mình, tôi ôm chặt

nàng vào lòng rồi hôn và lấy tay vuốt ve nàng; chân tay nàng mềm, nhẵn như thủy tinh và nàng trong vòng tay tôi như nguồn nước mát dành cho kẻ lang thang nơi hoang mạc. Minea không phản đối mà run rẩy áp mặt vào cổ tôi, nước mắt nàng chảy dài nóng rẩy trên cổ tôi khi nàng nói:

- Sinuhe, anh yêu của em, nếu anh nghi ngờ em sẽ không trở về, em không muốn từ chối anh điều gì nữa, mà anh hãy làm điều anh muốn với em, nếu điều đó mang lại cho anh niềm vui, cho dù vì thế mà em phải chết, vì trong vòng tay anh, em không sợ chết và tất cả đều vô nghĩa nếu thần của em bắt em xa anh.

- Nhưng liệu việc ấy có làm em vui không? - Tôi hỏi Minea.

- Em không biết, - Minea do dự đáp. - Em chỉ biết cả người em bứt rứt và em thấy tuyệt vọng khi không ở bên anh. Em chỉ biết mất em mờ đi và đầu gối em bủn rủn khi được anh ôm. Trước đây, em ghét mình vì điều đó và sợ anh chạm vào em, bởi vì trước đây mọi thứ trong em đều trong sáng, không gì có thể làm mờ đi niềm vui của em khi em chỉ hãnh diện về tài năng của mình, về sự mềm dẻo của cơ thể và sự hoàn hảo của mình. Giờ đây em biết được vòng tay của anh thật nồng ấm dù nó có thể làm em đau, nhưng em vẫn thực sự không biết liệu mình có vui không nếu anh làm điều anh muốn với em, hay có thể em lại buồn sau đó. Nhưng nếu nó làm anh vui thì xin đừng ngần ngại vì niềm vui của anh là niềm vui của em và em không muốn gì hơn là mang lại niềm vui cho anh.

Tôi buông Minea ra, đưa tay lên vuốt tóc, mắt và cổ nàng rồi nói:

- Chỉ cần em lại là em như khi chúng ta cùng nhau trên hành trình trên những con đường của xứ Babylon, với anh thế là đủ. Hãy đưa cho anh dây vàng buộc tóc em, thế là đủ với anh và anh không muốn gì thêm từ em.

Nhưng nàng ngờ vực nhìn tôi, rồi đưa tay ướm vòng eo hông mình và nói:

- Có lẽ anh thấy em quá gầy, có khi cơ thể em không làm anh vui và có thể anh thích một người phụ nữ nhẹ dạ hơn em. Nhưng nếu anh muốn, em sẽ cố gắng vô tư hết mức có thể và làm mọi thứ theo cách anh muốn, để anh không thất vọng, vì em muốn mang đến cho anh thật nhiều niềm vui.

Tôi mỉm cười, đưa tay chạm vào đôi vai mịn màng của Minea:

- Minea, trong mắt anh không có thiếu nữ nào xinh đẹp hơn em và không ai có thể mang lại hạnh phúc cho anh nhiều hơn em, nhưng anh không muốn ôm em chỉ cho niềm vui của riêng mình, vì điều đó có thể làm em không vui khi em luôn băn khoăn về thân của mình. Nhưng anh biết một việc chúng ta có thể làm mang lại hạnh phúc cho cả hai ta. Chúng ta hãy lấy vò theo phong tục của đất nước anh và cùng nhau đập vỡ nó. Sau khi cùng làm điều đó, chúng ta sẽ thành chồng và vợ, mặc dù anh chưa ân ái cùng em và ở đây không có giáo sĩ nào để làm chứng và viết tên của chúng ta vào sách của đền. Vậy ta hãy để Kaptah mang đến một cái vò để chúng ta có thể làm điều đó.

Đôi mắt nàng mở to, sáng bừng lên dưới ánh trăng và nàng vỗ tay, mỉm cười sung sướng. Vì vậy tôi đi gọi Kaptah, nhưng Kaptah đang ngồi trên sàn ngoài cửa phòng tôi, khóc tím tím, lấy mu bàn tay chùi hai gò má đầm nước và khóc òa thành tiếng khi nhìn thấy tôi.

- Có chuyện gì vậy, Kaptah, - tôi hỏi. - Vì sao người khóc?

Kaptah nói ngay không hề ngần ngại:

- Ông chủ ơi, trái tim tôi yếu đuối nên tôi không thể không khóc khi nghe những gì ông chủ và cô gái eo thon đó nói với nhau trong phòng của ông, vì tôi chưa bao giờ nghe điều gì cảm động đến như thế.

Tôi tức điên, đá ông ấy và nói:

- Người định nói người đã ở trước cửa này và nghe lỏm được tất cả những gì chúng ta nói phải không?

Kaptah đáp về ngây thơ vô tội:

- Đúng là điều tôi định nói, bởi có nhiều người đã xông đến trước cửa phòng ông để nghe, những người không có việc gì với ông mà chỉ đi theo rình mò cô ta, vì vậy tôi đã đuổi họ đi, dọa sẽ cho họ ăn gậy của ông và tôi ngồi trước cửa này để canh cho ông vì tôi nghĩ ông sẽ không vui về gì nếu bị quấy rối giữa cuộc nói chuyện quan trọng này. Nhưng khi ngồi đây, tôi không thể không nghe những gì hai người nói, những điều thật đẹp, nên dù có gốc gác khờ dại, tôi không thể không khóc.

Nghe ông ấy kể như vậy, tôi không thể giận được nữa vì sự hồn nhiên của ông, mà chỉ nói:

- Một khi người đã nghe hết, người biết ta muốn gì, vậy nhanh đi lấy vò đi.

Nhưng ông ấy chân chừ, hỏi:

- Ông chủ muốn vò nào? Vò gốm hay vò đá, vẽ hay không vẽ, cao hay thấp, to hay nhỏ?

Tôi quát ông ấy một cái, nhưng chỉ nhẹ thôi vì lòng tôi tràn ngập niềm yêu mến với tất cả mọi người, và nói:

- Người biết rõ ta muốn gì và biết là bất kỳ vò nào cũng có thể đáp ứng được điều mong muốn của ta. Vì vậy, đừng quanh co nữa, mà đi lấy cho ta cái đầu tiên tay người chạm đến.

Kaptah nói:

- Tôi đang đi đây, vội vã và còn chạy nữa, nhưng tôi chỉ nói như thế để ông chủ có thêm chút thời gian suy nghĩ về điều ông định làm, vì đập vò cùng với một phụ nữ là một việc hệ trọng trong

cuộc đời của người đàn ông, không nên quá vội vàng mà thiếu cân nhắc. Nhưng tất nhiên tôi sẽ đi lấy vò, vì đó là điều ông muốn và tôi không thể ngăn cản.

Thế là Kaptah đem đến một chiếc vò đựng dầu cũ sặc mùi cá và chúng tôi, tôi và Minea, cùng đập vỡ nó. Kaptah là người làm chứng cho chúng tôi trở thành vợ chồng, ông đặt bàn chân Minea lên gáy mình và nói:

- Từ giờ trở đi bà là bà chủ của tôi và chắc sẽ sai bảo tôi nhiều hơn ông chủ, nhưng tôi vẫn hy vọng bà không hắt nước nóng vào chân tôi khi bà tức giận và tôi cũng hy vọng bà dùng dép mềm, không có gót cao, vì tôi không thích dép cao gót, chúng để lại vết xước và cục u trên đầu. Dù thế nào tôi cũng phục vụ bà thật tận tụy như phục vụ ông chủ tôi, vì thật lạ lùng, tôi thấy mình rất gắn bó với bà, mặc dù bà gầy gò, vú nhỏ và tôi không hiểu ông chủ tôi nhìn thấy gì ở bà. Nhưng tôi hy vọng điều này sẽ được cải thiện khi bà có đứa con đầu lòng. Tôi cũng sẽ chăm chỉ lấy trộm của bà như lấy của ông chủ tôi từ trước đến nay, vì khi trộm tôi cẩn thận cân nhắc lợi ích của bà trước chứ không vì lợi ích của tôi.

Nói đến đây Kaptah cảm động đến phát khóc và nước mắt rơi một lúc. Minea đưa tay xoa lưng ông ấy, rồi chạm vào gò má dày của ông và an ủi nên cuối cùng ông bình tĩnh lại, sau đó tôi bảo ông ấy nhặt các mảnh vò vỡ và đẩy ông ra khỏi phòng.

Tối đó chúng tôi ngủ bên nhau như trước, nàng ngủ trong vòng tay tôi, hơi thở của nàng phả vào cổ tôi và tóc nàng ve vuốt má tôi. Tuy nhiên, tôi không ân ái với nàng, vì tôi nghĩ khoái cảm không làm nàng hạnh phúc, cũng như tôi, nhưng khi ôm nàng trong vòng tay mà không ân ái cùng nàng, niềm vui của tôi sâu đậm và lớn lao hơn khi làm việc ấy. Song tôi không thể khẳng định điều này vì tôi không biết mình sẽ hạnh phúc đến nhường nào nếu tôi ân ái cùng nàng, nhưng tôi biết chắc rằng đêm đó tôi muốn làm điều tốt với tất cả mọi người, trong lòng tôi không có

đến một ý định xấu xa nào, mỗi người đàn ông là anh em trai tôi, mỗi phụ nữ là mẹ tôi và mỗi thiếu nữ đều là em gái tôi, ở miền đất đen cũng như tất cả các miền đất đỏ, dưới cùng một bầu trời vàng vạc ánh trắng.

4

Hôm sau Minea lại nhảy trước bò và tìm tôi như thất lại vì nàng, thật may không có điều gì tệ hại xảy ra với nàng. Nhưng một vũ công trẻ trượt khỏi trán bò, rơi xuống đất nên con bò đã đâm sừng xuyên vào người cậu ta và giẫm đạp cậu, khiến khán giả xung quanh trường đấu đứng cả dậy, hét to lên vì sợ hãi và cuồng nhiệt. Khi người ta đuổi được con bò đi và thi thể của vũ công được đưa vào nhà trại, đám đàn bà chạy đến nhìn cậu, đưa tay chạm vào thân thể đầm máu của cậu rồi thở dốc vì bị kích động và nói với nhau: “Ôi khiếp quá!”. Còn cánh đàn ông nói: “Lâu rồi chúng ta chưa được xem những cuộc đấu hay như hôm nay”. Họ không đau buồn khi trả tiền cược hay cân vàng và bạc cho nhau mà bắt đầu uống rượu, ăn mừng với nhau trong nhà họ, ánh đèn chiếu rọi khắp thành phố đến tận khuya, các bà vợ bị lạc chồng mình và qua đêm trên giường người lạ song không ai coi đó là chuyện xấu vì tập quán của họ như thế.

Nhưng tôi nằm một mình trên thảm, vì đêm hôm đó Minea không thể đến với tôi được nữa, và sáng sớm tôi thuê một cái kiệu ở bến cảng, đi tiễn nàng đến nhà thần của nàng. Minea được đưa đến đó trong cỗ xe vàng do những con ngựa đầu bờm kéo, các bạn của nàng theo sau, người ngồi trong kiệu, kẻ đi bộ, cười nói ồn ào, ném hoa lên đầu nàng và dừng lại bên vệ đường uống rượu. Chặng đường dài nhưng mọi người đều có đồ ăn ngon mang theo, họ bẻ cành ô liu và dùng chúng vẫy nhau làm đàn cừu của những nông dân nghèo hoảng sợ và còn nghĩ ra nhiều chuyện nực cười khác. Nhà của thần ở một nơi hoang vắng dưới chân một ngọn núi gần bờ biển, khi đến gần đó mọi người im lặng và bắt đầu thì thầm với nhau chứ không cười nữa.

Nhưng nhà của thần như thế nào, thật khó giải thích, vì nó giống một trái núi thấp, cỏ hoa mọc đầy phía trên và tiếp lên tận đỉnh. Lối vào bị đóng bằng những cánh cổng đồng cao như núi, đằng trước là một ngôi đền nhỏ nơi làm lễ thụ phong và là chỗ ở của những người bảo vệ nhà thần. Đám rước lễ đến đó vào xẩm tối và các bạn của Minea xuống kiệu, dựng lều trên bãi cỏ xung quanh đó, ăn uống và cười đùa cùng nhau mà không nhớ mình là những người đến dự lễ và đang ở gần nhà thần, vì người Crete rất chóng quên. Tối đến, họ đốt đuốc và chơi trốn tìm trong các bụi cây, tiếng la hét của đàn bà và tiếng cười của đàn ông xuyên qua màn đêm; trong khi đó, Minea ngồi một mình trong đền, không ai được đến gần nàng nữa.

Tôi nhìn Minea ngồi trong đền. Người ta mặc đồ vàng cho nàng như tượng thần, đầu đội khăn vàng rất rộng và nàng cố gượng cười với tôi từ xa, không có chút niềm vui nào trong nụ cười ấy. Khi mặt trăng lên, người ta cởi trang phục vàng và đồ trang sức trên người nàng ra và mặc cho nàng một bộ xiêm áo mỏng tang, buộc tóc nàng vào một tấm lưới bạc. Sau đó lính canh tháo then cài và mở các cánh cổng đồng. Các cánh cổng nặng nề, mỗi cánh cần tới mười người đàn ông, âm ỉ từ từ mở ra, bóng tối há mồm toang hoác phía sau cổng, không còn ai dám thì thào, chỉ còn tĩnh lặng. Minotauros thắt chiếc thắt lưng vàng, thanh kiếm buộc bên hông, đầu đội đầu bò vàng khiến ông ta không còn giống người nữa. Người ta đặt vào tay Minea ngọn đuốc đã được thắp và Minotauros vừa ẵm nàng vừa đi vào nhà tối cho đến khi cả hai biến mất và ánh sáng của ngọn đuốc mờ dần. Sau đó, cánh cổng đồng được đẩy về chỗ cũ rồi được đóng chèn bằng những súc gỗ lớn và tôi không còn nhìn thấy Minea nữa.

Một nỗi tuyệt vọng không thể diễn tả chế ngự tôi, đến nỗi trái tim tôi như vết thương mở toang, máu chảy ra đến cạn kiệt khiến tôi không còn chút sức lực nào, ngã khụy và úp mặt xuống đất. Vì ngay lúc đó tôi hiểu rõ rằng mình sẽ không bao giờ thấy Minea nữa, mặc dù nàng hứa sẽ trở lại từ nhà thần để đi theo tôi và sống cùng tôi. Tôi biết nàng sẽ không trở lại, nhưng

từ đâu tôi biết, tôi không thể nói, vì cho đến lúc đó tôi vẫn chỉ hết hồ nghi rồi lại tin và lo sợ, rồi lại hy vọng và muốn tưởng tượng rằng thần Crete khác với tất cả các vị thần khác, sẽ trả tự do cho Minea vì tình yêu của nàng dành cho tôi. Nhưng giờ thì tôi không còn hy vọng nữa, tôi nằm úp mặt xuống đất, Kaptah ngồi bên cạnh, hai tay ôm đầu lắc lư và than vãn. Những người quyền quý và giàu có của Crete đốt đuốc rừng rực rồi vừa cầm đuốc chạy ngang qua tôi vừa nháy những điệu nháy phức tạp và hát những bài hát mà tôi không hiểu lời. Khi các cánh cổng bằng đồng đóng lại, họ vô cùng phấn khích, nháy múa và nhào lộn cho đến khi mệt lử, tiếng hò hét của họ vang trong tai tôi như tiếng quạ kêu từ tường thành.

Nhưng một lúc sau Kaptah ngừng than khóc và nói:

- Chúng ta không thể làm được gì cho điều đã xảy ra và không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến. Vậy nên ông chủ ơi, chúng ta hãy ăn và uống để tăng sức cho mình, vì tôi mang theo rượu và nhiều món ăn ngon khi biết đó là phong tục ở đây trong những dịp như thế này. Tôi cũng có thể nói với ông chủ rằng nước mắt không làm ai no nê, và người ốm o thường có những suy nghĩ tồi tệ, còn người no đủ lại hòa hợp với muôn loài. Vì thế sau khi đã buồn quá đủ, tôi sẽ ăn và uống nếu ông cho phép.

Rồi ông ấy lau nước mắt và ăn rồi uống khá nhiều, nhưng tôi không thể động đến thức ăn, còn rượu uống vào như bùn bả trong cổ họng. Tôi vẫn nằm sấp trên mặt đất cho tới khi Kaptah nói, khiến tôi ngẩng phắt đầu lên:

- Nếu mắt tôi không đánh lừa, tôi không nghĩ thế vì tôi chưa uống đến nửa lượng rượu để say đến mức nhìn một thành hai, thì cái đầu sừng đã quay lại từ núi, nhưng y quay lại bằng cách nào thì tôi không hiểu vì không ai mở cổng đồng.

Ông ấy nói đúng, quả thật Minotauros đã từ nhà thần trở lại, cái đầu bò vàng sáng rực đến rợn người dưới ánh trăng khi ông ta

nhảy điệu nhảy nghi lễ giữa các vũ công khác, đôi chân thay nhau giẫm xuống mặt đất. Khi thấy ông ta, tôi không thể kìm được mà đứng phắt dậy, lao đến, nắm lấy cánh tay ông ta và hỏi:

- Minea đâu?

Ông ta hất tay tôi ra và lúc lắc cái đầu bò, nhưng thấy tôi không chịu rời đi, ông ta để lộ cả khuôn mặt và tức giận nói:

- Hoàn toàn không phải lỗi khi phá rối nghi lễ linh thiêng, nhưng chắc người không biết vì người là kẻ lạ, vậy nên ta tha thứ cho người, nếu người không chạm vào ta lần nữa.

- Minea đâu? - Tôi vẫn tiếp tục hỏi ông ta cho đến khi ông ta buộc phải trả lời.

- Ta để Minea lại trong bóng tối của nhà thần theo phong tục và quay trở lại để nhảy điệu nhảy nghi lễ tôn vinh thần của chúng ta. Nhưng người còn muốn gì từ Minea nữa chứ, khi đã được nhận quà vì đưa cô ấy trở lại?

- Sao ông có thể trở lại mà nàng thì không? - Tôi hỏi và sấn đến trước mặt ông ta, nhưng ông ta đẩy tôi ra và các vũ công nhảy xen vào giữa chúng tôi. Kaptah nắm lấy tay tôi kéo đi và việc này chắc chắn là tốt, vì nếu không tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Kaptah nói:

- Ông thật ngu ngốc và đại dốt khi làm ầm lên như thế, sẽ tốt hơn nếu ông cũng nhảy múa với những người khác, cũng cười và hát như họ, nếu không có khi điều không hay sẽ xảy ra với ông. Tôi đoán Minotauros đi ra từ cổng nhỏ cạnh cổng đồng, điều đó không có gì kỳ lạ, vì tôi đã đến nhìn cổng này và thấy lính canh khóa nó lại và mang chìa khóa đi. Nhưng hãy uống rượu đi, ông chủ ạ, để bình tĩnh lại, vì mặt ông méo xệch như mặt kẻ mắc bệnh dại và mắt ông tròn tròn như mắt cú mèo.

Ông ấy ép tôi uống rượu và tôi ngủ trên bãi cỏ dưới ánh trăng khi những ngọn đuốc đưa lướt qua trước mắt tôi, vì ông ấy đã ma mãnh pha nhựa anh túc vào rượu khi thấy tôi trong tình trạng đó. Bằng cách ấy, ông ấy đã trả đũa tôi vì những gì tôi đã làm ở Babylon để cứu mạng ông, nhưng ông ấy không nhốt tôi trong chum mà đắp chăn cho tôi và ngăn các vũ công giẫm đạp phải tôi. Có lẽ bằng cách này, ông ấy đã cứu mạng tôi, vì trong lúc tuyệt vọng biết đâu tôi có thể đâm Minotauros và giết ông ta. Thế là Kaptah ngồi bên tôi cả đêm cho đến khi hũ rượu cạn sạch và ngủ thiếp đi bên cạnh tôi, phả hơi rượu vào tai tôi.

Hôm sau tôi thức dậy muộn, thuốc mạnh đến nỗi lúc đầu tôi ngạc nhiên không biết mình đang ở đâu. Khi nhớ ra mình ở đâu và chuyện gì đã xảy ra, tôi khá bình tĩnh, đầu óc tỉnh táo, và nhờ có thuốc nên tôi không làm ầm lên nữa. Nhiều người tham gia đám rước đã trở về thành phố, nhưng một số vẫn ngủ trong bụi cây, đàn ông và đàn bà nằm chung chạ, cơ thể hờ hang mà không biết xấu hổ vì họ đã uống rượu, nhảy múa và hò reo thâu đêm. Khi thức dậy, họ thay xiêm áo mới, phụ nữ cài búi tóc lên và thấy khó chịu vì không thể tắm, vì với những người đã quen nước nóng chảy ra từ vòi bạc trong phòng tắm như họ thì nước suối quá lạnh.

Họ súc miệng, bôi dầu lên mặt, kẻ lông mày, tô môi và ngáp rồi nói với nhau: “Ai ở lại đợi Minea và ai trở lại thành phố?”. Trò chơi trên bãi cỏ và trong các bụi cây không còn lôi cuốn nhiều người, hầu hết đã trở lại thành phố vào cuối ngày và chỉ những người bạn trẻ nhất và nhiệt tình nhất của Minea ở lại bên ngoài nhà thần, chơi đùa với nhau nhưng viện cớ chờ Minea trở lại, mặc dù ai cũng biết chưa từng có ai trở lại từ nhà thần. Họ ở lại vì ban đêm họ đã gặp người họ thích và những người vợ nhân cơ hội này tổng ông chồng trở lại thành phố vì muốn thoát khỏi cái ách. Chứng kiến việc này, tôi đã hiểu vì sao trong thành phố không có đến một nhà vui nào mà chỉ ở bến cảng mới có. Sau một ngày và một đêm xem cách họ chơi đùa, tôi hiểu được rằng

những cô gái đang hành nghề bán hoa sẽ rất khó cạnh tranh với phụ nữ Crete.

Trước khi Minotauros đi, tôi hỏi ông ta:

- Tôi có thể ngồi lại chờ Minea với bạn bè của cô ấy được không, dù tôi là một người lạ?

Ông ta nhìn tôi vẻ thù địch và đáp:

- Không ai cấm anh cả, nhưng ta nghĩ ở cảng đang có một chiếc thuyền thích hợp có thể đưa anh về Ai Cập, vì chờ chỉ hoài công thôi. Ai đã được tấn phong cho thần, kẻ đó sẽ không trở lại từ nhà thần.

Nhưng tôi làm ra vẻ ngờ nghệch và nói để lấy lòng ông ta:

- Đúng là tôi từng rất thích Minea, mặc dù cô ta ngày càng tệ nhạt bởi tôi không thể chạm vào vì cô ta đã có thần. Nếu nói thật lòng, tôi không chờ cô ta trở lại, mà tôi chỉ nói như những người khác là ở lại đợi Minea, bởi ở đây có rất nhiều thiếu nữ và thiếu phụ xinh đẹp, cứ nhìn vào mắt tôi quẩn rũ và ấn cặp vú vào tay tôi mời mọc, điều mà trước đây tôi chưa bao giờ trải nghiệm. Nói thật tình Minea ghen tuông khủng khiếp, rất khó chiều và chỉ quấy rối ham muốn của tôi, mặc dù tôi không thể chạm vào cô ấy. Có lẽ tôi cũng phải xin ngài thứ lỗi nếu đêm qua tôi uống nhiều rượu đến say xỉn và có thể đã vô tình xúc phạm ngài, mặc dù tôi không nhớ vì đầu tôi vẫn còn váng vất. Tôi chỉ nhớ mình có quàng tay quanh cổ ngài và đòi ngài dạy tôi điệu nhảy mà ngài nhảy rất đẹp và trang nghiêm mà tôi chưa bao giờ được nhìn thấy. Nhưng nếu tôi xúc phạm ngài, từ đáy lòng mình tôi thành thật xin lỗi, vì là người lạ nên tôi chưa biết hết tập quán của các ngài và không biết rằng không được chạm vào ngài, vì ngài gần như là thần linh.

Tôi huyền thiên, lấp bấp những điều này với ông ta, nheo nheo mắt, rên rỉ kêu đau đầu cho đến khi ông ta mỉm cười coi tôi như

thằng ngốc và nói:

- Nếu vậy, ta không muốn ngăn anh vui chơi vì ở đây người Crete chúng tôi cũng không sống quá khổ hạnh. Ừ, thì hãy đợi Minea đến chừng nào anh muốn, nhưng cẩn thận đừng làm ai có thai, đó là điều không thích hợp bởi anh là người lạ. Ta không có ý xúc phạm anh bằng lời khuyên này mà chỉ nói với anh như đàn ông với nhau, để giải thích tập quán của chúng tôi.

Tôi hứa với ông ta sẽ thận trọng và lảm nhảm kể cho ông ta nghe đủ mọi chuyện như thể tôi đã từng trải nghiệm với các trinh nữ trong đền ở Syria và Babylon, cho đến khi ông ta nghĩ tôi còn xuẩn ngốc hơn ông ta tưởng và phát chán, vỗ vai tôi rồi bỏ tôi lại đó để về thành phố. Nhưng tôi nghĩ ông ta đã sai lĩnh canh để mắt đến tôi và cũng khích lệ nhiều người đến tiêu khiển cùng tôi, vì sau khi ông ta đi được một lúc, một nhóm thiếu phụ đến gần tôi, treo vòng hoa vào cổ tôi, nhìn vào mắt tôi và vừa xán lại gần vừa dí cặp vú trần vào cánh tay tôi. Rồi họ kéo tôi đến giữa những bụi nguyệt quế để ăn và uống rượu cùng họ. Thế là tôi thấy được tập quán và sự phóng đảng của họ, những người không chút xấu hổ then thùng với tôi, nhưng tôi uống rất nhiều rượu và giả vờ say mềm, khiến họ không vui thú được gì và cuối cùng phát chán, bắt đầu đẩy tôi ra và gọi tôi là đồ con heo, đồ mọi rợ. Kaptah đến xóc nách kéo tôi đi và lớn tiếng mắng mỏ sự bê tha rượu chè của tôi rồi ngỏ ý muốn cùng họ vui vẻ thay tôi. Họ cười phá lên khi nhìn thấy ông ấy, còn lũ trẻ ranh chế nhạo và chỉ tay vào cái bụng căng phồng và cái đầu hói tới sau gáy của ông. Nhưng ông ấy là một người lạ và sự lạ lẫm luôn dụ dỗ đàn bà ở tất cả mọi miền đất, nên sau khi đã cười nhạo ông quá đủ, họ cho ông nhập bọn, chúc rượu và ấn trái cây vào miệng ông, ấn hông mình lên mạn sườn ông, gọi ông là con dê cụt của họ và ngửi ngửi ra vẻ khiếp đảm mùi của ông cho đến khi mùi này cũng bắt đầu hấp dẫn họ.

Tôi để mặc Kaptah với họ và bỏ đi vì tôi không thể nghĩ đến điều gì khác ngoài Minea và sự tuyệt vọng giống như con chuột đói

gặm nhấm lòng tôi. Nhân khi lính canh ngủ trưa, tôi đến gần cổng đồng và tìm thấy cánh cổng nhỏ bên cạnh đó, nhưng không mở được vì không có chìa khóa, tôi đành chỉ áp miệng vào cánh cổng kim loại và thì thầm tên Minea vì không dám gọi to. Khi lính canh dậy, tôi mang một hũ rượu đến rồi rót rượu mời họ uống và nói chuyện với họ, cách cư xử của tôi khiến họ hết sức ngạc nhiên vì ở Crete, người thượng lưu không nói chuyện với ai thuộc tầng lớp thấp hèn, mà họ sống như thể trên đời này không hề có những người bần cùng và nghèo khó. Nhưng vì lính canh biết tôi là người lạ và cách cư xử của tôi khiến họ coi tôi là kẻ ngốc nên họ uống rượu và nói với nhau những lời nhạo báng tôi bằng ngôn ngữ của họ.

Giáo sĩ coi đèn thờ thấy ganh tị liền rời đèn đến chỗ chúng tôi và uống rượu của tôi. Ông ta đã già và sống cả đời trong đèn để canh giữ cổng đồng, nhưng khi tôi hỏi ông ta đã có lúc nào vào nhà thần chưa, ông ta vô cùng kinh hãi và nói rằng không ai có thể vào nhà thần ngoài những người được thụ phong và Minotauros; những người khác nếu vào đó sẽ bị chết rất đau đớn. Để chứng minh điều này, ông ta kể rằng cách đây lâu lắm rồi, khi quyền lực và danh tiếng của Crete chưa lớn như bây giờ, một đám cướp biển đã lên bờ, đến gần ngôi đền và tấn công lính canh hòng tìm báu vật trong nhà thần. Nhưng nhóm cướp vào nhà thần đã không bao giờ quay trở ra và một nhóm nữa vào tìm chúng cũng vậy, còn lính canh chỉ nghe thấy những tiếng kêu hoảng loạn từ hành lang sâu thẳm của nhà thần vọng ra. Khi ấy, những tên cướp còn lại hoảng sợ và thả lính canh mà không dám giết họ rồi tháo chạy lên thuyền của chúng. Kể từ đó, không ai dám xông vào nhà thần. Vì vậy ông ta nghĩ canh nhà thần cũng vô ích vì không ai dám bước vào đó, nên ông ta rủ tôi về nhà mình; hoàn toàn không giấu giếm, ông chỉ cho tôi xem chìa khóa cổng và kể rằng Minotauros đã lấy chìa khóa khi vào nhà thần để có thể quay trở ra qua cổng nhỏ mà không ai nhìn thấy, khi cổng đồng to đóng lại phía sau người được thụ phong.

Tôi mua của ông ta mấy bùa hộ mệnh với mấy con bò nhỏ mà ông ta tạc bằng đá để giết thời gian, khiến ông ta rất vui nên chúng tôi đã trở thành bạn. Nhưng khi nói về nhà thần, ông ta hạ thấp giọng và tôi thấy ông ta rất sợ ngôi nhà mà mình đang canh gác. Ông ta cũng nói với tôi rằng sẽ không dám ở trong đền nếu cánh cổng đồng để ngỏ, nhưng vì sao thì ông không thể giải thích cho tôi.

Tôi không muốn ở trong nhà ông ta quá lâu vì sợ gây chú ý nên quay lại với những người khác, cùng uống rượu, cố gắng vui vẻ, cười đùa với họ và làm ra vẻ rất thích đàn bà. Kaptah đã uống đến say xỉn và huyên thiên với họ nhiều điều phét lác về các xứ sở mà chúng tôi đã đến khiến họ cười, vỗ tay tán thưởng và reo lên thích thú như trẻ con. Ông ấy cũng kể cho họ nghe về ngày ông là vua Babylon và những phán quyết mà ông đã đưa ra khi ngồi trên ngai vàng cùng với chiến công hiển hách của mình trong hậu cung, nhưng họ coi tất cả những điều đó là khoác lác và càng cười nhiều hơn, họ nói: “Ông ta chắc chắn có máu Crete trong huyết quản”.

Ngày hôm ấy trôi qua như thế cho đến khi tôi phát chán với sự vui thú, vô lo và lối sống tự do của họ, đến mức tôi không thể tưởng tượng cuộc sống nào nhàm chán hơn, vì tôi nghĩ một cuộc sống bất thường không tuân theo bất cứ một phép tắc nào theo thời gian sẽ trở nên buồn chán hơn một cuộc sống có mục đích. Họ qua đêm như đêm trước, suốt đêm giấc ngủ chập chờn của tôi bị hành hạ bằng tiếng la hét của lũ đàn bà trong khu rừng nhỏ khi họ vừa ve vãn vừa trốn tránh các chàng trai trẻ đuổi theo họ trong bóng tối nhằm giật quần áo khỏi người họ. Nhưng sáng ra họ mệt mỏi bơ phờ và ngán ngẩm vì không thể tắm và hầu hết trở về thành phố hôm đó, chỉ còn những người trẻ nhất và hăng hái nhất ở lại bên cổng đồng.

Nhưng ngày thứ ba, những người cuối cùng cũng ra về và tôi để họ mang theo cả chiếc kiệu đang chờ tôi, bởi vì những người đã đi bộ đến đây không còn sức nữa mà bước đi loạng quạng vì

thức quá nhiều và ham vui quá mức; hơn nữa tôi cũng muốn họ mang chiếc kiệu đón tôi theo để không còn ai đợi tôi. Ngày ngày tôi cho lính gác uống rượu nên tối đó khi tôi mang đến một hũ rượu lớn, họ không ngạc nhiên và vui vẻ tiếp nhận, vì họ không có nhiều trò vui, sự cô đơn của họ kéo dài cả tháng cho tới khi đoàn đưa rước người được thụ phong mới đến nhà thần. Nếu có điều gì đáng để họ ngạc nhiên thì đó là tại sao tôi lại chờ Minea một mình, vì việc này trước đây chắc chắn chưa từng có, nhưng tôi là một người lạ và họ coi tôi là kẻ ngốc nên họ uống, và khi thấy vị giáo sĩ cũng nhập cuộc với họ, tôi đến chỗ Kaptah và bảo:

- Thần linh đã ban lệnh nên bây giờ chúng ta phải xa nhau, vì Minea chưa trở lại và ta không tin nàng sẽ quay lại trừ khi ta đi đón nàng. Nhưng chưa từng có ai bước vào nhà tối đó quay trở lại, vì thế có thể ta cũng vậy, nên tốt nhất là người trốn vào rừng và nếu sáng ra ta không quay lại, người hãy về thành phố một mình. Nếu có ai hỏi, người hãy nói ta đã rơi từ một vách đá xuống biển, hoặc nói điều người nghĩ là tốt nhất, vì người biết bịa ra điều gì đó tốt hơn ta. Nhưng chắc chắn ta sẽ không quay lại, vì vậy người có thể đi ngay nếu người muốn. Ta đã viết cho người một bản đất sét có dấu bằng cái triện Syria của ta để người có thể đi đến Simyra và nhận tiền của ta từ thương điểm ở đó. Người cũng có thể bán nhà của ta ở đó nếu người muốn. Bán xong nhà, người được tự do đi về tùy ý. Còn nếu người sợ ở Ai Cập sẽ bị đe dọa vì là nô lệ bỏ trốn thì hãy ở lại Simyra, sống trong nhà ta và làm gì người muốn bằng của cải của ta. Đã thế này rồi, người không phải lo giữ thi thể của ta, vì nếu ta không thể tìm thấy Minea, với ta thi thể còn hay mất không quan trọng nữa. Người là đầy tớ trung thành của ta, mặc dù người thường làm ta mệt mỏi với những lời lải nhải không dứt, vì thế ta ân hận đã đánh người quá nhiều và quá mạnh bằng gậy của mình, nhưng ta tin rằng điều đó chỉ tốt cho người và ta làm việc đó với ý tốt, vì vậy ta hy vọng người không vì thế mà thù oán ta. Hãy đi với may mắn của bộ hung mà người có thể mang theo cùng, vì người tin vào nó hơn ta. Ta không nghĩ ta cần bộ hung ở nơi ta đến.

Kaptah im lặng một lúc lâu và không nhìn tôi, cuối cùng ông nói:

- Ông chủ ơi, tôi không bao giờ oán giận ông cả, mặc dù đôi khi ông đánh tôi rất đau, vì ông đã làm điều đó với ý tốt theo cách nghĩ của ông. Nhưng thường ông vẫn nghe lời khuyên của tôi, thậm chí thường xuyên chuyện trò với tôi như một người bạn hơn là như một đầy tớ hay nô lệ, khiến đôi khi tôi thấy lo cho danh giá của ông, cho đến khi cây gậy của ông lấy lại sự khác biệt được thần linh xác lập giữa chúng ta. Nhưng bây giờ Minea này cũng là bà chủ của tôi, vì tôi đã đặt bàn chân được ban phước của bà lên đầu mình, do đó tôi có trách nhiệm với bà vì là người hầu của bà. Mặt khác, tôi cũng không thể để ông vào nhà tối ấy một mình, vì nhiều lý do khác nhau mà tôi không muốn kể lể ở đây, nên nếu là người hầu, tôi không thể theo ông đến đó vì ông đã ra lệnh cho tôi phải về và tôi phải làm theo lệnh ông tuy cái lệnh ấy thật xuẩn ngốc, song là một người bạn, tôi phải đi cùng ông, bởi tôi không thể để ông lại một mình trong nguy hiểm, nhất là không có bộ hung, mặc dù cũng như ông, tôi nghĩ bộ hung khó có thể giúp chúng ta trong việc này.

Ông ấy nói rất nghiêm túc và cân nhắc trước sau khiến tôi không còn nhận ra ông ấy nữa và ông ấy không còn kêu than như trước. Nhưng tôi nghĩ thật vô nghĩa khi cả hai đi vào cái chết, bởi chỉ một thôi là đủ, nên tôi nói điều đó với ông ấy và bắt ông biến đi theo lệnh của tôi và đừng nói những điều ngu ngốc nữa. Nhưng ông ấy bướng bỉnh nói:

- Nếu ông không cho tôi đi cùng, tôi sẽ đi theo sau ông và ông không thể cấm tôi, nhưng tôi muốn đi cùng ông vì tôi rất sợ bóng tối. Mặt khác, tôi sợ cái nhà tối tăm đó đến nỗi chỉ nghĩ đến thôi, xương tôi đã rửa thành nước rồi, vì vậy tôi hy vọng ông cho phép tôi mang theo hũ rượu để thỉnh thoảng rượu cho tôi thêm can đảm, vì nếu không tôi bắt đầu sợ và la hét, làm phiền ông. Mà tôi cũng không mang vũ khí theo người, vì tôi là người đàn ông yếu đuối, khiếp sợ cảnh máu me và tôi tin vào đôi chân

mình hơn tin vào vũ khí, do đó nếu ông định quyết chiến với thần, ông phải liệu chuyện đó một mình, còn tôi chỉ đứng nhìn và khuyên ông can đảm. Tôi cho rằng những điều này đã được ghi vào sao chiếu mệnh trước ngày sinh đáng nguyên rủa của tôi, như ông hay nói, nhưng điều đó không đủ để an ủi tôi, mà niềm an ủi duy nhất là tôi đã sống quá lâu so với một đời người và cái đầu lơ mơ của tôi ngập chìm trong quá nhiều quán rượu, nhiều hơn cả con số tôi biết để kể ra, và tôi cũng đã vui thú quá đủ với đàn bà con gái, những ả Crete này là cuối cùng, làm đêm ngủ thì vừa đủ mềm nhưng xin Amon rủ lòng đừng để tôi phải đập vỡ vò với họ. Tôi nói thế không phải định ám chỉ bà chủ Minea của chúng ta, một người quá trong sáng đến nỗi tôi có thể nói rằng khuyết điểm của bà là quá khiết tịnh và số phận của bà cho thấy trong trắng quá mức nguy hiểm như thế nào, mặc dù tôi không thể đem tính cách ấy ra làm thí dụ cảnh báo cho các con tôi, mặc dù tôi chưa bao giờ thấy chúng, những đứa có lẽ đang ở khắp các miền gió khác nhau. Tôi chỉ nói là nếu bà ta thật lòng lên giường với ông, như một người phụ nữ đoan chính khi gặp người đàn ông mình yêu, thì đã không xảy ra những chuyện như thế này, mà chúng ta đã ở Simyra hay Ai Cập và bà làm chủ nhà ông, một việc có lẽ sẽ mang đến những chuyện rắc rối khác mà tôi không tiện kể ra lúc này, song vẫn chưa thấm gì so với nỗi buồn đau giờ đây đang chờ đợi chúng ta. Ngay cả việc bảo quản thi thể của mình, việc mà với tôi không phải là điều phù phiếm như với ông chủ, mà tôi còn rất lo lắng về nó, rằng liệu cuộc sống tương lai của tôi sẽ ra sao. Nhưng điều sẽ xảy ra là điều không thể ngăn chặn được, như mù già thường nói khi ngón tay bị kẹt giữa hai thốt cối đá.

Tôi biết Kaptah khi đã bắt đầu thì có thể nói suốt đêm, như giờ đây khi nỗi sợ hãi đã khiến lời lẽ của ông ấy liến láu hơn trước. Vì thế tôi nói:

- Hãy thôi lải nhải đi và cầm lấy hũ rượu nếu người muốn, nhưng chúng ta phải đi ngay để làm cho xong việc này vì ta nghĩ lũ lính canh đang ngủ say vì uống rượu ta pha.

Lính canh đã ngủ say mê mệt và cả giáo sĩ cũng ngủ, nên tôi có thể dễ dàng lấy chìa khóa cổng của Minotauros từ nơi cất giấu mà giáo sĩ đã chỉ cho tôi. Chúng tôi cũng mang theo mỗi lửa và đuốc song chưa đốt chúng, vì dưới ánh trăng có thể nhìn rõ và dễ dàng dùng chìa khóa mở cánh cổng nhỏ ra. Nhờ vậy, chúng tôi vào trong và bước vào nhà của thần rồi đóng cánh cổng lại; trong bóng tối tôi nghe thấy tiếng răng Kaptah va lập cập vào miệng hũ rượu.

5

Được rượu tiếp thêm can đảm, Kaptah nói giọng khàn khàn:

- Ông chủ ơi, đốt đuốc thôi, từ đây ánh sáng không lọt ra ngoài đâu và bóng tối này còn khủng khiếp hơn cả bóng tối nơi địa ngục, nơi không ai có thể thoát ra còn chúng ta tự nguyện bước vào.

Thế là tôi thối than rồi thắp đuốc lên và thấy chúng tôi đang ở trong một khoang rộng lớn, lối vào bị chặn bằng các cổng đồng. Từ khoang này có mười hành lang dẫn ra các hướng khác nhau, được ngăn cách bằng những bức tường gạch dày. Nhưng tôi đã chuẩn bị cho tình thế này khi tôi nghe kể thần của Crete sống trong mê cung, và các giáo sĩ Babylon đã dạy tôi rằng các mê cung được xây dựng phỏng theo ruột của những con vật hiến tế. Vì vậy, tôi tin có thể tìm thấy lối đi đúng, bởi nhiều lần khi hiến tế tôi đã nhìn thấy ruột bò và đoán mê cung của Crete có lẽ được xây dựng từ ngày xưa theo ruột của bò. Do vậy, tôi chỉ cho Kaptah hành lang phía trước và nói:

- Chúng ta sẽ đi từ đây kia.

Nhưng Kaptah bảo:

- Vội vàng thì có ích gì, cẩn thận cũng chẳng thừa, nên tốt hơn là chuẩn bị để không bị lạc và trước tiên cần đảm bảo chúng ta có thể tìm lại được chỗ này nếu chúng ta quay lại, điều mà tôi không tin, vì tôi rất sợ chúng ta sẽ không bao giờ quay lại.

Nói rồi ông ấy lấy từ trong túi ra một cuộn chỉ, buộc chỉ quanh một mẫu xương rồi cắm thật chắc vào giữa hai viên gạch. Sáng kiến giản đơn này của ông ấy thật thông thái, đến mức tôi chắc sẽ không bao giờ nghĩ ra được, nhưng tôi không nói với ông ấy điều này để khỏi mất thanh danh của mình trong mắt ông ấy. Bởi vậy nên tôi cúi kính giục ông ấy làm nhanh lên. Rồi tôi đi vào mê cung của nhà tối với hình dung trong đầu sơ đồ ruột chạy trong bụng bò, còn Kaptah vừa đi vừa tháo chỉ ra khi chúng tôi tiến về phía trước.

Chúng tôi đi loanh quanh trong bóng tối vô tận theo các hành lang khác nhau và các hành lang mới mở ra trước mặt chúng tôi, đôi khi chúng tôi quay lại khi gặp bức tường chặn đứng phía trước và tiếp tục lần theo hành lang khác cho đến khi Kaptah dừng lại, hít ngửi không khí, hai hàm răng bắt đầu va vào nhau lập cập và cây đuốc trên tay rung lên, ông ta nói:

- Ông chủ ơi, ông có thấy mùi bò không?

Tôi cũng ngửi thấy rất rõ một mùi ghê sợ, hôi thối nồng nặc gợi nhớ đến mùi bò, mặc dù mùi này còn khủng khiếp hơn và có vẻ như bốc ra từ những bức tường chúng tôi đi qua, như thể toàn bộ mê cung là một chuồng bò khổng lồ. Nhưng tôi bảo Kaptah đừng ngửi mà hãy đi tiếp và sau khi ông ấy uống một ngụm dài từ hũ rượu, chúng tôi vội vã đi về phía trước cho đến khi chân tôi trượt vào một thứ gì đó trơn trơn, tôi cúi xuống nhìn và nhận ra cái sọ đã thối rữa của một người phụ nữ, trên đầu vẫn còn tóc. Ngay khi nhìn thấy, tôi đã biết mình chỉ có thể thấy được xác Minea, nhưng ước muốn điên rồ phải thấy đầy tôi về phía trước nên tôi ấn Kaptah đi và cảm ông ấy khóc rồi chúng tôi đi về phía trước, vừa đi vừa tháo cuộn chỉ ra. Nhưng không

lâu sau, một bức tường lại nhô lên trước mặt buộc chúng tôi phải quay lại và tìm một lối đi khác.

Đột nhiên Kaptah dừng lại và chỉ tay xuống đất, những sợi tóc lúa thưa rụng đứng trên đầu và mặt ông ấy tái nhợt hẳn. Tôi cũng nhìn xuống và thấy phân súc vật khô trên lối đi, nhưng đồng phân này có kích thước to bằng một người đàn ông, nếu là phân bò thì con bò này phải to đến mức không thể tưởng tượng nổi. Kaptah cũng nghĩ như tôi, ông nói:

- Không thể là phân bò vì con bò như vậy làm sao lọt được vào hành lang này. Tôi cho đây là phân của rắn khổng lồ.

Nói rồi ông ấy nốc một hơi rượu dài, răng va lập cập vào miệng hũ, còn tôi nghĩ về những lối đi được xây để rắn khổng lồ di chuyển được và tôi chợt nghĩ đến việc quay trở lại. Nhưng tôi lại nhớ đến Minea, nỗi tuyệt vọng khủng khiếp xâm chiếm trong đầu khiến tôi kéo Kaptah đi về phía trước, siết chặt con dao trong tay ướt đầm mồ hôi, mặc dù tôi biết đây là việc vô ích.

Nhưng khi chúng tôi dò dẫm về phía trước, mùi hôi thối trong lối đi mỗi lúc một đậm đặc hơn phả vào chúng tôi, giống như ứ khí từ một ao xác lớn, khiến chúng tôi thở mỗi lúc một khó khăn hơn. Trong thâm tâm tôi thấy mừng vì tôi biết chúng tôi sẽ sớm đến đích. Chúng tôi tiến về phía trước cho đến khi ánh xám nhờ nhờ tràn vào lối đi khiến tôi linh cảm về một nguồn sáng ở xa xa. Và rồi chúng tôi lọt vào trong núi, các hành lang không còn bằng gạch xây mà được đục vào đá mềm. Hành lang đưa chúng tôi xuống phía dưới, chúng tôi vấp phải xương người và những đồng phân, như thể chúng tôi đang ở trong hang ổ của loài thú dữ khổng lồ. Cuối cùng, một hang động lớn mở ra trước mặt và chúng tôi đứng bên rìa một vách đá nhìn xuống nước, một mùi hôi không thể tả vây quanh chúng tôi.

Ánh sáng xanh lè khủng khiếp từ biển lọt vào hang khiến chúng tôi không cần đuốc vẫn nhìn được xung quanh mình và nghe

thấy tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá ở đâu đó xa xa. Nhưng trên mặt nước ở phía trước chúng tôi bỗng bồng bênh thứ gì trông như một dây bao tải da khổng lồ, cho đến khi mắt thường có thể nhận ra đó là một quái vật chết trong nước, to hơn và kinh khủng hơn bất cứ con vật nào mà con người có thể tưởng tượng, đang nổi bật bốc mùi thối rữa. Đầu nó chìm trong nước nhưng trông như đầu của một con bò khổng lồ và thân như một con rắn kinh tởm, đang phân hủy ra nhiều khúc nên nổi lênh bênh trên mặt nước. Tôi biết vật kinh dị tôi đang nhìn là thần của Crete, nhưng tôi cũng biết rằng con vật này đã chết cách đây nhiều tháng. Vậy thì Minea ở đâu?

Khi nghĩ về nàng, tôi cũng nghĩ về tất cả những ai đã vào nhà thần trước nàng, những người được thụ phong dành cho thần sau khi học nhảy múa trước bò. Tôi nghĩ về những chàng trai tơ không được ôm ấp phụ nữ, về những cô gái phải giữ trinh tiết để có thể bước vào đó trong ánh hào quang và niềm vui sướng của thần, tôi nghĩ tới sọ và xương của họ rải rác trên các lối đi của nhà tối, nghĩ tới con quái vật khi nó đuổi theo họ trong hành lang của mê cung và chặn đường họ bằng thân hình kinh khủng của nó, khiến những điệu múa và tài nghệ nhảy trước bò của họ không còn giúp được họ nữa. Con quái vật này sống bằng thịt người, mỗi tháng ăn một lần là đủ và bữa ăn này được các quốc vương Crete hiến tế bằng những trinh nữ đẹp nhất và những chàng trai tơ tuyệt vời nhất, với hy vọng rằng nhờ đó họ sẽ tiếp tục thống trị biển. Chắc quái vật này đã bị bảo tố dồn ẩn vào hang từ vực sâu thăm thẳm dưới đại dương vào thời kỳ xa xưa nào đó và họ đã chặn đường ra của nó, xây dựng mê cung cho nó có nơi để chạy và nuôi sống nó bằng các nạn nhân hiến tế cho đến khi nó chết và không còn quái vật nào khác như vậy tồn tại trên thế gian này. Vậy thì Minea ở đâu?

Điên cuồng vì tuyệt vọng, tôi hét tên Minea và lòng hang âm âm vọng lại cho đến khi Kaptah chỉ xuống mặt hang cho tôi xem những vết máu khô trên đá. Theo vết máu, tôi nhìn xuống nước và thấy thi thể Minea, hay những thứ còn lại của nàng, vì thân

xác này chậm chậm di chuyển dưới đáy khi bị các loài gặm nhấm từ mọi phía khiến khuôn mặt cũng không còn nguyên vẹn mà tôi chỉ nhận ra nàng nhờ chiếc lưới bạc trên tóc. Tôi cũng không cần phải tìm vết kiếm trên ngực nàng vì tôi đã biết Minotauros đưa nàng đến đây và từ phía sau đâm xuyên thanh kiếm qua người nàng rồi ẩn nàng xuống nước để không ai được biết thần Crete đã chết. Chắc chắn hắn đã làm điều tương tự với những cô gái và chàng trai trước Minea.

Sau khi nhìn thấy, biết được và hiểu ra mọi chuyện, tôi hét lên một tiếng kinh hoàng rồi ngã khụy xuống ngất lịm, và chắc chắn tôi đã rơi xuống nước cạnh Minea nếu như Kaptah không vội nắm lấy cánh tay tôi và kéo tôi lại nơi an toàn như ông ta kể lại với tôi sau này. Từ lúc đó trở đi, tôi không còn biết những gì đã xảy ra với mình, ngoại trừ những điều được Kaptah kể lại. Sau bao đau khổ, xót thương và tuyệt vọng, sự bất tỉnh đã nhân từ và bí ẩn trấn tĩnh tôi.

Kaptah kể ông ấy đã khóc một lúc lâu bên cạnh tôi vì nghĩ rằng tôi cũng đã chết, ông ấy khóc vì cả Minea, cho đến khi tỉnh táo lại, sờ vào người tôi và biết tôi còn sống; ông ấy nghĩ ít nhất có thể cứu được tôi, khi không thể làm gì cho Minea được nữa. Ông ấy cũng kể đã nhìn thấy thi thể của những nam thanh, nữ tú khác bị Minotauros giết, bị loài giáp xác rửa hết thịt khiến xương rải đầy trên đáy cát trắng mịn. Nhưng có phải ông ấy kể với tôi như thế để an ủi tôi không, tôi không biết. Khi ấy, mùi hôi thối bắt đầu khiến ông ấy nghẹt thở, và khi biết không thể cùng một lúc vác cả hũ rượu và tôi, ông liền uống cạn hũ rượu rồi ném hũ xuống nước; nhờ có rượu đem lại thêm sức lực, ông vừa vác vừa kéo tôi trở lại cổng đồng, đi theo sợi chỉ chúng tôi đã gỡ ra khi vào. Sau một lát suy nghĩ, ông cũng vừa đi vừa cuộn chỉ lại khi quay ra nhằm tránh để lại dấu vết chuyển viếng thăm mê cung của chúng tôi và ông nói, dưới ánh sáng của ngọn đuốc, ông thấy trên tường và ngách của hành lang những dấu hiệu bí ẩn mà ông đồ rằng chính Minotauros đã đánh dấu để tìm được đường ra. Ông cũng kể đã ném hũ rượu xuống nước, để

Minotauros ngạc nhiên khi làm công việc đao phủ của y vào lần kế tiếp.

Trời vừa hửng sáng, ông ấy đưa được tôi ra ngoài rồi khóa cổng lại và đưa chìa khóa về chỗ của nó trong nhà giáo sĩ, vì cả lính canh và giáo sĩ vẫn đang ngủ mê mết sau khi uống rượu tôi pha. Sau đó, ông ấy vác tôi vào bụi cây ở bên bờ con suối, hắt nước lên mặt tôi và xoa tay tôi cho đến khi tôi tỉnh lại. Nhưng tôi cũng không nhớ gì về việc này, vì ông bảo tôi quẫn trí và không nói được, do vậy ông đã cho tôi uống thuốc để tôi trấn tĩnh lại. Phải sau đó rất lâu, khi chúng tôi đã ở gần thành phố tôi mới tỉnh hẳn lại, và ông ấy đã nắm cánh tay tôi dìu đi. Từ lúc đó tôi mới nhớ mọi chuyện.

Nhưng tôi không nhớ mình đã cảm thấy đau đớn ra sao và khi ấy tôi không nghĩ nhiều về Minea mà nàng chỉ là một cái bóng mờ trong tâm trí tôi, như thể tôi đã gặp nàng ở một kiếp trước xa xôi nào đó. Thay vì nghĩ đến nàng, tôi nghĩ thần của Crete đã chết và quyền lực của Crete bị hủy diệt đúng như tiên đoán và tôi không hề hối tiếc; mặc dù người dân Crete đối xử tốt với tôi, niềm vui của họ và cả nghệ thuật của họ cũng đều như bọt sóng lấp lánh hay sóng bạc đầu đổ xuống bãi biển. Khi đến gần thành phố, tôi rất vui khi nghĩ rằng một ngày nào đó những tòa nhà đẹp, thanh thoát này sẽ bùng cháy, những tiếng rên rỉ dâm dăng của đàn bà sẽ biến thành những tiếng hét gào hấp hối, đầu bò vàng của Minotauros sẽ bị búa đập nát thành miếng mỏng và cắt thành từng mảnh trong cuộc phân chia chiến lợi phẩm, quyền lực của Crete sẽ không còn dấu vết và hòn đảo của họ chìm vào lòng biển, nơi mà từ đó quỷ bò biển đã nổi lên.

Tôi cũng nghĩ về Minotauros mà không có đến một ý nghĩ xấu về ông ta, vì Minea chết nhẹ nhàng, không cần dùng hết tài nghệ để nhảy và trốn chạy trước bò biển, nàng chết và gần như không biết chuyện gì xảy ra với mình. Tôi nghĩ Minotauros là người duy nhất biết thần của họ đã chết, Crete đang trên đường diệt vong và tôi hiểu ông ta đã rất khó khăn để giữ bí mật này.

Khi quái vật còn sống, tôi không biết liệu việc mang giữ bí mật này có dễ dàng không, tháng này đến tháng khác, năm này qua năm khác ông ta phải đưa các nam thanh nữ tú của đất nước mình đến ngôi nhà tối và biết rõ điều gì sẽ xảy ra với họ ở đó. Không, tôi không hề nghĩ xấu về Minotauros, mà chỉ lải nhải hát và cười như điên dại khi được Kaptah dìu đi, nhờ vậy ông ấy có thể dễ dàng nói với những người bạn của Minea đi đón chúng tôi rằng tôi vẫn say trong khi chờ Minea, điều có thể hiểu được, vì tôi là người lạ, không hiểu hết phong tục của xứ này và không biết say xỉn giữa ban ngày ban mặt trước người khác là mọi rợ đến thế nào. Cuối cùng ông ấy mượn được một chiếc kiệu và cho người khênh tôi về nhà trọ, ở đó tôi được thoải mái uống rượu theo ý mình và sau đó ngủ một giấc dài mê mết.

Nhưng khi thức dậy, tôi hoàn toàn tỉnh táo và có thể nghĩ sáng suốt, sâu xa về mọi việc đã xảy ra, tôi nghĩ đến Minotauros và có thể đi giết ông ta, nhưng rồi lại nghĩ điều đó chẳng ích gì và cũng chẳng đem lại niềm vui cho tôi. Rồi tôi nghĩ mình nên tiết lộ cho dân ở bên cảng về cái chết của thần Crete để họ cho lửa cháy và máu chảy trong thành phố, nhưng có lẽ việc đó cũng không mang lại niềm vui hay lợi ích gì cho tôi. Tôi còn nghĩ nếu kể sự thật, tôi sẽ cứu sống những ai đã và sắp ném xúc xắc để nhờ đó được bước vào nhà của thần, nhưng tôi biết sự thật chỉ là con dao trần trong tay một đứa trẻ và phản lại kẻ cầm nó.

Vì thế tôi nghĩ thần Crete không liên quan đến tôi, bởi tôi là người lạ và tôi sẽ không bao giờ có được Minea nữa, những loài giáp xác sẽ rửa trắng bộ xương mảnh dẻ của nàng, để nàng vĩnh viễn nằm lại nơi đáy biển. Tôi nghĩ tất cả những điều này đã được ghi vào các vì sao trước ngày tôi chào đời và tôi được sinh ra vào lúc hoàng hôn của thế gian, khi thần linh chết đi và mọi thứ thay đổi trước khi năm thế giới này kết thúc và năm thế giới khác bắt đầu. Ý nghĩ này đã an ủi tôi và tôi nói điều đó với Kaptah rất nhiều lần, nhưng Kaptah nói tôi bị bệnh, bảo tôi nghỉ ngơi và không cho phép bất cứ ai gặp tôi nếu tôi muốn nói với họ những điều như thế.

Tôi quá ngán Kaptah trong những ngày này vì ông ấy liên tục ép tôi ăn dù tôi không đói và thấy chỉ uống rượu là đủ. Quả thật tôi liên tục thấy khát và chỉ rượu mới làm tôi khuây khỏa, vì tôi điềm tĩnh và hiểu biết nhất vào lúc rượu làm tôi nhìn một hóa hai. Khi đó tôi biết không gì giống như bề ngoài của nó, bởi vì khi uống rượu đủ say, người ta nhìn mọi thứ một thành hai và điều này đúng với anh ta mặc dù anh ta biết sự thật không phải thế. Nói cho cùng, theo tôi đây là bản chất của sự thật, nhưng khi tôi kiên nhẫn và bình tĩnh giải thích điều này với Kaptah, ông ấy không chịu nghe mà ép tôi nằm thẳng người ra và nhắm mắt lại để trấn tĩnh. Nhưng tôi thấy mình bình tĩnh và lạnh lùng như con cá chết trong hũ dầu và tôi không muốn nhắm mắt lại vì lúc đó tôi thấy những thứ khó chịu, chẳng hạn như xương người bị gặm nhấm đến trắng xóa và thối rữa trong nước và một Minea mà tôi biết trước đây đang nhảy một vũ điệu đòi hỏi tài nghệ điêu luyện trước con rắn đầu bò. Vì thế tôi không muốn nhắm mắt lại và gượng lấy gậy đánh Kaptah vì tôi đã quá chán, nhưng rượu khiến tay tôi quờ quạng nên ông ấy dễ dàng lấy gậy đi. Ông ấy còn giấu con dao đất tiền tuyệt hảo mà viên cai đội cảnh người Hittite đã tặng tôi, để tôi không thể tìm thấy.

Kaptah cũng rất cứng đầu, không chịu gọi Minotauros đến chỗ tôi, mặc dù tôi đã nhiều lần cương quyết bảo ông ấy rằng tôi muốn nói chuyện với Minotauros, rằng tôi cảm thấy như ông ta là người duy nhất trên thế giới có thể hoàn toàn hiểu tôi cũng như những ý nghĩ lớn lao của tôi về thần linh, về sự thật và những điều tưởng tượng. Kaptah cũng không mang cho tôi một cái đầu bò máu me để tôi có thể trò chuyện với nó về bò, về biển và các điệu nhảy trước bò. Ngay đến một yêu cầu nhỏ như vậy, ông ấy cũng không muốn đáp ứng, vì vậy tôi có lý do để phát chán ông ấy.

Về sau tôi hiểu được rằng lúc đó chắc tôi bị bệnh nên không nhớ lại được tất cả những ý nghĩ trong đầu, bởi vì rượu đã làm tôi bối rối và làm nhiều trí nhớ tôi. Tuy nhiên tôi tin rượu ngon đã cứu tôi khỏi mất trí và giúp tôi vượt qua giai đoạn tồi tệ nhất khi

vĩnh viễn mất Minea cũng như đức tin vào thần linh và lòng tốt của con người. Vì thế mỗi khi ai đó đến gặp tôi đầu đầy tro bụi và quần áo tả tơi, tôi luôn nói: “Không có nỗi đau nào mà rượu không xoa dịu được. Không có rủi ro nào mà rượu không giúp vượt qua. Không có mất mát nào mà rượu không an ủi được. Vậy nên hãy uống rượu, để nỗi buồn chìm trong rượu như chuột trong chảo dầu, và đừng lo lắng cả khi bạn cảm thấy rượu có vị đắng trong miệng lúc ban đầu vì vị của nó càng ngon khi uống càng nhiều và chẳng mấy chốc nỗi buồn của bạn sẽ như một đám mây bỗng bành trên bầu trời”.

Còn nếu ai đó đến gặp tôi với vòng hoa trên đầu và quanh cổ, người xoa dầu đất tiền và ăn vận quần áo đẹp nhất với nước mắt hạnh phúc trong khóe mắt, tôi sẽ nói: “Hãy cẩn thận với niềm vui quá khích, bạn của tôi ạ, vì niềm vui nguy hiểm hơn nỗi buồn và bất hạnh; niềm vui trong bạn giống như con rắn, nhìn thật đẹp và long lanh trong ánh sáng nhưng nó rót chất độc chết người vào tĩnh mạch bạn. Hãy coi chừng niềm vui, bạn ạ, và hãy dìm nó vào rượu, đừng ngần ngại, vì không niềm vui nào mà rượu không thể nhấn chìm, dù nó làm cho niềm vui của bạn thành rồ dại lúc đầu và để lại trong miệng bạn vị ngọt ngon, bởi vì càng uống, miệng bạn sẽ càng đắng, cho đến khi niềm vui của bạn chỉ như một mớ giẻ rách trên cát khô, và điều đó thật tốt, vì niềm vui là món quà xảo trá nhất với con người và những điều tưởng tượng dùng nó để dụ dỗ anh ta”.

Thế là rượu đã khiến điều gì đó vỡ vụn trong tôi, giống như cậu bé trong tôi đã mất đi điều gì đó khi nhìn thấy giáo sĩ Amon nhỏ nước bọt lên mặt của thần và lau mặt thần bằng ống tay áo trong thánh đường linh thiêng nhất. Dòng đời tôi như ngừng trôi và vỡ vụn xuống một cái ao rộng, nhìn trên bề mặt thì đẹp, phản chiếu bầu trời và các vì sao, nhưng nếu cầm gậy của mình xuống đó, bạn sẽ thấy nước cạn, đáy đầy xác và bùn.

Rồi đến một buổi sáng khi tỉnh dậy ở nhà trọ, tôi thấy Kaptah đang ngồi trong góc phòng tôi, tay ôm đầu, lắc lắc và khóc thút

thít. Tôi đưa tay run run nghiêng hũ rượu, nhưng uống rồi, tôi bực bội hỏi:

- Người khóc cái gì vậy, con chó kia?

Đây là lần đầu tiên tôi chịu nói với ông ấy sau nhiều ngày, vì đã quá chán với sự chăm sóc và đầu óc ngu ngốc của ông.

Ông ấy ngẩng đầu lên, đáp:

- Ở bến cảng có một con thuyền sắp rời đi Syria và có thể đây là chiếc cuối cùng rời đi trước những cơn bão mùa đông tồi tệ nhất, thế nên tôi khóc.

Tôi liền quát:

- Vậy hãy xéo lên thuyền của người đi, trước khi ta lại nện cho mấy gậy để khỏi phải nhìn bộ mặt méo xệch và nghe tiếng lải nhải, lè nhè muôn thuở của người.

Nhưng sau khi nói thế, tôi tự thấy xấu hổ và để hũ rượu sang bên, một ý nghĩ chua chát đã an ủi tôi rằng trên thế gian có ít nhất một người phụ thuộc vào tôi, mặc dù ông ấy chỉ là một nô lệ bỏ trốn.

Nhưng Kaptah nói:

- Ông chủ của tôi ạ, quả thật tôi cũng phát ngán phải nhìn ông nốc rượu và ụt ịt như lợn đến nỗi rượu đã mất hết vị trong miệng tôi, điều mà tôi không bao giờ tin được, thậm chí tôi không thèm lấy ống hút bia từ vò nữa. Người chết thì đã chết và sẽ không bao giờ trở về, vì vậy tôi nghĩ tốt nhất chúng ta nên rời khỏi đây càng nhanh càng tốt. Vàng bạc và những thứ ông thu được trong chuyến đi của mình, ông đã ném qua cửa sổ xuống rãnh và tôi không tin ông còn có thể chữa bệnh cho bất cứ ai với bàn tay run rẩy của mình, khi mà đến hũ rượu ông cũng không cầm nổi. Tôi phải thừa nhận rằng lúc đầu tôi nghĩ thật tốt khi

ông uống chút rượu để bình tâm lại; tôi khuyến khích ông uống, mở tiếp nắp các hũ rượu mới và tôi cũng uống. Tôi cũng khoe khoang với mọi người: “Hãy nhìn xem tôi có ông chủ tuyệt vời như thế nào! Ông ta uống như một con hà mã, dìm vàng, bạc vào rượu và lấy đó làm vui”. Nhưng tôi không còn hãnh diện nữa, mà xấu hổ thay chủ của mình, vì mọi thứ đều có giới hạn của nó, và tôi nghĩ ông chủ lúc nào cũng làm quá lên trong mọi chuyện. Tôi không bao giờ lên án một người đàn ông uống đến say mềm và đánh lộn nơi góc phố, đầu bị sưng vù và tỉnh dậy trong nhà vui bởi vì đây là cái cách thông thường để xua bớt những nỗi niềm đau khổ mà bản thân tôi thường làm. Nhưng phải chữa thói say xỉn dần dần bằng bia và cá muối, làm việc trở lại như thần linh đã sai khiến và như tập tục tốt đòi hỏi. Thay vào đó, ông uống như thể mỗi ngày là ngày cuối cùng; tôi sợ ông uống để chết, mà nếu ông muốn thế, thà ông chết chìm trong bể rượu, bởi vì cách này nhanh hơn, dễ chịu hơn và không mang lại sự xấu hổ cho ông.

Tôi nghĩ về những điều ông ấy nói và nhìn vào đôi tay mình, vốn là đôi tay của một thầy thuốc nhưng bây giờ run rẩy như thể chúng có ý muốn riêng mà tôi không thể điều khiển được nữa. Tôi cũng nghĩ về tất cả tri thức đã học hỏi được ở nhiều vương quốc và hiểu rằng sự cường điệu thật vô nghĩa, và rằng thật xuân ngốc khi quá đà trong ăn và uống cũng như trong nỗi buồn và niềm vui. Vì vậy, tôi nói với Kaptah:

- Được rồi, cứ cho là người nói đúng, nhưng người phải biết rằng ta hiểu rất rõ tất cả những gì người vừa nói và lời nói của người không hề tác động đến quyết định của ta, mà giống như tiếng ruồi vo ve khó chịu trong tai ta. Nhưng bây giờ ta sẽ ngừng uống và sẽ không mở hũ rượu nào khác trong một thời gian dài vì ta đã thật hiểu mình, ta dự định rời khỏi Crete, trở về Simyra.

Nghe thế, Kaptah reo lên rồi vừa cười vừa nhảy cẫng lên, hai chân giẫm xuống sàn theo thói quen của nô lệ, nhưng tôi nói tiếp:

- Chuyến đi này thực sự hữu ích cho ta, bởi vì trên hòn đảo giữa biển này ta đã rũ bỏ được trách nhiệm của mình với thần linh và ta không còn nợ họ bất cứ điều gì, cũng như thần linh không nợ gì ta hết, mặc dù có lẽ ta không nên công khai nói điều đó bởi vì mọi người sẽ lên án và coi lời nói của ta là một sự sỉ nhục. Do đó, ta dự định để cho mỗi người được cứu rỗi theo đức tin của chính họ mà không dính dáng đến việc của thần linh nữa, dù là người Ai Cập hay Crete, Babylon hay Hittite, những người mà ta nghĩ vẫn sẽ tiếp tục dạy cho các dân tộc khác về quyền lực và ý nghĩa của các vị thần. Ta sẽ tự mình đi đến Simyra và dự định đi trên mọi con đường mở ra cho ta mà không quan tâm nó dẫn đến đâu. Có lẽ rốt cuộc sự sống tốt hơn cái chết và người sống quan trọng hơn thần linh đã chết, mặc dù chắc ta chưa thể nói được điều đó trước khi có trải nghiệm về cái chết. Tuy nhiên, ta nghĩ cái chết không kỳ lạ hơn một vài tuần say xỉn, nên ta cho là mình đã trải qua cái chết. Vậy nên, người hãy mau đặt chỗ cho chúng ta trên thuyền, thu gom đồ đạc còn lại và giúp ta lên thuyền, bởi ta chưa hoàn toàn tin vào đôi chân của mình, chúng giống như những vật xa lạ và mỗi chân bước theo một hướng khác nhau.

Nhưng trước khi ông ấy kịp đi trong niềm vui khôn xiết, tôi lại nói thêm:

- Trong bất cứ hoàn cảnh nào, người cũng không bao giờ được nói đến cái tên Minea để ta nghe thấy, tên đó đã bị lãng quên và bị xóa sổ, như thể nó chưa từng tồn tại. Ta không đòi hỏi bất kỳ ánh sáng hay lời hứa nào của người về điều này vì chúng chỉ là tiếng ruồi vo ve, nhưng ta cam đoan với người rằng nếu người thốt ra cái tên đó một lần từ miệng mình, ta sẽ bán người cho mỏ đá hoặc mỏ đồng và tiết lộ người là một nô lệ bỏ trốn. Hãy ghi nhớ điều đó, Kaptah, vì ta chưa bao giờ nói với người những lời thật hơn.

Kaptah không nói gì mà bỏ đi và chúng tôi lên thuyền ngay hôm đó. Các tay chèo thả mái chèo xuống nước và chèo thuyền ra

khỏi bến cảng, vượt qua hàng chục, hàng trăm ghe thuyền và cả các thuyền chiến bọc đồng của Crete. Ra khỏi bến cảng, các tay chèo rút mái chèo lên, thuyền trưởng dăng lễ cúng thần biển trong cabin của mình và ra lệnh cho kéo buồm lên. Thuyền tròng trành và sóng vỗ xoàm xoạp lên mạn thuyền. Chúng tôi dong buồm về phía bờ biển Syria khi Crete mờ dần phía sau chúng tôi như một đám mây xanh, một cái bóng hay một giấc mơ và xung quanh chúng tôi chỉ còn những con sóng dập dềnh, bát ngát.

Sách thứ chín

Quán đuôi cá sáu

1

Vậy là sau ba năm phiêu bạt trên nhiều miền đất để thu thập tin tức cả tốt lẫn xấu, tôi trở lại Simyra khi đã vào tuổi trung niên chứ không còn là thanh niên trai trẻ. Gió biển thổi bay hơi rượu khỏi đầu tôi, làm mắt tôi sáng trở lại và cơ thể phục hồi, nên tôi đã ăn uống bình thường như những người khác, dù tôi không còn nói nhiều như họ mà thậm chí còn cô đơn hơn trước. Tất nhiên cô đơn là một phần của tuổi trưởng thành nếu điều đó đã được định trước, nhưng tôi đã cô đơn từ khi còn nhỏ và là người xa lạ trên thế gian từ sau khi chiếc thuyền sậy đưa tôi tấp vào bờ sông Nile, nên tôi không cần phải làm quen với điều đó như nhiều người khác mà cô đơn như là nhà và giường với tôi trong đêm tối.

Nhưng khi đứng nơi mũi thuyền trên biển xanh dập dềnh xung quanh mình và gió biển thổi bay mọi suy nghĩ phù phiếm hư vô, tôi vẫn thấy ở nơi xa xăm nào đó đôi mắt sáng như ánh trăng trên biển, nghe tiếng cười lạ thường của Minea từ rất xa và thấy nàng đang nhảy múa trên nền đất bên những con đường Babylon, xiêm áo mỏng tang, trẻ trung và mềm dẻo như cây sậy non. Hình bóng nàng không còn đem lại cho tôi nỗi buồn hay sự dằn vặt mà trong tâm trí tôi, nàng chỉ còn lại như một nỗi đau ngọt ngào con người ta cảm thấy mỗi sáng mai thức dậy khi nhớ về giấc mơ đẹp hơn cuộc đời đêm qua. Vì vậy, khi nghĩ về nàng, tôi mừng vì đã được gặp nàng và không muốn từ bỏ bất cứ khoảnh khắc nào từng được ở bên nàng mà chỉ biết tôi không thể như tôi lúc này nếu như không gặp nàng. Biểu tượng gắn ở

mũi thuyền có khuôn mặt phụ nữ dù chỉ là gỗ lạnh và được sơn; đối mặt với gió ở cạnh nó, tôi cảm thấy sức đàn ông trong tôi tràn đầy, mạnh mẽ và biết rằng trong đời mình tôi sẽ vẫn còn vui với nhiều phụ nữ, bởi người cô đơn mà đêm nào cũng đơn chiếc thì thật lạnh lẽo. Nhưng tôi tin rằng đối với tôi, tất cả những người đàn bà khác chỉ là gỗ lạnh và sơn vẽ; khi ôm họ trong bóng tối, tôi sẽ chỉ tìm Minea trong họ; đôi mắt sáng như ánh trăng, hơi ấm của thân hình mảnh dẻ, mùi hương cây bách của làn da đều chỉ khiến tôi nhớ đến Minea. Tôi nói lời từ biệt với Minea như vậy ở mũi thuyền.

Hành trình của chúng tôi thật khó khăn vì gió thổi mạnh và thuyền phải chạy vát để tránh ngược gió nên không ngừng lắc lư, những con sóng âm âm như những ngọn núi đập vào hai bên mạn thuyền. Vì thế, những bùa chú không còn giúp ích cho Kaptah, mặc dù ông ấy đã buộc chặt dây quanh bụng nhiều vòng; cả bọ hung cũng không giúp được, nên ông cho thần biển hết mọi thứ, nhịn ăn vì thần và ước giá như mình không được sinh ra trên thế gian này. Nhưng ông ấy không còn sợ chết như trước nữa mà cố tự an ủi trong sự khốn khổ của mình, vì ông biết mình sẽ khỏe lại ngay sau khi đặt chân lên đất liền, dù ông ấy nói không thể nào tin được nếu trước đây chưa trải qua.

Vì thế khi chúng tôi đặt được chân lên đất Simyra, ông ấy úp mặt xuống đất rồi vừa chà miệng vào những tảng đá ở cầu cảng vừa khóc và thề với bọ hung rằng ông sẽ không bao giờ bước chân lên thuyền nữa. Tâm trí tôi cũng tràn ngập niềm vui khi nhìn thấy những con hẻm chật chội và những ngôi nhà cao của Simyra, trang phục của người đi trên phố, những con chó sắp chết và những đàn ruồi bu quanh giỏ cá, vì tôi đã sống ở Simyra trong hai năm, thành phố trở nên thân thuộc với tôi và là nơi tôi có được những thành công đầu tiên khi làm thầy thuốc chữa bệnh cho nhiều người.

Nhà tôi ở Simyra vẫn ở nguyên chỗ cũ, mặc dù kẻ trộm đã phá cửa sổ và vào lấy đi tất cả những đồ đạc đáng giá mà tôi đã

không gửi vào kho của thương điểm khi ra đi. Vì tôi đi vắng quá lâu nên hàng xóm đã bắt đầu dùng khoảng trống trước nhà tôi để làm chỗ đổ rác và phóng uế, vì vậy mùi hôi thối bốc lên thật kinh khủng và lũ chuột chạy dọc nền nhà khi tôi bước vào phòng, quơ mạng nhện nơi ô cửa. Hàng xóm không vui khi thấy tôi, quay lưng đóng sầm cửa trước mặt tôi và nói với nhau: “Anh ta là người Ai Cập và tất cả sự xấu xa đến từ Ai Cập”. Vậy nên lúc đầu tôi ở nhà trọ để cho Kaptah dọn xong nhà rồi mới chuyển về và tôi đến các thương điểm mà tôi đã đầu tư tài sản của mình. Sau ba năm phiêu bạt, tôi nghèo khó trở về Simyra, không những mất hết tài sản tôi có được khi chữa bệnh mà còn mất cả số vàng Horemheb đã đưa cho tôi, phần lớn số đó buộc phải đưa cho các giáo sĩ Babylon để cứu Minea.

Những chủ thuyền giàu có ở các thương điểm vô cùng ngạc nhiên khi thấy tôi và họ bối rối, lo lắng cào cào râu, vì nghĩ rằng đã có được tài sản của tôi khi tôi vắng quá lâu. Tuy nhiên, họ vẫn rất trung thực xem xét việc của tôi và dù tôi đã mất cổ phần của mình vào một số thuyền gặp nạn trên biển, song những thuyền khác đã thu được rất nhiều lợi nhuận nên khi tính gộp lại, hóa ra khi trở về tôi còn giàu hơn so với lúc tôi rời đi và tôi không cần lo lắng đến sinh kế của mình ở Simyra.

Các bạn chủ thuyền của tôi đã mời tôi đến văn phòng của họ, đãi tôi rượu, bánh mật ong và lúng túng phân trần với tôi: “Sinuhe, thầy thuốc của chúng tôi, anh là bạn tốt của chúng tôi nhưng anh là người Ai Cập, và cho dù chúng tôi vui lòng buôn bán với Ai Cập, chúng tôi không hề thoải mái thấy dân Ai Cập cư ngụ nơi góc phố của chúng tôi, vì người dân than phiền rằng họ khổ sở vô cùng với những khoản sưu thuế phải nộp cho Pharaon. Chúng tôi không biết những việc như vậy bắt đầu từ đâu, nhưng quả thật người Ai Cập đã bị ném đá trên đường phố, đền thờ của họ bị ném lợn chết vào và mọi người không muốn xuất hiện trên đường phố với người Ai Cập. Sinuhe ạ, anh là bạn chúng tôi và chúng tôi rất kính trọng anh vì tài chữa bệnh của anh mà

chúng tôi vẫn nhớ. Vì thế chúng tôi kể với anh tất cả những điều này để anh biết mà đề phòng và hành xử cho thích hợp”.

Những điều họ nói khiến tôi hết sức kinh ngạc, vì trước khi tôi đi, người Simyra đưa nhau kết bạn với người Ai Cập và mời họ đến nhà, và nếu ở Thebes người ta bắt chước tập quán Syria thì ở Simyra người ta cũng học theo phong tục Ai Cập. Tuy nhiên, Kaptah công nhận lời họ nói, ông trở về nhà trọ đầy uất ức:

- Chắc chắn quý dữ đã chui vào người bọn Simyra qua lỗ đít, vì chúng cư xử như những con chó điên, vờ như không biết nói tiếng Ai Cập lưu loát và đuổi tôi khỏi tiệm bia mà tôi rẽ vào khi họong tôi khô khốc sau tất cả những việc ông bắt tôi làm, ông chủ ạ. Họ đã đuổi tôi ra khi phát hiện tôi là người Ai Cập rồi gào lên những từ xấu xa sau lưng tôi và bọn trẻ con ném cứt lửa vào tôi. Do vậy tôi đã khôn ngoan hơn khi đến tiệm bia khác, vì quả thật cỗ họong tôi khô như bịch rơm và tôi thèm thứ bia mạnh Syria ghê gớm. Tôi không nói gì ở đây, mặc dù điều đó rất khó đối với tôi, như ông quá biết, lưỡi tôi giống như con vật hiếu động, không bao giờ chịu nằm yên một chỗ. Dù vậy, tôi đã khôn ngoan hơn, không nói lời nào mà chỉ lẳng lặng cắm ống hút của mình vào vò bia cùng với những người khác và lắng nghe họ nói. Họ nói rằng vào ngày xưa xưa, Simyra vốn là một thành phố tự do không phải nộp sưu cho bất kỳ ai, nên họ không muốn con mình sinh ra làm nô lệ cho Pharaon nữa. Các thành phố khác của Syria cũng được tự do, do đó phải đập vỡ sọ và đuổi tất cả người Ai Cập ra khỏi các thành phố của Syria, đó là nhiệm vụ của tất cả những ai yêu tự do và thấy chán sống cuộc đời nô lệ của Pharaon. Họ nói những điều ngu ngốc như vậy, mặc dù ai cũng biết rằng Ai Cập chỉ bảo vệ Syria vì lợi ích của chính Syria chứ đâu được lợi lộc gì nhiều; người Ai Cập chỉ quên mình bảo vệ người Syria khỏi đánh nhau, vì nếu để họ tự cai quản, các thành phố Syria sẽ như lũ mèo hoang trong bao tải, sẽ tranh cãi, gây chiến và cấu xé nhau khiến việc chăn nuôi, trồng trọt cũng như buôn bán bị thiệt hại nghiêm trọng. Điều này người Ai Cập ai cũng biết, vì mỗi đứa trẻ đều được dạy như vậy ở trường, mặc

dù tôi không được đến trường mà chỉ ngồi ở cổng trường chờ thằng con trai hư hỏng của một trong những ông chủ cũ của tôi, đứa luôn đá vào chân tôi và đâm cây bút viết vào những chỗ hiểm của tôi. Tôi không muốn kể với ông chuyện này mà chỉ nhắc lại những gì tôi nghe được ở quán bia, vì những người Syria ở đó ngạo mạn về sức mạnh của mình, họ nói về liên minh giữa các thành phố của Syria, khiến người Ai Cập là tôi phát ngán với điều họ nói nên đã bỏ đi khi chủ quán không để ý, bỏ bia lại không trả tiền và bẻ gãy ống hút bia của mình.

Tôi không cần đi lại nhiều trong thành phố mới thấy những gì Kaptah nói là thật. Thực ra tôi không bị đánh đuổi vì tôi đã học cách mặc quần áo Syria, nhưng những người quen biết tôi trước đây quay mặt đi khi nhìn thấy tôi và người Ai Cập đi lại trong thành phố đều có người đi theo bảo vệ, dù thế họ vẫn bị chế nhạo, bị ném trái cây thối và cá chết vào người. Song tôi không coi những điều này là quá nguy hiểm, vì người Simyra có lẽ bực tức với các loại thuế mới và tình trạng hỗn loạn như vậy thường qua đi rất nhanh, vì Syria cũng được hưởng lợi từ Ai Cập như Ai Cập nhận được từ Syria và tôi không tin rằng các thành phố ven biển sẽ tồn tại được lâu nếu không có ngũ cốc của Ai Cập.

Vì vậy tôi đã cho sửa sang lại nhà mình và tiếp nhận người bệnh, chữa cho họ như trước và bệnh nhân đã tìm đến tôi như xưa sau khi biết tin tôi trở về, bởi bệnh tật và đau đớn không gặng hỏi tọc tính mà chỉ cần tài năng của thầy thuốc. Tuy nhiên, bệnh nhân thường tranh cãi với tôi:

- Ông là người Ai Cập, ông nói xem, Ai Cập thu thuế và hưởng lợi từ chúng tôi, như đĩa béo mồm hút máu từ sự nghèo khó của chúng tôi, vậy là đúng ư? Cả quân đồn trú Ai Cập đóng trong thành phố cũng là một sự ô nhục đối với chúng tôi, vì chúng tôi có thể tự mình duy trì trật tự trong thành phố và chống lại được kẻ thù của mình, nếu người ta cho chúng tôi cơ hội để làm điều đó. Chúng tôi không được xây dựng lại các bức tường và sửa chữa các tháp của mình, điều đó thật không đúng một khi

chúng tôi muốn và đồng ý trả tiền cho việc này. Vua quan của chúng tôi cũng có thể trị vì chúng tôi tốt và đúng, không cần người Ai Cập can thiệp vào việc đăng quang của quốc vương chúng tôi hay việc thực thi pháp luật của chúng tôi. Thế có thần Baal, không có người Ai Cập, chúng tôi sẽ thành công và thịnh vượng, nhưng người Ai Cập như bầy châu chấu trên cổ chúng tôi và Pharaon của các ông cố tình bắt chúng tôi nhận thần mới khiến chúng tôi mất đi sự ưu ái dành cho các thần của mình.

Tôi không muốn tranh luận với họ, nhưng vẫn nói:

- Các ông xây tường và tháp chống lại ai, nếu không phải Ai Cập? Quả là vào thời cụt cổ tổ tiên của các ông, có lẽ thành phố tự do trong các tường thành của mình, nhưng các ông đã đổ máu và trở nên khánh kiệt trong vô số cuộc chiến với các nước lân bang mà cho đến bây giờ các ông vẫn còn căm thù, còn các quốc vương của các ông thì chuyên quyền, khiến người giàu cũng như kẻ nghèo khó mà được an toàn với họ. Bây giờ khiên đao, giáo mác của Ai Cập bảo vệ các ông trước kẻ thù và luật pháp Ai Cập bảo đảm công lý cho cả người giàu lẫn người nghèo.

Nhưng họ đã nổi nóng, mắt bắt đầu long lên hằn tia máu, cánh mũi phập phồng và họ nói:

- Tất cả luật pháp của Ai Cập đều là cút, và thần linh Ai Cập là những thú kinh tởm với chúng tôi. Nếu các quốc vương của chúng tôi hành xử độc đoán và sai trái, điều mà chúng tôi không tin vì đó chỉ là lời dối trá của Ai Cập để chúng tôi quên đi tự do, họ vẫn là quốc vương của chính chúng tôi và tim chúng tôi mách bảo rằng sự bất chính trong một xứ sở tự do còn tốt hơn công lý ở một vương quốc nô lệ.

Tôi vặc lại họ:

- Tôi không thấy ở các ông những dấu hiệu của kẻ nô lệ mà trái lại các ông phát phì và luôn miệng khoe khoang đã giàu lên từ sự ngu dốt của Ai Cập. Nhưng nếu các ông tự do, có lẽ các ông sẽ

cướp thuyền bè của nhau, chặt phá vườn tược, cây trái của nhau và tính mạng các ông không còn an toàn khi đi vào sâu trong đất liền.

Nhưng họ không nghe tôi mà quăng quà của mình ra trước mặt tôi và vừa bỏ đi vừa nói:

- Trong tim mình, ông là người Ai Cập, mặc dù ông mặc quần áo Syria. Mỗi người Ai Cập là một kẻ áp bức và bất lương, người Ai Cập tốt bụng luôn luôn là người Ai Cập đã chết.

Nghe những điều ấy, tôi không còn ưa Simyra nữa mà bắt đầu thu gom của cải còn lại của mình và chuẩn bị rời khỏi đây để trở về Ai Cập, vì tôi đã hứa sẽ gặp Horemheb và kể cho anh ấy những gì mình đã thấy ở các miền đất tôi đến. Tuy nhiên, khi nghĩ mình sẽ lại được uống nước sông Nile, một cảm giác lạ lùng chế ngự trong tim, nên tôi không vội đi ngay.

Một buổi tối, khi tôi trở về từ đền thờ Ishtar, nơi tôi thỉnh thoảng đến như kẻ đang khát cần nước uống mà không quan tâm nước từ giếng nào, mấy người đàn ông từ phía tường thành đi lại phía tôi và nói với nhau: “Không phải gã kia là người Ai Cập à? Chẳng lẽ chúng ta để cho một kẻ đã cắt bao quy đầu ăn nằm với các trinh nữ của chúng ta và làm mất uy tín đền thờ của chúng ta?”.

- Tốt hơn nên gọi trinh nữ của các anh bằng một cái tên khác, - tôi nói. - Họ không nhìn người đàn ông qua bề ngoài hay tộc tính mà cân đong niềm vui của mình bằng số vàng người đó có trong ví, và tôi không chê trách họ về điều đó, vì bản thân tôi đã vui vẻ cùng họ và tôi sẽ tiếp tục bất cứ khi nào tôi muốn.

Nghe thế, chúng kéo áo choàng lên che mặt rồi lao đến, quật tôi xuống đất và đập đầu tôi vào tường cho đến khi tôi nghĩ mình sắp chết đến nơi. Nhưng khi chúng bắt đầu trấn lột và kéo quần áo của tôi ra để ném xác tôi xuống cảng, một trong số chúng nhìn rõ mặt tôi và hỏi:

- Đây không phải là Sinuhe, danh y Ai Cập và là bạn của vua Aziru ư?

Tôi nhận mình là Sinuhe và nói tôi sẽ giết chúng và ném xác chúng cho chó, vì đầu tôi đau nhức vô cùng và tôi rất tức giận nên không nghĩ gì đến sợ hãi. Khi ấy chúng buông tôi ra, trả lại quần áo cho tôi và vừa bỏ chạy vừa kéo áo choàng lên che mặt. Tôi hoàn toàn không hiểu tại sao chúng làm như thế, vì chúng không có lý do gì để sợ những lời đe dọa của tôi khi tôi thật sự bất lực trong tay chúng.

2

Vài ngày sau, một tín sứ cưỡi ngựa đến trước nhà tôi, một hình ảnh hiếm gặp, vì người Ai Cập không bao giờ ngồi lên lưng ngựa và người Syria cũng rất ít khi, chỉ lũ cướp vô học ở vùng hoang mạc mới cưỡi ngựa. Ngựa là loài vật cao lớn và hung dữ, nó đá và húc, hất bất kỳ ai cố trèo lên lưng và cưỡi nó, khác hẳn lừa vốn quen chịu tất cả. Những con ngựa được thắng vào trước cỗ xe cũng trở nên đáng sợ và chỉ những chiến binh đã qua huấn luyện mới biết điều khiển chúng bằng cách đút ngón tay vào lỗ mũi chúng. Dù thế nào, người đàn ông này cũng đang cưỡi trên lưng ngựa đến trước nhà tôi, thân con ngựa ướt đầm, miệng rỉ máu và nó thở phì phì rất đáng sợ. Qua quần áo của người đàn ông, tôi nhận ra anh ta đến từ núi cừu và nhìn nét mặt, tôi đoán anh ta đang rất hoảng sợ.

Viên tín sứ nhào đến chỗ tôi vội đến mức không kịp cúi đầu trước tôi mà đặt tay lên trán để chào và hoảng hốt kêu lên:

- Hãy sai lấy kiệu của ông đi, danh y Sinuhe, đi theo tôi nhanh lên vì tôi từ xứ Amori đến và vua Aziru sai tôi đến đón ông. Con trai ngài bị bệnh mà không ai biết bệnh gì, nhà vua gặm gào như sư tử nơi rừng hoang và nói sẽ cắt chân tay ai đến gần ngài. Vì

thế, hãy lấy tráp thuốc của ông và đi theo tôi nhanh lên, nếu không tôi sẽ cắt cổ ông và lấy chân đá đầu ông trên đường phố.

- Quốc vương của anh khó dùng được đầu của tôi, vì không có đôi tay thì đầu tôi không thể chữa cho ai được, - tôi nói với anh ta. - Nhưng tôi bỏ qua cho sự hồ đồ của anh và đi theo anh. Không phải vì tôi sợ những lời đe dọa của anh, mà vì vua Aziru là bạn tôi và tôi muốn giúp ngài.

Tôi bảo Kaptah gọi kiệu và vui vẻ theo viên tín sứ, vì tôi đang cô đơn đến nỗi chỉ mong được gặp Aziru, người mà tôi đã từng lấy vàng bọc răng cho. Nhưng tôi chẳng vui được lâu, vì khi đến đầu hẻm núi, tôi bị nhấc sang một chiến xa cùng với tráp đồ nghề, những con ngựa hoang đã hồng hộc kéo xe đi dọc theo triền núi đá và vượt qua đèo dốc khiến tôi nghĩ các bộ phận trên cơ thể mình bị nghiền nát như và tôi thét lên vì sợ hãi, còn người hộ tống tôi bị bỏ lại đằng sau trên lưng con ngựa mệt mỏi của anh ta và tôi mong anh ta sẽ ngã gãy cổ.

Đến sau dãy núi, người ta quăng tôi cùng với tráp đồ nghề từ cỗ chiến xa này sang cỗ xe khác và được những con ngựa sung sức kéo, khiến tôi không còn biết mình đứng bằng chân hay bằng đầu và tôi không thể làm gì khác hơn là hét lên với những người đánh xe: "Lũ chết tiệt, lũ thối tha, lũ bẩn thỉu!" và nắm chặt tay dấm vào lưng họ khi đến đoạn đường bằng phẳng hơn và tôi dám bỏ tay nắm khỏi hai bên thành xe. Nhưng họ không thèm để ý mà chỉ kéo dây cương và quất mạnh roi khiến chiếc xe ngựa chồm chồm qua những tảng đá và lúc ấy tôi nghĩ bánh xe sẽ bị rơi ra.

Theo cách đó, hành trình đến xứ Amori không mất nhiều thời gian, và chúng tôi đã đến một thành phố với những bức tường cao mới xây bao quanh trước khi mặt trời lặn. Quân lính vác khiên đao đi lại trên tường thành nhưng cổng thành đã được mở sẵn cho chúng tôi và chiến xa phóng qua thành phố giữa tiếng lửa kêu, tiếng la hét của đám đàn bà và trẻ em, những giờ

trái cây bị bắn lên không trung và vô số nôi, vò bị nghiền nát dưới bánh xe, vì người đánh xe không thèm để ý xe đè lên ai và những gì. Khi được nhấc ra khỏi xe ngựa, tôi không thể bước được nữa mà chỉ lảo đảo trên đôi chân như kẻ say, buộc các tay xà ích phải xóc nách và đưa tôi vào nhà Aziru, còn lũ nô lệ bê tráp thuốc đi theo phía sau tôi. Nhưng chúng tôi mới chỉ vừa đến phòng chờ treo đầy khiên, áo giáp che chắn ngực, giáo cầm lông và đuôi sư tử, Aziru đã xông ra đâm sầm vào tôi, miệng gầm vang như con voi bị thương. Anh ta đã xé quần áo mình, làm tóc dính đầy tro và còn lấy móng tay cào mặt khiến da mặt bị xước và rỉ máu.

- Các người đã nán lại ở đâu, quân chết tiệt, đồ ăn hại, lũ ốc sên, - anh ta gầm lên và giật giật bộ râu xoắn tít, khiến những dải ruy băng vàng buộc râu lóe lên như chớp. Anh ta đấm những tay xà ích đang dìu tôi vào và gầm gừ như thú dữ:

- Các người chần chừ ở đâu, lũ đầy tớ chết tiệt, khi con trai ta sắp chết?

Các tay xà ích vội thanh minh:

- Bẩm quốc vương, bề tôi đã bắt bầy ngựa phóng nhanh đến dứt hơi và lao qua những ngọn núi nhanh hơn chim bay. Công lao lớn nhất ở đây thuộc về danh y mà bề tôi đã đón được vì ông ta sùng sục muốn nhanh đến để chữa cho con trai quốc vương, ông ta gào thét khích lệ khi bề tôi mệt mỏi và đâm vào lưng bề tôi khi xe bị chậm lại, điều mà bề tôi không bao giờ tin người Ai Cập sẽ làm và bề tôi nghĩ chưa bao giờ có ai vượt qua quãng đường từ Simyra đến Amori trong một thời gian ngắn như vậy.

Khi ấy Aziru ôm chặt lấy tôi, vừa khóc vừa nói:

- Hãy chữa lành cho con trai tôi nhé, Sinuhe, chữa lành cho nó, tất cả những gì của tôi cũng sẽ là của anh.

Nhưng tôi nói với anh ta:

- Trước tiên hãy đưa tôi đến chỗ con trai anh, lúc đó tôi mới biết có thể chữa được không.

Anh ta vội vàng dẫn tôi đến một phòng lớn, nơi chậu than đang bốc lên hừng hực dù đang là mùa hè, khiến trong phòng nóng bức và ngột ngạt đến tức thở. Ở giữa sàn có một cái nôi và trong nôi, đứa bé chừng chưa đầy tuổi trong bộ đồ len đang gào khóc và la hét. Nó gào khóc đến tím tái mặt mũi và mồ hôi đọng từng giọt trên má; mái tóc nó đen và dày giống cha dù vẫn còn rất nhỏ. Tôi nhìn thẳng bé và thấy nó không có bệnh gì nguy hiểm cho lắm vì nếu sắp chết, nó không thể gào lên điên cuồng như vậy. Tôi cũng nhìn xung quanh và thấy trên sàn, bên cạnh cái nôi là Keftiu, thiếu phụ mà tôi đã tặng cho Aziru làm vợ, cô ta béo và trắng hơn trước nhiều, da thịt bóng mượt rung rinh khi cô ta buồn bã đập trán mình lên sàn nhà và gào rên, khóc lóc. Từ góc phòng vang lên tiếng hét và khóc của một đám nô lệ và vú nuôi với những vết bầm tím trên mặt vì bị Aziru đánh khi họ không thể giúp con trai anh ta.

- Đừng lo, Aziru, - tôi nói. - Con trai anh sẽ không chết, nhưng tôi muốn rửa ráy cho cậu bé trước khi thăm khám. Có điều hãy cất cái chậu than đáng nguyên rửa kia đi, nếu không chúng ta sẽ ngột thở ở đây.

Lúc đó, Keftiu đột nhiên ngẩng đầu lên khỏi sàn và sợ hãi nói:

- Thằng bé có thể bị cảm lạnh.

Nhưng sau đó cô ta nhìn tôi một lúc lâu rồi mỉm cười, ngồi dậy sửa tóc và váy áo, rồi lại mỉm cười và hỏi:

- Sinuhe, có phải anh không?

Nhưng Aziru vịn vẹo đôi tay và bảo:

- Thằng bé không ăn mà nôn ngay ra những gì ăn vào, người nó nóng và nó gần như không ăn gì trong ba ngày mà chỉ khóc,

khiến tim tôi quặn thắt khi nghe tiếng hét gào của nó.

Tôi bảo anh ta đuổi vú nuôi và nô lệ ra khỏi phòng, anh ta ngoan ngoãn làm theo, quên hẳn mình là vua. Rửa ráy cho thằng bé xong, tôi cởi quần áo len của nó ra rồi cho mở cửa sổ để căn phòng được thông thoáng, luồng khí đêm mát lành từ bên ngoài ùa vào. Thằng bé im bất, chân tay bụ bẫm bắt đầu vung đập và không còn gào hét nữa. Khám người và bụng của nó, tôi thấy ngờ ngợ nên đút ngón tay vào miệng nó, và tôi đã đoán đúng: chiếc răng đầu tiên đã nhú ra như một hạt ngọc trắng trong hàm thằng bé.

Lúc ấy tôi cúi kính gất lên:

- Aziru, Aziru! Vì thế này mà anh đã cho những con ngựa hoang đến đón danh y lành nghề nhất của Syria ư, vì dù không muốn tự khen, tôi có thể nói rằng tôi đã học được rất nhiều từ chuyến đi của mình tới các miền đất khác nhau. Con anh không đau ốm gì cả, nó chỉ thiếu kiên nhẫn và cáu bẳn hệt như cha mình, và có lẽ nó bị sốt nhẹ, nhưng đã hết rồi. Nó đã nôn tức là nó rất khôn ngoan khi làm việc đó để giữ mạng sống của mình, vì các người đã nhét cho nó quá nhiều sữa béo. Đã đến lúc Keftiu nên cai sữa cho nó và cho thằng bé làm quen với thức ăn thích hợp, nếu không nó sẽ cắn đứt núm vú mẹ mình, điều mà tôi nghĩ sẽ làm anh buồn khổ, vì có lẽ anh vẫn muốn vui thú với vợ. Anh cần biết rằng con trai anh khóc vì thiếu kiên nhẫn khi chiếc răng đầu tiên nhú lên và nếu không tin tôi, anh hãy tự xem đi.

Tôi vạch miệng thằng bé và chỉ cho Aziru xem chiếc răng, anh ta òa lên mừng rỡ, vỗ tay và nhảy xung quanh, chân giậm xuống sàn nhà thành thịch. Tôi cũng cho Keftiu xem chiếc răng và Keftiu nói cô ta chưa bao giờ nhìn thấy một chiếc răng đẹp như vậy trong miệng một đứa trẻ. Nhưng khi cô ta gắng quần cậu bé vào bộ đồ len một lần nữa, tôi đã ngăn lại và bảo chỉ cần quần vải mát xung quanh để đứa bé không bị cảm lạnh vào buổi tối.

Aziru giậm chân thành thịch, vừa múa vừa hát, giọng ồm ồm, không hề ngưng ngừng vì đã bắt tôi vượt cả quãng đường dài vô ích, mà còn muốn cho các quý tộc và cận thần thấy rằng con trai mình; anh ta cho gọi cả lính gác từ trên tường thành xuống xem chiếc răng, họ chen nhau xúm quanh tôi, vừa làm giáo khiên chạm nhau loảng xoảng vừa kinh ngạc ngắm đứa trẻ và cố đưa những ngón tay cái bắn thủ vào miệng nó để thấy chiếc răng cho đến khi tôi đuổi tất cả ra khỏi phòng và nhắc nhở Aziru hãy coi trọng phẩm giá và làm chủ bản thân mình.

Aziru bối rối nói:

- Có lẽ đúng là tôi đã mất bình tĩnh và quá lo lắng sau nhiều đêm thức bên tôi con trai, tim quặn đau vì tiếng khóc của con, nhưng anh phải hiểu thằng bé là con trai tôi, là đứa con đầu của tôi, thái tử của tôi, con mắt của tôi, viên ngọc của tôi, sư tử nhỏ của tôi, và một ngày nào đó, con tôi sẽ đội vương miện của Amori và cai trị nhiều dân tộc, vì quả thật tôi muốn xây dựng Amori thành một vương quốc vĩ đại, để con tôi có cái được thừa hưởng và sẽ ca ngợi danh tiếng của cha mình. Sinuhe, Sinuhe, anh không biết tôi biết ơn anh như thế nào khi anh dờn được tảng đá ra khỏi trái tim tôi, vì chắc anh phải công nhận rằng chưa bao giờ nhìn thấy thằng bé nào khôi ngô như thế, mặc dù anh đã chu du qua nhiều miền đất. Giả dụ anh hãy nhìn vào mái tóc của nó, cái bờm sư tử đen trên đầu nó, và nói cho tôi biết anh đã nhìn thấy mái tóc nào như vậy trên đầu một đứa trẻ ở độ tuổi đó chưa! Bản thân anh cũng thấy rằng của thằng bé giống như viên ngọc, hoàn hảo và long lanh, chân tay và bụng của thằng bé giống như một cái thùng nhỏ.

Tôi thấy ngán ngẩm với những lời huyền thiên của anh ta đến mức tôi bảo anh ta hãy cùng con trai cút xuống địa ngục, và nói chân tay tôi rời rã, mỗi nhừ vì chuyển đi khủng khiếp, đến nỗi tôi không biết mình đang đứng bằng đầu hay bằng đôi chân đây. Nhưng anh ta vòng tay qua vai tôi, xoa dịu tôi rồi mời tôi nhiều món ăn từ khay bạc, như thịt cừu chiên, yến mạch nấu trong

mỡ, và rượu từ cốc vàng, cho đến khi tôi lại sức và tha thứ cho anh ta.

Thế là tôi đã nán lại nhiều ngày với tư cách là khách của vua và anh ta đã cho tôi rất nhiều quà, cả vàng và bạc, vì anh ta đã giàu lên rất nhiều kể từ lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Nhưng bằng cách nào mà tiểu quốc nghèo khổ của anh ta giàu lên như thế, anh ta không muốn nói mà chỉ mỉm cười sau bộ râu quăn tít của mình và khẳng định người vợ mà tôi tặng anh ta đã mang lại cho anh ta may mắn. Keftiu cũng đối xử thân mật với tôi và rất kính trọng tôi, hẳn vì còn nhớ cây gậy mà rất nhiều lần tôi dùng để thử thách độ bền của làn da cô ta, và đi theo tôi với điệu bộ đung đưa, ngúng nguẩy của mình, nhìn tôi âu yếm và mỉm cười với tôi. Hình dáng đầy đà và nước da trắng trẻo của cô ta cũng làm lóa mắt tất cả tướng lĩnh của Aziru, vì người Syria thích phụ nữ mập mạp chứ không như người Ai Cập, cũng như họ có những tập quán khác với người Ai Cập. Vì thế, các nhà thơ Amori đã làm thơ ngợi ca cô ta và ngân nga chúng với những điệp khúc kéo dài và những lời tương tự được lặp lại; lính gác tường thành cũng hát những bài ca ngợi cô ta, vì vậy Aziru rất hãnh diện về cô và yêu cô một cách cuồng nhiệt, nên rất ít khi anh ta đến thăm những thế thiếp khác của mình và chỉ làm điều này cho phải phép, vì anh ta lấy con gái của các tù trưởng Amori làm vợ nhằm ràng buộc tất cả các tù trưởng với vương quyền của mình.

Vì tôi đã đi nhiều và thấy nhiều miền đất nên anh ta thấy cần phải khoe khoang về vương quyền của mình và kể với tôi nhiều điều mà sau này có thể anh ta sẽ thấy ân hận. Tôi được nghe kể lại chính anh ta đã sai những kẻ che mặt đánh tôi ở Simyra, định ném tôi xuống nước ở cảng vì tôi là người Ai Cập và chính chúng đã báo với anh ta là tôi đã trở lại Simyra. Anh ta rất lấy làm tiếc về những gì đã xảy ra, nhưng vẫn nói:

- Còn phải đập vỡ sọ nhiều dân Ai Cập hơn và nhiều binh sĩ Ai Cập sẽ bị ném xuống cảng trước khi Simyra, Byblos, Sidon và

Gaza cuối cùng cũng nhận ra không phải Ai Cập là bất khả xâm phạm và máu người Ai Cập có chảy và linh hồn họ rời khỏi thể xác khi da họ bị dao đâm thủng. Vì thương lái Syria thận trọng đến khó chịu, các quốc vương của họ hèn nhát và người dân chậm chạp như bò, nên những người khôn ngoan hơn phải đi tiên phong và cho họ thấy bằng ví dụ, những gì thuộc về lợi ích của họ.

Tôi hỏi anh ta:

- Vì sao cần phải làm như thế và tại sao anh lại ghét người Ai Cập đến vậy, Aziru?

Aziru vừa vuốt bộ râu xoắn vừa nhìn tôi cười tinh quái và nói:

- Ai bảo tôi ghét người Ai Cập, Sinuhe? Tôi đâu có ghét anh, mặc dù anh là người Ai Cập. Tôi cũng là một đứa trẻ lớn lên trong nhà vàng của pharaon, như cha tôi trước đây và giống như tất cả các quân vương của Syria, nhờ thế tôi biết phong tục Ai Cập, tôi có thể đọc và viết, mặc dù các thầy giáo đã giật mái tóc xoắn của tôi và thường xuyên dùng thước đập vào ngón tay tôi nhiều hơn những đứa trẻ khác vì tôi là người Syria. Nhưng nếu chỉ vì thế, tôi sẽ không ghét người Ai Cập, vì khi trí tuệ và hiểu biết của tôi tăng dần, tôi học được ở Ai Cập rất nhiều điều khôn ngoan mà tôi có thể dùng để chống lại Ai Cập. Tôi đã học được rằng nếu là người văn minh thì tất cả các dân tộc rốt cuộc đều giống nhau và không có sự khác biệt giữa các dân tộc, vì mọi đứa trẻ trên thế gian sinh ra đều trần truồng dù đó là người Syria hay người Ai Cập. Không phải dân tộc này dũng cảm hay hèn nhát hơn, ác độc hay đáng thương hơn, công bằng hay bất công hơn dân tộc khác, mà trong tất cả các dân tộc đều có người anh hùng và kẻ hèn nhát, người đúng và kẻ sai, cả ở Syria và Ai Cập cũng thế. Do đó, bản thân các đấng minh quân và bậc vương quyền không hận ai và không có sự khác biệt giữa các dân tộc, nhưng sự thù hận là một sức mạnh ghê gớm trong tay kẻ trị vì, mạnh hơn cả vũ khí, vì không có lòng thù hận thì cánh tay không có đủ sức

mạnh để nâng vũ khí. Tôi sinh ra làm người cầm quyền và ra lệnh, vì dòng máu của các quốc vương Amori chảy trong huyết quản tôi, và vào thời Hykos xa xưa, dân tộc tôi đã thống trị tất cả các dân tộc từ biển này sang biển khác. Vậy nên tôi sẽ làm hết sức mình để gieo rắc hận thù giữa Syria và Ai Cập, để thổi viên than đang nguội dần bùng lên và một khi phát lửa, nó sẽ bùng lên và thiêu rụi quyền lực của Ai Cập khỏi Syria. Vì thế tất cả các thành phố và bộ tộc trên khắp Syria phải học để biết người Ai Cập đáng khinh, hèn nhát, độc ác, tinh quái, tham lam và vô ơn hơn người Syria. Họ phải học để biết nỗi nước bọt khi nghe nhắc đến người Ai Cập và phải thấy người Ai Cập là những kẻ áp bức, những kẻ hút máu, những kẻ tra tấn đánh đập và hiếp dâm trẻ em, cho đến khi lòng thù hận của họ đủ lớn để dời cả núi.

- Nhưng điều đó không đúng, như anh đã nói, - tôi lưu ý anh ta.

Anh ta xòe hai lòng bàn tay ra và vừa cười vừa hỏi:

- Sự thật là gì, Sinuhe? Sau khi đã hấp thụ vào huyết quản của mình đủ sự thật mà tôi truyền tải, họ sẽ thể với tên của tất cả thần linh rằng điều đó là đúng, họ sẽ không tin nếu ai bảo đó là lời dối trá mà sẽ coi người đó là kẻ phỉ báng và đáng bị đánh chết. Họ phải tin rằng họ mạnh mẽ hơn, dũng cảm hơn và chính trực hơn bất kỳ dân tộc nào khác trên thế giới, tin rằng họ yêu tự do hơn cái chết, sự đói khát và áp bức nên họ sẵn sàng trả mọi giá cho tự do của mình. Tôi sẽ dạy cho họ điều này; tôi đã khiến nhiều người tin vào sự thật của mình và cứ một người tin sẽ truyền niềm tin cho người khác, cho đến khi đất âm ỉ cháy trên khắp Syria. Một sự thật nữa là Ai Cập đem đến Syria lửa và máu, nên giờ đây lửa cũng sẽ cháy và máu cũng sẽ đổ khi Ai Cập bị đuổi khỏi Syria.

- Tự do mà anh nói với họ là gì? - Tôi hỏi vì những điều anh ta nói làm tôi thấy sợ cho Ai Cập và tất cả những khu kiều dân, vì họ là đồng bào tôi.

Anh ta lại xòe hai lòng bàn tay và mỉm cười độ lượng:

- Tự do là một từ có nhiều nghĩa, người hiểu thế này, kẻ hiểu thế khác, nhưng điều đó không thành vấn đề cho đến khi giành được tự do. Để giành được tự do cần nhiều người, nhưng một khi đã giành được tự do thì cách giữ nó chắc chắn nhất vẫn là giữ cho riêng mình chứ đừng chia sẻ cho nhiều người. Vì thế tôi nghĩ sẽ có một ngày xứ sở Amori sẽ được gọi là cái nôi tự do của Syria. Tôi cũng có thể nói với anh một dân tộc tin tất cả những gì người ta nói với họ sẽ như một đàn bò bị gây nhón lừa ra khỏi cồng, hay một bầy cừu đi theo cừu đực mà không cần biết cừu đực dẫn đi đâu. Có lẽ tôi vừa là gây nhón vừa là cừu đực.

- Tôi ngờ anh đúng là đầu cừu gốc ghêch, - tôi nói, - vì anh nói những điều như thế, bởi đó là những lời nguy hiểm mà nếu nghe được, Pharaon có thể gửi chiến xa và giáo thủ sang bắt anh, phá đổ tường thành rồi treo ngược anh và con trai anh trên mũi thuyền chiến khi họ trở về Thebes.

Nhưng Aziru chỉ mỉm cười và nói:

- Tôi không nghĩ Pharaon là mối hiểm họa cho tôi, vì tôi đã nhận từ tay ông ấy biểu tượng sự sống và đã dựng đền thờ cho thần của ông. Vì vậy, ông ấy tin tôi hơn bất cứ ai khác ở Syria, hơn cả các sứ thần của ông ấy và các quan trấn thủ vốn chỉ phụng sự Amon. Để tôi chỉ anh xem một thứ chắc chắn sẽ làm anh vui.

Anh ta dẫn tôi đến bức tường thành và chỉ vào một cái xác đã khô, trần truồng, đầu treo ngược, ruồi nhặng bu đầy xung quanh.

- Nếu nhìn kỹ, - anh ta nói, - anh sẽ thấy người ấy đã cắt bao quy đầu và hẳn ta đúng là người Ai Cập. Hẳn từng là tay thu thuế của Pharaon, dám đến dinh nhà tôi để hỏi vì sao tôi trì hoãn nộp thuế trong vài năm. Quân lính của tôi đã lấy hắn làm trò giải trí trước khi treo ngược hắn lên tường vì sự hỗn xược của hắn. Bằng việc này, tôi đã làm người Ai Cập không muốn đến đất

Amori dù đi cả nhóm lớn, và các thương gia thích đóng thuế cho tôi hơn cho họ. Anh biết điều đó nghĩa là gì, khi tôi nói Megiddo thuộc quyền của tôi và phục tùng tôi chứ không tuân theo viên tổng trấn, kẻ ẩn nấp trong thành và không dám chường mặt ra phố.

- Máu của người tội nghiệp đó sẽ đổ xuống đầu anh, - tôi sợ hãi nói. - Anh sẽ còn bị trừng phạt thích đáng khi việc làm của anh bị lộ vì ở Ai Cập, có thể đùa giỡn với tất cả mọi người trừ quan thuế vụ của Pharaon.

- Tôi đã treo sự thật lên tường để ai cũng thấy, - Aziru đặc chỉ nói. - Vụ việc đã được điều tra biết bao lần và tôi đã rất vui về viết đầy giấy tờ lẫn bằng đất sét để giải thích sự việc. Tôi cũng nhận được nhiều bằng đất sét về vấn đề này, những bằng đất sét tôi đã cho lưu giữ và đánh số cẩn thận để giải thích sự việc vào những bằng đất sét mới, cho đến khi có thể dùng chúng để xây một bức tường bảo vệ tôi. Thế có thần Baal của xứ Amori, tôi đã làm việc này rồi tung khiến tổng trấn Megiddo phải nguyên rửa ngày mình sinh ra khi bị tôi liên tục phiền nhiễu bằng những bằng đất sét mới đòi công lý cho mình khi tôi bị viên quan thuế vụ kia sách nhiễu. Với rất nhiều nhân chứng, tôi đã chứng minh hẳn ta là kẻ giết người, là một tên trộm và là kẻ biển thủ tài sản của Pharaon. Tôi đã chứng minh hẳn gạ gẫm bao nhiêu đàn bà ở tất cả các ngôi làng và xúc phạm các vị thần của Syria, thậm chí đá lên bàn thờ thần Aton trong thành phố của tôi và những việc tôi làm trở nên chắc như núi trước Pharaon. Vậy nên Sinuhe ạ, luật pháp và công lý, những điều được viết trên các bằng đất sét, luôn chậm và phức tạp hơn, và càng phức tạp khi càng nhiều bằng đất sét xếp chồng đóng trước các quan tòa, cho đến khi cả quý sứ cũng không thể tìm ra sự thật. Về mặt này, tôi mạnh hơn người Ai Cập và không lâu nữa cũng sẽ mạnh hơn họ về nhiều mặt khác.

Đây không phải là điều duy nhất Aziru kể với tôi, mà anh ta còn nói nhiều chuyện khác, khoe khoang về vương quyền, về sự xảo

quyết của mình và khẳng định sẽ để lại cho đứa con trai bé bỏng một di sản gồm nhiều vương quốc, nhiều như ngón tay và ngón chân của anh ta. Anh ta còn dạy tôi:

- Nếu anh có một đối thủ mà anh muốn đánh bại, đừng bao giờ quên điều cốt yếu là phải đánh bại anh ta và hãy luôn giữ điều đó trước mắt mình. Vì thế, hãy nói sai về đối thủ trong tất cả các mối quan hệ, giải thích sai tất cả những việc hắn ta làm; hãy nói rằng lòng khoan dung của hắn ta là bịa đặt, tính hào hiệp của hắn ta là xảo quyệt và tình bạn của hắn ta là giả tạo. Nếu hắn ta mạnh và đề nghị anh hòa giải, hãy đồng ý hòa giải để đến gần hắn ta hơn và nếu có thể thì xúi giục những người khác chống lại hắn hay liên minh với kẻ thù của hắn, chỉ cần lưu ý là sau khi đánh bại hắn thì chính anh sẽ là người chiếm nhà hắn, chứ không phải những kẻ khác. Nếu anh muốn đánh bại nhiều người, hãy chia rẽ chúng, gieo rắc sự dối trá giữa chúng, khiến chúng gây chiến với nhau rồi anh đánh bại từng kẻ một, hoặc giữa chúng cam kết tình bạn với những kẻ khác, khiến họ tin vào điều tốt đẹp của anh cho đến khi anh lần lượt đánh bại từng kẻ một. Mẹo trị nước này, tôi đã học được từ người Ai Cập, vì bằng cách đó họ đã bắt người Syria làm nô lệ trong thời cổ đại.

Sự phẫn nộ và vẻ ác cảm của tôi khiến Aziru vô cùng thích thú, anh ta chế nhạo tôi:

- Nếu trong anh có dòng máu hoàng gia, anh sẽ hiểu tất cả những điều này, không cần ai phải kể ra mà nó ngấm vào máu thịt anh qua dòng sữa mẹ, nhưng anh không được sinh ra làm người ra lệnh như tôi mà chỉ làm kẻ chờ lệnh, vì thế anh ghét lời nói của tôi.

Như thế tôi đã ở lại bên Aziru nhiều ngày và không thể thù ghét anh ta, vì anh ta là bạn tôi, tình bạn của anh ta thật cuốn hút, hào phóng và tiếng cười của anh ta làm tôi cũng muốn cười. Lòng kiêu hãnh của người được làm cha và sự cưng chiều âu yếm của anh ta đối với con trai mình cũng buồn cười và thật trẻ

con, trái ngược với tất cả sự xảo quyệt, mảnh khỏe của anh ta trong việc khác. Mặc dù anh ta nói bằng lý trí, tôi biết tình cảm của anh ta lớn hơn lý trí và nó bùng lên dữ dội, ví như trong lời nói, tiếng cười và bước chân của anh ta, hơn tất cả giới đàn ông của xứ sở anh ta. Tôi cũng chữa răng anh ta và bọc lại vàng cho những chiếc răng đã bị bong lớp mạ trước đây để khi cười, miệng anh ta lại lấp lánh vàng như mặt trời ở giữa bộ râu đen và để quần thần ngày càng trọng vọng anh ta hơn.

Nhưng anh ta càng nói nhiều với tôi càng khiến tôi nhớ đến Horemheb, vì có điều gì đó trong tính cách đàn ông của anh ta giống như tính nam nhi của Horemheb và cả hai đều sinh ra để làm người lính, dù Aziru lớn tuổi hơn và bị đầu độc bởi các mưu lược trị nước của Syria. Nhưng tôi cũng không tin với mưu lược của mình, anh ta có thể cai trị các dân tộc lớn mà nghĩ rằng những suy nghĩ và kế hoạch đó được anh ta kế thừa từ ông cha mình và nảy sinh vào lúc Syria giống như một ổ rắn đang phun phì phì với vô số tiểu quốc tranh giành quyền lực và tiêu diệt lẫn nhau cho đến khi Ai Cập bình định Syria và những đứa con trai của các tiểu vương ấy được nuôi dưỡng và dạy dỗ trong hoàng cung của Pharaon. Tôi cũng cố gắng giải thích là anh ta không có cái nhìn đúng đắn về sự vĩ đại và thịnh vượng của Ai Cập, cảnh báo anh ta đừng tự thổi phồng quá mức, vì cái bao da phồng căng khi được thổi đầy không khí nhưng sẽ bẹp dí và sự to lớn của nó sẽ biến mất ngay khi bị chọc thủng. Nhưng Aziru chỉ cười khoe với tôi hàm răng vàng và sai bê ra trước mặt tôi nhiều thịt cừ rán trong những chiếc khay bạc nặng để hóm hỉnh khoe khoang về sự giàu có của mình.

Phòng làm việc của anh ta quả thật đầy ắp bằng đất sét như anh ta kể và các sứ thần từ tất cả các thành phố của Syria đã đến trình thư cho anh ta. Anh ta cũng nhận được thư đất sét từ vua Hittite và từ Babylon, và anh ta không ngớt khoe khoang, mặc dù không cho tôi xem những gì được viết trên đó. Anh ta tò mò hỏi tôi về đất nước của người Hittite và Khattushash, nhưng tôi thấy anh ta cũng biết về người Hittite nhiều như tôi. Các sứ thần

Hittite cũng diện kiến anh ta, chuyện trò với quân lính và các tướng lĩnh của anh ta, nên sau khi thấy những việc này, tôi nói với anh ta:

- Đúng là sư tử và chó hung sa mạc có thể liên minh để cùng săn mồi, nhưng anh đã bao giờ thấy chó hung sa mạc được những miếng ngon nhất chưa?

Anh ta chỉ cười khoe hàm răng vàng và nói:

- Tôi muốn biết thật nhiều và tôi muốn học như anh thôi, mặc dù vì bạn trị vì vương quốc tôi không có điều kiện chu du như anh, một người tự do như chim trên trời, không phải chịu trách nhiệm về bất cứ việc gì. Nếu các võ quan Hittite tham vấn cho các tướng lĩnh của tôi về nghệ thuật chiến tranh thì có gì xấu, vì họ có các loại vũ khí mới và kinh nghiệm trận mạc, điều mà chúng tôi thiếu. Việc này hẳn có lợi lớn cho Pharaon, bởi vì nếu chiến tranh xảy ra, Syria từ lâu đã là lá chắn của Ai Cập ở phía bắc và thường thì chiếc khiên này đầm máu, điều mà chúng tôi luôn ghi nhớ khi tính sổ với Ai Cập vào một lần nào đó.

Lời anh ta nói về chiến tranh khiến tôi lại nhớ đến Horemheb, tôi nói với anh ta:

- Tôi được thụ hưởng lòng hiếu khách của anh đã quá lâu và giờ muốn trở lại Simyra, nếu anh cho tôi được dùng một chiếc kiệu, bởi vì thà bị xẻ vớ sọ chứ tôi không bao giờ lên cỗ chiến xa đáng sợ của anh nữa. Nhưng Simyra đã trở nên đáng sợ với tôi và là một người Ai Cập, có lẽ tôi đã hút đủ máu từ Syria nghèo khó, vì vậy tôi muốn trở về Ai Cập trên một con thuyền thích hợp. Do đó, có lẽ chúng ta sẽ không gặp nhau trong một thời gian dài và có thể không bao giờ gặp lại, vì ký ức về nước sông Nile ngọt lịm trong miệng tôi, có lẽ tôi hài lòng uống nó suốt đời mình sau khi đã nhìn thấy đủ sự xấu xa của thế giới và còn nhận được những lời chỉ giáo của anh về sự xấu xa đó.

- Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến, - Aziru nói, - giống như rêu không mọc trên tảng đá đang lăn, sự khắc khoải âm ỉ trong mắt anh chắc chắn không cho anh ở lại đất nước nào lâu dài. Nhưng hãy chọn một người vợ, bất cứ ai trong đám thần dân của tôi, rồi tôi sẽ xây cho anh một ngôi nhà trong thành phố của tôi, anh sẽ không phải ân hận nếu anh ở lại đây để hành nghề của mình.

Tôi chầm chọc đáp lại anh ta:

- Vương quốc Amori là miền đất hiểm độc nhất và đáng ghét nhất trên thế giới, thần Baal của họ thật kinh tởm đối với tôi, phụ nữ của họ có mùi dê trong mũi tôi. Vì vậy tôi đặt hận thù vào giữa mình và xứ sở Amori, khoan thủng hộp sọ của những ai nói tốt về Amori và tôi cũng sẽ làm nhiều việc nữa mà tôi không thèm kể ra lúc này vì tôi không nhớ, nhưng tôi định viết vào rất nhiều bảng đất sét những đơn từ trong đó tôi xác nhận anh đã hiếp vợ tôi và ăn trộm bò của tôi, những thứ mà tôi chưa bao giờ có, cũng như làm ma thuật cùng nhiều điều khác, cho đến khi anh bị treo ngược trên tường, tôi sẽ cướp nhà của anh, lấy vàng của anh và dùng vàng mua một trăm lần một trăm vò rượu để uống và nhớ về anh.

Anh ta cười vang trong sảnh của hoàng cung và hàm răng vàng lóng lánh trong đám râu xoắn. Tôi thường nhớ đến anh ta như thế sau biết bao nhiêu ngày tồi tệ. Nhưng chúng tôi chia tay nhau như những người bạn, anh ta đã cho tôi một chiếc kiệu với rất nhiều quà và lính của anh ta đã đưa tôi trở lại Simyra để không ai có thể xúc phạm tôi vì là người Ai Cập.

Trước cổng vào Simyra, một con én lao vút qua đầu tôi nhanh như một mũi tên, tâm trí tôi trở nên bồn chồn và đường phố nóng rực dưới chân tôi. Vì thế khi về đến nhà, tôi nói với Kaptah:

- Hãy thu gom đồ đạc của chúng ta và bán căn nhà này, vì chúng ta sẽ dong thuyền trở về Ai Cập.

Kaptah nói:

- Ngày hôm nay lẽ ra rất hạnh phúc với tôi, nếu như ông không có một tài năng phi thường và không thể tin nổi là luôn hòa lẫn ngải đắng vào bát niềm vui của tôi. Quả thật tôi không còn muốn tính số năm đã trôi qua kể từ lần cuối cùng tôi uống nước sông Nile và sống lưng tôi nhồn nhột như có kiến bò khi tôi nghĩ về những nhà vui và quán bia ở Thebes, nhất là cái quán nhỏ nơi bến cảng có tên Đuôi Cá Sấu, cái tên bắt nguồn từ cam đoan của chủ quán, rằng lũ phù thủy pha rượu của quán mạnh như cú quật của đuôi cá sấu. Ông ta nói sự thật, vì chính tôi đã trải nghiệm điều đó thường xuyên, mặc dù lúc này tôi không kịp kể nhiều hơn về chuyện này. Tôi chỉ muốn nói là tôi không thể đi theo ông nếu trong cơn điên không thể hiểu nổi của mình, ông lại muốn đi thuyền về Ai Cập, trong khi với vị thế này của mình, chúng ta có thể đi trên đất liền mà không gặp nguy hiểm và không chết sặc trong nước mặn. Như ông biết, tôi đã thể sẽ không bao giờ bước chân lên thuyền nữa và tôi không muốn làm trái lời thề, bởi vì bộ hung có thể giận tôi và chúng ta sẽ mất đi vận may.

Tôi nhắc Kaptah nhớ lại những cơn đau và nổi vết vả không thể diễn tả nổi mà ông ấy đã phải chịu khi cuời trên lưng lừa, khiến ông tỏ ra lo lắng. Tôi cũng nhắc ông ấy rằng cả Syria đang sục sôi nổi căm hờn người Ai Cập và nếu đi bằng đường bộ, chúng tôi có thể gặp nguy hiểm hơn đi bằng đường biển. Kaptah bắt đầu vò đầu và nghĩ một lúc lâu, cuối cùng ông nói:

- Ông chủ ơi, ông có thể là chúng ta sẽ đi bằng thuyền trong lộng để đất liền không khuất khỏi tầm nhìn, vì cho dù nó chậm hơn thuyền chạy ngoài khơi nhưng nó sẽ dừng lại ở nhiều bến cảng, nơi có lẽ có nhiều cảnh quan và các quán bia kiểu mới. Nếu vậy, tôi sẽ theo ông xuống thuyền, nhưng với điều kiện tôi không

phải đặt chân lên mạn thuyền. Để làm điều này, tốt nhất là tôi uống đến say mềm rồi ông cho khiêng tôi lên thuyền và giữ cho tôi say suốt quãng đường đi để tôi không phải đứng trên đôi chân của mình, bởi vì đó là cách duy nhất tôi giữ đúng lời mình đã thề.

Tôi chấp nhận yêu cầu của ông ấy, ngoại trừ việc say, vì tôi rất muốn thấy các thành phố ven biển của Syria để biết liệu sự hận thù Ai Cập đã lan đến tất cả các thành phố hay chưa, để có thể kể với Horemheb. Thế là Kaptah bán nhà của chúng tôi, thu các khoản có thể thu được và tôi giàu có rồi khỏi Simyra. Tôi sai trói Kaptah vào giường với lý do ông ấy bị bệnh và khiêng lên thuyền để ông không phá vỡ lời thề của mình.

3

Kể bao nhiêu về chuyến trở về Ai Cập cũng không ích gì với tôi, bởi hành trình này như một bóng mờ hay một giấc mơ khắc khoải không yên trong tâm trí tôi. Vì cuối cùng khi tôi đã ở trên thuyền trở về miền đất đen để một lần nữa nhìn thấy Thebes, thành phố thời thơ ấu của mình, cảm giác bồn chồn trào dâng trong tâm trí tôi, khiến tôi không thể đứng hay ngồi hay nằm yên một chỗ mà cứ đi đi lại lại quanh các cuộn thảm và đóng hàng hóa trên khoang thuyền chật chội, khi mũi tôi vẫn nghe mùi của Syria, và ngày lại ngày, nỗi khát khao được nhìn thấy vùng đất thấp màu xanh lá cây với những vạt lau sậy thay vì núi đá trải dài dọc bờ biển càng cháy bỏng trong tôi. Khi thuyền đỗ lại nhiều ngày tại bến cảng ở các thành phố ven biển, tôi không còn đủ kiên nhẫn vào thăm thành phố hay thu thập thêm tin tức, tại tôi không còn phân biệt được tiếng kêu của lửa trên bờ biển, tiếng la hét của những người bán cá và tiếng những ngôn ngữ lạ với tiếng gầm gào của sóng biển.

Mùa xuân lại bùng nổ trong các thung lũng Syria; từ biển nhìn vào, những ngọn núi đỏ sậm màu rượu, tiết xuân nhuộm những

bọt nước tối tối tràn lên bờ biển thành màu xanh nhạt nhòa, các giáo sĩ của thần Baal làm ẩm ỉ, vừa lấy dao đá cào mặt làm máu chảy nhoe nhoét vừa la hét the thé trong những con hẻm chật chội và những người đàn bà mắt lóa sáng, tóc rối bù kéo những chiếc xe cút kít gỗ theo sau các giáo sĩ. Nhưng trước đây tôi đã nhiều lần thấy những cảnh này và khi hình bóng quê hương mờ mờ hiện lên trước mắt tôi, những tập quán lạ lùng cùng với sự cuồng tín thô bạo lại làm tôi ngán ngẩm. Tôi cứ tưởng trái tim mình đã chai cứng, cứ nghĩ mình đã có thể thích nghi với mọi phong tục và tín ngưỡng khi đã hiểu và không khinh thường những người có màu da khác nhau và mục đích duy nhất của tôi là thu thập kiến thức, thế nhưng ý nghĩ mình đang trên đường trở về miền đất đen đã như ngọn lửa xóa sạch sự chai cứng trong trái tim tôi. Cũng như những trang phục xa lạ, những suy nghĩ lạ lùng rơi ra khỏi tâm trí tôi và trong trái tim mình, tôi lại là người Ai Cập, tôi nhớ mùi cá rán trên những con hẻm Thebes vào lúc hoàng hôn khi những người vợ nhóm bếp lửa trước những túp lều đất sét, tôi thêm mùi rượu Ai Cập trong miệng và khát nước sông Nile với mùi bùn màu mỡ. Tôi nhớ tiếng xì xào của đám sậy trong gió xuân, nhớ những cánh sen nở xòe bên bờ sông, nhớ những cây cột sặc sỡ với những hình ảnh vĩnh cửu, nhớ những hình chữ chạm khắc của các ngôi đền và mùi nhang cổ xưa trong những hàng cột đá; trái tim tôi điên rồ đến thế.

Tôi đang trở về nhà mặc dù tôi không có nhà và là kẻ xa lạ trên mặt đất. Tôi đang trở về nhà và ký ức không còn làm tôi đau, mà thời gian và kiến thức như cát che phủ lên những ký ức đắng cay đó. Tôi không còn cảm thấy buồn bã hay nhục nhã mà chỉ có một khát khao khôn nguôi gặm nhấm trái tim tôi.

Syria giàu có, màu mỡ, đầy hận thù và mê đắm lùi lại phía sau chúng tôi. Thuyền chúng tôi khỏa nước qua các bãi biển đỏ Sinai, gió khô và nóng rẩy từ sa mạc quét qua mặt chúng tôi mặc dù đang là mùa xuân. Cho đến một sáng kia, biển chuyển sang màu vàng và sau nó là đất liền, một dải xanh lá cây mỏng mảnh, các tay chèo thả sợi dây da buộc vào đất sét xuống biển, kéo nước

lên khoang, nước không còn mặn nữa mà là nước của sông Nile vĩnh cửu và đượm vị bùn Ai Cập. Trong miệng tôi chưa bao giờ có thứ rượu nào ngon bằng ngụm nước nhuộm bùn được múc lên từ vùng biển còn xa đất liền đó. Nhưng Kaptah nói:

- Nước vẫn là nước ngay cả ở trong sông Nile. Hãy kiên nhẫn, ông chủ ạ, cho đến khi chúng ta đến được quán ra quán, nơi bia sủi tăm và trong vắt nên không cần phải dùng ống hút để tránh vỏ hạt. Chỉ đến lúc đó tôi mới tin là mình đã ở Ai Cập.

Vào giây phút ấy, lời nói vô đạo và báng bố của ông ấy đã xúc phạm tôi, nên tôi nói:

- Kẻ nô lệ vẫn là nô lệ dù khoác trên người vải lanh đắt tiền. Hãy đợi đấy Kaptah, đến khi ta có trong tay một cây gậy dẻo chỉ có thể được cắt ra từ đám sậy của sông Nile, lúc ấy chắc chắn người sẽ tin rằng mình lại được ở nhà.

Nhưng Kaptah không hề tự ái mà nước mắt ông ấy trào ra vì xúc động, cảm ông ấy run rẩy và ông cúi đầu trước tôi, hai tay thả xuống ngang đầu gối và nói:

- Đúng thế, ông chủ của tôi ạ, đôi lúc ông có biệt tài tìm ra được đúng từ vào thời điểm thích hợp đến khó tin, bởi vì tôi đã quên nhát quất của cây sậy dẻo vào mông và vào ống chân ngọt đến thế nào. Ôi, ông chủ Sinuhe của tôi, đó là một trải nghiệm mà tôi cũng muốn ông có được, vì nó kể về cuộc sống ở Ai Cập tốt hơn nước và bia, tuyệt hơn mùi khói nhang trong các đền thờ và bày vệt trong đám sậy, nơi mỗi người được đặt đúng chỗ của mình, không có gì thay đổi theo thời gian mà tất cả vẫn nguyên như cũ. Vì vậy, ông đừng ngạc nhiên nếu tôi khóc vì quá xúc động, bởi vì chỉ đến lúc này tôi mới thực sự cảm thấy mình được về nhà sau khi nhìn thấy rất nhiều điều lạ, những điều không thể hiểu và đáng khinh. Ôi, cây gậy linh thiêng, mi đặt từng người vào đúng chỗ và giải quyết mọi vấn đề, không gì sánh được với mi.

Ông ấy khóc một lúc vì xúc động, sau đó đi xúc dầu cho bộ hung, nhưng tôi để ý ông không còn dùng loại dầu đắt tiền như trước nữa, vì sắp vào bờ và ông ấy tin mình sẽ vượt qua mọi chuyện với sự láu cá của mình khi ở Ai Cập.

Chỉ đến khi thuyền cập vào bến cảng rộng lớn ở miền Hạ, tôi mới hiểu mình đã chán nhìn những bộ quần áo rộng thùng thình nhiều màu sắc, những bộ râu quăn tít và những thân hình to béo đến mức nào. Những mạn sườn mỏng gầy của phu khuân vác, xà rồng của họ, những cái cằm cạo nhẵn râu, tiếng địa phương miền Hạ, mùi mồ hôi, mùi bùn, mùi lau sậy, mùi của bến cảng, tất cả đều khác với ở Syria, tất cả đều quen thuộc, và quần áo Syria quăn quanh thân thể tôi bắt đầu giày vò tôi, khiến cơ thể tôi không còn hít thở được nữa. Vì thế sau khi thoát khỏi các viên kiểm soát của bến cảng và viết tên mình vào nhiều loại giấy tờ, tôi liền đi mua cho mình quần áo mới và da tôi lại được vải lanh mỏng mềm mại nhất vuốt ve. Nhưng Kaptah quyết định cứ xuất hiện như một người Syria, vì ông ấy sợ tên mình vẫn còn nằm trong danh sách những nô lệ bỏ trốn, mặc dù tôi đã xin được từ nhà chức trách Simyra một bảng đất sét chứng minh ông ấy là nô lệ sinh ra ở Simyra, được tôi mua hợp pháp.

Sau đó, chúng tôi chuyển đồ đạc của mình lên một thuyền sông để ngược dòng. Sau nhiều ngày hành trình, chúng tôi làm quen lại với Ai Cập, những cánh đồng đang khô hai bên bờ sông, những con bò chậm chạp kéo cày gỗ và những người nông dân bước dọc theo những luống cày, cúi đầu lom khom gieo hạt xuống bùn mềm. Những con én vừa chiu chít kêu vừa chao liệng phía trên thuyền, phía trên dòng nước chậm chậm chảy để rồi nhanh chóng biến vào đáy sông và chui xuống đám bùn trong thời gian nóng nhất của năm. Những thân cọ uốn cong nhô cao bên bờ sông Nile, những cây sung to lớn che khuất những túp lều thấp bằng đất sét của các ngôi làng; thuyền cập vào cầu tàu của các thành phố lớn, nhỏ, và không có quán ven bờ nào mà Kaptah không vội vã đến làm dịu cơn khát bằng bia Ai Cập, huyền thiên, khoác lác về chuyến đi của mình và tài

năng của tôi với những lời dối trá kỳ quặc nhất khiến những người làm việc trên bến cảng vừa nghe vừa cười vừa chọc ghẹo và cầu xin thần linh giúp đỡ. Kaptah vội đến nỗi thường chỉ có mặt trên bến trước khi dây neo được buộc xong, nhưng khi bị tôi mắg về điều này, ông nói:

- Ông chủ ạ, chỉ đến lúc này tôi mới nhận ra mình đã mang về cho bản thân cơn khát kỳ lạ và không dứt trong suốt hành trình của chúng ta. Cứ như thể cát bụi từ tất cả các miền đất, đường sá và thành phố vẫn còn làm cổ họng tôi khô rát và tôi chưa tìm được loại bia nào làm dịu nó một cách tốt nhất. Vì vậy, lẽ ra ông không nên trách mắg mà hơn thế phải khen ngợi tôi, vì tôi đã nhẫn nại, không quản ngại công sức săn lùng mọi quán xá để tìm ra loại bia có thể chữa được cơn đau của mình, vì cơn đau này theo thời gian sẽ khá tốn kém với ông, ông chủ của tôi ạ. Tôi làm như thế chỉ vì ông, nên đừng bao giờ trách mắg tôi vì sự bồn chồn của tôi, vì chúng ta càng đi xa ngược sông, cơn đau vì khát của tôi càng tăng lên khiến tôi rất sợ hãi khi nghĩ về nó. Ông cũng nên nhớ rằng tôi còn truyền bá trước danh tiếng của ông bằng cách kể về tất cả các ca chữa bệnh kỳ diệu mà ông đã làm ở những đất nước xa xôi, mà những kẻ ngốc nghếch này chưa bao giờ được nghe nói đến. Tôi còn buộc phải làm quen với nhiều thần, vì tôi chưa bao giờ nghĩ rằng thần linh ở Ai Cập nhiều đến thế. Mỗi ngày tôi nghe nói đến ít nhất một hoặc hai vị thần đáng chú ý mà tôi chưa bao giờ nghe đến trước đây, mặc dù tôi không tiết lộ điều này với những kẻ ngốc đó. Dĩ nhiên, tất cả vinh quang đều thuộc về bộ hung, song không có gì là xấu nếu chúng ta tìm thấy một vị thần phù hợp để có thể thờ phụng, để chúng ta trở nên ngoan đạo và có danh tiếng tốt.

- Người biết ta nghĩ gì về thần linh, - tôi nói với ông ta, - ta không tin cho lắm giá trị của các vị thần mà người tìm thấy trong các vỏ bia màu sắc khác nhau. Hơn nữa, ta không nhớ cơn khát của người có lỗi gì trong các chuyến đi của chúng ta tới những vùng đất xa xôi, mà trái lại người ngày càng có nhiều lời giải thích mới để biện hộ cho cơn khát bia của mình ở mỗi một

vùng đất, vì vậy đừng ngạc nhiên nếu thỉnh thoảng ta phát chán với sự lải nhải của người.

- Ôi, ông chủ của tôi ơi, - Kaptah nói và trở nên buồn bã, - ông có tài năng lạ lùng và khó tin khi chỉ bằng một vài từ đã đưa ra rất nhiều bằng chứng sai, khiến tôi mất tới cả ngày để bác bỏ chúng. Trước hết là những suy nghĩ của ông về thần linh, tôi không muốn can thiệp mà chỉ cố gắng một mình xử lý những vấn đề thần học này vì lợi ích của ông, để ông khỏi mang tiếng dị giáo, vì điều này theo thời gian có thể làm hại đến việc hành nghề của ông. Còn về các vị thần mà tôi tìm thấy trong các vò bia hay đúng hơn là xung quanh chúng, tôi không muốn tranh cãi với ông về giá trị của họ, nhưng ông cũng phải công nhận rằng trong số họ có một số thần đáng chú ý và việc hiểu biết hơn về họ hoàn toàn không có hại. Giả dụ như hôm qua tôi tìm thấy vị thần bảo vệ đàn bà khỏi thụ thai khi họ không muốn, vì nhiều lý do khác nhau mà tôi không nên kể ra. Đây là một điều thực sự lạ lùng, bởi các thần thường cạnh tranh với nhau vì những lợi ích trái ngược hẳn với việc ấy và các giáo sĩ khoe khoang thần của mình giúp đàn bà sinh con. Vậy nên lúc đầu tôi hoàn toàn không muốn tin vào sự tồn tại của một vị thần như vậy, nhưng người đàn bà đã kể về thần ấy cho tôi nghe lại rất tin về điều mình kể, nên khi tôi tỏ ra không tin, thị đã bực bội, cho tôi xem bùa chú đeo trên cổ mình và giục tôi thử xem nó có tác dụng hay không. Thị đưa tôi đến lều của mình và tôi đã cố gắng hết sức để có được chứng cứ về việc này, nhưng tất nhiên tôi không thể biết chắc được vì thuyền của chúng ta tiếp tục hành trình vào buổi chiều, vì vậy tôi không thể chờ đợi xem thị có con hay không. Tôi chỉ biết rằng thị đã lấy tất cả đồng mà tôi mang theo người.

- Kaptah, Kaptah, ta đã nói là ta không muốn nghe những lời ngu ngốc của người, - tôi đe.

Nhưng ông ấy tiếp tục:

- Đây là về các vị thần, chứ tôi không hối tiếc gì cả về đồng của mình, vì người đàn bà đó hồn nhiên, thân mật và thân hình cũng không đến nỗi nào. Nhưng còn cơn khát của tôi, điều mà ông rất bức bối, thì ông chủ của tôi ạ, chính ông nên cảm ơn cơn khát của tôi vì nếu không có nó, ông có thể chỉ là một kẻ nghèo khổ và có khi đàn quạ đã mổ hộp sọ của ông ở đâu đó dọc đường. Ông nên nhớ cơn khát của tôi đã hoàn toàn đúng đắn khi dẫn tôi đến gặp đôi ba người, mà từ họ tôi nghe được bao điều có ích cho ông, hết như thần trong khoang của thuyền trưởng đã dẫn thuyền trên biển cập vào cảng không chút nhầm lẫn. Vì thế, không có lý do gì để ông trách mắng cơn khát của tôi, mà nếu bản thân ông sùng tín hơn, ông có thể thấy điều gì đó huyền bí trong cơn khát của tôi.

Tôi liền bỏ đi vì tranh luận với ông ấy chẳng ích gì. Thuyền chúng tôi dong buồm chạy dọc theo khúc sông trống vắng, những con cá sấu già nằm bất động dưới ánh nắng mặt trời trên bờ cát và những con chim nháy nhót không chút sợ hãi giữa những cái mồm há rộng của chúng để nhặt những mẩu thức ăn bị mắc trong răng. Đêm đó, giữa giấc ngủ tôi cũng nghe thấy tiếng hà mã gầm trong đám sậy và sáng ra vô số chim màu đỏ hồng bay lượn trên không trung xung quanh thuyền. Tôi lại ở Ai Cập, quê hương tôi, nhưng sau khi đã quen với ý nghĩ này, khi sông Nile mỗi ngày cuộn cuộn nước lướt qua thuyền, tôi lại cảm thấy mình cô đơn, xa lạ trên thế gian, trái tim tôi tràn ngập nỗi chán nản kỳ lạ và cảm giác hư ảo phù phiếm, nên tôi đi xuống khoang và nằm xuống thăm của mình, không còn muốn ngắm nhìn xung quanh, không còn muốn nói chuyện say sưa với mọi người như trong những ngày đầu chuyến đi. Tôi biết việc trở lại Thebes sẽ không giúp tôi thôi cật vấn lòng mình và dù tôi ở lại bất kỳ thành phố nào dọc bên bờ sông, mua một ngôi nhà ở đó và bắt đầu hành nghề của mình thì nỗi cô đơn trong lòng cũng vẫn thế. Nhưng tôi phải gặp Horemheb và lý do này cũng tốt như bất cứ lý do nào khác để tôi tiếp tục hành trình về Thebes.

Thế là từ dưới lòng sông, tôi lại được nhìn thấy ba đỉnh núi, ba hộ vệ vĩnh cửu của Thebes, nắm chần ngang bầu trời phương đông. Dân cư dần trở nên đông đúc, làng mạc nghèo khó với những túp lều đất sét xen kẽ với những khu phố giàu có, cho đến khi những bức tường thành hiện ra hùng vĩ như những ngọn núi; tôi đã thấy mái và cột của ngôi đền lớn và nhiều tòa nhà trong khu vực đền thờ và hồ thánh. Ở phía tây, thành phố của người chết trải dài vô tận đến những ngọn núi, lăng mộ của các pharaon trắng lóa trước những ngọn núi màu vàng và những hàng cột của ngôi đền thờ Hoàng hậu Đại đế vẫn nhô cao đỡ biển cây đang trở hoa. Phía sau dãy núi là thung lũng cắm đầy rần và bọ cạp, nơi thi thể khô của bố tôi Senmut và mẹ tôi Kipa được bọc trong da bò yên nghỉ vĩnh hằng trong cát của thung lũng, bên lối vào lăng mộ của Pharaon Đại đế. Xa xa về phía nam trên bờ sông, hoàng cung của Pharaon nhô cao, thanh thoát màu xanh dịu dịu giữa những vườn cây và các bức tường thành. Tôi băn khoăn liệu có phải bạn tôi Horemheb sống ở đó không.

Thuyền cập vào bến đá quen thuộc bên bờ sông, tất cả vẫn như trước và chỉ cách mấy góc phố là nơi tôi sống thời thơ ấu mà không biết mình sẽ hủy hoại cuộc đời của bố mẹ khi trưởng thành. Cát bụi thời gian lại bắt đầu khuấy động những ký ức cay đắng của tôi khi tôi nghĩ về chúng, ước muốn trốn vào đâu đó, giấu mặt đi lại xâm chiếm tôi và tôi không còn thấy chút niềm vui nào, mặc dù bao quanh tôi vẫn là không khí nhộn nhịp của bến cảng một thành phố lớn và tôi cảm thấy sự náo nhiệt của Thebes trong ánh mắt, trong sự vội vã, bồn chồn của mọi người. Tôi không có dự định gì cho lần trở lại này mà đã quyết định để mọi việc tùy thuộc vào cuộc gặp với Horemheb và địa vị của anh ấy trong triều đình. Nhưng khi bàn chân tôi chạm lên đá lát của bến thuyền, đột nhiên trong đầu tôi xuất hiện một dự định không dính dáng gì tới danh tiếng nghề y, tới sự giàu có hay những món quà lớn nhờ tất cả tri thức tôi đã thu thập được, như tôi đã tưởng tượng trước đây, mà về một cuộc sống giản dị không danh vọng và những bệnh nhân nghèo khó. Thế nhưng một sự thanh thản lạ lùng tràn ngập tâm hồn tôi khi tôi cảm

nhận được tương lai của mình là sự hiển linh ấy, và điều này một lần nữa cho thấy con người ta biết ít như thế nào về tâm tưởng của mình, mặc dù tôi từng nghĩ rằng tôi hiểu chính mình đến tận tâm can. Trước đây chưa lần nào tôi nghĩ đến một điều như vậy, nhưng có lẽ điều này đã âm thầm chín muồi trong tôi như kết quả của tất cả những gì tôi đã trải qua. Tôi trở lại là đứa trẻ nghiêm trang, tò mò quan sát bố Senmut tiếp đón, chữa trị bệnh nhân trong phòng mạch của mình, nghe tiếng ồn ào của Thebes xung quanh mình và bàn chân chạm vào những tảng đá nóng dưới ánh nắng mặt trời nơi bến cảng. Vì thế, tôi vừa xua đám cửu vạn đang nhao nhao xô đẩy nhau xông đến bên mình, vừa nói với Kaptah:

- Hãy để đồ đạc của chúng ta trên thuyền đã và đi mua ngay cho ta một ngôi nhà, thế nào cũng được, gần bến cảng, trong khu nghèo, gần nhà của bố mẹ ta trước khi nó bị phá dỡ. Làm nhanh lên để ta có thể chuyển đến nhà mình hôm nay và ngày mai bắt đầu hành nghề được.

Kaptah há hốc mồm và cả khuôn mặt như mất hết sinh khí, vì ông ấy tin rằng trước tiên chúng tôi sẽ vào nghỉ ở một nhà trọ tốt nhất cho nô lệ phục vụ. Nhưng ít nhất lần này ông không cãi tôi một lời nào mà im thin thít, nhìn thẳng vào mặt tôi rồi lặng lẽ cúi đầu bỏ đi. Tối hôm đó, tôi chuyển đến ngôi nhà vốn của một người đúc đồng trong khu phố nghèo, đồ đạc của tôi được mang từ thuyền đến và tôi trải thảm trên nền đất sét. Những ngọn lửa bếp lại bùng cháy phía trước những túp lều bằng đất của những con hẻm nghèo và mùi cá rán xộc lên lan khắp khu phố bẩn thỉu, nghèo khổ, bệnh hoạn cho đến khi đèn được thắp lên trên cánh cửa của các nhà vui, nhạc Syria bắt đầu vang lên từ các quán rượu, hòa lẫn với tiếng hò hét của các thủy thủ ngất ngưỡng say và bầu trời Thebes rực đỏ với vô số ánh đèn ở trung tâm thành phố. Tôi lại ở quê nhà sau khi đã đi hết nhiều con đường lầm lũi và ở nhiều miền đất, vừa trốn tránh bản thân vừa thu thập kiến thức.

Sáng hôm sau, tôi nói với Kaptah:

- Hãy đặt một bảng hiệu thầy thuốc treo lên cửa nhà ta, nhưng đơn giản thôi, không có hình vẽ và trang trí. Nếu có ai hỏi ta, đừng kể về danh tiếng và kiến thức của ta, mà chỉ nói danh y Sinuhe sẽ nhận chữa bệnh cho người giàu lẫn người nghèo và chỉ cần trả quà theo khả năng của người bệnh.

- Cả người nghèo ư? - Kaptah thực sự hoảng hốt, hỏi lại. - Ôi, ông chủ ơi, ông không ốm đấy chứ? Ông không uống nước đầm lầy hay bị bọ cạp cắn đấy chứ?

- Hãy làm như ta nói, nếu người muốn ở lại với ta, - tôi nói. - Còn nếu ngôi nhà đơn sơ này không giữ được người và nếu mùi của đám dân nghèo làm phiền cái mũi đã tao nhã hơn khi ở Syria của người, người có thể tự do đi và về tùy ý. Ta đoán người đã lấy trộm của ta tương đối, đủ để mua nhà riêng cho mình và lấy vợ nếu người muốn. Ta không ngăn cấm.

- Vợ ư? - Kaptah kêu lên còn kinh hoàng hơn. - Ông ốm thật rồi, ông chủ ạ, và đầu của ông nóng. Vì sao tôi lấy vợ, người sẽ áp bức tôi và ngửi ngửi hơi thở của tôi khi tôi trở về từ thành phố và sáng sáng đứng cạnh tôi với cây gậy trong tay, miệng chứa đầy lời cay nghiệt khi tôi thức dậy đầu còn đau nhức. Quả thật, tại sao tôi phải lấy vợ, khi nô tỳ tâm thường nhất có thể làm điều tương tự với tôi, điều này tôi nói với ông rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa, thần linh đã lấy sự điên rồ trừng phạt ông, và tôi cũng không ngạc nhiên vì tôi biết ông nghĩ gì về các vị thần, nhưng ông là ông chủ của tôi, đường ông đi là đường của tôi và hình phạt của ông cũng là hình phạt của tôi, mặc dù tôi đã nghĩ rằng cuối cùng tôi có thể được nghỉ ngơi và thanh thản sau tất cả những gánh nặng khủng khiếp mà ông đặt lên vai tôi, chưa kể những chuyến hành trình qua biển mà sau đó tôi không hề

muốn nghĩ đến nữa. Nếu thậm chí thích hợp để trải chỗ cho ông nằm thì có lẽ cũng thích hợp cho tôi và dù sao cũng có phần an ủi trong nỗi thống khổ này là không chỉ các quán bia và các nhà vui đùa trong tầm với mà cả Đuôi Cá Sấu, quán tôi kể với ông, cũng không xa đây lắm. Hy vọng ông sẽ tha thứ cho tôi nếu hôm nay tôi đến đó và uống đến say xỉn, vì tất cả những điều này làm tôi vô cùng hoảng sợ và tôi phải dùng cách nào đó để trấn tĩnh lại. Quả thật mỗi khi nhìn ông, tôi linh cảm điều tồi tệ và tôi không bao giờ biết trước ông sẽ nói hay sẽ làm gì, bởi ông nghĩ và làm mọi việc ngược hẳn với những người khôn ngoan, mà điều này thì tôi không hề chờ đợi từ ông. Chỉ kẻ điên mới giấu đá quý vào đồng phân, hết như vậy, ông chôn vùi kỹ năng và kiến thức của mình vào thùng rác.

- Kaptah, - tôi nói, - tất cả đều được sinh ra trần truồng trên thế gian, trong bệnh tật không có sự khác biệt giữa người nghèo và người giàu, giữa người Ai Cập và người Syria.

- Có thể không, nhưng quà mà họ tặng thầy thuốc lại rất khác nhau, - Kaptah nói rất có lý. - Tuy nhiên, suy nghĩ của ông đầy thiện ý và tôi không có gì phản đối nếu người khác thực hiện nó chứ không phải ông, vì cuối cùng, sau tất cả những vất vả, chúng ta có thể ngồi trên cành vàng. Tốt hơn là ông nên suy nghĩ như một kẻ sinh ra làm nô lệ, bởi hồi còn trẻ đôi khi tôi đã có những suy nghĩ như ông, cho đến khi cây gậy dạy tôi trở nên khôn ngoan hơn.

- Để người biết hết, - tôi nói thêm, - ta nói thêm là sau một thời gian, nếu tình cờ gặp một đứa trẻ bị bỏ rơi nào đó, ta sẽ đón nhận và nuôi dạy nó như con trai ta.

- Tại sao cần làm thế? - Kaptah sửng sốt hỏi. - Chẳng phải trong đền có nhà cho những đứa trẻ bị bỏ rơi ư, một số được các giáo sĩ bậc thấp nuôi dưỡng, một số trở thành hoạn quan và có cuộc sống hào nhoáng hơn những gì mẹ chúng từng mơ ước trong hậu cung của pharaon và nhà tù thiếp của quý tộc. Mặt khác,

nếu ông muốn con trai, điều đó là dễ hiểu, không có gì đơn giản hơn, chỉ cần ông không dai dột đập vò vò với người đàn bà lạ nào đó, người chỉ gây phiền phức cho chúng ta. Nếu không muốn mua nô tỳ, ông vẫn có thể ăn nằm với một cô gái nghèo nào đó, cô ta sẽ rất hạnh phúc và biết ơn nếu ông nhận đứa bé làm con của mình và như vậy, cô ta được giải thoát khỏi sự nhục nhã. Nhưng trẻ con chỉ đem lại phiền phức, khó chịu và chắc chắn người ta đã cưỡng điệu niềm vui mà chúng đem đến, mặc dù trong chuyện này tôi không biết nói gì, vì tôi chưa bao giờ nhìn thấy con mình, dù tôi có đủ chứng cứ để nói rằng chúng là cả một đội quân đang lớn lên ở các miền gió khác nhau. Không ngoan hơn, nếu ngay hôm nay ông mua một nô tỳ trẻ, nó cũng có thể giúp được tôi, vì chân tay tôi cứng còng run rẩy sau tất cả những khó nhọc mà tôi đã chịu đựng, nhất là vào buổi sáng khi tôi có quá nhiều việc phải làm, trong khi đó ngoài việc trông coi ngôi nhà này và nấu ăn cho ông, tôi còn phải giám sát việc đầu tư tài sản của ông.

- Đó là điều ta không nghĩ đến, Kaptah, - tôi nói, - nhưng ta không muốn mua nô lệ, nên hãy thuê cho mình một người hầu bằng tiền của ta, vì quả thật người đáng được hưởng điều đó. Nếu người ở trong nhà ta, người có thể tự do đi và về tùy ý vì sự trung thành của người và ta nghĩ người có thể giúp ta có được nhiều thông tin hữu ích qua cơn khát của người. Vì vậy hãy làm như ta nói và đừng hỏi thêm nữa, bởi có gì đó trong ta đưa ra quyết định này, mạnh mẽ hơn ta và ta không thể thay đổi.

Nói xong, tôi rời nhà đi hỏi tin tức bạn bè. Tôi dò hỏi về Thotmes ở quán Vò Rượu Syria, nhưng quán đã đổi chủ và không ai biết gì về họa sĩ nghèo kiếm sống bằng cách vẽ mèo trong sách tranh cho những đứa trẻ con nhà giàu có. Để hỏi về Horemheb, tôi đã đến trại lính nhưng nó trống không. Trong sân trại không có vật dụng, không có binh lính tập dượt vào những bao tải sậy như trước đây, những cái nồi nấu cháo to tướng không còn bốc hơi trong nhà bếp, mà tất cả đều trống không. Một viên phó đội lỗ mãng người Shardana vừa di ngón chân trên cát vừa nhìn tôi,

khuôn mặt nâu đen gầy gò và khô khốc, nhưng vội vã cúi đầu trước mặt tôi khi tôi hỏi về Horemheb, thống lĩnh quân đội của Pharaon, người đã chiến thắng quân Khabiri ở miền hoang mạc gần biên giới Syria vài năm trước. Horemheb vẫn là tể tướng quân đội hoàng gia, viên phó đội nói bằng phương ngữ Ai Cập, nhưng mấy tháng nay ngài đang ở đất Kush để giải tán quân đồn trú ở đó và cho các đội quân giải nghệ, không ai biết bao giờ ngài trở về. Tôi cho anh ta một miếng bạc vì thấy anh ta đang buồn, anh ta mừng rỡ đến nỗi quên mất thanh danh người Shardana, vừa mỉm cười với tôi vừa kinh ngạc nguyên rủa một thần vô danh nào đó. Khi tôi chuẩn bị đi, anh ta giữ tôi lại và bắt lực đưa tay chỉ vào khoảng sân trống.

- Horemheb là vị chỉ huy vĩ đại, hiểu quân sĩ, bản thân là một người lính nên ngài không sợ gì, - anh ta nói. - Horemheb là con sư tử, Pharaon là con dê không sừng. Doanh trại không lính, không lương, không có thức ăn. Đồng đội của tôi về miền quê xin ăn. Chuyện gì sẽ đến từ tất cả những điều này, tôi không biết. Xin Amon ban phước cho anh vì miếng bạc, người đàn ông tốt bụng ạ. Đã nhiều tháng rồi tôi không được uống đến say. Bụng tôi đầy nỗi lo. Người ta đã dụ dỗ tôi rời đất nước mình với nhiều lời hứa. Những người tuyển mộ lính của Ai Cập đi từ lều này sang lều kia và hứa nhiều bạc, nhiều đàn bà, nhiều cuộc say. Giờ thì sao? Không bạc, không chè chén và không đàn bà!

Anh ta nhổ nước bọt để thể hiện sự khinh bỉ của mình và lấy bàn chân chai sạn dẫm miếng nước bọt vào bụi đất. Anh ta là một người Shardana đau khổ và tôi rất tiếc cho anh ta, vì qua lời anh ta nói, tôi hiểu rằng Pharaon đã bỏ rơi binh lính của mình và giải tán các đội quân đã được Thái thượng hoàng vĩ đại vào thời đó tuyển mộ và thuê mượn từ nước ngoài với chi phí rất lớn. Ngay lúc đó, tôi nhớ đến Ptahor già và vì muốn biết nơi ông ở, tôi dẹp suy nghĩ sang bên và đi đến đền thờ Amon và Nhà Sống để hỏi tên ông trong sách. Nhưng viên ký lục cho biết danh y khoan sọ hoàng gia đã chết và được chôn cất tại thành phố của

người chết hơn một năm trước. Thế là tôi không thể tìm thấy người bạn nào ở Thebes nữa.

Khi đã ở trong khu đền, tôi đi đến thánh đường lớn, cảm nhận lại ánh hoàng hôn linh thiêng của Amon xung quanh mình và mùi nhang lễ trong những cột đá nhiều màu sắc được chạm khắc đầy những dòng chữ linh thiêng và trên cao, những con chim nhận lao vút ra và vào qua các khung cửa mắt cáo bằng đá. Nhưng ngôi đền rất vắng vẻ và sân trước cũng trống trơn, không còn cảnh làm việc khẩn trương và buôn bán nhộn nhịp ở vô số các quầy hàng và xưởng trong đền như trước nữa. Các giáo sĩ mặc áo choàng trắng, đầu cạo nhẵn, xúc dầu bóng loáng lấm lét nhìn tôi, đám đông trong sân trước nhỏ nhẹ nói với nhau và nhìn trước ngó sau như sợ người khác nghe lén. Tiếng ồn ào, náo nhiệt của sân này vào những buổi sáng sớm, giống như tiếng gió thổi qua đám sậy xa xa, rất quen thuộc với tôi trong những ngày còn đi học, giờ đây đã bị nén xuống thành tiếng thầm thì. Tôi chưa bao giờ yêu quý Amon, nhưng một nỗi niềm băng khuâng kỳ lạ vẫn cứ tràn ngập tim tôi như khi con người ta nghĩ về tuổi trẻ đã qua của mình dù tuổi trẻ đó đẹp hay xấu.

Khi bước ra khỏi tháp môn giữa những bức tượng pharaon khổng lồ đầy uy lực, tôi nhận thấy một ngôi đền mới đã mọc lên ngay cạnh ngôi đền lớn, với kích thước đồ sộ và kiến trúc kỳ lạ mà tôi chưa từng thấy trước đây. Xung quanh nó không có tường bao và khi bước vào, tôi thấy những hàng cột bao quanh một khoảng sân trống và trên các bàn thờ ở đó có đặt các loại ngũ cốc, hoa và trái cây làm đồ cúng. Aton tròn vành vạnh ban vô vàn tia sáng của mình lên pharaon đang làm lễ hiến tế trên một bức phù điêu lớn, mỗi tia nắng kết thúc trên một bàn tay ban phước và mỗi bàn tay có một thánh giá sự sống. Các giáo sĩ mặc áo choàng trắng không cạo tóc, đa số là các chàng trai trẻ, nét mặt sáng bừng say mê khi họ hát một bài thánh ca, trong đó có những lời mà tôi nhớ lâu lắm đã có lần được nghe ở Jerusalem của Syria. Nhưng bốn mươi cây cột lớn gây ấn tượng mạnh hơn với tôi, hơn các giáo sĩ và những bức phù điêu, từ mỗi cột, vị

pharaon mới được chạm khắc với kích thước siêu phàm đang chăm chăm nhìn người xem, hai cánh tay bắt chéo trước ngực và trong tay cầm một cây trượng cong và roi hoàng gia.

Các cột điêu khắc đó mô tả Pharaon, tôi biết điều đó, vì tôi quen khuôn mặt “trong cơn nhiệt huyết thì rất đáng sợ” đó, quen thân thể gầy gò nhưng căng phồng ở hông với đôi chân và cánh tay thon thả. Một nỗi kinh ngạc đến khiếp sợ tràn ngập tâm trí khi tôi nghĩ tới người nghệ sĩ đã có thể và đã dám chạm khắc những bức tượng này, bởi vì nếu bạn tôi, Thotmes, đã thỉnh thoảng mơ ước đến nghệ thuật tự do thì ở đây anh ấy sẽ thấy nghệ thuật tự do dưới dạng khủng khiếp như biếm họa. Tất cả các dị tật trên cơ thể của Pharaon được các nghệ sĩ nhấn mạnh một cách lạ thường, cặp đùi căng phồng đó, mắt cá chân gầy gò đó, và cái cổ lêu nghêu đầy nhiệt huyết đó, tất cả như có một ý nghĩa thần thánh và huyền bí. Nhưng đáng sợ nhất là khuôn mặt của Pharaon, khuôn mặt dài khác thường với đôi lông mày xéch và gò má nhô cao, nụ cười bí hiểm của người mơ mộng và hay báng bổ quanh đôi môi dày. Các pharaon bằng đá, những hình người khổng lồ, hùng dũng như những vị thần ngồi hai bên tháp môn của đền thờ Amon. Còn ở đây, hình người lêu nghêu, sừng phồng này đang chăm chăm ngó từ bốn mươi cây cột xuống những bệ thờ Aton. Cũng giống con người, anh ta nhìn từ các cột ra xa hơn, như bất kỳ người nào khác, và toàn bộ hình thể tạc vào đá của anh ta là sự mỉa mai đầy đam mê, sự cuồng tín đầy căng thẳng.

Nhìn vào những cột đá này, tôi rùng mình và run rẩy vì lần đầu tiên tôi thấy Amenhotep Đệ Tứ như thể chính ngài thấy bản thân mình như thế. Tôi đã từng gặp ngài một lần, khi ngài còn trẻ, ốm yếu, bị căn bệnh thần thánh làm cho co giật và với bản tính thông thái trước tuổi của mình, tôi đã lạnh lùng quan sát ngài dưới con mắt của người khám phá và của một thầy thuốc, chỉ để hiểu những lời mê sảng của ngài. Bây giờ tôi thấy ngài như người nghệ sĩ thấy, có lẽ cả ghét lẫn yêu, người nghệ sĩ can đảm nhất từ trước tới nay ở Ai Cập, bởi nếu trước đây có ai dám

khắc hình pharaon như vậy, người đó sẽ bị đánh cho bầm dập và treo trên tường như một kẻ báng bổ.

Cả trong đền này cũng không có nhiều người lắm, ngoài mấy người đàn ông và đàn bà mà tôi đoán thuộc giới thượng lưu và sống trong hoàng cung, qua quần áo vải lanh hoàng gia, những cổ áo nặng và đồ trang sức bằng vàng. Dân thường lắng nghe các bài thánh ca của giáo sĩ với vẻ mặt ngu ngơ rất rõ, vì các giáo sĩ hát lời mới và chắc sẽ quá mệt mỏi để đoán xem chúng có nghĩa gì. Chúng khác với những lời cũ, vốn được truyền lại từ thời kim tự tháp cách đây vài ngàn năm, với những từ ngữ mà các đôi tai ngoan đạo đã nghe từ thời thơ ấu, đến nỗi người ta nhận ra và hiểu chúng bằng tấm lòng mà không bao giờ phải nghĩ về nội dung của chúng, nếu quả thật trong những lời đó có ý nghĩa, hoặc ít nhất theo cách hiểu của tôi, những ý nghĩa đó đã thay đổi và hòa lẫn với nhau trong sự lưu truyền nhầm lẫn qua các thế hệ và được các giáo sĩ cần mẫn chép sai.

Tuy nhiên sau khi bài thánh ca kết thúc, một ông già, qua trang phục tôi đoán là người nhà quê, bước tới cung kính nói chuyện với các giáo sĩ và ngỏ ý muốn mua một bùa chú thích hợp hoặc cái che mắt hoặc một tờ giấy với dòng chữ bùa phép, nếu chúng được bán với giá phải chăng.

Các giáo sĩ nói với ông là trong đền này không bán những thứ như vậy, bởi Aton không cần phép thuật và giấy tờ mà giao tiếp với bất cứ ai tin vào thần, không cần sự hiến tế và quà tặng. Nghe nói thế, ông lão tỏ ra rất bức tức và bỏ đi, lầm bầm những lời báng bổ về những lời nói dối trá và tôi thấy ông bước vào nhà môn Amon thân quen.

Vợ một ngư phủ bước lại gần các giáo sĩ, nhìn họ với cặp mắt sùng kính và hỏi:

- Không ai cúng cừu hay bò cho Aton để các ngài có ít thịt để ăn nên các ngài gây ốm thế này, các chàng trai đáng thương. Nếu

thần của các ngài hùng mạnh và vĩ đại, như người ta nói là mạnh hơn cả Amon, mặc dù tôi không tin điều đó, thì các giáo sĩ của ngài cần to lớn và da dẻ mỡ màng. Tôi chỉ là một người đàn bà chất phác và không hiểu biết gì nhiều hơn, nhưng từ trong tim mình tôi mong ước cho các ngài được nhiều thịt và mỡ.

Các giáo sĩ cười khúc khích và thì thầm với nhau tinh nghịch như các cậu bé, cho đến khi người lớn tuổi nhất trong số họ trở nên nghiêm túc và nói với người đàn bà:

- Aton không đòi hiến máu và bà không nên nói về Amon trong đền của ngài, bởi vì Amon là vị thần giả và không lâu nữa, ngài của ông ta sẽ bị đổ và đền của ông ta sẽ bị phá dỡ.

Người đàn bà vội quay ngoắt đi và nhổ nước bọt lên mặt đất, rồi vừa dùng tay làm dấu để tôn kính thần Amon vừa nói vội vàng:

- Cậu đã nói điều đó chứ không phải tôi, nên xin lời nguyên rời xuống đầu cậu.

Bà ta nhanh chóng bỏ đi và mấy người khác đi theo, vừa sợ hãi ngoái lại liếc các giáo sĩ. Nhưng các giáo sĩ cười phá lên rất to và đồng thanh hét lên:

- Đi đi, những kẻ vô thần, nhưng Amon là một vị thần giả! Amon là một vị thần giả, và quyền lực của thần sẽ đổ rập như cỏ trước lưỡi liềm.

Lúc đó, một trong những người bỏ đi nhặt một hòn đá từ dưới đất, ném về phía các giáo sĩ và trúng vào mặt một giáo sĩ làm ông ta bị chảy máu. Ông ta vừa đưa hai bàn tay che mặt vừa rên rĩ, các giáo sĩ hét lên gọi lính canh, nhưng người ném đã bỏ chạy và lẫn vào đám đông trước tháp môn của Amon.

Tất cả những điều này từng khiến tôi suy nghĩ rất nhiều, vì vậy tôi lại gần các giáo sĩ và nói:

- Tôi đúng là một người Ai Cập, nhưng tôi đã sống một thời gian dài ở Syria nên tôi không biết vị thần mới mà các anh gọi là Aton này. Các anh có thể vui lòng khai sáng và giải thích cho tôi biết ngài là gì, ngài đòi hỏi gì và ngài được thờ phụng như thế nào không?

Họ nghi ngờ và hoài công tìm kiếm sự giấu cợt trên mặt tôi, cuối cùng họ nói:

- Aton là vị thần duy nhất. Ngài đã sáng tạo ra đất và sông suối, con người, động vật và tất cả những gì di động trên trái đất. Ngài luôn hiện hữu và ban đầu người ta thờ cúng sự hiển linh của ngài dưới dạng thần Ra, nhưng vào thời của chúng ta, ngài hiển linh như là Aton cho con trai của mình là Pharaon, người chỉ sống bằng sự thật. Từ đó ngài là vị thần duy nhất, còn lại là những vị thần giả. Ngài không từ bỏ bất cứ ai xin ngài giúp đỡ, cả người giàu lẫn người nghèo đều bình đẳng trước Aton và mỗi buổi sáng chúng tôi chào đón ngài, vâng hào quang mặt trời, thần ban phước cho trái đất bằng những tia sáng, cho cả thiện và ác, trao cho mọi người thánh giá sự sống. Nếu ông công nhận điều đó, ông là người thờ phụng ngài, vì bản chất của ngài là tình yêu, ngài trường tồn, vĩnh cửu và có mặt ở khắp mọi nơi, vậy nên không có gì xảy ra ngoài ý muốn của ngài.

Tôi nói với họ:

- Tất cả những điều này chắc chắn rất đẹp và đúng, nhưng liệu ngài có muốn hòn đá vừa rồi đập vào miệng cậu bé khiến máu bắt đầu chảy không?

Các giáo sĩ bối rối nhìn nhau và nói:

- Ông báng bổ.

Nhưng cậu bé bị hòn đá rơi trúng mặt đã hét lên với tôi:

- Ngài cho phép nó xảy ra, vì tôi không xứng đáng với ngài để học điều đó. Tôi đã tự hào quá nhiều về sự yêu mến của Pharaon, vì tôi xuất thân từ một tầng lớp thấp, cha tôi chăn nuôi gia súc và mẹ tôi kén nước từ dưới sông cho đến khi Pharaon cho tôi hưởng đặc ân của ngài, vậy nên tôi phụng sự thần của ngài bằng giọng hát hay của mình.

Tôi nói về tôn kính:

- Chắc hẳn vị thần này phải là một vị thần vĩ đại, vì ngài có thể đưa một người từ bùn đen đến nhà vàng của Pharaon.

Họ đồng thanh nói:

- Ông nói đúng, vì Pharaon không nhìn vào bề ngoài, sự giàu có hay xuất thân của con người mà chỉ nhìn vào trái tim của người đó và với sức mạnh của Aton, Pharaon nhìn thấu tim của tất cả mọi người và những suy nghĩ thầm kín nhất của họ.

Tôi phản đối và nói:

- Vậy thì ngài không phải là con người, vì với quyền năng của con người thì không thể nhìn thấy trái tim của người khác, mà chỉ chính Osiris mới có thể cân đo trái tim của con người.

Họ bàn luận với nhau và nói:

- Osiris chỉ là một câu chuyện dân gian mà con người không còn sùng kính nữa khi đã tin vào Aton. Mặc dù Pharaon chỉ muốn là con người, nhưng chúng ta không hồ nghi rằng bản chất của ngài thật sự là thần thánh và điều này đã được chứng minh bằng những ảo ảnh mà ngài thấy, trong đó ngài có thể sống nhiều cuộc đời trong một khoảnh khắc ngắn. Nhưng chỉ những người yêu ngài mới có thể biết được điều đó. Vì thế, các nghệ sĩ cũng đã tạc khắc ngài vừa như một người đàn ông vừa như một người đàn bà trên các cột của đền, bởi vì Aton là nguồn sống

manh mẽ đem sự sống cho hạt giống của người đàn ông và tạo ra một đứa trẻ từ trong bụng mẹ.

Khi ấy tôi giơ tay giấu cọt rồi ôm lấy đầu mình và nói:

- Tôi chỉ là một người đàn ông chất phác, giống như người vừa nãy chỉ là một người đàn bà cục mịch, không thể hiểu hết sự thông thái của các anh. Nhưng có vẻ như sự thông thái của các anh cũng làm các anh bối rối, vì các anh phải bàn bạc với nhau trước khi có thể trả lời tôi.

Họ hào hứng đáp:

- Aton tuyệt vời, như vầng hào quang mặt trời tuyệt hảo, tất cả những gì có trong ngài đều tồn tại, sống động và thở, đều hoàn hảo, còn ý nghĩ của con người không hoàn hảo mà giống như sương mù, do đó chúng tôi không thể khai sáng cho ông vì chúng tôi chưa biết hết tất cả, nên chúng tôi học thêm mỗi ngày theo ý muốn của ngài, ý muốn mà chỉ Pharaon biết, vì người là con trai của ngài và sống vì sự thật.

Những lời đó làm tôi đau xót vì tôi thấy họ thật sự rất chân thành, mặc dù họ mặc đồ lạnh đẹp, tóc xức dầu và khi hát, họ cũng vui sướng trước ánh mắt ngưỡng mộ của phụ nữ và cười nhạo những người hiền từ, chất phác. Một cái gì đó tôi không thật rõ, bất chấp tài năng và kiến thức của tôi, dần chín trong tôi và đang đáp lại những lời này, và lần đầu tiên tôi nhận ra suy nghĩ của con người dường như không hoàn hảo, vì thế có thể tồn tại một cái gì đó ngoài ý nghĩ của con người mà mắt không thể thấy, tai không thể nghe và tay không thể chạm tới. Có lẽ Pharaon và các giáo sĩ của ngài đã phát hiện ra sự thật này và đặt tên cho điều xa lạ nằm ngoài suy nghĩ của con người đó là Aton.

Cho đến lúc này, tôi đã từng nghĩ rằng suy nghĩ của con người có thể mở tất cả các cánh cửa và kiến thức có một giới hạn mà con người có thể đạt tới, và khi kiến thức được nâng cao, tâm

hồn của con người cũng lớn theo. Nhưng tôi đã đạt được gì với tất cả kiến thức của mình? Kiến thức của tôi càng lớn, lòng tôi càng khô héo và tôi càng cảm thấy cuộc sống của mình buồn tẻ hơn cho đến khi nó chỉ đứng yên, như vũng nước đọng giữa bùn. Tôi vô cùng ngán ngẩm bản thân, kiến thức và kỹ năng của mình. Vì thế tôi quyết định chôn vùi kiến thức và kỹ năng để làm một thầy thuốc của người nghèo. Tôi không làm điều đó theo mệnh lệnh của trái tim mà vì sự thất vọng với bản thân, nhưng bây giờ Aton hiện ra với tôi như một sự bí ẩn nằm ngoài suy nghĩ và kiến thức của con người, ngay cả hình Pharaon nhìn chằm chằm từ những cột đá cũng không còn làm tôi phần nộ hay hoảng sợ nữa, mà tôi nhìn chúng như thể mình hoàn toàn bị mê hoặc, như thể những đôi mắt đá kia đang nhìn vào một nơi mà con người chưa bao giờ nhìn thấu. Vì thế cái miệng kia mới có nụ cười nhạo báng, kiêu ngạo với đầy sự tự tin bí ẩn như thế. Và tôi tự hỏi liệu những giáo sĩ trẻ này, trong sự thiếu từng trải của mình, có linh cảm chút gì về điều họ nói hay không. Bởi vậy, tôi không nhận thánh giá sự sống mà họ hoài công chào mời tôi.

Tôi bước ra khỏi đền Aton với cảm giác cuộc đời mình cho đến lúc này chỉ là một căn phòng tường đá kín mít không có lối ra và bây giờ, lần đầu tiên, tôi đã tìm thấy một lỗ hổng hẹp giữa những tảng đá, nơi ánh sáng chiếu vào bóng tối và không khí tràn vào để trái tim tôi thở. Tôi cảm thấy cuộc đời mới đã mở ra với tôi, giống như lần đầu tiên tôi bị mê hoặc bởi kiến thức và sức mạnh của người thầy thuốc. Nhưng tôi nghĩ cảm giác này chỉ có được với một người rất cô đơn và đã mất mát rất nhiều. Tôi, Sinuhe, một người xa lạ trên mặt đất, đã có trải nghiệm này một lần trong đền thờ Aton, khi tôi đoán được những gì Pharaon nhìn thấy qua con mắt bệnh tật của ngài. Tôi cảm nhận được điều đó với sự ngạc nhiên và ngưỡng mộ ngài, nhưng đồng thời tôi biết rằng ngài không bao giờ nên là một pharaon, vì quyền lực là thứ nguy hiểm đối với nhà tiên tri, người thấy những ảo ảnh không phải về thế giới này.

Tôi về đến nhà khi trời đã nhá nhem tối, một tấm biển khám chữa bệnh đơn sơ đã được treo phía trên cửa và một vài bệnh nhân nhếch nhác đang kiên nhẫn ngồi chờ tôi trong sân. Kaptah ngồi trên hiên nhà có vẻ không hài lòng, phe phẩy lá cọ trên mặt và chân để đuổi lũ ruồi theo người nghèo đến, nhưng ông ta có một hũ bia mới mở ở bên cạnh để an ủi.

Trước hết tôi bảo ông ấy cho người mẹ đang bế đứa bé gầy gò trên tay vào phòng, vì thuốc với người này là chỉ cần một miếng đồng để bà ta mua thức ăn cho mình và có sữa cho con. Tiếp theo, tôi chữa cho một nô lệ có ngón tay bị kẹt trong cối xay hạt ngũ cốc, nắn xương và khớp ngón tay vào vị trí rồi cho anh ta uống một loại thuốc hòa trong rượu để giảm đau. Sau đó, tôi còn giúp một viên ký lục già có một khối u trên cổ to như đầu một đứa bé, đến nỗi ông ta đi lại với cái đầu ngoẹo sang bên, mắt lồi lên và chỉ có thể thở một cách khó nhọc. Tôi cho ông ta một loại thuốc chiết ra từ rong biển mà tôi đã học được ở Simyra, mặc dù không tin nó có thể giúp được ông ta nhiều nữa. Ông ta moi từ trong một miếng giẻ sạch ra một vài miếng đồng và đưa cho tôi, nài nỉ xin tôi bỏ quá cho sự nghèo khó của ông ta, nhưng tôi không nhận mà nói rằng tôi sẽ cho gọi ông ta khi nào tôi cần đến việc biên chép, ông ta mừng rỡ ra về khi vẫn giữ được đồng của mình.

Một cô gái từ một nhà vui không xa nhờ tôi giúp vì đôi mắt bị ghẻ gây bất lợi cho nghề nghiệp của cô ta. Tôi rửa mắt và pha cho cô ta thuốc đắp lên mắt để diệt ghẻ, cô ta e thẹn cởi xiêm áo, tặng tôi món quà theo cách duy nhất mà cô ta có thể làm. Để khỏi xúc phạm cô, tôi nói tôi phải kiêng phụ nữ vì phương thuốc điều trị quan trọng mà tôi sắp thực hiện và cô ta tin lời tôi, vì cô không có hiểu biết gì về nghề y và rất kính trọng tôi vì tôi đã kiếm chế được mình. Để cô ta thấy sự nhiệt thành của mình không hoàn toàn bị lãng phí, tôi lấy dao cắt bỏ một vài mụn cóc

bên hông và bụng của cô sau khi xoa kem gây tê quanh chỗ đó, nên việc cắt bỏ gần như không đau đớn và cô ta vô cùng thỏa mãn ra về.

Thế là trong ngày đầu tiên làm thầy thuốc cho người nghèo, đến muối tôi cũng không kiếm được để rắc lên bánh của mình, vì thế Kaptah đã chọc ngoáy tôi bằng cách cho tôi ăn một con ngỗng béo được chế biến theo kiểu Thebes, một món ăn không tìm được ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới. Ông ấy đã mua nó từ một hầm rượu ngon ở trung tâm thành phố, giữ nó nóng trong nồi rán và rót rượu ngon nhất từ đôi nho của Amon vào một cốc thủy tinh sắc sỡ cho tôi, rồi dè bủ ngày làm việc đầu tiên của tôi. Nhưng lòng tôi nhẹ bỗng và tôi vui với công việc của ngày hôm nay, vui hơn nhiều so với việc chữa khỏi cho một thương gia lảm của và được trả công bằng vòng vàng. Liên quan đến việc này, tôi buộc phải kể thêm rằng mấy ngày sau, người nô lệ ở cối xay lúa mạch đã đến cho tôi xem những ngón tay đã lành của ông ta, mang theo cả một vò lúa mạch mà ông ta trộm được của chủ làm quà cho tôi, để tôi không đến mức trắng tay sau ngày làm việc đầu tiên.

Còn Kaptah an ủi tôi:

- Tôi tin sau hôm nay, danh tiếng của ông sẽ lan tỏa khắp khu phố và sân nhà ông sẽ chật kín bệnh nhân ngay từ sáng sớm, vì tôi nghe như dân nghèo đang kháo nhau: “Hãy nhanh chóng đến ngôi nhà của người nấu đồng trước đây ở góc bến cảng, vì một thầy thuốc vừa chuyển vào đó khám chữa bệnh không lấy tiền, không gây đau đớn, với kỹ năng tuyệt vời và còn cho các bà mẹ gầy gò miếng đồng, phẫu thuật thẩm mỹ cho những cô gái điểm nghèo khó mà không đòi quà cáp. Hãy nhanh chóng đến nhà ông ta, vì ai đến trước nhất sẽ nhận được nhiều nhất và ông ta sẽ khánh kiệt rất nhanh, buộc phải bán nhà và chuyển đi, nếu không sẽ bị nhốt vào một căn phòng tối và bị thả đĩa lên đầu gối”. Nhưng những kẻ ngốc đó đã nhầm, vì may là ông có vàng và tôi đã khôn khéo bắt vàng đó làm việc thay ông để ông không

phải chịu cảnh thiếu thốn ở tuổi của mình, mà nếu muốn, ông có thể ăn ngỗng béo mỗi ngày và uống rượu ngon nhất, sau đó trở nên giàu có, nếu ông vẫn vừa lòng với ngôi nhà đơn sơ này. Thậm chí ông cũng không phải làm bất cứ việc gì như những người khác, nên tôi cũng không ngạc nhiên nếu một buổi sáng nào đó thức dậy, tóc tôi lại đầy tro và ông ném vàng của mình xuống giếng rồi bán nhà mình và cả tôi vì nỗi khắc khoải ghê gớm của trái tim ông. Không, điều đó không có gì đáng ngạc nhiên, vì thế, ông chủ của tôi ạ, có lẽ tốt hơn nếu ông cho viết giấy vào văn khố hoàng gia, rằng tôi được tự do đi và về như tôi muốn, bởi vì lời nói dễ bị quên và mất đi, còn giấy tờ được giữ mãi, và tốt hơn nếu nó được đóng triện đất sét của ông và ông tặng cho ký lục của hoàng gia những món quà cần thiết. Tôi có lý do đặc biệt cho đề nghị này, nhưng tôi không muốn kể điều đó ra để khỏi làm phiền cái đầu và lãng phí thời gian của ông.

Đó là một buổi tối xuân ấm áp, những đám lửa phân khô cháy rào rào trước những túp lều đất, làn gió đêm từ bến cảng mang đến mùi hương của cây tuyết tùng và nước hoa Syria, bụi keo cũng tỏa hương; tất cả những mùi này hòa quyện ngọt ngào trong mũi tôi cùng với mùi cá muối rán tối tối ngập tràn khu phố nghèo. Tôi đã ăn món thịt ngỗng kiểu Thebes và uống rượu, tâm hồn tôi thư thái và rượu xua đi những suy nghĩ nặng nề cùng những khát khao và nỗi buồn lẫn khuất đâu đó sau tấm màn che trong lòng tôi. Vậy nên tôi cũng để Kaptah tự rót rượu vào cốc của mình và nói với ông ấy:

- Người được tự do, Kaptah, tự do lâu rồi, như người biết, bởi vì bỏ qua sự láo xược của người, người là bạn của ta hơn là nô lệ kể từ ngày người cho ta vay đồng và bạc của người, mặc dù người nghĩ sẽ không bao giờ lấy lại được. Hãy làm người tự do, Kaptah, và hãy hạnh phúc, ngày mai chúng ta sẽ để các ký lục hoàng gia viết các giấy tờ pháp lý mà ta sẽ đóng cả hai dấu triện Ai Cập và Syria của ta. Nhưng hãy kể cho ta nghe, người đã đầu tư tài sản và vàng của ta như thế nào, vì người nói rằng vàng sẽ làm việc

thay ta, mặc dù ta không đáng được hưởng. Người vẫn chưa gửi vàng của ta vào quỹ đền thờ như ta bảo ư?

- Không, thưa ông chủ! - Kaptah đáp một cách thành thật và nhìn thẳng vào mắt tôi với con mắt duy nhất của mình.

- Tôi không làm theo lệnh của ông, vì đó là một lệnh ngu ngốc và tôi chưa bao giờ làm theo những cái lệnh ngu ngốc, mặc dù đó là suy nghĩ của ông, mà làm theo suy nghĩ của mình. Có lẽ bây giờ là lúc tôi nên nói với ông, khi tôi đã được tự do và ông uống cũng nhiều rượu rồi nên không tức giận nữa. Nhưng dĩ nhiên, vì tôi quá quen với bản tính nóng nảy và khinh suất mà tuổi tác vẫn chưa làm giảm bớt của ông, nên để đề phòng tôi đã giấu gậy của ông đi rồi. Tôi nói với ông để ông khỏi mất công tìm nó, khi tôi bắt đầu kể cho ông nghe những gì tôi đã làm. Chỉ có những kẻ ngu như bò mới gửi tiền của mình vào đền, vì đền không trả gì cho việc bảo quản vàng mà đòi quà khi người ta gửi vàng vào kho của đền để lính canh bảo vệ vàng khỏi bị trộm. Nhưng việc đó thật ngu ngốc, vì đơn giản thuế quan biết ông có bao nhiêu vàng và sau đó vàng của ông sẽ giảm đi nhanh chóng khi nằm ở đó cho đến khi nó không còn nữa. Mục đích hợp lý nhất trong việc tích góp vàng là để nó làm việc thay mình, để mình chỉ cần ngồi rung đùi và cắn một nắm hạt sen rang mặn, đem lại một cơn khát dễ chịu. Vì thế tôi đã chạy cả ngày khắp thành phố trên đôi chân khập khiễng của mình để tìm cách tốt nhất cho vàng sinh lời ở Thebes, trong khi ông lang thang đến các đền thờ và nhìn ngắm phong cảnh. Nhờ cơn khát của mình, tôi biết được nhiều điều. Người giàu không còn gửi vàng của họ vào kho của đền, vì người ta nói ở đó vàng không an toàn và nếu đúng vậy thì vàng không còn an toàn ở bất cứ nơi nào ở Ai Cập. Tôi cũng biết đền thờ Amon đang bán đất.

- Người nói dối, - tôi giận dữ nói và đứng dậy, vì chỉ nghĩ thôi cũng thấy rất vô lý. - Amon không bán đất, mà mua đất. Từ xưa đến nay Amon chỉ mua đất cho đến khi thần sở hữu một phần

tư đất của xứ đất đen và một khi chiếm được chỗ nào, Amon sẽ không bao giờ nhả nó ra.

- Dĩ nhiên, dĩ nhiên, - Kaptah nói như để trấn an và rót thêm rượu vào cốc thủy tinh của tôi, rồi lơ đãng rót đầy cốc đất sét của mình. - Ai khôn ngoan cũng biết rằng đất đai là tài sản duy nhất luôn tồn tại và có giá trị nếu biết cách đối xử tốt với những tay địa chính và hiểu ra là hằng năm nên tặng quà cho họ sau mùa lũ. Nhưng bây giờ Amon lại bí mật và vội vàng bán đất cho bất cứ ai sùng tín thần và có vàng. Tôi cũng sợ hết hồn khi nghe tin này và tìm hiểu thì quả thật Amon đang bán đất với giá rẻ, nhưng trong hợp đồng bán mua có điều kiện rằng nếu Amon muốn thì sau một thời gian nhất định, thần có quyền mua lại đất đó với giá cũ. Dù vậy mua thế này vẫn hời, vì đất gồm cả các nhà trại, thiết bị nông nghiệp, gia súc và nô lệ, nên mỗi năm người mua sẽ kiếm được lợi nhuận lớn trên tài sản của mình nếu canh tác tốt đất đai. Ông hẳn biết Amon sở hữu những vùng đất màu mỡ nhất ở Ai Cập. Nếu mọi thứ vẫn như trước, sẽ không có gì hấp dẫn hơn một thương vụ như vậy, vì nó chắc chắn và nhanh chóng sinh lời. Trong một thời gian ngắn, Amon đã bán một lượng đất khổng lồ và thu vén tất cả số vàng trôi nổi của Ai Cập vào các hang động của mình, khiến vàng đang khan hiếm và giá bất động sản đã giảm xuống rất nhiều. Nhưng tất cả điều này là bí mật, không được phép nói đến và tôi sẽ không biết gì về nó nếu như cơn khát hữu ích của tôi không đưa tôi gặp được đúng người.

- Người không mua đất đấy chứ, Kaptah? - Tôi hoảng hốt hỏi.

Nhưng Kaptah trấn an tôi:

- Tôi không điên đến vậy, ông chủ ạ, bởi lẽ ra ông phải biết là tôi không sinh ra với phân giữa các ngón chân, mặc dù tôi là một nô lệ, mà tôi đã sinh ra nơi có những con đường rải đá và những ngôi nhà cao. Tôi không hiểu gì về đất đai, nếu tôi mua đất cho ông thì hằng năm người quản lý, người chăn nuôi gia súc, nô lệ

và con bé làm thuê sẽ hở ra là lấy trộm của tôi, trong khi đó, không ai ở Thebes có thể lấy cắp bất cứ thứ gì của tôi, mà chỉ có tôi mới lấy của người khác. Lời lẽ lớn từ các thương vụ của Amon cũng rõ ràng đến mức ngay cả kẻ ngốc cũng chú ý đến nó, vì thế tôi đoán có điều gì đáng ngờ trong các thương vụ này và sự nghi ngờ của đám nhà giàu vào mức độ an toàn của quỹ đền cũng chứng minh điều đó. Tôi nghĩ tất cả những điều này đang xảy ra là do vị thần mới của Pharaon. Rất nhiều điều sẽ xảy ra, thưa ông chủ, rất nhiều điều đáng chú ý sẽ xảy ra trước khi chúng ta thấy và hiểu tất cả những điều này sẽ dẫn đến đâu. Nhưng tôi, chỉ nhìn vào lợi ích của ông, đã dùng vàng của ông mua một loạt nhà ở với giá hời trong thành phố, cùng với các cửa hàng và nhà cho thuê, vì hằng năm chúng đem lại lợi nhuận tương đối; các giao kèo này đã sẵn sàng, chỉ cần dấu triện với chữ ký của ông. Hãy tin tôi, tôi đã mua chúng với giá rẻ và nếu những người bán tặng tôi quà sau khi giao kèo hoàn tất, điều đó không thuộc về ông mà là vấn đề giữa tôi với họ, phát sinh từ sự ngu ngốc của họ và trong các thương vụ này tôi không hề ăn chặn gì của ông. Tuy nhiên, tôi sẽ không phản đối nếu chính ông muốn tặng tôi cái gì đó làm quà, sau khi tôi đã thu xếp các thương vụ này một cách có lợi cho ông.

Tôi suy nghĩ một lát rồi nói:

- Không, Kaptah, ta không có ý định tặng người món quà gì trong các thương vụ này, vì rõ ràng người đã tính có thể ăn cắp đủ của ta khi tính tiền cho thuê và thỏa thuận với các nhà thầu xây dựng về việc sửa chữa hàng năm.

Kaptah không hề tỏ ra thất vọng, mà cam chịu theo lời tôi nói:

- Tôi cũng nghĩ như thế vì sự giàu có của ông chủ là sự giàu có của tôi, do vậy, lợi ích của ông là lợi ích của tôi và tôi phải là người trông coi tất cả tài sản của ông. Nhưng tôi phải thừa nhận rằng sau khi nghe nói về các thương vụ của Amon, tôi bắt đầu chú ý rất nhiều đến nông nghiệp nên đã đi đến các tiệm buôn

bán lúa mạch và đi hết quán rượu này đến quán rượu khác vì cơn khát của tôi, lắng nghe họ nói cho đến khi tôi học được nhiều điều. Với vàng và sự cho phép của ông chủ, tôi sẽ mua lúa mạch để tích trữ, cụ thể là vào vụ hè tới, vì lúc đó các cửa hàng bán nhiều và giá cả vẫn khá hợp lý. Kỳ thực, lúa mạch dễ hư hỏng hơn đá và nhà cửa, lũ chuột ăn nó và nô lệ đánh cắp nó, nhưng chuyện đó thường xảy ra trong nông nghiệp, và muốn thắng điều gì đó thì phải dám chấp nhận rủi ro. Dù sao, nông nghiệp và mùa màng phụ thuộc vào con nước, châu chấu, chuột đồng và kênh rạch tưới tiêu cùng với nhiều thứ khác mà tôi không muốn liệt kê thêm vì tôi không biết về chúng. Tôi chỉ muốn nói là người nông dân có trách nhiệm lớn hơn tôi vì khi mua, tôi biết là với giá này, vào mùa thu trong kho của mình sẽ có lúa mạch. Tôi sẽ giữ và bảo vệ lúa mạch cẩn thận trong kho, bởi có gì đó trong tôi mách bảo rằng giá lúa mạch sẽ tăng lên theo thời gian. Thực ra tôi chỉ dự đoán theo trí khôn của mình về các thương vụ đất đai của Amon, vì nếu mọi kẻ ngốc đều trở thành nông dân, mùa màng không thể bội thu như trước. Vì thế tôi cũng đã mua các kho hàng để chứa lúa mạch, những kho khô ráo và xây gạch cẩn thận, bởi vì khi không cần đến chúng nữa, chúng ta luôn có thể cho thương lái lúa mạch thuê và kiếm lời từ đó.

Tôi thấy Kaptah đã mệt mỏi không cần thiết và chuốc cho mình nhiều nỗi lo với những kế hoạch này, nhưng chắc chắn chúng đã khiến ông ấy thích thú nên tôi không phản đối gì các khoản đầu tư của ông, khi mà tôi không phải dính dáng gì với chúng. Tôi nghĩ vậy và khi tôi nói điều đó với ông ấy, ông cẩn thận giấu sự miễn nguyện của mình và nói với vẻ ỉn ẻ:

- Còn một kế hoạch có lẽ sinh lời nhất mà tôi muốn thực hiện bằng tiền của ông. Một trong những thương điểm lớn nhất ở chợ nô lệ đang được rao bán và tôi có thể khẳng định mình biết tất cả những gì cần biết về nô lệ, vì tôi là một nô lệ suốt cuộc đời mình, nên với việc buôn bán nô lệ, tôi tin chắc sẽ đưa ông thành người giàu có một cách nhanh chóng. Tôi biết cách giấu các

khuyết tật và nhược điểm của nô lệ như thế nào và tôi có thể sử dụng cây gậy một cách đúng đắn, điều mà ông không bao giờ biết, ông chủ ạ, nếu ông cho phép tôi nói bây giờ, khi tôi đã giấu gậy của ông. Nhưng tôi rất lấy làm tiếc, vì tôi nghĩ cơ hội đáng giá này sẽ bị bỏ qua và ông sẽ không đồng ý, có phải vậy không, thưa ông chủ?

- Người nói đúng, Kaptah, - tôi nói, - chúng ta không thể trở thành những người buôn bán nô lệ, vì nó là một công việc bẩn thỉu và đáng khinh, nhưng vì sao, ta không thể nói, bởi vì mọi người vẫn mua nô lệ, sử dụng nô lệ và cần nô lệ. Xưa đã thế và sau này vẫn thế. Nhưng điều gì đó trong ta nói rằng ta không muốn trở thành một người buôn bán nô lệ và ta không bao giờ muốn người thành như thế.

Kaptah thở phào nhẹ nhõm và nói:

- Vậy là tôi đã nhìn thấu tâm can ông, ông chủ ạ, và như thế chúng ta thoát khỏi cái xấu xa đó, vì khi nghĩ kỹ về việc này, tôi nghĩ có thể mình sẽ chú ý quá nhiều đến đám nô tỳ khi tìm hiểu kỹ chúng biết làm những gì, và như thế sẽ mất quá nhiều sức lực, điều mà tôi không còn đủ khả năng để làm, vì tôi bắt đầu già đi và các bộ phận của tôi đã xơ cứng lại, ngón tay tôi run rẩy, nhất là mỗi khi thức dậy vào buổi sáng trước khi cầm được hũ bia. Vì đã hiểu tâm can ông, tôi nói ngay với ông rằng tất cả những căn nhà tôi mua thay ông đều là nhà lương thiện, lợi nhuận không nhiều, nhưng chắc chắn. Tôi không mua nhà vui nào, cũng không mua những con hẻm của người nghèo, nơi có những túp lều xiêu vẹo mang lại lợi nhuận tốt hơn những ngôi nhà bền vững của các gia đình tử tế. Quả thật, tôi đã phải đấu tranh ghê gớm với mình để làm như vậy, vì tại sao chúng ta lại không được kiếm lợi nhuận như tất cả những kẻ khác đã làm. Tuy nhiên, trái tim tôi nói rằng ông sẽ không chấp nhận điều đó, ông chủ ạ, vì thế với cố gắng lớn nhất, tôi đã từ bỏ những mong ước quý giá của mình. Song, tôi có thêm một điều để xin ông.

Kaptah chợt ngẩn ngừ và nhìn tôi dò xét bằng con mắt duy nhất của mình để đoán định sự mềm yếu trong tâm trạng tôi. Tôi tự rót rượu vào cốc của ông ấy và khuyến khích ông nói, vì tôi chưa bao giờ thấy Kaptah thiếu tự tin như thế và điều đó làm tôi tò mò. Cuối cùng, ông ấy bảo:

- Mong muốn của tôi hẳn hào và trơ trẽn, nhưng vì ông từng nói tôi được tự do nên tôi mạnh bạo thổ lộ với ông, hy vọng ông không tức giận và để cho chắc tôi đã giấu gậy của ông. Cụ thể là tôi muốn ông đi cùng tôi đến quán rượu Đuôi Cá Sấu ở bến cảng mà tôi thường kể với ông, để chúng ta cùng vui vẻ thưởng thức rượu ngâm và ông sẽ thấy đó là nơi nào mà tôi hằng mơ thấy cả khi mắt vẫn mở khi uống bia đặc qua ống hút ở Syria và Babylon.

Tôi phá lên cười và không hề tức giận, vì rượu khiến tôi mềm yếu. Đêm mùa xuân thật sâu muộn và tôi rất cô đơn. Mặc dù việc này tôi chưa từng được nghe và thật không thích hợp với vị thế của một ông chủ, nếu tôi đi cùng người hầu của mình đến một quán rượu tồi tàn ở bến cảng để uống một thứ đồ uống gọi là đuôi cá sấu vì sự tăng lực của nó, song tôi nhớ có lần cách đây đã lâu, Kaptah đã cùng đi với tôi đến một nơi, đã tự nguyện bước qua cánh cổng vào chỗ tối tăm, mặc dù biết rằng không ai còn sống trở về từ nơi đó. Vì thế, tôi đặt tay lên vai ông ấy và nói:

- Trái tim ta mách bảo rằng đuôi cá sấu là thứ rất hay để kết thúc một ngày. Chúng ta đi thôi.

Kaptah sung sướng nhảy cẫng lên theo thói quen của nô lệ, quên hết sự xơ cứng của tay chân mình. Ông ta vội chạy đi lấy cây gậy của tôi từ chỗ mình cất giấu và quàng tấm vải khoác vai lên vai tôi. Thế là chúng tôi đi ra bến cảng và vào quán Đuôi Cá Sấu, gió mang hơi nước lên cây tuyết tùng khô và cả mùi đất bùn nở hoa.

Quán Đuôi Cá Sấu nằm giữa khu vực bến cảng, lèn giữa các nhà kho lớn bên một con hẻm nhỏ được che chắn. Nó được xây bằng gạch đất sét, tường rất dày để mát mẻ mùa hè và ấm áp mùa đông. Phía trên cửa quán, cạnh một hũ bia và hũ rượu có treo một con cá sấu khô khổng lồ với đôi mắt thủy tinh lấp lánh, miệng há hốc với nhiều răng. Kaptah hào hứng dẫn tôi vào trong, hét gọi chủ quán và tìm cho chúng tôi chỗ có ghế mềm. Ông ấy là khách quen trong quán, đi lại ở đó như thể ở nhà, nên sau lúc đầu liếc nhìn tôi nghi ngờ, những người khách khác bình tĩnh lại và tiếp tục chuyện trò. Tôi ngạc nhiên nhận thấy sàn quán bằng gỗ, tường quán cũng được ép gỗ và trên tường treo rất nhiều kỷ vật từ những chuyến đi dài, như giáo và chùm lông trên mũ của người da đen, ốc sò từ các hải đảo và vò, hũ Crete được vẽ hoa văn. Kaptah hãnh diện nhìn theo ánh mắt của tôi và nói:

- Chắc ông chủ ngạc nhiên khi thấy tường của quán được làm bằng gỗ, giống như trong nhà của người giàu. Ông biết không, tất cả ván này đều được lấy từ những con thuyền cũ bị tháo dỡ và mặc dù không muốn nghĩ về những chuyến đi trên biển, tôi cũng cần nói rằng tám ván bị nước biển bào mòn màu vàng kia đã đi đến vùng đất của Punti và tám màu nâu kia đã kẹt trên cầu thuyền của hải đảo. Nhưng nếu ông cho phép, bây giờ chúng ta sẽ thưởng thức cái đuôi mà chủ quán đã tự tay pha.

Tôi được đưa cho một chiếc cốc xinh xắn hình vỏ sò, cầm vừa trong lòng bàn tay, nhưng tôi không nhìn chiếc cốc mà dán mắt vào người mang nó đến cho tôi. Cô ta không còn thật trẻ như những hầu bàn thường thấy trong quán rượu, cũng không ăn vận nửa kín nửa hở đi lại trên sàn để thu hút khách, mà ăn mặc đoan trang, khuyên bạc đeo trên tai và vòng bạc trên cổ tay thon thả. Cô đáp lại cái nhìn của tôi và nhìn thẳng vào mắt tôi không chút sợ hãi, né tránh như đàn bà thường làm. Lông mày của cô được tỉa mỏng và mắt cô toát lên niềm vui lẫn nét buồn, cặp mắt màu nâu ấm và sống động làm trái tim ta tĩnh lại khi nhìn

vào đó. Tôi cầm chiếc cốc từ tay cô vào lòng bàn tay mình, cả Kaptah cũng cầm cốc của ông ta vào lòng bàn tay và tôi hỏi theo thói quen khi vẫn nhìn chăm chăm vào mắt cô:

- Cô tên gì, người đẹp?

Cô ta nhỏ nhẹ đáp:

- Tôi tên là Merit và tôi không quen được gọi là người đẹp, như các chàng trai nhút nhát thường làm để lần đầu tiên chạm tay vào vòng eo của một cô hầu bàn. Tôi xin ông nhớ cho điều đó, nếu như ông chiếu cố đến quán chúng tôi một lần nữa, danh y Sinuhe, Ngài Cô Đơn ạ.

Tôi cảm thấy bị tổn thương và nói:

- Tôi không hề có ý định sờ soạng vòng eo của cô, Merit xinh đẹp ạ. Nhưng sao cô biết tên tôi?

Cô ta cười, nụ cười thật đẹp trên khuôn mặt mịn màng, sạm nâu, và tinh nghịch nói:

- Danh tiếng của ông đi trước ông, Con Trai Lừa Hoang ạ, và khi gặp ông, tôi biết rằng danh tiếng của ông không bị thổi phồng, mà tất cả những gì người ta truyền tụng về ông đều là sự thật.

Sâu thẳm trong mắt cô ẩn chứa nỗi buồn xa xăm giống như ảo ảnh và trái tim tôi nhìn thấy nỗi buồn ấy qua nụ cười, vì thế tôi không thể giận mà chỉ nói với cô:

- Nếu cô muốn nói danh tiếng của tôi chính là Kaptah đang ở cạnh tôi đây, người vốn là nô lệ của tôi và hôm nay đã được tôi trả tự do, thì cô không nên tin vào lời ông ấy. Ngay từ khi sinh ra, lưỡi của ông ấy đã có một nhược điểm là không phân biệt giả dối với sự thật mà yêu thích cả hai và có lẽ thường thích lừa dối nhiều hơn sự thật. Tài năng thầy thuốc của tôi cũng không khá hơn cây gậy của mình khi chữa nhược điểm ấy.

- Có lẽ lời nói dối đôi khi ngọt ngào hơn sự thật, - cô ta nói, - khi con người ta rất cô đơn và mùa xuân đầu tiên của người đó đã trôi qua. Vì thế tôi vui lòng tin lời ông khi ông gọi tôi là “Merit xinh đẹp” và tôi tin tất cả những gì mà nét mặt ông nói với tôi. Nhưng ông không muốn ném rượu đuôi cá sấu mà tôi mang đến cho ông sao, vì tôi tò mò muốn biết liệu nó có thể sánh với những đồ uống khác thường ở tất cả những miền đất xa lạ mà ông đã ghé thăm hay không?

Vẫn nhìn thẳng vào mắt cô, tôi nâng cốc trong lòng bàn tay lên uống, nhưng sau khi uống một ngụm, tôi không nhìn vào mắt cô nữa mà máu dâng lên đầu và tôi bắt đầu ho, cổ họng nóng như lửa đốt. Cuối cùng, khi hít được một hơi vào trong lồng ngực, tôi nói:

- Thú thật, tôi rút lại tất cả những gì mình vừa nói về Kaptah, bởi vì ít nhất trong chuyện này ông ấy đã không hề nói dối. Đồ uống của cô quả thật mạnh hơn bất kỳ đồ uống nào mà tôi đã nếm, nóng hơn dầu lửa mà người Babylon dùng để thắp đèn và tôi tin nó giống như một cú đập của đuôi cá sấu, hạ gục ngay cả một người đàn ông khỏe mạnh.

Nói rồi, tôi lắng nghe và cảm thấy thân thể mình đang bốc lửa, trong vòm miệng cháy khô của tôi còn đọng lại mùi dầu thơm và các loại gia vị. Trái tim tôi được chấp thêm đôi cánh như con én và tôi nói:

- Nhân danh Seth và tất cả loài quỷ dữ, tôi không thể hiểu đồ uống này được pha như thế nào và tôi không biết liệu tôi bị nó hay đôi mắt của cô thôi miên, Merit ạ. Nhưng, quả thật ma thuật đang chạy trong tay chân tôi và trái tim tôi đang trỗi dậy, nên đừng ngạc nhiên nếu tôi đặt tay lên eo cô, vì lỗi tại cái đuôi này chứ không phải tại tôi.

Cô ta thận trọng tránh xa tôi hơn, giơ tay lên tinh nghịch, và cô trông thật mảnh mai, chân tay dài thon thả khi mỉm cười và nói

với tôi:

- Ông không nên chửi thề, vì đây là một quán rượu làng hoang, tôi chưa già và gần như còn trong trắng nữa, mặc dù mắt ông có thể không tin. Nhưng về đồ uống, tôi có thể nói rằng đó là món quà hồi môn tuyệt vời tôi được thừa hưởng từ cha tôi, vì thế nô lệ Kaptah này của ông đã không ngớt cầu hôn tôi nhằm có được bí quyết mà không mất gì, nhưng ông ta chỉ có một mắt, béo ú và già, và tôi không tin người nữ trưởng thành nào lại hứng thú với ông ta. Vì thế, ông ta sẽ phải mua quán rượu này bằng vàng và còn định mua cả bí quyết của tôi, mà nói thật chắc chắn ông ta phải cân rất nhiều vàng trước khi chúng tôi có thể ưng thuận.

Kaptah làm những cử chỉ hăm dọa để buộc cô ta im lặng, nhưng tôi uống thêm ngụm nữa và lửa lại bùng lên trong cơ thể, nên tôi nói:

- Tôi tin Kaptah sẵn sàng cùng cô đập vỡ vò vì đồ uống này, dù biết rằng cô có thể sẽ bắt đầu hắt nước nóng vào chân ông ấy. Nhưng ngay cả khi không có bí quyết của cô, ông ấy vẫn sẵn lòng, tôi hiểu ông ấy khi tôi nhìn vào mắt cô, mặc dù cô nên nhớ rằng lúc này đuôi cá sấu trong tôi đang nói, chứ ngày mai lưỡi của tôi có thể không còn chịu trách nhiệm với những lời này nữa. Nhưng có đúng là Kaptah sở hữu quán rượu này không?

- Xéo đi, ả đàn bà to gan! - Kaptah nói và chen thêm vào lời nói của mình tên của tất cả các vị thần mà ông đã học được ở Syria. Rồi ông quay sang tôi, nói như van xin:

- Ông chủ ơi, bất ngờ quá, vì tôi muốn từ từ chuẩn bị cho ông chủ và xin sự ưng thuận của ông, bởi vì tôi vẫn là người hầu của ông. Nhưng đúng là tôi đã mua quán này từ người chủ và tôi cũng định moi bí quyết pha chế đuôi cá sấu từ con gái ông ta, bởi vì đồ uống đó đã làm quán này nổi tiếng khắp triền sông, nơi nhiều đàn ông vui vẻ tụ tập, và lúc đi xa tôi đã nhớ đến nó hằng ngày. Như ông biết, bằng sự thông minh và khéo léo nhất của

mình, tôi đã lấy trộm của ông trong suốt những năm qua, vì thế tôi đã gặp khó khăn khi đầu tư bạc và vàng của riêng mình, bởi vì tôi phải nghĩ đến tuổi già khi không còn đủ sức ngược xuôi làm vô số chuyện của ông và tôi muốn bộ xương mình được sưởi ấm bên bếp than.

Ông ấy nhìn tôi như thấy mình có lỗi, vì tôi bắt đầu cười khi nghĩ Kaptah sẽ thế nào khi ông ấy gắng sức chạy, rồi đến khi ông ấy dùng kiểu còn tôi đi bộ. Tôi cũng nghĩ xương của ông ấy sẽ khó được sưởi ấm qua lớp mỡ dày bên cạnh lò than, nhưng rồi tôi nhớ ra chắc đuôi cá sấu đã làm tôi có những suy nghĩ này. Vì vậy tôi thôi cười, xin lỗi Kaptah một cách nghiêm túc và giục ông ấy nói tiếp.

- Khi còn là một nô lệ trẻ, tôi chỉ ước ao được làm chủ một quán rượu, - Kaptah nói, vì đuôi cá sấu khiến ông xúc động. - Hồi đó quả thật tôi nghĩ chủ quán được uống nhiều bia không phải trả tiền mà không bị ai chê trách. Giờ đây tôi biết chủ quán chỉ được uống vừa phải, không bao giờ được phép say và điều này tôi thấy khá lành mạnh, vì uống quá nhiều bia khiến tôi cảm thấy lạ lùng, đôi khi tôi nhìn thấy hà mã và những thứ đáng sợ khác. Nhưng chủ quán rượu được liên tục gặp gỡ những người có thể đem lại lợi lộc cho ông ta, được nghe và biết mọi chuyện xảy ra và điều này mê hoặc tôi khủng khiếp, vì từ khi sinh ra tôi đã có tính tò mò. Với tư cách là chủ quán, tôi cũng sử dụng lưỡi của mình như một lợi thế, và tôi nghĩ mình có thể giải trí cho khách bằng những câu chuyện của mình, khiến họ vô tình uống cạn hết cốc này đến cốc khác và chỉ ngạc nhiên khi phải trả tiền. Bởi vậy khi ngấm lại kỹ càng mọi chuyện, tôi thấy ban đầu thần linh định cho tôi làm chủ quán rượu, nhưng do nhầm lẫn mà tôi sinh ra là nô lệ. Tuy nhiên, điều này bây giờ chỉ có lợi cho tôi, vì quả thật không có mảnh khoe, xảo thuật hay trò dối lừa để tìm cách quỵt tiền nào của khách mà tôi không biết và từng thử qua. Mặc dù phải công nhận, tôi nghĩ mình quen biết mọi người và biết rõ có thể cho ai uống nợ, ai không và đây là điều quan trọng nhất đối với một chủ quán, bởi vì bản tính con người thật lạ

lòng, khi được nợ có thể uống vô độ không nghĩ đến ngày phải trả tiền, nhưng nếu phải trả tiền ngay thì khư khư giữ bạc tiết kiệm của mình.

Kaptah uống cạn cốc của mình rồi hai tay ôm đầu, mỉm cười buồn bã và nói:

- Tôi cũng nghĩ nghề chủ quán chắc chắn nhất và đáng tin cậy nhất trong tất cả các nghề, vì dù thế nào thì con người vẫn khát và dù cho quyền lực của pharaon lung lay, các vị thần rời khỏi ngai vàng, các quán rượu và quán bia cũng không vắng khách hơn trước. Bởi lẽ khi vui con người ta uống rượu, lúc buồn cũng uống rượu, khi được việc uống rượu mừng và khi thất vọng cũng đắm chìm trong rượu. Anh ta uống khi yêu và cả khi bị vợ đánh. Anh ta tìm đến rượu khi thất bại trong kinh doanh và tắm trong rượu mừng khi có lợi nhuận. Thậm chí nghèo đói cũng không ngăn người ta uống rượu, vì lúc đó anh ta sẽ làm việc chăm chỉ hơn để có thể tô điểm cho sự nghèo khó của mình bằng rượu. Điều gì đúng với rượu cũng đúng với bia, mặc dù tôi nói về rượu cho thêm thi vị và cho lời nói thêm đẹp, vì thật lạ là các nhà thơ vẫn chưa viết những bài thơ ca ngợi bia mà lẽ ra nó rất đáng được nhận, vì chỉ cần uống bia thôi, ta cũng có thể say mềm, say đích đáng, thậm chí say hơn rượu. Nhưng tôi không muốn làm ông chán ngán khi ca ngợi lợi ích của bia cùng rượu, mà trở lại vấn đề của mình, tôi xin nói rằng theo kinh nghiệm của mình, tôi thấy nghề chủ quán rượu là an toàn nhất trong tất cả các nghề, vì thế tôi đã đầu tư vào quán này tất cả vàng và bạc tôi tần tiện được trong nhiều năm qua. Quả thật, tôi khó có thể nghĩ đến nghề nào tốt hơn và thú vị hơn trừ nghề điểm, một nghề không cần vốn ban đầu mà luôn mang trên mình cả cửa hàng và nhà kho và nếu khôn ngoan sẽ được dưỡng già trong ngôi nhà được xây bằng hông và eo mình. Nhưng xin lỗi tôi lại lỡ miệng nói về việc của người khác, vì sự thật là tôi vẫn chưa kịp quen lại với đuôi cá sấu, nó lại làm lưỡi tôi huyền ảo. Tôi định nói quán đã là của tôi và hiện tại chủ quán điều hành quán với sự giúp đỡ của phù thủy Merit này và chúng tôi sẽ chia đều

lợi nhuận cho đến khi tôi nghỉ ngơi lúc về già. Chúng tôi đã thỏa thuận việc này và đã thề với cả hàng ngàn thần linh Ai Cập, do vậy tôi không nghĩ ông ta sẽ lấy trộm quá mức cho phép từ phần lời của tôi vì ông ta là một người ngoan đạo, đến đền thờ trong tất cả các ngày lễ để cúng tế, mặc dù tôi tin ông ta làm điều này để các giáo sĩ cũng đến quán và họ là những khách hàng tốt, vì họ đã quen với các loại rượu mạnh nơi đổi nhò của mình, thưởng thức chúng hàng vò và một, hai đuôi cá sấu vẫn chưa hạ gục được họ. Nhưng tôi không nghi ngờ lòng mộ đạo của ông ta, vì không có gì sai nếu người khôn ngoan kết hợp chuyện làm ăn với việc tu hành đạo đức và, vâng, chắc chắn tôi không còn nhớ mình đã bắt đầu từ đâu và cần phải nói gì, vì đây là một ngày rất vui với tôi và tôi thấy sung sướng nhất là ông đã không tức giận và trách mắng vì việc tôi đã làm mà vẫn tiếp tục coi tôi là người hầu của mình, mặc dù tôi là chủ một quán rượu, một nghề mà không phải ai cũng coi là đáng tôn trọng.

Sau bài nói dài dòng này, Kaptah bắt đầu lú lú và gục đầu vào lòng tôi khóc rồi ôm chặt lấy đầu gối tôi vì xúc động và rõ ràng là đang say. Tôi lấy hết sức đỡ vai, kéo ông ta ngồi thẳng lên và nói:

- Quả thật, ta tin người không thể tìm được một nghề thích hợp hơn có thể đảm bảo cho tuổi già của mình, nhưng chỉ có một điều ta không hiểu. Nếu một khi chủ quán biết quán của ông ta đang bán tốt và giữ bí quyết pha đuôi cá sấu, thì tại sao ông ta lại đồng ý bán cho người mà không giữ lợi nhuận cho mình?

Kaptah nhìn tôi vẻ trách móc với con mắt duy nhất đầy nước mắt và nói:

- Chẳng phải tôi đã nói hàng ngàn lần rằng ông có một biệt tài lạ lùng là luôn hủy hoại tất cả niềm vui của tôi bằng lý lẽ đáng hơn cả ngải của mình sao? Chưa đủ sao khi tôi cũng nói như ông ta, rằng chúng tôi là bạn từ hồi còn trẻ và quý nhau như anh em, vì thế chúng tôi muốn chia sẻ niềm vui và lợi nhuận của mình?

Nhưng từ ánh mắt ông tôi thấy rằng điều đó chưa đủ với ông, cũng như nó chưa đủ với tôi, vì thế tôi thừa nhận rằng dĩ nhiên trong vụ làm ăn này cũng có điều gì đó đáng ngờ. Người ta đồn đoán về những bất ổn lớn sẽ xuất hiện khi Amon và thần của Pharaon đánh nhau để giành quyền lực, và như ông biết rõ, trong lúc bất ổn, các quán rượu bia sẽ phải hứng chịu đầu tiên, các cửa sổ của quán sẽ bị phá vỡ, chủ quán sẽ bị đánh đập và ném xuống sông, vò rượu bị lật nhào, đồ đạc bị đập vỡ và trong trường hợp xấu nhất, toàn bộ ngôi nhà bị đốt cháy sau khi các vò rượu bị uống cạn. Điều này dễ xảy ra hơn nếu người chủ ở bên phi nghĩa, như chủ quán này là người của Amon và tất cả đều biết điều đó nên ông ta không kịp thay đổi chính kiến nữa. Ông ta bắt đầu nghi ngờ việc của Amon sau khi nghe tin Amon bán đất và tôi, tất nhiên, đã kích động sự nghi ngờ của ông ta, mặc dù những người quá lo xa cho tương lai của mình thường dễ bị trượt vò trái cây trên đường, bị mái ngói rơi xuống gáy hay nằm dưới bánh xe bò. Ông chủ quên là chúng ta có bộ hung và tôi tin chắc là nó có thể bảo vệ Đuôi Cá Sấu, mặc dù nó có rất nhiều việc để bảo vệ, là các lợi ích của ông.

Tôi nghĩ một lúc lâu rồi nói:

- Kaptah, dù sao, ta phải công nhận rằng trong một hôm nay thôi, người đã kịp làm được nhiều việc.

Nhưng Kaptah đã từ chối lời khen của tôi và nói:

- Ngài quên sao ông chủ ơi, chúng ta đã rời thuyền hôm qua. Song, có thể nói cỏ không kịp mọc dưới chân tôi và chắc chắn là ông không thể tin, nhưng tôi phải thừa nhận lưỡi của tôi cũng mệt mỏi, vì một cái đuôi cá sấu khiến nó lấp bắp rồi.

Thế là chúng tôi đứng dậy tạm biệt chủ quán ra về, Merit tiễn chúng tôi đến cửa, những chiếc vòng bạc leng reng ở cổ tay và mắt cá chân. Dưới ánh mờ mờ giữa khung cửa, tôi đặt tay lên eo

cô ấy và thấy cô ở gần tôi, nhưng cô ấy vừa dứt khoát gỡ tay tôi ra vừa nói:

- Cái chạm của ông có thể dễ chịu, nhưng tôi không muốn ông chạm vào khi đuôi cá sấu cho biết quá rõ về lòng bàn tay ông.

Tôi xấu hổ gơ hai tay lên nhìn, quả thật trông chúng rất giống những móng chân cá sấu, rồi chúng tôi đi thẳng về nhà, trải thảm ra và ngủ rất ngon.

7

Cuộc sống của tôi ở khu phố nghèo Thebes trong ngôi nhà cũ của thợ đúc đồng bắt đầu như thế. Tôi có rất nhiều bệnh nhân, như Kaptah dự đoán, song tôi không kiếm được nhiều tiền mà mất nhiều hơn số tiền kiếm được, vì tôi thường cần nhiều loại thuốc đắt tiền để chữa cho bệnh nhân và tôi không có lợi từ việc chữa cho những người đói khát, nếu họ không có đủ chất béo và cháo bột để lấy lại sức. Những món quà tôi nhận được không có nhiều giá trị nhưng chúng đem đến cho tôi niềm vui, và vui hơn khi tôi nghe rằng những người nghèo bắt đầu cầu nguyện cho tên của tôi. Mỗi đêm, ánh sáng từ những ngọn đèn ở trung tâm thành phố bùng lên đỏ rực trên bầu trời Thebes nhưng tôi đã kiệt sức vì công việc và tối đến tôi nghĩ về các chứng bệnh của bệnh nhân và cả về Aton, thần của Pharaon.

Kaptah thuê một bà đã luống tuổi về quán xuyến việc nhà, một người tỏ ra rất mệt mỏi với cuộc sống lẫn cánh đàn ông, như có thể nhìn thấy được trên khuôn mặt bà. Nhưng bà ấy nấu ăn ngon, ít lời và không kêu ca về mùi của những người nghèo ngồi ngoài hiên và không đuổi họ ra khỏi chỗ tôi với những lời độc ác. Tôi đã quen với bà ấy rất nhanh và bà không làm phiền tôi, mà sự hiện diện của bà giống như một cái bóng khiến tôi không còn chú ý đến sự có mặt của bà nữa. Tên bà là Muti.

Cứ thế, tháng này qua tháng khác, tình trạng bất ổn ngày càng lớn dần ở Thebes và không ai nói gì về việc Horemheb trở lại. Mặt trời thiêu đốt các sân nhà thành vàng sạm, thời gian nóng nhất của mùa hè đã gần kề. Thỉnh thoảng tôi thêm được thay đổi nên đi cùng Kaptah đến quán Đuôi Cá Sấu, vui đùa với Merit và nhìn vào mắt cô ấy, mặc dù cô ấy vẫn giữ khoảng cách với tôi khiến trái tim tôi nhói đau. Nhưng tôi không còn uống thứ rượu mạnh quán mang tên mà hài lòng với một cốc bia lạnh trong thời tiết nóng nực, thứ làm dễ chịu chứ không say và làm cho tâm trí trở nên tỉnh táo khi ngồi trong những bức tường đất mát mẻ. Tôi lắng nghe những cuộc trò chuyện của khách đến quán rượu và sớm nhận ra rằng không phải ai cũng có chỗ ngồi và cốc để uống trong quán này, mà chỉ những khách được chọn, dù trong số họ có thể có kẻ đã phải đào trộm mộ để có vàng, có kẻ sống cuộc sống của người tống tiền, nhưng khi ở trong quán rượu, họ quên nghề nghiệp của mình và cư xử đứng đắn. Tôi tin Kaptah khi ông ấy nói chỉ những người có ích cho nhau mới gặp nhau ở đây. Chỉ có tôi là ngoại lệ, không ai được lợi lộc gì từ tôi và tôi cũng là một người xa lạ ở đây, mặc dù họ vẫn chịu cho tôi ngồi đây và sự hiện diện của tôi không đáng sợ vì tôi là bạn của Kaptah.

Tôi đã nghe nhiều chuyện ở đây và nghe Pharaon bị nguyên rửa lần được ngợi ca, nhưng vị thần mới của ngài phần nhiều bị chế giễu. Cho đến một buổi tối kia, một thương nhân bán hương nhang bước vào quán rượu, quần áo rách tươm và tóc rắc đầy tro, ông ta đến dùng đuôi cá sấu để xoa dịu nỗi buồn. Ông ta kêu lên:

- Quả thật hãy để vị pharaon giả này, người thừa kế độc ác và giả dối này, bị nguyên rửa mãi mãi, vì không còn ai giữ tay ông ta và ông ta sẽ làm mọi thứ theo cách riêng của mình và phá hủy nghề nghiệp chính đáng của tôi. Cho đến giờ, tôi đã nhận được lợi nhuận tốt nhất từ nhang đèn được nhập khẩu từ xứ Punt và những chuyến đi trên vùng biển mạn đông này không nguy hiểm chút nào, bởi vì mỗi mùa hè, tàu thuyền được trang bị cho

chuyến đi thương mại và ít nhất hai trong mười thuyền trở về vào năm sau, nên tôi có thể tính trước được lợi nhuận và vốn của mình. Nhưng các vị đã nghe chuyện này chưa? Khi đội thuyền sắp khởi hành, Pharaon thường đích thân ra tận cảng kiểm tra. Thế có thần Seth, vì sao ông ta phải như linh cầu chỗ mũi vào mọi thứ như thế chứ? Ông ta có những người ký lục và cận thần làm việc này, theo đúng luật pháp và tập quán như trước đây. Nhưng Pharaon nhìn thấy các thủy thủ kêu khóc trên thuyền, vợ con họ kêu khóc trên bờ và lấy đá sắc rạch mặt, như một phong tục tốt khi người đàn ông chuẩn bị cho chuyến đi biển, vì ai chả biết nhiều người đi biển ít người trở lại. Tất cả những việc này liên quan tới đội thuyền đi Punt và đã có từ thời của Hoàng hậu vĩ đại, nhưng tin hay không tùy các ông, tên khốn nhãi ranh này, Pharaon đáng nguyên rủa này, đã cấm đội thuyền rời bến và tuyên bố sẽ không bao giờ cho đóng và trang bị cho thuyền đi Punt nữa. Xin Amon chứng giám, mọi thương gia chân chính đều biết điều này có nghĩa là gì. Nó có nghĩa là chết chóc và phá sản sẽ đến với rất nhiều người, có nghĩa là nghèo khổ và đói khát với vợ con thuyền viên. Rốt cuộc, nhân danh thần Seth, không người đàn ông nào đi biển nếu số phận không buộc phải thế, vì anh ta đã làm gì đó phạm tội và các quan tòa dựa trên giấy tờ pháp lý mà xử anh ta phải làm công trên thuyền. Cũng hiếm khi họ bị xử sai và bị cưỡng bức xuống thuyền mà việc này chỉ xảy ra vào những năm bội thu, khi tội phạm giảm, nhưng tội phạm đã có quá nhiều từ khi Pharaon này lên trị vì trên đất Ai Cập, khi con người không còn sợ thần linh mà ai cũng sống như ngày tận thế sắp đến. Các ông hãy nghĩ về những tài sản được đầu tư vào thuyền và kho hàng hóa, đồ thủy tinh và đất nung. Các ông hãy nghĩ về các đại diện thương chánh của Ai Cập, những người buộc phải mãi mãi ở lại trong những túp lều rơm của xứ Punt vì đã bị thần của họ chối từ. Tim tôi rỉ máu khi nghĩ về họ cùng với những người vợ và những đứa con đang than khóc của họ, những người sẽ không bao giờ còn gặp lại cha mình, vì thực ra nhiều người đã lập gia đình mới và sinh con ở đó, những đứa trẻ nghe kể là có nhiều màu da.

Chỉ sau khi uống hết ba đuôi cá sấu từ cốc trong lòng bàn tay, thương gia nhang đèn mới bình tĩnh lại, nín lặng rồi vội vàng xin lỗi vì có thể trong nỗi buồn quá sức chịu đựng của mình, ông đã nói lời xúc phạm đến Pharaon.

- Nhưng, - ông ta nói tiếp, - tôi đã nghĩ là Hoàng thái hậu Teje, người rất thông thái và am hiểu, sẽ giữ con trai mình trong khuôn phép và tôi cũng đã nghĩ giáo sĩ Eje là người khôn ngoan, thế nhưng tất cả bọn họ chỉ muốn đánh đổ Amon, vì vậy nên mới để cho Pharaon tự do phá phách với những dự định điên rồ của ngài ta. Tội nghiệp Amon! Người đàn ông thường tỉnh ra sau khi đập vỡ bình cùng đàn bà và kết hôn, thế nhưng Nefritite này, Hoàng hậu vĩ đại này, chỉ quan tâm đến váy áo của mình với những kiểu mẫu lỗi lạng. Tin hay không tùy các ông, chứ bây giờ đàn bà trong cung toàn lấy đá lông công kẻ mắt xanh rờn và đi lại trong xiêm áo hở từ eo xuống phơi cả rốn ra cho đàn ông nhìn.

Kaptah thấy tò mò và hỏi:

- Kiểu mẫu như thế, tôi chưa bao giờ thấy ở các xứ khác, cho dù tôi bị buộc phải nhìn bao nhiêu điều kỳ quặc trong ăn vận của đàn bà. Ông nói thật đi, lẽ nào họ để hở cả âm hộ, cả Hoàng hậu cũng thế?

Thương gia nhang đèn bực tức:

- Tôi là người đàn ông ngoan đạo và tôi có vợ con, nên tôi không hạ ánh mắt xuống dưới rốn và tôi cũng khuyên ông đừng làm điều thất thố như vậy.

Merit xen vào câu chuyện và tinh quái nói:

- Cái miệng của ông trơ trẽn thì có, chứ không phải những xiêm áo mới cho hè này; chúng rất mát mẻ và tôn vẻ đẹp phụ nữ theo đúng quyền của người ấy nếu có cái bụng đẹp, khuôn hình thon thả và bà đỡ vụng về không làm xấu cái rốn của cô ấy. Mà ông

cũng có thể hoàn toàn an tâm nhìn xuống dưới, vì dưới chiếc váy để hở, nếu có một chiếc khố nhỏ may từ loại vải lanh mỏng thì sẽ không xúc phạm đến đôi mắt của ngay cả người ngoan đạo nhất, chỉ cần người ấy cẩn thận nhốt hết lông như người phụ nữ lương thiện vẫn làm.

Thương gia nhang đèn rất muốn vặc lại lời Merit nhưng không được nữa, vì đuôi cá sấu thứ ba mạnh hơn cái lưỡi của ông ta. Vì vậy ông ta ôm đầu trong hai bàn tay và khóc tức tưởi vì lỗi ăn vận của đàn bà trong cung và vì số phận khốn khổ của những người Ai Cập bị mắc lại ở xứ Punt. Nhưng một vị giáo sĩ Amon già với hai má béo xệ và cái đầu cạo trọc bóng loáng thơm mùi dầu đã xen vào câu chuyện thay ông ta. Vị giáo sĩ, được đuôi cá sấu làm cho kích động, đập tay xuống bàn và gào to:

- Việc này đi quá xa rồi! Tôi không nói về việc ăn vận của phụ nữ, vì thần Amon chấp nhận bất cứ kiểu mẫu nào, chỉ cần họ mặc đồ trắng trong các ngày lễ và bất kỳ ai cũng được phép nhìn rón với cái bụng tròn của phụ nữ xinh đẹp. Nhưng khi Pharaon làm ra vẻ thương xót số phận của các thủy thủ nên đã ngạo mạn ngăn cấm việc nhập tất cả các loại gỗ thơm từ xứ Punt về đây, thì việc này đi quá xa rồi, vì Amon đã quen với những mùi thơm quyến rũ ấy và bây giờ chúng ta dùng phân đốt đồ cúng tế của chúng ta chẳng? Việc làm này đúng là sự chọc tức đáng hổ thẹn, là sự xúi giục có chủ đích, và tôi cũng không ngạc nhiên nếu sau việc này bất cứ người lương thiện nào cũng sẽ nhổ vào mặt những ai mặc trên người bộ đồ có thêu thánh giá sự sống, biểu trưng cho vị thần đáng nguyên rủa mà tôi không muốn nhắc đến tên vì sợ làm bẩn mồm cao quý của mình. Nói thật, tôi sẽ trả thật nhiều đuôi cá sấu cho người nào đêm nay đến cái đền mà các ông ai cũng biết rất rõ và giải quyết nhu cầu lên bàn thờ ấy, vì đền mở cửa, không có thành bao quanh và tôi nghĩ một người khéo léo sẽ dễ dàng đánh lừa lính canh ở đó. Thực ra chính tôi cũng có thể làm việc đó nếu như danh giá của tôi cho phép và nếu như tiếng tăm của Amon không bị thương tổn vì việc đó.

Giáo sĩ nhìn quanh với vẻ thách thức và một lúc sau, một người đàn ông mặt rỗ chằng chịt vết dịch hạch đến bên lão ta. Hai người bắt đầu thì thảo với nhau và giáo sĩ gọi hai đuôi cá sấu, cho đến khi người mặt rỗ bắt đầu to tiếng:

- Tôi thật sự sẽ làm việc đó, không phải vì vàng ông hứa, mà chỉ vì tội lỗi của tôi, vì cho dù tôi đã phạm nhiều tội và không hề run tay khi phải cửa đứt cổ hay lấy dao cắt cả hai tai ai đó nếu cần, tôi vẫn tin điều mẹ tôi dạy và Amon vẫn là thần của tôi, tôi muốn được hưởng sự ưu ái của ngài trước khi chết, bởi vì cứ mỗi lần đau bụng, tôi lại lo lắng nhớ đến bao nhiêu việc làm đen tối trước đây của mình.

- Đúng như vậy, - giáo sĩ đáp lời, ngà ngà không kém, - việc làm của ông thật đáng khen và ông sẽ được tha thứ. Nếu như nguy hiểm đe dọa khi ông vì Amon, thì ông hãy biết là ông sẽ đến thẳng miền tây, cho dù thi thể của ông thối rữa trên tường thành. Cả các thủy thủ bị chết chìm dưới biển vì phụng sự Amon khi lấy cho thần các loại gỗ và hương thơm quý giá cũng sẽ đến thẳng miền tây như vậy mà không cần lội qua đầm lầy của địa ngục. Chính vì vậy Pharaon là tội đồ khi đã tước đi của những thủy thủ ấy cơ hội chết đuối vì Amon.

Giáo sĩ đập cái cốc ốc biển xuống bàn và quay về phía tất cả khách của quán rượu, gào to:

- Với tư cách là giáo sĩ bậc bốn, ta có quyền buộc và cởi bỏ tội lỗi của các người. Vậy nên ta bảo với các người, mỗi việc các người làm vì Amon sẽ được tha thứ, cho dù đó là giết người, đánh người, trộm cắp hay hãm hiếp, vì Amon nhìn vào tâm của con người ta và đánh giá việc làm của họ theo mục đích của tâm. Hãy đi đi, lấy vũ khí giấu xuống vạt áo và...

Câu kêu gào của giáo sĩ bị đứt giữa chừng vì chủ quán đã bình thản đến gần, lấy cây chùy da đập vào đỉnh đầu lão, khiến đầu lão gục xuống giữa hai đầu gối và từ ngửa nằm lại trong cuống

họng. Khách khứa bùng dậy và gã mặt rỗ rút dao ra khỏi thắt lưng, nhưng chủ quán đã bình tĩnh lưu ý khách khứa:

- Tôi làm việc này vì Amon, vì vậy tôi đã được tha thứ từ trước và bản thân giáo sĩ cũng sẽ làm điều đó khi ông ấy tỉnh lại. Bởi vì dù ông ấy có nói thật trên danh nghĩa của Amon nhưng đó cũng là lời nói của đuôi cá sấu, và vì ông ấy gào quá to, mà trong quán này không ai được phép hò hét và làm ồn ỉ trừ tôi ra. Tôi nghĩ các vị ai cũng hiểu điều tôi nói, nếu các vị là người khôn ngoan.

Tất cả khách đều thừa nhận là chủ quán nói đúng và nói thật. Gã mặt rỗ lay lay giáo sĩ trong khi mấy người khách lén nhanh ra ngoài cửa. Cả tôi và Kaptah cũng rời đi và khi đến cửa, tôi nói với Merit:

- Nàng đã biết là tôi cô đơn, nhưng đôi mắt nàng cũng kể cho tôi biết là nàng cũng cô đơn. Tôi đã nghĩ rất nhiều về những lời một lần nàng nói với tôi và tôi tin rằng với người cô đơn, đôi lúc lời nói dối ngọt ngào hơn sự thật, khi mùa xuân đầu tiên của người ấy đã trôi qua. Vì vậy tôi muốn nàng hãy mặc bộ xiêm áo hề mẫu mới nhất, bộ mà nàng nói, vì dáng hình nàng đẹp, chân tay nàng dài và thon thả, và tôi nghĩ nàng cũng không cần phải xấu hổ vì bụng của mình khi tôi đi cạnh nàng trên Đại lộ Nhân Sư.

Merit không hất tay tôi ra khỏi eo mình mà khẽ bóp nhẹ tay tôi và nói:

- Có lẽ tôi sẽ làm điều ông khuyên.

Nhưng lời hứa của nàng không làm tôi vui khi tôi bước ra ngoài vào buổi tối nóng nực nơi bến cảng, tâm hồn tôi tràn ngập nỗi buồn man mác và từ nơi nào đó xa xa bên dòng sông đêm yên tĩnh vẳng lại tiếng sáo sậy hai ống cô đơn.

Ngày hôm sau, Horemheb trở lại Thebes và anh ta quay lại cùng đội quân của mình. Nhưng để kể lại điều này và tất cả những điều khác đã xảy ra thì tôi phải bắt đầu vào quyển sách mới.

Nhưng dù sao tôi vẫn muốn nói thêm là trong thời gian chữa bệnh cho người nghèo này, đã hai lần tôi buộc phải mổ sọ, lần đầu là một người đàn ông đã già và lần thứ hai là một người đàn bà nghèo khẳng khẳng mình chính là nữ hoàng Hatshepsut vĩ đại. Cả hai người đã hoàn toàn bình phục, đem lại cho tôi niềm vui vô bờ vì tài chữa bệnh của mình, nhưng tôi nghĩ người đàn bà nghèo đã từng hạnh phúc khi nghĩ mình là nữ hoàng Hatshepsut, hạnh phúc hơn cả khi đã được chữa lành.

(Mời quý độc giả xem các Sách tiếp theo trong tập 2)

SINUHE

EGYPTILÄINEN



Người Ai Cập

Quyền lực & Tình yêu



Nguyên tác của *Dấu Chân Trên Cát*

MIKA WALTARI

Võ Xuân Quế & Bùi Việt Hoa dịch

NHA XUẤT BẢN DÂN TRÍ



First News®
What's new & what's there & why



Duong Kobo's Book Club

*Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo*



SCAN TO JOIN

NGƯỜI AI CẬP - TẬP 2

Quyền lực và Tình yêu

Mika Waltari

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860752

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập : xxxxxxxxxxxx

Trình bày : Văn Đông

Bìa : Phương Thảo

Thực hiện liên kết:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT (First News)

Địa chỉ: 11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM

Mười lăm sách kể về cuộc đời danh y Sinuhe vào những năm 1390-1335 trước Công lịch

Sách thứ mười

Thành phố thiên đường



1

Horemheb từ xứ Kush trở về vào dịp hè nóng như thiêu như đốt. Những con én không còn bay liệng mà đã từ lâu giúi mình vào bùn, nước bốc mùi thối rửa trong các ao quanh thành phố, châu chấu và bọ nhậy tàn phá mùa màng. Nhưng các vườn cây ở khu giàu có của Thebes vẫn xanh rì, mát mẻ và các vườn hoa nở rộ, khoe màu sắc sặc sỡ dọc hai bên Đại lộ Nhân Sư, bởi ở Thebes chỉ người nghèo mới thiếu nước ngọt và chỉ thức ăn của họ mới bị bụi làm mất ngon, vì bụi rơi xuống như tấm màn vải phủ khắp nơi, phủ đầy lá keo, lá si trong khu phố của họ. Còn bên bờ nam của sông, cung điện vàng của Pharaon nhô lên trên những bức tường và vườn cây như một giấc mơ sáng chói, đỏ rực và xanh nhạt trong màn bụi xám mờ, nóng bỏng của ban ngày. Mặc dù đây là thời gian nóng nhất của mùa hè, song Pharaon không đi đến cung điện mùa hè của mình nơi miền Hạ mà vẫn ở lại Thebes. Do vậy, dân chúng đoán rằng sắp có điều gì đó xảy ra và nỗi lo lắng như bầu trời đen kịt trước cơn bão cát đè nặng trái tim mọi người.

Không ai ngạc nhiên khi thấy binh lính bắt đầu hành quân trên các con đường phía nam Thebes từ sáng sớm. Những người lính

đen đũa khiên bám đầy bụi, những ngọn giáo đồng lấp lánh, những cánh cung giương căng đi dọc các con phố, miệng há hốc, mắt tò mò liếc nhìn xung quanh khiến lòng trắng chao đảo rất đáng sợ trên khuôn mặt ướt đầm mồ hôi. Họ mang theo các biểu tượng chiến tranh tàn bạo vào các trại lính trống vắng, chẳng mấy chốc lửa bếp bắt đầu được nhóm lên và đã được nung nóng để đặt trong những chảo đất sét lớn. Cũng lúc đó, hạm đội thuyền chiến cập bến, chiến xa của các chỉ huy và những con ngựa bồm bồng mượt được đưa lên bờ từ các thuyền chở hàng hóa. Trong các đội quân này không thấy người Ai Cập mà chủ yếu là người da đen từ phía nam và người Shardana từ các sa mạc phía tây bắc. Họ chiếm lĩnh thành phố, đốt lửa canh gác ở các góc phố và chốt chặn trên sông. Dần dần, công việc bị ngưng trệ trong các nhà xưởng, cửa hiệu và nhà kho. Thương nhân thu dọn hàng hóa bên đường phố vào trong nhà và chèn đóng các cửa sổ, các chủ quán rượu và nhà vui vộì vàng thuê những người đàn ông lực lưỡng bảo vệ. Mọi người ăn vận đồ trắng, cả người nghèo lẫn người giàu từ khắp nơi trong thành phố bắt đầu đổ xô về ngôi đền lớn của Amon cho đến khi sân đền ken kín người và bên ngoài tường thành cũng đông nghịt.

Cùng lúc đó có tin đồn đền thờ Aton đã bị bôi bẩn và làm ô uế trong đêm. Một xác chó thối rữa đã được ném vào nơi bệ thờ và thi thể người coi đền được tìm thấy với cổ họng bị cắt một vết đến tai. Khi nghe tin này, nhiều người sợ hãi nhìn ngó xung quanh, nhưng cũng có những người không giấu được niềm vui.

- Ông chủ ơi, xin ông tẩy trùng đồ nghề của mình, - Kaptah nghiêm giọng nói. - Tôi nghĩ ông có rất nhiều việc phải làm trước khi trời tối, thậm chí nếu tôi không nhầm, có thể ông phải khoan sơ.

Tuy nhiên, cho đến tối không có gì đáng chú ý xảy ra ngoài việc mấy người lính da đen say xỉn cướp đồ của một vài cửa hiệu và hăm hiếp mấy người đàn bà, song lính canh đã bắt và đánh họ trước mặt mọi người, dấu hiệu đó không an ủi các chủ cửa hiệu

và những nạn nhân được nhiều. Nghe nói Horemheb ở trên thuyền chỉ huy nên tôi đi đến cảng để gặp anh ấy, mặc dù tôi không tin có thể gặp được. Tôi hết sức ngạc nhiên khi lính gác, sau khi lơ đãng nghe tôi hỏi, đã đi trình báo và quay lại rất nhanh, mời tôi lên lầu của thuyền trưởng ở trên thuyền. Vậy là lần đầu tiên tôi bước lên một thuyền chiến và không khỏi tò mò nhìn khắp xung quanh, nhưng chỉ thấy các loại vũ khí và số lượng đông thủy thủ là khác biệt với các thuyền khác, bởi vì ngay cả thuyền buôn trên biển cũng có đầu mũi được mạ vàng và cánh buồm sặc sỡ.

Vậy là tôi gặp lại Horemheb. Trong mắt tôi, anh ấy cao hơn và thật oai vệ, hai vai nở rộng, hai cánh tay rắn chắc, nhưng mặt hằn đầy nếp nhăn, mắt đầy tia máu và ẩn chứa nỗi phiền muộn. Tôi cúi đầu thấp trước mặt anh ấy và buông hai tay xuống ngang đầu gối, khiến anh cười và hét lên giọng đau khổ:

- Ôi, này Sinuhe, Con Trai Lừa Hoang, bạn của tôi! Cậu đến thật đúng lúc.

Nhưng vì địa vị của mình, anh ấy không ôm tôi mà quay sang viên chỉ huy phó thấp bé và béo tốt, hai mắt thô lỗ và thở hổn hển vì nóng đang bối rối đứng cạnh anh. Horemheb đưa cho người này chiếc roi vàng chỉ huy của mình và nói:

- Hãy nhận trách nhiệm và làm thật tốt!

Anh ấy cởi tấm áo choàng chỉ huy thêu chỉ vàng của mình ra quàng quanh cổ viên chỉ huy phó rồi nói:

- Hãy choàng lên mình chức vị chỉ huy và hãy để máu người dân ướm đầm bàn tay bản thủ của ngươi.

Sau đó, anh ấy mới quay lại phía tôi và nói:

- Sinuhe, bạn của tôi! Tôi được tự do theo bạn đến nơi nào bạn muốn và hy vọng trong nhà bạn có thảm để tôi có thể giãn

xương cốt, vì nhân danh thần Seth và tất cả ác quỷ, tôi đã rất mệt mỏi và chán ngán khi tranh cãi với những kẻ điên rồ.

Anh ấy còn quàng cánh tay qua vai viên chỉ huy phó nhỏ bé, đầu chỉ chạm tới vai anh, và nói:

- Hãy nhìn kỹ, Sinuhe, bạn của tôi, và hãy nhớ những gì cậu thấy, vì ngày hôm nay cậu thấy ở đây người đàn ông nắm trong tay số phận của Thebes và có lẽ số phận của cả Ai Cập. Anh ta được lệnh Pharaon thay tôi sau khi tôi nói thẳng với Pharaon rằng ngài là kẻ điên. Nhưng khi nhìn anh ta, cậu sẽ đoán được rằng Pharaon sẽ lại sớm cần đến tôi thôi.

Horemheb cười rất lâu và đưa tay đập đập vào đầu gối, nhưng tiếng cười của anh không hề có chút niềm vui nào mà nó khiến tôi sợ hãi.

Viên chỉ huy nhỏ bé khúm núm nhìn anh ấy, mắt lồi tròn vì nóng, mồ hôi chảy dài trên mặt qua cổ xuống giữa bộ ngực béo ụ của ông ta.

- Đừng tức giận tôi, ngài Horemheb, - ông ta nói với giọng the thé. - Ngài biết là tôi không muốn cầm roi chỉ huy của ngài, tôi yêu thích sự yên bình ở khu vườn nhà mình và những con mèo của mình hơn là tiếng gầm rú nơi chiến trận. Nhưng tôi là ai mà dám chống lại lệnh của Pharaon, và ngài truyền rằng sẽ không có trận chiến nào cả, phải hạ bệ thần giả mà không được đổ máu, như ngài mong muốn.

- Pharaon nói điều ngài muốn, - Horemheb nói. - Trái tim ngài chạy trước lý trí ngài, giống như con chim bay vút qua con ốc sên. Vì vậy, lời nói của ngài chẳng có ý nghĩa gì, mà người phải tự mình suy nghĩ và cân nhắc thấu đáo khi phải để máu chảy, cho dù đó là máu của người Ai Cập. Thế có chim ưng của ta, ta sẽ tự tay đánh người nếu người bỏ quên lý trí và tài năng của mình trong lòng của những con mèo giống của người, vì người vốn là một chiến binh dũng mãnh dưới thời Pharaon trước, như ta

từng được nghe kể, nên ngài mới bổ dụng người vào nhiệm vụ đáng ghét này.

Anh ấy vỗ vào lưng tân chỉ huy quân đội hoàng gia khiến người đàn ông nhỏ bé há hốc mồm thở dốc và những lời ông ta định nói nghẹn lại nơi lồng ngực. Horemheb sải mấy bước dài lên sàn thuyền và quân lính đứng dậy, tươi cười giờ cao ngọn giáo chào đón anh ấy. Anh vẫy tay chào họ và hét to:

- Tạm biệt lũ bọ bần thủ thân yêu của ta! Hãy tuân lệnh con mèo giống nhỏ thó, béo ú đang cầm chiếc roi vàng chỉ huy theo ý muốn của Pharaon. Hãy tuân lệnh anh ta như thể anh ta là đứa con chưa hiểu gì của các người và giữ cho anh ta không ngã khỏi chiến mã hoặc bị thương bởi con dao của chính anh ta.

Quân lính cười và hét lên những lời ca ngợi anh ấy, nhưng Horemheb chỉ buồn rầu hơn, giờ nắm tay về phía họ và gào to:

- Ta không từ già mà chỉ tạm chia tay các người một thời gian ngắn, bởi ta nhìn thấy sự cuồng nhiệt trong mắt các người. Vì vậy, hãy kiềm chế tay mình và ghi nhớ những lời ta dặn, nếu không lưng của các người sẽ bị rách toạc khi ta trở lại.

Anh ấy hỏi tôi ở đâu và báo địa chỉ cho viên cai đội cận vệ, nhưng cầm tay này đưa đồ đạc của mình đến nhà tôi vì anh nghĩ để trên thuyền chiến an toàn hơn. Sau đó, anh ấy quàng tay qua cổ tôi như đôi khi từng làm trước đây và thở dài nói:

- Nói thật lòng, Sinuhe, tôi, chứ không phải ai khác, phải được một bữa say mềm tối nay.

Tôi nhớ đến quán Đuôi Cá Sấu và kể cho anh ấy về nó, anh tỏ ra thích thú nên tôi mạnh dạn xin anh ấy cho một đội lính canh đến bảo vệ quán rượu của Kaptah. Anh ấy ra lệnh cho viên cai đội cận vệ và người này tuân lệnh, cứ như thể anh ấy vẫn giữ roi tổng chỉ huy, và hứa sẽ chọn ra một số lính lớn tuổi, đáng tin

cần đến canh quán rượu. Với việc này, tôi có thể giúp Kaptah mà không mất gì.

Tôi biết trong Đuôi Cá Sấu có nhiều phòng nhỏ kín đáo, nơi các thương lái và những kẻ trộm mộ mặc cả, mua bán đồ trộm cắp và cũng là nơi những mệnh phụ quý phái hẹn hò với các phu khuân vác lực lưỡng ngoài bến cảng. Tôi đưa Horemheb vào một trong những phòng ấy và Merit mang ra, đặt vào lòng bàn tay anh ấy một đuôi cá sấu trong cốc vỏ sò. Anh ấy liền uống một hơi cạn sạch và ho nhẹ rồi thốt lên “Ồ”. Sau đó anh ấy gọi một cốc nữa và khi Merit đi lấy thêm, anh khen Merit là một thiếu nữ xinh đẹp và hỏi tôi đã làm gì với nàng. Tôi cam đoan rằng giữa tôi và nàng chưa có gì cả, nhưng tôi mừng vì Merit vẫn chưa kịp mua bộ váy áo kiểu mới mà vẫn mặc áo che kín bụng. Tuy nhiên, Horemheb không động vào Merit mà kính trọng cảm ơn nàng và cầm lấy chiếc cốc vào lòng bàn tay, vừa thận trọng nếm nó vừa thở dài. Sau đó anh ấy bảo:

- Sinuhe, ngày mai máu sẽ chảy trên đường phố Thebes, nhưng tôi không thể làm gì được, vì Pharaon là bạn tôi và tôi yêu ngài, dù ngài điên khùng; tôi đã từng lấy tấm choàng vai của mình đắp cho ngài và chim ưng của tôi đã ràng buộc số phận của chúng tôi với nhau. Có lẽ chính vì sự điên rồ của ngài mà tôi yêu ngài, nhưng tôi không nhúng tay vào việc này vì tôi phải nghĩ về tương lai và tôi không muốn dân chúng căm thù mình. Ôi, Sinuhe, bạn của tôi, rất nhiều nước đã chảy xuôi sông Nile và bao mùa lũ đã qua kể từ ngày chúng ta gặp nhau lần cuối ở Syria hôi hám. Bây giờ tôi từ xứ Kush trở về và đã giải binh tất cả các đơn vị đồn trú ở đó theo lệnh của Pharaon, tôi cũng đã rút các đội quân da đen về Thebes, nên vùng phía nam hoàn toàn không được bảo vệ. Sinuhe, bạn của tôi, trại lính trong các thành phố lớn sẽ trống vắng một thời gian dài. Chim sẽ làm tổ trong các chảo nấu ở đó và lính lang thang khắp các làng quê, dùng gậy đánh những người nông dân và cướp đi những tấm da bò mà đáng lẽ họ dành để nộp thuế cho Pharaon. Nhưng tôi cũng không thể làm gì được với việc này, vì tôi đã từng lấy tấm

choàng vai của mình che cho Pharaon và bảo vệ ngài khi ngài ốm yếu, số phận của tôi đã gắn liền với số phận của ngài. Nhưng không ai có thể bảo vệ ngài ngoài chính bản thân ngài, do đó tôi lo sợ cho Ai Cập vì Ai Cập là tổ quốc của tôi.

Tôi kể với anh ấy rằng cuối cùng Pharaon đã cấm không cho thuyền bè đến xứ Punt và tôi cũng nói đến tâm trạng của người Syria. Anh ấy không ngạc nhiên, mà chỉ gật đầu, ánh mắt buồn buồn, rồi anh thưởng thức đuôi cá sấu trong cốc vỏ sò và nói:

- Nếu điều này tiếp tục, bạo loạn ở Syria chỉ còn là vấn đề thời gian. Có lẽ nó sẽ giúp ngài tỉnh ngộ, nhưng chưa đến lúc đó thì nó đã đẩy đất nước vào cảnh nghèo đói. Bây giờ không thể tính đến việc buôn bán ở xứ Punt nữa. Các hầm mỏ trên núi cũng thiếu nhân công và hoạt động cầm chừng kể từ khi ngài đăng quang, vì những kẻ lười không còn bị phạt bằng gậy mà chỉ bị giảm khẩu phần ăn. Tim tôi thật sự run lên vì lợi ích của ngài, vì lợi ích của Ai Cập và vì thần của ngài, mặc dù tôi không hiểu gì về thần linh và cũng không muốn hiểu, bởi tôi là một người lính. Tôi chỉ nói là nhiều người, rất nhiều, vẫn phải chết vì thần của ngài và điều đó thật vô lý, bởi tôi nghĩ thần linh hiện hữu để giữ cho dân chúng bình yên chứ không gieo rắc sự hỗn loạn trong họ.

Anh ấy còn nói thêm:

- Ngày mai Amon sẽ bị phế truất và tôi hoàn toàn không thương tiếc gì vị thần này, vì Amon đã quá quyền thế để đứng cạnh Pharaon. Lật đổ Amon là việc khôn ngoan mà Pharaon làm, vì ngài sẽ thừa hưởng từ Amon sự thịnh vượng có thể cứu được ngài. Ngài cũng có thể lôi kéo tất cả thần khác về phe mình nếu ngài hành động khôn khéo. Vì giáo sĩ của các thần khác chỉ như cái bóng bên cạnh Amon và rất ghét thần này, nên ngài có thể cai trị họ bằng cách phân tán quyền lực Ai Cập vào nhiều vị thần nhỏ. Nhưng cũng không giáo sĩ nào tôn kính thần Aton của

ngài, mà các giáo sĩ, nhất là các giáo sĩ của Amon, chế ngự trái tim của dân chúng. Bởi thế, tất cả sẽ trở nên hỗn loạn.

- Nhưng, - tôi nói, - Amon là một vị thần đáng ghét và các giáo sĩ của thần đã giam hãm dân chúng trong bóng tối quá lâu, bóp nghẹt mọi suy nghĩ của người sống đến nỗi không ai dám nói một lời nếu không được Amon cho phép. Trong khi đó, Aton đem lại ánh sáng và cuộc sống tự do, một cuộc sống không sợ hãi, đó là một điều lớn lao, vô cùng lớn lao, bạn Horemheb của tôi ạ.

- Tôi không hiểu cậu nói sợ hãi với nghĩa gì, - anh ấy nói, - phải chăng cần giữ người dân trong khuôn phép bằng nỗi sợ hãi và nếu thần linh làm được điều đó thì không cần đến vũ khí để hỗ trợ vương triều. Về mặt đó, Amon đã làm rất tốt và nếu Amon bằng lòng với việc phục vụ Pharaon, thần sẽ hoàn toàn xứng đáng với vị trí của mình, vì từ xưa xưa các dân tộc đã được cai trị bằng nỗi sợ hãi và sau này sự sợ hãi cũng sẽ cai trị tất cả mọi dân tộc. Bởi vậy Aton này, với vẻ thân thương qua thánh giá tình yêu của thần, là một vị thần rất nguy hiểm.

- Ngài là một vị thần vĩ đại hơn anh nghĩ, - tôi khẽ nói, đừng như chính mình cũng không hiểu tại sao lại nói điều này với anh ấy. - Có lẽ ngài cũng có ở trong anh mà anh không hay biết và cả trong tôi, ngoài tầm hiểu biết của tôi. Nếu mọi người hiểu ngài, ngài có thể giải phóng tất cả các dân tộc khỏi quyền lực của sợ hãi và bóng tối. Nhưng rất có thể nhiều người sẽ phải chết vì ngài, như anh nói, vì chỉ dùng vũ lực mới có thể ép buộc những gì vĩnh cửu lên người bình thường.

Horemheb sốt ruột nhìn tôi như nhìn một đứa trẻ đang nói đủ mọi điều nhằm nhí với mẹ mình. Mặt anh ấy tối sầm lại và anh định lấy chiếc roi chỉ huy bên hông đập vào chân mình, vì đuôi cá sấu bắt đầu ngấm và điều khiển anh. Khi sờ không thấy roi, anh ấy hơi lúng túng và nói rành rọt:

- Chừng nào con người vẫn là con người, vẫn còn có khát vọng sở hữu, đam mê, sợ hãi và hận thù, chừng nào còn có màu da, ngôn ngữ và sắc tộc khác nhau, chừng nào người giàu vẫn giàu có và kẻ nghèo vẫn nghèo hèn, thì kẻ mạnh thống trị kẻ yếu và người thông minh thống trị kẻ mạnh. Nhưng Aton này lại muốn cào bằng tất cả, để trước mặt ngài kẻ nô lệ ngang hàng với người giàu có. Cách suy nghĩ thông thường đó là ngu xuẩn và điều này rõ ràng, hiển nhiên đến mức tôi không muốn tranh luận với cậu chút nào, vì nó làm phiền tôi và ảnh hưởng không tốt đến suy nghĩ của tôi.

- Người Babylon khẳng định theo chiêm tinh rằng năm thế giới mới sắp bắt đầu, - tôi đuối lý nói, - có lẽ Aton sẽ nắm quyền và quyền uy của ngài sẽ kéo dài cho đến khi lông quạ đổi màu trắng và nước sông bắt đầu chảy ngược, như các giáo sĩ của ngài hát trong đền thờ Aton.

Tôi nói vậy, nhưng chính tôi cũng không tin lời mình nói.

Horemheb uống cạn cốc và nhìn tôi với vẻ thương hại, nhưng đuôi cá sấu đã làm anh ấy sáng khoái khiến anh vui vẻ trở lại và nói:

- Ít nhất chúng ta có chung suy nghĩ là đã đến lúc phải lật đổ Amon, nhưng nếu điều đó cần phải xảy ra, nó nên xảy ra trong bí mật và bất ngờ, trong bóng đêm, cùng lúc trên khắp vương quốc và phải hành quyết các giáo sĩ tối cao ngay lập tức, đồng thời phải đưa các giáo sĩ khác đến hầm lò và mổ đá. Nhưng trong cơn điên loạn của mình, Pharaon muốn làm tất cả công khai, trước sự hay biết của dân chúng và trong ánh sáng thần của ngài, vì vàng hào quang chính là thần của ngài, chẳng phải chuyện này chẳng có gì mới cả hay sao? Dù sao, điều này vẫn điên rồ, sẽ khiến nhiều máu đổ và tôi sẽ không chịu làm điều đó nếu tôi không được biết trước những gì ngài dự định. Thề với thần Seth và tất cả quỷ dữ, nếu biết trước việc này, tôi sẽ lên kế hoạch chu đáo và bất ngờ lật đổ Amon khiến ngài khó có thể

biết được chuyện gì xảy ra. Nhưng bây giờ, cả đứa cù bơ cù bất ở Thebes cũng đã biết chuyện và các giáo sĩ đã xúi giục dân chúng tụ tập trong sân đền, lũ đàn ông chặt cành cây làm vũ khí, còn đám đàn bà đi vào đền thờ với chày đập vải giấu dưới váy áo. Thế có chim ưng của mình, tôi chỉ muốn khóc khi nghĩ đến sự điên rồ của Pharaon.

Anh ấy gục đầu xuống cánh tay chống trên đầu gối, khóc cho nỗi khổ hình sắp tới của Thebes khi Merit mang tới cho anh ấy đuôi cá sấu thứ ba và ngưỡng mộ nhìn tấm lưng cường tráng, cơ bắp nổi cuộn của anh ấy, khiến tôi vội vàng bảo nàng rời đi để chúng tôi yên. Tôi cố gắng kể cho Horemheb nghe những gì tôi đã thấy và đã nghe ở Babylon, ở Hatti và Crete theo lệnh của anh ấy, cho đến khi tôi nhận thấy quả thật cá sấu đã đập đuôi vào anh ấy và anh ngủ say sưa, đầu gối giữa hai tay. Thế là đêm hôm đó anh ấy ngủ cạnh tôi, còn tôi thức canh cho anh ấy, nghe tiếng binh lính hò hét trong quán rượu suốt đêm, vì chủ quán và Kaptah thấy có nghĩa vụ giúp họ giải trí, để họ chú tâm bảo vệ quán hơn khi bạo loạn bắt đầu. Bởi vậy, tiếng ồn ào không ngớt suốt đêm, các nhạc công mù và vũ nữ được gọi vào quán, nên tôi nghĩ binh lính rất vui. Nhưng tôi không thấy vui khi nghĩ rằng dao và liềm đang được mài sắc, gậy gỗ được vót nhọn, chày bếp được gắn thêm đồng trong mọi ngôi nhà ở Thebes. Tôi cũng tin không mấy người ở Thebes, kể cả Pharaon, ngủ được vào đêm đó, nhưng Horemheb thì ngủ rất say, có lẽ do anh ấy sinh ra để làm lính.

2

Suốt đêm ấy, nhiều nhóm người thức trong sân và trước đền Amon, dân nghèo nằm nghỉ qua đêm trên bãi cỏ mát mẻ giữa các luống hoa, các giáo sĩ dâng cúng vô số đồ lễ xa hoa lên tất cả bàn thờ của Amon và phân phát thịt, bánh và rượu cúng cho dân chúng. Họ the the gào tên Amon, hứa hẹn

cuộc sống vĩnh cửu cho những ai tin vào Amon và sẵn sàng hy sinh mạng sống cho thần.

Các giáo sĩ đã có thể tránh được đổ máu nếu họ muốn, chỉ cần từ bỏ thần của mình, Pharaon sẽ để họ ra đi trong hòa bình, không ngược đãi họ, vì thần của ngài căm ghét ngược đãi và thù hận. Nhưng quyền lực và giàu sang đã khiến họ tối mắt nên cái chết không còn làm họ sợ hãi và nhiều người còn tin trong đêm cuối cùng này có thể cầu xin Amon giúp đỡ, vì thế họ không sợ chết. Bởi họ biết quá rõ rằng cả dân chúng và lính canh của Amon với số lượng ít ỏi đều không thể chống lại đội quân có vũ khí và đạn dày trận mạc, đội quân sẽ quét sạch tất cả như dòng nước lũ cuốn dạt đám rơm khô. Nhưng họ muốn có sự đổ máu giữa Amon và Aton, để biến Pharaon thành kẻ giết người và tội phạm, kẻ đã cho đám da đen bắn thủ lấy máu đào của Ai Cập. Họ muốn dâng cúng cho Amon của mình để Amon sẽ sống mãi muôn đời nhờ hơi máu của những người bị hiến tế, ngay cả khi ảnh tượng của ngài bị lật đổ và đền thờ bị đóng cửa.

Cuối cùng sau một đêm dài, vầng hào quang của Aton nhô lên sau ba ngọn núi phía đông, và cái nóng như thiêu đốt của ngày hè lập tức xua đi cái mát mẻ của đêm đen. Lúc đó, tiếng tù và vang lên từ tất cả các góc phố và bãi chợ, các tín sứ của Pharaon đọc chiếu của ngài, tuyên bố Amon là thần giả, bị phế truất và nguyên rủa đến muôn đời, đến mức cái tên đáng nguyên rủa của thần phải bị đục bỏ khỏi tất cả các bia ký, đài tưởng niệm và cả lăng mộ. Tất cả các đền của Amon ở miền Thượng và miền Hạ, tất cả của cải từ đất đai, nhà cửa, gia súc, nô lệ, đến vàng, bạc và đồng của Amon đều thuộc về Pharaon và thần của ngài. Pharaon hứa sẽ chuyển các giáo đường Amon thành nơi cho mọi người tản bộ, chuyển các vườn cây, các hồ thiêng của ngài thành nơi công cộng cho người nghèo được dạo chơi, bơi lội trong những ngày nắng nóng và được mức bao nhiêu nước tùy ý. Pharaon hứa sẽ chia tất cả đất của Amon cho những người không có ruộng để họ canh tác, gieo trồng dưới tên Aton.

Lúc đầu, dân chúng lặng im nghe tuyên cáo của Pharaon theo như truyền thống, nhưng từ tất cả các góc phố, bãi chợ và đền miếu ầm vang tiếng gào thét của muôn dân: “Amon, Amon”. Tiếng gào thét vang to đến mức nghe như cả đá lát đường và tường nhà cũng đang gào thét. Khi ấy, lính da đen bắt đầu lưỡng lự, khuôn mặt được kẻ vẽ những đường trắng, đỏ của họ tái dần; họ nhìn xung quanh, mắt đảo đi đảo lại trắng nhợt trên khuôn mặt xám xịt, và nhận ra số lượng tưởng như đông đảo của họ chẳng là bao trong thành phố rộng lớn mà họ nhìn thấy lần đầu tiên trong đời. Trong tiếng gào thét của dân chúng, nhiều người không nghe thấy Pharaon đã đổi tên mình thành Ekhnaton, người được Aton ân sủng, để có thể loại bỏ cái tên Amon đáng nguyên rủa ra khỏi tên mình.

Tiếng gào thét cũng làm Horemheb bừng tỉnh trong phòng sau của Đuôi Cá Sấu, anh duỗi chân tay và mỉm cười nói với tôi khi mắt vẫn còn nhắm:

- Nàng đó ư, Baket, tình yêu của Amon, công chúa của ta? Có phải nàng gọi ta không?

Nhưng khi bị tôi hích vào bên mạn sườn, anh ấy mở mắt và nụ cười rơi ra khỏi khuôn mặt như chiếc áo cũ, rồi anh để tay lên đầu và nói:

- Thề với thần Seth và tất cả ác quỷ, đồ uống của anh thật mạnh quá, Sinuhe, và chắc chắn là tôi đã mơ.

Tôi nói với anh ấy:

- Dân chúng hét gọi Amon.

Lúc đó anh ấy nhớ ra mọi chuyện, vội vàng bật dậy rồi chúng tôi đi sang phòng rượu và vấp phải những cặp đùi trần của binh lính đang nằm cùng các cô gái. Horemheb giật nhanh cái bánh mì treo trên tường và nốc cạn hũ bia, rồi chúng tôi vội vã ra ngoài và lao về phía ngôi đền theo những con phố chưa bao giờ

vắng vẻ như thế. Trên đường đi, Horemheb rửa ráy nơi đài phun nước ở hẻm Nhân Sư, nhúng đầu xuống nước rồi khó nhọc phun nước ra, vì đuôi cá sấu chắc vẫn còn đập thình thịch trong đầu anh.

Trong khi đó mèo nhỏ thó béo ú tên Pepitamon đã dàn binh và chiến xa trước ngôi đền. Khi tất cả đã sẵn sàng và mỗi đội quân đều đã biết nhiệm vụ của mình, ông ta đứng lên trên chiếc kiệu vàng và the thê gào lên:

- Hỡi những người lính Ai Cập, những người đàn ông dũng cảm của Kush và những lính Shardana gan dạ! Hãy tiến lên và lật đổ hình tượng Amon bị nguyên rủa theo lệnh của Pharaon, các người sẽ được trọng thưởng.

Nói xong điều này, ông ta nghĩ mình đã làm tất cả theo lệnh và hài lòng ngồi xuống tấm đệm mềm trong kiệu, bắt nô lệ quạt xung quanh mình vì trời rất nóng.

Nhưng phía trước đền tụ tập cơ man nào là người với trang phục trắng xóa, đàn ông lẫn đàn bà, người già và trẻ em, không ai chịu tránh đi khi binh lính với chiến xa dẫn đường bắt đầu tiến vào đền. Lính da đen dùng mũi giáo đẩy họ ra khỏi đường đi và lấy chùy đập một vài người, nhưng đám đông không chịu tránh ra. Đột nhiên, tất cả đều hét gọi Amon và ngã sấp xuống đất trước các chiến xa khiến ngựa giẫm lên họ và bánh chiến xa lăn qua người họ. Khi các chỉ huy nhận ra họ không thể tiến về phía trước nếu không gây đổ máu, họ lệnh cho binh lính rút về để chờ lệnh mới vì Pharaon cấm đổ máu. Nhưng máu đã chảy xuống đá lát quảng trường, những người bị đánh rên rỉ, gào thét và đám đông dân chúng như mê muội đi vì phấn khích khi họ nhìn thấy binh lính rút lui và nghĩ mình đã thắng.

Lúc đó, Pepitamon nhớ ra trong chiếu của ngài, Pharaon đã cải tên mình thành Ekhnaton. Thế là ông ta vội vàng đổi tên mình theo để mong được ân sủng từ Pharaon và khi các viên vệ úy mỗ

hôi đầm đìa, bối rối đến gặp ông ta để nhận lệnh mới, ông ta làm ra vẻ không nghe thấy họ nói, trừng mắt quát:

- Ta không quen biết ai là Pepitamon. Ta là Pepitaton, Pepi được Aton ban phước.

Các viên vệ úy, mỗi người một ngàn lính với chiếc roi bện vàng, hết sức phẫn nộ về điều đó và viên vệ úy đội chiến xa nói:

- Hãy tống Aton xuống địa ngục! Nhưng trò ngu xuẩn này là gì và ông cần lệnh cho chúng tôi phải làm gì để mở đường vào đền thờ?

Pepitaton chế nhạo lại họ:

- Các người là chiến binh hay những mục đàn bà? Hãy giải tán dân chúng nhưng đừng gây đổ máu, vì Pharaon cấm điều đó.

Nghe thế, các viên vệ úy nhìn nhau và nhổ nước bọt xuống đất, nhưng rồi họ quay trở lại với quân lính của mình vì không thể làm gì khác.

Trong lúc các viên chỉ huy này đang dàn trận, sự cuồng tín đã lan khắp biển người và dân chúng tràn lên phía sau đội lính da đen đang rút lui, cạy đá lát đường dưới chân lên ném vào lính da đen và vừa vung cao chày bếp, gậy nhọn vừa hét rõ to. Dân chúng rất đông và họ khích lệ nhau bằng tiếng gào thét của mình, nhiều lính da đen trúng đá lát đường, đổ máu và ngã gục xuống đất, bầy ngựa kéo chiến xa hí vang điên dại và cố lồng lên trước tiếng gào thét của đám đông, buộc lính đánh xe phải cố hết sức để ghìm chúng lại.

Khi viên vệ úy chiến xa trở lại đoàn xe của mình, anh ta thấy con ngựa tốt nhất và đắt giá nhất của mình bị xuyên thủng một mắt, chân khập khiễng vì bị đá ném trúng. Anh ta cảm thấy đau đớn đến nỗi bật khóc vì tức giận và hét lên:

- Ôi mũi tên vàng của ta, con hoẵng nhanh nhẹn của ta, tia nắng của ta, chúng đã đâm thủng mắt và chém vào chân con nhưng chắc chắn trong lòng ta, con là con vật yêu quý hơn tất cả đám dân này với tất cả thần linh cộng lại. Vì thế ta muốn trả thù, nhưng chúng ta không được gây đổ máu, vì Pharaon đã cấm.

Anh ta dẫn đầu đội chiến xa, đánh xe lao thẳng vào đám đông và từng lính chiến xa kéo những kẻ la hét hăng hái nhất lên xe, ngựa giẫm đạp lên người già và trẻ em và tiếng hét của dân chúng chuyển thành tiếng gào khóc. Những người bị lôi lên chiến xa bị lính lấy dây cương thít cổ để máu họ không chảy ra rồi kéo xác họ sau xe để uy hiếp dân chúng. Lính da đen cũng tháo dây cung và nhào vào giữa đám đông, dùng dây cung siết cổ từng người. Họ siết cổ cả trẻ em, lấy khiên đỡ những cú đá và đánh bằng gậy để tự vệ. Nhưng bất cứ lính da đen vẽ mặt nào bị lạc khỏi hàng ngũ, lẫn vào đám đông đều bị đám đông thịnh nộ giẫm đạp, xé ra từng mảnh; họ kéo được một lính đánh xe khỏi chiến xa, đập đầu anh ta xuống đá lát đường đến nát bét và hét lên đầy phần nộ.

Cả Horemheb và tôi theo dõi tất cả những việc này từ Đại lộ Nhân Sư nhưng sau đó mới biết rõ mọi chuyện, vì sự hỗn loạn, tiếng hò hét, gào la ầm ào trước ngôi đền quá khác thường khiến chúng tôi không biết được chuyện gì đang xảy ra. Horemheb nói:

- Tôi không có quyền can thiệp vào chuyện này, nhưng tôi nghĩ mình sẽ học được nhiều điều khi chứng kiến tất cả.

Vì vậy, anh ấy trèo lên lưng con nhân sư và từ đó quan sát, miệng nhai chiếc bánh mì mà anh ấy giật được khi rời quán rượu.

Nhưng Thống lĩnh hoàng gia Pepitaton thấy lo lắng khi thời gian trôi qua, chiếc đồng hồ nước róc rách uống phí bên cạnh và tiếng gào của dân chúng vẫn vọng đến tai ông ta như tiếng gầm

gào của một cơn lũ hung dữ. Ông ta lại triệu các viên vệ úy đến, trách mắng họ thậm tệ vì sự chậm trễ và nói:

- Hôm nay mèo Mimo giống Sudan của ta sẽ đẻ và ta rất lo lắng khi không ở cạnh để giúp nó. Hãy đi đi và nhân danh Aton vút bỏ ảnh tượng bị nguyên rửa, để tất cả chúng ta có thể về nhà; còn nếu không, nhân danh Seth và tất cả ác quỷ, ta sẽ giật vòng khỏi cổ các người và bẻ roi của các người, ta thể đấy.

Nghe thế, các viên vệ úy biết rằng dù thế nào họ cũng đã bị bán đứng. Họ hội ý với nhau, cầu xin tất cả thần linh nơi địa ngục cứu giúp, và quyết định ít nhất phải cứu vớt danh dự quân nhân của mình. Vì vậy, họ bố trí lại lực lượng và bắt đầu đồng loạt tấn công quét sạch dân chúng ra khỏi đường đi của mình như cơn lũ quét sạch rơm khô; ngọn giáo của lính da đen nhuộm đỏ máu và máu chảy khắp quảng trường. Rất nhiều đàn ông, phụ nữ và trẻ em đã chết trước đền thờ sáng hôm đó vì Aton, bởi khi thấy quân lính thật sự tấn công, các giáo sĩ đã cho đóng các cổng đền, khiến dân chúng sợ hãi chạy tán loạn khắp nơi như một bầy cừu hoảng loạn và lính da đen, điên dại vì máu chảy, đuổi theo giết họ bằng tên; chiến xa chạy dọc các đường phố và dùng giáo đâm bất cứ ai chạy trốn. Nhưng trong khi chạy trốn, dân chúng xông vào đền thờ Aton, đập phá bàn thờ, giết các giáo sĩ sa vào tay họ trong khi các chiến xa đuổi theo sau họ. Thế là chẳng mấy chốc nền lát đá của đền Aton loang đầy máu và la liệt xác người.

Nhưng những bức tường của đền Amon đã chặn đường tiến của quân Pepitaton, vì lính da đen không quen công phá tường thành và những súc gỗ của họ không đủ chắc để phá cổng đồng của đền, cho dù chúng có thể dễ dàng phá cổng các làng nhà sàn ở xứ sở hươu cao cổ trong những khu rừng rậm phía nam. Quân lính không thể làm gì khác hơn là bao vây đền và các giáo sĩ từ trên tường thành chửi mắng họ, lính gác đền bắn tên và ném giáo vào họ, khiến nhiều lính da đen vẽ mặt đã gục ngã vô ích trước tường thành của đền. Mùi máu tanh từ quảng trường trước đền bốc lên nồng nặc, ruồi nhặng từ khắp nơi trong thành

phổ đồn về thành từng đám dày đặc. Pepitaton ra lệnh đưa mình đến quảng trường trong chiếc kiệu vàng, mùi hôi thối khủng khiếp khiến mặt ông ta xám ngoét; ông ta sai nô lệ đốt hương xung quanh mình rồi khóc và xé rách quần áo khi nhìn thấy quá nhiều xác người. Nhưng trong lòng ông ta, nỗi lo lắng về con mèo mẹ Mimo gốc Sudan cứ ám ảnh, nên ông ta nói với các viên vệ úy:

- Ta sợ cơn giận của Pharaon sẽ giáng xuống đầu các ngươi, vì các ngươi chưa giết bỏ được ảnh tượng của Amon mà máu đã chảy đầy các rãnh thoát nước ở quảng trường. Nhưng việc đã rồi nên ta phải cầu kiến Pharaon ngay để tâu cho ngài biết những gì đã xảy ra và ta sẽ cố nói đỡ cho các ngươi. Nhân đó, ta tranh thủ ghé qua nhà để xem mèo mẹ và thay quần áo mới, vì mùi ở đây khủng khiếp quá, ám hết vào da thịt ta. Trong khi chờ đợi, các ngươi hãy trấn an lính da đen, cho họ thức ăn và bia uống, vì hôm nay chúng ta không thể làm gì với tường thành của đền. Ta biết thế bởi vì ta là một chỉ huy giàu kinh nghiệm và chúng ta không có phương tiện để phá vỡ các bức tường. Nhưng đó không phải là lỗi của ta, vì Pharaon đã không nói một lời nào về việc vây hãm đền. Vì vậy, bây giờ hãy chờ lệnh Pharaon.

Không có gì khác xảy ra hôm đó nữa, các viên vệ úy đưa binh lính ra xa tường thành và các đồng xác, đồng thời cho đánh các xe tải lương đến để lính da đen có đồ ăn. Lính Shardana, vốn khôn ngoan hơn lính da đen và không thích ánh nắng mặt trời, đã chiếm lấy tất cả các ngôi nhà gần đền thờ, đuổi chủ nhà và cướp các hầm rượu của họ, vì đó là nhà của những người giàu có và quyền quý. Trong khi đó, những cái xác trương phình trên quảng trường; những con quạ và điều hâu rửa xác đầu tiên từ vùng núi cao bay đến Thebes, nơi chúng chưa bao giờ được nhìn thấy kể từ thời người ta có thể nhớ.

Lúc đó tôi bỏ Horemheb lại một lúc lâu, vì một cậu bé mũi đầy máu đi ngang qua chúng tôi, cố sức kéo theo người cha đang rên rỉ vì bị cổ chiến xa đè qua nghiêng đứt chân. Tôi đã giúp cậu bé,

sau đó giúp những người bị thương khác và lại nghe thấy tiếng mũi tên bay vèo vèo qua tai, nhưng tôi không sợ, vì tôi là thầy thuốc, và trái tim tôi run lên vì tất cả những gì sắp xảy ra, bởi tôi đã thấy Aton giành quyền lực về mình. Vì vậy, tôi thà chết khi nghĩ đến đám dân chúng đã quá mù quáng, không thấy điều tốt đẹp mà Pharaon sẽ vì thân của mình đem đến cho họ. Nhưng các mũi tên đã tránh tôi và suốt ngày hôm đó, tôi hết xé quần áo lại quần băng, tới đến tôi tiếp bệnh nhân tại nhà mình, vì ở khu nghèo khổ này không có mấy nhà không có người bị thương. Khi rửa và khâu vết thương cho họ, tôi trách:

- Chẳng phải các ông đại dột sao, vì Pharaon muốn làm điều tốt cho các ông và ngài đã hứa sẽ chia tất cả đất Amon cho những ai không một tấc đất cắm dùi? Kể từ ngày này, các công viên của Amon sẽ là công viên của các ông, các ông có thể câu những con cá béo từ ao thánh của Amon.

Nhưng họ nói:

- Pharaon giả muốn đuổi chúng tôi ra khỏi ngôi nhà nghèo khó nhưng quý giá của mình, bắt chúng tôi làm việc đồng áng và làm nô lệ của đất đai, mặc dù chúng tôi không sinh ra với phân giữa các ngón chân. Ông cũng biết rõ là cá của Amon có xương nhọn và xương có thể mắc vào họng người, làm người đó hóc và chết vì chúng là cá thánh.

Họ bắt đầu nhìn tôi với vẻ nghi ngờ và nói thêm:

- Chắc ông không phải là người của Aton đó chứ, Sinuhe, người mà chúng tôi kính trọng? Còn nếu phải thì chúng tôi không cần sự giúp đỡ của ông, vì khi đó dao của ông sẽ đầu độc vết thương của chúng tôi, băng của ông sẽ dính vào da chúng tôi và đốt nó như lửa.

Vì vậy, tôi thấy tốt hơn là không nói gì mà chỉ giúp đỡ họ, bởi sự cuồng tín Amon đã làm họ mù quáng.

Người ta cũng khiêng vào sân một thanh niên tóc chải dầu thơm bóng mượt, nhưng cổ họng cậu ta có một vết thương khiến cậu không thể uống vì nước cứ từ đó chảy ra. Tôi có thể chữa lành cho cậu ta, nhưng những bệnh nhân bị thương đã được tôi băng bó nhìn thấy trên cổ áo dính đầy bụi và máu của cậu có thêm những dấu thánh giá nên họ nhào đến và giết cậu ta trước khi tôi kịp ngăn họ lại. Họ hoàn toàn không hiểu tại sao tôi lại khóc và nguyện rửa họ, vì họ nghĩ mọi điều ác độc đều đến từ Aton và họ chỉ muốn loại trừ điều ác.

- Trước khi có Aton, chúng tôi nghèo nhưng hạnh phúc, - họ nói, - vì trong đói nghèo và khốn khó, Amon vẫn ban phước lành cho chúng tôi và chúng tôi có cơ hội đến miền tây với sự giúp đỡ của ngài. Nhưng vì Aton đáng nguyện rửa này mà Pharaon sẽ tước đi phước lành Amon của chúng tôi và chúng tôi vẫn nghèo khổ và bất hạnh, vì lính da đen sẽ đánh chúng tôi đến trọng thương, rồi dịch bệnh và nạn đói sẽ đến theo Aton của Pharaon nếu Amon từ bỏ chúng tôi, vì Amon là vua của tất cả thần linh.

Vì thế, họ ném xác người thanh niên ra đường và đàn chó đến liếm máu và dầu thơm xức trên tóc cậu.

Trong lúc ấy, lính da đen uống bia ở chợ và các đường phố xung quanh đền; lính Shardana uống rượu trong những ngôi nhà họ đã cướp phá; các viên cai đội không thể và cũng không muốn ngăn họ mà chính họ cũng uống. Tối đến, những ngọn đèn không còn thắp sáng các con phố chính, bầu trời Thebes đen kịt, nhưng lính da đen và lính Shardana chạy ra khỏi doanh trại, đốt đuốc, phá cửa các nhà vui, cướp phá các ngôi nhà và đi từ phố này sang phố khác xét hỏi những người đi lại phía họ: “Amon hay Aton?”. Ai không trả lời sẽ bị đánh và cướp tiền trong ví. Còn ai sợ hãi trả lời “Ban phước lành cho Aton”, họ sẽ hét lên: “Đối trá, đồ chó Thebes, không lừa được chúng tao đâu!”, sau đó họ chọc thủng họng và đâm giáo vào bụng người đó, rồi trần lột quần áo và ví của người đó. Để nhìn rõ hơn, họ đốt cháy những ngôi nhà dọc các con phố và sau nửa đêm, bầu trời Thebes lại đỏ

rực khắp nơi vì những đám cháy dữ dội; vào đêm đó, đến ngay cả người quyền quý nhất ở Thebes cũng khó được an toàn. Không ai có thể trốn thoát vì cả đường bộ và đường thủy đều bị chặn, bất cứ ai muốn chạy trốn đều bị bắt phải quay lại, vì lính canh đã được lệnh không được để ai lén lút đưa vàng và những thứ quý giá của Amon ra khỏi thành phố.

Tôi không biết Pharaon đã nghĩ gì vào đêm đó khi thấy ánh lửa từ các đám cháy hùng lên trên bầu trời Thebes, nhưng tôi nghĩ người ta đã giấu ngài nhiều điều và ngài chỉ muốn tin những gì người ta kể với ngài, vì trong thâm tâm ngài không yêu Thebes, thành phố linh thiêng của Amon. Pepitaton cũng không bị mất chức thống lĩnh mà Pharaon còn ban cho ông ta một sợi dây chuyền vàng trang trí hình mèo vì ông ta là người đầu tiên theo gương Pharaon đổi tên mình để xóa bỏ dấu vết tên của Amon, cái tên bị nguyên rủa và không bao giờ còn được cao giọng nhắc đến. Không ai bị trừng phạt vì những gì đã xảy ra, Pharaon chỉ ra lệnh bao vây ngôi đền cho đến khi các giáo sĩ đầu hàng vì đói hoặc tỉnh ngộ và không ai bị giết trong giao chiến nữa. Nhưng lệnh chặn các con đường và dòng sông là mệnh lệnh điên rồ nhất, vì trong kho của đền có lúa mạch, trong vườn cây có cỏ cho gia súc ăn, và cho dù trong sân đền có hàng trăm, hàng ngàn người trung thành với Amon tụ tập thì họ cũng sẽ không bị đói, thế mà chính thành phố lại trở thành nạn nhân của nạn đói khi các con đường và dòng sông bị chặn.

Nhưng điều tồi tệ nhất là việc bỏ mặc các xác chết thối rữa ở bãi chợ trước đền, vì ai cũng làm như không biết gì về những đống xác để tránh cơn thịnh nộ của Pharaon và Pharaon được tấu trình rằng không mấy người bị giết. Cả người nhà cũng không được phép mang xác người thân của mình ra khỏi bãi chợ, và trong ngày đầu tiên lính Shardana đã bán được vài thi thể cho những người giàu có nhất nhưng ngày hôm sau, đám lính này cũng trốn chạy vì mùi xú ối. Vì vậy, mùi hôi thối của xác chết đã đầu độc thành phố, thậm chí cả nước sông, và chắc chỉ mấy ngày nữa thôi dịch bệnh sẽ bắt đầu bùng phát không kiểm soát

được, vì Nhà Sống và kho thuốc nằm bên trong tường thành của đền.

Hằng đêm hỏa hoạn hoành hành trong thành phố, những ngôi nhà bị cướp bóc, lính da đen vẽ mặt uống rượu từ những chiếc cốc vàng và lính Shardana nằm trên những chiếc giường mềm êm trong khu ngủ có mái che. Nhưng cả ngày lẫn đêm từ trong các tường thành của đền, các giáo sĩ la hét nguyên rủa Pharaon giả và tất cả những ai từ bỏ Amon. Đám tội phạm và rác rưởi của thành phố rời nơi chúng ẩn náu; những kẻ trộm cắp, những kẻ đào trộm mộ và kẻ cướp đường phố, không ai sợ thần thánh lẫn Amon. Chúng ngoan ngoãn cầu nguyện cho Aton và đi đến đền thờ ngài đã được vội vàng dọn sạch, nhận thánh giá từ tay các giáo sĩ còn sống và treo nó quanh cổ mình như lá bùa hộ mệnh để có thể cướp, giết và hãm hiếp tùy thích trong đêm tối. Sau những ngày đêm này, nhiều năm sau Thebes vẫn không trở lại được như trước, mà quyền lực và sự giàu có của nó bị rò rỉ đi như máu chảy ra từ vô số vết thương trên cơ thể béo phì.

3

Horemheb ở lại nhà tôi, bồn chồn thao thức và gầy rộc đi, mắt anh ngày càng thâm quầng và anh không còn ngó ngang đến thức ăn mà Muti cố ép anh từ sáng đến tối, vì Muti, như những người đàn bà khác, rất ngưỡng mộ Horemheb và kính trọng anh ấy hơn tôi, một người đàn ông gầy gò và yếu ớt, mặc dù tôi có nhiều kiến thức. Horemheb nói:

- Tôi mặc kệ Amon với Aton, nhưng vì họ mà binh lính của tôi trở nên rồ dại và biến thành dã thú, nên chắc chắn tôi phải cho nhiều tấm lưng ăn roi và dành để một số đầu rơi xuống trước khi họ buộc phải tỉnh ngộ lại. Đó là một điều rất đáng tiếc, vì tôi biết nhiều người trong số họ, biết công trạng của họ và họ là những người lính tốt nếu được giữ trong khuôn phép và thường xuyên bị quở trách.

Còn Kaptah ngày một giàu lên, khuôn mặt nhờn mỡ, và ông ấy ngủ lại Đuôi Cá Sấu, vì các cai đội và quản cơ của Shardana trả vàng cho đồ uống của họ và các phòng sau của quán trữ đầy của quý cướp được như đồ trang sức, rương gỗ và thảm, những thứ họ đổi lấy rượu mà không thêm hỏi giá. Không ai đụng đến quán và bọn cướp cũng tránh xa vì có lính của Horemheb canh giữ và Kaptah cho họ say sưa từ sáng đến tối, từ tối đến sáng để họ trung thành canh giữ quán, cầu khẩn các vị thần ban phước cho tên của ông ấy và treo ngược đầu một tên cướp bị bắt quả tang trên đường phố phía trên cửa ra vào như một dấu hiệu cảnh báo cho những kẻ bạo loạn.

Mới đến ngày thứ ba, tôi đã hết thuốc và không thể mua thêm kể cả bằng vàng và tài năng của tôi trở nên vô dụng đối với những bệnh do các xác chết và nguồn nước bị ô nhiễm đã lây lan đến khu phố nghèo. Tôi mệt lử, trái tim như một vết thương nơi lồng ngực và mắt tôi đỏ ngầu vì thiếu ngủ. Vì vậy, tôi cảm thấy chán ngán mọi thứ, chán người nghèo, người bị thương và chán cả Aton. Tôi đi đến quán Đuôi Cá Sấu và uống rượu pha ở đó cho đến khi ngủ thiếp đi. Sáng ra, Merit thức tôi dậy, tôi thấy mình ngủ trên thảm của nàng và nàng nằm bên cạnh. Tôi xấu hổ nói với nàng:

- Cuộc đời giống như đêm tối lạnh lẽo, nhưng nó thật sự rất ngọt ngào khi hai người cô đơn sưởi ấm cho nhau trong đêm lạnh, mặc dù tay và mắt họ lừa dối lẫn nhau.

Nàng ngái ngủ ngáp dài và nói:

- Sao ông biết tay và mắt tôi lừa dối? Nhưng thật sự là tôi đã phát chán phải đánh vào ngón tay binh lính và đá vào ống chân họ. Trong thành phố này, giờ chỉ có bên cạnh ông là nơi an toàn duy nhất, nơi không ai động vào tôi, Sinuhe ạ. Nhưng vì sao lại thế, tôi không hiểu và tôi gần như giận ông đấy, vì người ta bảo tôi không đến nỗi nào, bụng không có khiếm khuyết gì, mặc dù ông không muốn nhìn nó.

Tôi uống bia nàng mời để xua đi cơn đau đầu và không biết nói gì với nàng. Nàng nhìn thẳng vào mắt tôi, ánh mắt cười cười, dầu nơi đáy đôi mắt nâu vẫn lảng động nỗi buồn như nước đen dưới đáy giếng sâu khi ta nhìn xuống. Rồi nàng nói:

- Sinuhe, tôi muốn giúp ông nếu tôi có thể và tôi biết trong thành phố này có một người đàn bà nợ ông rất nhiều. Vào những ngày này, mái nhà là sàn nhà, các cánh cửa mở ra phía ngoài và dọc theo các con phố người ta đòi nhiều món nợ cũ. Có lẽ cũng tốt cho ông nếu ông đòi được món nợ ấy để ông không còn nghi ngờ rằng bất cứ người đàn bà nào cũng là một hoang mạc thiêu đốt ông.

Tôi thổ lộ với nàng rằng tôi hoàn toàn không coi nàng là hoang mạc, nhưng tôi bỏ đi và những lời nói của nàng bắt đầu âm ỉ trong đầu tôi, vì tôi cũng chỉ là một con người và những ngày này trái tim tôi tê dại vì máu me và những vết thương, những ngày này tôi đã nếm trải sự say mê, thù hận và tôi sợ chính mình. Vì vậy, những lời nói của nàng bắt đầu rực đỏ trong tôi như lửa cháy, khiến tôi nhớ đến đền thờ thần mèo và ngôi nhà bên cạnh đền, mặc dù thời gian đã trôi đi như cát phủ lên ký ức tôi. Nhưng trong những ngày kinh hoàng này của Thebes, tất cả thi thể đều nhổm dậy từ các nấm mồ và tôi nhớ đến bố Senmut hiền lành và mẹ Kipa nhân hậu của tôi, cảm nhận vị máu trong miệng khi nghĩ về họ, vì vào những ngày này, không người quyền quý hay giàu sang nào ở Thebes được tuyệt đối an toàn và tôi không cần làm gì hơn là trả tiền cho một vài gã lính để thực hiện ý muốn của mình. Nhưng tôi vẫn chưa biết mình muốn gì. Vì vậy tôi trở về nhà, làm những gì có thể cho người bệnh mà không cần đến thuốc men và khuyên người dân ở các khu phố nghèo tự đào giếng bên bờ sông để nước được lọc sạch khi chảy qua đất, cát.

Nhưng sang ngày thứ năm, cả các quan vệ úy dưới quyền Pepitaton cũng bắt đầu sợ, vì binh lính không còn nghe theo hiệu lệnh tù và nữa mà phỉ báng họ trên đường phố, giật roi

vàng chỉ huy khỏi tay họ và bẻ gãy roi. Họ đến gặp Petitation, cũng đã chán ngán với cuộc sống chiến binh túng thiếu và nhớ những con mèo của mình, buộc ông ta triều kiến Pharaon để tâu cho ngài biết sự thật và cởi bỏ tấm vải choàng thống lĩnh hoàng gia ra khỏi cổ. Vì vậy, vào ngày thứ năm, đội xa giá của Pharaon đến nhà tôi và vờ Horemheb diện kiến Pharaon. Horemheb rời khỏi giường như một con sư tử, tắm rửa, mặc quần áo và trên đường đi gào lên với chính mình khi nghĩ xem sẽ nói những gì lúc đối diện Pharaon, vì vào ngày này cả ngài vàng của Pharaon cũng đang lung lay và không ai biết điều gì sẽ xảy ra vào ngày mai. Đứng trước Pharaon, anh ấy nói:

- Tôi bệ hạ, tình hình gấp lắm rồi và thần không có thời gian để nhắc lại những gì thần đã bẩm lên ngài. Nhưng nếu ngài muốn mọi thứ trở lại như trước, xin hãy trao cho thần quyền uy của Pharaon trong ba ngày, đến ngày thứ ba thần sẽ trao lại ngài quyền lực và ngài không cần biết chuyện gì đã xảy ra.

Pharaon hỏi anh ta:

- Khanh sẽ lật đổ Amon chứ?

Horemheb đáp:

- Bệ hạ quả thật còn điên rồ hơn kẻ mộng du, nhưng sau tất cả những gì đã xảy ra thì phải hạ bệ Amon thôi, để giữ vững quyền lực cho Pharaon. Vì vậy thần sẽ phế bỏ Amon, nhưng xin ngài đừng hỏi thần sẽ làm như thế nào.

Pharaon nói:

- Khanh không được làm hại các giáo sĩ của Amon, vì họ không biết mình đang làm gì.

Horemheb nói:

- Có lẽ phải khoan sọ bệ hạ thôi vì không có cách nào khác chữa lành cho ngài, nhưng thần sẽ tuân theo lệnh ngài vì đã có lần thần lấy tấm vải choàng vai của mình che cho sự ốm yếu của ngài.

Pharaon nhỏ lệ, trao roi và trượng của mình cho anh ấy trong ba ngày. Nhưng tôi không tận mắt chứng kiến việc này mà chỉ được biết theo lời kể của Horemheb và anh ấy thường thêm thắt vào câu chuyện của mình theo thói quen của lính tráng. Dù thế nào thì anh ấy đã trở về thành phố trên xa giá vàng của Pharaon, đi từ đường phố này sang đường phố khác, hét gọi binh lính bằng tên của họ, tập hợp những người trung thành nhất quanh mình, ra lệnh thổi tù và triệu tập quân lính về quanh chim ưng và đuôi sư tử. Suốt cả đêm hôm đó, anh ấy phán xử, và tiếng khóc, tiếng kêu gào vang lên từ các trại lính, các viên quân cơ nghiêm khắc của cơ binh làm gãy hàng đồng gậy cho đến khi cánh tay họ mỏi nhừ và họ kêu ca rằng chưa bao giờ vất vả như vậy trong đời binh nghiệp. Horemheb đã lệnh cho những binh lính tốt nhất của mình đi tuần tiểu khắp thành phố, bắt từng gã lính không tuân lệnh ra đánh đập, nhiều người tay chân và quần áo lấm máu, bị chặt đầu trước những người lính khác. Đến gần sáng, đám tội phạm của Thebes như đàn chuột đã lủi vào nơi ẩn náu của chúng, vì bất cứ ai bị phát hiện đã lấy cắp hay đột nhập vào nhà bên cạnh đều bị giáo đâm tại chỗ. Bởi vậy, chúng vừa chạy trốn vừa run rẩy giật đứt thánh giá của Aton trên cổ và quần áo vì sợ sẽ bị nhận ra.

Nhưng Horemheb cũng triệu tập cả thợ xây của thành phố lại, lệnh cho họ dỡ nhà và phá thuyền của những người giàu có lấy gỗ và bắt họ làm thang, làm dụng cụ để phá tường, phá cổng và tháp bảo vệ, khiến đêm đêm Thebes đắm chìm trong tiếng búa và tiếng ầm ầm của gỗ. Nhưng âm thanh vang vọng làm hài lòng người dân Thebes nhất là tiếng kêu khóc của đám lính da đen và Shardana bị đánh bằng roi. Vì thế họ tha thứ cho tất cả những việc Horemheb làm và yêu quý anh ấy, bởi những người khôn ngoan nhất đã quá chán ngán và mệt mỏi với các thảm

họa vì Amon và hy vọng Amon sẽ nhanh chóng bị lật đổ để thành phố thoát khỏi binh lính.

Horemheb cũng không phí thời gian đàm phán với các giáo sĩ, mà ngay khi trời vừa mờ sáng, anh ấy đã lệnh cho các quan vệ úy và cho gọi các cai cơ đến chỗ mình và giao nhiệm vụ cho họ. Rồi binh lính đẩy các tháp bao vây đến năm vị trí quanh tường để bảo vệ đền, cùng lúc ấy lính phá cổng bắt đầu đập rầm rầm vào các cánh cổng thành. Không ai bị thương, vì binh lính đã làm những mái khiên để che chắn, còn các giáo sĩ và đội gác đền nghĩ cuộc bao vây chỉ tiếp tục kéo dài như trước nên không đun nước sôi và nấu chảy hắc ín mang lên tường thành để đẩy lùi quân tấn công. Thế nên họ đã không thể chống lại được cuộc công kích dứt khoát, đồng loạt tại các điểm theo kế hoạch mà lực lượng bị phân tán, chạy tán loạn trên tường thành, còn dân chúng bắt đầu sợ hãi gào thét lên trong các sân đền. Vì vậy, khi thấy cánh cổng bị phá và lính da đen trèo tường, các giáo sĩ thượng phẩm bèn cho thổi kèn để kết thúc trận chiến và cứu dân chúng, vì họ nghĩ Amon đã nhận đủ vật hiến tế và họ muốn giữ mạng sống cho các tín đồ trung thành của Amon, để dành lực lượng cho sau này. Thế là các cánh cổng được mở và theo lệnh Horemheb, quân lính cho phép dân chúng vốn đã dồn vào các sân đền được thoát ra ngoài. Dân chúng vừa chạy vừa cầu cứu Amon đến giúp; họ chỉ muốn về nhà, vì sự mê muội đã tạm lắng và họ đã quá mệt mỏi khi phải ở trong sân đền chật chội dưới cái nắng như thiêu đốt.

Bằng cách này Horemheb đã chiếm sân trước, nhà kho, trại ngựa và xưởng của đền mà không gây thương vong lớn. Anh ấy cũng nắm quyền kiểm soát Nhà Sống lẫn Nhà Chết và cử các danh y của Nhà Sống đem thuốc vào thành phố để chữa cho người bệnh, song không hề động đến Nhà Chết, vì Nhà Chết nằm ngoài cuộc sống dù trên thế giới có chuyện gì xảy ra đi nữa. Nhưng các giáo sĩ và lính canh đã dồn vào cố thủ trong đền lớn để bảo vệ nơi linh thiêng nhất, các giáo sĩ mê hoặc lính canh,

cho họ uống các loại thuốc mê để họ chiến đấu đến chết mà không cảm thấy đau đớn.

Trận chiến trong đền lớn kéo dài đến chập tối, rồi tất cả lính canh bị bỏ bùa mê và các giáo sĩ có vũ khí trong tay đều bị giết, chỉ còn lại những giáo sĩ bậc cao nhất đã dồn về quanh thần của họ ở nơi linh thiêng nhất. Lúc đó, Horemheb truyền thổi tù và, ra lệnh dừng tấn công, sai binh lính thu gom xác chết và ném xuống sông, còn anh ấy một mình đến gặp các giáo sĩ của Amon và nói:

- Ta không hận thù Amon, vì ta phụng sự Horus, chim ưng của ta. Nhưng ta phải làm theo chiếu chỉ của Pharaon và lật đổ Amon. Tuy nhiên, có lẽ cả các vị và ta sẽ thoải mái hơn nếu không còn tượng nào ở nơi linh thiêng nhất, để quân lính không nhục mạ tượng, bởi ta không muốn mình trở thành kẻ xúc phạm thần linh, mặc dù ta phải phụng sự Pharaon theo lời tuyên thệ của mình. Hãy cân nhắc lời ta và ta cho các vị một giờ đồng hồ nước để làm việc đó. Sau đó, các vị có thể an toàn rời đi và không ai động vào các vị, vì ta không có ý hại các vị.

Lời anh ấy nói rất thuận tai các giáo sĩ vốn đã sẵn sàng chết cho Amon. Họ nán lại sau bức màn che nơi linh thiêng nhất cho đến khi một lượng nước rỉ ra từ đồng hồ nước. Khi ấy Horemheb tự tay giật màn che và cho các giáo sĩ thoát ra. Họ bỏ đi, để lại nơi linh thiêng nhất trống không, không còn thấy tượng của Amon đâu nữa, vì các giáo sĩ đã nhanh chóng đập tượng ra thành từng mảnh và giấu trong áo mang đi, để có thể nói rằng phép lạ đã xảy ra và Amon vẫn còn sống. Nhưng Horemheb đã ra lệnh niêm phong tất cả các kho bằng ấn triện của Pharaon, còn anh tự mình niêm phong các hầm cất giữ vàng và bạc. Tối hôm đó, những người thợ đá bắt đầu công việc của mình dưới ánh đuốc, đục bỏ tên của Amon khỏi mọi bức tượng và bia ký; cũng trong đêm đó, Horemheb ra lệnh tẩy sạch những gì còn sót lại của xác chết trên bãi chợ và dập tắt những đám lửa còn âm ỉ cháy đó đây trong thành phố.

Khi hay tin Amon đã bị hạ bệ, hòa bình và trật tự được lập lại, những người giàu có và quyền quý mặc lên người bộ đồ đẹp nhất, thắp đèn trước nhà và kéo ra đường phố mừng chiến thắng của Aton. Các triều thần đã chạy đến trốn trong hoàng cung của Pharaon trước đó cũng sai thuyền đưa mình qua sông trở lại thành phố và chẳng mấy chốc, bầu trời Thebes lại rực sáng ánh đỏ từ các ngọn đuốc, đèn lồng và hoa được rải đầy trên đường phố, dân chúng hò hét, ôm nhau cười nói. Đến Horemheb cũng không ngăn được họ chuốc rượu cho lính Shardana, cũng như không thể ngăn các phụ nữ quyền quý ôm những người lính da đen giờ mũi giáo khoe những cái đầu trọc của các giáo sĩ đã bị giết chết. Vì đêm nay Thebes vui mừng nhân danh Aton và nhân danh Aton mọi thứ đều được phép, không có sự phân biệt giữa người Ai Cập và người da đen. Minh chứng cho điều này là các phụ nữ quyền quý đã mời người da đen đến nhà mình, cởi bộ xiêm áo mới mùa hè, tận hưởng sức mạnh và mùi máu tanh nồng trên cơ thể họ. Và khi một người canh đền bị thương từ bóng tối của bức tường thành bò ra quảng trường hét gọi Amon trong cơn mê sảng, họ dùng đá đập nát đầu ông ta xuống đường và các phụ nữ quý tộc vui mừng nhảy múa quanh thi thể ông ta.

Tận mắt chứng kiến tất cả những cảnh này, tôi phải đưa hai tay ôm đầu và nhận ra không còn gì quan trọng với mình nữa ngoài suy nghĩ không thần linh nào có thể chữa cho con người khỏi căn bệnh điên khùng của họ. Đêm đó, không còn quan tâm đến bất cứ điều gì, tôi chạy đến Đuôi Cá Sấu, những lời của Merit cháy bùng thành ngọn lửa trong tim tôi và tôi rủ mấy gã lính đang gác quán rượu đi cùng, họ nghe lời tôi vì đã từng nhìn thấy tôi đi cùng với Horemheb. Tôi dẫn họ đi qua cái đêm hân hoan và điên cuồng đó, qua con phố có những người đang nhảy múa đến đền thần mèo, trước nhà của Nefernefernefer. Nơi đó, đèn và đuốc cũng cháy sáng, ngôi nhà không bị cướp phá và tiếng ồn ào hoan hỉ của những người say xỉn vọng ra khắp đường phố. Nhưng khi sắp đến gần, đầu gối tôi bắt đầu run lên, bụng tôi thắt lại và tôi nói với đám lính:

- Đây là lệnh của Horemheb, Thống lĩnh hoàng gia, bạn của ta. Hãy vào nhà, ở đó có một phụ nữ luôn ngẩng cao đầu, mắt xanh như đá. Hãy dẫn người đó đến với ta, nếu cô ta chống lại, hãy dùng cán giáo đánh vào đầu, nhưng không được làm cô ta bị thương.

Toán lính vui vẻ đi vào, ngay lập tức khách khứa bắt đầu sợ hãi chạy ra ngoài, chân run rẩy, những người hầu bắt đầu hét gọi bảo vệ. Nhưng toán lính đã nhanh chóng trở lại cùng với trái cây, bánh mì, mật ong, hũ rượu trong tay và cả Nefernefernefer. Vì ả ta chống cự nên đã bị giáo đánh vào đầu, khiến cái đầu nhảu thối chảy máu và mái tóc giả rơi xuống. Tôi đặt tay vào ngực ả ta, làn da của ả mịn như thủy tinh và ấm nhưng tôi cảm thấy như tay mình đặt lên da một con rắn. Tôi nhận thấy tim ả còn đập và trên người không có vết thương nào, nhưng vẫn quần ả trong bộ váy áo đen như quần một cái xác rồi nhấc ả lên kiệu; lính canh không cản khi thấy tôi có những người lính đi cùng. Toán lính hộ tống tôi đến cổng Nhà Chết và tôi ngồi trong chiếc kiệu rung rinh, tay ôm thân thể Nefernefernefer bất tỉnh. ả ta vẫn xinh đẹp nhưng tôi thấy ả còn kinh tởm hơn một con rắn trong tay mình. Thế là chúng tôi được khênh qua đêm náo nhiệt của Thebes đến Nhà Chết. Ở cổng Nhà Chết, tôi cho toán lính vàng, bảo họ đi và gửi kiệu lại. Tôi ôm Nefernefernefer trên tay đi vào Nhà Chết và nói với những người ngâm tẩm xác đang tiến lại gần mình:

- Tôi mang đến cho các ông thi thể của một phụ nữ tôi bắt gặp trên đường. Tôi không biết tên cũng như người thân của cô ta, nhưng tôi nghĩ đồ trang sức trên người cô ta đủ trả công cho các ông nếu các ông giữ xác cô ta mãi mãi.

Những người ngâm ướp xác mắng tôi:

- Đồ khùng, mi nghĩ những ngày này chúng ta không có nhiều xác chết lắm sao và ai sẽ trả công cho chúng ta?

Nhưng khi giở tấm áo choàng đen ra, họ thấy thi thể vẫn còn ấm và khi cởi quần áo và đồ trang sức trên người ả ra, họ thấy ả thật xinh đẹp, đẹp hơn bất kỳ người đàn bà nào từng được đưa vào Nhà Chết. Họ không nói gì với tôi nữa mà đặt tay lên ngực ả ta và nhận thấy tim ả vẫn còn đập. Khi ấy, họ vội vàng quần ả lại trong chiếc áo choàng đen rồi nháy mắt với nhau, nhăn nhở cười phá lên vì mừng và nói với tôi:

- Đi đi, người lạ mặt, cầu xin thần linh ban phước lành cho việc làm của người, chắc chắn chúng ta sẽ cố gắng hết sức để gìn giữ thi thể của cô ta mãi mãi, và nếu chỉ tùy thuộc vào mình, chúng ta sẽ giữ cô ta ở đây bảy mươi lần bảy mươi ngày, để đảm bảo thi thể của cô ta chắc chắn được gìn giữ.

Bằng cách đó, tôi đã đòi Nefernefernefer trả món nợ mà vì ả tôi mang nợ bố tôi và mẹ tôi. Tôi băn khoăn không biết ả ta sẽ nghĩ gì khi tỉnh dậy trong hang của Nhà Chết, bị tước hết của cải và sức mạnh dưới bàn tay của những người ngâm ướp thi thể vì theo như tôi biết, những người này sẽ không bao giờ để ả ta trở lại với ánh sáng ban ngày nữa. Đây là sự trả thù của tôi với ả, vì ả đã đưa tôi đến Nhà Chết, nhưng sự trả thù này thật trẻ con, như sau này tôi mới biết và bây giờ chưa đến lúc kể về nó. Tôi chỉ muốn nói rằng có lẽ sự trả thù mê hoặc con người và vị của nó ngọt ngào, nhưng trong tất cả những bông hoa của cuộc sống, hoa trả thù nở bung rồi tàn nhanh nhất và đầu lâu người chết nhăn nhở cười, nhạo báng ta từ bên dưới cơn thèm khát trả thù. Bởi lẽ nếu sự trả thù đối với tôi là men say và sự mê hoặc của nó đã lan khắp cơ thể tôi từ đầu đến chân vào giây phút mãn nguyện, thì khi tôi rời khỏi Nhà Chết, men say biến mất, thay vào đó là cơn lạnh buốt và cảm giác vô nghĩa khiến đầu tôi như vỏ trứng rỗng. Tôi cũng không còn mãn nguyện với ý nghĩ rằng có lẽ bằng việc làm của mình, tôi đã cứu nhiều người trẻ khác khỏi sự nhục nhã và chết trẻ, vì mỗi bước chân của Nefernefernefer mang theo sự hủy hoại, nhục nhã và chết chóc. Không, ý nghĩ đó không làm tôi thỏa mãn, vì nếu tất cả mọi điều đều có mục đích thì sự hiện diện của Nefernefernefer cũng có

mục đích và những người đàn bà như ả phải ở trên thế gian này để trái tim con người được thử thách. Còn nếu không có điều gì có mục đích thì việc làm của tôi cũng phù phiếm và vô nghĩa như mọi việc làm khác của con người, vì niềm vui của tôi đã lập tức tan biến. Và nếu không việc làm nào có mục đích thì thà trằm mình xuống dòng sông để cho nước cuốn xác trôi đi.

Tôi đến Đuôi Cá Sấu gặp Merit và nói với nàng:

- Tôi đã đòi được món nợ của mình, tôi đã trả thù bằng cách khủng khiếp hơn bất kỳ ai có thể nghĩ ra. Nhưng sự trả thù đó không mang lại cho tôi niềm vui và trái tim tôi còn trống trải hơn trước, chân tay tôi lạnh buốt cho dù đêm nóng nực.

Tôi uống rượu, rượu như cát bụi trong miệng tôi, và tôi nói với nàng:

- Tôi thề nếu một lúc nào đó tôi lại ôm ấp đàn bà, cơ thể tôi hãy khô quắt đi, vì càng nghĩ đến một người đàn bà nào đó, tôi càng sợ, vì thân thể cô ta là một sa mạc khô khốc và trái tim cô ta là một cái bẫy giết người.

Nàng chạm tay vào tay tôi, cặp mắt nâu nhìn thẳng vào mắt tôi và nói:

- Sinuhe, anh chưa bao giờ biết người phụ nữ nào chỉ muốn điều tốt cho anh.

Nghe thế, tôi nói:

- Xin tất cả thần linh Ai Cập bảo vệ tôi khỏi người phụ nữ muốn điều tốt cho tôi, vì Pharaon cũng chỉ muốn điều tốt cho mọi người, vậy mà dòng sông đầy xác chết vì lòng tốt của ngài.

Tôi nhấp ngụm rượu, rồi vừa khóc vừa nói:

- Merit, má em mịn màng như thủy tinh, tay em ấm nồng như lửa. Hãy cho môi anh đêm nay áp vào má em và hãy giữ đôi tay lạnh giá của anh trong bàn tay ấm áp của em để anh ngủ không mộng mị, anh sẽ đem đến cho em bất cứ điều gì em muốn.

Nàng cười buồn và nói:

- Em ngờ rằng đuôi cá sáu nói bằng lưỡi của anh, nhưng em đã quen và không coi điều đó là xấu. Anh biết đấy, Sinuhe, em không đòi hỏi ở anh bất cứ điều gì và trong đời mình, em chưa hề đòi hỏi bất cứ người đàn ông nào điều gì cũng như em chưa nhận của bất cứ ai món quà gì có giá trị, nhưng nếu em muốn cho đi một cái gì đó, em sẽ cho đi bằng trái tim mình và em sẽ rất vui được trao cho anh thứ anh muốn, vì em cũng cô đơn như anh.

Nàng đỡ lấy cốc rượu từ bàn tay run rẩy của tôi, trải thảm của mình cho tôi nằm rồi nằm xuống cạnh tôi và sưởi ấm đôi bàn tay lạnh giá của tôi trong tay nàng. Tôi áp môi mình vào đôi má mịn màng của nàng, hít ngửi mùi hương tuyệt vời trên làn da nàng và âu yếm vui vẻ cùng nàng. Nàng đối với tôi như bố tôi, mẹ tôi, với tôi nàng như nỗi than cho người đang rét trong đêm đông giá buốt và như ngọn đèn biển dẫn thủy thủ về nhà trong đêm đông tố. Khi tôi chìm vào giấc ngủ, nàng cũng giống như Minea với tôi, Minea, người mà tôi đã vĩnh viễn mất đi, và tôi đã ngủ yên bên cạnh nàng như ở cạnh Minea dưới đáy biển, không còn thấy những giấc mơ ghê sợ nữa mà ngủ say sưa khi nàng thì thầm vào tai tôi những lời người mẹ thì thầm lúc con thơ sợ bóng tối. Từ đêm đó trở đi nàng là bạn tôi, vì trong vòng tay nàng tôi lại tin rằng có điều gì đó lớn hơn tôi và ngoài hiểu biết của tôi mà vì điều đó ta sống.

Sáng hôm sau, tôi nói với nàng:

- Merit, anh đã đập vỡ vò với một phụ nữ nhưng cô ấy đã chết, song anh vẫn còn giữ sợi dây bạc từng buộc mái tóc dài của cô

ấy. Tuy nhiên, vì tình bạn của chúng ta, anh sẵn sàng đập vỡ vò với em, nếu em muốn, Merit ạ.

Nhưng nàng ngáp và đưa mu bàn tay lên che miệng rồi nói:

- Anh không bao giờ được uống đuôi cá sấu nữa, Sinuhe ạ, vì anh lại nói những điều ngớ ngẩn như thế vào ngày hôm sau. Anh nên nhớ là em lớn lên trong một quán rượu nên không còn là một cô bé ngây thơ có thể tin vào lời nói của anh để rồi lại thất vọng.

- Merit ạ, khi nhìn vào mắt em, anh tin trên thế gian này cũng có những phụ nữ tốt, - tôi nói với nàng và đưa tay áp vào đôi má mịn màng của nàng. - Vì thế, anh chỉ nói điều đó với em để em hiểu em cần thiết với anh đến nhường nào.

Nàng mỉm cười và nói:

- Anh thấy đó, em cảm anh không được uống thêm đuôi cá sấu, vì để thể hiện lòng yêu quý với một người đàn ông, trước tiên người phụ nữ cảm anh ta một điều gì đó để chứng tỏ quyền lực của mình. Chúng ta hãy khoan nói về vò, Sinuhe ạ. Anh biết rõ là tấm thảm bên cạnh em thuộc về anh bất cứ khi nào anh cảm thấy cô đơn và buồn chán. Nhưng đừng bức tức, Sinuhe, nếu đôi khi anh thấy trên thế gian này cũng có những người đàn ông khác cô đơn và buồn bã như anh, vì là con người, em cũng tự do lựa chọn bạn cho mình như anh, và em không muốn dùng bất cứ cách gì ràng buộc anh. Vì vậy, em bỏ qua tất cả và mời anh thêm một đuôi cá sấu do chính tay em pha.

Đúng là tâm trạng con người thật kỳ lạ và rất ít người hiểu được trái tim mình, vào ngay lúc ấy tâm hồn tôi trở lại sảng khoái và nhẹ nhàng như chim, không nhớ gì đến điều ác độc vừa xảy ra. Tôi thấy hài lòng và hôm ấy không uống thêm đuôi cá sấu nào nữa. Điều này thật tốt, vì cũng ngày hôm đó, tôi gặp lại Pharaon Ekhnaton.

Hôm đó Horemheb trả lại cho Pharaon roi với trượng của ngài và tâu rằng anh đã lật đổ Amon và lập lại trật tự cho thành phố. Pharaon khoác lại cho anh ấy tấm vải choàng thống lĩnh quân đội hoàng gia và đặt vào tay anh chiếc roi vàng tổng chỉ huy vẫn còn sắc mùi mè của Pepitaton. Pharaon định hôm sau sẽ ngự giá trong đoàn diễu hành dọc Đại lộ Nhân Sư đến đền thờ Aton để mừng chiến thắng của thần, nhưng ngài muốn tổ chức dạ tiệc cho triều thần trong hoàng cung vào tối hôm trước. Horemheb kể cho Pharaon nghe về tôi, nhờ thế tôi cũng được mời đến cung điện của ngài. Vì Horemheb đã phóng đại rất nhiều khi kể về tài năng và công việc của tôi ở Thebes với tư cách là thầy thuốc của người nghèo và về tất cả những gì tôi đã làm khi băng bó vết thương cho những người bất hạnh và lau khô nước mắt cho những đứa trẻ mồ côi.

Thế là tôi vận trang phục lanh hoàng gia và theo Horemheb đến cung điện của Pharaon. Nhưng khi ở trên thuyền, Horemheb vừa vung roi vàng vừa nói:

- Tôi chợt nhớ nên nhắc cậu luôn, Sinuhe, từ giờ về sau chớ có lôi kéo lính của tôi vào những chuyện đàn bà của mình, vì giới quyền quý đang bàn tán ầm lên rằng đêm hôm qua cậu đã cướp ai đó từ chính nhà cô ta. Cô ta có nhiều người tình giàu có, họ kêu khóc và mè nheo như mè bị thương. Phui, tởm quá, sao cái roi này của ta hôi thế! Phải, họ đi tìm người tình của mình nhưng lính của tôi không nói ra, thôi cậu cứ giấu cô ta và vui vẻ với cô ta tới chừng nào cậu muốn, mặc dù tôi không tin cậu có thể làm những điều dũ dằn như vậy với một người đàn bà. Nhưng cá lớn dễ trứng ở vùng nước sâu và lính của tôi có lẽ đã đúng khi một lần trong trận chiến đã gọi cậu là Con Trai Lừa Hoang vì lòng dửng dưng của cậu.

Ở cung điện, lần đầu tiên tôi nhìn thấy những bộ váy hè kiểu mới của phụ nữ cung đình mà lâu nay được bàn tán râm ran trong thành phố, và tôi công nhận rằng tuy lạ mắt nhưng chúng rất đẹp và mát mẻ, dù không cho cánh đàn ông bất cứ cơ gì để tò mò. Tôi cũng thấy những người phụ nữ tô màu xanh lông công xung quanh mắt, má và môi màu đỏ gạch khiến họ trông giống như tranh vẽ; điều này có lẽ cũng tốt, bởi họ di chuyển chậm chạp và khó giấu được những cái ngáp vì đã thức suốt đêm ăn mừng trên đường phố Thebes, đầu gối nhiều người khụy xuống khi bước đi khiến họ phải dựa vào tường và tìm chỗ vịn nơi cây gậy dài của các đấng mày râu.

Horemheb dẫn tôi đến thỉnh an Pharaon trong cung điện của ngài, nhờ vậy tôi đã gặp lại Pharaon. Ngài đã thành người đàn ông chững chạc trong thời gian tôi đi vắng, khuôn mặt ngài nhợt nhạt và đầy vẻ căng thẳng, hai mắt sưng húp vì thức nhiều. Ngài không đeo đồ trang sức gì trên người, chỉ mặc long bào màu trắng được may bằng vải lanh hoàng gia tốt nhất, hoàn toàn không che giấu thân hình mảnh khảnh với vẻ nữ tính méo mó của ngài.

- Sinuhe, danh y, Người Cô Đơn, ta nhớ ngươi, - ngài nói và ngay lúc đó tôi biết ngài là người mà ta hoặc phải ghét hoặc phải yêu, bởi vì ai có trái tim đập trong lồng ngực đều không thể đứng vững trước ngài.

- Chúng đau đầu đã khiến ta mất ngủ nhiều đêm, - ngài nói và đưa tay lên sờ trán. - Ta thường bị đau đầu khủng khiếp khi có điều gì trái ý và các ngự y của ta cũng không thể giúp. Họ chỉ có thể làm tê liệt những cơn đau của ta, nhưng ta không muốn mê man đi bởi suy nghĩ của ta phải trong như nước vì thần của ta, và ta cũng không hài lòng với các danh y của thần đã bị phế bỏ. Horemheb, con trai của chim ưng, đã kể với ta về tài năng của ngươi, Sinuhe ạ. Có lẽ ngươi có thể giúp ta. Ngươi biết Aton không?

Đây là một câu hỏi khó đối với tôi và tôi đã cân nhắc lời nói của mình một cách kỹ lưỡng trước khi trả lời Pharaon:

- Bẩm quốc vương, hạ thần biết Aton, nếu ngài là một gì đó trong hạ thần và một gì đó ngoài tầm hiểu biết của hạ thần, một gì đó nằm ngoài và trên mọi kiến thức của con người. Còn theo cách khác thì hạ thần không biết.

Pharaon hồ hởi, nét mặt trở nên rạng rỡ và ngài hăng hái nói:

- Người nói về Aton hay hơn những cận thần tốt nhất của ta, vì con người chỉ có thể biết Aton bằng trái tim mình, chứ không phải bằng lý trí. Chỉ ta mới biết ngài bằng trí tuệ của mình, bởi vì ta là con trai của ngài và trong ánh sáng rạng rỡ từ những ảo giác của ta, ta đã đối diện với ngài, mặc dù sự hiện diện của ngài là vô hình. Không có thần linh nào khác ngoài Aton và các thần do bàn tay con người nhào nặn lên chỉ là ảo ảnh trước ngài. Tất cả thần linh chỉ là cái bóng trước Aton, chính vì vậy ta đã lật đổ thần bị nguyên rủa, bởi cái bóng của thần này đã ngăn cản ánh sáng chiếu vào trái tim dân chúng. Sinuhe, nếu người muốn, ta sẽ cho người thánh giá sự sống.

Tôi nói với ngài:

- Tâu quốc vương, đêm hôm qua thần nhìn thấy những người đàn ông dùng đá đập vỡ đầu một người bị thương vì thánh giá sự sống của ngài và đám đàn bà nhảy múa xung quanh ông ta, hét gọi tên Aton. Thần cũng nhìn thấy những người đàn bà vừa hoan lạc với những người da đen vừa ca tụng Aton.

Mặt Pharaon tối sầm lại, ngài cau mày và hai gò má xương xẩu đỏ lựng càng nhô cao lên trên khuôn mặt gầy gò. Ngài rên rĩ đưa tay sờ đầu, màn xám che lấp đôi mắt, và ngài nói to:

- Người cũng thế, Sinuhe, người chỉ khiến đầu ta đau thêm khi nói về những điều không thuận ý ta.

Tôi thưa với ngài:

- Muôn tâu Pharaon Ekhnaton, ngài đã tuyên bố ngài sống theo sự thật. Vì thế thần tâu với ngài sự thật, dù thần thấu hiểu vì bệnh tật của ngài, quần thần và những người tôn thờ Aton đã gói sự thật vào vải mềm và cất nó trong bọc da để ngài khỏi nhìn thấy. Bởi sự thật là con dao trần trong tay con người và có thể phản lại người cầm nó. Sự thật sẽ chống lại chính ngài và khiến ngài đau đớn, bầm Pharaon Ekhnaton. Thần sẽ dễ dàng chữa lành cho ngài nếu ngài sẵn sàng bịt tai trước sự thật.

Pharaon bước lại gần tôi rồi đưa tay nắm chặt cánh tay tôi, nói một cách dứt khoát:

- Không, không, Sinuhe. Ekhnaton chỉ sống vì sự thật, đó là mục đích của cuộc đời ngài. Nhưng phụ nữ Ai Cập ăn nằm với người da đen nhân danh Aton không phải là tội lỗi, bởi vì tất cả dân tộc và màu da đều bình đẳng trước Aton.

Horemheb nhổ nước bọt và đưa chân đi nước bọt trên sàn, sau đó anh ấy ngửi chiếc roi vàng của mình với vẻ gièm pha. Pharaon bực tức nhìn anh ấy và tôi chợt hiểu Pharaon không có khả năng vui và cười. Ngài là một người chân chính nhưng không có khả năng cười, vì thế ngài là một người bất hạnh và mang đến bất hạnh cho cả những người xung quanh. Tôi nói với ngài:

- Sự thật không làm con người ta hạnh phúc, tâu quốc vương. Hạ thần mới khoan sọ một bà già tin rằng mình là nữ hoàng Hatshepsut nhưng khi được chữa lành, bà ấy chỉ là một mệnh phụ già nghèo khó và không còn hạnh phúc như khi tin mình là nữ hoàng Hatshepsut.

Pharaon Ekhnaton hỏi:

- Người có thể chữa lành cho ta bằng cách khoan sọ ta không?

Tôi ngẫm nghĩ một hồi lâu, cuối cùng tôi đáp:

- Muôn tâu Pharaon Ekhnaton, ngài biết là thần biết căn bệnh thần thánh của ngài và thần cũng đã thấy ngài trong căn bệnh đó khi ngài còn trẻ. Đôi khi những cơn đau này không tái phát nếu người bệnh được khoan sọ, nhưng đôi khi tái phát. Thần trộm nghĩ điều này phụ thuộc vào việc có phải bệnh do chấn thương bên ngoài gây ra hay do bẩm sinh, vì bệnh bẩm sinh không thể chữa lành được bằng khoan sọ. Tuy nhiên, cơn đau đầu tái diễn của ngài chứng tỏ ngài bị chấn thương ở đầu và thần cũng thấy má và tay ngài giật giật khi ngài nói. Vì vậy, thần nghĩ việc khoan sọ sẽ giúp ngài bớt đau nếu danh y nào đó dám làm. Tuy nhiên, ngài phải nhớ rằng nếu một danh y khoan hộp sọ của ngài và ngài khỏi bệnh nhờ kỹ năng của anh ta, ngài có thể mất đi khả năng nhìn thấy ảo ảnh vốn có của mình, điều mà ngài tin là sự thật. Là một danh y, thần dám thưa rằng thần Aton của ngài sinh ra từ một cái đầu ốm yếu, nhưng điều này không hề làm giảm tầm quan trọng của tư tưởng của ngài vì hạ thần chỉ nghĩ như một người bình thường.

Pharaon nhìn tôi với vẻ ngờ vực và hỏi:

- Người thật sự tin sẽ lấy Aton ra khỏi trái tim ta nếu người khoan sọ của ta ư?

- Tâu quốc vương, thần đâu muốn khoan sọ của ngài, - tôi vội vàng nói. - Thần không làm điều đó, cho dù ngài ra lệnh, bởi vì các triệu chứng của ngài không đòi hỏi liệu pháp đó và việc khoan sọ chỉ được thực hiện bởi một danh y cẩn trọng khi thật sự cần thiết và không có cách nào khác có thể cứu được bệnh nhân.

Horemheb xen vào câu chuyện và nói:

- Đúng như roi của thần vẫn còn mùi mè, Sinuhe là một danh y lành nghề đã tích lũy kiến thức cho mình từ nhiều quốc gia và là học trò của Ptahor già, như ngài còn nhớ, bẩm Pharaon

Ekhnaton. Ngài có thể an tâm đặt hộp sọ thần thánh của mình vào tay anh ấy và có lẽ ca mổ kịp thời này có thể giải cứu Syria và Kush cho Ai Cập, ngăn chặn mầm chết chóc đang đâm chồi từ những hành động điên rồ của ngài. Thần không nói điều này với tư cách một thầy thuốc, vì thần không hiểu gì về y học, cũng không nói như một chiến binh, mà chỉ với tư cách là một người Ai Cập yêu bùn đen và muốn nhìn thấy những đứa trẻ béo tốt, những người vợ vui cười hơn là nhìn đói khát, bệnh tật và chết chóc.

Nhưng Pharaon không tức giận mà chỉ nhìn anh ấy và cả tôi với vẻ thương hại, vì ngài biết sự thật của mình mạnh hơn cả hai chúng tôi. Nét mặt sáng bừng lên, ngài nói:

- Ptahor già đã chết và Nhà Sống vẫn chưa tiến cử ai kế vị ông ta. Vì thế ta bổ dụng ngươi, Sinuhe, làm danh y khoan sọ hoàng gia, và kể từ Ngày Sao Thiên Lang trở đi, ngươi được nhận tất cả các lợi quyền và bổng lộc của chức vị này và Nhà Sống sẽ cho ngươi biết chi tiết về phận sự và công việc. Nhưng các danh y của Nhà Sống không còn muốn thực hiện bất kỳ cuộc phẫu thuật nào nữa vì lửa thiêng của thần đã tắt và họ đã quen với việc tẩy trùng dao và kìm trong lửa của thần này. Hãy nói cho ta biết, không phải lửa thiêng của Aton cũng thích hợp hết như thế và còn hợp hơn để rửa sạch dao của họ ư?

- Tâu quốc vương, lửa là lửa, - tôi nói, - trong những lần du hành tới nhiều xứ sở, thần đã mượn lửa từ bàn thờ của cả thần Baal lẫn thần Marduk và không bệnh nhân nào đến than phiền vết mổ của họ bị sưng, nhiễm vì lửa. Nhưng bây giờ là tháng oi bức tồi tệ nhất và các danh y trung thành với Amon bị nguyên rửa đó có thể lợi dụng điều này và dọa dẫm dân chúng. Nếu ngài muốn, thần sẽ đến Nhà Sống và thuyết giảng cho các môn sinh về vấn đề này, vì thần không có gì để mất; thần chỉ là thầy thuốc của người nghèo và nếu họ gạt bỏ tên thần ra khỏi sách của Nhà Sống, kiến thức của thần không vì thế mà giảm đi.

- Hãy làm đi, - Pharaon hài lòng nói và đặt những ngón tay thon dài lên vai tôi, những ngón tay mang đến cho tôi một nguồn năng lượng như khi một ngọn lửa chạm vào vai và tôi biết rằng tôi sẽ phải yêu ngài cho đến ngày ngài lâm chung, mặc dù ngài diên khùng đến thế.

- Hãy làm đi, - ngài nhắc lại. - Khanh sẽ được nhận rất nhiều quà, Sinuhe, và khanh sẽ ngồi bên phải ta.

Nhưng tôi không muốn quà cáp từ ngài, mà chỉ muốn mang niềm vui đến cho ngài và bây giờ tôi hiểu tại sao những người yêu thương ngài đã cố gắng hết sức để giấu ngài sự thật, mặc dù bản thân ngài chỉ muốn sống vì sự thật.

Sau đó, Horemheb đưa tôi đến sảnh dạ tiệc, nơi khách khứa đã tập trung đông đủ và là nơi các cận thần đổ ky, tranh nhau những vị trí tốt nhất gần bàn của pharaon. Theo Horemheb, tôi phải ngồi gần hoàng gia, bên phải Pharaon, và tôi ngạc nhiên thấy hoàng gia có cả giáo sĩ Eje, nhưng rồi tôi liền nhớ ra Nefertiti, con gái của ông ấy, là hoàng hậu chính phi sau công chúa nhỏ Mitanni, người đã qua đời ngay sau khi đến Ai Cập.

Tôi quên ăn uống, nhìn về phía bàn pharaon nơi Ekhнатon tỏa phát chân lý siêu phàm của ngài và bản khoả không biết các triều thần ngồi cạnh ngài đã che giấu bao nhiêu bí mật đáng sợ sau vầng trán bóng mịn của họ. Hoàng thái hậu Teje đã già nua và béo đầy; càng già đi, nét da đen trên khuôn mặt bà càng hiện rõ, vì vậy tôi tự hỏi liệu sự thật của Pharaon về sự bình đẳng giữa tất cả các dân tộc và màu da có đến từ trái tim của mẹ ngài không. Công chúa Baketamon, đã đổi tên thành Baketaton theo Pharaon, có khuôn mặt thật kiều diễm, được tô vẽ như tượng. Ngồi bên cạnh Pharaon là Hoàng hậu Nefertiti và khi nhìn thấy người, tôi không còn ngạc nhiên vì sao Pharaon lại chọn người chứ không phải em gái mình làm hoàng hậu chính phi. Hoàng hậu đã sinh cho Quốc vương hai công chúa, nhưng thân hình người không lộ ra dấu vết gì của việc sinh nở, trái lại người có tư

thể kiêu hãnh của một phụ nữ trưởng thành và không ngại để lộ bụng eo cho người khác thấy như các phi tần khác. Khuôn mặt Hoàng hậu đã được các nhà thơ ca tụng quá nhiều với đủ lời ví von, vì vậy tôi chỉ nói rằng Hoàng hậu không đeo một đồ trang sức nào và như thế, người cao sang, xinh đẹp hơn bất kỳ người phụ nữ nào mà tôi từng thấy; trên chiếc cổ thon dài là khuôn mặt thanh tú và xinh đẹp, vương miện cao không đè nén đầu mà chỉ tôn cao vị thế của người. Nhưng đôi mắt người sắc lạnh và nụ cười yếu ớt trên đôi môi mỏng xinh đẹp đầy vẻ cân nhắc, suy tư. Đôi mắt Hoàng hậu cũng sắc lạnh như mắt Nefernefernefer và qua đôi mắt ấy không thể thấu hiểu được bí ẩn của trái tim.

Trong dạ tiệc, Pharaon Ekhnaton chỉ ăn cháo đại mạch nấu với sữa từ một chiếc đĩa vàng và cán chiếc thìa vàng của ngài tạc đầu linh dương thon mảnh. Ăn cháo xong, ngài bẻ bánh mì khô ăn và không uống rượu mà uống nước tinh khiết từ cốc vàng của mình. Ăn xong, ngài nói to, vẻ mặt rạng rỡ, say mê:

- Hãy kể với muôn dân rằng Pharaon Ekhnaton sống vì sự thật và thức ăn của ngài là bánh mì, cháo loãng của người nghèo, bữa ăn của ngài không khác gì bữa ăn của một người nghèo khổ nhất.

Rồi ngài hết lời ca ngợi bánh làm từ hạt đại mạch tán nhỏ mà Aton đã ban và nước tinh khiết mà Aton đã tặng. Những người muốn làm đẹp lòng ngài đã từ chối khi được mời món thịt chim bồ câu săn từ bãi sậy, ngỗng rán theo kiểu Thebes và bánh mật ong. Họ cố gắng hài lòng với bánh mì và nước như Pharaon, mặc dù sẽ rất đói vì yến tiệc kéo dài với mười hai loại thịt ngon, tám loại bánh ngọt đặc biệt cùng nhiều loại kem khác nhau thết đãi khách. Từ khuôn mặt và bàn tay, bàn chân bị cháy nắng của họ có thể nhận ra họ là những người trong đám nghèo khổ nhất được Pharaon sai đưa về cạnh mình và bổ dụng làm cận thần trong các lĩnh vực khác nhau của triều đình. Tôi không nghi ngờ trí tuệ hay kiến thức của họ vì nhiều người trong số họ có đôi

mắt sáng và vầng trán rộng, nhưng không nên để sự tôn kính ngăn cản việc ăn, vì những người khác không ngại ngừng ăn tất cả những món được thết đãi và uống rượu, vui vẻ nói cười và đùa cợt.

Sau này tôi được biết và tận mắt chứng kiến Pharaon Ekhnaton không hề chê rượu vang, mà ngài hào hứng uống cho tâm hồn thật vui khi mọi việc xảy ra như ý mình. Ngài cũng không chê thịt ngỗng béo hay thịt linh dương, mà chỉ ác cảm với thịt động vật khi thấy cần phải giữ mình thanh sạch trước khi thấy các ảo ảnh. Thói quen ăn uống của ngài rất kỳ lạ và tôi nghĩ điều này là do việc ăn uống không quan trọng với ngài như với người khác, ngài cũng không để ý nhiều đến việc mình ăn gì uống gì khi cảm xúc dâng trào và những ý tưởng tràn ngập trong trí não khiến ngài không kịp bình tâm đọc hết chúng cho các sử quan ghi lại.

Tôi tin ngài có thể hài lòng với thức ăn, đồ uống đậm bạc. Còn trong buổi tối ấy, khi ngài rời chỗ ngồi tiến lại gần khách khứa với tư cách một chủ nhà vui vẻ và đặt những ngón tay thon dài lên vai khách, nói chuyện với họ và khi đứng cạnh họ, đôi khi ngài nhón lấy cái chân chim hay trái cây hoặc bánh mật từ đĩa của họ lúc đang lơ đãng nói, và chắc không biết mình đang làm gì vì ngài đâu biết diễn. Nhưng những người tạm hài lòng với cháo và bánh mì thì không vui và thêm khát nhìn từng miếng thức ăn trôi xuống qua cuống họng dài và mỏng của ngài. Khi cảm thấy khát vì nói quá nhiều, ngài thể hiện ân sủng đặc biệt với người đối diện bằng cách uống ngụm rượu từ cốc của người đó. Đây đồng thời là dấu hiệu cho biết vị khách đó được phép mang về nhà chiếc cốc mà Pharaon đã chạm vào để lưu giữ như một kỷ vật quý giá cho con cháu xem, và nó thật sự có giá trị vì tất cả các cốc đều rất đẹp và đắt tiền. Theo cách đó, tôi cũng mang về cho mình một chiếc cốc vàng rộng vành nặng vài ba deben vì hai bên cốc gắn đầy hạt nho vàng.

Khách khứa cũng đứng dậy, bắt đầu đi từ bàn này sang bàn khác để gặp gỡ người quen và thay nhau kể những câu chuyện phiếm của triều thần. Một người đàn ông thấp, mặt to bè, mặc bộ đồ vải lanh hoàng gia, đeo vàng quanh cổ và cổ tay đến chỗ tôi. Chỉ từ đôi mắt nâu tinh nghịch của người này tôi mới nhận ra đó là Thotmes và reo lên sung sướng rồi đứng dậy ôm lấy anh ấy. Tôi kể tôi đi tìm anh ấy ở “Vò Rượu Syria”, nhưng anh ấy nói:

- Giao lưu trong các quán rượu bình dân không còn thích hợp với địa vị của tôi. Tôi có nhiều việc để làm nếu kịp uống tất cả rượu mà bạn bè quyền quý và người quý mến tôi tiếp đãi tôi ở nhà họ. Ngài, người được rạng danh, đã phong tôi là nhà điêu khắc đá hoàng gia, như anh có thể đọc được trên vòng của tôi. Tôi đã vẽ cho ngài vàng hào quang của Aton và vô số bàn tay xò ra từ những tia nắng mặt trời để ban tặng thánh giá sự sống cho bất kỳ ai muốn nhận nó.

- Thotmes, bạn của tôi, - tôi nói, - có phải anh là người tạc Pharaon trên các cột của ngôi đền Aton hùng vĩ không, vì trước đây tôi chưa bao giờ thấy những bức tượng như thế cả?

Anh ấy không trả lời thẳng câu hỏi của tôi mà chỉ nói:

- Có nhiều nhà điêu khắc phụng mệnh Pharaon và chúng tôi làm việc cùng nhau, nguyên tắc duy nhất của chúng tôi là đôi mắt của mình. Chúng tôi không bao giờ báng bổ Pharaon mà yêu kính ngài và muốn thể hiện trung thực bản ngã của ngài trong các tác phẩm điêu khắc. Thật tình, bạn Sinuhe của tôi, hôm nay chúng ta ngồi trên ghế trong hoàng cung và uống rượu từ những chiếc cốc quý giá mà vào thời thần giả, chúng ta phải chịu sự ngược đãi, chế nhạo và làm dịu cơn khát của mình bằng bia chua. Chúng tôi đã mục kích nghệ thuật tự do Crete và tìm thấy tự do của chính mình; anh sẽ còn phải ngạc nhiên với những gì mình thấy vì đã đã sống lại trong bàn tay chúng tôi, mặc dù chúng tôi vẫn còn nhiều điều cần học hỏi.

Tôi nói với anh ấy:

- Có một thánh giá sự sống trên trang phục của anh. Anh ấy cười thật tươi và nói:

- Vậy thì sao? Điều đó có nghĩa là thoát khỏi quyền lực của thần giả và sống trong ánh sáng và sự thật.

- Điều đó còn có nghĩa gì khác với anh, người đã phải vẽ cho con cái nhà giàu đàn mèo run rẩy giữa vòng vây của bầy chuột để nuôi sống mình? - Tôi hỏi lại.

Anh ấy bật cười khi nhớ lại những ngày tháng nghèo khó rồi nâng chiếc cốc của tôi trong tay, nhìn nó đầy thán phục và nói:

- Tôi cẩn trọng khi nói những điều thuộc về thần linh, vì cuộc sống tươi đẹp này với tất cả màu sắc và hình dạng diệu kỳ của nó là đủ với tôi; cuộc đời như vò rượu không bao giờ cạn trong tay tôi và cuộc sống trước mắt tôi là bức tranh không bao giờ có thể nhìn thấu tận cùng. Không, Sinuhe, tôi không muốn nói với anh về những điều thuộc về thần linh, bởi vì chúng thay đổi và thay đổi mỗi ngày theo những ảo giác của ngài, điều hôm qua đúng hôm nay có thể sẽ sai, vì ngài lần lượt xé những tấm màn phía trước sự thật mà có vẻ như chúng vẫn còn quá nhiều và tôi không lấy điều đó làm ngạc nhiên. Anh cũng thật ngớ ngẩn khi nói về Aton bên bàn tiệc, Sinuhe ạ, vì cả khi tỉnh táo chúng ta cũng có đủ việc phải làm theo nguồn cảm hứng của ngài. Không, Sinuhe, hãy để rượu làm tâm hồn ta sảng khoái, vì Aton là vị thần mang đến niềm vui, ban phát những chiếc cốc vàng và những chiếc ghế cao cho những ai ngài sủng ái. Chúng ta hãy để những điều thần thánh cho Pharaon vì ngài thấu hiểu chúng nhất, mặc dù chúng thường khiến ngài đau đầu hơn rượu pha đối với tôi.

Tôi rất vui khi gặp Thotmes và Horemheb cũng mừng rỡ khi nhìn thấy Thotmes, mặc dù việc bộc lộ niềm vui không thích hợp lắm với địa vị của anh ấy. Nhưng Thotmes nhìn Horemheb

rất kỹ và nói sẽ tạc tượng anh ấy trong đền thờ Aton vì Horemheb đã giải thoát Thebes khỏi quyền năng của thần giả và vì nét mặt, dáng điệu của anh ấy rất thích hợp để tạc tượng, nếu Pharaon ban vàng và một tảng đá phù hợp cho tác phẩm này. Horemheb khá hãnh diện về điều đó vì anh chưa bao giờ được tạc tượng, nhưng lại nói:

- Chắc anh nghĩ rằng anh ban cho tôi đặc ân khi định tạc tượng tôi để tôi sống mãi muôn đời, nhưng tôi tin dù thế nào đi nữa, tên tuổi tôi cũng sẽ trường tồn nhờ những việc làm của chính tôi. Tôi cũng không muốn đứng há hốc miệng như một kẻ ngốc với những đồ cúng tế vô hồn trên bàn thờ của Aton, vì là một chiến binh, tôi không hiểu được những lời vô nghĩa trong tất cả mọi việc. Thay vào đó, tôi muốn tượng của tôi được dựng lên trong đền thờ Horus ở thành phố quê hương Hetnetsut của tôi, vì Aton vẫn chưa tranh giành với Horus và tôi muốn dân ở đó im miệng, bởi họ đã cười nhạo tôi và ngọn giáo của tôi khi tôi còn là một thằng nhóc.

Dứt lời, anh ấy chợt đứng dậy và cúi thấp người, hai tay duỗi thẳng ngang đầu gối, cả Thotmes và tôi cũng cúi đầu thật thấp, vì Hoàng hậu Nefertiti đến và nói chuyện với chúng tôi, bàn tay xinh đẹp đặt hờ trên ngực. Ngón tay người không đeo chiếc nhẫn nào và trên cổ tay cũng không có chiếc vòng vàng nào để ai cũng có thể chiêm ngưỡng bàn tay người đẹp như thế nào và cổ tay thon thả ra sao. Hoàng hậu lên tiếng nói với tôi:

- Hạt đại mạch đã bắt đầu nảy nở xanh tươi từ nguồn nước cơ thể ta và ta đang sốt ruột chờ đợi, vì Pharaon muốn có con trai thừa kế ngai vàng. Quyền lực của ngài chưa chắc chắn chừng nào dòng máu của ngài chưa vững vàng đứng bên cạnh ngài, vì trong bóng tối, thần giả vẫn còn rình mò quyền lực ấy và chúng ta hoàn toàn không cần giấu nhau việc này bởi đó là sự thật mà chúng ta ai cũng đều biết rõ. Sinuhe, ta nghe kể người đã thụ đắc kiến thức từ nhiều miền đất và là một danh y, người đã làm

những điều kỳ diệu. Hãy nói cho ta biết, ta sinh con trai được không?

Tôi nhìn Hoàng hậu bằng con mắt của thầy thuốc, cố gắng quên đi vẻ đẹp của người, vì từ ý muốn của người, vẻ đẹp của người ào đến bên tôi như thể có gì đó từ người đang giục giã tôi và điều này xảy ra với tất cả những ai mà người nhìn đến và cả những ai đến gần người.

- Thưa Hoàng hậu vĩ đại, - tôi nói - vì bản thân mình, xin Hoàng hậu đừng mong có con trai, vì hông của người hẹp và việc sinh con trai sẽ làm Hoàng hậu đau đớn hơn sinh con gái, đồng thời có thể nguy hiểm đến tính mạng.

Nhưng Hoàng hậu nhìn tôi, ánh mắt sáng rực và sắc lạnh, rồi người nói với vẻ nôn nóng:

- Nhà ngươi không cần nói với ta điều mà chính ta cũng biết, vì các danh y sản khoa lành nghề nhất trong Nhà Sổng đã kéo đầu hai đứa con gái ta cho dài và hẹp trước khi chúng lọt lòng để chúng sống được. Họ đã không dám làm điều này nếu Hoàng thái hậu vĩ đại không cho phép đưa từ xứ Kush đến các phù thủy sống trong các nhà rơm và biết cách làm điều này. Vì vậy, đừng quan tâm đến mạng sống của ta hay kích cỡ đầu con trai ta, mà hãy nói cho ta biết ta phải làm gì để sinh được con trai.

Nghe thế, tôi hoàn toàn hiểu Pharaon Ekhnaton đã ở trên mọi thành kiến và tôi dám chắc là Hoàng thái hậu vĩ đại có dòng máu da đen, vì nếu không làm sao bà có thể nắm được những bí mật của người da đen. Nhưng là một thầy thuốc và là một người Ai Cập, tôi không có thiện cảm với cách sinh nở này. Song tôi cũng lựa lời đáp:

- Thưa Hoàng hậu, chỉ mình Aton mới có thể định đoạt được giới tính của đứa trẻ trong bụng mẹ, còn con người không có quyền năng làm điều đó. Tuy nhiên, thần đã nghe nói về những tín ngưỡng ở các xứ sở khác và nhìn thấy những bùa chú mà

phụ nữ tin là nhờ chúng họ có thể sinh con trai theo ý muốn, nhưng họ nhầm cũng nhiều và điều này có thể hiểu được, vì khả năng là ngang nhau. Tuy nhiên, vì Hoàng hậu đã sinh hai con gái, nên bây giờ nhiều khả năng người sẽ sinh con trai, nhưng thần không thể nói chắc chắn điều gì, vì thần muốn nói thật cho Hoàng hậu chứ không phải như các danh y giả dối muốn lừa Hoàng hậu bằng những trò ảo thuật ngớ ngẩn để kiếm vàng.

Lời tôi nói không làm đẹp lòng Hoàng hậu và người không còn cười khi nhìn tôi với đôi mắt sáng và sắc lạnh, mà chỉ bảo:

- Phu quân Ekhnaton của ta được sinh ra từ mặt trời, như người biết. Ngài được sinh ra sau khi Hoàng thái hậu vĩ đại cầu tự ở Heliopolis và việc chào đời của ngài là một bí mật thần thánh. Điều đó chắc người không phủ nhận?

Có gì đó trong vẻ lạnh lùng, thận trọng của Hoàng hậu làm tôi khó chịu, khiến lòng can đảm của tôi trỗi dậy và có lẽ rượu cũng làm tôi thêm bạo dạn, vì qua Hoàng hậu tôi liếc nhìn giáo sĩ Eje một lúc lâu và đầy ẩn ý rồi nói:

- Vốn là một danh y, không có bí mật thần thánh nào hiện hữu đối với thần và vì lợi ích của vương quốc, thần không muốn Hoàng hậu phải đến Heliopolis, vì người cũng có năng lượng ấy trong nhà mình và Pharaon Ekhnaton muốn sống vì sự thật. Nếu dạ con của người không nảy sinh sự sống từ năm này qua năm khác, thần sẽ không nói gì, vì thừa kế ngai vàng là điều quan trọng, nhưng vì trong Pharaon và Hoàng hậu không có gì trái tự nhiên thì ích gì đâu nếu Hoàng hậu làm trái tim mình buồn phiền, bởi khả năng vẫn luôn ngang bằng nhau.

Hoàng hậu đưa tay lên lông cổ thon dài của mình và vừa lấy hơi thở sâu vừa nhìn tôi như thể muốn gọi lính đến giết tôi. Nhưng người lạnh lùng và tỉnh táo cân nhắc rồi nói:

- Ta không hiểu người đang nói gì, nhưng chắc người cố gắng tỏ ra sâu sắc để tác động đến ta. Làm thế là vô ích, vì câu trả lời

trung thực của người đã đủ cho ta và ta cảm ơn người về điều đó.

Thotmes mạnh dạn tham gia vào cuộc nói chuyện, nhìn thẳng vào mắt Hoàng hậu và nói:

- Thừa Hoàng hậu Nefertiti, người đẹp nhất trong những người đẹp, Hoàng hậu hãy sinh con gái thôi để các công chúa thừa hưởng sắc đẹp của người và giúp thế giới này giàu có hơn. Công chúa Meritaton bé nhỏ đã là một mỹ nhân, các cung nữ bắt chước hình dáng đầu Công chúa trong mái tóc giả của mình và ghen tị với vẻ đẹp của Công chúa. Còn thần đang tạc tượng Hoàng hậu để lưu giữ sắc đẹp của người mãi mãi.

Tôi cũng trấn tĩnh lại, sau khi sự kinh ngạc trước ma lực của Hoàng hậu đã khiến tôi khùng lên, nói những điều ngu xuẩn. Với tư cách thầy thuốc, tôi chỉ dẫn cho Hoàng hậu một số thực phẩm người nên tránh và khuyên người nhai hạt yến mạch chín, vì đây là cách bảo đảm nhất để tăng sức mạnh hạt giống, khiến chúng bắt đầu lưỡng lự và nghiêng về giới tính nam một cách tự nhiên trong dạ con của người nữ. Tôi nói với Hoàng hậu:

- Điều thần bí duy nhất trong chuyện này là việc một người phụ nữ thụ tinh từ hạt giống của một người đàn ông, vì ai cũng coi đó là điều tự nhiên nhưng không ai có thể giải thích được.

Lúc đó Hoàng hậu lại cười với tôi rồi nhấp rượu từ cốc tôi và nói:

- Ta chỉ là một mụ đàn bà và là một người mẹ ngu dốt. Là người mẹ nên ta rất mê tín, như tất cả phụ nữ. Hãy giải thoát ta khỏi sự mê tín của mình để ta có một đứa con khỏe mạnh, dù gái hay trai.

Màu son môi của Hoàng hậu đã để lại một vết đỏ quạch trên miệng cốc của tôi và tôi đã cẩn thận để không xóa mất nó. Vì vậy, trên mép chiếc cốc vàng của tôi vẫn còn vết đỏ từ môi người. Tối hôm đó, tôi đưa cho Merit xem chiếc cốc với niềm tự

hào nhân đôi là Pharaon đã uống rượu từ cốc và trên mép cốc còn dính vệt đỏ từ môi Hoàng hậu Nefertiti. Nhưng Merit rất coi thường chiếc cốc, đưa tay gạt ra không cho tôi vuốt ve má nàng và nói rằng tôi đã say rượu của hoàng cung. Tuy nhiên, sáng hôm sau nàng đã mặc chiếc váy mùa hè có hoa văn mới khi tôi đến đón nàng đi xem lễ rước Pharaon và nàng thật đẹp trong bộ váy áo này, dù nàng sinh ra trong một quán rượu, nên tôi không xấu hổ chút nào khi đứng cạnh nàng bên Đại lộ Nhân Sư ở chỗ dành cho những người được nhận ân sủng của nhà vua.

5

Lòng người ai mà đo được và sự thật của Pharaon cũng đã làm tôi mù quáng đến mức không hề ngờ vực có điều độc ác nào, mặc dù dưới cái nắng chói chang, khói vẫn bay lên từ những đồng hoang tàn còn âm ỉ cháy và mùi xác người vẫn bốc lên từ dưới lòng sông. Vì Đại lộ Nhân Sư được treo những dây cờ đuôi nheo, từng đám đông không đếm xuể tụ tập hai bên đường, nhiều đứa trẻ trèo lên cây ở các vườn hoa để được nhìn thấy Pharaon và Pepitaton đã sai mua vô số giỏ hoa đặt hai bên vệ đường để dân chúng ném hoa xuống đường khi xa giá của Pharaon điếu qua. Tâm trạng tôi thư thái và lâng lâng khi đoán định rằng tự do và ánh sáng đang đến với Ai Cập, tôi đã được mang một chiếc cốc vàng từ cung điện về và tôi được bổ dụng làm danh y khoan sọ hoàng gia. Bên cạnh tôi, người phụ nữ xinh đẹp và chín chắn, là bạn của tôi, đặt tay lên cánh tay tôi. Xung quanh chúng tôi, ở những chỗ đã được đặt trước, chỉ có những người vui vẻ và những khuôn mặt tươi cười nên tôi không thể nhìn thấy mặt của dân chúng. Tất cả yên tĩnh đến lạ thường, yên tĩnh đến mức có thể nghe tiếng quạ từ mái ngói đền lớn vọng đến hẻm Nhân Sư, vì quạ và chim ăn xác chết đã ở lại Thebes và quá no đủ nên béo ú, không thể bay trở lại núi cao được nữa.

Có lẽ sai lầm khi để những người da đen mặt vẽ sọc đi sau kiệu vàng của Pharaon, bởi chỉ nhìn thấy họ thôi, dân chúng đã nổi cơn thịnh nộ, vì nói cho cùng chỉ ít người trong dân chúng là không bị thiệt hại trong vài ngày qua. Nhiều người đã mất nhà vì hỏa hoạn, những người vợ nước mắt chưa kịp khô, những người chồng vết thương vẫn còn băng và nhức nhối, đôi môi sứt sọc của họ không thể nở nụ cười. Nhưng Pharaon Ekhnaton đã giả làm, đứng đưa trên chiếc ghế cao trong kiệu phía trên đầu của tất cả những người đứng xem. Đầu ngài đội vương miện của hai vương quốc, vương miện hoa huệ và vương miện giấy cối, vương miện của miền Thượng và miền Hạ, hai cánh tay ngài bắt chéo chữ thập trước ngực, một tay giữ chặt trượng và tay kia cầm roi hoàng đế. Ngài ngồi bất động như tượng thần, như các pharaon bao đời nay đã ngồi cho muôn dân chiêm ngưỡng. Tất cả im lặng đến ghê sợ khi ngài đến, như thể chỉ nhìn thấy ngài thôi, cổ họng thần dân đã nghẹn lặng. Cuối cùng, lính canh nơi hẻm Nhân Sư giương giáo lên và hô vang lời xưng tụng ngài; tiếp theo, những người quyền quý và giàu sang từ nơi dành riêng cho họ cũng bắt đầu hô vang và tung hoa ra đường. Nhưng tiếng hô của họ mong manh và tội nghiệp, như tiếng vo ve của con muỗi đơn độc trong đêm đông giữa sự im lặng đáng sợ của đám đông, khiến họ dần im bật và kinh ngạc nhìn nhau.

Lúc đó, trái với truyền thống, Pharaon cử động, giơ trượng và roi trên tay lên, hân hoan vẫy chào dân chúng. Đám đông lắc lư và bất ngờ từ miệng dân chúng phát ra tiếng hô đáng sợ giống như âm thanh sóng biển dội vào vách đá trong cơn bão tố. Dân chúng nghiêng ngả, vừa gào vừa âm ào kêu van: “Amon, Amon, hãy trả lại cho chúng tôi Amon, vua của tất cả thần linh!”. Dân chúng nhấp nhô như sóng và tiếng gào mỗi lúc một âm vang to hơn, khiến quạ và chim ăn xác chết bay vụt khỏi mái đền và các bức tường thành, vỗ đôi cánh đen vượt qua xa giá. Họ hét to: “Cút đi, Pharaon giả, cút đi”.

Tiếng hò hét của dân chúng khiến những người khênh kiệu sợ hãi, phải dừng kiệu lại, nhưng rồi họ lại cố gắng tiến lên khi bị

các cai đội cầm vệ cầu kinh đốc thúc. Lúc đó dân chúng tràn ra Đại lộ Nhân Sư như đá lở không thể chặn nổi, xô dạt hàng lính ra khỏi đại lộ và ngã xuống phía trước kiệu như một đồng người ngổ ngang, ngăn không cho kiệu tiến về phía trước. Không ai theo dõi được hết những gì đang diễn ra vì binh lính bắt đầu dùng gậy và chùy đánh dân để mở đường, nhưng ngay sau đó họ phải dùng giáo và dao để bảo toàn tính mạng; gậy và đá bay vèo vèo trong không khí, máu chảy ròng xuống đại lộ và tiếng thét trước khi chết của nhiều người nổi lên giữa tiếng la hét om sòm. Nhưng không một viên đá nào bay về phía Pharaon, vì ngài được sinh ra từ mặt trời, như tất cả các pharaon trước ngài. Vì vậy, ngài là hiện thân của thần thánh, bất khả xâm phạm, và dù trong mơ cũng không ai trong đám đông dân chúng dám giơ tay phản kháng, mặc dù họ thật sự căm ghét ngài. Tôi nghĩ ngay cả các giáo sĩ cũng không dám giơ tay chống lại ngài, bởi điều đó chưa từng xảy ra trước đây. Vì không bị ai cản trở, Pharaon nhìn thấy từ ghế cao của ngài tất cả những gì đang xảy ra. Quên mất địa vị của mình, ngài đứng dậy và hét lớn để kiểm chế binh lính, nhưng không ai nghe thấy tiếng ngài trong lúc đám đông kêu gào ầm ĩ.

Dân chúng ném đá vào binh lính và dùng gậy đánh họ, binh lính chống cự và làm chết nhiều người, nhưng dân chúng vẫn tiếp tục la hét không dứt: “Amon, Amon, hãy trả lại Amon cho chúng tôi”. Họ còn gào to hơn: “Cút đi, Pharaon giả, hãy xéo đi, người thật vô tích sự ở Thebes”. Họ cũng ném đá vào cả các quý tộc và vừa đập loạn xạ vừa xông vào những chỗ dành riêng cho giới đó, khiến phụ nữ vứt hoa và các lọ dầu thơm để chạy trốn.

Lúc đó, Horemheb ra lệnh thổi tù và, các chiến xa lao ra khỏi khu vực sân và các con phố nhỏ mà anh ấy đã sai giấu chúng để không làm dân chúng khó chịu. Chiến xa lao ra đám đông, nhiều người vướng vào chân ngựa và bánh xe nhưng Horemheb đã ra lệnh rút các lưỡi hái khỏi hai bên bánh xe để tránh đổ máu; họ đánh xe chậm rãi, trật tự quanh kiệu của Pharaon và dẫn đường cho kiệu ra ngoài, đồng thời bảo vệ đoàn diễu hành cũng

như gia đình hoàng gia. Nhưng dân chúng vẫn không chịu giải tán cho đến khi thấy thuyền của hoàng gia chèo về bên kia sông. Lúc đó dân chúng òa reo sung sướng, tiếng reo vui của họ còn đáng sợ hơn tiếng gào phẫn nộ; lũ tội phạm chen lẫn trong dân chúng tấn công dinh thự của giới quý tộc, đập phá và cướp tất cả những gì chúng nhìn thấy cho tới khi quân lính dùng giáo lập lại trật tự và dân chúng tản về nhà. Tối đến, đàn quạ sà xuống rĩa xác trên Đại lộ Nhân Sư.

Thế là lần đầu tiên Pharaon Ekhnaton phải chứng kiến sự phẫn nộ của người dân và nhìn thấy máu đổ vì thần của mình. Ngài không bao giờ quên được cảnh tượng này, và một điều gì đó đổ vỡ trong ngài, nỗi căm hờn đã nhỏ giọt được vào tình yêu của ngài và cơn thịnh nộ của ngài lớn dần đến mức ngài truyền lệnh đầy đến hầm mỏ tất cả những ai đã nói to tên của Amon hoặc bí mật ghi tên thần này vào các bảng viết hay đĩa bát. Nhưng dân chúng không muốn khai tên nhau, vì thế kẻ trộm và nô lệ cũng được phép làm nhân chứng khiến không ai còn được an toàn trước những nhân chứng giả; nhiều người trung thực và đáng kính bị bắt làm nô lệ trong các hầm lò và mỏ đá, còn những kẻ nhản tâm và xảo trá lại chiếm nơi ở, nhà xưởng và cửa hàng của họ dưới danh nghĩa Aton.

Tôi kể tất cả những điều này trước khi sự việc xảy ra để giải thích tại sao lại xảy ra như thế. Còn ngay đêm hôm đó, người ta vội vã triệu tôi đến hoàng cung, vì căn bệnh thần thánh của Pharaon lại tái phát và các ngự y sợ ngài không qua khỏi nên muốn san sẻ trách nhiệm, vì ngài đã nói với họ về tôi và nhắc đến tên tôi. Ngài nằm bất tỉnh trong nhiều lượng nước chảy ra từ đồng hồ nước, giống như người chết, chân tay lạnh buốt và mạch đập quá yếu không tìm bắt được. Nhưng rồi ngài đã tỉnh lại sau khi cắn lưỡi và môi đến mức máu từ miệng ứa ra trong cơn mê sảng. Tỉnh lại được một chút, ngài đuổi tất cả các ngự y của Nhà Sống ra khỏi phòng vì không còn muốn nhìn thấy họ trước mắt mình và chỉ giữ lại mình tôi.

Khi đã hoàn toàn tỉnh táo, ngài nói:

- Hãy truyền gọi các tay chèo và tất cả những ai là bạn của ta lại và đi theo ta, vì ta sẽ ra đi và ảo giác của ta sẽ dẫn đường cho đến khi ta tìm thấy một vùng đất không thuộc về bất kỳ thần linh hoặc con người nào. Ta sẽ dâng hiến vùng đất ấy cho Aton và sẽ xây dựng thành phố của mình ở đó, thành phố Aton, và ta sẽ không bao giờ trở lại Thebes.

Ngài còn nói thêm:

- Hành xử của người dân Thebes đáng căm hận hơn bất cứ điều gì đã xảy ra từ xưa đến nay, đáng ghê tởm và khốn nạn hơn bất cứ điều gì các tiên đế ta từng chứng kiến, hơn cả các dân tộc ngoại bang. Vì thế, ta sẽ không bao giờ trở về Thebes nữa mà để mặc Thebes chìm vào bóng tối của nó.

Nỗi cuồng điên của ngài lớn đến mức ngài ra lệnh khênh mình lên thuyền khi vẫn còn ốm, khiến không chỉ tôi, với tư cách là ngự y riêng, không ngăn cản được mà cả những cận thần của ngài cũng không thể khuyên can. Nhưng Horemheb bảo:

- Như vậy là tốt nhất, vì bằng cách này dân chúng Thebes sẽ có được điều họ mong muốn, Ekhnaton cũng sẽ đạt được ý muốn của mình, cả hai đều hài lòng và hòa bình sẽ trở lại với vương quốc này.

Tâm trạng ngài rối bời và ánh mắt ngài lang thang, mơ hồ đến mức tôi đã phụng mệnh ngài. Vì là thầy thuốc, tôi nghĩ tốt hơn ngài nên thay đổi chỗ ở và nhìn ngắm cảnh quan mới cũng như gặp gỡ những người mới, những người không căm ghét ngài. Thế là tôi theo hộ giá Pharaon trong chuyến đi tới hạ lưu và ngài nôn nóng rời đi đến mức không chờ đợi ngay cả vương công, hoàng tộc của mình, còn Horemheb sai một đội thuyền chiến hộ tống để đảm bảo không có chuyện gì xấu xảy ra với ngài.

Thuyền của Pharaon lướt về hạ lưu và Thebes lùi dần sau chúng tôi, những tường thành của nó, mái của những ngôi đền, chớp vàng nhọn hoắt của những tháp canh mờ dần sau đường chân trời và ba đỉnh núi, những vệ sĩ vĩnh cửu của Thebes, cũng dần biến mất khỏi tầm nhìn. Nhưng ký ức về Thebes không mất đi mà còn theo chúng tôi nhiều ngày dọc dòng sông xuống hạ lưu, vì sông đầy cá sấu, to béo, quẫy đuôi trong làn nước hôi thối mùi thi thể đang tan rữa, cả một trăm lần một trăm cái xác trương phình trôi dạt dọc theo dòng sông dài và không có đến một bãi sậy hay doi cát gần bờ nào mà không vướng lại tóc hay áo quần của các xác người chết vì thần của Pharaon Ekhnaton. Nhưng bản thân ngài không biết điều đó, vì ngài nằm trên thảm mềm trong khoang dành cho quốc vương trên thuyền, tôi tớ xúc dầu thơm cho ngài và đốt hương trầm xung quanh để ngài khỏi ngửi thấy mùi thần của mình.

Sau mười ngày hành trình, sông đã dần trong sạch, Pharaon ra đứng trên mũi thuyền và nhìn khắp xung quanh. Đất hè quanh ngài vàng rực, nông dân thu hoạch vụ mùa trên cánh đồng, chiều đến gia súc được lùa xuống bờ sông uống nước và những người chăn gia súc thổi những cây sáo hai ống. Khi nhìn thấy thuyền của Pharaon, dân chúng từ các làng chạy ra bờ sông, ăn vận trang phục trắng, vừa vẫy những cành cọ vừa hét to những lời chào mừng ngài. Được nhìn thấy dân chúng mãn nguyện là liều thuốc tốt nhất cho sức khỏe của Pharaon và thỉnh thoảng ngài cho thuyền ghé vào bờ, lên đất liền nói chuyện với người dân, giơ tay ban phước lành cho trẻ em và đàn bà khiến họ không bao giờ quên được. Bầy cừu cũng len lén đến gần Pharaon, ngửi ngửi, cắn mép áo choàng khiến ngài cười vui vẻ. Ngài cũng không sợ vầng dương, đức thần của ngài, dù đây là vị thần chết chóc trong mùa hạ nóng bỏng, mà để lộ mặt dưới mặt trời và mặt trời làm mặt ngài đỏ lựng, khiến cơn sốt và sự cuồng nhiệt của ngài lại bốc lên và từ mắt ngài, thần rực sáng với sức mạnh khủng khiếp khi ngài lại vội vã tiếp tục hành trình.

Trong đêm tối, ngài đứng ở mũi thuyền, nhìn những ngôi sao sáng lóa ánh lửa và nói với tôi:

- Ta sẽ phân phát tất cả đất đai của thần giả cho những ai vui lòng với đất họ có và chịu khó làm việc bằng đôi tay mình để có hạnh phúc và cầu nguyện cho Aton. Ta sẽ chia tất cả đất đai cho họ vì lòng ta hân hoan khi thấy những đứa trẻ mập mạp, những người vợ và người chồng vui cười rạng rỡ, những người lao động nhân danh Aton mà không ghét ai và cũng không sợ ai.

Ngài còn nói thêm:

- Lòng người tăm tối và ta có thể không bao giờ tin điều đó nếu không tận mắt nhìn thấy. Vì ánh sáng của ta chói lóa nên ta không biết bóng tối và khi ánh sáng chiếu rọi tâm hồn mình, ta quên hết tất cả những tâm hồn giả dối. Chắc chắn rất nhiều người không thể hiểu được Aton mặc dù họ nhìn thấy ngài và cảm nhận được tình yêu của ngài, vì suốt đời họ sống trong bóng tối và mắt họ không nhận ra ánh sáng khi nhìn thấy nó, mà coi ánh sáng là ác quỷ và bảo ánh sáng làm đau mắt họ. Vì vậy ta để cho họ được yên, không làm phiền họ nếu họ không quấy rầy ta và người thân của ta, nhưng ta không muốn sống gần họ mà chỉ quy tụ những người thân yêu về quanh mình, sống với họ và ta sẽ không bao giờ rời bỏ họ nữa để khỏi phải chịu đựng những cơn đau đầu dữ dội khi nhìn thấy những điều làm ta phiền lòng, cũng là những cảnh khủng khiếp trước mắt Aton.

Ngài nhìn chăm chăm vào các vì sao trong đêm tối và nói:

- Đêm là một sự khủng khiếp với ta và ta không thích bóng tối mà sợ nó, ta cũng không yêu các vì sao, bởi khi các vì sao lấp lánh, chó hung sa mạc rời chỗ trú, sư tử rời hang động của chúng và gầm lên vì thèm khát máu. Cả Thebes cũng là đêm tối với ta nên ta bỏ Thebes, sự thực là ta từ bỏ tất cả những gì xưa cũ và giả dối, đặt niềm tin vào thanh thiếu niên, vì mùa xuân

của thế giới này mầm từ trẻ nhỏ và nếu được học về Aton từ thời thơ ấu, trẻ em sẽ được thanh lọc khỏi mọi xấu xa và toàn bộ thế giới sẽ trở nên tốt đẹp. Vì vậy, các trường học phải được cải tổ, phải đuổi giáo viên cũ đi và biên soạn những bảng chữ mới cho trẻ em. Vì chúng ta không cần hình ảnh để hiểu chữ viết, do vậy ta sẽ soạn chữ viết đơn giản hơn trước để người bình thường nhất cũng có thể dễ dàng học được, và sẽ không có sự khác biệt giữa người biết chữ với dân thường mà dân thường cũng học viết, để ở mỗi làng bản kể cả nơi thưa dân nhất cũng có người biết viết và người có thể đọc được những gì ta viết cho họ. Vì ta sẽ viết cho họ thường xuyên và viết rất nhiều về tất cả những điều mà họ cần biết.

Những điều ngài nói làm tôi sợ hãi, vì tôi đã biết chữ viết mới của Pharaon, rất dễ học và dễ đọc, nhưng đó không phải là chữ viết linh thiêng, hình thức không đẹp và ngữ nghĩa cũng không phong phú như chữ viết cổ; tất cả các ký lục vốn coi trọng tài năng của mình coi thường và dè bủ những ai dùng nó. Vì vậy tôi nói:

- Chữ viết bình dân xấu xí và thô thiển, không phải là chữ viết thần thánh. Ai Cập sẽ ra sao nếu mọi người đều biết viết, vì điều này trước đây chưa từng có, và sau này không ai muốn làm công việc chân tay, đất đai bị bỏ hoang và người dân sẽ chết vì đói trước khi họ vui mừng vì biết viết.

Nhưng lẽ ra tôi không nên nói điều này, vì ngài lại nổi giận và cáu gắt với tôi:

- Sinuhe, vậy là bóng tối vẫn còn ở gần ta, bóng tối hiện hữu bên ta khi người đứng cạnh ta. Người chỉ nghỉ ngơi và tìm kiếm vật cản đường ta, nhưng sự thật của ta như lửa rực cháy trong ta và mắt ta nhìn thấu mọi chướng ngại như nhìn qua làn nước trong cho đến khi ta thấy thế giới đang đến sau mình. Trên thế giới này không có cảm hờn hay sợ hãi mà người dân chia sẻ công việc, đồ ăn thức uống với nhau như anh em và không còn người

giàu hay kẻ nghèo, mọi người đều bình đẳng và ai cũng biết viết, biết đọc những gì ta viết cho họ. Cũng không ai xưng hô với người khác là “gã Syria bẩn thỉu”, hay “thằng da đen khốn khổ”, mà tất cả đều là anh em của nhau và sẽ không bao giờ có chiến tranh nữa. Ta nhìn thấy tất cả những điều này, vì vậy sức mạnh và niềm vui trào dâng trong ta đến mức ta sợ trái tim mình sẽ nổ tung.

Lúc đó tôi lại thấy ngài là kẻ điên, tôi dìu ngài về nằm xuống thăm và cho ngài uống thuốc an thần. Nhưng những lời ngài nói thiêu đốt trái tim tôi, làm tôi bối rối, vì trong tôi có điều gì đó đã chín muồi để đón nhận lời ngài. Tôi đã biết nhiều dân tộc, cũng như tôi đã thấy nhiều thành phố và thấy tất cả về cơ bản là giống nhau, và người thầy thuốc chân chính không nên phân biệt người giàu và kẻ nghèo, người Ai Cập và người Syria, mà việc của anh ta là giúp đỡ mọi người. Vì thế tôi tự nhủ với lòng mình: “Chứng điên khùng của ngài thật vĩ đại và không nghi ngờ gì là do bệnh tật gây ra, nhưng sự điên khùng này cũng ngọt ngào và dễ lây lan và tôi ước ao ảo giác của ngài sẽ thành hiện thực, mặc dù lý trí của tôi nói rằng một thế giới như vậy không thể được xây dựng ở bất kỳ nơi nào khác ngoài miền tây. Nhưng trái tim tôi kêu lên rằng sự thật của ngài lớn hơn tất cả mọi sự thật đã được nói ra trước thời của ngài, trái tim tôi bảo rằng sau ngài sẽ không có sự thật nào lớn hơn được nói ra, mặc dù tôi biết máu và sự chết chóc nẩy mầm từ những bước đi của ngài và ngài sẽ nhấn chìm Ai Cập vĩ đại nếu ngài sống được đủ lâu”. Tôi nhìn những vì sao trong đêm tối và nghĩ:

- Tôi, Sinuhe, là một người lạ trên thế gian và thậm chí không biết ai đã sinh ra mình. Tôi muốn đến Thebes làm lương y của người nghèo, vàng không có ý nghĩa gì nhiều đối với tôi, dù tôi thích ăn thịt ngỗng béo ngậy hơn bánh khô và thích uống rượu hơn nước. Nhưng những điều này không có gì quan trọng đến mức tôi phải từ bỏ điều mình đã chọn. Vì tôi không có gì khác để mất ngoài mạng sống của mình, sao tôi lại không ủng hộ sự yếu đuối của ngài, đứng bên cạnh ngài và động viên ngài mà không

cần bản khoản, vì ngài là Pharaon, quyền uy nằm trong tay ngài và trên thế gian không vương quốc nào giàu có và vĩ đại hơn Ai Cập, nên có thể Ai Cập sẽ vượt qua thử thách này. Nếu được như vậy, thế giới thật sự sẽ tái sinh, năm thế giới mới sẽ bắt đầu và nhân loại sẽ là anh em của nhau, không còn kẻ nghèo và người giàu. Trước đây chưa ai có được cơ hội thực hiện lẽ phải của mình như ngài, bởi vì ngài sinh ra là pharaon và tôi tin cơ hội như thế này không bao giờ lặp lại, mà đây là thời điểm duy nhất để có thể thực hiện chân lý của ngài.

Tôi vô tư mơ mộng như thế trên con thuyền hoàng gia bập bênh trên sông, gió đêm mang theo mùi hạt chín và mùi ngũ cốc đập trên sàn phả vào mũi tôi. Nhưng gió đêm cũng làm tôi lạnh và giấc mơ vụt tắt ngấm trong tâm trí, tôi chán nản tự nhủ mình: “Giá có Kaptah ở đây để nghe xem ông ấy nói gì. Bởi là danh y tài giỏi, tôi có thể chữa khỏi nhiều bệnh nhưng bệnh tật và sự khốn cùng của thế gian quá lớn, đến mức tất cả thầy thuốc trên trái đất cũng không kịp chữa khỏi dù họ có thể và có những căn bệnh mà các danh y bất lực. Có lẽ cũng như vậy, Pharaon Ekhнатon, thầy thuốc của tâm hồn, không kịp có mặt ở mọi nơi và các thầy thuốc tâm hồn được ngài khai minh chỉ hiểu một nửa lời ngài và bóp méo ý định của ngài, mỗi người theo tâm tính và ý muốn của riêng họ, mà trong cuộc đời mình, ngài sao có thể kịp khai sáng đủ nhiều lương y tâm hồn để họ kịp chữa lành cho cả nhân loại. Cũng có những tâm hồn đã chai cứng, thâm đen mà ngay cả lẽ phải của ngài cũng không thể nào chữa lành được nữa”. Chắc chắn Kaptah sẽ nói: “Nếu đến một lúc nào đó không còn người giàu hay kẻ nghèo thì vẫn luôn có những người thông thái và những kẻ đại khờ, những người ranh mãnh và những kẻ ngây thơ. Vì cuộc đời trước đây như thế và sau này cũng sẽ luôn như thế. Kẻ mạnh đè đầu cổ kẻ yếu, kẻ lười nhác móc hầu bao của người ngu ngốc và bắt người khờ khạo làm việc cho mình, vì con người là loài thú gian dối và lòng tốt của con người cũng chỉ nửa vơi, nên chỉ những người nằm mãi không bao giờ dậy là hoàn toàn tốt. Ông cũng thấy lòng tốt của

ngài đã gây ra điều gì. Chắc chắn chỉ bầy cá sấu dưới sông và đàn quạ trên mái đền là biết ơn điều đó nhiều nhất”.

Pharaon Ekhnaton đã nói với tôi như thế và tôi đã nói với trái tim yếu đuối, bất lực của mình như vậy, cho đến ngày thứ mười lăm, một vùng đất hiện ra phía trước chúng tôi, không phải là đất của người quyền quý hay đất của thần linh nào. Những ngọn núi dần dần lùi xa bờ xanh dương sẫm sẫm và nâu vàng, đất chưa được canh tác, chỉ có một vài mục đồng trên bãi cỏ, sống trong những căn lều sậy bên bờ sông. Lúc đó Pharaon rời khỏi thuyền, bước lên bờ, dâng vùng đất này cho Aton để xây dựng ở đây một thủ đô mới và ngài gọi thành phố tương lai này là Akhetaton - Thành phố Thiên Đường.

Thuyền nối thuyền theo nhau kéo đến, ngài triệu thợ cả và kiến trúc sư của mình lại, chỉ cho họ hướng của những con phố chính, nơi sẽ xây hoàng cung và đền Aton. Những người theo ngài đến đây, ngài chỉ cho từng người nơi dựng nhà dọc theo các con phố chính. Thợ xây đốn đám mục đồng cùng đàn gia súc của họ, dỡ các lều sậy của họ và xây bến thuyền trên bờ sông. Pharaon Ekhnaton cũng chỉ cho thợ xây nơi họ có thể dựng lên các khu phố của mình ở bên ngoài thành phố của ngài. Trước tiên họ được xây nhà đất sét cho mình, năm con phố chạy từ bắc xuống nam và năm con phố từ đông sang tây, các ngôi nhà cao như nhau, mỗi nhà đều có hai phòng giống nhau và bếp đun nấu ở vị trí giống nhau, mỗi một chiếc vò và tám tấm cũng được để ở chỗ giống nhau, bởi Pharaon mong muốn điều tốt lành, ngài muốn tất cả thợ xây đều bình đẳng để họ có thể sống hạnh phúc trong khu phố của mình bên ngoài thành phố của Pharaon và thờ phụng Aton.

Nhưng họ có thờ phụng Aton không? Không, họ đau khổ nguyên rửa thân và Pharaon, bởi họ không thể hiểu nổi vì sao ngài đã chuyển họ từ thành phố của mình đến một nơi hoang vu, không có phố xá hay quán bia mà chỉ có cỏ khô và cát sỏi. Chẳng người vợ nào hài lòng với lò bếp của mình mà họ muốn

đốt lửa nấu nướng ngoài lều, dù việc đó bị cấm; họ không ngớt xê dịch thảm và vò; những người đông con ghen tị với những ai chưa có con vì diện tích nhà ở. Những ai đã quen với nền nhà đất bùn kêu nền đất sét nhiều bụi và không tốt cho sức khỏe, còn những người quen với nền nhà đất sét thì nói đất sét ở Akhetaton không giống ở nơi khác mà chắc chắn đó là thứ đất sét bị nguyên rửa vì nền bị nứt khi họ cọ rửa.

Họ cũng muốn trồng củ cải bên đường phố trước cửa nhà như đã từng quen và không hài lòng với những thửa đất Pharaon cấp cho họ ở bên ngoài thành phố, nói rằng ở đó không có đủ nước và họ không đủ sức khiêng phân bón của mình ra đó. Họ chằng dây sậy ngang các con phố để phơi quần áo sau khi giặt và nhốt dê trong nhà, mặc dù Pharaon đã cấm vì điều đó có hại cho sức khỏe và vì lũ trẻ. Vậy nên tôi chưa bao giờ thấy một thành phố nào mà việc xây dựng gặp nhiều vấn đề và lăm bặt hòa như ở khu phố của thợ xây Akhetaton khi họ xây dựng thủ đô mới. Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng sau một thời gian quen dần và cam chịu mọi điều phiền toái, họ không còn kêu ca về Pharaon mà chỉ thở dài nhớ về nhà cũ của mình song không thật sự muốn quay về nơi đó nữa.

Rồi mùa nước nổi đi qua và tiết đông đến, nhưng Pharaon không trở lại Thebes mà cương quyết ở lại trên thuyền của mình và từ đó điều hành công việc. Mỗi tảng đá, mỗi cột nhà được dựng vững chãi đều khiến ngài hết sức mừng vui và ngài thường cười to hả hê khi thấy những ngôi nhà gỗ xinh đẹp, thanh thoát mọc lên bên các con phố, bởi suy nghĩ về Thebes như liều thuốc độc gặm nhấm tâm trí ngài. Ngài đã tiêu hết tất cả số vàng được kế thừa từ Amon vào Akhetaton, còn đất đai của Amon trên khắp các vùng miền, ngài chia cho những người nghèo nhất và những ai muốn có đất để canh tác. Ngài cho chặn tất cả các thuyền chạy lên thượng nguồn sông, mua hàng hóa và sai bốc dỡ tại Akhetaton để quấy phá Thebes. Ngài đẩy nhanh việc xây dựng khiến giá gỗ, đá tăng lên vùn vụt và các lái buôn có thể giàu lên khi thả những bè gỗ đầu tiên vượt qua thác nước

đến Akhetaton. Ngoài thợ xây của ngài, nhiều người lao động khác cũng đến Akhetaton, họ sống trong những hầm đất và lều sậy ven suối, làm gạch và nhào nặn đất sét. Họ san đất làm đường, đào kênh dẫn nước và đào hồ thánh Aton trong vườn của Pharaon. Cây lấy gỗ và những bụi cây xanh cũng được thả bè theo sông và sau mùa nước được trồng ở Thành phố Thiên Đường; họ cũng trồng cả cây cho quả để vào mùa hè năm sau Pharaon có thể tự tay hái những quả chà là, sung và lựu chín đầu tiên trong thành phố của mình.

Là thầy thuốc, tôi rất nhiều việc, bởi vì dù Pharaon đã khỏi bệnh và rất hạnh phúc khi thấy thành phố của mình đầy hoa lá và những cây cột thanh thoát, sắc sỡ đang dần dần hiện lên giữa sa mạc, nhưng dịch bệnh hoành hành trong đám thợ xây trước khi đất được cải tạo nhờ các kênh rạch và rất nhiều tai nạn đã xảy ra trên những công trường xây dựng khẩn trương. Những bầy cá sấu luôn rình rập đe dọa những người bốc dỡ hàng, vì họ buộc phải lội trong nước trước khi bến thuyền được xây xong. Tiếng kêu gào của họ nghe thật thảm thiết và chắc hẳn không cảnh tượng nào khủng khiếp hơn cảnh một người đàn ông đang giãy giụa và gào thét ngang hăm của một con cá sấu lớn trước khi nó lặn xuống các hốc nước và đưa anh ta theo về hang để cho thối rữa. Nhưng Pharaon quá say sưa với lễ phải của ngài đến mức không kịp nhận thấy bất cứ điều gì trong chuyện này, các thủy thủ đã lấy tiền đồng thuê thợ săn cá sấu từ miền Hạ đến nên họ dần dần diệt sạch cá sấu dưới sông. Nhiều người nghĩ cá sấu đã theo thuyền của Pharaon từ Thebes đến Akhetaton, song tôi không thể nói gì về điều này, mặc dù tôi biết cá sấu là một loài khôn ngoan và ác độc đến mức đáng sợ. Nhưng sự khôn ngoan không giúp chúng chống lại được tiền đồng của thủy thủ và những cái bẫy của người miền Hạ, vì vậy chúng thấy tốt nhất là để yên bờ đất Akhetaton và điều này cũng chứng tỏ trí tuệ tuyệt vời của loài cá kỳ dị và đáng sợ này. Thay vào đó, chúng dần thành từng đàn chờ đợi ở hạ nguồn sông đến tận Memphis, vì thành phố này được Horemheb chọn làm nơi đóng đô của chính quyền.

Sau khi mùa lũ đi qua, Horemheb cũng đến Akhetaton cùng với các cận thần trong triều, mặc dù anh ấy không đến để ở lại đó mà chỉ để khuyên Ekhnaton từ bỏ quyết định giải tán quân đội. Vì Pharaon xuống chiếu buộc anh ấy cho lính da đen và Shardana giải ngũ và trả họ về quê, nhưng Horemheb rên rằng chưa thực hiện và viện nhiều cớ khác nhau để kéo dài thời gian, vì anh ấy hoàn toàn có lý do: chờ bạo loạn nổ ra ở Syria để bắt đầu đưa binh lính đến đó. Sau những cuộc hỗn loạn ở Thebes, lính da đen và Shardana bị thù ghét trên khắp Ai Cập đến mức dân chúng nhổ nước bọt trước mặt họ và lấy chân dẫm xuống đất khi họ đi qua.

Nhưng Pharaon Ekhnaton không thay đổi quyết định của mình và Horemheb đã hoài phí thời gian ở Akhetaton. Những cuộc nói chuyện của họ lặp đi lặp lại ngày này sang ngày khác và tôi cũng được chứng kiến. Horemheb nói:

- Tình trạng bất ổn lớn bao trùm Syria và các khu kiều dân Ai Cập ở đó rất yếu thế. Có lẽ Aziru đang kích động lòng thù hận chống Ai Cập và thần không nghi ngờ gì về việc hắn ta sẽ công khai làm loạn vào thời điểm thích hợp.

Pharaon Ekhnaton nói:

- Khanh nhìn thấy các nghệ sĩ đang bài trí những bãi sậy và đàn vịt đang bay theo phong cách Crete trên sàn các sảnh của cung điện ta chứ? Khanh hẳn đã đi xem hàng cột Aton bên cạnh cung điện của ta, vì chúng rất đáng để xem, mặc dù các cột chỉ được xây bằng gạch để tiết kiệm thời gian. Hơn nữa, mới chỉ nghĩ đến việc các nô lệ phải còng lưng đục đá cho Aton trong các khu mỏ là ta đã thấy khó chịu. Ta không nghĩ bạo loạn sẽ nổ ra ở Syria, vì ta đã gửi thánh giá sự sống cho các quốc vương xứ ấy. Nhất là khi vua Aziru lại còn là bạn ta, đã nhận thánh giá sự sống và xây một ngôi đền cho Aton ở đất của thần Amori. Khanh không có lý do gì để nghi ngờ lòng trung thành của ông ta, vì ta đã nhận được từ ông ta vô số đĩa đất sét; ông ta háo hức tìm hiểu những

điều mới mẻ của Aton và nếu người muốn, quản thủ của ta có thể cho người xem những đĩa đất sét ấy một khi văn khố hoàng gia được sắp xếp.

Horemheb nói:

- Thần đái vào đĩa đất sét của hân, vì chúng cũng bẩn thỉu và gian dối như chính hân. Nhưng nếu ngài nhất quyết giải tán quân đội, ít nhất hãy cho phép thần tăng cường lực lượng bảo vệ biên giới, vì hiện tại các bộ tộc phía nam đang lừa gia súc của họ vượt qua các mốc đá ranh giới sang đồng cỏ của ta ở xứ Kush, các làng của đồng minh da đen của chúng ta sẽ dễ dàng bị đốt cháy, vì được xây bằng rơm.

Pharaon Ekhнатon nói:

- Ta không nghĩ họ có ý xấu, chỉ vì sự nghèo đói đẩy họ đến đồng cỏ của chúng ta. Do đó, hãy để chư hầu của chúng ta chia sẻ đồng cỏ với các bộ tộc phía nam và ta cũng sẽ gửi thánh giá sự sống cho những bộ tộc này. Ta không tin họ cố tình đốt làng, mà như chính khanh đã nói, các ngôi làng bằng rơm rất dễ bắt lửa và không vì một vài vụ cháy mà kết tội cả bộ tộc. Nhưng nếu khanh muốn, hãy chỉ tăng cường các đội bảo vệ biên giới ở xứ Kush và Syria, vì việc của khanh là đảm bảo an ninh của vương quốc và nhớ là chỉ coi họ như những đội canh biên giới chứ không phải quân đội chính quy.

Horemheb nói:

- Ekhнатon, người bạn điên rồ của hạ thần, dù thế nào đi nữa, ngài phải cho phép thần tổ chức lại đội quân phòng thủ khắp cả vương quốc, vì những người lính bị giải ngũ nghèo đói sẽ trộm cướp, lấy những tấm da chưa thuộc dành để nộp thuế của nông dân và dùng gậy đánh họ.

Pharaon Ekhнатon nói như rắn dạy:

- Horemheb, khanh biết chuyện gì sẽ xảy ra khi không chịu nghe lời ta. Nếu khanh nói nhiều hơn về Aton với binh lính của mình thì họ sẽ không làm như thế, nhưng bây giờ trái tim họ chai sạn, mông họ vẫn đau vì vết roi của khanh và họ không biết phải làm gì. Mà khanh có để ý không, hai con gái của ta đang chơi cùng nhau, Meritaton nắm tay em mình và chúng làm bạn với con linh dương đồ chơi nhỏ xinh? Thêm nữa, sao khanh không tuyển đám lính đã bị giải ngũ vào các đội canh phòng trên khắp vương quốc? Chỉ cần lấy họ vào đội canh phòng biên giới, chứ không vào các đội quân trực chiến. Ta cũng nghĩ nên phá dỡ hết các cỗ chiến xa đi, vì nghi ngờ để ra nghi ngờ và chúng ta phải làm cho các nước lân bang tin rằng Ai Cập sẽ không gây chiến dù xảy ra bất cứ chuyện gì.

- Không phải bán chiến xa cho Aziru hoặc cho người Hittite sẽ đơn giản hơn rất nhiều sao, bởi chúng trả giá rất cao cho chiến xa và ngựa chiến? - Horemheb giễu cợt nói. - Hạ thần hiểu ngài không cần quân đội hùng mạnh một khi ngài vút tắt cả sự giàu có của Ai Cập xuống đầm lầy và vào gạch xây.

Họ tranh cãi như thế từ ngày này qua ngày khác cho đến khi Horemheb trở thành thống lĩnh các đội quân phòng thủ dọc biên giới và tại các thành phố nhờ sự cứng đầu của mình, nhưng Pharaon ban lệnh chỉ trang bị cho binh lính biên phòng giáo mũi gỗ, còn quân số thì mặc Horemheb quyết định. Vậy nên Horemheb đã sai gọi lãnh binh từ khắp các vùng đến Memphis ở giữa Ai Cập, nơi giáp giới của hai miền, và cũng định đích thân đến đó, nhưng khi anh ấy đang chuẩn bị lên thuyền chiến của mình, một chiếc thuyền do thám đã mang đến một loạt thư và bảng đất sét rất đáng lo ngại từ Syria, khiến niềm hy vọng lại thức dậy trong lòng Horemheb. Các mật thư và bảng đất sét này là chứng cứ rất thuyết phục rằng vua Aziru, sau khi nghe tin về tình hình bất ổn ở Thebes, đã coi thời điểm này là thích hợp và bất ngờ đánh chiếm một vài thị trấn lân cận thuộc Amori. Một cuộc bạo động cũng nổ ra tại Megiddo, vùng trọng điểm của Syria, và các đội quân của Aziru bao vây pháo đài nơi quân đồn

trú Ai Cập rút về cố thủ và cầu xin ứng cứu khẩn cấp từ Pharaon. Nhưng Pharaon Ekhnaton nói:

- Ta tin vua Aziru có lý do chính đáng cho hành động của mình, vì ta biết ông ta là một người nóng nảy và có thể sứ giả của ta đã xúc phạm ông ta. Vì vậy, ta không thể kết tội trước khi ông ta có cơ hội để biện minh cho mình. Nhưng có những việc ta có thể làm và thật sai lầm khi ta không nghĩ đến sớm hơn. Thành phố Aton hiện đang mọc lên trên miền đất đen, ta cũng phải có thành phố Aton ở miền đất đỏ, ở Syria và ở Kush. Thật vậy, thành phố Aton phải được xây dựng ở Kush và phải được xây dựng ở Syria, sẽ là trung tâm điều hành các nơi. Megiddo là chỗ giao nhau của các tuyến đường vận chuyển người và hàng hóa, vì thế là nơi thích hợp nhất để trở thành thành phố Aton, song ta ngờ rằng nó quá hỗn loạn cho việc xây dựng. Nhưng người đã kể cho ta nghe về Jerusalem, nơi người đã cho dựng đền thờ Aton trong cuộc chiến chống lại Khabiri, cuộc chiến mà ta không bao giờ có thể tha thứ cho mình. Jerusalem không ở giữa Syria như Megiddo mà xa hơn về phía nam, nhưng ta sẽ làm ngay việc cần làm để xây dựng thành phố Aton ở Jerusalem, để nó sẽ là thành phố chính của Syria, dù bây giờ chỉ là một làng nghèo nàn.

Nghe đến đây, Horemheb bẻ roi chỉ huy của mình và ném nó vào chân Pharaon rồi lên thuyền chiến đi đến Memphis để tổ chức lại các đội quân phòng thủ. Nhưng việc anh ấy ở lại Akhetaton cũng có ích, để tôi có những buổi tối thư thái kể cho anh ấy nghe tất cả những gì tôi đã nhìn và nghe được ở Babylon, Mitanni, Crete và xứ Hatti. Anh ấy im lặng nghe tôi nói, thỉnh thoảng gật đầu như thể những gì tôi kể không có gì mới với anh, tay búng búng con dao viên quản thủ cảnh người Hittite tặng tôi. Đôi lúc anh ấy hỏi tôi những câu hỏi rất trẻ con như: “Lính Babylon bắt đầu diễu hành bằng chân trái như lính Ai Cập hay bằng chân phải như lính Hittite?”; hoặc: “Khi dùng chiến xa hạng nặng, người Hittite cho ngựa chạy bên cạnh nhau hay chạy sau thùng

xe?"; hoặc: "Bánh của chiến xa Hittite có bao nhiêu tấm và được làm bằng kim loại à?".

Anh ấy hỏi tôi những câu hỏi trẻ con như vậy chắc vì anh ấy là một người lính, bởi người lính quan tâm đến những thứ không quan trọng chút nào, giống như những đứa trẻ cố đếm con rít bao nhiêu chân. Nhưng tất cả những gì tôi nói với anh ấy về đường sá, cầu cống và sông suối, cũng như tất cả những cái tên tôi kể ra, anh ấy đều bảo chép lại để nhớ, vậy nên tôi khuyên anh ấy hãy gặp Kaptah, người cũng trẻ con như anh, trong việc nhớ những điều không cần thiết. Trái lại, anh ấy không hào hứng chút nào khi tôi nói về việc đọc lá gan và liệt kê cho anh hàng ngàn cống, mạch và huyết khác nhau của gan mà anh không hề viết tên chúng ra để nhớ.

Dù sao, Horemheb đã hậm hực rời khỏi Akhetaton và Pharaon rất hài lòng với việc đó, bởi những cuộc trò chuyện với Horemheb đã làm phiền ngài đến mức cứ thấy Horemheb đến gần là đầu ngài lại đau nhức. Nhưng với tôi, ngài trầm tư nói:

- Có thể Aton muốn Ai Cập mất Syria và nếu đúng vậy, ta là ai để nổi loạn chống ngài, bởi điều đó chỉ tốt cho Ai Cập. Vì sự giàu có của Syria đã gặm nhấm tâm can Ai Cập và tất cả những xa hoa, bạc nhược, đồi bại và thói quen xấu đều đến từ Syria. Nếu chúng ta mất Syria, Ai Cập sẽ buộc phải quay trở lại cuộc sống giản đơn, sống bằng sự thật và đó sẽ là điều tốt nhất với Ai Cập. Cuộc sống mới phải bắt đầu ở Ai Cập để từ đó có thể lan tỏa ra khắp thế giới.

Nhưng tim tôi nổi loạn chống lại lời nói ấy và tôi nói:

- Con trai của Ramses, trấn thủ Simyra, là một đứa bé lanh lợi có đôi mắt nâu rất to và thích chơi với những viên đá nhiều màu. Thần đã từng chữa bệnh thủy đậu cho nó. Còn một phụ nữ Ai Cập sống ở Megiddo đã đến Simyra gặp thần sau khi nghe danh tiếng của thần, vì bụng cô ta bị trướng, thần đã dùng dao để mổ

và cứu sống cô ta. Da cô ta mềm như vải bông và cô ta đi lại uyển chuyển như tất cả phụ nữ Ai Cập, mặc dù bụng cô bị trướng và mắt long lanh vì sốt.

- Ta hoàn toàn không hiểu khanh nói với ta chuyện đó làm gì, - Pharaon Ekhnaton ngắt lời tôi và bắt đầu vẽ lên giấy ngói đền của mình khi nó lơ mờ hiện ra trong tâm trí ngài, vì ngài liên tục làm phiên các kiến trúc sư và thợ cả của mình bằng các hình vẽ và lời giải thích cho dù họ hiểu rõ nhà cửa đền đài hơn ngài.

- Thần chỉ muốn nói thần lại thấy trong mắt mình thằng bé Ramses ấy, miệng nó bị dập nát và tóc trán dính đầy máu. Thần cũng nhìn thấy người đàn bà Megiddo đó khi cô ta nằm trần truồng, người đầy máu me trong sân của pháo đài và những người đàn ông Amori làm ô uế thi thể cô ta. Nhưng lẽ tất nhiên thần thừa nhận rằng những suy nghĩ của mình quá nhỏ nhoi so với suy nghĩ của ngài và đáng quân vương không thể nhớ từng tên Ramses và từng người đàn bà mềm yếu trong đám tiện dân của ngài.

Lúc đó Pharaon nắm chặt bàn tay và giờ nắm đấm lên trời, cơn đau đầu làm mắt ngài mờ đi và ngài kêu lên:

- Sinuhe, người không nhận thấy sao, nếu phải chọn cái chết thay cho sự sống, ta thà chọn một trăm cái chết của người Ai Cập hơn một ngàn cái chết của người Syria. Nếu ta bắt đầu chiến tranh ở Syria để cứu từng người Ai Cập ở đó, thì nhiều người, cả Ai Cập và Syria, sẽ chết trong cuộc chiến; người Syria cũng là con người như người Ai Cập, với trái tim đập trong lồng ngực, họ cũng có vợ và những đứa con trai mắt sáng long lanh. Nếu lấy cái ác chống lại cái ác, ta sẽ chỉ sản sinh ra cái ác, nhưng khi ta lấy cái thiện chống lại cái ác, thì cái ác sinh ra từ đó sẽ nhỏ hơn. Ta không muốn chọn cái chết thay cho sự sống. Vì vậy ta bịt tai trước những lời của người và đừng nói với ta về Syria nữa nếu người yêu thương ta và quý trọng mạng sống của ta, vì khi nghĩ đến Syria, trái tim ta quặn thắt với những khổ đau mà

những người chết phải trải qua vì ý muốn của ta và về lâu dài, một người không đủ sức mang nỗi thống khổ của nhiều người. Vì vậy, hãy cho ta sự bình yên vì Aton và vì sự thật của ta.

Ngài cúi đầu, mắt sưng tấy vì đau và bắt đầu đỏ lên, cả đôi môi dày cũng run run. Vì thế tôi để ngài yên, nhưng trong tai tôi vang lên tiếng đập thành thạch của những kẻ phá tường thành ở Megiddo và tiếng kêu khóc của những người vợ bị hành hạ trong lều vải của những người đàn ông Amori. Nhưng tôi cố làm cho tim mình chai lại trước những âm thanh này, vì tôi yêu Pharaon dù ngài điên khùng và có lẽ tôi yêu ngài chính vì sự điên khùng ấy, đẹp hơn sự thông thái của những người khác.

6

Tôi còn phải kể về đám cận thần, những kẻ lập tức theo Ekhnaton đến Thành phố Thiên Đường, vì họ đã sống cả đời trong hoàng cung của Pharaon và mục đích duy nhất của cuộc đời họ là được sống gần Pharaon, mỉm cười khi ngài cười và cau mày khi ngài cau mày. Cha của họ đã làm như thế trước họ và cha của những người cha này đã làm như thế trước đó, rồi họ thừa kế những chức tước quý từ cha mình, tự hào về địa vị của mình và so sánh với địa vị của người khác. Họ là những người mang dép hoàng gia hầu như không bao giờ xỏ dép vào chân, những người hầu rượu hoàng gia chưa bao giờ đập nho, người thợ làm bánh hoàng gia chưa bao giờ biết nhào bột, người giữ que quẹt thuốc mỡ hoàng gia, người cắt bao quy đầu hoàng gia và nhiều hầu cận khác. Tôi là người khoan sọ hoàng gia nhưng không ai chờ đợi tôi sẽ khoan thủng hộp sọ của nhà vua, mặc dù, khác với tất cả những cận thần khác, tôi có thể làm việc đó và có thể vẫn giữ được sự sống cho Pharaon.

Tất cả họ đều vui mừng và hát những bài thánh ca của Aton khi đến Akhetaton trên những con thuyền rải đầy hoa, chở theo nhiều cung nữ và vò rượu như thể trong một chuyến du ngoạn.

Họ ở trong lều dưới những mái che nắng bên bờ sông, vừa ăn uống vừa hoan hỉ hưởng thụ cuộc sống của mình, vì nước đã rút và trời đã sang xuân, không khí thôn quê trong lành như rượu mới và chim chóc hót líu lo trên cây. Cần rất nhiều người hầu và nô lệ phục vụ họ đến nỗi nơi ở của những người này thành một thị trấn nhỏ, vì bản thân các cận thần và cung nữ thậm chí không biết rửa tay hay lau dầu mỡ trên mặt, mà nếu không có người hầu và nô lệ họ sẽ bất lực như những đứa trẻ mới tập đi.

Nhưng họ vẫn can đảm đi theo Pharaon khi ngài chỉ cho họ nơi sẽ là đường phố, nhà cửa của họ khi nô lệ giơ lọng che cái đầu quý giá của họ. Họ cũng rất hăng hái cùng thợ xây tham gia xây nhà cho mình, vì ngay cả Pharaon đôi khi cũng nhặt một viên gạch trên đất đặt vào chỗ xây. Họ hỗn hển bê gạch đến những bức tường nhà đang dần cao, cười khi tay bị trầy xước và những phụ nữ quý tộc lấy đầu gối nhào đất sét trên mặt đất. Nếu xinh đẹp và trẻ trung, họ lấy cỏ này để cởi xiêm áo, chỉ mặc yếm ngang lưng như thiếu phụ nhà nông mặc khi xay lúa.

Nhưng nô lệ phải che ô cho họ để họ không bị cháy nắng và sau khi nhào đất sét một lúc, họ bỏ đi để lại các thứ bữa bãi, khiến đám thợ xây chửi rủa họ thậm tệ và vứt bỏ những viên gạch mà những đôi tay quyền quý đã đặt vào. Tuy nhiên, đám thợ xây không chửi rủa các thiếu phụ trẻ mà rất thích ngắm nhìn họ và giả vờ ngu ngốc bôi bàn tay đất sét lên người họ, khiến họ giật mình và tức giận hét lên. Còn khi các cung nữ già nua, xấu xí đến chỗ đám thợ xây và động viên họ làm việc, ngưỡng mộ vẻ cơ bắp của họ và vừa đưa tay vuốt ve gò má đất sét của họ dưới tên Aton vừa hít hà mùi mồ hôi của họ thì họ lại chửi bới và đánh rơi gạch đất sét xuống chân những người này để đuổi họ đi.

Đám cận thần hồ hởi khoe khoang và khoác lác về việc họ xây nhà cũng như những việc họ đã làm, kể lể cho nhau nghe mỗi người đặt được bao nhiêu viên gạch vào chỗ và cho Pharaon xem bàn tay trầy xước của mình để được sủng ái.

Nhưng sau một thời gian, họ chán trò chơi xây dựng này và bắt đầu chăm sóc vườn cây của mình, bới đất như trẻ con. Thợ làm vườn cầu xin thần linh giúp đỡ và la mắng họ, vì họ không ngớt cho dịch chuyển cây cối, hoa màu từ nơi này sang nơi khác. Những người đào mương tưới tiêu gọi họ là con cái của Seth, vì mỗi ngày họ nghĩ ra những nơi đào ao cá mới. Tôi cũng không nghĩ họ có ý xấu khi làm những việc này, chỉ vì họ thậm chí còn không nhận ra mình gây phiền toái cho người làm mà tin rằng đã giúp đỡ những người này rất nhiều và tối tối uống rượu, khoe khoang việc mình làm.

Nhưng không lâu sau họ cũng chán cả trò chơi này và bắt đầu than vãn về cái nóng của những ngày này và bọ chết lổm ngổm trên những tấm thảm trong lều làm họ rên rỉ suốt đêm, khiến sáng ra họ đến gặp tôi xin thuốc mỡ để bôi vào vết bọ chết cắn. Cuối cùng họ nguyên rủa cả thành phố Akhetaton, nhiều người bỏ đi đến trang trại của mình, những người khác bí mật lẻn đến Thebes vui chơi, còn những người trung thành nhất ngồi trong bóng râm của lều uống rượu ướp lạnh, chơi xúc xắc với nhau và luân phiên thắng thua tất cả vàng, quần áo và đồ trang sức của mình để tìm một sự khuây khỏa trong cuộc sống tẻ ngắt từ trò chơi. Nhưng những bức tường của các tòa nhà dần mọc lên và trong vài tháng, thành phố Akhetaton đã nhô lên giữa vùng hoang vu với những khu vườn kỳ diệu như trong cổ tích. Nhưng tất cả tốn bao nhiêu thì tôi không thể tính được. Tôi chỉ biết tất cả số vàng của Amon không đủ cho việc này, vì các kho của Amon đều trống rỗng khi các ấn tín được mở ra. Các giáo sĩ của Amon đã đoán được cơn bão sắp xảy ra nên đã phân phát vàng cho những người tin cần giữ.

Tôi phải kể thêm là hoàng gia bị chia rẽ vì Akhetaton, bởi Hoàng thái hậu không chịu theo con trai đến nơi hoang vắng. Thebes là thành phố của bà, hoàng cung của Pharaon rực sáng vàng tía xanh dương giữa những khu vườn và những bức tường bên sông, là do Pharaon Amenhotep sai xây dựng lên cho tình yêu của ngài, vì Hoàng thái hậu Teje vốn chỉ là một người bắt chim

nghèo khó trong bãi sậy ở miền Hạ. Vì vậy, Teje không muốn rời Thebes và Công chúa Baketaton cũng ở lại với thân mẫu. Giáo sĩ Eje, người cầm trượng bên phải nhà vua, vẫn ở đó, ngồi trên ngai vàng của vua xét xử trước các cuộn da, nên mọi việc ở Thebes không có gì thay đổi. Chỉ Pharaon giả là vắng mặt và Thebes không hề luyến nhớ ông.

Cả Hoàng hậu Nefertiti cũng trở lại Thebes để sinh nở, vì người không dám sinh nếu không có thái y của Thebes và những phù thủy da đen. Nefertiti sinh công chúa thứ ba, được đặt tên là Ankhsenaton và là người sẽ trở thành nữ hoàng. Đầu Công chúa cũng bị các phù thủy kéo dài và bóp nhỏ để sinh cho dễ dàng và khi Công chúa lớn lên, các cung nữ cũng như tất cả phụ nữ trên khắp Ai Cập, những người muốn xinh đẹp và bắt chước cách ăn mặc của triều đình, bắt đầu dùng chỏm đầu giả để kéo đầu dài ra. Còn các công chúa lại cạo hết tóc vì họ hãnh diện về dáng đầu xinh đẹp của mình. Các nghệ sĩ cũng ngưỡng mộ và tạc tượng họ, vẽ và tô màu rất nhiều bức tranh về họ mà không hề biết rằng tất cả là do phép thuật của các phù thủy da đen.

Nhưng sau khi sinh công chúa, Hoàng hậu Nefertiti trở lại Akhetaton, vào ở trong cung điện đã được xây xong trong thời gian này và đã được hoàn thiện để ở. Hoàng hậu cũng để hậu cung của Pharaon ở lại Thebes, bởi người rất bức bối khi đứa con thứ ba cũng là gái và không muốn Pharaon hao phí sinh lực của mình trên thảm của các phi tần. Ekhnaton cũng không phản đối vì ngài rất mệt mỏi, chán ngán với bốn phận của mình trong hậu cung và không muốn thêm ai khác ngoài Nefertiti, điều mà ai cũng hiểu khi nhìn thấy sắc đẹp của người, vì sinh đến con thứ ba mà người không hề xấu đi, trái lại còn trẻ và hấp dẫn hơn bao giờ hết. Nhưng sự thay đổi này là nhờ Akhetaton hay phép thuật của phù thủy da đen, tôi không biết.

Vậy là chỉ trong vòng một năm, Akhetaton đã mọc lên giữa vùng đất hoang vu, những ngọn cỏ kiêu hãnh đứng đưa dọc theo các đại lộ của thành phố, lựu chín đỏ trong các khu vườn

và hoa sen nở hồng trong những ao cá. Cả thành phố như một khu vườn nở đầy hoa với những ngôi nhà bằng gỗ vươn lên nhẹ nhàng và thanh thoát như những vọng lâu, những cây cột nhà bằng cọ và sậy nhẹ được sơn màu sắc sỡ. Vườn tràn vào trong các ngôi nhà, vì những cành cọ và sung vẽ trên tường đang đung đưa trong làn gió xuân vĩnh cửu. Trên sàn nhà là những bãi sậy và những đàn cá nhiều màu bơi lội tung tăng, đàn vịt với đôi cánh sắc sỡ bay trong đám sậy. Trong thành phố này có đủ mọi thứ làm vui lòng người, linh dương hiền lành đi lang thang trong các khu vườn, trong khi trên các con phố, bầy ngựa cầm chùm lông đà điểu rung rinh kéo những chiếc xe ngựa thanh thoát và những căn bếp thơm mùi gia vị đến từ mọi nơi trên thế giới.

Thế là Thành phố Thiên Đường đã được xây xong và khi mùa thu đến, chim én ngói lên khỏi bùn, xao xác bay thành đàn trên dòng sông nước đang lên. Pharaon Ekhnaton dâng thành phố và vùng đất này cho thần Aton. Ngài khánh hạ những cột mốc ranh giới ở cả bốn phương của đất này, trên mọi cột đều có hình Aton ban phước cho Pharaon và hoàng thất bằng những tia sáng thần linh, đồng thời trên mỗi tảng đá đều khắc lời ngài thề rằng sẽ không bao giờ bước chân ra khỏi đất của Aton. Vì lễ khánh hạ này, những người thợ đá đã lát những con đường đá dẫn ra bốn hướng để Pharaon có thể an tọa trong cỗ xe vàng của mình đến cột mốc ranh giới, hoàng gia theo sau ngài trong các cỗ xe và kiệu, triều thần ngồi trong xe và trên kiệu theo sau vừa rải hoa vừa thổi sáo, gảy đàn ca ngợi Aton.

Pharaon Ekhnaton không muốn rời khỏi thành phố Akhetaton cả sau khi tạ thế; khi thành phố xây xong, ngài đã cho thợ xây của mình đến phá đá xây mộ vĩnh cửu ở dãy núi phía đông trong vùng đất Aton, công việc khiến họ không thể trở về nhà cũ. Nhưng chính những người thợ xây cũng không còn nhớ nhiều đến quê cũ của mình mà dần cam chịu, bằng lòng sống trong khu phố của họ dưới sự chở che của Pharaon, vì lương

thực của họ dồi dào, dầu không bao giờ cạn trong bình và vợ họ sinh những đứa con khỏe mạnh.

Khi quyết định xây lăng mộ cho mình và triều thần ở Akhetaton cũng như tặng mộ cho mỗi cận thần cùng sống với mình trong Thành phố Thiên Đường và tin vào Aton, Pharaon Ekhnaton cũng cho xây dựng Nhà Chết bên ngoài thành phố để thi thể của những người chết ở Akhetaton được giữ gìn mãi mãi. Vì vậy ngài đã lệnh cho đưa đến những người ngâm tẩm xác lạnh nghề nhất từ Nhà Chết ở Thebes, không kể đến tín ngưỡng của họ, mà kỹ năng của họ mới là quan trọng. Họ đến trên một chiếc thuyền đen xuôi về hạ lưu và gió thổi mùi của họ lan tỏa, khiến người dân trốn trong nhà, cúi đầu đốt hương trầm và đọc lời cầu nguyện với Aton. Nhưng nhiều người cũng đọc những lời cầu nguyện các thần cũ và làm dấu linh thiêng của Amon, vì mùi của những người ướp xác khiến Aton trở nên xa xôi với họ và họ nhớ đến các vị thần cũ.

Những người ngâm ướp xác rời khỏi thuyền cùng với tất cả đồ nghề, họ chớp chớp đôi mắt đã quá quen với bóng tối của Nhà Chết và bức tức nguyên rửa ánh sáng chạm vào mắt họ. Họ vội vã đi đến Nhà Chết mới, mang theo mùi của mình đến đó để nó trở nên thật quen thân và không rời khỏi đó nữa. Trong số họ có cả chuyên gia dùng kim già Ramose, người có nhiệm vụ rửa sạch não trong hộp sọ xác chết mà tôi đã gặp lại trong Nhà Chết, vì các giáo sĩ của Aton rất sợ Nhà Chết nên Pharaon đã giao nó cho tôi giám quản. Sau khi nhìn một lúc lâu, ông nhận ra tôi và rất lấy làm kinh ngạc. Nhưng tôi đã cố ý để lộ mình để ông tin tưởng tôi, vì nỗi hoài nghi như một con sâu đã gặm nhấm trái tim tôi và tôi sốt ruột muốn biết sự trả thù của mình đã nở hoa kết trái thế nào trong Nhà Chết ở Thebes. Vì vậy, sau khi nói một chút về nghề nghiệp và nhiệm vụ của ông, tôi hỏi:

- Ramose, bạn của tôi, có phải ông đã buộc phải dùng tài năng của mình rửa sọ cho một phụ nữ xinh đẹp, có tên theo tôi nhớ là

Nefernefernefer, được đưa đến Nhà Chết sau những ngày khủng khiếp không?

Ông nhìn tôi, cổ rút lại, đôi mắt rùa thô lỗ chớp liên tục và nói:

- Nói thật lòng, Sinuhe, cậu là người quyền quý đầu tiên gọi một kẻ ướp xác là bạn mình. Điều đó khiến tôi rất cảm động, và điều cậu muốn biết có lẽ rất quan trọng đối với cậu nên cậu mới gọi tôi là bạn mình. Lẽ nào cậu là người đã mang ả ta đến vào đêm đó và quấn ả trong áo choàng đen tử thần, bởi nếu cậu là người đó, cậu không thể là bạn của bất kỳ kẻ ngâm ướp xác nào và nếu biết được, họ sẽ đâm cậu bằng lưỡi dao tẩm độc, khiến cậu phải chết cái chết hãi hùng.

Run người lên trước lời ông ấy nói, tôi nói:

- Dù ai mang cô ta đến đi nữa, chắc chắn cô ta đáng phải chịu số phận của mình, nhưng theo như ông nói, tôi ngờ là cô ta không chết mà đã được sống lại trong tay của những người ngâm ướp xác.

Ramose nói:

- Đúng là con mụ khủng khiếp đó đã sống lại trong Nhà Chết, mặc dù tôi không muốn đoán vì sao cậu biết. Mụ ta đã hồi sinh, vì đàn bà như mụ không bao giờ chết và nếu mụ ta chết, thân xác mụ phải bị thiêu trong lửa để mụ không bao giờ trở lại. Khi hiểu mụ, chúng tôi đã gọi mụ bằng cái tên Sethnefer, người đẹp của ác quỷ.

Lúc đó, bị một ý nghĩ kinh hoàng xâm chiếm, tôi hỏi ông ta:

- Vì sao ông lại nói “đã” khi kể về cô ta, vì chẳng lẽ cô ta không còn ở trong Nhà Chết, mặc dù những người rửa thi thể nói rằng sẽ giữ cô ta ở đó bảy mươi lần bảy mươi ngày?

Ramose giận dữ khua dao, kìm của mình và tôi nghĩ ông sẽ vung tay vào tôi nếu tôi không mang cho ông vò rượu loại ngon nhất từ hầm rượu của Pharaon. Ông dịu xuống, đưa ngón tay sờ lên lớp xi đầy bụi gắn trên vò và nói:

- Chúng ta đã không làm điều ác cho cậu, Sinuhe; cậu như con đẻ của ta, và ta đã muốn giữ cậu lại trong Nhà Chết và dạy cho cậu tất cả các kỹ năng của mình. Chúng ta cũng đã bảo quản thi thể của cha mẹ cậu như thể bảo quản thi thể của người quyền quý, không dè sẻn chút dầu và hương liệu tốt nhất nào. Vậy sao cậu lại làm điều tồi tệ đến thế với chúng ta khi đưa mộ đàn bà khùng khiếp vẫn còn sống đó đến Nhà Chết? Cậu phải biết trước khi mộ ta đến, chúng ta sống đơn giản và làm việc cần mẫn trong Nhà Chết, lấy bia để thỏa mãn lòng mình, làm giàu bằng cách trộm đồ trang sức của những người quá cố bất kể đẳng cấp hay giới tính và bán cho các phù thủy từng phần thi thể, những thứ họ cần để làm phép thuật. Nhưng khi mộ ấy xuất hiện giữa đám chúng ta, Nhà Chết như thành vực thẳm địa ngục, đám đàn ông lấy dao đâm nhau và cắn xé nhau như bầy chó dại vì mộ ta. Mộ ta lấy của chúng ta tất cả của cải, vàng bạc chúng ta tích góp và giấu trong Nhà Chết trong nhiều năm, đến đồng mộ cũng không chê. Mộ còn cướp cả y phục của chúng ta, vì với những ai già như ta đây, không còn đủ sức ham muốn nữa, thì mộ ép những kẻ khác trộm của chúng ta sau khi những kẻ ấy đã phung phí hết của cải của mình cho mộ ta. Không cần quá ba lần ba mươi ngày, mộ ta đã trấn lột và cướp hết của chúng ta. Khi nhận thấy chúng ta không còn gì để lấy, mộ ta đã cười nhạo và hết lời xỉ vả chúng ta, nên hai kẻ rửa xác từng thèm muốn mộ đã lấy dây lưng thắt cổ chết vì bị mộ chế nhạo và nhục mạ. Sau đó mộ bỏ đi và mang theo tất cả của cải mà chúng ta không thể cản được, vì nếu ai đó định chặn đường thì kẻ khác sẽ mở đường cho mộ để có được một nụ cười hay một cái chạm tay của mộ. Như thế đấy, mộ đã lấy đi sự bình yên và tài sản của chúng ta, mang theo ít nhất ba trăm deben vàng, không kể bạc và đồng cũng như băng và thuốc mỡ mà chúng ta đã bớt xén được từ người chết trong bao năm qua. Mà mộ ta còn hứa một năm sau

sẽ quay lại thăm chúng ta và xem chúng ta kiếm được bao nhiêu. Vì thế Nhà Chết ở Thebes hiện giờ trộm cắp nhiều hơn bao giờ hết và những người tẩm ướp xác đã học cách ăn trộm lẫn nhau chứ không chỉ của người chết, khiến sự yên bình của chúng ta hoàn toàn biến mất. Nên cậu hiểu vì sao chúng ta gọi mộ là Sethnefer, vì quả thực mộ rất đẹp, song vẻ đẹp của mộ từ Seth mà ra.

Thế là tôi biết được sự trả thù của mình trẻ con đến thế nào, vì Nefernefernefer toàn vẹn trở về từ Nhà Chết và còn giàu có hơn. Tôi nghĩ thời gian trong Nhà Chết không làm hại ả ta chút nào ngoại trừ mùi hôi ăn sâu vào thân thể sẽ ngăn cản ả ta hành nghề của mình trong một thời gian, chắc chắn ả ta muốn được nghỉ ngơi sau một thời gian sống chung, ăn nằm với những người ngâm tẩm xác. Nhưng nói cho cùng, tôi không tiếc cho ả, vì sự trả thù này chỉ gặm nhấm trái tim tôi mà không làm hại ả, và sau khi trải qua điều này, tôi đã hiểu trả thù không đem lại niềm vui, mà sự ngọt ngào của nó rất ngắn ngủi, làm hại chính kẻ trả thù và như ngọn lửa thiêu đốt trái tim anh ta.

Sau khi đã kể tất cả những điều này, tôi phải bắt đầu một sách mới để có thể kể những gì đã xảy ra khi Pharaon Ekhnaton sống ở thành phố Akhetaton và những gì đã xảy ra ở Syria. Tôi cũng phải kể về Horemheb, về Kaptah, về người bạn Thotmes của tôi và cũng không được quên Merit. Vì thế tôi bắt đầu một sách mới.

Sách thứ mười một

Merit



1

Chắc ai cũng đã từng nhìn thấy nước chảy ra từ đồng hồ nước như thế nào. Thời gian của con người cũng trôi đi như vậy, nhưng thời gian của con người không đo được bằng đồng hồ nước mà bằng tất cả những gì xảy ra với họ. Đây là một sự thật lớn lao và cao cả mà người ta chỉ có thể hiểu được vào tuổi xế chiều, khi thời gian trôi đi hoài phí và không có gì xảy ra; mặc dù ta luôn nghĩ sẽ có nhiều điều xảy ra, nhưng ngay sau đó lại nhận ra chẳng có gì. Bởi nếu có nhiều chuyện xảy ra trong một ngày, đến mức trái tim con người thay đổi và biến dạng, thì khi ấy một ngày với người đó có thể dài hơn một, hai năm so với khi anh ta làm việc và sống một cuộc đời đơn giản khiến mình không thay đổi. Ở thành phố Akhetaton, tôi đã nhận ra được sự thật này, vì ở đó thời gian của tôi giống như dòng nước chảy và cuộc đời tôi giống như một giấc mơ ngắn hay một bài hát hay ngân lên hoài phí. Mười năm sống dưới bóng của Pharaon Ekhнатon trong cung điện vàng của ngài ở thành phố Akhetaton với tôi còn ngắn hơn cả một năm tuổi trẻ, thời mà tôi có các chuyến đi và những ngày xảy ra nhiều điều khiến mỗi ngày dài hơn cả năm trường.

Trong thời gian này, kiến thức và kỹ năng của tôi không được bổ sung thêm, trái lại tôi đã phung phí những điều mình thụ đắc được những ngày còn trẻ ở nhiều miền đất, như con ong vào

những ngày đông tiêu cạn kiệt số mật mà nó đã tích góp được về tổ của mình trong mùa hoa nở. Nhưng có lẽ thời gian đã bào mòn trái tim tôi như nước chảy chậm chậm bào mòn đá và có lẽ trong khoảng thời gian đó trái tim tôi đã đổi thay, mặc dù bản thân tôi không nhận ra, bởi tôi không còn quá cô đơn như trước. Có lẽ tôi cũng đã trầm lặng hơn và không còn khoe khoang về bản thân và kỹ năng của mình nhiều như trước, nhưng đây chắc không phải là công của bản thân tôi mà chỉ vì Kaptah không sống cùng tôi; ông ấy sống trong nhà tôi ở Thebes, trông coi tài sản và lợi tức của tôi cùng với quán rượu có tên Đuôi Cá Sấu của ông.

Thành phố Akhetaton tự thu mình trong vỏ bọc, trong những giấc mơ và ảo vọng của Pharaon Ekhnaton; thế giới bên ngoài không quan trọng đối với nó mà mọi chuyện xảy ra ngoài ranh giới của Aton đều xa vời, không thực như ánh trăng trên mặt nước và sự thật duy nhất là những gì xảy ra bên trong nó. Sau này nghĩ lại, tôi thấy có lẽ tất cả những điều này đã sai, có lẽ thành phố Akhetaton cũng như tất cả những gì đã xảy ra ở đó chỉ là một cái bóng và đẹp để bề ngoài, còn sự thật ở bên ngoài ranh giới của thành phố là đói khổ và chết chóc. Bởi vì tất cả những gì khiến Pharaon Ekhnaton không hài lòng, người ta đều giấu ngài, hoặc nếu có điều gì đó buộc phải có quyết định của ngài, nó được bọc trong vải mềm, tấm mặt ong và lúa mạch đen thơm, cản trở dâng cho ngài để đầu ngài không bị đau nhức.

Điều đó thường xảy ra vì con người ta yếu đuối và không ai muốn mất ân sủng của Pharaon khi thường xuyên kể cho ngài những điều khó chịu. Nhưng tôi tin và biết rằng như thế cũng chỉ vì tình thương yêu ngài, vì bất cứ ai yêu kính ngài đều muốn ngài càng ít đau đớn và buồn phiền càng tốt.

Ngay cả những sự việc và tai ương nhỏ nhặt cũng tác động đến ngài mạnh hơn so với người thường, khiến ngài bất an và trở nên lo lắng bồn chồn, bệnh của ngài sẽ tái phát và nhiều người yêu thương ngài sợ ngài sẽ không sống nổi nếu ngài biết hết mọi

chuyện xảy ra bên ngoài ranh giới thành phố của mình. Tôi tin và biết Pharaon Ekhnaton chỉ muốn sống trong sự thật và sẽ là người đầu tiên quở trách những ai muốn che giấu ngài sự thật vì yêu thương ngài. Nhưng vì ngài chỉ chăm chăm nhìn vào cõi vĩnh hằng, nên tất cả đối với ngài chỉ là cái bóng mờ ảo, và vì thế với ngài mọi chuyện xảy ra bên ngoài thành phố của ngài thậm chí còn mỏng manh hơn cái bóng mờ ảo ấy. Sự thật cũng có thể được kể bằng nhiều cách khác nhau, êm dịu và khéo đến mức khó nhận ra đó là sự thật.

Trong thời gian này, giáo sĩ Eje nắm quyền ở Thebes như là người cầm trượng quyền lực bên phải nhà vua và trên thực tế Thebes vẫn là thủ đô thật sự của cả hai vương quốc, vì Pharaon Ekhnaton bỏ lại ở đó tất cả những gì buồn tẻ và khó chịu trong bộ máy triều đình như sưu thuế, thương mại, tòa án và không muốn nghe gì về những điều đó mà hoàn toàn tin tưởng Eje, cha đẻ của Nefertiti, quốc trượng của ngài, một người đầy tham vọng. Như thế trên thực tế, giáo sĩ Eje trị vì cả hai vương quốc, vì mọi việc liên quan đến đời sống của dân chúng, dù là nông dân hay thị dân, đều nằm trong tay ông ta. Khi Amon bị lật đổ, không còn thế lực nào kìm hãm quyền lực của Pharaon, mà trên thực tế là quyền lực của Eje, ông ta rất thỏa mãn với điều này vì hy vọng đất nước sẽ dần dần ổn định, thoát khỏi ách Amon. Bởi vậy không có gì làm ông ta hài lòng hơn thành phố Akhetaton, nơi giữ Pharaon ở xa Thebes, và ông ta đã làm những gì có thể để gom góp tiền của vào việc xây dựng, làm đẹp thành phố và liên tục gửi đến những món quà sang trọng, quý giá khiến Akhetaton ngày càng đẹp hơn trong mắt Pharaon. Như thế, đất nước quả thật đã có thể yên bình và mọi thứ trở lại như trước, chỉ là không có quyền lực của Amon, nhưng Pharaon Ekhnaton là cây gậy giữa tấm bánh xe và là hòn đá làm lật cổ xe của ông ta.

Bên cạnh giáo sĩ Eje, Horemheb nắm quyền ở Memphis, nằm trên biên giới giữa hai vương quốc, lãnh trọng trách về trật tự, an ninh của đất nước, nên thật ra anh ấy là sức mạnh trong cây gậy của những người thu thuế và là sức mạnh trong những

chiếc búa tạ của thợ đục đá khi những người này đục xóa tên của Amon khỏi tất cả các tượng đài, bia ký và xông vào cả các hầm mộ để tẩy xóa cái tên này. Pharaon Ekhnaton cũng sai mở lăng mộ của cha mình để xóa tên Amon. Đến Eje cũng không phản đối ngài, chừng nào ngài vẫn bằng lòng với trò giải trí trẻ con ấy, và ông ta thấy tốt nhất cứ để mọi suy nghĩ của ngài vương bận vào những việc thần linh, tín ngưỡng này, những việc không ảnh hưởng đến cuộc sống hằng ngày của dân chúng.

Vì vậy, sau những ngày kinh hoàng ở Thebes, cả Ai Cập như mặt nước phẳng lặng, không cơn bão nào tàn phá sự yên bình của nó trong một thời gian. Giáo sĩ Eje đã giao việc thu thuế cho các tổng trấn, điều này giúp ông ta tiết kiệm rất nhiều công sức, còn các tổng trấn bán quyền thu thuế cho các lại viên thuế vụ của các thành phố, làng mạc và trở nên rất giàu có. Đến lượt các lại viên thuế vụ của các thị trấn và làng mạc lại tiếp tục cho không biết bao người giúp việc thuê lại quyền này và trở nên giàu có, và những người giúp việc thu thuế cũng không nghèo đi khi làm việc này, vì họ dùng gậy để đảm bảo quyền lợi của mình. Như thế trong một thời gian, bên ngoài mọi việc vẫn diễn ra như trước và nếu người nghèo kêu than về thân phận mình, rắc tro lên tóc sau khi người thu thuế rời đi, thì đó là điều không lạ với người nghèo trong mọi thời kỳ.

Nhưng sự ra đời của công chúa thứ tư ở Akhetaton là tai họa lớn, hơn cả sự sụp đổ của Simyra ở Syria, và Hoàng hậu Nefertiti bắt đầu nghi ngờ mình bị bỏ bùa, chỉ sinh con gái, nên đã đến Thebes cầu xin các phù thủy da đen của Hoàng thái hậu trợ giúp. Quả thật, hiếm có người đàn bà nào sinh liên tiếp bốn con gái mà không sinh nổi một con trai. Thế nhưng đây chính là số phận của Hoàng hậu, sinh hạ cho Pharaon Ekhnaton cả bảy sáu công chúa mà không có một hoàng tử nào, và cũng là định mệnh của Pharaon Ekhnaton.

Thời gian trôi đi, tin từ Syria ngày càng đáng lo hơn và mỗi khi có thuyền mang tin đến, tôi lại vào văn khố hoàng gia để đọc

những lời kêu cứu mới từ các bảng đất sét. Khi đọc chúng, tôi như thấy những làn tên bay chiu chiu xung quanh mình và mùi khói từ những đám cháy bốc lên trong mũi tôi. Tôi nghe trong những lời lẽ tôn kính tiếng gào của những người đàn ông hấp hối và tiếng kêu cứu của trẻ em bị hành hạ, vì quân Amori là đội quân dã man và tràn đến gây chiến dưới sự chỉ huy của các võ quan Hittite, vậy nên dần dần, không một đơn vị đồn trú nào ở Syria có thể chống cự được với chúng. Tôi đã đọc các bảng đất sét của vua Byblos và Thái tử Jerusalem nhắc tới tuổi tác và sự trung thành của họ, những kỷ niệm và tình bạn của họ với phụ vương của Pharaon để mong Pharaon Ekhnaton cứu giúp, cho đến khi ngài quá đau đớn và tức giận trước lời cầu xin của họ, truyền gửi thẳng thư của họ tới văn khố mà không hề đọc, nên chỉ các ký lục và tôi là những người đọc chúng. Nhưng các ký lục chỉ đánh số và sắp xếp chúng theo thời gian nhận được chứ không quan tâm đến nội dung.

Sau khi Jerusalem thất thủ, cả những thành phố cuối cùng trung thành với Ai Cập ở Syria cũng liên minh với vua Aziru, trong số ấy có Joppa. Khi đó Horemheb từ Memphis đến Akhetaton để xin lập quân đội cho cuộc chiến ở Syria, vì anh ấy không thể đến Syria tổ chức phản công nếu không có binh lính, bởi như thế anh sẽ mất hết danh tiếng. Cũng vì danh tiếng mà từ trước đến giờ anh ấy chỉ tiến hành cuộc chiến bí mật bằng thư từ và vàng để giữ lại cho Ai Cập ít nhất một chiến tuyến ở Syria. Anh ấy nói với Pharaon Ekhnaton:

- Xin quốc vương cho phép hạ thần trả lương cho ít nhất một trăm lần một trăm giáo thủ và cung thủ với một trăm cỗ chiến xa, thần sẽ lấy lại toàn bộ Syria cho ngài, vì quả thật, nếu cả Joppa cũng bị thất thủ thì quyền lực của Ai Cập ở Syria sẽ mất.

Pharaon Ekhnaton rất lấy làm tiếc khi biết tin Jerusalem bị tàn phá, vì ngài đã sai làm nhiều việc nhằm biến nó thành thành phố Aton để trấn an Syria. Vì vậy, ngài nói:

- Ông già Jerusalem này, có bộ râu dài mà ta không còn nhớ tên, vốn là bạn của phụ vương ta và ta gặp ông ấy trong cung điện ở Thebes hồi còn bé. Vì thế để bồi hoàn cho ông ấy, ta sẽ tiếp tục cấp hưu bổng cho ông ấy từ Ai Cập, mặc dù doanh thu từ thuế giảm mạnh kể từ khi giao thương với Syria chấm dứt.

Horemheb nói:

- Tâu quốc vương, ông ta không còn vui lòng với tiền hưu và vòng cổ Ai Cập nữa. Vua Aziru đã sai lấy hộp sọ của ông ta làm chiếc bát đẹp, mạ vàng và gửi nó làm quà cho vua Shubbiluliuma ở Khattushash, nếu như quân do thám của thần không nhầm.

Mặt Pharaon thoát tái nhợt và mắt ngài bắt đầu đỏ lên, nhưng ngài cố kìm cơn đau và bình tĩnh nói:

- Thật khó tin như thế về một vị vua như Aziru, người mà ta đã nghĩ là bạn và ta đã vui lòng gửi thánh giá sự sống, nhưng có lẽ ta đã nhìn nhầm ông ta và tìm ông ta đen hơn ta nghĩ. Nhưng Horemheb ạ, đề nghị của khanh về giáo binh và các cỗ xe là bất khả thi, vì ta mới nghe người dân xì xào về mức thuế và mùa màng cũng không như ta mong đợi.

Horemheb nói:

- Tâu quốc vương, vì Aton của ngài, hãy trao cho thần lệnh của ngài cùng với mười cỗ chiến xa và mười lần mười giáo binh để thần có thể đi đến Syria và cứu vãn những gì còn có thể cứu được.

Nhưng Pharaon Ekhнатon nói:

- Vì Aton ta không thể tham chiến, bởi đổ máu là một điều ghê tởm đối với ngài và ta thà buông bỏ Syria còn hơn, hãy để cho Syria được tự do và lập liên minh của họ và chúng ta sẽ giao

thương với họ như trước, vì nếu không có ngũ cốc của Ai Cập, Syria sẽ không có đủ cái ăn.

- Quốc vương có thực sự nghĩ họ sẽ bằng lòng với điều đó không, thưa ngài? - Horemheb kinh ngạc hỏi. - Mỗi người Ai Cập bị giết, mỗi bức tường bị phá, mỗi thành phố đầu hàng đều kích động lòng tự tôn của họ và khiến họ cố giành thêm những điều không tưởng. Sau Syria sẽ đến các mỏ đồng ở Sinai và nếu Ai Cập mất chúng, chúng ta sẽ không còn rèn được giáo và tên nữa.

- Chẳng phải ta đã nói giáo gỗ là thích hợp cho các vệ binh ư, - Pharaon Ekhnaton cau kỉnh nói. - Sao người tra tấn tại ta khi liên tục nói về giáo mác và mũi tên, đến mức những tù ngục đó ong ong trong đầu khi ta đang cố sáng tác một bài thơ ca ngợi Aton.

- Sau Sinai sẽ đến lượt miền Hạ, thưa quốc vương. - Horemheb chưa chát nói. - Như ngài đã nói, Syria sẽ không thể làm gì được nếu không có ngũ cốc của Ai Cập, mặc dù thần biết rằng bây giờ họ nhận ngũ cốc từ Babylon. Nhưng nếu ngài không sợ Syria, ít nhất hãy sợ người Hittite vì tham vọng quyền lực của họ là vô biên.

Pharaon Ekhnaton bật cười tỏ vẻ thương hại, như một người Ai Cập sáng suốt vẫn cười khi nghe lời nói ngớ ngẩn, và ngài nói:

- Chẳng lẽ chúng ta còn nhớ được, không kẻ thù nào đặt chân được đến miền đất đen và sẽ không có kẻ nào dám làm điều đó, vì Ai Cập là vương quốc giàu có và hùng mạnh nhất thế giới. Nhưng ta có thể nói để trấn an người, vì người mê thấy nhiều điều tồi tệ quá. Hittite chỉ là đám mọi rợ chặn thả gia súc trong vùng núi nghèo nàn của họ và đồng minh của chúng ta ở Mitanni sẽ là lá chắn của chúng ta để chống lại họ. Ngoài ra, ta đã gửi thánh giá sự sống cho quốc vương Shubbiluliuma và thể theo đề nghị của ông ta, ta đã gửi cả vàng cho ông ta để ông ta có thể cho dựng tượng ta trong đền của mình, thế nên ông ta sẽ

không quấy nhiễu sự bình yên của Ai Cập. Ta gửi vàng cho ông ta mỗi khi ông ta yêu cầu mặc dù dân ta rên rĩ về thuế khóa và ta cũng không muốn lấy sưu thuế đầy đọa dân ta.

Các mạch máu trên mặt Horemheb căng phồng lên, nhưng anh ấy đã quen kiềm chế nên không nói gì thêm mà chỉ đi theo tôi khi tôi nói là thầy thuốc, tôi không cho phép anh ấy làm phiền Pharaon thêm nữa. Nhưng khi vừa bước vào nhà tôi, anh lấy roi vàng quất tới tấp vào chân mình và nói:

- Thề với thần Seth và tất cả ma quỷ, cút bỏ rải trên đường còn hữu ích hơn thánh giá của ngài ta. Nhưng điều điên rồ nhất là khi ngài nhìn thẳng vào mắt tôi và thân mật đặt tay lên vai tôi như bạn bè, tôi tin sự thật của ngài, mặc dù tôi biết rất rõ rằng mình đúng, ngài sai. Thề có thần Seth và tất cả ma quỷ, ngài ta được nhồi đầy sức mạnh trong thành phố được sơn vẽ loang lổ như một ả điểm và có mùi nhà thổ. Thật vậy, nếu có thể dẫn từng người trên trái đất này đến trước mặt ngài, để ngài có thể tiếp chuyện với từng người và đưa những ngón tay mềm mại của mình chạm vào họ, thì tôi nghĩ thế giới có thể thay đổi, nhưng điều đó là không thể.

Để làm Horemheb vui lên, tôi nói có lẽ điều đó là có thể. Anh ấy phấn chấn hẳn và nói:

- Nếu điều đó có thể, thực sự cần có một cuộc chiến lớn để tôi có thể dẫn tất cả đàn ông, đàn bà và trẻ em trên thế giới đến trước ngài để ngài có thể tiếp năng lượng của mình cho họ và làm mới trái tim họ. Nói thật, tôi nghĩ nếu tôi ở đây lâu, ngực tôi cũng sẽ phồng lên như đám cận thần của ngài và có lẽ tôi đã bắt đầu cho trẻ con bú.

Anh ấy bắt viên ký lục của mình tính xem sẽ mất bao lâu nếu từng người trên thế giới hiện diện trước Pharaon Ekhnaton, trong lúc đó chúng tôi đến xưởng của Thotmes, bạn chúng tôi, vì Horemheb vẫn nhớ lời Thotmes hứa sẽ tạc cho anh một bức

tượng và tôi biết trong hầm của Thotmes có rượu ngon. Cửa sổ nhà anh ta nhìn ra hướng bắc, ánh sáng tràn ngập các phòng, anh ta có nhiều nô lệ và môn đệ phụ giúp mọi công việc, nên sân nhà anh ta giống như một mỏ đá với đủ loại đá, không khí trong các phòng đặc quánh bột màu khô và bụi đá vụn. Anh ta ra đón chúng tôi, tóc, mặt ướt đầm mồ hôi, đôi mắt sáng rực và nói rằng Hoàng hậu Nefertiti đang ngồi làm mẫu, không được phiền người. Nhưng sau khi nghe tiếng chúng tôi, Nefertiti cho phép chúng tôi ngồi lại nhìn người, vì càng được nhiều đàn ông nhìn và ngưỡng mộ thì Hoàng hậu càng thêm phấn khích. Người hầu của Thotmes mang rượu cho chúng tôi và cả Nefertiti cũng uống với chúng tôi. Hoàng hậu đưa bàn tay xinh đẹp đặt khẽ lên ngực, mắt sáng long lanh nhìn Horemheb và nói:

- Horemheb, ta thường lấy làm ngạc nhiên tại sao người chưa chịu chọn hôn thê cho mình, dù bao nhiêu cung nữ than vãn thở dài vì người? Hãy nói cho ta biết lý do vì sao để tiêu khiển ta một chút, vì ta ngồi đây thật khó chịu và Thotmes này rất buồn tẻ, lạnh lùng nhìn ta và nói rằng má ta tóp lại, đang xấu đi trong mắt anh ta.

Horemheb sững sờ trước câu hỏi của Hoàng hậu, mặt thoát đờ tía, nhưng anh ấy có thời gian để nghĩ câu trả lời của mình, vì Thotmes ném đũa và búa xuống sàn, bật khóc vì mệt mỏi và nói:

- Nói thật, Hoàng hậu này làm tôi phát điên với những lời nói của người và ngày lại ngày Hoàng hậu lấy móng tay cào cấu trái tim tôi vì biết rất rõ ai đã từng nhìn thấy người thì không thể nghĩ tới bất cứ điều gì khác ngoài vẻ đẹp của người. Vì Aton, hãy để tôi yên, người phụ nữ khủng khiếp kia, vì tôi đã năm lần tạc người vào đá nhiều màu và cả người tôi nóng bừng bừng, khi nhìn khuôn mặt, thân hình và chiếc cổ mảnh mai của người thì đá không còn nằm trong tay tôi nữa. Thưa Nefertiti, lần sau thần sẽ tạc người vào gỗ, thần sẽ tạc người và vương miện vào gỗ cứng để có thể tô màu của người lên gỗ, vì có lẽ người sẽ sống

trên gỗ tốt hơn trên đá. Với đôi má hóp, người xinh đẹp, sống động hơn bao giờ hết và không người phụ nữ nào có thể đội vương miện hoàng hậu tốt hơn người.

Nhờ thế, Horemheb có thời gian để suy nghĩ, trấn tĩnh lại và nói theo Thotmes:

- Thừa Hoàng hậu Nefertiti, làm sao thần có thể nghĩ đến ai khác khi đã thấy người, và cũng không thêm bận tâm đến các cung nữ của Hoàng hậu, vì thần đã nhiều lần vui thú cùng họ đủ để biết rằng thịt da họ mịn như vỏ trứng, mềm như lông tơ, nhưng đầu họ đặc sệt như phân và thần không hề ngạc nhiên khi họ buộc phải dùng chỏm đầu giả. Nhưng Hoàng hậu là một phụ nữ thông minh và được thừa hưởng ánh mắt sáng lạnh lùng từ quốc trượng, người có tài cai quản đất nước tuy có cổ hủ. Sao Hoàng hậu không khuyên Pharaon mà lại để ngài ngày càng chìm sâu vào những điên rồ, khiến chúng ta không còn biết mình đứng bằng đầu hay bằng chân và màu đen hóa thành trắng trong mắt chúng ta.

Nefertiti nhìn quanh và khi không thấy ai khác ở gần, người mới nói:

- Trong ngài ấy âm thịnh dương suy và nếu ta nói điều gì khiến ngài khó chịu thì tất cả chất đàn ông của ngài biến mất. Vì vậy, tốt hơn hết ta không nói chuyện quốc gia đại sự với ngài, dù vận mệnh vương quốc rơi hết xuống vực sâu của địa ngục cũng kệ, vì điều quan trọng hơn tất cả là ta phải sinh cho ngài một hoàng tử. Vì vậy, ta không thể để ngài bỏ ta quay sang phi tần nào khác. Nhưng theo thời gian, tiếng cười đông cứng trong miệng ta và thái dương ta đau nhức khi nghĩ đến sự điên rồ của ngài, đến nỗi mỗi cái động chạm của ngài đều khiến ta khó chịu và bụng ta bắt đầu đau nhói khi buộc phải nuốt từng từ sắc bén có thể làm tổn thương ngài. Sinuhe, là một danh y, chắc người có thể giải thích điều đó tốt hơn ta, vì quả thực ta đã từng nghĩ một hoàng hậu vĩ đại như ta phải có một cuộc sống tốt hơn nhiều,

thế nhưng ngài đã biến ta thành bò cái sinh nở hết năm này đến năm khác, khiến má ta hóp lại, ánh mắt bớt long lanh và thân hình ta trở nên xấu xí, mặc dù ở độ tuổi này đáng ra ta vẫn còn rục rỡ lắm.

Chúng tôi đồng thanh nói với Hoàng hậu rằng người đã quá lời về tác hại của kỳ thai nghén tới vóc dáng của mình, vì thân hình người vẫn còn mảnh mai và xinh đẹp như của thiếu nữ và Hoàng hậu làm như vô tình hờ vạt váy để chúng tôi có thể chiêm ngưỡng cái bụng mịn màng, trơn bóng của người. Nhưng Thotmes trở nên trầm tư và nói:

- Hạ thần hiểu gần như tất cả những điều Hoàng hậu nói, chỉ một điều thần không rõ là tại sao Hoàng hậu có thể nói trong Pharaon âm thịnh dương suy, vì theo thần biết thì Hoàng hậu làm gì có ai khác để mà so sánh.

Lần này đến lượt Nefertiti đỏ mặt và nhìn sang hướng khác, ra chiều lưỡng lự; điều này khiến tôi rất vui vì rõ ràng Hoàng hậu vẫn còn rất ngây thơ. Nghĩ một lát, Hoàng hậu nói:

- Thotmes thật khiếm nhã, nhưng ta không thể mong đợi điều gì khác ở anh ta, vì anh ta được sinh ra với phân dính giữa các ngón chân. Nhưng dù sao ta cũng đã đọc thơ và nếu như ta không có ai khác để so sánh, ít nhất ta đã từng thấy những người thợ xây cỡi bò khố, áo ướt đầm mồ hôi và nhẩy xuống sông bơi. Nhưng những bài thơ cho ta biết nhiều điều hơn mắt mình.

Hoàng hậu mỉm cười mơ màng và trầm giọng nhắc lại:

Nếu ta là mảnh vải quấn quanh hông em,

Nếu ta là mùi dầu xức trong mái tóc em,

Nếu ta là rượu ngọt trong miệng em.

Rồi người thở dài và nói:

- Các nhà thơ nói như vậy đấy, nhưng còn ngài, ngài nói về Aton cả khi trên giường và ta không nghĩ người đàn bà nào có số phận hẩm hiu hơn ta. Ta có gì vui đâu, dù khuôn mặt ta xinh đẹp, vì làn gió xuân chưa bao giờ vuốt ve mơn trớn nó.

Thotmes lại gần Hoàng hậu, đôi mắt nâu vui vẻ thắm đen lại vì cảm xúc và anh nói:

- Nefertiti, xin người đừng giấu cội nguồn gốc xuất thân của thần, bởi vì thần sinh ra trong xưởng chứa các cỗ chiến xa và máu của người lính chảy trong huyết quản của thần, nhưng đôi tay thần làm đá sống lại. Nefertiti, hãy giơ tay lên, để gió xuân hôn lên mặt Hoàng hậu và dòng máu nóng hôn khắp thân thể người.

Nefertiti mỉm cười, mơ màng nhìn về nơi xa xăm bằng đôi mắt sáng và nghiêm ngẽ. Hoàng hậu từ từ nghiêng chiếc cốc trong tay để phần rượu còn lại trong cốc tràn xuống đất và ngắm nhìn rượu thấm vào nền đất. Rồi người đặt cốc sang bên và đứng dậy bước tới chỗ Thotmes, vuốt mớ tóc dểm mồ hôi trên trán anh ta và nhẹ nhàng áp môi mình lên đó. Hoàng hậu không hối tiếc vì đã nói chuyện với chúng tôi, trái lại rất vui và khi ra về người vẫn còn lâng lâng. Nhưng khi người đi khuất, tôi nói với Thotmes:

- Mắt anh đỏ như bị sốt và anh ra quá nhiều mồ hôi. Tôi nghĩ một chuyến đi ngắn sẽ giúp anh sảng khoái và khỏe khoắn lên. Vì Aton, anh nên theo Horemheb đến Memphis và tạc tượng của anh ấy ở đó để anh ấy có thể dựng tượng ở quê hương Hetnetsut của mình như đã dự định. Ở Memphis cũng có những cô gái xinh đẹp và rượu ở đó nghe nói rất ngon.

Nhưng Thotmes nói:

- Cậu nói ngu như một mụ già ấy, Sinuhe ạ, vì tôi có vô số công việc dở dang ở đây và ý tưởng sáng tạo sôi sục trong tôi như

nhựa trong cây. Tôi có thể tạc tượng Horemheb ở đây, chỉ cần đầu tiên vẽ anh ấy, rồi lấy các điểm chính ở thân hình và đúc mẫu khuôn mặt vào thạch cao.

- Sinuhe ạ, - Horemheb chen vào, - nhân nói về chuyến đi, cậu cũng nên đến Thebes để nhìn ngó xung quanh vì ở đây, trong thành phố của những người thông minh và mơ ngủ này, các cậu sẽ không tin nếu tôi kể những gì đang xảy ra ở Ai Cập và những gì dân chúng đang xì xào. Đúng đấy Sinuhe, cậu nên đến Thebes rồi về kể lại cho Pharaon những gì cậu thấy, vì Pharaon tin cậu và nghe cậu.

Anh ấy nhổ nước bọt xuống đất rồi dùng chân chà nước bọt và nói:

- Nefertiti này có lẽ không phải là người chung giường dễ chịu, dù nhìn ngắm bà ta thì cũng thích đấy, vì trí thông minh của bà ta sắc nhọn như dao, miệng bà ta đầy ong độc và tôi nghĩ không chóng thì chầy bà ta sẽ bắt đầu vui thú với những người lạ, nếu như tôi am hiểu đủ về đàn bà.

Thotmes nổi xung lên vì những lời này, nhưng tôi trấn an anh ta và nói:

- Đúng là tôi nên đi Thebes để gặp Kaptah, nhưng giường của tôi ở đây dễ chịu, tôi đã quen với những món ăn đầu bếp của tôi nấu, chân tay tôi đã mềm yếu và thân thể tôi không còn chịu được sự rung lắc của thuyền. Hơn nữa, tôi không biết mình có đủ dũng khí để kể cho Pharaon những gì mình nhìn thấy không, bởi vì ngài chỉ muốn nghe nói về những đứa trẻ béo tốt, những người vợ hay cười và cả những người chồng không ngớt chửi rủa nhân danh Aton, trong khi từ lời khuyên của anh, tôi có thể đoán mình sẽ phải kể cho ngài nghe điều gì đó làm ngài buồn. Horemheb ạ, tôi cũng nghe nói những con cá sấu đã chứng tỏ sự khôn ngoan của chúng khi theo anh đến Memphis, vì quản giáo

và lính canh của anh thường hay cho chúng ăn cho đủ lượng đánh bắt không được nhiều như ở Thebes.

Horemheb uống cạn cốc rượu của mình, đổ đầy cốc rồi lại nốc cạn một hơi và nói:

- Thật tình tôi chỉ ước mình là cá sấu mỗi khi nghĩ đến tương lai Ai Cập. Thôi kệ. Nếu Sinuhe cũng không muốn giúp, có lẽ tôi không biết làm gì khác ngoài việc say xỉn như trước đây mỗi khi nghĩ về tương lai của Ai Cập dưới thời Pharaon Ekhnaton.

2

Sau khi Horemheb đã trở lại Memphis, những lời anh ấy nói bắt đầu hành hạ tâm trí tôi và tôi tự trách mình là người bạn xấu của anh ấy và là phò tá tồi cho Pharaon. Nhưng giường của tôi rất mềm và dễ chịu, đêm đến tôi ngủ dưới lọng che và đầu bếp của tôi tắm ướp những con chim nhỏ trong mật ong cho tôi, trên bàn ăn không thiếu món linh dương nướng và nước chảy nhanh trong đồng hồ nước của tôi. Meketaton, công chúa thứ hai của Pharaon, mắc bệnh suy nhược, rồi sốt và bắt đầu ho, hai má đỏ bừng vì sốt và Công chúa gây rộc khiến xương đòn nhô cao dưới làn da. Tôi cố gắng tăng lực cho cô bé bằng thuốc bổ và bắt cô uống vàng pha loãng. Tôi nguyên rửa số phận mình vì những cơn bệnh của Pharaon vừa dứt thì con gái ngài lại phát bệnh nên tôi không thể yên thân cả ngày lẫn đêm. Cả Pharaon cũng bắt đầu lo lắng, vì ngài rất yêu thương các hoàng nhi; hai công chúa lớn, Meritaton và Meketaton, được theo ngài lên ban công cung điện vào những ngày ngài xuất hiện trước dân chúng và ném dây chuyền vàng hay biểu tượng hoàng gia cho những người mà Pharaon muốn ban thưởng.

Bản tính của con người là vậy, vì ốm yếu, bệnh tật mà công chúa này được Pharaon yêu quý nhất trong bốn hoàng nhi, ngài cho

con gái những quả bóng bằng bạc và ngà voi và một con chó nhỏ để nó theo Công chúa từng bước và nằm bên chân giường canh giấc ngủ cho Công chúa. Bản thân Pharaon cũng trần trọc, hao gầy vì lo lắng và ngài thức dậy nhiều lần trong đêm lắng nghe hơi thở của hoàng nhi đang bệnh tật, từng tiếng ho của Công chúa như nhát dao cửa trái tim ngài.

Bản tính con người cũng thật kỳ lạ, cô bé ốm yếu này có ý nghĩa đối với tôi hơn cả tài sản của tôi ở Thebes và Kaptah, hơn cả năm mất mùa ở Ai Cập cũng như trận đói khát khiến nhiều người chết ở Syria vì Aton. Tôi đã dồn tất cả kiến thức và tài nghệ của mình để chữa cho cô bé và lơ là các bệnh nhân thuộc giới thượng lưu bị các căn bệnh do quá no đủ, đặc biệt là đau đầu, bởi chính Pharaon cũng bị đau đầu. Tôi có thể thu được rất nhiều vàng nếu chịu xoa dịu cơn đau đầu của họ, nhưng tôi chán vàng và chán phải khom lưng cúi đầu, vì vậy tôi thường xuyên gắt gỏng với bệnh nhân của mình nên mọi người nói: “Danh tiếng danh y hoàng gia đã bốc lên đầu Sinuhe và khi tướng Pharaon nghe lời mình, ông ta quên những gì người khác nói với mình”.

Nhưng khi nghĩ đến Thebes, Kaptah và quán rượu Đuôi Cá Sấu, nỗi sầu muộn xâm chiếm tâm trí tôi và lòng tôi dâng lên cơn thèm khát, như thể không thức ăn nào có thể khiến nó nguôi ngoai. Tôi cũng nhận thấy tóc mình rụng dần, đỉnh đầu bắt đầu lộ ra dưới lớp tóc giả và có những ngày tôi quên việc của mình, hết mơ màng lại lang thang trên những con phố của Babylon và ngửi thấy mùi ngũ cốc đang dần khô trên nền đất sét cứng. Tôi nhận thấy mình mập ra và đêm đêm có những giấc mộng nặng nề dai dẳng; tôi thở dốc khi tản bộ ngay cả những quãng đường ngắn, mặc dù trước đây tôi chưa từng hụt hơi sau những quãng đường dài, vì vậy ghế kiệu không thể rời tôi.

Trái tim tôi cũng quá lười biếng, nói với tôi:

- Người sướng thật, Sinuhe, chiếc giường của người thật dễ chịu, là danh y khoan sọ hoàng gia, người không cần lo kiếm miếng

ăn. Người có những người bạn vui vẻ rót rượu cho người, tôn trọng lời nói của người và luôn coi người là người thông thái. Mắt người chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nghệ thuật mới và nhiều nghệ sĩ đã vẽ những hình ảnh kỳ diệu và sống động trên bức tường trong phòng người khi người chữa cho tay họ khỏi run vì say xỉn sau khi uống. Người còn được Pharaon ban cho một ngôi mộ ở vùng núi phía đông, được Pharaon và các công chúa ban phước và sẽ tồn tại vĩnh hằng trong những bức tường của hầm mộ. Vì sao người phải lo lắng về ngày mai, vì những ngày sắp tới của người cũng sẽ chỉ giống như hôm nay. Còn nếu ngày mai không như thế, người cũng không thể thay đổi được gì, bởi vì người chỉ là con người, người đã làm tiêu tan quá nhiều niềm vui và trộn ngải đắng vào cốc vui của Aton. Sao người phải chuốc vạ vào thân và làm mình buồn khổ, vì biết nhiều chỉ buồn thêm, và không có từ nào diễn tả đúng hơn về điều đó.

Tôi đã có những cuộc trò chuyện như vậy với trái tim mình, nhưng đột nhiên tôi cảm thấy ghê sợ với ý nghĩ ngày mai sẽ lại như hôm nay và cuộc đời tôi sẽ không có gì khác hơn những điều đã xảy ra hôm nay. Trái tim con người thật điên rồ, không bao giờ hài lòng với phận mình mà làm mọi cách để xáo trộn sự bình yên và gieo rắc bất ổn, vì vậy tôi đã quá chán trái tim mình.

Nhưng khi mùa thu đến, nước lại dâng lên và chim én từ bùn dưới đáy sông lại ngoi lên và bay vút vào không trung với đôi cánh đập không ngừng nghỉ, sức khỏe của con gái Pharaon có những dấu hiệu bình phục, Công chúa đã mỉm cười và không còn thấy đau ở ngực nữa. Trái tim tôi bay theo cánh én và tôi lên thuyền để ngược sông trở về Thebes. Pharaon cho phép tôi đi và qua tôi gửi lời chào đến những người đã chia nhau đất của thần giả và bắt đầu trồng trọt bên bờ sông. Ngài cũng qua tôi gửi lời chào đến những ngôi trường mà ngài đã cho dựng lên và hy vọng tôi sẽ có nhiều điều tốt lành để kể cho ngài khi trở lại.

Vì vậy, tôi thường cho thuyền ghé vào bờ nơi có làng mạc và cho phép các già làng đến gặp để tôi có thể nói chuyện với họ. Và

chuyến đi của tôi không gặp rắc rối như tôi lo ngại vì cờ của Pharaon treo trên cột buồm và giường của tôi trong khoang rất dễ chịu. Đầu bếp của tôi cũng đi theo và dân tất cả các làng đều mang quà lên cho anh ta nên đồ ăn của tôi luôn tươi ngon. Nhưng những cư dân mới đến gặp tôi, chồng thì gầy gò xương, vợ lấm lét, sợ hãi nhìn quanh, giật mình trước từng tiếng động và con cái họ ốm đau, chân vòng kiềng. Họ cho tôi xem chỗ hạt lúa mạch mới được non nửa thùng và đầy những đốm đỏ như thể máu chảy trên đó rồi nói với tôi:

- Lúc đầu chúng tôi nghĩ mùa màng thất bát là do thiếu kinh nghiệm, bởi trước đây chúng tôi chưa gieo cấy bao giờ. Chúng tôi nghĩ vì lỗi của mình nên được ít lúa mạch như vậy và gia súc bị chết, nhưng bây giờ chúng tôi mới biết đất Pharaon ban cho chúng tôi là đất bị nguyên rửa và người gieo trồng nó cũng bị nguyên rửa. Đêm đêm những bàn chân vô hình giẫm nát ruộng đất của chúng tôi, đêm đêm những bàn tay vô hình chặt cây ăn trái của chúng tôi, gia súc của chúng tôi tự nhiên chết, kênh mương tưới tiêu của chúng tôi bị tắc nghẽn và chúng tôi thấy xác súc vật trong giếng nước, khiến cả nước chúng tôi cũng không có để uống. Nhiều người đã bỏ ruộng đất của họ, trở về thành phố thậm chí còn nghèo hơn trước và nguyên rửa tên của Pharaon và thần của ngài. Nhưng chúng tôi đã gắng gượng cho đến nay vì hy vọng và tin vào thánh giá nhiệm mầu cùng các chiếu, cáo Pharaon ban mà chúng tôi treo lên cọc giữa cánh đồng để xua đuổi châu chấu. Nhưng phép nhiệm mầu của Amon mạnh hơn phép của Pharaon, dù chúng tôi liên tục cầu xin thần của Pharaon, song điều đó cũng không giúp ích được gì. Vì vậy, đức tin của chúng tôi lung lay và sẽ không lâu nữa đâu, chúng tôi sẽ từ bỏ vùng đất bị nguyên rửa để không bị mất mạng như vợ con của nhiều người.

Tôi cũng đã đến xem trường học của họ và khi thấy thánh giá của Aton trên quần áo của tôi, các thầy giáo đã thành kính giấu ngay gậy của họ và đưa tay làm dấu thánh Aton, còn những đứa

trẻ ngồi xếp chéo chân thành hàng ngay ngắn trên nền đất nện và nhìn tôi quên lau cả nước mũi. Các thầy giáo nói:

- Tất nhiên chúng tôi biết không có gì điên rồ hơn cho rằng mọi đứa trẻ đều nên học đọc và học viết, nhưng điều gì chúng tôi không làm cơ chứ vì chúng tôi yêu Pharaon và ngài là cha, là mẹ của chúng tôi và chúng tôi tôn kính ngài vì ngài là con trai thần của ngài. Tuy nhiên, chúng tôi là những người đàn ông có học và sao có thể ngồi trên sàn đất nện lau mũi những đứa trẻ bẩn thỉu và vẽ những ký tự xấu xí lên cát, vì chúng tôi thậm chí không có bảng viết cũng như bút sậy để dùng, và những chữ cái mới này hoàn toàn không biểu thị được học vấn và kiến thức mà chúng tôi đã học được với rất nhiều khó khăn và phí tổn. Cha mẹ bọn trẻ trả công cho chúng tôi thất thường và ít ỏi, thật không xứng; bia của họ nhạt và chua, dầu bị ôi thiu trong vò của chúng tôi. Mặc dù vậy chúng tôi vẫn làm tất cả những việc này để Pharaon thấy không thể dạy tất cả trẻ em đọc và viết, mà chỉ những đứa trẻ giỏi nhất với cái đầu thật mềm mới học đọc và học viết được. Chúng tôi cũng nghĩ bắt lũ con gái học viết là điên rồ, vì điều đó chưa bao giờ xảy ra và chúng tôi đoán ký lục của Pharaon đã mắc lỗi khi viết điều này, điều đó cũng cho thấy cách viết mới này không hợp và không hoàn thiện như thế nào.

Tôi đã xem thử học vấn của họ và trình độ của họ không làm tôi hài lòng, tôi còn không hài lòng hơn khi nhìn vào khuôn mặt sưng phù và cái nhìn lảng tránh của họ, vì họ là những viên ký lục kém cỏi không được ai thuê làm nữa. Trình độ có hạn, họ nhận ấn triện của Aton chỉ để kiếm bánh mì cho mình và nếu trong số họ có bất kỳ ngoại lệ nào để tôi có thể khen ngợi, thì một con én cũng không làm nên mùa xuân.

Những cư dân mới và người già trong làng cũng nhân danh Aton và nói:

- Thưa ngài Sinuhe, xin ngài tâu với Pharaon rằng ít nhất nên gỡ gánh nặng học hành này cho chúng tôi vì nếu không, chúng tôi

không thể sống được nữa khi con trai chúng tôi từ trường về nhà với những vết gậy bầm tím trên lưng, tóc trên trán bị giật đứt và những ông thầy ghê gớm này ăn thịt chúng tôi một cách vô độ như bầy cá sấu. Không có gì vừa lòng họ, mà họ còn khinh rẻ bánh và bia của chúng tôi, moi đến tấm đồng và tấm da bò cuối cùng của chúng tôi để mua rượu và khi chúng tôi ra đồng, họ vào nhà chúng tôi, ăn nằm với vợ chúng tôi rồi nói đó là ý muốn của Aton, rằng không có sự khác nhau giữa người đàn ông này với người đàn ông khác và người đàn bà này với người đàn bà kia.

Nhưng Pharaon chỉ cho phép tôi chào đón họ nhân danh ngài nên tôi không thể giúp họ được gì. Tuy nhiên, tôi nói:

- Pharaon không thể làm tất cả mọi việc thay các ông, mà lỗi cũng ở từng người các ông một khi Aton không ban phước cho các ông và đồng ruộng của các ông. Tôi cũng biết các ông là những người đàn ông tham lam, không muốn cho con cái mình đi học vì các ông cần chúng làm công việc đồng áng, và các ông bắt con trai của mình đào kênh tưới tiêu trong khi bản thân nằm dài lười biếng. Tôi cũng không thể giữ sự trong trắng của vợ các ông, vì họ tự quyết định muốn ăn nằm với ai. Tôi xấu hổ thay Pharaon khi nhìn các ông vì ngài đã giao cho các ông nhiệm vụ lớn lao và các ông tự quyết làm sao để hoàn thành nó, để có thể tạo ra một thay đổi lớn trên thế giới. Nhưng thay vào đó, các ông đã tàn phá những cánh đồng màu mỡ nhất của Ai Cập, giết mổ và bán đàn gia súc đã được các giáo sĩ mất công thuần hóa.

Nhưng họ hét to:

- Thật tình chúng tôi không muốn thay đổi gì trong cuộc sống của mình, vì ở thành phố dù nghèo nhưng chúng tôi vẫn thấy hạnh phúc và mỗi ngày đều được thấy điều gì đó mới mẻ, còn ở đây chúng tôi không thấy gì ngoài những cái rãnh đất sét và những con bò cái luôn kêu ò ọ. Những người từng cảnh báo

chúng tôi đã đúng khi họ nói: “Hãy coi chừng từng sự đổi thay, vì đối với người nghèo mọi thay đổi đều theo hướng tồi tệ hơn và dù có bất cứ thay đổi nào trên thế giới, anh có thể chắc chắn rằng đồng thời, lương thực của người nghèo cũng giảm dần và dầu vơi đi trong các hũ của họ”.

Trái tim tôi mách bảo rằng về điều này họ đã đúng nên tôi không muốn đôi co thêm với họ nữa mà tiếp tục hành trình của mình. Nhưng tim tôi trĩu nặng và tôi tự hỏi vì sao tất cả những gì Pharaon Ekhnaton động đến đều đem lại tai họa, khiến những người siêng năng trở nên lười biếng và chỉ những người khốn khổ nhất quây quần bên Aton như ruồi bu quanh xác chết. Nhưng tôi cũng nhớ lại mình đã nghĩ gì khi xuôi dòng sông trước khi xây dựng Akhetaton, rằng tôi không còn gì để mất, vậy tại sao không theo Aton chứ. Vậy tôi có quyền gì trách cứ những kẻ lười biếng, tham lam và đáng thương, những kẻ không có gì để mất nếu đi theo Aton, mang theo sự lười biếng, khốn khổ và tham lam của họ. Vì điều tôi đã làm trong những năm qua là sống như một con mồi ký sinh trong hoàng cung của Pharaon và chỉ trong một tháng duy nhất, với tư cách là thầy thuốc của người nghèo ở Thebes, tôi đã làm được nhiều việc cho mọi người hơn tất cả những năm vàng son và no đủ ở thành phố Akhetaton.

Một ý nghĩ đáng sợ cũng xâm chiếm trái tim tôi: Pharaon muốn đến một lúc nào đó sẽ không còn kẻ nghèo hay người giàu, mà tất cả sẽ như nhau. Nhưng nếu đúng như vậy và điều này là mục đích duy nhất thì lúc đó dân chúng, những người làm công việc tay chân, sẽ là chính, còn những người khác chỉ là lớp vỏ vàng trên bề mặt. Và có lẽ chính Pharaon và cận thần trong cung điện vàng của ngài cùng với những người giàu sang và quyền quý cũng như những người rồi rã, nhàn hạ, và cả bản thân tôi trong những năm tháng cuối này, chỉ là những kẻ ăn bám, ký sinh trên đôi vai người dân như bọ chét sống trong lông chó. Có lẽ bọ chét trong lông chó nghĩ rằng nó mới là chính, còn con chó sống chỉ để nuôi nó béo mồm. Có lẽ cả Pharaon và Aton của ngài cũng

chỉ là con bọ trong lòng chó, chỉ gây ra phiền hà cho chó chứ không đem lại điều gì tốt đẹp, vì chó có thể sống khỏe hơn nếu không có bọ chét.

Thế là trái tim tôi lại bùng tỉnh sau một giấc ngủ dài, chối bỏ thành phố Akhetaton. Tôi nhìn xung quanh với cặp mắt mới và không thấy điều gì tốt đẹp quanh mình. Nhưng có lẽ tất cả là vì ma thuật của Amon vẫn bí mật cai trị toàn bộ Ai Cập, lời nguyện của thần này đã khiến mắt tôi nhìn thấy ngược và Thành phố Thiên Đường là nơi duy nhất ở Ai Cập mà quyền lực của thần này không với tới được. Cái gì là sự thật trong tất cả những điều này, tôi không thể nói, vì có những người luôn nghĩ theo một cách và rứt đầu vào mai như những con rùa khi thấy điều gì đó mới mẻ, còn suy nghĩ của tôi luôn thay đổi theo những gì tôi đã thấy, đã nghe và đã hiểu, và nhiều điều tôi đã thấy hoặc nghe cũng đã ảnh hưởng đến suy nghĩ của tôi, mặc dù tôi chưa hiểu nó.

Vậy là tôi lại nhìn thấy ba ngọn núi ở đường chân trời, ba vệ sĩ vĩnh cửu của Thebes; mái và những bức tường thành của ngôi đền cũng hiện lên trước mắt tôi, song đỉnh của các tháp hình kim không còn lấp lánh như lửa trong ánh sáng ban ngày vì không ai mạ vàng chúng lại. Nhưng cảnh quan này thật thân thương với trái tim tôi và tôi đã đổ rượu từ cốc của mình xuống dòng nước sông Nile, giống như các thủy thủ khi trở về nhà sau một chuyến đi dài, mặc dù họ đổ bia vào nước sông chứ không phải rượu, vì đồng của họ ít nên nếu có được và đủ mua rượu trên đường trở về nhà, họ thà uống nó còn hơn. Tôi lại nhìn thấy những cầu thuyền bằng đá lớn của Thebes và ngửi thấy mùi của bến cảng Thebes, mùi hạt mốc thối và nước nhiễm bẩn, mùi các gia vị và nhựa cây, những mùi rất đối thân thương với trái tim tôi.

Nhưng khi tôi về lại ngôi nhà của người thợ đúc đồng ngày trước tại khu phố nghèo gần bến cảng, nó quá nhỏ bé trong mắt tôi; con hẻm phía trước bẩn thỉu, hôi hám và đầy ruồi. Cây sung

trong sân không làm tôi mừng rỡ, mặc dù chính tay tôi trồng nó và nó đã mọc cao khi tôi đi vắng. Như thế, sự giàu có và xa hoa của Akhetaton đã làm tôi hư hỏng, khiến tôi xấu hổ về mình và lòng tôi trở nên buồn bã khi không còn thấy vui với nếp nhà cũ của mình.

Kaptah cũng không ở nhà mà chỉ có đầu bếp Muti ra đón tôi và khi nhìn thấy tôi, bà ta hờn giận nói:

- Đội ơn ngày tốt lành đã đưa ông chủ tôi về nhà, nhưng phòng chưa được dọn dẹp, chăn gối đã đưa đi giặt giũ và ông trở về mang lại cho tôi nhiều phiền muộn, lo âu mặc dù tôi thường không đợi chờ niềm vui từ cuộc đời. Nhưng tôi không ngạc nhiên chút nào trước sự trở về bất ngờ của ông vì đây là thói quen của đàn ông và đàn ông chưa bao giờ mang lại điều tốt lành.

Tôi trấn an bà ta rằng tối nay tôi sẽ ngủ trên thuyền và hỏi về Kaptah, nhưng bà ta đập cầu thang, đá bụi cây trong sân, giậm chân thành thịch trong bếp và tỏ ra rất buồn bực với sự trở về của tôi, vì tôi về chỉ làm phiền bà ta và bà đã già. Vì vậy tôi kệ bà ta ở đó và đi đến quán Đuôi Cá Sấu. Merit ra đón tôi ở cửa và chắc chắn không nhận ra tôi vì trang phục và chiếc kiệu quyền quý của tôi, nàng hỏi:

- Ông đã đặt chỗ cho buổi tối chưa vì nếu chưa, tôi không thể cho ông vào được.

Nàng hơi mập ra, gò má không còn nhô cao trên khuôn mặt như trước, nhưng đôi mắt nàng vẫn như khi tôi nhìn vào trước đây, chỉ có điều xung quanh có nhiều nếp nhăn li ti hơn. Vì vậy, lòng tôi ấm lại, tôi đặt tay lên eo nàng và nói:

- Tôi hiểu rằng em không còn nhớ tôi nữa sau khi ôm ấp nhiều người đàn ông cô đơn và buồn rầu khác trên thảm của em, nhưng tôi tin mình sẽ tìm thấy một chỗ trong nhà em và một cốc rượu lạnh, dù tôi không dám nghĩ đến thảm của em.

Nàng kinh ngạc reo lên:

- Sinuhe, là anh thật ư? - Và nói thêm - Cảm ơn ngày đã đưa ông chủ tôi về nhà.

Rồi nàng đặt đôi bàn tay xinh đẹp, rắn chắc lên vai tôi và nhìn tôi, nói đầy trách móc:

- Sinuhe, Sinuhe, anh đã làm gì với chính mình thế, vì trước đây sự cô đơn của anh là của một con sư tử thì bây giờ là sự cô đơn của một con chó được o bế, béo mẫm và anh còn có dây xích quàng quanh cổ thế này.

Nàng nhắc bộ tóc giả trên đầu tôi rồi nhẹ nhàng vuốt ve cái đầu trọc lóc của tôi và nói:

- Ngồi xuống đi, Sinuhe, em sẽ mang rượu ướp lạnh cho anh vì anh đầy mồ hôi thế này và còn thở dốc nữa sau chuyến hành trình vất vả.

Nhưng tôi vội vã nhắc nàng:

- Đừng mang đuôi cá sấu cho tôi nhé vì bụng tôi chắc không thể chịu được nó nữa và đầu tôi có thể bị đau.

Nàng đưa tay chạm vào má tôi và nói:

- Em già, béo và xấu đến nỗi điều đầu tiên anh nghĩ đến là bụng của mình khi gặp lại em sau nhiều năm phải không? Trước kia anh không hề sợ đau đầu khi có em bên cạnh, trái lại còn tham lam uống hết bao nhiêu đuôi cá sấu khiến em phải ngăn anh.

Tôi thấy buồn vì những lời nói thật lòng của nàng và sự thật thường khiến người ta buồn chán. Vì vậy tôi nói với nàng:

- Ôi, Merit, bạn của anh, anh cũng già đi và chẳng còn làm được gì nữa.

Nhưng nàng nói:

- Anh chỉ tưởng tượng mình đã già đi nhưng mắt anh không hề già đi tí nào khi nhìn em và điều đó khiến em vui thích.

Lúc đó tôi nói với nàng:

- Merit, vì tình bạn của chúng ta, hãy mau mang ra cho anh một đuôi cá sấu, nếu không anh sợ mình sẽ cư xử thô bạo với em và danh tiếng danh y khoan sọ hoàng gia không thích hợp để gây ồn ào, nhất là ở Thebes và trong quán rượu bên cảng.

Merit mang đồ uống ra và đặt vào lòng bàn tay tôi cốc vỏ sò. Tôi nâng cốc lên uống và đuôi cá sấu thiêu đốt cổ họng vốn quen với các loại rượu nhẹ của tôi, nhưng sự bỏng rẫy này thật dễ chịu vì tay kia của tôi vẫn đặt trên eo nàng. Tôi nói với nàng:

- Merit, có lần em bảo với anh lời nói dối có thể ngọt ngào hơn sự thật nếu người ta cô đơn và mùa xuân đầu tiên của người ấy đã tàn lụi. Vì thế anh nói với em rằng trái tim anh vẫn còn trẻ và sục sôi khi anh nhìn thấy em; trong những năm tháng dài đằng đẳng chúng ta xa cách, không ngày nào anh không thì thầm vào gió tên em, mỗi cánh én bay qua lên phía nguồn sông, anh đều gửi lời chào đến em và mỗi sáng mai thức dậy, môi anh thì thầm thì tên em.

Nàng nhìn tôi, trong mắt tôi nàng vẫn mảnh mai, xinh đẹp, thân thương và trong đáy mắt nàng vẫn ẩn chứa nụ cười và nỗi buồn, như khi ta nhìn vào đáy giếng sâu. Nàng áp tay vào má tôi và nói:

- Anh nói rất hay, Sinuhe, bạn của em. Vậy sao em lại không thừa nhận với anh trái tim em rất mong nhớ anh, và bàn tay em ao ước đôi tay anh khi em nằm cô đơn trong đêm trên thảm của mình. Mỗi lần đuôi cá sấu ngấm, khi đám đàn ông bắt đầu nói những điều ngu ngốc với em thì em lại nhớ đến anh và thấy buồn vô hạn. Nhưng trong cung điện vàng của Pharaon chắc

chấn có rất nhiều phụ nữ xinh đẹp và là danh y hoàng gia, chắc anh đã tận dụng hết thời gian rảnh rỗi của mình để chữa trị cho họ.

Quả là tôi đã từng ăn nằm với một vài cung nữ, những người trong cơn buồn chán đã đến xin tôi lời khuyên với tư cách thầy thuốc, vì da của họ mịn như vỏ quả mọng, mềm như lông tơ và nhất là vào mùa đông, hai người nằm bên nhau sẽ ấm hơn đơn chiếc. Nhưng những điều này đều thật phù phiếm và vô nghĩa đến mức tôi thậm chí không buồn viết bất cứ điều gì về nó trong cuốn sách của mình, vì nó không hề để lại dấu ấn trong tôi. Vì thế tôi nói với nàng:

- Merit ạ, đúng là đôi lúc anh không ngủ một mình, nhưng em vẫn là người phụ nữ duy nhất là bạn của anh.

Đuôi cá sấu bắt đầu ngấm, cơ thể tôi trở nên trẻ trung như trái tim tôi, một ngọn lửa yêu đương chạy dọc theo huyết quản và tôi nói với nàng:

- Chắc chắn trong thời gian này có nhiều người đàn ông đã chung thủy với em, nhưng tốt nhất em nên cảnh báo họ về anh, chừng nào anh còn ở Thebes, bởi vì khi tức giận, anh là một người hung dữ. Trong trận chiến chống lại quân Khabiri, những người lính của Horemheb đã đặt cho anh biệt danh “Con Trai Lừa Hoang”.

Nàng làm bộ hoảng sợ giơ tay lên và nói:

- Đây là điều em vô cùng lo sợ và Kaptah đã kể cho em nghe về nhiều cuộc cãi cọ và ẩu đả ác liệt anh đã dính vào ở nhiều miền đất chỉ vì tính nóng nảy của mình, mà chỉ có sự bình tĩnh và trung thành của ông ấy mới giúp anh giữ được cái đầu nguyên vẹn. Tuy nhiên, anh phải nhớ là cha em luôn có một cây gậy giấu dưới chỗ ngồi và sẽ không để cho bất kỳ cuộc ẩu đả nào xảy ra trong ngôi nhà này.

Nhưng khi nghe đến tên Kaptah và đoán ra tất cả những chuyện bịa đặt mà ông ấy đã kể cho Merit về tôi và cuộc sống của tôi nơi xứ lạ, tôi vô cùng cảm động, nước mắt giàn giụa và tôi kêu lên:

- Kaptah, nô lệ và đầy tớ ngày xưa của anh, giờ ở đâu, để anh có thể ôm ông ấy, vì anh rất nhớ ông ấy, mặc dù điều này không thích hợp với danh vị của anh vì ông ấy trước đây đã từng là nô lệ của anh.

Merit vừa ngăn tôi lại vừa nói:

- Em thấy anh không quen uống đuôi cá sấu, mà cha em đang giận dữ nhìn về phía này và tìm gì dưới ghế vì anh làm ầm lên. Nhưng anh không gặp được Kaptah trước tối nay, vì ông ấy phải dành thời gian cho việc làm ăn trong các thương vụ lớn ở chợ ngũ cốc và ở các quán rượu, nơi ký kết các vụ bán mua ngũ cốc, và em nghĩ anh sẽ vô cùng ngạc nhiên khi thấy ông ấy, vì ông ấy hầu như không nhớ mình từng là nô lệ và xách dép của anh với cái gậy trên vai. Vì vậy tốt hơn là em nên đưa anh ra ngoài hít thở không khí trong lành để đuôi cá sấu bay hết khỏi đầu anh trước khi ông ấy về, vì chắc anh muốn thấy Thebes đã thay đổi thế nào trong thời gian anh đi vắng và như vậy chúng ta được chỉ mình với nhau.

Nàng đi thay đồ, xoa lên mặt dầu thơm đắt tiền và đeo thêm đồ trang sức bằng vàng, bạc khiến chỉ có thể phân biệt được nàng với phụ nữ quý phái qua tay chân nàng, mà thật ra ít phụ nữ quý phái nào có ánh mắt rạng rỡ, tự tin và cái miệng kiêu hãnh như nàng. Tôi bảo các nô lệ đưa chúng tôi đi dọc theo con hẻm Nhân Sư và thấy Thebes vẫn chưa được như trước, những vườn hoa bị giẫm nát, những cành cây bị chặt vẫn chọc lên lổn nhổn và dọc theo vài con phố, người ta xây những ngôi nhà mới thay cho những ngôi nhà bị cháy rụi. Chúng tôi ngồi sát bên nhau trong kiệu và tôi hít ngửi mùi dầu thơm của nàng, đó là mùi của Thebes, hăng hơn và nồng say hơn mùi của tất cả các loại dầu đắt tiền của Akhetaton. Tôi cầm tay nàng và trong lòng không

còn một ý nghĩ xấu xa nào nữa, mà như thế tôi trở về nhà sau một chuyến đi dài.

Thế là chúng tôi đến ngôi đền và bay qua đen bay lượn, quang quác phía trên ngôi đền hoang vắng vì chúng chưa trở về núi mà ở lại Thebes, không ai quấy rầy chúng trong khu vực đền vì đây là vùng đất bị nguyên rủa và mọi người sợ hãi tránh xa nơi này. Chúng tôi xuống kiệu và dạo bộ qua những khoảng sân vắng vẻ. Không bắt gặp bóng người nào ngoại trừ ở sân trước Nhà Sống và Nhà Chết, vì việc dời hai nhà này đi nơi khác rất nhiều khê và tốn kém. Nhưng Merit kể mọi người cũng tránh xa cả Nhà Sống, vì thế hầu hết các thầy thuốc đã chuyển vào thành phố để hành nghề và giành nhau bệnh nhân. Chúng tôi cũng đi bộ trong vườn của đền, nhưng cỏ mọc đầy trên các lối đi, cây cối bị đốn trộm, cá cụ kỵ ở hồ thánh bị đâm xuyên, bắt hết và nếu chúng tôi nhìn thấy ai trong khu vườn mà Pharaon đã dành làm nơi cho dân chúng tản bộ và sân chơi cho trẻ em, thì đó là một người rách rưới, bẩn thỉu, sợ sệt và lén lút nhìn theo chúng tôi.

Tâm hồn tôi trống vắng hơn khi đi qua khu đền thờ hoang vắng và bóng của thần giả nặng nề đè xuống người tôi, tất cả những điều này minh chứng rằng quyền lực của thần ấy không mất đi cho dù tượng bị phá bỏ, mà ngài vẫn còn lấy sự hoảng sợ thống trị trái tim con người. Chúng tôi cũng đến ngôi đền lớn, cỏ mọc um tùm giữa những phiến đá trên nền, không ai ngăn chúng tôi bước vào nơi linh thiêng nhất và những thánh thư trên tường thật xấu xí và bị báng bổ khi những người thợ đá bất cẩn đục bỏ tên và ảnh của các thần giả trên bản khắc. Merit nói:

- Đây là nơi đầy tai họa và cái lạnh bóp nghẹt trái tim em khi anh đưa em đến đây, nhưng chắc rằng thánh giá của Aton sẽ bảo vệ anh, mặc dù em muốn anh tháo nó ra khỏi cổ, bởi vì ở nơi vắng vẻ, anh có thể bị ném đá hay xỉa dao vào bụng khi trên người có thánh giá Aton. Hận thù vẫn còn rất lớn ở Thebes.

Nàng nói đúng, vì khi chúng tôi đang tay trong tay trở lại sân trước đền, người ta nhổ nước bọt xuống đất khi nhìn thấy thánh giá của Aton trên cổ áo tôi. Tôi cũng vô cùng kinh ngạc khi thấy một giáo sĩ Amon mặc đồ trắng, công khai đi lại giữa đám đông, đầu cao nhẵn bất chấp lệnh cấm của Pharaon. Khuôn mặt anh ta sáng nhờn mỡ, chiếc áo choàng là loại vải lạnh tốt nhất và dường như không một tai ương hay thiếu thốn nào làm anh ta bận tâm, và mọi người vẫn kính trọng nhường lối cho anh ta. Cẩn tắc vô áy náy, tôi liền đưa tay lên ngực để che cây thánh giá Aton, vì tôi không muốn gây náo động vô ích. Tôi không muốn xúc phạm cảm xúc của mọi người một cách không cần thiết, bởi vì không như Pharaon, tôi muốn để mỗi người có đức tin của mình và có lẽ vì Merit, tôi cũng muốn tránh bị quấy rầy.

Thế là chúng tôi dừng lại chỗ tường thành để nghe một người kể chuyện đang ngồi trên nền đất theo cách của những người kể chuyện ngồi trên thảm với một cái hũ không trước mặt, người nghe đứng thành vòng tròn xung quanh ông ta và những người nghèo nhất ngồi bệt xuống đất vì họ không phải lo xống áo mình bị lấm. Nhưng câu chuyện ông ta kể tôi chưa bao giờ nghe trước đây, về một pharaon giả mà thần Seth đã thụ tinh vào dạ con của một phù thủy da đen sống cách đây đã rất lâu, vì phù thủy này đã chiếm trọn trái tim của pharaon tốt bụng bằng phép thuật của mình. Theo ý muốn của thần Seth, vị pharaon giả này muốn hủy diệt dân tộc Ai Cập, bắt người dân sống phận nô lệ cho dân da đen và lũ người man rợ. Để làm điều đó, ông ta đã giết đổ các bức tượng của Ra, khiến Ra nguyên rửa đất nước này nên đất đai không còn sinh hoa kết trái, lũ lụt giết chết người dân, châu chấu phá hoại mùa màng, ao hồ tanh tưởi mùi máu, ếch nhái nhảy lên thảm nằm vào những hũ bột của con người. Nhưng pharaon giả sắp đến ngày tận số, vì sức mạnh của Ra mạnh hơn sức mạnh của Seth, mặc dù đã cố gắng lấy những cái tên giả để gọi sức mạnh của Seth. Vì vậy, pharaon giả chết đau đớn, phù thủy đã đẻ ông ta ra cũng chết đau đớn và Ra đập tắt cả những ai đã từ bỏ mình xuống đất đen, chia nhà cửa, tài

sản và đất đai của họ cho những người vẫn trung thành với Ra giữa muôn vàn thử thách và tin tưởng vào sự trở lại của ngài.

Câu chuyện rất dài và cuốn hút, khiến mọi người giậm chân xuống đất và giơ tay lên cao vì nóng lòng muốn nghe hết câu chuyện và tôi cũng há hốc mồm lắng nghe. Khi câu chuyện kết thúc, pharaon giả bị trừng phạt và bị đẩy xuống địa ngục, tên của ngài ta bị nguyên rửa và Ra chia cho các tín hữu nhà cửa và đất đai, gia súc và hàng hóa, người nghe vui mừng nhảy lên la hét, thả đồng vào hũ của người kể chuyện, có người còn thả cả bạc. Tôi hết sức ngạc nhiên và nói với Merit:

- Quả thật đây là một câu chuyện mới mà anh chưa bao giờ được nghe, mặc dù ngày còn nhỏ anh nghĩ mình đã nghe hết mọi chuyện trên đời vì mẹ Kipa của anh rất thích chuyện cổ tích và yêu quý những người kể chuyện, đến nỗi bố Senmut của anh đôi khi dọa bà và những người kể chuyện bằng gậy của mình khi bà cho họ ăn trong nhà bếp của nhà anh. Đây đúng là một câu chuyện mới và nguy hiểm, vì anh nghĩ nó ám chỉ Pharaon Ekhnaton và thần giả mà chúng ta không được phép nhắc đến tên. Vì vậy, cần cấm kể câu chuyện này.

Merit cười và nói:

- Ai có thể cấm kể chuyện cổ tích, chuyện này được kể ở cả hai vương quốc gần tất cả các cổng và tường thành, trên nền đất nện của những làng nhỏ nhất và ai cũng thích nó. Nếu lính canh lấy gậy đe dọa những người kể chuyện, họ nói đây là một câu chuyện có từ xưa và họ có thể chứng minh điều đó, vì các giáo sĩ đã tìm thấy câu chuyện này trong các bia ký có tuổi đời hàng trăm năm. Vậy nên lính canh không thể làm gì với những người kể chuyện, mặc dù em nghe nói Horemheb, một người tàn bạo, không quan tâm tới bằng chứng và văn bản, đã treo một vài người kể chuyện lên tường thành ở Memphis và cho cá sấu ăn xác họ, kết tội họ không phải vì kể chuyện mà vì những tội khác.

Merit nắm chặt tay tôi, cười và còn kể thêm:

- Ở Thebes cũng có nhiều lời tiên đoán và bây giờ bất cứ khi nào hai người nào đó gặp nhau, họ đều kể cho nhau nghe những lời cảnh báo và điềm xấu mà họ nghe được, bởi vì như anh hẳn biết, đại mạch ngày một đắt đỏ, dân nghèo đói khát và thuế má đè nặng lên cả người nghèo lẫn người giàu. Nhưng những lời tiên đoán nói rằng điều tồi tệ hơn vẫn còn ở phía trước và em hoảng sợ khi nghĩ đến tất cả những điều tồi tệ mà những lời tiên đoán luôn cảnh báo một cách trùng khớp thế nào cho Ai Cập. Vì vậy em sẽ kể cho anh nghe một lời tiên đoán mà em nghe được từ người rửa tường Đuôi Cá Sấu, người này đã nghe nó từ người bán khoai sắn ở chợ và người kia đã nghe nó từ một người bạn của ông ta. Người bạn này là một người đàn ông rất đáng tin và chính ông ta đã gặp góa phụ của một người thợ dán giấy giàu có, người đã trải qua chuyện này và kể lại cho ông ta. Chuyện thế này: Vào một ngày lễ thánh trước khi nước lên, góa phụ của người thợ dán giấy đã lên một con thuyền nơi tường thành để đến gặp chồng mình ở thành phố của người chết và dâng đồ cúng tế nơi mộ ông ta. Ngồi đối diện với bà trên thuyền là một bà tiên, mặc dù thoạt đầu không ai biết đó là tiên, vì quần áo của bà ta bẩn thỉu, rách rưới và tóc bà ta không xúc dầu. Nhưng bà tiên này nói với bà góa rằng: “Người quá cố của bà chắc thích bánh hạnh nhân lắm, vì bà mang bánh hạnh nhân đến”. Bà góa lấy làm ngạc nhiên, vì những chiếc bánh hạnh nhân được đựng trong cái giỏ đầy kín đặt bên chân bà và bà kia không thể nhìn thấy chúng. Nhưng bà ta nói: “Ta lấy làm lạ, vì ta chưa hề thấy ai mang bánh hạnh nhân cho người đã khuất, còn trong hũ kia là cháo nấu với sữa, trong giỏ đó là vịt quay, còn hũ kia đựng thứ bia sền sệt theo cách của người Syria”. Cứ thế, bà ta kể ra tất cả những gì mỗi người trên thuyền có trong các giỏ và hũ đầy kín, bà còn kể ra tên những người quá cố của họ, khiến mọi người hết sức kinh ngạc và tin rằng bà là một bà tiên. Cuối cùng, bà ta nói: “Người Ai Cập hiện đang sống giữa những thử thách lớn vì một lời nguyện mà các người ai cũng biết và vì lời nguyện này, sẽ có ngày vàng không đổi lấy bánh được nữa, nhưng những

người can đảm hãy giữ vững đức tin, vì các vị thần Ai Cập không bỏ rơi ai, trừ những kẻ từ bỏ thần linh và quay sang thần phục một thần giả, và đó là dấu hiệu cho thấy mụ phù thủy mà các người đều biết sẽ phải chết thật đau đớn trước khi ngũ cốc chín trên đồng". Nghe bà tiên nói tất cả những điều này, mọi người ai cũng run và sợ những người lính canh, nhưng khi thuyền cập bến nơi thành phố người chết, bà tiên này đã biến mất, sau đó không ai nhìn thấy bà ấy nữa.

Tôi hết sức tức giận và hỏi Merit:

- Em tin câu chuyện vợ vẩn này ư, những người thợ rửa tường, người buôn khoai sắn và những mụ góa ngồi lê đôi mách, khi em biết lời tiên đoán này vừa nghe đã sặc mùi giáo sĩ? Anh hiểu rồi, họ muốn dân nổi loạn bằng các câu chuyện của họ.

Merit nói:

- Em không biết phải tin điều gì nữa, nhưng nếu sống ở Thebes một tháng hoặc một năm, có lẽ anh sẽ tin, vì ở đây xảy ra nhiều điều lạ lùng nhờ thần mà chúng ta không được nhắc đến tên. Nhưng em biết nếu mụ phù thủy ấy chết trước khi đại mạch chín thì em cũng sẽ bắt đầu tin. Bởi vì em thậm chí còn chưa nghe nói người đó bị ốm.

- Em muốn nói ai là phù thủy? - Tôi gắt gỏng hỏi nàng.

Nàng nhìn thẳng vào mắt tôi như thách thức, cặp mắt buồn buồn và nói:

- Anh biết rõ đó là ai và anh đã nghe câu chuyện vừa rồi, người da đen chỉ luôn làm Ai Cập khốn khổ mà thôi.

Khi ấy tôi buông tay nàng và trái tim tôi thấy nàng xa lạ, đuôi cá sấu đã bốc hơi khỏi đầu tôi từ lâu khiến đầu tôi đau nhức, tôi thấy mình mệt rã rời và sự ngu ngốc, bướng bỉnh của nàng không làm tôi đỡ hơn. Thế là chúng tôi bực bội đi bên nhau trên

đường trở lại Đuôi Cá Sấu và tôi nhận ra điều mà Pharaon Ekhnaton từng nói là đúng: “Aton sẽ tách đứa trẻ khỏi người mẹ và trái tim người đàn ông khỏi người tình của mình cho đến khi vương quốc của ngài được hoàn toàn thiết lập trên trái đất”. Nhưng tôi không bao giờ muốn rời xa Merit vì Aton, vì thế tôi thật sự rất buồn cho đến khi gặp Kaptah vào buổi tối.

3

Không ai còn có thể có tâm trạng buồn chán khi nhìn thấy Kaptah, phì nộn và đồ sộ như một con lợn sề, và béo đến nỗi phải lách nghiêng mới lọt qua cửa quán rượu, lăn ào vào trong. Mặt ông ấy tròn như mặt trăng và lấp lóa dầu xúc đất tiên, đầu đội mái tóc giả đẹp màu xanh lam và con mắt mù được che bằng một lá vàng. Ông ấy không còn mặc theo kiểu người Syria nữa mà theo kiểu của người Ai Cập và mặc thứ tốt nhất mà thợ dệt Thebes có thể dệt, vòng vàng to bụi trên cổ, cổ tay và cổ chân ông ấy kêu leng keng vì sức nặng của chúng.

Vừa thấy tôi ông ấy gào to, hai tay giơ lên tỏ vẻ kinh ngạc và vui mừng rồi cúi xuống thật thấp trước mặt tôi, hai tay để thẳng ngang đầu gối, mặc dù ông ấy làm điều đó rất khó khăn vì cái bụng của mình, và nói:

- Đội ơn ngày đã đưa ông chủ của tôi trở về.

Thế rồi nổi xúc động chiếm ngự tâm trí và ông ấy vừa bắt đầu khóc vừa quỳ gối xuống sàn, ôm chân tôi và gào khóc to hơn khiến tôi nhận ra một Kaptah ngày trước trong lớp vải lanh hoàng gia với nhẫn vàng, dầu thơm đất tiên và bộ tóc giả màu xanh. Tôi đưa tay đỡ ông ấy dậy rồi ôm lấy ông ấy, ngửi hai vai, hai má ông và tôi thấy như thể mình đang ôm một con bò đực béo tốt và ngửi thấy mùi bánh mì nóng ấm, vì mùi của chợ ngũ cốc đã thấm quyện vào người ông. Ông ấy cũng cung kính dí mũi ngửi vai tôi, rồi lau nước mắt, bật cười và hét toáng lên:

- Đây là một ngày hạnh phúc với tôi, vì thế tôi cho tất cả những ai đang ngồi trong nhà tôi một đuôi cá sấu miễn phí. Còn nếu ai muốn đuôi thứ hai, phải tự trả tiền.

Nói rồi ông ấy dẫn tôi sang phòng sau, bắt tôi ngồi xuống tấm thảm mềm, cho phép Merit ngồi cạnh tôi rồi sai nô lệ và người hầu bê ra cho tôi những thứ ngon nhất có trong quán, rượu của ông ấy có thể sánh với rượu của pharaon, món ngỗng quay Thebes của ông ấy không nơi nào ở Ai Cập sánh nổi, vì ngỗng này được nuôi bằng cá ươn tanh tưởi nên thịt của nó có vị ngon đến khó tin. Sau khi chúng tôi ăn uống xong, ông ấy nói:

- Ông chủ Sinuhe của tôi ạ, tôi hy vọng ông đã đọc kỹ tất cả các giấy tờ, sổ sách mà tôi sai các thư lại ghi chép và gửi đến cho ông trong thời gian ông ở thành phố Akhetaton. Chắc ông cũng cho phép tôi tính bữa ăn này với rượu và ngỗng vào chi phí tiếp khách và có lẽ tôi cũng tính gộp cả những đuôi cá sấu mà tôi đã lỡ đem đãi cho tất cả khách khứa trong quán của tôi. Điều này không làm ông thiệt hại, trái lại chỉ có lợi, vì tôi sẽ vất vả để thay ông đánh lừa thuế vụ của Pharaon và như vậy tôi sẽ lấy cắp được từ họ một chút gì đó cho mình.

Tôi nói với ông ấy:

- Lời nói của người như tiếng lấp bắp của người da đen và ta không hiểu từ nào cả, nhưng hãy làm điều đó nếu thấy thích hợp vì người biết là ta hoàn toàn tin tưởng vào người. Ta đã xem các sổ sách và chứng từ của người nhưng nói thật ta không hiểu nhiều về chúng, bởi vì có quá nhiều con số, giống như những tờ giấy đầy con số mà viên ký lục của Horemheb tính để xem sẽ mất bao lâu nếu tất cả dân trên thế giới đến diện kiến trước Pharaon Ekhnaton và ngài sẽ tiếp từng người một. Nhưng ông ta tính toán không xong, vì ông ta tính cả số trẻ em liên tục được sinh ra trên khắp các miền và chúng sẽ già trước khi kịp đến diện kiến Pharaon, rồi những đứa trẻ mới vẫn tiếp tục được sinh ra, do vậy Pharaon sẽ không bao giờ kịp nói với tất cả người

trên khắp thế giới, cho dù thời gian ngài dùng để nói với từng người chỉ là một nhịp tim đập và ngài tiếp họ từ sáng đến tối, từ tối đến sáng. Tương tự như vậy, Kaptah, ta sẽ không thể đến gặp người nếu phải kiểm tra hết các giấy tờ và sổ sách mà người gửi đến, vì đầu ta đã đau nhức trước khi kịp đọc hết các chứng từ.

Kaptah cười rất vui và tiếng cười ùng ục trong bụng ông ấy như đang rung lên từ chiếc đệm mềm, cả Merit cũng cười vì nàng đã uống rượu cùng tôi và ngả người ra sau, tay đặt sau gáy để tôi có thể thấy đôi gò bồng đảo nhô lên dưới lớp áo của nàng vẫn còn đẹp như thế nào. Kaptah vừa cười vừa nói:

- Ôi, Sinuhe, ông chủ của tôi, tôi rất vui khi thấy ông vẫn giữ được những suy nghĩ ngây thơ của mình và vẫn không hiểu những điều hợp lẽ của cuộc sống thường ngày như lợn không hiểu gì về ngọc trai, mặc dù tôi không có ý ví ông với lợn, mà chỉ thay ông ca ngợi và cảm tạ tất cả thần linh Ai Cập đã trao tôi cho ông, vì thực ra họ có thể cho ông một tên ăn trộm hay gã vô lại làm đầy tớ làm ông khánh kiệt, còn tôi đã giúp ông trở nên giàu có.

Tôi nhắc để ông ấy nhớ là không cần cảm ơn thần linh về việc đó mà chỉ phải cảm ơn sự sáng suốt của tôi vì tôi đã mua ông ấy ở chợ nô lệ với một đồng bạc, giá rẻ bởi một mắt của ông đã bị chọc mù trong quán bia. Nhớ lại những điều này, tôi xúc động nói:

- Đúng là ta không bao giờ quên được cái ngày mà lần đầu tiên ta nhìn thấy người đứng trong chợ nô lệ, chân bị trói chặt vào cột dành cho nô lệ, hét lên những lời tục tĩu với đàn bà đi ngang qua và xin đám đàn ông cho bia uống. Nhưng không nghi ngờ gì nữa, ta đã khôn ngoan khi mua người, mặc dù lúc đầu ta rất nghi ngờ điều đó. Dĩ nhiên, hồi đó ta không có nhiều bạc hơn vì ta chỉ là một thầy thuốc trẻ và một mắt của người bị chọc thủng thích hợp với mục đích của ta, như người nhớ rất rõ.

Mặt Kaptah tối sầm lại, đầy nếp nhăn và ông ấy nói:

- Tôi không muốn ông nhớ lại những việc xưa cũ và buồn đau ấy nữa vì chúng không xứng với địa vị của tôi.

Rồi ông ấy hết lời ca tụng bộ hung của chúng tôi:

- Ông đã rất sáng suốt khi giao bộ hung cho tôi để tôi lo công việc cho ông, vì bộ hung đã làm cho ông giàu có và chắc chắn giàu có hơn ông có thể mơ tưởng, mặc dù lại viên thu thuế của Pharaon như bầy ruồi bu trên cổ tôi và tôi đã phải thuê hai thư lại Syria lo làm các sổ sách, chúng từ khác nhau để khai thuế, vì không ai - kể cả thần Seth với tất cả các ma quỷ của thần - có thể hiểu hết cách tính toán của người Syria. Nói đến Seth, tôi lại nhớ đến ông bạn cũ Horemheb của chúng ta, người mà tôi đã lấy vàng của ông cho vay như ông hẳn biết. Nhưng tôi đâu cần nói về anh ta lúc này, khi mọi suy nghĩ của tôi tự do bay vút lên như đàn chim trong không trung vì quá vui sướng khi lại được nhìn bộ mặt ngây thơ của ông chủ mình và có lẽ vì vậy mà tôi sẽ cho ghi vào chi phí tiếp khách của chúng ta, vì vậy hãy uống đi, ông chủ của tôi, hãy uống những gì bụng ông chứa được, vì rượu như thế này có lẽ hầm rượu của Pharaon cũng không có, và tôi cũng không lấy trộm của ông nhiều hơn giá của chai rượu. Đúng thế, tôi cần nói chuyện với ông chủ về sự giàu có của ông, mặc dù ông hầu như không hiểu nhiều về việc ấy, nhưng tôi chỉ nói rằng nhờ có tôi mà ông giàu có hơn nhiều người giàu Ai Cập và ngang với những người quyền cao chức trọng nhất, vì người thực sự giàu có không phải là người có vàng mà là người sở hữu nhà cửa và kho tàng, ghe thuyền và bến cảng, cầu thuyền và gia súc, đất đai và cây ăn quả, bò cừu và nô lệ. Ông sở hữu tất cả những thứ này, mặc dù có thể ông không biết, vì tôi buộc phải cho những người hầu, thư lại và cả nô lệ của chúng ta đứng tên rất nhiều thứ để che giấu tài sản của ông trước thuế vụ. Những người giàu bị Pharaon đánh thuế rất nặng và người giàu phải nộp thuế nhiều hơn người nghèo, giả dụ nếu người nghèo nộp một phần năm số thóc mình có cho Pharaon thì người giàu phải

nộp một phần ba, thậm chí một nửa số thóc cho những kẻ thu thuế đáng nguyên rủa, vậy mà những kẻ này vẫn như bấy kền kền luôn bu quanh cổ họ. Việc này thật sai trái và vô đạo nhất mà Pharaon giả đã làm, một việc chưa từng xảy ra từ trước đến nay; mức sưu thuế và việc để mất Syria của ông ấy đã làm đất nước khánh kiệt. Tuy nhiên, ngạc nhiên nhất là điều chỉ xảy ra nhờ thần linh này: khi đất nước nghèo đi thì người nghèo nghèo hơn trước, còn những người thực sự giàu sẽ trở nên giàu có hơn, mà chính Pharaon cũng không thể làm gì được. Sinuhe, hãy vui mừng đi vì ông thực sự giàu có và tôi nói cho ông biết điều bí mật, vì cuối cùng đó là bí mật của riêng ông, sự giàu có của ông đến từ đại mạch.

Vừa dứt lời Kaptah lại uống rượu, nhiều đến mức rượu trào ra từ bên mép và nhỏ giọt xuống làm bẩn cả quần áo, nhưng ông ấy không thấy phiền lòng mà nói rằng sẽ tính quần áo vào sổ thu chi, xem như phí tiếp khách hay quà tặng cho những người môi giới ngũ cốc và do đó sẽ kiếm được nhiều hơn tiền mua quần áo. Ông ấy bắt đầu khoác lác về các thương vụ lúa mạch của mình:

- Ông chủ ạ, bọ hung của chúng ta thật thần kỳ vì ngay vào ngày đầu tiên chúng ta trở về đây sau những chuyến đi dài, nó đã dẫn tôi đến quán rượu của những người buôn lúa mạch, nơi họ uống say xỉn sau khi thắng đậm những phi vụ lớn. Vậy nên tôi cũng bắt đầu lấy tiền của ông mua lúa mạch và ngay trong năm đầu tiên tôi đã lời rất nhiều, khi một số cánh đồng rộng lớn bị bỏ hoang, như ông thấy. Và lúa mạch kỳ diệu ở chỗ có thể mua và bán nó ngay cả khi nước chưa lên và trước cả khi hạt được gieo xuống đất và kỳ diệu hơn nữa là giá của nó tăng lên năm tiếp năm giống như có bàn tay phù thủy, vì vậy những ai mua lúa sẽ không bao giờ lỗ mà luôn luôn có lời. Vì vậy, từ nay trở đi tôi định không bán lúa mạch nữa, mà sẽ mua tất cả các loại mạch và cất giữ trong kho cho đến khi đổi được chúng thành vàng và điều này chắc chắn sẽ xảy ra nếu mọi việc cứ tiếp tục như thế này, và những người buôn bán lúa mạch già cả sẽ không còn tin

vào mắt mình mà sẽ xé áo quần và buồn rầu khóc lóc nghĩ về tất cả số lúa mạch mà họ đã bán vì sự ngu ngốc của mình.

Kaptah nhìn tôi thăm dò và uống thêm rượu rồi rót thêm cho cả tôi và Merit, sau đó nghiêm túc nói:

- Dĩ nhiên, không ai bỏ tất cả vàng của mình vào một lần tung xúc xắc, vì thế ông chủ ạ, tôi đã chia đều lợi nhuận của ông và chơi bằng nhiều con xúc xắc, thưa ông chủ quý mến. Đây là thời gian thích hợp nhất cho việc này, nhờ Pharaon, bởi vậy có lẽ tôi nên cầu nguyện cho ngài ta, vì các chiếu chỉ và sắc lệnh, ít nhất là vì chính sách thuế đáng nguyên rủa của ngài, mà tất cả những ai không đủ giàu đều bị phá sản, mất hết cơ nghiệp, buộc phải bán nhà cửa và đồ đạc của họ với giá rẻ mạt. Thế nên những người từng buôn bán ở Syria, trước đây vàng nhiều vô kể, hờm hĩnh với quần áo và đồ trang sức, nay đã buộc phải bán bớt ghe thuyền và cầm cố đồ đạc, thế là ông sở hữu nhà ở Thebes nhiều hơn mức ông đủ sức đếm, mặc dù trước thuế vụ, ông sở hữu chúng dưới những tên khác nhau, như tôi đã nói với ông. Vậy nên bây giờ ông rất giàu có, thưa ông chủ của tôi, tôi không lấy trộm của ông nhiều hơn trước đây tôi từng lấy và tôi trộm của ông không đến một nửa, có lẽ chưa chắc đến một phần ba những gì tôi kiếm được cho ông nhờ sự khôn ngoan của tôi, vì vậy đôi khi tôi tự trách mình quá tốt bụng và cảm ơn thần linh vì tôi không có vợ hay con cái, những kẻ luôn cần nhằn và trách cứ khi tôi không lấy trộm của ông nhiều hơn, mặc dù tôi không biết người nào đáng bị lấy trộm hơn ông, Sinuhe, ông chủ yêu quý và cao cả của tôi ạ.

Merit ngả lưng trên thảm của nàng, nhìn tôi tằm tằm cười rồi cười phá lên trước vẻ mặt nghếch ra của tôi vì không hiểu được tất cả những điều Kaptah vừa nói. Kaptah giải thích thêm:

- Thưa ông chủ, ông phải hiểu rằng khi tôi nói về lời lãi và sự giàu có của ông thì đó là lãi ròng và của cải ông có sau khi trừ thuế. Ngoài ra, tôi đã trừ đi từ lợi nhuận đó tất cả quà cáp mà tôi

buộc phải biểu xén cho đám thuế vụ vì cách tính thu chi theo kiểu Syria của tôi và số rượu mà tôi buộc phải cho họ uống để mắt họ nhảy múa khi nhìn những con số của tôi. Số rượu đó không phải là ít vì họ là những bợm rượu, tinh ranh và giàu kinh nghiệm nghề nghiệp. Đây là thời kỳ béo bở nhất cho đám thuế vụ, trước đây họ chưa bao giờ có, nên tôi rất muốn làm một lại viên thu thuế nếu tôi không phải là Kaptah, cha của lúa mạch và bạn của người nghèo. Thỉnh thoảng tôi phát chẩn lúa mạch cho người nghèo để họ cầu nguyện cho tôi, vì cần tắc vô áy náy và nên sống hòa thuận với người nghèo trong thời buổi nhiễu nhương này. Nhưng khoản này, tôi cũng đã trừ từ lợi nhuận của ông và đó là một loại bảo hiểm cho các ngôi nhà của ông trong tương lai, bởi lẽ kinh nghiệm cho thấy những vụ hỏa hoạn dễ dàng bùng phát trong nhà ở và kho chứa ngũ cốc của giới quyền quý và giàu sang trong thời kỳ loạn lạc. Thực lòng mà nói, việc phân phát lúa mạch cho người nghèo là một khoản thu tốt nhất, vì với sự điên rồ của mình, Pharaon đã cho phép được khấu trừ thuế vào lợi nhuận từ số lúa mạch phân phát cho người nghèo và khi phát cho người nghèo một đấu lúa mạch, tôi buộc họ dùng ngón tay điểm chỉ đã nhận được năm đấu, vì người nghèo không biết đọc mà nếu biết, họ vẫn biết ơn khi nhận được dù một ít đại mạch, cầu nguyện cho tôi và điểm chỉ vào mọi bảng đất sét tôi đưa cho họ.

Kể hết từng này việc, Kaptah bắt chéo hai cánh tay trước ngực vẻ mãn nguyện và vươn thẳng cổ chờ đợi lời khen của tôi. Nhưng những lời của ông ấy đã khiến tôi bừng tỉnh, ngẫm nghĩ và cuối cùng tôi hỏi:

- Như vậy chúng ta có nhiều lúa mạch trong kho phải không?

Kaptah hào hứng gật đầu chờ đợi lời cảm ơn, nhưng tôi nói:

- Nếu đúng thế, ông phải mau mau đến nơi ở của những cư dân mới đang làm lụng ở vùng đất bị nguyên rửa và phát lúa mạch cho họ làm giống, vì họ không có hạt giống và hạt họ thu hoạch

đầy vết lốm đốm như thể bị rưới máu. Lũ rút đi rồi, đã đến lúc phải cày bừa và gieo hạt, theo như ta hiểu về việc đồng áng, nên ông phải mau đi đi.

Kaptah nhìn tôi vẻ thương hại rồi lắc đầu nói:

- Ông chủ yếu quý của tôi, ông đừng làm tội cái đầu cao quý của mình với những điều ông không hiểu gì cả mà hãy để tôi nghĩ thay ông. Việc là thế này, lúc đầu những người buôn bán ngũ cốc được lợi từ việc cho cư dân mới vay hạt ngũ cốc vì trong hoàn cảnh nghèo khó, họ buộc phải trả gấp đôi hoặc nhiều hơn số lượng đã vay và nếu họ không trả được, chúng ta cho họ giết bò và lấy da để trả nợ. Nhưng khi ngũ cốc ngày càng đắt lên, việc buôn bán này cũng kém và lợi nhuận ít đi, sẽ tốt hơn nếu vụ xuân này chúng ta để đất nghỉ không gieo hạt vì như vậy giá ngũ cốc sẽ càng lên cao. Có điên khùng mới cho cư dân mới vay lúa mạch làm hạt giống, vì điều này sẽ tổn hại cho lợi tức của chính chúng ta. Nếu tôi làm vậy, tôi sẽ biến tất cả những người buôn ngũ cốc thành kẻ thù của mình.

Nhưng tôi đã quyết nên nghiêm khắc nói với ông ta:

- Hãy làm như ta nói, Kaptah, vì lúa mạch là của ta và bây giờ ta không nghĩ về lợi tức của mình mà nghĩ đến những người đàn ông da bọc xương như những nô lệ ở hầm mỏ, nghĩ đến những người vợ ngực hõm xuống như túi da khô và nghĩ đến những đứa trẻ còm nhom, cà nhắc trên bờ sông với ruồi bu trên mắt. Vì vậy, ta muốn người cho họ tất cả lúa mạch để làm giống và giúp họ mọi cách để họ gieo được hạt. Ta muốn người làm tất cả những điều này vì Aton và vì cả Pharaon Ekhnaton, vì ta yêu đức vua. Nhưng đừng bao giờ cho họ lúa mạch làm quà vì ta đã thấy những món quà chỉ sinh ra bạc nhược, lười biếng và trễ nải, bởi vì họ đã nhận cả đất canh tác lẫn gia súc làm quà mà chúng không đem lại kết quả. Nếu cần, có thể nói với họ bằng gậy của người, Kaptah, và hãy lo sao cho hạt giống được gieo

xuống và lúa mạch được gặt về. Nhưng khi bắt họ trả nợ, người không được tính lãi mà chỉ đòi họ một trả một mà thôi.

Nghe đến đây Kaptah gào lên, vò xé quần áo mình, điều này cũng chẳng ngẫu nhiên bởi quần áo ông ta đã dính đầy vết rượu, và ông ấy nói:

- Một trả một thôi sao, thưa ông chủ? Thế thì tôi trộm từ đâu, vì làm sao có thể lấy cắp lúa mạch của ông khi chỉ bớt xén được từ lời lãi tôi kiếm cho ông. Dù sao đi nữa, điều ông nói thật ngớ ngẩn và báng bổ, vì như thế tôi phải đương đầu với những tay buôn ngũ cốc và với cả các giáo sĩ Amon. Tôi gào gọi thần vì chúng ta đang ở trong phòng kín và không người lạ nào nghe thấy để buộc tội chúng ta. Tôi gào to tên của thần này, thưa ông chủ, vì thần vẫn sống và sức mạnh của thần đáng gờm hơn bao giờ hết, thần sẽ nguyên rửa nhà cửa của chúng ta, ghe thuyền của chúng ta, nhà kho và cửa hàng của chúng ta, cả quán rượu này ngài ta cũng nguyên rửa, nên có lẽ tốt nhất là sang tên cho Merit nếu cô ấy đồng ý. Thật sự tôi rất mừng vì nhiều tài sản của ông được ghi dưới tên người khác bởi như thế, các giáo sĩ không thể biết để phán lời nguyên, cả đám thuế vụ cũng không biết, mặc dù dấu vết họ để lại sạch hơn cả chỏm đầu của người hói. Nói đến sự hói đầu, tôi không muốn xúc phạm ông, thưa ông chủ, vì bây giờ chỉ sau khi ông bỏ tóc giả ra để uống rượu, tôi mới thấy ông đã hơi hói và nếu ông muốn, tôi có thể tìm cho ông một loại kem dưỡng tóc đã niệm bùa ngải rất khéo giúp tóc mọc dài hơn, đồng thời làm các lọn tóc của ông xoắn hơn, và tôi sẽ tặng kem đó cho ông làm quà mà không ghi nó vào bất cứ sổ sách nào, vì tôi lấy nó từ cửa hàng của chúng ta. Tôi có nhiều bằng chứng về tác dụng kỳ diệu của nó, mặc dù một nhân chứng cứ khẳng khẳng kem này làm cái đầu hói của ông ta mọc mớ tóc dày và xoắn như tóc của người da đen, buộc ông ta phải cho cạo trọc đầu, nhưng ông ta say xỉn trước tòa nên tôi không trả cho ông ta nhiều như với những người khác.

Kaptah kể lể tất cả những điều này nhằm kéo dài thời gian để tôi từ bỏ quyết định của mình, nhưng khi thấy tôi vẫn kiên quyết, ông tức giận, la lối và cầu cứu sự giúp đỡ từ các thần mà ông đã học được tên trong các chuyến đi của chúng tôi:

- Thưa ông chủ, có phải ông bị chó dại cắn hay bị bọ cạp đốt không, vì lúc đầu khi ông nói đến việc đó, tôi thực sự nghĩ đây là một trò đùa nhạt phèo. Quyết định này của ông sẽ làm cho chúng ta nghèo đi, nhưng có lẽ bọ hung có thể giúp chúng ta. Mà nói thật lòng, tôi cũng không thích nhìn những kẻ gầy gò nên thường nhìn sang chỗ khác và tôi khuyên ông cũng nên làm như vậy, ông chủ của tôi ạ, vì những gì ta không thấy thì ta không cần biết đến và để an ủi lương tâm mình, tôi đã phân phát đại mạch cho người nghèo và hưởng lợi từ đó nhờ việc đánh thuế ngu ngốc của Pharaon. Nhưng điều khó chịu nhất với tôi trong ý định của ông là ông bắt tôi phải đi những chuyến đi vất vả, phải nhúng chân vào bùn bẩn và nhổ đầu tôi vấp ngã, rơi xuống một con mương trên đường đi thì mạng sống của tôi sẽ ám ảnh lương tâm ông, thưa ông chủ, vì tôi thực sự là một lão già mệt mỏi rồi, chân tay lóng ngóng, run rẩy và hỗn hển thở dốc khi đi bộ, chỉ muốn chiếc giường mềm của mình cũng như các món súp và món rán của Muti.

Nhưng tôi không tỏ ra thương xót mà nhấn tâm nói:

- Đúng là người còn dối trá nhiều hơn trước, Kaptah, vì trong những năm này, người trẻ lại chứ có già đi đâu, tay không còn run như trước, mắt không đỏ khi vừa đến đây mà chỉ sau khi uống quá nhiều rượu. Vậy nên ta giao cho người thực hiện chuyến đi khó khăn này và là thầy thuốc, ta để người chịu tất cả những vất vả trong suốt chuyến đi bởi ta yêu quý người, vì người quá béo và điều đó có hại cho tim người, làm người khó thở và ta hy vọng người gây bớt trong chuyến đi này để có một thân hình ra hồn, cho ta khỏi xấu hổ vì đầy tớ của mình quá béo. Nay Kaptah, hãy nhớ người từng vui sướng thế nào khi chúng ta đi trên những con đường đầy bụi của Babylon, đã thích thú thế

nào khi ngồi trên lưng lừa ở vùng núi Li-băng và còn vui mừng hơn khi được rời khỏi lưng lừa ở Kadesh. Thực tình mà nói, nếu ta trẻ hơn, ý ta là nếu không phải làm nhiều việc quan trọng ở đây cho Pharaon, ta sẽ đi cùng người để thỏa lòng, bởi vì sau chuyến đi này, nhiều người sẽ cầu nguyện cho người.

Trong lúc tôi nói, Kaptah ôm đầu ngẫm nghĩ, chỉ cau mày khi tôi nhắc đến việc cưới lừa và xòe ngón tay làm các phép tính phức tạp. Cuối cùng, ông ấy nói:

- Tôi sẽ phải cố làm tất cả mọi việc trong vụ gieo hạt này, sẽ phải bắt tất cả tôi tớ của mình làm và thuê thêm người giúp để kịp phân phát hạt giống. Tôi cũng cần đưa nhiều thư lại theo để mọi việc được làm đúng theo luật pháp, vì những người phụng sự Aton này là những kẻ rất láu cá và tôi sẽ cho chúng như đòn nếu hạt giống không nảy mầm hay không có gì để thu hoạch. May là chúng ta có đội thuyền của mình nên việc đi lại không quá khó khăn và tôi cũng sẽ đưa đầu bếp theo vì cái bụng bị ông chế giễu của tôi không được khỏe, chỉ tiêu hóa nổi loại thức ăn tốt nhất. Ít nhất tôi cần được khênh trên kiệu qua mương rạch bởi vì hãy nhìn tôi, thưa ông chủ, nhảy chơi chơi qua mương rạch có xứng với địa vị của tôi không, nếu tôi có thể làm được điều đó với đôi chân đã già và cứng của mình? Còn những lời khác của ông có thể là khôn ngoan, vì lũ con gái trong các nhà vui đã bắt đầu cười nhạo tôi, bụng tôi to phệ làm tôi mất hứng khi vui vẻ với đàn bà, bởi tôi thở mạnh quá khi muốn cố sức vui vẻ với họ và điều này khiến tôi buồn, vì tôi có đủ vàng để vui vẻ với bất kỳ người đàn bà nào ở Thebes nếu tôi thích. Tuy nhiên, ông không nên hiểu là tôi lãng phí vàng của mình vào đám đàn bà con gái, vì tôi không hề ngu dại đến mức ấy mà biết rõ rằng một đứa nô tỳ ngốc nghếch cũng được việc như gái làng chơi xúc dầu thơm và đeo vòng vàng nơi cánh mũi. Nhưng tôi không nên nói với ông về đàn bà vì ông vẫn chưa hiểu gì về họ và niềm vui cuộc sống, mà mặt ông vẫn ử ử như trước. Tôi hy vọng nhờ bọ hung mà quyết định điên rồ của ông sẽ đem lại cho chúng ta may mắn chứ không phải tai họa, vì vậy tôi sẽ làm vô số việc mà không

hoài công nói với ông, bởi vì ông sẽ không hiểu gì về chúng cả. Tôi chỉ ước ông bị ai đó bắt đi một chuyến khó khăn hơn vì một quyết định điên rồ kiểu này, để ông có thể cảm nhận bằng xương bằng thịt mình những gì ông buộc tôi làm bây giờ.

Ước muốn này của ông ấy chẳng bao lâu đã thành hiện thực, như sau này tôi sẽ kể. Còn khi ấy, chúng tôi không tranh cãi nữa, mà Kaptah phục tùng quyết định của tôi và chúng tôi ngồi uống rượu đến tận khuya, cả Merit cũng uống với chúng tôi và để lộ đầu gối màu nâu của nàng cho tôi áp miệng vào đó. Kaptah kể cho chúng tôi nghe ký ức của ông ấy về những con đường và nền đất nện ở Babylon, và nếu ông ấy thật sự đã kịp làm tất cả những gì ông ấy kể thì chắc chắn tôi đã mù và điếc vì Minea. Vì tôi không quên Minea, dù đêm đó tôi nằm trên thảm của Merit và vui vẻ với nàng để trái tim tôi ấm áp và nỗi cô đơn của tôi tan chảy. Nhưng tôi không bảo nàng là em gái của mình, mà làm tất cả những điều này vì nàng là bạn tôi, và điều nàng đem đến cho tôi là điều thân thiết nhất mà một người đàn bà có thể làm cho một người đàn ông. Vì vậy, tôi đã sẵn sàng đập vỡ vò với nàng, nhưng nàng không đồng ý vì nàng sinh ra trong một quán rượu, còn tôi, theo nàng, lại quá quyền quý và giàu sang với nàng. Nhưng tôi nghĩ nàng chỉ muốn giữ tự do cho mình để tôi có thể làm bạn với nàng mãi mãi.

4

Hôm sau tôi phải đến cung điện để diện kiến Hoàng thái hậu, người mà cả Thebes gọi là phù thủy, phù thủy da đen, vậy nên không cần giải thích với người khác khi nói đến phù thủy. Tuy nhiên, tôi nghĩ cho dù Hoàng thái hậu rất thông thái và tài giỏi, nhưng chính bà khiến người đời gọi mình như thế vì bà thật sự là một bà già độc ác, xảo quyệt và quyền lực to lớn đã xóa sạch mọi điều tốt đẹp từng có ở bà. Nhưng ở trên thuyền, khi tôi vừa mặc xong trang phục vải lanh hoàng gia và đeo lên người những biểu tượng danh giá của mình, đầu

bếp Muti từ ngôi nhà ngày trước là xưởng đúc đồng đến và giận dữ nói với tôi:

- Đội ơn cái ngày đã đưa ông trở về nhà, thưa ông chủ, nhưng cả đêm ông lại la cà, vạ vật ở các nhà vui theo đúng thói quen của lũ đàn ông mà không thèm về ăn sáng, mặc dù tôi đã rất vất vả để chuẩn bị những món ăn ngon cho ông; tôi đã thức đêm để nướng và rán, lấy gậy đánh lũ nô lệ lười biếng để bắt chúng dọn dẹp nên bây giờ cánh tay phải của tôi rã rời và đau nhức. Tôi đã già và mệt mỏi, không tin vào lũ đàn ông nữa, mà cái cách ông xử sự vào tối qua rồi sáng nay hoàn toàn không làm suy nghĩ của tôi về đàn ông tốt đẹp hơn. Vậy nên bây giờ về nhà ăn sáng ngay và mang theo cả ả đi đó nếu ông không thể thiếu ả ta dù chỉ một ngày.

Bà ấy nói như thế mặc dù tôi biết bà rất quý mến và ngưỡng mộ Merit, nhưng đó là cách nói của bà và tôi đã quen với nó khi còn là thầy thuốc của người nghèo sống trong ngôi nhà từng là xưởng đúc đồng, nên những lời nói cay nghiệt của bà êm dịu trong tai tôi và tôi thấy mình đã trở về nhà. Vì vậy, tôi vui lòng đi theo bà và nhắc cho Merit ở Đuôi Cá Sấu; và khi mệt mỏi lê bước bên cạnh kiệu của tôi, Muti vẫn không ngớt rầy la:

- Tôi từng nghĩ ông đã đắm tính lại và học sống đàn hoàng khi được ở nơi hoàng cung, nhưng dường như ông không học được gì mà vẫn phóng túng như trước, dù tôi nghĩ tôi đọc được sự bình yên và thanh thản trên khuôn mặt ông khi nhìn thấy ông ngày hôm qua. Tôi cũng mừng trong bụng khi thấy má ông bầu bĩnh hơn, vì khi mập ra đàn ông trầm tĩnh lại và chắc chắn không phải lỗi của tôi nếu ông gây đi khi ở Thebes, mà lỗi là bản tính hoang tàng của chính ông, vì tất cả đàn ông đều giống nhau và tất cả những điều xấu xa trên thế giới đều bắt nguồn từ cái của nợ nhỏ bé mà họ giấu trong chiếc khố của mình vì họ xấu hổ về nó và tôi không hề lấy làm ngạc nhiên mà nói với họ.

Bà ấy tiếp tục lảm nhảm như thế khiến tôi nhớ đến mẹ Kipa và nước mắt chực trào ra nếu như tôi không vội vàng gắt:

- Im ngay đi, bà già kia, vì lời bà làm xáo trộn suy nghĩ của tôi và như tiếng ruồi vo ve trong tai tôi.

Bà ấy im bặt và rất vui sướng vì đã buộc tôi phải hét lên với mình và như vậy mới thật sự thấy chủ của mình đã trở về nhà.

Muti đã dọn nhà rất sạch đẹp để đón tôi, nhiều vòng hoa được buộc vào hàng cột hiên, sân và cả đoạn đường trước sân cũng được quét sạch, xác mèo trước cửa nhà đã được vớt sang trước nhà hàng xóm. Bà còn thuê trẻ em đứng trên đường phố reo to:

- Đội ơn ngày lành đưa ông chủ chúng ta về nhà.

Nhưng bà ấy làm vậy vì bà rất khổ tâm với việc tôi không có con và bà chỉ cần tôi có những đứa trẻ này mà không cần vợ, nhưng làm sao được như thế thì tôi không thể giải thích nổi. Nhưng bà nghĩ thế nên tôi cho bọn trẻ đồng và Muti phát cho chúng bánh mật ong nên bọn trẻ ra về rất sung sướng. Merit cũng đến, ăn vận thật đẹp, trên đầu nàng cài hoa và tóc lấp lánh dầu xức làm Muti khóc sục sịt và chùi mũi khi giọt nước lên tay chúng tôi. Thức ăn bà nấu ngọt lịm trong miệng tôi vì đó là những món ăn của Thebes và khi ở Akhetaton tôi đã quên rằng thức ăn ở nơi nào cũng không thể sánh với đồ ăn Thebes. Nhưng có lẽ cơn đói của tôi là do Merit gây nên, vì nàng khiến cả tâm hồn lẫn thể xác tôi đều trở lại. Muti luôn mồm lảm nhảm khi tiếp đồ ăn cho cả hai chúng tôi:

- Chắc ông trách tôi lắm, thưa ông chủ, vì chim này rán hơi quá lửa và tôi không vừa lòng chút nào với nước xốt. Cô nếm chưa, Merit, đây là lỗi của chồi cọ, tôi nghiền với bầu dục. Tôi thường nấu món này rất ngon, nhưng tất nhiên hôm nay nó hơi quá nhừ. Còn ông, thưa ông chủ, ông không hề biết tôi đã nói điều này bao nhiêu lần với người phụ nữ xinh đẹp và danh giá này, tôi không ngớt cảnh báo cô về ông, cho cô thấy tính khí ông thất

thường, hay thay đổi như thế nào, bản chất ông là ngu ngốc và điên rồ, nhưng cô không tin vào lời tôi và tôi không hiểu cô thấy gì ở ông khi ông lại còn hỏi thế này. Nhưng khi còn trẻ, đàn bà cũng điên rồ như đàn ông và họ bị cái của nợ ấy của đàn ông cuốn hút, mà thôi, lần này tôi không thêm nhắc đến nữa, nhưng ông biết rõ tôi muốn nói gì và tôi nghĩ Merit cũng biết, vì cô ấy không còn thật trẻ nữa. Tuy nhiên, kinh nghiệm vẫn tốt với cả đàn bà lẫn đàn ông và càng quan trọng hơn với đàn bà, vì nó dạy họ cẩn trọng trong quan hệ với đàn ông và không dễ tin những lời lừa dối. Những con cá nhỏ này, chính tôi ngâm trong dầu theo cách của người Hy Lạp mà tôi nghĩ người Hy Lạp cũng không ngâm được tốt hơn, mặc dù cá lần này đã hơi có mùi ôi ôi.

Tôi cảm ơn Muti và tám tắc khen tài nấu nướng của bà khiến bà rất vui lòng, mặc dù ra sức cau mày, khịt mũi và Merit cũng khen bà. Tôi không biết bữa ăn trong ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng này có gì đặc biệt hay đáng nhớ không, nhưng tôi kể về nó cho chính mình, bởi lúc đó tôi cảm thấy hạnh phúc và nói:

- Đồng hồ nước ơi hãy dừng lại và nước ơi đừng chảy nữa, vì thời khắc này thật tuyệt và ta không muốn thời gian trôi đi nữa để giây phút này không bao giờ mất.

Nhưng khi chúng tôi đang ăn, một nhóm người từ khu phố nghèo, ăn vận quần áo đẹp nhất và xúc dầu lên mặt như vào ngày lễ thánh, kéo đến tập trung trong sân nhà tôi để chào tôi và phàn nàn với tôi về bệnh tật và những cơn đau của họ:

- Sinuhe, chúng tôi mong chờ ông lắm vì khi ông ở bên chúng tôi, chúng tôi đã không coi trọng ông đúng mức nhưng khi ông đi khỏi, chúng tôi mới nhận ra ông đã tốt như thế nào với chúng tôi, chúng tôi đã thiệt thòi biết bao nhiêu khi mất ông.

Họ mang quà cho tôi, những món quà nhỏ mọn và bình thường, bởi họ nghèo hơn trước rất nhiều vì thần của Pharaon Ekhnaton. Người thì mang cho tôi một đầu yến mạch, người thì

mang cho tôi con chim họ ném được bằng cành cây, có người mang chà là khô và có người mang hoa vì họ không còn gì khác để mang đến và khi nhìn thấy số hoa trong sân nhà mình, tôi không còn ngạc nhiên vì sao những vườn hoa ở hẻm Nhân Sư lại trơ trụi và như bị vật trộm. Trong số họ có viên ký lục già đầu vẹo sang bên vì cái bướu ở cổ và tôi ngạc nhiên vì ông vẫn còn sống. Trong số họ có nô lệ được tôi chữa lành các ngón tay, tự hào giơ và cử động các ngón cho tôi xem, anh ta chính là người mang đầu yếm mạch đến, vì vẫn còn làm việc ở cối xay nên có thể lấy trộm từ đó. Trong số họ có người mẹ dẫn đứa con trai đến gặp tôi, cậu bé đã lớn đẹp và khỏe mạnh; mắt bị đánh thâm tím và chân có vết sứt xước, cậu tự hào khoe sẽ đánh bại bất cứ cậu bé nào bằng tuổi trong xóm. Trong số họ có cô gái bán hoa từng được tôi chữa lành mắt và chính là người khiến tôi không bao giờ hết việc vì đã bảo tất cả con gái trong nhà vui đến chỗ tôi để tôi cắt tẩy những vết chàm và mụn cóc trên da. Tất cả đều mang quà đến cho tôi và nói:

- Sinuhe, đừng chê quà của chúng tôi, mặc dù ông là danh y hoàng gia và ông sống trong cung điện của vua, vì chúng tôi rất vui khi gặp lại ông, chỉ cần ông đừng nói với chúng tôi về Aton nữa.

Tôi không nói với họ về Aton, mà tiếp từng người một tùy theo cơn đau của họ, lắng nghe những lời kêu van của họ, viết toa thuốc và chữa trị cho họ. Merit cởi bỏ bộ đồ đẹp của nàng để nó không bị vấy bẩn và giúp tôi rửa những ổ áp xe, làm sạch dao của tôi trên lửa và khuấy thức uống giảm đau cho những người có răng đau phải nhổ. Mỗi lần nhìn nàng tôi lại thấy vui và thỉnh thoảng tôi lại nhìn nàng giữa chừng, vì nàng rất đẹp, thân hình đầy đặn và mảnh mai; nàng không ngượng ngịu mặc dù phải bỏ bớt xống áo để làm việc như những đàn bà bình dân trong khi lao động và không bệnh nhân nào của tôi ngạc nhiên về điều đó vì họ có quá nhiều điều phải suy nghĩ về bệnh tật của mình.

Thế là thời gian của tôi trôi đi khi tiếp nhận bệnh nhân, như trước đây, và khi nói chuyện với họ, tôi vui mừng vì kiến thức và tài năng của mình có thể giúp họ và vui vì vừa làm việc vừa được ngắm nhìn Merit, người bạn của tôi. Nhiều lần tôi hít vào thật sâu và nói:

- Đồng hồ nước ơi hãy dừng lại, nước ơi đừng chảy vì khoảnh khắc đẹp như thế này của tôi không thể kéo dài lâu hơn nữa.

Như thế, tôi hoàn toàn không nhớ rằng mình phải đến hoàng cung và chuyển viếng thăm của tôi đã được thông báo cho Thái hậu. Nhưng tôi nghĩ là tôi không nhớ ra vì không muốn nhớ khi tôi đang hạnh phúc.

Cuối cùng, khi bóng chiều ngả dài và sân nhà tôi vắng lặng hẳn, Merit giội nước lên tay tôi và giúp tôi rửa tay, tôi cũng giúp nàng rửa tay và thấy thật vui khi làm việc đó. Nhưng khi tôi muốn chạm tay tôi vào má nàng và môi tôi vào môi nàng thì nàng đã đẩy tôi ra và nói:

- Sinuhe, hãy nhanh nhanh đi gặp mục phu thủy của anh đi, đừng chần chừ nữa, để có thể trở về trước khi đêm đến, vì em nghĩ tấm thảm của em đang nôn nóng chờ anh. Thật vậy, em cũng như tấm thảm trong phòng mình đang nóng lòng đợi anh, dù em không hiểu vì sao lại vậy, Sinuhe ạ, bởi vì dù chân tay của anh rất mềm, thịt da anh mềm nhão và em cũng không nói là anh biết vuốt ve, nhưng với em, anh vẫn đặc biệt hơn tất cả những người đàn ông khác, vì thế em hiểu rõ tấm thảm của mình.

Nàng quàng buộc lại các tước hiệu của tôi quanh cổ tôi, đặt mái tóc giả danh y lên đầu tôi và lấy tay vuốt ve má tôi khiến tôi không hề muốn rời nàng đến hoàng cung, mặc dù tôi vô cùng hoảng hốt khi chợt nhớ đến Thái hậu. Tôi giục nô lệ chạy, thúc họ bằng gậy và bạc, tôi cũng dùng gậy và bạc đốc thúc những người chèo thuyền làm nước kêu rào rào trước mũi thuyền khi

chúng tôi chèo đến bên tường thành của hoàng cung. Cứ như vậy, thuyền của tôi cập bến và tôi kịp vào hoàng cung khi mặt trời vừa chìm xuống sau dãy núi phía tây và các vì sao lấp lánh trên bầu trời.

Nhưng trước khi kể về cuộc trò chuyện của tôi với Thái hậu, tôi phải kể rằng trong suốt những năm này, bà chỉ đến thành phố Akhetaton hai lần để gặp con trai mình và cả hai lần đều khiến trách ngại về sự điên rồ của ngài, khiến Pharaon Ekhnaton rất buồn vì ngài yêu quý Thái hậu và mù quáng vì người, như đám con trai thường mù quáng vì mẹ mình cho đến khi lấy vợ mới nhờ vợ mà sáng mắt ra. Nhưng Nefertiti đã không giúp Ekhnaton mở mắt được chỉ vì cha của người. Tôi buộc phải thừa nhận rằng trong thời gian này giáo sĩ Eje và Thái hậu Teje hoàn toàn tự do sống với nhau, thậm chí không thêm giấu giếm hạnh phúc mà cùng nhau xuất hiện và theo sát nhau từng bước như thể canh chừng cho nhau. Tôi không biết liệu hoàng gia đã bao giờ trải qua nỗi nhục công khai đến mức như vậy chưa, nhưng có lẽ những điều như thế không được ghi chép lại mà bị chôn vùi và lãng quên theo những người từng là nhân chứng. Nhưng tôi vẫn không muốn nói gì về dòng dõi của Pharaon Ekhnaton mà tin rằng dòng dõi của ngài là linh thiêng, vì nếu trong huyết quản của ngài không có dòng máu hoàng tộc của cha mình thì trong huyết quản ấy hoàn toàn không có dòng máu hoàng gia, vì ngài không được thừa hưởng dòng máu hoàng tộc từ mẹ mình, khi đó ngài đúng là một pharaon giả, như các giáo sĩ đã tuyên bố, và mọi điều đã xảy ra sẽ còn sai trái hơn, vô ích và điên rồ hơn. Vì vậy, tôi hoàn toàn không muốn tin vào các giáo sĩ mà tin vào lý trí và trái tim mình hơn.

Dù sao, Thái hậu Teje đã tiếp tôi trong sảnh riêng của bà, nơi có rất nhiều loài chim nhỏ đã bị cắt ngắn lông cánh, nháy nhót, riu rít trong lồng. Có vẻ như Thái hậu vẫn chưa quên được việc mình đã làm thời trẻ, vẫn thích dùng nhựa và giăng lưới bắt chim trong vườn thượng uyển. Khi tôi đến gần, bà đang bện

thảm tử những cộng sậy được nhuộm màu, cái kính chào tôi và mắng tôi đã đến muộn rồi hỏi:

- Bệnh điên của con trai ta đã đỡ chút nào chưa, hay đã đến lúc phải khoan sọ của nó, vì nó nói quá nhiều về Aton của mình khiến dân chúng không yên, điều mà giờ đây không cần thiết nữa, bởi vì thần giả đã bị lật đổ và không còn ai tranh giành quyền lực với Aton.

Tôi kể cho Thái hậu nghe về sức khỏe của Pharaon Ekhnaton, về các công chúa nhỏ, những trò họ thích chơi, những con linh dương và chó cũng như những chuyến chèo thuyền trên hồ thánh Akhetaton của họ cho đến khi Thái hậu nguôi giận và cho phép tôi ngồi cạnh chân bà và mời tôi bia. Nhưng Thái hậu mời tôi bia hoàn toàn không phải vì hà tiện, mà giống như những dân quê, bà thích bia hơn rượu; bia của bà rất mạnh và ngọt, bà có thể uống nhiều hũ một ngày, đến nỗi vì bia cơ thể bà phồng căng và mặt bà cũng phị ra góm ghiếc, nên khuôn mặt bà quả thực trông giống như mặt người da đen, cho dù da không đen đến thế. Nếu có dịp diện kiến bà, chắc không ai có thể nghĩ bà già phì nộn này từng chiếm được trái tim của Pharaon Đại đế bằng sắc đẹp của mình trước đây. Vì thế dân chúng mới nói bà đã giành được sự sủng ái của Pharaon nhờ ma thuật của người da đen, bởi hiếm khi một pharaon phong một cô gái bầy chim bên bờ sông làm hoàng hậu vĩ đại.

Khi uống bia, Thái hậu bắt đầu nói chuyện với tôi một cách tin cậy và cởi mở; điều đó không có gì lạ, vì tôi là thầy thuốc và đàn bà thường tin thầy thuốc hơn người khác, về mặt này Thái hậu Teje không khác những người phụ nữ khác. Nhưng thông thường khi cảm thấy cái chết đang cận kề, con người ta bắt đầu nói chuyện với người lạ cởi mở hơn và tin cậy hơn là với những người thân cận của mình, đây là chỉ dấu báo hiệu cái chết, mặc dù bản thân người đó thường không nhận ra, vì vậy tim tôi dần ớn lạnh trong khi bà nói với tôi về tin cậy đến phát sợ. Và tôi hỏi về những lần đau yếu của bà, nhưng bà cười tôi và nói không

thấy có bệnh gì ngoại trừ bệnh do bia gây nên và bụng đầy hơi, nhưng tôi hoài công khuyên bà từ bỏ bia vì bà không có ý định từ bỏ nó, không coi bia là nguy hiểm và vẫn chưa mơ thấy con hà mã nào.

Bia khiến bà hào hứng khi tiếp chuyện tôi:

- Sinuhe, người mà con trai ta với sự ngu ngốc của mình đã đặt cho tên Người Cô Đơn, mặc dù người không có vẻ cô đơn chút nào và ta cực rảnh rỗi đêm đêm ở Akhetaton, người vui vẻ với nhiều phụ nữ khác nhau, vì ta quá biết những mụ đàn bà ở Akhetaton. Sinuhe, người là một người trầm tĩnh, có lẽ là trầm tĩnh nhất trong số những người ta biết và sự trầm tĩnh của người thực sự khiêu khích ta, nên ta chỉ muốn lấy kim đồng hồ người để nhìn người nhảy dựng và hét lên. Ta không biết người lấy tính trầm tĩnh này từ đâu, nhưng người chắc chắn là người tốt bụng, mặc dù ta không hiểu con người ta được lợi lộc gì khi tốt bụng cơ chứ, vì ta nhận thấy chỉ những kẻ ngu ngốc, không biết làm gì mới tốt bụng. Dù sao, sự có mặt của người làm ta vô cùng yên tâm và ta muốn nói với người rằng Aton này, vị thần mà trong cơn ngu dốt của mình ta đã bỏ mặc, đang khiến ta rất lo lắng. Ta không muốn mọi chuyện đi quá xa như thế này mà chỉ nghĩ ra Aton để lật đổ Amon, để quyền lực của ta và con trai ta lớn mạnh hơn, và thực ra Aton là do Eje nghĩ ra; Eje là chồng ta như người biết hoặc có thể người thực sự ngây thơ đến mức không biết, nhưng cứ nói thẳng ra ông ấy là chồng ta, mặc dù chúng ta không thích hợp để cùng nhau đập bể vỏ. Ta chỉ muốn nói là Eje đáng nguyên rủa đó, tình lực giờ đây không hơn nắm vú con bò, đã mang Aton theo ông ta từ Heliopolis đến và đầu độc thẳng bé. Ta thực sự không hiểu con trai ta nghĩ nó sẽ tìm thấy gì ở thần ấy, nhưng hồi nhỏ nó có những giấc mơ vào ban ngày và ta không thể nghĩ gì khác hơn là nó bị điên và sợ nó cần được khoan. Ta cũng không hiểu điều gì trù yểm nó khi vợ nó, con gái xinh đẹp của Eje, chỉ sinh cho nó toàn con gái, mặc dù các phù thủy yêu quý của ta đã cố giúp hết sức. Ta cũng không hiểu tại sao thiên hạ lại ghét các phù thủy của ta, vì họ là

những người rất đáng yêu, mặc dù họ là người da đen, xâu ngà voi vào mũi, căng môi và kéo đầu con cái họ. Nhưng ta biết dân chúng căm thù họ nên ta phải giấu họ trong hang của hoàng cung, vì nếu không họ sẽ bị giết, mà ta lại không thể từ bỏ họ, vì không ai biết cù lòng bàn chân ta như họ và chế cho ta các loại thuốc để nhờ chúng ta được tận hưởng khoái lạc của đàn bà. Nếu người nghĩ ta không còn chút vui thú nào từ Eje thì người đã nhầm to, mà ta cũng thực không hiểu tại sao ta lại bám lấy ông ta như vậy, mặc dù hạ bệ ông ta thì tốt hơn. Ý ta muốn nói là tốt hơn cho bản thân ta. Nhưng có lẽ ta không thể loại bỏ ông ta được nữa dù ta muốn và cả điều này cũng khiến ta lo lắng. Vì thế ta chỉ còn có niềm vui duy nhất bên những người da đen thân yêu của mình.

Thái hậu khẽ cười khinh khích một mình như các bà thợ giặt ở bên cạnh cười khi họ uống bia và khi họ đang vui. Vừa cười khinh khích bà vừa nói tiếp:

- Những người da đen này của ta là những thầy thuốc lành nghề, Sinuhe ạ, mặc dù dân chúng gọi họ là phù thủy nhưng đó chỉ là do ngu dốt mà thôi, và cả người cũng nên học thêm kỹ năng của họ, nếu người bỏ qua định kiến về màu da lẫn mùi của họ và nếu họ bằng lòng truyền cho người kỹ năng của mình, điều mà ta không tin, vì họ luôn giấu kín. Màu da của họ ấm áp, mùi của họ không khó chịu mà nếu quen sẽ làm ta vui và phấn khích, và một khi đã quen rồi sẽ không sống thiếu nó được nữa. Ta có thể kể cho người, Sinuhe, vì người là danh y và chính vì vậy không thể tiết lộ điều ta nói, rằng đôi khi ta cũng vui vẻ với họ, vì là thầy thuốc, họ đã kê đơn thuốc đó cho ta và mục già như ta đôi lúc cũng phải được tận hưởng lạc thú. Nhưng ta vui thú không phải để trải nghiệm điều gì đó mới mẻ, giống như đám cung nữ lằng lộn trong cung vui thú với người da đen khi đã nếm đủ mọi thứ và chán mọi khẩu vị nên cho rằng thịt thối rửa đến mức thích hợp mới là món ngon nhất. Không, ta hoàn toàn không vì lý do này mà yêu những người da đen của mình, vì máu của ta còn tươi trẻ và đỏ, không cần những chất kích thích

nhân tạo, mà người da đen là bí ẩn đối với ta, giúp ta đến gần hơn với nguồn sống ấm áp, gần hơn với bùn đất, mặt trời và muông thú. Tuy nhiên, ta khuyên người không nên tiết lộ chia sẻ này của ta với người khác, nhưng nếu người tiết lộ cũng không sao, vì ta luôn có thể nói rằng điều đó là do người bịa đặt. Dân chúng lại tin tất cả những gì người ta kể về ta nên danh tiếng của ta đối với thần dân không còn có thể bị tổn hại hơn thế nữa và do đó người nói gì với mọi người không quan trọng, song ta vẫn khuyên người không nên kể vì người là một người tốt, còn ta thì không.

Thái hậu buồn hẳn và không uống bia nữa mà tiếp tục đan tấm thảm sậy bằng những thân sậy sắc sỡ, còn tôi nhìn chăm chăm vào những ngón tay đen sạm của bà bởi tôi không dám nhìn thẳng vào mắt bà. Vì tôi im lặng và không hứa gì nên bà tiếp tục:

- Chỉ với lòng tốt, con người sẽ không đạt được bất cứ điều gì, mà điều duy nhất có chút ý nghĩa trên đời là quyền lực. Nhưng chính những người sinh ra nơi quyền lực lại không thể hiểu giá trị của quyền lực, mà chỉ có những người sinh ra giữa các ngón chân đầy phân như ta mới hiểu được giá trị của nó. Quả thật, Sinuhe, ta nhận ra giá trị của quyền lực và tất cả những gì ta đã làm là vì quyền lực, là để giữ quyền lực cho con trai ta và cho con trai của con trai ta, để dòng máu của ta sẽ sống mãi trên ngai vàng của pharaon, và ta đã không từ bất cứ việc gì nhằm đạt được điều đó. Có thể những việc ta làm là xấu xa trước các vị thần, nhưng thành thật mà nói ta không quan tâm lắm đến thần linh vì các pharaon là những người cao hơn các vị thần và cuối cùng không có việc tốt hay xấu, mà việc tốt là việc đã thành công, việc xấu là việc thất bại và bị bại lộ. Tuy nhiên, đôi khi trái tim ta rung động và ruột gan như tan thành nước khi ta nghĩ về những việc mình làm, vì ta chỉ là đàn bà và tất cả đàn bà đều mê tín, nhưng trong việc này ta hy vọng những người da đen của ta có thể giúp ta. Ta hết sức kinh hoàng khi thấy Nefertiti sinh hết đứa con gái này đến đứa con gái khác, vì bốn lần liên tiếp nó đã sinh con gái và mỗi lần nó sinh, ta thấy như

thể mình đã ném hòn đá ra sau lưng nhưng rồi lại thấy nó trước mặt trên đường mình đi, ta không giải thích được điều này, nhưng sợ rằng bằng những việc làm của mình, ta đã gây ra lời nguyên độc địa luôn rình rập ta phía trước.

Bà ta lấm bầm vài lời cầu nguyện giữa đôi môi dày và luống cuống xê dịch hai bàn chân to trên sàn, nhưng những ngón tay vẫn thoăn thoắt, khéo léo luồn những cây sậy màu đan tiếp tấm thảm và tôi chăm chăm nhìn những ngón tay đen sạm của bà ta mà tim ớn lạnh. Vì bà ta đan tấm thảm sậy bằng những mũi đan của người săn chim, và tôi biết những mũi đan này, là những mũi đan hiếm gặp của miền Hạ mà khi còn là một cậu bé, tôi đã nhìn thấy chúng trong nhà bố tôi, trên chiếc thuyền sậy đầy bồ hóng treo trên giường của mẹ tôi. Khi nhận ra điều này, lưỡi tôi khô lại và chân tay tôi cứng đờ, vì vào đêm tôi ra đời, một làn gió tây nhẹ nhẹ thổi qua, đưa chiếc thuyền sậy trôi xuôi dòng sông vào mùa nước lũ và nó đã dạt vào bờ gần nhà của bố tôi. Ý nghĩ nảy sinh trong tôi, khi tôi nhìn những ngón tay đan của Thái hậu, khủng khiếp và điên rồ đến nỗi tôi không muốn nghĩ về nó mà chỉ tự nhủ rằng bất cứ ai cũng có thể dùng những mũi đan của người bẫy chim để đan một chiếc thuyền sậy. Nhưng những người bẫy chim hành nghề của họ ở miền Hạ, chứ tôi chưa thấy ai ở Thebes đan những mũi đan tương tự. Vì thế khi còn nhỏ, tôi thường nhìn chăm chăm vào chiếc thuyền sậy đầy bồ hóng với những thân sậy bị mủn và ngạc nhiên trước những mũi đan giữ chúng lại với nhau, mặc dù lúc ấy tôi không hề biết chiếc thuyền sậy đó liên quan gì đến số phận của mình.

Nhưng Thái hậu Teje vĩ đại không nhận thấy sự ớn lạnh kinh hoàng của tôi, cũng không cần câu trả lời, mà chìm vào suy nghĩ và ký ức của riêng mình rồi nói:

- Sinuhe, có lẽ ngươi nghĩ ta là một mẹ đàn bà xấu xa và đáng ghét, khi ta bộc bạch với ngươi như thế, nhưng đừng quá khắt khe với những việc làm của ta mà hãy thử hiểu ta. Thật không dễ dàng để một cô gái bẫy chim nghèo khổ đến được hậu cung

của Pharaon, nơi cô ta bị khinh thường vì làn da sẫm màu và đôi chân quá cỡ, bị hàng ngàn mũi kim đâm chọc và không gì cứu giúp được cô ta ngoài tính khí thất thường của Pharaon cùng với vẻ đẹp và sự trẻ trung của thân thể cô. Có lẽ người không ngạc nhiên khi ta tìm mọi cách chinh phục trái tim của Pharaon, đêm đêm tập cho ngài quen dần với những tập tục kỳ lạ của người da đen cho đến khi người không thể sống thiếu những cái vuốt ve âu yếm của ta và để ta cai trị Ai Cập thông qua người. Bằng cách đó, ta đã đánh bại mọi mưu mô trong cung đình, tránh được mọi cạm bẫy và xé toạc mọi tấm lưới người ta giăng chặn trên đường ta đi, ta cũng không ngại trả thù nếu ta có lý do làm điều đó. Rồi ta lấy nỗi sợ hãi khóa miệng lưỡi của mọi người xung quanh ta và thống trị hoàng cung theo ý muốn của ta, và ý muốn của ta là không một phi tần nào được sinh con trai cho Pharaon cho đến khi ta sinh được con trai cho ngài. Vì vậy, không phi tần nào trong hậu cung của Pharaon sinh được con trai cho Pharaon, và khi những đứa con gái của ngài được sinh ra, ta gả chúng cho các quý tộc ngay khi chào đời. Ý chí của ta mạnh như vậy, nhưng lúc đó bản thân ta cũng không dám sinh đẻ, sợ rằng mình sẽ xấu đi trong mắt ngài, vì lúc đầu ta chỉ có thân xác để điều khiển ngài cho đến khi kịp quán trái tim ngài vào ngàn tấm lưới. Nhưng ngài bắt đầu già đi và những cái vuốt ve âu yếm mà ta dùng để trói buộc ngài đã làm ngài yếu đi, vì vậy khi thời điểm chín muồi để sinh nở, ta đã sinh con cho ngài nhưng trời ơi lại là một đứa con gái. Nhưng nó đã lớn lên, là Baketaton đấy, và ta chưa gả nó cho ai mà nó vẫn là một mũi tên trong ống tên của ta, vì người khôn ngoan giữ nhiều mũi tên trong ống chứ không chỉ trông vào một mũi tên duy nhất. Thời gian trôi đi và ta đã sống trong nỗi thống khổ cùng cực cho đến cuối cùng ta sinh được cho ngài một đứa con trai, mặc dù con trai ta mang đến cho ta ít niềm vui hơn ta mong đợi vì nó bị điên, vì thế ta gửi gắm hy vọng vào con trai của nó, tuy đứa bé vẫn chưa chào đời. Quyền lực của ta lớn đến mức không một phi tần nào trong hậu cung của Pharaon sinh được con trai cho ngài suốt ngàn ấy năm mà chỉ sinh rất con gái.

Sinuhe, với tư cách là một danh y, người có thừa nhận rằng tài năng và phép thuật phù thủy này của ta rất kỳ lạ không?

Lúc đó tôi run lên, nhìn thẳng vào mắt bà ta và nói:

- Phép thuật của người quá đơn giản và đáng khinh, thưa Thái hậu vĩ đại, vì Thái hậu đan nó vào những thân sậy loang lổ bằng ngón tay mình, khiến ai cũng có thể nhận ra.

Bà ta đánh rơi những thân sậy như thể chúng đốt cháy ngón tay bà và đôi mắt đỏ mọng vì bia của bà đảo đi đảo lại một cách sợ hãi khi bà nói:

- Sinuhe, cả người cũng là một phù thủy hay sao mà nói như thế, hay là bàn dân thiên hạ đã biết điều đó rồi?

Tôi đáp:

- Dân chúng biết tất cả, mặc dù không ai nói với họ, vì trước sau gì cũng không giấu được họ. Có thể không ai nhìn thấy những việc người làm, thưa Thái hậu vĩ đại, nhưng đêm đen nhìn thấy người và gió đêm thì thầm những việc làm của người vào biết bao nhiêu đôi tai và người không thể chặn tiếng thì thầm của gió, cho dù người có thể khóa miệng lưỡi mọi người. Tuy nhiên, tấm thảm được ngón tay Thái hậu đan dệt là một tấm thảm ma quỷ tuyệt đẹp và thần sẽ rất biết ơn nếu Thái hậu tặng cho thần làm quà, vì thần sẽ rất quý và trân trọng tấm thảm của người, chắc chắn là hơn bất kỳ ai khác mà Thái hậu định tặng nó.

Thái hậu dần bình tĩnh lại trong lúc tôi nói, tiếp tục đan với những ngón tay run rẩy và uống bia. Khi tôi dứt lời, bà ta nhìn tôi đầy gian xảo và nói:

- Có lẽ ta sẽ tặng tấm thảm này cho người, Sinuhe, khi ta làm xong nó. Đây là tấm thảm đẹp và đắt tiền vì chính tay ta đan nó và như vậy nó là tấm thảm hoàng gia. Người tặng quà muốn được đền đáp, vậy người định tặng lại ta quà gì, Sinuhe?

Tôi bật cười và đứng dưng đáp:

- Thưa Thái hậu, người sẽ được nhận lưỡi của thần. Nhưng thần mong Thái hậu cho phép thần giữ nó trong miệng mình cho đến lúc chết. Bởi lưỡi thần sẽ không nói ra điều gì tổn thương Thái hậu. Vì thế thần tặng nó cho Thái hậu.

Bà ta lăm bầm một mình rồi liếc xéo tôi và nói:

- Sao ta lại chấp nhận món quà mà ta đã có chứ? Không ai ngăn cản nếu ta lấy lưỡi của người và ta cũng có thể lấy tay người, để người không thể ghi chép lại những gì người không thể nói. Ta cũng có thể đưa người đến hầm của mình để chào những người da đen đáng yêu của ta, từ đó có lẽ người sẽ không bao giờ trở về, vì họ thích lấy người để hiến tế.

Nhưng tôi nói với bà ta:

- Người đã uống quá nhiều bia rồi thưa Thái hậu. Tối nay người đừng uống thêm nữa, nếu không người có thể thấy hà mã trong mơ. Lưỡi của thần là của Thái hậu và thần mong sẽ được tặng tấm thảm này khi người đan xong.

Tôi đứng dậy và bà ta không ngăn tôi mà còn cười khinh khích như một cụ già cười trong lúc say và nói:

- Người khiến ta vui lắm, Sinuhe, người làm ta vui lắm.

Thế là tôi rời hoàng cung trở về thành phố mà không bị ai ngăn cản và Merit đã cho tôi nằm cùng trên tấm thảm của nàng. Nhưng hạnh phúc của tôi không còn trọn vẹn, khi tôi nghĩ đến chiếc thuyền sậy đen vì bồ hóng từng treo trên giường của mẹ tôi, nghĩ đến những ngón tay sạm đen đan sậy thành thảm với những múi đan của người bầy chim và tôi nghĩ đến làn gió đêm đẩy những chiếc thuyền nhẹ rời khỏi tường thành của hoàng cung trôi theo sông và dạt vào Thebes. Nghĩ đến tất cả những điều này, tôi không còn thấy thật hạnh phúc nữa, vì càng biết

thêm chỉ càng thấy đau buồn hơn, và tôi ước gì mình không biết đến nỗi đau buồn này vì tôi không còn trẻ nữa.

5

Nhà Sổng là lý do để tôi trở lại Thebes vì đã nhiều năm tôi không đến đó, mặc dù là danh y khoan sọ hoàng gia, tôi có trách nhiệm phải đến và tôi cũng sợ kỹ năng của mình mai một vì trong suốt thời gian ở Akhetaton, tôi không khoan hộp sọ nào. Vì vậy, tôi đã đến Nhà Sổng, giảng một vài bài ở đó và dạy những y sinh đã chọn hộp sọ người làm chuyên ngành của họ. Nhưng Nhà Sổng không còn được như trước và tầm quan trọng của nó đã giảm đi rất nhiều vì mọi người, ngay cả những người nghèo, không muốn đến khám ở đó và các danh y giỏi nhất cũng thôi việc ở Nhà Sổng, chuyển đến thành phố hành nghề. Tôi cứ nghĩ tri thức đã được tự do phát triển vì học trò không cần có bằng giáo sĩ bậc một mới được vào Nhà Sổng và không ai ngăn cấm họ hỏi “Vì sao?”, nhưng tôi rất thất vọng, vì các học trò còn trẻ người non dạ và cũng không muốn hỏi “Vì sao?”, mà mong muốn lớn nhất của họ là tiếp nhận được kiến thức từ người thầy và có tên trong sách của Nhà Sổng để họ có thể bắt đầu hành nghề và kiếm vàng bạc bằng kiến thức của mình.

Có ít bệnh nhân đến mức phải sau vài tuần tôi mới có dịp được khoan ba hộp sọ, vì tôi muốn kiểm tra lại kỹ năng của mình. Khoan xong các hộp sọ này, tôi trở nên nổi tiếng, cả các danh y lẫn y sinh đều tán dương tôi, ngợi khen sự khéo léo và nhanh nhẹn của đôi tay tôi. Nhưng tôi lại cảm thấy rất buồn vì đôi tay mình không còn được thuần thục và điêu luyện như những ngày hoàng kim. Mắt tôi cũng mờ đi nên tôi không nhanh nhạy, dễ dàng nhìn ra và chẩn đoán được bệnh của bệnh nhân như trước mà phải đưa ra nhiều câu hỏi, phải khám rất lâu và kỹ để chắc chắn về bệnh của họ. Vì thế, hằng ngày tôi vẫn tiếp nhận

bệnh nhân tại nhà mình và chữa bệnh cho họ mà không yêu cầu họ tặng quà, nhằm lấy lại các kỹ năng ngày trước.

Dù sao, tôi cũng đã khoan ba hộp sọ trong Nhà Sống, một trong ba ca đó rất đáng thương vì bệnh vô phương cứu chữa và người bệnh quá đau đớn. Hai ca còn lại rất đáng lưu tâm, cần đến tất cả kỹ năng của tôi. Ca thứ nhất là một người đàn ông trước đó vài năm đã ngã xuống đường từ trên mái một ngôi nhà nơi anh ta bốn cột với vợ người khác vào một ngày hè nóng bức. Anh ta ngã khi trốn chồng người kia song không bị thương nặng lắm. Nhưng sau đó một thời gian, anh ta mắc phải một căn bệnh bí hiểm, không ngớt lên cơn động kinh và bây giờ vẫn bị co giật mỗi khi uống rượu. Anh ta không bị ác mộng mà chỉ luôn hét lên giọng hung hãn, đá chân, cắn lưỡi và đái dầm. Anh ta sợ những lần lên cơn của mình đến mức muốn được mổ và bản thân cầu xin điều đó. Vì vậy, tôi đồng ý khoan sọ cho anh ta và theo lời khuyên của các thầy thuốc ở Nhà Sống, tôi đã bảo người cầm máu phụ giúp, mặc dù tôi không quen dùng người này mà chủ yếu dựa vào kỹ năng của mình. Người cầm máu này thậm chí còn đỡ dẫn và mơ ngủ hơn người cầm máu đã chết trong hoàng cung của Pharaon mà tôi đã kể trước đây, nên phải đẩy và thúc anh ta trong suốt ca phẫu thuật để anh ta tỉnh táo và nhớ việc của mình. Thế mà thỉnh thoảng máu vẫn rỉ ra từ vết mổ. Dù sao tôi đã mở vỏ hộp sọ của người bệnh và thấy nhiều chỗ trong não anh ta thâm đen vì máu chảy ra lúc ngã. Vì vậy phải mất nhiều thời gian để làm sạch và tôi không thể rửa sạch hoàn toàn lớp vỏ não mà không làm tổn thương anh ta. Dù sao anh ta không còn lên cơn động kinh nữa, vì đã chết vào ngày thứ ba sau khi mổ, như nhiều ca mổ khác. Nhưng ca mổ này vẫn được đánh giá là rất thành công và kỹ năng của tôi được ca ngợi rất nhiều, các học trò ghi lại tất cả những gì tôi đã làm và chỉ cho họ xem.

Ca thứ hai đơn giản, bệnh nhân là một cậu bé được lính canh phát hiện thấy khi nằm bất tỉnh trên đường phố và hộp sọ bị móp vào trong. Tôi tình cờ ở trong Nhà Sống khi lính canh

khênh cậu bé vào và tôi biết mình không có gì để mất, vì người ta nghĩ chắc chắn cậu sẽ chết và không danh y nào muốn động vào cậu. Vì vậy, tôi khoan cái đầu bị vỡ của cậu nhanh hết khả năng, nhặt những mảnh xương vụn ra khỏi não và bịt kín chỗ hở trên đầu bằng miếng bạc đã được sát trùng. Cậu bé đã hồi phục và đến tận hai tuần sau khi tôi rời khỏi Thebes vẫn còn sống, nhưng cậu khó cử động tay và không cảm thấy nhột khi bị cù vào lòng bàn tay cũng như lòng bàn chân. Song tôi tin thời gian qua đi, cậu ấy sẽ hoàn toàn lành lặn. Tuy nhiên, ca khoan sọ này không thu hút nhiều sự chú ý bằng ca mổ cho người bị động kinh, mà mọi người đều coi thành công của tôi với ca này là tất nhiên và rõ ràng và chỉ ca ngợi sự thuần thục của đôi tay tôi. Nhưng ca này đáng chú ý ở chỗ vết thương ở đầu và vì khẩn cấp nên tôi không thể cạo sạch tóc trên đầu cậu bé trước khi khoan hộp sọ, nên sau khi kéo da đầu trùm lên miếng bạc và khâu kín lại, tóc cậu lại tiếp tục mọc như trước và vì vậy không ai còn nhìn thấy vết mổ.

Mặc dù tôi được kính trọng trong Nhà Sống đúng với danh vị của mình, nhưng các danh y già vẫn lảng tránh và không dám tin tưởng, nói chuyện với tôi, vì tôi từ Akhetaton đến và họ vẫn sợ hãi quyền lực của thần giả. Tôi không nói chuyện với họ về Aton và chúng tôi chỉ nói với nhau về những việc liên quan đến nghề y. Ngày này qua ngày khác, họ thăm dò suy nghĩ của tôi và đánh hơi tôi như chó ngửi đất tìm kiếm thứ gì đó cho đến khi tôi lấy làm ngạc nhiên về việc làm của họ. Cuối cùng, sau lần khoan sọ thứ ba của tôi, một danh y khôn ngoan và sử dụng dao mổ thành thạo đã đến gặp tôi và nói:

- Danh y hoàng gia Sinuhe ạ, chắc ông thấy Nhà Sống vắng vẻ hơn trước nhiều và ít người cần đến kỹ năng của chúng tôi như trước, mặc dù ở Thebes vẫn có nhiều người bệnh và có thể nhiều hơn cả trước đây. Ông đã đi đến nhiều quốc gia và được thấy nhiều cách chữa bệnh, nhưng tôi nghĩ ông chưa bao giờ thấy những cách chữa đang được âm thầm, bí mật thực hiện ở Thebes ngày nay, bởi vì những cách ấy không cần dao hay lửa,

không cần thuốc, cũng không cần băng. Tôi được giao trách nhiệm kể cho ông biết về những cách thức này và hỏi ông có muốn đến mục kích không. Nhưng ông phải hứa không tiết lộ với bất kỳ ai về những gì ông nhìn thấy, ông cũng phải chịu bị bịt mắt khi được dẫn vào nơi chữa trị linh thiêng để không được biết chỗ ấy là đâu.

Điều ông ta nói khiến tôi khó chịu, vì tôi sợ sẽ đi ngược với Pharaon về việc này. Song tôi rất tò mò nên nói:

- Quả thật tôi có nghe nói hiện giờ có rất nhiều điều kỳ lạ đang diễn ra ở Thebes. Đàn ông kể chuyện cổ tích và phụ nữ nhìn thấy ảo giác, nhưng tôi chưa hề nghe nói về cách thức chữa trị mới nào. Là thầy thuốc tôi cũng rất nghi ngờ về những cách chữa không cần dao và lửa, không cần thuốc và băng. Vì thế tôi không muốn can dự vào việc lừa bịp nào để tên tôi không bị lợi dụng làm chứng cho những gì không đúng sự thật và không thể xảy ra.

Ông ta liền phản bác lại lời tôi:

- Chúng tôi đã nghĩ ông không có định kiến gì, danh y hoàng gia Sinuhe, vì ông đã chu du nhiều nước và thụ đắc những kiến thức không được biết đến ở Ai Cập. Chẳng phải máu cũng ngừng chảy mà không cần dùng kẹp hoặc sắt nóng rẫy? Vậy sao không thể chữa lành bệnh khi không có dao hoặc lửa? Tên của ông sẽ không bị ảnh hưởng vì việc này, nhưng chúng tôi có những lý do đặc biệt muốn ông chứng kiến và biết không có sự bịp bợm nào trong cách chữa trị này. Ông là Người Cô Đơn, Sinuhe, và là một nhân chứng trung thực, do đó chúng tôi cần chính ông.

Lời ông ta nói khiến tôi kinh ngạc và tò mò. Là danh y, tôi cũng muốn nâng tầm hiểu biết của mình. Vì vậy tôi đồng ý với đề nghị của ông ta và tối đến, ông ta đưa kiệu của mình tới nhà đón tôi, khi lên kiệu ông ta dùng vải bịt mắt tôi lại để tôi không biết mình được đưa đi theo hướng nào. Khi kiệu dừng, ông ta dắt tôi

đi dọc theo nhiều hành lang và lên xuống nhiều bậc thang cho đến khi tôi thấy chán ngấy và nói rằng tôi không còn muốn dính vào trò hề này nữa. Nhưng ông ta trấn an tôi và tháo vải bịt mắt rồi đưa tôi đến một sảnh có nhiều ngọn đuốc đang cháy và các bức tường bằng đá. Trên sàn sảnh có ba người bệnh nằm trên cáng; một giáo sĩ đầu cạo trọc, mặt bóng nhẫy dầu thánh đi đến bên tôi. Ông ta gọi tên tôi và đề nghị tôi kiểm tra những người bệnh thật cẩn thận để thấy ở đây không hề có gì mờ ám. Giọng ông ta nghiêm trang và trầm ấm, đôi mắt nhìn đầy vẻ cẩn trọng, vì vậy tôi đã làm theo đề nghị của ông ta và khám cho các bệnh nhân với sự trợ giúp của danh y Nhà Sống.

Tôi thấy ba bệnh nhân này bị ốm thật và không thể tự đứng dậy bước khỏi cáng. Một người là một thiếu phụ, thân hình gầy gò, tay chân khô và hoàn toàn không còn sức sống, đến nỗi trên khuôn mặt hốc hác chỉ còn đôi mắt lơ đãng, sợ hãi. Người thứ hai là một cậu bé toàn thân nổi mẩn đỏ dày và đầy mụn ghẻ mọng nước. Người thứ ba là một ông già, hai chân bị tê đến mức không thể đi được, mà ông ta cũng không giả vờ, vì tôi châm mũi kim vào chân ông mà ông không cảm thấy đau ở những chỗ đó. Cuối cùng, tôi nói với giáo sĩ: “Tôi đã kiểm tra cả ba bệnh nhân này bằng tất cả kinh nghiệm của mình, và nếu tôi là danh y của họ, tôi không thể làm gì khác hơn là gửi họ đến Nhà Sống. Ngay cả Nhà Sống cũng khó chữa được cho thiếu phụ và cụ già, nhưng bệnh của cậu bé có thể thuyên giảm nếu được tắm lưu huỳnh hằng ngày”.

Vị giáo sĩ mỉm cười và bảo cả hai thầy thuốc chúng tôi ngồi xuống ghế dưới bóng tối ở phía sau sảnh và kiên nhẫn chờ. Sau đó, ông gọi nô lệ vào sảnh và họ nâng bệnh nhân và cả cáng lên bàn thờ rồi thắp hương trầm trong các lư hương để gây mê. Từ phía hành lang vọng lại tiếng hát, một nhóm giáo sĩ vừa hát những bài thánh ca của Amon vừa đi vào sảnh. Họ đứng từng nhóm xung quanh bệnh nhân và bắt đầu cầu nguyện, nhảy múa và hò hét. Họ cứ thế nhảy và hét cho đến khi mặt bắt đầu toát mồ hôi, rồi họ dứt bỏ vải choàng trên vai, rung lắc những cái

xúc xắc trong lòng bàn tay và dùng đá nhọn cào lên ngực đến chảy máu. Tôi đã từng chứng kiến cảnh tượng tương tự ở Syria và là thầy thuốc, tôi lạnh lùng nhìn sự cuồng nhiệt của họ cho đến khi họ bắt đầu gào nhiều hơn trước và đám nắm tay vào tường đá.

Bức tường đá mở ra và dưới ánh sáng của những ngọn đèn, tượng Amon linh thiêng siêu phàm và đáng sợ hiện lên trước mặt họ. Đúng lúc đó các giáo sĩ im bật, một sự im lặng đến rợn người sau tiếng ồn ào ầm ĩ. Khuôn mặt của Amon hùng lên ánh sáng thiên đàng từ một vòm tối hắt ra, chiếu vào chúng tôi và đột nhiên vị giáo sĩ thượng phẩm từ giữa đám giáo sĩ bước đến trước các bệnh nhân, hét gọi tên từng người và nói: “Hãy đứng dậy và bước đi, vì Amon vĩ đại đã ban phước cho các người vì các người tin tưởng ở ngài”.

Lúc ấy, tôi tận mắt chứng kiến cả ba người bệnh bắt đầu lần mò ngồi dậy trên cáng, mắt chăm chăm nhìn vào ảnh của Amon như thế nào. Tay chân run rẩy, họ nhồm dậy trên đầu gối rồi đứng lên, hoài nghi quờ quạng chân tay cho đến khi bật khóc và bắt đầu cầu nguyện cho tên của Amon. Nhưng rồi bức tường đá khép lại, các giáo sĩ rời đi, các nô lệ cất lư hương đi và thắp sáng nhiều đèn cây để thầy thuốc chúng tôi có thể khám lại cho họ. Thiếu phụ có thể cử động được chân tay và bước được vài bước khi chúng tôi dìu cô đi; ông già tự đi bộ được; còn cậu bé, ban mẩn đỏ đã biến mất khiến da cậu sạch và mịn. Những điều này diễn ra trong một vài giờ đồng hồ đo nước chảy và nếu không tận mắt chứng kiến, tôi sẽ không bao giờ tin điều như thế có thể xảy ra.

Vị giáo sĩ đã đón chúng tôi bước lại gần, mỉm cười đắc chí và hỏi:

- Bây giờ ông nói gì, danh y hoàng gia Sinuhe?

Tôi không hề sợ hãi nhìn thẳng vào mắt ông ta và nói:

- Tôi nhận thấy thiếu phụ và ông già bị ma thuật phù phép và quản thúc ý chí của họ, ma thuật sẽ trị được ma thuật nếu ý chí của phù thủy mạnh hơn ý chí của người đang bị bùa yểm. Nhưng mẩn ngứa là mẩn ngứa và không thể chữa khỏi bằng phép thuật mà phải điều trị dài ngày hàng tháng trời và tắm nước thuốc. Vì thế tôi thừa nhận là từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ nhìn thấy bất cứ điều gì như thế.

Ông ta nhìn tôi, mắt sáng lên và hỏi:

- Như vậy là ông thừa nhận rằng Amon vẫn là vua của tất cả thần linh chứ, Sinuhe?

Tôi nói với ông ta:

- Tôi mong ông đừng nói to tên của thần giả, vì Pharaon đã cấm điều đó và tôi là công bộc của ngài.

Tôi thấy rõ ông ta nổi giận trước những lời tôi nói, nhưng ông ta là một giáo sĩ thượng phẩm và lý trí của ông ta mạnh hơn cảm xúc. Vì thế ông ta kìm nén nổi tức giận của mình và nhoẻn cười nói:

- Tên tôi là Hrihor, để ông có thể báo cho lính canh biết, nhưng tôi không sợ lính của Pharaon giả và cũng không sợ roi vọt và hầm mỏ của y, mà tôi sẽ chữa lành cho tất cả những ai đến với tôi nhân danh Amon. Nhưng chúng ta đừng tranh cãi về những vấn đề này mà hãy nói chuyện với nhau như những người hiểu biết. Vậy hãy cho phép tôi mời ông về phòng tôi uống rượu vì ông chắc hẳn đã thấm mệt sau khi ngồi trên ghế cứng trong nhiều giờ.

Ông ta dẫn tôi đi dọc những hành lang đá đến buồng mình. Không khí nặng nề ở các hành lang cho tôi biết chúng tôi đang ở dưới lòng đất và tôi đoán chúng tôi đang ở trong các hang sâu của Amon. Không biết bao nhiêu câu chuyện đã được kể về những cái hang này, nhưng chắc chưa người thường nào được

thấy chúng. Hrihor bảo danh y của Nhà Sổng đi ra và hai chúng tôi đến buồng của ông ta, nơi không thiếu bất kỳ tiện nghi nào để làm thỏa mãn con người. Trên giường của ông ta có lộng che, rương và hòm đều bằng ngà voi và gỗ mun, những tấm thảm mềm mại và toàn bộ căn phòng sức nức mùi dầu thơm đắt tiền. Ông ta lịch sự rưới nước thơm lên tay tôi rồi bảo tôi ngồi xuống và mời tôi bánh mật ong, trái cây và rượu mạnh lâu năm pha với mộc dược của đồi rượu Amon. Chúng tôi cùng uống rượu và ông ta nói với tôi:

- Sinuhe, chúng tôi biết ông và đã dõi theo những bước đi của ông, biết ông rất yêu quý Pharaon giả và vị thần giả của ông ta không xa lạ với ông như chúng tôi mong muốn. Tuy nhiên, tôi đảm bảo với ông rằng vị thần của ông ta không có gì hơn Amon, vì sự ngược đãi và thù hận của Pharaon đã thanh tẩy Amon và khiến ngài trở nên mạnh mẽ hơn. Nhưng tôi không viện dẫn những điều thần thánh khi nói với ông mà chỉ kêu gọi ông, một thầy thuốc đã chữa bệnh cho người nghèo mà không đòi quà và một người Ai Cập yêu xứ đất đen hơn đất đỏ. Vì vậy, tôi nói với ông rằng Pharaon Ekhnaton là sự nguyên rửa với dân nghèo, là thảm họa đối với toàn bộ Ai Cập và phải hạ bệ ông ta trước khi tai họa mà ông ta gây nên lớn đến mức máu đổ cũng không thể cứu vãn được.

Tôi nhấp ngụm rượu của ông ta và nói:

- Với tôi các vị thần đều giống nhau và tôi đã quá ngán thần linh, nhưng thần của Pharaon Ekhnaton khác với tất cả thần linh đã từng có, thần của ngài không có ảnh tượng, tất cả mọi người đều bình đẳng trước thần và bất cứ ai, người nghèo, nô lệ và cả những người lạ đều có chỗ đứng của mình trước thần của ngài. Vì thế tôi tin rằng một năm thế giới vừa kết thúc và một năm thế giới mới đang bắt đầu. Do đó, ngay cả điều không tưởng cũng có thể xảy ra, một điều gì đó trái với lý trí của con người. Bởi từ trước đến nay chưa bao giờ có một dịp như thế này để làm

mới, thay đổi tất cả và làm cho mọi người trở thành anh em của nhau.

Hrihor cười, giơ tay phản bác và nói:

- Sinuhe, tôi nhận ra là ông đang nằm mơ giữa ban ngày, dù tôi đã tin ông là một người sáng suốt. Mục đích của tôi nhỏ mọn hơn nhiều. Tôi chỉ mong mọi thứ vẫn như trước, người nghèo được no đủ và luật pháp nghiêm minh. Tôi chỉ muốn ai ai cũng được an toàn để hành nghề và tin vào những gì họ muốn tin. Tôi muốn tất cả những gì làm cho cuộc sống xưa nay tiếp tục, tôi muốn có sự khác biệt giữa nô lệ, đầy tớ và chủ của chúng. Tôi muốn sức mạnh và vinh quang của Ai Cập vẫn được giữ gìn nguyên vẹn, tôi muốn những đứa trẻ được sinh ra ở mỗi vùng đất đều có vị trí riêng của mình, công việc của từng người đều được định rõ từ đầu cho đến cuối cuộc đời và không có sự bất ổn nào tổn hại trái tim của bất kỳ ai. Tôi muốn tất cả những điều đó, vì thế phải lật đổ Pharaon Ekhnaton.

Ông ta chạm vào cánh tay tôi như van nài, rồi cúi đầu về phía tôi và nói:

- Sinuhe, ông là người hiền lành, tốt bụng và không muốn làm hại bất cứ ai. Nhưng chúng ta đang sống trong thời kỳ mà mỗi người phải lựa chọn và không ai có thể né tránh. Người nào không đi cùng chúng ta tức là người đó chống lại chúng ta và sẽ phải chịu hậu quả, vì chắc ông không đại dốt đến mức nghĩ rằng quyền uy của Ekhnaton sẽ kéo dài lâu. Với tôi, việc ông tôn sùng hay không tôn sùng thần nào cũng như nhau, vì không cần đức tin của ông, Amon vẫn hiện hữu. Nhưng, Sinuhe, việc xóa bỏ lời nguyện cho Ai Cập nằm trong tầm tay ông. Việc xóa bỏ nghèo đói, khốn cùng và bất ổn khỏi miền đất đen nằm trong khả năng của ông. Việc phục hồi lại sự hùng mạnh cho Ai Cập nằm trong tay ông, Sinuhe.

Lời nói của ông ta khiến tôi băn khoăn, vì vậy tôi nhấp thêm rượu và cả miệng lẫn mũi tôi phả mùi thơm mộc dược ngọt ngào. Tôi gượng cười và nói với ông ta:

- Chắc ông đã bị chó dại cắn hoặc bị cạp đốt, vì tôi thật sự không có quyền hành về bất cứ điều gì, tôi cũng không chữa lành người bệnh tài tình như ông.

Ông ta đứng dậy và nói:

- Tôi sẽ cho ông xem một thứ.

Rồi ông ta cầm đèn và dẫn tôi ra hành lang, mở một cánh cửa được khóa bằng nhiều ổ khóa; ánh đèn của ông chiếu sáng căn buồng lấp lánh muôn vàn vàng bạc và đá quý chứa trong những vò, hũ bằng vàng cao ngang đầu người. Ông ta nói với tôi:

- Đừng sợ. Tôi hoàn toàn không định dùng vàng để mua chuộc ông, tôi không ngu ngốc đến như thế, mặc dù để ông thấy Amon vẫn còn giàu có hơn Pharaon có lẽ cũng không sao. Không, tôi không cảm dỗ ông bằng vàng, tôi chỉ muốn cho ông xem một thứ.

Ông ta mở một cánh cửa khác bằng đồng rất nặng và chiếu đèn vào một hốc nhỏ, trong hốc có một bức tượng sáp ngụy trên giường đá, đầu tượng đội vương miện hai tầng, ngực và thái dương cắm những ghim nhọn bằng xương. Theo bản năng, tôi giơ tay lên và đọc những câu thần chú chống lại ma thuật, những câu mà tôi đã học thuộc trước khi được thụ phong giáo sĩ bậc thấp nhất. Hrihor mỉm cười nhìn tôi, tay nắm chặt cây đèn.

- Ông tin rồi chứ, - ông ta nói, - thời của Pharaon Ekhnaton sắp hết, vì chúng tôi đã nhân danh Amon yểm ông ta vào bức tượng này và xuyên những mũi kim thần thánh của Amon qua đầu và tim ông ta. Tuy nhiên, ma thuật tác động chậm khiến nhiều điều ác vẫn kịp xảy ra và chắc chắn ở một mức độ nào đó, thần của ông ta có thể bảo vệ ông ta trước ma thuật của chúng tôi.

Bởi vậy tôi muốn nói chuyện thêm với ông sau khi ông nhìn thấy cảnh này.

Ông ta cẩn thận khóa tất cả các cửa rồi dẫn tôi trở lại phòng mình và rót thêm rượu vào cốc của tôi. Nhưng rượu tràn ra cằm tôi và miệng cốc lập cập đập vào răng tôi, vì tôi biết tôi đã tận mắt chứng kiến một phép thuật quyền năng hơn tất cả các loại ma thuật và không ai có khả năng chống lại nó. Bùa phép yểm vào bức tượng sáp này khủng khiếp đến mức các giáo sĩ Amon không dám nói nó thành tiếng trong đền thờ thần, mà chỉ đọc được nó từ những kinh sách cổ và nhiều người tin rằng hai ngàn năm sau khi xây dựng các kim tự tháp, phép thuật như vậy không còn được thực hiện. Hrihor nói:

- Từ đây ông có thể thấy rằng sức mạnh của Amon lan đến tận Akhetaton, vì thế đừng hỏi tôi làm thế nào chúng tôi lấy được tóc của ông ta, có được những mẫu móng tay và móng chân cắt ra của ông ta để cho vào tượng sáp, nhưng tôi có thể nói với ông rằng chúng tôi không dùng vàng mua chúng mà chúng tôi nhận được chúng nhân danh Amon.

Ông ta nhìn tôi dò xét và cân nhắc lời nói của mình, cuối cùng ông nói:

- Quyền năng của Amon lớn lên từng ngày như chính ông đã thấy khi tôi chữa lành người bệnh nhân danh Amon. Lời nguyện của Amon đối với Ai Cập sẽ ngày càng tồi tệ hơn. Pharaon càng sống lâu, người dân càng phải đau khổ vì ông ta, vì phép thuật tác động chậm. Nhưng dù sao Pharaon giả sẽ phải chịu những cơn đau đầu khiến sức lực của ông ta dần cạn kiệt. Ông sẽ nói gì, Sinuhe, nếu tôi cho ông một loại thuốc chữa đau đầu cho Pharaon, để ông ta không bao giờ bị đau nữa?

- Con người ta luôn dễ bị ốm đau, - tôi nói. - Chỉ những người chết mới không bao giờ phải chịu đau đớn nữa.

Ông ta nhìn tôi đôi mắt rực lửa và ý chí của ông ta trói chặt tôi lại khiến tôi không thể giơ tay lên khi ông ta nói:

- Có lẽ là vậy, nhưng thuốc này không để lại dấu vết và không ai có thể buộc tội ông, ngay cả những người ướp xác cũng không nhận thấy điều gì khác lạ trong cơ thể ông ta. Nhưng ông không cần phải biết gì thêm về những điều này, chỉ cho Pharaon thuốc để chữa trị cơn đau đầu của ông ta. Sau khi uống thuốc, ông ta sẽ ngủ và sẽ không bao giờ phải đau đớn hay buồn phiền nữa.

Ông ta giơ tay lên ngăn tôi và nói:

- Tôi không mua chuộc ông bằng vàng, nhưng nếu ông làm việc ấy, ông sẽ được lưu danh muôn thuở, thi thể ông sẽ không tan vào cát bụi mà sẽ trường tồn. Những bàn tay vô hình sẽ che chở ông mỗi ngày trong suốt cuộc đời và bất cứ điều ước nào của con người cũng sẽ thành hiện thực với ông. Tôi hứa với ông tất cả những điều này vì tôi có quyền hứa như vậy với ông.

Ông ta giơ cả hai tay lên, nhìn tôi với ánh mắt sáng rực và tôi không thể né tránh ánh mắt đó. Ý chí của ông ta ghìm tôi xuống khiến tôi không thể cử động, không thể giơ tay và không thể đứng dậy. Ông ta bảo:

- Nếu tôi nói với ông: “Đứng dậy”, ông đứng dậy. Nếu tôi nói với ông: “Giơ tay lên”, ông giơ tay lên. Nhưng tôi không thể ra lệnh cho ông thờ phụng Amon nếu ông không muốn và tôi không thể bắt ông làm những việc trái ý ông. Điều này giới hạn quyền lực của tôi với ông. Vì vậy hãy thể với tôi đi, Sinuhe, vì lợi ích của Ai Cập, hãy nhận thuốc tôi đưa cho ông và chữa lành vĩnh viễn bệnh đau đầu của Ekhнатon.

Ông ta buông tay xuống và tôi lại cử động được, nâng cốc rượu lên môi mà không run nữa. Mùi mộc dược theo rượu tràn vào miệng, mũi tôi và tôi nói với ông ta:

- Hrihor, tôi không hứa với ông điều gì, nhưng hãy đưa thuốc cho tôi. Đưa cho tôi thứ thuốc tử bi đó, vì có thể nó còn tốt hơn cả nước anh túc và biết đâu đến một lúc nào đó, chính Pharaon sẽ không bao giờ muốn thức dậy nữa.

Ông ta đưa cho tôi thuốc đựng trong lọ thủy tinh sắc sỡ và nói:

- Tương lai của Ai Cập nằm trong tay ông, Sinuhe. Vì thật không phải nếu ai đó giơ tay hại Pharaon, nhưng nỗi khốn khổ và nôn nóng của dân chúng rất lớn và có thể đến một lúc nào đó người ta nhớ ra rằng Pharaon cũng là con người và máu ông ta sẽ chảy nếu da của ông ta bị giáo hay dao xé toạc. Điều đó không bao giờ được xảy ra, vì khi đó quyền lực pharaon sẽ suy yếu. Vì vậy, số phận của Ai Cập bây giờ nằm trong tay ông, Sinuhe.

Tôi giắt lọ thuốc vào thắt lưng và chua chát nói:

- Số phận của Ai Cập có lẽ đã nằm trong những ngón tay đen ngày tôi ra đời, những ngón tay đan những thân sậy với nhau. Nhưng có những điều cả ông cũng không biết, Hrihor, dù ông nghĩ mình biết tất cả. Cho dù tôi có thuốc, nhưng hãy nhớ rằng tôi không hứa điều gì chắc chắn với ông.

Ông ta mỉm cười, giơ tay chào và nói theo thói quen:

- Phần thưởng của ông sẽ rất lớn.

Sau đó ông ta tiễn tôi đi dọc những hành lang và không giấu tôi bất cứ điều gì nữa vì mắt ông ta nhìn thấu tim gan mọi người và ông ta biết tôi sẽ không tiết lộ về ông ta. Vì vậy, tôi có thể kể rằng dưới ngôi đền lớn có các hầm của Amon, nhưng làm thế nào để vào được thì tôi không muốn nói vì bí mật đó không phải của tôi.

Vài ngày sau, Thái hậu Teje qua đời trong cung điện vàng. Bà chết vì bị một con rắn cát nhỏ cắn khi bà đang thả chim trong vườn thượng uyển. Người ta không tìm được danh y riêng của bà ngay lúc đó, bởi thường khi người ta cần đến thầy thuốc nhất thì lại không thể gặp được. Vậy nên người ta đến Thebes đón tôi, nhưng khi tôi đến được hoàng cung thì chỉ có thể chứng thực là bà đã chết. Nhưng không thể đổ lỗi cho các thái y của bà, vì người bị rắn cát nhỏ cắn sẽ chết nếu trong một trăm nhịp tim đập đầu tiên, vết cắn không được mổ ra và mạch máu ở trên nó không được thắt chặt.

Theo tập quán, tôi phải nán lại hoàng cung để giao thi thể cho người mang đến Nhà Chết. Tôi gặp giáo sĩ Eje lầm lì bên thi thể Thái hậu, ông ta đưa tay chạm vào gò má sưng phù của Thái hậu và nói: “Đã đến lúc bà ấy phải chết, vì bà ấy là mục già đã cùng ta nghĩ ra bao mưu kế làm ta phát ngán. Những việc làm của bà ấy đã trừng phạt chính bà và ta hy vọng dân chúng sẽ nguôi đi sau khi bà ấy về với tổ tiên”. Nhưng tôi không nghĩ Eje giết Thái hậu, vì chắc Eje không dám làm điều đó. Thật ra những tội ác và những bí mật khủng khiếp gắn kết con người với nhau hơn cả tình yêu và tôi biết rằng dù nói những lời lạnh lùng đó, Eje sẽ nhớ Thái hậu sau cái chết của bà, bởi trong nhiều năm qua họ đã quá gần gũi nhau.

Khi tin Thái hậu qua đời lan đến Thebes, dân chúng tràn ra đường phố và bãi chợ ăn mừng trong những bộ váy áo đẹp nhất. Những lời tiên đoán lan truyền từ miệng này sang miệng kia và ngày càng nhiều nữ thánh xuất hiện trong dân chúng kể về những điềm gở. Đám đông cũng tụ tập bên ngoài tường thành hoàng cung và để trấn an dân chúng cũng như thu phục được lòng tin yêu của họ, Eje đã ra lệnh đánh đuổi các phù thủy da đen của Thái hậu Teje ra khỏi hẻm của hoàng cung. Họ gồm năm người, một trong số đó là đàn bà, xấu xí và béo như một con hà mã. Lính cấm vệ đã quát roi đuổi họ ra khỏi cổng sậy và dân chúng xông đến xé họ ra từng mảnh; lúc đó phép thuật của họ không thể bảo vệ được họ. Eje cũng cho phá hủy và đốt tất cả

đồ dùng làm ma thuật và thuốc cũng như các gốc cây thiêng của họ ở trong hầm; điều này thật đáng tiếc vì tôi rất muốn biết về thuốc và phép thuật của họ.

Không ai trong cung điện tiếc thương Thái hậu và số phận những phù thủy của bà. Chỉ Công chúa Baketaton đến bên thân mẫu, đặt bàn tay xinh đẹp vào đôi bàn tay đen sạm của bà và nói:

- Chồng của mẫu hậu đã làm điều độc ác khi cho dân chúng xé xác phù thủy da đen của mẫu hậu.

Công chúa cũng nói với tôi:

- Những phù thủy này hoàn toàn không độc ác và họ cũng không thích ở lại đây mà chỉ luyến nhớ những khu rừng và những mái nhà tranh của họ. Lẽ ra không nên trừng trị họ vì những việc làm của thân mẫu ta.

Thế là tôi được gặp Công chúa Baketaton, người nhìn tôi, nói chuyện với tôi và tôi yêu mến Công chúa ngay vì vẻ kiêu hãnh và dáng dấp đẹp của người. Công chúa hỏi tôi về Horemheb và giấu cột bạn tôi:

- Horemheb xuất thân thấp hèn và ăn nói thô lỗ, nhưng nếu lấy vợ, anh ta có thể sinh ra một dòng dõi quyền quý. Sinuhe, người có thể nói vì sao anh ta không chọn cho mình một vị hôn thê không?

Tôi nói với Công chúa:

- Thưa Công chúa Baketaton, Công chúa không phải là người đầu tiên dò hỏi điều đó, nhưng vì vẻ đẹp kiêu sa của người, tôi sẽ chỉ nói cho Công chúa những gì tôi chưa dám nói với bất kỳ ai. Khi còn là một thanh niên và lần đầu tiên đến cung điện, Horemheb đã vô tình nhìn lên mặt trăng. Từ đó, anh ta không thể nhìn đến bất kỳ thiếu nữ nào để cùng đập vò. Nhưng còn

Công chúa thì sao, Baketaton? Không cây nào cứ mãi trở hoa, mà cây cần một lần kết trái, với tư cách là một thầy thuốc, tôi muốn được thấy vòng eo của Công chúa bung hoa, đơm quả.

Công chúa kiêu ngạo lắc đầu và nói:

- Sinuhe, người biết rõ dòng máu ta quá thiêng liêng để có thể hòa trộn với dòng máu của những người cao quý nhất Ai Cập. Vì thế sẽ tốt hơn nhiều nếu như em trai ta chọn ta làm hôn thê theo phong tục và như vậy chắc chắn ta đã sinh con trai cho Pharaon từ lâu rồi. Hơn nữa nếu có quyền lực, ta sẽ cho chọc mù mắt gã Horemheb đó, vì thật nhục nhã khi nghĩ anh ta đã dám nhìn lên mặt trăng. Sinuhe, ta cũng nói thẳng với người là chỉ cần nghĩ về đàn ông thôi cũng khiến ta kinh hãi, vì sự đụng chạm của họ thật thô bạo, đáng hổ thẹn và thân thể rắn chắc của họ đè bẹp người phụ nữ mảnh mai. Vì vậy, ta nghĩ rằng người ta thổi phồng quá mức niềm vui sướng mà đàn ông có thể mang lại cho phụ nữ.

Nhưng đôi mắt Công chúa bắt đầu lóe sáng về kích động và người thở gấp gấp khi nói làm tôi thấy những lời như vậy đem đến cho người niềm đam mê lớn. Vì vậy tôi khích lệ thêm:

- Tôi đã từng nhìn Horemheb bạn tôi lên gân, căng cơ bắp làm đứt chiếc vòng đồng rắn chắc mà người ta luồn vào cánh tay anh ấy. Tay chân anh ấy dài và rắn chắc, lồng ngực anh ấy căng phồng như chiếc trống khi anh đâm vào ngực mình vì tức giận. Cung nữ rên rỉ như mèo chạy theo anh ấy và anh ấy có thể làm bất cứ điều gì mình muốn với bất cứ ai.

Công chúa Baketaton nhìn tôi, đôi môi tô son run lên, cặp mắt lóe sáng, và tức giận nói:

- Sinuhe, lời người nói với ta thật đáng giận và ta không hiểu tại sao người lại lải nhải với ta về gã Horemheb đó. Dù gì đi nữa, anh ta sinh ra phân dính giữa các ngón chân và cái tên của anh

ta cũng đáng ghét với ta. Ta thật không đủ sức hiểu tại sao người lại kể chuyện đó với ta bên cạnh thi thể của thân mẫu ta.

Tôi không muốn nhắc Công chúa ai mới là người nói về Horemheb trước. Vì thế tôi vờ hối lỗi:

- Ô, Công chúa Baketaton, vậy người hãy cứ như cây đang nở hoa, vóc dáng người sẽ không tàn phai và người sẽ tươi tắn xinh đẹp trong nhiều năm nữa. Nhưng chẳng lẽ thân mẫu người không có cung nữ thân tín nào khóc than và kêu van bên thi thể bà cho đến khi Nhà Chết đến đón bà và những mụ khóc mướn được thuê đến khóc và dứt tóc xung quanh bà ấy? Nếu biết khóc, tôi sẽ khóc, nhưng là thầy thuốc, nước mắt tôi đã cạn từ lâu trước cái chết. Cuộc đời là ngày nóng bức, Công chúa Baketaton ạ, cái chết có lẽ là đêm mát mẻ. Cuộc đời là vũng nước nhỏ nông choèn, cái chết là vịnh nước sâu rộng.

Công chúa kêu lên:

- Ôi, Sinuhe, đừng nói với ta về cái chết, khi cuộc đời vẫn dâng vị ngọt trong miệng ta. Nhưng đúng là thật hổ thẹn khi không có ai khóc bên thi thể thân mẫu ta. Tất nhiên, ta không thể khóc vì việc đó không thích hợp với địa vị của ta và màu son sẽ bắt đầu chảy xuống hàng mi và làm nhòe lớp phấn trên má ta. Nhưng ta sẽ sai một cung nữ nào đó đến khóc cùng người, Sinuhe ạ.

Tôi đùa đùa nói với Công chúa:

- Baketaton thiên thần ơi, sắc đẹp của Công chúa đã làm tôi phấn khích và lời nói của Công chúa như thêm dầu vào ngọn lửa tôi. Công chúa hãy sai một ai đó già và xấu đến than khóc, để tôi không quyến rũ bà ấy trong cơn kích động của mình và không làm ô uế nhà tang lễ.

Công chúa lắc đầu về chê trách và nói:

- Sinuhe, người không thấy hổ thẹn với điều ngu ngốc mà người vừa nói ư? Dù người không sợ thần linh như người ta nói, ít nhất người cũng nên kính trọng thần chết chứ.

Nhưng là đàn bà, Công chúa không hề xem lời tôi nói là thất lễ mà người đi sai một cung nữ đến khóc bên thi thể mẹ mình cho đến khi phu khiêng của Nhà Chết đến.

Nhưng tôi có mục đích khi báng bổ thần thánh như thế bên thi thể của người quá cố và nôn nóng đợi cung nữ đến.

Và bà ta đã đến, một người già và xấu hơn bất cứ ai mà tôi dám mong đợi, vì tất cả các phi tần của Thái thượng hoàng, của Pharaon Ekhnaton cũng như các vú nuôi và cung nữ của họ vẫn đang sống trong hậu cung của Thái hậu. Tên cung nữ đó là Mehunefer và dù bà ta từ hậu cung đến, tôi vẫn nhận ra trên khuôn mặt bà ta hương vị đàn ông và rượu. Biết bốn phận của mình, bà ta bắt đầu khóc nức nở và vò đầu dứt tóc bên cạnh thi thể Thái hậu, trong lúc đó tôi đi lấy rượu. Khóc được một lúc, bà ta đồng ý uống rượu sau khi tôi bảo đảm với bà ta với tư cách thầy thuốc rằng rượu sẽ tốt cho bà ta trong nỗi đau tang tóc này. Trong khi bà ta uống, tôi bắt đầu gợi nhắc lại vẻ đẹp trước kia của bà. Tôi cũng nói với bà ta về trẻ con và về các công chúa nhỏ của Pharaon Ekhnaton, rồi tôi bất ngờ giả vờ ngốc nghếch hỏi bà ta:

- Người ta đồn rằng Hoàng thái hậu là hoàng phi duy nhất của thánh thượng sinh con trai cho người, thật vậy ư?

Mehunefer vừa hốt hoảng nhìn người quá cố vừa lắc đầu ngăn tôi nói, vì thế tôi tiếp tục nói với bà ta những lời có cánh, tăng bốc bà ta về tóc tai, xiêm áo và trang sức. Tôi cũng nói về cặp mắt và đôi môi của bà ta, cho đến khi bà ta quên hẳn việc khóc than và thích thú lắng nghe tôi. Vì đàn bà luôn tin những lời như vậy dù biết rất rõ đó không phải là sự thật; càng già, càng xấu, họ lại càng tin hơn vì họ muốn tin. Thế rồi chúng tôi trở

thành bạn tốt của nhau, và sau khi phu khiêng xác của Nhà Chết đến và đưa thi thể đi, bà ta mời tôi về phòng mình trong hậu cung của Pharaon và vừa uốn éo, ve vãn nhiều kiểu vừa uống rượu với tôi. Khi say, miệng lưỡi bà ta liến láu thoải mái hơn và mọi ổ khóa trong bà ta bật mở. Bà ta đưa tay vuốt má tôi, khen tôi đẹp trai và kể cho tôi nghe nhiều chuyện phiếm đáng xấu hổ nhất trong cung để làm tôi dạn dĩ hơn. Bà ta cũng khúc khích cười kể cho tôi chuyện Thái hậu thường công khai vui thú với những phù thủy da đen của mình:

- Bà ta, Thái hậu ấy, là một người đàn bà kinh khủng và đáng sợ. Tôi thở phào nhẹ nhõm hơn khi bà ấy đã chết, tôi không thể hiểu được sở thích của bà ấy khi bà ấy vẫn có những thanh niên Ai Cập trẻ đẹp, da nâu, bóng bẩy và thơm tho.

Bà ta hít hà ngửi vai và tai tôi, nhưng tôi ẩn bà ta ra và nói:

- Thái hậu Teje vĩ đại là một người đàn sậy tài giỏi nhỉ? Chẳng phải Thái hậu đã đàn những chiếc thuyền nhỏ từ những thân sậy rồi đêm đêm sai thả chúng xuôi dòng xuống hạ lưu ư?

Câu hỏi của tôi làm bà ta hoảng sợ và hỏi:

- Sao anh có thể biết được điều đó?

Nhưng rượu đã làm bà ta mất khả năng suy xét và vì mong muốn khoe khoang chế ngự nên bà ta nói:

- Nhưng ta biết nhiều hơn anh và ta biết có ít nhất ba cậu bé vừa chào đời đã bị bỏ vào thuyền thả trôi sông như những đứa trẻ nghèo khổ nhất. Trước khi Eje đến đây, mụ phù thủy già đó sợ thần linh và không muốn tay mình nhuốm máu. Chính Eje đã dạy bà ta cách đầu độc người khác, khiến Công chúa Tadukhipa của Mitanni chết trong khi khóc than, gào thét gọi tên con trai và tìm cách thoát khỏi cung điện để tìm con trai mình.

- Ôi, Mehunefer xinh đẹp, - tôi nói và đưa tay chạm vào đôi má trát đầy phấn của bà ta. - Chắc hẳn bà nghĩ tôi còn trẻ và không có kinh nghiệm nên bắt tôi phải tin vào những câu chuyện không có thật đó. Công chúa Mitanni không thể sinh con trai, mà nếu bà ấy sinh được thì đó là khi nào cơ chứ?

- Còn lâu anh mới là một chàng trai trẻ và thiếu từng trải, danh y Sinuhe ạ, - bà ta nói và bật cười khanh khách.

- Trái lại, bàn tay anh xảo trá và gian dối, đôi mắt anh quỷ quyệt, và quỷ quyệt nhất chính là lưỡi anh, cái lưỡi đã trút vào tai tôi những lời dối trá trơ trẽn. Nhưng những lời dối trá của anh như mật ngọt rót vào tai bà già, Sinuhe ạ, khiến tôi không thể kiểm chế được, mà tôi sẽ kể cho anh nghe tất cả về Công chúa Mitanni, người đã có thể trở thành hoàng hậu vĩ đại, mặc dù những lời này có thể quàng sợi dây mỏng mảnh quanh cổ tôi nếu Teje còn sống. Sinuhe ạ, thực ra Công chúa Tadukhipa chỉ là một cô bé khi người từ vùng đất xa xôi đến hậu cung của Pharaon. Công chúa chỉ là một đứa trẻ và chơi búp bê cho đến lớn trong hậu cung, giống như nàng công chúa bé nhỏ được gả cho Ekhnaton và cũng đã chết. Pharaon Amenhotep không động đến người mà yêu Công chúa như yêu một đứa trẻ, chơi đồ hàng với Công chúa và tặng cho Công chúa biết bao nhiêu đồ chơi bằng vàng. Nhưng khi Tadukhipa trở thành thiếu nữ và tròn mười bốn tuổi, nàng trông mới xinh đẹp làm sao, tay chân nàng mảnh mai và thanh tú, đôi mắt sâu sắc của nàng nhìn về những vùng đất xa xăm và làn da nàng như tro trắng, giống như tất cả phụ nữ Mitanni. Khi đó Pharaon làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Công chúa, cũng như ngài vui vẻ làm tròn nghĩa vụ của mình đối với nhiều phi tần bất chấp mọi mưu đồ của Teje, vì trong những việc như vậy, người đàn ông khó có thể kiểm chế mình, chừng nào chùm rễ cây của anh ta chưa bị khô. Thế là hạt mạch bắt đầu nảy mầm xanh cho Tadukhipa, nhưng không lâu sau đó hạt mạch cũng bắt đầu đâm mầm xanh cho Teje và bà ta vô cùng sung sướng, bởi vì bà ta chỉ mới sinh cho Pharaon một con gái, tức Baketamon hống hách và ngạo mạn

này, tất nhiên, tôi muốn nói là Baketaton nhưng lưỡi tôi hay bị lúu lại.

Bà ta lấy rượu tiếp sức cho lưỡi và nó không hề lúu lại mà tiếp tục liến thoắng:

- Nhưng những ai biết điều gì đó đều biết rằng hạt mạch trong Teje nảy mầm từ Heliopolis, nhưng không nói gì thêm về điều này là tốt nhất. Dù sao Teje đã sống trong nỗi thống khổ tột cùng trong thời gian Tadukhipa mang thai và cố dùng mọi cách để phá cái thai của Công chúa, như cách bà ta đã làm với nhiều phi tần trong hậu cung của Pharaon với sự trợ giúp của các phù thủy da đen. Mấy năm trước đó, bà ta đã thả hai bé trai sơ sinh trên thuyền sậy cho xuôi dòng sông nhưng chuyện này không đáng kể, vì chúng là con của những phi tần hèn mọn rất sợ Teje và bà ta đã bồi hoàn cho họ rất nhiều quà, khiến họ bằng lòng với phận mình khi thấy bên mình là con gái thay vì con trai. Nhưng Công chúa Mitanni là một đối thủ đáng gờm hơn, vì người thuộc dòng dõi hoàng tộc, có những người bạn luôn bảo vệ người và người hy vọng mình được phong hoàng phi thay cho Teje nếu người sinh được con trai. Tuy nhiên, quyền lực của Teje quá lớn và khi hạt mạch nảy mầm xanh trong bà ta thì nỗi điên khùng của bà đáng sợ đến mức không ai dám chống lại, và Eje, người bà ta mang theo từ Heliopolis, luôn ở bên bà ta. Vì vậy, khi Công chúa Mitanni lâm bồn, bạn bè của Công chúa bị đuổi đi nơi khác, các phù thủy da đen vây quanh giả vờ làm dịu cơn đau của người. Khi Công chúa muốn nhìn con trai mình, người ta cho người nhìn một bé gái đã chết. Nhưng Công chúa không tin Teje. Cả tôi, Mehunefer, cũng biết Công chúa đã sinh được một bé trai, bé trai còn sống và bị bỏ xuống thuyền sậy trôi xuôi theo dòng sông vào ngày đêm đó.

Tôi cười âm lên và hỏi:

- Làm sao mà chính bà lại biết được điều đó cơ chứ, Mehunefer xinh đẹp?

Bà ta phát câu, dốc ngược cốc uống thêm làm rượu đổ tràn xuống cầm, rồi gặt gồng:

- Thề với tất cả thần linh, tự tay tôi bắt sậy vì Teje không muốn lợi xuống nước khi đang mang thai.

Tôi kinh hoàng trước câu nói của bà ta, đứng bật dậy và đổ rượu trong cốc xuống sàn rồi dùng chân chà rượu ra thảm để biểu lộ sự ghê tởm của mình. Nhưng Mehunefer đã nắm lấy tay tôi, ép tôi ngồi xuống cạnh mình và nói:

- Tôi không định nói điều này và chỉ tự hại mình khi kể nó ra, nhưng tôi không biết điều gì trong anh tác động đến tôi mạnh mẽ đến thế, khiến tôi không thể giữ được điều bí mật nào trước anh, Sinuhe ạ. Vì thế tôi thú thật: chính tôi đã cắt sậy và Teje lấy chúng để đan thuyền, vì bà ta không tin tưởng các nô tỳ và bà ta đã trói buộc tôi bằng phép thuật và những việc làm của chính tôi, vì khi còn trẻ và ngu ngốc, tôi đã làm những việc mà nếu bị phát hiện tôi sẽ bị đánh và đuổi khỏi hậu cung, nhưng ai lại không làm những việc như vậy trong hậu cung cơ chứ, còn bây giờ tôi chẳng lo sợ gì khi kể cho anh nghe về những việc đó. Dù sao thì bà ta cũng đã khống chế tôi, buộc tôi lợi xuống nước cắt sậy, còn bà ta vừa đan thuyền trong đêm tối vừa cười một mình và nói những lời báng bổ thần linh, vì bà ta rất hài lòng đã thắng được Công chúa Mitanni bằng cách này. Còn tôi tự an ủi mình với ý nghĩ ai đó chắc chắn sẽ tìm thấy đứa trẻ, mặc dù tôi biết điều đó không thể xảy ra, bởi vì những đứa trẻ trong những chiếc thuyền sậy trôi trên sông không chết vì cái nóng thiêu đốt thì cũng làm mồi cho cá sấu hay bị các loài chim ăn thịt cắp đi. Nhưng Công chúa Mitanni không chịu yên với bé gái chết yếu mà các phù thủy đặt bên cạnh mình, vì màu da của đứa bé khác với màu da của người, hình dáng đầu cũng khác với đầu của người và Công chúa không tin mình đã sinh ra đứa bé đó. Da của phụ nữ Mitanni mịn màng như vỏ trái cây và có màu khói hoặc tro nhạt, đầu họ nhỏ và thon. Vì thế, Công chúa bắt đầu kêu van, khóc lóc, giật đầu dứt tóc, đổ tội cho các phù thủy và Teje cho

đến khi Teje sai các thầy thuốc bắt người uống nhiều loại thuốc mê rồi nói rằng Công chúa bị mất trí vì đau khổ khi sinh ra một đứa trẻ đã chết. Và Pharaon, theo thói thường của đàn ông, tin vào Teje hơn là Tadukhipa. Từ đó trở đi, Tadukhipa dần mòn mỏi, héo hon và chết, nhưng trước khi chết, Công chúa đã nhiều lần tìm cách trốn khỏi hoàng cung để đi tìm con trai, vì thế ai cũng tin Công chúa dần bị mất trí.

Tôi nhìn bàn tay mình, thấy chúng trắng nhợt nhạt cạnh những ngón tay như tay khỉ đuôi dài của Mehunefer và da tay tôi có màu khói. Quá kinh hoàng và khiếp đảm, tôi khẽ khàng hỏi:

- Mehunefer xinh đẹp, bà có thể nói thêm tất cả những việc này đã xảy ra khi nào vậy?

Bà ta vuốt ve cổ tôi bằng những ngón tay thâm sì và nói với giọng bồn chồn:

- Ôi, chàng trai đáng yêu, sao lại phí thời gian quý báu của mình cho những việc xưa xưa như vậy, khi chàng có thể dùng thời gian của mình tốt hơn. Nhưng vì không thể giấu giếm chàng bất cứ điều gì, thiếp cho chàng biết là tất cả những việc này xảy ra khi Pharaon Đại đế đã trị vì được hai mươi hai năm và vào mùa thu khi lũ dâng cao ở mức đỉnh điểm. Nếu chàng thắc mắc vì sao thiếp nhớ mọi việc tốt đến thế, thì thiếp có thể giải thích là Pharaon Ekhnaton được sinh ra cùng năm đó, mặc dù ngài ra đời vào mùa xuân tiếp theo vào vụ gieo hạt khi sao Thiên Lang mọc. Đó là những gì thiếp nhớ.

Những lời nói của bà ta khiến tôi cứng người vì kinh hãi, đến mức tôi không thể chống cự, thậm chí không có cảm giác gì khi bà ta áp cái miệng sặc mùi rượu vào má tôi và dùng miệng với má mình nhuộm má tôi thành màu gạch. Bà ta cũng quàng tay quanh người tôi rồi siết chặt vòng ôm và gọi tôi là bò đực nhỏ, là bồ câu trống đáng yêu. Tôi lơ đãng đẩy bà ta ra và tâm trí tôi sôi sục như biển cả, mọi thứ trong tôi trỗi lên dữ dội để chống lại

điều khủng khiếp này, vì nếu những gì bà ta nói là đúng, có lẽ dòng máu Pharaon Đại đế chảy trong huyết quản của tôi và tôi là anh cùng cha khác mẹ của Pharaon Ekhнатon. Tôi có thể là Pharaon trước ngài, nếu như sự lọc lừa của Teje không thắng được tình yêu của thân mẫu quá cố của tôi. Tôi chăm chăm nhìn về phía trước và nghĩ rằng tôi đã hiểu ra vì sao mình luôn cảm thấy cô đơn và xa lạ trên trái đất, vì dòng máu hoàng tộc luôn đơn độc giữa đám đông loài người. Tôi cũng đã hiểu ra vì sao khi ở xứ Mitanni, tôi lại có tâm trạng kỳ lạ và vì sao tôi lại cảm thấy bóng dáng của thần chết ngự trị trên vùng đất xinh đẹp và thanh lịch đó.

Nhưng những động tác bạo dạn của Mehunefer khiến tôi tỉnh táo trở lại, tôi lấy hết khả năng để chịu đựng những cái vuốt ve và lời tán tỉnh của bà ta, vì bàn tay và lời nói của bà ta làm tôi kinh hãi, cũng như tất cả mọi việc trong hoàng cung giờ đây khiến tôi khiếp sợ. Nhưng lý trí buộc tôi phải chịu đựng bà ta và tôi ép bà ta uống nhiều rượu hơn để bà ta say hơn và quên đi tất cả những gì đã nói với tôi. Nhưng càng say bà ta càng trở nên quái gở, nên cuối cùng tôi phải pha nước anh túc vào rượu cho bà ta ngủ để tôi thoát khỏi bà.

Cuối cùng, tôi rời khỏi phòng bà ta và hậu cung khi màn đêm đã buông xuống, người hầu và lính canh của hoàng cung chỉ tay vào tôi và cười khúc khích với nhau, nhưng tôi nghĩ họ cười chỉ vì chân tôi run, mắt tôi nhìn lơ ngơ về phía trước và quần áo của tôi nhăn nhúm. Merit thao thức đợi tôi ở nhà, bồn chồn lo lắng vì tôi vắng mặt quá lâu từ khi nàng nghe tin Thái hậu qua đời. Khi thấy tôi, nàng đưa tay lên miệng, cả Muti cũng đưa tay lên miệng và họ nhìn nhau. Cuối cùng, Muti nói với Merit, giọng chua chát:

- Chẳng phải tôi đã ngàn lần nói với cô rằng tất cả đàn ông đều giống nhau và không thể tin được hay sao?

Nhưng tôi mệt mỏi và muốn ở một mình với những suy nghĩ của mình, vì thế tôi bực tức nói với họ:

- Tôi đã có một ngày mệt mỏi và không muốn nghe lời xỉa xói của các người nữa.

Lúc đó, đôi mắt của Merit đầy vẻ sắc lạnh và nét mặt tối sầm lại vì tức giận, rồi nàng giơ một cái gương đồng ra trước mặt tôi và nói:

- Hãy nhìn mặt anh đi, Sinuhe! Tôi không hề cảm anh vui vẻ với đàn bà lạ, nhưng tôi mong anh ít nhất hãy làm điều đó khuất mắt tôi để nó không xúc phạm trái tim tôi. Anh cũng không thể nói anh đã ở một mình và buồn bã khi ra khỏi nhà hôm nay.

Tôi nhìn mặt mình và vô cùng kinh hãi vì mặt tôi lem luốc phấn son, mặt Mehunefer và môi bà ta để lại những vết đỏ trên má, cổ và thái dương tôi. Vì xấu xí và quá nhiều nếp nhăn, bà ta đã trát mặt dày đến mức mặt bà ta như có lớp vữa trát tường và với thói phù phiếm của mình, bà ta còn quét thêm son mới lên đôi môi tái nhợt sau mỗi lần uống một ngụm rượu từ trong cốc. Vì vậy, mặt tôi trông giống như mặt người mắc bệnh dịch hạch. Hết sức hổ thẹn, tôi vội vàng lau mặt trong khi Merit vẫn nhẩn tâm giơ gương trước mặt tôi.

Sau khi lau sạch mặt bằng dầu, tôi nói với vẻ hối hận:

- Em đã hiểu lầm mọi chuyện rồi, Merit, em cứng của anh. Hãy nghe anh giải thích.

Nhưng nàng cau kinh nhìn tôi và nói:

- Tôi không cần lời giải thích của anh, Sinuhe, tôi cũng không muốn anh vì tôi mà làm bẩn miệng mình bằng những lời nói dối, vì trong chuyện này, không ai có thể hiểu lầm điều gì khi nhìn thấy cái mồm lấm lem nhem nhuốc của anh. Chắc chắn anh không nghĩ tôi còn thức và đợi anh vì anh thậm chí không

thèm xóa dấu vết cơn hoan lạc trên mặt mình. Hay anh muốn khoe với tôi về chiến tích của mình và chứng tỏ rằng lũ đàn bà trong hoàng cung yếu ớt như đám sậy trước mặt anh? Hay đơn giản là anh say khướt như một con lợn, đến nỗi không còn nhận ra việc mình làm lỗi bịch đến thế nào?

Tôi đã phải mất nhiều thời gian và công sức để làm nàng bình tĩnh lại, còn Muti bật khóc vì thương nàng và che mặt đi vào bếp, biểu lộ sự coi thường tất cả đàn ông. Nói đúng ra, tôi mất nhiều công sức để xoa dịu Merit hơn cả thoát khỏi Mehunefer, vì thế rốt cuộc tôi đã nguyện rửa tất cả đám đàn bà và nói:

- Merit, em hiểu anh hơn bất kỳ ai khác, vì thế em có thể tin ở anh. Em hãy tin rằng nếu muốn, anh có thể giải thích tất cả những điều này để em hoàn toàn hiểu ra, nhưng điều bí mật có thể không phải của anh mà của hoàng cung, vì vậy tốt hơn là em không nên biết vì tính mạng của mình.

Nhưng lưỡi nàng nhọn hơn cả vòi ong khi nàng nói đầy châm chọc:

- Tôi đã nghĩ rằng tôi hiểu anh, Sinuhe, nhưng giờ đây tôi mới thấy trong trái tim anh có những vực thẳm mà tôi chưa từng biết đến. Nhưng chắc chắn là anh làm đúng khi bảo vệ danh dự của một người phụ nữ và tôi không hề tò mò dò hỏi về những bí mật của anh. Hãy tránh xa tôi ra, vì với tôi anh được tự do đi và đến mặc lòng và tôi cũng cảm ơn tất cả các vị thần đã cho tôi hiểu phải giữ mình được tự do và từ chối đập vò cùng anh, nếu quả thật khi đó anh nói thật lòng mình. Ôi, Sinuhe, tôi đã ngu ngốc làm sao khi tin vào những lời dối trá của anh, vì có lẽ anh cũng đã thì thầm những lời như thế vào đôi tai xinh đẹp nào đó suốt cả tối hôm nay. Ôi, ước gì tôi đã chết.

Tôi cố gắng chạm tay vào nàng để xoa dịu nàng, nhưng nàng tỏ vẻ kinh tởm tránh ra và nói:

- Đừng động vào tôi, Sinuhe, chắc hẳn anh đã quá mệt mỏi vì lăn lộn trên những tấm thảm mềm của hoàng cung suốt đêm rồi. Tôi không hề nghi ngờ là chúng mềm hơn thảm của tôi, và anh tìm thấy ở đó những bạn chơi trẻ và xinh đẹp hơn tôi.

Nàng đã nói như thế với tôi, đâm chọc vào trái tim đầy những vết thương nhỏ, đau nhói của tôi đến mức tôi thấy mình sắp phát điên. Chỉ đến lúc đó, nàng mới để tôi lại một mình và bỏ đi, không cho tôi tiễn nàng trở lại Đuôi Cá Sấu. Tôi sẽ còn đau khổ hơn nữa vì việc nàng bỏ đi nếu những suy nghĩ không trào dâng, sục sôi như biển cả trong đầu tôi và nếu tôi không muốn được ở lại một mình với chúng. Vì vậy, tôi để nàng đi và tôi nghĩ chắc nàng chẳng thể ngờ rằng tôi để nàng đi mà không phản ứng gì thêm.

Đêm đó, tôi trần trọc suy tư trên tấm thảm và khi đêm trôi đi, những ý nghĩ trở nên lạnh lẽo hơn và xa vời hơn khi hơi rượu bốc hết khỏi đầu và cái lạnh cắt xén chân tay khi không có ai bên cạnh sưởi ấm. Tôi lắng nghe tiếng nước ti tách trong đồng hồ nước, dòng nước không ngừng trôi và thời gian cũng trôi đi vô định khiến tôi cảm thấy xa lạ với chính bản thân mình. Tôi cũng tự nhủ trong lòng: “Tôi, Sinuhe, là người bị những việc làm của mình, không phải của ai khác, nhào nặn nên. Tôi, Sinuhe, đã đẩy bố mẹ nuôi của mình đến cái chết tức tưởi chỉ vì một người đàn bà độc ác. Tôi, Sinuhe, vẫn còn giữ dải ruy băng bạc trên tóc của Minea, người tôi yêu. Tôi, Sinuhe, đã nhìn thấy xác bò biển trương phình trên mặt nước và khuôn mặt của người tôi yêu trôi nổi khi loài giáp xác rửa thịt nàng. Huyết thống của tôi quan trọng gì đâu vì tất cả những việc này đều được ghi lên các vì sao trước ngày tôi được sinh ra và số phận buộc tôi làm người xa lạ trên mặt đất này. Vậy nên sự bình yên của Akhetaton với tôi chỉ là sự giả dối kinh hoàng và tôi cần sự thật khủng khiếp này để trái tim tôi thức dậy khỏi cơn mê mụ và để tôi biết mình luôn phải cô đơn”.

Nhưng khi mặt trời dát vàng nhô lên sau rặng núi phía đông, lập tức xua tan mọi bóng đen của màn đêm, trái tim con người lạ lùng đến mức tôi cười cay đắng trước cơn mê sảng của mình. Cho dù đúng đêm đó tôi đã trôi xuôi dòng sông trên chiếc thuyền sậy với những thân sậy đầy bồ hóng được đan bởi những mũi đan của người bầy chim và cùng thời gian đó hằng đêm những đứa trẻ vẫn bị bỏ rơi trên thuyền sậy trôi sông và những người đàn bà vẫn được đám thủy thủ từ miền Hạ đến đây quyền rũ và dạy cho cách đan của họ mà không ai nhận ra bằng chứng gì mặc dù da tôi có màu khói và nhợt nhạt hơn mọi người, vì các danh y sống cả đời dưới mái hiên nhà và da họ dần nhạt hơn. Không, trong ánh sáng chói chang ban ngày, tôi không tìm thấy bằng chứng thuyết phục nào cho sự ra đời của tôi.

Tôi cũng nghĩ mình đã nhìn thấy Pharaon Amenhotep Đại đế nằm hấp hối trên giường của ngài, nhìn ông lão đang chờ chết mà tôi không có cảm xúc gì, chỉ thấy vui với sự khéo léo của đôi tay mình vì là học trò của Nhà Sống, tôi được phép tẩy trùng và đưa cho Ptahor dụng cụ của ông ấy. Và tim tôi không quặn thắt khi ông ấy khoan sọ Pharaon. Nếu ngài thật sự là cha tôi, nếu hạt giống của ngài thật sự đã tạo ra tôi trong dạ con của Công chúa Mitanni, thì chắc chắn tim tôi đã run lên xúc động khi lần đầu tiên thấy ngài vào đêm ngài mất. Nhưng không có bất cứ cảm xúc chào đón ngài nào trong tôi, mà tôi chỉ thấy một người đàn ông già nua sắp rời bỏ tất cả quyền uy của mình. Tôi cũng nghĩ một khi những ngón tay đen đúa của Thái hậu Teje đã từng giữ tôi vào đêm tôi sinh ra và để tôi vào chiếc thuyền sậy thả trôi sông đi vào cái chết, tim tôi hẳn đã run lên khi nhìn thấy bà ta, nhưng tôi luôn nhìn bà ta với sự tò mò và trước khi bà ta qua đời, tôi đã bình thản nói chuyện với bà ta mà trong tim không có cảm giác chống cự nào. Tôi đã nghĩ như thế và đối với tôi những ý nghĩ này mạnh hơn tất cả những bằng chứng mà đôi mắt và lý trí đưa ra, khiến tôi chỉ muốn tưởng tượng mình đã nằm mơ, nên tôi gạt cơn mê sảng này về sự ra đời của mình ra khỏi tâm trí.

Tôi tắm rửa và mặc quần áo, Muti thắt tôi bìa và cá muối, hai mắt đỏ hoe vì khóc và lộ rõ vẻ khinh thường tôi vì tôi là đàn ông. Tôi sai kiệu đưa mình đến Nhà Sống và ở lại đó để khám bệnh, nhưng không có thêm bệnh nhân nào cần khoan sọ. Từ Nhà Sống, tôi đi ngang qua ngôi đền hoang vắng, ra khỏi tháp môn và nghe tiếng những con quạ béo kêu quàng quạc từ những ô cửa sổ đá bất chéo hình mắt cáo phía trên sát rìa mái đền.

Rồi một con én lướt vèo ngang tôi về phía đền Aton và những bước chân tôi theo cánh én đến đền thờ, nơi các giáo sĩ đang hát thánh ca ca ngợi Aton và dâng hương, trái cây, ngũ cốc cho ngài. Trong đền thờ Aton, rất nhiều người đang chăm chú lắng nghe các bài thánh ca của Aton, giơ tay ngợi ca Aton và các giáo sĩ dạy họ triết thuyết của Pharaon. Tuy nhiên, cảnh tượng này chưa có ý nghĩa gì nhiều vì trong một thành phố lớn như Thebes, có bao nhiêu nơi người ta kéo đến chỉ vì tò mò. Một con én chấp chới chao liệng phía trước tôi, tôi dõi mắt theo nó và thấy những bức tượng được khắc vào đá trên tường ngôi đền, và từ hàng chục cột đá Pharaon Ekhнатon nhìn tôi trong nỗi kích động của ngài với những nét mặt rất đáng sợ. Cũng ở đó, tôi tìm thấy một bức tượng được chạm theo phong cách mới, Pharaon Amenhotep vĩ đại đang ngồi trên ngai vàng, già nua và ốm yếu, đầu cúi xuống trước sức nặng của những chiếc vương miện và Hoàng hậu Teje ngồi bên cạnh ngài. Tôi cũng đã tìm thấy tất cả các tượng của hoàng gia và tôi dừng lại xem bức tượng Công chúa Tadukhipa của Mitanni đang dâng đồ tế lễ cho các vị thần của Ai Cập, nhưng văn bản gốc đã bị cạo khỏi tượng và nội dung chạm khắc mới ghi là Công chúa dâng lễ tạ Aton, mặc dù lúc người sinh thời, Aton chưa hề được thờ cúng tại Thebes.

Tượng này được tạc theo phong cách nghệ thuật cổ, mô tả một thiếu phụ trẻ và đẹp, đầu đội chiếc mũ hoàng gia, chân tay thanh tú, mảnh mai, đầu thon đẹp và duyên dáng. Tôi ngắm bức tượng rất lâu, thỉnh thoảng con én lại bay liệng quanh đầu tôi hót chiu chít đầy mừng rỡ, cho đến khi một nỗi cảm kích rất đáng sợ xâm chiếm tâm trí đã quá mỗi mảy may vì suy nghĩ và thao

thức của tôi và tôi cúi đầu khóc thương cho số phận của người thiếu nữ cô đơn đã từ một đất nước xa lạ đến nơi đây. Nghĩ đến người, tôi ước mình xinh đẹp như người, nhưng chân tay tôi khẳng khiu, thô kệch, đầu tôi cạo trọc dưới mái tóc giả của danh y, bao điều suy nghĩ đã rạch xoi những nếp nhăn trên trán tôi và khuôn mặt tôi sưng phồng lên vì cuộc sống quá dư dả ở Akhetaton. Không, so sánh mình với người, tôi không thể hình dung ra mình là con trai của người, nhưng cảm xúc vẫn tràn ngập trong tâm trí tôi và tôi khóc cho sự cô đơn của người trong hậu cung của Pharaon; con én vẫn chao liệng quanh đầu tôi mừng rỡ. Tôi nhớ những ngôi nhà xinh đẹp và những con người sầm uất ở Mitanni, tôi cũng nhớ những con đường đầy bụi và sán đất sét nện ở Babylon, tôi cảm thấy thời trai trẻ của mình đã mãi mãi trôi qua và những năm tháng trai tráng của tôi đã chìm vào bùn lầy và nước đọng ở Akhetaton.

Ngày của tôi đã trôi qua như thế, tối đến tôi trở lại bến cảng, đến Đuôi Cá Sấu để ăn tối và làm lành với Merit. Nhưng Merit đã cúi kính đón tôi và đối xử với tôi như một khách lạ, mang cho tôi đồ ăn rồi đứng bên cạnh ghế và lạnh lùng nhìn tôi. Khi tôi ăn xong, nàng hỏi:

- Anh đã gặp người yêu của mình chưa?

Tôi bực tức nói rằng tôi không đi gặp đàn bà con gái mà đi làm nghề của mình trong Nhà Sống và ghé lại đền Aton. Để biểu lộ sự phẫn nộ của mình, tôi liệt kê cụ thể cho nàng từng nơi bước chân tôi đã ghé qua trong ngày, song suốt buổi hôm ấy nàng chỉ nhìn tôi với một nụ cười giễu cợt. Khi tôi dứt lời, nàng nói:

- Tôi không nghĩ anh đi kiếm đàn bà con gái, vì đêm qua anh đã kiệt sức rồi, béo và hoi thế này thì làm gì được hơn nữa. Tôi chỉ định nói là người anh yêu cũng đến cả đây tìm anh, và tôi bảo người ấy đến Nhà Sống mà tìm.

Tôi đứng phắt dậy mạnh tới mức ghế đổ chông và hét lên:

- Ý cô là gì, hả đồ điên kia?

Merit đưa tay sửa mái tóc, mỉm cười châm chọc và nói:

- Đúng thật là người anh yêu đã đến đây tìm anh, ăn vận như cô dâu, đồ trang sức treo trên người sáng loáng, mặt tô vẽ như khi và mùi dầu xúc bốc tới tận sông. Bà ta gửi lời chào anh, để lại một phong thư phòng trường hợp không gặp được anh và tôi thực lòng mong anh hãy khuyên bà ta tránh xa nơi đây đi, vì đây là một ngôi nhà trong sạch mà bà ta cư xử như một mụ chủ lầu xanh.

Nàng đưa cho tôi một phong thư chưa niêm phong và tay tôi run rẩy mở ra. Máu bốc lên đầu khi tôi đọc thư và tim tôi bắt đầu đập gấp gáp. Vì Mehunefer đã viết thế này cho tôi:

“Mehunefer, quản gia hậu cung của Pharaon gửi lời chào tới danh y Sinuhe.

Sinuhe, bờ tóc nhỏ của thiếp, bờ câu trống đáng yêu của thiếp. Thiếp thức dậy một mình trên thảm, đầu đau nhức, nhưng trái tim thiếp còn nhức nhối hơn cả đầu vì thảm của thiếp trống không, còn chàng đã rời thiếp ra đi và thiếp chỉ có thể ngửi thấy mùi dầu xúc của chàng trên tay mình. Sinuhe ơi, ước gì thiếp là tấm vải quấn quanh hông chàng, là dầu xúc trên tóc chàng, là rượu trong miệng chàng. Thiếp sẽ cho kiệt khên mình từ nhà này sang nhà khác để tìm chàng và thiếp sẽ không ngại vất vả cho đến khi tìm thấy chàng, vì thân thể thiếp nhột nhột đầy kiến khi thiếp nghĩ về chàng và đôi mắt chàng thật dễ thương trong mắt thiếp. Chàng không cần phải ngại ngần khi đến với thiếp, mặc dù chàng hay thẹn thùng, như thiếp biết, vì ai trong hoàng cung cũng đã biết mọi bí mật của thiếp và những người hầu lơ đi coi như không thấy chàng. Hãy mau đến với thiếp khi chàng nhận được thư này, hãy đến nhanh như chim bay, người yêu dấu của thiếp ơi, vì trái tim thiếp khao khát chàng. Nếu như chàng không đến được với thiếp, thiếp sẽ bay đến với chàng còn nhanh hơn chim.

Mehunefer yêu dấu của lòng chàng xin chào chàng."

Tôi đọc những dòng huyền thiên khủng khiếp này vài lần mà không dám nhìn Merit cho đến khi nàng giật lá thư từ tay tôi và bẻ gãy que dùng để cuộn lá thư vào rồi xé vụn tờ giấy, vứt xuống dưới chân và điên lên nói:

- Tôi vẫn có thể hiểu được, Sinuhe, nếu đó là người trẻ và đẹp, đẳng này mặt ta già nua, nhăn nheo và xấu xí như cái bao tải, dù mặt ta trát mặt dày như tường đất sét. Tôi hoàn toàn không hiểu anh nghĩ gì nữa, Sinuhe, hay sự lộng lẫy hào nhoáng của hoàng cung làm mờ mắt anh đến mức anh nhìn tất cả lộn ngược như thế. Anh biến mình thành trò cười khắp bàn dân thiên hạ ở Thebes với cách cư xử như thế và cũng biến tôi thành trò cười theo.

Tôi vò quần áo mình và lấy móng tay cào ngực, gào lên:

- Merit, anh đã làm một việc ngu dại khủng khiếp, nhưng anh có lý do để làm việc đó mà không ngờ rằng mình sẽ phải nhận hình phạt kinh khủng thế này! Merit, hãy cho người đi gọi các tay chèo thuyền của anh và bảo họ đến ngay vì anh phải chạy trốn. Nếu không mặt đàn bà ghê tởm này sẽ đến dùng vũ lực ăn nằm với anh và anh không thể chống cự, vì mặt ta viết rằng mặt ta sẽ bay đến chỗ anh nhanh hơn chim và anh tin lời mặt.

Merit nhận thấy nỗi đau và sự hốt hoảng của tôi và tôi nghĩ chắc cuối cùng nàng tin rằng tôi không có gì với Mehunefer, vì đột nhiên nàng bắt đầu cười rất thật lòng, cười sặc sụa khiến thân hình xinh đẹp của nàng cong vồng xuống đầu gối khi nói:

- Tôi hy vọng việc này sẽ dạy anh thận trọng hơn với đàn bà, Sinuhe ạ, vì đàn bà chúng tôi dễ vỡ như bát đĩa và chính tôi cũng biết anh quyến rũ đến thế nào, Sinuhe, tình yêu của tôi.

Nàng nhấn tâm chế nhạo tôi và vờ nhún nhường nói:

- Tôi nghĩ người đàn bà tinh tế ấy đã làm anh hài lòng hơn là tôi trên tấm thảm của bà ấy, và ít nhất bà ấy đã có gấp đôi số năm tôi có để luyện kỹ năng yêu, vì vậy tôi không thể địch nổi với bà ấy và tôi đoán vì bà ấy, anh sẽ nhẫn tâm hắt hủi tôi.

Nỗi đau khổ của tôi quá lớn nên tôi đã kéo Merit đến ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng và kể cho nàng nghe mọi chuyện. Tôi kể với nàng bí mật về sự ra đời của tôi và kể cho nàng nghe tôi đã dự dồ như thế nào để Mehunefer kể ra mọi chuyện, và tôi cũng nói với nàng lý do tại sao tôi không muốn tin sự ra đời của mình có liên quan đến hoàng cung và Công chúa Mitanni. Khi nghe tôi kể, nàng trầm hẫn lại và không còn cười nữa. Nàng nhìn chằm chằm về phía trước và nỗi buồn trong đáy mắt nàng mỗi lúc một sẫm lại, cuối cùng nàng khẽ chạm tay lên vai tôi và nói:

- Giờ thì em hiểu ra nhiều điều, Sinuhe ạ, em hiểu được điều mà trước đây em không hiểu được ở anh, em hiểu vì sao sự cô đơn của anh thét gào trong tâm lặng với em khi lần đầu tiên em thấy anh và tại sao em yếu đuối đến vậy khi gặp ánh mắt anh nhìn. Cả em cũng có một bí mật, và trong những ngày này em đã thấy muốn kể nó với anh, nhưng bây giờ em vui mừng và cảm ơn các đấng thần linh khi em đã không làm điều đó, vì bí mật thường quá nặng nề để mang và còn nguy hiểm nữa, vì thế tốt hơn là gánh nó một mình chứ không chia sẻ để cả hai phải gánh. Nhưng dù sao em rất vui vì anh đã kể với em tất cả mọi chuyện. Nhưng như anh nói, tốt hơn hết là anh đừng hành hạ trái tim mình khi nghĩ về những việc có thể chưa bao giờ xảy ra, mà hãy quên đi như thế nó chỉ là một giấc mơ và em cũng sẽ quên.

Tôi đâm ra tò mò và dò hỏi nàng về bí mật của nàng, nhưng nàng không muốn kể cho tôi mà chỉ khẽ áp môi vào má tôi và quàng tay quanh cổ tôi rồi nước mắt trào ra. Cuối cùng, nàng nói:

- Nếu anh ở lại Thebes, anh không thể không gặp người đàn bà đó và Mehunefer sẽ ngày này qua ngày khác săn đuổi anh bằng

sự điên rồ của mình cho đến khi anh không thể chịu đựng nổi, vì em đã thấy những người đàn bà như thế và em biết họ có thể kinh khủng đến nhường nào. Anh cũng có lỗi, vì đã làm bà ta tin đủ mọi thứ và làm việc ấy quá tài. Vì vậy có lẽ tốt nhất là anh nên trở lại Akhetaton, vì anh đã có các ca khoan sọ quan trọng và không có việc gì thật cấp thiết để làm nữa. Nhưng chắc chắn nhất là trước khi đi hãy viết cho bà ta một bức thư và bắt bà ta hứa sẽ để anh yên, nếu không bà ta còn lần theo dấu chân anh và đập vò cùng anh khi anh không biết cách tự bảo vệ mình, mà em thì không muốn anh phải chịu số phận như vậy.

Lời khuyên của nàng quá hay và tôi bảo Muti thu gom đồ đạc của tôi, bọc nó trong thảm. Tôi cũng sai mấy người nô lệ đi gom những người chèo thuyền của tôi từ các quán bia và tửu điểm ở cảng về. Trong khi chờ đợi, tôi viết một lá thư, nhưng vì không muốn xúc phạm Mehunefer, tôi đã viết rất lịch sự cho bà ta như sau:

“Danh y khoan sọ hoàng gia Sinuhe chào Mehunefer, quản gia hoàng cung ở Thebes.

Bà ạ, tôi lấy làm tiếc nếu sự chân thành của tôi đã khiến bà hiểu lầm về tình cảm của tôi, bởi tôi không bao giờ có thể gặp lại bà nữa, vì việc gặp bà có thể dẫn tôi đến tội lỗi và trái tim tôi đã có sự ràng buộc rồi. Vì thế tôi rời khỏi đây và sẽ không bao giờ muốn gặp lại bà nữa, nhưng tôi hy vọng bà sẽ chỉ nhớ đến tôi như một người bạn. Tôi gửi cho bà bức thư này cùng với hũ đồ uống có tên đuôi cá sấu, hy vọng nó có thể giúp bà vơi đi nỗi buồn mà bà có thể đang chịu, mặc dù tôi cam đoan với bà không có gì phải buồn vì tôi, một lão già, nhu nhược và buồn chán; một người phụ nữ như bà khó có thể có niềm vui thú gì với tôi. Tôi rất vui vì bằng cách này, tôi bảo vệ được cả hai chúng ta khỏi tội lỗi và tôi không bao giờ muốn gặp lại bà nữa.

Người bạn trung thành Sinuhe, danh y hoàng gia, tha thiết mong điều đó.”

Merit đọc thư tôi viết và lắc đầu nói lời lẽ khiêm nhường quá. Nàng nghĩ lẽ ra tôi cần viết gay gắt hơn, nói rằng Mehunefer là mụ già xấu xí trong mắt tôi và rằng tôi trốn chạy để thoát khỏi bà ta. Nhưng tôi không thể viết như vậy cho một phụ nữ và sau một lúc tranh cãi, Merit để tôi cuộn lá thư lại và niêm phong nó, mặc dù vẫn tiếp tục lắc đầu ngán ngẩm. Tôi sai nô lệ mang bức thư đến hoàng cung và cùng với bức thư, tôi đã gửi thêm một hũ rượu để bảo đảm rằng bà ta sẽ không còn truy đuổi tôi nữa, ít nhất là trong đêm đó. Bằng cách này, tôi nghĩ mình có thể thoát khỏi Mehunefer và thở phào nhẹ nhõm, nhưng đó chỉ là điều tôi nghĩ.

Bị nỗi hoảng loạn làm cho mê mụ, tôi đã quên Merit và nỗi khát khao có nàng, nhưng khi lá thư được gửi đi và Muti đang quần tráp đồ nghề và rương của tôi trên thảm cho chuyến đi, tôi nhìn Merit và một nỗi buồn không thể tả nổi dâng lên trong lòng khi tôi nghĩ chỉ vì sự ngu dại của mình mà tôi mất nàng, dù tôi có thể ở lại Thebes một thời gian nữa. Merit cũng trầm ngâm suy nghĩ và bất chợt hỏi tôi:

- Anh có thích trẻ con không, Sinuhe?

Câu hỏi của nàng khiến tôi hết sức bối rối. Nàng nhìn vào mắt tôi rồi mỉm cười buồn buồn và nói:

- Ô, đừng sợ, Sinuhe. Em không có ý định sinh con cho anh. Nhưng người bạn gái của em có một bé trai lên bốn và cô ấy thường nói rằng giá như thằng bé có thể lên thuyền xuôi dòng sông để được ngắm nhìn những đồng cỏ xanh mướt, những cánh đồng nhấp nhô cùng đàn vịt trời và bầu gia súc thay vì chó, mèo trên những con đường đá bụi bặm của Thebes thì tuyệt vời biết bao.

Tôi hoảng quá và nói:

- Em không định nói là anh sẽ đưa cậu bé nghịch ngợm của cô bạn nào đó của em lên thuyền, khiến sự bình yên của anh theo

đó mà đi tong và anh sẽ giật mình thon thót trong suốt chuyến đi và phải canh chừng kẻo nó rơi xuống nước hoặc thò tay vào miệng cá sấu đó chứ?

Merit nhìn tôi cười, nhưng nổi buồn sẫm lại dưới đáy mắt và nàng nói:

- Tất nhiên em không muốn phiền anh, nhưng hành trình dọc dòng sông có ích với thằng bé, và chính em đã bế nó trên tay khi người ta cắt bao quy đầu cho nó, vì vậy em phải có trách nhiệm với nó, như anh hẳn biết. Tất nhiên em sẽ đi cùng để chắc chắn nó không bị rơi xuống nước, và như thế em sẽ có lý do để theo anh trong suốt hành trình. Nhưng em sẽ không làm gì trái ý anh và vì vậy chúng ta hãy quên điều này đi.

Nghe thế tôi sung sướng hét lên và vỗ tay đánh bốp trên đầu nói:

- Nếu vậy, em có thể đưa theo em thậm chí cả vườn trẻ to như ngôi đền. Quả thật, đây là một ngày rất vui đối với anh, vì anh thật ngốc quá, đến mức không nghĩ ra rằng em có thể đi cùng anh đến Akhetaton. Danh tiếng của em sẽ không bị hoen ố vì anh nếu em có một đứa trẻ đi cùng, đó sẽ là lý do của chuyến đi trên sông này.

- Đúng vậy đấy, Sinuhe, - nàng nói, mỉm cười châm chọc như phụ nữ thường mỉm cười với những việc đàn ông không thể đoán ra. - Đúng thế, danh tiếng của em không bị tổn hại khi em có một đứa trẻ đi cùng và anh là chỗ dựa của em. Chính anh nói điều đó ra. Ôi, đàn ông đúng là đồ ngốc, nhưng em sẽ tha thứ cho anh.

Chúng tôi vội vã ra đi vào lúc bình minh khi bầu trời chuyển màu trắng ngà trước khi mặt trời mọc, vì tôi rất sợ Mehunefer đến. Vậy nên Merit đi đón đứa bé và đưa xuống thuyền khi nó đang ngủ, người được quấn trong chăn. Mẹ nó không đi tiễn, mặc dù tôi rất muốn gặp người phụ nữ dám đặt tên cho con

mình là Thoth, vì người ta ít khi dám lấy tên thần linh đặt cho con mình. Hơn nữa, Thoth là vị thần của chữ viết và tri thức của con người và cả thần linh, nên sự hỗn xược của người đàn bà này càng lớn. Nhưng thằng bé vẫn ngây thơ ngủ trong vòng tay Merit mà không hay biết đến trách nhiệm nặng nề do tên mình mang lại và chỉ thức dậy khi chúng tôi đã đi xa trên sông, lính canh của Thebes đã khuất khỏi tầm mắt và mặt trời đổ nắng rang vàng dòng sông. Thằng bé kháu khỉnh, mập mạp, da nâu với mớ tóc đen mượt mà xoa trán, nó không hề sợ tôi mà chạy đến sà vào lòng tôi và tôi âu yếm ôm nó vào lòng, vì nó là một đứa bé hiền lành, không đạp chân và vươn vớ trong vòng tay tôi mà nhìn tôi bằng đôi mắt sẫm màu và trầm ngâm như thể đang suy ngẫm tất cả những bí ẩn của tri thức trong cái đầu nhỏ bé của mình. Tôi rất thích thằng bé vì sự trầm tĩnh của nó và tôi đan cho nó những chiếc thuyền nhỏ bằng sậy, cho nó chơi với đồ nghề của tôi và gửi đủ loại thuốc, vì thằng bé thích mùi của các vị thuốc và thích thú chúi mũi vào từng cái bình.

Thằng bé không hề gây phiền toái cho chúng tôi trên thuyền và nó không ngã xuống nước hay đứt đôi tay nhỏ bé của mình vào miệng cá sấu hay bẻ những cây bút sậy của tôi, mà chuyến đi của chúng tôi thật vui và hạnh phúc, vì tôi được đi cùng Merit. Hằng đêm nàng nằm trên thảm bên cạnh tôi và bé Thoth thở đều đều ngủ yên gần chúng tôi. Đây là một chuyến đi hạnh phúc và cho đến ngày lìa đời, tôi vẫn sẽ nhớ tiếng sậy lao xao trong gió và những đàn gia súc được lừa xuống sông uống nước lúc xẩm tối. Có những phút giây trái tim tôi trào dâng hạnh phúc, giống như trái chín nứt vỏ ứa ra mật ngọt tràn trề, và tôi nói với Merit:

- Merit, em yêu của anh, chúng ta hãy cùng nhau đập bể vỏ để chúng ta luôn được sống bên nhau và biết đâu một lúc nào đó em sinh cho anh một cậu con trai, như bé Thoth này, một bé trai hiền lành, da nâu và điềm đạm như nó. Quả thật là từ trước đến nay anh chưa hề muốn có con, nhưng bây giờ tuổi trẻ của anh đã trôi qua, dòng máu của anh đã thôi sục sôi mãnh liệt và khi ngắm nhìn bé Thoth, anh khát khao có con với em, Merit ạ.

Nàng đưa tay bịt miệng tôi, quay mặt đi và trầm giọng nói:

- Sinuhe, đừng nói đến những điều không thể, vì anh biết là em lớn lên trong một quán rượu và có thể em không sinh con được nữa. Và anh, người mang số phận mình trong tim, có lẽ sẽ tốt hơn nên sống một mình để có thể quyết định đời mình và hành động theo lương tâm mình mà không phải nghĩ đến vợ hay con, vì em đọc được điều này từ mắt anh vào ngày đầu tiên chúng ta gặp nhau. Không, Sinuhe, đừng nói với em như thế, bởi vì lời nói của anh khiến em yếu đuối và em có thể bật khóc, mà em không muốn khóc khi hạnh phúc đang tràn ngập quanh mình. Những người khác tự mình làm nên số phận và trôi mình bằng hàng ngàn mối ràng buộc, nhưng số phận anh ở trong trái tim anh và nó lớn lao hơn số phận của em. Nhưng cả em cũng rất yêu cậu bé này và phía trước chúng ta còn nhiều ngày quang đặng và nóng nực trên sông. Vì vậy, hãy tưởng tượng rằng chúng ta đã cùng đập vỡ vỏ, chúng ta là vợ là chồng và Thoth là con đẻ của chúng ta. Em sẽ dạy nó gọi anh là bố và gọi em là mẹ, vì nó còn nhỏ, sẽ sớm quên và điều đó không hại gì cho nó. Và chúng ta sẽ lấy trộm từ thần linh một quãng đời nho nhỏ mà chúng ta có được trong những ngày này. Đừng để nỗi buồn hay lo lắng về tương lai làm lu mờ niềm vui của chúng ta.

Thế là tôi xóa hết mọi suy nghĩ tai ương hiểm họa ra khỏi tâm trí mình, nhắm mắt để khỏi nhìn thấy sự khốn khổ của Ai Cập và những người đói rách trong các ngôi làng bên bờ sông và tôi chỉ sống từng ngày từng ngày một khi chúng tôi xuôi dòng sông. Bé Thoth vòng tay ôm cổ tôi, áp má vào má tôi và gọi tôi là “Bố”. Cơ thể con trai nhỏ bé của nó thật ấm áp trong vòng tay tôi. Hằng đêm, tôi cảm nhận tóc Merit vương quanh cổ mình, tay nàng nắm tay tôi và nàng thở đều đều vào má tôi. Nàng là bạn tôi và những giấc mơ xấu không còn quấy rầy tôi nữa. Những ngày này trôi qua như một giấc mơ, lướt qua nhanh như hơi thở và không trở lại. Tôi không muốn kể thêm về những ngày này, bởi vì những ký ức như những vỏ trấu đâm chọc cổ họng tôi và nước mắt làm nhòe những con chữ. Đúng là con người ta đừng

bao giờ hạnh phúc quá, bởi không có gì dễ tiêu tan và biến mất nhanh hơn hạnh phúc của con người.

7

Thế là tôi đã quay lại Akhetaton, nhưng không còn là tôi của lúc ra đi mà bây giờ tôi nhìn Thành phố Thiên Đường với con mắt khác. Những ngôi nhà thanh thoát trong tất cả màu sắc rực rỡ của chúng dưới ánh nắng vàng và bầu trời xanh đậm khiến cho thành phố chỉ như một bong bóng dễ vỡ hay một ảo ảnh dần tan. Và sự thật không có ở trong Akhetaton, mà nằm bên ngoài Akhetaton, là cái đói, cái khổ, sự khốn cùng và tội phạm, những điều mà nạn đói đem theo đến Ai Cập. Merit và Thoth trở lại Thebes, mang theo họ trái tim tôi. Vì thế, tôi lại nhìn mọi thứ với đôi mắt lạnh lùng không còn tấm màn nào che chắn và mọi thứ đều quá xấu xa trong mắt tôi.

Nhưng không lâu sau ngày tôi trở lại, sự thật cũng đến Akhetaton và Pharaon Ekhнатon buộc phải đối diện với nó, nhìn thẳng vào nó từ ban công điện của mình, vì Horemheb đã sai một nhóm tị nạn Syria khốn cùng từ Memphis đến cầu khẩn Pharaon. Anh ấy đã trả tiền đi đường cho họ và tôi nghĩ anh ấy còn khuyến khích họ nói vống lên nỗi khốn khổ của mình, tạo nên một cảnh tượng thật khủng khiếp ở Thành phố Thiên Đường, khiến các triều thần hoảng sợ, lui về nhà ẩn náu, còn lính cấm vệ đóng kín các cổng hoàng cung khi nhìn thấy họ. Nhưng họ gào thét rất to, lấy đá đập vào các cánh cổng và ném đá vào tường hoàng cung cho đến khi Pharaon buộc phải nghe thấy tiếng họ và cho họ vào sân trong.

Tại đây, họ kêu lên với Pharaon:

- Xin ngài hãy nghe tiếng thét đau đớn của dân chúng qua cái miệng đã bị đánh bầm dập của chúng tôi, vì xứ Kemet hùng vĩ giờ chỉ như một bóng ma run rẩy trước nắm mồ, máu của tất cả

những ai tin tưởng vào ngài và đặt tất cả hy vọng vào ngài đã đổ xuống vô ích trong các thành phố ở Syria khi những kẻ phá tường tông gỗ thành thịch trong tiếng lửa cháy phùng phùng.

Họ giơ những cánh tay cụt về phía ban công vàng của Pharaon và gào thét lên:

- Hãy nhìn tay chúng tôi, Pharaon Ekhnaton. Bàn tay của chúng tôi đâu?

Họ đẩy ra trước những người đàn ông đã bị chọc mù mắt và để họ dò dẫm bước lên, những người già đã bị cắt lưỡi, miệng há hốc phát ra những tiếng khàn khàn trong cổ họng. Họ gào lên với Pharaon:

- Đừng hỏi đến vợ và con gái của chúng tôi, vì số phận của họ trong tay lũ đàn ông Aziru và Hittite còn khủng khiếp hơn cả cái chết. Chúng đã chọc thủng mắt chúng tôi và chặt tay chúng tôi vì chúng tôi tin tưởng vào ngài, thưa Pharaon Ekhnaton!

Pharaon yếu đuối và nhu nhược đưa tay che mặt và run lẩy bẩy nói với họ về Aton. Lúc đó, họ cười ngài bằng điệu cười man dại và xỉ vả ngài:

- Chúng tôi biết ngài cũng đã gửi thánh giá sự sống cho kẻ thù của chúng ta. Chúng treo nó vào cổ ngựa và tại Jerusalem, chúng chặt chân các giáo sĩ của ngài và bắt họ nhảy những điệu nhảy mừng vui để tỏ lòng kính trọng với thần của ngài.

Lúc đó, Pharaon Ekhnaton hét lên một tiếng kinh hoàng, căn bệnh thần thánh lại tra tấn ngài khiến ngài ngã vật xuống, co giật và bất tỉnh ngay trên ban công. Nhìn thấy thế, lính cấm vệ kinh hoàng lao đến đánh những người tị nạn Syria, còn những người này vì quá tuyệt vọng đã chống lại, máu của họ chảy xuống những khe đá lát sân trong hoàng cung và xác họ bị ném xuống sông. Nefertiti và Meritaton, Meketaton ốm yếu và Ankhsenaton bé nhỏ đã nhìn thấy cảnh tượng này từ ban công

của hoàng cung và không bao giờ quên, vì đó là lần đầu tiên họ nhìn thấy những biểu hiện của chiến tranh, khổ đau và chết chóc.

Tôi lấy khăn ướt đắp cho Pharaon Ekhnaton và khi ngài bắt đầu tỉnh, tôi cho ngài uống thuốc an thần và thuốc mê, vì cơn động kinh này quá khủng khiếp nên tôi sợ ngài sẽ chết. Nhờ đó, ngài ngủ được, nhưng khi thức dậy mặt ngài tái xám và đôi mắt đỏ hoe vì cơn đau đầu, ngài nói với tôi:

- Sinuhe, bạn của ta, phải chấm dứt chuyện này. Horemheb nói người quen Aziru, hãy đến gặp hắn ta và mua cho ta sự bình yên. Hãy mua hòa bình cho Ai Cập, dù phải tiêu tốn hết vàng của ta và cho dù Ai Cập sau này chỉ là một vương quốc nghèo.

Tôi kiên quyết phản đối ngài:

- Bẩm Pharaon Ekhnaton, xin ngài hãy gửi vàng cho Horemheb, anh ta sẽ mua hòa bình cho ngài bằng giáo mác với chiến xa và Ai Cập sẽ không hổ thẹn.

Ekhnaton ôm đầu và nói:

- Vì Aton, Sinuhe, người không hiểu tội ác sinh ra tội ác, hận thù gieo rắc hận thù và máu sinh ra máu cho đến khi chúng ta chìm trong bể máu. Những nạn nhân sẽ nhận được gì nếu nỗi đau của họ được báo thù bằng nỗi đau của người khác, còn hổ thẹn ư, đó chỉ là định kiến. Vì thế ta lệnh cho người: hãy đến gặp Aziru và mua hòa bình cho ta.

Tôi sợ ý định thất thường của ngài nên nói:

- Muôn tâu Pharaon, họ sẽ chọc mù mắt thần và rút lưỡi ra khỏi miệng thần trước khi cho thần vào tiếp kiến Aziru. Mà tình bạn của ông ta cũng không ích gì cho thần vì chắc ông ta đã quên thần từ lâu. Thần cũng không quen với những gian khổ của chiến trận mà kinh sợ chúng. Chân tay thần đã xơ cứng, thần đi

lại không còn được nhanh nhẹn và không biết sắp đặt câu từ khéo léo như những người từng được dạy nói dối từ khi còn nhỏ và làm sứ giả của ngài đến gặp các quốc vương ngoại bang. Vì thế, xin quốc vương hãy sai người khác nếu ngài muốn mua hòa bình, chứ đừng buộc thần đi.

Nhưng ngài vẫn nhất quyết phán:

- Hãy làm theo lời ta. Đây là lệnh của Pharaon.

Nhưng tôi đã nhìn thấy những người tị nạn trong sân cung điện. Tôi đã nhìn thấy những cái miệng bị bầm dập của họ, những con mắt bị đâm thủng và những cánh tay cụt. Vì vậy, tôi hoàn toàn không có ý định đi Syria mà định sẽ về nhà lên giường nằm và đổ bệnh cho đến khi Pharaon quên đi ý muốn bất chợt này. Nhưng khi tôi về gần đến nhà, người đầy tớ ra đón tôi và nói với giọng hốt hoảng:

- Thật tốt là ông đã về, Sinuhe ông chủ của tôi, vì một con thuyền từ Thebes vừa cập bến mang theo một người đàn bà tên là Mehunefer, nói là bạn của ông. Bà ấy đang đợi ông trong nhà, ăn vận như một cô dâu, ngôi nhà sặc sụa mùi dầu xức của bà ấy.

Khi ấy tôi quay phắt lại và vội vàng đến hoàng cung nói với Pharaon:

- Bẩm quốc vương, thần xin phụng mệnh. Thần sẽ đi Syria, máu của thần sẽ nhuộm đỏ đầu ngài. Nhưng thần muốn đi ngay lập tức, vì vậy ngài hãy lệnh cho các ký lục chuẩn bị tất cả những bảng đất sét cần thiết biên chép địa vị và quyền hạn của thần, vì Aziru rất coi trọng những bảng đất sét.

Trong khi các ký lục viết các bảng đất sét, tôi trốn đến xưởng của Thotmes, người bạn không bỏ rơi tôi lúc tôi hoạn nạn. Anh ấy vừa tạc xong bức tượng Horemheb bằng đá sa thạch nâu sau khi lấy mẫu bằng thạch cao khuôn mặt của Horemheb trong lần Horemheb đến thăm Akhetaton, như tôi đã kể trước đây. Bức

tượng này được tạc theo nghệ thuật mới, rất sống động và tạo ấn tượng tốt về Horemheb, mặc dù tôi thấy Thotmes tạc hơi quá độ dày của bắp tay và bề rộng của ngực khiến Horemheb trong bức tượng trông giống một đồ vật hơn là một thống lĩnh quân đội hoàng gia. Nhưng phong cách nghệ thuật mới là phóng đại mọi thứ mà mắt thường nhìn thấy, đến mức xấu xí, vì theo cách nhìn của nghệ thuật mới, đó là sự thật và nghệ thuật cũ đã che giấu sự xấu xí của con người và nhìn con người từ mặt tốt nhất, làm dịu đi những khiếm khuyết của anh ta, trong khi nghệ thuật mới nhìn con người từ mặt xấu nhất, kéo sự thật bị lãng quên.

Tuy nhiên, tôi không biết việc phóng đại sự xấu xí của con người có thật sự là theo sự thật không, nhưng Thotmes tin rằng anh ấy biết điều đó và tôi không muốn phản đối vì anh ấy là bạn của tôi. Anh ấy lấy giẻ ướt lau bức tượng để cho thấy đá sa thạch tỏa sáng đẹp như thế nào nơi cơ bắp của Horemheb và màu sắc của đá phù hợp với màu da của anh ta như thế nào rồi nói với tôi:

- Tôi nghĩ tôi sẽ đi cùng anh đến Hetnetsut và mang theo bức tượng để biết chắc chắn nó sẽ được dựng lên ở một nơi trong ngôi đền tương xứng với địa vị của Horemheb và cả với danh tiếng của tôi với tư cách là một nhà điêu khắc đá. Chắc chắn tôi sẽ đi với anh, Sinuhe ạ, và để gió thổi bay hơi rượu của Akhetaton khỏi đầu tôi, bởi đôi tay tôi run lên vì sức nặng của đục và búa, và cơn sốt bào mòn trái tim tôi.

Các ký lục mang bảng đất sét và vàng cho chuyến đi của tôi cùng với lời chúc phúc của Pharaon Ekhnaton đến xưởng của Thotmes và chúng tôi cho khiêng tượng Horemheb lên thuyền của Pharaon rồi lên đường ngay lập tức. Tôi bảo người hầu của mình nói với Mehunefer rằng tôi đã tham chiến ở Syria và chết ở đó. Tôi không lừa dối khi nói vậy, vì tôi thật sự nghĩ mình sẽ bỏ mạng đau đớn trong chuyến đi này. Tôi cũng ra lệnh cho người hầu của mình tiễn Mehunefer xuống một con thuyền đi đến

Thebes, với tất cả sự tôn trọng cần thiết và thậm chí nếu cần thì bằng vũ lực. Vì, tôi nói, nếu tôi vẫn trở lại được, trái với mọi ước đoán, và thấy Mehunefer trong nhà mình, tôi sẽ cho cả người hầu và nô lệ của tôi no đòn, sai cắt tai và mũi của họ và bắt họ sống trong hầm mỏ suốt đời. Người hầu đã nhìn vào mắt tôi và nghĩ tôi nói thật, vì vậy y vô cùng sợ hãi và hứa sẽ làm theo lệnh tôi. Sau đó, tôi nhẹ nhõm xuống thuyền của Pharaon cùng với Thotmes, và vì tôi tin mình có thể đang cưỡi thuyền đến cái chết trong tay quân Amori và Hittite nên chúng tôi đã không tiếc rượu trong chuyến hành trình. Cả Thotmes cũng nói anh ấy không có thói quen tiết kiệm rượu khi đang trên đường chinh chiến, anh ấy chắc chắn biết điều đó vì đã sinh ra trong trại lính.

Nhưng để kể về chuyến xuôi dòng sông của tôi đến Syria và tất cả những chuyện xảy ra sau đó, tôi phải bắt đầu một cuốn sách mới.

Sách thứ mười hai

Đồng hồ nước đo thời gian



1

Thế là điều mà Kaptah đã ước cho tôi khi bị tôi bắt thực hiện chuyến đi gian nan phát lúa mạch giống cho cư dân mới của Aton đã thành hiện thực, mà lại còn tệ hại hơn rất nhiều những gì tôi có thể tưởng tượng ra, vì tôi cũng như ông ấy không chỉ từ bỏ ngôi nhà và chiếc giường êm ái của mình, mà còn phải ném trải những kinh hoàng của chiến tranh vì Pharaon. Rồi tôi nhận ra rằng tốt nhất người ta nên nghĩ kỹ về những ước muốn trước khi nói ra, vì những ước muốn được nói thành lời rất dễ thành hiện thực và dễ nhất nếu mình ước điều độc ác cho người khác. Ý tôi là, khi ai đó mong ước điều ác cho người khác thì điều ác này dễ thành hiện thực hơn rất nhiều so với khi ước điều tốt cho người đó.

Tôi nghĩ về những điều này và nói với Thotmes khi chúng tôi ở trên thuyền của Pharaon xuôi dọc dòng sông và uống rượu cùng nhau. Nhưng Thotmes bắt tôi im và vẽ những con chim đang bay lên giấy. Anh ấy cũng vẽ chân dung tôi mà không cường điệu chút nào, vì thế tôi phật ý và nói anh không thể là người bạn thật sự của tôi vì đã vẽ tôi theo cách đó. Nhưng anh ấy nói nghệ sĩ không được trở thành bạn của ai trong khi vẽ mà phải tuân theo mắt mình nhìn. Tôi bực quá, liền nói:

- Nếu đúng thế thì đôi mắt cậu đã bị bỏ bùa, vì cậu thấy mọi thứ xấu xa, lở bịch, thấp hèn và tôi cũng trở nên nực cười trong bức vẽ của cậu. Trong mắt cậu chỉ có Hoàng hậu Nefertiti là vẫn đẹp, dù cổ dài và gầy, má hóp và ngày một xấu đi vì những lần mang bầu.

Thotmes hất rượu từ cốc của mình vào mặt tôi và hét lên:

- Đừng nói với tôi về Nefertiti.

Nhưng ngay lập tức anh ấy làm lạnh, tỏ ra hối hận vì đã làm như thế khi say rồi lau rượu trên mặt tôi và nhã nhặn nói:

- Tôi không có ý xấu, nhưng có lẽ người phụ nữ đó đã thật sự bỏ bùa mắt tôi, như cậu nói, vì tôi không thể thấy ai đẹp hơn người và không ai xấu xí, kinh tởm hơn Pharaon Ekhnaton, mặc dù tôi nên yêu quý ngài vì tất cả những điều ngài làm cho tôi.

Tôi nói với anh ấy như một người bạn:

- Những giấc mơ của cậu thật tệ hại và Nefertiti không thể cho cậu nhiều hơn một nô tỳ nghèo hèn nhất có thể cho.

Nhưng sự thông thái của tôi chẳng an ủi anh ấy chút nào, mà còn khiến anh bức bối trở lại. Vì thế chúng tôi hăm hở uống nhiều hơn, bởi vì rượu, tuy gây ra những cuộc cãi vã và xung khắc, nhưng cũng làm dịu mọi hiềm khích, bất đồng và củng cố tình bạn giữa con người. Không có cuộc cãi vã tồi tệ nào mà rượu không thể xoa dịu, chỉ cần uống đủ.

Thế là chúng tôi đến Hetnetsut, một thị trấn nhỏ ven sông, nhỏ đến mức cừu và gia súc được chăn thả trên đường phố và đền được xây bằng đất sét. Quan lại của thị trấn nồng nhiệt đón chúng tôi và Thotmes đã dựng tượng Horemheb trong ngôi đền trước đây vốn là đền thờ Horus nhưng đã được dâng hiến cho Aton vì Ekhnaton. Điều này không làm người dân thị trấn bận tâm vì họ vẫn thờ Horus, thần đầu chim ưng, trong đền mặc dù

ảnh tượng của thần đã bị dẹp khỏi đó. Họ rất vui khi tượng của Horemheb được dựng trong đền và tôi đồ rằng họ sẽ sớm coi anh ấy với Horus là một và tôn thờ anh ấy như Horus, dâng đồ cúng cho anh, vì Aton không có ảnh tượng và nhiều người dân trong thị trấn không biết đọc.

Chúng tôi cũng gặp bố mẹ Horemheb; được Horemheb chu cấp rất nhiều thứ, họ sống trong một ngôi nhà gỗ, mặc dù trước đây họ thuộc nhóm người nghèo nhất thị trấn. Với thói háo danh, Horemheb cũng đã tác động để Pharaon ban cho họ các chức việc như thể họ thuộc hàng quan lại, mặc dù suốt đời họ sống bằng nghề chăn gia súc và nấu pho mát. Bố anh ấy hiện là người giữ dấu triện và là người giám quản các tòa nhà ở nhiều thị trấn và làng mạc, còn mẹ anh ấy là cung nữ và là người trông coi đàn bò của Pharaon, mặc dù cả hai đều không biết đọc và viết. Tất nhiên, những danh vị này chỉ là tước vị danh dự và không liên quan gì tới cuộc sống của họ nhưng cũng nhờ đó mà Horemheb, khi viết tên mình, có thể viết bố mẹ mình thuộc hàng quan lại và không ai khác ở Ai Cập có thể đoán được rằng anh ấy không sinh ra trong một gia đình cao sang. Thói háo danh của Horemheb rõ trở trên.

Nhưng bố mẹ anh ấy là những người chân chất và ngoan đạo, họ mặc những bộ quần áo đẹp, đứng trong đền thờ, ngưỡng ngấp đi đi những ngón chân trần lên nền đất sét trong khi dân thị trấn quán những vòng hoa lên tượng con trai họ. Sau buổi lễ, họ mời Thotmes và tôi về nhà, rồi sau khi thay bộ trang phục vương váu bằng bộ quần áo màu xám sặc mùi bò, họ tiếp đãi chúng tôi, mời chúng tôi pho mát và rượu chua do họ tự chế. Họ cúi đầu thật thấp trước chúng tôi, tay thông ngang đầu gối và xin chúng tôi kể về con trai mình. Bố Horemheb nói:

- Chúng tôi nghĩ thằng bé ngớ ngẩn khi buộc một mẫu đồng vào đầu cây gậy chặn cửa của nó rồi mài đồng thật sắc và không chịu nhún nhường, mặc dù chúng tôi không ngớt khuyên nó phải ngoan ngoãn vâng lời.

Còn mẹ Horemheb kể:

- Tôi luôn thót tim vì nó, vì từ hồi nhỏ nó thà húc đầu vào đá còn hơn phải đi vòng để tránh, và mỗi khi nó ra khỏi nhà, tôi sợ nó sẽ bị toác đầu, sút trán hoặc què quặt hoặc bị đánh như tử khi trở về nhà. Thế mà bây giờ nó trở về, được tạc tượng bằng đá trong vinh quang và danh vọng. Nhưng lòng tôi hằng đêm không yên vì nó, sợ nó ăn quá nhiều thịt vì thịt không hợp với bụng nó, và tôi sợ nó chết đuối khi bơi dưới sông vì nó học bơi mặc mọi lời đe nẹt của tôi.

Với sự chất phác của mình, họ nói chuyện với chúng tôi như thế, sờ sờ quần áo và đồ trang sức của chúng tôi, hỏi thăm sức khỏe của Pharaon, Hoàng hậu Nefertiti và cả bốn công chúa nhỏ. Họ cũng kể ngày ngày cầu nguyện thần linh, là Horus, vị thần của con trai họ, để Hoàng hậu sinh được thái tử thừa kế ngai vàng. Chúng tôi tạm biệt bố mẹ Horemheb như những người bạn và để lại tượng của anh ấy trong đền Horus cho người dân Hetnetsut phụng thờ. Thotmes cũng không đi tiếp cùng tôi đến Memphis, mặc cho tôi nài nỉ và van xin anh đi theo vì chính bản thân anh, mà quay trở lại Akhetaton để tạc tượng Hoàng hậu Nefertiti lên một phiến gỗ cứng, vì anh ấy không thể dùng lời nói để biểu đạt. Anh ấy đã bị vẻ đẹp của Nefertiti mê hoặc và tôi nghĩ điều này không tốt cho sức khỏe của anh ấy, vì vẻ đẹp đến mỹ miều của một người đàn bà rất nguy hiểm và gần như là ma thuật, nếu không phải là một loại bùa chú.

Vì vậy chuyến đi đến Memphis của tôi thật buồn tẻ. Tôi vừa giục các tay chèo vừa nghĩ nếu đằng nào cũng phải chết thì kéo dài thời gian nào có ích gì, mà tốt hơn là chết nhanh để không buồn nghĩ quá nhiều. Vì thế, ngồi trên chiếc ghế mềm trong thuyền của Pharaon với cờ hiệu của Pharaon bay phấp phới trên đầu, tôi ngắm nhìn bờ sậy, dòng sông, đàn vịt bay và tự hỏi: “Rốt cuộc, sống và nhìn ngắm những thứ này có đáng không?”. Rồi tôi nói với lòng mình: “Trời nóng như rang, ruồi bâu ngứa ngáy và niềm vui của con người mới ít ỏi làm sao so với tất cả những nỗi

lo anh ta trải qua. Mắt anh ta mệt mỏi vì nhìn, tai anh ta bị chọc ngoáy bởi vô số âm thanh và lời nói phù phiếm và trái tim anh ta luôn có quá nhiều giấc mơ để có thể hạnh phúc”. Tôi trấn an lòng mình như thế trên hành trình xuôi dòng sông và ăn những món ngon do đầu bếp của Pharaon nấu, uống rượu cho đến say mềm và lòng thư thái. Ý nghĩ về cái chết do rượu bắt đầu gọi tôi nhớ đến người bạn cũ thân quen; với người ấy, cái chết không có gì đáng sợ, mà cuộc sống với tất cả những khổ đau của nó còn đáng sợ hơn cái chết; cuộc sống như bụi nóng, còn cái chết như làn nước mát.

Thế nhưng mới ở cảng Memphis, tôi đã gặp tình cảnh thật khó xử, tôi thấy ở đó những chiến thuyền mạn bị vỡ do bị đá ném trúng, mũi thuyền nứt toác và cột buồm gãy nát. Tôi thấy những cỗ chiến xa càng bị gãy, bánh bị long ra và ruồi bâu đen hút máu khô dưới thùng xe. Tôi cũng thấy những toán dân tị nạn tùm tùm ngã nghiêng trên cầu cảng với vô số tay nải rách tướp, ốm yếu và thương tật, mắt sáng rực đáng sợ trên những khuôn mặt trơ xương. Họ là người Ai Cập và người Syria với quần áo Syria sặc sỡ trên người. Thấy cờ hiệu của Pharaon trên đầu tôi, họ giơ nắm tay bắn thủ về phía thuyền của tôi và la hét, chửi rủa tôi bằng nhiều thứ tiếng khác nhau cho đến khi lính canh lấy gậy quất họ và dẹp đường cho tôi rời bến cảng.

Vì là sứ giả của Pharaon, tôi được Horemheb kính cẩn chào đón và anh ấy cúi đầu rất thấp trước tôi, bởi trong dinh chỉ huy của anh ấy có mặt quan lại Syria và những người quyền quý Ai Cập từ các thành phố Syria chạy lánh sang đây, có cả các sứ thần và người đại diện các nước không tham gia vào cuộc chiến, chính vì họ nên anh ấy buộc phải tỏ lòng kính trọng Pharaon. Nhưng khi còn lại hai chúng tôi, Horemheb bắt đầu quất roi vàng vào chân mình và sốt ruột hỏi:

- Con gió độc nào thổi cậu đến chỗ tôi, mà lại là sứ giả của Pharaon nữa, cái đầu điên rồ của ông ta lại ấp ủ điều thối tha gì vậy?

Tôi nói việc của tôi là đến Syria và mua hòa bình từ Aziru bằng bất cứ giá nào. Nghe vậy Horemheb nổi khùng, chửi bới và gọi thần chim ưng của anh ấy bằng nhiều cái tên khác nhau rồi nói:

- Chẳng phải tôi đã dự đoán là ông ta sẽ làm hỏng mọi kế hoạch của tôi hay sao, những dự định mà tôi đã lao tâm khổ tứ và mất bao vàng bạc mới vạch ra được, vì cậu phải biết nhờ tôi mà chúng ta vẫn kiểm soát Gaza và Ai Cập vẫn còn một đầu mối cho các hoạt động quân sự ở Syria. Tôi lại phải vừa quà cáp vừa đe nẹt, dọa dẫm để thuyết phục đội thuyền chiến Crete bảo vệ đường biển đến Gaza, vì một liên minh Syria mạnh và tự chủ không có lợi cho Crete mà đe dọa uy lực hải quân của họ trên biển. Cậu cũng phải biết là Aziru đang rất vất vả mới điều khiển được các đồng minh của mình và nhiều thành phố Syria đang hỗn chiến với nhau sau khi đánh đuổi người Ai Cập đi. Những người đàn ông Syria mất nhà cửa, đồ đạc và vợ con đã gia nhập các đội quân ô hợp đang kiểm soát sa mạc từ Gaza đến Tanis và gây chiến chống lại quân của Aziru. Tôi đã trang bị vũ khí Ai Cập cho họ và nhiều người dũng cảm đến từ Ai Cập cũng đã tham gia cùng họ. Ý tôi là tất cả những cựu chiến binh, trộm cướp và những kẻ đào tẩu khỏi các hầm mỏ đã lấy mạng sống của mình tạo nên một lá chắn nơi hoang mạc để bảo vệ Ai Cập. Mặc dù cũng có thể hiểu rằng họ gây chiến chống lại bất cứ ai để kiếm kế sinh nhai từ mảnh đất mình đang gây chiến và hủy diệt tất cả sự sống ở đó, nhưng thà như thế sẽ tốt hơn, vì họ gây nhiều tổn thất và rắc rối cho Syria hơn là cho Ai Cập, vì thế tôi liên tục cung cấp vũ khí và lương thực cho họ. Nhưng quan trọng nhất là cuối cùng, quân Hittite đã dốc toàn lực tấn công Mitanni, quét sạch dân Mitanni ra khỏi lãnh địa và vương quốc Mitanni bị xóa sổ. Tuy nhiên, vũ khí và chiến xa của Hittite bị kẹt ở Mitanni và Babylon, vì đang hỗn loạn nên phải điều quân đến bảo vệ các cột mốc biên giới của họ, còn Hittite lúc này cũng không có đủ thời gian để hỗ trợ nhiều cho Aziru. Cũng có thể, nếu khôn ngoan Aziru sẽ quay sang dè chừng quân Hittite sau khi Mitanni thất thủ, vì không còn lá chắn nào giữa Hittite và Syria. Vì vậy, hòa bình mà Pharaon chào mời vào lúc này là món quà tốt nhất mà

Aziru có thể hy vọng để củng cố quyền lực của mình và nhóm ngó xung quanh. Nhưng cậu hãy cho tôi chỉ nửa năm hoặc ít hơn cũng được, tôi sẽ mua cho Ai Cập một nền hòa bình vinh quang và sẽ buộc Aziru phải kính sợ thần linh Ai Cập bằng những mũi tên bay vèo vèo và những chiến xa lao ầm ầm.

Tôi bác lại anh ấy:

- Anh không thể gây chiến, Horemheb, vì Pharaon đã cấm việc đó và cũng không chu cấp vàng để anh tiến hành chiến tranh.

Nhưng Horemheb nói:

- Tôi thêm vào vàng của ông ta. Đúng là tôi đã nghèo kiệt xác vì phải vay mượn khắp nơi để trang bị cho đội quân đến Tanis. Thành thực mà nói đây là những đội quân khốn khổ, chiến xa của họ rệu rã và ngựa của họ khập khiễng, nhưng cùng với quân ô hợp, họ có thể là mũi nhọn tấn công vào sào huyệt của Syria, thậm chí cả Jerusalem và Megiddo, khi tôi cầm quân. Sinuhe, lẽ nào cậu không hiểu là tôi đã mượn vàng của tất cả những người Ai Cập giàu có, những người ngày càng giàu hơn và bụng căng tròn như ếch trong khi dân chúng chịu thiếu thốn và kêu than vì sưu thuế nặng. Tôi đã vay vàng của họ, báo cho từng người số vàng tôi cần và họ vui vẻ cho tôi vay, vì tôi hứa sẽ trả cho họ với lãi suất một phần năm một năm. Nhưng tôi rất muốn thấy nét mặt họ nếu lúc nào đó họ dám đòi tôi lời lãi và vàng của mình, vì tôi làm những điều này để giải cứu Syria cho Ai Cập và nói cho cùng, chính những người giàu nhất sẽ được hưởng lợi từ việc đó, bởi những người giàu nhất luôn luôn hưởng lợi nhiều nhất từ chiến tranh với chiến lợi phẩm và điều tuyệt vời nhất là họ sẽ được hưởng lợi cho dù tôi có bị thất trận. Vì vậy, tôi hoàn toàn không tiếc vàng của họ.

Horemheb cười đắc chí, đập đập roi vàng vào chân rồi đặt tay lên vai tôi và nói tôi là bạn anh ấy. Nhưng rồi anh nghiêm túc trở lại và rầu rĩ nói:

- Vì chim ưng của tôi, Sinuhe, cậu không định phá hỏng hết và làm sứ giả hòa bình đến Syria đó chứ?

Tôi đành giải thích với anh ấy rằng Pharaon đã xuống chiếu và truyền trao cho tôi tất cả những bằng đất sét cần thiết cho việc hòa giải. Nhưng cũng thật hữu ích cho tôi khi biết Aziru cũng muốn hòa bình, nếu những gì Horemheb nói là đúng, vì trong trường hợp đó Aziru có lẽ sẵn sàng bán hòa bình với giá rẻ.

Nghe thế, anh ấy phát khùng, đá đổ ghế và hét lên:

- Nói thật nhé, nếu cậu làm nhục Ai Cập và mua hòa bình từ Aziru, tôi sẽ cho lột da sống cậu và quăng cậu làm mồi cho cá sấu khi cậu trở lại, mặc dù cậu là bạn của tôi. Hãy nói với Aziru về Aton, làm ra vẻ ngốc nghếch và nói rằng với lòng tốt không thể hiểu nổi của mình, Pharaon muốn xá tội cho hắn ta. Chắc chắn Aziru sẽ không tin cậu, vì hắn là một kẻ xảo quyệt, nhưng hắn sẽ nghĩ đến nát óc trước khi đuổi cậu đi, mặc cả đến độ cậu mệt lử, như cách chỉ người Syria mới làm, và đe dọa tính mạng cậu, nhồi sọ cậu bằng những điều dối trá. Nhưng dù thế nào cậu cũng không nhường Gaza cho hắn và hãy nói rõ là Pharaon không thể chịu trách nhiệm về các đội quân ô hợp và việc cướp bóc của chúng. Các đội quân ô hợp sẽ không hạ vũ khí trong bất cứ tình huống nào, mà sẽ ỉa vào các bằng đất sét của Pharaon. Tôi sẽ lo việc đó. Tất nhiên cậu không cần phải nói điều này với Aziru. Cậu chỉ nói với hắn ta rằng quân ô hợp là những người hiền lành và kiên nhẫn, bị nỗi đau khổ làm cho mù quáng, nhưng khi hòa bình lập lại họ chắc chắn sẽ đổi ngọn giáo của mình lấy gậy của người chăn cừu. Nhưng đừng có nhường Gaza, nếu không tôi sẽ tự tay lột sống cậu. Tôi đã phải chịu rất nhiều nỗi đau, tôi đã phải ném quá nhiều vàng vào cát, tôi đã hy sinh những do thám tốt nhất của mình trước khi mở được những cánh cổng Gaza cho Ai Cập.

Tôi ở lại Memphis nhiều ngày để bàn thảo các điều khoản hòa bình với Horemheb và tranh cãi với anh ấy. Tôi đã gặp sứ thần

của Crete, của Babylon và gặp cả những người quyền quý đã trốn khỏi Mitanni. Qua những lời họ kể, tất cả những gì đã xảy ra hiển hiện trước mắt tôi và khát vọng cháy bỏng muốn hiểu đã chế ngự tôi và lần đầu tiên tôi cảm thấy mình là một nhân tố quan trọng trong một trò chơi lớn, trong đó số phận của các thành phố và dân tộc đang bị định đoạt.

Horemheb nói đúng: hòa bình vào lúc này là món quà có giá trị với Aziru hơn với Ai Cập, nhưng theo tất cả những gì đang xảy ra trên thế giới, nền hòa bình này chỉ có thể là một cuộc đình chiến tạm thời, vì sau khi ổn định được tình hình ở Syria, Aziru sẽ quay lại đối đầu với Ai Cập. Xét cho cùng, Syria là chìa khóa của thế giới, và Ai Cập, vì an ninh của chính mình, không thể để Syria rơi vào sự kiểm tỏa của một liên minh thù địch đang rình rập và được mua bằng vàng sau khi quân Hittite triệt hạ Mitanni. Giờ đây, tương lai phụ thuộc vào việc người Hittite, sau khi ổn định quyền lực ở Mitanni, sẽ thông qua Babylon hay Syria chống lại Ai Cập. Lý trí của tôi nói rằng họ sẽ chọn nơi có sức kháng cự yếu nhất, mà Babylon vũ khí đã sẵn sàng, còn Ai Cập lại yếu và không được trang bị vũ khí. Chắc chắn không ai muốn liên minh với Hittite, nhưng nếu là đồng minh của Hittite, Aziru có sức mạnh phía sau, còn nếu là đồng minh của Ai Cập chống lại Hittite, Aziru chắc chắn sẽ phải đối mặt với diệt vong chừng nào Pharaon Ekhnaton còn trị vì Ai Cập và sau lưng ông ta chỉ có cát.

Tôi hiểu tất cả những điều này và với sự tỉnh táo lạnh lùng khi mọi nỗi kinh hoàng của chiến tranh đã lùi xa, tôi không còn nghĩ đến khói của những thành phố đang cháy và những sợ người đang dần làm trắng hếu các bãi chiến trường, cũng như không nghĩ đến những người chạy nạn đang xin bánh mì trên các ngõ phố ở Memphis, cũng không quan tâm đến các nhà quyền quý Mitanni đang rao bán vàng bạc và đồ trang sức để có thể rượu chè và búng những ngón tay thon nhỏ của họ vào lớp đất màu mỡ của Naharani mà họ gói trong những cuộn vải mang theo mình. Horemheb nói tôi sẽ gặp Aziru ở đâu đó giữa

Tanis và Gaza, nơi ông ta cùng với các chiến xa đã chiến đấu chống quân ô hợp. Anh ấy cũng kể cho tôi nghe về tình hình Simyra và kể ra số căn nhà bị thiêu rụi trong cuộc vây hãm cũng như tên của những quý tộc đã bị giết trong cuộc bạo loạn, khiến tôi hết sức ngạc nhiên về lượng tin tức mà anh ấy có. Rồi anh ấy kể cho tôi nghe về những thám báo của mình, những người đã đến các thành phố của Syria và bám theo đoàn quân của Aziru trong vai kiếm sĩ, người làm trò ảo thuật, thầy bói, kẻ bán bia và thương buôn nô lệ. Nhưng anh ấy nói các do thám của Aziru cũng đã đến tận Memphis bằng những cách như vậy. Aziru cũng trả tiền cho các trinh nữ của nữ thần Astarte để đi dò la và họ rất nguy hiểm vì nhận được rất nhiều thông tin quan trọng trong khi mua vui cho các chỉ huy Ai Cập, nhưng may thay họ không hiểu mấy về những thông tin liên quan đến cuộc chiến. Cũng có những kẻ phục vụ cho cả Horemheb lẫn Aziru và Horemheb thừa nhận đây là những kẻ khôn ngoan nhất, vì sẽ không gặp nguy hiểm ở bất cứ phía nào mà còn giữ được mạng sống và kiếm được nhiều vàng.

Thế nhưng những người chạy nạn và các cai đội của Horemheb đã kể cho tôi nghe những câu chuyện rất đáng sợ về những người đàn ông Amori và quân ô hợp Ai Cập, khiến tim tôi run rẩy và đầu gối tôi mềm nhũn khi gần đến lúc phải lên đường. Horemheb bảo:

- Cậu có thể chọn đi theo đường biển hay đường bộ. Nếu đi theo đường biển, có thể thuyền của cậu sẽ được thuyền chiến của Crete bảo vệ đến tận Gaza, nhưng cũng rất có thể họ không làm thế mà sẽ tháo chạy khi thấy thuyền chiến của Sidon và Tyre trấn giữ phía ngoài biển Gaza. Trong trường hợp này, nếu cậu chiến đấu dũng cảm, thuyền của cậu sẽ bị đánh chìm và cậu sẽ chết đuối. Còn nếu không, thuyền của cậu sẽ bị cướp, cậu sẽ bị bắt làm người chèo thuyền trên các thuyền chiến của Syria và sẽ chết trong vài ngày vì roi vọt và nóng bức. Nhưng cậu là người Ai Cập và thuộc tầng lớp quyền quý, vì thế nhiều khả năng họ sẽ lột da cậu và treo lên khiên cho khô để dùng nó làm túi xách và

ví dụ tiền. Tuy nhiên, tôi hoàn toàn không muốn dọa cậu, mà có thể cậu sẽ đến Gaza an toàn, như lần cuối thuyền chở vũ khí của tôi đã đến được đó, còn thuyền chở lương bị đánh chìm. Nhưng làm thế nào để cậu thoát ra từ Gaza bị bao vây để đến gặp được Aziru, tôi thực sự không thể nói.

- Có lẽ chắc chắn nhất, tôi sẽ đi theo đường bộ, - tôi ngập ngừng nói với Horemheb. Anh ấy gật đầu đồng ý và giải thích:

- Tôi sẽ cho một đội quân hộ tống cậu từ Tanis, với mấy tay giáo và chiến xa. Nếu liên lạc được với quân của Aziru, họ sẽ để cậu lại một mình ở hoang mạc và nhanh chóng rút đi. Nhưng khi biết cậu là người Ai Cập và là sứ thần, có thể quân Aziru sẽ xuyên cậu lên mũi giáo theo kiểu của người Hittite và đá lên các tảng đất sét của cậu. Cũng có thể dù được hộ tống, cậu vẫn rơi vào tay quân ô hợp và chúng sẽ trấn lột cậu sạch bong, bắt cậu quay cối xay đá cho đến khi tôi có thể chuộc cậu bằng vàng, mặc dù tôi không tin cậu sẽ trụ được lâu vì da cậu màu khói, không chịu được ánh nắng mặt trời và những ngọn roi được làm từ da hà mã. Nhưng cũng có khả năng là sau khi cướp sạch của cậu, chúng sẽ dùng giáo đâm thủng bụng cậu rồi để xác cậu lại cho quạ rỉa và đây không phải là cách tồi tệ nhất để kết thúc cuộc đời mà cậu được chết khá dễ dàng.

Nghe tất cả những điều này, tim tôi càng run hơn, chân tay tê lạnh dù đang giữa mùa hè nóng rực. Vì vậy, tôi bảo:

- Tôi rất tiếc vì bộ hung của tôi đã ở lại chỗ Kaptah để canh giữ tài sản cho tôi, vì có thể bộ hung còn giúp tôi tốt hơn Aton của Pharaon vì có thể thấy quyền lực của thần không đến được những vùng đất đầy tội lỗi này, qua những lời anh nói. Nhưng xét mọi khía cạnh, tôi sẽ gặp được Aziru hoặc chết nhanh nhất nếu tôi đi đường bộ và được chiến xa của anh hộ tống. Vì vậy tôi sẽ đi đường bộ. Nhưng hãy thề đi, Horemheb, vì tình bạn của chúng ta: nếu anh nghe tin tôi bị bắt kéo cối xay ở đâu đó, hãy mau chóng chuộc tôi về và đừng có tiếc vàng vì tôi là người giàu

có hơn anh tưởng, mặc dù bây giờ tôi không muốn liệt kê hết tài sản của mình cho anh biết vì chính tôi không biết được tất cả.

Horemheb nói:

- Tôi biết rõ sự giàu có của cậu và tôi đã vay khá nhiều vàng của cậu từ Kaptah cũng như của những người Ai Cập giàu có khác, vì tôi là người ngay thẳng, không thành kiến và không muốn bỏ quên cậu khỏi công trạng này. Nhưng vì tình bạn của chúng ta, tôi hy vọng cậu không đòi tôi vàng của cậu, vì việc này có thể khuynh đảo hoặc xấu nhất là cắt đứt tình bạn. Vì vậy, đi đi, Sinuhe bạn tôi, hãy đến Tanis, lấy đội hộ tống ở đó rồi đi vào hoang mạc. Chim ưng của tôi sẽ bảo vệ cậu ở đó, việc mà tôi không thể làm nổi vì lực lượng của tôi không tới được vùng sa mạc. Nếu cậu bị bắt làm tù binh, tôi sẽ lấy vàng chuộc cậu ra, còn nếu cậu chết tôi sẽ trả thù cho cậu. Mong điều này an ủi cậu một khi có ai đó đâm giáo vào bụng cậu.

- Nếu được tin tôi chết, anh đừng phí công trả thù cho tôi, - tôi chưa chát nói với anh ấy. - Anh hoàn toàn không an ủi được chiếc đầu lâu bị quạ mổ của tôi cho dù có lấy máu của những người khốn khổ tội nghiệp rưới lên nó. Hãy chỉ thay mặt tôi chào Công chúa Baketaton, vì nàng là một phụ nữ xinh đẹp và đáng mơ ước, dù nàng kiêu kỳ và bên quan tài của mẹ mình, nàng đã hỏi tôi rất nhiều về anh.

Sau khi bắn mũi tên tẩm độc này qua vai, tôi cảm thấy được an ủi phần nào và bảo ký lục ghi chép và chứng thực các ấn triện cần thiết vào di chúc, trong đó tôi xác nhận để lại tài sản của mình cho Kaptah, Merit và Horemheb. Tôi gửi bản di chúc này vào văn khố hoàng gia ở Memphis rồi dong thuyền đến Tanis và gặp những người lính biên phòng của Horemheb trong một pháo đài nằm bên hoang mạc dưới cái nắng như thiêu đốt. Họ uống bia và nguyên rửa ngày được sinh ra, săn linh dương nơi hoang mạc, rồi lại uống bia. Những túp lều đất sét của họ bắn và khai rình mùi nước tiểu. Họ xoa dịu nỗi cô đơn của mình bằng

việc vui vẻ với những người đàn bà khốn khổ nhất, những người mà thủy thủ ở cảng Hạ Ai Cập cũng không thêm ngó ngàng tới. Nói một cách ngắn gọn, họ có cuộc sống bình thường của lính nơi biên ải và háo hức chờ đợi Horemheb đến, dẫn họ vào cuộc chiến chống Syria để họ được đổi đời, có bia ngon hơn và đàn bà trẻ hơn. Vì dù phận đời nào đang đợi họ đi chẳng nữa, thậm chí là cái chết, theo họ vẫn còn tốt hơn cuộc sống đơn điệu đến khủng khiếp trong những túp lều đất sét bị nắng hun nóng. Vì thế, họ khát khao ra trận và thề sẽ đi đầu các đội quân ô hợp, làm mũi nhọn tấn công đến Jerusalem và Megiddo, hất các đội quân hôi hám của Syria ra khỏi đường đi của họ như cơn lũ quét đám sậy khô cản đường. Nhưng những gì họ hứa sẽ làm cho Aziru và những người Amori cũng như các thủ lĩnh Hittite thì tôi không thể nhắc lại, vì đó là lời nói vô đạo.

Tinh thần quyết chiến vì vinh quang Ai Cập của họ hùng hục như thế và họ nguyện rửa Pharaon Ekhnaton, vì trong thời bình họ lẽ ra có cơ hội lúc đi thu thuế các đoàn lũ hành đến Ai Cập, lúc lại vui vầy với vợ những người du mục, nhưng Pharaon Ekhnaton vì thần của mình đã tạo ra một thời kỳ không chiến tranh mà cũng không yên bình. Trong nhiều năm, không có đoàn lũ hành nào đi qua Tanis đến Ai Cập và dân du mục đã chạy hết xuống Hạ Ai Cập. Còn nếu có đoàn lũ hành nào gắng đến Ai Cập từ Syria hoặc từ hoang mạc liền bị quân ô hợp cướp sạch trên đường đi trước khi lính biên ải của Pharaon kịp làm việc đó, bởi vậy lính biên ải của Pharaon rất coi thường quân ô hợp và gọi họ bằng những cái tên miệt thị.

Trong khi đội hộ tống chuẩn bị cho chuyến đi, đổ đầy các bao nước, bắt ngựa từ nơi chăn thả về và thợ rèn vắn chắc bánh những cỗ chiến xa, tôi nhìn ngó quanh mình và lúc đó tôi đã hiểu bí mật trong việc huấn luyện binh sĩ là gì và điều gì khiến binh lính dũng mãnh hơn sư tử. Người chỉ huy chiến trận tài giỏi tôi luyện lính của mình trong nhục hình khủng khiếp, bắt họ luyện tập liên miên và bằng mọi cách khiến cuộc sống của họ trở nên không thể chịu nổi, khiến họ hiểu rằng bất cứ điều gì đi

nữa, chiến tranh hay ngay cả cái chết, vẫn tốt cho họ hơn là cuộc sống trong trại lính. Nhưng điều lạ nhất là khi ấy binh lính không hề căm ghét chỉ huy của họ mà còn ngưỡng mộ và hết lời ca ngợi anh ta, khoe khoang về tất cả những nhọc nhằn mà mình phải chịu cũng như những vết gậy hằn trên lưng. Bản tính của con người thất thường và đáng kinh ngạc đến như thế, và khi nghĩ về điều đó, thành phố Akhetaton mờ đi trong tâm trí tôi như ảo mộng.

Theo lệnh của Horemheb, đội hộ tống tôi ở Tanis được trang bị mười cỗ chiến xa, mỗi chiếc do hai ngựa kéo kèm theo một con dự phòng và ngoài người điều khiển, mỗi cỗ xe có một chiến binh và một giáo thủ. Khi ra mắt tôi, viên chỉ huy đội hộ tống cúi đầu thật thấp trước mặt tôi và để thẳng tay xuống ngang đầu gối. Tôi nhìn anh ta rất kỹ, vì mạng sống của mình được đặt trong tay anh ta. Chiếc xà rồng của anh ta bản và tả tơi như của lính tráng, nắng hoang mạc đã nướng sạm đen mặt và thân thể anh ta, chỉ có cây roi bện bạc phân biệt anh ta với quân lính.

Chính vì điều này mà tôi tin tưởng anh ta hơn là khi vai anh ta khoác tấm vải choàng đất tiền và còn có ai đó cầm chiếc ô che nắng phía trên đầu. Nhưng khi tôi cố gắng nói với anh ta về chiếc kiệu thì anh ta quên hết sự kính trọng và phá lên cười. Và anh ta khiến tôi tin khi giải thích lá chắn duy nhất của chúng tôi là tốc độ và tôi phải đi cùng anh ta trên chiến xa, quên đi ghế kiệu và những tiện nghi khác của cuộc sống. Anh ta hứa để tôi ngồi trên các bao cỏ cho ngựa nếu tôi muốn, nhưng khuyên tôi rằng tốt hơn hết tôi nên làm quen với việc đứng trong thùng xe, đừng đưa theo chuyển động của nó, bởi nếu không hoang mạc sẽ làm tôi tức thở vì xóc nảy và đập xương tôi vào sườn xe nát nhừ.

Tôi lấy hết can đảm và tự dắc nói với anh ta rằng đây không phải là lần đầu tiên tôi ngồi trên chiến xa, mà đã từng phóng chiến xa từ Simyra đến Amori trong thời gian ngắn kỷ lục khiến lính của Aziru cũng phải kinh ngạc về tốc độ của tôi, cho dù lúc đó tôi

còn trẻ hơn bây giờ và địa vị của mình đòi hỏi tôi giữ cơ thể khỏi phải cố gắng quá mức. Viên chỉ huy tên Juju lịch sự lắng nghe tôi, sau đó tôi tin tưởng đặt mạng sống của mình vào thần linh Ai Cập và theo anh ta bước lên cỗ chiến xa đi đầu. Chúng tôi đi theo tuyến đường của các đoàn lữ hành vào hoang mạc, người tôi nẩy tung tung trên các bao cỏ và tôi phải bám vào hai bên thành xe bằng cả hai tay, mũi tôi xước và tôi rên rỉ thương mình. Nhưng tiếng rên rỉ của tôi chìm trong tiếng ầm ầm của bánh xe, những người đánh xe phía sau xe tôi thích thú hét lên khi được lao vào hoang mạc, thoát khỏi địa ngục hùng hục của các túp lều đất sét.

Chúng tôi đi như thế cả ngày và tôi thừa chết thiếu sống qua đêm trên các bao cỏ, cay đắng nguyên rửa ngày mình được sinh ra. Ngày hôm sau, tôi cố gắng đứng trong thùng xe, giữ chặt dây lưng của Juju, nhưng một lúc sau, xe va phải một tảng đá, tôi bay khỏi xe theo đường vòng cung, đầu đâm xuống cát và những cây gai của xước mặt tôi. Tuy nhiên, điều này không còn quan trọng với tôi nữa. Đến lúc nghỉ đêm, Juju lo lắng về tình trạng của tôi và đổ nước lên đầu tôi, mặc dù anh ta dè sẻn không cho lính uống đủ nước để tiết kiệm. Anh ta nắm tay tôi, an ủi tôi rằng chuyến đi của chúng tôi đã gặp may và nếu hôm sau quân ô hợp không bất ngờ đánh úp chúng tôi, có thể vào ngày thứ tư chúng tôi sẽ gặp lính do thám của Aziru. Rồi anh ta kể cho tôi nghe những kinh nghiệm chiến trận của mình để làm tôi khuây khỏa:

- Quả thật, không có gì buồn tẻ đơn điệu hơn chiến tranh, vì chiến tranh là sự chờ đợi không dứt. Chiến tranh là sự hoài công chờ đợi kẻ thù, vì kẻ thù luôn đến muộn và không bao giờ xuất hiện ở nơi ta chờ chúng. Chiến tranh cũng là sự chờ đợi vô vọng một bữa ăn, vì trong chiến tranh, bữa ăn luôn muộn và không có gì đáng nguyên rửa bằng sự chậm chạp của đoàn tải lương. Chiến tranh là những cuộc di chuyển vô ích từ nơi này sang nơi khác rồi hành quân trở lại nơi xuất phát, tiến lên lùi lại cho đến khi lưỡi dính vào vòm miệng và bàn chân cứng đờ như thân gỗ

chết khô. Nhưng chính đây mới là nghệ thuật chiến tranh và để học nó, người chỉ huy phải theo học các trường quân sự, phải biết đọc và viết. Tất cả những việc này là chiến tranh và rồi kẻ thù ập đến đúng lúc không ai chờ đợi chúng. Mà kẻ thù cũng luôn tấn công theo cách khác với cách kẻ thù tấn công trong bài học và theo một trình tự khác, và trong trận chiến người chỉ huy không biết lính của mình và lính cũng không biết đến người chỉ huy, mà mạnh ai nấy hét rồi đâm và chọc bất cứ ai mình nhìn thấy. Nếu lúc đó kẻ thù bỏ chạy, người chỉ huy sẽ được vinh danh, tài năng của anh ta được ca ngợi và Pharaon sẽ ném cho anh ta một sợi dây chuyền vàng từ ban công hoàng cung. Còn nếu bỏ chạy, chúng tôi sẽ cảm ơn vận may cho mình sống sót, sẽ tốn rất nhiều giấy mực và những người sống sót sẽ bị ăn roi, chỉ huy sẽ bị treo ngược trên tường. Tuy nhiên, nếu người chỉ huy có đủ quyền thế thì có thể dù thất bại anh ta vẫn được ném cho một sợi dây chuyền vàng từ ban công của Pharaon và sự thất trận của anh ta sẽ được loan báo là chiến thắng và được khắc vào đá để được truyền nhớ muôn đời. Chiến tranh là như vậy đấy, thưa ngài Sinuhe cao quý, vì thế đừng rên rỉ vì đau nữa, mà hãy tạ ơn vận may đã không bắt mình ra trận.

Bằng cách đó, anh ta đã làm tôi khuây khỏa và ngủ thiếp đi, nhưng vào nửa đêm, tôi tỉnh giấc bởi những tiếng hét kinh hoàng, tiếng vó ngựa công cốc và tiếng bánh xe ầm ầm. Đốt đuốc lên, chúng tôi phát hiện cả hai lính gác đêm nằm trên mặt đất, cổ họng bị cắt ngang và máu đang rỉ chảy. Một cỗ chiến xa với ngựa đã bị lấy trộm, các chiến xa và ngựa kéo còn lại là một đám hỗn độn quần thảo, khung xe, càng xe và bánh xe quăn chọc vào nhau. Sau khi tháo gỡ được chúng ra, chúng tôi tiếp tục hành trình mặc dù trời vẫn còn tối. Tôi không còn than phiền về những gian khổ của chuyến đi nữa vì những kẻ phục kích ban đêm này chắc chắn sẽ gọi thêm quân để bắt ngờ tấn công chúng tôi và chiếm lấy ngựa, xe và nước của chúng tôi. Vì như Juju nói, ngựa cũng như các cỗ chiến xa và nước với những đội quân ô hợp đắt hơn cả vàng. Vì thế quân ô hợp cũng tấn công cả lính Ai Cập để cướp ngựa và chiến xa.

Vậy là một ngày lại đến, đầu tôi bắt đầu đau nhức dưới cái nắng thiêu đốt và cát làm mắt tôi cay xè, lưỡi tôi dính lấy vòm miệng. Cho đến khi cơn gió nóng bỏng của hoang mạc mang theo khói và mùi máu thối vào mũi chúng tôi, ngựa bắt đầu phun phì phì và những người điều khiển chiến xa gắn lưỡi hái vào bánh xe. Sau khi vòng qua một vài ngọn đồi đỏ, chúng tôi thấy một nguồn nước và những túp lều bị đốt cháy quanh đó, những xác người bị cướp trần trụi, mắt bị quạ mỗ và máu chảy nhuộm đỏ cát. Những người đàn ông cầm giáo lao đến tấn công chúng tôi và một vài mũi tên đã bắn về phía chúng tôi, nhưng quân ô hợp đánh cướp ở đây - không rõ là quân của Aziru hay của đám du mục hay đội quân tự do nào khác, tôi không bao giờ được biết - nhận thấy tốt nhất nên lánh đi sau khi so sánh số lượng và chiến xa của chúng với chúng tôi. Chúng đành hét lên phía sau chúng tôi đủ lời phỉ báng, đe dọa và lao giáo vào không trung, nhưng chúng tôi mặc chúng và tiếp tục hành trình của mình, mặc dù quân của Juju rất muốn quay lại, tập tấn công bằng chiến xa.

Đêm hôm sau, chúng tôi thấy ánh sáng của lửa trại hay nhà bị đốt cháy hừng lên ở chân trời. Juju bảo chúng tôi đang đến gần rìa hoang mạc bên đất Syria và sau khi cho ngựa ăn, chúng tôi thận trọng tiếp tục cuộc hành trình dưới ánh trăng cho đến khi tôi kiệt sức ngủ gục trên các bao cỏ trong thùng xe.

Rạng sáng hôm sau, tôi tỉnh giấc khi Juju ném tôi từ trên xe xuống cát không thương tiếc. Rồi anh ta ném các bảng đất sét với thùng hành trang của tôi xuống sau tôi và quay ngựa, để tôi lại cho thần linh Ai Cập và hét lên những lời động viên tôi. Anh ta giục ngựa phi nước đại khiến bánh xe va vào đá tóe lửa và những cỗ chiến xa khác bám theo sau.

Sau khi bụi cát bay vào mắt, tôi thấy một đoàn chiến xa cầm cờ Syria chạy theo hình quạt như đàn trăn từ giữa những ngọn núi tiến về phía tôi. Tôi đứng dậy, nhớ ra vị thế của mình, bắt đầu cầm lấy cành cọ xanh bằng cả hai tay vẫy vẫy trên đầu ra hiệu

hòa hoãn dù cảnh cộ đã khô và héo quắt lại trong suốt cuộc hành trình. Nhưng các chiến xa không thèm để ý đến tôi mà lao vút qua, chỉ để lại một mũi tên giận dữ như ong bắp cày bay vào qua bên tai tôi rồi đâm xuống cát sau lưng tôi. Đoàn chiến xa đuổi theo các chiến xa của Juju, tôi thấy Juju và lính của anh ta vút các bao cỏ và cả những túi nước khỏi xe để làm nhẹ xe. Nhờ vậy mà họ chạy thoát, chỉ duy nhất một chiến xa nằm lại vì ngựa vấp phải đá và một chiến xa lao vút qua, hất đổ ngựa lẫn xe, giết người điều khiển rồi lao đi mà không hề giảm tốc.

Sau cuộc rượt đuổi vô ích, các chiến xa của Aziru quay lại chỗ tôi và những gã đánh xe bước xuống. Tôi gào lên xưng tước vị của mình và giơ cho họ xem những bảng đất sét của Pharaon mà tôi cầm trên tay. Nhưng họ không để ý đến tiếng hét của tôi mà lạnh lùng đến gần, một vài người đút bàn tay vẫn còn rỉ máu vào thắt lưng. Họ trấn lột tôi, mở rương của tôi lấy vàng và lột quần áo của tôi, rồi buộc cổ tay tôi vào sau chiến xa, buộc tôi phải chạy theo sau xe của họ. Khi ấy, tôi nghĩ mình sắp nghẹt thở, cát chà xát da đầu gối của tôi, còn họ chẳng buồn để ý đến tiếng gào thét của tôi, mặc dù tôi đe dọa họ là Aziru sẽ hết sức giận dữ. Tôi phải hứng chịu tất cả những điều này vì Pharaon Ekhnaton.

Tôi chắc chắn sẽ chết nếu doanh trại của Aziru không nằm ngay sau dãy núi phía bên kia hẻm. Tôi lơ mơ nhìn thấy ở đó nhiều lều trại, những con ngựa ăn cỏ bên lều, các cỗ chiến xa và những ống xương bò chất thành tường bao xung quanh trại. Sau đó tôi không thấy gì nữa, mà chỉ tỉnh dậy khi những nô lệ đổ nước lên mặt và xoa dầu lên người tôi, vì một viên chỉ huy biết đọc đã nhìn thấy bảng đất sét của tôi nên sau đó họ đối xử với tôi một cách tôn trọng và trả lại quần áo cho tôi.

Khi tôi có thể nhúc nhích được, họ ẵm tôi vào lều của Aziru, nơi sặc mùi ngựa, vải và hương liệu. Aziru đi về phía tôi, găm gù như một con sư tử, dây chuyền vàng leng keng quanh cổ và bộ râu quăn xù trong lưới bạc. Ông ta đến bên tôi và ôm tôi, nói:

- Tôi hết sức xin lỗi nếu lính của tôi đối xử tệ với anh, nhưng lẽ ra anh phải nói cho họ biết tên của mình, nói với họ anh là sứ giả của Pharaon và là bạn tôi. Anh cũng nên vấy một cành cọ trên đầu như dấu hiệu hòa bình, nhưng đằng này người của tôi nói anh đã vung dao tấn công họ và giận dữ gào lên, khiến họ buộc phải khống chế anh để bảo vệ tính mạng.

Đầu gối tôi đau nhức như bị lửa nung, cổ tay như rời ra, vì vậy sự tức giận vò xé tâm trí tôi và tôi nói với Azuri:

- Hãy nhìn tôi và nói xem tôi có vẻ gây nguy hiểm cho tính mạng quân lính của ông không? Chúng chặt cành cọ của tôi và trấn lột của tôi mọi thứ kể cả quần áo của tôi, và còn chế nhạo tôi rồi giẫm lên các bảng đất sét của Pharaon. Vì thế, ông phải cho đánh chúng, ít nhất là một số kẻ, để chúng có thể học cách tôn trọng sứ giả của Pharaon.

Nhưng Azira giấu cột phanh áo choàng ra rồi giơ mạnh tay lên đẩy về kính ngạc và thề thốt:

- Chắc anh đã có một giấc mộng tồi tệ, Sinuhe, tôi không thể làm gì nếu đầu gối anh bị thương vì đập phải đá trong hành trình khó khăn của mình. Tôi sẽ không cho đánh những người tốt nhất của mình vì yêu cầu của một gã Ai Cập khốn khổ và lời nói của sứ thần Pharaon như ruồi vo ve trong tai tôi.

- Aziru, - tôi nói, - ông là vua của các vị vua, ít nhất hãy sai đánh kẻ vô liêm sỉ đã đâm nhiều nhát vào lưng tôi khi tôi chạy sau cỗ xe. Hãy sai đánh hắn, để tôi hài lòng, vì tôi mang đến một món quà, đó là hòa bình cho ông và cho Syria.

Aziru vừa cười to vừa đâm vào ngực mình và nói:

- Sao tôi phải mủi lòng nếu Pharaon tội nghiệp của anh hạ mình xuống cát bụi trước mặt tôi và cầu xin tôi hòa bình! Tuy nhiên, điều anh nói có lý và vì anh là bạn của tôi, của vợ tôi và của con trai tôi, tôi sẽ cho đánh kẻ đã đâm sau lưng anh để thúc anh

chạy, vì điều này trái với lối cư xử thượng võ và như anh biết, tôi ra trận với vũ khí tinh nguyên và vì những mục đích cao cả.

Tôi rất hài lòng khi chứng kiến kẻ đã hành hạ mình dã man nhất bị đánh trước đám quân đang tập trung gần lều của Aziru. Các đồng đội của hắn không hề thương hại mà chế nhạo hắn rồi cười rú lên và giơ ngón tay chỉ vào hắn khi hắn khóc, vì họ là lính và luôn muốn thấy bất kỳ điều gì khác lạ với đời binh nghiệp tẻ nhạt của mình. Không nghi ngờ gì rằng Aziru sẽ để hắn bị đánh đến chết, nhưng khi nhìn thấy thịt hắn xước ra khỏi xương sườn và máu rỉ ra, tôi nghĩ lưng hắn đã nhức nhối như mông và đầu gối của tôi, nên tôi giơ tay và tặng cho hắn ta mạng sống của hắn. Thấy sự đau đớn của hắn, tôi bảo đưa hắn đến căn lều mà Aziru dành cho tôi trước sự phẫn nộ của đám sĩ quan đang có mặt tại đó, còn các đồng đội của hắn la hét ca ngợi tôi, vì cứ nghĩ ngoài đánh bằng roi, tôi sẽ trừng trị hắn bằng nhiều cách tinh quái khác. Nhưng tôi đã xúc vào lưng hắn thứ thuốc mỡ mà tôi đã xoa vào đầu gối và mông của mình, rồi tôi băng bó vết thương cho hắn và cho hắn uống bia, khiến hắn cuối cùng cho rằng tôi bị điên và không còn kính trọng tôi nữa.

Buổi tối, Aziru mời tôi thịt cừu rán và bánh gạo mạch nấu trong mỡ ở lều của ông ta. Tôi ăn với ông ta cùng các phò tá của ông ta và các chỉ huy Hittite; áo choàng và khiên của họ được trang trí hình những chiếc rìu đôi và mặt trời có cánh. Chúng tôi cùng nhau uống rượu và tất cả đều cư xử với tôi thân mật, chí tình và coi tôi như kẻ khờ vì đã đến mang lại hòa bình cho họ đúng lúc họ cần hòa bình nhất. Họ nói những lời có cánh về tự do và sự hùng mạnh của Syria trong tương lai và cái ách của kẻ áp bức mà họ đã tháo khỏi cổ mình. Nhưng khi đã uống rượu đủ say, họ bắt đầu cãi vã lẫn nhau, cuối cùng một người đến từ Joppa đã rút dao đâm vào cổ một người đến từ Amori khiến máu chảy ròng ròng. Nhưng vết thương không lớn, vì dao không cắt đứt động mạch, và tôi đã có thể chữa lành cho anh ta bằng cách của mình nên anh ta tặng tôi nhiều món quà. Vì việc này, tôi cũng bị cho là gốc gác.

Thà tôi cứ để anh ta chết, vì trong khi tôi ở đây, chính người Amori này đã sai người hầu giết người Joppa đã đâm anh ta và Aziru ra lệnh treo ngược anh ta lên tường để giữ nghiêm quân luật trước khi cổ anh ta kịp lành lại hoàn toàn. Aziru đối xử với người của mình tàn nhẫn và nghiêm khắc hơn so với những người Syria khác, vì chính họ ghen tị nhiều nhất với quyền lực của ông ta và lập mưu chống lại ông ta, khiến ông ta nắm quyền mà như ngồi trên tổ kiến.

2

An tối xong, Aziru đuổi các phò tá của mình và các chỉ huy Hittite ra khỏi lều mình để họ tiếp tục các cuộc cãi vã trong lều của họ. Ông ta chỉ cho tôi đưa con trai theo ông ta ra trận dù mới bảy tuổi. Cậu bé đã lớn, khá khảnh với đôi má như hai quả đào đầy lông tơ, đôi mắt đen láy, long lanh. Tóc cậu xoăn và đen như râu của bố, còn làn da trắng bóc của cậu được thừa hưởng từ mẹ. Aziru vuốt tóc con và nói với tôi:

- Anh đã bao giờ thấy đứa bé nào đẹp hơn chưa? Tôi đã sưu tập cho thằng bé nhiều vương miện. Nó sẽ trở thành một quốc vương vĩ đại và tôi thậm chí không dám nghĩ quyền uy của thằng bé sẽ được mở rộng đến mức nào, vì nó đã dùng thanh kiếm nhỏ của mình đâm thủng bụng một đứa nô lệ dám xúc phạm nó. Nó biết đọc, biết viết và không sợ chiến tranh, vì tôi đã cho nó theo mình ra trận, cho dù khi ấy chúng tôi chỉ trừng phạt những làng nổi loạn nên không cần lo cho mạng sống bé bỏng của nó.

Keftiu cai quản Amori khi Aziru ra trận. Aziru rất nhớ cô ta và nói rằng ông ta đã gắng lấp đầy nỗi khát khao dục vọng của mình với những nữ tù nhân và các trinh nữ của đền đi theo đội quân nhưng vô ích vì ai đã từng một lần được nếm trải tình yêu của Keftiu sẽ không bao giờ quên được cô ta; nét thanh xuân, vẻ tươi tắn của cô ta theo năm tháng càng rực rỡ và lộng lẫy nên

chắc chắn tôi sẽ không còn tin vào mắt mình nếu nhìn thấy cô ta. Nhưng Aziru vẫn đưa con trai đi theo vì không dám để thằng bé ở lại Amori bởi sẽ đến lúc nó mang vương miện thống nhất của Syria.

Chúng tôi đang nói chuyện thì những tiếng la chối tai, hoảng loạn của đàn bà vọng lại từ trại khiến Aziru vô cùng tức giận và nói:

- Đám chỉ huy Hittite lại chọc ghẹo tù nhân rồi, mặc dù tôi đã cấm họ, nhưng tôi không thể làm gì họ vì tôi cần tài chinh chiến của họ. Họ tìm thấy niềm vui khi hành hạ, làm cho đàn bà van khóc gào thét, khiến tôi không thể hiểu nổi, vì chẳng phải ta sẽ vui sướng khi làm cho phụ nữ rên rỉ vì ham muốn hơn là vì đau ư? Nhưng mỗi tộc người đều có những cách thức riêng và tất nhiên tôi không thể mắng mỏ họ chỉ vì cách của họ khác với cách ở Syria. Nhưng dù sao, tôi cũng không muốn họ dạy cho quân lính của tôi những thói hư tật xấu của mình, vì quả thật chiến tranh đã khiến binh lính của tôi trở nên dã man như sói và sư tử.

Điều ông ta nói làm tôi kinh hãi, mặc dù tôi biết người Hittite, biết những gì họ có thể làm. Bởi vậy tôi nói luôn:

- Aziru, vua của các vị vua, dẹp ngay người Hittite đi trước khi chúng đập nát vương miện trên đầu ông và cả đầu ông, bởi không thể tin người Hittite được. Thay vào đó, hãy hòa hoãn với Pharaon ngay bây giờ khi người Hittite đang lâm chiến ở Mitanni. Cả Babylon cũng đang trang bị vũ khí để chống lại người Hittite, chắc chắn ông biết việc ấy, nên ông sẽ không được nhận ngũ cốc từ Babylon nữa nếu vẫn liên minh với Hittite. Vậy nên khi mùa đông đến, nạn đói như một con sói gầy sẽ lén vào Syria, trừ khi ông hòa hoãn với Pharaon để ngài gửi lương thực đến các thành phố của ông như trước.

Nhưng Aziru phản đối:

- Anh khờ quá, Sinuhe, vì người Hittite tốt với bạn song tàn ác với kẻ thù. Nhưng có sự ràng buộc nào bắt tôi phải liên minh với Hittite đâu, mặc dù họ gửi cho tôi những món quà đẹp và những chiếc khiên chạm khắc vương miện, tường thành tinh xảo, vì vậy tôi có thể cân nhắc hòa hoãn mà không cần đến người Hittite. Họ cũng đã chống lại thỏa thuận chiếm đóng Kadesh và sử dụng cảng Byblos như cảng riêng của mình. Mặt khác, Hittite đã gửi cho tôi một thuyền chất đầy vũ khí được rèn bằng kim loại mới và nhờ đó binh lính của tôi bất khả chiến bại trên chiến trường. Dù sao đi nữa, tôi yêu hòa bình hơn chiến tranh và tôi ra trận chỉ để đạt được hòa bình trong danh dự. Vì vậy, tôi sẽ sẵn lòng đình chiến nếu Pharaon trả lại thành Gaza đã bị lấn chiếm cho tôi và tước vũ khí của các toán cướp nơi sa mạc, đền bù bằng ngũ cốc, dầu và vàng cho tất cả những thiệt hại mà các thành phố Syria phải gánh chịu do hậu quả của cuộc chiến này, vì chính Ai Cập đã gây ra cuộc chiến này, như anh biết quá rõ.

Ông ta trở trên nhìn tôi và che miệng mỉm cười ranh mãnh, nhưng tôi nóng nảy đáp:

- Aziru, kẻ trộm gia súc, kẻ lừa đảo và đao phủ giết người vô tội kia! Lẽ nào ông không biết trong mọi lò rèn trên khắp miền Hạ, giáo mác đang được rèn và số chiến xa của Horemheb đã vượt hơn số rệp trong lều trại của ông. Những con rệp này sẽ cắn ông đau nhói khi mùa thu hoạch đến. Horemheb mà ông từng nghe danh đã nhổ nước bọt vào chân tôi khi tôi nói với anh ta về hòa bình, nhưng vì thần linh của ngài nên Pharaon muốn hòa bình và không muốn đổ máu. Vì thế tôi cho ông một cơ hội cuối cùng, Aziru ạ, Gaza vẫn thuộc về Ai Cập và chính ông phải giải tán quân ô hợp nơi sa mạc, vì Ai Cập không phải chịu trách nhiệm về tội ác của lũ chúng. Chính sự tàn ác của ông đã buộc những người dân ông Syria này chạy đến sa mạc để chống lại ông và đây là việc nội bộ của Syria. Ông cũng phải thả tất cả tù nhân Ai Cập và bồi thường thiệt hại mà thương nhân Ai Cập ở các thành phố của Syria phải gánh chịu, đồng thời trả lại tài sản của họ.

Aziru xé quần áo, rút râu và tức giận gào lên:

- Chó đại đã cắn anh hay sao, Sinuhe, mà anh nói những lời rõ đại đến thế? Hãy trả lại Gaza cho Syria, các thương nhân Ai Cập hãy tự bồi thường thiệt hại và tù nhân vẫn bị bán làm nô lệ như thông lệ, nhưng tất nhiên không ai ngăn cản Pharaon chuộc lại họ nếu ông ta có đủ vàng cho việc này.

Tôi nói với ông ta:

- Nếu ông có hòa bình, ông có thể xây tường thành cao và các tháp canh hùng vĩ cho các thành phố của mình để không còn phải sợ người Hittite. Ai Cập ủng hộ ông. Chắc chắn các thương gia trong thành phố của ông sẽ giàu lên nhờ buôn bán với Ai Cập mà không phải trả thuế cho Ai Cập và người Hittite sẽ không thể làm gián đoạn việc buôn bán của ông vì họ không có thuyền chiến. Tất cả lợi ích đều nằm về phía ông, Aziru, nếu ông hòa giải, vì các điều kiện của Pharaon là hợp lý và tôi không thể nhân nhượng hơn.

Chúng tôi đã tranh cãi và điều đình, thương lượng hòa bình như thế từ ngày này qua ngày khác, và rất nhiều lần Aziru vừa xé quần áo và rắc tro lên tóc vừa nói tôi là một kẻ cướp vô liêm sỉ và khóc lóc cho số phận của con trai mình, rằng chắc chắn nó sẽ bị Ai Cập vắt kiệt và chết gục dưới rãnh như kẻ ăn xin. Đã một lần tôi bước ra khỏi lều của ông ta, gọi quân hộ tống cho kiệu đưa tôi đến Gaza và tôi đã kịp lên kiệu trước khi Aziru gọi tôi lại. Nhưng tôi nghĩ là người Syria, ông ta rất thích việc thương thuyết, mặc cả ngày này sang ngày khác như thế này, và cứ nghĩ đã lừa dối được tôi và giành lợi thế cho mình mỗi khi tôi nhượng bộ. Ông ta không thể ngờ rằng Pharaon đã lệnh cho tôi phải mua hòa bình bằng bất cứ giá nào, cho dù Ai Cập nghèo đi vì nó.

Vì vậy tôi rất tự tin, thông qua thương thảo giành được nhiều lợi ích to lớn cho Pharaon. Và thời gian có lợi cho tôi, vì sự chia rẽ ngày càng lớn trong doanh trại của Aziru và ngày ngày đều có

những người rời nơi đó đến thành phố của họ mà ông ta không thể ngăn cản, vì quyền lực của ông ta chưa đủ mạnh. Cứ như thế, chúng tôi đã tiến rất xa cho đến khi ông ta đưa ra điều kiện cuối cùng để đi đến giải pháp như sau: tường thành Gaza phải bị phá bỏ và ông ta sẽ lập tiểu vương Gaza, nhưng bên cạnh tiểu vương sẽ có một công sứ do Pharaon chỉ định và cả thuyền của Syria lẫn Ai Cập đều có thể đến Gaza và buôn bán ở đó mà không phải trả thuế. Tuy nhiên, tôi không thể đồng ý, vì khi không còn tường thành, Gaza trở nên vô dụng với Ai Cập và hoàn toàn nằm trong quyền kiểm soát của ông ta.

Khi tôi cương quyết nói là tôi không thể chấp nhận và yêu cầu một đội hộ tống đưa tôi đến Gaza, ông ta điên lên, đuổi tôi ra khỏi lều mình và ném theo sau lưng tôi tất cả các bảng đất sét của tôi. Nhưng ông ta cũng không cho phép tôi đi và tôi đã dành thời gian ở trại để chữa bệnh cho người ốm và chuộc các tù nhân Ai Cập đã phải làm phu khuân vác, kéo xe hàng và sống rất cực khổ ở đó. Tôi mua tự do cho một số thiếu phụ, nhưng cũng cho một số người thuốc để chết, vì với họ chết còn hơn sống khi bị người Hittite quấy rối. Thời gian cứ thế trôi đi và thời gian qua đi có lợi cho tôi vì tôi không mất gì, trong khi đó Aziru ngày càng mất nhiều hơn, đến mức trong sự nôn nóng của mình, ông ta đã xé tấm lưới bạc bọc râu và nhổ rất nhiều tóc đen trên đầu vì sự cương quyết của tôi và gọi tôi bằng những cái tên bất nhã.

Tôi phải nói thêm rằng Aziru cho người canh tôi nghiêm ngặt đến từng bước đi, theo dõi, rình mò và lượng sức tôi với sức ông ta, sợ rằng tôi sẽ cấu kết với giới quyền quý và các chỉ huy dưới quyền ông ta để hạ bệ ông. Đây có lẽ là một việc dễ dàng, nhưng tôi thậm chí còn không nghĩ đến vì tôi có trái tim của một con cừu và ông ta từng là bạn của tôi. Vậy mà vào một đêm nọ, hai sát thủ đã xông vào lều của Aziru và dùng dao đâm ông ta bị thương, nhưng ông ta sống sót và giết một người, con trai ông ta tỉnh dậy lúc đó và đâm vào lưng người còn lại bằng thanh kiếm nhỏ của mình khiến người kia cũng chết.

Ngày hôm sau, Aziru cho gọi tôi đến lều của ông ta, buộc tội tôi bằng những lời lẽ cay nghiệt rồi dọa dẫm tôi nhưng sau đó đồng ý hòa giải và nhân danh Pharaon, tôi đã ký kết hòa bình với ông ta và tất cả các thành phố của Syria. Gaza vẫn thuộc về Ai Cập, giải giáp quân ô hợp là việc của Aziru và Pharaon được đặc quyền chuộc tù binh và nô lệ Ai Cập. Với những điều khoản như thế, chúng tôi sai viết một thỏa ước hữu nghị vĩnh cửu giữa Ai Cập và Syria vào bảng đất sét và xác nhận nó nhân danh hàng ngàn vị thần của Ai Cập và hàng ngàn vị thần của Syria, thêm cả tên Aton. Aziru vừa chửi bới thậm tệ vừa gọi tất cả các thần đến giúp khi lặn dấu triện của mình trên đất sét, và cả tôi cũng xé quần áo của mình và khóc rên thảm thiết khi ấn dấu triện Ai Cập vào đất sét, nhưng cuối cùng cả hai chúng tôi đều thỏa nguyện. Aziru đã tặng tôi rất nhiều quà và tôi cũng hứa sẽ gửi cho ông ta và vợ con ông ta nhiều quà theo những thuyền đầu tiên dong buồm từ Ai Cập đến các thành phố của Syria trong thời bình.

Thế là chúng tôi chia tay trong hữu hảo, Aziru thậm chí còn ôm tôi và nói tôi là bạn ông ta. Trước khi đi, tôi ôm cậu con trai xinh đẹp của ông ta vào lòng, khen ngợi sự dũng cảm của cậu bé và hôn vào đôi má ửng hồng của cậu. Nhưng cả Aziru và tôi trong thâm tâm đều biết rằng hòa ước mà chúng tôi đã thỏa thuận cho muôn đời thậm chí không đáng giá bằng bảng đất sét mà nó được viết lên, nhưng ông ta đã hòa giải vì buộc phải hòa giải và Ai Cập hòa giải vì Pharaon Ekhnaton muốn như vậy. Hòa bình đúng đưa trong không khí và sẽ bị gió cuốn đi vì tất cả phụ thuộc vào việc người Hittite xoay về hướng nào từ Mitanni, đồng thời cũng phụ thuộc vào sự can đảm của Babylon và các thuyền chiến của Crete, lực lượng bảo vệ giao thương trên biển.

Aziru bắt đầu rút quân và cử một đội hộ tống tôi đến Gaza, đồng thời lệnh cho đạo quân của mình ở phía trước Gaza chấm dứt cuộc vây hãm thành. Tuy nhiên, tôi suýt chết trước khi đến được Gaza, quả thật nỗi gian nguy và hiểm họa mà tôi trải qua trong chuyến đi đáng sợ này lớn hơn bao giờ hết. Bởi vì khi toán

lính hộ tống tôi vẫy càn cộ, tiến về phía cổng thành Gaza và hét lên hòa bình đang đến, lính Ai Cập bảo vệ thành để chúng tôi đến thật gần rồi bắt đầu bắn tên và ném giáo vào chúng tôi, máy ném đá của họ ném những hòn đá lớn ầm ầm vào chúng tôi, khiến tôi thật sự nghĩ rằng thời khắc cuối cùng của mình đã đến. Một người lính của Aziru, không mang vũ khí mà chỉ cầm chiếc khiên che mặt tôi, bị trúng tên vào cổ, gục xuống đất người đầy máu, còn đồng đội của anh ta bỏ chạy. Nỗi sợ hãi làm tôi bủn rủn, tôi thu mình như rùa dưới tấm khiên, khóc lóc và gào thét rất đáng thương. Khi không bắn được tên vào tôi vì có tấm khiên che chắn, lính Ai Cập từ trên tường thành đổ hắc ín đun sôi từ những cái thùng to xuống và hắc ín bắt đầu sôi bọt, chảy trào về phía tôi. May mắn thay, được mấy tảng đá che chắn nên tôi chỉ bị bỏng ở tay và đầu gối.

Nhìn cảnh tượng đó, quân lính Aziru cười rũ rượi đến mức ngã khụy xuống và lăn lộn trên đất nhiều vòng. Có lẽ cảnh tượng đó cũng buồn cười thật, nhưng tôi không cười nổi. Cuối cùng, có lẽ tiếng khóc gào thảm thiết của tôi đã động lòng những người lính Ai Cập nên họ cho tôi vào thành. Nhưng họ không mở cổng thành mà thả từ trên tường thành xuống một cái giỏ với một sợi dây bên bằng sậy để tôi phải trèo vào đó với những tảng đất sét và càn cộ của mình, rồi họ kéo tôi ngồi trong giỏ lên tường thành. Tôi sợ run lên khiến cái giỏ rung rinh và lắc lư vì tường rất cao, theo tôi là quá cao, và lính Aziru phía dưới cười nhạo tôi còn dữ hơn.

Tôi giận dữ trách viên trấn thủ Gaza về những việc đó, nhưng anh ta là một người dữ dằn và ngoan cố, giải thích rằng anh ta đã gặp quá nhiều sự xảo trá và lừa dối của người Syria nên không mở cổng thành cho đến khi nhận được lệnh từ chính Horemheb. Anh ta cũng không tin rằng hòa bình đã đến, dù tôi đã cho anh ta xem tất cả những tảng đất sét của mình và nói chuyện với anh ta nhân danh Pharaon, vì anh ta là một người máy móc, cứng đầu và có lẽ nếu không có sự máy móc và cứng đầu đó của anh ta thì Ai Cập đã mất Gaza từ lâu, nên tôi không

có lý do gì để khiển trách anh ta thêm. Sau khi thấy da của tù nhân Syria khô cong trên tường, tôi nghĩ tốt nhất mình nên im lặng, không chọc giận anh ta, nên thôi không trách cứ anh ta nữa mặc dù phẩm giá của tôi đã bị tổn hại rất nhiều khi tôi phải ngồi vào giỏ để lính kéo lên tường thành bằng dây sậy.

Từ Gaza, tôi lên thuyền trở về Ai Cập bằng đường biển và để đề phòng thuyền chiến của quân thù, tôi cho treo cờ hiệu của Pharaon và tất cả các cờ hiệu hòa bình trên cột buồm, nên các thủy thủ rất coi thường tôi và nói rằng thuyền được tô vẽ và trang trí như một gái điếm khi rạp rờn trên sóng. Nhưng khi chúng tôi vào được sông, dân chúng tụ tập trên bờ, vẫy cành cọ và cất lời ca ngợi hòa bình. Họ cũng ca ngợi tôi vì tôi là sứ giả của Pharaon, người mang hòa bình đến, khiến cuối cùng các thủy thủ bắt đầu tôn trọng tôi và quên tôi đã được kéo lên tường thành Gaza trong một cái giỏ sậy. Khi đến Memphis, tôi đã gửi cho họ nhiều vò rượu và bia để đảm bảo họ sẽ quên đi sự cố tồi tệ, tổn hại tới uy tín của tôi.

Horemheb đọc những bảng đất sét và hết lời khen khả năng đàm phán của tôi, khiến tôi vô cùng kinh ngạc trước cách xử sự của anh ấy, vì anh ấy không có thói quen khen ngợi việc làm của tôi mà thường thất vọng về tôi. Tôi chỉ hiểu ra khi được biết các thuyền chiến Crete đã được lệnh dong buồm quay lại Crete. Vì vậy nếu chiến tranh tiếp tục, không chóng thì chầy Gaza sẽ rơi vào tay Aziru, bởi nếu không có đường biển, Gaza sẽ thất thủ và binh lính của Horemheb khó có thể đến đó bằng đường bộ vì vào mùa thu, quân của anh ấy sẽ chết khát trên sa mạc. Do vậy, Horemheb hết lời khen tôi và vội vã phái nhiều thuyền chở binh lính, lương thực và vũ khí đến Gaza.

Trong thời gian tôi ở chỗ Aziru, sứ thần của vua Burraburiash cùng với đoàn tùy tùng đã từ Babylon đến Memphis bằng đường biển, mang theo những món quà đắt tiền. Tôi đưa ông ta đến thuyền của Pharaon đang đợi tôi ở Memphis rồi chúng tôi cùng nhau dong buồm ngược sông. Cả hai chúng tôi rất hài lòng với

chuyến đi của mình, vì đó là một ông già đáng kính với bộ râu trắng mượt, dài tới ngực và có vốn kiến thức uyên thâm. Chúng tôi đã nói về các ngôi sao lẫn gan cừu, và câu chuyện giữa chúng tôi không bao giờ cạn chủ đề, bởi người ta có thể nói về các ngôi sao và gan cừu suốt cuộc đời mình mà không hết chuyện để nói.

Nhưng chúng tôi cũng nói về chuyện đại sự của các vương quốc và tôi nhận thấy ông ta rất lo sợ về thế lực ngày càng tăng của người Hittite. Tuy nhiên, ông ta nói các giáo sĩ Marduk tiên đoán rằng quyền uy của người Hittite cũng có giới hạn và họ sẽ cai trị không quá một trăm năm, sau đó một dân tộc dã man người da trắng sẽ từ phía tây đến, tràn qua Hittite, khiến vương quốc của họ biến mất như chưa từng tồn tại. Tuy nhiên, ý nghĩ rằng quyền uy của người Hittite chỉ mất đi sau một trăm năm nữa không an ủi tôi vì tôi sinh ra để sống trong thời đại của họ. Tương tự như vậy, tôi tự hỏi sao có thể có một dân tộc xuất hiện từ phía tây, vì ở phía đó chỉ có những hòn đảo trên biển. Nhưng tôi phải tin điều đó vì các vì sao đã tiên đoán như vậy, mà tôi cũng đã tận mắt chứng kiến và trải nghiệm rất nhiều điều lạ kỳ ở Babylon đến nỗi tôi tin vào các vì sao hơn cả kiến thức của mình.

Ông ta mang theo rượu ngon nhất của vùng núi và chúng tôi cùng nhau vui với rượu; ông ta đảm bảo với tôi rằng ngày càng có nhiều dấu hiệu và điềm báo trong Tháp Marduk cho thấy rất thuyết phục rằng năm thế giới kết thúc sắp đến. Vì thế ông ta và tôi biết mình đang sống trong hoàng hôn của thế giới và trước chúng tôi là đêm đen. Nhiều biến động sẽ xảy ra, nhiều dân tộc sẽ bị xóa khỏi mặt đất, giống như dân tộc Mitanni đã hoàn toàn biến mất. Các thần cũ xưa sẽ chết, trước khi các thần mới được sinh ra và năm thế giới mới bắt đầu. Ông ta rất tò mò hỏi tôi về Aton và lắc lắc đầu, tay chải bộ râu trắng khi tôi kể về Aton. Vì Aton không có ảnh tượng và tất cả mọi người đều bình đẳng trước thần và thần không đẩy đà lên từ đồ hiến tế, mà từ tình yêu thương lẫn nhau của con người, bởi vì tất cả mọi người, không phân biệt màu da và ngôn ngữ, là anh em của nhau trước

Aton; trước thần không có sự khác biệt giữa nghèo và giàu, quý tộc và nô lệ.

Sứ thần của Babylon thừa nhận rằng trước đây chưa từng có vị thần nào như thế xuất hiện trên trái đất, vì vậy chính sự xuất hiện của Aton có thể là dấu hiệu khởi đầu của kết thúc, bởi từ trước đến nay ông ta chưa bao giờ nghe nói về một tín điều nguy hiểm và đáng sợ như vậy. Ông nói tín điều của Aton đã làm mái nhà thành sàn nhà và các cánh cửa mở ra bên ngoài, nên khi nghĩ đến tín điều đó, con người ta đứng bằng đầu và đi giật lùi. Kiến thức và sự thông thái của ông ta buộc tôi phải nín lặng, vì ông ta đến từ Babylon, cái nôi của mọi sự thông thái cả dưới mặt đất lẫn trên bầu trời, nên tôi vô cùng kính trọng ông và không muốn ông khinh thường sự xuẩn ngốc của mình. Vì vậy tôi không nói với ông ta suy nghĩ của mình, rằng có lẽ sự xuất hiện của Aton và đức tin của Pharaon Ekhnaton là một cơ hội không bao giờ trở lại cho tất cả các dân tộc. Bản thân tôi cũng nhận thấy suy nghĩ của mình thật ngu xuẩn, khi tôi trở về từ cuộc chiến với bàn tay và đầu gối bị hắc ín đun sôi làm phỏng rộp và sau khi thấy những thi thể bị từng xẻo. Khi chứng kiến tất cả những điều này, lý trí nói với tôi rằng con người ta hoàn toàn không phải là anh em của nhau mà là bầy sư tử cắn xé lẫn nhau.

Chúng tôi đến Akhetaton sau một chuyến đi vui vẻ như thế và khi trở về, tôi nghĩ mình đã khôn ngoan hơn lúc rời đi.

3

Trong thời gian tôi đi xa, chứng đau đầu của Pharaon lại tái phát và nổi bồn chồn gặm nhấm trái tim ngài, vì ngài cảm thấy tay mình động vào đâu là việc đó thất bại. Cơ thể ngài nóng rực và hừng lên trong ngọn lửa của những ảo giác, khiến ngài héo hon, xanh xao vì lo lắng. Để trấn an ngài, quốc trưởng Eje quyết định tổ chức lễ kỷ niệm tam thập chu niên vào mùa thu, sau mùa thu hoạch, khi nước sông bắt đầu

dâng cao. Dù còn lâu mới được ba mươi năm Pharaon Ekhnaton trị vì Ai Cập song điều đó cũng không sao, vì từ xưa xưa đã có tập quán là một pharaon có thể tổ chức lễ kỷ niệm ba mươi năm trị vì của mình bất cứ khi nào ngài muốn. Vậy nên phụ vương của ngài đã tổ chức lễ kỷ niệm tam thập chu niên nhiều lần, và vì thế lễ kỷ niệm này không xúc phạm sự thật của Pharaon Ekhnaton.

Tất cả những điềm báo đều thuận lợi cho ngày lễ này, vì mùa màng cũng tạm tạm, cho dù hạt mạch vẫn đầy những vết đốm, nhưng người nghèo đã có đủ ăn. Tôi trở về mang theo hòa bình và tất cả các thương nhân ai nấy đều mừng vui khi việc buôn bán được mở lại ở Syria. Nhưng điều quan trọng nhất cho tương lai là sứ thần của Babylon đã tháp tùng một trong vô số những chị em cùng cha của vua Burraburiash đến làm phi cho Pharaon Ekhnaton, đồng thời xin hỏi công chúa của Pharaon về làm vương phi cho vua của mình. Điều này có nghĩa là Babylon tìm kiếm một hòa ước lâu dài với Ai Cập vì rất sợ người Hittite.

Đối với nhiều người, chỉ riêng ý nghĩ gửi công chúa con Pharaon tới hậu cung của vua Babylon đã là một sự sỉ nhục đối với Ai Cập, vì dòng máu linh thiêng của Pharaon không được hòa lẫn với máu của bộ tộc lạ. Nhưng Pharaon Ekhnaton không thấy có gì xúc phạm trong việc này. Ngài chỉ lo cho các hoàng nhi của mình, tim ngài run lên khi nghĩ công chúa bé bỏng phải cô đơn giữa vô số phi tần nơi xứ lạ và ngài nhớ đến những công chúa Mitanni đã chết trong hậu cung ở Thebes. Nhưng tình hữu hảo với Burraburiash hết sức quý giá với ngài, nên ngài ưng thuận để con gái út của mình sang làm phi của vua Burraburiash. Tuy nhiên, Công chúa chỉ mới vài tuổi, nên Pharaon hứa sẽ làm lễ cho Công chúa về với vua Babylon trong sự hiện diện của sứ thần nước này và sẽ chỉ gửi con gái mình tới Babylon khi Công chúa đến tuổi trưởng thành. Sứ thần Babylon rất vui với giải pháp này và chắc ông ta cũng sẽ hài lòng khi có được bất kỳ thiếu nữ quý tộc nào của Ai Cập dưới danh công chúa.

Nhờ những tin tốt lành này, Pharaon quên đi cơn đau đầu và dự lễ kỷ niệm tam thập chu niên của mình tại Akhetaton. Buổi lễ được Eje tổ chức thật xa xỉ bằng hết khả năng. Các sứ thần từ xứ Kush dắt theo những con lừa vằn vện và hươu cao cổ lốm đốm hoặc ôm trong lòng những chú khỉ đuôi dài nhỏ xinh và giơ cao những con vẹt sặc sỡ trên tay đến ra mắt Pharaon. Các nô lệ của họ mang đến ngà voi, cát vàng, lông đà điểu, hộp gỗ mun... làm quà tặng cho Pharaon, không thiếu những thứ mà xứ Kush luôn luôn đóng tô thuế cho Ai Cập. Ít người biết rằng Eje đã lấy quà từ trong kho của Pharaon và những chiếc giỏ mây đan được dùng để chứa cát vàng trở nên rỗng không. Ít nhất Pharaon không hề biết, vì ngài rất vui khi nhìn thấy lượng quà phong phú này và khen ngợi lòng tận trung của xứ Kush. Các món quà của vua Babylon cũng được khiêng đến trước Pharaon. Còn sứ thần của Crete mang đến trước ngài những chiếc cốc kỳ lạ và rất nhiều bình chứa đầy loại dầu tốt nhất. Cả Aziru cũng gửi quà cho Pharaon, vì ông ta được hứa sẽ có nhiều món quà đáp lễ nếu ông ta chịu làm việc này và cũng vì sứ thần của ông ta sẽ có cơ hội dò xét Ai Cập cũng như ý định của Pharaon.

Thế là sau vụ thu hoạch ngũ cốc và trong những ngày thu này, tất cả sự huy hoàng và giàu có của Ai Cập cổ đại đều tụ hội về Akhetaton và Thành phố Thiên Đường, vốn đã như một giấc mơ rực sáng, hiện lên lung linh với muôn màu sắc rực rỡ dưới bầu trời. Vào những ngày này, tất cả quan quyền ở Ai Cập đều ca tụng Pharaon Ekhnaton và ai nấy đều tranh nhau tìm những lời hay nhất để ca ngợi, tôn vinh ngài. Các đội lính cấm vệ của thành phố cũng là một cảnh tượng hùng dũng và oai nghiêm khi họ diễu hành thành một khối, chân trái giơ về phía trước, bước theo nhịp đều đặn rầm rập, mũi giáo sáng rực ánh lên màu xanh lam trong nắng, khiến từ xa không ai có thể phát hiện ra mũi giáo chỉ là gỗ sơn, cứ nghĩ là mũi giáo đồng, và vô cùng kinh ngạc trước sức mạnh của Pharaon.

Sau các đoàn diễu hành và nghi lễ, Pharaon Ekhnaton dẫn Công chúa bé bỏng chưa tròn hai tuổi với những bước đi chập chững

đến đền thờ Aton. Trong đền thờ, ngài để Công chúa đứng bên cạnh sứ thần Babylon và các giáo sĩ đập vỡ vò giữa hai người theo phong tục. Đây là một khoảnh khắc đáng nhớ vì nó củng cố tình hữu hảo và liên minh giữa Babylon với Ai Cập, xua tan những bóng tối đáng sợ trong tương lai. Ít nhất là chúng tôi, những người am tường về quan hệ giữa các dân tộc trong những cuộc trao đổi thâm nghiêm, nghĩ như thế. Nếu chúng tôi nghi ngờ thì nét mặt cau kỉnh, bức tức của sứ thần Aziru và đại diện của xứ Hatti đã xua tan mọi nghi ngờ và củng cố niềm tin của chúng tôi. Nhưng ngày hôm đó, không ai trong chúng tôi muốn nghi ngờ mà tin vào những gì mình hy vọng.

Sứ thần Babylon cúi thật thấp, đưa tay ra trước mặt Công chúa nhỏ, vì kể từ giây phút này Công chúa đã là hoàng phi của vua Burraburiash, quốc vương của ông ta, mặc dù Công chúa vẫn còn là một cô bé. Trước tiên, ông ta cúi đầu chào Công chúa theo phong tục của người Ai Cập, sau đó cúi đầu theo phong tục Babylon, tay để trên trán và ngực. Phải công nhận rằng Công chúa nhỏ đã xử sự rất tốt trong buổi lễ long trọng này và khi nghi lễ kết thúc, Công chúa cúi xuống nhặt một mảnh vò vỡ từ dưới thảm lên và tò mò ngắm nghía. Những người chứng kiến cảnh ấy giải thích đó là một điềm lành.

Sau buổi lễ linh thiêng, nỗi xúc động chế ngự tâm trí Pharaon Ekhnaton, vì dù ngài yêu thương các hoàng nhi của mình, sự huy hoàng và giàu có của quyền uy đã khiến ngài lóa mắt, nên ngài càng tin hơn vào những ảo giác của mình. Vì vậy, không theo chương trình nghi lễ, ngài thuyết giảng với các sứ thần nước ngoài, giới quyền quý Ai Cập và những người lính canh khốn khổ trong đền thờ Aton; khi ngài nói về tình cảm đang ngập tràn trong tim mình, vết hằn xám cùng với vẻ đau đớn trên khuôn mặt biến mất và máu dâng lên đầu ngài. Ngài lớn tiếng ngợi ca Aton và nói trong các ảo ảnh của mình, ngài đã tiên lượng ngày này như bình minh rực rỡ trên thế gian, như bình minh sau đêm dài của ngu dốt, sùng tín, sợ hãi, thù hận và chiến tranh. Ngài nói mình đã hiến dâng cho Aton tất cả quyền

lực và sự giàu có của Ai Cập và kêu gọi sứ thần của các xứ ngoại bang hãy mang thông điệp từ nơi này tới quốc vương và xứ sở của họ để ánh sáng có thể xua tan bóng tối khỏi tâm trí họ. Ngài nói nhiều và hay đến nỗi các triều thần Ai Cập bắt đầu bối rối giậm giậm chân, còn các sứ thần nước ngoài không dám nhìn thẳng vào mắt nhau, vì tất cả đều coi ngài là người điên. Việc làm của ngài trái ngược với tập quán tốt đẹp, sự hăng hái của ngài không xứng với danh tiếng của một pharaon và những lời của ngài chỉ là một cơn điên bùng phát dữ dội trong tai họ.

Trong khi Pharaon Ekhnaton thuyết giảng ở đền thờ Aton, tâm trí tôi trào dâng nỗi niềm cay đắng, tôi thử lúc lắc tay và đầu gối vốn bị dòng nhựa nóng rẫy trước tường thành Gaza làm bỏng mà vết thương giờ vẫn chưa lành. Tôi nghĩ, Pharaon Ekhnaton nói thế này thật dễ, vì ngài không phải ngửi mùi khăm khảm của những xác chết trước tường thành Gaza hay nghe tiếng gào thét của những người đàn bà bị hành hạ trong lều vải của những người đàn ông Amori. Ngài nói thật dễ dàng vì ngài sống trong sự giả dối và chỉ ngửi thấy mùi thơm của Akhetaton, từ sáng đến tối bên tai ngài chỉ vang lên tiếng tụng kinh của các giáo sĩ ca tụng Aton. Ngài nói thật dễ dàng, vì người ta mang đến trước mặt ngài những chiếc giỏ đan đựng đầy cát vàng, vẩy trước mặt ngài những chiếc lông đà điểu, trong khi dân chúng gầy xác xơ, ăn đại mạch lổm đổm sâu và trẻ em chết vì nóng sốt và đau bụng. Vì vậy, khi Pharaon Ekhnaton nói, sự mê hoặc của Akhetaton biến mất trong tâm trí tôi, tôi không còn muốn điều tốt lành cho ngài nữa; những vinh quang, giàu có của Ai Cập xung quanh ngài không còn là ánh sáng của bình minh trong mắt tôi, mà là ánh sáng của hoàng hôn, mạnh hơn cả ánh lửa rừng rực của các đám cháy, vì khi chìm xuống sau dãy núi phía tây trước khi đêm xuống, mặt trời hắt lên ánh sáng rực rỡ hơn bình minh, nhưng ánh sáng này đáng sợ, đầy máu và chết chóc.

Trong khi Pharaon Ekhnaton nói, tôi lạnh lùng nhìn những kẻ trung thành với ngài đang há hốc miệng nghe ngài, máu cũng bốc lên đầu họ và họ tin lời ngài. Nhưng Hoàng hậu Nefertiti

nhìn ngài, má hóp lại, ánh mắt sắc hơn dao và nổi phần uất trong ánh mắt ấy lạnh lùng hơn cái chết. Bà từng tin cuối cùng mình sẽ sinh cho Pharaon một hoàng tử làm món quà đặc biệt cho lễ kỷ niệm tam thập chu niên nhưng bà chỉ sinh công chúa thứ năm, điều này đã làm tâm trí bà mù mịt, khiến nổi phần uất lẫn át tình yêu trong trái tim bà và bà lạnh nhạt với Pharaon Ekhnaton, đổ mọi nguyên do cho ngài như thói thông thường của phụ nữ. Rồi họ bắt đầu cãi vã và thường xuyên có những lời lẽ gay gắt, cay độc với nhau, khiến những nghệ sĩ theo nghệ thuật mới luôn tôn sùng sự thật đã miêu tả họ đang chơi trò bắn tên về phía nhau, cố gắng bằng cách này hòa giải cuộc cãi vã của họ mà không nhận thấy nỗi đau khổ của Hoàng hậu Nefertiti đã hằn sâu đến mức nào.

Vì nỗi khổ tâm này, Hoàng hậu Nefertiti đã thấy rõ hơn bất cứ ai rằng Pharaon Ekhnaton đã vượt qua mọi giới hạn của các tập quán tốt đến mức nào khi thuyết giảng cho giới quyền quý và cận thần trong trạng thái ngất ngây quyền lực của mình và ngài đã làm hoen ố danh dự của mình như thế nào. Bà không hề giấu giếm suy nghĩ này khi họ trở về cung điện và Pharaon Ekhnaton vẫn còn phẫn khích, bồn chồn đi đi lại lại trong cung, hai tay nắm chặt, mắt ngược nhìn lên những hình vẽ trên trần như thể xuyên qua chúng, ngài đã nhìn thấy Aton của mình với tất cả ánh hào quang chói lọi của thần. Nhưng Pharaon Ekhnaton không nghe lời bà, mặc dù bà nói theo cách nói của phụ nữ và lời nói của bà châm đau hơn ong độc. Pharaon vẫn sống trong niềm hạnh phúc do các ảo ảnh mang lại và đưa chính mình vào sự rối loạn cảm xúc ngày càng tăng. Vì vậy, là danh y, tôi rất lo lắng cho ngài. Ngài không thể thanh thản lên giường nghỉ ngơi, ngài cũng không ngủ được mà cứ đi đi lại lại và huyền thuyên về Aton, về ánh sáng rực rỡ trong các ảo ảnh của mình và giờ cao đôi cánh tay đang co giật, tin rằng quyền năng của mình là giải phóng thế giới khỏi ma lực của nỗi sợ hãi và bóng tối. Là danh y, tôi đã cho ngài uống thuốc ngủ, nhưng ngài không chịu ngủ mà nói với tôi:

- Sinuhe, Sinuhe à, đây là ngày hạnh phúc nhất trong đời ta và ta run rẩy vì sức mạnh của chính mình. Hãy nhìn xem, từ chính mình và từ sức mạnh duy nhất của chính mình, ngài tự tạo ra hàng triệu hình ảnh các thành phố, làng mạc, cánh đồng, con đường và dòng sông. Mọi cặp mắt nhìn thấy ngài khi ngài tỏa sáng như ánh mặt trời trên các miền đất. Nhưng khi ngài đi khuất, khi mắt nhân loại nhắm lại trên những khuôn mặt mà ngài đã tạo ra, khi nhân loại ngủ say và không thấy ngài, vì ngài đã đi khuất, thì trong tim ta ngài vẫn tỏa sáng ánh hào quang.

Pharaon chìm đắm vào ánh lấp lánh trong suốt của các ảo ảnh và những khả tượng ấy nung đốt trái tim ngài, khiến ngài thở gấp gấp để trái tim khỏi vỡ tung trong lồng ngực. Vì vậy, ngài khóc trong trạng thái nhập định, rồi giơ tay lên và hát một cách nhiệt thành:

“Không ai khác thật sự biết Người,

Chỉ con trai Người, Pharaon Ekhnaton, biết Người

Và Người mãi mãi tỏa sáng trong trái tim ngài

Hết đêm lại ngày, và ngày rồi đến đêm.

Chỉ với ngài, Người để lộ dự tính và sức mạnh của mình,

Cả thế giới nằm trong tay Người

Như hình hài Người đã tạo ra.

Khi Người tỉnh giấc, nhân loại bừng nở, sống động

Khi Người thu ánh sáng của mình, nhân loại diệt vong,

Người là thời gian sống của họ,

Chỉ trong Người, con người mới trường tồn.”

Nỗi cuồng tín của Pharaon lớn đến mức tôi chắc chắn sẽ nghe theo ngài và ma thuật trong trái tim ngài sẽ lại mê hoặc tâm trí tôi, nếu như tôi không phải là ngự y của ngài và vì thế chịu trách nhiệm về sức khỏe của ngài. Vì vậy, tôi cố gắng trấn an ngài, giữ cổ tay gầy guộc của ngài giữa các ngón tay mình và lo lắng đếm mạch đập của ngài đang dồn dập nhanh hơn cả những giọt nước của đồng hồ, mà máu trong đầu ngài vẫn không chịu hạ. Đêm trôi qua như thế, các vì sao di chuyển chậm chạp trên bầu trời, sự tĩnh lặng đến rợn người ngự trị trong cung điện mênh mông, chỉ có Pharaon trần trọc và tôi thao thức vì tôi là thầy thuốc của ngài.

Đột nhiên từ một phòng nào đó, một con chó nhỏ bắt đầu tru lên, vừa tru vừa sủa và tiếng của nó vọng qua tất cả các bức tường cho đến khi nó bắt đầu sủa báo điềm chết giống như chó hung sa mạc. Đây là một âm thanh đáng sợ với s con người và chỉ được nghe thấy lúc nửa đêm về sáng, khi người và chó kề cận tử thần. Vì vậy Pharaon tỉnh dậy, thoát cơn khải tượng của mình, máu từ đầu ngài đột ngột hạ xuống, khuôn mặt ngài chợt trở nên tái xám, gầy gò và đôi mắt ngài bắt đầu đỏ lên. Thần linh thoát khỏi ngài và cảm xúc con người chiếm lĩnh ngài, trái tim ngài tràn ngập nỗi sợ hãi và tình thương yêu của một người cha chu đáo. Vì vậy ngài chạy khắp các phòng, tôi cầm đèn chạy theo chiếu sáng đường đi cho ngài và chúng tôi đến phòng của Công chúa Meketaton ốm yếu. Những người hầu, vì quá mệt mỏi với buổi lễ, đã uống rượu và ăn đủ loại thức ăn ngon, đang ngủ say để Công chúa lại một mình. Chỉ có con chó nhỏ nằm dưới chân giường canh giấc ngủ của Công chúa. Đêm đến, Công chúa bắt đầu ho và cơ thể suy nhược gầy gò của nàng không còn chịu được cơn ho nữa, máu từ phổi tràn ra đỏ tươi làm ướt sũng giường, mà chú chó nhỏ không thể giúp nàng, chỉ cuồng nhiệt liếm tay và mặt trong tình cảm mến yêu của nó. Nó bắt đầu tru lên âm thanh chết chóc, vì chó đánh hơi được cái chết trước con người và ngửi thấy mùi tử thần trước khi con người có thể đoán ra. Thế là Công chúa nhỏ đã chết trong vòng tay của phụ vương Pharaon Ekhnaton trước bình minh và tài năng của tôi không

thể giúp Công chúa. Nàng là công chúa thứ hai trong số các công chúa và vừa tròn mười tuổi.

Tôi cũng không kìm được nước mắt trước cái chết của Công chúa, vì cái chết của một đứa trẻ gây đau buồn hơn của một người lớn. Nhưng nỗi đau của người cha trong Pharaon Ekhnaton rất đáng sợ, đến mức tôi sợ ngài cũng sẽ chết, vì cũng như niềm vui và trạng thái nhập định của ngài, tôi tin Pharaon Ekhnaton cảm nhận nỗi buồn sâu sắc hơn người thường. Vì vậy tôi cố gắng an ủi ngài:

- Muôn tâu Pharaon Ekhnaton, bạn của thần, thần sẵn lòng hy sinh mạng sống của mình nếu có thể giúp ngài thoát khỏi nỗi đau này. Nhưng hoa đẹp nhất là hoa sắp nở và cái chết của đứa trẻ thơ ngây đẹp hơn cái chết của kẻ phạm tội. Có lẽ thần của ngài quá yêu thương cô con gái bé bỏng của ngài nên đã đón Công chúa lên thuyền của người sớm như vậy, để Công chúa khỏi phải chịu những ngày cháy nắng và những đêm lạnh giá, để Công chúa khỏi phải nếm trải nỗi buồn phiền và đau đớn của cuộc sống, vì cuộc sống là bụi nóng, còn cái chết là nước mát. Thật vậy, thưa Pharaon Ekhnaton, Công chúa sẽ sống mãi và quả cầu vàng của nàng sẽ không ngừng xoay, con quay sắc sỡ của nàng sẽ không bao giờ ngã, những người đàn ông của Nhà Chết sẽ khéo léo bọc những ngón tay thon thả của Công chúa bằng lá vàng, gìn giữ khuôn mặt nhỏ nhắn và cơ thể mảnh mai của nàng trong vải lanh hoàng gia để nàng sống mãi mãi mà không biết đến buồn phiền hay đau đớn.

Tôi nói với Pharaon Ekhnaton những điều này để an ủi ngài, vì khi ngài đau khổ, tôi lại yêu ngài, mặc dù tôi không thể yêu ngài trong trạng thái nhập định của ngài. Khi những người hầu hoảng hốt rửa sạch máu trên mặt Công chúa nhỏ, khuôn mặt tiều tụy của nàng mỉm cười trong cái chết, vì vậy dù là thầy thuốc tôi cũng không trách mình quá nhiều, mặc dù tôi đã lơ là trong việc chữa cho nàng, nhưng thật ra tôi cũng không chịu trách nhiệm về Công chúa, vì Công chúa có thái y riêng của

mình. Con chó nhỏ bị dắt đi, mặc dù nó chống trả quyết liệt và tiếp tục tru lên trong lồng chó.

Không ai dám động vào Pharaon Ekhнатon cho đến khi thuốc của tôi bắt đầu ngấm và ngài ngủ được lúc bình minh, nên người của Nhà Chết kịp đưa Công chúa đến Nhà Chết trước khi Pharaon tỉnh dậy, giúp ngài vơi bớt nỗi đau thương này. Thi thể Công chúa được những người ướp xác tốt nhất tắm ướp, mặt nàng được che bằng một chiếc mặt nạ vàng và nàng được an táng theo nghi thức hoàng gia, tất cả đồ chơi của nàng được theo nàng đến mộ. Những người ướp xác cũng nghĩ rất nên ướp xác con chó nhỏ cùng với Công chúa, bởi nó đã chết vì không ăn nổi trong nỗi buồn thương sau khi cô chủ nhỏ đến Nhà Chết. Thế là con chó đã đi theo Công chúa và yên nghỉ mãi mãi bên chân chiếc giường vĩnh cửu của chủ mình.

Nhưng trong khi những người tắm ướp thi thể làm việc trong Nhà Chết, Pharaon không thể ngủ yên vì quá đau buồn. Ngài lang thang một mình qua các phòng trong cung điện và trong khu vườn thượng uyển, không cho phép ai đi theo và xua đuổi cả lính cấm vệ. Vào dịp kỷ niệm tam thập chu niên nên nhiều nhóm khách thập phương đã đến Akhetaton và vào một buổi sáng khi Pharaon Ekhнатon đang đi dạo bên bờ hồ thánh, hai kẻ giết thuê đã xông đến dùng dao định giết ngài. May thay, trên bờ hồ một cậu bé là học trò của Thotmes đang ngồi vẽ vẹt, vì Thotmes không cho học trò của mình vẽ theo hình mẫu, phải vẽ cái mà mắt họ thấy chứ không phải điều họ biết. Cậu bé này đã dùng bảng vẽ của mình chặn những nhát dao của bọn sát thủ cho đến khi lính canh kịp đến và giải cứu Pharaon, nên ngài chỉ bị một vết dao ở vai. Nhưng cậu bé đã chết, máu cậu chảy xuống tay Pharaon Ekhнатon, và dưới sắc thu lộng lẫy trong khu vườn, khi máu chảy tràn xuống, ngài nhìn thấy đôi mắt bị cái chết làm mờ dần và cái cảm thống xuống, cậu bé đã chết trên tay ngài và vì ngài. Thế là cái chết, điều mà trước đó ngài chưa từng nếm trải, bắt đầu đeo bám Pharaon Ekhнатon.

Tôi được gọi đến ngay lập tức để băng bó vết thương cho Pharaon, may là không nguy hiểm nên sớm lành; tôi tận mắt nhìn thấy hai tên sát thủ, một tên đầu cạo trọc, mặt bôi dầu thánh bóng nhẫy, tên kia từng bị cắt tai vì một tội ác đáng xấu hổ nào đó khiến hắn không thể nhìn thẳng vào mắt người khác. Nhưng khi lính canh lấy dây sậy trói chúng, chúng giận dữ vùng vẫy dứt dây trói, không ngớt hét lên chửi rủa và gọi tên Amon không dứt, mặc cho lính canh dùng cán giáo đánh vào miệng đến nổi máu hộc ra. Không nghi ngờ gì rằng các giáo sĩ đã bỏ bùa làm phép để chúng không cảm thấy đau đớn.

Chuyện xảy ra thật đáng sợ, vì từ trước đến nay chưa ai nghe nói có thường dân nào dám công khai giơ tay đe dọa pharaon. Ý tôi là có thể vào một thời điểm nào đó trong quá khứ, đã có pharaon chết một cách bất thường trong hoàng cung, nhưng điều này không được thực hiện công khai mà có thể bằng thuốc độc hay một sợi dây, hoặc dùng thảm chệt cho nghẹt thở để không lưu lại dấu vết nào và mọi việc được giấu kín trước dân chúng. Do đã sống quá lâu trong hoàng cung nên tôi biết việc như thế này từng xảy ra, đôi khi có lẽ pharaon bị khoan sọ trái với ý muốn của ngài. Nhưng chưa từng có ai dám công khai giơ tay đe dọa pharaon và việc vừa xảy ra không thể giấu được, vì có quá nhiều người nhìn thấy và làm chứng mà Pharaon Ekhnaton lại không muốn cho giết hoặc đầy bất cứ ai xuống hầm mỏ để vĩnh viễn bịt miệng họ.

Sau việc này, các giáo sĩ của Amon đã giải thích cho dân chúng và các tín đồ của họ rằng việc giơ tay chống lại pharaon giả là điều được phép và là việc tốt trước Amon, và rằng kẻ nào giết được Pharaon, người đó sẽ được sống mãi muôn đời mà không cần lưu giữ thi thể. Vì trong các bài thuyết giảng bí mật của mình, họ đã tuyên bố Pharaon Ekhnaton là một pharaon giả, nên bất cứ ai cũng có thể giơ tay đe dọa ngài. Tất nhiên, không ai dám giơ tay đe dọa pharaon thật, vì nếu ai đó dám, người đó sẽ phải chịu kiếp sống kinh hoàng mãi mãi trong các hầm tối của địa ngục, trong hòng hà bá. Dân chúng đã tin như thế.

Hai tên tội phạm bị tra hỏi với sự chứng kiến của Pharaon Ekhnaton, nhưng chúng không khai bất cứ điều gì. Tuy nhiên, người ta phát hiện ra chúng từ Thebes đến và đã nấp trong vườn thượng uyển vào đêm hôm trước. Ngay cái tên Thebes đã tiết lộ ai sai phải chúng đi, nhưng chúng không chịu hé răng, mà khi mở miệng, chúng gọi tên Amon cầu xin giúp đỡ và không ngớt nguyên rủa Pharaon, mặc dù lính canh đã dùng cán giáo đập vào mặt chúng. Khi nghe tên của vị thần bị nguyên rủa, Pharaon Ekhnaton cũng tức giận đến mức cho phép lính canh đánh các tội nhân cho đến khi mặt chúng bị tóa máu và răng rơi ra khỏi miệng. Nhưng các tội nhân nhất quyết không khai mà chỉ cầu cứu Amon và Pharaon không cho phép tra tấn chúng nữa. Lúc đó, chúng hét lên thách thức ngài:

- Pharaon giả kia, cứ để chúng tra tấn chúng tao, để chúng nghiền nát chân tay chúng tao, xẻo thịt chúng tao, nướng da chúng tao, vì chúng tao có đau đớn gì đâu.

Sự trơ lì, ngoan cố của chúng thật bất thường, khiến Pharaon ngoảnh mặt sang phía khác và đấu tranh với bản thân mình. Khi trấn tĩnh lại, ngài vô cùng xấu hổ vì đã cho lính canh đánh các tội nhân đến bầm tím, méo mó mặt. Vì vậy ngài bảo:

- Thả chúng ra, vì chúng không biết mình đang làm gì.

Nhưng khi lính canh cởi dây trói ra, chúng càng chửi rủa nhiều hơn, nước bọt sủi hai bên mép, rồi chúng cùng gào lên:

- Hãy cho chúng tao chết, Pharaon đáng nguyên rủa kia. Vì Amon, hãy cho chúng tao chết, hỡi Pharaon giả, để chúng tao được sống đời đời.

Nhận thấy Pharaon định thả mình ra mà không trừng phạt, chúng vùng thoát khỏi tay lính canh và lao đầu vào tường quanh sân, đến nỗi một lúc sau cả hai đều vỡ sọ và chết. Sức mạnh bí hiểm của Amon ăn vào lòng người dân mới lớn làm sao.

Sau sự việc này, trong hoàng cung ai cũng biết tính mạng của Pharaon Ekhnaton đang bị đe dọa. Vì vậy, các cận thần của ngài tăng cường lính canh và không để ngài ở ngoài tầm nhìn của họ, mặc dù vì quá đau buồn, ngài vẫn muốn đi dạo một mình trong vườn và cả bên bờ sông không cho ai đi theo. Chắc hẳn ngài vẫn nghĩ mình đang đi một mình, nhưng những đôi mắt vô hình vẫn dõi theo từng bước chân ngài. Những ai sùng bái Aton càng hun đúc đức tin của họ cháy bỏng hơn, và những ai đã đi theo Aton vì quyền lực, giàu sang và địa vị lại lo cho vị thế của mình hơn, cảnh giác và phục vụ Pharaon nhiều hơn. Vì thế, sự cuồng tín đã tăng lên ở cả hai miền; dân chúng cuồng loạn vì Aton nhiều chẳng kém vì Amon và như thế Aton đã phân rẽ vợ khỏi chồng, cha khỏi con và anh chị em khỏi nhau.

Điều này xuất hiện sớm nhất ở Thebes, vì để chứng minh quyền lực và thành công của Pharaon, các lễ rước và nghi lễ được tổ chức ở đây tương tự như ở Akhetaton nhằm tôn vinh ba mươi năm trị vì của Pharaon. Những chiếc giỏ chứa đầy cát vàng và lông đà điểu được chuyển đến Thebes, những con báo trong lồng và hươu cao cổ được chuyển đến đó dọc theo sông, những con khỉ đuôi dài nhỏ nhắn và vẹt nhỏ với bộ lông sặc rỡ cũng được đi theo đoàn diễu hành để mọi người có thể thấy và ca ngợi quyền lực và sự giàu có của Pharaon. Nhưng người dân Thebes lặng lẽ nhìn các đoàn diễu hành, không chút niềm vui, các vụ ẩu đả đã xảy ra trên đường phố và thánh giá của Aton bị xé giạt khỏi trang phục và cổ áo của người dân, mấy giáo sĩ của Aton đã bị đánh chết khi họ dám đi vào đám đông mà không có người bảo vệ.

Tệ hại nhất là các sứ thần nước ngoài đã theo dõi đoàn diễu hành và thấy tất cả những việc này, họ còn nghe được cả về vụ ám sát hụt Pharaon, vì tin này không thể giấu được do sự bướng bỉnh của Pharaon. Vì vậy, tôi nghĩ sứ thần của Aziru có rất nhiều điều thú vị để kể với quốc vương của mình khi trở về Syria. Ngoài ra, ông ta còn lấy bớt rất nhiều món quà quý giá mà Pharaon gửi tặng cho Aziru và tôi cũng qua sứ thần gửi cho

Aziru và gia đình ông ta những món quà của mình. Tôi đã gửi cho con trai ông ta một đội quân gồm cả lính giáo, lính bắn cung, ngựa và chiến xa nhỏ bằng gỗ, được đẽo, chạm khắc và sơn rất đẹp; một nửa trong số đó, tôi cho làm giống người Hittite, và nửa kia giống người Syria với hy vọng thằng bé sẽ cho họ giao chiến với nhau trong trò chơi chiến trận. Món quà tôi cho cậu bé là một tác phẩm khéo léo, mắt của những người lính bằng đá đen và mắt của các viên đội bằng đá quý, chiến xa của các chỉ huy được mạ vàng, những chiếc roi nhỏ của họ bằng vàng và bạc, nên món quà này theo tôi mang tính hoàng gia, xứng với địa vị của tôi và tôi đã trả nhiều hơn quà tôi tặng cho Aziru, vì cậu bé là tất cả với ông ta, hơn cả lợi ích của chính ông ta. Thời gian này, Pharaon Ekhnaton rất đau khổ và chịu nhiều giằng xé trong tâm can, những ngờ vực khiến đức tin của ngài bị lung lay, đến nỗi thỉnh thoảng trong đêm tối, ngài cay đắng than thở rằng khái tượng của ngài đã biến mất và Aton đã từ bỏ ngài. Nhưng cuối cùng, ngài đã biến vụ ám sát thành sức mạnh cho mình và khích động bản thân tin rằng sứ mệnh của ngài còn lớn lao hơn và những việc ngài làm còn quan trọng hơn vì trên đất Ai Cập vẫn còn quá nhiều bóng tối và nỗi sợ hãi. Ngài đã ném bánh cay đắng của hận thù và uống nước mặn của thịnh nộ. Bánh không làm dịu cơn đói, nước không làm thỏa cơn khát của ngài, nhưng ngài tin rằng mình đã làm tất cả chỉ vì lòng tốt và tình yêu thương, khi ban lệnh săn lùng các giáo sĩ Amon gắt gao hơn, khi cho phép trừng phạt và tống cổ những kẻ đã gọi tên Amon đến các hầm mỏ. Tất nhiên, những người nghèo khổ và cô đơn phải chịu cực hình nhiều nhất trong các cuộc săn lùng này, bởi quyền lực bí mật của các giáo sĩ Amon rất lớn và lính canh của Pharaon không dám động vào họ mà để họ thoát rất dễ dàng. Vì vậy, thù hận sản sinh thù hận và sự hỗn loạn ở Ai Cập tiếp tục gia tăng.

Để củng cố quyền lực của mình và vì không có con trai nên Pharaon Ekhnaton đã gả hai con gái lớn là Meritaton và Ankhsenaton cho con trai của các đại thần và quý tộc trung thành với ngài trong triều đình. Ngài cho Meritaton đập vỡ vò

với một cậu có tên Sekenre, mang chức danh người rót rượu hoàng gia trong hoàng cung, là người cả đời đã lớn lên trong hoàng cung và tin tưởng vào Aton. Cậu ta mười lăm tuổi, cuồng tín, cũng nhìn thấy các giấc mơ với đôi mắt mở to như Pharaon, nhưng ý chí của cậu yếu ớt và hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí mạnh mẽ của Pharaon trong mọi việc, vì thế cậu rất được lòng Pharaon. Ngài đã cho cậu trai trẻ măng này được đội vương miện hoàng gia và phong cậu làm người kế vị, vì ngài không còn tin mình sẽ có con trai.

Còn Ankhsenaton đập vỡ vò với một cậu bé mười tuổi tên là Tut, người được bổ dụng chức quản gia trông coi ngựa và cả các tòa nhà và mỏ đá của nhà vua. Tut là cậu bé gầy gò, ốm yếu, thích chơi với búp bê, thích đồ ngọt và ngoan ngoãn, dễ bảo trong mọi việc. Trong con người cậu không có gì xấu mà cũng không có gì tốt và cậu tin tất cả những gì người ta dạy cậu, nói lại giống hệt những lời cậu được nghe ai đó nói sau cùng. Cả hai cậu trai này đều có dòng dõi quan quyền Ai Cập và khi cưới họ cho con gái mình, Pharaon Ekhnaton tin rằng ngài sẽ trói buộc gia đình quan quyền và hùng mạnh của họ vào với ngài và vào Aton. Những cậu bé này làm ngài đẹp lòng bởi họ không có ý chí, bản lĩnh riêng và vì sự cuồng tín của mình, Pharaon Ekhnaton không chấp nhận những lời tranh biện và không lắng nghe các phụ tá của ngài nữa.

Thế là nhìn bề ngoài mọi thứ diễn ra như trước, nhưng cái chết của Công chúa nhỏ cùng với con chó của nàng và vụ ám sát hụt Pharaon là những điềm xấu và một điềm xấu hơn nữa là Pharaon Ekhnaton muốn bịt tai trước tất cả những âm thanh trần tục và chỉ lắng nghe tiếng nói bên trong mình. Vậy nên cuộc sống ở Akhetaton trở nên ngột ngạt, đường phố im ắng dần, dân chúng ít cười đùa hơn trước và hạ giọng khi nói, như thể một nỗi sợ hãi ngấm ngấm đang rình rập trên khắp Thành phố Thiên Đường. Điều thường xảy ra với tôi là tôi bừng tỉnh khỏi dòng suy nghĩ của mình khi đang làm việc trong tiếng đồng hồ nước nhỏ giọt và nhìn ra ngoài, tôi nhận thấy một sự

im lặng rợn người đột nhiên chế ngự Akhetaton, đến mức không nghe thấy bất cứ âm thanh nào, không tiếng bánh xe lọc cọc, không tiếng chim ríu rít, không cả tiếng kẻ hầu người hạ, chỉ có tiếng lách tách đo thời gian vô định của đồng hồ nước. Vào những khoảnh khắc như thế, tiếng đồng hồ nước với tôi là âm thanh quái gở như thể một khoảng thời gian được ấn định sắp hết, mặc dù tôi cố trách cứ trái tim mình sao ngớ ngẩn và tự trấn an rằng thời gian không bao giờ kết thúc và nước không bao giờ cạn trong đồng hồ nước. Cho đến khi những chiếc xe lại lăn bánh dọc phố qua nhà tôi với những chùm lông nhuộm màu sắc sỡ phát phơ trên đầu ngựa và tiếng lọc cọc vui tai của bánh xe hòa lẫn tiếng của những người hầu đang vật lông chim trong sân bếp. Khi đó tôi mới bình tâm lại và nghĩ mình vừa có một cơn hưng mộng.

Nhưng trong những khoảnh khắc lạnh giá, tôi cảm thấy cả thành phố Akhetaton chỉ như một trái cây có vỏ xinh đẹp mà ruột bên trong đã bị sâu đục rỗng. Bụi thời gian đã gặm nhấm cốt lõi cuộc sống hạnh phúc của nó, khiến niềm vui vụt tắt và tiếng cười im bật ở Akhetaton. Vì vậy, tôi bắt đầu khát khao trở lại Thebes, không cần tìm kiếm lý do mà trái lại, trái tim tôi đã nhanh chóng liệt kê vô vàn lý do quan trọng khiến Pharaon Ekhnaton không thể khước từ. Điều tương tự cũng xảy ra với nhiều người khác, trái tim họ tin rằng mình yêu quý Pharaon Ekhnaton, nhưng rồi họ đã rời khỏi Akhetaton. Tôi trở lại Thebes vì sự giàu có của mình và tôi đã bảo Kaptah gửi đến cho tôi rất nhiều giấy tờ để tôi tâu trình với Pharaon rằng mình phải đi không chậm trễ và Pharaon không thể ngăn cản việc ra đi của tôi.

4

Khi đã lên thuyền và dong buồm ngược sông, tâm trí tôi nhẹ nhõm như vừa thoát khỏi bùa phép. Mùa xuân lại về, nước lũ đã rút và đàn én lướt nhanh trên dòng nước

sẫm màu bùn đang trôi. Phù sa màu mỡ lắng xuống đồng ruộng, cây trái đang nở hoa và tôi vội vã lên đường, lòng tràn đầy nỗi mê đắm hương vị ngọt ngào của mùa xuân, như thể tôi là một chàng rể đang vội vàng đến với vị hôn thê của mình. Thế đấy, con người là nô lệ của trái tim mình nên thường nhắm mắt trước những gì mình không vừa ý và chỉ tin vào điều mình mong muốn. Được thoát khỏi phép thuật và nỗi sợ hãi đang rình rập Akhetaton, trái tim tôi vui sướng như chim được sổ lồng, vì con người ta cảm thấy nặng nề khi bị ràng buộc vào ý chí của người khác và bất cứ ai từng sống ở Akhetaton cũng đều bị trói buộc vào ý chí sôi sục và đầy áp lực của Pharaon cũng như những cơn giận dữ bột phát của ngài. Đối với tôi, ngài là một con người bởi tôi là ngụy y của ngài, chính vì vậy sự ràng buộc của tôi với ngài nặng nề hơn với những người mà ngài chỉ là Pharaon hay những người sùng tín ngài như đáng thần linh.

Tôi mừng vui vì lại được nhìn bằng mắt của mình, nghe bằng tai của mình, nói bằng miệng của mình và sống theo ý muốn của riêng mình. Sự tự do như thế này hoàn toàn không có hại cho con người, mà nó khiến tôi trở nên khiêm nhường trên hành trình ngược sông, xua tan đi nỗi cay đắng trong tim tôi, để tôi thấy Pharaon như chính con người ngài. Càng rời xa Pharaon Ekhnaton, tôi càng hiểu rõ hơn chính con người ngài và càng rời xa ngài chừng nào, tôi càng yêu ngài hơn và cầu mong cho ngài mọi điều tốt lành. Càng đến gần Thebes, những ký ức tràn ngập trong trái tim tôi càng sống động, Pharaon Ekhnaton cũng như thần Aton của ngài càng lớn dần lên trong trái tim tôi, xua tan bóng tối của tất cả vị thần khác cũng như của Amon trong tôi.

Tôi lại nhớ tới nỗi sợ hãi mà Amon đã dùng để giam hãm tâm hồn con người, bóp nghẹt khát khao hiểu biết và ngăn không cho bất cứ ai hỏi: “Vì sao?”. Tôi cũng nhớ đến vị thần của đảo Crete đã chết, nổi lên bệnh trong vịnh nước thối rữa và những người bị hiến tế cho thần này được dạy nhảy trước đàn bò để có thể tiêu khiển cho con bò biển. Nhớ lại tất cả những điều này, tâm trí tôi tràn ngập nỗi căm hờn đối với các vị thần trước đây

và bên cạnh họ, Aton tỏa sáng hào quang, vì Aton giải phóng con người khỏi nỗi sợ hãi, Aton là gì đó ở trong tôi và bên ngoài tôi, ngoài tầm hiểu biết của tôi; Aton là vị thần sống động như tạo hóa, hít thở trong tôi và ngoài tôi, như ánh nắng mặt trời rực rỡ sưởi ấm mặt đất và mặt đất bùng nở hoa. Nhưng Aton chỉ ngồi sáng trong trái tim tôi, khi tôi ở xa Pharaon Ekhnaton, bởi khi sống gần ngài như vợ y riêng, tôi nhìn ngài như nhìn một con người, trong khi cuộc sống bên ngài là không thể chịu đựng được với những ai muốn giữ tự do cho trái tim mình, bởi Pharaon Ekhnaton muốn áp đặt Aton của ngài cho tất cả mọi người và sự áp đặt đó khiến Aton trở nên đáng ghét với họ và làm họ xa lánh thần, khiến họ thờ Aton vì sợ hãi chứ không phải vì Aton tốt hơn Amon.

Tôi nhận ra tất cả những điều này khi ngược dòng sông dưới bầu trời xanh rực rỡ, trong những tia nắng ấm áp và hoa nở rực trên mặt đất hai bên bờ xung quanh tôi, vì không có gì khiến tâm trí con người thư thái và thanh thản hơn một chuyến đi dài không vướng bận, được thoát khỏi môi trường cũ và sự cô đơn. Khi nghĩ về mình, tôi thấy xấu hổ với chính mình vì sự giàu sang ở Akhetaton đã làm tôi no đủ và thỏa mãn; hành trình đến Syria đã khiến tôi trở nên kiêu căng, ngạo mạn đến mức tin rằng mình biết phải cai trị các vương quốc thế nào và liên minh các dân tộc ra sao. Những lần đàm đạo cùng sứ thần Babylon đã bồi bổ cho trí não tôi, khiến nó đầy ắp sự thông thái trần thế, bởi vì giờ đây khi tôi nghĩ về ông ta, khi những tấm màn che đã rơi khỏi mắt mình, tôi biết rằng sự thông thái của ông ta và của Babylon là sự thông thái nơi trần thế và sự thông thái đó hướng đến trần thế.

Bởi lẽ họ không đọc thiên tính con người từ gan cừ, không giải mã tâm hồn con người, mà xem xét việc làm và thành công của con người khi nhìn vào hôn nhân, số con cái anh ta có và tội ác của anh ta. Các vì sao di chuyển trên bầu trời đúng như tính toán chính xác của họ và họ thấy các ngôi sao ở những điểm mà họ đã tính toán theo ý muốn của mình, thấy ở đó mùa màng bội

thu và những cơn lũ, thời gian trị vì của các vị vua và sự suy tàn của các vương quốc, nhưng họ không thấy được thiên tính trong con người từ các vì sao; như vậy tri thức của họ cũng không phải siêu phàm. Nghĩ về những điều này trên hành trình ngược dòng sông khiến tôi một lần nữa phải cúi đầu thần phục vị thần hiện hữu trong tôi và trong mỗi người, vị thần mà Pharaon Ekhnaton gọi là Aton và coi là vị thần duy nhất. Nhưng tôi không có ý chí và lòng dũng cảm của Pharaon, vì vậy trước trái tim mà chính bản thân mình còn chưa hiểu thấu, tôi cúi đầu thú nhận rằng có bao nhiêu trái tim con người trên thế gian này thì có từng ấy vị thần. Dù vậy, tôi tin vẫn có những người từ khi sinh ra cho đến lúc xuống mồ cứ lang thang mà không hề biết ai là vị thần trong tim mình. Thần linh của mỗi người không phải là tri thức và sự hiểu biết mà còn hơn cả tri thức và sự hiểu biết.

Vậy nên tôi tin vào điều mình hy vọng và thấy mình là một người tử tế và tốt hơn nhiều người khác. Là người thành thật với bản thân và muốn sống trong sự thật, tôi phải thừa nhận rằng trong thâm tâm tôi cảm thấy mình còn tốt hơn cả Pharaon Ekhnaton, bởi vì tôi không cố tình mang điều ác đến cho ai, không ép buộc ai phải tin theo đức tin của mình và thời còn trẻ tôi đã chữa trị cho những người nghèo khó mà không đòi họ quà. Bởi vì khi dong buồm ngược dòng sông cũng như lúc ghé vào bờ để nghỉ lại qua đêm trên thuyền, tôi thấy dấu vết thần của Pharaon Ekhnaton ở khắp nơi. Mặc dù đây là thời điểm tốt nhất để gieo hạt, một nửa ruộng đồng của Ai Cập nằm phơi mình, cỏ dại và ké mọc kín, không ai cày bừa, không ai gieo hạt, và nước lũ đổ đầy bùn vào các kênh rạch mà không ai vét dọn đi.

Amon đã thử thách lòng tin của mọi người và đuổi các cư dân mới ra khỏi vùng đất trước đây là của họ, lại còn nguyên rửa những cánh đồng của Pharaon, khiến nô lệ và nông dân chạy trốn khỏi ruộng đồng của Pharaon vào ẩn náu trong các thành phố vì sợ lời nguyền của Amon. Nhưng một số cư dân mới vẫn sống trong lều của họ, sợ hãi và phẫn nộ, nên tôi đã nói với họ:

- Những kẻ điên kia, sao các người không cày bừa và gieo cây trên đồng của mình, vì nếu không các người sẽ chết đói khi mùa đông đến?

Nhưng họ giận dữ nhìn tôi, vì tôi mặc trên người loại vải lạnh mịn nhất, và đáp:

- Sao chúng tôi phải gieo cây, khi mà bánh mì mọc lên từ đó đã bị nguyên rửa rằng người ăn nó sẽ chết, như hạt đại mạch bị lổm đổm đã giết con cái chúng tôi.

Akhetaton xa vời với cuộc sống thực đến thế, nên bây giờ tôi mới nghe người dân nói hạt đại mạch lổm đổm giết chết trẻ em. Trước đây tôi chưa bao giờ nghe nói về một căn bệnh như vậy, nhưng nó đã lây lan từ đứa trẻ này sang đứa trẻ khác, bụng chúng bị trướng đến nỗi không chỉ các thầy thuốc mà cả các phù thủy cũng không thể chữa trị, mặc dù những người dân thôn quê theo tập quán vẫn dựa vào phép thuật của phù thủy. Nhưng tôi nghĩ bệnh này không phải do hạt đại mạch mà tin rằng mầm bệnh đến từ nước lũ dâng cao, vì tất cả các căn bệnh mùa đông đều phát sinh từ đó. Nhưng khi nhìn những người không dám làm ruộng mà thà chết đói đó, tôi thấy căn bệnh này đã hủy hoại trái tim họ. Từ đó, tôi không còn kết tội Pharaon mà chỉ buộc tội Amon, kẻ đã đầu độc cuộc sống của người dân bằng nỗi sợ hãi, khiến họ thấy chết còn hơn sống.

Khi dong buồm ngược sông về Thebes, tôi nhìn thấy nhiều điều, thấy đám nô lệ trán đầm mồ hôi, lưng đầy vết roi và gậy, đang nguyên rửa chủ họ trên những vùng đất màu mỡ, nơi ruộng được cày bừa và hạt giống được gieo trỉa xuống đất bùn. Trong tim tôi, sự bất công này không khác gì điều sai trái trên những cánh đồng bỏ hoang của Aton và sự vô lý của vạt kế sữa trên những cánh đồng màu mỡ. Nhưng sự bồn chồn đã kéo tôi tiến về phía trước và tôi vội vàng giục các tay chèo, khiến mồ hôi vã ra từ trán họ. Họ giơ bàn tay sừng phồng, nổi đầy những vết da rộp lên tỏ vẻ trách tôi giục họ chèo nhanh. Tôi muốn xoa dịu vết

thương của họ bằng bạc và làm dịu cơn khát nơi cổ họng họ bằng bia vì tôi muốn cư xử tốt, nhưng khi họ chèo đến mức mạn sườn uốn sang bên, tôi nghe thấy họ nói với nhau: “Sao chúng ta phải chèo cho con lợn béo này, nếu mọi người đều bình đẳng trước thần của hắc? Để hắc tự chèo một lần cho hắc ném trái chèo thuyền là như thế nào, để cổ họng hắc khát khô, lòng bàn tay sưng rộp, và hắc thử xoa dịu lòng bàn tay mình bằng bạc nếu có thể”.

Cây gậy bên hông nôn nóng réo gọi tôi, nhưng trái tim tôi tràn ngập niềm vui vì tôi đang trên đường trở về Thebes nên tôi ngẫm nghĩ lời họ nói và hiểu rằng họ đã nói sự thật, vì thế tôi đến bên họ và bảo:

- Nay các tay chèo, hãy đưa cho ta một mái chèo.

Rồi tôi đứng chèo cạnh họ, mái chèo bằng gỗ cứng cọ xát làm lòng bàn tay tôi rộp lên, nổi đầy mụn nước và những mụn nước này vỡ ra thành vết thương. Lưng tôi còng xuống, các đường gân nóng như lửa đốt và tôi nghĩ xương sống mình sắp gãy, mỗi hơi thở đau nhói trong lồng ngực. Nhưng tôi tự nhủ lòng: “Lẽ nào mình bỏ dở việc mà mình đã chọn, để cho nô lệ cười và chế nhạo mình? Hằng ngày họ phải chịu đựng như thế này và nhiều hơn nữa. Hãy ném trái vị mồ hôi và lòng bàn tay sưng phồng của họ để biết cuộc sống của người chèo thuyền như thế nào. Sinuhe, chính người đã từng xin cuộc sống cho được hưởng tràn ly”. Vì thế tôi chèo cho đến khi hết hơi và những người hầu khênh tôi lên giường.

Nhưng hôm sau, tôi lại chèo với lòng bàn tay bong da, những tay chèo không cười nhạo tôi nữa mà giục tôi dừng lại và nói:

- Ngài là ông chủ của chúng tôi và chúng tôi là nô lệ của ngài. Ngài đừng chèo nữa, nếu không, sào sẽ dựng dậy thành mái trên đầu chúng tôi và chúng tôi sẽ đi giết lùì bằng đầu của mình. Đừng chèo nữa, thưa ông chủ Sinuhe của chúng tôi, nếu không

ông sẽ kiệt sức, vì mọi thứ đều cần có tôn ti và mỗi người đều có chỗ đứng do thần linh chỉ định, chỗ của kẻ chèo thuyền không phải dành cho ngài.

Nhưng từ đó đến tận Thebes, tôi vẫn chèo cùng họ; thức ăn của tôi là bánh mì và cháo của họ, đồ uống của tôi là bia đắng của nô lệ. Ngày tiếp ngày, tôi đủ sức chèo lâu hơn; ngày lại ngày, chân tay tôi dẻo dai hơn; và ngày qua ngày, tôi vui hơn khi nhận thấy mình không đứt hơi nữa.

Nhưng những người hầu của tôi lo lắng cho tôi và nói với nhau:

- Chắc chắn bọn họ đã cản ông chủ của chúng ta hoặc ông ấy hóa điên giống như bao người ở Akhetaton, vì chúng điên rồi dễ bị lây lan nếu như không có bùa chú của phù thủy bảo vệ. Chúng ta không sợ chúng đó, vì chúng ta có sừng của Amon giấu trong quần áo mình.

Dĩ nhiên, tôi không điên, vì tôi không có ý định chèo quá Thebes và hoàn toàn không có ý định trở thành người chèo thuyền trong suốt phần đời còn lại của mình, vì nghề này quá vất vả với tôi.

Thế là chúng tôi đến Thebes và hương vị Thebes ngập tràn đón chúng tôi từ rất xa trên sông. Với một người sinh ra ở Thebes, không mùi hương nào tuyệt vời hơn mùi hương ngọt ngào trong mũi anh ta, thơm hơn mùi mộc dược. Tôi sai đầy tớ xúc thuốc mỡ vào lòng bàn tay cho tôi rồi tắm cho tôi sạch sẽ, mặc cho tôi quần áo đẹp nhất. Chiếc xà rộng quàng hông lỏng lẻo trên người tôi, vì bụng tôi đã tóp lại sau những ngày chèo thuyền, khiến họ phải dùng ghim để nó vừa được với tôi. Họ than vãn:

- Ông chủ chúng ta bị bệnh, bụng ông tóp lại, không còn vẻ quý tộc nữa, khiến chúng ta xấu hổ với các đầy tớ quý tộc khác.

Nhưng tôi cười với họ và sai họ đi đến nhà đúc đồng cũ để báo cho Muti biết tôi đã về, vì tôi không còn dám về nhà mình mà không báo trước. Tôi phân phát bạc, vàng cho những người chèo thuyền và nói:

- Vì Aton, hãy đi ăn cho thật căng bụng, sưởi ấm tinh thần các người bằng bia ngọt và vui vẻ với những cô gái Thebes xinh đẹp, vì Aton là người ban phát niềm vui, yêu thích niềm vui giản dị và thương yêu người nghèo hơn người giàu, bởi niềm vui của họ giản đơn hơn niềm vui của những người giàu sang.

Nhưng khi nghe thế, những tay chèo thuyền của tôi sầm mặt, họ đi di ngón chân xuống ván thuyền, tay vừa búng búng bạc và vàng của tôi vừa nói:

- Chúng tôi không muốn xúc phạm ông, thưa ông chủ, nhưng liệu bạc và vàng của ông có phải là bạc và vàng bị nguyên rửa không, vì ông nói với chúng tôi về Aton? Chúng tôi không thể nhận bạc, vàng bị nguyên rửa, bởi nó làm bỏng tay chúng tôi và ai cũng biết rằng nó sẽ biến thành đất sét trong tay chúng tôi.

Họ sẽ không bao giờ nói với tôi điều này nếu tôi không chèo thuyền cùng họ khiến họ tin tôi. Tôi trấn an họ:

- Hãy mau đi đi và đổi vàng và bạc lấy bia, nếu các người sợ điều như thế. Nhưng đừng lo, vàng của ta không phải là vàng bị nguyên rửa và bạc của ta cũng không phải là bạc bị nguyên rửa. Nhìn vào dấu in trên đó, các người sẽ thấy đó là vàng và bạc thật từ ngày xa xưa, không bị pha với đồng của Akhetaton. Tuy nhiên, ta vẫn phải nói rằng các người là những kẻ ngu dại, không hiểu điều gì lợi ích cho mình khi sợ Aton, vì Aton không có gì đáng sợ.

Họ đáp lại:

- Chúng tôi không sợ Aton, vì ai lại sợ một vị thần không có quyền năng. Ông biết rõ chúng tôi sợ ai, thưa ông chủ của chúng

tôi, mặc dù chúng tôi không dám nói tên của ngài vì Pharaon.

Nhưng nổi bồn chồn như than hồng trong tim tôi và tôi cũng không muốn đôi co thêm với họ. Vì vậy, tôi để họ đi và họ đi ngay ra cảng, vừa nhảy múa vừa cười và hát những bài hát của người chèo thuyền. Tôi cũng muốn nhảy căng lên, cười và hát, nhưng nhảy không hợp với địa vị của tôi và bài hát sẽ tắc nghẽn trong cổ họng tôi. Vì thế tôi đi thẳng đến quán Đuôi Cá Sấu mà không chờ gọi kiệu. Thế là tôi gặp lại Merit sau một thời gian dài xa cách và khi nhìn thấy nàng, niềm khát khao của tôi như tăng lên và trong mắt tôi nàng đẹp hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận rằng tình yêu, như bao đam mê khác, làm mờ mắt con người ta. Merit không còn quá trẻ nữa mà vào độ chín đẹp nhất của mùa hè cuộc đời nàng, nàng là bạn của tôi và không ai trên thế gian này gần gũi với tôi như nàng. Khi nhìn thấy tôi, nàng cúi đầu rất thấp chào tôi và giơ tay lên, rồi nàng đến bên tôi, để tay lên vai tôi, rồi chạm vào má tôi và mỉm cười nói:

- Sinuhe, Sinuhe, chuyện gì xảy ra với anh mà mắt anh sáng bừng lên như vậy, và anh đã rút mỡ bụng xuống đường phải không?

- Merit, em yêu của anh, - tôi đáp, - mắt anh sáng vì nỗi khát khao em, mắt anh sáng vì cơn sốt tình yêu và mỡ bụng anh rơi rụng vì đau khổ, dạ dày anh rơi xuống đường khi anh vội vã đến với em đây, em yêu của anh ạ.

Nàng chùi mắt và nói:

- Ôi, Sinuhe, lời nói dối mới ngọt ngào hơn sự thật làm sao, khi người ta cô đơn và mùa xuân đã bùng nổ trong vô vọng. Nhưng vì anh trở về và mang lại mùa xuân cho em, em tin vào những câu chuyện cổ tích, anh yêu quý của em ạ.

Tôi không muốn kể nhiều hơn về cuộc gặp gỡ này với Merit, vì cũng phải kể về Kaptah nữa. Bụng của ông ấy hoàn toàn không

xẹp bết, trái lại ông ấy còn đồ sộ hơn và có nhiều đồ trang sức hơn trước, vòng đeo quanh cổ và cổ tay lẫn cổ chân, và ông ấy đã cho gắn những viên đá quý vào chiếc đĩa vàng che con mắt mù của mình. Khi nhìn thấy tôi, ông ấy vừa khóc vừa mừng rỡ hét lên:

- Đội ơn ngày đưa ông chủ tôi trở về nhà.

Rồi ông ấy dẫn tôi vào một phòng kín, để tôi ngồi trên những tấm thảm mềm và Merit mang đến cho chúng tôi những gì tốt nhất mà Đuôi Cá Sấu có và chúng tôi cùng ăn uống thật vui. Kaptah kể cho tôi nghe về sự giàu có của tôi:

- Sinuhe, ông chủ của tôi, ông khôn ngoan hơn tất cả mọi người, vì ông còn ranh mãnh hơn những người buôn bán ngũ cốc, vì cho đến nay không mấy ai lừa được họ, vậy mà mùa xuân năm ngoái, ông đã lừa họ bằng sự láu cá của mình, mặc dù có lẽ trong việc này họ cũng có công. Như ông còn nhớ, ông đã lệnh cho tôi phân phát cho cư dân mới tất cả đại mạch của ông để họ làm giống và chỉ yêu cầu họ trả một lấy một, khiến tôi phải kêu lên rằng ông bị điên, vì theo suy nghĩ thông thường đó là một việc làm ngu xuẩn. Ông biết không, nhờ sự tinh ranh của mình mà ông giàu có hơn, giàu gấp đôi so với trước đây. Vậy nên tôi không thể nhớ số tài sản của ông trong đầu nữa và tôi đến khổ với những tay thu thuế của Pharaon, vì lòng tham và sự trơ trẽn của họ ngày càng khủng khiếp hơn trước. Giá đại mạch giảm ngay khi các thương lái nghe tin những cư dân mới nhận được hạt giống, và khi tin đồn về hòa bình lan truyền, giá đại mạch càng giảm mạnh hơn, vì ai cũng bán đại mạch để từ bỏ những cam kết của mình và các thương lái đại mạch bị lỗ nặng, nhiều người nghèo đi. Nhưng khi đại mạch rẻ hơn, tôi mua để tích trữ và mua nhiều không kể xiết với giá cực rẻ, mặc dù đại mạch chưa chín và chưa được thu hoạch. Vào mùa thu, tôi cũng thu gom số lượng đại mạch mà tôi đã phân phát, một lấy một, như ông đã ra lệnh, vậy nên tôi có thể cất giữ số đại mạch trước của tôi vào kho và tôi có thể nói với ông, thưa ông chủ, với tất cả sự

tin tưởng, rằng người ta đã lừa dối khi nói lúa mạch của những cư dân mới bị lổm đổm, vì nó sáng như hạt đại mạch khác và không gây hại cho ai cả. Vì vậy, tôi nghĩ các giáo sĩ và các tín đồ của họ đã bí mật vấy máu vào đại mạch trong các chum của cư dân mới để hạt bị lổm đổm và bắt đầu bốc mùi. Tuy nhiên, đây là một điều nguy hiểm và tôi không muốn ông tiết lộ với bất kỳ ai, hơn nữa không ai tin ông, vì mọi người đều tin rằng đại mạch của cư dân mới bị nguyên rửa và bánh của họ là bánh bị nguyên rửa. Người ta tin như vậy cũng là một lợi thế cho ông, thưa ông chủ. Vì mùa đông đến, giá đại mạch bắt đầu tăng trở lại khi Eje bắt đầu chở nó đến Syria nhân danh Pharaon để đẩy đại mạch của Babylon ra khỏi Syria sau khi đình chiến. Vì vậy đại mạch đắt hơn trước, chưa bao giờ đắt như hiện giờ, cho chúng ta lợi nhuận vô kể, và còn tăng lên nhiều vì ta sẽ giữ đại mạch lâu hơn trong kho, bởi vào mùa thu tới nạn đói sẽ tràn vào Ai Cập. Vì tất cả những lý do này, tôi không biết nói gì hơn là ca ngợi sự tinh ranh tuyệt vời của ông, thưa ông chủ, bởi vì trong thương vụ này, ông còn ranh ma hơn tôi, mặc dù tôi từng nghĩ ông bị điên.

Kaptah rất hào hứng khi kể chuyện và còn tiếp tục:

- Tôi cầu mong phước lành cho thời gian này, khi người giàu càng giàu hơn và con người ta cứ thế giàu lên dù họ muốn hay không. Cả các thương lái ngũ cốc cũng vui mừng, tổ chức tiệc tùng từ sáng đến tối, từ tối đến sáng và rượu chảy tràn trong các bữa tiệc, vì bất cứ ai mua đại mạch về trữ trong kho cũng giàu có hơn. Quả thực, thời gian này thật kỳ diệu, vì bạc và vàng chảy vào hòm và rương từ những chỗ không ai ngờ. Ông phải biết là, ông chủ của tôi ạ, chỉ bán những chiếc chum không, tôi đã thu được số tiền tương đương với ngũ cốc, và đây không phải là lời nói xạo mà là sự thật rõ ràng, dù không ai tin. Tức là trên khắp Ai Cập, người ta tìm mua những chiếc chum không đã qua sử dụng, bất kể loại nào, khiến những người nấu bia và nấu rượu kêu la âm ỉ và giật đầu bức tóc vì không còn chum đựng. Quả thực đây là thời gian đáng kinh ngạc, khi một người từ tay không trở nên giàu có, nhưng khi nghe được tin này, tôi đã thuê

hàng trăm nô lệ đi săn lùng và kịp thu gom hết tất cả chum rỗng ở Thebes và thực tình, người ta đã cho không nô lệ của tôi những chiếc chum đã sử dụng để họ mang đi cho sản hết mùi hôi. Nếu tôi nói trong mùa đông này tôi đã bán được một ngàn lần một ngàn chiếc chum không, có thể hơi quá một chút nhưng tôi không nói dối nhiều. Có lẽ tôi cũng không nên nói dối nữa, vì sự thật về những cái chum này khó tin hơn tất cả những lời nói dối tuyệt vời nhất của tôi.

- Ai điên mà đi mua những chiếc chum không cơ chứ?

- Tôi hỏi.

Kaptah nheo nheo con mắt còn lại vẻ ranh mãnh và nói:

- Người mua khăng khăng bảo người ở miền Hạ đã tìm ra một cách mới để trữ cá trong nước và muối, nhưng khi tìm hiểu việc này, tôi được biết những chiếc chum này sẽ được chuyển đến Syria. Những chuyến hàng chum lớn được dỡ xuống ở Tanis, và cả ở Gaza, sau đó được các đoàn lũ hành vận chuyển đến Syria, nhưng người Syria làm gì với những chiếc chum rỗng thì không ai có thể hiểu được, mặc dù tôi đã đưa ra câu hỏi này cho nhiều nhà thông thái. Không ai biết tại sao họ trả cho những chiếc chum đã qua sử dụng như trả cho chum mới và họ làm gì với những chiếc chum này.

Chuyện Kaptah kể về những chiếc chum thật đáng ngạc nhiên, nhưng tôi không bận tâm về nó vì chuyện đại mạch quan trọng hơn đối với tôi. Khi nghe Kaptah kể xong, tôi nói:

- Kaptah, hãy bán tất cả những thứ người có, nếu cần, và mua đại mạch, để vào kho nhiều hết mức người có thể và đừng quan tâm đến giá cả. Nhưng đừng mua đại mạch còn chưa nảy mầm trong đất mà chỉ mua những hạt mà mắt người nhìn thấy và có thể rơi lọt qua kẽ ngón tay người. Người cũng cần xem liệu có thể mua lại số đại mạch đã được chuyển sang Syria hay không, vì mặc dù hiệp ước hòa bình yêu cầu Pharaon giao đại mạch cho

Syria, nhưng Syria cũng nhận được đại mạch từ Babylon nên không cần tất cả số đại mạch đó. Bởi vào mùa thu tới, nạn đói sẽ lan đến xứ Kemet, vì thế kẻ bán lúa mạch từ các kho của Pharaon cho Syria để cạnh tranh với đại mạch của Babylon sẽ bị nguyên rủa.

Nghe tôi nói thế, Kaptah lại khen ngợi sự khôn ngoan của tôi và nói:

- Ông nói đúng, thưa ông chủ, vì ông sẽ là người giàu nhất Ai Cập khi những thương vụ này kết thúc may mắn. Tôi nghĩ mình vẫn có thể mua được đại mạch, mặc dù tôi phải trả với giá cắt cổ. Nhưng kẻ mà ông đang nguyên rủa là vị giáo sĩ ngu ngốc Eje, người đã bán đại mạch của Pharaon cho Syria trong khi đại mạch vẫn còn rẻ sau chiến tranh; và với sự ngu ngốc của mình, ông ta đã bán quá nhiều đại mạch cho Syria, đến mức nước này đủ lương thực trong nhiều năm. Ông ta làm điều này vì Syria trả bằng vàng ngay khi mua và ông ta cần vô số vàng cho lễ kỷ niệm tam thập chu niên của Pharaon. Người Syria sẽ không muốn bán lại số đại mạch này nữa, mặc dù các thương lái đã hỏi mua, họ thu gom đại mạch trong suốt mùa đông mà không bán lại hạt nào. Người Syria là những thương lái xảo quyệt và tôi tin rằng họ sẽ đợi đến khi đại mạch được cân bằng vàng ở Ai Cập. Chỉ khi đó, họ mới bán lại cho chúng ta số đại mạch của chính chúng ta và vơ vét vào hòm của họ tất cả vàng từ Ai Cập, ý tôi là số vàng mà chúng ta, ông và tôi, không đủ sức thu gom, thưa ông chủ.

Nhưng rồi tôi mau chóng quên đại mạch và sự khan hiếm đang đe dọa Ai Cập và cả tương lai đã chìm vào màn đen khi hoàng hôn hắt tia sáng cuối cùng rực màu máu của nó lên Akhetaton, vì tôi nhìn vào đôi mắt của Merit và trái tim tôi uống no say vẻ đẹp của nàng, nàng là rượu trong miệng tôi, là dầu xúc trên tóc tôi. Chúng tôi chia tay Kaptah, Merit trải thảm của mình cho tôi nằm và tôi không còn ngần ngại gọi nàng là em gái của tôi, mặc dù đôi khi tôi đã nghĩ rằng tôi không bao giờ có thể gọi bất kỳ

người phụ nữ nào là em gái nữa. Nhưng sau tất cả những đam mê và thất vọng tuổi trẻ, tình bạn của Merit với tôi như bánh và rượu, làm cho kẻ đói được no và làm dịu cơn khát của người đang khát và nụ hôn từ đôi môi nàng làm tôi say đắm hơn tất cả các loại rượu của vùng núi và của bến cảng. Nhưng sau khi tôi làm dịu cơn đói nàng và dập tắt cơn khát nàng trong tôi, nàng đã nắm tay tôi trong đêm tối và thở đều đều bên cổ tôi; chúng tôi tâm tình với nhau và trái tim tôi không giấu giếm nàng điều bí mật nào. Tuy nhiên, trái tim nàng vẫn giữ điều bí mật với tôi, mà tôi không đoán được nó là gì, nhưng chắc nó đã được viết trên các vì sao ngay cả trước ngày tôi được sinh ra, vì vậy tôi không muốn bức bối với ký ức của nàng.

Như thế, tình yêu của mình khiến tôi mê đắm và tôi cảm thấy bản lĩnh đàn ông của mình mạnh mẽ hơn thời thanh xuân, vì tuổi trẻ đầy ảo tưởng và yêu đương đau đớn vì ngu ngốc và dại dột, và người trẻ không hiểu được sức mạnh của chính mình, coi sức mạnh là hiển nhiên mà không biết rằng sức mạnh thể chất của con người mất dần đi theo năm tháng khi chạm đến tuổi già. Dầu vậy, vào những ngày tháng của tuổi già, tôi vẫn ngợi ca tuổi trẻ cùng với những năm tháng trưởng thành của mình, vì có lẽ đói tốt hơn no và có lẽ cơn khát truyền lửa cho suy nghĩ của con người tốt hơn là khi tâm trí đã được rượu làm cho thỏa mãn. Dù sao, trong thời gian ở Thebes này, tôi đã nhận thấy bản lĩnh đàn ông của mình mạnh mẽ hơn cả thời tuổi trẻ, nhưng có lẽ đó chỉ là sự tưởng tượng mà cuộc sống dùng để bịt mắt con người. Vì sự tưởng tượng này, mọi thứ đều đẹp trong mắt tôi và tôi không muốn điều ác cho bất kỳ ai mà muốn tốt cho tất cả mọi người. Thư giãn bên Merit, tôi không còn cảm thấy mình là người xa lạ trên thế gian nữa, mà vòng tay của nàng là nhà của tôi và đôi môi nàng xóa đi sự cô đơn của tôi, thế nhưng cả những điều này cũng chỉ là ảo ảnh mà tôi buộc phải trải qua để rồi không thể nào chịu đựng nổi khi nó tan dần.

Ở Đuôi Cá Sấu, tôi còn gặp lại bé Thoth và lòng tôi ấm lại khi nhìn thấy nó. Cậu bé quàng tay ôm cổ tôi và gọi tôi là “Bố”, khiến

tôi không thể không mềm lòng vì nó nhớ quá tốt. Merit nói mẹ bé Thoth đã qua đời và nàng đưa nó về sống với mình vì chính nàng đã bế nó trên tay để người ta cắt bao quy đầu cho nó, do vậy theo tập quán tốt đẹp, nàng cam kết chăm sóc, nuôi dưỡng cậu bé vì bố mẹ nó không thể. Thoth cũng đã về sống ở Đuôi Cá Sấu và khách của quán rượu rất yêu chiều cậu bé, mang đến cho Thoth quà và đồ chơi để làm vui lòng Merit. Cả tôi cũng thích Thoth và khi ở Thebes, tôi đã đưa nó về ở cùng ở xưởng đúc đồng trước đây, khiến Muti vô cùng thích thú. Khi nhìn Thoth chơi dưới gốc cây sung dâu, nghe tiếng nó chơi và cãi nhau với những đứa trẻ đường phố, tôi nhớ lại thời thơ ấu của mình ở Thebes và ghen tị với Thoth bé nhỏ. Cậu bé thích ở nhà tôi đến mức thường ngủ lại và tôi đã dạy nó học để giải khuây, mặc dù cậu bé chưa đến tuổi đi học. Khi thấy Thoth là một đứa trẻ thông minh, nhận diện được rất nhanh các ký tự bằng hình vẽ và ký hiệu, tôi quyết định gửi nó vào trường tốt nhất ở Thebes, nơi chỉ con cái giới quyền quý theo học, và Merit xiết đổi vui mừng về quyết định của tôi. Muti không bao giờ chán nướng bánh mật ong cho Thoth và kể chuyện cổ tích cho nó nghe, vì bà ấy đã đạt được ước muốn là trong nhà tôi có một đứa bé mà không có mẹ vợ, vì mẹ vợ có thể quấy rầy bà ấy và hắt nước nóng vào chân bà như các bà vợ thường làm với người hầu sau khi cãi nhau với chồng.

Lẽ ra tôi đã có thể hạnh phúc, nhưng nhiều sự hỗn loạn xảy ra ở Thebes trong thời gian này khiến tôi không thể nhắm mắt làm ngơ. Không ngày nào không có đánh nhau trên đường phố và các khu chợ, người ta ẩu đả nhau đến bị thương, chém toạc đầu nhau trong cơn giận dữ vì Amon và Aton. Lính canh của Pharaon cũng như các quan tòa rất bận rộn vì tuần nào cũng vậy, đàn ông, đàn bà, cả người già và trẻ nhỏ bị trói bằng dây sậy và bị bắt ra khỏi nhà rồi dẫn ra bến cảng, đưa đi lao động khổ sai trên các cánh đồng của Pharaon, và cũng vì Amon mà một số người bị bắt đến các hầm mỏ. Thế nhưng họ không hề ra đi như nô lệ và tội phạm, mà người dân tập trung nơi cầu cảng để tiễn họ và đám đông chen chúc trắng cả các cầu thuyền, gào lên chào

họ và ném hoa vào họ, phốt lò lính canh. Còn họ giờ hai bàn tay bị trói lên và hét to:

- Chúng tôi sẽ sớm trở về.

Một số người còn lắc lắc mạnh đôi tay bị trói và phẫn uất gào lên:

- Nhất định chúng tôi sẽ sớm trở lại và ném máu của Aton.

Họ kêu lên như thế, và vì dân chúng nên lính canh không dám ngăn cản họ mà chỉ dùng gậy đánh họ khi thuyền đã rời bến.

Như thế, người dân Thebes bị chia rẽ, con xa bố, vợ xa chồng, vì Aton. Như thế, người tôn thờ Aton thì đeo thánh giá sự sống trên cổ hoặc cài trên quần áo, còn những kẻ sùng kính Amon thì xem sừng của Amon là biểu tượng mà từ đó họ nhận ra nhau, và họ đeo sừng Amon lộ liễu trên quần áo hay trên cổ và không ai có thể ngăn cản, vì sừng luôn là hình trang trí được cho phép trên quần áo và đồ trang sức. Nhưng vì sao họ dùng sừng làm dấu hiệu, tôi không biết. Có lẽ đây là sừng con cừu đực của Amon, nhưng một trong nhiều tên khác nhau của Amon cũng được viết giống như từ “sừng” và các giáo sĩ đã tìm được cái tên bị quên lãng này để trao nó cho dân chúng như một dấu hiệu. Nhưng dù là sừng hay tên của Amon, những người đeo nó lật tung giỏ của những người bán cá ngoài chợ, đập vỡ cửa sổ các ngôi nhà, đánh bị thương những người đi lại phía họ và hét lên:

- Chúng tao sẽ húc, sẽ đâm sừng vào Aton.

Còn những người sùng tín Aton bắt đầu giấu trong quần áo những con dao được rèn theo hình thánh giá. Họ dùng những con dao này để tự vệ và gào lên:

- Chắc chắn thánh giá của chúng tao sắc hơn sừng và bằng thánh giá sự sống, chúng tao sẽ cho chúng bay cuộc đời vĩnh cửu.

Và đúng là với những con dao này, họ đã cho nhiều người đến Nhà Chết để sẵn sàng cho cuộc sống vĩnh cửu. Lính canh không hề săn đuổi mà chỉ bao che cho họ ngay cả khi họ xông lại đánh một sừng đơn độc, giết anh ta, lột hết quần áo rồi vứt xác anh ta ra đường phố.

Tôi ngạc nhiên thấy lực lượng của Aton đã tăng lên rất nhiều ở Thebes trong năm qua và lúc đầu tôi không hiểu tại sao lại thế. Nhưng nhiều cư dân đã trốn đi giờ trở lại Thebes và sau khi mất tất cả và nghèo hơn bao giờ hết, họ cay đắng mang Aton theo và bắt đầu buộc tội các giáo sĩ đã đầu độc đại mạch của họ, các quý tộc đã làm tắc nghẽn hệ thống tưới tiêu và lừa gia súc giẫm nát ruộng đồng của họ. Ngoài ra, những người được học chữ viết mới và theo học tại các trường học của Aton rất cuồng nhiệt với Aton, giống như giới trẻ luôn lớn tiếng chống lại lớp người già nua. Tương tự như vậy, các nô lệ và phu khuân vác tụ tập thành nhóm và nói với nhau:

- Chúng ta đã tiêu hao còn một nửa thế này và còn có gì hơn để mất nữa đâu. Với Aton không có chủ nô và nô lệ, không có gia chủ và đầy tớ, còn với Amon chúng ta phải trả cho mọi thứ.

Nhưng những kẻ cuồng nhiệt nhất với Aton lại là bọn trộm cắp, những kẻ trộm mộ và những kẻ phản bội đã giàu lên rất nhanh qua việc bán đứng, khai sai về người khác và bây giờ sợ bị trả thù. Tương tự như vậy, những kẻ bám lấy Aton là những kẻ nhận bổng lộc từ Aton bằng cách này hay cách khác và muốn được Pharaon ân sủng. Cứ thế, dân Thebes bị chia rẽ, cho đến lúc những người ôn hòa và lương thiện chán ngán tất cả, không còn tin tưởng vào thần linh nào, buồn bã than vãn:

- Amon hay Aton đều cùng một giuộc. Chúng tôi chỉ muốn được yên ổn làm việc của mình, miễn sao no đủ, nhưng lại bị lôi kéo từ phía này sang phía khác đến mức không còn biết mình đang đứng bằng chân hay đầu nữa.

Trong thời gian này, người chịu khổ nhiều nhất chính là người trung dung và để cho người khác giữ đức tin của mình. Rốt cuộc, tất cả xông vào tấn công anh ta, vừa buộc tội vừa gièm pha anh ta là lừa biếng và thờ ơ, ngu ngốc và chai lì, bướng bỉnh và phản bội, cho đến khi anh ta phát bần, xé quần áo và nhắm mắt lấy bừa một cây thánh giá hoặc mẫu sừng, theo cách anh ta nghĩ ít phiền toái nhất cho mình.

Thế là mỗi nhà mỗi dấu hiệu, mỗi khu phố mỗi dấu hiệu, các hầm rượu, quán bia và cả nhà vui cũng chọn cho mình một dấu hiệu, vì thế các sừng uống rượu trong hầm rượu riêng, các thánh giá uống bia trong quán bia riêng; còn các cô gái bán hoa, những người hành nghề bên tường thành, lúc đeo thánh giá, lúc đeo sừng ở cổ, tùy theo dấu hiệu nào làm hài lòng khách của họ. Nhưng đêm đêm, khi thánh giá và sừng say xỉn rời hầm rượu và quán bia, họ đều loạng quạng ra đường phố, đập vỡ đèn và thổi tắt đuốc hay nện thành thịch vào cửa sổ các ngôi nhà và choảng nhau mẻ đầu sút trán, khiến tôi không còn nói được phe nào tệ hơn, thánh giá hay sừng, nhưng cả hai đều làm tôi khiếp sợ.

Cả Đuôi Cá Sấu cũng buộc phải chọn cho mình một dấu hiệu, mặc dù Kaptah không hề muốn như vậy mà chỉ muốn đứng về bất kỳ bên nào ông ấy có thể lấy được bạc. Tuy nhiên, điều này không còn phụ thuộc vào sự lựa chọn của ông ấy nữa, mà đêm đêm người ta vẽ thánh giá sự sống lên tường của quán cùng với những cảnh dâm dục xung quanh. Điều này khá tự nhiên, vì các lái buôn đại mạch rất hận ông ấy vì đã phân phát đại mạch cho cư dân mới khiến họ bị thiệt hại nặng, nên dù ông ấy đã để Merit đứng tên quán trong sách thuế cũng không giúp được gì. Người ta còn nói các giáo sĩ của Amon đã bị đánh đập trong hầm rượu của ông. Khách thường xuyên của quán là những người giàu có đáng ngờ ở bến cảng, những kẻ không chọn cách làm ăn mà bất chấp để giàu có; thủ lĩnh các nhóm trộm mộ cũng rất thích nốc những bát đuôi cá sấu ở đó và bán đồ đào được từ các ngôi mộ cho những kẻ buôn hàng cấm ở phòng sau của quán. Tất cả những người này đều đứng về phía Aton vì Aton đã làm giàu

cho họ và họ có thể nhân danh Aton diệt đối thủ của mình, đưa đối thủ của mình đến hầm mộ bằng cách làm chứng sai trước quan tòa. Cả những kẻ trộm mộ cũng có thể tự bào chữa việc làm của mình khi giải thích rằng, vì đức tin của mình với Aton, họ đã đập phá các ngôi mộ với lòng nhiệt thành để xóa bỏ tên của thần bị nguyên rủa trên các bia mộ.

Khi tôi ở Thebes, không còn nhiều bệnh nhân đến sân nhà tôi nhờ giúp đỡ mà người ta lảng tránh, không nhìn vào mắt tôi, và khi gặp tôi ở một nơi vắng vẻ, họ nói:

- Chúng tôi không muốn điều gì không tốt cho ông, Sinuhe, vợ con chúng tôi bị nhiều căn bệnh hành hạ, khiến chúng tôi tuyệt vọng và không biết phải làm gì vì không có thầy thuốc nào như ông. Nhưng chúng tôi không còn dám đến nhà ông vì sợ sân nhà ông đã bị nguyên rủa và chúng tôi không muốn tự hại mình.

Họ còn nói thêm:

- Chúng tôi không sợ lời nguyên, vì chúng tôi đã chán ngấy thần linh và của cải chúng tôi còn ít đến nỗi chúng tôi không còn quan tâm đến việc mình sống hay chết. Nhưng chúng tôi sợ lũ sùng, vì chúng phá cửa lều chúng tôi và đánh đập con cái chúng tôi khi chúng tôi đi vắng. Ông cũng biết là ông đã nói quá nhiều về Aton và trên cổ áo ông có dấu hiệu đáng ghét đó.

Tôi nói với họ:

- Ta không bức vì sự ngu ngốc của các người và ta hiểu sự rắc rối mà các người phải chịu. Hãy đến với Amon đi, vì ta nghe nói Amon có cách chữa bệnh rất thần diệu.

Họ nói:

- Sinuhe, ông là một người dũng cảm khi dám nói to mà không sợ lính canh. Thật ra Amon đã chữa nhiều bệnh bằng cách rất khó tin, nhưng bệnh chỉ khỏi trong một thời gian ngắn và chẳng

bao lâu sau lại tái phát và còn nặng hơn. Chúng tôi đã biết điều đó, vì thế chúng tôi sợ những cách chữa trị thần bí của Amon, bởi vì chúng trói buộc chúng tôi với lũ sùng đến hết đời, trong khi chúng tôi hoàn toàn không muốn can dự, chỉ muốn tự do sống cuộc sống của mình, không sợ hãi và được yên thân làm việc của mình. Nhưng người ta không cho phép chúng tôi làm điều đó. Vì vậy, hãy tha thứ cho chúng tôi, Sinuhe, nếu vì quyền lợi của mình và của gia đình mình mà chúng tôi không còn dám chào và công khai cúi đầu trước ông như địa vị của ông đáng được nhận.

Nhưng nô lệ và phu khuân vác ở bến cảng vẫn đến nhà tôi khi ngón tay bị kẹt giữa hai thốt cối đá, khi đầu gối bị thương và khi cánh tay bị gãy vì hàng nặng từ tời của cảng rơi trúng. Họ sợ sệt thăm dò xem tôi thế nào và hỏi tôi:

- Có đúng là Aton không, vị thần mà chúng tôi không hiểu vì không có ảnh và tượng, vị thần xếp người giàu và người nghèo ngang nhau và nói lỏng dây trói cho nô lệ? Chúng tôi cũng rất thích được ngả mình dưới những lọng che sang trọng, uống rượu từ những chiếc cốc vàng và để những người khác làm việc cho mình. Chúng tôi biết rằng những người giàu ngày xưa từng làm việc trong hầm mỏ và vợ của họ ăn xin nơi góc phố, những người trước đó không có gì bây giờ đã nhúng bánh vào rượu và nằm nghỉ đêm dưới bóng râm của những lọng vàng. Nếu đã từng có thời gian như vậy, sao nó không thể quay trở lại và có lẽ Aton này sẽ cho chúng tôi thời gian như vậy chăng?

Tôi chữa lành các ngón tay của họ, bó chân hay tay bị gãy của họ vào chỗ cũ, băng đầu gối của họ và nói:

- Thật tình, đừng hỏi ta điều đó vì ta không biết, chỉ Pharaon Ekhnaton mới có được sự khôn ngoan của Aton và Aton đã cho ngài biết kế hoạch của mình. Nhưng ta biết Aton đặt từng người vào chỗ đứng của riêng họ, ban cho họ màu da và ngôn ngữ. Từ xưa đến nay luôn luôn có nô lệ và từ giờ về sau cũng thế; con

người ta phải làm việc bằng chính đôi tay mình, chúng ta không thể làm gì với điều đó, vì thế từng người hãy làm việc theo khả năng của mình. Ta e rằng lời các người nói là những lời nguy hiểm, suy nghĩ của các người là những suy nghĩ đáng sợ mà ta thật không muốn lính canh nghe thấy.

Họ nói:

- Sinuhe, chúng tôi giải bày với ông vì chúng tôi biết ông là một người ngây thơ và chất phác, khi ông chữa bệnh cho chúng tôi mà không đòi quà và ông không muốn điều ác cho cả một con ruồi. Vì thế chắc chắn ông sẽ không tiết lộ những gì chúng tôi nói. Nhưng ông đã hiểu sai lời chúng tôi, vì bản thân chúng tôi cũng hiểu rằng con người ta phải làm việc bằng đôi tay mình, nhưng vì sao chúng tôi sinh ra làm kiếp nô lệ, làm tôi tớ và tại sao những người khác sinh ra ở lâu son và uống bằng cốc vàng, điều đó chúng tôi không hiểu và muốn có lời giải thích. Nếu không, chúng tôi sẽ bắt đầu tin rằng tất cả những điều này là sai trái, nhầm lẫn và có gì đó rất đáng ngờ ẩn giấu phía sau chúng. Rồi một lúc nào đó, có lẽ chúng tôi sẽ đào điều nghi ngờ đó lên và cho những người quyền quý, giàu có và những người bây giờ đánh chúng tôi bằng gậy ném trả những điều này.

Sự láo xược của họ khiến tôi kinh ngạc nhưng trong đó có ẩn giấu sự thật và tôi vắt óc suy nghĩ để có thể trả lời họ, nhưng tất cả những hiểu biết của tôi không đủ để trả lời, do đó tôi nói:

- Con người là nô lệ nếu tự cảm thấy mình là nô lệ, nhưng trong thâm tâm, mọi người đều biết mình được tự do.

Nghe thế, họ cười, nhạo báng tôi và nói:

- Nếu ông từng một lần bị gậy nện vào lưng, ông sẽ không nói như thế.

Họ còn nói thêm:

- Chúng tôi thích ông, Sinuhe ạ, bởi vì ông là một người đại dật và ngớ ngẩn, ông chữa bệnh cho chúng tôi mà không đòi quà. Vì thế, hãy đến cảng với chúng tôi, chúng tôi sẽ giấu ông trong một sọt sậy rỗng và bảo vệ ông khi cuộc săn lùng chó hung sa mạc bắt đầu. Chúng tôi nghĩ nó sẽ sớm bắt đầu thôi, bởi sức chịu đựng của chúng tôi ngày càng suy giảm, dầu của chúng tôi bốc mùi và chúng tôi không còn gì để mất.

Tuy nhiên, không ai dám săn đuổi tôi vì tôi là danh y hoàng gia và tất cả mọi người trong khu nghèo nơi bến cảng đều biết tôi và công việc của tôi. Vì vậy, tường nhà tôi không bị vẽ thánh giá và hình ảnh dâm dục nào, sân nhà tôi cũng không bị ném xác súc vật và ngay cả những kẻ say rượu nói cười ầm ĩ vào buổi tối cũng tránh nhà tôi khi họ hò hét trên các con phố, gọi tên Amon để chọc tức lính canh. Bởi vì sự tôn kính dành cho những người đeo dấu của Pharaon đã ăn sâu trong máu người dân, cho dù các giáo sĩ đã làm tất cả những gì có thể để người dân tin rằng Pharaon Ekhnaton là một pharaon giả.

Nhưng vào một ngày nóng nực, Thoth bé nhỏ đi chơi bị đánh và chạy về nhà, máu chảy ra từ cái mũi nhỏ xíu và nó bị mất một chiếc răng, mặc dù không nên mất răng vào độ tuổi đang thay răng và miệng nó vốn nhìn đã rất nực cười rồi, giờ càng nực cười hơn. Thoth khóc nức nở mặc dù đã cố gắng tỏ ra dũng cảm, còn Muti vô cùng sợ hãi và bắt đầu khóc vì tức giận khi rửa mặt cho thằng bé. Rửa mặt cho Thoth xong, Muti không thể kìm được cơn tức, bàn tay gầy xương xẩu vớ lấy chiếc chày giặt và hét: “Amon hay Aton gì cũng kệ, nhưng lũ con nhà thằng đàn sậy phải ăn cái này”. Tôi chưa kịp cản thì bà ấy đã đi ra và một lúc sau, tiếng khóc của mấy thằng nhóc cùng với tiếng chửi bới và cầu cứu của một người đàn ông to tợn bắt đầu vang lên ngoài đường phố. Từ cổng nhà, tôi cùng Thoth hốt hoảng nhìn theo Muti, thấy bà nhân danh Aton đánh cả năm thằng con trai lẫn người đàn sậy và vợ anh ta, khiến anh ta hoài công giơ tay che đầu và bắt đầu chảy máu mũi.

Khi quay trở lại, Muti vẫn thở hổn hển vì tức giận, và khi tôi mắng bà và cố gắng giải thích rằng hận thù sẽ làm nảy sinh hận thù, sự trả thù sẽ gieo rắc trả thù, bà ấy còn giơ chày giặt suýt đánh tôi. Nhưng một lát sau, bắt đầu thấy hối hận, bà để vào giỏ mấy cái bánh mật ong với một hũ bia, lấy quần áo chưa dùng cho người đan sậy và làm lạnh với anh ta cùng với vợ và các con trai anh ta: “Hãy mắng bọn nhóc của các người, cũng như tôi mắng thằng bé của tôi, ý tôi là con trai của ông chủ tôi. Thật không hay khi những người hàng xóm tốt bắt đầu gây lộn, chửi rủa nhau vì sừng với thánh giá, vì chắc chắn tôi chống mong mình với bất cứ thần nào làm con trai tôi bị thương và chảy máu mũi”.

Sau lần đó, người đan sậy bắt đầu coi trọng Muti, mặc quần áo bà ấy tặng vào những ngày lễ thánh, các con trai của anh ta làm bạn với Thoth, rủ nhau lấy trộm bánh mật ong từ bếp của chúng tôi và ẩu đả với lũ trẻ thuộc cả phái sừng lẫn phái thánh giá đi vào phố chúng tôi gây rối, và Thoth đã tham gia cùng chúng mà ngay cả đến Seth chắc cũng không phân biệt được thằng bé là sừng hay thánh giá. Nhưng mỗi lần Thoth ra phố chơi tìm tôi lại run lên, song tôi không muốn ngăn cản nó, bởi thằng bé phải học cách bảo vệ mình và trưởng thành lên. Tuy nhiên, hằng ngày tôi đều nói với nó: “Thoth ạ, hãy tin ta, lời nói mạnh hơn nắm đấm và kiến thức mạnh hơn sự thiếu hiểu biết”.

5

Tôi không còn nhiều điều để kể về lần ở lại Thebes này của mình, nhưng tôi vẫn muốn nói về Thebes vì sau lần này tôi chỉ có tai họa để kể. Vậy nên tôi xin kể: theo lệnh Pharaon, tôi cũng phải đến hoàng cung, mặc dù tôi rất sợ đến đó vì sợ gặp Mehunefer và phải luồn lách qua lính gác lẫn các cận thần như tho luồn lách giữa những bụi cây vì sợ bị đại bàng cắn xé. Tôi đã gặp quốc trưởng Eje ở đó và ông ta rất buồn rầu, lo lắng nói thẳng với tôi:

- Sinuhe, mọi việc tuột khỏi tay ta và ta sợ rằng ngày mai sẽ còn tồi tệ hơn. Người hãy cố gắng làm cho Pharaon tỉnh ngộ đi, nếu người có thể, còn nếu không, hãy cho ngài uống thuốc mê để ngài ngủ và quên đi hung mộng của mình, vì lệnh ngài ban ra càng ngày càng điên rồ và ta nghĩ ngài hoàn toàn không hiểu được điều gì đang xảy ra. Nói thật, vị của quyền lực đang ngất trong miệng ta, cả tên Horemheb chết tiệt đó cũng đang âm mưu chống lại ta, cho chặn những chuyến hàng đại mạch ta đã gửi đến Syria ở Memphis theo thỏa thuận đình chiến để đổi lấy vàng. Tên Horemheb đó ngày càng lão xược, không còn tuân theo mệnh lệnh của ta mà tự ý cai trị Memphis như là người thay Pharaon, mặc dù hẳn biết rất rõ rằng ở đây ta là phụ chính. Quả thật, cây trượng trong tay ta chẳng mấy nữa sẽ mất hết quyền năng và roi của ta sẽ không còn đặc dụng vì Pharaon đã cấm tử hình và không cho dùng gậy đánh kẻ phạm tội. Làm sao dân chúng có thể tuân thủ pháp luật một khi kẻ trộm không bị chặt tay làm gương cho kẻ khác và không ai còn bị cắt mũi hay tai. Ta thật không thể hiểu, vì những việc này đã luôn được làm ở mọi thời và lẽ ra cần tiếp tục duy trì để giữ nghiêm quốc pháp. Nhưng sự tôn trọng luật pháp có thể được duy trì như thế nào khi luật pháp bị thay đổi hằng ngày theo ý thích bất chợt của Pharaon và những cuộn giấy trước ngài vàng của ta ngày càng mỏng và sờn thủng khi các thư tịch được cào tẩy và sửa chữa liên tục?

Ông ta đau khổ than vãn:

- Các giáo sĩ của Amon như ông, kiến bầu ở cổ ta, họ là những người khôn ngoan và tôn trọng những tập tục trước đây, sẵn sàng hòa giải theo những điều kiện phải chăng và chấp nhận sự cai trị của Aton bên cạnh Amon, vì họ cũng đã hoảng lên với những hạt mầm đáng sợ của Aton và sợ cả sự gieo rắc chủng của chính mình, bởi đến khi dân chúng không còn tôn kính thần linh nào nữa, họ sẽ sống như sắp đến ngày tận thế và nói rằng: “Hãy ăn nào, hãy uống nào, vì ngày mai chúng ta sẽ chết và chết là hết”. Hãy tin ta, Sinuhe, tất cả những việc này sẽ kết thúc

trong cảnh tan hoang khủng khiếp, nếu Pharaon không tỉnh ra, và nếu ngài không thuận lòng tỉnh lại thì cần phải khoan sọ ngài, vậy nên chúng ta cần người, Sinuhe. Người không phải sợ trách nhiệm của người y, vì những người khác sẽ chia sẻ trách nhiệm đó với người; ta đã thu thập rất nhiều lời chấp thuận từ các danh y giải phẫu và nghiên cứu hộp sọ của Nhà Sổng và họ định ninh rằng bệnh của Pharaon Ekhnaton đã quá nặng, vì vậy khoan sọ là việc làm cấp thiết để chữa những cơn đau đầu liên miên của ngài. Cả hai đùi của ngài cũng ngày một sưng tấy và phù lên đến biến dạng và, như người biết, chỉ ngày một ngày hai thôi, ngài sẽ không nhúc nhích được nữa. Nhiều danh y hàng đầu chẩn đoán rằng nước làm người ngài phù lên cũng sẽ dâng lên đầu nên cần phải hút hết nó ra khỏi đầu ngài.

Tôi không muốn tranh luận về y học với ông ta mà chỉ giễu cợt hỏi:

- Lẽ nào những người chủ phái sừng đã chọn người kế vị ngài hay ông sẽ chọn, giáo sĩ Eje?

Ông ta tối sầm mặt, giơ tay lên và nói:

- Giá như ta vẫn là giáo sĩ và được sống yên ổn ở Heliopolis, thu gom mật từ những đàn ong và xúc mật mình bằng dầu thánh. Nhưng mẹ đàn bà đáng nguyên rủa đó đã đưa ta đến đây và truyền ham muốn quyền lực của mẹ vào máu của ta, khiến ta mất hết tự do và bà ta vẫn đuổi theo ta cả trong mơ. Dù đã chết, nhưng bóng ma của bà ta vẫn nhiều lần xuất hiện trong vọng lâu vườn thượng uyển và trong sảnh cung điện. Không, Sinuhe, ai đã từng nắm trái quyền lực, người đó ngày càng muốn nhiều quyền lực hơn và sự thèm khát này là khủng khiếp nhất trong tất cả những ham muốn của con người, nhưng nó cũng mang lại ánh sáng rực rỡ hơn bất kỳ ham muốn nào khác, nếu được thỏa mãn. Người hãy cảm ơn vận may của mình vì đã không biết đến điều này, Sinuhe, Người Cô Đơn ạ. Thật thế, nếu ta là chúa tể của Ai Cập, ta sẽ biết cách trấn an dân chúng và khôi phục tất cả lại

như cũ; quyền lực của Pharaon sẽ mạnh mẽ hơn bao giờ hết khi Amon và Aton cùng nhau cai trị và cạnh tranh quyền lực. Tuy nhiên, để làm được như vậy, Aton nên có ảnh tượng để dân chúng có thể hiểu được thần và nhận ra rằng thần không khác gì các vị thần khác, vì Pharaon Ekhнатon đã hiểu sai điều này đến tai hại và phá hết học thuyết và lý tưởng mà ta đã nhồi nhét cho ngài khi ngài vẫn còn là một đứa trẻ. Ông, Sinuhe ạ, ông biết rõ thầy thuốc phải xử trí như thế nào khi bệnh nhân giận phát điên và trở nên cuồng bạo đến mức không thể kiềm chế. Chẳng phải danh y sẽ lấy dao chọc anh ta và cắm sừng vào cổ anh ta cho máu chảy cho đến khi anh ta bình tĩnh lại? Thật thế, giá mà ta có quyền lực, ta sẽ để cho máu chảy và như vậy chắc chắn dân chúng sẽ hết bạo loạn.

Tôi vẫn không muốn tranh luận với ông ta vì tôi không thể chữa được sự dốt nát của ông ta về các vấn đề y khoa. Vì vậy, tôi lại hỏi:

- Ông đã chọn người kế vị ngài rồi sao, giáo sĩ Eje?

Ông ta khùng lên, giơ cao tay phản đối và nói:

- Đừng nói điều đó với ta, vì ta thật sự không phải là một kẻ phản bội quốc vương mà ta trung thành với ngài, như ông biết. Nếu ta có thảo luận với các giáo sĩ cũng chỉ vì lợi ích của ngài và để bảo toàn quyền uy cho ngài. Nhưng một người khôn ngoan luôn có nhiều mũi tên trong ống để chọn chứ không sử dụng một mũi tên duy nhất. Vì vậy, ta chỉ bóng gió cho ông rằng Sekenre ấy chỉ là một cậu trai và Hoàng hậu vĩ đại trước đây cũng từng treo bộ râu hoàng đế quanh cằm và ngồi trên ngai pharaon để trị vì. Như người biết, ta là cha của Hoàng hậu Nefertiti và dòng máu của ta gắn liền với triều đại của quốc vương. Ta không muốn nói gì khác với người, chỉ ám chỉ điều này để người biết điều gì có lợi cho mình. Theo ta biết, người là người bạn quá tốt của tay Horemheb kiêu kỳ và hợm hĩnh, nhưng anh ta chỉ ngồi trên mũi những ngọn giáo, chỗ ngồi như

vậy vốn dĩ không thoải mái và anh ta có thể ngã bất ngờ. Chỉ dòng máu của các pharaon mới kết buộc các ngai vàng với nhau và dòng máu này phải chảy từ trăm năm này sang trăm năm khác như máu thánh trong hoàng cung, gắn kết các vương miện lại với nhau. Nhưng dòng máu này cũng có thể do đàn bà cai trị nếu Pharaon không có con trai.

Những lời ông ta nói khiến tôi kinh hãi, tôi hỏi:

- Ý ông là Horemheb, người bạn của tôi, Horemheb, sẽ ngược lên để giành chiếc vương miện màu đỏ và trắng ư? Điều này thật quá điên rồ và chắc chắn ông đã bị chó dại cắn khi nói như vậy. Chính ông cũng biết là anh ta được sinh ra với phân giữa các ngón chân và đến hoàng cung với tấm vải xám nghèo nàn vắt qua vai.

Nhưng Eje, khuôn mặt sạm đen, sừng phù, u ám và đôi mắt trũng sâu dưới hàng lông mày rậm nhìn tôi vẻ dò xét, rồi nói:

- Ai đọc được lòng dạ con người? Ham muốn quyền lực là ham muốn lớn nhất của con người, nhưng nếu anh ta dám mạo muội nghĩ đến quyền lực, ta sẽ bất ngờ hất anh ta từ trên ngai xuống đất.

Ông ta để tôi đi và những ý nghĩ ong ong trong đầu tôi như ong vỡ tổ, đến nỗi tôi không còn nhớ nhìn ra xung quanh và cứ đi men theo bức tường, vì tất cả những gì ông ta nói về dòng máu hoàng tộc làm lòng tôi như bị thiêu đốt. Hoàng hậu Nefertiti hoàn toàn không có dòng máu hoàng tộc, nhưng nếu Pharaon Ekhnaton qua đời, bà có thể trị vì cho đến khi con gái Meritaton của bà trưởng thành và Sekenre khi đó mới có thể cai trị với tư cách là phu quân của Meritaton. Ngoài Meritaton, chỉ có các con gái khác của Ekhnaton và em gái của Ekhnaton là Baketaton mang dòng máu hoàng gia, không có người con trai nào mang dòng máu hoàng gia ngoài Ekhnaton, điều này được Thái hậu Teje đảm bảo bằng những ma thuật phù thủy và tội ác của

mình. Mà không ai biết rằng tôi, Sinuhe, lại có thể là người mang trong mình dòng máu hoàng tộc, dòng máu của Pharaon Đại đế và Công chúa Mitanni. Chỉ những ai có dòng máu thánh mới có quyền kế thừa ngai vàng của các pharaon, do đó tôi có thể có quyền với ngai vàng của các pharaon và chiếc vương miện màu đỏ và trắng, mặc dù không ai biết điều đó.

Nhưng chỉ ý nghĩ đó thôi đã khiến tim tôi run lên, vì trái tim cừu của tôi đã từng khiếp sợ khi chứng kiến việc gieo rắc quyền lực là như thế nào. Tự trong thâm tâm, tôi thấy không có gì đáng sợ và khủng khiếp hơn trách nhiệm với ngai vàng và vương miện, và tôi không thể hiểu nổi tại sao có người lại tình nguyện tranh giành trách nhiệm như vậy. Vì thế tôi coi lời nói của Eje về những toan tính bí mật của Horemheb là điên rồ và tôi thấy may mắn là số phận đã cho tôi vượt sông trên một chiếc thuyền sậy đến khu dân nghèo vào đêm tôi sinh ra, và tôi đã cầu chúc phước lành cho những ngón tay đen của Hoàng hậu Teje, những ngón tay đã đan sậy và giải thoát tôi khỏi vương miện và tất cả những trách nhiệm này. Nhưng tâm trí con người điên rồ và bất nhất đến nỗi bất chấp tất cả những lý lẽ thuyết phục của lý trí, tâm hồn tôi vẫn phải chịu đựng nỗi cay đắng và cảm thấy điều đã xảy ra thật bất công, cho dù lý trí nói rằng đây là một điều may mắn cho tôi vì trái tim tôi không phải là trái tim của một kẻ cai trị mà là của một người trầm lặng.

Tôi bước đi vô định với những ý nghĩ cay đắng nóng rực trong tim, lang thang không nhìn ra phía trước trong hành lang của cung điện và tất nhiên lao thẳng vào vòng tay của Mehunefer, người quản gia của hoàng gia, mặc dù tôi đã nhất quyết làm mọi cách để tránh gặp bà ta. Nhưng có lẽ những suy nghĩ thâm kín của mình, bất chấp ý định trước đó, đã dẫn tôi thẳng đến chỗ bà ta, vì con người ta nhiều lúc không biết đôi chân mình đang làm gì. Tôi vô cùng hoảng sợ khi nhìn thấy khuôn mặt được tô vẽ dày và đôi mắt đen nhỏ ấy, tiếng leng xeng của vô số trang sức quanh cổ và cổ tay bà ta khiến tôi liên tưởng đến tiếng kêu lóc xọc của chiến xa và tiếng loảng xoảng của khiên khi tôi chạy

trên cát sa mạc, cổ tay bị buộc vào sau chiến xa của lính Aziru. Nhưng Mehunefer cũng hốt hoảng không kém khi nhìn thấy tôi, vội vàng nắm lấy tay tôi, chớp chớp mắt liếc nhìn xung quanh và kéo tôi vào sau hàng cột, mặc cho tôi ra sức chống cự. Bà ta vừa đưa tay vuốt ve má tôi vừa sợ sệt, lăm lét nhìn xung quanh và nói:

- Sinuhe, Sinuhe, bồ câu nhỏ của tôi, bồ đực trung thành của tôi, vậy là cuối cùng anh đã đến đón tôi. Tôi nói như vậy vì tôi đã đi theo anh đến Akhetaton, nhưng bọn đầy tớ của anh đã đối xử rất tệ với tôi, bắt tôi trở lại thuyền và khi tôi nhảy xuống nước để quay trở lại bờ, chúng lại ném tôi xuống nước lần nữa rồi lấy cọc ẩn tôi khiến tôi suýt chết đuối, phải bơi trở lại thuyền và được những người chèo thuyền lấy mái chèo vớt lên, khiến tôi thấy thật nhục nhã. Tuy nhiên, tôi không thù oán anh vì chuyện này, Sinuhe, mà tôi tin rằng đó là do sự đại dột của bọn đầy tớ nhà anh và bản thân anh không có lỗi. Sau đó, tôi nghe nói anh đã từ Akhetaton đi đến Syria vì một nhiệm vụ nguy hiểm và đã có được danh tiếng lớn trong chuyến đi này. Nhưng Sinuhe, tôi không biết sẽ kể tất cả với anh ra sao và tôi sợ sẽ làm tổn thương trái tim anh. Bà ta vịn vẹo đôi tay, vô cùng bối rối, đôi mắt đen tránh không nhìn tôi khiến tôi bắt đầu thấy hoảng sợ hơn trước và không thể nghĩ được điều gì khác ngoài việc bà ta có thể điên khùng khăng khăng rằng đã mang bầu với tôi, mặc dù thật ra tôi không hề đụng vào bà ta theo cách ấy. Nhưng bà ta bắt đầu khóc và níu cánh tay tôi, nói:

- Sinuhe, Sinuhe à, bạn yêu quý của tôi, tôi chỉ là một người đàn bà tội nghiệp và lẽ ra anh đừng để tôi một mình như thế. Tôi không biết làm sao để anh hiểu được tôi khi chính anh cũng thủy chung song nhút nhát, nhưng tôi hy vọng anh sẽ hiểu. Anh nên biết là khi anh đi vắng, một người đàn ông khác đã nhìn tôi đầy thèm muốn và tôi đã xiêu lòng.

Bà ta khóc nức nở và đưa tay vỗ nhẹ vào má tôi để an ủi tôi rồi nói tiếp:

- Thực ra anh ta không phải là người xấu và tôi rất hài lòng về anh ta, mặc dù anh ta không phải dạng người như anh, nhưng lại khỏe như bò đực, đánh đập tôi và giật véo tai tôi. Vì thế tôi van anh, Sinuhe, hãy đi đi để anh ta không thấy anh ở đây với tôi, vì sau đó anh ta sẽ đánh tôi dữ hơn trước và tôi không muốn điều đó, mặc dù tôi thấy sự đau đớn mà anh ta gây ra cũng ngọt ngào. Tha lỗi cho tôi, Sinuhe, nếu chuyện này làm trái tim anh tan nát, nhưng tôi không dám ở bên anh lâu hơn nữa.

Bà ta sợ hãi nhìn tôi, có lẽ cũng sợ bị tôi đánh. Tuy nhiên, nhẹ bồng người như trút được gánh nặng, tôi chỉ muốn cười to và nhẩy cẩng lên vì sung sướng, nhưng tôi giả vờ buồn và nói với bà ta:

- Mehunefer xinh đẹp, chúc bà may mắn, vì hạnh phúc của bà là hạnh phúc của tôi. Nhưng hãy biết rằng hình ảnh bà sẽ luôn ở trong trái tim tôi và tôi sẽ không bao giờ quên bà.

Điều đó hoàn toàn đúng, vì tôi biết mình không thể nào quên được người đàn bà gớm ghiếc này. Bà ta cảm động và vỗ nhẹ đôi bàn tay nhăn nheo của mình lên má tôi, khiến tôi nghĩ bà ta sẽ hôn tôi nếu không sợ tình nhân của mình nhìn thấy. Cuối cùng bà ta nói:

- Sinuhe, rượu và nỗi buồn thương đã khiến tôi nói với anh những điều kỳ quặc vào đêm Thái hậu qua đời, mà tôi cũng không nhớ tất cả những gì mình đã nói và tôi hy vọng cả anh cũng sẽ không nhớ. Nhưng nếu anh nhớ, hãy biết rằng tất cả những gì tôi nói chỉ là lời dối trá và đó là rượu nói qua miệng tôi chứ không phải tôi. Thái hậu là một người phụ nữ tốt, đáng kính trọng và chúng tôi dâng cúng hằng ngày để tưởng nhớ bà và nói về những điều tốt đẹp của bà, nhất là sau khi linh hồn của bà bắt đầu xuất hiện trên lầu trong vườn thượng uyển và đôi khi vào ban đêm ngồi trên ngai vàng của nhà vua trong cung điện với bộ râu hoàng gia trên cằm.

Như thế, tất cả càng thật hư lẫn lộn trong tâm trí tôi, vì rất có thể Mehunefer đã nói dối tôi và bịa ra câu chuyện của mình để khoe khoang khi bị rượu làm cho chệnh choáng. Nhưng Mehunefer đột nhiên ngừng bật và hét lên, rồi bà ta nhẩy ra xa tôi và vừa cố tỏ ra hết sức vui mừng vừa chạy tới viên cai đội Shardana đang đi dọc hành lang về phía chúng tôi. Viên cai đội này là một người to béo, phương phi, đôi mắt đỏ ngầu vì bia và thô lỗ như mắt bò, hai bàn tay to bè như cái xẻng. Hắn ta vung cây roi có treo những vòng tròn bằng đồng quất vào lưng Mehunefer rồi vừa lắc cổ bà ta vừa nói:

- Nhân danh Seth và tất cả ác quỷ, mày lại lén lút với những thằng đàn ông khác đấy hả, con bò cái già kia.

Từ đó tôi suy ra viên cai đội là tình nhân của Mehunefer, người bà ta vừa kể, và tôi vội vàng lên đi, vì hắn đúng là một gã to con và dữ tợn.

Tôi còn đến hậu cung chào Công chúa Babylon, người đã đập vỡ vò với Pharaon Ekhnaton, vì Hoàng hậu Nefertiti đã vội vàng gửi nàng từ Akhetaton đến Thebes, nơi những phi tần khác của Pharaon đang ở. Công chúa là một phụ nữ trẻ và đẹp. Nàng thân mật gợi chuyện với tôi vì tôi biết nói ngôn ngữ của nàng, còn nàng đã học chút ít tiếng Ai Cập, nàng nói nghe ngồ ngộ, đáng yêu. Mặc dù rất không hài lòng với việc Pharaon đã không làm tròn bổn phận của ngài đối với mình, nhưng nàng vẫn tận hưởng cuộc sống của mình ở Thebes và hài lòng với việc ở Ai Cập hơn ở trong hoàng cung của Babylon của đóng then cài. Rất ngạc nhiên và ngưỡng mộ cuộc sống ở Thebes, nàng nói với tôi:

- Tôi không hề biết rằng phụ nữ có thể được tự do như ở Ai Cập. Tôi không cần phải che mặt trước đàn ông và có thể nói chuyện với bất cứ ai; tôi không phải làm gì mà chỉ việc ra lệnh là có người chèo thuyền đưa mình sang Thebes; tôi được chào đón ở các yến tiệc trong các nhà quyền quý và không ai thấy khó coi nếu tôi cho phép những người đẹp trai đặt tay lên cổ tôi và hôn

má tôi. Nhưng tôi vẫn muốn Pharaon làm tròn nghĩa vụ của mình đối với tôi, để sau đó tôi được tự do hơn nữa và tôi có thể vui vẻ với người mình muốn, bởi vì, nếu tôi hiểu đúng, tập quán ở Ai Cập cho phép làm điều đó, chỉ cần không để lộ cho ai khác biết. Ông có nghĩ Pharaon sẽ sớm gọi tôi đến với ngài để tôi làm tròn nghĩa vụ đối với ngài không, vì khi những người khác vui vẻ xung quanh tôi và kể với tôi bao chuyện thích thú, tôi bắt đầu thấy khó chịu khi mình vẫn chưa được động đến, mặc dù chiếc vò đã bị vỡ ngay trước mặt tôi từ lâu.

Nàng có làn da trắng hơn và đôi mắt nồng nàn hơn mắt của phụ nữ Ai Cập, nên tôi hiểu rõ sự thêm muốn của đàn ông khi họ quàng tay qua cổ nàng. Quả thật, khi nhìn tôi, đôi mắt nàng ánh lên lấp lánh cả một chùm tia nghịch ngợm tinh quái, khiến tôi vô cùng ngượng ngập trước lời nàng nói và không thể trả lời được. Nàng khẽ hé vạt áo trước ra và nói:

- Tôi đoán Pharaon đang lo lắng cho sức khỏe của tôi và đã cử ông là ngự y đến khám cho tôi. Nhưng tôi có thể đảm bảo với ông rằng khí hậu Ai Cập rất thích hợp cho sức khỏe của tôi và điều duy nhất tôi băn khoăn là có lẽ tôi hơi mập để có thể hoàn toàn đáp ứng sở thích của đàn ông Ai Cập. Ông hãy cho tôi biết liệu tôi có mập quá không và tôi có cần giảm cân không? Hãy thật lòng nói điều đó cho tôi với tư cách là một người đàn ông Ai Cập và là người bạn để tôi có thể sửa khiếm khuyết này của mình, vì ở Babylon, phụ nữ càng mũm mĩm thì càng được đàn ông ưa thích, vậy nên tôi đã ăn nhiều đồ ngọt và uống váng sữa để thêm chút da thịt trên người.

Quên mất mình là một danh y, tôi nhìn nàng với con mắt của một người đàn ông Ai Cập và của một người bạn như nàng yêu cầu, tôi đảm bảo với nàng rằng người nàng không có khiếm khuyết gì, rằng phần lớn đàn ông thích thăm mềm hơn thăm cứng và trong việc này không có sự khác biệt giữa đàn ông Babylon và đàn ông Ai Cập. Tuy nhiên, tôi vẫn khuyên nàng nên bỏ đồ ngọt và váng sữa vì cả Pharaon và Hoàng hậu đều gầy và

cổ cao, vì vậy cả các quan quyền trong triều đình cũng phải thanh mảnh, có cổ cao và xiêm áo của phụ nữ cũng theo đó mà được thiết kế. Tôi nghĩ những lời tham vấn của tôi đã làm dậy lên những hy vọng hảo huyền trong nàng, vì nàng nhìn tôi tin tưởng và nói:

- Tôi có một nốt ruồi nhỏ dưới vú trái, như ông có thể thấy. Nó quá nhỏ nên hơi khó nhận ra, vì vậy ông phải ghé mắt gần hơn để nhìn thấy nó. Mặc dù nhỏ, song nốt ruồi này làm tôi rất khó chịu và tôi muốn ông cắt bỏ nó giúp tôi, vì một số cung nữ từng ở Akhetaton kể với tôi rằng ông làm rất khéo những ca phẫu thuật kiểu này, khiến người bệnh và cả chính mình cũng thỏa mãn.

Cặp bông đào của nàng quả thật mơn mẩn đầy thanh xuân và thật đáng ngắm nhưng qua lời nói và cử chỉ của nàng, tôi nhận thấy nàng đã bị nhiễm sự cuồng nhiệt của Thebes và tôi không dám phá dấu niêm phong khỏi vò của Pharaon. Vì thế tôi xin lỗi nàng, bảo tôi không mang theo hộp đồ nghề rồi vội vàng rời đi, vì cần tắc vô ưu và vì với tôi, cơ thể Merit là tuyệt vời nhất, hơn tất cả các công chúa Babylon. Nhưng tôi đã hiểu hơn về Công chúa và qua nàng tôi thấy được Thebes và hoàng cung qua con mắt của người ngoài, hiểu ra đời sống ở hoàng cung sa đọa đến thế nào, vì thế Công chúa, như một đứa trẻ dễ bắt chước, đã bị lây nhiễm những phong tục tồi tệ nhất của Ai Cập. Vì thế tôi kể lại điều này. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận rằng khi bỏ đi, tôi cảm thấy một nỗi sầu muộn nào đó, nhưng không rõ là vì Công chúa hay vì tất cả những suy nghĩ đang ong ong trong đầu mình, tôi không biết. Dù sao, việc tôi rời khỏi hoàng cung sau khi gặp nàng vẫn dễ dàng hơn so với việc phải nhổ những cái gai nhọn mà Eje đã đâm vào tim tôi.

Tôi vẫn cần kể thêm rằng khi tôi ở Thebes, tư tế Hrihor đã đến nhà tôi trong đêm tối để gặp tôi. Ông ấy nhắc tôi nhớ lại tất cả những gì đã xảy ra giữa chúng tôi và nói:

- Sinuhe, hãy nhớ lời hứa của mình! Thuyền đang lao nhanh theo dòng nước xiết, nhưng ông vẫn kịp nhảy vào khoang nếu muốn.

- Tôi không nhớ đã hứa với ông điều gì, - tôi nói với ông ta.

Ông ta nở nụ cười thông thái, xoay xoay chiếc nhẫn thánh của Amon ở ngón tay cái, gương mặt sáng loáng vì dầu thánh và nói:

- Có thể đầu ông không hứa nhưng lòng ông đã hứa, dù ông không biết điều đó. Tuy nhiên, đầu ông phải nhanh lên để theo kịp trái tim mình, vì mùa đông năm sau nạn đói sẽ đến với xứ Kemet, bệnh tật sẽ theo sát gót nạn đói và máu sẽ chảy theo gót bệnh tật, khi đó người khôn ngoan nhất cũng không còn biết điều gì có thể xảy ra.

- Có thể lũ sẽ dễ dâng cao, - tôi nói với ông ta, - khi đó, nước sẽ tràn ra và cuốn trôi tất cả các con đập. Có thể cơn lũ ông gây ra sẽ cuốn trôi ông và các giáo sĩ của ông, Hrihor ạ, tôi hoàn toàn không thể nói được liệu tôi có lấy làm tiếc vì điều đó hay không. Một trận lũ lớn có thể gây ra nhiều thiệt hại nhưng khi rút đi, nó sẽ để lại một lớp bùn màu mỡ hơn bao giờ hết, vì vậy mùa màng sẽ tốt hơn trước gấp trăm lần.

Hrihor không nổi giận, vẫn giữ được sự trầm tĩnh khôn khéo của mình, và nói:

- Sinuhe, ông nghĩ mình khôn ngoan khi nói bóng gió như vậy, nhưng phép ẩn dụ của ông sai rồi. Tôi có thể nói thẳng với ông rằng người ta đang rèn gươm trong bóng tối và ông có thể nhìn thấy những tia lửa bắn ra từ lưỡi gươm. Gươm được rèn bằng sự điên khùng của Pharaon, bằng sự cuồng nhiệt của phe thánh giá, bằng đói khát, bệnh tật và người ta rèn nó cả bằng máu, cho đến khi nó xuyên qua trái tim của Ai Cập. Nhưng khi trái tim một người bị đâm thủng, người đó sẽ chết và không sống dậy được, chỉ có giới bọ được hưởng lợi từ anh ta và béo ú. Ông muốn để mặc Ai Cập biến thành một vương quốc giới bọ ư,

Sinuhe? Nhưng dù là lũ lụt hay gươm kiếm, thuyền sẽ lao về phía trước với tốc độ ngày càng nhanh, nhưng ông vẫn có thể nhảy vào, Sinuhe, nếu ông muốn. Nếu nhảy quá muộn, có khi ông sẽ rơi xuống nước và chết đuối. Ông sẽ nhảy, Sinuhe, bụng dạ con người là như thế, ít nhất theo tôi hiểu, và tôi có thể bảo đảm điều đó với ông.

Tôi chỉ có thể trả lời ông ta:

- Không ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến.

Ông ta nghĩ tôi yếu đuối, nhưng ông ta không biết dòng máu vương giả có lẽ đang chảy trong huyết quản của tôi. Điều này có thể lý giải cho nhiều hành động của tôi mà tôi không hiểu và không thể tự lý giải. Nhưng có thể ngay cả điều này cũng là giả dối và huyền hoặc, giống như mọi điều tưởng tượng khác. Vậy thì có lẽ không ai hiểu được trái tim của chính mình, trong khi nó khiến con người làm những việc mà chính mình không hiểu, cả việc xấu xa lẫn tốt đẹp.

Sau khi nói xong những điều này, Hrihor rời nhà tôi trong đêm tối và chúng tôi chia tay nhau, không như kẻ thù nhưng cũng không phải là bạn hữu. Tôi đã ở Thebes suốt cả mùa xuân, rồi hè đến cùng với nắng nóng và ruồi muỗi trong khu phố của người nghèo, nhưng tôi vẫn ở lại mà không muốn rời đi. Cuối cùng, Pharaon Ekhnaton đã cho tìm tôi vì cơn đau đầu của ngài lại tái phát và tôi tệ hơn nên tôi không thể lần nữa được nữa. Vì thế tôi tạm biệt Kaptah tại Đuôi Cá Sấu và Kaptah nói:

- Thưa ông chủ, tôi đã mua cho ông nhiều đại mạch hết mức có thể và trữ trong kho ở nhiều thành phố. Tôi cũng đã cất giấu đại mạch - người khôn ngoan nhìn về phía trước chứ không ngoái lại đằng sau - bởi vì tất cả những quy định và điều luật điên rồ liên tục được ban bố gây trở ngại cho công việc hợp pháp của thương lái và biết đâu đại mạch của ông có thể sẽ bị tịch thu, nếu nạn đói xảy ra, để bán cho người dân và thuế vụ sẽ đút túi

lợi nhuận, mặc dù điều này chưa từng xảy ra trước đây vì động vào tài sản và đại mạch của người khác là trái với tập quán tốt đẹp. Nhưng tôi tin bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra, như quy định mới cấm đưa chum rỗng sang Syria, khiến cho lợi nhuận của tôi bị giảm đáng kể vì phải tốn kém rất nhiều để bí mật chở chúng sang đó. Tôi thực sự không biết mình đang đứng bằng đầu hay trên đôi chân của mình nữa, vì quy định này cũng vô lý như việc người Syria muốn mua chum rỗng. Việc cấm vận chuyển đại mạch sang Syria cũng vậy, nhưng quy định này là điều hiển nhiên, có thể hiểu được, tuy nó được đưa ra quá muộn, bởi vì khắp Ai Cập không còn đến một hạt để mua và gửi đến Syria. Tôi hoàn toàn không phản đối những quy định hay điều luật đó, bởi vì chúng trấn an người dân và theo tập quán, họ dè dặt khi ban chúng ra để thương lái có thời gian kiếm lời và không bị thiệt. Nhưng điều luật liên quan đến chum rỗng thật đáng chê trách và vô lý, mặc dù dĩ nhiên có thể lách luật bằng cách đổ đầy nước vào chum trước khi vận chuyển để không còn là chum rỗng và việc chở nước vẫn chưa bị đánh thuế, cho dù thuế vụ của Pharaon đã nghĩ ra nhiều cách đánh thuế khác nhau.

Kaptah còn nói thêm:

- Cứ yên tâm, ông chủ ạ, vì qua mùa đông, nhờ đại mạch của mình, ông sẽ là người giàu nhất Ai Cập, chỉ kém Pharaon, nếu không có gì bất ngờ xảy ra. Nhưng tôi vẫn phải thừa nhận rằng tôi đang hết sức bối rối vì tình hình bất ổn giữa sừng với thánh giá. Nếu tôi công nhận Pharaon là một vị vua giỏi thì chỉ vì tôi đã giàu lên rất nhiều trong thời gian trị vì của ngài, tuy vậy, tôi vẫn muốn quyền trị vì của ngài chấm dứt và tất cả trở lại như trước để tôi có thể bình an và yên tâm tận hưởng sự giàu có của mình dưới sự bảo vệ của các quy định và luật pháp tốt. Tôi không hiểu nổi đám nô lệ của mình nữa, vì bây giờ chúng rất táo tợn và ngày càng hỗn láo hơn, không chịu ăn bột mốc, dầu thiêu nữa mà chúng ném bát ăn vào mặt cai đội; thậm chí tôi không dám dùng gậy đánh chúng, vì đã có chuyện nô lệ nhào đến bẻ

gậy gậy của chủ và đánh chủ rồi bỏ trốn, điều mà trước đây chưa bao giờ xảy ra. Thế nên cần treo ngược mấy đứa nô lệ đó lên tường để làm gương cho những đứa khác và tôi sẽ không phàn nàn về thiệt hại của mình, cho dù trong số đó có nô lệ của tôi.

Tôi nhắc ông ấy nhớ rằng bản thân ông ấy cũng từng là nô lệ và đã trải qua cuộc sống của nô lệ, nhưng Kaptah rất bức bối về điều này và nói:

- Đúng, nô lệ là nô lệ và ông chủ là ông chủ, trật tự này là sự sắp đặt tốt nhất, xưa đã thế và sau này vẫn thế. Sự sắp đặt này không có gì sai và tôi là minh chứng tốt nhất cho điều này, vì tôi, vốn là một nô lệ, bây giờ là một người giàu có và béo tốt nhờ khả năng và tài trí vốn có của mình. Điều tương tự có thể xảy ra với bất cứ nô lệ nào nếu hắn có trí thông minh và tài giỏi, biết cách nói dối và trộm cắp như tôi. Chẳng phải trật tự này là sự sắp xếp tốt nhất có thể hay sao, vì nó mang lại cơ hội như nhau cho tất cả mọi người. Ngoài ra, đồ ăn của nô lệ luôn là bột mốc, dầu thiu và bia chua, trong việc này không có gì cần thay đổi. Tương tự như vậy, nô lệ phải bị đánh bằng gậy thường xuyên và thật đau để hắn tin và tôn trọng chủ của mình cũng như ca ngợi với nhau sức mạnh của cánh tay chủ mình, vì một nô lệ không bị đánh bằng gậy sẽ lập tức trở nên táo tợn và nghĩ chủ của mình yếu đuối. Tôi biết rõ hơn ai hết tất cả những điều này, vì bản thân tôi từng là nô lệ, mông và chân tôi đã sưng tấy nhiều lần vì những trận gậy ngọt ngào và điều này không hại tôi mà đã dạy tôi cách ăn trộm và nói dối ngày càng tinh ranh hơn, đến mức tôi cũng vui lòng dạy cho nô lệ của mình.

Thật vô bổ khi tranh cãi với ông ấy về chuyện này, vì thế tôi chia tay ông ấy cũng như Merit và bé Thoth. Thật tệ hại khi tôi không thể đưa họ đi cùng trong chuyến xuôi sông này như tôi từng muốn, vì lệnh của Pharaon yêu cầu tôi phải đi gấp và đương nhiên họ chẳng thích thú gì điều này. Tôi nói với Merit:

- Em và bé Thoth hãy đi cùng anh và ở nhà anh ở Akhetaton, để chúng ta có thể hạnh phúc bên nhau.

Nhưng Merit nói:

- Anh bung hoa nơi hoang mạc trồng vào đất màu mỡ và tưới nước hằng ngày, hoa sẽ héo rồi chết. Em nghĩ mình cũng thế nếu đến Akhetaton, và tình bạn của anh với em sẽ héo úa, lụi tàn khi anh so sánh em với các cung nữ trong cung, khi họ chỉ trở để anh thấy những gì em khác biệt với họ, vì em quá biết đàn bà và cả đàn ông nữa. Ngoài ra, thật không xứng với địa vị của anh, một ngự y, khi có trong nhà một người đàn bà từng lớn lên trong quán rượu, hông với eo bị những kẻ say xỉn sờ mó, cấu véo hết năm này sang năm khác.

Tôi nói với nàng:

- Merit, em yêu của anh, anh sẽ về bên em ngay khi có thể, vì mỗi phút giây thiếu vắng em, anh thấy đói và khát. Nhiều người đã rời Akhetaton mãi mãi không quay lại, có lẽ anh cũng sẽ về với em và sẽ không bao giờ trở lại Akhetaton nữa.

Nhưng Merit nói:

- Anh nói nhiều hơn những gì trái tim anh có thể chịu đựng, Sinuhe ạ. Em hiểu anh và em biết rằng địa vị của anh không cho phép anh từ bỏ Pharaon khi những người khác rời bỏ ngài. Anh có thể từ bỏ ngài vào những quãng thời gian tốt đẹp, nhưng trong những ngày tồi tệ anh không thể làm thế. Trái tim anh là vậy, Sinuhe ạ, có lẽ chính vì thế em là bạn của anh.

Những lời nói của nàng khiến tim tôi nổi loạn và hòng tôi như bị kim châm khi nghĩ rằng mình có thể sẽ mất nàng. Vì thế tôi tha thiết nói:

- Merit ạ, trên thế gian có rất nhiều miền đất chứ không phải chỉ có Ai Cập. Anh thấy mệt mỏi với những mâu thuẫn, tranh giành

giữa các thần linh và sự điên cuồng của các pharaon. Vì vậy, chúng ta hãy cùng nhau trốn đi đâu đó thật xa và sống cùng nhau, em, anh và bé Thoth, không cần lo lắng về ngày mai.

Nhưng Merit mỉm cười, vẻ buồn rầu trong mắt, và nói:

- Lời anh nói thật hảo huyền và chính anh cũng biết là không thực tế, nhưng lời nói dối của anh lại làm lòng em vui vì nó chứng tỏ anh yêu em. Tuy nhiên, em không nghĩ anh có thể sống hạnh phúc ở bất kỳ nơi nào khác ngoài Ai Cập một khi anh đã trở lại nơi đây, cũng như em không tin mình có thể sống hạnh phúc ở bất cứ đâu ngoài Thebes. Ai đã từng một lần uống nước sông Nile, anh hẳn biết điều đó. Không, Sinuhe, không ai trốn được khỏi trái tim mình, và anh phải có được tất cả. Vì vậy, theo thời gian, khi em già đi, xấu xí và béo phì, anh sẽ chán em và bắt đầu hận em vì tất cả những gì anh không được nắm giữ do em. Em không muốn thế, mà em thà từ bỏ anh.

- Merit ạ, em là nhà của anh và là tổ quốc của anh, - tôi nói. - Em là bánh mì trong tay anh và rượu trong miệng anh, em biết rõ điều đó. Em là người duy nhất trên thế gian khiến anh không còn cô đơn khi ở bên và anh yêu em vì điều đó.

- Đúng thế, - Merit nói với giọng hơi chua chát. - Quả thực, em chỉ là tấm chăn đắp lên nỗi cô đơn của anh, khi em chưa là tấm thảm sồn của anh. Nhưng có lẽ chỉ cần như vậy và em không mong điều gì khác. Vì vậy, em cũng không kể cho anh bí mật giày vò trái tim em, dù có lẽ anh nên biết, nhưng em sẽ giữ nó cho riêng mình, mặc dù những lúc mềm lòng em từng định nói với anh. Nhưng vì chính anh, em sẽ giấu nó, Sinuhe, chỉ vì chính anh.

Nàng không thổ lộ bí mật của mình với tôi, vì nàng tự trọng hơn tôi và có lẽ cũng cô đơn hơn tôi, mặc dù lúc đó tôi không hiểu và lúc nào cũng chỉ nghĩ đến mình. Tôi tin rằng tất cả đàn ông đều như vậy khi yêu, mặc dù tôi nói điều này không phải để bào

chữa cho mình, bởi nếu đàn ông tin rằng họ nghĩ về điều gì khác ngoài bản thân khi yêu thì đó chỉ là ảo tưởng, cũng như bao nhiêu điều khác trên thế gian cũng chỉ là ảo tưởng.

Thế là một lần nữa, tôi rời Thebes trở lại Akhetaton và sau lần này, tôi không còn gì khác để kể ngoài tai họa. Vậy nên tôi muốn kể lể dài dòng như thế về thời gian tôi ở Thebes, mặc dù tất cả những điều này có lẽ cũng chẳng đáng để kể, nhưng tôi vẫn kể vì chính bản thân mình.

Sách thứ mười ba

Vương quốc Aton trên mặt đất



1

Khi tôi trở lại Akhetaton, Pharaon Ekhnaton quả thật đang bị ốm và ngài cần sự chăm sóc của tôi. Hai má ngài hóp lại, gò má nhô cao trên khuôn mặt và cổ ngài còn dài hơn trước, đến mức không thể chịu nổi sức nặng của cả hai vương miện trong các lễ triều, mà đầu ngài ngã trĩu ra sau vì sức nặng ấy. Hai đùi ngài phù thũng, còn cẳng chân gầy như que củi, quầng mắt thâm tím và sưng húp vì những cơn đau đầu triền miên. Ngài không còn nhìn thẳng vào mắt người khác mà ánh mắt cứ lang thang, vô định trong những thế giới nào đó và vì thần của mình, ngài thường quên những người ngài từng nói chuyện cùng. Ngài làm căn bệnh đau đầu càng tồi tệ hơn khi đi ra ngoài giữa trưa nắng chang chang không che ô hay đội mũ hoàng đế, để đầu được hứng những tia sáng phước lành của thần. Nhưng những tia sáng của Aton không ban cho ngài chút phước lành nào mà chỉ đầu độc ngài, khiến ngài mê sảng và thấy những ảo ảnh tồi tệ. Có lẽ thần của ngài cũng như ngài, ban phát lòng tốt và tình yêu thương của mình quá rộng rãi, quá bất ngờ, quá hào phóng và bằng vũ lực, đến mức hậu quả của lòng tốt ấy thật tồi tệ và tình yêu thương ấy gieo rắc hủy diệt xung quanh ngài.

Nhưng vào những khoảnh khắc tỉnh táo, khi tôi đắp khăn ướt lên đầu ngài và dùng các loại thuốc nhẹ để xoa dịu cơn đau cho

ngài, ngài nhìn tôi bằng đôi mắt buồn rầu và đau khổ, như thể nỗi thất vọng không nói được bằng lời âm thầm len lỏi vào trái tim ngài. Cái nhìn đó làm tim tôi đau đớn, khiến tôi lại mẩn yêu ngài trong sự mềm yếu của ngài và sẵn sàng từ bỏ nhiều hơn, nếu có thể giải thoát cho ngài khỏi tình trạng này. Ngài nói với tôi:

- Sinuhe, lẽ nào những linh ảnh của ta là dối trá và sinh ra từ cái đầu ốm yếu của ta? Nếu thật vậy, cuộc đời khủng khiếp hơn ta nghĩ và không phải cái thiện ngự trị trên thế gian mà là cái ác vô biên. Không thể như thế được. Những linh ảnh ta thấy phải là thật. Người có nghe không, Sinuhe, kẻ bướng bỉnh kia, những linh ảnh của ta phải là thật, mặc dù mặt trời của ngài không còn chiếu sáng trong trái tim ta và bạn bè ta nhỏ nước bọt vào giường ta. Ta hoàn toàn không phải là kẻ mù, mà ta nhìn thấu trái tim con người. Ta cũng nhìn thấu trái tim yếu mềm của người và biết người coi ta là kẻ điên, Sinuhe, nhưng ta tha thứ cho người vì ánh sáng đã từng chiếu vào trái tim người.

Khi bị những cơn đau hành hạ, ngài rên rỉ và than thở:

- Sinuhe, súc vật ốm được ân xá bằng vỗ, sư tử bị thương bằng giáo nhọn, nhưng con người không được ai xá tội. Nỗi thất vọng của ta còn cay đắng hơn cái chết nơi trần gian, mà ta không sợ chết vì ánh sáng của ngài chiếu trong tim ta và thân thể ta có thể chết nhưng linh hồn ta sống mãi muôn đời và tỏa sáng trong ngài trên khắp cõi trần gian. Sinuhe, ta sinh ra từ mặt trời và ta sẽ trở về với mặt trời, ta mong ước được trở về vì tất cả những thất vọng của mình.

Ngài nói với tôi như thế khi bị ốm và tôi không biết liệu ngài có hiểu những gì mình nói không. Nhưng vào mùa thu, ngài bắt đầu hồi phục nhờ công chữa trị của tôi, dù nếu tôi để ngài chết mà không chạy chữa thì có lẽ tốt hơn. Tuy nhiên, thầy thuốc không thể để bệnh nhân của mình chết nếu còn tài năng để chữa trị; điều này thường gây tai họa cho danh y, nhưng danh y

làm gì khác được, mà phải chữa lành cho bệnh nhân, không phân biệt người tốt hay kẻ xấu, người sùng đạo hay bàng bô. Khi mùa thu đến, ngài bắt đầu hồi phục và trong thời gian ấy, ngài khép mình, không nói chuyện với tôi và cả những người khác nữa, mà đôi mắt ngài trở nên cứng rắn.

Nhưng ngài đã nói đúng rằng bạn bè ngài nhổ nước bọt vào giường ngài, vì sau khi sinh năm công chúa cho ngài, Hoàng hậu Nefertiti đã chán ngài, bắt đầu hận ngài và chỉ muốn làm tổn thương ngài bằng mọi cách. Vì vậy, khi hạt đại mạch thứ sáu bắt đầu nảy mầm trong bụng Nefertiti, đứa trẻ chỉ mang dòng máu các pharaon trên danh nghĩa, vì bà đã để cho hạt giống lọt vào dạ con của mình. Và một khi đã phá rào, bà không còn coi trọng bất kỳ ranh giới nào nữa mà ăn nằm với bất kỳ ai, vào lúc nào bà muốn, kể cả với bạn Thotmes của tôi. Bà cũng không mất nhiều thời gian tìm người ân ái, vì vẻ đẹp của bà vẫn còn lộng lẫy dù đã qua tuổi thanh xuân, và trong ánh mắt, nụ cười giấu cốt của bà ẩn chứa điều gì đó như bùa ngải khiến cánh đàn ông không thể kiềm chế được mình. Với lòng cay đắng và căm hận, bà cố tình nhả vào những người trung thành với Pharaon Ekhnaton, ăn nằm với họ để kéo họ ra khỏi ngài, khiến vòng người yêu kính, chỗ che Pharaon Ekhnaton quanh ngài ngày càng nói lỏng.

Ý chí của Hoàng hậu thật kiên định, trí tuệ sắc bén đến đáng sợ, và một người đàn bà sẽ rất nguy hiểm nếu ý định xấu xa của bà ta đi kèm với trí tuệ và sắc đẹp, càng nguy hiểm hơn nếu tất cả những điều này còn đi kèm với quyền lực của một hoàng hậu. Trong nhiều năm, Nefertiti này đã trói mình vào những xiềng xích bền chắc. Trong nhiều năm, Nefertiti này đã bằng lòng với việc mỉm cười và cai trị bằng sắc đẹp của mình, thỏa mãn với đồ trang sức, rượu bia, thơ phú và bốn cột. Nhưng chắc chắn điều gì đó đã vỡ vụn trong bà khi bà sinh cô con gái thứ năm và tin rằng mình sẽ không bao giờ sinh được con trai, do lỗi của Pharaon Ekhnaton. Mà cũng đúng, điều này thật trái với tự nhiên và có thể làm rối trí đàn bà. Tuy nhiên, cần nhớ rằng dòng

máu đen của giáo sĩ Eje chảy trong huyết quản của bà ta, dòng máu của dối trá, lừa lọc và tham vọng sai trái, nên không có gì ngạc nhiên khi Hoàng hậu trở thành người như thế này.

Nhưng cũng phải có mấy lời để biện hộ rằng trong ngần ấy năm trước đó không ai có thể nói xấu bà và không có tin đồn xấu nào về bà, mà Hoàng hậu đã chung thủy và bao bọc Pharaon Ekhnaton bằng tất cả sự dịu dàng âu yếm của một người phụ nữ đang yêu, bảo vệ sự điên rồ của ngài và tin vào những ảo ảnh ngài thấy. Chính vì vậy, nhiều người đã vô cùng kinh ngạc trước sự thay đổi đột ngột và sự độc ác của bà và coi đó là dấu hiệu của lời nguyền rửa đang ngự trên Akhetaton như bóng ma chết chóc. Vì bà sa đoạ quá đồi nên người ta đồn rằng bà ăn nằm cả với những người hầu, lính Shardana và phu đào mộ, mặc dù tôi không muốn tin điều này. Khi muốn có điều gì để gièm pha, người ta thích thổi phồng và phóng đại tất cả những gì đã xảy ra, mặc dù trong sự xấu xa tội lỗi của bà ta đâu còn gì để thổi phồng, mà bản thân Hoàng hậu đã là hiện thân của tai ương.

Tuy nhiên, tôi không muốn lên án bà quá gay gắt, vì bất kỳ người đàn bà nào cũng có thể điên lên nếu đã từng là người đẹp nhất và là một hoàng hậu, thông minh, tinh tế, được muôn dân ngưỡng mộ nhưng lại bị trói buộc với một người chồng luôn bị kích động vì những ảo ảnh, buộc bà nằm lại nằm như bò cái chữa đẻ mà chỉ được cho sinh con gái và chỉ nói về Aton ngay cả trên giường. Hơn nữa, vốn thông minh nên khi đã sáng mắt ra và tình thương biến thành thù hận, Nefertiti nhận thấy Pharaon Ekhnaton chỉ gieo rắc tai ương xung quanh mình và làm lung lay cả vương triều của chính mình nên thảm họa là không tránh khỏi. Vì vậy, ham mê đồi bại của Hoàng hậu đối với đàn ông có thể không phải là sự cuồng nhiệt muộn màng, mà là sự tính toán lạnh lùng khi bà muốn giành sự ủng hộ của những người vốn trung thành với Pharaon và của tầng lớp quyền quý trong vương quốc về cho mình và để đạt được mục đích này, bà dùng phương thức an toàn nhất mà một người đàn bà xinh đẹp được ban cho. Nhưng tất cả những điều này chỉ là suy nghĩ của

riêng tôi về bà ấy và cũng hoàn toàn có thể khác với suy nghĩ của người khác.

Pharaon Ekhnaton thu mình trong cô đơn và thức ăn của ngài là bánh của người nghèo, đồ uống của ngài là nước sông Nile, vì ngài muốn thanh lọc cơ thể để lấy lại vầng hào quang của mình và ngài tin rằng rượu và thịt đã làm giảm khả năng của mình.

Trong khi không có tin tức tốt đẹp nào truyền đến Akhetaton từ thế giới bên ngoài thì từ Syria, Aziru đã gửi cho Pharaon rất nhiều bằng đất sét với đủ điều phàn nàn, ca thán. Ông ta viết rằng lính của ông ta muốn trở về nhà để chăn gia súc, làm ruộng và vui vẻ với vợ con vì họ là những người hiền lành, chỉ muốn bình yên, nhưng từ hoang mạc Sinai, những toán cướp liên tục vượt qua các cột mốc biên giới tàn phá Syria và chúng được trang bị vũ khí Ai Cập, do quân đội Ai Cập chỉ huy và sử dụng cả chiến xa Ai Cập, vì vậy chúng là hiểm họa thường trực cho Syria và Aziru không thể cho lính của mình trở về nhà; cả viên trấn thủ ở Gaza cũng hành xử rất thất lễ, trái với nội dung và tinh thần của hiệp ước hòa bình, khi ông ta đóng cổng Gaza không cho các thương nhân và đoàn lữ hành ôn hòa vào thành mà dựa trên sự cân nhắc tình quái của mình để chọn thương gia nào được phép buôn bán ở Gaza. Aziru còn ghi ra bao lời than vãn khác và muốn tình hình này phải chấm dứt, bởi vì nếu không ông ta không thể đảm bảo được điều gì sẽ xảy ra.

Cả Babylon cũng rất tức giận vì Ai Cập cạnh tranh với Babylon về lương thực ở Syria, và vua Burraburiash không hài lòng chút nào với những món quà làm của hồi môn mà ông ta nhận được từ Pharaon, cho là không đủ và đưa ra tất cả những yêu cầu tối thiểu mà Pharaon phải đáp ứng nếu muốn giữ trọn tình hữu hảo với Burraburiash.

Sứ giả thường trực của Babylon tại Akhetaton nhún vai, dang tay và dứt râu, nói:

- Quốc vương tôi giống như một con sư tử, bốn chân gồng người lên trong ổ của mình và căng mũi ra đón gió để ngửi những gì gió mang theo. Ngài đặt niềm tin vào Ai Cập, nhưng nếu Ai Cập thực sự nghèo đến mức không thể gửi cho ngài đủ vàng để tuyển mộ những người đàn ông khỏe mạnh cho đội quân hung bạo của mình và để chế tạo chiến xa, thì tôi không biết điều gì sẽ xảy ra. Quốc vương tôi luôn muốn kết bạn với một Ai Cập hùng mạnh và giàu có, và liên minh này bảo đảm hòa bình thế giới, vì cả Ai Cập và Babylon đều đủ giàu, không cần gây chiến tranh mà muốn giữ tất cả nguyên trạng vì sự giàu có của mình. Nhưng tình bạn với một Ai Cập yếu ớt và nghèo nàn chẳng có nghĩa lý gì đối với quốc vương tôi, mà chỉ là gánh nặng đối với ngài và tôi có thể kể là ngài đã rất sửng sốt và kinh hoàng khi Ai Cập từ bỏ Syria vì sự nhu nhược của mình. Nhưng việc nhà mình cấp thiết hơn việc nhà người và Babylon phải nghĩ về lợi ích Babylon. Mặc dù tôi rất yêu quý Ai Cập và mong muốn mọi điều tốt đẹp nhất cho Ai Cập, nhưng lợi ích của đất nước tôi quan trọng hơn lợi ích của Ai Cập và tôi không lấy làm ngạc nhiên nếu mình phải sớm rời khỏi đây để trở về Babylon, mặc dù điều đó sẽ khiến tôi rất buồn phiền.

Ông ta nói như thế và không người sáng suốt nào có thể phủ nhận sự khôn ngoan trong lời nói đó. Thế là vua Burraburiash không còn gửi đồ chơi và trứng nhuộm phẩm màu đến Akhetaton cho người vợ ba tuổi của mình, mặc dù nàng là con gái của Pharaon và dòng máu thiêng chảy trong huyết quản của Công chúa.

Thay vào đó, một phái đoàn của người Hittite đến Akhetaton, trong đó có nhiều quan lại chủ chốt. Họ nói họ đến để củng cố tình bạn truyền thống giữa Ai Cập và xứ Hatti, đồng thời tìm hiểu về phong tục tập quán của người Ai Cập mà họ đã được nghe kể và làm quen với quân đội Ai Cập để học hỏi những điều bổ ích về kỹ thuật và trang bị vũ khí của quân đội. Họ cư xử dễ mến, chân thật và đem tới những món quà lớn cho các quan quyền trong triều. Trong số quà tặng cho Tut trẻ tuổi, chồng của

Ankhsenaton và là phò mã của Pharaon Ekhnaton, có một con dao bằng kim loại màu xanh lam, sắc và bền hơn tất cả những con dao khác, khiến cậu trai trẻ rất hài lòng và không biết làm thế nào để đổi đãi họ một cách tốt nhất. Ở Akhetaton chỉ có tôi mới có con dao tương tự, con dao mà viên cai đội bến cảng người Hittite được tôi chữa lành bệnh tặng cho, như tôi đã kể, và tôi khuyên Tut mạ vàng và bạc con dao theo kiểu của người Syria, như tôi đã đặt làm ở Simyra. Thế là con dao trở thành một vũ khí được trang trí tuyệt đẹp và Tut thích nó đến mức cậu ta nói rằng cậu muốn mang nó theo cùng khi xuống mồ. Hóa ra cậu ta chỉ là một cậu bé ốm yếu và nghĩ đến cái chết nhiều hơn bạn bè cùng trang lứa.

Các viên quan Hittite này thật sự là những người dễ mến và có học thức, trên khăn và áo choàng của họ có hình mặt trời có cánh và cặp rìu sáng lấp lánh. Cánh mũi to dững mẫn và khuôn cằm kiên nghị cùng đôi mắt đầy vẻ hoang dã của họ vô cùng quyến rũ với các phụ nữ quyền quý trong hoàng cung, những người yêu thích mọi thứ mới mẻ theo bản tính đàn bà. Vậy nên những viên quan này có rất nhiều bạn ở Akhetaton và từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, họ được chào đón, được mời dự tiệc tùng trong cung điện của các quý tộc cho đến khi mệt nhoài và vừa cười vừa kêu nhức đầu. Họ nói:

- Chúng tôi biết những tộc người hay ganh ghét đã bịa đặt nhiều câu chuyện khủng khiếp về vương quốc chúng tôi. Vì thế chúng tôi rất vui khi chính mình đến chào các quý ngài để quý ngài có thể tận mắt thấy chúng tôi là những người văn minh và nhiều người trong chúng tôi có thể đọc và viết. Chúng tôi hoàn toàn không ăn thịt sống và uống máu trẻ em như người ta bịa đặt, mà chúng tôi biết ăn uống theo cách Syria lẫn Ai Cập. Chúng tôi cũng là những người chuộng hòa bình, không hiếu chiến, sẽ tặng cho quý ngài đủ loại quà cáp và không đòi hỏi lại điều gì ngoài những kiến thức mà chúng tôi thấy có thể có ích nhằm xây dựng đất nước mình đến tầm cao tri thức và văn minh như đất nước các ngài. Chúng tôi đặc biệt quan tâm cách bộ tộc

Shardana của các ngài sử dụng vũ khí và cũng rất mê các cỗ chiến xa nhỏ gọn, mạ vàng của các ngài mà những cỗ xe thô thiển, mộc mạc và nặng nề của chúng tôi không thể nào sánh được. Các ngài cũng không nên tin những lời nhảm nhí mà dân tị nạn Mitanni đã bịa đặt về chúng tôi, những lời thốt ra từ miệng họ vì sự uất hận cay đắng khi họ hèn nhát bỏ chạy khỏi đất nước của mình. Chúng tôi thề rằng đã không có gì tồi tệ xảy ra với họ nếu họ ở lại và tiếp tục khuyên họ quay về đất nước của mình, sống hòa thuận với chúng tôi và chúng tôi sẽ không oán giận gì về những chuyện nhảm nhí họ bịa đặt, vì chúng tôi hiểu rõ nỗi khổ đau của họ. Nhưng cả các ngài cũng phải hiểu rằng xứ Hatti là một vùng đất nhỏ bé và chúng tôi có đông trẻ em bởi vì vua Shubbiluliuma vĩ đại của chúng tôi rất yêu con trẻ. Vậy nên chúng tôi cần thêm đất cho trẻ em và đồng cỏ mới cho gia súc, mà ở Mitanni chúng tôi có những thứ ấy vì đàn bà Mitanni chỉ sinh một hoặc nhiều nhất là hai con. Hơn nữa, chúng tôi không thể chịu được khi thấy áp bức và bất công diễn ra ở Mitanni và thành thật mà nói, người dân Mitanni đã cầu cứu chúng tôi, nên chúng tôi tiến vào địa phận của họ để giải phóng chứ không phải xâm lược đất nước họ. Giờ đây, chúng tôi có đủ đất ở Mitanni cho mình, cho con cái và đàn gia súc, chúng tôi không còn nghĩ về cuộc chinh phục mới nào nữa vì chúng tôi là một dân tộc yêu chuộng hòa bình, chúng tôi chỉ muốn có đủ đất cho người dân của mình và khi có được điều đó, chúng tôi hoàn toàn thỏa mãn.

Họ giờ thẳng cốc rượu lên và hết lời ngợi ca Ai Cập và những người đàn bà thêm thuồng nhìn bờ gáy, cơ bắp và đôi mắt man dại của họ. Họ còn nói:

- Ai Cập là một vương quốc tuyệt vời và chúng tôi yêu đất nước này. Nhưng có lẽ đất nước chúng tôi cũng sẽ có điều gì đó để học hỏi và chúng tôi tin rằng quốc vương chúng tôi sẽ rất vui lòng chu cấp một chuyến đi và ăn ở tại đất nước chúng tôi cho các quý tộc Ai Cập yêu mến và muốn học hỏi phong tục của chúng tôi. Có khi quốc vương chúng tôi sẽ tặng quà cho họ nữa, vì ngài

rất thích người Ai Cập và yêu trẻ em. Về chuyện trẻ em, đức vua chúng tôi muốn vợ chúng tôi sinh nhiều con, nhưng những phụ nữ xinh đẹp Ai Cập không cần phải sợ chúng tôi, vì chúng tôi biết ân ái với họ như những người văn minh, không làm cho họ mang thai, và chúng tôi ân ái theo cách của người Ai Cập, giống như ở đây chúng tôi ăn uống theo tập quán Ai Cập đấy.

Cứ thế họ nói rất nhiều điều tốt đẹp với các quý tộc Akhetaton và không ai giấu giếm họ điều gì, nhưng tôi nghĩ họ mang mùi chết chóc đến Akhetaton và tôi nhớ về xứ sở buồn tẻ của họ và những phù thủy bị đóng cọc hai bên đường ở đó. Vì vậy, tôi không buồn khi họ rời Akhetaton.

Thành phố Thiên Đường không còn như xưa mà sự náo nhiệt đã chế ngự người dân nơi đây và chưa bao giờ ở Akhetaton người ta ăn uống, chơi bời và đùa giỡn vô độ như trong thời gian này. Những ngọn đuốc rừng rực từ tối đến sáng trước nhà của giới quyền quý và tiếng nhạc, tiếng nói cười từ trong nhà họ vọng ra không dứt từ sáng đến khuya. Sự cuồng nhiệt cũng lây lan sang đám gia nhân và nô lệ, khiến những người này cũng đắm say xỉn, lao đảo trên đường phố giữa ban ngày chẳng nề nang ai, mà những trận đòn roi cũng không làm họ sợ. Nhưng tất cả những niềm vui này là niềm vui bệnh hoạn, không làm con người ta thỏa mãn, mà như cơn sốt bào mòn, thiêu cháy họ, vì họ muốn vui để có thể quên được tương lai. Một sự im ắng đầy chết chóc đột nhiên bao phủ khắp Akhetaton giữa cơn náo nhiệt, mọi người vui vẻ hát hò và nhậu nhẹt say sưa, đến mức tiếng cười đông cứng lại trong cổ họng và họ sợ hãi nhìn nhau, quên mất những lời định nói. Một mùi thơm nồng, lạ lùng, ngọt lợm không ai biết từ đâu cũng lan đến Akhetaton, và những mùi thơm ngào ngạt đến mức, hương nhang tốt đến mức cũng không xua được mùi đó khỏi mũi mọi người. Mùi này ngửi thấy rõ nhất vào sáng sớm và chiều tối khi mặt trời lặn, không bốc lên từ sông hay các ao cá, cũng không phải từ hồ thánh Aton, và mặc dù những cống rãnh đã được khai thông, dọn dẹp nhưng mùi vẫn không bớt đi, nhiều người bảo đó là mùi của tai ương, mùi của Amon.

Một niềm đam mê kỳ lạ cũng cuốn hút các nghệ sĩ, họ vẽ, chạm khắc hăng say hơn bao giờ hết, như thể họ thấy thời gian trôi đi rất nhanh không thể nắm bắt được và họ muốn thể hiện hết tài năng của mình trước khi thời gian ngừng lại. Họ nhiệt thành cường điệu sự thật; các nét đục và nét cọ của họ bóp méo sự thật thành tranh, tượng biếm họa; họ ganh đua xem ai tạo ra được các hình mẫu ngày càng kỳ quái và phóng đại sự thật hơn, cho đến khi khẳng định mình đã thể hiện được đường nét và chuyển động chỉ bằng một vài nét vẽ. Họ bằng lòng thể hiện giấc mơ và ánh mắt con người bằng một đường cong duy nhất; họ vẽ những bức tranh về Pharaon Ekhnaton khiến người già kinh hãi, cường điệu cái cổ gầy và cặp đùi phù thũng của ngài mặc dù thật ra ở những chỗ ấy không còn gì để thổi phồng. Họ đã vẽ những bức tranh về Pharaon Ekhnaton khiến tôi nghĩ chỉ những người hết sức thù hận ngài mới có thể vẽ như thế. Nhưng họ rất hãnh diện về các bức tranh cũng như các bức tượng của mình, và nói: “Quả thật, tranh và tượng trước đây chưa bao giờ được vẽ và tạc như thế này”.

Nhưng tôi nói với Thotmes bạn tôi:

- Pharaon Ekhnaton đã nhắc anh lên từ cát bụi và cho anh thành bạn của ngài, sao anh lại tạc ngài như thể đang thù hận ngài, và sao anh lại nhổ nước bọt lên giường ngài và làm hoen ố tình bạn của ngài?

- Đừng dí mũi vào những điều anh không hiểu, Sinuhe ạ, - Thotmes vặc lại tôi. - Có thể tôi ghét ông ta, nhưng tôi còn ghét bản thân mình hơn. Cơ sốt sáng tạo đang hùng hực trong tôi và chưa bao giờ đôi tay tôi khéo léo hơn lúc này; có lẽ khi không hài lòng với chính mình và thù hận mình thậm tệ, người nghệ sĩ sáng tạo được những điều lớn lao hơn là khi tự mãn và yêu quý bản thân. Tất cả màu sắc và hình khối tôi tạo ra đều từ chính mình, sự đa dạng tôi tạo ra cũng từ chính mình và tôi khắc mình vào trong mỗi bức tượng đá để sống mãi muôn đời. Vì vậy, không ai có thể bằng tôi, tôi hơn tất cả những người khác,

không có quy tắc nào mà tôi không thể phá bỏ, tôi vượt lên mọi chuẩn mực trong nghệ thuật của mình và tôi là thần linh hơn là một con người. Khi tạo ra màu sắc và hình thể, tôi ganh đua với Aton của ông ta và tôi sẽ thắng, bởi vì tất cả những gì Aton tạo ra đều sẽ mất đi, còn những gì tôi sáng tạo ra sẽ còn mãi mãi.

Nhưng bạn tôi nói như thế khi đã uống rượu cả buổi sáng trước đó và tôi đã tha thứ cho anh ấy, vì sự đau khổ hiện rõ trên khuôn mặt anh và từ trong sâu thẳm ánh mắt anh, tôi thấy anh thật bất hạnh.

Tất cả những điều này xảy ra khi mùa màng đã được thu hoạch trên các cánh đồng và nước dâng lên rồi nước lại rút đi. Mùa đông đến kéo theo nạn đói vào đất Ai Cập, khiến không ai còn biết những ngày tới điều bất hạnh gì sẽ xảy ra. Vừa lúc đó, tin đồn lan khắp nơi là Aziru đã mở hầu hết các thành phố Syria cho người Hittite, các chiến xa tấn công của Hittite đã tràn qua sa mạc Sinai và tấn công Tanis, tàn phá các vùng hạ lưu xung quanh Tanis.

2

Trong khi những tin này lan rộng, Eje từ Thebes và Horemheb từ Memphis đến Akhetaton để triều kiến Pharaon Ekhnaton xem còn cứu được gì. Là ngự y riêng của ngài, tôi có mặt tại cuộc triều kiến này vì tôi sợ Pharaon sẽ bị kích động và cơn đau của ngài lại tái phát khi phải nghe và chịu đựng những điều tồi tệ. Nhưng Pharaon dè dặt, lãnh đạm đến lạ lùng và hoàn toàn không mất bình tĩnh mà lắng nghe những gì Eje và Horemheb muốn nói.

Giáo sĩ Eje nói với ngài:

- Các kho lương của Pharaon trống rỗng và năm nay xứ Kush đã không đóng thuế như các năm trước, mặc dù thần đã đặt tất cả hy vọng của mình vào đấy. Nạn đói đang hoành hành khắp

vương quốc và dân chúng đào rễ các loài cây sống trong bùn để ăn, họ xé vỏ cây ăn quả để ăn, bắt cào cào, bọ cánh cứng và cả ếch để ăn. Đã có nhiều người đã chết và sẽ còn nhiều người hơn nữa, vì ngay cả khi được coi sóc chặt chẽ, kho lương của Pharaon vẫn không đủ cho tất cả mọi người, còn các thương nhân lại bán ngũ cốc với giá quá đắt khiến người nghèo không thể mua được. Dân chúng đang rất lo lắng, sợ hãi và rời bỏ các vùng quê chạy vào thành phố, còn dân các thành phố chạy về các làng quê và ai cũng nói:

“Đây là sự trả thù của Amon và chúng ta phải chịu đựng vì thần mới của Pharaon”. Vì vậy, tân quốc vương, xin ngài hãy thỏa hiệp với các giáo sĩ và trả lại quyền lực cho Amon để muôn dân có thể cầu nguyện và dâng cúng cho thần này và bình tâm trở lại. Hãy trả lại đất của Amon cho Amon để Amon canh tác, vì người dân không dám gieo trồng trên đất của Amon, còn đất của ngài bị bỏ hoang, bởi người ta nói đó là đất bị nguyên rủa. Xin quốc vương hãy thỏa hiệp ngay với Amon, nếu không thần sẽ rũ bỏ mọi trọng trách và sẽ không gánh chịu các hậu quả.

Còn Horemheb nói:

- Tân quốc vương, Burraburiash đã mua hòa bình từ người Hittite, Aziru đã quy phục trước áp lực của họ, mở cửa thành phố cho họ vào và liên minh với họ. Binh lính của họ ở Syria nhiều như cát biển, chiến xa của họ nhiều như sao trời và đây là ngày tận thế của Ai Cập, vì họ rất mưu mẹo, chở nước trong các chum và vò vào sa mạc, vì họ không có hải đội. Họ đã chuyển đến sa mạc một lượng nước khổng lồ đựng trong chum, để khi mùa xuân đến, một đội quân lớn nhất cũng có thể hành quân qua hoang mạc mà không sợ chết khát. Phần lớn chum sành này, họ đã mua từ Ai Cập và các thương lái đã bán chum vò rỗng cho họ vì lòng tham. Các chiến xa của Aziru và quân Hittite, vì quá nóng nên đã tiến vào đánh thăm dò tại Tanis và phần đất thuộc Ai Cập, như vậy là phá vỡ hiệp ước hòa bình. Mặc dù những xâm phạm này nhỏ và không gây ra những thiệt hại lớn,

nhưng thần đã cho lan truyền trong dân chúng những thông tin về sự xúc phạm ghê gớm này cùng với sự tàn ác vô độ của quân Hittite để dân chúng sẵn sàng cho chiến tranh. Thời gian vẫn còn, Pharaon Ekhnaton. Xin ngài hãy truyền lệnh thối tù và, giương cao cờ hiệu và tuyên bố chinh phạt. Xin hãy chiêu tập tất cả những ai còn sức cầm vũ khí đến nơi luyện tập; hãy ra lệnh thu gom tất cả đồng trên khắp cả nước để rèn giáo và mũi tên, để quyền lực của ngài sẽ được bảo vệ. Thần sẽ bảo vệ và đem lại cho Ai Cập một cuộc chiến chưa từng có, đánh bại lũ Hittite và lấy lại Syria cho ngài. Thần sẽ làm được tất cả những việc này nếu tất cả quốc khố và lương thảo của Ai Cập được chu cấp cho quân đội của thần. Khi đó cái đói sẽ biến cả một kẻ hèn nhát thành người lính. Amon hay Aton đều như nhau, vì dân chúng sẽ phải quên Amon khi có chiến tranh và trong chiến trận, nỗi lo của họ sẽ bùng phát ra ngoài và chiến thắng vẻ vang sẽ củng cố quyền lực của ngài mạnh hơn trước. Thần hứa với bệ hạ một cuộc chiến thắng lợi, Ekhnaton, bởi vì thần là Horemheb, con trai của chim ưng, được sinh ra để lập những chiến công hiển hách và đây là thời khắc mà thần mong đợi suốt cả đời mình.

Nghe thế, Eje vội vàng nói:

- Đừng tin Horemheb, Pharaon Ekhnaton, con trai yêu quý của ta, vì miệng lưỡi anh ta nói lời dối trá và anh ta thèm khát quyền lực của con. Hãy thỏa hiệp với các giáo sĩ của Amon và tuyên chiến, nhưng đừng bao giờ trao quyền thống lĩnh cho Horemheb mà giao cho một chiến binh già dặn, giàu kinh nghiệm, người đã đọc kỹ binh thư từ trong các bảng viết thời các pharaon vĩ đại và người mà Pharaon có thể hoàn toàn tin tưởng.

Horemheb nói:

- Giáo sĩ Eje, nếu chúng ta không đứng trước Pharaon, tôi sẽ không ngần ngại vả vào cái mồm thối của ông. Ông suy bụng mình ra bụng người và miệng lưỡi ông nói lời dối trá, vì ông đã

bí mật thương lượng với các giáo sĩ Amon và thỏa hiệp với họ sau lưng Pharaon. Nhưng thừa quốc vương, thần sẽ không phản lại chàng trai trẻ mà thần đã lấy tám vải choàng vai của mình đắp cho nơi sa mạc gần Thebes, mà mục đích của thần là sự vĩ đại của Ai Cập và chỉ thần mới có thể bảo vệ được Ai Cập.

Pharaon Ekhnaton hỏi họ:

- Các khanh đã nói hết chưa?

Cả hai cùng đáp:

- Chúng thần đã nói hết.

Lúc đó Pharaon nói:

- Ta phải thức và cầu nguyện trước khi đưa ra quyết định của mình. Nhưng ngày mai, hãy triệu tập muôn dân, tất cả mọi người, những ai yêu mến ta, quan quyền cũng như hạ dân, ông chủ cũng như tôi tớ; hãy triệu cả những phu mỗ trên núi rời nơi ở của họ, vì qua họ ta muốn nói với tất cả thần dân của mình và cho họ biết quyết định của ta.

Họ tuân lệnh ngài và truyền gọi dân chúng tập trung lại vào ngày hôm sau. Eje nghĩ rằng Pharaon sẽ hòa giải với Amon, còn Horemheb tin rằng ngài sẽ tuyên chiến với Aziru và quân Hittite. Nhưng suốt đêm hôm đó, Pharaon đã thức, cầu nguyện và bồn chồn đi đi lại lại trong các sảnh, không ăn uống gì và không nói chuyện với bất kỳ ai, khiến tôi là ngự y rất lo lắng cho ngài. Ngày hôm sau, người ta kiệu ngài ra ngự trước dân chúng và với nét mặt sáng láng và rạng rỡ như mặt trời, ngài giơ tay lên cao và từ trên ngai nói với dân chúng:

- Vì sự yếu đuối của ta mà hiện giờ nạn đói hoành hành tại Ai Cập, vì sự yếu đuối của ta nên kẻ thù đe dọa biên giới vương quốc, và các ngươi phải biết người Hittite đang chuẩn bị tấn công Ai Cập từ Syria và gót chân kẻ thù sẽ sớm giày xéo lên xứ

đất đen. Tất cả những điều này đang xảy ra vì sự yếu đuối của ta, vì ta không thật sự hiểu hết ý định của thần mình và không thực hiện ý muốn của ngài. Nhưng bây giờ thần của ta đã hiển linh với ta. Aton đã hiện lên với ta và lẽ phải của ngài đang bùng cháy trong trái tim ta, nên ta không còn yếu đuối và ta không do dự nữa. Ta đã lật đổ thần giả, nhưng vì sự yếu đuối của mình, ta đã để tất cả các thần khác của Ai Cập cai trị cùng với vị thần duy nhất Aton và bóng của những thần ấy đã phủ kín Ai Cập. Vì vậy ngày hôm nay, hãy hạ bệ tất cả những thần cổ xưa của xứ Kemet và hãy để hào quang của Aton là ánh sáng duy nhất cai trị Kemet. Ngày hôm nay, hãy hạ bệ tất cả các thần cũ để vương quốc Aton được khai sinh trên mặt đất.

Dân chúng bắt đầu âm ào rộ lên kinh hoàng khi nghe những lời này của Pharaon, nhiều người giơ tay cao, nhiều người quỳ mọp xuống đất trước mặt ngài. Nhưng Pharaon Ekhnaton đã cao giọng và tiếp tục nói to hơn:

- Nay các người, những kẻ yêu quý ta, hãy đi đi và hạ bệ tất cả các vị thần cũ của xứ Kemet, hãy dỡ bỏ bàn thờ, đập vỡ tượng thần, đổ nước thánh của họ xuống đất, dỡ bỏ đền thờ họ, tẩy xóa tên họ khỏi tất cả bia ký; hãy vào tất cả hầm mộ đục xóa hết tên họ để bảo vệ Ai Cập. Hỡi các triều thần, hãy cầm chùy trong tay; hỡi các nghệ sĩ, hãy đổi đục lấy rìu; hỡi những người thợ xây, hãy cầm lấy búa của mình và đi đến tất cả các vùng đất, tất cả các thành phố và làng mạc lật đổ các vị thần cũ và xóa tên của họ. Như thế, ta sẽ xóa bỏ quyền lực của quỷ dữ khỏi Ai Cập.

Lúc đó, rất nhiều người quá hoảng sợ đã bỏ chạy khỏi quảng trường trước Pharaon, nhưng ngài đã hít một hơi thật sâu, mặt đỏ bừng cuồn cuộn nhiệt, và tiếp tục gào lên:

- Từ hôm nay, vương quốc Aton ngự trị trên mặt đất, vậy nên sẽ không còn nô lệ và quý tộc, ông chủ và người hầu, mà tất cả sẽ bình đẳng và tự do trước Aton, không ai bị bắt phải gieo trồng trên đất của người khác và không ai bị buộc phải quay cối đá của

người khác, mà ai cũng được tự do đi và đến theo ý muốn của mình. Pharaon đã ban truyền!

Dân chúng không còn âm ào nữa mà đứng câm lặng và nhìn ngài chăm chăm. Một sự câm lặng chết chóc bao trùm Akhetaton và tôi ngửi thấy mùi tử thần trong mũi mình. Nhưng khi họ chăm chăm nhìn Pharaon Ekhnaton, hình ảnh ngài lớn dần trong mắt họ và sự phấn khích, rạng rỡ trên mặt ngài làm họ lóa mắt; sức mạnh của ngài truyền sang mọi người, khiến họ bắt đầu gào hét đầy hứng khởi và nói với nhau: “Điều này trước đây chưa bao giờ xảy ra, nhưng chắc chắn thần của ngài đã nói qua ngài và chúng ta phải vâng lời ngài”.

Thế là dân chúng tản đi trong kích động và tranh cãi với nhau, bắt đầu đánh đập nhau và những người trung thành với Pharaon đã đánh chết những người già cả dám chống lại ngài ở các góc phố của Akhetaton.

Khi dân chúng tản đi hết, giáo sĩ Eje mới nói với Pharaon:

- Ekhnaton, hãy vứt ngay vương miện và bẻ gãy trượng trong tay đi, vì những lời người nói đã lật đổ ngai vàng.

Pharaon Ekhnaton nói với ông ta:

- Những lời ta nói đã làm tên ta trở thành bất tử và quyền lực của ta trường tồn trong trái tim mọi người.

Eje xoa tay và nhổ nước bọt xuống đất trước mặt Pharaon, rồi lấy chân đi đám nước bọt xuống cát và nói:

- Nếu vậy, ta sẽ rũ bỏ mọi trách nhiệm và làm theo cách ta nghĩ là tốt nhất vì trước kẻ điên, ta không có nghĩa vụ phải biện bác cho những việc làm của mình.

Ông ta định đi, nhưng Horemheb đã tóm lấy cánh tay và gáy ông ta, dễ dàng giữ ông ta lại, mặc dù ông ta là một người đàn

ông to khỏe. Horemheb nói:

- Eje, ngài là quốc vương của ông, ông phải tuân lệnh, Eje ạ! Chớ có phản lại ngài, vì nếu ông làm vậy chắc chắn tôi sẽ đến và đâm dao lút bụng ông, dù tôi phải dùng tiền của mình chiêu mộ quân lính cho mình để làm điều đó. Điều này tôi đã từng nói và tôi thường không nói dối. Đúng là ngài ấy quá điên và tôi không tin sự điên rồ này sẽ đem đến điều gì tốt đẹp, nhưng tôi vẫn yêu quý quốc vương cả trong sự điên rồ của ngài; tôi sẽ trung thành đứng bên ngài, bởi vì tôi đã tuyên thệ trước ngài và đã một lần lấy tấm choàng vai đắp cho ngài khi ngài ốm yếu. Cũng có chút khôn ngoan trong sự điên rồ ấy của ngài, vì nếu ngài chỉ lật đổ tất cả thần linh cũ, nội chiến sẽ xảy ra, nhưng bằng cách giải phóng nô lệ ở các cối xay và trên các cánh đồng, ngài sẽ xáo trộn những hỗn loạn do giáo sĩ gây ra và kéo dân chúng về phía mình, mặc dù hậu quả của những việc này là hỗn loạn hơn trước. Với tôi, dĩ nhiên, mọi việc đều như nhau, nhưng chúng ta phải làm gì với quân Hittite, Pharaon Ekhnaton?

Pharaon Ekhnaton ngồi buông thõng tay trên đầu gối, không trả lời. Horemheb nói tiếp:

- Xin quốc vương hãy cấp cho hạ thần vàng và lương thảo, vũ khí, chiến xa và ngựa, quyền chiêu mộ binh lính và quyền chiêu tập lính canh từ tất cả các thành phố ở miền Hạ, thần tin rằng thần sẽ đẩy lùi cuộc tấn công của quân Hittite.

Lúc đó, Pharaon ngược đôi mắt đỏ hoe trên khuôn mặt đã tắt ngấm mọi cuồng tín mê say và nói nhỏ:

- Horemheb, ta cấm người tuyên chiến. Nhưng nếu dân chúng muốn bảo vệ xứ đất đen, ta không thể ngăn cản. Ta không có lương ăn và vàng, nói chi đến vũ khí để cấp cho người; mà nếu có, ta cũng không cấp, vì ta không muốn lấy cái ác chống lại cái ác. Người có thể cho quân phòng thủ ở Tanis theo cách người

muốn, nhưng đừng để máu chảy, đầu rơi và chỉ tự vệ nếu người bị tấn công.

- Được, sẽ như ý ngài. - Horemheb nói. - Đây là rác rưởi cả. Tôi sẽ chết ở Tanis theo lệnh ngài, vì ngay cả đội quân dũng cảm nhất và thiện chiến nhất cũng không thể phòng thủ được lâu nếu không có lương thảo và vàng. Nhưng tôi bỏ qua mọi do dự, thừa Pharaon Ekhnaton, và tôi sẽ phòng thủ theo cách của mình. Xin ngài bảo trọng!

Anh ta bỏ đi và Eje cũng rời đi, chỉ còn tôi ở lại với Pharaon Ekhnaton. Ngài nhìn tôi với đôi mắt mệt mỏi khôn tả và nói:

- Nói xong ta kiệt sức, Sinuhe ạ, nhưng ta vẫn thấy hạnh phúc dù mệt mỏi. Người định làm gì, Sinuhe?

Những lời Pharaon nói khiến tôi hoảng sợ, nên tôi kinh ngạc nhìn ngài. Ngài mệt mỏi cười và hỏi:

- Người có yêu quý ta không, Sinuhe?

Khi tôi thừa nhận rằng tôi yêu quý ngài, bất kể ngài điên khùng đến độ nào, Pharaon nói:

- Sinuhe, nếu yêu quý ta, người biết rất rõ người phải làm gì. Lý trí tôi phản đối ý định của ngài, dù trong thâm tâm tôi biết rõ ngài muốn tôi làm gì. Cuối cùng, tôi cúi kính nói:

- Thần nghĩ ngài cần thần như cần một ngựa y, còn nếu không, thần sẽ ra đi. Nhưng thần là một kẻ đập phá tượng tồi, cánh tay thần quá yếu để cầm búa, song hãy để ý muốn của ngài thành hiện thực. Dân chúng chắc chắn sẽ xé toạc da thần, lấy đá đập nát óc thần và treo ngược xác thần lên tường, nhưng điều đó sẽ khó làm ngài cảm động. Vì vậy, thần sẽ đi Thebes vì ở đó có rất nhiều đền và mọi người biết thần.

Pharaon không trả lời tôi thêm bất cứ điều gì và tôi tức giận bỏ đi, vì theo tôi những điều này quả là điên rồ nhất. Ngài ngồi lại một mình trên ngai vàng, còn tôi đến gặp Thotmes vì tôi cần trút bỏ nỗi lòng với một người bạn. Horemheb ngồi trong xưởng của Thotmes và một họa sĩ già nát rượu tên là Bek đang uống rượu cùng với họ, còn những người hầu của Thotmes đang gói buộc đồ đạc để chuẩn bị cho chuyến đi của anh ấy.

- Nhân danh Aton, - Thotmes nói, nâng cốc vàng của mình. - Không còn người giàu sang hay kẻ thấp hèn, nô lệ hay ông chủ, và tôi, người có đôi bàn tay thối hồn cho đá, sẽ đi phá bỏ những bức tượng thần xấu xí. Vì vậy, chúng ta hãy uống cùng nhau, hồi các bạn thân mến, vì tôi nghĩ rằng cuộc sống của chúng ta chỉ còn dăm ba ngày nữa thôi.

Chúng tôi cùng uống và Bek bảo:

- Ngài đã nâng tôi từ bùn đen lên ngang hàng mình và nói tôi là bạn ngài, mỗi khi tôi bán hết cả áo quần để có tiền uống, ngài lại cho tôi quần áo mới, lẽ nào tôi không làm việc này để ngài vui lòng. Tôi chỉ mong cái chết không đau đớn lắm, vì ở làng tôi, những người nông dân đều ác độc và có thói quen đáng buồn là khi tức giận vung liềm lên, dùng nó rạch bụng những kẻ không ưa họ.

Horemheb nói:

- Tôi thật tình không ghen tị với các ông, dù tôi có thể cam đoan rằng quân Hittite có nhiều cách giết người ghê tởm hơn nhiều. Dù sao tôi cũng sẽ tuyên chiến với quân Hittite và đẩy lùi chúng, vì tôi rất tin vào vận may của mình. Một lần trong hoang mạc ở Sinai, tôi đã thấy một bụi cây cháy mà không tàn đi và từ đó tôi biết mình sinh ra để làm những việc lớn. Tuy nhiên, làm việc lớn mà tay không thì thật khó, nhưng quân lính của tôi có lẽ sẽ khiến quân Hittite kinh hồn bằng cách ném cút vào chúng.

Tôi chêm vào:

- Nhân danh Seth và tất cả ác quỷ, hãy nói cho tôi biết tại sao chúng ta yêu quý và nghe lời ngài, mặc dù chúng ta biết ngài điên và những lời ngài nói là điên rồ. Hãy giải thích điều này cho tôi, nếu các anh biết.

- Ông ấy chẳng ảnh hưởng gì đến tôi, - Bek nói. - Nhưng tôi là một gã già nát rượu và cái chết của tôi không gây hại cho bất cứ ai, vì thế tôi làm ông ấy hài lòng và trả giá bằng tất cả những năm tháng say xỉn mà tôi đã trải qua bên cạnh ông ấy.

- Tôi không hề yêu quý ông ta, mà đúng ra là ghét, - Thotmes gay gắt nói. - Chính vì thế tôi đi và làm theo các mệnh lệnh của ông ta, vì tôi căm thù ông ta và muốn ông ta biến thật nhanh. Quả thực, tôi quá ngán ngẩm với tất cả và tôi hy vọng cái chết sẽ đến thật nhanh.

Nhưng Horemheb lại nói:

- Các cậu nói dối, mấy con lợn kia. Hãy thừa nhận đi, rằng khi ngài nhìn vào mắt các cậu, cột sống bần thủ của các cậu bắt đầu run lên và các cậu muốn mình lại là trẻ thơ, chơi đùa với những chú cừu non trên cánh đồng. Tôi là người duy nhất mà ánh mắt ngài không tác động đến, nhưng số phận của tôi gắn liền với số phận ngài theo cách khác và tôi phải thừa nhận rằng tôi yêu ngài, mặc dù ngài hành xử như một mục đàn bà ảm ương và có giọng nói chói tai.

Như thế, chúng tôi vừa nói chuyện vừa cùng nhau uống rượu, ngắm nhìn những con thuyền căng buồm xuôi, ngược sông và rất nhiều người rời bỏ Akhetaton. Nhiều người quyền quý, giàu sang bỏ chạy với những đồ đạc quý nhất của họ, nhưng cũng nhiều người đi phá tượng các vị thần Ai Cập theo lệnh của Pharaon, vừa đi vừa hát thánh ca ca tụng Aton. Tôi nghĩ họ sẽ không hát được lâu nữa mà bài ca sẽ nghẹn lại trong cổ họng khi họ đối mặt với những người dân đang giận dữ trong các đền thờ. Chúng tôi uống rượu cả ngày, nhưng rượu không làm chúng tôi

vui vì tương lai như một cái hố đen ngòm trước mặt và câu chuyện của chúng tôi càng lúc càng đượm vị đắng cay.

Hôm sau, Horemheb lên thuyền trở lại Memphis và từ đó đến Tanis. Trước khi anh ấy đi, tôi hứa sẽ cho anh ấy vay thật nhiều vàng mà tôi có thể lấy được từ Thebes và sẽ gửi cho anh một nửa số lúa mạch mà tôi có, nửa còn lại tôi định để dùng cho mục đích riêng của mình. Có lẽ đây đúng là sai lầm do sự yếu đuối của tôi gây ra và nó quyết định cuộc đời tôi: Tôi đã phân ra hai nửa, một cho Ekhnaton và một cho Horemheb, mà không đưa cho riêng ai tất cả.

3

Thotmes và tôi đi Thebes. Còn cách Thebes rất xa, chúng tôi đã thấy những cái xác lập lờ trôi về phía mình. Những cái xác trương phồng, nổi lênh bênh, trôi xuôi và chúng tôi thấy trong số đó có những cái đầu cạo trọc của giới giáo sĩ, những thi thể quý tộc và bình dân, lính canh và nô lệ; từ tóc tai, quần áo và nước da, có thể phân biệt được những cái xác này đã từng là ai trong cuộc đời cho đến khi chúng đen sạm lại và phân hủy hay bị cá sấu nuốt trọn. Cá sấu không cần phải bơi ngược sông lên Thebes để ăn được thịt người, mà khắp các thị trấn và làng mạc ven sông, nhiều người chết trong những ngày này, xác bị ném xuống sông khiến bầy cá sấu trở nên kén chọn khi lựa tìm thức ăn. Cá sấu là một loài cá khôn ngoan, thích ăn thịt mềm của đàn bà, trẻ em và xác béo mẫm của những người quyền quý hơn là thịt dai nhằng của nô lệ và phu khuân vác. Nếu cá sấu có trí khôn, điều này là chắc chắn, tôi nghĩ chúng đã ca tụng Aton rất nhiều trong những ngày này.

Cả dòng sông dậy mùi chết chóc và gió thổi mùi khói khen khét từ Thebes xộc vào mũi chúng tôi trong màn đêm. Thotmes nhạo báng nói:

- Có vẻ như vương quốc Aton đã thực sự đến trên mặt đất rồi.

Nhưng trái tim yếu đuối của tôi đã trở lỳ ra và tôi nói:

- Thotmes, điều thế này trước đây chưa từng xảy ra và thế giới sẽ không bao giờ có được cơ hội như thế này nữa, nướng bánh mà không xay hạt. Hiện giờ cối xay của Aton đang nghiền ngũ cốc, chúng ta hãy lấy bột nướng bánh vì Pharaon Ekhnaton, bởi chắc chắn thế giới đang thay đổi và cuối cùng trước Aton tất cả mọi người đều là anh em.

Nhưng Thotmes uống rượu để xua mùi tử thần ra khỏi mũi và nói:

- Tha lỗi cho tôi nếu tôi lấy rượu để kìm nén sự yếu đuối của mình, vì thành thật mà nói tôi đang rất sợ và đầu gối tôi như nhũn thành nước khi nghĩ rồi đây chúng ta sẽ phải chứng kiến những gì. Vì thế trong những lúc như thế này, đơn giản nhất là uống đến say mềm, vì khi say con người ta không nghĩ quá nhiều về cả sự sống lẫn cái chết và trong mắt anh ta, con người và thần linh trở nên bình đẳng như nhau.

Khi chúng tôi đến Thebes, nhiều nơi trong thành phố đang cháy, nhiều ngọn lửa cũng bốc lên từ thành phố chết khi dân chúng đào mộ và đốt thi thể đã ướp của các giáo sĩ. Từ trên tường thành, người ta bắn tên vào thuyền chúng tôi mà không ai thèm hỏi chúng tôi đang tìm gì, và khi cập bờ, chúng tôi thấy những người cuồng tín phe thánh giá đang đẩy những người theo phe sừng xuống nước và dùng cọc đâm, chọc cho đến khi họ sặc nước chết. Vậy nên chúng tôi đoán các vị thần cũ đã bị lật đổ và Aton đã chiến thắng.

Chúng tôi đến quán Đuôi Cá Sấu và gặp Kaptah ở đó. Ông ấy đã cởi quần áo đất tiền, bôi bùn lên tóc và mặc lên người bộ đồ xám tối tàn. Ông ấy cũng đã tháo miếng vàng che con mắt mù và sốt sáng cho những kẻ nô lệ rách rưới và phu khuân vác có vũ khí nốc rượu thoải mái rồi nói với họ:

- Hỡi những người anh em, hãy vui chơi và ăn mừng, vì hôm nay là ngày hội lớn, không còn ông chủ hay nô lệ, người quyền quý hay kẻ thấp hèn, mà tất cả mọi người đều được tự do đi và đến. Do đó, hôm nay hãy uống rượu tôi khoản đãi và tôi hy vọng anh em sẽ nhớ đến quán của tôi khi vận may mỉm cười với anh em, mỗi khi vớ được bạc hoặc vàng trong các đền thờ thần giả hay từ nhà của những tên chủ độc ác. Bởi tôi cũng là nô lệ như anh em, sinh ra là kiếp nô lệ và lớn lên cũng là nô lệ; một mắt của tôi, bị lão chủ độc ác dùng bút gỗ chọc mù, là bằng chứng cho điều đó; lão ta tức giận vì tôi đã uống cạn một hũ bia của lão và đổ đầy nước vào đó. Những bất công như vậy sẽ không bao giờ xảy ra nữa, sẽ không ai phải ném gậy chỉ vì là nô lệ, cũng không ai phải làm việc tay chân chỉ vì là nô lệ, mà tất cả đều được vui chơi và hưởng thụ, chạy nhảy và giải trí, bao lâu tùy thích.

Huyền thiên xong những điều này, ông ấy mới nhận ra tôi với Thotmes và hơi xấu hổ về lời nói của mình, ông vội vã dẫn chúng tôi vào một phòng kín và nói:

- Tốt nhất là các ông khoác những bộ quần áo rẻ tiền hơn lên người và lấy bùn bôi bẩn tay và mặt mình, vì nô lệ và cửu vạn đang đi trên khắp các đường phố ngời ca Aton, nhân danh Aton dùng gậy đánh tất cả những người mà họ cho là quá béo và không lao động chân tay. Nhưng họ đã tha thứ cho sự phì nộn của tôi, bởi trước đây tôi đã từng là nô lệ và đã phát lúa mạch cho họ, giờ lại cho họ uống rượu không phải trả tiền. Nhưng hãy cho tôi biết điều xui xẻo nào đưa các ông đến Thebes vào đúng lúc này, vì Thebes là một thành phố đáng sợ với giới quyền quý trong những ngày này.

Chúng tôi cho ông ấy xem rìu và búa tạ của chúng tôi và nói chúng tôi đến phá bỏ tượng của các thần giả và đục xóa tên thần khỏi tất cả các dòng chữ khắc chạm. Kaptah gật đầu tỏ vẻ không ngoan và nói:

- Kế hoạch của các ông nghe có lẽ khôn đấy và được lòng dân chúng, miễn là các ông cẩn thận để người dân không biết các ông là ai, vì nhiều thay đổi có thể xảy ra và lũ sùng sẽ trả thù các ông nếu chúng giành lại quyền lực. Tôi không tin cuộc sống này có thể kéo dài, vì người nô lệ lấy ngũ cốc từ đâu để sống và trong khi nổi loạn, họ đã làm những việc khiến nhiều người trước kia theo phe thánh giá phải do dự và chuyển sang phe sùng để lập lại trật tự. Tuy nhiên, sắc lệnh giải phóng nô lệ của Pharaon Ekhnaton là rất sáng suốt và có tầm nhìn xa, vì như thế tôi có thể đuổi tất cả nô lệ không biết việc và già nua của tôi đi để khỏi tốn lương ăn và dầu rán đất đỏ. Tôi không còn phải nuôi và lo chỗ ở cho nô lệ với phí tổn cao nhất, mà chỉ cần thuê họ làm việc bất cứ khi nào tôi muốn, trả công cho họ theo ý mình và đuổi họ đi khi không cần nữa. Vì tất cả những điều này, tôi hết lời ca ngợi Pharaon Ekhnaton về sự thông thái của ngài và tôi nghĩ những người khác cũng sẽ ngợi ca ngài một khi đã chịu khó ngẫm nghĩ về vấn đề và hiểu ra quyền lợi của mình.

Tôi nói với ông ấy:

- Kaptah, về ngũ cốc, hãy nhớ là ta đã hứa dành cho Horemheb một nửa lúa mạch của chúng ta để anh ta có thể tuyên chiến với quân Hittite và người phải nhanh chóng cho thuyền chở số này đến Tanis. Nửa còn lại, người cho xay thành bột, làm bánh và phát cho những ai đang đói khát trong tất cả các thị trấn và làng mạc mà người trữ ngũ cốc của chúng ta. Khi phát bánh cho dân chúng, tôi tớ của người không được nhận tiền mà phải nói: “Đây là bánh của Aton, hãy nhận lấy và nhân danh Aton cầu nguyện cho Pharaon Ekhnaton và thần của ngài”.

Nghe thế, Kaptah giật xé quần áo của mình, vì đó chỉ là quần áo của nô lệ và xé nó không thiệt hại gì lớn, rồi ông ấy lấy tay giật tóc khiến bùn khô bay mù và kêu van thảm thiết:

- Việc đó sẽ khiến ông trở nên nghèo khổ, thưa ông chủ, và sau này tôi sẽ kiếm tiền từ đâu được. Sự điên rồ của Pharaon đã

nhiểm sang ông và ông đang đi giật lùi bằng đầu mình. Ôi, tội nghiệp thân tôi khi buộc phải thấy cả cái ngày mà đến cả bộ hung cũng không thể giúp chúng ta nữa, vì sẽ không ai cầu phúc cho ông về việc phát chẩn bánh và gã Horemheb đáng nguyên rủa đó sẽ rất trơ tráo đáp lại những cái thư đòi nợ của tôi và bảo tôi đích thân đến chỗ hắn nhận lại số vàng mà tôi đã cho hắn vay nhân danh ông. Hắn ta còn tệ hơn một tên cướp, gã Horemheb bạn của ông ấy, vì kẻ cướp sẽ chỉ lấy những gì hắn muốn lấy, còn Horemheb hứa sẽ trả lãi cho những gì gã lấy, làm các chủ nợ điên lên bằng hy vọng viễn vông để rồi họ vỡ mặt vì tức giận. Nhưng ông chủ ơi, từ ánh mắt của ông, tôi thấy ông không đùa và vì vậy lời kêu ca của tôi chẳng ích gì, mà tôi phải làm theo ý ông, mặc dù điều đó sẽ làm ông nghèo đi.

Chúng tôi bỏ Kaptah lại cho ông ấy gạ gẫm nô lệ và cò kè mặc cả các đồ vật quý giá mà cướp vạ trộm được từ đền ở phòng phía sau quán. Tất cả những ai thật thà, lương thiện đều đóng chặt cửa, ở lại trong nhà; đường phố vắng tanh, một vài ngôi đền mà các giáo sĩ ẩn trốn đã bị đốt và đang cháy. Chúng tôi vào những ngôi đền đã bị cướp phá để đục xóa tên các vị thần khỏi những dòng chữ khắc và gặp những người trung thành khác của Pharaon cũng đang làm việc đó. Chúng tôi quai mạnh búa tạ và đập búa tay, hăng đến nổi lửa bắn ra từ đá. Bằng cách này, chúng tôi cố thuyết phục bản thân rằng mình đang làm một việc quan trọng, rằng những nhát búa sẽ giúp chúng tôi mở ra một kỷ nguyên mới cho Ai Cập, nên chúng tôi đập búa không ngừng, cổ tay tê cứng, lòng bàn tay bong rát. Chúng tôi làm công việc đó hết ngày này sang ngày khác không kịp nghỉ, không cả ăn, không cả ngủ vì nơi cần đập phá nhiều vô kể và đôi khi những người ngoan đạo bị các giáo sĩ xúi giục xông đến quấy nhiễu công việc của chúng tôi, ném đá vào chúng tôi, lấy gậy đe dọa chúng tôi, nhưng chúng tôi đã vùng búa đuổi họ đi và trong cơn cuồng nhiệt, Thotmes đã dùng búa bổ đôi đầu một tư tế già nhất quyết bảo vệ thần của ông ta. Vì sự cuồng si mỗi ngày một dâng cao, chúng tôi cảm cúi làm để có thể nhắm mắt trước tất cả mọi việc đang diễn ra xung quanh mình.

Dân chúng bị đói khát, thiếu thốn và các nô lệ và cướp vạ, sau thời gian mừng vui cho tự do của mình, đóng những cây gậy xanh, gậy đỏ ở bến cảng và lập những đội quân tự vệ riêng, đi cướp nhà của phe sùng và những người giàu có để lấy lương thực, dầu ăn và những đồ đặc quý của những người này phát cho dân chúng mà lính canh của Pharaon không thể ngăn cản. Thật ra, Kaptah có thuê người xay đại mạch và nướng bánh, nhưng người dân đã giật ngay bánh từ những đây tớ này và nói: “Bánh này là bánh cướp của người nghèo, vì thế phát cho người nghèo là đúng”. Không ai cầu phúc cho tôi vì tôi đã sai phát đại mạch cho họ mà vì việc này tôi đã làm mình khánh kiệt chỉ trong một tuần trăng.

Bốn mươi ngày, bốn mươi đêm đã trôi qua như thế, sự hỗn loạn ngày càng gia tăng ở Thebes, những người trước đây chỉ ngồi cân vàng giờ đứng ăn xin ở các góc phố, còn những người vợ của họ bán khuyên vòng, trang sức cho đám nô lệ để có thể mua bánh mì cho con cái họ. Rồi một đêm Kaptah đến nhà tôi và nói:

- Ông chủ ơi, đã đến lúc ông phải trốn đi vì vương quốc Aton sắp sụp đổ hoàn toàn rồi và tôi nghĩ không người lương thiện nào sẽ tiếc nuối khi điều đó xảy ra. Luật pháp và trật tự sẽ được lập lại nhưng trước tiên người ta sẽ cho cá sấu ăn và cho ăn nhiều hơn bao giờ hết, vì các giáo sĩ muốn tẩy sạch dòng máu ác quỷ khỏi Ai Cập.

- Sao người biết? - Tôi hỏi ông ấy.

Ông ấy thản nhiên đáp:

- Chẳng phải tôi luôn là một người theo phái sùng trung thành và đã bí mật cầu nguyện cho Amon đó sao? Tôi cũng đã cho các giáo sĩ vay nhiều vàng, vì họ sẽ trả lãi một phần tư, có khi đến một nửa và cầm đất của Amon lấy vàng. Eje đã thỏa hiệp với các giáo sĩ để cứu mạng sống của mình và các giáo sĩ đã lôi kéo được nửa số vệ binh đứng về phía họ. Tất cả những người giàu có và

giới quý tộc của Ai Cập cũng đã quy tụ dưới bóng Amon, các giáo sĩ đã cho gọi người da đen từ xứ Kush đến, chiêu mộ lính Shardana đến nay vẫn đang cướp bóc các làng quê về đánh thuê cho họ. Thật vậy, ông chủ Sinuhe ơi, không lâu nữa đâu, cối xay sẽ bắt đầu quay và đại mạch sẽ được xay, nhưng bánh nướng từ bột đại mạch ấy là công của Amon, vì tôi đã quá vất vả với sự hỗn loạn này mặc dù nó đã khiến tôi trở nên rất giàu có.

Tôi vô cùng sửng sốt trước những lời ông ấy nói và hét lên:

- Pharaon Ekhnaton sẽ không bao giờ chuẩn thuận việc ấy.

Nhưng Kaptah vừa cười ranh mãnh vừa chà ngón trỏ lên con mắt mù và nói:

- Họ không còn xin phép Pharaon nữa. Thành phố Akhetaton đã bị nghiền rữa và bất cứ ai còn ở lại đó đều chết dần chết mòn. Khi giành được quyền lực về tay mình, họ sẽ chặn tất cả các con đường dẫn đến đó; họ cũng chặn cả sông, khiến bất cứ ai ở lại đó đều sẽ chết đói. Ông thấy đấy, họ sẽ buộc Pharaon trở lại Thebes và cúi đầu thờ phụng Amon.

Lúc ấy mọi suy nghĩ của tôi sáng rõ hơn và tôi thấy trước mắt mình khuôn mặt của Pharaon Ekhnaton với đôi mắt phản chiếu nỗi thất vọng còn đau đớn hơn cả cái chết. Vì thế tôi nói:

- Kaptah, điều nhục nhã này không bao giờ được xảy ra. Ta và người đã cùng nhau đi qua nhiều con đường, vì vậy, Kaptah, chúng ta hãy cùng nhau đi hết con đường này. Mặc dù ta đã nghèo đi vì phân phát hết lúa mạch của mình, nhưng người vẫn còn giàu. Vì thế hãy mua vũ khí, giáo và cung tên, càng nhiều càng tốt; hãy lấy vàng của mình mua lính canh về phe mình và người phải phát vũ khí cho nô lệ và phu khuân vác nơi bến cảng, thuê các đội lính canh bảo vệ họ và Pharaon. Kaptah, ta không biết những chuyện này rồi sẽ ra sao, nhưng thế giới chưa bao giờ có được một cơ hội thế này để tất cả trở nên mới mẻ so với trước. Khi đất đai được phân chia, của cải của những người giàu có

được phân phát cho dân nghèo, vườn cây của họ trở thành sân chơi cho con cháu nô lệ thì chắc chắn thiên hạ sẽ bình yên, của ai nấy giữ, ai nấy làm việc theo ý mình và mọi việc sẽ tốt đẹp hơn trước.

Nhưng Kaptah bắt đầu run bần bật và nói:

- Ông chủ của tôi ơi, tôi hoàn toàn không muốn lại bắt đầu làm việc tay chân khi về già. Họ đã bắt các quý tộc quay cối xay đá, lấy gậy đánh họ, bắt vợ và con gái các nhà quyền quý và người giàu sang phục vụ kẻ nô lệ và cứu vãn trong các tử điểm, những việc làm hoàn toàn không tốt mà chỉ thấy tồi tệ. Sinuhe, ông chủ ơi, đừng bắt tôi theo con đường đó, vì khi nghĩ về nó, tôi nhớ đến ngôi nhà tối tăm mà tôi đã một lần theo ông đi vào, mặc dù tôi đã thề với ông là sẽ không bao giờ nói với ông về nó nữa, nhưng bây giờ tôi nói vì phải nói. Ông chủ ơi, ông lại quyết bước vào ngôi nhà tối tăm mà không biết điều gì chờ mình ở đó, có thể khi vào đó ông sẽ lại thấy một quái vật đang thối rữa và một cái chết bốc mùi tanh nồng, tởm lợm đang đợi mình. Bởi vì từ tất cả những gì đã và đang xảy ra, tôi thấy thần này của Pharaon Ekhnaton cũng khủng khiếp như thần đảo Crete. Không, thưa ông chủ, một lần nữa tôi sẽ không theo ông đến nhà của Minotauros.

Ông ấy không khóc lóc, van xin như ngày trước mà nói với tôi nghiêm nghị và bắt tôi thề sẽ từ bỏ ý định của mình. Cuối cùng ông nói:

- Nếu ông không nghĩ đến bản thân và tôi thì ít nhất hãy nghĩ đến Merit và bé Thoth, những người yêu quý ông. Hãy đưa họ ra khỏi đây và giấu họ ở một nơi an toàn vì khi Amon bắt đầu xay ngũ cốc, tính mạng của họ ở đây sẽ không còn an toàn nữa.

Nhưng sự cuồng tín đã làm tôi mù quáng và tôi nghĩ những lời cảnh báo của ông ấy là điên rồ nên tôi ngạo mạn nói với ông ấy:

- Ai lại bức hại một phụ nữ và một thằng bé kia chứ? Trong nhà ta họ sẽ được an toàn, vì Aton sẽ thắng và Aton phải thắng. Nếu không, cuộc đời không còn đáng sống nữa. Dân chúng có trí khôn của mình và biết Pharaon chỉ muốn tốt cho mình. Làm sao dân chúng lại muốn quay trở lại vương quốc của bóng tối và sống trong sợ hãi. Ngôi nhà tối mà người nói đến chính là nhà của Amon chứ không phải là nhà của Aton. Một vài vệ binh bị mua chuộc và một vài kẻ quyền quý hèn nhát chắc chắn sẽ không thể lật đổ Aton khi ngài có phía sau mình tất cả dân chúng.

Kaptah nói:

- Tôi đã nói điều cần nói và sẽ không nhắc lại nữa. Nhưng tôi đang điên tiết muốn kể cho ông một bí mật nho nhỏ, nhưng vì bí mật đó không phải của tôi nên tôi không thể kể và có lẽ điều đó cũng không tác động đến ông khi ông đang trong cơn cuồng dại của mình. Vì vậy, đừng buộc tội tôi, thưa ông chủ, nếu sau này ông quỳ sụp và chà xát mặt mình vào đá trong tuyệt vọng. Đừng buộc tội tôi nếu quái vật nuốt chửng ông. Còn tôi thì đâu quan trọng gì, vì tôi vốn chỉ là một nô lệ và tôi không có con cái để chúng khóc than trước cái chết của tôi. Vì vậy, tôi sẽ đi theo ông, thưa ông chủ, trên con đường cuối cùng này, mặc dù tôi biết việc ta làm là vô ích. Vậy chúng ta hãy cùng nhau bước vào ngôi nhà tối, thưa ông chủ, như một lần trước đây, và tôi sẽ đi theo ông, nhưng nếu ông cho phép, tôi sẽ lại mang theo một vò rượu.

Từ hôm đó trở đi, Kaptah bắt đầu uống và uống từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, nhưng khi say ông ta vâng lệnh tôi và sai người hầu của mình phát vũ khí ở bến cảng theo những nhóm gậy xanh, đỏ và bí mật cho gọi các cai đội cảnh binh đến Đuôi Cá Sấu và mua chuộc họ gia nhập phe người nghèo chống người giàu. Mà khi uống khó phân biệt được Kaptah với những người khác, vì họ cũng uống không ngừng nghỉ, Thotmes uống, nô lệ uống chiến lợi phẩm cướp được, người giàu bán đồ trang sức cuối

cùng cũng để mua rượu và tất cả đều nói: “Hãy ăn và uống đi, bởi ai biết ngày mai chuyện gì sẽ đến”.

Một hôm, nhà thơ nọ của Thebes, từng uống nợ Kaptah rất nhiều khiến Kaptah buộc phải liên tục cho ông ta uống để thỉnh thoảng lấy lại tiền, đến quán Đuôi Cá Sấu. Ông ta bước vào quán, mắt sáng ngời, tay vò tóc và nói:

- Tôi vừa nghĩ ra một điều rất tuyệt, điều lớn lao nhất và quan trọng nhất trong những gì từng được nghĩ ra, huyền diệu hơn tất cả suy nghĩ và linh ảnh của Pharaon. Mọi thứ xảy ra xung quanh chúng ta đều xấu xa và sai trái, điều trái đạo lý lại chiến thắng công lý, sự nhần tâm đè bẹp lòng hào hiệp và tính hiêm độc thắng sự ngây thơ. Nhưng điều này không đáng buồn, bởi tất cả chỉ là một giấc mơ và khi chúng ta tỉnh giấc sau cái chết, giấc mơ biến mất và không làm phiền chúng ta nữa. Tôi sẽ không nói gì nếu những giấc mơ của chúng ta vẫn đẹp như trước đây, nhưng bây giờ những điều chúng ta mơ đều khủng khiếp, những hung mộng mà ta thà thức dậy còn hơn. Vì vậy, tôi nói: Không có Thebes, không có dòng sông, không có Ai Cập, không có cánh đồng, không có thành phố, không có người giàu, không có kẻ nghèo, không có ông chủ hay nô lệ, mà tất cả chỉ là một giấc mơ buồn tẻ và cả Pharaon cùng ảo ảnh của ngài cũng chỉ là một giấc mơ của tôi. Nhưng bây giờ tôi ngán những giấc mơ của tôi lắm rồi vì chúng còn tệ hại hơn dư vị chua lèm, đắng ngắt khi già rượu sau nhiều ngày uống. Vì thế tôi muốn thức mình thức dậy và khi tôi thức dậy sẽ không còn Ai Cập hay Pharaon.

Nói xong, ông ta lấy con dao đá cứng mà ông thường cạo râu đâm toạc cổ họng mình, bất ngờ đến mức không ai kịp cản; máu của ông dính vào ghế và thảm, khiến Kaptah bị thiệt hại nặng vì cái chết của ông ta.

Nhưng những lời ông ta nói đã lan truyền khắp Thebes, khiến nhiều người vốn hiền lành và điềm đạm quá mệt mỏi với sự

điên loạn của thời cuộc đã nói với nhau: “Cuộc đời chúng ta chỉ là một giấc mơ tồi tệ và cái chết là sự thức tỉnh ngọt ngào. Vì vậy, chúng ta hãy bình tâm bước từ hành lang tối tăm của cuộc sống ra nơi bình minh của tử thần”. Thế là nhiều người đã tự sát và một số cũng giết cả vợ con mình để họ không phải chứng kiến và hứng chịu tất cả sự tàn ác xảy ra ở Thebes chỉ vì Aton.

Nạn đói và sự hỗn loạn hoành hành Thebes vào những ngày này, khi vương quốc Aton đến mặt đất và cơn mê sảng chiếm lĩnh tâm trí con người, khiến họ không uống rượu mà vẫn ngất ngưởng. Ai ủng hộ thánh giá, ai không, cũng thế cả, chỉ duy nhất một điều còn có nghĩa, đó là vũ khí và nắm đấm chắc nịch với tiếng hô to, vì ai có sức hét to nhất, lời của người đó sẽ được lắng nghe. Nếu trên phố ai đó nhìn thấy bánh mì trong tay người khác, anh ta liền giật lấy và nói: “Hãy đưa tôi bánh mì của anh vì chẳng phải trước Aton chúng ta là anh em hay sao và thật không phải khi tôi đói mà anh tọng bánh đến ních bụng”. Nếu ai đó thấy người đi lại phía mình mặc đồ vải lanh mịn, anh ta sẽ nói: “Hãy cho tôi quần áo của anh, vì nhân danh Aton chúng ta là anh em và thật không phải là anh em khi kẻ mặc đẹp người mặc xấu”.

Nếu thấy một mẫu sừng trên cổ áo hoặc trong áo quần ai đó, họ sẽ bắt anh ta quay cối đá, đào rễ cây hoặc phá dỡ những căn nhà bị cháy, nhưng cũng có người bị đâm chết và số khác bị ném xuống nước làm mồi cho cá sấu, vì cá sấu đến cầu thuyền Thebes mà không ai xua chúng đi, tiếng quai hàm tát mồi và tiếng đuôi đập nước của chúng hòa lẫn với tiếng người cãi lộn quanh đồng gậy xanh và gậy đỏ.

Không còn trật tự, luật lệ nào nữa vì những kẻ hét to nhất đã gào lên: “Nhân danh Aton, chúng ta phải duy trì trật tự và kỷ luật, vì thế chúng ta hãy gom tất cả ngũ cốc và chia cho nhau; không được mạnh ai nấy lấy mà chỉ chúng ta, những người khỏe nhất, cùng nhau cướp, giật rồi phân chia thứ cướp được cho những người khác”.

Rồi những kẻ to mồm nhất lập nhóm và lấy gậy đánh những kẻ tự ý giành giật, cướp bóc dữ tợn hơn bao giờ hết và giết bất cứ ai chống lại mình. Trong số họ có những kẻ bị cắt mũi và tai vì đã phạm những tội nhục nhã, những kẻ có vết cùm ở cổ chân và dấu gậy vụt trên lưng, nhưng họ rất tự hào về những vết này, phô bày sự nhục nhã đó cho dân chúng thấy và nói: “Chúng tôi đã phải chịu đựng những điều này vì Aton, lẽ nào chúng tôi lại không được đền bù?”.

Không thể phân biệt được họ với những người phe sừng từng bị đẩy tới các hầm mỏ và với những người phe thánh giá vừa trở về chen lẫn trong dân chúng. Nhưng không ai động vào khu hoàng cung ở bên kia sông vì đó là nhà của Pharaon và Eje vẫn mang trượng và roi của Pharaon, bảo vệ các giáo sĩ của Amon ở đó.

Thế là hai lần ba mươi ngày đã trôi qua, vương quốc Aton trên mặt đất không tồn tại được lâu hơn thế mà tan rã vì các đội quân da đen được thuyền chở đến từ xứ Kush và lính Shardana mà Eje thuê đã bao vây thành phố, chặn tất cả các con đường và cửa sông nên không ai có thể chạy thoát. Quân sừng nổi dậy khắp thành phố, các giáo sĩ lấy vũ khí từ trong hang sâu của Amon phát cho họ; ai không có vũ khí nung đầu gậy trong lửa, lấy thiếc bọc nùi bếp, dùi gỗ cán bột và lấy vòng khuyên đàn bà rèn làm đầu mũi tên. Phe sừng nổi dậy và cùng với họ là tất cả những ai mong muốn điều tốt lành cho Ai Cập, cả những người hiền lành, trầm tính, khoan dung và muốn bình yên cũng vùng dậy phản kháng: “Chúng tôi muốn trật tự cũ được thiết lập lại, vì chúng tôi đã ngán đến tận cổ thứ trật tự mới và Aton đã cướp của chúng tôi quá đủ rồi”.

4

N hưng tôi, Sinuhe, đã nói với dân chúng: - Có thể quá nhiều điều sai trái đã xảy ra trong những ngày này, có thể bất công đã chà đạp lên công lý và nhiều người vô tội

đã phải chịu đựng oan khiên, nhưng Amon là thần của nỗi sợ hãi, của bóng tối và thống trị mọi người vì sự thiếu hiểu biết của họ. Aton là vị thần duy nhất vì ngài sống trong chúng ta và bên ngoài chúng ta, không có thần linh nào khác. Vì vậy, hãy chiến đấu cho Aton, tất cả nô lệ và kẻ nghèo hèn, cứu vãn và đẩy tớ, vì các người không còn gì để mất và nếu Amon thắng, chắc chắn các người sẽ chịu ách nô lệ và chết. Hãy chiến đấu vì Pharaon Ekhнатon, bởi chưa bao giờ có ai như ngài được sinh ra trên mặt đất và thần linh đã nói qua miệng của ngài; chưa bao giờ có cơ hội như thế này để đổi thay thế giới, trước ngài đã không có và sau ngài cũng sẽ không có.

Nhưng đám nô lệ và cứu vãn cười tôi và nói:

- Sinuhe, đừng nói với chúng tôi những điều nhảm nhí về Aton, vì tất cả thần linh đều giống nhau và tất cả pharaon đều như nhau. Nhưng ông là một người tốt, Sinuhe, mặc dù ông rất cô đơn, ông đã băng bó cánh tay bị gãy, chữa lành đầu gối bị đâm của chúng tôi mà không đòi quà cáp. Vì vậy hãy buông cây chùy trong tay, đừng nào ông cũng không vung được nó vì ông không thể thành chiến binh và quân sừng sẽ giết ông nếu họ nhìn thấy nó trong tay ông, còn chúng tôi không muốn tai họa đến với ông. Với chúng tôi chết cũng không sao vì tay chúng tôi đã nhuộm máu và chúng tôi đã sống những ngày tốt đẹp, nằm dưới bóng râm của lọng che lấp lánh và uống rượu từ cốc vàng, mặc dù chúng tôi không còn biết tất cả những thứ đó có đáng hay không. Dù sao bữa tiệc của chúng tôi đang đến hồi kết và chúng tôi muốn chết với vũ khí trên tay, bởi sau khi được tự do và có những ngày tốt đẹp, chúng tôi sẽ không vào tròng nô lệ lần nữa. Hãy chữa lành vết thương và xoa dịu cơn đau cho chúng tôi nếu ông muốn, nhưng đừng nắm chùy vung vẩy giữa chúng tôi, vì cảnh này làm chúng tôi tức cười ôm bụng, lăn lộn, giáo rơi khỏi tay, dễ dàng thành mồi cho người da đen, lính Shardana và lũ sừng của Amon.

Những lời họ nói khiến tôi thấy xấu hổ, vì vậy tôi đã quăng cây chùy, về nhà lấy tráp đồ nghề thầy thuốc và đi đến Đuôi Cá Sấu để chữa vết thương cho họ. Cuộc chiến ở Thebes đã diễn ra ba ngày ba đêm, biết bao người đã đổi thánh giá thành sừng và gia nhập phe sừng, nhiều người hơn đã hạ vũ khí và trốn trong nhà, trong hầm rượu, kho chứa ngũ cốc và chui vào những sọt rỗng ở bến cảng. Nhưng nô lệ và phu khuân vác vẫn chiến đấu, những người dũng cảm nhất lại là những người ít nói nhất; sát cánh bên cạnh họ là những người đã bị cắt mũi, xẻo tai, vì họ biết đằng nào cũng bị nhận ra. Suốt ba ngày ba đêm liền, nô lệ và cửu vạn đốt các khu nhà và hỗn chiến trong đêm dưới ánh lửa; cả binh lính da đen và Shardana cũng đốt nhà, cướp phá và giết chết bất cứ ai chẳng may hiện ra trước họ, dù người đó là thánh giá hay sừng. Chỉ huy của họ và kẻ bao vây thành phố chính là Pepitaton, kẻ đã ra lệnh tàn sát dân chúng trên Đại lộ Nhân Sư và trước đền thờ Amon, nhưng bây giờ tên của lão ta lại là Pepitamon và Eje đã chọn lão vì lão là người có chức vị và học thức cao nhất trong các võ quan của Pharaon.

Nhưng tôi, Sinuhe, tôi băng vết thương cho các nô lệ và chữa những cái đầu bị đâm toạc của dân cửu vạn ở Đuôi Cá Sấu; Merit cắt tất cả quần áo của tôi và xống áo của nàng cũng như của Kaptah làm băng băng vết thương cho họ, còn bé Thoth mang rượu cho những người cần xoa dịu cơn đau. Những người bị thương đều trở lại trận chiến, nếu có thể, và vào ngày cuối cùng, cuộc chiến chỉ còn diễn ra trong bến cảng và khu phố nghèo; lính da đen và Shardana vốn quen với chiến trận chém dân như gặt lúa, đến nỗi máu chảy dọc theo các ngõ hẹp và máu từ bờ đá cầu thuyền chảy xuống sông. Chưa bao giờ ở xứ Kemet thần chết có một mùa bội thu như vào ngày đó, vì nếu một người phe thánh giá gục xuống và nằm dài không thể đứng lên, thì lính da đen và phe sừng dùng giáo đâm anh ta và nô lệ cũng như cửu vạn cũng làm vậy với người phe sừng. Nhưng tôi không biết nhiều về việc này, vì tôi băng bó vết thương ở Đuôi Cá Sấu và tôi làm tất cả những điều này vì Pharaon Ekhnaton, tôi nghĩ vậy

mặc dù không chắc lắm, bởi vì con người ta thường không hiểu trái tim của chính mình.

Nhưng cứu vạn và nô lệ đã chọn trong số họ những người khỏe nhất, có tiếng hô to nhất làm người dẫn đầu và những người này đã tới Đuôi Cá Sấu giữa trận hỗn chiến để dùng rượu lấy lại sức. Họ đã say mùi máu và mê mẩn trận mạc, cười với tôi và vỗ bàn tay rắn chắc vào vai tôi, nói:

- Chúng tôi đã dành cho ông một cái sọt tốt ở cảng để ông có thể trốn, Sinuhe ạ, vì chắc chắn ông không muốn bị treo ngược trên tường cạnh chúng tôi vào tối nay. Chẳng phải đã đến lúc ông phải trốn đi sao, Sinuhe, vì những vết thương được băng sớm hay muộn cũng sẽ bị đâm toạc ra, vô ích lắm.

Nhưng tôi nói lại với họ:

- Tôi là danh y hoàng gia, không ai dám động vào tôi. Nghe thế, họ cười tôi nhiều hơn trước và uống thêm nhiều rượu rồi quay lại trận chiến.

Cuối cùng Kaptah đến bên tôi và nói:

- Nhà ông cháy rồi, ông Sinuhe ơi! Quân sừng đã lấy dao đâm Muti, vì bà ấy đã dùng chày giệt đe dọa chúng khi chúng đốt nhà ông. Đã đến lúc ông phải khoác lên người vải lanh mịn nhất và đeo, cài lên tất cả những biểu hiệu chứng tỏ địa vị của ông, may ra mới thoát được. Vì vậy, hãy bỏ những nô lệ và tên cướp bị thương này lại và theo tôi vào phòng sau, chúng ta phải thay quần áo để đàn hoàng theo địa vị của mình đón tiếp các thủ túc của giáo sĩ Eje. Tôi đã giấu khỏi bọn cướp một vại vò rượu để có thể làm dịu cơn giận dữ của các giáo sĩ lẫn các cai đội và tiếp tục nghề nghiệp lương thiện của mình.

Cả Merit cũng quàng tay qua cổ tôi và van xin tôi:

- Sinuhe, hãy cứu lấy mình, nếu không vì mình thì hãy vì em và bé Thoth.

Nhưng những đêm mất ngủ, nỗi thất vọng, chết chóc và âm thanh ào ào của bạo loạn đã làm tôi cuồng điên lên, đến nỗi tôi không còn biết mình muốn gì mà chỉ nói:

- Ta làm gì với nhà của ta, ta làm gì với chính bản thân mình, ta làm gì đây với nàng và với bé Thoth. Máu đổ xuống là máu của anh em ta trước thần Aton và ta không muốn sống nữa nếu vương quốc Aton sụp đổ.

Nhưng tại sao tôi lại nói những lời điên rồ như vậy, tôi không biết; ai đó khác trong tôi đã nói chứ không phải trái tim yếu đuối của tôi.

Tôi không biết liệu mình có kịp trốn thoát hay cứu được gì nữa không, vì chỉ lát sau lính da đen và Shardana đã phá cửa quán rượu xông vào, dẫn đầu là một giáo sĩ đầu cạo trọc, mặt bôi dầu thánh bóng nhẫy. Họ bắt đầu giết những người bị thương đầy máu me đang nằm trên sàn; tay giáo sĩ dùng sừng thánh chọc thủng mắt họ; lính da đen, người vẽ đầy sọc trắng, nhảy nhẩy trên đầu họ khiến máu từ vết thương của họ phun ra. Tay giáo sĩ gào lên:

- Đây là ổ của Aton, hãy lấy lửa tẩy sạch nó đi.

Chúng đâm thủng đầu Thoth bé nhỏ và dùng giáo giết chết Merit đang cố sức ôm bé vào lòng để che chắn ngay trước mặt tôi mà tôi không thể bảo vệ họ. Tay giáo sĩ đã đập sừng vào đầu tôi, tiếng kêu của tôi tắc nghẹn trong cổ họng và tôi không còn biết những gì xảy ra sau đó.

Tôi tỉnh lại trong con hẻm trước Đuôi Cá Sấu và lúc đầu không biết mình đang ở đâu, chỉ nghĩ rằng tôi đã mơ hoặc đã chết. Tay giáo sĩ đã đi, toán lính đã hạ giáo xuống và uống rượu mà Kaptah mời, tay cai đội vung chiếc roi bện bạc xua chúng đi tiếp

tục cuộc chiến và Đuôi Cá Sấu cháy rừng rực trước mặt tôi như bãi sậy khô ven bờ sông vì nó toàn bằng gỗ. Lúc đó tôi nhớ lại tất cả và gượng đứng dậy, nhưng sức tôi đã phản tôi. Không thể đứng dậy được, tôi bắt đầu bò đến cánh cửa đang cháy rồi trườn vào đồng lửa để đến chỗ Merit và Thoth. Lửa khiến những sợi tóc thưa thớt sém quăn, quần áo tôi bén lửa, tay và đầu gối cũng cháy cho đến khi Kaptah gào khóc lao đến và kéo tôi ra khỏi đồng lửa, rồi vùi tôi trong cát để dập tắt lửa trên quần áo tôi. Nhìn tất cả cảnh tượng này, đám lính cười phá lên, đập tay xuống đầu gối và Kaptah nói với chúng:

- Chắc ông ấy hơi lẫn rồi vì giáo sĩ đập sừng vào đầu ông ấy, vì thế tay giáo sĩ sẽ bị trừng phạt. Ông ấy là ngự y hoàng gia, nên không ai được động vào; ông ấy cũng là giáo sĩ bậc nhất, dù phải mặc xuềnh xoàng rách rưới và che giấu các sắc hiệu danh giá của mình để tránh cơn phần uất của dân chúng.

Tôi ngồi trong cát bụi đường phố, hai bàn tay bồng ôm đầu, nước mắt chảy ròng ròng từ đôi mắt cháy sém và gào khóc thảm thiết:

- Merit ơi, Merit ơi, ơi Merit của ta!

Nhưng Kaptah thúc tôi rất mạnh và lấp bấp:

- Im đi, lão điên. Bao tai họa ông gây ra cho tất cả chúng ta vẫn chưa đủ sao mà còn điên rồ thế?

Khi tôi vẫn không im, ông ấy ghé mặt sát gần tôi và đau đớn thì thầm:

- Liệu tất cả những việc này có đủ làm ông sáng mắt ra không, thưa ông chủ, vì bây giờ ông thực sự đã mất hết rồi, mất nhiều hơn là ông biết. Bởi vậy tôi bảo cho ông hay, mặc dù đã quá muộn, rằng Thoth là con trai ông, thằng bé là hạt giống của ông, nảy mầm khi lần đầu tiên ông ôm ấp Merit và ân ái với cô ấy. Tôi kể với ông điều này để ông tỉnh lại, vì cô ấy đã không muốn kể

cho ông biết, bởi cô ấy bản lĩnh và cô đơn, còn ông bỏ cô ấy lại vì Pharaon và Akhetaton. Nó là giọt máu của ông, thằng Thoth bé nhỏ ấy, nếu ông không điên đến mất trí thì hẳn ông đã thấy mặt mình trong mắt thằng bé và nét môi khỏe miệng của nó giống hệt ông. Tôi có thể từ bỏ mạng sống của mình, nếu tôi có thể cứu nó, nhưng vì sự điên rồ của ông mà tôi không thể cứu thằng bé, còn Merit không muốn bỏ ông đi. Vì sự điên rồ của ông mà cả hai đã chết nên tôi hy vọng bây giờ ông sẽ tỉnh lại, thưa ông chủ.

Điều Kaptah nói khiến tôi chết lặng và tôi chăm chăm nhìn ông ấy, hỏi:

- Có đúng thật thế không?

Nhưng khi nghĩ về mọi chuyện, tôi không cần câu trả lời của ông ấy để biết rằng đó là sự thật. Vì vậy tôi ngồi trong cát bụi đường phố, không khóc nổi và cũng không còn cảm thấy đau đớn, mà tất cả đông cứng và khép lại trong tôi, trái tim tôi cũng lạnh cứng và tôi không còn bận tâm đến những gì đã xảy ra với mình.

Đuôi Cá Sấu cháy trước mặt tôi, lửa bốc ngùn ngụt, cuộn cuộn phun khói và bồ hóng lên đầu tôi, thi thể nhỏ bé của Thoth và cơ thể xinh đẹp của Merit bốc cháy cùng với quán. Thi thể họ bị thiêu rụi cùng các nô lệ và cửu vạn và tôi thậm chí không thể giữ họ sống mãi muôn đời. Thoth là con trai tôi và nếu điều tôi nghĩ là đúng thì dòng máu thánh của các pharaon đã chảy trong huyết quản của nó như trong huyết quản của tôi. Nếu tôi biết điều đó có lẽ tất cả đã khác, bởi lẽ vì con trai mình, con người ta có thể làm những việc mà anh ta không bao giờ làm nếu chỉ vì bản thân mình. Nhưng giờ tất cả đã quá muộn và máu thánh của con tôi đã cháy cùng với máu của nô lệ và cửu vạn, con tôi không còn nữa và tôi biết có lẽ Merit đã giấu không cho tôi nhận con cũng vì bí mật khủng khiếp của tôi, chứ không chỉ vì niềm kiêu hãnh và sự cô đơn của chính nàng. Do đó tôi ngồi trong cát

bụi đường phố giữa khói than và đau đớn, những ngọn lửa từ thi thể họ nóng rát mặt tôi.

Sau lúc này, mọi việc với tôi đều rối loạn, mơ hồ nên tôi để mặc Kaptah dẫn tôi đến nơi ông ấy muốn và đi theo mà không cưỡng lại. Ông ấy đưa tôi đến chỗ Eje và Pepitamon đang ngồi xét xử trên những chiếc ghế vàng ở cầu thuyền bằng đá nơi bến cảng, vì cuộc hỗn chiến đã kết thúc, tuy lửa vẫn còn cháy trong khu phố nghèo, và lính cùng quân sừng dẫn tù nhân đến trước họ. Những ai bị bắt với vũ khí trên tay đều bị treo ngược trên tường; những ai bị phát hiện có đồ vật cướp được trong người bị ném xuống nước làm mồi cho cá sấu; những ai trên cổ áo hay quần áo có thánh giá của Aton bị đánh bằng gậy và bị bắt đi lao động khổ sai; đàn bà bị giao cho lính và người da đen để mua vui cho họ, còn trẻ em được giao cho Amon để nuôi dạy trong đền. Vì thế, xác chết rải đầy trên bờ sông ở Thebes và vì muốn có được sự ủng hộ của các giáo sĩ, Eje thật nhẫn tâm nói:

- Ta sẽ tẩy sạch máu ác khỏi đất Ai Cập.

Pepitamon cũng trong cơn cuồng nộ vì nô lệ và phu khuân vác đã cướp phá nhà của ông ta, mở chuồng mèo và ăn thức ăn của mèo, lấy sữa và kem của mèo cho con cái của họ nên mèo của ông ta bị chết vì đói khát và trở nên hoang dại. Vì thế, cả ông ta cũng không tha thứ, xót thương, mà chỉ hai ngày sau, tất cả tường thành trong thành phố đều đầy những xác đàn ông bị treo ngược trên tường.

Còn các giáo sĩ vui mừng dựng lại tượng Amon trong đền thờ của thần và dâng cúng đồ lễ lớn cho thần. Tượng của tất cả các vị thần khác cũng được dựng lại về chỗ cũ và các giáo sĩ tuyên bố với dân chúng:

- Đói khát và nước mắt sẽ không bao giờ có ở xứ Kemet nữa, vì Amon đã trở lại và sẽ ban phước cho tất cả những ai tin vào thần. Chúng ta lại gieo trồng trên các cánh đồng của Amon, hạt

giống của Amon sẽ cho vụ mùa bội thu gấp ngàn lần, sự no đủ và giàu có sẽ trở lại Ai Cập.

Tuy nhiên, nạn đói ở Thebes còn lớn hơn bao giờ hết và không nhà nào không có nước mắt rơi, vì lính Shardana và lính da đen đã tàn nhẫn cướp bóc Thebes. Thậm chí không phân biệt ai thánh giá ai sùng, chúng hãm hiếp đàn bà, bán trẻ em làm nô lệ mà Pepitamon hay Eje không thể ngăn cản chúng vì chúng nói:

- Quyền lực ở trên đầu ngọn giáo của chúng ta và ở đầu cây chùy chiến đấu của chúng ta. Vì vậy, hãy câm miệng và chớ làm phiền chúng ta.

Không còn pharaon nào nữa ở Ai Cập, vì các giáo sĩ đã tuyên bố Ekhnaton là pharaon giả và nguyên rủa thành phố của ngài, người kế vị ngài phải trở về Thebes, quy phục Amon và dâng lễ cho Amon trước khi các giáo sĩ đồng ý công nhận người đó là pharaon.

Thấy sự hỗn loạn này, Eje giao cho Pepitamon quyền chỉ huy Thebes và vội vàng đi Akhetaton để khuyên Pharaon Ekhnaton từ bỏ ngai vàng và củng cố quyền lực của mình với sự giúp đỡ của người kế vị Pharaon. Ông ta nói với tôi:

- Sinuhe, hãy đi theo tôi, có lẽ tôi cần lời khuyên của thầy thuốc để thuyết phục Pharaon giả.

Tôi nói với ông ta:

- Eje, tôi sẽ đi theo ông, vì tôi muốn nhận đủ những mất mát của mình.

Nhưng ông ta không hiểu tôi muốn nói gì với câu nói ấy.

Thế là tôi đi cùng giáo sĩ Eje trở lại Akhetaton để gặp Pharaon bị nguyên rủa. Ở Tanis, Horemheb cũng đã nghe được những gì xảy ra ở Thebes và những gì xảy ra ở khắp nơi hai bên bờ sông nên vội vàng lệnh cho binh lính cùng quân khí lên các thuyền chiến và dong buồm đến Akhetaton. Khi đội chiến thuyền của anh ấy ngược sông, các thị trấn và làng mạc hai bên sông đã trở lại bình yên, các ngôi đền lại được mở cửa, tượng của các thần được dựng lại vào chỗ cũ và tôi nghĩ cá sấu lại thả sức cầu phúc cho Horemheb. Nhưng anh ấy vội đến Akhetaton cùng lúc với Eje để tranh giành quyền lực với vị giáo sĩ, nên anh ân xá cho tất cả những nô lệ đã hạ vũ khí và không trừng phạt bất cứ ai tự nguyện đổi thánh giá của Aton lấy sừng của Amon. Vì vậy, dân chúng nhiệt liệt ca ngợi sự khoan dung của anh ấy, mặc dù sự khoan dung ấy không đến từ tâm, mà anh ấy chỉ muốn giữ lại những người đàn ông đủ sức cho cuộc chiến. Cả các giáo sĩ ở khắp nơi dọc hai bên sông cũng hết lời ca ngợi anh ấy khi đoàn thuyền chiến lướt qua, vì anh ấy cho mở lại các ngôi đền đã đóng cửa, dựng lại các tượng thần đã bị dỡ bỏ và thỉnh thoảng cũng dâng cúng cho các thần vào những lúc anh ấy vui vẻ.

Nhưng thành phố Akhetaton là vùng đất bị nguyên rủa, các giáo sĩ và quân sừng canh gác tất cả các con đường dẫn đến đó và giết tất cả những ai chạy trốn khỏi đó, nếu họ không đồng ý đổi thánh giá của mình thành sừng và dâng cúng cho Amon. Họ cũng lấy dây xích đồng chặn sông để không ai có thể thoát ra ngoài theo đường sông. Tuy nhiên, hầu hết những người tị nạn đều vui lòng thờ phụng Amon và nguyên rủa Aton, bởi vì ngay cả dân chúng ở Akhetaton cũng đã mệt mỏi chán ngán với Aton. Tôi cũng không nhận ra Akhetaton nữa khi từ trên thuyền nhìn vào thành phố vì sự im lặng chết chóc bao trùm khắp nơi, hoa đã tàn héo trong các công viên, cỏ xanh cháy khô vàng úa vì các vườn cây không còn ai vun tưới và chăm tĩa. Cũng không còn chim chóc hót trong những bụi cây đã bị mặt trời thiêu cháy mà thành phố tràn ngập vị ngọt lợm giọng, cái mùi đáng sợ của lời nguyên rủa mà không ai rõ nguyên nhân. Giới quyền quý đã rời bỏ

nhà mình, đám gia nhân bỏ trốn từ trước, thợ xây và thợ mỏ cũng rời bỏ thành phố của họ, để lại tất cả nồi niêu trong bếp, vì không ai dám mang theo thứ gì ra khỏi thành phố bị nguyên rủa. Những con chó đã chết trong chuồng sau khi tru sữa và những con ngựa mòn mỏi, thiếu ăn chết trong chuồng vì đám người hầu đã cắt đứt gân chân của chúng trước khi trốn chạy. Như thế, Akhetaton tuyệt đẹp đã là thành phố chết và phủ mùi tang tóc vào tôi khi tôi đến đó.

Nhưng Pharaon Ekhnaton vẫn còn trong cung điện Akhetaton, thân quyến của ngài ở lại đó cùng ngài và những người hầu cận trung thành nhất cũng ở lại với ngài vì Aton; các cận thần già cả nhất trong triều, những người không thể nghĩ đến cuộc sống ở đâu khác ngoài ở cạnh Pharaon, cũng ở lại hoàng cung, vì họ đã sống suốt đời ở đó. Họ cũng không biết gì về những gì xảy ra ở thế giới bên ngoài, vì vài tuần trăng qua, không có sứ giả nào đến Akhetaton. Thực phẩm trong hoàng cung cũng đã hết, nên theo ý muốn của Pharaon Ekhnaton, thức ăn của tất cả mọi người là bánh khô và cháo mạch của người nghèo. Tuy nhiên, những người táo bạo nhất đã lấy giáo đâm cá dưới sông hay ném gậy giết chim và ăn trong bí mật.

Giáo sĩ Eje bảo tôi đến gặp Pharaon trước để kể cho ngài biết tất cả những chuyện đã xảy ra, vì Pharaon tin tưởng tôi bởi tôi từng là bạn ngài. Thế là tôi lại diện kiến Pharaon, nhưng mọi thứ trong tôi đã đông cứng, chai sạn và tôi không còn thấy nỗi buồn hay niềm vui, mà trái tim tôi lãnh đạm với ngài. Pharaon ngược khuôn mặt xám xịt, gầy mòn về phía tôi, đôi bàn tay mềm nhũn để trên đầu gối, nhìn tôi với đôi mắt mờ đục và hỏi:

- Sinuhe, lẽ nào ngươi là người duy nhất quay lại với ta? Tất cả những người trung thành với ta đâu? Tất cả những người yêu quý ta và ta quý mến ở đâu?

Tôi nói với ngài:

- Tâu Pharaon, các thần cũ lại cai trị Ai Cập và các giáo sĩ dâng lễ cho Amon ở Thebes trước sự vui mừng của dân chúng. Họ đã nguyện rửa ngài, Pharaon Ekhnaton, nguyện rửa thành phố của ngài và đời đời nguyện rửa tên ngài; họ đang đục bỏ tên ngài khỏi tất cả các kinh sách và dòng chữ thánh.

Ngài nôn nóng động đập bàn tay, sự cuồng tín lại hiện rõ trên mặt khi ngài nói:

- Ta không hỏi điều gì đã xảy ra ở Thebes, mà ta hỏi: “Những kẻ trung thành của ta đâu, những người ta đã yêu thương ở đâu?”.

Tôi đáp lại ngài:

- Thưa Pharaon, Hoàng hậu kiều diễm Nefertiti của ngài vẫn ở bên cạnh ngài. Các công chúa con ngài cũng ở bên cạnh ngài. Sekenre trẻ tuổi đâm cá dưới sông và Tut chơi trò đám tang với búp bê như trước. Những người khác có gì cần bận tâm đâu ạ?

Ngài hỏi:

- Bạn Thotmes của ta, cũng là bạn của người và là người ta yêu mến, ở đâu? Anh ta ở đâu, người nghệ sĩ đã thổi hồn vào đá?

- Anh ấy đã chết vì ngài, thưa Pharaon Ekhnaton, - tôi đáp.

- Lính da đen đã đâm anh ấy và ném xác anh ấy xuống sông làm thức ăn cho cá sấu, vì anh ấy trung thành với ngài. Có thể anh ấy đã khắc nhỏ vào giường ngài, nhưng bây giờ đừng nhớ đến chuyện đó, khi chó hung sa mạc đang sủa trong khu xưởng hoang tàn của anh ấy và các môn đệ của anh ấy đã chạy trốn, bỏ lại chông chơ đồ nghề và các bức tượng mà có thể anh ấy đã tạc sự bất tử vào.

Pharaon Ekhnaton động đập bàn tay như thể đang gỡ mạng nhện trên mặt. Sau đó, ngài đọc cho tôi tên của tất cả những người mà ngài từng yêu quý, và về một số tên, tôi nói:

- Anh ấy đã chết vì ngài, thừa Pharaon Ekhnaton. Còn phần lớn tên khác, tôi nói:

- Anh ta đã vận bộ quần áo đẹp nhất khi dâng đồ tế cho Amon và nguyên rửa tên của ngài, thừa Pharaon Ekhnaton.

Cuối cùng, tôi nói:

- Vương quốc Aton đã bị lật đổ, thừa Pharaon Ekhnaton. Không còn vương quốc Aton trên mặt đất, mà Amon đã nắm quyền trở lại.

Ngài nhìn chăm chăm về phía trước với đôi mắt lơ đãng, bồn chồn cử động đôi bàn tay nhợt nhạt và nói:

- Được rồi, được rồi, ta đã biết tất cả những điều ấy. Ảo giác của ta đã nói với ta điều đó. Vương quốc vĩnh hằng không vừa với những giới hạn trần gian. Tất cả sẽ lại như trước và nỗi sợ hãi, sự oán giận và bất công sẽ thống trị thế giới. Vì vậy, có lẽ tốt hơn nếu ta chết đi và có lẽ sẽ tốt hơn nếu ta không bao giờ được sinh ra trên cõi đời này để thấy tất cả những điều xấu xa đang xảy ra trên mặt đất.

Lúc đó, sự mù quáng của ngài khiến tôi tức giận và tôi nóng nảy nói:

- Ngài đã không thấy dù chỉ một chút những điều ác độc đã xảy ra chỉ vì ngài, thừa Pharaon Ekhnaton. Máu của con ngài không chảy xuống tay ngài và trái tim ngài đã không đông cứng vì tiếng kêu gào trước khi chết của người phụ nữ ngài yêu. Vì thế, lời ngài nói là những lời ngu ngốc, thừa Pharaon Ekhnaton.

Pharaon mệt mỏi nói:

- Vậy hãy tránh xa ta ra, Sinuhe, bởi vì ta xấu xa độc ác đến thế. Tránh xa ta để người không phải đau khổ thêm vì ta nữa. Tránh

xa ta ra vì ta đã phát ngán khi nhìn mặt người cũng như tất cả những người mà ta chỉ thấy vẻ dã thú trên khuôn mặt họ.

Nhưng tôi ngồi xuống sàn trước mặt ngài và nói:

- Tôi sẽ không rời xa ngài, thưa Pharaon Ekhnaton, vì tôi muốn nếm trải hết số phận mình và chắc chắn vì số phận ấy mà tôi đã sinh ra trên thế gian này và điều này đã được viết trên các vì sao trước ngày tôi được sinh ra.

Vậy nên ngài hãy biết là giáo sĩ Eje đang đến với ngài và ở biên giới phía bắc thành phố này, Horemheb đã lệnh thổi tù và và cắt đứt dây xích đồng chặn ngang dòng sông để dòng buồm đến với ngài.

Ekhnaton khẽ mỉm cười rồi dang tay ra và nói:

- Eje và Horemheb, tội đồ và chiến binh, vậy họ là những người trung thành duy nhất và đang đến với ta.

Sau đó, ngài không nói gì với tôi nữa, mà tôi cũng không nói gì thêm với ngài, chúng tôi chỉ lắng nghe âm thanh tí tách êm nhẹ của đồng hồ nước cho đến khi giáo sĩ Eje và Horemheb bước tới trước mặt Pharaon. Họ đã to tiếng cãi nhau trước khi đến, mặt cả hai tối sầm vì giận dữ. Họ nặng nhọc thở và cùng lúc lên tiếng với Pharaon, không thêm để ý gì đến tước vị của ngài nữa.

Eje nói:

- Pharaon Ekhnaton, người phải thoái vị, nếu muốn giữ mạng sống của mình. Hãy nhường ngôi cho Sekenre và để cậu ấy trở về Thebes làm lễ hiến tế Amon, các giáo sĩ sẽ xúc dầu cho cậu ấy lên làm Pharaon và đội vương miện màu đỏ và trắng lên đầu cậu ấy.

Còn Horemheb nói:

- Ngọn giáo của thần sẽ bảo vệ vương miện cho ngài, Pharaon Ekhnaton, nếu ngài trở về Thebes và làm lễ hiến tế Amon. Các giáo sĩ có thể quở trách, nhưng thần sẽ quát roi bắt họ yên và họ sẽ thôi rên rĩ khi ngài tuyên bố thánh chiến để giành lại Syria cho Ai Cập.

Pharaon Ekhnaton nhìn cả hai với khuôn mặt tiêu tụy và nở nụ cười chết chóc.

- Ta sống và chết là Pharaon, - ngài nói. - Ta không đời nào chịu hiến tế cho thần giả, và sẽ không bao giờ chịu tuyên bố chiến tranh để giữ lấy quyền lực của mình bằng máu. Đây là lời của Pharaon.

Nói xong ngài kéo vạt áo che mặt và bỏ đi, để lại ba chúng tôi với nhau trong đại sảnh với mùi tử thần trong cánh mũi.

Eje bắt lực đang tay ra và nhìn Horemheb. Cả Horemheb cũng đang hai tay ra và nhìn ông ta. Tôi ngồi bệt xuống sàn vì đầu gối chỉ chực khụy xuống và nhìn họ. Bất ngờ Eje mỉm cười rất gian manh và nói:

- Horemheb, những ngọn giáo ở dưới quyền của anh và ngài vàng là của anh. Hãy đội lên đầu mình hai chiếc vương miện mà anh khao khát.

Nhưng Horemheb cười nhạo ông ta và nói:

- Tôi không ngu đến thế. Hãy giữ vương miện bản thủ của mình nếu ông muốn, vì những ngọn giáo sẽ xuyên qua mũm tôi nếu tôi gắng ngồi lên mũi giáo, mà tôi còn không có dòng máu hoàng tộc sau mình nữa. Ông thừa biết rằng mọi thứ không thể trở lại như xưa sau tất cả những gì đã xảy ra, mà nạn đói và chiến tranh đang đe dọa Ai Cập, nếu tôi giành lấy vương miện bây giờ, dân chúng sẽ buộc tội tôi về tất cả những điều xấu xa sẽ xảy ra và ông sẽ dễ dàng lật đổ tôi khi thấy thời cơ đến.

Eje nói:

- Vậy thì Sekenre, nếu cậu ấy đồng ý trở lại Thebes. Nếu không thì Tut. Tut chắc chắn đồng ý. Vợ của cả hai mang dòng máu thánh. Hãy để các cậu ấy chịu cơn thịnh nộ của dân cho đến thời điểm thuận lợi hơn.

- Vậy là ông muốn nấp dưới bóng họ để trị vì, - Horemheb nói.

Nhưng Eje đáp:

- Anh quên là anh có quân đội và anh phải đánh bại lũ Hittite. Nếu anh làm được điều đó, không ai mạnh hơn anh ở xứ Kemet.

Họ cãi nhau như thế cho đến khi nhận ra rằng số phận của họ gắn liền với nhau và người này không thể thiếu người kia. Vì vậy, cuối cùng Eje nói:

- Horemheb, thành thật mà nói, ta đã cố gắng lật đổ anh bằng tất cả khả năng của mình, nhưng bây giờ anh đã mạnh hơn ta, con trai chim ưng ạ, không có anh, ta không làm được gì, bởi nếu quân Hittite kéo đến, ta sung sướng gì với quyền lực của mình và thậm chí ta còn không tưởng tượng nổi người như Pepitamon có thể tuyên chiến với quân Hittite, dù hẳn ta rất thạo làm đao phủ hay gây đổ máu. Vì vậy, Horemheb, hãy lấy ngày này làm ngày bắt đầu của liên minh giữa hai chúng ta, vì cùng nhau chúng ta có thể cai trị Ai Cập, còn thiếu nhau, cả hai chúng ta sẽ bị lật đổ. Không có ta, quân đội anh sẽ bất lực và không có quân đội của anh, Ai Cập sẽ sụp đổ. Vì vậy, nhân danh tất cả các vị thần của Ai Cập, chúng ta hãy thề rằng kể từ ngày này trở đi, chúng ta là một. Ta đã là một ông già, Horemheb, ta muốn nếm trải vị ngọt của quyền uy, còn anh còn trẻ và anh vẫn còn thời gian để chờ đợi.

- Tôi không thèm khát những chiếc vương miện, mà chỉ muốn một cuộc chiến tốt cho lũ bọ bẩn thỉu của mình, - Horemheb nói. - Nhưng về những chuyện này, tôi cần một sự cam kết của

ông, Eje, vì nếu không ông sẽ phản lại tôi ngay khi có cơ hội. Tôi quá hiểu con người ông.

Eje vung tay ra, nói:

- Ta có thể đảm bảo gì cho anh, Horemheb? Quân đội không phải là sự bảo đảm lâu dài hay sao?

Mặt Horemheb đỏ bừng, anh ta bối rối nhìn dọc theo các bức tường và chà dếp trên nền đá, như thể muốn dí ngón chân mình vào sâu trong cát. Rồi anh ta nói:

- Tôi muốn có được Công chúa Baketaton làm vợ. Đúng vậy, tôi muốn đập vỡ vò cùng nàng, dù bầu trời và mặt đất có nứt toác, ông cũng không ngăn được tôi.

Eje kêu lên:

- A ha, giờ thì ta hiểu anh muốn gì và anh thông minh hơn ta nghĩ, nên ta tôn trọng anh. Công chúa đã đổi tên lại thành Baketamon, các giáo sĩ cũng không có gì chê trách Công chúa và dòng máu thánh của Pharaon Đại đế chảy trong huyết quản của người. Quả thật, khi kết hôn với Công chúa, anh sẽ có quyền hợp pháp với vương miện, Horemheb, và quyền ấy tốt hơn quyền của chồng các con gái Ekhnaton, vì chúng chỉ mang dòng máu Pharaon giả. Quả là anh đã tính toán rất khôn ngoan, Horemheb, nhưng ta không thể đồng ý việc này, ít nhất là chưa, vì khi đó ta hoàn toàn nằm trong tay anh và ta không còn quyền uy gì đối với anh nữa.

Horemheb hét lên:

- Hãy giữ lấy vương miện bản thủ của ông, Eje. Tôi thèm khát nàng hơn cả vương miện và tôi thèm muốn nàng ngay từ lần đầu tiên tôi nhìn thấy sắc đẹp của nàng trong hoàng cung. Tôi khát khao được hòa lẫn máu mình với dòng máu của Pharaon Đại đế, để các vị vua của Ai Cập có thể được sinh ra từ bên hông

tôi. Ông chỉ thêm khát vương miện thôi, Eje. Vậy hãy lấy nó khi thời cơ chín muồi, những ngọn giáo của tôi sẽ gìn giữ ngai vàng của ông, nhưng hãy cho tôi Công chúa, tôi sẽ trị vì sau ông, dù ông sống lâu đến đâu, vì tôi có thời gian để đợi, như ông nói.

Eje đưa tay xoa miệng và suy nghĩ một lúc lâu, nét mặt ông ta càng lúc càng tỏ ra vừa lòng hơn khi đã thấy ra được một cái móc để có thể móc hàm Horemheb đến nơi ông ta muốn. Tôi ngồi trên sàn nghe họ nói chuyện và ghê sợ về tâm địa con người khi họ có thể chia sẻ vương miện với nhau, dù Pharaon Ekhnaton vẫn đang sống và hít thở trong cung thất kế bên. Cuối cùng, Eje nói:

- Anh đã chờ Công chúa của mình rất lâu rồi và có lẽ phải kiên nhẫn chờ thêm một thời gian nữa, vì trước tiên anh sẽ tiến hành một cuộc chiến khốc liệt và chiến tranh không thích hợp cho việc chuẩn bị đám cưới. Mà thuyết phục Công chúa cũng cần có thời gian, vì Công chúa rất khinh rẻ anh khi anh sinh ra với phân giữa các ngón chân. Nhưng ta, chỉ có ta, mới có đủ phương cách để thuyết phục Công chúa, và Horemheb ạ, nhân danh tất cả các vị thần của Ai Cập, ta thề với anh rằng vào ngày ta đội lên đầu mình chiếc vương miện đỏ và trắng, chính tay ta sẽ đập vỡ vò giữa các người và anh sẽ có được Công chúa. Ta không mặc cả thêm về chuyện này nữa, vì lúc đó ta cũng sẽ đặt mình vào tay anh.

Horemheb cũng không cố nài nèo thêm mà chỉ nói:

- Thôi được, chúng ta hãy lo xong cho tốt cả cái việc bản thủ này, và tôi cũng không tin là ông sẽ dè dặt với những việc vô ích, vì ông quá thêm khát những chiếc vương miện mà thật ra chỉ là đồ chơi trẻ con.

Trong niềm phấn khích, anh ta đã hoàn toàn quên tôi, nhưng khi nhìn ra quanh mình, anh thấy tôi và quá đỗi sửng sốt nói:

- Sinuhe, cậu vẫn ở đây ư? Đây là một ngày tồi tệ, vì cậu đã nghe những điều không thích hợp với những cái tai không xứng, bởi vậy tôi nghĩ rằng tôi phải giết cậu, mặc dù tôi không hề muốn vì cậu là bạn của tôi.

Những lời của anh khiến tôi chỉ muốn cười khi nghĩ rằng cả hai, Eje và Horemheb, đều không xứng đáng chia nhau vương miện, trong khi tôi, có lẽ là người chính danh xứng đáng, người thừa kế duy nhất của các pharaon vĩ đại và dòng máu thánh chảy trong huyết quản, lại ngồi im trên sàn nghe. Vì thế tôi không thể nén được tiếng cười của mình, mà đưa tay che miệng và cười khinh khích, the thé như một bà già. Eje rất bức tức vì giọng cười của tôi và nói:

- Không đáng cười chút nào, Sinuhe, vì đây là những chuyện nghiêm trọng. Tuy nhiên, chúng ta sẽ không giết người ngay cả khi người đáng bị như vậy, nhưng vì người đã nghe tất cả, nên có thể sẽ tốt hơn nếu người làm chứng giữa chúng ta. Người không bao giờ được kể với bất kỳ ai những gì mình đã nghe ở đây ngày hôm nay, vì chúng ta cần người và chúng ta trói buộc người vào mình, chúng ta trói buộc người với mình bằng sợi dây bền chắc hơn mọi lời thề nguyện, vì có lẽ chính người cũng hiểu đã đến lúc Pharaon Ekhnaton phải chết. Vì vậy, là ngụy y của Pharaon, người phải khoan hộp sọ của Pharaon ngay hôm nay và phải đảm bảo rằng con dao của người cắm đủ sâu vào sọ ngài để ngài chết như tục lệ đòi hỏi.

Còn Horemheb nói:

- Tôi không nhúng tay mình vào chuyện này, vì nó đã quá bẩn rồi khi chạm vào tay Eje. Tuy nhiên, Eje nói đúng. Pharaon Ekhnaton phải chết để Ai Cập được giải nguy. Không còn cách nào khác.

Tôi tiếp tục bịt miệng khúc khích cho đến khi bình tĩnh lại và nói:

- Là một thầy thuốc, tôi không thể khoan hợp sọ của Pharaon vì không có đủ lý do và trách nhiệm nghề nghiệp không cho phép tôi làm việc đó. Nhưng các người đừng lo, với tư cách một người bạn, tôi sẽ pha thuốc tốt cho ngài. Uống thuốc đó rồi, ngài sẽ ngủ và không bao giờ thức dậy, như thế tôi sẽ tự trói buộc mình với các người để các người không bao giờ sợ tôi nói điều gì về các người.

Nói rồi, tôi lấy cái lọ thủy tinh sắc sỡ mà một lần Hrihor đã đưa cho tôi và pha thuốc vào rượu trong một cái cốc vàng; mùi thuốc cũng dễ chịu. Tôi bê cái cốc trên tay và cả ba chúng tôi cùng đến phòng của Pharaon Ekhnaton. Ngài đã cởi vương miện, để roi và cây trượng xuống bên cạnh vương miện và nằm nghỉ trên giường, khuôn mặt xám xịt và đôi mắt đỏ ngầu. Eje tò mò đến sờ mó những chiếc vương miện và thử sức nặng của chiếc roi vàng trên tay rồi nói:

- Pharaon Ekhnaton, bạn Sinuhe của ngài đã pha cho ngài một loại thuốc tốt. Hãy uống đi, ngài sẽ khỏi và ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục bàn về những việc khó khăn.

Pharaon ngồi dậy trên giường, đưa tay cầm chiếc cốc và lần lượt nhìn từng người chúng tôi, ánh mắt mệt mỏi của ngài xuyên qua tôi khiến sống lưng tôi run rẩy vì sức mạnh từ cái nhìn của ngài. Rồi ngài nói với tôi:

- Người ta lấy chùy ân xá cho một con vật ốm. Người thương xót và ân xá ta, phải vậy không, Sinuhe? Nếu vậy, ta cảm ơn người vì điều đó, vì sự thất vọng của ta còn cay đắng hơn cái chết trần thế và cái chết ngày hôm nay với ta ngọt ngào hơn cả mộc dục.

- Xin uống đi, thưa Pharaon Ekhnaton, - tôi nói với ngài.

- Uống vì Aton của ngài.

Cả Horemheb cũng nói:

- Uống đi, Ekhnaton, bạn của tôi. Uống đi để cứu Ai Cập. Tôi sẽ lại che chở sự yếu ớt của ngài bằng tấm choàng vai của tôi, như một lần trước đây trong sa mạc ngoài Thebes.

Pharaon Ekhnaton uống, nhưng tay ngài run mạnh khiến rượu tràn ra quai hàm. Khi ấy, ngài đưa cả hai tay cầm lấy cốc, uống cạn rồi lại nằm thẳng xuống giường, tựa gáy xuống gối gỗ. Cả ba chúng tôi nhìn chăm chăm vào ngài một lúc lâu song ngài không nói với chúng tôi lời nào nữa, mà nhìn chăm chú vào những ảo ảnh của mình với đôi mắt đỏ và mờ dần. Sau một lúc, cơ thể ngài bắt đầu run lên như thể ngài bị lạnh, Horemheb cởi tấm vải choàng trên vai và phủ lên người ngài, còn Eje lấy các vương miện của ngài và đội lên đầu mình bằng cả hai tay.

Thế là Pharaon Ekhnaton tắt thở; tôi đã cho ngài uống tử thần và ngài uống cái chết từ tay tôi. Nhưng tại sao tôi làm điều đó, tôi không biết, bởi con người ta không hiểu được lòng mình. Tuy nhiên, tôi không nghĩ mình làm đến mức đó vì Ai Cập mà chính là vì Merit và Thoth bé nhỏ, con trai tôi. Tôi cũng không làm điều đó vì tình yêu đối với ngài mà vì sự hận thù và cay đắng của tôi và vì tất cả những tai họa mà ngài đã gây ra. Nhưng trên tất cả, tôi đã làm điều đó vì nó được viết trong các ngôi sao rằng tôi phải sống hết số phận mình. Khi nhìn ngài chết, tôi nghĩ mình đã nhận đủ phận mình, nhưng con người ta không biết được chính lòng mình và lòng người vô độ, vô độ hơn cá sấu dưới sông.

Thấy Pharaon đã chết, chúng tôi rời hoàng cung, cấm người hầu quấy rầy vì ngài đã ngủ. Mãi đến sáng hôm sau, người hầu mới thấy thi thể ngài và lớn tiếng khóc than, tiếng kêu than, khóc lóc vang khắp hoàng cung, mặc dù tôi nghĩ rằng nhiều người thấy nhẹ nhõm bớt nhờ cái chết của ngài. Nhưng Hoàng hậu Nefertiti đứng bên cạnh giường ngài không khóc và không ai có thể hiểu nổi bà đang nghĩ gì. Tuy nhiên, bà vẫn đưa bàn tay xinh đẹp chạm vào những ngón tay gầy guộc của Pharaon Ekhnaton và vuốt má ngài khi tôi đến để giao thi thể ngài cho

Nhà Chết theo trọng trách của mình. Nhà Chết và hoàng cung là nơi duy nhất còn sống động ở thành phố Akhetaton. Rồi tôi tiễn đưa Pharaon Ekhnaton đến Nhà Chết và giao thi thể ngài vào tay những người ngâm tẩm thi thể để họ bảo quản thi thể ngài sống mãi đời đời.

Theo quốc pháp và truyền thống, Sekenre trẻ tuổi là Pharaon, nhưng cậu ta thất thần vì đau buồn và nhìn chăm chăm xung quanh mà không thể thốt ra một lời nào rõ ràng, vì cậu ta đã quen nhận lấy tất cả suy nghĩ của mình từ Pharaon Ekhnaton. Eje và Horemheb thuyết phục cậu ta và bảo cậu ta phải gấp rút đến Thebes để dâng đồ hiến tế Amon nếu cậu ta muốn giữ vương miện trên đầu mình. Nhưng cậu ta không tin họ, vì cậu ta rất trẻ con và nằm mơ giữa ban ngày. Vì vậy, cậu ta nói:

- Tôi sẽ đem ánh sáng của Aton đến với dân chúng, xây dựng đền thờ phụ vương tôi, Ekhnaton, và thờ phụng ông như một vị thần trong đền, bởi vì phụ vương không giống như những người khác.

Người ta kể về tính nết trẻ con của cậu Sekenre này là khi đội lính canh theo hàng ngũ chỉnh tề, trật tự trốn khỏi thành phố bị nguyên rủa, cậu ta chạy theo sau họ khóc lóc, cầu xin họ trở lại vì Pharaon và nói với họ: “Chắc chắn các người không thể từ bỏ nhà cửa, vợ con mình như thế này”. Nhưng lính Shardana và người Syria đã cười và chế nhạo cậu ta, một viên đội Shardana vạch quần mình ra và vừa cho cậu ta xem “chim” vừa nói: “Cái của này ở đâu, ở đấy là nhà và vợ con chúng ta”. Như thế, với tính trẻ con, Sekenre đã làm ô uế phẩm giá hoàng gia của mình khi khóc lóc và cầu xin những người lính đánh thuê quay trở lại.

Nhận thấy sự cứng đầu của cậu ta, Eje và Horemheb bỏ đi. Ngày hôm sau xảy ra chuyện, rằng vì đói nên cậu ta xuống sông để ném lao đâm cá, thuyền sậy của cậu ta bị lật và cậu bị cá sấu ăn thịt. Ít nhất là nghe kể lại như vậy, song tôi không biết thực hư thế nào. Tuy nhiên, tôi không tin Horemheb là người đã sai giết

cậu ta mà có nhiều khả năng hơn là Eje, người đang muốn trở lại Thebes thật nhanh để giành lấy quyền lực.

Sau đó, Eje và Horemheb đến gặp Tut trẻ tuổi; cậu bé đang ở trong cung điện, chơi trò đăm tang với búp bê trên sàn nhà như thường lệ và vợ cậu là Công chúa Ankhsenaton cùng chơi với cậu ta. Horemheb nói:

- Chào Tut, đã đến lúc cậu phải đứng dậy khỏi sàn nhà bẩn thỉu đó, bởi bây giờ cậu là pharaon.

Tut ngoan ngoãn đứng dậy, đi ngay đến ngai lên ngai vàng và nói:

- Tôi là pharaon à? Tôi hoàn toàn không ngạc nhiên về điều đó, vì tôi luôn cảm thấy mình giỏi hơn những người khác và việc tôi trở thành pharaon là đúng. Tôi sẽ lấy roi trừng phạt tất cả những kẻ làm những điều sai trái và với cây trượng của mình, tôi sẽ chăm nom những người ngoan hiền và mộ đạo.

Eje nói:

- Đừng nói những điều ngu dốt nữa, Tut. Hãy làm theo mọi điều ta bảo, không được cản nhản gì hết. Trước tiên, chúng ta phải theo một đoàn rước trang trọng đến Thebes và ở Thebes, cháu cúi lạy Amon trong đền thờ lớn của ngài và dâng lễ cho ngài, các giáo sĩ sẽ xúc dầu cho cháu và đặt chiếc vương miện màu đỏ và trắng lên đầu cháu. Cháu hiểu không?

Tut ngần ngừ một lúc rồi hỏi:

- Nếu cháu đến Thebes, người ta có xây cho cháu một lăng mộ giống như cho tất cả các pharaon vĩ đại không, các giáo sĩ có lấy đồ chơi, và ngai vàng, và giường đẹp cho vào đầy lăng mộ của cháu không? Vì những ngôi mộ này ở Akhetaton chật chội và xấu xí, mà cháu không muốn chỉ có những bức tranh trên tường mộ của mình, cháu muốn đồ chơi thật và cả con dao xanh tuyệt

vời mà cháu được người Hittite tặng, cháu muốn mang nó theo xuống mộ.

- Chắc hẳn các giáo sĩ sẽ xây cho cháu một ngôi mộ lớn, - Eje quả quyết. - Tut, cháu là một cậu bé khôn ngoan vì việc đầu tiên cháu nghĩ đến ngay khi trở thành pharaon là lăng mộ của mình, khôn ngoan hơn chính cháu nghĩ đấy. Nhưng trước hết, cháu phải đổi tên của mình. Tên Tutankhaton sẽ không được các giáo sĩ Amon chấp thuận. Vậy nên kể từ hôm nay, tên của cháu là Tutankhamon.

Tut hoàn toàn không phản đối mà chỉ muốn học cách viết tên mới của mình vì cậu ta không biết các ký hiệu để viết tên Amon. Thế là lần đầu tiên, tên Amon được viết xuống ở Akhetaton. Nhưng khi thấy Tutankhamon trở thành pharaon và mình bị quên hoàn toàn, Nefertiti đã mặc lên người bộ xống áo đẹp nhất, cho xúc dầu thơm lên tóc và thân thể mình, mặc dù đang là góa phụ để tang chồng, rồi đi đến thuyền của Horemheb để gặp anh ta và nói:

- Thật nực cười khi một đứa con trai chưa đến tuổi thành niên trở thành pharaon và người cha Eje đáng nguyên rủa của ta đã tước đoạt từ tay ta quyền nuôi dưỡng nó và dùng quyền lực của nó để trị vì Ai Cập, cho dù ta là hoàng thái hậu. Cả cánh đàn ông cũng thích ngắm nhìn ta, gọi ta là một phụ nữ đẹp và ta được cho là người phụ nữ đẹp nhất Ai Cập, mặc dù điều này dĩ nhiên là tâng bốc. Vì vậy hãy nhìn ta xem, Horemheb, cho dù nỗi buồn đã làm mất ta mờ đi và làm lưng ta còng xuống. Hãy nhìn ta, Horemheb, vì thời gian là quý giá; người có các tay giáo dưới quyền mình, người và ta có lẽ nên cùng nhau lên kế hoạch cho mọi việc, những điều có lợi cho Ai Cập. Ta công khai nói với người những điều này, vì ta chỉ mong điều tốt nhất cho Ai Cập và ta biết rằng cha ta, Eje đáng nguyên rủa ấy, là lão già tham lam và xảo quyệt, có thể sẽ gây nhiều tai họa cho Ai Cập.

Horemheb nhìn Nefertiti và bà ta hé mở vạt áo trước mặt anh, vừa đung đưa quạt rũ vừa nói lều chỉ huy trên thuyền này quá nóng. Bà ta không biết chút gì về thỏa thuận bí mật giữa Horemheb và Eje, và vì là một phụ nữ, có lẽ bà ta đoán được phần nào nỗi niềm khát khao Horemheb dành cho Baketamon, nhưng bà ta nghĩ với sắc đẹp của mình, bà ta dễ dàng đánh bật nàng công chúa khờ khạo và kiêu ngạo ra khỏi tâm trí Horemheb. Trong hoàng cung này, bà ta đã quá quen với những chiến thắng dễ dàng khi để những vị khách khạc nhổ vào giường của Pharaon.

Nhưng sắc đẹp của bà ta không tác động gì đến Horemheb, mà anh ta chỉ lạnh lùng nhìn bà ta và nói:

- Tôi đã bơi trát quá đủ phân, rác lên người mình ở thành phố bị nguyên rửa này rồi nên không còn muốn làm bẩn mình thêm vì bà nữa, Nefertiti xinh đẹp. Hơn nữa, tôi còn phải đọc cho các lực sự viết nhiều văn thư liên quan đến cuộc chiến nên không có thời gian để đùa giỡn với bà.

Những điều này Horemheb đã kể cho tôi nghe sau đó, và chắc chắn có hơi thổi phồng khi kể, nhưng tôi nghĩ điểm chính là có thật, vì kể từ ngày ấy Nefertiti thù Horemheb đến uất hận, tìm đủ mọi cách để hại và làm hoen ố danh tiếng của anh ta; ở Thebes, bà ta làm thân với Công chúa Baketamon và việc này đã gây cho Horemheb bao nhiêu hậu họa, như sau này tôi sẽ buộc phải kể ra. Sẽ khôn ngoan hơn nhiều nếu như Horemheb không xúc phạm bà ta mà vẫn giữ tình bạn và bày tỏ sự triu mến với bà trong nỗi buồn tang tóc. Nhưng Horemheb không còn muốn nhổ nước bọt xuống thi thể của Pharaon Ekhnaton nữa, bởi có một điều kỳ lạ là Horemheb vẫn yêu quý Pharaon Ekhnaton, dù đã cho xóa tên và hình ảnh của ngài khỏi tất cả các kinh sách, bia ký và phá nát đền thờ Aton ở Thebes. Để làm chứng cho điều này, tôi phải kể là chính Horemheb đã sai những người thân tín chuyển thi thể của Pharaon Ekhnaton ra khỏi mộ của ngài ở Akhetaton và bí mật giấu nó như một thi hài vô danh trong mộ

của mẹ ngài ở Thebes để thi thể của Ekhnaton không rơi vào tay các giáo sĩ. Vì các giáo sĩ muốn đốt xác Ekhnaton và rải tro xuống sông để linh hồn đáng nguyên rửa của ngài phải muôn đời lang thang trong các hốc hẻm của địa ngục, nhưng Horemheb đã kịp hành động trước họ, cho giấu xác của Ekhnaton. Tuy nhiên, điều này chỉ xảy ra rất nhiều năm về sau.

6

Được Tutankhamon ưng thuận, Eje vội vàng sai kiếm thuyền và cả triều đình lên thuyền rời bỏ thành phố Akhetaton, khiến nơi đây không còn ai sinh sống trừ những người ngâm tắm thi thể của Nhà Chết, những người sẽ giữ xác ướp của Pharaon Ekhnaton sống mãi muôn đời trong lăng mộ mà ngài đã sai đục đá, xây cho mình ở trái núi phía đông. Thế là những người dân cuối cùng chạy trốn khỏi Thành phố Thiên Đường, vội vã đến mức không ai ngoái nhìn lại. Trong hoàng cung, nôi bát vẫn chỏng chơ trên bàn giữa bữa ăn và đồ chơi của Tut vẫn nằm lăn lóc trên sàn để cậu chơi mãi trò đám tang không chán.

Gió sa mạc thổi bật tung các ô cửa sổ và cát rơi khắp sàn nhà, những đàn vịt đập chờn bay mãi muôn đời trong các bãi sậy xanh ngắt và đàn cá sặc sỡ bơi trong làn nước mát. Các khu vườn Akhetaton lại trở thành hoang mạc, những ao cá trong vườn khô trơ đáy, các mương tưới bị tắc nghẽn và cây ăn trái chết khô. Đất sét vỡ vụn từ tường các ngôi nhà, các mái nhà đổ sụp vào trong, thành phố Akhetaton biến thành đồng đổ nát, chó hung sa mạc tru sủa trong các phòng sảnh trống trơn và làm ổ trên những chiếc giường êm ái dưới lọng che sặc sỡ. Thành phố Akhetaton đã chết như thế và chết nhanh hết như khi ý muốn của Pharaon Ekhnaton đã thổi nó mọc lên nơi hoang vắng. Không ai dám lén vào đồng đổ nát của nó để lấy những đồ quý giá bị chôn vùi hoài phí dưới lớp đất sét rã vụn, vì vùng đất này vĩnh viễn bị nguyên rửa và Amon sấy khô tay

chân bất kỳ ai dám bước vào đây. Vì vậy, thành phố Akhetaton biến mất như chưa từng tồn tại, biến mất tựa một giấc mơ, một ảo ảnh.

Phía trước đoàn thuyền của Pharaon Tutankhamon, đội thuyền chiến của Horemheb lao đi như cơn lốc, trấn an dân chúng các vùng hai bên sông. Anh ta lập lại trật tự cho Thebes, chấm dứt nạn cướp bóc và không ai còn bị treo ngược trên tường vì Aton, bởi anh ta cần tất cả những ai còn sức chiến đấu cho cuộc chiến. Eje ra lệnh giương cờ hiệu của Pharaon mới dọc hai bên Đại lộ Nhân Sư và các giáo sĩ đã chuẩn bị nghi lễ hoành tráng nghênh đón Pharaon mới trong ngôi đền lớn. Tôi, Sinuhe, đã thấy Pharaon mới ngồi trong kiệu được rước đi dọc theo Đại lộ Nhân Sư, theo sau là Hoàng hậu Nefertiti và các con gái của Pharaon Ekhнатon; chiến thắng của Amon thật hoàn hảo. Các giáo sĩ xúc dầu cho Pharaon mới trước tượng Amon ở nơi linh thiêng nhất và trước dân chúng, đặt chiếc vương miện màu đỏ và trắng, vương miện hoa huệ và giấy cói, vương miện của miền Thượng và miền Hạ lên đầu ngài để dân chúng thấy rằng Pharaon đã được họ tận tay trao quyền lực. Dầu họ cạo nhẵn, mặt họ bôi dầu thánh và Pharaon dâng cho Amon tất cả sự giàu có mà Eje đã vắt kiệt được từ đất nước đang kiệt quệ. Nhưng Hrihor đã thỏa thuận với Horemheb rằng Amon sẽ cho anh ta vay của cải của mình để phục vụ chiến tranh, vì những thông điệp đáng báo động lại đến từ hạ lưu và Horemheb đã thổi phồng lên để gieo rắc nỗi kinh hoàng và sợ hãi về quân Hittite trong dân chúng.

Dân chúng Thebes reo mừng cho Amon và Pharaon mới, dù ngài vẫn còn là một đứa trẻ, bởi lòng người thật khờ dại, luôn đặt hy vọng và niềm tin vào tương lai mà không học được chút gì từ những sai lầm của mình và luôn tưởng tượng ngày mai sẽ tốt hơn ngày hôm nay. Vậy nên dân chúng đứng đầy hai bên Đại lộ Nhân Sư, trước đền thờ và tất cả sân trước, vui mừng hò hét chào đón Pharaon mới và rắc hoa trên đường đi của ngài. Nếu ai đó không hò hét mà chỉ đứng lặng thinh và lăm lì thì cán giáo

của binh lính Eje và Horemheb dạy họ biết phải làm gì nếu muốn yên lành.

Nhưng ở bến cảng và trong các khu phố nghèo, các đồng đồ nát vẫn âm ỉ cháy, mùi khói khét lẹt từ đó bốc lên và sông sặc mùi tanh nồng của máu và xác chết. Từ trên mái đền, quạ và chim ăn thịt vượn chiếc cổ dính đầy máu quàng quạc, no nê đến mức không còn sức cất cánh bay lên; cá sấu dưới sông cũng no nê đến mức không còn muốn quẫy đuôi mà chỉ nằm ườn trên bờ, há rộng mõm cho những con chim nhỏ rửa và làm sạch đồ ăn gồm ghế còn dính đầy trên răng chúng. Đây đó, len lỏi giữa đồng đồ nát và những ngôi nhà bị cháy, đàn bà và trẻ nhỏ sợ hãi đào bới, tìm những đồ dùng trong ngôi nhà cũ của mình; con cái của những nô lệ và phu khuân vác đã bị giết đi theo sau các cỗ chiến xa của Pharaon để nhặt những hạt ngũ cốc chưa tiêu từ phân ngựa, vì nạn đói khủng khiếp vẫn hoành hành ở Thebes. Đi trên những cầu thuyền vẫn còn bốc mùi máu tanh tưởi, nhìn những chiếc sọt trống rỗng và thuyền bè không có hàng hóa, tôi, Sinuhe, nghĩ đến Merit và Thoth bé bỏng đã chết vì Aton và trái tim điên dại của tôi.

Bước chân đưa tôi đến đồng đồ nát của Đuôi Cá Sấu và tôi nghĩ đến lời Merit từng nói với tôi: “Có lẽ em chỉ là tấm chăn che nỗi cô đơn của anh, khi em không phải là tấm thảm của anh”. Tôi cũng nghĩ đến Thoth bé bỏng, con trai tôi, dù khi ấy tôi không biết điều này, tôi thấy Thoth mồm mĩm trước mặt mình, vòng tay ôm cổ tôi và áp má vào má tôi. Mùi khói cay xè xộc vào mũi tôi khi tôi đi trong cát bụi bến cảng, và tôi thấy trước mặt mình thi thể Merit bị giáo đâm xuyên và cái mũi cùng mái tóc xoắn mềm dầm máu của Thoth bé nhỏ. Tôi thấy tất cả hình ảnh này trước mắt mình và nghĩ cái chết của Pharaon Ekhnaton thật dễ dàng quá. Tôi nghĩ trên thế gian không có gì khủng khiếp hơn và nguy hiểm hơn những ảo mộng của các pharaon, vì chúng gieo rắc máu me, chết chóc và chỉ vỏ béo cá sấu. Tôi nghĩ như vậy khi bước đi trên bến cảng hoang vắng và từ phía xa trước ngôi đền vắng đến tai tôi tiếng hò reo vui mừng của đám đông

khi họ chào đón Pharaon Tutankhamon và tưởng tượng rằng cậu bé ngớ ngẩn chỉ mơ có lăng mộ đẹp này sẽ xóa bỏ bất công và lập lại hòa bình, đem lại thịnh vượng cho xứ Kemet.

Cứ thế, tôi bước đi theo sự dẫn lối của đôi chân mình và nhận ra tôi lại chỉ còn một mình; dòng máu tôi đã chảy phí hoài trong Thoth và chảy đi không trở lại nữa, tâm trí tôi không còn chút hy vọng nào về sự bất tử hay cuộc sống trường tồn, mà cái chết với tôi như sự nghỉ ngơi, như giấc ngủ và như nỗi than hồng nóng ấm trong đêm lạnh lẽo. Thần của Pharaon Ekhnaton đã tước hết của tôi tất cả niềm vui và hy vọng, và tôi hiểu ra tất cả thần linh đều trú ngụ trong những ngôi nhà tối không có đường ra. Pharaon Ekhnaton đã uống cái chết từ tay tôi, nhưng điều này không đền bù được cho tôi bất cứ điều gì và với cái chết, ông đã uống vào trái tim mình sự quên lãng khoan dung. Nhưng tôi sống và không thể quên. Vậy nên nỗi phẫn uất như nước kiềm bào mòn tim tôi và tôi thấy căm giận tất cả mọi người, thấy căm giận cả đám dân chúng đang như bầy gia súc la hét trước đền thờ, ngu ngốc, đại dột hết như trước đây và không học được gì từ những điều họ từng phải nếm trải.

Trên bến cảng đầy những đóng đổ nát, tan hoang, chết chóc, nhưng từ đông sọt rỗng xuất hiện một hình người bò đến gần tôi. Đó là một người đàn ông nhỏ thó, gầy gò, chân tay teo tóp vì thiếu ăn từ nhỏ. Anh ta lè cái lưỡi đen thẫm ướt môi và nhìn tôi với đôi mắt điên dại rồi hỏi:

- Có phải ông là Sinuhe, ngự y hoàng gia đã băng bó vết thương cho người nghèo vì Aton không?

Anh ta bật cười ghê rợn, rồi nhồm dậy, chỉ ngón tay vào tôi và nói:

- Có phải ông là Sinuhe, người đã phân phát cho dân chúng bánh mì và nói: “Đây là bánh của Aton, hãy lấy và ăn vì Aton”. Nếu phải, hãy vì tất cả thần linh âm phủ cho tôi một mẩu bánh mì,

vì tôi đã trốn lũ lính canh mấy ngày nay và không dám xuống sông uống nước. Nhân danh tất cả các thần linh địa ngục, hãy cho tôi một mẩu bánh mì, vì nước miếng đã khô trong miệng tôi và bụng tôi sẽ xanh lại như cỏ.

Nhưng tôi không có bánh mì để cho, mà anh ta cũng không chờ đợi điều đó, vì anh ta đến chỉ để chế giễu tôi bởi nỗi phẫn uất của chính mình. Anh ta nói:

- Tôi từng có một túp lều, dù nó tồi tàn và tanh nồng mùi cá, song đó là lều của tôi. Tôi từng có vợ, dù cô ấy xấu xí, đói khát và gầy gò, nhưng cô ấy là vợ tôi. Tôi đã có những đứa con, dù chúng chịu đói khát ngay trước mắt tôi, nhưng chúng là con tôi. Túp lều của tôi giờ ở đâu, vợ tôi và các con tôi giờ ở đâu? Sinuhe, thần Aton của ông đã đưa họ đi, Aton, kẻ hủy diệt và tàn phá tất cả, đã đưa họ đi và tôi không còn gì khác ngoài rác rưởi trong nắm tay mình, và tôi sắp chết, nhưng tôi không hối tiếc.

Anh ta ngồi bệt xuống trước mặt tôi, ấn nắm tay vào cái bụng sưng phồng, đôi mắt điên dại nhìn chăm chăm về phía trước và thì thầm với tôi:

- Sinuhe, có lẽ trò chơi của chúng ta dù sao cũng có ích, vì dù tôi sẽ chết và đồng đội của tôi cũng chết, có thể ký ức về chúng tôi vẫn còn lại ở miệng dân chúng. Ký ức về chúng tôi có thể còn mãi trong trái tim của những người làm việc chân tay và bị gậy đánh vào lưng; họ sẽ vẫn nhớ đến chúng tôi khi Aton của ông đã bị lãng quên từ lâu và cái tên của Pharaon bị nguyên rửa của ông đã bị tẩy xóa khỏi tất cả kinh sách. Có thể ký ức mờ nhạt về chúng tôi sẽ còn mãi trong tâm trí dân chúng, trẻ em sẽ biết về chúng tôi qua những giọt sữa đắng cay của mẹ chúng và sẽ học từ sai lầm của chúng tôi. Khi đó, chúng sẽ biết ngay khi mới sinh ra điều mà chúng tôi phải học. Chúng sẽ biết không có sự khác biệt giữa người với người và máu là máu, dù nó chảy ra từ một trái tim đói khát hay từ một trái tim no đủ. Chúng biết nô lệ và người nghèo không nên tin lời các pharaon hay ngự y hoàng gia,

không nên tin luật pháp hay lời của người quyền quý, mà chỉ dựa vào sức mạnh nắm đấm của mình và chúng cần ban hành luật lệ của riêng mình. Ai không đứng về phía mình là chống lại mình và trong việc này không có sự thương xót hay phân biệt giữa mọi người. Trong trái tim mình, Sinuhe, cả ông cũng không đứng về phía chúng tôi. Vì thế ông chống lại chúng tôi, mặc dù ông đã phát cho chúng tôi bánh mì và nói với chúng tôi những lời sáo rỗng về Aton của Pharaon. Tất cả thần linh đều giống nhau, tất cả các pharaon đều giống nhau và tất cả các quan quyền đều giống nhau, cho dù chính họ không thừa nhận điều đó. Tôi, Meti, người làm cá, nói điều này mà không có gì phải ân hận về lời nói của mình, bởi vì tôi sẽ sớm chết, xác tôi sẽ bị ném xuống sông và biến mất, không còn tôi nữa. Nhưng cái gì đó của tôi sẽ còn lang thang trên mặt đất và điều khiến ông nhận ra tôi là sự bồn chồn trong trái tim người nô lệ, là đốm than bí mật trong mắt họ và là vị đắng trong sữa của những bà mẹ gầy gò khi họ cho những đứa con khốn khổ của mình bú. Tôi, Meti, người làm cá, sẽ làm mọi thứ lên men cho đến khi tất cả nở bùng và mẻ bột lớn cuối cùng được nướng.

Qua lời nói và ánh mắt của anh ta, tôi nhìn thấy nỗi bất hạnh và sợ hãi đã khiến tâm trí anh ta trở nên u tối. Nhưng anh ta đã đưa bàn tay đầy sẹo quờ quạng chạm vào đầu gối tôi, giữ tôi lại và lầm bầm:

- Ông, Sinuhe, người biết đọc, biết viết và đã học rất nhiều, tất nhiên ông nghĩ rằng người làm cá không biết nghĩ, nhưng tôi đã có nhiều ngày đêm suy nghĩ trong khi nhai cỏ và mút lớp muối mặn mòi trên nan đan giỏ cá, dù suy nghĩ là việc làm rất khó và khiến người ta đau đầu. Vì thế, tôi đã biết sai lầm của chúng tôi là gì và tại sao chúng tôi phải chết. Vì chúng tôi từng có quyền lực và đất đai từng là của chúng tôi, nhưng chúng tôi không biết sử dụng quyền lực của mình mà chỉ bằng lòng với việc cướp bóc, tranh giành mỗi thu được và nhậu nhẹt đến say xỉn vì ai cũng muốn được lợi nhiều nhất từ quyền lực của mình. Chúng tôi ăn và uống đến no nê khi lẽ ra phải giết, giết và giết không ngừng

cho đến khi không còn ai không đứng về phía mình. Nhưng chúng tôi đã không học được nghệ thuật giết người trong sự khốn khổ, nghèo đói của mình, mà chúng tôi quá coi trọng sinh mạng con người, cho đến khi con mèo Pepitamo và lão Eje đen đúa dạy chúng tôi nghệ thuật chém giết bằng việc giết tất cả chúng tôi. Bài học này đã quá muộn để chúng tôi học, nhưng khi trốn trong chiếc sọt sậy rỗng, tôi đã mơ thấy rất nhiều cảnh giết chóc và tôi để lại những ác mộng này cho các thế hệ sau làm của thừa kế, những giấc mộng len đi trong bóng tối khi tôi đã chết, len lỏi vào giấc mơ của những nô lệ và người nghèo khổ cho đến khi ngón tay và ngón chân họ bắt đầu run lên; họ mơ những giấc mơ của tôi khi tôi đã chết từ lâu.

Anh ta chăm chăm nhìn tôi với đôi mắt bùng bùng như đang sốt và siết chặt đầu gối tôi bằng đôi tay đầy sẹo. Lúc đó tôi quỳ xuống chỗ đầy bụi đất trước mặt anh ta, giơ hai tay lên và nói:

- Người làm cá Meti, ta thấy người giấu dao dưới tấm áo rách rưới của người. Hãy giết ta đi, nếu nghĩ ta có tội. Hãy giết ta đi, Meti, vì ta quá mệt mỗi khi mơ thấy những giấc mơ và ta không còn vui thích gì nữa. Hãy giết ta nếu người thấy việc ấy có thể trả thù cho mình. Ta không thể làm gì khác cho người được nữa.

Anh ta lấy con dao đánh vảy cá từ thắt lưng ra, quệt đi quệt lại lưỡi dao vào lòng bàn tay đầy sẹo của mình và nhìn tôi cho đến khi mắt trở nên mờ đục, rồi anh ta bắt đầu khóc, vứt con dao đi và nói:

- Giết người chẳng ích gì, bây giờ tôi hiểu điều đó, việc chém giết không đem lại lợi ích gì cả vì lưỡi dao mù quáng đâm vào kẻ có tội và cả người vô tội. Không, Sinuhe, hãy quên lời tôi nói và tha thứ cho sự độc ác của tôi, vì khi một người cầm dao đâm vào người khác chính là đâm vào anh em mình và có lẽ chúng tôi, những người nô lệ khốn khổ, hiểu điều đó trong tim mình, vì thế chúng tôi không thể giết người. Và có lẽ vì thế, cuối cùng chúng tôi mới là người chiến thắng, chứ không phải những

người đã giết chúng tôi. Họ là người thua và đánh mất chính mình khi giết người. Sinuhe, người anh em của tôi, có lẽ sẽ đến ngày con người coi người khác là anh em mình mà không giết người ấy. Vậy hãy để tiếng khóc của tôi làm của thừa kế cho những người anh em khi tôi chết. Hãy để tiếng khóc của Meti, người làm cá, len lỏi vào giấc mơ của người nghèo và nô lệ. Hãy để những bà mẹ ru những đứa con gầy guộc của họ bằng tiếng khóc của tôi. Thỉnh thoảng, hãy để tiếng khóc của tôi nức nở khi các thớt đá đang xay, để bất cứ ai nghe được bằng trái tim có thể tìm thấy những người anh em xung quanh họ.

Anh ta vỗ nhẹ bàn tay đầy sẹo vào má tôi, những giọt nước mắt nóng hổi từ mắt anh ta rơi xuống tay tôi và mùi tanh nồng của người làm cá từ anh ta xộc vào mũi tôi khi anh ta nói:

- Hãy đi đi, Sinuhe, người anh em của tôi, kẻ lính gác bắt gặp ông và ông có thể bị hại vì tôi. Đi đi, nhưng hãy để tiếng khóc của tôi theo từng bước chân ông cho đến khi đôi mắt ông mở to nhìn thấy tất cả những gì tôi thấy lúc này, để cuối cùng những giọt nước mắt của tôi sẽ quý giá hơn ngọc trai và đá quý với ông. Vì vào giây phút này, tôi không chỉ khóc một mình, mà trong tôi, họ hàng của những người bị bắt làm nô lệ và những người thua đang khóc. Nước mắt của tôi là nước mắt của hàng triệu, hàng triệu con người đã làm mặt đất già nua và đầy sẹo từ nước mắt của họ. Nước chảy trong sông là nước mắt của những người sống trước chúng ta, còn nước mưa rơi xuống mặt đất nơi xú lạ là nước mắt của những người sinh ra sau chúng ta nơi trần thế. Khi biết điều này, ông không còn cô đơn nữa, Sinuhe ạ.

Anh ta gục xuống đất trước mặt tôi, những ngón tay co quắp của anh cao bụi đất trên cầu thuyền, và nước mắt anh rơi xuống thành những hạt ngọc tròn xam xám trong cát bụi. Nhưng tôi không hiểu lời anh ta nói dù tôi đã sẵn sàng chết dưới tay anh ta, do đó tôi chạy khỏi anh ta và đưa bàn tay ướt đầm nước mắt của anh ta chùi vào tấm choàng vai của mình, mùi của anh ta đọng lại ghê ghê trong mũi tôi. Thế là tôi quên anh ta và đi theo

bước chân mình, sự phẫn uất như nước kiềm bào mòn trái tim tôi, vì tôi thấy nỗi buồn đau và cô đơn của chính mình lớn hơn nỗi buồn đau và cô đơn của bất cứ ai.

Thế là đôi chân đã đưa tôi đến đồng đồ nát của ngôi nhà đúc đồng trước đây. Những đứa trẻ giật mình sợ hãi, vội vã lẫn đi và những người vợ đang đào đồng đồ nát để tìm kiếm đồ dùng gia đình cũng che mặt lại khi thấy tôi.

Ngôi nhà trước đây là xưởng đúc đồng đã bị cháy trụi, những bức tường đất sét dính đầy bồ hóng nhô cao, ao trong vườn đã cạn nước, những cành sung trụi lá và đen thui. Nhưng ai đó đã dựng một cái lều trên đồng hoang tàn và tôi thấy một vò nước ở đó. Muti, mái tóc hoa tiêu dính bùn, đi về phía tôi với đôi chân bị thương khắp khiềng. Tôi nghĩ có khi đó là bóng ma của bà ấy và tôi chột rùng mình, nhưng bà ấy cúi gập người trước mặt tôi, đầu gối run run và chua chát nói:

- Đội ơn ngày đã đưa ông chủ tôi về nhà.

Bà ấy không thể nói thêm lời nào nữa, vì nỗi uất hận làm giọng bà nghẹn lại và bà ngồi bệt xuống đất, đưa tay che mặt để không phải nhìn tôi. Cơ thể gầy guộc của bà đầy vết thương do quân sừng đánh, chân bà bầm tím, nhưng các vết thương đã thành sẹo và tôi thấy không thể làm gì được nữa sau khi đã kiểm tra chúng bất chấp sự ngăn cản của bà. Tôi hỏi bà:

- Kaptah ở đâu?

- Kaptah đã chết, - bà đáp. - Người ta nói những người nô lệ đã giết ông ta khi thấy ông ta cho lính của Pepitamon uống rượu và phản bội họ.

Nhưng tôi không tin lời bà ấy, vì tôi biết Kaptah không thể chết, Kaptah sẽ luôn sống sót dù chuyện gì xảy ra đi nữa.

Thấy tôi không tin, Muti vô cùng bức tức và nói:

- Sinuhe, chắc bây giờ ông thấy nhẹ nhõm và dễ dàng cười, sau khi đã đạt được tất cả điều mình mong muốn và nhìn thấy Aton của ông ăn mừng. Tất cả đàn ông đều giống nhau và tất cả những điều xấu xa trên thế gian đều xuất phát từ đàn ông, vì đàn ông không bao giờ chịu trưởng thành mà mãi mãi là những đứa trẻ ranh, lấy đá ném nhau và đánh nhau bằng gậy, đâm vào mũi nhau đến chảy máu và ham muốn lớn nhất của họ là mang lại đau khổ cho những ai yêu thương họ và mong cho họ điều tốt lành. Sinuhe, không phải tôi lúc nào cũng thực sự mong điều tốt cho ông sao, vậy mà tôi được trả công bằng gì? Một cái chân què, những vết thương trên người do quân sừng đánh và một nắm đại mạch mốc để nấu cháo. Nếu vì bản thân thì tôi không bao giờ than vãn, mà vì Merit, người đã quá tốt với ông, người mà ông đã cố tình đẩy vào cái chết, như thể chính ông đâm dao vào trái tim cô ấy, bởi vì ông là một gã đàn ông. Tôi đã khóc đến cạn nước mắt vì bé Thoth mà tôi coi như con đẻ của mình, nướng bánh mật ong và hết lòng yêu thương để hãm bớt bản tính đàn ông hung dữ của cậu bé. Nhưng ông đâu để ý đến những điều này, mà chắc chắn ông hài lòng về đây, thân thể bị đánh đập, mặt mày ghẻ lở và phung phí hết của cải của mình, để nghỉ ngơi dưới căn lều mà tôi đã khó nhọc, vất vả dựng lên trên đồng cỏ nát của nhà ông và để tôi cho ông ăn. Tôi cược rằng khi mặt trời chưa kịp lặn, ông lại bắt đầu mè nheo đòi bia và ngày mai, ông sẽ đánh tôi bằng gậy khi tôi không chăm chỉ hầu hạ ông, bắt tôi thay ông làm việc để ông có thể nằm khoèo vì đó là bản chất của đàn ông và tôi không hề ngạc nhiên vì điều đó.

Bà day nghiến tôi như thế mà không nghĩ gì tới lời mình nói, cho đến khi tiếng rầy la của bà trở nên quá thân thuộc với tôi khiến tôi nhớ đến mẹ Kipa, nhớ đến Merit và lòng tôi tràn ngập nỗi xót xa, uất ức không thể nào tả nổi và nước mắt tôi trào ra. Thấy thế, bà hốt hoảng nói:

- Ông phải biết chứ, Sinuhe, gã đàn ông điên rồ kia, rằng tôi không có ý xấu với lời mình nói mà chỉ cốt để ông sáng mắt ra. Thực ra tôi vẫn còn cất giấu một vốc hạt và sẽ xay ngay bây giờ

rồi nấu cho ông bát cháo ngon, rồi tôi sẽ rải sậy khô trên đồng đồ nát kia làm nệm cho ông nằm, dần dần ông nên hành nghề lại và chúng ta sẽ sống qua ngày được. Nhưng ông cũng đừng lo lắng về việc này, vì tôi đã đi giặt thuê cho các nhà giàu có nhiều quần áo dính máu và tôi còn có thể kiếm thêm được nữa. Tôi nghĩ tôi có thể vay được một hũ bia từ nhà vui, nơi quân lính lấy làm doanh trại, để ông có thể khuây khỏa lòng mình. Đừng khóc lóc thảm thiết thế, Sinuhe con trai ta, vì khóc đâu còn ích lợi gì; con trai là con trai, là phải nghịch ngợm, khiến những người mẹ, người vợ phải khổ sở vì những trò quái quỷ, và ta làm gì được với những điều ấy, xưa đã thế và sau này vẫn thế. Nhưng tôi không muốn ông mang những vị thần mới về ngôi nhà này nữa, bởi nếu ông làm vậy, tôi e rằng khắp Thebes sẽ không còn đá. Tôi không muốn thế, mặc dù tôi chỉ là một mục già tầm thường và không thể khuyên nhủ một người đàn ông có học. Tôi yêu quý Merit hơn cả con gái ruột của mình, nếu như tôi biết chút gì về việc này, vì tôi không có con đẻ, vì tôi là mục đàn bà xấu xí và rất khinh thường đàn ông. Nhưng tôi cũng buộc phải nói rằng Merit không phải là người phụ nữ duy nhất trên thế gian, mà trên thế gian còn có những người đàn bà khác để ông vui cùng, miễn là ông ngừng khóc, bình tĩnh lại và để thời gian trôi đi. Thực vậy, Sinuhe, thời gian là liều thuốc nhân từ nhất, thời gian sẽ như cát phủ lên nỗi buồn của ông, và ông sẽ thấy trên thế gian này còn có những người đàn bà khác có thể xoa dịu thứ của quý nhỏ bé dưới khố ông, rồi ông sẽ thỏa mãn và lại béo lên, một khi đó là cái việc quan trọng nhất đối với đàn ông. Ôi trời ơi, Sinuhe, ông chủ của tôi, sao ông lại gầy đến thế, má đã hõm sâu đến nông nỗi này. Nhưng tôi sẽ nấu cháo ngon cho ông ăn, sẽ làm món rau nghiền từ mầm sậy non và vay cả bia cho ông uống, miễn là ông đừng khóc nữa.

Lời bà ấy nói khiến tôi xấu hổ vì đã để nước mắt rơi, nên tôi bình tĩnh lại và nói:

- Tôi hoàn toàn không đến đây để làm phiền bà, Muti yêu quý, mà tôi lại đi ngay đây và có thể rất lâu không trở lại, nếu như có

trở lại một lúc nào đó. Vì vậy trước khi đi, tôi muốn nhìn lại ngôi nhà nơi tôi đã từng hạnh phúc, tôi muốn xòe tay vuốt ve thân cây sung dâu sần sùi của tôi, và tôi muốn đưa tay chạm vào ngưỡng cửa bằng đá nhà mình, nơi gót chân Merit và Thoth nhỏ bé đã làm mòn vẹt.

Đừng lo cho tôi, Muti ạ, tôi không thể ăn hạt mì của bà vì tôi biết ở Thebes đang rất thiếu thốn, mà tôi sẽ cố gắng gửi cho bà ít bạc để bà có thể chi dùng khi tôi đi vắng. Nhưng vì những lời của bà, tôi cầu xin phước lành cho bà, Muti ạ, như thể bà là mẹ tôi, vì bà là một phụ nữ nhân hậu, mặc dù lời nói của bà đôi khi chọc đau như ong bắp cày.

Muti bắt đầu sụt sịt và dùng mu bàn tay thô ráp lau nước mũi, không cho tôi đi mà nhóm lửa và chuẩn bị thức ăn cho tôi từ chỗ lương thực còn lại ít ỏi của mình, khiến tôi buộc phải ăn để không làm phật lòng bà, dù mỗi miếng ăn cứ nghẹn đắng lại trong cổ họng. Muti nhìn tôi ăn, gật gù và vừa khịt mũi vừa nói:

- Ăn đi, Sinuhe, ăn đi, gã đàn ông điên rồ kia, mặc dù hạt mạch của tôi ảm mốc, thức ăn của tôi kinh khủng và cháy khét, mà tôi không hiểu chuyện gì xảy ra với tôi hôm nay, khi loay hoay mãi mới nhóm được lửa và bánh mì lấm đầy tro. Nhưng ăn đi, Sinuhe, vì thức ăn sẽ chữa lành mọi phiền muộn, thức ăn làm người khỏe ra, làm tâm hồn sáng khoái và không gì tốt hơn thức ăn khi con người ta đã khóc rất nhiều và thấy mình quá cô đơn. Tôi đoán ông lại đi và cái đầu ngu ngốc của ông lại lao vào mọi ô lưới và cạm bẫy giăng trên đường ông đi, nhưng tôi không thể làm gì được và tôi không thể ngăn cản ông. Vì vậy, hãy ăn đi để có đủ sức, Sinuhe, rồi trở lại nữa. Tôi sẽ cầu nguyện cho ngày ông quay lại, thưa ông chủ, và tôi sẽ trung thành đợi ông. Cũng đừng lo lắng cho tôi, nếu ông thiếu bạc, như tôi đoán, vì ông đã phân phát hết của cải của mình cho nô lệ và người nghèo, những người không cảm ơn ông về điều đó mà chế nhạo sự ngu dại của ông. Đừng lo lắng cho tôi, tuy tôi đã già và khắp khiêng vì bị thương, nhưng tôi rất dẻo dai và sẽ kiếm đủ bánh ăn bằng

việc giặt thuê và nấu nướng, chừng nào ở Thebes còn bánh, miễn là ông trở lại, thừa ông chủ.

Thế là tôi ngồi đến tối trên đồng đồ nát của ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng trước đây và ngọn lửa nhỏ bà Muti nhóm đã chiếu ánh sáng cô đơn lên bóng tối đầy muội than. Nhưng dù sao đây là ngôi nhà duy nhất mà tôi có trên thế gian. Vì thế, tôi đưa tay vuốt ve cái thân sần sùi của cây sung dâu và nghĩ có thể mình sẽ không bao giờ trở lại; tôi đưa tay vuốt ve bậc cửa cũ nát của ngôi nhà và nghĩ chắc chắn mình sẽ không bao giờ trở lại; rồi tôi đưa tay chạm vào các nốt sần trên bàn tay người mẹ, Muti, và nghĩ có lẽ tốt nhất là tôi không bao giờ trở lại vì tôi luôn mang đau khổ và bất hạnh đến cho những người yêu thương tôi. Bởi vậy, thà tôi sống và chết trong cô đơn, như tôi đã cô đơn đến trong đêm tối trên con thuyền sậy trôi xuôi dòng sông vào đêm tôi được sinh ra.

Khi các vì sao đã nhấp nháy và lính gác bắt đầu dùng thân giáo đập vào khiên của họ trong các con hẻm đồ nát của bến cảng để làm dân chúng sợ, tôi tạm biệt Muti và rời ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng ở khu nghèo của Thebes để trở lại hoàng cung của Pharaon một lần nữa. Khi tôi đi dọc các con phố ra bờ sông, bầu trời đêm lại rực đỏ phía trên Thebes, ánh đèn từ các con phố chính chiếu sáng vào màn đêm và âm thanh dữ dội của các nhạc cụ từ phố trung tâm vọng đến tai tôi, vì đêm nay là đêm lên ngôi của Pharaon Tutankhamon và đêm lễ hội ở Thebes.

7

Nhưng cũng trong đêm đó, các giáo sĩ già đã miệt mài làm việc trong đền thờ Sekhmet, dọn sạch cỏ mọc giữa các viên đá lát nền, đặt tượng đầu sư tử vào chỗ cũ, phủ lên nó vải lanh đỏ và trang trí với những phù hiệu của chiến tranh và chết chóc. Vì sau khi đặt lên đầu Tutankhamon vương miện

của cả hai vương quốc, đỏ và trắng, hoa huệ và giấy cói, Eje nói với Horemheb:

- Thời khắc của tướng quân đã đến, con trai chim ưng. Hãy ra lệnh thổi tù và tuyên bố cuộc chiến bắt đầu. Hãy để máu như cơn lũ tẩy sạch vùng đất Kemet để tất cả trở lại như trước và dân chúng quên đi ký ức về Pharaon giả.

Vì vậy ngày hôm sau, khi Pharaon Tutankhamon cùng hoàng phi của mình chơi trò đam tang với búp bê trong hoàng cung và các giáo sĩ Amon say quyền lực, đốt hương thánh trong ngôi đền lớn và nguyện rửa tên Pharaon Ekhnaton đến muôn đời, Horemheb ra lệnh thổi tù và ở tất cả các góc phố, các cánh cổng bằng đồng của đền Sekhmet được mở tung và Horemheb cùng đội quân danh dự của mình điều hành dọc theo Đại lộ Nhân Sư vào hiến tế cho thần Sekhmet. Các giáo sĩ đã được nhận phần của mình, thợ đục đá đã dùng đục phá đá ở tất cả các thánh đường, cung điện và lăng mộ để vĩnh viễn xóa sạch cái tên Pharaon Ekhnaton bị nguyện rửa khỏi tất cả các kinh sách, bia ký để ký ức về ngài sẽ bị lãng quên. Pharaon Tutankhamon đã có phần của mình, vì các thợ xây hoàng gia đã bàn bạc với nhau về địa điểm xây lăng mộ cho ngài. Eje đã nhận được phần của mình, là cánh tay phải của Pharaon, ông ta cai trị xứ Kemet, ấn định thuế, luật lệ, việc cống nạp, việc thưởng phạt và đồng ruộng của pharaon. Giờ đến lượt Horemheb cũng được nhận phần mình và tôi theo anh ta đến đền Sekhmet vì anh ta muốn cho tôi thấy quyền lực của mình trong sự huy hoàng vĩ đại của nó, khi giờ đây, cuối cùng anh ta cũng có được cuộc chiến mà anh ta đã mưu tính và theo đuổi suốt cuộc đời.

Tuy nhiên, tôi cũng phải có lời khen Horemheb rằng vào thời điểm anh ta thắng cuộc, anh ta coi khinh mọi sự hào nhoáng bề ngoài và chỉ muốn gây ấn tượng với dân chúng bằng cách ứng xử mộc mạc của mình. Vì vậy, anh ta đến đền thờ trong cỗ chiến xa vững chắc, trên bờm ngựa không có ngù rủ và hai bên bánh xe không có vàng sáng loáng. Thay vào đó, những mảnh đồng ở

hai bên xe được đánh bóng sắc lẹm; lính giáo và lính cung diễu hành thẳng tắp phía sau anh ta, tiếng bước chân trần của họ trên đá Đại lộ Nhân Sư nhịp nhàng, dũng mãnh như tiếng sóng biển vỗ vào vách đá và lính da đen đánh thùng thùng những chiếc trống bọc da người lúc diễu hành.

Dân chúng lặng lẽ và sợ hãi nhìn theo dáng người cao lớn của anh ta nhô cao lên trên cổ chiến xa dẫn đầu và các đội quân của anh ta lấp loáng sự no đủ trong khi cả vương quốc đang đương đầu với nạn đói. Dân chúng im lặng nhìn đoàn diễu hành của Horemheb đến đền Sekhmet như thể họ đoán được sau đêm lễ hào nhoáng, say sưa này, những đau khổ của họ sẽ bắt đầu. Đến trước đền, Horemheb rời cỗ xe và đi bộ vào đền, theo sau là các phò tá; các giáo sĩ, mặt mũi, tay chân và quần áo vẫn còn dính máu tươi, đón họ rồi dẫn họ đến trước tượng Sekhmet. Nữ thần được khoác một chiếc áo choàng đỏ thẫm, chiếc áo đầm máu vật hiến tế dính chặt vào thân hình đá của thần, bộ ngực đá vòng lên đầy kiêu hãnh và máu rỉ xuống từng giọt từ dưới chiếc áo. Trong ánh nhập nhoạng của ngôi đền, cái đầu sư tử hung dữ của thần dường như đang chuyển động và đôi mắt đá quý nhìn chằm chằm vào Horemheb khi anh ta bóp đến vỡ quả tim vẫn còn nóng hổi của vật hiến tế trong bàn tay mình trước bàn thờ và cầu xin nữ thần ban cho chiến thắng. Các giáo sĩ vừa hoan hỉ nhảy điệu múa ăn mừng xung quanh anh ta vừa dùng dao tự gây thương tích cho mình và đồng thanh hét lên:

- Hãy là người chiến thắng trở về, Horemheb, con trai chim ưng. Hãy trở về là người chiến thắng, nữ thần sẽ hạ xuống bên tướng quân, sống động và trần truồng ôm ấp ngài.

Nhưng Horemheb không để điệu nhảy múa và tiếng reo hò của các giáo sĩ quấy rầy sự bình tâm của mình mà lạnh lùng, trang nghiêm thực hiện các nghi lễ theo phong tục, sau đó rời khỏi đền. Trong khi anh ta làm lễ hiến tế, đám đông dân chúng hoảng sợ theo tiếng tù và mời gọi kéo đến tập trung ở sân đền và

quảng trường phía ngoài đền. Khi ra khỏi đền, Horemheb giơ hai bàn tay dính máu lên và nói với dân chúng:

- Hãy nghe ta nói, hỡi muôn dân xứ Kemet, vì ta là Horemheb, con trai chim ưng, ta mang chiến thắng và vinh quang muôn đời trong tay mình cho tất cả những ai muốn theo ta vào cuộc thánh chiến. Ngay lúc này đây, các cỗ chiến xa của quân Hittite đang làm rung chuyển sa mạc Sinai, tiền quân của chúng đang tàn phá miền Hạ và chưa bao giờ xứ Kemet bị đe dọa nghiêm trọng như lúc này, bởi vương triều Kykos cổ xưa so với quân Hittite vẫn còn hiền lành và nhân đức. Quân Hittite đang đến đông vô kể và sự tàn ác của chúng thật khủng khiếp với tất cả các bộ tộc. Chúng sẽ phá hủy nhà của các người, chóc mù mắt các người, hãm hiếp vợ các người và bắt con các người làm kiếp nô lệ xoay cối, xay đá. Hạt đại mạch không mọc được nơi chiến xa của chúng đi qua và đồng ruộng biến thành hoang mạc nơi vó ngựa của chúng giày xéo. Vì vậy, cuộc chiến mà ta tuyên bố chống lại chúng là một cuộc chiến thần thánh, bởi đó là cuộc chiến vì mạng sống của các người và vì các thần linh của xứ Kemet, vì con cái và nhà cửa của các người. Nếu chiến thắng, chúng ta sẽ chinh phục lại Syria sau khi đánh bại quân Hittite và lấy lại sự giàu có của xứ Kemet; sự thịnh vượng trước đây cũng sẽ trở lại và mỗi một người dân lại được no đủ. Những kẻ ngoại bang đã làm nhục xứ Kemet quá lâu rồi, sự yếu kém thảm hại và các loại vũ khí nực cười của chúng ta đã bị chế nhạo một thời gian quá dài rồi. Thời khắc đã điểm và ta sẽ khôi phục lại danh tiếng thiện chiến của Kemet. Những ai tự nguyện theo ta, ta sẽ bảo đảm đủ lương thực, ta sẽ bảo đảm đủ phần chiến lợi phẩm cho người ấy, và chiến lợi phẩm sẽ nhiều vô kể để những ai cùng ta trở về trong ngày chiến thắng sẽ giàu có, hơn nhiều so với những gì họ từng mơ ước. Còn ai không tự nguyện theo ta mà chỉ đi vì bắt buộc, người đó sẽ phải è cổ vác quân dụng của những người khác, phải chịu đựng sự chế nhạo và thấy nhục nhã vì không được nhận phần chiến lợi phẩm. Vì vậy, ta tin tưởng và hy vọng rằng tất cả đàn ông trên đất Ai Cập, những ai có trái tim đàn ông và có thể giơ giáo bằng cánh tay mình sẽ tự

nguyện theo ta. Bây giờ chúng ta thiếu thốn mọi thứ và nạn đói bám sát gót chúng ta, nhưng sự dư dả sẽ đến sau chiến thắng và tất cả những ai chết trong trận chiến giành tự do cho xứ Kemet sẽ bước thẳng vào cánh đồng hạnh phúc, không phải lo lắng về việc lưu giữ thi thể của mình mà thần linh Ai Cập sẽ chăm sóc anh ta. Chỉ cố gắng hết sức mới giành được đại thắng. Vì vậy, hỡi đàn bà Ai Cập, hãy bện tóc mình thành dây cung và vui vẻ tiễn chồng và con các người vào cuộc thánh chiến. Hỡi đàn ông Ai Cập, hãy rèn vòng của các người thành mũi giáo và đi theo ta, ta sẽ cho các người một cuộc chiến chưa từng thấy trên mặt đất. Linh hồn của các pharaon vĩ đại sẽ sống dậy chiến đấu cùng chúng ta. Tất cả thần linh Ai Cập, trước tiên là Amon linh thiêng, sẽ chiến đấu bên cạnh chúng ta. Chúng ta sẽ đuổi quân Hittite khỏi xứ đất đen như một trận lũ cuốn lửa rơm trên đường đi của nó. Chúng ta sẽ giành lại sự giàu có của Syria và lấy máu rửa sạch nỗi nhục của Ai Cập. Hãy nghe ta, tất cả quốc dân. Horemheb, con trai chim ưng, người chiến thắng, hiệu triệu.

Nói xong, anh ta hạ bàn tay đầy máu xuống bên hông, vòng ngực rần chắc phập phồng gấp gáp vì anh ta đã cố sức nói, gào rất to. Anh ta vừa dứt lời, tiếng tù và vang lên, quân lính đập mũi giáo vào khiên và giậm chân xuống đất, đây đó vang lên tiếng hô từ trong đám đông, cho đến khi tiếng hô ấy nổi lên thành bão, cả đám đông gào lên mừng vui và giơ cao tay, máu dâng lên đầu, họ gào to hơn, mặc dù tôi nghĩ nhiều người không biết tại sao họ lại gào. Horemheb mỉm cười và bước lên cổ chiến xa. Quân lính dẹp đường cho anh ta, dân chúng cuồn lên vì mừng vui chào đón anh ta ở cả hai bên Đại lộ Nhân Sư. Lúc ấy, tôi hiểu ra rằng niềm vui lớn nhất của người dân là được hò hét cùng nhau, chứ không phải họ hét vì điều gì, vì khi hét lên cùng người khác, ai nấy đều cảm thấy mình mạnh mẽ và việc để họ vui mừng gào lên là việc luôn luôn đúng. Còn Horemheb khá hài lòng và từ trên cổ chiến xa kiêu hãnh giơ tay lên vẫy vẫy.

Anh ta cho đánh chiến xa thẳng đến bến cảng để bước lên chiến thuyền của thống lĩnh và vội vã rời đi Memphis, vì anh ta đã ở lại Thebes quá lâu và theo các nguồn tin thân cận nhất, quân Hittite đang chặn thả ngựa ở Tanis. Tôi lên thuyền theo anh ta và không ai ngăn tôi khi tôi đến gần anh ta và nói:

- Horemheb, Pharaon Ekhnaton đã chết, vì thế tôi không còn là danh y khoan sọ hoàng gia nữa, mà có thể tự do đi, về theo ý muốn của mình và không gì cản được tôi. Vì vậy tôi định theo anh và ra trận cùng anh, vì với tôi bây giờ, tất cả đều như nhau và tôi không còn vui vẻ với bất cứ điều gì. Nói thật, tôi muốn được thấy cuộc chiến mà cả đời mình anh luôn nhắc đến sẽ mang lại điều phúc lành gì. Tôi thật sự muốn thấy điều đó và muốn thấy liệu quyền lực của anh có tốt hơn của Ekhnaton hay không, hay chỉ các linh hồn của địa ngục cai trị thế giới.

Horemheb hết sức mừng rỡ và nói:

- Cầu mong đây là điềm tốt, mặc dù tôi không thể nghĩ rằng anh, Sinuhe, sẽ là người đầu tiên tình nguyện bước vào cuộc chiến này. Không, tôi không tin được điều này từ anh vì tôi biết anh thích sự nhàn hạ và chiếc giường êm ái hơn là những gian khổ của chiến trường. Thực tình tôi đã nghĩ anh sẽ canh giữ những lợi ích của tôi ở Thebes khi cần mẫn gieo trồng sự quen biết của anh trong hoàng cung, nhưng có lẽ như thế này tốt hơn, vì anh là người đàn ông chân chất, ai cũng có thể dắt mũi anh và kể lể cho anh nghe chuyện của mình, vậy nên nếu anh theo tôi, ít nhất tôi sẽ có một thầy thuốc giỏi bên mình và tôi nghĩ mình cần một người như thế. Quả thật, Sinuhe, lính của tôi đã đứng khi gọi anh là Con Trai Lừa Hoang khi chúng ta cùng nhau chiến đấu chống lại quân Khabiri, vì rõ ràng anh có trái tim của lừa hoang bởi anh không sợ quân Hittite.

Trong khi anh ta nói chuyện với tôi, các tay chèo đẩy thuyền rời cầu thuyền rồi hạ mái chèo xuống nước và con thuyền căng buồm lướt trên sông, hàng cờ hiệu bay phấp phới. Dân đứng

trắng kín bến cảng của Thebes và tiếng reo hò của họ như một cơn bão tràn đến tai chúng tôi. Horemheb hít một hơi thật sâu, mỉm cười và nói:

- Lời hiệu triệu của tôi đã có sức khích lệ mạnh với dân chúng, anh thấy chứ. Nhưng chúng ta vào khoang thống lĩnh của tôi đi, vì tôi muốn rửa sạch máu thiêng khỏi tay.

Tôi theo anh ta vào khoang thống lĩnh trên thuyền, anh ta đuổi viên ký lục của mình ra ngoài rồi rửa sạch vết máu trên tay, ngửi tay và lạnh lùng nói:

- Nhân danh Seth và tất cả các ác quỷ, tôi không thể nào tin là các giáo sĩ của Sekhmet vẫn làm lễ hiến tế người. Nhưng mấy lão già đó chắc rất phấn khích, vì ít nhất là đã bốn mươi năm cổng đền Sekhmet không được mở. Khi họ đòi tù nhân Hittite và Syria cho lễ hiến tế, tôi không khỏi ngạc nhiên, nhưng đã chiều theo ý họ.

Nghe lời này của anh ta, tôi kinh hãi đến nỗi đầu gối mềm rũ, nhưng Horemheb vẫn thản nhiên nói tiếp:

- Nếu biết điều đó, chắc chắn tôi không cho phép, và Sinuhe, anh có thể tin là tôi đã rất kinh hoảng khi nhận vào tay mình một trái tim người còn ấm máu trước bàn thờ. Vì thế tôi phải rửa tay ngay, nhưng nếu Sekhmet chịu hỗ trợ vũ khí cho chúng tôi, thì việc đó cũng đáng, vì tôi thật sự cần nhiều sự trợ giúp nhất có thể và hơn thế nữa, mặc dù tôi nghĩ một vài lưỡi giáo được rèn có lẽ sẽ tốt hơn và chắc chắn hơn sự ban phước của Sekhmet. Nhưng chúng ta hãy trao cho các giáo sĩ những gì thuộc về họ, họ sẽ để chúng ta yên.

Anh ta lại bắt đầu tự khen lời hiệu triệu dân chúng của mình và hy vọng tôi cũng sẽ tán dương tài hùng biện của anh ta, nhưng tôi nói rằng tôi thích lời kêu gọi của anh ta với các binh sĩ của mình ở Jerusalem hơn. Horemheb không giấu tự ái và nói:

- Nói chuyện trước binh lính và kêu gọi dân chúng là hai chuyện rất khác nhau và khi có dịp anh sẽ lại nghe tôi nói trước binh lính. Nhưng lời hiệu triệu tôi nói trước đền thờ Sekhmet cũng là nói cho hậu thế, vì tôi đoán nó sẽ được khắc vào đá và được lưu giữ cho muôn đời sau. Do đó, phải chọn ngôn từ khác với khi nói với binh lính trước khi ra trận và phải dùng những từ ngữ đẹp đẽ, hùng hồn khiến dân chúng thán phục, khiến họ lóa mắt nhìn đen thành trắng. Chắc tôi đã không hoài công học đọc và tìm đọc các ghi chép ngày xưa những gì các pharaon và tướng lĩnh đã nói với dân chúng. Nhưng vì anh không am hiểu, tôi phải giải thích cho anh biết bài nói của tôi có tất cả những gì mà lời hiệu triệu mọi thời cần có khi tuyên bố bắt đầu cuộc chiến. Thứ nhất, tôi tuyên bố cuộc chiến chống lại người Hittite là một cuộc chiến tự vệ và khích lệ người dân vùng lên chống lại kẻ xâm lược đã vượt qua biên giới Ai Cập vào tàn phá đất nước. Điều này nói rộng ra là đúng, mà tôi cũng không giấu giếm rằng tôi muốn giành lại Syria về cho Ai Cập. Thứ hai, tôi chỉ ra rằng mọi việc sẽ tốt đẹp với tất cả những ai tự nguyện đi theo tôi, còn sẽ rất thảm hại với những ai miễn cưỡng ra trận. Thứ ba, tôi giải thích rằng đây là một cuộc thánh chiến và tôi kêu gọi tất cả thần linh Ai Cập giúp đỡ. Thật ra, tôi không hiểu tại sao đất nước này lại thiêng liêng hơn đất nước khác, hay các vị thần Ai Cập lại mạnh hơn các vị thần Hittite, nhưng theo như những gì tôi đã đọc từ các bản khắc và nghe các chiến binh xưa kể lại thì trong lời hiệu triệu khi bắt đầu cuộc chiến phải có lời kêu gọi các thần linh và một vị tướng giỏi luôn phải nhớ đến thần linh khi nói. Dân chúng thích điều ấy dù nó có thật sự có ích hay không và cả anh nữa, Sinuhe, cũng phải công nhận rằng lời hiệu triệu của tôi tác động mạnh tới dân chúng, mặc dù để cho chắc chắn, tôi đã sai người của mình lẫn vào đám đông, hét lên ca ngợi tôi. Anh cũng cần lưu ý, Sinuhe ạ, là tôi đã hứa với họ chiến thắng mà không thổi phồng những khó khăn đang ở phía trước chúng ta, vì theo thời gian dân chúng sẽ phải nếm trải khó khăn và đau khổ nên không có lý do gì để làm họ lo sợ quá sớm. Nhưng trong cuộc chiến này, phải qua nhiều gian khổ mới đến được chiến thắng và khi ra trận với những đội quân chưa qua rèn luyện,

không giáo mạc và không chiến xa chống lại quân Hittite, tôi thấy mình như một cậu bé lấy thân sậy khô chọc vào mồm sư tử. Tuy nhiên, tôi tin tưởng chiến thắng cuối cùng sẽ thuộc về mình, vì tôi được sinh ra để làm những việc lớn lao, chỉ sợ rằng rất nhiều người sẽ phải chết trước khi đến được lúc đó.

- Horemheb, - tôi hỏi anh ta, - điều gì không thiêng liêng với anh?

Anh ta ngẫm nghĩ một lúc rồi đáp:

- Một người cầm quân và cai trị vĩ đại phải nhìn thấu qua tất cả ngôn từ và mọi điều tưởng tượng, nhưng bản thân phải biết sử dụng ngôn từ và khả năng tưởng tượng như vũ khí trong tay mình. Tôi thừa nhận, Sinuhe ạ, rằng chiến tranh là gian truân và làm cuộc sống tẻ nhạt, nhưng có lẽ cảm giác mình cai trị người khác bằng ý chí của mình và dùng họ làm nên việc lớn sẽ mang lại niềm vui khác. Khi còn trẻ hơn, tôi tin vào giáo và chim ưng của mình, bây giờ tôi chỉ còn tin vào ý chí và tôi biết rằng ý chí của mình là số phận của mình. Nhưng ý chí của tôi bào mòn tôi như thể viên mài bào mòn đá. Vì thế, tôi không có một phút nghỉ ngơi, đêm cũng như ngày, khi thao thức cũng như khi ngủ và khi muốn nghỉ ngơi một lát, tôi không có cách nào ngoài việc uống đến say xỉn. Khi còn trẻ hơn, tôi tin vào tình bạn và cũng tin rằng mình yêu người phụ nữ ấy, sự miệt thị và chống đối của nàng làm tôi điên lên, nhưng bây giờ tôi biết với tôi không ai là cái đích để đạt được mà ai cũng chỉ là công cụ, và người phụ nữ ấy chỉ còn là công cụ đối với tôi. Tôi, Horemheb, là trung tâm của tất cả, mọi thứ bắt đầu từ tôi và tất cả sẽ quay lại với tôi. Tôi là Ai Cập, tôi là muôn dân. Vì vậy, khi làm cho Ai Cập vĩ đại và hùng mạnh trở lại, tôi làm cho mình trở nên vĩ đại và hùng mạnh. Không điều gì đúng đắn và vừa vặn hơn, như anh hiểu, Sinuhe ạ.

Lời nói của anh ta có lẽ sẽ tác động đến ai đó chưa từng biết anh ta, nhưng tôi biết anh ta khi còn là một thanh niên khoác lác và

ở Hetnetsut tôi đã gặp cha mẹ anh ta, hai người sắc mùi pho mát và gia súc, cho dù anh ta đã nâng họ lên tầng lớp cao quý. Vậy nên tôi không thể kính trọng anh ta, dù rõ ràng anh ta đang cố gắng dùng lời nói biến mình thành thần thánh trước mặt tôi. Nhưng tôi giấu suy nghĩ của mình trước anh ta và bắt đầu kể cho anh ta nghe về chuyện Công chúa Baketamon đã rất phẫn nộ khi không được dành cho một vị trí danh giá trong đoàn hộ giá lễ ăn mừng của Tutankhamon. Horemheb lắng nghe tôi như nuốt từng lời và mời rượu tôi để tôi có thể kể cho anh ta nghe nhiều hơn về Baketamon. Thế là chúng tôi uống rượu khi xuôi dòng sông về phía Memphis và khi chiến xa của quân Hittite đang tàn phá miền Hạ.

Sách thứ mười bốn

Cuộc chiến thần thánh



1

Để chiêu mộ binh lính và quân lương cho cuộc thánh chiến, Horemheb đã hiệu triệu tất cả những người giàu của Ai Cập đến bản doanh của mình ở Memphis và nói với họ:

- Tất cả các người đều giàu có, còn ta chỉ là mục đồng sinh ra với kẻ chân đầy phân. Nhưng Amon đã ban phước cho ta và Pharaon đã trao cho ta sứ mệnh chỉ huy cuộc chiến; kẻ thù đang đe dọa đất nước ta lại vô cùng tàn bạo và đáng sợ, như các người đã biết quá rõ. Ta rất vui khi biết tất cả các người đã đồng lòng rằng chiến tranh đòi hỏi sự hy sinh của mọi người, vì thế các người đã giảm bớt lượng ngũ cốc dành cho nô lệ của mình và cho các nông phu, tăng giá tất cả các mặt hàng trên khắp Ai Cập. Từ những việc làm và lời nói của các người, ta hiểu rằng các người cũng đã sẵn sàng cho những hy sinh lớn lao vì bốn phận mà vị thế của các người đòi hỏi. Điều này là thật tốt và khiến ta rất vui, bởi để có chi phí cho cuộc chiến, chiêu mộ binh lính, sản xuất chiến xa và nhiều việc khác thuộc về chiến tranh mà các người không hiểu, ta quyết định vay một phần tài sản của các người và vì điều này đã sai thu thập dữ liệu về các người qua sổ sách sưu thuế, nhưng vẫn không hài lòng về việc này nên ta đã cho tìm hiểu thêm những việc khác về các người, vậy nên ta biết được tất cả tài sản mà các người đã giấu thuế vụ trong thời kỳ

Pharaon giả. Nhưng giờ đây, Pharaon thật cai trị dưới danh nghĩa Amon, các người không cần phải giấu giếm tài sản của mình mà có thể công khai và tự hào đóng góp cho cuộc chiến. Vì vậy, mỗi người phải ngay lập tức cho ta vay một nửa tài sản của mình, không quan trọng tài sản đó bằng vàng bạc, ngũ cốc hay lừa ngựa và cỗ xe, mà miễn là các người phải thật nhanh.

Nghe điều này, đám người giàu kêu than âm ỉ và dút áo xống nói:

- Pharaon giả đã làm chúng tôi khánh kiệt và giờ chúng tôi là những người nghèo khổ, số liệu mà ngài thu thập được về chúng tôi là sai lệch. Nhưng ngài lấy gì đảm bảo nếu chúng tôi cho ngài vay một nửa tài sản của mình; ngài sẽ trả cho chúng tôi với lãi suất bao nhiêu?

Horemheb thân thiện nhìn họ và nói:

- Lời đảm bảo của ta là chiến thắng mà ta mong muốn sẽ giành được càng sớm càng tốt với sự giúp đỡ của các người, những người bạn quý mến. Nếu ta không chiến thắng, quân Hittite sẽ đến và lấy đi của các người tất cả, vì thế ta nghĩ sự đảm bảo này là hoàn toàn xứng đáng. Về lãi suất, ta muốn thỏa thuận riêng với từng người và hy vọng rằng thỏa thuận đó sẽ làm hài lòng các người. Nhưng các người đã kêu van quá sớm, bởi ta vẫn chưa nói xong. Ta yêu cầu các người cho ta vay một nửa tài sản của mình ngay lập tức, chỉ cho vay thôi, những người tốt bụng ạ. Sau bốn tuần trăng, các người phải cho ta vay một nửa những gì còn lại, và sau một năm, cho vay tiếp một nửa số còn lại mà theo cách này các người vẫn còn tài sản của mình. Chính các người sẽ tính được mình còn lại bao nhiêu là tốt nhất, nhưng ta tin chắc các người vẫn còn đủ để múc đầy bát cháo cho đến cuối đời mình, vì vậy ta hoàn toàn không cướp của các người.

Lúc đó, những người giàu vừa lặn lội trước mặt anh ta vừa kêu ca và gào khóc rất thảm thiết; họ đập trán xuống sàn đến tóa

máu và gào lên rằng thà họ đầu hàng quân Hittite còn hơn. Horemheb giả vờ kinh ngạc và nói:

- Nếu vậy, ta sẽ làm theo ý muốn của các người, song ta nghĩ rằng binh lính của ta, những người xả thân trong cuộc chiến, sẽ đau khổ ghê gớm khi biết các người không muốn mất gì cho chiến tranh. Thật tình mà nói, ta đang nghĩ có khi binh lính của ta đang cầm thương trên tay, đứng đợi trước cửa nhà tất cả các người để trói các người, đưa lên thuyền chở đi và nộp cho quân Hittite, như các người muốn. Điều này khiến ta vô cùng thất vọng và không hiểu được các người vui sướng gì với tài sản còn lại của mình, khi chính các người, mắt bị đâm thủng, lưng còng vì quay cối xay đá của người Hittite. Nhưng chính các người muốn thế nên tốt nhất là ta sẽ bảo cho binh lính biết ý định của các người.

Nghe đến đây, những người giàu kinh hoàng hét lên, sụp xuống ôm đầu gối anh ta và vừa đồng ý với tất cả những gì anh ta yêu cầu vừa nguyện rửa anh ta thậm tệ. Nhưng anh ta an ủi họ:

- Ta gọi các người đến đây vì ta biết các người yêu quý Ai Cập và sẵn sàng hiến dâng thật nhiều cho Ai Cập. Các người cũng là những người giàu nhất Ai Cập và mỗi người tự làm giàu theo nỗ lực của mình. Vì thế, ta tin chắc các người sẽ sớm giàu có trở lại, bởi vì người giàu sẽ ngày càng giàu hơn, mặc dù đôi lúc cũng nên bị ép để phần thừa mứa ứa ra ngoài. Hỡi các quý ông thân mến, các người là vườn cây quý giá mà ta vô cùng yêu quý, dù ta có ép các người như ép lựu khiến nước hạt trào ra qua kẽ tay, nhưng là người làm vườn giỏi, ta không muốn làm hỏng những cây đang cho trái ngọt, mà chỉ vừa lòng với việc đôi lúc thu hoạch quả. Các người cũng cần nhớ rằng ta sẽ đem đến cho các người một cuộc chiến vĩ đại, lớn hơn những gì các người mơ ước. Trong chiến tranh, ai đã giàu sẽ giàu hơn và sẽ càng giàu hơn nữa nếu càng trụ lại được lâu trong cuộc chiến, không bất cứ thế lực nào trên thế giới, kể cả thuế vụ của pharaon, có thể ngăn cản được việc này. Vì vậy, các người phải cảm ơn ta mới

phải và ta sẽ ban phước lành trọn vẹn của ta cho các người khi để các người trở về nhà. Hãy yên tâm về và chăm cho mình béo tốt trở lại như ký sinh trùng bụng đầy trứng vì điều đó không ai ngăn cấm được. Ta không ngăn cấm việc các người thỉnh thoảng gửi thêm quà cho ta, bởi vì các người phải nhớ rằng ta sẽ chinh phục lại Syria. Các người biết rất rõ ý nghĩa của vùng đất đó đối với Ai Cập và nhất là với các người, nếu ta nhớ đến các người với đầy thiện ý khi chinh phục xong Syria. Vậy cứ kêu khóc đi nếu các người muốn và nếu làm như thế khiến các người dễ chịu hơn; ta sẵn lòng nghe tiếng khóc của các người, bởi nó như tiếng vàng leng keng bên tai ta.

Bằng cách đó, anh ta đã xua đám người giàu khỏi bản doanh. Họ vừa than khóc bỏ đi vừa vứt xé quần áo, nhưng khi vừa bước ra cửa, họ ngừng khóc rồi bắt đầu háo hức tính xem mình sẽ bị thiệt hại bao nhiêu và lên kế hoạch làm cách nào thu lại được. Còn Horemheb nói với tôi:

- Tôi đã cho họ món quà là cuộc chiến và từ lúc này, họ có thể đổ tội cho quân Hittite về tất cả những điều tệ hại sẽ xảy ra khi họ cướp bóc người dân, cũng như Pharaon có thể đổ tội cho quân Hittite về nạn đói và sự khốn khổ sẽ theo chiến tranh tràn đến xứ Kemet. Vì cuối cùng, dĩ nhiên, người dân sẽ phải gánh chịu tất cả; kẻ giàu sẽ cướp lại của người dân gấp nhiều lần những gì họ cho tôi vay, sau đó tôi sẽ ép họ để mỡ phải chảy ra. Với tôi, việc này thích hợp hơn việc thu thuế chiến tranh, vì nếu tôi thu thuế chiến tranh từ người dân, họ sẽ nguyên rửa tôi, nhưng khi tôi lấy từ kẻ giàu cho cuộc chiến, người dân sẽ cầu nguyện cho tôi và cho là tôi công tâm. Bởi tôi phải thật cẩn trọng bảo vệ danh tiếng của mình cho vị thế cao quý mình sắp bước lên.

Lúc này, cả đồng bằng ngập trong biển lửa; các toán tuần tra Hittite đã đốt cháy làng mạc và để cho ngựa của chúng ăn lúa mạch đang lên xanh. Từng đoàn, từng đoàn tị nạn chạy đến Memphis và kể những câu chuyện khủng khiếp về sự tàn phá điên cuồng của quân Hittite, khiến nỗi sợ hãi bóp nghẹt tim tôi,

chân tay tôi bủn rủn và tôi giục Horemheb phải khẩn trương lên. Nhưng anh ta bình thần mỉm cười và nói:

- Phải hoàn toàn án binh bất động, mặc dù trong nỗi nôn nóng của mình, anh chê trách tôi làm như thế. Sự nguy hiểm đe dọa Ai Cập không lớn lắm cho đến khi bộ binh Hittite vượt qua được sa mạc tiến vào xứ đất đen. Nghệ thuật chiến tranh của chúng chủ yếu dựa vào sức mạnh của chiến xa, nhưng ở xứ đất đen, hệ thống nương máng sẽ cản trở chiến xa di chuyển và chúng sẽ mất thời gian chuyển binh từ nơi này sang nơi khác, tàn phá những làng mạc thứ yếu và xéo nát các cánh đồng. Trong nước càng khan hiếm ngũ cốc, càng nhiều đàn ông Ai Cập vui vẻ đến dưới đuôi sư tử của tôi, nơi mà ai cũng biết sẽ có lương ăn và cả bia uống.

Quả thật, người đói khát, người mất nhà cửa và gia đình vì Aton không còn nghĩ đến mạng sống của mình, người thêm muốn chiến lợi phẩm và thích phiêu lưu, tất cả từ khắp Ai Cập đổ về Memphis. Horemheb phớt lờ các giáo sĩ, tha tội cho tất cả những ai đã từng đóng góp vào việc xây dựng vương quốc Aton và thả tù nhân từ các mỏ đá để họ sung vào lính. Thế là Memphis nhanh chóng giống như một doanh trại rộng lớn và cuộc sống trở nên bất yên, người ta ẩu đả và đánh nhau bị thương hằng đêm trong các nhà vui và tửu quán, còn dân lành chỉ ở trong nhà, sống trong hoảng loạn và sợ hãi. Nhưng từ các binh xưởng vang lên tiếng búa chát chúa của thợ rèn rèn tên, giáo và nỗi sợ hãi, căm thù quân Hittite lan rộng đến mức ngay cả những người đàn bà nghèo cũng hiến tặng đồ trang sức bằng đồng của họ.

Thuyền từ các hải đảo và từ Crete vẫn cập bến Ai Cập và vì chiến tranh, Horemheb trưng dụng tất cả thuyền bè, thuê các thủy thủ và thuyền trưởng về phục vụ mình. Anh ta cũng bắt giữ các thuyền chiến của Crete và thuyết dụ thủy thủ các thuyền này phục vụ Ai Cập, vì các thuyền chiến này căng buồm chạy dọc biển từ cảng này sang cảng khác mà không muốn quay trở lại

Crete vì không biết chuyện gì đang xảy ra ở đó. Họ nghe nói một cuộc nổi dậy của nô lệ đã nổ ra ở Crete và thành phố cao nguyên của giới quyền quý này đã cháy như những ngọn đuốc sáng rực đến tận ngoài khơi trong nhiều tuần liền. Nhưng không ai biết rõ chuyện gì đã thật sự xảy ra ở Crete và các thủy thủ Crete vẫn quen nói dối, khiến không ai tin lời họ. Có người quả quyết quân Hittite đã tấn công Crete, nhưng sao điều đó có thể xảy ra được, vì người Hittite không phải là dân biển, tôi thật sự không hiểu nổi. Số khác lại kể rằng những toán dân da trắng bí ẩn đã dong thuyền từ phía bắc xuống tiêu diệt và cướp bóc Crete, đánh bại thủy quân Crete khi hầu hết thuyền chiến đang canh giữ đường biển gần Syria. Nhưng người Crete lại khẳng định rằng tai họa xảy ra vì thần Crete đã chết. Vì vậy, họ vui lòng làm thuê cho Ai Cập, trong khi các thuyền của Crete đến Syria đã được Aziru và người Hittite thuê lại.

Dù thế nào, những việc này đều rất có lợi cho Horemheb, vì cả vùng biển đã hoàn toàn hỗn loạn, tất cả đánh giết nhau để giành giật thuyền. Một cuộc nổi dậy chống lại Aziru cũng đã nổ ra ở Tyros và những người sống sót lên thuyền đến Ai Cập để trốn, đầu hàng và gia nhập quân đội của Horemheb. Bằng cách này, Horemheb chiêu mộ được các đội thuyền, trang bị thành thuyền chiến với đội thủy thủ giàu kinh nghiệm, nhưng tất cả những việc này tốn kém bao nhiêu tôi không định tính làm gì, vì việc đóng và trang bị thuyền chiến ngày càng đắt đỏ hơn, khiến chiến tranh trên biển tiêu tốn nhiều vàng hơn bất cứ cuộc chiến nào trên đất liền.

Khi những điều này xảy ra, Gaza vẫn còn cố thủ vững vàng ở Syria và Horemheb cùng quân đội của mình rời Memphis sau vụ mùa khi lũ bắt đầu đổ về. Anh ta gửi tin vượt vòng vây đến Gaza bằng đường bộ và đường biển. Chiếc thuyền chở đầy ngũ cốc cập cảng Gaza trong đêm đêm theo lệnh của Horemheb: “Hãy giữ lấy Gaza! Hãy giữ vững Gaza bằng mọi giá!”. Khi những kẻ phá tường rầm rầm đập cổng Gaza và mái các tòa nhà trong thành phố phùng phùng bốc cháy mà không ai kịp dập, những mũi tên

lao vút vào trong thành mang theo lời nhắn: “Horemheb ra lệnh: Hãy giữ lấy Gaza!”. Và khi quân Hittite ném những hũ nút kín đựng đầy rắn độc vào phía trong các bức tường thành, chúng vỡ ra và trong đó chỉ có đầy đại mạch và lệnh của Horemheb: “Hãy giữ lấy Gaza!”. Tôi không thể hiểu làm cách nào mà Gaza có thể cầm cự nổi trong vòng vây của liên quân Hittite và Aziru, nhưng viên trấn thủ thành cau có, kẻ từng nhìn thấy tôi được kéo lên tường thành trong cái giỏ, chắc hẳn rất xứng đáng với danh tiếng mà anh ta nhận được khi giữ vững Gaza cho Ai Cập.

Khi nước sông bắt đầu dâng cao, Horemheb rời Memphis, gấp rút tiến về hướng Tanis và dồn toàn lực đoàn chiến xa tấn công quân Hittite tại chỗ ngoặt của sông, nơi quân Hittite chặn thả ngựa vì nghĩ dòng sông sẽ bảo vệ chúng khỏi bị tấn công bất ngờ từ ba phía. Nhưng tận dụng màn đêm, quân Horemheb đã đào sâu thêm những con mương khô cạn suốt mùa hè và không ai dọn dẹp, để nước sông tràn vào đầy ắp. Sáng ra, quân Hittite mới biết mình đã bị bao vây trên một hòn đảo, bốn bề là nước, khiến những cỗ chiến xa của chúng trở nên vô dụng. Chúng bắt đầu đập phá chiến xa và giết ngựa; thấy thế, Horemheb vô cùng tức giận vì anh ta đã làm tất cả cốt để giành được những chiến xa nguyên vẹn và đàn ngựa khỏe mạnh về tay mình. Vì vậy, anh ta cho thổi tù và, hạ lệnh tấn công quân Hittite, và các đội quân Ai Cập dù chưa qua huấn luyện đã dễ dàng đánh bại quân Hittite khi chúng rời các cỗ chiến xa xuống chiến đấu trên mặt đất. Bằng cách này, Horemheb đã thu được một trăm cỗ chiến xa với ba trăm con ngựa; anh ta vội vàng cho sơn lên các cỗ xe cờ hiệu Ai Cập, đóng ấn chiến mã Ai Cập lên những con ngựa vừa thu được. Nhưng ý nghĩa của chiến thắng to lớn hơn nhiều so với chiến lợi phẩm vì sau trận này, người Ai Cập không còn tin rằng quân Hittite là bất khả chiến bại.

Sau trận chiến, Horemheb thu gom tất cả chiến xa và chiến mã rồi dẫn đầu đoàn quân tiến thẳng đến Tanis, để lại bộ binh chậm

chạp và đội xe tải lương phía sau. Mặt bừng bừng nhiệt huyết, anh ta nói với tôi:

- Một khi anh định đánh thì hãy đánh trước và đánh thật mạnh.

Vì vậy, anh ta phóng đến Tanis cùng các cỗ chiến xa, để mặc vùng hạ lưu cho quân Hittite cướp phá, rồi từ Tanis, anh ta tiếp tục tiến thẳng vào sa mạc, đánh bại các đội quân Hittite bảo vệ kho dự trữ nước và lần lượt chiếm hết các kho nước trong sa mạc. Quân Hittite đã chuẩn bị hàng ngàn, hàng trăm ngàn chum nước trong sa mạc cho bộ binh của chúng, vì chúng không phải là dân biển và cũng không dám mạo hiểm đổ bộ bằng đường biển vào Ai Cập. Không xót thương ngựa chiến, Horemheb cùng các đội quân của mình phóng về phía trước. Rất nhiều ngựa chết trong cuộc tiến quân thần tốc này, nhưng những người chứng kiến cuộc tiến quân kể lại rằng hàng trăm chiến xa lao nhanh trong sa mạc khiến cát sa mạc tạo thành một cột bụi vươn tận trời cao và anh ta bay về phía trước không khác gì một cơn lốc. Đêm đêm, thêm nhiều đồng lúa hiệu được đốt sáng trên các sườn núi kéo dài tận Sinai, để quân ô hợp từ nơi ẩn nấp xông ra tấn công và tiêu diệt đội lính gác Hittite và các kho chứa ở khắp nơi trong sa mạc. Từ đó lan truyền một huyền thoại rằng Horemheb trong hình dáng một cột bão lốc vào ban ngày và cột lửa vào ban đêm vượt qua sa mạc Sinai tấn công Syria. Sau chuyến chinh phạt này, danh tiếng của anh ta ngày càng tăng, đến mức người ta bắt đầu kể về anh ta như kể truyền thuyết về các vị thần và không chỉ dân Ai Cập mà cả người Syria cũng kể những giai thoại về anh ta và có lẽ họ có đủ lý do để làm như thế.

Horemheb lần lượt đánh chiếm các kho nước ở Sinai khiến quân Hittite hết sức bất ngờ; chúng không tưởng tượng nổi rằng anh ta dám tấn công vào sa mạc trong khi quân tiên phong của chúng đang cướp phá ở hạ lưu và biết quá rõ điểm yếu của Ai Cập. Các đội chiến binh của chúng cũng không tập trung một chỗ, mà buộc phải phân tán vào các thị trấn và làng mạc của

Syria chờ Gaza thất thủ, vì vùng quanh Gaza và rìa sa mạc không thể nuôi nổi một đội quân quá lớn mà quân Hittite đã dồn về Syria để buộc Ai Cập quy phục. Người Hittite rất cẩn trọng trong cuộc chiến, chỉ tấn công khi biết chắc ưu thế đang thuộc về mình và các chỉ huy đã đánh dấu trên đĩa đất sét mọi bãi chướng ngại, nguồn nước và làng mạc trong khu vực chúng định tấn công. Vì sự đề phòng này, chúng đã trì hoãn tấn công nên cuộc đột kích của Horemheb đã làm chúng bất ngờ, vì trước đó chưa ai dám tấn công chúng trước và vì chúng nghĩ Ai Cập không có đủ chiến xa để thực hiện một cuộc tấn công lớn như vậy. Quân Hittite vô cùng bối rối khi các chiến xa của Horemheb xuất hiện bên rìa sa mạc ở Syria và mất nhiều thời gian để do thám và tìm hiểu về số lượng chiến xa cũng như mục đích của cuộc đột kích.

Nhưng không ai ngoài Horemheb biết mục đích của cuộc đột kích, mà ngay cả anh ta cũng không biết một cách tường tận, vì sau này anh ta mới kể với tôi rằng ý định của anh ta cũng chỉ là phá hủy các kho nước của quân Hittite trên sa mạc nhằm cản phá cuộc tấn công của chúng và trì hoãn nó thêm một năm nữa để trong thời gian đó có thể yên tâm cho quân đội luyện tập và chuẩn bị cho một cuộc chiến lớn. Nhưng chiến thắng ngoài dự định đã khiến anh ta choáng váng và lính điều khiển chiến xa của anh ta hoa mắt vì chiến thắng quá dễ dàng. Do đó, anh ta đánh chiến xa lao thẳng đến Gaza như cơn gió lốc, tấn công quân bao vây từ phía sau, xé lẻ chúng, phá hủy các cỗ máy phá tường và đốt cháy doanh trại của chúng. Nhưng Horemheb không thể vào được thành Gaza vì khi nhận ra lượng chiến xa ít ỏi của đối phương, quân bao vây phản công lại, và viên trấn thủ cau có và cứng đầu của pháo đài Gaza lại không chịu mở cổng thành ngay cả cho Horemheb khi sự hỗn loạn diễn ra khắp nơi.

Cứ đà này, Horemheb sẽ bị tổn thất nặng nề nếu quân bao vây có chiến xa tấn công, nhưng các chiến xa này đã được chia ra thành từng đội nhỏ dọc Syria, vì việc bao vây Gaza không cần đến chúng, đồng thời quân Hittite và Aziru muốn cho ngựa nghỉ

ngôi, ăn no dưỡng sức trước cuộc tấn công lớn vào Ai Cập. Nhờ vậy, Horemheb quay lại sa mạc và kịp phá hủy các kho nước bên rìa sa mạc ở Syria trước khi quân Hittite điên cuồng tập trung đủ chiến xa để phản công. Vì thận trọng, chúng không muốn đặt các đội chiến xa quý giá của mình vào vòng nguy hiểm, mà muốn nắm chắc phần thắng nên đã trì hoãn để tập hợp đủ chiến xa đánh lại Horemheb, vì chỉ một đội một trăm chiến xa cũng đủ sức đánh tan đoàn chiến xa đã quá kiệt sức và mệt mỏi vì chặng hành quân dài của Horemheb. Từ sự thật này suy ra, Horemheb đã đoán rất đúng là mình đang có chim ưng bên cạnh và nhớ lại bụi cây cháy ở vùng núi Sinai nên anh ta đã truyền lệnh tới lính giáo và lính cung, đốc thúc các đội quân tiến nhanh vào sa mạc dọc theo con đường do quân Hittite làm với hàng ngàn, hàng trăm chum nước để sẵn hai bên đường đủ cung cấp cho một đoàn bộ binh lớn. Thế là anh ta quyết định tiếp tục cuộc chiến trong sa mạc, dù sa mạc thích hợp hơn với các chiến xa và sức mạnh của Hittite chủ yếu dựa vào các cỗ chiến xa của chúng. Nhưng tôi nghĩ anh ta không còn cách nào khác, vì sau khi đã tránh được để không đụng đầu với quân Hittite đang điên cuồng trở lại sa mạc, anh ta cũng như lính chiến xa và ngựa đã quá mệt mỏi và có thể không sống sót nổi để trở về miền Hạ. Mà Horemheb lại không muốn bỏ mặc những người lính dũng cảm của mình chết đói trong sa mạc nên quyết định ở lại với họ và kêu gọi toàn quân tiến vào sa mạc, một điều chưa từng xảy ra trước đây, vì các pharaon vĩ đại khi lâm chiến ở đất Naharani luôn cho thuyền chở quân tới các thành phố Syria vào mùa thu, rồi từ đó tiếp tục tiến theo đường bộ. Nhưng khi ấy Syria thuộc quyền cai trị của Ai Cập, còn dưới quyền của Horemheb chỉ có Gaza và anh ta không có ưu thế trên biển.

Tất cả những gì tôi kể trên đây về cuộc tấn công quân Hittite đầu tiên của Horemheb, tôi nghe lại từ anh ta và người của anh ta cùng với những huyền thoại sau này người ta lan truyền, chứ bản thân tôi không đi cùng anh ta vì nếu đi cùng, chắc chắn tôi không còn sống để kể lại. Chỉ những người lính mạnh mẽ và ngoan cường nhất mới có thể đi cùng anh ta. Anh ta để tôi lại ở

miền Hạ và đi theo bộ binh, với lý do là hoàn cảnh trong lúc tấn công không cho phép chữa trị hoặc băng bó vết thương, mà ai bị rơi khỏi chiến xa hay bị thương ở đâu sẽ nằm lại ở đó và được chọn dùng dao tự cắt cổ mình hay phó mặc cho lòng thương hại của quân Hittite. Anh ta nghĩ những người bị thương có quá đủ điều để nghĩ khi nằm trên đất trong vũng máu của chính mình, do đó họ sẽ không kịp có thời gian và cũng không thấy vết thương đau đớn, hoặc cũng chẳng thiết băng bó hay bôi thuốc mỡ vào vết thương. Đúng như người ta kể lại, hầu hết những người rơi khỏi chiến xa đều chọn dùng dao, song một số ít vẫn rơi vào tay quân Hittite và bị chúng lột da làm ví và túi thêu trong lúc ngưng chiến, vì người Hittite rất thành thạo những nghề thủ công như vậy.

Nhưng những điều này thật đến mức nào, tôi không thể nói, vì Horemheb vốn rất thích khoe khoang và lính chiến xa của anh ta còn phét lác hơn nhiều. Ý tôi muốn nói là chỉ một số ít người còn sống sau cuộc chiến và không phải mọi điều họ kể lại đều đáng tin. Có những huyền thoại thậm chí ngớ ngẩn và tôi cũng không muốn kể, những huyền thoại kiểu như Horemheb trong hình chim ưng bay trước đoàn chiến xa của anh ta khiến ngựa Hittite sợ chạy tán loạn, hay hình ảnh cột lốc xoáy và cột lửa mà tôi đã kể ở trên, nhưng tôi chỉ kể nhằm chỉ ra huyền thoại này được bắt đầu như thế nào. Dù sao, với cuộc tấn công chớp nhoáng này, anh ta đã chiếm được các kho nước ở sa mạc mà quân Hittite đã vất vả và tốn kém tích trữ hàng trăm ngàn chum nước trong một thời gian dài; anh ta đã giãn được vòng vây hãm Gaza và khích lệ quân phòng thủ pháo đài bằng việc gửi tới họ thông điệp được cả đội quân đứng trước bức tường thành đồng thanh gào lên: “Hãy giữ lấy Gaza! Vì Ai Cập, hãy giữ lấy Gaza!”.

Còn chiến lợi phẩm từ cuộc đột kích này là rất ít ỏi và những lính chiến xa theo anh ta hoàn toàn không giàu lên chút nào sau cuộc chinh chiến này, vì chum nước lại chỉ là chum khi nước trong đó đã uống cạn, dù nước trong sa mạc đôi khi quý như

vàng. Trước thành Gaza, những binh lính làm trái lệnh cấm của Horemheb, rời khỏi chiến xa để xuống tranh giành, cướp bóc trong doanh trại quân Hittite, đều bị chết thảm thương, đầu cắm trên đầu cọc, mặt nhăn nhó hướng về những bức tường cao của Gaza, da bị nhét đầy thân sậy làm đệm nằm và đệm gối đầu trong lều của các chỉ huy Hittite.

Nhưng có lẽ vì tôi không phải chiến binh mà chỉ là thường dân và là thầy thuốc nên không đánh giá đủ tầm quan trọng của cuộc đột kích này. Có thể cuộc tấn công đã thật sự cứu được Ai Cập, như Horemheb tuyên bố, và những người lính đi theo anh ta vì thế xứng đáng nhận được vinh quang mãi mãi. Nhưng với niềm vinh quang ấy, họ không thể cắt cho mình quần áo, cũng không thể xây nhà, mua vườn tược và đất đai để an hưởng tuổi già và tôi nghĩ nhiều người trong số họ sẵn lòng đổi vinh quang này lấy một vốc bạc nếu họ được lựa chọn, bởi họ rên rỉ vì chiến lợi phẩm quá ít và không có gì trong tay.

Nếu tôi có mặt trong cuộc tấn công này, có thể tôi đánh giá nó theo cách khác, vì chắc chắn trong những lúc cấp bách ngặt nghèo, trong tiếng rầm rầm của các cỗ chiến xa và trong chiến thắng có điều gì đó làm ta mê mẩn, làm người lính say hơn rượu và quên đi nỗi đau khổ của mình. Còn tôi chỉ thấy dấu vết của cuộc tấn công này từ trên chiếc kiệu của mình trong sa mạc khi theo bộ binh hành quân thần tốc bám sau Horemheb trong cái nóng như đổ lửa và bụi mù trời. Tôi không thấy gì ngoài những xác chiến binh từ trên chiến xa rơi xuống chỗ này chỗ kia, cổ bị ngoẹo và cái bụng đen sì bị kền kền sa mạc rỉa nát. Tôi không thấy gì ngoài những xác ngựa chết đói đã khô, những chiếc chum vỡ nước tràn ra cát, xác của lính gác Hittite bị các toán cướp và quân ô hợp ở sa mạc cướp bóc sau khi quân Horemheb phóng qua, những cái xác bị cắt xẻo và cắm vào đầu những chiếc cọc dựng xung quanh các trạm chứa nước làm dấu hiệu chiến thắng. Vì vậy, cũng hiểu được vì sao tôi không biết nhiều để kể về những vinh quang bất diệt và những chiến thắng làm mê mẩn như tôi đã kể về sự chịu đựng và cái chết.

Sau vài tuần đói lả, hành quân đến kiệt sức trong sa mạc, cho dù nước có thừa mưa sau mỗi ngày đường nhờ quân Hittite, đêm đó chúng tôi thấy một cột lửa bốc lên từ ngọn núi phía sau sa mạc và biết được Horemheb với đội chiến xa đang ở đó chờ chúng tôi. Đêm sa mạc này đã in sâu vào tâm trí vì tôi thao thức không ngủ được, và suốt đêm trên đỉnh núi phía xa, cột lửa màu đỏ phát sáng, bốc khói và vừa bắn lên các tia lửa vừa làm nhợt đi ánh sáng của các vì sao bằng màu đỏ của nó. Đêm sa mạc lạnh lẽo sau ngày nắng thiêu đốt, những người lính, sau nhiều ngày hành quân sục chân trần vào cát giữa những bụi gai, giờ la hét và than vãn trong giấc mộng như thể các linh hồn ma quỷ đang trêu ghẹo họ. Chắc vì thế, dân đen mới nghĩ sa mạc đầy ma quỷ. Nhưng vào sáng sớm tinh mơ, tiếng tù và vang lên và đoàn quân lại tiếp tục đi, dù mỗi ngày lại có thêm nhiều người vì không quen hành quân và mang vác đồ nặng đã gục xuống và nằm lại, vì hiệu lệnh lửa của Horemheb luôn thúc chúng tôi tiến lên phía trước và từ khắp nơi trong sa mạc, từng toán cướp rách rưới, đen sạm và quân ô hợp lao về phía ngọn lửa, mắt liếc thèm thuồng nhìn những hành trang, giáo mác và những cỗ xe bò đực kéo của chúng tôi. Họ không đi lẫn vào đoàn quân mà chỉ nhắm theo hướng ngọn lửa của Horemheb, và tôi nghĩ có lẽ họ sẵn sàng xông vào cướp bóc chúng tôi cũng như quân Hittite.

Nhưng khi đến gần doanh trại của Horemheb, chúng tôi thấy đường chân trời của sa mạc chìm trong màn mây bụi vì quân Hittite đang kéo đến để chiếm lại những kho nước của chúng. Các tiểu đội quân do thám Hittite tiến dọc theo sa mạc trên chiến xa và lao đến gần đội quân đi đầu của chúng tôi, gây kinh hoàng cho những ai chưa quen đối đầu với chiến xa và hơn nữa chưa từng chiến đấu bằng giáo và cung. Vì thế đội quân chúng tôi trở nên hỗn loạn, nhiều người khiếp hãi bỏ chạy vào sa mạc và quân Hittite từ trên chiến xa xuyên giáo vào người họ. May thay, Horemheb đã phái một số chiến xa còn di chuyển được từ doanh trại của anh ta đến tiếp viện và sự vì nể của Hittite với quân Horemheb lớn đến mức chúng bỏ lại chúng tôi ở đó và rút quân. Nhưng cũng có thể sự việc xảy ra không phải do vì nể, mà

chúng được lệnh đến dò la và quấy rối chúng tôi chứ không giao chiến.

Dù sao, bộ binh của chúng tôi khi thấy quân Hittite tháo chạy đã rất phấn khích, lính giáo vừa vung giáo đe dọa chúng vừa hét lớn, còn lính cung đã phí phạm cả đồng mũi tên, bắn theo sau các cỗ xe. Song tất cả đều lén liếc nhìn những đám bụi vẫn bốc lên như những bức tường mây nơi chân trời và nói về Horemheb để khích lệ nhau:

- Không phải lo, vì đôi cánh tay mạnh mẽ của tướng quân sẽ bảo vệ chúng ta. Đừng lo, vì ngài sẽ như chim ưng quào cổ quân Hittite, móc mắt chúng và làm chúng mù.

Nhưng nếu họ nghĩ sẽ được nghỉ ngơi khi đến doanh trại Horemheb và sẽ được anh ta khen ngợi vì đã hành quân rất nhanh trên cát sa mạc làm đôi chân trần tróc hết da thì họ đã lầm to. Bởi Horemheb đã đón chúng tôi với đôi mắt đỏ ngầu đầy mệt mỏi, nét mặt giận dữ; vừa đập đập chiếc roi vàng dính đầy máu và bụi, anh ta vừa gầm lên:

- Các người chết dí ở đâu, lũ bọn bắn thủ kia? Các người la cà ở đâu, lũ trẻ xấu xa? Ta sẽ rất vui đấy nếu đầu lâu các người trắng hếu trong cát ngay ngày mai, bởi quá hổ thẹn khi nhìn các người. Các người bò đến như rùa, sặc mùi mồ hôi và cứt bò, đến nỗi ta phải dùng ngón tay bịt chặt lỗ mũi, khi những chiến binh tốt nhất của ta đổ máu vì vô số vết thương và đàn ngựa quý giá của ta thở dốc như sắp chết. Còn bây giờ hãy đào, những chàng trai Ai Cập, đào vì mạng sống của các người; và việc này thích hợp nhất với các người vì suốt cả cuộc đời, các người đã quen đào bùn, những khi ngón tay bắn thủ của các người không ngoáy mũi hay gãi đít.

Các tân binh Ai Cập chưa qua huấn luyện không hề tức giận vì những lời này của anh ta mà còn reo lên và vừa lớn tiếng nhắc lại cho nhau nghe vừa cười vui hể hả. Mới nhìn thấy Horemheb,

ai này đều thấy như đã thoát được khỏi sa mạc đáng sợ, vào được chỗ ẩn nấp an toàn. Họ quên đôi bàn chân bị trầy xước và cái lưỡi khô quắt lại của mình, bắt đầu đào những hào đất sâu theo hướng dẫn của Horemheb và đóng cọc gỗ giữa những tảng đá, căng dây sậy giữa các cọc, vắn và lăn những tảng đá lớn từ trên núi xuống hẻm.

Những người lính chiến xa mệt mỏi của Horemheb từ các hang trên núi và các lều che bước ra, khắp khiêng đến gần họ để cho họ thấy những vết thương và khoe khoang chiến công của mình; không một ai, ngay cả trong tình trạng tệ hại, không gượng dậy để khoe chiến công nhằm khích lệ lính đào hào là những giáo thủ, cung thủ và khơi sự ganh đua trong họ. Vào buổi sáng, khi thấy quân Hittite đang tiến đến gần rìa sa mạc như vũ bão, họ đã tin chắc rằng mình sẽ chết, nhưng sự xuất hiện của lính bộ binh đã khích lệ họ, vì cả đám cùng hy sinh vẫn tốt hơn từng người một chết; trong số hai ngàn năm trăm lính chiến xa chỉ còn lại khoảng năm trăm người còn đủ sức chiến đấu và ngựa của họ loạng choạng vì mệt mỏi, đầu thống xuống, mồm quệt trên cát.

Cứ như thế trong ngày hôm đó, đại đa số chiến binh từng hàng từng hàng nối nhau đến địa điểm đóng quân của Horemheb và ngay khi vừa đến nơi, họ bị Horemheb bắt đi đào hào và dựng chướng ngại vật để chặn đường vào sa mạc của chiến xa Hittite. Rồi anh ta truyền lệnh tới các nhóm lính đang dềnh dàng, mệt mỏi sau cuộc hành quân rằng tất cả phải đến được địa điểm đóng quân trong đêm, vì khi trời sáng những ai còn lẩn chần nơi sa mạc sẽ chết thảm khốc trong tay quân Hittite nếu đội chiến xa của chúng phá vỡ được rào cản từ sa mạc và hẻm núi. Nhưng không ai biết được số quân đã đến, và Horemheb cũng không cho ai đếm, vì biết con số không còn có ích cho ai nữa, và số quân hiện có là rất ít so với toàn bộ lực lượng của quân Hittite.

Nhưng binh lính Ai Cập đã được khích lệ rất nhiều khi họ thấy lực lượng đông đảo của mình giữa sa mạc và mù quáng tin

tưởng rằng Horemheb sẽ đánh bại quân Hittite và cứu họ thoát khỏi chúng. Nhưng khi dựng các chướng ngại vật, và căng dây sậy giữa các cột gỗ trên nền cát phẳng hay lăn các tảng đá, họ thoáng thấy các chiến xa Hittite trong đám bụi mù và nghe cả tiếng hô xung phong của chúng. Lúc đó, cánh mũi họ lạnh ngắt, họ nhìn ra xung quanh và kinh khiếp, các chiến xa và những lưỡi hái đáng sợ của chúng đang tiến đến.

Nhưng đêm đã tối, quân Hittite không muốn tấn công khi chưa quen trận địa và chưa biết sức mạnh của đối phương. Vì vậy chúng dựng trại trong hoang mạc, cắt bụi gai cho ngựa ăn và đốt lửa trại; ánh lửa trải xa tí tắp hút tầm mắt, lấp lánh trong màn đêm sa mạc. Suốt đêm, quân do thám của chúng trên các cỗ chiến xa hạng nhẹ lao đến chỗ các chướng ngại vật, giết lính gác và tiến vào gây chiến dọc trận địa mà Horemheb đã cho dựng lên hai bên sa mạc. Nhưng từ cả hai bên rìa, nơi không thể dựng chướng ngại vật, các toán cướp sa mạc và quân ô hợp đã tận dụng bóng đêm, bất ngờ xông ra ném dây thòng lọng kéo lính do thám Hittite khỏi chiến xa, bắt giữ xe và ngựa của chúng khiến nhiều tên không thể quay trở lại vì đã đánh xe quá sâu vào sa mạc, xa vùng bảo vệ của quân Hittite.

Tiếng loảng xoảng của chiến xa, tiếng gào hấp hối của binh lính, tiếng vù vù của mũi tên bay và tiếng va đập của vũ khí vẫn vang rền trong đêm tối, khiến những người lính chưa qua chiến trận vô cùng sợ hãi và không dám ngủ. Nhưng Horemheb đã an ủi họ:

- Hãy ngủ ngon, lũ chuột đầm lầy của ta, ngủ đi, nghỉ ngơi và bôi dầu vào bàn chân trầy xước của các người, vì ta thức để canh giấc ngủ và bảo vệ các người.

Còn tôi không ngủ mà suốt đêm đi lòng vòng trong doanh trại chữa cho lính chiến xa bị thương và anh ta cũng khích lệ tôi:

- Hãy chữa lành họ, Sinuhe, bằng tất cả tài năng của anh, vì thế gian chưa bao giờ thấy những chiến binh dũng cảm hơn họ và mỗi người trong số họ đáng giá một trăm và có khi một ngàn kẻ du thủ du thực. Hãy chữa cho họ, vì tôi rất yêu quý những con bộ bản thủ này của mình, họ biết cách điều khiển ngựa, biết sử dụng dây cương và tôi không có lính được huấn luyện để thay thế họ. Vì vậy tôi sẽ trả cho anh một deben vàng cho mỗi chiến binh được anh chữa chạy để đủ sức chiến đấu.

Nhưng tôi rất tức giận vì cuộc hành quân vất vả qua sa mạc, dù tôi được ngồi trên kiệu suốt chặng đường, cổ họng tôi khô khốc vì bụi sa mạc đắng chát và trong thâm tâm, tôi oán hận khi nghĩ mình sẽ phải chết trong tay quân Hittite vì sự ngoan cố ngu ngốc của Horemheb, cho dù tôi thường không sợ chết. Vì thế tôi giận dữ nói với anh ta:

- Giữ vàng cho riêng anh hoặc chia sẻ với những con bộ mỗ côi này của anh để họ thấy mình giàu có dù chỉ trong giây lát trước khi chết, vì ngày mai chắc chắn tất cả chúng ta sẽ chết khi bị anh dẫn vào cái bẫy đáng sợ nơi sa mạc này. Tôi hết lòng cứu chữa những con bộ này của anh chỉ vì bản thân mình, vì tôi nghĩ họ là những người duy nhất có thể chiến đấu trong đội quân này, còn những kẻ đến đây cùng tôi sẽ phát điên và bỏ chạy ngay khi tận mắt thấy tên Hittite đầu tiên. Tôi đã thấy họ run người, chùn bước vì một cành cây gãy trong bóng tối, tôi đã nghe tiếng họ đồng thanh cầu cứu các vị thần Ai Cập khi một con thỏ từ trong hốc đá nhảy ra ngang qua đường họ đi. Rõ ràng là họ rất dũng cảm đập vỡ đầu nhau trên đường phố Thebes và nếu tụ thành nhóm, có lẽ họ dám cắt cổ một khách bộ hành cô đơn để cướp ví của anh ta, nhưng trong sa mạc, họ giống như những con cừu bị dẫn đến lò mổ, vừa be be vừa ngoan ngoãn theo anh để rồi chỉ một phút sau đã điên cuồng, hoảng loạn chạy trốn. Vậy nên vì chính mình, tôi sẽ chữa chạy cho những con bộ này của anh với hy vọng rằng nhờ một vận may khó tin, sự dũng cảm của họ sẽ cứu mạng chúng ta. Nhưng khôn ngoan nhất là anh chọn những con ngựa nhanh nhất, rồi cùng tôi

phóng về miền Hạ để anh có thể tập hợp được một đội quân mới tốt hơn.

Horemheb đưa tay xoa mũi và ranh mãnh nhìn tôi rồi nói:

- Lời khuyên của anh thật xứng với sự thông thái của anh, Sinuhe ạ, và chắc chắn tôi đã nghe theo lời khuyên của anh từ trước nếu tôi khôn ngoan. Nhưng tôi rất yêu những con bọ bấn thủ của mình và không thể bỏ mặc họ chết trong sa mạc, dù tôi có thể dễ dàng trốn thoát một mình và cho phá hủy các kho nước rồi hoãn cuộc chiến đến năm sau. Điều gì khiến tôi không trốn đi, tôi thật sự không biết, vì bất cứ người khôn ngoan nào cũng sẽ làm như vậy ở địa vị tôi, mà nói cho cùng, sau này tôi có thể dựng một đài tưởng niệm cho những con bọ của mình và khắc tên họ vào đá, để họ sống mãi muôn đời. Nhưng tôi sẽ không làm như thế, vì vậy chúng ta không có cách nào hơn là đánh bại quân Hittite ở sa mạc này. Vấn đề thật đơn giản, Sinuhe ạ. Chúng ta sẽ đánh bại quân Hittite vì chúng ta không còn cách nào khác, và có lẽ tôi đã khá khôn ngoan khi đưa quân đội vào sa mạc, vì ở đây họ không còn nơi để chạy trốn mà phải chiến đấu cho tính mạng của mình, dù muốn hay không. Nhưng tôi nghĩ tốt nhất là tôi lên xe mình ngủ và uống rượu để sáng ra tôi sẽ nôn nao khó chịu, bởi vì cơn nôn nao khiến tôi dễ bị kích động và chiến đấu tốt hơn khi tỉnh táo.

Anh ta đi đến cỗ xe của mình, nghiêng bình rượu và tôi nghe tiếng rượu chảy ồ ạt trong đêm tĩnh lặng cho đến khi từ một nơi nào đó phía xa lại bắt đầu nghe thấy tiếng ầm ào của những cỗ xe cùng với tiếng binh lính Ai Cập hét lên trong sợ hãi và bỏ chạy tán loạn vào bóng tối từ khu vực chướng ngại vật. Binh lính nhìn anh ta đầy ghen tị, anh ta đưa hũ rượu cho bất cứ ai đi qua, để họ được uống từ cái hũ mà chính anh ta đang uống. Anh ta vừa cho họ uống vừa la mắng họ:

- Bụng các người như thùng không đáy, các người uống cạn hũ của ta, khiến ta không còn say được nữa và những cái mồm bấn

thủ của các người làm bản hũ của ta.

Anh ta đắm vào vai họ, gọi tên từng người và nhắc họ nhớ về những gì họ đã hứng chịu ở mặt trận Gaza, khi họ bị quấn vào dây cương khiến ngựa lồng lên đá họ.

Thế là đêm trôi qua và bình minh lên như một bóng ma xám xám nơi sa mạc, mang theo mùi chết chóc và những con kền kền. Những con ngựa chết và những cỗ chiến xa đổ lán lóc trước các chướng ngại vật và lính Hittite ngã khỏi chiến xa bị đàn kền kền mổ vào mắt. Rạng sáng, Horemheb ra lệnh thôi tù và, tập hợp quân lính tại chân núi.

2

Trong khi quân Hittite lấy cát dập tắt các đồng lửa trên sa mạc, đóng yên ngựa và mài sắc vũ khí, Horemheb nói đôi lời với binh lính của mình. Anh ta tựa lưng vào ghềnh đá lởm chởm, vừa nhai bánh khô vừa cắn miếng hành trên tay ăn kèm với bánh rồi lớn tiếng nói trước toàn quân:

- Nhìn ra phía trước, các người sẽ thấy một cảnh tượng vô cùng kỳ lạ, vì quả thật Amon đã trao lũ Hittite vào tay chúng ta và hôm nay chúng ta sẽ làm những việc lớn lao. Hẳn các người đã thấy, bộ binh Hittite không kịp đến đây mà còn đang lún quẩn ở rìa sa mạc vì không có đủ nước. Nếu vẫn muốn tấn công Ai Cập, đội chiến xa của chúng phải mở đường và giành lại các kho trữ nước. Lúc này ngựa của chúng đang khát nước và thiếu thức ăn, bởi vì ta đã đốt cháy tất cả kho của chúng và lấy búa đập vỡ các chum nước từ đây cho đến tận Syria. Do vậy, quân Hittite phải dùng chiến xa mở đường ngay hôm nay, còn không chúng sẽ phải đánh chiến xa trở về Syria hoặc đóng quân lại đây để chờ tiếp tế và không thể chiến đấu được. Nếu khôn ngoan, chúng sẽ từ bỏ cuộc chiến và trở về Syria, nhưng chúng là những kẻ tham lam, chúng đã đổ tất cả vàng, bạc của Syria vào những chum

đầy nước dọc sa mạc phía sau chúng ta và quyết đánh để giành lại. Đó là lý do ta nói rằng Amon đã trao chúng vào tay chúng ta, vì khi chúng lao về phía chúng ta, ngựa của chúng sẽ vướng vào các vật cản chúng ta đã dựng và chúng không thể dùng sức mạnh đánh lại chúng ta, vì sức mạnh của quân Hittite nằm ở sự thần tốc của các chiến xa, nhưng các mương, hào mà các người không quản công sức và dùng cảm đào được cùng với những tảng đá và dây thừng đã giăng sẽ phá vỡ mũi tấn công của chúng.

Horemheb nhổ vò hành ra khỏi miệng rồi lại cắn mẩu bánh mì khô bằng những chiếc răng to, chắc, và nhai bánh cho đến khi quân lính bắt đầu giậm chân và la hét như những đứa trẻ háo hức muốn nghe thêm chuyện cổ tích. Horemheb chau mày nói tiếp:

- Lạy Seth và tất cả ác quỷ, các đầu bếp của quân đội đã nướng cút chuột bỏ vào bánh mì của ta hay cơn say rượu khiến miệng ta có vị cút thế này? Những con chuột đồng của ta, các người phải biết là đêm qua ta không thể không uống đến say chỉ vì niềm vui sướng khi nghĩ đến việc lính Hittite sa vào tầm dâm của giáo các người vì sự ngu ngốc của chúng. Nhưng dù vậy, ta cũng sẽ cho treo ngược vài tên lính hậu cần lên tường thành vì thứ bánh cút chuột này. Ta làm điều đó không phải vì các người mà vì cái miệng cao quý của ta, nên các người chỉ phí công cười và ọ lên như bò trước mặt ta. Chúng cho các người ăn bánh nướng với phân gia súc ta cũng mặc, vì với ta những cục phân mà bày ngựa của những con bộ bản thủ của ta ị xuống còn quý hơn cả đám các người. Các người thấy đấy, ta sợ chính các người sẽ để quân Hittite thoát vì sự khốn nạn của mình, bởi các người không phải là lính chiến mà chỉ là lũ chuột đồng hôi hám. Vậy nên ta phải bảo cho các người rằng những cây gậy các người cầm trong tay là giáo và mũi giáo không phải dùng để cào lưng, mà các người phải dùng chúng đâm vào bụng quân Hittite. Và ta nhắc đám lính cung, các người chắc chắn đang nghĩ mình là những người hùng vĩ đại khi giương cung, bắn tên lên không

trung và hét lên như lũ trẻ: “Nhìn kìa, tên của tôi bay cao làm sao”. Các người phải nhắm mũi tên vào quân Hittite và nếu các người là những người lính thật sự, biết ngắm đích như những người lính, các người sẽ chọc thủng mắt quân Hittite bằng mũi tên của mình. Nhưng những chỉ dẫn như vậy với các người thật vô ích, vì thế ta khuyên các người chỉ nhắm vào ngựa của chúng, vì ngựa là mục tiêu to hơn và chẳng nào các người cũng không bắn trúng được những tên lính đứng trên chiến xa. Càng để ngựa đến gần, các người càng dễ bắn trúng hơn dù không phải là lính thiện xạ, và ta khuyên các người nên làm như thế, vì ai lãng phí tên sẽ bị ta quất roi, khiến kẻ đó chỉ mong mình không bao giờ được sinh ra. Chúng ta không đủ lực để lãng phí bất cứ mũi tên nào. Hãy nhớ rằng các mũi tên được rèn từ trâm cài của các bà vợ Ai Cập và vòng cổ chân của gái làng chơi, nếu điều này làm các người vui thích. Với lính giáo, ta ra lệnh: Khi ngựa đến gần, hãy dùng cả hai tay chống giáo xuống đất và hướng mũi giáo vào bụng ngựa thì các người sẽ không gặp nguy hiểm, mà kịp nhảy sang một bên trước khi ngựa ngã lên đầu các người. Nếu bị ngã xuống đất, các người hãy dùng dao cắt gân chân ngựa, vì đó là cách duy nhất để cứu mình trước khi bánh xe lăn qua và nghiền nát các người. Đó là nhiệm vụ của các người, hồi lũ chuột sông Nile.

Anh ta ngửi ngửi mẩu bánh trong tay vẽ gờm ghiếc, ném nó đi rồi nhấc cái hũ lên miệng tu thật nhiều nước cho đã rượu. Sau đó anh ta tiếp tục nói:

- Chắc lời ta nói với các người như nước đổ đầu vịt, vì khi nghe tiếng gào thét của quân Hittite và tiếng chiến xa của chúng ầm ầm chạy, các người sẽ lại khóc lóc và vùi đầu vào cát vì ở đây không có váy áo của mẹ để các người nấp vào. Phòng việc đó xảy ra, ta phải nói với các người rằng nếu quân Hittite chọc thủng vòng ngoài và đến được các kho nước ở phía sau chúng ta, tất cả các người sẽ toi mạng trước khi trời tối, còn may mắn nhất thì chỉ trong một vài tuần trăng nữa, da của các người sẽ được các mục đàn bà ở Byblos và Sidon kẹp trong nách làm túi đi chợ,

không thì các người sẽ gào khóc trên tường thành, chân tay què quặt hoặc quay cối xay bột trong trại Azuri với đôi mắt bị chọc thủng. Điều này sẽ xảy ra nếu quân Hittite chọc thủng phòng tuyến, vì khi đó chúng ta sẽ bị bao vây và không có đường thoát, mà tất cả sẽ toi mạng. Nhưng ta cũng phải thú thật rằng bây giờ chúng ta cũng không có lối thoát và nếu chúng ta bỏ tuyến phòng thủ đã dựng, rút lui về phía sau thì chiến xa của quân Hittite sẽ đánh ta tan tác như nước lũ cuốn trôi đám rơm khô. Ta nói điều này để không ai nảy ra ý định chạy trốn vào sa mạc. Nhưng để ngăn các người nhằm hướng kẻ thù, ta sẽ bố trí năm trăm con bò đực cưỡi của ta ở một khoảng cách thích hợp phía sau các người, để ít nhất một lần chúng có thể cười thỏa chí khi thấy các người chiến đấu, vì quả thật chúng đáng được hưởng tiếng cười ấy, và bất cứ kẻ nào cố tình chạy trốn hoặc nhằm hướng sẽ bị giáo của chúng đâm chết hoặc bị dao cắt cửa, khiến những con bò đực hoang dã thành bò kéo ngoan ngoãn. Vì vậy, hãy biết rằng nếu cái chết hiện ra lù lù trước mặt các người, thì một cái chết chắc chắn hơn chờ các người ở phía sau, nhưng chiến thắng và vinh quang cũng hiển hiện trước mặt các người, vì ta tin chắc rằng hôm nay chúng ta sẽ đánh bại quân Hittite nếu mỗi chúng ta nỗ lực hết sức. Lũ chuột cống thân yêu của ta, các người biết là tất cả chúng ta đều bị quăng vào cùng một vũng bùn và chúng ta không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đánh bại quân Hittite, mà để đánh bại chúng, không có cách nào khác ngoài việc xông về phía chúng và đâm thủng da chúng bằng mọi vũ khí mà các người được phân phát. Đây là cách duy nhất, vì thế ta thân chinh đi theo, cùng chiến đấu bên cạnh các người với cây roi trong tay và sẽ không phải lỗi của ta nếu roi của ta quất các người nhiều hơn là quất quân Hittite, nhưng điều này tùy thuộc hoàn toàn vào chính các người, lũ chuột cống dũng cảm của ta.

Quân lính như bị bỏ bùa khi nghe anh ta nói, quên đổi thế đứng và quên cả quân Hittite. Phải thú thật rằng tôi bắt đầu lo sợ vì các chiến xa Hittite đã tiến gần đến tuyến phòng thủ từ các hướng như những đám mây bụi, nhưng tôi nghĩ chắc

Horemheb đã cố tình kéo dài thời gian để truyền sự bình thản của mình sang quân lính và tránh cho họ sự chờ đợi ngột ngạt trước cuộc tấn công. Cuối cùng từ vị trí trên cao của mình, anh ta nhìn ra sa mạc, giơ tay lên và nói:

- Các bạn chiến xa Hittite của chúng ta đang tiến đến, ta cảm tạ tất cả thần linh Ai Cập về điều này, vì quả thực Amon đã làm chúng mù quáng tin tưởng quá nhiều vào sức mạnh của chúng và chiến đấu theo ý chúng ta. Hãy đi đi, hỡi những con chuột lấm bùn sông Nile, ai nấy hãy trở về chỗ đã bố trí cho mình, sau đó không ai được rời khỏi vị trí khi chưa được lệnh. Và các người, những con bộ yêu quý của ta, hãy đi theo những con ốc sên với vỏ rỗng này và chăm sóc chúng, khi cần thiết, hãy thiến chúng như thiến những con nhai nếu chúng cố chạy trốn. Ta có thể nói với các người: Hãy chiến đấu vì các vị thần của Ai Cập, chiến đấu cho miền đất đen, chiến đấu cho vợ con các người. Nhưng lời nói ấy thật nhảm nhí và vô ích vì các người sẵn sàng đá vào mắt vợ mình để được sống sót bỏ chạy. Vì vậy ta kêu gọi: Hỡi lũ chuột hôi của Ai Cập, hãy chiến đấu cho chính mình, chiến đấu vì mạng sống của chính mình và đừng bỏ cuộc, vì các người không có cách giải cứu nào khác. Còn bây giờ hãy chạy đi, các chàng trai của ta, hãy chạy thật nhanh, nếu không thì chiến xa tấn công của Hittite sẽ đến tuyến phòng thủ trước các người và trận chiến sẽ kết thúc trước khi kịp bắt đầu.

Anh ta để binh lính tản đi và họ lao đến vị trí được giao ở tuyến phòng thủ, vừa chạy vừa gào lên, nhưng họ gào vì quyết tâm hay sợ hãi, tôi thật sự không thể nói, và tôi không tin bản thân họ biết điều đó. Horemheb lững thững bước theo sau họ, còn tôi ngồi lại trên sườn núi để theo dõi cuộc chiến từ một khoảng cách an toàn vì tôi là thầy thuốc và tính mạng của tôi đáng quý.

Chiến xa của quân Hittite đã xuất hiện trên cao nguyên, đến dưới chân các ngọn đồi và dừng lại đó để dàn trận. Những cờ hiệu sặc sỡ và những mặt trời có cánh tỏa tia nắng trên các cỗ xe của chúng, những chiếc ngù đựng đưa trên đầu ngựa và những

tấm vải dày dặn nhiều màu che chắn bên hông ngựa để bảo vệ chúng khỏi trúng tên, tạo ra một cảnh tượng hoành tráng và đáng gờm. Rõ ràng là chúng đã chuẩn bị tấn công với tất cả sức mạnh và dồn toàn bộ lực lượng vào địa hình trống trải với con đường dẫn đến các kho chứa nước mà Horemheb đã vội vàng cho chặn lại bằng các chướng ngại vật sơ sài. Chúng không lao vào các hẻm chật hẹp len giữa các ngọn đồi dựng đứng dẫn ra hai bên và không tản ra rìa sa mạc, nơi các toán cướp và quân ô hợp trấn giữ cả hai bên sườn quân Horemheb. Nếu chúng tản ra rìa sa mạc, quãng đường đến các kho chứa nước sẽ quá xa với ngựa của chúng. Do thiếu nước và thức ăn cho ngựa, chúng dựa vào sức mạnh và tài nghệ chiến tranh của mình, vì thế mà chưa dân tộc nào ngăn được đường tiến quân của chúng. Các chiến xa Hittite chiến đấu theo các phân đội sáu cỗ xe, mười phân đội sáu cỗ xe hợp thành một chiến đoàn và tôi nghĩ chúng có tất cả sáu mươi chiến đoàn, đối đầu với các đội quân chưa được huấn luyện của Horemheb, bởi người Hittite rất kỹ tính và thích những con số rõ ràng. Nhưng các chiến xa hạng nặng, mỗi chiếc có ba ngựa và ba chiến binh, mới là tâm điểm và khi nhìn vào những cỗ chiến xa hạng nặng ấy, tôi không hiểu bằng cách nào quân của Horemheb có thể chặn được cuộc tấn công của chúng, vì chúng di chuyển chậm chạp, nặng nề như những thuyền chiến trong sa mạc và nghiền nát mọi thứ trên đường đi.

Sau khi tiếng tù và cất lên, các chỉ huy giương cao cờ hiệu và đoàn chiến xa bắt đầu di chuyển rồi từ từ tăng tốc; nhưng khi chúng đến gần các chướng ngại vật, tôi ngạc nhiên thấy từng con ngựa riêng rẽ lao ra như tên bắn từ giữa các cỗ chiến xa, trên lưng mỗi con là một chiến binh nằm ép xuống, tay bám chặt vào bờm ngựa và hai gót chân đạp mạnh vào hai bên hông ngựa để thúc nó lao lên nhanh hơn. Tôi không hiểu nổi tại sao chúng lại cho ngựa dự phòng của các cỗ xe lao ra bãi chiến trận mà không được bảo vệ, cho đến khi tôi thấy những kỵ binh này vươ người xuống đất trong khi vẫn treo mình trên lưng ngựa và vừa bám chặt vào bờm ngựa, vừa dùng dao, rìu chặt đứt những sợi dây sây căng giữa các cọc cắm trên mặt đất mà lính Horemheb

đã giăng nhằm quán chân những con ngựa kéo chiến xa. Còn những con ngựa khác lao thẳng vào khoảng trống giữa các chướng ngại vật và các kỵ binh đứng trên lưng ngựa lao giáo đi. Chúng không ném giáo vào quân Ai Cập, mà ném mạnh xuống đất đến mức mũi giáo cắm thẳng xuống và ở đầu mỗi cán giáo có một cờ hiệu sắc sỡ lung lay. Mọi việc xảy ra nhanh như chớp, nhanh hơn tôi có thể diễn tả và tôi chưa hiểu ra mục đích của chúng, vì sau khi chém đứt các sợi dây và cắm mũi giáo xuống đất, các kỵ binh quay ngựa lại và phi hết cỡ, lẩn vào phía sau các cỗ chiến xa, dù nhiều tên trong số chúng đã rơi khỏi lưng ngựa vì trúng tên từ phía sau bắn tới và nhiều con ngựa gục ngã, nằm giãy giụa và rống lên trên mặt đất.

Nhưng khi các đội chiến xa hạng nhẹ Hittite bắt đầu tấn công, tôi chứng kiến một cảnh tượng lạ lùng: Horemheb từ hàng quân của mình phía sau tuyến phòng thủ phóng ra, một mình xông thẳng về phía các chiến xa đang lao đến và tôi nhận ra anh ta, vì anh ta cao hơn tất cả những người lính sông Nile thấp lùn một cái đầu. Khi nhìn thấy thế, tôi đứng dậy, tay siết chặt nắm đấm và gào lên, nhưng Horemheb đã rút từng ngọn giáo có cờ hiệu trên cán mà quân Hittite ném cắm xuống đất và ném ra xa, khiến chúng rung bần bật và cắm sâu vào trong cát. Tài trí quân sự của anh ta nhanh hơn tất cả những người khác, vì anh ta đã hiểu ra mục đích của việc cắm những ngọn giáo này; những kỵ binh dày dạn kinh nghiệm nhất của quân Hittite đã cắm giáo và cờ hiệu để đánh dấu những điểm phòng thủ yếu nhất và đánh đột phá dễ thành công nhất.

Trong đội quân Ai Cập chỉ có Horemheb nhận ra điều này và anh ta có đủ dũng khí để rút giáo cắm sang chỗ khác nhằm đánh lạc hướng quân Hittite. Một vài lính theo gương anh ta, chạy tới các chướng ngại vật, nhổ giáo lên và quay trở lại, mang theo cờ hiệu bên mình làm dấu hiệu chiến thắng.

Dĩ nhiên, điều này cũng gây hoang mang cho quân Hittite nhưng tôi nghĩ chỉ có tài trí tinh nhanh của Horemheb mới cứu

được Ai Cập vào sáng hôm đó, vì nếu quân Hittite có thể sử dụng toàn bộ sức mạnh ban đầu, tấn công đột phá vào các điểm mà các kỵ binh của chúng đã đánh dấu thì quân Ai Cập chắc chắn không thể đẩy lùi chúng được.

Nhưng lúc đó tôi vẫn chưa hiểu ra những điều này mà nghĩ hành động lao đến chỗ đội chiến xa Hittite của Horemheb chỉ là một trò đùa trẻ con điên rồ, vì thế tôi đã mắng anh ta và nghĩ anh ta làm thế chỉ vì muốn khích lệ quân lính của mình. Có lẽ trên thế giới này không hành động nào dũng cảm hơn việc một mình chạy trên trận địa trống trải đối mặt với các cỗ chiến xa, nhưng có lẽ một người lính giàu kinh nghiệm có thể làm điều đó mà không gặp nhiều nguy hiểm nếu anh ta biết cân nhắc giữa sức mạnh và kỹ năng của mình với tốc độ của chiến xa và trở về nơi ẩn nấp trước khi bị chiến xa đè bẹp. Có lẽ vì thế, Horemheb không rơi vào tình thế nguy hiểm mà trái lại, tất cả quân lính đã hò reo, hoan hô lòng dũng cảm, bất chấp nguy hiểm tới tính mạng của anh ta.

Khi Horemheb vừa kịp quay trở về nơi an toàn giữa quân lính của mình, các chiến xa hạng nhẹ của quân Hittite đã đến chỗ các chướng ngại vật và tấn công ập vào chỗ có cờ hiệu như những mũi nhọn thọc sâu vào trận địa phòng thủ. Cuộc tấn công đầu tiên này gây nên những âm thanh khủng khiếp và bụi từ vỏ ngựa và bánh xe bay lên không trung dày đến mức từ trên triền núi, tôi không thể thấy được diễn biến cuộc chiến. Tôi chỉ kịp thấy những mũi tên bắn ra hạ gục một vài con ngựa trước các chướng ngại vật, nhưng quân Hittite đã khéo léo tránh các cỗ xe bị lật và tiếp tục tấn công. Sau này tôi được biết tại một vài điểm, các chiến xa Hittite hạng nhẹ đã vượt qua tất cả các chướng ngại vật, cho dù bị tổn thất nặng nề. Tuy nhiên, chúng không tiếp tục tiến lên mà dừng lại theo từng tốp và các chiến binh dự bị nhảy xuống khỏi xe để lăn các tảng đá sang một bên, dọn đường cho các chiến xa hạng nặng đang chờ tới lượt mình.

Với chiến công này của quân Hittite, một chiến binh từng trải sẽ nhận ra trận chiến thế là đã kết thúc, nhưng những con chuột đồng chưa qua huấn luyện của Horemheb chỉ nhìn thấy những con ngựa đang lăn lộn, giầy giụa trước các chướng ngại vật và hí vang trong các hố. Họ thấy quân Hittite bị tổn thất nặng nề và nghĩ mình đã chặn được cuộc tấn công của quân thù bằng tài nghệ và sự dũng cảm. Do đó họ phấn khích và sợ hãi gào lên, giương giáo lao đến các cỗ xe bị chặn đang luồn lách trên mặt đất, dùng dao cắt gân chân ngựa và kéo những tên lính đánh chiến xa xuống, còn các lính cung bắn những tên đang vùn, lăn những tảng đá. Horemheb để họ mặc sức xông pha theo ý muốn. Ưu thế về quân số đã giúp họ thu được vô số chiến xa và háo hức giao chúng cho những con bộ của Horemheb, vì bản thân họ không biết điều khiển chiến xa và sợ hãi không dám leo lên vì sợ bị rơi mà chỉ quanh quẩn bên đầu ngựa. Horemheb không hề cho họ biết rằng trận chiến sẽ kết thúc khi các chiến xa hạng nặng xung trận mà chỉ tin vào vận may của mình và cái hào sâu anh ta đã sai đào giữa thung lũng, phía sau các đội quân và lấy bụi cây cùng cành cây phủ kín. Các chiến xa hạng nhẹ chưa kịp đến đó và cứ nghĩ chúng đã dẹp được hết tất cả chướng ngại vật.

Sau khi dọn sạch một lối đi đủ lớn cho các chiến xa hạng nặng, những binh lính Hittite còn sống sót leo lên chiến xa rồi vội vàng đánh xe chạy, khiến quân Horemheb hết sức phấn khích, nghĩ rằng mình đã chiến thắng, đâm giáo vào những con ngựa đã sa xuống hố và bị cắt gân chân, còn những tên lính Hittite bị rơi khỏi chiến xa thì gắng sức bò, vừa nấp giữa các tảng đá. Nhưng Horemheb vội ra lệnh thổi tù và, cho lăn đá về lại chỗ cũ và cắm xiên giáo xuống cát, mũi giáo hướng về phía kẻ tấn công làm vật cản, vì anh ta không thể làm gì khác, mà buộc phải cho quân lui sang khoảng trống hai bên nơi các chướng ngại vật đã bị phá bỏ để tránh tổn thất binh lính một cách vô ích, vì nếu không, những chiếc lưỡi hái to dài của các chiến xa hạng nặng quay theo bánh xe sẽ rào rào chém quân lính của anh ta xuống đất như cắt cỏ.

Anh ta làm điều này vào phút cuối vì đồng hồ nước chỉ kịp đo khoảng thời gian ngắn nhất và khi đám mây bụi trong thung lũng vẫn chưa tan thì các chiến xa hạng nặng, tinh hoa và là niềm kiêu hãnh của quân đội Hittite, đã rầm rầm, âm ào lao đến nghiền nát dưới chúng mọi vật cản. Kéo chúng là những con ngựa to lớn, cao hơn ngựa Ai Cập đến một ức, đầu được bảo vệ bằng tấm kim loại và hai bên hông được áo giáp len dày che kín. Các bánh xe của chúng nhẹ nhàng gạt sang bên cả những tảng đá nặng và chúng lao thẳng vào những đám mây bụi mù mịt và những con ngựa cao lớn bẻ gãy các ngọn giáo cắm trên mặt đất như bẻ gãy đám sậy khô. Những tiếng gào thét, kêu khóc vang lên từ thung lũng khi các chiến xa lao về phía trước và khi nghe thấy tiếng kêu thảm thiết kinh hoàng của những người bị đè bẹp dưới bánh chiến xa và cắt đôi bởi lưỡi hái, tôi lại đứng dậy nhìn xung quanh nhưng không thấy bất kỳ hướng nào có đường thoát cho mình.

Cho đến khi từ trong đám mây bụi, các cỗ xe to lớn của quân Hittite rầm rầm hiện ra trên thung lũng và chen chúc tiến về trước thành hàng dài với những con ngựa kéo trong áo giáp len sặc sỡ như những con quái vật kỳ lạ, những cái sừng đồng từ tấm kim loại che đầu chĩa ra phía trước như những chiếc gai thật dài, tôi nghĩ không sức mạnh nào trên trái đất này có thể chặn đường tiến của chiến xa Hittite. Bởi phía trước chúng không còn chướng ngại vật nào, cũng không có lính Ai Cập nào chặn đường đi của chúng đến các kho chứa nước trên sa mạc, vì họ đã rút khỏi thung lũng, dạt lên các triền đồi hai bên theo lệnh của Horemheb. Lính chiến xa Hittite vừa hét lên vừa đánh xe về phía trước, những đám mây bụi phía sau cuộn cuộn bốc lên bay vào không trung che mờ chân trời, khiến tôi nằm sấp mặt xuống đất, phần uất khóc cho Ai Cập và miền Hạ không ai bảo vệ, cũng như cho tất cả những ai giờ đây phải chết vì sự ngoan cố đến ngu ngốc và những ý tưởng điên rồ của Horemheb.

Nhưng quân Hittite không lóa mắt trước chiến thắng, mà thả đá xuống đường để hãm tốc độ chiến xa, để các chiến xa hạng nhẹ lại tiến lên trước dò địa hình, vì những chiến binh Hittite giàu kinh nghiệm luôn thận trọng và đề phòng mọi tình huống bất ngờ, mặc dù chúng rất coi thường quân Ai Cập và chưa hề biết đến sự nham hiểm của người Ai Cập. Tuy nhiên, khó mà tìm lại được sự tấn công của các chiến xa hạng nặng một khi nó đã bắt đầu, vì khi đã có đà, những con ngựa cao lớn đó không ngừng lao về phía trước, chúng sẽ làm đứt dây cương và làm gãy, vỡ các cỗ xe nếu bị ghìm lại quá thô bạo. Vì vậy những người lái chiến xa có một loại giáo lưỡi rộng để có thể chặt đứt bắp chân ngựa của mình trong trường hợp khẩn cấp, nhất thiết phải dùng cỗ xe lại.

Nhưng lần này, chúng thấy không có lý do gì phải làm như vậy mà cho ngựa của mình dàn thành hàng ngang, lao về phía trước, không đề phòng gì cho đến khi mặt đất phía dưới chúng bất ngờ sụp xuống và các chiến xa lao xuống một nấm mồ khổng lồ mà những người xúc bùn sông Nile đã đào và nguy trang bằng các bụi cây. Hào mộ này chắn ngang toàn thung lũng, từ sườn đồi này sang sườn đồi kia và các chiến xa hạng nặng đổ ập xuống đó; hàng chục chiếc bay lộn nhào xuống trước khi những người đánh xe, vì quá bất ngờ, kịp lái cho ngựa chạy dọc hai bên rìa hào mộ; thế là hàng chiến xa tan tác. Khi nghe thấy tiếng hét của quân Hittite, tôi ngẩng đầu lên khỏi mặt đất và nhìn thấy một cảnh tượng thật kinh hoàng cho đến khi bụi bốc lên che phủ tất cả.

Nếu quân Hittite đủ điềm tĩnh và tin mình có khả năng thất trận, chúng vẫn có thể cứu được ít nhất một nửa số chiến xa và gây thất bại nặng nề cho quân Ai Cập. Vì chúng có thể đánh xe dọc theo mép hào rồi quay ngựa lại với tốc độ nhanh nhất và trở lại cao nguyên xuyên qua những chướng ngại vật đã bị chúng phá hỏng. Nhưng chúng không thể hiểu rằng mình đã bại trận, vì chúng không quen bị đánh bại và thậm chí trong thâm tâm cũng không thể thừa nhận rằng quân đội Hittite có thể bị đánh

bại. Vì thế, chúng không hề có ý định chạy trốn khỏi đường của bộ binh Ai Cập vốn không có chiến xa đi kèm mà cho ngựa chạy lên sườn đồi cheo leo để có thể dừng lại trên đỉnh đồi, quay lại quan sát địa hình, rồi xuống khỏi chiến xa, tìm cách vượt qua hào mộ, giải cứu đồng đội đã rơi xuống dưới hào và chờ đám mây bụi lắng xuống để nhận định hướng tấn công tiếp theo vào quân Ai Cập.

Nhưng Horemheb không có ý định chờ chúng kịp hoàn hồn, mà ra lệnh thổi tù và rồi tuyên bố với quân lính của mình rằng phép thuật của anh ta đã làm trật bánh các cỗ chiến xa Hittite, nên quân Hittite bị vô hiệu hóa. Anh ta phái lính cung đến sườn đồi để bắn tên, quấy rối quân Hittite và sai quân lính dùng bụi cây và chổi quét đất để càng nhiều bụi hơn bốc lên không trung, một phần làm rối loạn quân Hittite, một phần để ngăn lính mình hoảng sợ khi nhìn thấy quân Hittite vẫn còn nhiều chiến xa nguyên vẹn để sẵn sàng tiếp tục cuộc chiến. Đồng thời, anh ta ra lệnh cho một số đội quân lăn các tảng đá từ sườn đồi xuống và dựng lại các chướng ngại vật đã bị phá vỡ để chuẩn bị cho một chiến thắng thật hoàn hảo và tịch thu nguyên vẹn các chiến xa Hittite.

Trong khi đó, các đội chiến xa hạng nhẹ của quân Hittite cắm trại trên chỗ bằng phẳng để cho ngựa uống nước, sửa chữa yên cương và vận chuyển lại các nan bánh xe. Nhìn thấy bụi bốc lên giữa các ngọn đồi và nghe thấy tiếng la hét, tiếng vũ khí vang chát chúa, chúng tin rằng các cỗ xe tấn công hạng nặng của mình đang lừa quân Ai Cập quanh trận địa và tiêu diệt họ như giết một lũ chuột.

Được những đám mây bụi che chắn, Horemheb phái những lính giáo dũng cảm nhất xuống hào để ngăn lính Hittite cứu những đồng đội của chúng bị rơi xuống hố và ngăn chúng lấp các hào. Còn các đội quân còn lại, anh ta lệnh cho lăn những tảng đá lớn ra phía trước và dùng xe bò kéo đến chỗ các chiến xa, dồn chúng vào nơi chật hẹp, khiến chúng không thể di chuyển. Dọc theo

sườn đồi, những tảng đá lớn đã nhanh chóng được vắn về phía các chiến xa, vì người Ai Cập khai thác đá và trong quân đội của Horemheb có quá nhiều người từng đục đá trong các mỏ đá.

Quân Hittite bắt đầu rối loạn khi những đám mây bụi không lắng xuống vì không thể nhìn thấy gì, và nhiều tên lính bị trúng tên ngã nhào khi đứng trên cổ xe cố gắng nhìn ra xung quanh. Các chỉ huy Hittite tranh cãi nhau và không biết phải xử trí ra sao, vì chúng chưa bao giờ được huấn luyện phải làm gì trong trận chiến kiểu này. Sau một hồi tranh cãi, chúng cử một vài chiến xa lao vào giữa đám mây bụi để do thám trận địa của quân Ai Cập, nhưng các chiến xa này không quay trở lại vì ngựa vấp phải đá và lính đánh xe bị lính giáo của Horemheb kéo ra khỏi chiến xa rồi giết. Cuối cùng, các chỉ huy quân Hittite lệnh thối tù và, tập hợp các chiến xa lại và sẵn sàng cho một cuộc tấn công để có thể quay lại bãi bằng tổ chức lại đội ngũ. Nhưng khi tấn công trở lại theo đúng con đường đã đến, chúng không còn nhận ra đường nữa mà ngựa vấp phải dây và bẫy, các cổ xe kền càng bị lật trên đá, cuối cùng chúng buộc phải xuống xe và chiến đấu trên bộ. Chúng là những binh lính dũng cảm, dạn dày kinh nghiệm trận mạc và đã giết nhiều quân Ai Cập, nhưng chúng không quen chiến đấu trên bộ, mà quen đứng trên chiến xa phía trên kẻ thù. Vì thế, chúng đã bị quân Horemheb đánh bại.

Trời dần tối, gió từ sa mạc thổi đến xua những đám mây bụi khỏi thung lũng, để lộ trận địa và thất bại khủng khiếp của quân Hittite, vì chúng đã mất hầu hết chiến xa hạng nặng và rất nhiều chiến xa và ngựa cùng với tất cả trang bị đã bị quân Horemheb tịch thu nguyên vẹn. Nhưng binh lính của Horemheb, mệt mỏi và bị kích động bởi sự ác liệt của trận chiến, bởi tình trạng thương tích và mùi máu, cũng vô cùng sợ hãi khi nhìn thấy những tổn thất của chính quân mình, vì xác lính Ai Cập nằm trong thung lũng nhiều hơn xác lính Hittite gấp nhiều lần. Những binh lính sống sót kinh hoàng nói với nhau: “Đây là một ngày khủng khiếp và cũng may là chúng ta không nhìn

xung quanh khi đánh nhau vì nếu nhìn thấy quân Hittite đông như kiến và số quân mình đã ngã xuống, chắc chắn tim chúng ta sẽ thót lên miệng và chúng ta đã không thể chiến đấu như sư tử thế”.

Nhưng chúng kiến sự thất bại khủng khiếp của mình, những tên lính Hittite sống sót đã bật khóc và nói: “Những cỗ xe hạng nặng của chúng ta, tinh hoa và niềm tự hào của quân đội chúng ta, đã tiêu tan; trời cao và mẹ đất đã bỏ rơi chúng ta. Sa mạc này chắc chắn không còn là của mẹ đất nữa mà là đất của loài quỷ dữ. Vì vậy, chúng ta không chiến đấu nữa, chúng ta buông vũ khí”. Thế là chúng ném giáo xuống đất ở trước mặt và giơ hai tay lên trời. Horemheb sai trói chúng bằng dây thừng như trói các tù nhân và tất cả những con chuột bùn của sông Nile đến gần, ngạc nhiên nhìn chúng, đưa ngón tay chạm vào vết thương của chúng, nhặt từ mũ và quần áo của chúng những hình mặt trời có cánh và hình rìu đôi.

Trong khung cảnh hỗn độn khủng khiếp đó, Horemheb đi khắp các đội quân, mắng mỏ họ với những lời ghê sợ nhất, quát nhẹ họ bằng chiếc roi vàng của anh ta và xướng tên những người lính mà anh ta thấy nổi bật trong trận chiến, gọi họ là con, là những chú chuột đồng yêu quý của mình. Anh ta sai phát rượu, bia cho họ và cho họ được phép tước lột đồ của những kẻ đã chết, cả lính Hittite lẫn lính Ai Cập, để họ thấy rằng mình cũng có phần chiến lợi phẩm. Còn chiến lợi phẩm quý giá nhất mà anh ta nhận được là những cỗ chiến xa hạng nặng với những chiến mã không bị thương và khỏe khoắn, điên cuồng cắn, đá tứ tung cho đến khi được cho ăn, uống thừa mứa và những người lính quen chăn thả ngựa của Horemheb âu yếm nói với chúng rằng hãy phục vụ Ai Cập. Mặc dù đáng sợ, song ngựa là loài vật khôn ngoan và hiểu được lời nói của con người. Vì vậy, chúng ngoan ngoãn về với Horemheb, phục vụ anh ta khi đã đủ thức ăn và nước uống. Nhưng làm sao chúng có thể hiểu được tiếng Ai Cập khi chỉ quen nghe thứ ngôn ngữ khó hiểu của người Hittite, tôi không thể hiểu. Tuy nhiên, binh lính của Horemheb

đảm bảo với tôi rằng chúng hiểu tất cả những gì họ nói, và tôi phải tin họ khi nhìn thấy những con vật to lớn và hoang dã này chịu để họ chăm sóc và cỡi bộ giáp len nặng nề, nóng nực ra khỏi cái lưng đầm mồ hôi của chúng.

Ngay đêm hôm đó, Horemheb đã gửi tin đến các toán cướp và quân ô hợp vẫn đóng ở hai bên rìa sa mạc, kêu gọi tất cả những tên dũng cảm gia nhập các đội chiến xa, về làm lính bộ bản thủ của mình, vì những người sống ở sa mạc biết chăm sóc ngựa hơn người Ai Cập vốn rất sợ ngựa. Tất cả kỵ sĩ vui mừng chấp thuận lời kêu gọi của anh ta và rất vui thích với các chiến xa hạng nặng và những con ngựa cường tráng. Sói, chó hung sa mạc và quạ núi cũng vui thích hết như thế, kéo đến từng đàn xé mổ xác chết, không phân biệt lính Ai Cập hay lính Hittite.

Tuy nhiên, tôi không buộc phải nghĩ đến những điều này, vì tôi có quá nhiều việc để làm, chữa chạy cho những người bị thương, khâu liền các vết thương, kéo những cẳng chân, cánh tay bị bong gân, treo khớp và khoan các hộp sọ bị chùy của lính Hittite đập méo. Mặc dù có nhiều người phụ mổ và khâu vết thương giúp tôi, nhưng phải mất ba ngày ba đêm mới băng bó, cứu chữa được tất cả những người bị thương và trong thời gian này cũng có nhiều người chết vì bị thương quá nặng. Nhưng tôi không được làm công việc này trong tĩnh lặng, mà tai tôi liên tục bị tiếng ầm ào của các trận chiến quấy nhiễu, vì quân Hittite vẫn chưa chịu tin vào thất bại của mình. Ngày hôm sau, chúng tấn công bằng những chiến xa hạng nhẹ để hòng lấy lại những chiến xa tấn công đã mất. Sang ngày thứ ba, chúng cố sức phá bỏ các vật chướng ngại, vì không dám quay trở lại Syria báo cáo tổn thất với các tướng lĩnh của mình

Nhưng vào ngày thứ ba, Horemheb không chỉ phòng thủ nữa mà ra lệnh dỡ bỏ các chướng ngại vật và đưa những con bộ rác rưởi của mình và các chiến xa thu được của quân Hittite ra giao chiến. Những chiến xa này truy đuổi các chiến xa hạng nhẹ của quân Hittite và chia rẽ chúng ra, nhưng họ cũng bị tổn thất

nhiều vì quân Hittite nhanh hơn và quen điều khiển chiến xa hơn, khiến tôi lại có thêm nhiều việc phải làm. Nhưng Horemheb nói những tổn thất này là không tránh khỏi, vì chỉ trong chiến trận, những tân binh rác rưởi của anh ta mới học được cách điều khiển ngựa và chiến xa; và sẽ học được tốt khi kẻ thù đang ở thế bất lợi và sợ hãi, hơn là khi chúng đã được nghỉ ngơi, được trang bị lại và các chiến xa của chúng đã sẵn sàng đối đầu với chiến xa của Ai Cập.

- Chúng ta sẽ không bao giờ thắng được Syria nếu ta không có chiến xa để chống lại chiến xa, - Horemheb nói. - Vì vậy, toàn bộ cuộc chiến diễn ra bằng chướng ngại vật này chỉ là trò trẻ con và chúng ta sẽ không thu được gì với nó, cho dù chúng ta chặn được cuộc tấn công của quân Hittite vào Ai Cập.

Anh ta rất mong quân Hittite sẽ cho bộ binh vào sa mạc để đánh anh ta vì trong sa mạc, quân Hittite sẽ là miếng mồi ngon cho anh ta khi không có đủ nguồn cung cấp nước. Nhưng người Hittite khôn ngoan và học hỏi nhanh, chúng giữ quân của mình ở Syria với hy vọng Horemheb vì lóa mắt trước chiến thắng mà sẽ cho quân từ sa mạc đến Syria, dễ dàng trở thành miếng mồi cho binh lính và đội chiến xa giàu kinh nghiệm đang hồi phục của chúng. Tuy nhiên, thất bại vừa qua của chúng đã gây ra hỗn loạn lớn ở Syria, nhiều thành phố đã nổi dậy chống lại Aziru và đóng cửa thành, vì chán ngấy với tham vọng quyền lực của Aziru và lòng tham của người Hittite, đồng thời cũng hy vọng giành được sự ủng hộ của Ai Cập khi mơ tưởng một chiến thắng nhanh chóng. Vì các thành phố của Syria luôn xung đột với nhau và các do thám của Horemheb đã kích động trạng thái bất ổn trong người dân ở đó, lan truyền những tin đồn đáng sợ và thổi phồng thất bại trên sa mạc của quân Hittite.

Horemheb cho quân lính nghỉ ngơi trên Núi Chiến Thắng và bàn bạc với quân do thám của mình để đưa ra những chiến lược mới, và tiếp tục gửi đến Gaza đang bị bao vây mọi ngã đường thông điệp: "Hãy giữ lấy Gaza". Anh ta biết rằng Gaza không thể

chịu đựng được cuộc vây hãm lâu hơn nữa và để giành lại được Syria, anh ta phải có một căn cứ trên bờ biển. Trong lúc chờ đợi, anh ta cho người len lỏi vào hàng ngũ binh lính, kể về sự giàu có của Syria và các nữ giáo sĩ của đền thờ Ishtar, những người có tài nghệ làm các chiến binh dửng dưng cảm thỏa mãn và vui vẻ. Tôi không biết anh ta chờ đợi điều gì cho đến một đêm kia, từ sa mạc bên phía Syria, một người gầy gò, tiều tụy lén lút đến gần các chướng ngại vật nấp mình và cầu xin gặp Horemheb. Quân lính chế nhạo sự táo tợn của gã, nhưng Horemheb đồng ý tiếp gã và khi nhìn thấy Horemheb, gã cúi gập người, tay thông xuống đầu gối, mặc dù bộ đồ gã mặc là của người Syria. Rồi gã đặt lòng bàn tay lên một mắt của mình, như thể sợ bị đá ném. Thấy thế, Horemheb nói:

- Kìa, chắc bộ hung không đốt mắt người đó chứ?

Tôi tình cờ ở trong lều anh ta khi việc này xảy ra và thấy lời nói đó thật ngu ngốc vì bộ hung là con vật vô hại và không đốt bất cứ ai. Nhưng gã kia nói:

- Đúng là bộ hung đã đốt mắt tôi vì ở Syria có mười lần mười bộ hung, và tất cả chúng đều rất độc.

Horemheb nói:

- Chào người, người dửng dưng, người có thể nói thoải mái, vì danh y trong lều ta đây là người ngốc và dĩ nhiên không hiểu gì.

Tên do thám nghe thế mới nói:

- Ông chủ của tôi, tướng quân Horemheb, cỏ khô đã đến.

Gã không nói gì nữa, nhưng qua đó tôi đoán gã là do thám của Horemheb; và Horemheb vội vã ra khỏi lều chỉ huy và ra lệnh đốt lửa hiệu trên đỉnh núi; chỉ một lúc sau, ngọn lửa hiệu bùng sáng trên tất cả các triền núi từ Núi Chiến Thắng đến tận miền Hạ. Bằng cách này, Horemheb gửi thông điệp đến Tanis rằng đội

thuyền chiến phải dong buồm ra biển đến Gaza và chấp nhận giao chiến với thủy quân Syria, trừ khi tránh được giao tranh.

Sáng hôm sau, Horemheb ra lệnh thổi tù và, cả đoàn quân lên đường xuyên qua sa mạc về phía Syria; các cỗ chiến xa đi trước dẫn đầu từng phân đội nhỏ, khai chiến để mở đường và chọn nơi hạ trại cho đoàn quân nghỉ trên đường đi. Nhưng sao Horemheb lại dám giao chiến với quân Hittite trên địa hình bằng phẳng, tôi không thể hiểu. Nhưng các đội quân vẫn sẵn sàng theo anh ta, mơ về sự giàu có của Syria và chiến lợi phẩm dồi dào, cho dù khi nhìn từng khuôn mặt họ, tôi như thấy dấu ấn của tử thần. Nhưng tôi vẫn lên kiệu và theo họ, bỏ lại sau mình Núi Chiến Thắng, bỏ lại xương của lính Hittite và lính Ai Cập yên bình nằm lại bên nhau, làm trắng dần thung lũng bị chen kín những chướng ngại vật.

3

Gìơ đã đến lúc phải kể về cuộc chiến ở Syria, nhưng tôi không có nhiều điều để kể, bởi vì tôi không hiểu về chiến tranh, và trong mắt tôi tất cả các cuộc chiến đều giống nhau, tất cả những thành phố bị cháy, những ngôi nhà bị cướp đều giống nhau và những người vợ nức nở, những thi thể bị xé toạc đều như nhau, dù tôi tình cờ bắt gặp hay nhìn thấy ở đâu. Vì thế, những điều tôi kể sẽ rất đơn điệu nếu kể tất cả mọi điều mình thấy, vì cuộc chiến ở Syria kéo dài ba năm và đó là một cuộc chiến khốc liệt và tàn nhẫn, làm rất nhiều người thiệt mạng, đến mức những ngôi làng ở Syria trở nên hoang tàn, cây ăn quả bị đốn trụi trong vườn và các thành phố trở nên trống vắng.

Nhưng trước tiên, tôi phải kể về mưu lược của Horemheb, vì anh ta đã không do dự cho quân vượt qua cột đá mốc biên giới vào Syria và phá hủy các cột do Aziru cho dựng, lại còn cho phép lính của mình cướp bóc làng mạc và vui vẻ với đàn bà Syria để

họ được ném thành quả chiến thắng. Anh ta tiến quân thẳng đến Gaza và khi biết được ý định đó, quân Hittite đã tập trung lực lượng vào một dải đất rộng gần Gaza để chặn đường tiến và tiêu diệt quân của anh ta, vì địa hình này rất thích hợp cho những trận đánh bằng chiến xa và chúng tin chắc mình sẽ chiến thắng. Nhưng tiết trời đã sang đông từ lâu nên chúng phải cho ngựa ăn cỏ khô và thức ăn gia súc mua từ các thương nhân Syria. Trước trận chiến, ngựa của chúng bị ốm và bắt đầu run rẩy khi được đóng yên, phân ngựa chuyển sang màu xanh lục và nhão nhoét, và nhiều con đã chết. Vậy nên lực lượng chiến xa của Horemheb đã có thể giao chiến ngang ngửa với đội chiến xa của Hittite và sau khi đánh bại các chiến xa của chúng, anh ta dễ dàng đánh tan tác bộ binh Hittite đang hoảng loạn. Lính giáo và lính cung của anh ta đã làm nốt việc mà các chiến xa đã bắt đầu, khiến quân Hittite phải chịu những tổn thất lớn chưa từng có và trên bãi chiến trường, xác quân Hittite và Syria cũng nhiều như xác lính Ai Cập, khiến nơi này được gọi là Bãi Xương Người. Khi đến doanh trại của chúng, việc Horemheb làm trước tiên là ra lệnh đốt các kho chứa thức ăn gia súc, vì những thức ăn này đã bị trộn lẫn nhiều lá cây độc làm cho ngựa Hittite bị bệnh, nhưng lúc đó tôi thật không biết bằng cách nào Horemheb đã làm được việc ấy.

Thế là Horemheb đã đến được trước thành Gaza và đánh tan tác đội quân bao vây thành trong khi quân Hittite và Syria bỏ chạy đến các thành phố và đồn trú kiên cố ở miền nam Syria. Cùng lúc ấy, cả thủy quân Ai Cập cũng dong thuyền đến cập cảng Gaza, sau khi bị đánh tới tấp và nhiều thuyền vẫn còn cháy trong trận hải chiến kéo dài hai ngày ở ngoài khơi Gaza. Thủy quân Ai Cập chạy trốn vào cảng Gaza và nhiều thuyền bị đắm khi đụng phải chướng ngại vật che kín cảng trước khi viên trấn thủ cẩn trọng của Gaza tin lời họ và cho phép dỡ bỏ các chướng ngại vật; và hạm đội liên quân của Syria và Hittite cũng bỏ chạy đến Tyros và Sidon để củng cố lực lượng; vì cả hai bên đều rút lui nên trận hải chiến vẫn chưa phân thắng bại. Nhưng ngay sau trận này, Horemheb đã có thể vận chuyển thực phẩm, vũ khí và

binh lính đến Gaza bằng đường biển, cũng như cho những lính bị thương và ốm yếu của mình lên thuyền về Ai Cập.

Ngày những cánh cổng bất khả chiến bại được rộng mở ra cho đoàn quân của Horemheb nay vẫn là ngày lễ trên khắp Ai Cập và vào ngày mùa đông này, Ngày thần Sekhmet, trẻ con chơi trò đánh nhau bằng chùy gỗ và giáo sậy, tái hiện cuộc bao vây Gaza. Có lẽ chưa bao giờ có thành phố nào được bảo vệ kiên cường hơn Gaza và chắc chắn viên trấn thủ Gaza hoàn toàn xứng đáng với mọi danh tiếng mà anh ta được nhận vì đã bảo vệ Gaza. Vì vậy tôi nhắc đến tên anh ta, cho dù tôi vẫn thấy nhục nhã bởi anh ta đã chứng kiến tôi được kéo lên tường thành Gaza trong một cái giỏ sậy như thế nào. Tên anh ta là Roju.

Lính của anh ta gọi anh ta là Cổ Vẹo và tôi nghĩ cái tên này mô tả đúng ngoại hình và tính khí của anh ta, vì tôi chưa từng gặp ai ngang ngạnh và đa nghi hơn anh ta. Sau chiến thắng, Horemheb đã cho thối tù và suốt một ngày dài trước thành Gaza, đến khi Roju tin và cho mở cổng. Ngay cả khi đó, lúc đầu anh ta cũng chỉ cho một mình Horemheb bước vào trong cổng thành, bởi anh ta nghi ngờ Horemheb là một người Syria cải trang. Cuối cùng, khi tin chắc Horemheb đã đánh bại quân Hittite, Gaza không còn gặp nguy hiểm nữa và cuộc bao vây đã kết thúc, anh ta cũng không tỏ ra quá vui mừng mà vẫn cau kỉnh như trước vì không vừa ý với việc Horemheb là tổng tư lệnh ở Gaza, ở cấp cao hơn và chỉ huy anh ta, vì trong nhiều năm bị vây hãm, anh ta đã quen mình là người ra lệnh cho tất cả.

Thật ra tôi cũng nên kể thêm về Roju Cổ Vẹo này, vì anh ta là một người khá kỳ cục và gây ra nhiều xung khắc ở Gaza vì sự ngang ngạnh của mình. Tôi nghĩ anh ta là một kẻ điên rồ, bướng bỉnh và đầu óc anh ta có vấn đề, nhưng nếu anh ta không như vậy, có lẽ quân Hittite và Aziru đã chiếm được Gaza từ lâu. Tôi không nghĩ anh ta có thể làm được gì ở nơi nào khác, mà thần linh hay vận may đã đưa anh ta đến Gaza, một nơi hoàn toàn phù hợp với khả năng của anh ta. Ban đầu, anh ta bị đày đến

Gaza do liên tục cải lệnh cấp trên, vì Gaza là một thành phố nhỏ bé và thứ yếu so với các thành phố khác của Syria, một nơi đầy ải thích đáng, và chỉ những việc xảy ra sau này mới biến nó thành quan trọng. Đúng ra, chính Roju là người biến nó thành quan trọng vì anh ta đã không hàng phục Aziru như các thành phố khác.

Nhưng trước tiên, tôi phải kể về việc chúng tôi đến Gaza và thành này trông như thế nào khi chúng tôi đến. Tôi đã kể các tường thành ở Gaza cao đến nỗi tôi rất sợ bị gãy cổ khi tay Roju này ra lệnh dùng dây kéo tôi lên tường thành sau khi đã làm tay và đầu gối tôi bồng rộp vì hắc ín đun chảy. Những bức tường này đã cứu Gaza vì chúng được xây bằng những phiến đá khổng lồ, móng được xây từ xưa xưa và không ai biết người xây là ai, theo dân gian thì chính những người khổng lồ đã xây chúng. Vì thế, quân Hittite không thể làm được gì nhiều với những bức tường này, nhưng những phần tường bị chúng dùng máy ném đá đập vỡ và tháp canh bị đổ khi chúng đào đất dưới chân tường với sự che chắn của hàng khiên đã cho thấy năng lực quân sự tài giỏi của chúng.

Cả khu phố cổ bên trong tường thành đã bị thiêu rụi gần hết và không một ngôi nhà nào còn nguyên mái. Khu phố mới bên ngoài tường thành bị Roju Cổ Vėjo cho đốt cháy và phá hủy hoàn toàn ngay khi anh ta nghe tin về cuộc nổi dậy của Aziru và anh ta đã dùng quyền lực của chính mình để làm điều này vì tất cả những phò tá của anh ta phản đối và dân chúng phản nộ, đe dọa anh ta nếu anh ta cho phá hủy thành phố của họ. Với việc làm này, Roju đã vô tình làm dân Syria ở Gaza nổi loạn trước khi họ kịp phối hợp với nhau, bởi vì kế hoạch của Aziru là các thành phố có quân Ai Cập đồn trú sẽ chỉ nổi dậy sau khi binh lính và chiến xa của anh ta đến được trước cổng thành. Thế nên chỉ với lực lượng quân đồn trú, Roju cũng có thể dẹp tan cuộc bạo loạn, không cần quân tiếp viện mà Ekhnaton sẽ không gửi đến; và anh ta đã nhấn chìm cuộc bạo loạn trong biển máu, khiến dân chúng kinh hoàng và không ai dám nghĩ đến việc nổi dậy chống

lại anh ta nữa. Vì nếu ai đó bị bắt với vũ khí trên tay và đầu hàng rồi cầu xin khoan hồng, Roju sẽ nói: “Hãy cho hắn một chùy vào đầu vì đã ngoan cố chống lại ta và xin khoan hồng”. Nếu ai đầu hàng mà không xin khoan hồng, Roju sẽ nổi điên và nói: “Hãy nện chùy vào đầu tên phiến quân ngoan cố này, kẻ dám kiêu hãnh ngẩng cao đầu trước mặt ta”. Nếu những người vợ cùng bảy con đến gặp anh ta để cầu xin sự sống cho chồng và cha mình, anh ta sẽ ra lệnh giết hết không thương xót: “Hãy giết hết tụi Syria rác rưởi này, những kẻ không biết rằng ý chí của ta cao hơn của chúng, như bầu trời ở trên mặt đất”.

Vì vậy, không ai có thể nói điều gì vừa lòng anh ta, mà anh ta ngửi thấy sự xúc phạm và chống đối trong mọi lời nói với mình. Nếu người ta cảnh báo anh ta rằng Pharaon cấm xảy ra đổ máu, anh ta sẽ nói: “Ta là pharaon ở Gaza”. Sự ngạo mạn của anh ta thật khủng khiếp, nhưng tôi phải thừa nhận rằng anh ta chỉ nói câu này khi quân Aziru bao vây Gaza.

Nhưng cuộc vây hãm của Aziru chỉ là trò trẻ con so với cuộc bao vây khốc liệt và kiên định của quân Hittite. Vì cả ngày lẫn đêm, quân Hittite ném lửa vào pháo đài và nhà cửa, ném rắn độc trong các hũ đất sét bịt kín vào thành và hũ vỡ tan khi rơi xuống nền đá Gaza, ném xác súc vật và tù binh Ai Cập vào bằng máy ném khiến thân thể họ bị đập vào tường thành nát bét. Khi chúng tôi vào được trong thành, chỉ còn ít người sống sót và từ trong xó xỉnh những ngôi nhà bị cháy, chỉ có mấy người đàn bà với người già gầy tong như những cái bóng khủng khiếp đứng dậy chào chúng tôi. Tất cả trẻ em ở Gaza đều đã chết và tất cả đàn ông bị bắt làm cho đến chết dưới làn roi của Roju để lấp lại những chỗ hổng trên các bức tường thành. Không người sống sót nào tỏ vẻ vui mừng khi thấy quân Ai Cập kéo vào thành qua những cánh cổng đã bị phá đổ, chỉ có những người đàn bà vung nắm đấm gầy guộc về phía chúng tôi và những người già chửi mắng chúng tôi. Horemheb sai phân phát cho họ ngũ cốc với bia và nhiều người trong số họ đã chết ngay đêm đó trong đau đớn tột cùng, vì lần đầu tiên được ăn đến căng bụng với lượng thức

ăn của cả tháng, khiến cái dạ dày rỗng lâu ngày của họ không chịu đựng nổi. Tôi cũng nghĩ trong thời gian bị bao vây, họ đã không chịu nổi vì nỗi kinh hoàng và hận thù đến bất lực khiến cuộc sống không còn là niềm vui đối với họ nữa.

Nếu có thể, tôi muốn mô tả Gaza như tôi nhìn thấy trong ngày chiến thắng ấy khi chúng tôi tiến vào qua những cánh cổng đã bị phá. Tôi muốn mô tả những tấm da người khô quắt treo trên tường thành và những sọ người đen sì đang bị quạ rỉa. Tôi muốn mô tả nỗi kinh hoàng của những ngôi nhà bị cháy và những đồng xương gia súc đen bồ hóng trên những con hẻm đầy những bức tường nhà mục nát.

Tôi muốn mô tả cái mùi khủng khiếp, mùi của chết chóc và dịch bệnh trong thành phố bị vây hãm khiến binh lính của Horemheb phải dùng ngón tay bịt chặt mũi. Tôi muốn mô tả tất cả những điều này để đưa ra một ý niệm về ngày chiến thắng vĩ đại và lý giải vì sao từ tận đáy lòng, tôi không thể vui trong ngày Ai Cập đón mừng chiến thắng này.

Tôi cũng muốn mô tả những người lính còn sống sót của Roju Cổ Vạc: hai bên sườn gãy tóp, đầu gối sưng tấy và lưng đầy vết roi. Tôi muốn mô tả đôi mắt của họ, không còn là mắt người mà lóe sáng màu lục như mắt của dã thú trong bóng của những bức tường. Họ giơ cao ngọn giáo trong đôi tay yếu ớt của mình và gào lên với Horemheb: “Hãy giữ lấy Gaza, hãy giữ lấy Gaza!”

Tôi không biết họ hét lên như thế là để nhạo báng anh ta, một việc mà họ không hề có lý do để làm, hay họ hét lên như thế vì trong hộp sọ khốn khổ của họ không chứa đựng ý nghĩ mang tính người nào. Tuy nhiên, họ không ở trong tình trạng khốn khổ như người dân thành phố mà được ăn uống; Horemheb cho giết gia súc để họ được ăn thịt tươi và phân phát cho họ bia rượu, thứ anh ta có rất nhiều sau khi lính của anh ta cướp phá doanh trại của quân Hittite và các nhà kho của quân bao vây. Họ không đủ kiên nhẫn đợi thịt chín trong các chảo lớn mà dùng

tay xé thịt sống nhai ngấu nghiến và say mềm sau những hợp bia đầu tiên, đến mức bắt đầu ngê ngao những bài hát tục tũn và huênh hoang về những việc mình làm.

Nhưng họ cũng có rất nhiều điều để khoe và trong những ngày đầu, không binh lính nào của Horemheb, kể cả những con bộ dạn dày của anh ta, muốn thi ba hoa với họ, vì ai cũng biết những người lính ở pháo đài này vượt quá sức chịu đựng của con người để giữ Gaza cho Ai Cập. Họ hết lời ca ngợi Horemheb, người đã cho họ uống đến say mềm, gửi đến họ những lời khích lệ khi họ bị vây hãm và đêm đêm gửi cho họ đại mạch Syria trong những chiếc thuyền nhỏ len lỏi qua dãy thuyền bao vây. Họ cũng ca ngợi mưu lược của Horemheb vì khi đại mạch đã cạn và lính phải sẵn chuột để ăn trong pháo đài thì lương thực đựng trong các hũ sành bắt đầu vượt qua tường thành rơi vào trong và chính quân Hittite đã ném đại mạch trong các hũ bịt kín vào Gaza; đồng thời với đại mạch, họ nhận được thông điệp của Horemheb trong mỗi hũ: “Hãy giữ lấy Gaza!”. Những điều siêu phàm này đã khích lệ họ trong cơn quần bách, khiến họ coi Horemheb ngang với thần linh.

Horemheb tặng mỗi người lính Gaza sống sót một sợi dây chuyền vàng và việc đó không gây tốn kém cho anh ta nhiều lắm vì họ chỉ còn lại không quá hai trăm người đủ sức chiến đấu. Do vậy, việc họ giữ được Gaza là một điều kỳ diệu. Anh ta cũng cho họ những nữ tù nhân Syria trong trại của quân Hittite để họ mua vui với những người này và quên đi những đau khổ đã phải chịu đựng, nhưng vì mòn mỏi, đói khát quá lâu, những người lính Gaza tội nghiệp này không còn biết vui với đàn bà nữa, mà dùng giáo và dao đâm, rạch họ, lấy tiếng kêu đau đớn của họ làm niềm vui theo thói quen của quân Hittite. Họ học được rất nhiều thói quen mới từ quân Hittite trong cuộc vây hãm, ví như lột da tù nhân khi còn sống và treo tấm da lên tường. Nhưng họ lại nói họ đâm, rạch những phụ nữ Syria này vì là người Syria, và họ nói: “Đừng để chúng tôi nhìn thấy người Syria nào vì nếu thấy, chúng tôi sẽ đánh và bóp cổ người đó”.

Horemheb tặng Roju Cổ Vẹo một chiếc vòng cổ bằng vàng được mạ men trắng, có gắn những viên ngọc bích, và một chiếc roi bằng vàng rồi cho lính của mình reo hò, tôn vinh anh ta, đến mức tiếng hô của họ làm bức tường thành Gaza như rung chuyển. Tất cả bọn họ đều chân thành reo vui và vô cùng ngưỡng mộ Roju, người đã giữ vững Gaza. Khi tiếng reo hò lắng xuống, Roju ngơ vực sờ chiếc vòng quanh cổ mình và hỏi:

- Thưa Horemheb, tướng quân coi tôi là ngựa hay sao mà trang điểm cho tôi bằng dây cương vàng, và có thật chiếc roi này được bện bằng vàng ròng không, hay chỉ là vàng pha của người Syria?

Rồi anh ta nói thêm:

- Tướng quân hãy đưa lính của mình ra khỏi thành phố này, vì sự đông đúc của họ quấy nhiễu tôi quá thể, làm tôi đêm đêm không thể ngủ được trong tháp của mình khi họ làm ồn ào, mặc dù tôi từng ngủ rất ngon khi quân phá tường đập ồn ào và lửa cháy xèo xèo xung quanh tôi. Hãy đưa lính của tướng quân ra khỏi thành phố này, vì ở Gaza tôi là pharaon; nếu điên lên, tôi sẽ sai lính của tôi đánh lính của ngài và giết họ nếu họ vẫn làm ồn ào và quấy nhiễu giấc ngủ của tôi.

Quả thật, sau khi cuộc vây hãm chấm dứt, Roju Cổ Vẹo mất ngủ triền miên, ngay cả thuốc ngủ cũng không giúp được anh ta và rượu cũng vô hiệu dụng, thậm chí còn làm giấc ngủ của anh ta tệ hơn. Đêm đêm anh ta nằm trên giường, lật đi lật lại trong đầu danh sách đồ quân dụng trong kho của pháo đài mà anh ta đã thuộc nằm lòng, cố gắng nhớ ra từng món đã được sử dụng vào việc gì, từng ngọn giáo đã được ném vào đâu; anh ta cố nhớ tất cả những điều điên rồ khác, đến mức không thể nào ngủ được nữa. Cho đến một hôm, anh ta nhún nhường đến chỗ Horemheb và nói

- Tướng quân là ông chủ của tôi và là chỉ huy của tôi. Vì thế hãy cho trừng phạt tôi đi, bởi tôi chịu trách nhiệm với Pharaon về

tất cả những gì ngài đã tin tưởng giao phó, nhưng tôi không thể làm được, vì rất nhiều giấy tờ đã bị cháy khi quân Hittite ném những hũ lửa vào phòng tôi và trí nhớ của tôi không thể nhớ lại mọi thứ vì đã bị suy giảm rất nhiều do thao thức và giấc ngủ kém. Tôi nghĩ mình nhớ hết mọi thứ, nhưng đúng ra trong kho phải có bốn trăm dây đai buộc đuôi lừa mà tôi không thể tìm thấy chúng ở đâu nữa; bọn coi kho cũng không tìm thấy, mặc dù tôi đánh chúng mỗi ngày đến nỗi chúng không thể ngồi hoặc đi được nữa mà phải chạy bò lổm ngổm trên sàn. Horemheb, tôi biết tìm bốn trăm dây đai này ở đâu, vì tất cả lừa trong pháo đài đã bị chúng tôi làm thịt từ lâu và chúng không cần dây buộc đuôi nữa. Nhân danh Seth và tất cả ác quỷ, Horemheb, hãy cho đánh tôi ở nơi công cộng và trừng phạt tôi, vì tôi rất sợ Pharaon nổi giận và tôi sẽ không bao giờ dám diện kiến ngài, như địa vị của tôi đòi hỏi, trừ khi tôi tìm thấy số dây đó.

Horemheb cố gắng trấn an anh ta và nói sẽ rất vui lòng tặng anh ta bốn trăm dây đai buộc đuôi lừa để sổ sách và hàng trong kho khớp với nhau. Nhưng điều đó khiến Roju lo lắng hơn, anh ta nói:

- Rõ ràng là ngài tìm cách dụ tôi lừa dối Pharaon, vì nếu tôi nhận từ ngài số dây này, chúng hoàn toàn không phải là những dây đai đuôi lừa mà Pharaon muốn tôi giữ khi giao quyền chỉ huy Gaza cho tôi. Chắc ngài làm điều này để triệt hạ tôi và buộc tôi tội nhận hối lộ trước Pharaon, vì ngài ghen tị với danh tiếng của tôi và muốn trở thành người chỉ huy Gaza. Có lẽ ngài đã sai bọn lính ngỗ ngược của mình đánh cắp những dây đai đuôi lừa này từ kho của tôi để buộc tội tôi. Vì thế tôi không đồng ý với lời đề nghị xảo quyệt của ngài, vì tôi quyết giữ Gaza và binh lính của tôi quyết giữ Gaza chừng nào chúng tôi vẫn còn sống sót; và tôi sẽ tìm được bốn trăm dây đai đuôi lừa này, dù có phải đập vỡ tất cả đá Gaza.

Nghe thế, Horemheb lo lắng cho tâm trạng của anh ta nên thuyết phục anh ta đi Ai Cập, về với vợ con để dưỡng sức sau

những tổn thương, vất vả mà anh ta phải gánh chịu trong cuộc vây hãm. Nhưng lẽ ra Horemheb không nên làm thế vì đề nghị này càng khiến Roju tin chắc là Horemheb đang đe dọa quyền lực của mình và muốn chiếm đoạt Gaza của anh ta. Vì vậy, anh ta nói:

- Gaza là Ai Cập của tôi, các bức tường thành Gaza là vợ tôi và các tháp Gaza là con tôi. Nhưng tôi sẽ mổ bụng vợ tôi và chặt đầu các con tôi, nếu tôi không tìm lại được những chiếc dây buộc đuôi lừa bị mất này.

Anh ta đã phớt lờ Horemheb, ra lệnh hành quyết một viên coi kho từng ở bên cạnh anh ta và chịu đựng tất cả những khó khăn của cuộc vây hãm, rồi bắt quân lính dùng đòn bẩy và cuộc chim cạy, lật nền của các tòa tháp lên để tìm dây đai đuôi lừa. Khi tận mắt thấy cảnh phá hoại này, Horemheb ra lệnh nhốt anh ta trong phòng, canh giữ cẩn thận và xin tôi lời khuyên với tư cách là thầy thuốc. Sau khi nói chuyện thân mật với Roju, mặc dù anh ta không tin tôi là bạn mà nghi ngờ tôi dùng mưu để leo lên chức chỉ huy Gaza, tôi nói với Horemheb:

- Người này sẽ không bình tâm lại nếu anh và binh lính của anh không rời Gaza để anh ta lại được đóng cổng thành và cai trị Gaza như một pharaon theo cách của anh ta.

Nhưng Horemheb nói:

- Nhân danh Seth và tất cả ác quỷ, tôi làm thế nào được khi chưa có thuyền từ Ai Cập đưa binh lính, vũ khí và lương thực đến để tôi có thể bắt đầu cuộc chiến ở Joppa. Cho đến khi ấy, các tường thành của Gaza là nơi ẩn náu duy nhất, nhưng nếu tôi cùng các đội quân của mình ra ngoài thành, tất cả những gì tôi đã giành được cho đến bây giờ sẽ tan thành mây khói.

Tôi lưỡng lự nói:

- Có lẽ sẽ hạnh phúc hơn cho chính anh ta nếu tôi khoan sợ và cố gắng chữa lành cho anh ta, vì trong thời gian ở đây, tôi biết anh ta đã phải chịu đựng rất nhiều và bây giờ nên trối anh ta vào giường. Nếu không, anh ta có thể gây hại cho chính mình hoặc cho anh.

Nhưng Horemheb không muốn cho khoan sợ người anh hùng nổi tiếng nhất Ai Cập vì điều này có thể gây nguy hiểm cho danh tiếng của chính anh ta nếu Roju chết, vì tôi không thể đảm bảo cho tính mạng của Roju, vì khoan sợ luôn không an toàn và đầy rủi ro. Vì thế, anh ta bảo tôi đến gặp Roju và với sự giúp đỡ của những người lính lực lưỡng, tôi trối Roju vào giường và cho anh ta uống thuốc ngủ. Nhưng đôi mắt anh ta lóe sáng xanh lục như mắt ác thú trong ánh mờ mờ của chiếc giường và anh ta giẫy giụa, thịnh nộ trào sùi bọt mép và bảo tôi:

- Ta không phải là chỉ huy của Gaza sao, tên chó hung sa mạc của Horemheb kia? Giờ ta mới nhớ ra, trong hầm ngục của pháo đài có một tên do thám Syria đã sa vào bẫy của ta trước khi thành chủ của người đến và vì phải lo quá nhiều việc nên ta quên treo nó lên tường. Tên do thám này rất xảo quyệt và ta biết chắc là hắn đã giấu bốn trăm dây đai đuôi lừa đó. Hãy đưa hắn đến đây cho ta để ta bắt hắn ới những sợi dây chết tiệt đó ra để ta lại ngủ được.

Anh ta huyền thiên như điên và lẫn nhải mãi về tên do thám Syria, đến nỗi tôi phát chán và sai đốt đuốc rồi đi xuống ngục tối, nơi có cả đồng xác chết bị xích vào tường và bị chuột của pháo đài gặm. Cai ngục là một lão già mù vì sống cả đời trong hầm tối của Gaza; lão thuộc lòng mọi lối đi lại, nhận ra các hành lang mà không cần đuốc. Tôi gắng hỏi lão về tên do thám Syria bị bắt giam trước khi cuộc bao vây kết thúc, nhưng lão ta thề và khẳng khái cam đoan rằng tất cả các tù nhân đã chết vì trước tiên bị tra tấn trong các cuộc khảo cung, sau đó bị bỏ đói, bỏ khát theo lệnh của Roju. Nhưng thái độ của lão già khiến tôi

ngghi ngờ. Vì vậy, tôi tra vấn và đe dọa lão cho đến khi lão ta nằm phục xuống trước mặt tôi và van xin:

- Tha mạng cho tôi, thưa ngài, vì suốt cuộc đời mình tôi đã trung thành phục vụ Ai Cập và vì Ai Cập, tôi đã tra tấn tù nhân và lấy trộm thức ăn của chúng. Nhưng tên do thám này không phải là người bình thường, lừa dối kỳ lạ, lú lo như chim sơn ca và hắn đã hứa sẽ cho tôi tài sản lớn nếu tôi cho hắn ăn và giữ tính mạng hắn cho đến khi Horemheb đến. Hắn cũng hứa giúp mắt tôi sáng lại, nếu tôi để hắn sống, vì bản thân hắn từng bị mù cho đến khi một danh y tài giỏi chữa lành một mắt cho hắn và hắn hứa đưa tôi đến gặp vị danh y đó, để ông này chữa lành cho tôi và tôi có thể lại sống trong thành phố giữa mọi người và tận hưởng sự giàu có của mình. Hắn đã nợ tôi hơn hai triệu deben vàng vì bánh mì và nước uống mà tôi đã đưa cho hắn. Tôi đã không nói với hắn là cuộc bao vây đã kết thúc và Horemheb đã đến Gaza, để hắn nợ tôi nhiều hơn nữa vì bánh mì và nước hằng ngày tôi mang đến cho hắn. Hắn muốn ngay sau khi Horemheb đến, tôi bí mật đưa hắn đến gặp Horemheb; hắn thề với tôi là Horemheb sẽ thả hắn và cho hắn nhiều dây chuyền vàng. Tôi tin lời hắn vì chắc chắn không ai có thể cưỡng lại cái lưỡi lú lo của hắn. Tôi chỉ định đưa hắn đến gặp Horemheb khi hắn nợ tôi đủ ba triệu deben vàng. Con số này chắc nên dễ nhớ với trí nhớ của tôi.

Nghe lão ta nói, đầu gối tôi bắt đầu run lên và trái tim tôi như tan ra trong lồng ngực, vì tôi tin mình biết lão ta đang nói về ai. Nhưng tôi buột tim mình chai lại và nói với lão:

- Lão già ạ, có lẽ chừng đó vàng thì cả Ai Cập và Syria cũng không có đâu. Từ những lời người nói, ta đoán người đó là một kẻ dối trá khùng khiếp và đáng bị trừng phạt. Vì thế, hãy đưa ta đến chỗ hắn ta ngay và cầu xin tất cả thần linh của người, đừng để điều tồi tệ nào xảy ra với hắn ta, vì người phải lấy cái đầu mù của mình chịu trách nhiệm về hắn ta đấy.

Lão già vừa khóc lóc thảm thiết, gào lên cầu cứu Amon, vừa dẫn tôi đến cuối ngục rồi lách vào một cái hầm nhỏ mà lão đã lấy đá chẹn lại, ngăn với các hầm khác để lính của Roju không tìm thấy nó. Dùng đuốc rọi vào hầm, tôi thấy một người đàn ông bị xích vào tường, trên người là bộ đồ Syria đã bị xé toạc, lưng đầy vết thương và bụng như một cái túi nhiều nếp gấp thông xuống giữa hai đầu gối. Một mắt của ông ta bị mù và trong ánh sáng của ngọn đuốc, ông ta giương con mắt còn sáng nhìn về phía tôi, chớp chớp mắt và giơ tay che ánh sáng làm mắt đau nhói sau nhiều tuần ở trong bóng tối. Ông ta nói với tôi:

- Phải ông không, Sinuhe, ông chủ của tôi? Tạ ơn ngày đã đưa ông đến với tôi, nhưng hãy bảo thợ rèn mau mau cắt đứt xích này và mang cho tôi một hũ rượu, để tôi có thể quên đi những cực nhục này. Hãy sai nô lệ tắm rửa và xúc cho tôi những loại dầu tốt nhất, bởi vì tôi đã quen với sự no đủ, với cuộc sống xa hoa và những tảng đá lát sàn sắc nhọn này đã mài mòn da dưới móng tôi. Tôi cũng không phản đối nếu ông sai sửa soạn cho tôi một chiếc giường êm ái và đưa tới đó một vài trinh nữ Ishtar, bởi vì cái bụng của tôi không còn cản trở tôi tận hưởng khoái lạc yêu đương, mặc dù tôi đã ăn hơn hai triệu deben bánh mì chỉ trong mấy ngày, tin hay không tùy ông.

- Kaptah, Kaptah, - tôi kêu lên và quỳ xuống trước mặt ông ấy, ôm lấy đôi vai bị chuột cắn của ông. - Người thật vô phương cứu chữa, mà ở Thebes người ta nói người đã chết nhưng ta không tin, vì ta nghĩ người không bao giờ chết và bằng chứng rõ nhất cho điều đó là ta tìm thấy người còn sống ở đây và khỏe mạnh trong cái hang đầy xác chết này, mặc dù có lẽ bất cứ ai trong số những kẻ đã chết trong xiềng xích xung quanh người đều là những người tử tế và đáng kính trọng hơn người. Tuy nhiên, ta rất mừng khi thấy người còn sống.

Nhưng Kaptah lại bảo:

- Ông vẫn huyền thiên, phù phép như trước đây, Sinuhe, ông chủ của tôi. Đừng nói với tôi về thần linh vì trong cơn hoạn nạn của mình, tôi đã kêu van tất cả các vị thần mà tôi biết, kể cả thần của Babylon lẫn thần của Hittite, nhưng chẳng thần nào cứu giúp tôi, mà tôi buộc phải ăn đến nghèo kiệt xác vì tên cai ngục tham lam. Chỉ có bộ hung của chúng ta mới giúp tôi khi dẫn ông đến đây, vì thằng trấn thủ pháo đài này là một tên điên, không tin lời nói phải quấy, sai lính bắt tôi và tra tấn tôi một cách dã man đến mức tôi phải hét lên như một con bò trên bàn tra tấn của chúng. Nhưng may là tôi vẫn giữ được bộ hung của chúng ta, vì khi thấy điều gì sắp xảy ra, tôi liền giấu thần vào một chỗ đáng phải tử huyệt trong người mình để che giấu thần, nhưng có lẽ bộ hung đã vui lòng ở đó vì thần đã dẫn ông đến với tôi. Điều thần diệu như thế này chỉ có thể xảy ra nhờ bộ hung linh thiêng của chúng ta.

Ông ấy đưa cho tôi xem bộ hung vẫn còn dính đầy phân vì thần được cất giấu ở chỗ khó chịu. Tôi bảo thợ rèn cắt xích cho ông ấy rồi dẫn ông về phòng tôi trong pháo đài, vì ông rất yếu và lại bị thông manh bởi mắt chưa quen được với ánh sáng ban ngày. Về phòng mình, tôi sai nô lệ tắm rửa, xúc dầu và mặc cho ông ấy một bộ vải lanh tốt nhất rồi cho ông mượn dây chuyền vàng, vòng tay và các đồ trang sức khác, lại còn sai người cạo râu, xoắn tóc cho ông ấy để ông có thể xuất hiện theo đúng địa vị của mình. Suốt thời gian được nô lệ chăm sóc và mặc quần áo, ông ấy ăn thịt, uống rượu và ợ những hơi dài đầy vẻ no đủ. Trong lúc đó, lão cai ngục gào khóc sau cánh cửa, vừa cào, đá vào cánh cửa vừa hét lên rằng Kaptah nợ lão hai triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn deben vàng cho mạng sống và thức ăn trong ngục tối. Lão ta không bớt một cắc nào từ con số này, với lý do lão đã liều mạng sống của mình để cứu Kaptah và ăn cắp đồ ăn cho ông ấy từ nguồn thực phẩm khan hiếm của pháo đài. Từ đó, tôi hiểu rằng ở Gaza còn có những kẻ điên khùng khác ngoài viên trấn thủ pháo đài, Roju. Cuối cùng, bức tức vì tiếng gào thét và khóc lóc của lão ta, tôi nói với Kaptah:

- Horemheb đã đến Gaza được hơn một tuần và lão già đã phản bội ông, vì thế ông không hề mắc nợ lão. Ta sẽ sai lính cho lão ta ăn roi và nếu cần thiết, đám lính có thể cắt cổ lão vì lão là lão già gian xảo, kẻ đã gây ra cái chết của nhiều tù nhân.

Nhưng Kaptah rất hoảng sợ khi nghe tôi nói vậy, liên tục ợ rồi uống rượu pha và nói:

- Tôi không thể cho làm việc đó vì là người trung thực và một thương gia, tôi phải thực hiện lời hứa của mình để giữ danh tiếng và tôi không lừa ai hết, mặc dù có lẽ cả Ai Cập cũng không có nhiều vàng như số vàng tôi đã nợ lão già đó. Tôi đã nghĩ mình sẽ chết vì sự ngu ngốc của tên trăn thủ Gaza, nên mới chọc ghẹo lão ta và hứa với lão ta bất cứ điều gì lão đòi hỏi vì tôi nghĩ mình sẽ không còn sống để trả nợ. Nếu biết mình sẽ sống sót, tất nhiên tôi sẽ tha hồ mặc cả với đòi hỏi của lão ta, nhưng khi ngửi thấy mùi bánh trong tay lão, tôi quên hết vì cơn đói của mình.

Tôi dụi mắt và lau mồ hôi trán, sợ hãi nhìn ông ấy chăm chăm và hỏi:

- Có đúng ông là Kaptah không? Không, ta không thể tin điều đó, mà tin là đá của pháo đài này ẩn chứa lời nguyền và bất cứ ai ở lại đây lâu sẽ phát điên. Vì vậy, ông cũng đã phát điên và không còn là Kaptah trước đây nữa. Có thật là ông sẽ trả cho lão già tất cả những gì ông nợ lão không và lấy gì để trả? Vì sau vương quốc Aton, ta nghĩ ông cũng nghèo như ta và của cải của ông đã tan thành tro bụi.

Nhưng Kaptah đã ngà ngà vì rượu và nói:

- Tôi là một người ngoan đạo, sùng kính thần linh và giữ lời hứa của mình. Vì thế tôi sẽ trả nợ cho lão ta đến deben cuối cùng, nhưng tất nhiên lão phải cho tôi thời gian để trả và tôi không tin là cái đầu ngu ngốc của lão hiểu được số vàng tôi nợ lão nhiều đến thế nào; nhưng chắc lão sẽ rất vui nếu được tôi cân cho vài deben vàng, vì trong suốt đời mình ngón tay lão chưa bao giờ

được cầm vàng mềm. Quả thật, tôi nghĩ lão ta sẽ vui đến phát điên nếu nhận được dù chỉ một deben vàng từ tôi, nhưng điều này không giải thoát tôi khỏi lời nói và món nợ của mình. Tôi không hiểu mình có thể có được tất cả số vàng này từ đâu, vì tôi đã mất rất nhiều tài sản trong cuộc bạo loạn ở Thebes, phải khổ nhục chạy trốn khỏi Thebes, bỏ mặc tài sản của mình lại đó khi nô lệ và cướp vạ nghĩ rằng tôi đã phản bội họ theo Amon và muốn giết tôi. Nhưng sau đó tôi đã giúp Horemheb rất nhiều việc ở Memphis và khi tôi buộc phải trốn khỏi Memphis vì sự hận thù của nô lệ theo tôi đến tận đó, tôi đã giúp cho Horemheb những việc lớn hơn khi làm một thương gia sống ở Syria, bán đại mạch và thức ăn gia súc cho người Hittite. Vì vậy, tôi tính rằng Horemheb đã nợ tôi ít nhất nửa triệu deben vàng và có khi còn hơn, vì tôi buộc phải từ bỏ việc buôn bán của mình và trốn đến Gaza trên một chiếc thuyền nhỏ khiến tính mạng luôn bị đe dọa trên biển. Người Hittite đã rất căm giận khi ngựa của họ bị ốm sau khi ăn thức ăn mà tôi đã bán cho họ. Nhưng không ngờ, tôi phải đối mặt với một mối nguy hiểm còn lớn hơn khi trốn đến Gaza, vì tay trấn thủ biên khu vực của Gaza đã tống tôi vào tù vì coi tôi là do thám của Syria và tra tấn tôi về tội làm gián điệp. Chắc chắn hẳn ta đã cho treo da tôi trên tường nếu lão cai ngục ngu ngốc này không giấu tôi và nói tôi đã chết trong ngục. Vì thế, tôi phải trả nợ cho lão ta.

Nghe ông ấy nói, tôi mới sáng mắt ra và nhận thấy Kaptah đúng là người phụng sự Horemheb tốt nhất ở Syria và là người cầm đầu nhóm do thám của anh ta, bởi người đàn ông khát nước đến lều Horemheb trên Núi Chiến Thắng đã che tay lên một mắt để báo rằng anh ta đã được người một mắt cử đến. Nhận ra điều này, tôi cũng hiểu rằng không ai khác có thể làm được như Kaptah ở Syria, vì không ai sánh được với Kaptah về mưu mẹo và sự tinh ranh. Nhưng tôi đã nói với ông ấy:

- Cứ cho là Horemheb nợ ông rất nhiều vàng, nhưng ông dùng tay bóp nát đá để đãi vàng còn dễ hơn là đòi nợ từ anh ta. Ông biết rất rõ rằng anh ta sẽ không bao giờ trả nợ.

Kaptah nói:

- Đúng thế, và tôi biết Horemheb là một kẻ lòng dạ sắt đá và vô ơn bạc nghĩa, thậm chí còn vô ơn hơn cả tay trần thủ điên rồ của Gaza, người mà tôi đã nhờ tay quân Hittite ném lương thực cho trong những hũ đầy kín. Vì chúng tin rằng những chiếc hũ đó chứa đầy rắn độc mà tôi đã hết sức mạo hiểm bắt gom từ sa mạc và để chứng minh điều đó, tôi đã cho đập vỡ một hũ và những con rắn bò ra đã cắn ba lính Hittite, khiến chúng chết trong một khắc đồng hồ nước nên sau đó quân Hittite không muốn mở thêm chiếc hũ chứa đại mạch nào nữa, mà trả rất hậu hĩnh cho tôi để mua những hũ này. Vì thế, mỗi hạt đại mạch đến Gaza trong những chiếc hũ này đều buộc Horemheb phải trả bằng vàng theo độ nặng của chúng, mà có lẽ hơn thế nữa, vì đại mạch đắt như giá trị của nó và cái cách đáng xấu hổ mà tay trần thủ Gaza đã đối xử với tôi khiến đại mạch càng đắt hơn. Tất nhiên, tôi thậm chí không nghĩ Horemheb sẽ trả nợ cho tôi, nhưng hẳn sẽ phải giao lại cho tôi quyền khai thác cảng với tất cả các khoản thu được từ các thành phố của Syria mà hẳn đã chinh phục cũng như sẽ phải giao cho tôi toàn bộ thị trường muối của Syria và nhiều hơn thế nữa.

Lời ông ấy nói rất khôn ngoan, nhưng tôi vẫn thấy ngạc nhiên và hỏi:

- Ông vẫn định cố sức và làm việc cả đời để có đủ vàng trả nợ cho lão điên đang ngồi chửi bới sau cửa phòng ta ư?

Kaptah uống rượu và chép chép miệng rồi nói:

- Thật đáng để nằm vài tuần trên phiến đá cứng trong ngục tối và uống nước thối để thấy được đầy đủ giá trị của một chỗ nằm êm ái với ánh sáng chói chang và vị rượu ngon trong miệng. Nhưng không, Sinuhe, không, tôi không điên như ông nghĩ đâu. Tuy nhiên, lời hứa là lời hứa và vì thế chúng ta không còn cách nào khác, mà ông phải chữa lành mắt cho lão già như tôi đã hứa

để tôi có thể dạy lão ta chơi xúc xắc với tôi. Lão là một người ham chơi xúc xắc trước khi bị mù và buộc phải sống triền miên trong bóng tối và tôi sẽ chơi xúc xắc với lão; tất nhiên, tôi có thể làm gì được nếu lão ta thua tôi khi chơi xúc xắc, chắc chắn ông sẽ đoán ra là tôi chơi xúc xắc với lão ta với tiền cược cao nhất.

Lúc này tôi mới hiểu đây là cách duy nhất để Kaptah có thể thoát khỏi món nợ của mình trong danh dự, vì Kaptah là một cao thủ chơi xúc xắc nếu ông ấy được sử dụng xúc xắc mà mình chọn. Vậy nên tôi hứa sẽ đem hết mọi khả năng của mình để chữa cho lão già nhìn thấy được, ít nhất là đủ để phân biệt các mặt xúc xắc; đổi lại, Kaptah hứa sẽ gửi cho Muti thật nhiều bạc để Muti dựng lại ngôi nhà của xưởng đúc đồng cũ ở Thebes và có đủ cái ăn cái mặc khi tôi đi vắng. Chúng tôi đồng ý với nhau như thế, nên tôi gọi lão cai ngục vào và Kaptah cam đoan với lão rằng ông ấy sẽ trả nợ, chỉ cần lão cho ông ấy thời gian. Tôi kiểm tra mắt của lão và thấy lão bị mù hoàn toàn không phải do bóng tối, mà do bệnh mắt lâu ngày không được chữa trị. Ngày hôm sau, tôi dùng kim chữa lành mắt cho lão theo cách chữa của người Mitanni mà tôi đã học được. Nhưng lão sẽ nhìn thấy được trong bao lâu, tôi không dám bảo đảm vì mắt được chữa lành bằng kim sẽ mau tạo sẹo và sau đó thị lực không thể phục hồi được nữa.

Tôi cũng dẫn Kaptah đến gặp Horemheb. Anh ta hết sức vui mừng khi thấy ông ấy, ôm chặt ông ấy và gọi ông là người hùng, cam đoan với ông ấy rằng cả Ai Cập biết ơn ông ấy vì những chiến công lớn mà ông ấy đã bí mật làm cho Ai Cập và không đòi hỏi sự biết ơn. Nhưng khi nghe những lời Horemheb nói, mặt Kaptah méo xệch, nước mắt giàn giụa, ông ấy bắt đầu khóc và nói:

- Hãy nhìn bụng tôi, nó đã xẹp lép như một chiếc túi da nhăn nhoe khi tôi phục vụ ông, hãy nhìn cái mông và đôi tai đầy vết thương của tôi bị đàn chuột trong hầm ngục của Gaza cắn nham nhở chỉ vì ông, Horemheb ạ. Ông chỉ nói với tôi về sự biết ơn của

Ai Cập, nhưng sự biết ơn không cho dạ dày tôi đến một hạt đại mạch, sự biết ơn không cho rượu làm ướt cổ họng tôi và tôi không nhìn thấy ở đâu những túi vàng mà ông đã hứa cho tôi vì những việc tôi đã làm, dù tôi đã tin chắc rằng ông sẽ dành cho tôi một phần từ tất cả những chiến lợi phẩm mà ông thu được. Không, Horemheb, tôi không đòi ông trả ơn, nhưng yêu cầu ông, người đàn ông đáng kính, trả nợ cho tôi, vì tôi cũng phải trả món nợ của mình cho những người khác và vì ông mà tôi đã phải vay những món nợ khổng lồ, nhiều hơn những gì ông có thể tưởng tượng nổi.

Nhưng khi nghe Kaptah nói về vàng, Horemheb cau mày và bắt đầu bực bội quất roi vàng vào bắp chân mình và nói:

- Kaptah, lời người nói như tiếng ruồi vo ve trong tai ta và người nói như một kẻ ngu, miệng đầy bùn đất. Người biết rất rõ là ta không có chiến lợi phẩm để chia cho người và tất cả số vàng mà ta lấy được đều dành cho cuộc chiến chống lại quân Hittite. Bản thân ta rất nghèo và chỉ có vinh quang là phần thưởng duy nhất. Vì thế, ta hy vọng người sẽ chọn một thời điểm thích hợp hơn để nói với ta về vàng, nhưng tất nhiên ta có thể làm cho người một việc là bỏ tù những người mà người mắc nợ và buộc họ với những tội danh khác nhau và treo họ lên tường, vậy là người thoát nợ.

Kaptah không muốn dùng cách nhần tâm như vậy, nhưng Horemheb đã cười với vẻ oán giận và vừa quất quất roi vàng vào chân vừa nói:

- Ai giàu, kẻ đó là tội phạm, vì người ta chỉ có thể tích góp được nhiều vàng bằng sự nhần tâm, bắt chẹt và cướp đoạt của người nghèo. Quả thật, ở đâu có nhiều vàng, ở đó ta luôn có thể dặt và bện thêm cả đồng những lời buộc tội cần thiết và không ai có thể nói ta đã xử nhầm, mà kẻ tội phạm trong lương tâm biết mình có tội. Vậy nên ta muốn hỏi người, Kaptah, làm thế nào mà tay Roju trấn thủ Gaza ấy lại sai tra tấn người như một do

thăm Syria và nhốt người trong ngục kín, vì cứ cho là hần điên nhưng hần cũng là một quân nhân tốt và chắc hần phải có lý do nào đó để làm như vậy.

Khi ấy Kaptah xé cái áo đẹp của ông ấy để chứng tỏ mình vô tội và ông ấy xé nó dễ dàng vì đó là áo của tôi nên ông ấy chẳng mất gì mà chỉ tôi bị tổn hại. Ông ấy vừa hét lên vừa đưa tay đập vào ngực mình mà nói:

- Horemheb, Horemheb, chẳng phải ông vừa nói với tôi về lòng biết ơn và giờ ông lại buộc tội tôi với những bằng chứng không thật. Chẳng phải tôi đã đầu độc ngựa của quân Hittite và đã gửi đại mạch vào Gaza trong những chiếc hũ đầy kín, chẳng phải tôi đã thuê những người dũng cảm vào sa mạc lấy cho ông những thông tin về các đội quân của Hittite đó ư, và tôi hay ai đã thuê nô lệ lấy dao rạch các bao nước trên các chiến xa của quân Hittite khi chúng đến đánh ông trong sa mạc? Tôi đã làm tất cả những điều này vì ông và vì Ai Cập mà không nghĩ đến tiền công, do vậy sẽ công bằng và đúng mực khi tôi cũng làm cho phía Hittite và Aziru những việc không gây nhiều tổn thất cho ông. Vì vậy, tôi có trong người một đĩa đất sét được Aziru cấp cho làm vật tùy thân khi chạy vào Gaza để thoát cơn giận dữ điên cuồng của quân Hittite, vì chúng biết tôi đã làm ngựa của chúng ốm chết khiến chúng bị thất bại ở Bãi Xương Người. Vì người khôn cần sẵn sàng cho mọi tình huống, không nên chỉ có một mũi tên mà phải có nhiều mũi dự phòng trong ống tên. Tôi mà ngu ngốc thì có ích gì cho ông, tôi làm được gì cho ông và cho Ai Cập nếu da tôi bị treo khô trên tường, biết đâu quân Hittite đã chiếm được Gaza trước khi ông đến; vậy nên tôi phải mang theo vật phòng thân do Aziru cấp, để nếu cần có thể phản Gaza và giúp Hittite nếu quá lâu ông vẫn không chịu đến và vì thế quân Hittite chiếm được Gaza. Tôi đã cẩn thận giấu đĩa đất sét của Aziru trong quần áo của mình, nhưng Roju này là một kẻ đa nghi, lính của hần đã xé quần áo tôi và thấy đĩa đất sét, dù tôi đã cố lấy tay che con mắt mù và nói về những bạo hung độc của Syria, như chúng ta đã thỏa thuận với nhau. Nhưng sau khi thấy

đĩa đất sét của Aziru, Roju không còn tin vào những mật hiệu đó nữa mà sai đề tôi, kéo dài người tôi trên bàn cho đến khi tôi hét lên như một con bò và nhận mình là do thám của Aziru để hấn ta không vật tay chân tôi ra khỏi người tôi, vì nếu không còn tay chân, tôi sẽ hoàn toàn vô dụng đối với ông, đúng không Horemheb, hay tôi nói sai?

Nhưng Horemheb cười ông ấy và nói:

- Vậy hãy giữ những đau khổ ấy làm tiền công của mình, Kaptah quý mến. Ta biết người và người biết ta, vì thế đừng có lừa nhải với ta về vàng nữa vì những lời như vậy làm ta phát bực và dễ nổi giận.

Nhưng Kaptah vẫn buống bình không chịu thôi và cuối cùng cò kè được từ Horemheb độc quyền mua và bán tất cả chiến lợi phẩm ở Syria. Như vậy, chỉ mình ông ấy được quyền mua chiến lợi phẩm từ binh lính ở doanh trại quân Hittite ở Bãi Xương Người và các đội quân bao vây Gaza và đổi những thứ đó lấy bia, rượu, trò xúc xắc và đàn bà. Ngoài ra, chỉ mình ông ấy có quyền mua và bán hoặc trao đổi các chiến lợi phẩm của Pharaoh và Horemheb lấy các trang thiết bị mà quân đội cần. Chỉ riêng quyền này đã đủ đưa ông ấy thành người giàu có, vì vô số thương nhân từ Ai Cập và thương nhân từ các thành phố của Syria, bị tính hám lời dụ dỗ và bắt chấp quân Hittite và Aziru, đã đi thuyền đến Gaza để buôn chiến lợi phẩm, mua tù nhân làm nô lệ và sau khi Kaptah nhận được độc quyền, bất kỳ ai được phép buôn bán ở Gaza đều phải chia phần cho ông ấy sau mỗi thương vụ.

Nhưng Kaptah vẫn chưa thỏa mãn, ông ấy còn đòi độc quyền như thế đối với tất cả chiến lợi phẩm mà quân đội của Horemheb có thể sẽ thu được ở Syria, và Horemheb đã đồng ý với đòi hỏi đó sau khi cân nhắc, vì anh ta không mất gì khi hứa và bản thân anh ta không phải là thương gia, còn Kaptah đã hứa sẽ cho anh ta rất nhiều quà để có được quyền này.

Thế nhưng Kaptah vẫn không hài lòng mà ông ấy thấy xúc phạm nặng nề bởi những lời nói của Horemheb. Sau khi từ chỗ Horemheb về lại phòng tôi, chúng tôi cùng nhau uống rượu và Kaptah trở nên buồn rầu rồi than thở về sự vô ơn của thế nhân và nói:

- Lẽ dĩ nhiên và thật rõ ràng là người khôn ngoan luôn đứng về bên thắng cuộc và chuẩn bị sẵn sàng từ trước để đứng về bên thắng cuộc, bất kể việc xảy ra thế nào. Tất nhiên tôi không thể sống và buôn bán ở Syria mà không phục vụ Aziru và người Hittite, nên nếu Horemheb thua trận, tôi phải trao Gaza cho người Hittite, dù việc này sẽ làm lương tâm tôi cắn rứt; vì người Hittite am hiểu việc buôn bán hơn Horemheb, do vậy tôi sẽ hưởng lợi từ họ ít hơn từ Horemheb, nhưng may thay điều đó không xảy ra và tôi cảm ơn bộ hung của chúng ta. Thật vậy, sự vô ơn là tiền công của nhân thế, các cướp vạ và nô lệ của Thebes cũng nguyên rửa tôi, mặc dù tôi đã cho họ uống rượu không phải trả tiền và mua vũ khí cho họ bằng tiền của ông, thưa ông chủ; và làm như thế, tôi tự đặt mình vào tình thế rất nguy hiểm trong mắt của Amon. Mà có lẽ Amon sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi về việc này nếu lúc ấy tôi không chỉ cho người của Pepitamon đến kho vũ khí bí mật của nô lệ và đến bắt thủ lĩnh của các cướp vạ khi tôi biết thế nào Aton cũng thua. Việc này có gây hại đến ai đâu mà lại cứu sống nhiều người, còn các thủ lĩnh của nô lệ và cướp vạ sớm hay muộn cũng sẽ sa vào tay Amon và cũng không phải là lỗi của tôi khi Eje và Pepitamon ngồi trên cầu cảng Thebes và ra lệnh ném xác họ cho cá sấu. Cả tôi cũng bị thiệt hại nặng nề khi Đuôi Cá Sấu bị cháy, vì trong các hầm và phòng sau của quán, tôi đã cất giấu tất cả đồ dùng, vật dụng mà đám nô lệ và cướp vạ cướp được, sau đó tôi mua lại với giá hời và đổi rượu với họ. Tôi còn thiệt hại nhiều hơn thế khi đám nô lệ vô cơ sẵn lòng tôi, đốt các cối xay, nhà xưởng, các kho chứa ngũ cốc của tôi ở Thebes, dù Thebes đã yên bình trở lại. Mà ông Sinuhe ạ, đám nô lệ tàn nhẫn này đã đổ vấy cho tôi về thất bại của chúng. Vì vậy, chúng sẵn lòng tôi, khiến tính mạng tôi luôn bị đe dọa ở Thebes, chúng còn qua đám chèo thuyền nhẵn tin

cho nô lệ và cứu vãn ở Memphis, khiến tôi cũng không được an toàn ở đó, dù Horemheb có cho bảo vệ tôi. Vì thế tôi buộc phải trốn đến Syria, nhưng cuộc chạy trốn này đã đem lại may mắn cho tôi, vì tôi lại giàu có và khi cuộc chiến này kết thúc, tôi sẽ giàu hơn bao giờ hết, có lẽ giàu hơn bất kỳ người Ai Cập nào, tất nhiên với điều kiện là Horemheb giành chiến thắng, điều mà tôi hoàn toàn không nghi ngờ gì nữa mà sẽ chăm chỉ cầu xin bộ hung của chúng ta, xúc dầu cho thần và hằng ngày dâng cho thần phân tươi của bò trắng để Horemheb chiến thắng. Vì tôi đã ngán lữ Hittite đến tận cổ, chúng thật buồn xỉn, sổ sách kỹ càng tất cả các vụ mua bán, nên rất khó cướp được từ chúng. Còn về đám nô lệ vô ơn của Thebes, như chính ông cũng thấy, Sinuhe, tôi hoàn toàn đứng về phe chúng chừng nào quyền lực ở Thebes còn trong tay chúng và tôi có thể hưởng lợi từ chúng; không thể coi là tội của tôi nếu tôi kể cho các giáo sĩ Amon những việc làm của chúng cũng như tên những kẻ đứng đầu và tiết lộ các dấu hiệu nhận diện chúng cho các giáo sĩ Amon, bởi nếu đám nô lệ thắng thì chúng cũng không phải chịu tí tổn thất nào từ việc này, nhưng vì nô lệ không thắng, ít nhất là tôi giữ được mạng sống của mình với thiện ý của Amon, và chắc chắn tôi sẽ được hưởng lợi nhiều từ thiện ý của Amon nếu tôi có thể ở lại Thebes. Tôi biết rất rõ người ta không coi hành xử như thế là chính trực, cả ông cũng vậy, Sinuhe, ông chủ của tôi; từ bản tính của mình, ông luôn là một người chân chất và ngờ nghệch, còn tôi trước đây là nô lệ, sinh ra trong một túp lều đất sét và không được ai đỡ dậy nếu vấp ngã. Vậy nên tôi phải tự lo cho bản thân và lợi ích của mình, và tôi không thể hiểu con người ta được lợi lộc gì từ thanh danh của mình nếu nằm trên nền đất, cổ bị đâm thủng. Không, Sinuhe ạ, người khôn ngoan luôn luôn đứng về bên thắng cuộc và không được coi đó là điều nhục nhã đối với bản thân, mà tốt hơn là anh ta hãy ca ngợi sự khôn ngoan của mình vì nó giúp cuộc sống của anh ta trở nên dễ dàng, đơn giản và mang lại cho anh ta nhiều lợi lộc.

Kaptah đã nói với tôi như thế, nhưng sự khôn ngoan của ông ấy làm rượu trong miệng tôi đắng ngắt và khi nghĩ đến những lời

ông ấy nói, tôi thấy tất cả những gì xảy ra dưới ánh mặt trời đều trở nên phù phiếm trong tâm trí, vì trong tâm trạng phần uất của mình, tôi phải thừa nhận rằng sự khôn ngoan của ông ấy là cốt lõi của tất cả sự thông thái trong cuộc đời trần thế và rằng tất cả mọi điều nằm ngoài sự khôn ngoan ấy chỉ được tưởng tượng ra. Ngồi trong pháo đài Gaza, mùi da người đang thối rữa trên tường thành xộc vào mũi tôi, mọi thứ đều trở nên vô nghĩa trong tâm trí tôi. Chủ nghĩa anh hùng là hư ảo, mưu mẹo là phù hoa, vinh quang là phù phiếm, việc tốt cũng không khác việc xấu nhiều lắm và trong mắt tôi không còn sự khác biệt giữa các việc con người làm, mà tất cả những gì con người làm đều vô nghĩa.

Nhưng khi lắng nghe tiếng ồn ào của đám lính say xỉn trong những con hẻm bẩn thỉu của thành phố ở bên dưới và tiếng la hét của đám đàn bà trong lều của các thương gia, Kaptah vừa hài lòng xoa tay vừa nói:

- Sự khôn ngoan của tôi không phải là thật khôn ngoan sao, Sinuhe, vì bản thân ông đã chứng minh là nó đúng khi ngồi trước mặt tôi, nghèo nàn vì sự xuẩn ngốc và yếu đuối của chính mình, mặc dù ông đã từng giàu có, là một trong những người giàu nhất Ai Cập, trước khi ông bắt tôi phân phát của cải của mình bằng bánh của Aton cho kẻ nghèo vì sự yếu đuối và ngu ngốc của ông. Bởi thực ra ông từng có tất cả những gì người ta mơ ước, ông có một người vợ, dù ông không đập vỡ vò với nàng trước mặt thiên hạ, và ông cũng có một đứa con trai, nhưng vì sự điên rồ của mình, ông đã hiến tế họ cho thần chết. Đúng thế, Sinuhe, trước mặt tôi, ông là một gã đàn ông nghèo và đau khổ với khuôn mặt nhăn nheo như thể ông thường xuyên ăn phải trái cây chua, còn tôi khỏe khoắn và béo tốt trở lại với mùi kem thơm trên da và rượu làm ấm cơ thể tôi, mỗi giọt bia đám lính uống dưới kia mang vào ví tôi những đồng các, mỗi tiếng kêu của gái làng chơi trong lều của các thương gia si tình làm leng keng đồng trong túi tôi. Vì thế, hãy vứt bỏ sự điên rồ của mình đi, Sinuhe, hãy sống như một con người giữa mọi người và nhìn

nhận cuộc sống như nó có thật trong hiện thực, đừng cố gắng thay đổi cuộc sống theo điều ông tưởng tượng, vì không ai có thể thay đổi quy luật cuộc sống và con người ta rất bảo thủ.

Tôi không nói gì mà chỉ rời khỏi chỗ ông ấy, về ngả mình xuống giường và cố ngủ nhưng không ngủ được, vì giấc ngủ của tôi bị đám nô lệ quấy rầy khi họ tông những súc gỗ có quấn các vòng đồng vào tường thành và lắc đập khiến loảng xoảng trước cửa phòng viên trấn thủ Roju để gã nghĩ rằng Gaza vẫn đang bị bao vây và ngủ thiếp đi trong bình an. Có lẽ gã ngủ được cũng nên, nhưng tôi thì không, mà trần trọc cho đến khi Merit sống động bước vào giấc ngủ và bé Thoth nô đùa trong giấc ngủ của tôi để sáng dậy lòng tôi nặng trĩu, miệng tôi đắng ngắt như ăn phải cả túi mật.

4

Tôi còn phải kể thêm, rằng sau khi các đội quân dự phòng từ Ai Cập dong buồm đến nơi, các đội quân tại chỗ đã sửa sang lại tất cả chiến xa, đã gom đủ ngựa chiến từ miền nam Syria và được luyện tập trên bãi bằng phía trước Gaza, Horemheb mới ra lời hiệu triệu, tuyên bố anh ta tiến vào giải phóng chứ không phải chinh phục Syria. Trước đây, các trấn, thành của Syria luôn được tự do buôn bán và hoàn toàn độc lập, dưới trướng tổng trấn của họ trong sự bảo trợ khoáng đạt của Ai Cập, nhưng Aziru, với cách thức cai trị khủng khiếp, đã lừa phản, giành tất cả quyền thống trị và ông ta đã ngay lập tức xóa bỏ lệ cha truyền con nối của các tiểu vương và thu tô thật nặng các thành phố. Thêm nữa, với lòng tham vô độ, ông ta đã bán Syria cho Hittite, một dân tộc tàn ác và có các tập tục kinh hoàng mà người dân Syria đã tận mắt chứng kiến hằng ngày, khiến Syria không còn số phận nào khác hơn là phải làm nô lệ cho người Hittite và rơi vào tình trạng hỗn loạn đầy bất an, dù có lẽ Hittite chưa để lộ hết bộ mặt thật của mình mà trước hết chỉ muốn đánh bại Ai Cập. Vì vậy, Horemheb, người bất khả

chiến bại, con trai chim ưng, đã đến Syria để giải phóng miền đất này, giải phóng các làng mạc và thành phố khỏi ách nô lệ, mở cửa giao thương và cho các tiểu vương quay lại cai trị để, dưới sự bảo trợ của Ai Cập, Syria có thể giàu có và thịnh vượng trở lại. Anh ta hứa sẽ triệt hạ nạn cướp bóc, trả tự do và độc lập hoàn toàn cho thành phố nào đuổi được người Hittite ra khỏi tường thành của mình và đóng cổng thành trước Aziru. Còn những thành phố vẫn ngoan cố chống cự, anh ta thề sẽ đốt hết, cướp hết, phá hết và bắt dân thành phố đó làm kiếp nô lệ và xóa bỏ vĩnh viễn các bức tường thành.

Horemheb cho phát lời hiệu triệu này khi cùng quân đội và chiến xa của mình tiến về hướng Joppa, cùng lúc cho hạm đội của mình dong buồm dọc theo bờ biển đến phong tỏa cảng Joppa. Anh ta cho do thám truyền đi lời hiệu triệu này đến tất cả các thành phố của Syria, gây ra rất nhiều hỗn loạn và bất an nhằm đạt mục đích duy nhất là làm các kẻ thù của anh ta bất hòa, cắn xé lẫn nhau. Nhưng là một người thận trọng, Kaptah vẫn ở lì trong tường thành Gaza, đề phòng nhỡ đâu Horemheb thua trận, vì quân Hittite và Aziru đã tập trung một lực lượng lớn trong nội địa. Kaptah nêu lý do là ông ấy không thể chịu đựng thêm những vất vả gian lao của một chiến dịch khó khăn nào nữa sau những đau khổ mà ông ấy đã chịu đựng trong hầm ngục ở Gaza và giữ tôi lại ở đó để tôi có thể chữa lành bệnh cho ông ấy.

Raju Cổ Vẹo làm thân và kết bạn với Kaptah, vì Kaptah chữa anh ta khỏi bệnh ảo tưởng khi kể cho anh ta hay rằng chính quân lính của anh ta đã bí mật lấy bốn trăm dây đai đuôi lừa trong kho đó để ăn vì dây đai bằng da mềm và có thể nhai nhá cho đỡ đói. Nghe thế, Raju nổi khùng lên đến mức suýt làm đứt dây trời, anh ta mắng mỏ thậm tệ binh lính của mình nhưng sau đó tha tội cho họ vì họ đã bảo vệ Gaza. Anh ta nói với họ:

- Quả thật ta nợ Pharaon những dây đai đuôi lừa đó, nhưng bây giờ ta có thể yên tâm giải thích rồi vì ta đã biết những dây đai đó

biến đi đâu và ta không trừng phạt các người, mặc dù các người đáng bị trừng phạt, vì ta rất vui khi nghe kể các người đã nện nhừ tử những con bọ, con chuột của Horemheb trong các ngõ hẻm của thành phố, đánh chúng vỡ đầu và gây cho chúng vô số thương tích để dạy chúng phải hành xử thế nào ở Gaza. Bởi vậy, ta sẽ tha không trừng phạt các người vì những chiếc dây đai đáng nguyên rủa này, và ta sẽ bỏ tiền túi trả cho Pharaoh miễn là các người nện bất cứ con chuột bắn thủ nào của Horemheb nếu chúng hăm dọa, chặn đường các người. Đánh chúng bằng chùy gỗ, đâm chúng bằng gậy nhọn và dắt gái của chúng đi, trộn cứt cừu vào bìa của chúng để tâm trí ta yên và ta có thể ngủ được.

Từ đó, Roju hồi phục hoàn toàn và có thể ngủ say, mặc dù lính của anh ta đã gây cho Horemheb rất nhiều điều phiền toái, bởi Horemheb nghĩ mình không thể trừng phạt các anh hùng của Gaza vì những trò quái quỷ của họ, mặc dù họ đã khiến cuộc sống của lính anh ta ở Gaza trở nên không thể chịu nổi. Sau khi Horemheb cho xuất quân đến Joppa, Roju cho đóng cổng Gaza và thể không để bất kỳ ai đưa quân vào Gaza nữa, rồi uống rượu với Kaptah và xem ông ta chơi xúc xắc với lão cai ngục, vì khi Horemheb kéo quân đi, Kaptah mới thắng lại được một triệu rưỡi deben vàng từ lão già mà tôi chữa lành mắt.

Thế là họ uống rượu và chơi xúc xắc từ sáng đến tối, cãi nhau, giữa chừng ném xúc xắc vào mặt nhau, nhổ nước bọt vào lòng bàn tay rồi lại hất cốc đổ xúc xắc lăn xuống sàn, vì lão cai ngục rất keo kiệt, chỉ muốn chơi với số tiền đặt cược nhỏ và khóc lóc, than vãn sao mình lại thua, như thể số vàng mà lão bị thua là vàng của chính lão chứ không phải chỉ là tưởng tượng. Nhưng khi Horemheb bao vây Joppa, Kaptah đã hăng lên, bắt lão nâng tiền cược của mình và khi có tin đến rằng ở Joppa Horemheb đã phá tường thành làm hỏng nhiều chỗ, sẵn sàng cho các cuộc tiến công, Kaptah đã vặt lão già trong vài trận cuối khiến lão nợ ông ấy gần một trăm ngàn deben vàng. Nhưng Kaptah là người hào phóng, tha cho lão ta món nợ đó vì lão đã cứu mạng ông và

giữ ông khỏi chết đói trong ngục tối của Gaza. Ông ấy còn cho lão quần áo mới và vài nắm bạc khiến lão khóc vì vui sướng và cầu nguyện cho ông ấy, gọi ông ấy là ân nhân.

Liệu Kaptah có gian lận và chơi bằng xúc xắc đã đánh dấu hay không, tôi không thể nói. Tôi chỉ biết là ông ấy chơi rất tài và đã gặp may mắn lạ kỳ trong trò xúc xắc. Tiếng đồn về ván chơi kéo dài nhiều tuần với vốn đặt cược hàng triệu deben này đã lan truyền khắp Syria và lão già không lâu sau đó đã bị mù trở lại, sống những năm tháng tuổi già của mình trong một túp lều nhỏ ở gần tường thành Gaza. Khách lữ hành từ cả các thành phố khác cũng ghé thăm lão và lão đã kể cho họ nghe về những ván chơi mà lão nhớ từng lần ném xúc xắc, thậm chí vẫn nhớ sau nhiều năm, vì người mù thường có trí nhớ tốt. Lão tự hào nhất khi kể về lần ném cuối cùng của mình khi lão mất một trăm năm mươi nghìn deben vàng chỉ trong một lần ném, vì trước đây chưa có ai chơi xúc xắc cao siêu như vậy và lão tin rằng chẳng có ai sau lão dám chơi một ván đặt cược cao như vậy. Lão sống rất hạnh phúc trong túp lều của mình bên cổng thành Gaza, khách thập phương mang quà cho lão để lão kể cho nghe về trò chơi xúc xắc, nên lão không bao giờ phải chịu cảnh thiếu thốn mà sống tốt hơn cả nếu như Kaptah trả cho lão một khoản tiền hưu cho tuổi già của lão. Sức mạnh của những điều tưởng tượng tác động đến trái tim con người lớn đến như thế.

Sau khi Horemheb chiếm được Joppa, Kaptah vội vã đến đó; tôi cũng đi theo ông ấy và lần đầu tiên tôi tận mắt thấy một thành phố giàu có trong tay những kẻ chinh phục. Thật ra trước khi quân của Horemheb tấn công vào thành qua các chỗ đã phá được trên tường thành, những người dũng cảm nhất trong dân chúng Joppa đã nổi dậy chống lại Aziru và quân Hittite để gìn giữ và bảo vệ thành phố khỏi bị cướp phá, nhưng Horemheb không nương tay với họ, vì cuộc nổi dậy của họ không giúp ích gì hơn cho anh ta và anh ta cho binh lính của mình cướp phá Joppa trong hai tuần. Kaptah đã kiếm được một khối tài sản kếp sù ở Joppa vì quân lính đã đem những tấm thảm đắt tiền,

những đồ đạc vô giá và những bức tượng thần mà họ không thể mang đi đổi lấy bạc và rượu, mà ở Joppa chỉ cần có một đôi vòng đồng là mua được một người phụ nữ xinh đẹp, học hành tử tế.

Đúng là chỉ ở Joppa, tôi mới thấy con người ta độc ác với nhau thế nào, vì không chuyện kinh hoàng nào không xảy ra ở Joppa khi binh lính cướp bóc và đốt cháy thành phố trong cơn say. Họ đốt nhà mà không thèm dập đám cháy chỉ nhằm nhìn được rõ hơn trong đêm để cướp bóc và hăm hiếp đàn bà, tra tấn các thương nhân, bắt họ chỉ nơi cất giấu của cải. Có những tên lính thích đứng ở góc phố, lấy chùy đập hoặc dùng giáo đâm chết bất cứ người Syria nào đi về phía họ, dù là đàn ông hay đàn bà, người già hay trẻ nhỏ. Tim tôi chai cứng lại ở Joppa khi chứng kiến sự tàn ác của con người và tất cả những gì đã xảy ra trước đó ở Thebes vì Aton đều không thấm gì so với những gì đã xảy ra ở Joppa vì Horemheb. Bởi Horemheb đã cố tình cho lính của mình tự do hoành hành ở Joppa để buộc họ trung thành hơn với mình. Vì bất cứ ai đã từng can dự đều không thể quên được cảnh cướp bóc ở Joppa và chính từ đây, cướp bóc đã ăn sâu vào máu của quân lính Horemheb nên không gì có thể ngăn cản họ trong trận chiến, và họ coi thường cái chết, chém giết để giành được những thú vui như họ đã có ở Joppa. Horemheb cho binh lính thỏa sức cướp bóc tàn nhẫn ở Joppa cũng là để trói họ chặt hơn vào mình, bởi sau khi đã làm như vậy họ sẽ không còn hy vọng gì ở lòng nhân từ của lính Syria nếu bị bắt làm tù binh, vì lính của Aziru sẽ lột da sống bất cứ kẻ nào đã cướp phá ở Joppa. Nhưng để tránh rơi vào số phận của Joppa, rất nhiều thị trấn nhỏ dọc bờ biển đã nổi dậy và đuổi quân Hittite ra khỏi thành và mở cổng đón Horemheb.

Tôi không muốn kể thêm về tất cả những gì đã xảy ra ở Joppa vào những ngày đêm xảy ra cướp phá, bởi vì khi kể, tim tôi như hóa đá trong lồng ngực và tay tôi lạnh ngắt. Vì vậy, tôi chỉ nói rằng khi Horemheb tấn công, ngoài quân đồn trú của Aziru và binh lính Hittite, ở Joppa có gần hai mươi ngàn dân, nhưng khi

quân Horemheb rời đi, ở đó chỉ còn không hơn ba trăm người sống sót.

Horemheb đã giải phóng Syria như vậy đấy và tôi đi theo những đội quân của anh ta, chữa trị vết thương cho binh lính và nhìn thấy tất cả những điều độc ác mà con người có thể gây ra cho người khác. Cuộc chiến kéo dài ba năm, Horemheb đã thắng quân Hittite và Aziru trong nhiều trận chiến và cũng hai lần chiến xa của Hittite đã bất ngờ tấn công và gây tổn thất lớn cho quân Horemheb ở Syria, buộc anh ta phải rút vào cố thủ sau tường thành của các thành phố anh ta đã đánh chiếm được. Nhưng anh ta vẫn giữ thông đường biển nối với Ai Cập và hải đội của Syria không đánh bại được hải đội đã quen với thủy chiến của anh ta.

Sau mấy lần thua trận, anh ta đều nhận được quân tiếp viện từ Ai Cập và lại tập trung lực lượng vào các cuộc tấn công mới; các thành phố của Syria thành hoang phế và con người ẩn náu trong các hẻm núi như loài hoang dã. Những vùng quê hoang tàn; các đội quân tàn ác đã phá sạch ruộng vườn và chặt hạ cây ăn trái để kẻ thù của mình không còn nguồn sống từ vùng đất mình cai trị. Sức người và sức của của Ai Cập đã bị phung phí ở Syria như thế và Ai Cập giống như bà mẹ xé xiêm áo và rắc tro lên tóc khi nhìn những đứa con của mình đang chết, vì dọc theo dòng sông từ miền Hạ đến miền Thượng không còn một làng mạc hay thị trấn, bãi biển hay nơi trú ngụ nào chưa có đàn ông và trai tráng chết ở Syria vì sự vĩ đại của Ai Cập.

Cuộc chiến của Horemheb ở Syria kéo dài ba năm và trong những năm này, tôi đã già đi nhiều hơn tất cả những năm tháng trước đây của đời mình cộng lại, tóc rụng hết, lưng còng xuống và khuôn mặt nhăn nheo như trái cây khô. Quầng mắt thâm mọng thông xuống vì tất cả những gì tôi buộc phải thấy; tôi sống khép mình, hay cầu nhàu, la mắng mọi người và nói những lời cay nghiệt với bệnh nhân, giống như nhiều lương y cả cuộc đời chỉ muốn điều tốt lành nhưng lúc về già lại thành ra

như thế. Về mặt này, tôi không khác các lương y khác, cho dù tôi buộc phải thấy nhiều điều hơn họ.

Vào năm thứ ba, dịch hạch bùng phát ở Syria, vì dịch hạch luôn theo sát chiến tranh, khi có quá nhiều xác chết thối rữa ở cùng một nơi. Đúng vậy, vào năm thứ ba của cuộc chiến, cả Syria như một bãi chứa xác thối rữa và không biết bao nhiêu dân tộc, bao nhiêu bộ tộc đã bị xóa tên trong cuộc chiến nên tiếng nói và phong tục của họ vĩnh viễn chìm vào quên lãng. Dịch hạch đã giết cả những người còn sống sót sau cuộc chiến, trong đó có rất nhiều lính của Horemheb và lính Hittite, đến mức không thể tiếp tục cuộc chiến và các đội quân chạy dạt đến những vùng núi và sa mạc nơi dịch không lan đến. Bệnh dịch hạch không phân biệt người cao sang và kẻ thấp hèn, người giàu có và kẻ nghèo khổ, mà giết bất cứ ai và không loại thuốc thông thường nào chữa trị được; người mắc dịch hạch quấn áo quanh đầu làm chần, ngả người xuống giường và ba ngày sau là chết. Còn những ai khỏi được, bệnh dịch hạch để lại những vết sẹo khủng khiếp trong nách và bẹn, nơi hạch đùn bóng mủ ra khỏi cơ thể khi người bệnh đang dần khỏi.

Căn bệnh kỳ quái khi gieo rắc chết chóc và cũng bất thường hết như thế khi được chữa khỏi, vì không phải những người khỏi bệnh là những ai mạnh nhất và khỏe nhất, mà thường là những kẻ ốm yếu và đói khát nhất, như thế căn bệnh không nhận đủ chất dinh dưỡng từ cơ thể họ nên không đủ sức giết người. Vì thế khi chữa cho những ai mắc bệnh dịch hạch, tôi để bệnh nhân chảy máu nhiều nhất có thể để làm họ suy yếu và hoàn toàn không cho họ ăn trong thời gian bị bệnh. Tôi đã chữa rất nhiều người khỏi bệnh theo cách này, nhưng cũng có nhiều người chết trong tay tôi dù tôi đã cố hết sức chữa trị nên tôi không biết liệu cách chữa của mình có đúng không. Tuy nhiên, tôi vẫn phải chữa cho người bệnh bằng cách nào đó để họ tin vào tay nghề của tôi, vì nếu bệnh nhân không còn tin là mình sẽ khỏi và không tin vào tay nghề của người thầy thuốc chữa cho mình, người đó dễ chết hơn nhiều so với những ai tin. Cách

chữa bệnh dịch hạch của tôi cũng tốt hơn nhiều cách khác vì bệnh nhân không phải trả tiền quá nhiều.

Dịch hạch theo các đội thuyền lan đến Ai Cập, nhưng không giết hại nhiều người ở đây như ở Syria, và dịch cũng đã suy yếu ở Ai Cập nên nhiều người khỏi hơn là chết vì nó. Theo mùa nước, dịch hạch đã biến mất khỏi Ai Cập trong cùng năm và tiết đông đã mang nó rời Syria nên Horemheb lại có thể tập trung quân đội, tiếp tục cuộc chiến. Mùa xuân năm đó, anh ta cùng các đoàn quân vượt núi đến mặt trận cao nguyên phía trước Megiddo và đánh bại quân Hittite trong một trận chiến lớn, buộc người Hittite xin anh ta đình chiến, vì khi Burraburiash ở Babylon thấy Horemheb giành thắng lợi, quốc vương này thêm lòng can đảm và nhớ tới thỏa ước của mình với Ai Cập. Ông ta mạnh bạo chống lại Hittite và cho quân tiến vào đất cũ của Mitanni, đánh đuổi quân Hittite khỏi các đồng cỏ của họ ở Naharani. Vì thế, quân Hittite đã thương lượng hòa hoãn với Horemheb khi nhận ra chúng không còn gì để thắng ở một Syria đã mất, vì chúng là những người lính khôn ngoan và là những người đàn ông cần trọng và tần tiện, không muốn chỉ vì vinh quang hảo huyền mà đặt đội chiến xa của mình vào thế nguy hiểm, đội chiến xa mà chúng rất cần để dẹp loạn ở Babylon.

Horemheb rất mừng về việc đình chiến vì các đội quân của anh ta đã bị tiêu hao nhiều; chiến tranh đã vắt kiệt Ai Cập và anh ta muốn xây dựng lại Syria để thúc đẩy việc buôn bán và kiếm lợi từ Syria. Nhưng điều kiện hòa hoãn mà anh ta đưa ra là Hittite phải từ bỏ Megiddo, nơi Aziru lấy làm thủ đô và đã cho xây những tường thành và tháp canh bất khả chiến bại. Vậy nên phía Hittite đã bắt Aziru và gia quyến của ông ta ở Megiddo, tước hết số của cải khổng lồ mà Aziru đã vơ vét từ khắp Syria về Megiddo, xịch Aziru cùng hai con trai và vợ, Keftiu, giao cho Horemheb. Để cam kết hòa bình và chứng minh thiện chí của mình, chúng đã cho đưa Aziru và gia đình ông ta đến doanh trại Horemheb, lần lữa việc chuyển giao Megiddo cho đến khi cướp sạch nó, xua các đàn cừu và gia súc vùng Amori ra khỏi miền

đất mà theo thỏa thuận đình chiến thuộc quyền kiểm soát của Ai Cập. Horemheb cho thối tù và, báo hiệu chiến tranh kết thúc và tổ chức tiệc tùng linh đình với các hoàng thân và chỉ huy quân Hittite, nhậu nhẹt thâu đêm với họ và khoe khoang những việc làm của mình. Nhưng anh ta ra lệnh sẽ hành quyết Aziru cùng gia đình vào sáng hôm sau trước đông đảo quân lính và các chỉ huy quân Hittite, như một cách biểu thị rằng hòa bình sẽ tồn tại vĩnh cửu từ nay về sau giữa Ai Cập và xứ Hatti.

Vì vậy tôi không muốn tham dự các bữa tiệc của anh ta, mà đi vào túp lều nơi Aziru bị giam; lính gác không dám cản tôi đến với ông ta vì tôi là danh y của Horemheb và họ đã biết tôi là một kẻ tồi tệ, dám dùng những lời cay đắng và độc địa chống lại Horemheb nếu tôi muốn. Nhưng tôi đến với Aziru vì ông ta không còn người bạn nào trên khắp Syria, bởi một người bị giam cầm, bị tước đoạt hết của cải và bị xử phải chết một cái chết nhục nhã thì không còn bạn bè. Tôi đến với ông ta vì tôi biết ông ta rất yêu cuộc sống và tôi muốn trấn an tinh thần cho ông ta bằng tất cả những gì tôi đã buộc phải thấy trong đời, rằng cuộc đời không đáng sống cho lắm. Hơn nữa, là một thầy thuốc, tôi cũng muốn nói với ông ta rằng cái chết sẽ dễ dàng, dễ hơn nhiều so với những đau buồn và gian khổ của cuộc sống. Cuộc sống như ngọn lửa nóng thiêu đốt ta, còn cái chết là dòng nước đen ngòm của sự lãng quên. Tôi muốn nói tất cả những điều này với ông ta vì sáng hôm sau ông ta phải chết và tôi biết dù sao ông ta cũng sẽ không thể ngủ được vì rất yêu cuộc sống. Nhưng nếu ông ta không muốn nghe tôi, tôi sẽ lặng yên ngồi bên cạnh để ông ta khỏi cô đơn. Người ta có thể dễ dàng sống không có bạn bè, nhưng thật khó chết khi không có người bạn nào, nhất là khi còn sống, người đó đã đội vương miện trên đầu và ra lệnh cho tất cả thần dân.

Vì vậy tôi đi vào túp lều tối nơi ông ta bị giam trong xiềng xích, vì tôi không muốn ông ta nhìn thấy mình trong ánh sáng ban ngày; tôi đã tránh sang bên và lấy áo che mặt khi ông ta và gia đình bị giải đến trại của Horemheb theo cách nhằm hạ nhục ông

ta, để binh lính chế nhạo ông ta, ném rác rưởi và phân ngựa lên đầu ông ta. Dù gì ông ta cũng là một người đàn ông rất kiêu hãnh và chắc chắn sẽ không muốn tôi nhìn thấy trong sự tủ nhục của mình, vì tôi đã thấy ông trong những ngày tháng đẹp nhất, đầy quyền uy và sức mạnh. Vì vậy, ban ngày tôi tránh ông ta để tối đến mới vào lều giam, lính gác vừa giờ giấc lên cao cho tôi đi qua vừa nói với nhau:

- Chúng ta hãy để ông ta đi, vì ông ta là Sinuhe, là danh y, và việc ông ta làm chắc chắn là được phép. Nếu không, chắc ông ta sẽ xỉ vả chúng ta thậm tệ hoặc phù phép làm chúng ta mất hết tính đàn ông, vì ông ta là một kẻ tồi tệ và miệng lưỡi ông ta cắn đau hơn cả bọ cạp.

Trong bóng tối của túp lều giam, tôi cất tiếng:

- Aziru, vua Amori, ông sẽ tiếp một người bạn vào đêm cuối cùng trước khi chết chứ?

Trong bóng tối, tôi nghe tiếng Aziru thở nặng nề, tiếng xiềng xích loảng xoảng và ông ta nói:

- Tôi không còn là vua và tôi không có bạn, nhưng có phải ông đấy không, Sinuhe, vì trong bóng tối tôi nhận ra giọng ông.

Tôi đáp:

- Tôi là Sinuhe.

- Lạy Marduk và tất cả ác quỷ địa ngục, - Aziru nói, - nếu ông đúng thật là Sinuhe, hãy cho mang ánh sáng đến đây mau, bởi tôi đã quá chán chường khi phải nằm trong bóng tối và không lâu nữa tôi sẽ nằm trong bóng tối cả đời. Lũ Hittite đáng nguyên rủa đã xé rách quần áo của tôi và giẫm nát chân tay tôi, vì vậy hình ảnh tôi sẽ không còn gì đẹp trong mắt ông, nhưng là thầy thuốc, có lẽ ông đã quen với những cảnh tượng tồi tệ hơn, mà tôi cũng không hổ thẹn về điều gì cả, vì trước cái chết con người

ta không cần hổ thẹn về nỗi khổ nhục của mình. Sinuhe, hãy cho mang ánh sáng vào lều để tôi nhìn thấy mặt ông và nắm tay ông trong tay tôi, bởi lòng tôi xót xa và nước mắt tôi tuôn trào vì vợ và các con trai tôi. Thêm nữa, Sinuhe, nếu có thể ông lấy cho tôi một hũ bia mạnh để cổ họng khô khốc của tôi được thấm ướt và ngày mai tôi sẽ kể với các vị thần nơi địa ngục về tất cả những việc làm tốt của ông. Đến một giọt bia tôi cũng không trả nổi nữa rồi, vì quân Hittite đã cướp đến miếng đồng cuối cùng của tôi.

Tôi gọi lính canh mang đến một ngọn đèn mỡ và thắp sáng nó lên, vì khói đuốc bình thường làm mắt tôi cay xè và nước mũi chảy. Lính canh mang đến một ngọn đèn mỡ rồi đốt lên, và tôi lấy từ họ một hũ bia Syria mà họ đã giấu để hút cho qua thời gian trong bóng đêm vì tối hôm đó Horemheb tổ chức tiệc và họ tin rằng viên giám quản sẽ lờ đi cho họ. Aziru nặng nhọc nhòm dậy, vừa rên rĩ vừa ngồi lên, tôi giúp đặt ống hút vào miệng ông ta để ông ta hút bia Syria đặc sệt làm từ hạt đại mạch và mạch nha. Khi ông ta hau háu hút bia, tôi nhìn ông ta trong ánh sáng chập chờn của ngọn đèn mỡ, mái tóc rối bù đã bạc nhiều và bộ râu đẹp bị đứt nhỏ khi quân Hittite tra tấn ông ta làm những mảng da lớn trên cằm bị toạc ra. Các ngón tay nham nhở, sứt sẹo, móng tay đen thẫm vì máu và xương sườn bị gãy, khiến ông ta rên lên khi thở; uống xong ông ta khạc nhổ ra cả bia và máu. Sau khi uống no và khạc nhổ đủ, ông ta nhìn ngọn lửa đèn và nói:

- Ô, ánh sáng thật nhân từ và rạng rỡ biết bao với đôi mắt mệt mỏi của tôi khi đã nằm quá lâu trong bóng tối, nhưng ngọn đèn chập chờn và rồi sẽ lụi tàn như đời người, cũng chập chờn rồi tàn lụi. Nhưng tôi vẫn cảm ơn ông, Sinuhe ạ, về ánh sáng và bia này, và tôi rất muốn tặng ông cái gì đó để đền đáp, nhưng ông biết là tôi không còn gì để tặng ông vì những người bạn Hittite của tôi đã đánh bật khỏi miệng tôi cả những chiếc răng ông mạ vàng cho tôi vì lòng tham của chúng.

Nói sau ai cũng nói lời khôn được, vậy nên tôi không muốn nhắc việc tôi đã cảnh báo ông ta về người Hittite, mà chỉ nắm lấy bàn tay bị dập nát của ông, giữ nó trong tay mình, khiến ông cúi mái đầu kiêu hãnh vào giữa hai bàn tay tôi và khóc, nước mắt từ đôi mắt sưng mọng và bị đánh đến thâm đen lăn chã rơi xuống tay tôi nóng ấm. Khóc xong rồi, ông ta nói với tôi:

- Trong những ngày vinh quang, tươi đẹp của mình, tôi đã không che giấu tiếng cười và niềm vui của mình trước mặt ông, vậy sao tôi lại phải ngượng vì những giọt nước mắt trong nỗi đau buồn này của mình. Nhưng ông phải biết, Sinuhe, rằng tôi không khóc vì bản thân hay vì sự giàu sang và ngôi báu của mình, cho dù tôi luôn tham lam giữ chặt lấy uy quyền và của cải của thế giới trần tục này, mà tôi khóc vì vợ tôi, Keftiu, vì đứa con trai lớn to khỏe, dũng cảm và vì đứa con trai út bé bỏng của tôi bởi vì ngày mai họ cũng phải chết với tôi.

Tôi nói với ông ta:

- Aziru, quốc vương của Amori, ông hãy nhớ rằng cả Syria như một ngôi mộ thối rữa vì lòng tham quyền lực của ông. Biết bao người đã chết vì ông, Aziru. Vì thế, ngày mai ông sẽ chết vì thua trận, điều này đúng và hợp lẽ, và có lẽ cũng tốt khi người thân của ông chết theo ông. Nhưng ông phải biết là tôi đã cầu xin Horemheb cho vợ và các con trai của ông được sống và sẵn lòng trao cho anh ta những món quà lớn vì điều đó, nhưng anh ta đã từ chối. Horemheb từ chối, vì anh ta muốn tẩy xóa giống nòi, thanh danh của ông và thậm chí cả ký ức về ông khỏi Syria. Vì thế đến cả một ngôi mộ, anh ta cũng không cho ông, Aziru ạ, mà xác ông sẽ bị tước xé. Anh ta không muốn những người đàn ông Syria từ nay về sau tập trung bên mộ ông, nhân danh ông mà thề nguyện độc địa Aziru ạ.

Nghe thế, Aziru vô cùng sợ hãi và nói:

- Sinuhe, vì thần Baal của tôi, sau khi tôi chết hãy dâng cúng thịt và rượu cho tôi trước tượng thần Baal của Amori để tôi khỏi phải lang thang đói khát muôn đời nơi cõi âm tăm tối. Hãy làm như vậy cho cả Keftiu mà ông từng yêu quý, mặc dù ông đã trao nàng cho tôi vì tình bạn của chúng ta và hãy làm như vậy cho các con trai tôi để tôi có thể chết một cách thanh thản mà không phải lo lắng cho chúng. Tôi không muốn xỉ vả Horemheb vì quyết định của anh ta, vì có lẽ tôi cũng sẽ làm tương tự với anh ta và dòng họ anh ta nếu anh ta rơi vào tay tôi. Thành thật mà nói, Sinuhe ạ, tôi khóc đấy, song tôi cũng vui mừng vì gia đình tôi được chết cùng tôi và máu của chúng tôi sẽ chảy về một cõi, vì ở cõi âm tôi sẽ không nguôi day dứt khi nghĩ đến việc trên mặt đất có người khác ôm ấp Keftiu và vờn vò thân thể tuyệt đẹp của nàng. Vì nàng có rất nhiều người mê đắm và bao nhà thơ đã ca ngợi cơ thể phổng phao, phồn thực của nàng. Các con trai tôi chết cũng tốt hơn, vì chúng sinh ra để làm vua và đội vương miện từ thuở nằm nôi nên tôi không muốn chúng trở thành nô lệ ở Ai Cập và phải chịu kiếp sống tôi đòi.

Ông ta lại bắt đầu hút bia và ngật ngà trong nỗi khốn cùng của mình, dùng ngón tay đau cào cào ghét và phân mà binh lính đã ném lên người ông, rồi nói tiếp:

- Sinuhe, bạn của tôi, ông kết tội tôi, nhưng ông đã lầm khi nói vì tôi mà Syria thành mồ chôn thối rữa, vì tôi chỉ có tội là đã thua trong cuộc chiến và để cho quân Hittite phản bội mình. Thật ra nếu tôi thắng, người đời sẽ bảo tất cả những điều tàn ác đã xảy ra là lỗi của Ai Cập, còn tên của tôi sẽ được vinh danh. Nhưng vì tôi đã thua, người ta đổ vấy và bảo mọi điều tàn ác là lỗi của tôi và cả Syria nguyên rủa tên tôi.

Ông ta say mềm vì chất bia đậm đặc và giơ đôi tay bị cùm giắt mái tóc xơ xác, gào lên:

- Ôi Syria, ôi Syria! Nỗi đau của ta, niềm hy vọng của ta, tình yêu của ta! Vì sự vĩ đại của người, ta đã làm tất cả, vì tự do của người,

ta đã nổi dậy phản kháng, nhưng đến ngày ta chết, người chối bỏ ta và nguyên rửa tên ta. Ôi, Byblos diệu kỳ, ôi, Simyra rực rỡ, ôi Sidon gian xảo, ôi, Joppa mạnh mẽ! Ôi, các người, tất cả các thành phố lấp lánh ánh ngọc trai trên vương miện của ta, sao các người lại ruồng bỏ ta? Nhưng ta yêu các người quá đỗi nên không thể căm hận các người vì sự ruồng rẫy đó, ta yêu Syria chính vì thế, vì đó là Syria xảo quyệt, độc ác, thất thường và sẵn sàng làm phản. Các dòng họ mất đi, các dân tộc trỗi dậy và biến mất, các vương triều đổi thay, danh vọng và vinh quang vụt tắt như một cái bóng. Nhưng hãy trường tồn, mãi trường tồn, hỡi những thành phố kiêu hãnh của ta! Hãy lấp lánh sáng ngời cùng những bức tường trắng trên bờ biển bên chân những dãy núi đỏ sẫm, hãy lấp lánh muôn đời để cát bụi thân ta theo gió từ sa mạc thổi đến ôm lấy các người!

Nỗi buồn như cơn lũ tràn vào tâm trí tôi khi ông ta nói thế và tôi nhận ra ông ta vẫn bị cầm tù trong những ảo mộng của mình. Tôi không muốn giết chết những ảo mộng đó vì chúng đã an ủi ông vào đêm cuối cùng trước khi đến với tử thần. Vì thế tôi giữ đôi tay bị dập nát của ông ta trong tay mình và ông rên rỉ bóp chặt tay tôi, nói:

- Sinuhe, tôi không ân hận về cái chết cũng như những lần bại trận của mình, vì phải thật liều lĩnh thì mới có thể thắng và chiến thắng cùng với sự vĩ đại của Syria đã hiển hiện trong tâm tay tôi. Suốt cuộc đời mình, tôi luôn mạnh mẽ trong tình yêu, điên cuồng trong cơn giận và tôi không thể nghĩ cho mình một cuộc sống nào khác, tôi cũng không muốn thay đổi dòng chảy cuộc đời mình và tôi không ân hận về bất cứ việc gì mình đã làm, mặc dù những việc làm của tôi đã đan kết thành một sợi dây bền chắc, trói chặt tôi và đưa tôi đến một cái chết nhục nhã, khiến thân xác tôi bị vứt làm đồ ăn cho chó hung sa mạc. Nhưng Sinuhe, bản tính tôi vốn tò mò và trong huyết quản tôi có dòng máu thương nhân, giống như tất cả những người Syria. Ngày mai tôi sẽ phải chết và cái chết đang đánh thức tính tò mò trong tôi trỗi dậy nên tôi muốn biết có cách nào để mua chuộc thần

chết và lừa dối các vị thần không, vì trong tâm trí tôi, ý nghĩ về thế giới bên kia và hành trình vĩnh cửu như một cái bóng tối tăm, mờ ảo đáng sợ. Nhưng ông, Sinuhe, ông đã gom vào tâm hồn mình sự thông thái của mọi miền đất, hãy cho tôi biết làm cách nào mua chuộc được thần chết.

Tôi lắc đầu nói với ông ấy:

- Không, Aziru, con người có thể lừa dối và mua chuộc bất cứ điều gì khác. Anh ta có thể mua chuộc tình yêu và quyền lực, thiện và ác, trí óc và trái tim mình, nhưng không thể mua được sinh và tử. Nhưng đêm nay, khi ngọn đèn của ông vẫn đang chập chờn, tôi nói với ông đây: Chết không có gì đáng sợ, Aziru ạ, chết là tốt. So với tất cả những điều xấu xa đang xảy ra trên thế gian, cái chết là người bạn tốt nhất của con người. Là một thầy thuốc, tôi không còn tin nhiều vào thế giới bên kia và là một người Ai Cập, tôi không còn tin vào miền tây và việc giữ gìn thi thể nữa, mà với tôi cái chết giống như một giấc ngủ dài, như đêm mát mẻ sau một ngày nóng bức. Đúng thế đấy Aziru ạ, cuộc sống là cát bụi nóng bỏng, còn cái chết là dòng nước mát. Trong cái chết, đôi mắt đang khép lại của anh không nhìn thấy gì nữa; trong cái chết, trái tim anh lặng im và không còn than vãn; trong cái chết, đôi tay mệt mỏi của anh không còn muốn làm việc; trong cái chết, đôi chân rụng rời của anh không còn muốn lăm bụi của những con đường dài vô tận nữa. Cái chết là vậy đấy, Aziru, bạn của tôi, nhưng vì tình bạn của chúng ta, tôi vẫn vui lòng dâng cúng ông và gia đình ông nhiều rượu và thịt trước thần Baal của xứ Amori. Tôi sẽ dâng lễ cho ông và gia đình ông cho xứng với vương quyền của ông, nếu điều đó an ủi ông, mặc dù bản thân tôi không tin nhiều lắm vào đồ cúng tế. Tuy nhiên cần tắc vô áy náy, vì thế tôi sẽ làm lễ dâng cúng cho ông để ông không phải chịu đói và khát nơi cõi âm, cho dù cõi đó không hề tồn tại.

Aziru hào hứng hẳn lên trước những lời tôi nói và dặn:

- Khi làm lễ, ông hãy cúng cho tôi những con cừu của Amori, vì đó là loại cừu béo nhất trong tất cả các loại cừu và thịt chúng tan chảy trong miệng tôi. Đừng quên cúng cho tôi thận của chúng, vì đó là món tôi ưa thích, và nếu có thể, hãy cúng cho tôi rượu của Sidon đã được pha với mộc dược, vì máu tôi vốn thích rượu nặng và thức ăn béo. Tôi cũng xin ông cúng cho tôi một chiếc giường thoải mái và chắc chắn, chịu được những cú đẩy, đập mạnh, vì với danh vị quốc vương, thật không thích hợp nằm trên cỏ như một gã chăn gia súc, mặc dù mặt đất không rung rinh, như những chiếc giường chắc nhất cũng phải rung rinh dưới sức nặng của Keftiu.

Ông ta liệt kê thêm một loạt thứ mà ông ta muốn tôi dâng cúng cho ông và thích thú, vui mừng như một đứa trẻ khi nghĩ đến tất cả những thứ tốt đẹp mà ông ta có thể được mang theo đến cõi âm. Nhưng cuối cùng, ông ta lại buồn bã, nặng nề thở dài và ngã cái đầu bị đánh vào tay mình và nói:

- Sinuhe, nếu ông làm tất cả những điều này cho tôi, ông thực sự là bạn của tôi và tôi không hiểu vì sao ông sẽ làm, bởi vì tôi đã gây ra rất nhiều mất mát, đau khổ cho ông cũng như cho tất cả người dân Ai Cập. Ông cũng đã nói với tôi những điều đẹp đẽ về cái chết và có lẽ đúng như ông nói, cái chết chỉ là một giấc ngủ dài, là một dòng nước mát. Nhưng dù thế, tim tôi vẫn đau nhói khi nghĩ đến cảnh tảo tang nở hoa trên đất Amori, nghe trong tai mình tiếng cừu kêu và thấy bầy cừu non nhẩy nhót trên sườn núi. Tim tôi đau nhất là khi nghĩ về mùa xuân trên đất Amori, những bông huệ tây bắt đầu xòe cánh và hương thơm của nhựa huệ tây, vì hoa huệ là một loài hoa vương giả, thích hợp với thân thể tôi. Nghĩ về tất cả những điều này, trái tim tôi đau nhói khi biết rằng mình sẽ không bao giờ nhìn thấy xứ sở Amori nữa, không vào mùa xuân cũng không vào mùa thu, không phải trong cái nóng của mùa hè cũng như gió lạnh của mùa đông. Nhưng dù thế, nỗi đau của tim tôi lại ngọt ngào khi tôi nghĩ về vùng đất Amori.

Chúng tôi đã nói chuyện như thế suốt đêm trong lều giam Aziru và nhớ lại những lần chúng tôi gặp nhau khi tôi ở Simyra, cả hai chúng tôi vẫn còn trẻ và khỏe. Aziru cũng kể cho tôi nghe đủ chuyện về thời thơ ấu của ông ta, nhưng tôi sẽ mất quá nhiều thời gian nếu kể về tuổi thơ của ông vì tuổi thơ của mỗi người đều giống nhau và ký ức tuổi thơ vì vậy chỉ có giá trị đối với bản thân mỗi người. Sáng sớm, nô lệ của tôi mang bữa sáng đã được chuẩn bị cho chúng tôi, lính gác không ngăn lại vì cũng được nhận bữa sáng. Các nô lệ mang ra thịt cừu nóng hổi, béo ngậy cùng với gạo lứt nấu trong dầu béo và rót rượu mạnh Sidon pha với mật được vào cốc chúng tôi. Tôi cũng bảo nô lệ của mình rửa sạch bụi bẩn trên người cho Aziru, rửa sạch những mẩu rác mà người dân ném lên đầu ông ấy, rồi chải, uốn tóc và che râu ông bằng một dải lưới được tết bằng chỉ vàng. Tôi lấy áo choàng hoàng gia che lên quần áo rách mướp của ông và sợi dây xích; vì không thể tháo sợi xích đồng mà quân Hittite đã đóng ông vào nên tôi không thể cho ông mặc một bộ quần áo mới. Các nô lệ của tôi cũng làm như vậy với Keftiu và hai con trai của ông, nhưng Horemheb không cho Aziru gặp vợ và các con trai trước khi đến nơi hành quyết.

Khi thời khắc ấy đến gần, Horemheb từ lều mình bước ra cùng với các hoàng thân Hittite say xỉn, tựa tay vào vai họ và cười thành tiếng. Tôi đến chỗ Horemheb và nói:

- Horemheb, đúng là tôi đã làm cho anh nhiều việc và có lẽ đã cứu sống anh khi rút mũi tên độc ra khỏi đùi anh ở Tyros và chữa lành cho anh. Vì tất cả những việc ấy, anh cũng hãy làm cho tôi điều này, hãy để Aziru chết mà không phải chịu nhục nhã, vì ông ta là quốc vương của Syria và đã chiến đấu rất kiên cường. Vinh quang của anh sẽ tăng nếu anh để ông ta chết mà không hổ thẹn, những người bạn Hittite của anh đã tra tấn ông ta quá nhiều và giằn nát chân tay ông ta khi ép ông ta khai nơi cất giữ của cải.

Horemheb sầm mặt khi nghe những lời của tôi vì anh ta đã nghĩ ra nhiều cách man rợ để kéo dài cái chết của Aziru và tất cả đã sẵn sàng cho điều đó. Mờ sáng, toàn bộ quân lính đã tập trung dưới chân gò hành quyết và binh lính tranh giành nhau để có được chỗ tốt nhất cho một ngày thú vị. Horemheb dàn xếp việc này không phải vì anh ta thích tra tấn và muốn chứng kiến sự đau đớn của Aziru, mà muốn mua vui cho binh lính của mình và gieo rắc nỗi kinh hoàng khắp Syria, để không ai dám mơ tưởng đến việc nổi dậy làm loạn sau cái chết khủng khiếp của Aziru. Tôi phải nói điều này vì danh dự của Horemheb; anh ta không phải là một người có bản tính độc ác như người ta vẫn kể, mà anh ta một chiến binh và cái chết chỉ là vũ khí trong tay anh ta. Tuy nhiên, anh ta vẫn thích để cho những câu chuyện kể nói quá lên sự tàn ác của mình để làm kẻ thù sợ hãi và dân chúng kính trọng mình. Anh ta nghĩ rằng dân chúng kính trọng một ông vua độc ác hơn một quân vương nhân từ và họ coi sự khoan dung của nhà cai trị là một điểm yếu.

Vậy nên Horemheb bực tức với tôi và bỏ tay khỏi cổ Hoàng tử Shubattu rồi đứng đưng đưa trước mặt tôi và bắt đầu quất roi vàng vào chân mình, nói với tôi:

- Sinuhe, anh mãi mãi là cái gai chọc mạn sườn ta và ta bắt đầu chán anh rồi, vì không như những người biết điều, với bất cứ ai thành công, giành được vinh quang và giàu có, anh phần uất, giấu cợt và trách mắng, còn nếu ai đó gục ngã và thua trận, anh là người đầu tiên vỗ về và an ủi họ. Anh biết rất rõ ta đã gặp nhiều khó khăn và mất nhiều phí tổn mới đưa được về đây những tên đao phủ thiện nghệ nhất từ khắp các miền hoang mạc xa xôi chỉ vì Aziru này và chỉ riêng việc lắp đặt các đồ nghề tước xé và nung đốt của chúng lên đồi cho cả quân đội nhìn thấy cũng đã tốn cả đồng bạc. Ta không thể tước đoạt thú vui của lũ chuột bùn của ta vào những phút cuối này nữa rồi, vì cả lũ chúng đều đã biết bao lần bị bệnh tật và đổ máu với vô số vết thương vì tên Aziru này.

Hoàng tử Hittite, Shubattu, đập mạnh tay vào lưng anh ta và cười, rồi gào lên:

- Horemheb, tướng quân nói đúng. Chẳng lẽ tướng quân lại muốn tước đi niềm vui của chúng tôi, vì để giữ niềm vui cho tướng quân, chúng tôi đã không róc thịt từ chân tay hân ta, mà chỉ cần thận rút và kẹp bằng những chiếc kìm và đinh vít gỗ.

Nhưng với sự ngạo mạn của mình, Horemheb không thích câu nói này của Shubattu, mà cũng chẳng vui thú gì khi Shubattu đập vào lưng mình. Vì thế anh ta cau mày nói:

- Shubattu, ngài say rồi. Tôi không có ý định gì với Aziru ngoài việc cho cả thế giới thấy bất cứ ai đặt lòng tin vào người Hittite sẽ nhận số phận thế nào. Nhưng vì đêm nay chúng ta đã kết bạn và đã uống nhiều chén huynh đệ, nên tôi sẽ tha cho đồng minh này của ngài và vì tình bạn của chúng ta, tôi sẽ cho hân một cái chết dễ dàng.

Những lời của Horemheb khiến Shubattu tức điên lên, khuôn mặt trở nên méo xệch và tái nhợt, bởi người Hittite rất dễ nổi xung nếu bị xúc phạm, mặc dù ai cũng biết họ sẽ phản bội và bán đứng đồng minh của mình mà không nghĩ đến danh dự, một khi không còn lợi lộc gì từ đồng minh mà có thể có lợi hơn khi phản bội họ. Mà thật ra mọi dân tộc và mọi thống lĩnh khôn ngoan đều hành xử như vậy, nhưng người Hittite làm điều đó trơ trẽn hơn các dân tộc khác và cũng không bận tâm tìm ra nguyên do và lời giải thích cần thiết để hoa mỹ hóa sự việc và làm cho nó trở nên đúng đắn. Nhưng Shubattu vẫn tức giận, buộc các chỉ huy Hittite khác phải lấy tay bịt miệng anh ta rồi kéo anh ta ra xa Horemheb và giữ anh ta cho đến khi cơn thịnh nộ ngổ ngẩn làm anh ta nôn hết rượu ra và bình tĩnh trở lại.

Nhưng Horemheb đã ra lệnh đưa Aziru bước ra khỏi lều giam và vô cùng kinh ngạc khi thấy ông ta bước tới trước đám đông, đầu ngẩng cao và kiêu hãnh như một vị vua, trên vai khoác chiếc áo

choàng hoàng gia. Aziru đã ăn thịt mỡ và uống rượu mạnh, lắc lắc đầu ngạo mạn và cười thành tiếng khi bước đến nơi hành quyết, hét to chế giễu các chỉ huy và lính gác của Horemheb. Tóc ông được chải và uốn xoắn, mặt sáng loáng dầu thơm và qua đầu các binh sĩ, ông hét với lên chỗ Horemheb:

- Này Horemheb, gã Ai Cập bẩn thỉu. Đừng sợ ta nữa nhé, vì ta đang bị xiềng xích và người không cần phải nấp sau rừng giáo của quân lính mình. Hãy đến gần ta, để ta chùi bàn chân lấm đầy phân rác của ta lên chiếc áo choàng của người, vì quả thực trong đời mình ta chưa từng nhìn thấy cái trại lính nào bẩn thỉu hơn thế này và ta muốn bước đến trước mặt thần Baal của ta bằng đôi chân sạch sẽ.

Nghe những lời ấy, Horemheb vô cùng thích thú, cười phá lên và hét lại Aziru:

- Ta không thể đến gần người vì mùi Syria làm ta phát ốm, mặc dù người đã lấy trộm áo choàng từ đầu đó để che thân thể bẩn thỉu của mình. Nhưng chắc chắn người là một người dũng cảm, Aziru, khi người cười ngạo ngễ trước tử thần. Bởi vậy ta sẽ cho người một cái chết dễ dàng vì danh tiếng của ta.

Anh ta sai vệ sĩ của mình áp giải Aziru và ngăn quân lính ném bùn lên người ông ta. Những con bọ bẩn thỉu của Horemheb vây quanh Aziru và lấy cán giáo đập vào miệng bất kỳ kẻ nào cố gào lên chế nhạo Aziru, vì họ không còn hận thù Aziru bởi tất cả những đau đớn ông đã gây ra cho họ nữa, mà cảm phục sự dũng cảm của ông. Họ cũng giải cả Hoàng hậu Keftiu và hai con trai của Aziru đến nơi hành quyết. Keftiu trang điểm theo cách đàn bà vẫn làm, vẽ mặt đỏ và trắng; hai cậu con trai, hai hoàng tử kiêu hãnh, cũng bước đến nơi hành quyết, người anh dắt tay em. Nhìn thấy họ, Aziru trở nên yếu đuối và nói:

- Keftiu, Keftiu, ngựa cái trắng của ta, con người của ta và tình yêu của ta, ta rất lấy làm tiếc, vì ta mà nàng cũng phải theo ta

đến cõi chết, bởi vì cuộc đời với nàng vẫn còn đầy hấp dẫn.

Nhưng Keftiu nói:

- Tâu quốc vương, xin quốc vương đừng buồn vì tiện thiếp, bởi tiện thiếp sẽ theo người đến vương quốc của tử thần. Vì quốc vương là phu quân của thiếp, khỏe như bò mộng và thiếp không nghĩ có người đàn ông nào khác có thể thỏa mãn thiếp như phu quân. Trong cuộc đời này, thiếp cũng đã chia rẽ quốc vương với những người đàn bà khác và trói buộc người với riêng mình. Vì vậy, thiếp sẽ không để quốc vương một mình vào cõi chết mà thiếp sẽ đi theo để giám sát và ngăn cản người vui vẻ với những phụ nữ khác, vì chắc chắn tất cả phụ nữ xinh đẹp đã đến nơi đó trước đều đang đợi quốc vương. Vì vậy, cản tắc vô ích này, thiếp sẽ theo quốc vương ngay cả khi thiếp được sống. Thật ra, thiếp sẽ thắt cổ tự vẫn bằng chính tóc của mình để theo người, thưa quốc vương yêu kính, vì trước đây thiếp chỉ là nô lệ nhưng quốc vương đã phong thiếp làm hoàng hậu và thiếp đã sinh cho người hai đứa con trai dũng cảm.

Aziru vui mừng khôn xiết trước lời nói của Keftiu, ông ta sung sướng đến ngạo mạn và nói với các con trai:

- Hai con trai xinh đẹp của ta! Các con là hoàng tử khi được sinh ra trên thế gian. Hãy là hoàng tử cả khi chết, để ta không hổ thẹn về các con. Hãy tin ta, chết không làm ta đau đớn hơn nhỏ một cái răng trong miệng. Vì vậy, hãy can đảm lên, các con trai xinh đẹp của ta.

Nói rồi ông ta quỳ xuống đất trước mặt đao phủ, rồi lại quay về phía Keftiu và nói:

- Ta đã quá chán chường khi nhìn lũ Ai Cập hôi hám xung quanh mình và ta ngán ngẩm nhìn những ngọn giáo đâm máu của chúng. Vì thế, hãy để lộ bầu vú tươi như hoa của ái khanh cho ta, Keftiu, để ta có thể ngắm nhìn vẻ đẹp của nàng khi ta chết và ta chết cũng hạnh phúc như khi sống với nàng.

Keftiu để lộ bầu vú đồ sộ của mình ra cho ông ta và đao phủ giơ thanh kiếm nặng nề lên, chỉ bằng một nhát chém đầu ông là khỏi cổ. Đầu ông ta bay đến chân Keftiu và từ thân thể cường tráng của ông, một dòng máu khỏe mạnh phun ra với tốc độ phi thường trong những nhịp tim cuối cùng đã bắn tóe lên quần áo của hai cậu con trai làm chúng sợ hãi và đứa bé bắt đầu run rẩy. Nhưng Keftiu đã nhấc đầu Aziru lên khỏi mặt đất, hôn lên đôi môi sưng tấy của ông và dùng tay vuốt ve đôi má rách xước rồi áp vào giữa hai bầu vú mềm mại của mình và nói với các con trai:

- Nhanh lên, các con trai dũng cảm của mẹ, đừng sợ hãi, hãy theo phụ vương, các con trai nhỏ bé, vì mẹ mong mỗi đi theo phụ vương các con.

Nghe thế, cả hai đứa con trai ngoan ngoãn quỳ xuống, tay đứa lớn vẫn nắm chặt bàn tay em mình đầy chổ che và đao phủ nhẹ nhàng chặt đứt cái cổ mảnh khảnh của cả hai. Sau khi lấy chân gạt thi thể của hai đứa trẻ sang một bên, đao phủ cũng bằng một nhát duy nhất cắt phăng chiếc cổ trắng trẻo mập mạp của Keftiu, vậy nên họ chết thật dễ dàng. Rồi Horemheb cho ném thi thể họ vào hố xác làm thức ăn cho bầy thú.

5

Bạn tôi, Aziru, đã chết như thế mà không cố mua chuộc tử thần, còn Horemheb đã đình chiến với Hittite, mặc dù cả anh ta cũng như Hittite đều biết rằng thỏa thuận đình chiến này chỉ là tạm thời, vì Sidon, Simyra, Byblos và Kadesh vẫn còn nằm trong tay Hittite và Hittite đã biến Kadesh thành một pháo đài lớn kiên cố, làm căn cứ quyền lực của mình ở miền bắc Syria. Nhưng vào thời điểm đó, cả Horemheb lẫn người Hittite đều thấy mệt mỏi vì chiến trận liên miên và Horemheb quá mừng khi có thể đình chiến vì anh ta có những lợi ích cần giám sát ở Thebes, còn phải dẹp yên xứ Kush và người da đen,

những kẻ đã nổi loạn vì quá tự do và không còn muốn nộp tô cho Ai Cập.

Trong suốt những năm này, Pharaon Tutankhamon trị vì Ai Cập, mặc dù ngài vẫn chỉ là một cậu bé và chỉ lo xây lăng mộ cho mình, còn dân chúng đổ tội cho ngài tất cả những đau khổ, mất mát do chiến tranh gây ra và vô cùng căm ghét ngài. Họ nói:

- Chúng ta có thể mong đợi gì từ một pharaon có vợ mang dòng máu của pharaon bị nguyên rủa?

Eje không những không ngăn cấm những lời đàm tiếu của thiên hạ vì chúng có lợi cho ông ta, mà còn cho lan truyền trong dân chúng những câu chuyện về sự vô lo và lòng tham của Tutankhamon khi ngài sai thu gom tất cả của cải của Ai Cập cho lăng mộ của mình. Ngoài ra, ngài còn thu thuế mai táng từ người dân, đến mức bất cứ ai chết ở Ai Cập đều phải trả cho ngài một khoản thuế để thi thể của mình được lưu giữ vĩnh viễn. Nhưng Eje chính là người đã gieo ý định này vào đầu ngài, vì ông ta biết làm như thế sẽ khiến dân chúng căm giận.

Suốt thời gian đó, tôi không về Thebes mà đi theo quân đội, chịu đủ mọi gian khổ và thiếu thốn, vì quân lính cần kỹ năng chữa bệnh của tôi, nhưng những người đến từ Thebes kể rằng Pharaon Tutankhamon gầy gò, ốm yếu và một căn bệnh bí hiểm nào đó bào mòn thân thể ngài. Họ nói hình như cuộc chiến ở Syria đã làm tiêu hao sức lực của Pharaon vì mỗi khi nhận được tin về chiến thắng của Horemheb, ngài lại đỡ bệnh, nhưng nếu tin thất bại của Horemheb báo về thì Pharaon hồi phục và dậy khỏi giường. Họ cũng nói rằng tất cả đều như bị bùa phép và bất kỳ ai thật sự lưu tâm đều có thể thấy rõ sức khỏe của Pharaon Tutankhamon phụ thuộc vào cuộc chiến ở Syria như thế nào.

Nhưng, thời gian trôi đi, Eje ngày càng sốt ruột và ông ta thường xuyên nhả tin cho Horemheb: “Lẽ nào tướng quân không muốn chấm dứt cuộc chiến và đem lại hòa bình cho Ai Cập? Bởi

tôi đã là một lão già và mệt mỏi với việc chờ đợi. Horemheb, chiến thắng nhanh lên và mang hòa bình về cho Ai Cập để ta có thể nhận được phần mình theo giao ước của chúng ta và ta sẽ lo phần cho tướng quân nữa!”.

Vì tất cả những việc này nên tôi không hề ngạc nhiên khi chiến tranh kết thúc và chúng tôi đang dong buồm ngược dòng sông trên những chiếc thuyền chiến trong đội hình chiến thắng và cờ hiệu tung bay thì nhận được tin Pharaon Tutankhamon đã lên thuyền vàng của Amon cha mình đi về miền tây. Người ta kể rằng Pharaon Tutankhamon đã lên cơn đau dữ dội vào đúng ngày tin Megiddo thất thủ và đình chiến truyền về Thebes. Nhưng các thái y của Nhà Sòng tranh cãi với nhau về nguyên nhân dẫn đến cái chết của ngài và người ta đồn rằng dạ dày ngài bị thâm đen vì chất độc, nhưng không ai biết chắc điều gì về cái chết của ngài. Dân chúng bảo ngài chết vì sự ác độc của chính mình khi chiến tranh kết thúc, bởi niềm vui lớn nhất của ngài là thấy Ai Cập đau khổ và chịu đựng, nhưng tôi biết khi Horemheb ấn dấu triện của mình lên đĩa đất sét thỏa ước hòa bình, chắc chắn anh ta đã giết ngài như thể chính tay anh ta đâm một nhát dao vào tim ngài, vì Eje chỉ mong chờ hòa bình để gạt Tutankhamon ra khỏi đường đi của mình và ngồi lên ngai vàng của các pharaon như “vị vua của hòa bình”.

Vì vậy, chúng tôi phải bơi bắn mặt, hạ cờ chiến thắng sắc sỡ trên các chiến thuyền xuống và Horemheb đã tức giận cho cắt dây, tháo gỡ và thả xuống sông các quân cơ, cai đội Syria và Hittite mà anh ta đã sai treo ngược đầu trước mũi thuyền của mình theo cách của các pharaon vĩ đại. Cả những con bọ rác rưởi của anh ta cũng bức tức và thóa mạ Tutankhamon rằng khi sống không đem lại cho họ niềm vui mà lúc lìa trần còn lấy mất điều ấy của họ. Anh ta cho họ theo về để vui mừng chiến thắng ở Thebes, sau khi đã để lại những con chuột bùn nhằm khôi phục Syria và nhân tiện vỗ béo mình bằng sự phì nhiêu của Syria sau những gian khổ của chiến tranh.

Họ cẩu kính chơi xúc xắc trên thuyền bằng những chiến lợi phẩm thu được ở Syria và đánh nhau vì những cô gái mà họ mang theo từ Syria về để bán ở Thebes sau khi đã hăm hiếp, giày vò họ chán chê. Họ đánh nhau mặt súng húp, làm nhau bị thương và hát những bài ca tục tĩu thay cho những bài than khóc buồn bã, đến nỗi dân chúng mộ đạo tụ tập trên bờ để nhìn các thuyền chiến, hết sức kinh sợ trước hành xử của họ. Không thể nghĩ những con bọt biển này của Horemheb là người Ai Cập, vì nhiều người trong số họ ăn mặc theo kiểu Syria hoặc Hittite sau khi thu những bộ quần áo đẹp này làm chiến lợi phẩm, chèn lẫn lộn những từ và câu chửi Syria và Hittite trong lời nói của mình; nhiều người hạ mình phục vụ thần Baal ở Syria và mang theo thần Baal về Ai Cập. Tôi không có lý do gì để trách cứ họ về điều này vì bản thân tôi đã dâng cúng nhiều đồ uống và thịt cho thần Baal của Amori trước khi rời Syria để tưởng nhớ người bạn Aziru của tôi, nhưng tôi kể điều này để cho thấy tại sao dân chúng tránh xa họ và sợ họ như sợ người lạ, cho dù rất tự hào về những chiến thắng của họ ở Syria.

Còn binh lính của Horemheb thì lạ lẫm nhìn ngó Ai Cập, một Ai Cập họ không nhìn thấy trong nhiều năm qua, vì họ không còn thấy Ai Cập là đất nước mà từ đó họ đã ra trận và cả tôi cũng không còn nhận ra Ai Cập nữa. Vì ở bất cứ nơi nào thuyền chúng tôi cập bến để qua đêm trên đất liền, chúng tôi chỉ thấy nỗi buồn, sự khốn khổ và nghèo đói. Quần áo của người dân loang lổ, chỗ xám, chỗ sặc sỡ sau nhiều lần giặt, khuôn mặt khô và thô ráp vì thiếu dầu bôi, đôi mắt đói khát, ngờ vực và trên lưng dân nghèo đầy dấu gậy của những người thu sưu thuế. Các tòa nhà chung đã xuống cấp, chim chóc làm tổ trên mái nhà các quan tòa của Pharaon và những viên gạch rơi xuống đường để lại tường các tòa nhà của Pharaon thủng lỗ chỗ. Đường sá không được tu bổ trong nhiều năm vì thiếu nhân công, khi những người sống của Ai Cập bị dồn cho cuộc chiến ở Syria; các bờ kênh tiêu nước bị sụt xuống và các mương tưới um tùm cỏ trên các cánh đồng.

Chỉ có những đèn miếu sẫm uất với những hình ảnh, chữ khắc bằng vàng và màu đỏ tươi ca ngợi Amon lấp lánh trên các bức tường và các giáo sĩ của Amon béo tốt, đầu trọc lóc lấp lánh dầu thơm. Trong khi họ ngấu nghiến nhai thịt cứng tế, dân nghèo uống nước sông Nile với bánh mì khô và cháo và những người đàn ông trước đây giàu có, uống rượu từ những chiếc cốc sắc sỡ thì bây giờ sẽ mãn nguyện nếu họ có được một hũ bia nhạt một lần trong mỗi tuần trăng. Tiếng cười của phụ nữ và tiếng trẻ đùa vui không còn vang lên hai bên bờ sông mà ở đó chỉ có những người đàn bà vung cánh tay gầy guộc đập chày giặt, đám trẻ rón rén trên đường như những con vật sợ sệt vì bị đánh và đào bới rễ thủy sinh trong bùn ăn cho đỡ đói. Chiến tranh đã làm Ai Cập thành như thế và lấy đi tất cả những gì Aton đã tích trữ được. Vì vậy dân chúng không còn vui mừng với hòa bình nữa mà sợ hãi khi nhìn thấy đội thuyền chiến của Horemheb ngược dòng sông.

Nhưng những cánh én vẫn lao vút trên mặt nước nhanh như tên bay, những con hà mã vẫn gặm gù trong đám sậy nơi bãi sông hoang vắng và bầy cá sấu đuổi chân nghỉ ngơi nơi mép nước, mõm há hốc để những con chim nhỏ bé làm sạch răng. Chúng tôi uống nước sông Nile từ trên thuyền, không nơi nào trên thế giới có nước giống nước sông Nile và làm dịu cơn khát như thế. Chúng tôi hít thở mùi bùn, nghe tiếng sậy thì thầm trong gió, nghe tiếng vịt kêu và Amon trên thuyền vàng của ngài lướt qua trên bầu trời xanh ngắt và chúng tôi biết mình đã về đến cố hương.

Rồi đến một ngày, phía sau dòng sông thấp thoáng nhô lên ba ngọn núi cao, ba vệ sĩ vĩnh cửu của Thebes; chúng tôi thấy mái đền khổng lồ và trong mắt chúng tôi, những chớp vàng của các ngọn tháp tỏa vào không trung những tia chớp sáng lóa. Chúng tôi thấy những ngọn núi phía tây và thành phố của những người chết trải dài ngút mắt, thấy những cầu thuyền bằng đá của Thebes, thấy bến cảng và những con hẻm chạy dài vô tận, hai bên được viền bằng những túp lều đất sét của những khu

phố nghèo, thấy những khu phố giàu có và những biệt thự của giới quý tộc giữa cảnh sắc rực rỡ của hoa và cây cỏ xanh tươi. Lúc đó chúng tôi hít thở sâu hơn và các tay chèo thả mái chèo xuống nước với niềm vui mới và binh lính của Horemheb bắt đầu la hét om sòm, quên đi cả nỗi đau lẫn niềm vui.

Thế là tôi lại trở về Thebes và tôi quyết định sẽ không bao giờ rời đi nữa, vì mắt tôi đã nhìn thấy đủ sự xấu xa của con người và không có gì mới để nhìn thấy dưới bầu trời cũ nữa. Vậy nên tôi quyết định ở lại Thebes và sống những năm tháng còn lại của mình trong cảnh nghèo khó trong ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng cũ ở khu phố nghèo của thành phố, vì tôi đã dùng cho tang lễ của Aziru tất cả những món quà quý giá mà tôi nhận được ở Syria trong chiến tranh bằng tài năng chữa bệnh của mình, bởi tôi không muốn giữ lại sự giàu có ấy. Những thứ đó có mùi máu trong mũi tôi và tôi sẽ không thấy vui nếu dùng chúng cho riêng mình. Vì thế, tôi đã dành cho Aziru tất cả những gì tôi có được trên mảnh đất của ông ta và nghèo khó trở về Thebes.

Nhưng tôi vẫn chưa nhận đủ khổ đau mà mình phải chịu, vì số phận đã định trước bắt tôi phải làm một việc tôi không hề muốn và việc đó khiến tâm trí tôi hoảng sợ, song tôi không thể lảng tránh nó, vì thế tôi lại phải rời Thebes một lần nữa trong vòng một vài ngày. Vì Eje và Horemheb đã khôn ngoan giăng lưới, thực hiện các kế hoạch của họ và tin rằng quyền uy nằm trong tay mình, nhưng quyền uy thoát ra mà họ không hề hay biết và số phận của Ai Cập đang rẽ sang hướng khác vì tính khí thất thường của đàn bà. Vậy nên tôi vẫn phải kể về Hoàng hậu Nefertiti và Công chúa Baketamon trước khi có thể kết thúc câu chuyện của mình và được bình tâm. Nhưng để kể về họ, tôi phải bắt đầu một sách mới và hãy để đây là sách cuối cùng mà tôi viết và tôi viết cho chính mình để giải thích vì sao tôi, người được sinh ra như một danh y, lại trở thành một kẻ giết người.

Sách thứ mười lăm

Horemheb



1

Theo thỏa thuận với Horemheb, nhiếp chính Eje đã sẵn sàng đội lên đầu mình vương miện pharaon sau tang lễ của Pharaon Tutankhamon. Để đạt được mục đích này, ông ta vội vàng cho tẩm ướp thi thể Tutankhamon và làm lễ mai táng ngài, ngừng việc phá đá xây lăng cho ngài, để nó chỉ là một lăng mộ nhỏ, tẩm thường bên cạnh lăng mộ của các pharaon vĩ đại và giữ lại cho mình phần lớn của cải mà Tutankhamon dự định đem theo xuống mồ. Nhưng cũng theo thỏa thuận, ông ta phải thuyết phục Công chúa Baketamon chấp thuận làm vợ Horemheb để anh ta có quyền hợp pháp đòi ngài vàng của Ai Cập cho mình sau khi Eje chết, mặc dù anh ta sinh ra với phân dính giữa các kẽ chân. Ông ta đã dàn xếp điều này với các giáo sĩ để Công chúa Baketamon xuất hiện trước Horemheb trong hình dạng nữ thần Sekhmet tại đền Sekhmet, khi Horemheb ăn mừng chiến thắng của mình sau quốc tang, và dâng mình cho Horemheb trong đền, như thế hôn nhân của họ sẽ được thần linh ban phép và Horemheb cũng trở nên thiêng liêng. Eje đã cùng với các giáo sĩ dàn xếp như vậy, nhưng Công chúa Baketamon đã chuẩn bị một kế hoạch của riêng mình rất cẩn thận, và tôi biết chắc Hoàng hậu Nefertiti đã xúi giục Công chúa làm việc này vì bà căm hận Horemheb và muốn mình trở thành người đàn bà quyền lực nhất Ai Cập bên cạnh Baketamon nếu mưu đồ thành công.

Kế hoạch của họ thật vô đạo và khủng khiếp, chỉ có đầu óc của một người đàn bà đầy đau khổ, thù hận mới sản sinh ra một âm mưu như thế. Kế hoạch của họ hoang tưởng đến mức chỉ riêng sự hoang tưởng ấy đã khiến nó suýt thành công vì không ai nghĩ được điều như thế mà nếu có thì họ cũng sẽ coi việc đó là không thể. Chỉ khi mưu đồ này bị bại lộ, người ta mới hiểu vì sao quân Hittite đã sốt sắng đề nghị hòa hoãn và sẵn lòng giao Megiddo và Amori, sẵn sàng chấp nhận nhượng bộ trong giải pháp hòa bình. Vì người Hittite là những người khôn ngoan, họ giữ trong ống tên một mũi tên dự phòng, mũi tên mà cả Horemheb lẫn Eje không hề đoán biết, và khi chấp nhận hòa bình, họ tin rằng họ không mất gì khi sẵn sàng nhượng bộ. Lẽ ra Horemheb phải nghi ngờ sự sốt sắng ấy, nhưng thắng lợi về quân sự khiến anh ta mù quáng và bản thân anh ta muốn hòa bình để ổn định quyền lực của mình ở Ai Cập và cuối cùng là giành được Công chúa Baketamon làm vợ, vì anh ta đã đợi Baketamon trong quá nhiều năm và sự đợi chờ đã khiến lòng thèm khát dòng máu hoàng tộc của anh ta càng dữ dội đến độ không chịu nổi. Vậy nên anh ta không muốn nghi ngờ bất cứ điều gì và không nhận ra sự xảo quyệt của Hittite.

Sau khi Pharaon băng hà và bị buộc phải thần phục Amon, Hoàng hậu Nefertiti không thể chịu nổi khi nghĩ rằng mình bị gạt sang bên trong việc trị vì Ai Cập và rằng bất cứ người phụ nữ nào trong hoàng cung cũng ngang hàng với bà. Bất chấp tuổi tác, bà vẫn rất đẹp, cho dù nhan sắc của bà đã tàn phai và được mài đi rửa lại nhiều lần với nhiều loại mỹ phẩm và thời gian chăm sóc. Với sắc đẹp ấy, bà đã chinh phục cho mình rất nhiều vương hầu Ai Cập, những người cả đời sống trong hoàng cung như những kẻ lười biếng, vô dụng xung quanh vị pharaon tầm thường của họ. Với trí thông minh và ranh mãnh của mình, bà cũng trở thành bạn của Công chúa Baketamon và thổi niềm kiêu hãnh bẩm sinh của Baketamon thành ngọn lửa hừng hực thiêu đốt trái tim Công chúa, khiến niềm kiêu hãnh đó mang đầy vẻ bệnh hoạn hơn là lòng kiêu hãnh thường thấy của con người; nàng quá kiêu ngạo về dòng máu thánh của mình, đến mức

không cho phép bất kỳ người bình thường nào chạm vào mình, thậm chí không cho phép ai được lướt qua chỗ bóng mình in xuống. Cho đến lúc ấy, Công chúa vẫn ngạo mạn giữ mình trinh nguyên bởi nàng cho rằng khắp Ai Cập không có người đàn ông nào xứng với mình, vì nàng mang dòng máu của các pharaon vĩ đại trong huyết quản. Rồi nàng qua độ tuổi kết hôn thông thường; tư tưởng bất khả xâm phạm thấm sâu vào tâm trí nàng, khiến nàng trở nên bệnh hoạn, và tôi nghĩ có khi một cái giường phu thê êm ấm sẽ chữa khỏi bệnh cho nàng. Nhưng nàng vẫn rất xinh đẹp, đáng điệu và vẻ kiêu sa của nàng đã giúp cho nhan sắc nàng trẻ mãi với thời gian và nàng bảo vệ, chăm dưỡng nhan sắc đó, không cho cả nô tỳ chạm vào người mình.

Nefertiti tìm đủ mọi cách để kích động tính ngạo mạn của Baketamon khiến Công chúa tin rằng mình sinh ra để làm những việc vĩ đại, rằng mình phải cứu Ai Cập khỏi tay những kẻ tiềm quyền thấp hèn. Nefertiti kể cho Công chúa về nữ hoàng Hatshepsut vĩ đại, người đã gắn bộ râu hoàng đế lên cằm, đeo thắt lưng đuôi sư tử và cai trị Ai Cập trên ngai vàng của các pharaon. Họ cùng nhau hành hương đến ngôi đền đá sáng ngời có các cột trắng lóa của Hatshepsut, đi trên những gờ nổi trồng đầy cây hương đào của đền, ngắm nhìn tượng của các nữ hoàng vĩ đại và Nefertiti quả quyết với Baketamon rằng sắc đẹp của nàng tựa nhan sắc của Hatshepsut.

Nefertiti cũng nói với Công chúa rất nhiều điều xấu xa về Horemheb, khiến Baketamon, với niềm kiêu hãnh vốn có của mình, bắt đầu khiếp sợ Horemheb, người xuất thân từ tầng lớp thấp hèn nhưng cao hơn hẳn các bậc vương tôn Ai Cập một cái đầu và cũng vạm vỡ hơn, và nàng không thể chịu được ý nghĩ Horemheb sẽ bắt nàng quy phục và dùng vũ lực với nàng theo cách thô bạo của đám võ biến, làm ô uế dòng máu thánh của nàng. Nhưng trái tim con người thường bất nhất và thất thường, vì thế tôi nghĩ nàng bắt đầu căm hận Horemheb chỉ vì sức mạnh và sự cuồng nhiệt của Horemheb đã cuốn hút nàng từ lúc nào không rõ và nàng đã ngắm nhìn anh ta quá nhiều khi

chàng trai cường tráng Horemheb mới đến hoàng cung, đã thấy người nóng bừng, nhột nhạt trước ánh mắt của anh ta mặc dù nàng chưa bao giờ tự thừa nhận điều đó.

Vì tất cả những điều đó nên Nefertiti đã dễ dàng thuyết phục được nàng khi mưu đồ của Eje và Horemheb trở nên quá rõ ràng và Pharaon Tutankhamon ngày càng ốm o tiêu tụy khi cuộc chiến ở Syria đi đến hồi kết. Tôi không tin là Eje giấu Nefertiti âm mưu của mình vì Nefertiti là con đẻ của ông ta. Do vậy, Nefertiti dễ dàng phát hiện ra rằng Eje và Horemheb đã bí mật dàn xếp một ván bài lớn đến mức nào. Nhưng Nefertiti căm ghét cha mình, vì ông ta đã gạt bà sang bên sau khi đã lợi dụng bà hết mức, coi như không có bà trong hoàng cung vì bà là hoàng hậu của pharaon đã bị nguyên rủa và không cho phép bà tham dự các nghi lễ của hoàng gia. Tôi nghĩ còn có những lý do khác khiến Nefertiti ghét Eje cha mình, nhưng tôi không muốn kể ra vì không dám chắc; tôi cũng không tin tất cả những lời đồn thổi ở hoàng cung, mặc dù tôi biết cung điện vàng của pharaon là một ngôi nhà tối tăm và bên trong những bức tường của nó ẩn chứa rất nhiều điều khủng khiếp. Tôi chỉ nói rằng sự hòa quyện giữa sắc đẹp và trí thông minh trong một người đàn bà mà trái tim đã bị thời gian làm chai cứng như đá là một sự kết hợp nguy hiểm, nguy hiểm hơn những lưỡi dao trần và cửa xé hơn lưỡi hái đồng gắn trên các cỗ chiến xa. Tôi cũng không tin trên thế gian có gì nguy hiểm và có sức hủy diệt gớm ghiếc hơn một người phụ nữ quá đủ xinh đẹp, quá đủ thông minh song thiếu thiện tâm. Mưu đồ mà Nefertiti đan dệt nên đã chứng minh quá rõ điều này và bà ta đã thuyết phục Công chúa Baketamon cùng can dự.

Kế hoạch xảo quyệt này đã bại lộ vì sau khi về đến Thebes, vì nôn nóng Horemheb bắt đầu lượn lờ quanh nơi ở của Công chúa Baketamon để có thể nhìn thấy và nói chuyện với nàng, mặc dù Baketamon không muốn tiếp anh ta. Horemheb bất ngờ nhận ra sứ giả của Hittite đang xin gặp Baketamon, ngạc nhiên khi thấy Baketamon tiếp sứ giả Hittite và ngạc nhiên khi vị ấy ở chỗ Công

chúa lâu đến thế. Vậy nên với quyền lực của mình, không cần hỏi ai, anh ta đã sai bắt giam sứ giả Hittite, còn viên sứ giả Hittite đẩy về hòm hĩnh đã đe dọa anh ta và nói với anh ta những lời mà chỉ những người chắc chắn về quyền uy của mình mới dám thốt ra.

Horemheb đã kể lại tất cả cho Eje và đêm đến, họ dùng vũ lực đột nhập vào cung thất của Baketamon, giết các nô lệ bảo vệ Công chúa và tìm thấy bức thư bí mật mà Baketamon đã giấu trong đồng tro của bếp than. Đọc xong những đĩa đất sét này, họ vô cùng kinh hoàng, nhốt Baketamon ngay trong cung của nàng và ra lệnh canh giữ cả Công chúa và Nefertiti thật nghiêm cẩn. Ngay đêm đó, họ đã đến nhà tôi, vốn là xưởng đúc đồng mà Muti đã thuê dựng lại sau trận hỏa hoạn với số bạc Kaptah gửi về. Họ đến trong đêm trên một chiếc kiệu đơn sơ, mặt che kín. Muti cho họ vào nhà dù ban đầu không nhận ra họ là ai và mắng nhiếc họ thậm tệ khi họ yêu cầu bà ấy đánh thức tôi dậy. Nhưng tôi chưa ngủ, bởi sau khi từ Syria trở về, tôi ngủ rất kém vì tất cả những gì tôi buộc phải thấy ở Syria. Vậy nên tôi nhồm dậy khỏi giường ngay khi tiếng càu nhàu của Muti chưa dứt, châm đèn và ra tiếp những người khách mà tôi nghĩ đang cần tôi chữa bệnh. Nhưng tôi vô cùng kinh ngạc khi nhận ra họ và sai Muti mang rượu cho chúng tôi rồi cho bà ta đi ngủ tiếp, mặc dù Horemheb sợ đến mức muốn giết Muti vì Muti đã nhìn thấy mặt họ và có thể nghe chuyện của chúng tôi. Tôi chưa bao giờ thấy Horemheb sợ hãi đến thế và điều này khiến tôi rất thích thú. Vì thế tôi nói:

- Chắc chắn tôi không để anh giết Muti, anh hẳn đang đau đầu nên mới nói những điều ngớ ngẩn thế. Muti già rồi, lại lãng tai và đêm ngủ ngáy như hà mã. Nếu để ý, anh sẽ nghe thấy tiếng ngáy của bà ta ngay đấy. Vì thế hãy uống rượu đi và tin rằng không cần phải sợ một bà già.

Nhưng Horemheb cúi kính nói:

- Sinuhe, tôi không đến đây để nói với anh về chuyện ngáy hay không. Mạng người ở đâu cũng như nhau thôi vì Ai Cập đang lâm nguy và anh phải cứu Ai Cập.

Eje xác nhận lời của Horemheb:

- Thật sự Ai Cập đang lâm nguy, Sinuhe ạ. Cả ta đây cũng đang gặp nguy hiểm và có lẽ từ trước đến nay chưa bao giờ có hiểm họa lớn như vậy đe dọa Ai Cập. Vì thế chúng ta cần tới anh trong cơn nguy khốn của mình, Sinuhe ạ.

Nhưng tôi chưa chát cười họ và xòe lòng bàn tay trống không của mình cho họ xem. Lúc ấy, Horemheb lấy ra những đĩa đất sét của vua Shubbiluliuma và đưa cho tôi đọc, anh ta cũng cho tôi xem cả bản sao của những bức thư mà Baketamon đã gửi đến Khattushash cho vua Hittite trước đình chiến. Đọc những bức thư này, tôi không còn cười được nữa và rượu mất hết vị trong miệng tôi, vì Baketamon đã viết cho quốc vương Hittite như sau:

“Tôi là con gái của Pharaon và dòng máu thiêng chảy trong huyết quản tôi, còn ở Ai Cập lại không có một người đàn ông nào xứng với tôi. Tôi nghe nói ngài có nhiều con trai. Vậy hãy cho một người trong số họ đến với tôi, để tôi cùng đập vỡ vò với người ấy và hãy để con trai ngài cùng tôi cai trị xứ Kemet.”

Bức thư này kỳ lạ đến mức lúc đầu một người cẩn trọng như Shubbiluliuma không thể tin ngay, nên đã gửi một đĩa đất sét cho Baketamon qua sứ giả bí mật của mình, lời lẽ đầy ngờ vực, hỏi Công chúa về các đòi hỏi của nàng. Nhưng Baketamon đã xác nhận lời đề nghị của mình trong một bức thư mới, khẳng định với quốc vương rằng vương triều Ai Cập đứng về phía nàng và các giáo sĩ Amon đều ủng hộ nàng. Bức thư này đã thuyết phục được Shubbiluliuma về ý muốn chân thành của Baketamon. Vì vậy, quốc vương đã vội vã đình chiến với Horemheb và hiện đang chuẩn bị cho con trai mình là Shubattu

đến Ai Cập. Shubattu sẽ rời Kadesh vào một ngày thuận lợi với rất nhiều quà tặng cho Baketamon và theo như đĩa đất sét cuối cùng, vị hoàng tử đang trên đường đến Ai Cập cùng đoàn hộ tống.

Trong khi tôi đọc những bức thư này, Eje và Horemheb bắt đầu cãi nhau. Horemheb nói với Eje:

- Đây là phần thưởng cho tất cả những gì tôi đã làm cho ông đây ư, đây là sự đền ơn cho công lao đánh bại quân Hittite và sự chịu đựng vô vàn gian khổ của tôi đây ư? Nói thật nhé, tôi hẳn sẽ được nhiều hơn nếu để lại Ai Cập một con chó mù để bảo vệ quyền lợi cho mình khi xông pha nơi biên ải, còn hơn ông, không có ích gì cho tôi hơn một kẻ dốt gái, cứ nằng nặc đòi tiền mà đến cái đít của cô ta cũng không cho tôi thấy. Đúng thật đấy Eje, ông là đồ rác rưởi nhất mà tôi từng gặp và tôi sẽ phải ân hận về cái ngày mà tôi đã nắm bàn tay đen đúa của ông để cấu kết với ông. Bây giờ tôi không còn cách nào khác ngoài việc cho quân bộ bắn thủ của tôi đánh chiếm Thebes và giành lấy cho mình cả hai vương miện.

Nhưng Eje giải thích:

- Các giáo sĩ không bao giờ chấp thuận điều đó, hơn nữa chúng ta vẫn chưa biết phe phái đó lớn đến mức nào và liệu Baketamon sẽ được bao nhiêu giáo sĩ và thành viên hoàng gia ủng hộ. Ta không thèm tính đến dân chúng, vì họ chỉ là những con bò bị ta buộc dây quanh cổ và bất cứ ai ta cũng có thể dắt đến chỗ nào mình muốn. Không, Horemheb, nếu Hoàng tử Shubattu đến Thebes và đập vỡ vò với Baketamon, quyền lực của chúng ta sẽ chấm dứt, mà chúng ta lại không thể ngăn chặn hắn bằng vũ lực, vì điều đó sẽ dẫn đến một cuộc chiến mới, trong khi Ai Cập lúc này không thể chịu thêm một cuộc chiến nào nữa bởi cuộc chiến mới sẽ phá tan quyền lực của chúng ta và xóa sạch mọi thứ chúng ta đã bỏ công gây dựng. Tôi đúng là một con chó mù,

nhưng việc thế này trước đây chưa từng xảy ra nên làm sao tôi có thể đoán được. Vì thế, Sinuhe sẽ phải giúp chúng ta.

- Lay tất cả thần linh Ai Cập, - tôi kinh ngạc kêu lên. - Làm sao tôi có thể giúp được các ông, vì tôi chỉ là một thầy thuốc, làm sao tôi có thể xoay cái đầu của người đàn bà điên về phía Horemheb được?

Horemheb nói:

- Anh đã một lần giúp chúng tôi, đâm lao thì phải theo lao, dù muốn hay không. Anh phải đi gặp Hoàng tử Shubattu và phải làm sao đó để hắn ta không đến được Ai Cập. Thực hiện điều đó bằng cách nào, chúng tôi không biết và thậm chí không muốn biết. Tôi chỉ nói là chúng ta không thể lộ liễu cho giết hắn ta trên đường đi vì điều đó sẽ gây nên một cuộc chiến mới với người Hittite, mà tôi muốn chính mình là người chọn thời gian bắt đầu một cuộc chiến mới.

Lời anh ta nói khiến tôi kinh sợ và đầu gối tôi bắt đầu run, tim tôi tan thành nước và lưỡi lú lại trong miệng khi tôi nói:

- Đúng là tôi đã một lần giúp các anh, cho dù tôi làm việc đó vì mình cũng như vì Ai Cập, nhưng hoàng tử này không làm điều gì xấu với tôi, chỉ một lần duy nhất tôi thấy anh ta ở gần lều của anh vào ngày Aziru bị hành quyết. Không, Horemheb, anh không biến tôi thành sát thủ được, tôi thà chết còn hơn vì không có tội ác nào đáng hổ thẹn hơn thế, và cho dù tôi đã cho Pharaon Ekhnaton uống tử thần, song tôi làm điều đó vì chính ngài, vì ngài bị bệnh và tôi là bạn của ngài.

Nhưng Horemheb cau mày và bắt đầu quất roi vào chân mình, còn Eje nói:

- Sinuhe, anh là người biết cân nhắc và thận trọng, vì thế chắc anh cũng hiểu rằng chúng ta không thể nhấn chìm cả vương quốc dưới tấm chiếu phủ thê của một thị nữ tính khí bất

thường. Hãy tin ta đi, không còn cách nào khác đâu. Hoàng tử Shubattu phải chết trên đường đến Ai Cập và hẳn chết vì tai nạn hay vì bệnh, việc đó không liên quan đến ta, miễn là hẳn chết. Vì vậy, anh phải lên đường đến sa mạc Sinai gặp hẳn ta ngay với vai trò danh y do Công chúa Baketamon cử đi đón hẳn ta và khám xem hẳn có thích hợp làm chồng hay không. Hẳn ta sẽ tin điều đó ngay và sẽ ân cần tiếp đón anh, hỏi anh rất nhiều về Baketamon, vì Hoàng tử cũng chỉ là con người và ta nghĩ hẳn đang rất tò mò tự hỏi Ai Cập sẽ trói buộc hẳn với một phù thủy như thế nào đây. Nay Sinuhe, nhiệm vụ của anh sẽ dễ dàng và anh sẽ không khinh rẻ những món quà mà việc này sẽ mang lại cho anh khi thành công vì khi xong việc, anh sẽ trở thành một người giàu có.

Horemheb nói:

- Hãy chọn nhanh đi, Sinuhe, sống hay chết. Anh phải hiểu là nếu anh từ chối, chúng tôi không thể để anh sống sau khi đã nghe tất cả những điều này, dù anh ngàn lần là bạn tôi. Bí mật này là bí mật của các pharaon, không ai được biết. Sinuhe, cái tên mà mẹ anh đã đặt cho anh là một điềm xấu, vì anh phải nghe quá nhiều bí mật của các pharaon. Chỉ cần để lộ một lời, tôi sẽ cắt ngang cổ anh từ tai này sang tai kia dù tôi không vui gì khi làm điều đó, bởi anh là người phụng sự chúng tôi tốt nhất và chúng tôi không thể giao việc này cho ai khác. Một tội ác chung đã trói anh vào với chúng tôi và cả tội ác này chúng tôi cũng sẵn sàng chia sẻ với anh, một khi anh nghĩ rằng cứu Ai Cập khỏi quyền uy của một người đàn bà điên và lũ Hittite là tội ác.

Thế là tôi thấy mình bị mắc kẹt trong một tấm lưới do chính mình đan và tấm lưới này thật chắc chắn, cầm tù tôi mà tôi không thể cắt bỏ bất cứ mắt lưới nào trong đó. Những việc tôi đã làm là sợi dây trói tôi mà chính tôi đã bện nó và một đầu sợi dây này đã được khâu từ những năm tháng xa xưa, luồn qua cái đệm Pharaon vĩ đại băng hà, xuyên qua lần Ptahor đến thăm bố Senmut của tôi năm ấy và được xỏ vào chiếc thuyền sậy dong

xuống dòng nước quanh hiu vào đêm tôi ra đời. Thế nhưng đúng vào lúc cho Pharaon Ekhnaton uống tử thần, tôi đã vĩnh viễn gắn chặt số phận mình với số phận của Horemheb và Eje, mặc dù lúc đó trong nỗi buồn đau và sự phẫn uất của mình, tôi không hề hay biết.

- Horemheb, anh thừa biết tôi không sợ chết, - tôi đáp lại, nhưng chỉ hoài công bảo vệ mình, vì cho dù tôi đã nói rất nhiều về cái chết, mời gọi cái chết đến với mình, nhưng thần chết vẫn là một vị khách ghê tởm, lạnh lùng trong đêm tối và tôi cũng không muốn một con dao cùn day day cửa cổ họng mình.

Tôi viết tất cả những điều này cho riêng mình nên tôi không tô vẽ bản thân và vì thế lấy làm hổ thẹn thú nhận rằng ý nghĩ về cái chết trong đêm đó đã làm tôi vô cùng sợ hãi, nhất là vì nó đến với tôi bất ngờ và tôi không kịp chuẩn bị đón nhận nó. Nếu có thời gian chuẩn bị, có thể tôi đã không sợ đến mức ấy. Nhưng rồi tôi nghĩ đến đàn én lao vun vút trên sông; tôi nghĩ đến rượu bến cảng; nghĩ đến món ngỗng quay kiểu Thebes của Muti và thấy cuộc sống bỗng trở nên ngọt ngào, đáng sống. Thế là tôi nghĩ đến Ai Cập và nghĩ rằng Ekhnaton phải chết để Ai Cập tồn tại, để Horemheb có thể dùng vũ khí đẩy lùi cuộc tấn công của Hittite. Nhưng Ekhnaton là bạn tôi, còn vị hoàng tử ngoại quốc này hoàn toàn xa lạ với tôi và chắc chắn đáng phải chết đến ngàn lần vì những tai họa anh ta gây ra trong cuộc chiến. Tại sao tôi lại không giết anh ta để cứu Ai Cập, vì tôi đã từng cho Ekhnaton uống thuốc độc để cứu Ai Cập. Tôi bắt đầu buồn ngủ rũ rượi và vừa ngáp vừa nói:

- Cất dao đi, Horemheb, vì chỉ nhìn thấy chiếc dao cùn thôi mà tôi đã sợ lắm rồi. Thôi được, tôi sẽ làm như anh nói. Tôi sẽ cứu Ai Cập khỏi sự cai trị của người Hittite, nhưng tôi thật sự chưa biết bằng cách nào làm được việc đó và tôi nghĩ mình cũng sẽ mất mạng thôi, vì chắc chắn người Hittite sẽ giết tôi nếu hoàng tử của họ chết. Nhưng tính mạng của tôi có nghĩa lý gì lắm đâu và tôi không muốn người Hittite cai trị Ai Cập, tôi làm việc này

không vì quà tặng hay những lời hứa tốt đẹp, mà tôi làm chỉ vì việc này đã được viết lên các vì sao ngay cả trước ngày tôi sinh ra và tôi không thể tránh được. Vì vậy, hãy nhận lấy vương miện của các người từ tay tôi, Horemheb và Eje, hãy cầm lấy vương miện của các người và hãy cầu nguyện cho tôi, vì tôi, thầy thuốc Sinuhe tầm thường, sẽ cho các người thành pharaon.

Khi nói điều này, tôi chỉ muốn bật cười thành tiếng vì ý nghĩ có lẽ dòng máu thánh chảy trong huyết quản tôi và tôi mới là người duy nhất có quyền thừa kế các pharaon, trong khi Eje vốn chỉ là một giáo sĩ mặt trời vô danh, còn cha mẹ của Horemheb có mùi của gia súc và pho mát. Tôi giơ tay che miệng, cười khúc khích như một cụ già và tự cười mình khi nghĩ rằng nếu trong tôi có đủ sự cứng rắn và hà khắc như trong Horemheb, hoặc sự lạnh lùng, xảo quyệt như trong Eje, có lẽ tôi đã có thể làm chủ cuộc đời mình, vừa chứng minh nguồn gốc vừa đòi quyền thừa kế ngai vàng của các pharaon. Trong thời kỳ đầy biến động như thế này, điều gì cũng có thể xảy ra, nhưng quyền uy làm tôi sợ hãi, vương miện đầm máu của các pharaon khiến tôi kinh hoàng và chảy trong huyết quản của tôi là dòng máu mặt trời hòa quyện với dòng máu hoàng hôn, yếu ớt của Mitanni. Vì thế tôi chỉ cười vào lòng bàn tay mình và không thể kìm được, vì khi bị tổn thương hay xúc phạm, tôi bắt đầu cười và khi sợ hãi, tôi đi ngủ. Ở điểm này, tôi nghĩ mình khác với nhiều người khác.

Tiếng cười của tôi làm Horemheb khó chịu, đến nỗi anh ta bắt đầu cau mày và quất roi vàng vào chân mình, nhưng Eje vẫn bình thản vì ông ta đã già và mệt mỏi, không quan tâm đến việc người khác cười hay khóc mà chỉ quan tâm đến chính mình. Vào lúc này, tôi thấy cả hai không còn khoác bộ lông sắc sảo của những ảo tưởng trên người và thấy họ như những tên cướp đang tước đoạt thân thể của một người Ai Cập đang hấp hối, tôi thấy họ như những đứa trẻ thích chơi đùa với vương miện và những biểu tượng quyền uy, ham muốn và tham vọng xiềng xích họ nên họ không bao giờ có thể hạnh phúc. Vì vậy, tôi đột nhiên nín lặng, nhìn về tương lai và nói với Horemheb:

- Horemheb, bạn của tôi, chiếc vương miện nặng lắm. Anh sẽ cảm nhận được điều đó vào buổi tối một ngày nắng nóng, khi đàn gia súc được lừa đến bờ sông uống nước và mọi tiếng ồn lắng tắt xung quanh anh.

Nhưng Horemheb nói:

- Anh hãy nhanh lên vì thuyền đang đợi và anh phải gặp Shubattu trong sa mạc Sinai trước khi anh ta cùng đoàn hộ tống kịp đến Tanis.

Thế là một lần nữa tôi buộc phải rời Thebes ngay lập tức vào lúc nửa đêm. Horemheb cấp cho tôi chiếc thuyền nhanh nhất của anh ta và tôi cho đưa tráp đồ dùng nghề y của mình lên thuyền cùng với phần ngỗng nướng kiểu Thebes còn lại mà Muti nấu cho tôi vào bữa tối. Tôi cũng cho mang rượu lên thuyền làm bạn đồng hành vì tôi không còn thật sự quan tâm đến những gì đã xảy ra với mình nữa.

2

Trên thuyền, tôi có thời gian suy nghĩ và khi đã nghĩ quá đủ, tôi tìm mọi cách cho thuyền đi nhanh hơn, như lấy gậy làm nhịp giục đội chèo thuyền và hứa cho họ thật nhiều quà. Vì càng nghĩ về công việc, tôi càng hiểu rõ hơn mối hiểm nguy lớn như đám mây cát đen ngòm bốc lên từ sa mạc đang đe dọa Ai Cập. Tôi có thể dễ dàng biện hộ cho mình rằng tất cả những gì tôi làm là vì Ai Cập, nhưng con người ta không dễ dàng biện minh cho việc làm của mình như vậy và rượu của hành động không bao giờ là rượu nguyên chất mà đã được pha. Tôi viết điều này cho chính mình, vì thế tôi thừa nhận rằng có lẽ tôi đã không làm việc này nếu đêm đó tôi không sợ khi cái chết đến nhà mình bất ngờ đến thế. Nhưng khi nhận làm việc này, tôi đã tô điểm cho nó bằng mọi cách và khoác cho nó chiếc áo lông sáng màu của ảo tưởng cho đến khi chính tôi cũng tin rằng

tôi đã cứu được Ai Cập bằng hành động của mình. Tuy nhiên khi về già, tôi không còn tin vào điều đó nữa, còn khi ngồi trên chiếc thuyền xuôi nhanh trên dòng sông, tôi rất vội và cơn sốt hành động hừng hực trong tôi, mí mắt tôi sưng mọng và tôi không thể ngủ được.

Tôi lại chỉ còn một mình và cô đơn hơn ai hết, vì tôi không thể để lộ mình thêm với bất kỳ ai và cũng không thể xin bất kỳ ai giúp mình trong việc phải làm này. Bởi bí mật của tôi là bí mật của các pharaon và nếu bị bại lộ sẽ có hàng ngàn, hàng vạn người phải chết. Vì vậy tôi phải tinh ranh hơn rắn và khi ý thức được rằng nếu bị lộ thì sẽ chết rất đau đớn trong tay quân Hittite, tôi buộc mình phải dùng thủ đoạn và mưu mẹo.

Vì thế, như có tiếng nói giục giã trong tâm, xui tôi hãy vứt bỏ tất cả và trốn đi, ẩn náu ở một nơi nào đó thật xa như Sinuhe, người trùng tên với tôi trong câu chuyện cổ, đã làm khi tình cờ biết được bí mật của pharaon, tôi chỉ muốn chạy trốn, để mặc cho định mệnh dang cao nhấn chìm Ai Cập và nếu tôi chạy trốn, có lẽ mọi việc đã khác và có lẽ thế giới ngày nay sẽ khác, nhưng thế giới sẽ tốt hơn hay xấu đi, tôi không thể nói. Nhưng khi tuổi tác nhiều hơn, tôi nhận ra rằng tất cả vua chúa cuối cùng đều giống nhau, tất cả các dân tộc cuối cùng đều giống nhau, không có sự khác biệt lớn ai là vua chúa và dân tộc này áp bức dân tộc kia, vì dân nghèo, nói cho cùng luôn phải chịu cực khổ. Vì thế, có lẽ cũng vậy thôi cho dù tôi để mọi việc cho gió cuốn đi và mình bỏ trốn. Nhưng nếu chạy trốn, chắc chắn tôi cũng sẽ không bao giờ hạnh phúc nữa. Tuy nhiên, cũng không có nghĩa là bây giờ tôi hạnh phúc hơn, bởi những tháng ngày hạnh phúc của tôi đã trôi qua cùng với tháng năm tuổi trẻ của mình.

Tôi đã không chạy trốn vì tôi yếu đuối, mà khi con người ta quá yếu mềm, họ thà để mặc cho ý chí của người khác dẫn dắt mình thậm chí vào những việc làm đáng sợ, hơn là tự lựa chọn con đường riêng của mình. Thật vậy, nếu con người ta quá yếu đuối, anh ta thà để mặc người khác dắt mình vào cỏi chết hơn là cố

gắng cắt bỏ sợi dây đang kéo mình, và tôi nghĩ có nhiều người yếu đuối và tôi không phải là người duy nhất.

Vậy nên Hoàng tử Shubattu phải chết và bên hũ rượu dưới cái lọng vàng trên thuyền, tôi ngồi moi hết kiến thức và tài năng để nghĩ cách giết anh ta sao cho việc làm của mình không bị bại lộ và Ai Cập không phải chịu trách nhiệm cho việc ấy. Đây là một việc khó khăn vì Hoàng tử Shubattu đi cùng đoàn hộ tống tương xứng với tước vị của anh ta và người Hittite vốn đa nghi nên chắc chắn sẽ canh phòng nghiêm ngặt để giữ an toàn cho Hoàng tử. Và cho dù nếu chúng tôi có đối đầu tay đôi ở sa mạc, tôi không thể giết anh ta bằng tên hay giáo nếu đủ sức làm vậy, vì tên và giáo sẽ để lại dấu vết và tội ác sẽ bị bại lộ. Tôi lại nghĩ liệu mình có thể rủ anh ta cùng đi tìm thần lằn chúa có mắt đá xanh lục rồi xô anh ta xuống hẻm núi, để rồi có thể kể là anh ta vấp chân và bị ngã gãy cổ. Nhưng mẹo này thật trẻ con và tôi biết đoàn tùy tùng sẽ không để anh ta vượt khỏi tầm mắt và vào sa mạc vì họ phải chịu trách nhiệm về tính mạng của anh ta trước vua cha là Shubbiluliuma Đại đế. Tôi gần như chắc chắn rằng mình sẽ không có cơ hội gặp riêng anh ta, và các đại thần Hittite luôn có gia nhân chuyên ném thức ăn và đồ uống để phòng độc tố nên tôi không thể đầu độc anh ta theo cách thông thường.

Vậy nên tôi nhớ lại trong đầu tất cả những chuyện kể về những độc dược bí mật của các giáo sĩ và trong hoàng cung. Tôi biết có những cách như cho độc tố vào trái cây từ lúc nó còn xanh trên cây và khi quả chín, người nào ăn nó sẽ chết. Tôi cũng biết có những cuộn giấy mà người mở ra sẽ chết từ từ, và hương thơm của một số loại hoa sau khi qua tay các giáo sĩ sẽ gây chết người. Nhưng tất cả đều là bí mật của các giáo sĩ mà tôi không thể biết và tôi nghĩ nhiều câu chuyện trong số này chỉ là giai thoại. Và cho dù chúng có thật đi nữa và chính tôi cũng biết cách, tôi không thể bắt đầu trồng cây ăn quả trong sa mạc; tôi biết Hoàng tử Hittite sẽ không tự mình gỡ cuộn giấy mà để việc đó cho thư

lại và người Hittite cũng không có thói quen ngửi hoa mà chỉ lấy roi quật đứt nhành hoa và lấy chân giẫm lên nó.

Càng nghĩ về tất cả những việc này, tôi càng thấy nhiệm vụ của mình quá khó khăn và ước ao giá mà tôi được những mưu mẹo của Kaptah trợ giúp, nhưng tôi không thể kéo Kaptah vào việc này, vả lại Kaptah còn ở lại Syria để đòi nợ chứ chưa vội trở về Ai Cập và ông ta cho rằng thời tiết Syria tốt cho ông ta hơn thời tiết Ai Cập. Vì vậy, tôi cố vận dụng tất cả óc sáng tạo và chắt lọc hết kiến thức nghề y của mình, vì tử thần là người quen của thầy thuốc và thầy thuốc có thể mời cái chết hay sự sống đến với bệnh nhân của họ bằng thuốc của mình. Nếu Hoàng tử Shubattu bị ốm và tôi được phép chữa trị cho ngài ta, tôi có thể an tâm điều trị cho ngài ta đến chết bằng các thao tác của nghề y mà không thầy thuốc thạo nghề nào có thể chê trách được điều gì về cách điều trị của tôi, vì từ xưa đến nay các danh y luôn hỗ trợ nhau chôn cất người chết. Nhưng Shubattu không bị bệnh và nếu có, anh ta sẽ để các thái y Hittite chữa trị chứ không gọi một danh y Ai Cập.

Tôi đã kể nhiều như vậy về những cân nhắc, tính toán của mình để cho thấy việc mà Horemheb giao cho tôi khó khăn đến mức nào, nhưng tôi không muốn nán ná lâu hơn với những gì mình nghĩ, mà sẽ chỉ kể những gì tôi đã làm. Trong Nhà Sống tại Memphis, tôi lấy thêm dược liệu vào tráp thuốc và không ai ngạc nhiên với những loại thuốc tôi kê đơn, vì một loại độc dược gây chết người đối với một người bình thường qua tay một danh y lại có thể là thuốc chữa bệnh.

Sau đó tôi liền đi ngay đến Tanis rồi lên kiệu ở đó và quân đồn trú cử một vài chiến xa hộ tống tôi đi theo đường chiến sự lớn xuyên qua Syria vào sâu trong sa mạc. Tôi muốn ngồi kiệu trong dáng vẻ một thầy thuốc và một người đã quá quen với tiện nghi nhàn nhã, để sự vội vàng quá mức của mình không làm đội hộ tống tôi và quân Hittite nghi ngờ.

Horemheb đã có những nguồn tin rất đúng về hành trình của Shubattu, vì tôi gặp anh ta và đoàn tùy tùng tại một nguồn nước có tường cao bao quanh cách Tanis ba ngày đường. Shubattu cũng ngồi kiệu để giữ sức và có rất nhiều lừa đi cùng, trên lưng chúng thồ những bao, gói nặng và nhiều món quà quý cho Công chúa Baketamon. Các chiến xa hạng nặng bảo vệ chuyển đi của anh ta và những chiến xa hạng nhẹ do thám, dò đường phía trước, vì vua Shubbiluliuma đã lệnh cho Hoàng tử đề phòng mọi điều bất ngờ do biết quá rõ rằng chuyển đi này sẽ khiến Horemheb tức tối. Nếu Horemheb định sai quân ô hợp đến ám sát Hoàng tử trong sa mạc, anh ta cũng không thể làm được, vì để đánh bại đoàn hộ tống Hoàng tử, phải cần đến một đội quân chính quy được trang bị chiến xa và điều đó có nghĩa là chiến tranh bùng nổ.

Nhưng quân Hittite tỏ ra rất lịch sự và đáng mến với tôi và các cai đội trong đoàn tùy tùng khiêm tốn của mình, theo cách mà họ lịch sự và đáng mến khi nghĩ mình được cho không thứ mà dùng vũ khí cũng không thể chinh phục được. Họ đón chúng tôi vào trại mà họ dựng để qua đêm, giúp những người lính Ai Cập dựng lều cho chúng tôi và cho rất nhiều lính canh đứng quanh các lều với lý do bảo vệ chúng tôi khỏi bọn cướp và sư tử sa mạc để đêm chúng tôi có thể ngủ yên. Nhưng khi biết tôi được Công chúa Baketamon cử đến, Hoàng tử Shubattu tò mò cho gọi tôi đến lều mình để nói chuyện với tôi.

Thế là tôi diện kiến Shubattu trong lều của ngài; Hoàng tử là một người trẻ trung, cương nghị, đôi mắt to và trong vắt khi không say, như lần đầu tiên tôi nhìn thấy ngài trước lều của Horemheb ở Megiddo vào buổi sáng Aziru bị giết. Niềm vui và nỗi tò mò làm khuôn mặt đen sạm của Hoàng tử hơi ửng hồng, mũi ngài là mũi chim săn mồi, to và kiêu hãnh, hàm răng lóe lên trắng nõn như răng thú ăn thịt khi ngài cười thật vui lúc thấy tôi. Tôi trao cho ngài thư của Công chúa Baketamon, bằng đất sét mà Eje đã giả mạo, hai tay để thẳng xuống đầu gối trước mặt ngài với tất cả sự tôn kính, như thể ngài đã là quốc vương của

mình. Tôi thấy rất buồn cười khi ngài ăn vận theo kiểu Ai Cập để tiếp tôi và thấy ngỡ ngàng trong bộ quần áo vì không quen. Ngài ta nói với tôi:

- Vì hoàng phi tương lai của ta đã tin tưởng ngươi và ngươi là danh y hoàng gia, ta sẽ không giấu ngươi bất cứ điều gì. Vậy nên ta nói rằng một hoàng tử khi kết hôn là đã trói buộc với vương phi của mình, vương quốc của ái phi ta sẽ là vương quốc của ta, phong tục của Ai Cập là phong tục của ta và ta đã cố gắng hết sức để làm quen và hiểu các tập quán đó nên ta không còn là người lạ khi đến Thebes. Ta cũng đang nóng lòng chờ đợi để được nhìn thấy tất cả các kỳ quan của Ai Cập mà ta đã nhiều lần nghe kể và được làm quen với các vị thần vĩ đại của Ai Cập mà từ nay cũng là thần của ta. Nhưng điều khiến ta nóng lòng nhất là được gặp hoàng phi vĩ đại của ta, vì ta phải lập ra một triều đại mới ở Ai Cập và cùng nàng sinh những đứa con. Vậy nên hãy kể cho ta tất cả về nàng, cho ta biết về kích cỡ, hình dáng cũng như vòng hông của nàng, như thế ta đã là người Ai Cập. Ngươi không được giấu ta bất cứ điều gì về nàng, mà ngươi có thể tin tưởng ta cũng như ta tin ngươi như anh trai mình.

Hoàng tử bày tỏ lòng tin của mình như thế trong khi viên lãnh binh vũ khí tuốt trần đứng sau ngài và toán lính Hittite gác ở cửa lều chĩa mũi giáo vào lưng tôi. Nhưng tôi cứ làm như không biết mà cúi rạp đầu sát đất trước mặt ngài ta và nói:

- Công chúa Baketamon quyền quý của tôi là một trong những phụ nữ xinh đẹp nhất Ai Cập. Vì dòng máu linh thiêng, Công chúa giữ gìn trinh tiết; tuy nhiều tuổi hơn ngài nhưng người có vẻ đẹp trường tồn với khuôn mặt như trăng rằm và đôi mắt hình trái xoan như hoa sen. Là một danh y, tôi có thể bảo đảm với ngài rằng hông của Công chúa vẫn sinh được con dù hẹp như hông của tất cả phụ nữ Ai Cập. Vì tất cả những việc này, Công chúa đã phái tôi đi đón ngài để người được thuyết phục rằng dòng máu hoàng tộc của ngài xứng với dòng máu thánh thiêng liêng của Công chúa và cơ thể ngài đáp ứng tất cả các yêu

cầu một người chồng cần có để ngài không làm người thất vọng và Công chúa đang nóng lòng đón chờ ngài bởi trong đời mình, Công chúa chưa bao giờ biết mùi đàn ông.

Hoàng tử Shubattu ưỡn ngực, giơ cùi chỏ lên ngang vai để phô bày bắp tay và nói với tôi:

- Cánh tay ta căng được cả những cây cung cứng nhất và hai bắp đùi ta có thể siết một con lừa tắt thở. Khuôn mặt ta cũng không có khiếm khuyết gì, như người thấy, thậm chí ta không nhớ nổi lần mình bị ốm lần gần đây nhất là khi nào.

Tôi nói với ngài ta:

- Ngài rõ là một chàng trai thiếu kinh nghiệm, không am tường phong tục Ai Cập, vì ngài tưởng công chúa Ai Cập là một cây cung để căng và một con lừa để kẹp giữa hai bắp đùi. Hoàn toàn không phải vậy, mà đúng là tôi phải giảng cho ngài một vài bài về nghệ thuật phòng the của người Ai Cập để ngài khỏi thấy thẹn thùng trước mặt Công chúa. Bà chủ của tôi, Công chúa quyền quý, đã sáng suốt khi sai tôi, một lương y, đi đón ngài để giới thiệu cho ngài những phong tục của người Ai Cập.

Lời nói của tôi đã thật sự xúc phạm Hoàng tử Shubattu, vì ngài là một chàng trai kiêu ngạo và luôn khoe khoang sức vóc đàn ông của mình như thói quen của người Hittite. Các lãnh binh của ngài ta phá lên cười và điều này càng xúc phạm ngài hơn, khiến mặt ngài tái nhợt vì tức giận và hai hàm răng nghiến ken két. Nhưng ngài muốn tỏ vẻ khoan dung theo cách Ai Cập nên nói về rất bình thản:

- Ta không phải là một chàng trai thiếu kinh nghiệm như người nghĩ mà ngọn giáo của ta đã đâm thủng nhiều bạch da và ta không nghĩ công chúa của người phải thất vọng khi ta dạy cho nàng nghệ thuật của người xứ Hatti.

- Thừa Hoàng tử, - tôi nói, - tôi tin vào sức mạnh của ngài, nhưng ngài hẳn đã nhầm khi nói ngài thậm chí không nhớ nổi lần cuối cùng mình bị bệnh là khi nào, vì là một thầy thuốc, tôi thấy từ mắt và má ngài rằng ngài đang bị bệnh và là một thầy thuốc, tôi biết bụng ngài lục đục làm ngài khó ở.

Nói cho cùng thì có lẽ ai cũng tin là mình có bệnh nếu bị buộc nghe đủ lâu về nó và bắt đầu nghe ngóng bệnh trạng của chính mình. Trong thâm tâm mỗi người, ai cũng mong được nuông chiều, được chữa trị, chăm sóc và các lương y từ cổ chí kim ai cũng biết điều này, nhờ vậy họ làm giàu rất nhanh. Nhưng trong việc này, tôi còn có thêm một lợi thế là tôi biết các nguồn nước ở sa mạc chứa dung dịch kiềm nên những ai không quen sẽ dễ bị tiêu chảy. Vậy nên Hoàng tử Shubattu rất kinh ngạc khi nghe tôi nói thế và hét lên:

- Chắc ngươi nhầm rồi, Sinuhe, Người Ai Cập ạ, bởi ta hoàn toàn không thấy mình bị ốm, dù phải thừa nhận rằng bụng ta luôn lục đục và ta đã buộc phải ngồi lom khom bên vệ đường suốt cả ngày. Mà thật không hiểu làm sao ngươi biết được, là danh y chắc chắn ngươi giỏi hơn thái y của ta, kẻ đã không lưu ý đến sự khó chịu của ta.

Ngài vừa tự nghe ngóng vừa thử đưa tay lên sờ mắt và trán rồi nói:

- Đúng là ta thấy mắt mình cay xè vì cả ngày chỉ nhìn chăm chăm vào cát đỏ sa mạc và trán ta nóng ran, tâm trạng không tốt như ta muốn.

Tôi nói với Hoàng tử:

- Tốt nhất là thái y của ngài kê cho ngài một toa thuốc giúp yên bụng và ngủ ngon. Vì chứng đau bụng ở sa mạc rất khó chịu và gây bất tiện. Bản thân tôi biết cả một đội lính Ai Cập đã chết trong sa mạc vì đau bụng khi hành quân đến Syria. Không ai biết chứng bệnh này do đâu, một vài người nói đó là do gió độc

sa mạc, những người khác lại bảo do nguồn nước và một số ít đổ lỗi cho các đàn châu chấu. Nhưng tôi tin sáng mai ngài sẽ lại khỏe mạnh và có thể tiếp tục cuộc hành trình nếu tối nay thái y của ngài pha cho ngài toa thuốc thích hợp.

Nghe đến đây, Hoàng tử bắt đầu trầm ngâm, hai mắt nheo nheo rồi ngài liếc nhìn các lãnh binh của mình và ranh mãnh nói với tôi như một cậu bé:

- Sinuhe, hãy pha cho ta một toa thuốc thích hợp vì chắc người biết chứng bệnh đau bụng kỳ lạ của sa mạc này tốt hơn thái y của ta.

Nhưng tôi không ngu ngốc như ngài ta nghĩ mà giơ tay lên, lòng bàn tay hướng ra từ chối và nói:

-Ồ không. Tôi không dám pha thuốc cho ngài, vì nếu thể trạng của ngài xấu đi, ngài sẽ buộc tội tôi và nói tôi là người Ai Cập muốn điều ác cho ngài. Nhưng thái y của ngài cũng làm được điều đó như tôi và tốt hơn tôi vì ông ta biết thể trạng và các bệnh trước đây của ngài, ông ta không cần phải làm gì khác hơn là kê cho ngài một toa thuốc đơn giản để làm bụng ngài chắc lại.

Hoàng tử mỉm cười với tôi và nói:

- Có lẽ lời khuyên của người có lý, vì ta muốn ăn và uống cùng người để người kể ta nghe về hoàng phi của ta và phong tục Ai Cập, chứ ta không muốn phải liên tục chạy ra sau lều lom khom giữa chừng câu chuyện của người.

Rồi ngài cho gọi thái y của mình, một người Hittite râu rậm, đa nghi, và chúng tôi, hai danh y, nói chuyện với nhau. Nhận thấy tôi không muốn ganh đua với mình, ông ta bắt đầu mến tôi và làm theo lời khuyên của tôi, pha thuốc làm chắc bụng cho Hoàng tử. Theo lời khuyên của tôi, ông ta pha liều thuốc này khá mạnh, vì tôi có mục đích của mình khi đưa ra lời khuyên này. Nhưng sau khi pha xong, ông ta uống trước từ trong cốc,

sau đó mới đưa cho Hoàng tử để đảm bảo rằng thuốc không độc. Từ cách pha chế và hòa các thuốc với nhau, tôi thấy ông ta là một thầy thuốc giỏi chuyên môn, nhưng lời tôi nói đã làm ông ta bối rối và tôi nghĩ ông ta tin tôi có tay nghề cao hơn nên đã nghe theo lời khuyên của tôi khi chữa cho bệnh nhân của mình.

Tôi biết Hoàng tử không bị ốm và không cần thuốc cũng khỏi, nhưng tôi muốn đoàn tùy tùng tin rằng ngài bị bệnh và muốn bụng ngài yên để thuốc mà tôi cho ngài uống sẽ ở yên trong bụng ngài, không bị thải ra trước thời gian tôi muốn. Trước bữa ăn mà Hoàng tử đã sai nấu để đãi tôi, tôi vào lều mình uống dầu ăn; bất chấp cơn buồn nôn và dù hết sức khó chịu, tôi uống đầy một bụng dầu để cứu mạng mình. Sau đó, tôi mang theo một cút rượu nhỏ chỉ vừa đủ cho hai cốc mà tôi đã pha thuốc độc và gán xi lại từ trước. Rồi tôi quay trở lại lều của Hoàng tử và ngồi xuống tám thảm của ngài, ăn thức ăn được đầy tớ phục vụ, uống rượu được những người tiếp rượu rót vào cốc và kể nhiều chuyện hài hước về phong tục Ai Cập làm cho Hoàng tử cùng các lãnh binh của ngài cười, dù suốt cả buổi tôi chỉ muốn nôn. Hoàng tử Shubattu thậm chí còn cười phô hàm răng sáng loáng và vỗ tay vào lưng tôi, nói:

- Sinuhe, ngươi là một người vui tính, dù là người Ai Cập. Thông hiểu Ai Cập rồi, ta sẽ cho ngươi làm thái y riêng của ta và phong ngươi là danh y hoàng gia. Đúng là ta đến nghệt thở vì cười và quên cả chứng đau bụng khi ngươi kể cho ta nghe về tục kết hôn của người Ai Cập, nhưng những phong tục này đều rất nhàm chán dù có đôi việc trong số đó khá hay đấy và ta nghĩ người Ai Cập tìm ra những cách này để tránh có con. Vì thế, ta muốn dạy cho người Ai Cập nhiều tập quán của người Hittite và cho các quan lại của ta làm người đứng đầu các địa phương Ai Cập; ta nghĩ điều này sẽ tốt cho Ai Cập, nhưng trước tiên ta phải trao cho Công chúa những gì thuộc về nàng.

Hoàng tử đã ngà ngà vì rượu, đập tay lên đầu gối và cười, nói:

- Nói thật, ta chỉ ước Công chúa đang nằm ngay đây trên thảm của ta vì những câu chuyện của người kích động ta ghê gớm, Sinuhe ạ, và ta muốn làm nàng rên lên vì sung sướng. Thề với trời cao thiêng liêng và mẹ đất vĩ đại, ta muốn cả Ai Cập reo lên vì vui sướng, bởi khi đất Hatti và Ai Cập hợp nhất thì không vương quốc nào trên thế giới có thể địch nổi uy quyền của chúng ta và chúng ta sẽ bắt cả bốn phương thế giới quy phục dưới trướng mình và quyền lực của chúng ta sẽ lan rộng từ đất này sang đất khác, từ biển này đến biển kia. Nhưng trước hết, Ai Cập phải lấy sắt kìm cặp thân thể mình, để lửa nung đốt trái tim mình, để tất cả người Ai Cập đều tin rằng cái chết tốt hơn sự sống. Hãy để tất cả những điều này xảy ra và xảy ra thật nhanh.

Hoàng tử nâng cốc lên và uống, rồi lại rót một ít rượu xuống mẹ đất và hất chỗ rượu còn lại trong cốc lên không trung để dâng cúng trời cao. Tất cả những người Hittite đều đã ngà ngà say và những câu chuyện vui tôi kể đã xua tan sự đa nghi trong họ. Thừa lúc ấy, tôi nói:

- Thưa Hoàng tử Shubattu, tôi không muốn xúc phạm ngài và rượu của ngài, nhưng chắc là ngài chưa từng thưởng thức rượu Ai Cập, vì nếu ngài đã một lần nếm rượu Ai Cập, tất cả các loại rượu khác sẽ nhạt như nước trong miệng ngài và ngài sẽ không còn thấy thích bất kỳ loại rượu nào khác. Vì vậy, xin Hoàng tử tha thứ cho tôi nếu tôi uống rượu của mình, vì tôi chỉ say được bằng rượu của chính mình. Bởi vậy tôi luôn mang theo rượu của mình trong các bữa tiệc.

Tôi lắc lắc cốc rượu của mình rồi rề rà mở xi gấn miệng cốc cốt để cho Hoàng tử thấy và vừa giả đồ ngà ngà say, vừa rót rượu vào cốc mình rồi uống và nói:

- À, đây là rượu của Memphis, rượu của các kim tự tháp, cân đo bằng vàng, một loại rượu mạnh, ngọt và dễ say của Ai Cập mà không loại rượu nào trên thế gian này sánh nổi.

Rượu này quả là rất mạnh và ngon, và tôi đã hòa nó với mộc dược khiến mùi thơm lan khắp căn lều khi tôi mở nắp cút, nhưng qua mùi rượu và mộc dược, tôi cảm nhận được vị tử thần trong lưỡi mình. Vì thế, rượu trào xuống cằm khi tôi uống, còn người Hittite lại nghĩ rằng tôi đã say. Hoàng tử Shubattu trở nên tò mò và chìa cốc của mình cho tôi, nói:

- Đây, ta không còn là người lạ với người nữa, mà ngày mai ta là chủ người và pharaon của người. Vì vậy, hãy để ta nếm thử rượu này, vì nếu người không cho ta nếm, ta không tin nó đặc biệt như người nói.

Nhưng tôi áp chặt cút rượu vào ngực mình, cương quyết từ chối và nói:

- Chỗ rượu này không đủ cho hai người và tôi không còn loại rượu ngon này để mang theo mình nữa, mà tối nay tôi muốn uống say vì đây là ngày vui với tất cả mọi người Ai Cập và là ngày hợp nhất vĩnh cửu Ai Cập và vương quốc Hatti.

- Hi ha ha, - tôi vừa hít hà như một con lừa vừa ôm chặt cút rượu vào lòng và nói. - Người yêu của ta, hôn thê của ta, tình yêu bé bỏng của ta, cổ họng ta là nhà của nàng, dạ dày ta là tổ ấm của nàng và ta sẽ không để người lạ nào chạm vào nàng.

Đám tùy tùng Hittite gập lưng cười ngặt nghẽo, tay đập vào đầu gối, còn Shubattu, vốn luôn có được mọi thứ mình muốn, giơ cốc về phía tôi và năn nỉ tôi cho ngài được nếm rượu của tôi. Cuối cùng, tôi vừa khóc vừa rót hết rượu từ trong cút ra đầy cốc của ngài. Thật dễ để khóc vào giây phút ấy vì tôi vô cùng sợ hãi.

Nhưng khi đã có rượu rồi, Shubattu nhìn xung quanh như thể bản năng vừa cảnh báo và theo cách của người Hittite, ngài đưa cốc cho tôi và nói:

- Hãy uống trước nào, vì người là bạn của ta và ta muốn tỏ rõ sự ưu ái với người.

Hoàng tử nói vậy vì cũng thấy gương nếu để lộ sự đa nghi của mình và bắt người nếm rượu của mình uống trước. Tôi uống một ngụm dài từ cốc của ngài và sau khi tôi uống, Hoàng tử dốc cạn cốc, nhấp nhấp miệng và nghiêng nghiêng đầu lắng nghe cơ thể mình rồi nói:

- Sinuhe, đúng là rượu của người rất mạnh, bốc lên đầu như khói và cháy như lửa trong dạ dày ta, nhưng vị chất nằm lại nơi miệng ta và ta muốn súc cái vị này của Ai Cập ra khỏi miệng mình bằng rượu của miền núi cao.

Hoàng tử lại rót đầy cốc bằng rượu của mình rồi uống cạn và tôi biết độc dược sẽ chưa ngấm vào ngài ngay mà phải đến sáng, vì dạ dày của ngài chắc và ngài đã ăn rất nhiều.

Tôi uống nhiều rượu, hết trữ lượng của mình, và giả vờ say, rồi đợi khoảng nửa thời gian đồng hồ nước nữa trước khi cho dìu về lều của mình để tránh gây nghi ngờ cho người Hittite. Khi khoảng thời gian thích hợp trôi qua, tôi mới bảo họ đưa tôi về lều mình, tay ôm chặt cốc rượu không vào ngực không rời, không bỏ quên lại để họ không thể kiểm tra. Nhưng ngay sau khi lính Hittite đặt tôi xuống giường, nói vài lời chọc ngoáy, đùa cợt rồi bỏ tôi lại một mình, tôi vội vàng nhồm dậy, đút ngón tay vào cổ họng để nôn cho rỗng dạ dày, cho ra hết dầu ăn bảo vệ và chất độc khỏi dạ dày. Nhưng nỗi kinh hoàng của tôi quá lớn khiến mồ hôi túa ra đầm đìa khắp người và đầu gối tôi run rẩy, và có lẽ chất độc đã phần nào ngấm vào tôi. Vì vậy tôi súc dạ dày mình nhiều lần và uống thuốc xổ để nôn thốc nôn tháo hết lần này đến lần khác cho đến khi tôi nôn chỉ vì sợ chứ không phải do thuốc tẩy ruột.

Cho đến khi kiệt sức, mềm nhũn như một mớ giẻ ứớt, tôi mới rửa sạch cốc rượu rồi đập nó vỡ vụn và chôn các mảnh trong cát. Sau đó, tôi nằm trên giường trần trọc và run bần bật vì sợ hãi và vì độ mạnh của độc dược; từ trong bóng tối, khuôn mặt tươi cười và đôi mắt to trong suốt như nước của Shubattu nhìn tôi

suốt đêm. Bởi ngài là một chàng trai khôi ngô, và tôi không thể quên được khuôn mặt ngài khi nằm trong bóng tối, tôi không thể quên được nụ cười kiêu hãnh và vô tư cũng như hàm răng trắng đều của ngài.

3

Tính kiêu ngạo của người Hittite đã giúp tôi, vì khi Shubattu thấy khó chịu vào sáng hôm sau, ngài không muốn thừa nhận mình bị ốm hay cho dừng cuộc hành trình để nghỉ ngơi vì chứng bệnh dạ dày, mà đã ngồi kiệu đi, dù phải cố sức lắm mới lên được kiệu. Vì thế chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình cả ngày và khi tôi đi qua kiệu của Hoàng tử, ngài vẫy tay về phía tôi, hét gọi và gượng cười. Hôm đó, thái y riêng đã cho ngài thêm hai loại thuốc chống tiêu chảy và giảm đau, như thế chỉ làm bệnh ngài nặng thêm và làm độc dược ngấm vào dạ dày ngài hết mức, vì biết đâu chứng bệnh tiêu chảy nặng vào buổi sáng đã có thể cứu sống ngài.

Nhưng đến chiều, Hoàng tử nằm bất tỉnh trên kiệu, mắt trợn ngược, mặt hõm xuống và tái xanh khiến thái y của ngài vô cùng hoảng sợ và gọi tôi đến giúp. Cả tôi cũng hết hoảng khi thấy thể trạng tiêu tụy của ngài, mà tôi cũng không cần giả vờ kinh hoảng, vì nỗi sợ hãi đã khiến tôi lạnh cóng giữa ban ngày và vì độc dược nên tôi thấy người rất yếu. Nhưng tôi nói mình đã nhận biết các triệu chứng ấy và là của chứng bệnh dạ dày nơi sa mạc mà tôi đã cảnh báo Shubattu tối hôm trước qua vẻ mặt ngài, mặc dù ngài không tin tôi. Đoàn lữ hành dừng lại và chúng tôi chăm sóc Shubattu trên kiệu của ngài, cho ngài uống thuốc hồi sức, thuốc tẩy và chườm đá nóng lên bụng ngài; từ đầu đến cuối, tôi nhìn xem danh y Hittite trộn thuốc thế nào và cạy hai hàm răng nghiền chặt của ngài ra để đổ thuốc buộc ngài uống. Tôi biết ngài sắp chết và muốn dùng hết khả năng xoa dịu cơn đau cho ngài với những lời khuyên và để ngài chết dễ dàng vì tôi không thể làm gì hơn cho ngài.

Tối đến, chúng tôi khiêng Hoàng tử về lều của ngài, đoàn tùy tùng Hittite bắt đầu kêu van, than khóc xung quanh lều, xé quần áo, rắc cát lên tóc và dùng dao tự gây thương tích, vì họ sợ cho tính mạng mình và biết rõ vua Shubbiliuma sẽ không tha cho họ nếu Hoàng tử chết. Tôi túc trực bên cạnh giường Hoàng tử Shubattu cùng với danh y Hittite, khói từ những ngọn đuốc bay ra khiến mắt tôi cay xè, nước mũi chảy và tôi nhìn chàng trai trẻ đẹp này hôm qua còn mạnh mẽ, khỏe mạnh và hạnh phúc, hôm nay đã từ từ tàn lụi và trở nên xấu xí, xanh xao trong mắt tôi.

Tôi nhìn Hoàng tử đang chết, đôi mắt sáng như ngọc của ngài mờ dần và bắt đầu rỉ máu, hai con ngươi chỉ còn là hai chấm đen nhỏ bằng đầu kim. Nước giải và chất nhầy làm cho răng ngài ố vàng, làn da mất đi sắc khỏe khoắn, dán chặt vào hõm má và ngài nắm chặt bàn tay thành nắm đấm, ấn móng tay vào lòng bàn tay trong cơn đau. Thái y Hittite liên tục khám, kiểm tra bệnh tình của ngài trong tuyệt vọng và đầy nghi ngờ, nhưng các triệu chứng của ngài không khác với các triệu chứng của bệnh dạ dày khi trở nặng và những gì mà căn bệnh dạ dày tai quái có thể gây ra đều xảy ra với ngài. Vì vậy không ai nghĩ đến độc dược, mà dù có nghĩ đến, họ cũng không thể buộc tội tôi, vì tôi đã cùng uống rượu đó và uống từ cốc của ngài nên họ không nghĩ ra bất cứ cách gì tôi có thể dùng để bí mật đầu độc Shubattu. Tôi đã tinh vi thực hiện nhiệm vụ của mình vì lợi ích to lớn của Ai Cập, nên lẽ ra tôi có thể tự hào về tài năng của mình, nhưng tôi hoàn toàn không hãnh diện về điều đó khi nhìn Hoàng tử Shubattu đang lịm dần.

Sáng hôm sau, khi cái chết cận kề, ngài tỉnh lại và như đứa trẻ bị ốm, khẽ gọi mẹ. Hoàng tử khẽ khàng rên rỉ và gọi: “Mẹ ơi! Mẹ ơi! Mẹ xinh đẹp của con ơi!”. Bàn tay ngài yếu ớt siết chặt ngón tay tôi và cái chết hiện ra trong mắt ngài. Nhưng khi cái chết đến gần hơn và những cơn đau dịu đi, Hoàng tử nở nụ cười trẻ thơ rạng rỡ và ngài nhớ ra rằng mình mang dòng máu hoàng gia. Vì

thế, Hoàng tử gọi các lãnh binh dẫn đoàn tùy tùng lại gần và nói:

- Không được buộc tội bất kỳ ai về cái chết của ta vì tử thần, chứng bệnh dạ dày nơi sa mạc, đã đến bên ta và danh y giỏi nhất xứ Hatti cùng danh y Ai Cập tài năng nhất đã chữa trị cho ta. Nhưng tài năng của họ không thể giúp ta, vì ý định của trời cao và mẹ đất là ta phải chết; chắc chắn sa mạc không thuộc quyền năng của mẹ đất mà thuộc về thần linh Ai Cập và bảo vệ Ai Cập. Vì vậy, tất cả các người phải biết rằng đã là người Hittite thì không vào sa mạc và cái chết của ta là bằng chứng về điều này. Sự thất bại của các cỗ chiến xa của chúng ta trong sa mạc cũng là bằng chứng về điều này cho dù chúng ta đã không tin. Vì vậy, hãy cho các danh y món quà xứng với tước hiệu của ta khi ta chết, và người, Sinuhe, hãy chào Công chúa Baketamon giúp ta, hãy nói rằng ta giải thoát cho nàng khỏi lời hứa của mình và ta vô cùng tiếc nuối vì không thể bế nàng lên giường cưới của mình để tận hưởng niềm khoái lạc của hai ta. Đúng thế, hãy chuyển lời chào này của ta đến nàng, vì khi ta đi vào cõi chết, nàng hiện lên lảng đãng trong các giấc mộng của ta như nàng công chúa trong những câu chuyện thần tiên và ta sẽ chết với vẻ đẹp trường tồn của nàng trong mắt mình, mặc dù ta chưa bao giờ được tận mắt thấy nàng.

Hoàng tử mỉm cười khi chết, như thể sau những cơn đau dữ dội, cái chết đến với ngài như hạnh phúc rạng ngời và đôi mắt mờ dần của ngài thấy những linh ảnh kỳ diệu trước khi khép hẳn lại. Tôi run lên khi nhìn ngài và lúc ấy, tôi thấy ngài chỉ là một con người giống như tôi và tôi cũng không còn nghĩ về sắc tộc, tiếng nói hay màu da của ngài, mà chỉ biết ngài đã chết qua tay tôi và vì sự độc ác của tôi, mặc dù là một con người, ngài là anh em của tôi. Trái tim đã chai cứng của tôi, vì tất cả những cái chết mà tôi phải chứng kiến trong suốt cuộc đời, nay lại run lên khi nhìn Hoàng tử Shubattu tắt thở. Vì vậy, nước mắt tôi trào ra chảy dài xuống má; tôi xé quần áo và gào lên: “Người ơi, người anh em của tôi ơi, đừng chết!”.

Nhưng tôi không thể làm được gì nữa với cái chết của Hoàng tử, đoàn tùy tùng đã cho thi thể ngài ngập trong rượu mạnh và mật ong để có thể chuyển thi thể đến khu lăng mộ của hoàng gia Hittite ở vùng núi Khattushash, nơi chim ưng và chó sói canh giữ giấc ngủ vĩnh hằng của các vị vua. Họ vô cùng cảm động trước nỗi đau xót và những giọt nước mắt chân thành của tôi và thể theo yêu cầu của tôi, họ vui lòng viết lên đĩa đất sét những dòng chứng thực rằng tôi hoàn toàn không có lỗi gì trong cái chết của Hoàng tử Shubattu mà đã đem hết tài năng, kiến thức để cứu ngài khỏi cái chết do căn bệnh gây ra. Họ viết lời xác nhận này bằng chữ viết Hittite và ấn triện riêng của họ rồi đóng ấn triện của Hoàng tử Shubattu xuống phía dưới dòng chữ, để không tai họa nào giáng xuống đầu tôi ở Ai Cập vì cái chết của Hoàng tử. Họ nhìn nhận Ai Cập theo tập quán của mình và tin rằng Công chúa Baketamon sẽ cho giết tôi khi tôi trở về Ai Cập báo tin Hoàng tử Shubattu đã chết.

Thế là tôi đã cứu Ai Cập khỏi ách cai trị của Hittite bằng việc làm của mình và lẽ ra tôi phải hài lòng với điều ấy, nhưng tôi hoàn toàn không hài lòng, mà chỉ có cảm giác rằng cái chết luôn theo dấu chân tôi bất cứ nơi nào tôi đến. Tôi lớn lên thành thầy thuốc để chữa bệnh cho mọi người bằng kỹ năng của mình và gieo trồng sự sống thay vì cái chết, nhưng bố và mẹ tôi đã chết vì tội lỗi của tôi, Minea chết vì sự yếu đuối của tôi, Merit và bé Thoth chết vì sự mù quáng của tôi và Pharaon Ekhonaton chết vì sự căm giận của tôi, vì tình bạn của tôi và vì Ai Cập. Tất cả những người tôi yêu quý đều chết đau đớn, tức tưởi vì tôi. Rồi cả Hoàng tử Shubattu cũng chết vì tôi, mặc dù tôi quý mến ngài khi ngài hấp hối và không còn muốn ngài chết nữa. Vì vậy, tôi bắt đầu sợ cả đôi mắt lẫn đôi tay mình khi tôi trở lại Tanis và tin rằng tai họa sẽ theo tôi tới bất cứ nơi nào tôi đến.

Tôi quay trở lại Tanis rồi từ đó dong buồm đến Memphis và từ Memphis, tôi trở lại Thebes. Ở Thebes, tôi cho thuyền cập vào bến thuyền hoàng cung rồi đến trước Eje và Horemheb. Họ đón tôi và tôi nói với họ:

- Ý muốn của các ông đã thành hiện thực. Hoàng tử Shubattu đã chết trong sa mạc Sinai và bóng đen từ cái chết của anh ta sẽ không phủ xuống Ai Cập.

Họ vô cùng vui mừng trước lời tôi nói và Eje lấy sợi dây chuyền vàng của nhiếp chính đang treo trên cổ mình đeo vào cổ tôi, còn Horemheb nói:

- Hãy kể điều này với cả Công chúa Baketamon, vì nàng sẽ không tin nếu chúng tôi kể cho nàng mà cứ nghĩ tôi đã cho giết Hoàng tử Hittite vì ghen tuông.

Tôi đến gặp Công chúa Baketamon và nàng tiếp tôi. Nàng đã tô má và môi màu đỏ gạch, nhưng tử thần rình rập trong đôi mắt sẫm màu hình trái xoan của nàng. Tôi nói với Công chúa:

- Thưa Công chúa, người cầu hôn Công chúa, Hoàng tử Shubattu, đã giải thoát Công chúa khỏi lời hứa của mình trước khi chết, vì người đã chết trong sa mạc Sinai vì bệnh dạ dày, mà với tất cả tài năng của mình, tôi đã không cứu được người và cả danh y riêng của người cũng đành bó tay.

Công chúa tháo những chiếc vòng vàng ra khỏi cổ tay mình, xâu chúng vào cổ tay tôi và nói:

- Sinuhe, tin người vừa báo là tốt đấy và ta cảm ơn người đã báo, vì ta đã được thụ phong làm nữ tu Sekhmet và bộ xiêm áo màu đỏ của ta đã được dệt và thêu cho lễ mừng chiến thắng. Tuy nhiên, ta bắt đầu hiểu quá rõ về chứng bệnh dạ dày Ai Cập này và ta cũng biết cả em trai ta, Pharaon Ekhнатon, người ta yêu như người chị yêu em, đã chết vì cùng căn bệnh. Vì vậy, người ngàn đời đáng bị nguyên rủa, Sinuhe ạ, mồ mả người bị nguyên rủa, tên tuổi người mãi mãi bị lãng quên, vì người đã biến ngai vàng của các pharaon thành sân chơi của phường trộm cướp và người làm ô nhục dòng máu thánh của các pharaon trong ta.

Tôi cúi đầu thật thấp và đặt hai tay lên ngang đầu gối trước mặt Công chúa và nói:

- Hãy coi chuyện xảy ra như lời Công chúa nói.

Rồi tôi rời khỏi cung thất của Công chúa và nàng liền sai nô tỳ theo sau tôi quét sạch sàn cho đến bậc cửa của hoàng cung.

4

Trong thời gian này, thi thể của Pharaon Tutankhamon đã được tắm ướp xong để trường tồn với cái chết, và Eje vội vàng sai các giáo sĩ chuyển ngài đến lăng mộ vĩnh cửu của ngài, được đào và xây bằng đá ở vùng núi phía tây trong thung lũng lăng mộ của các pharaon. Ngài nhận được rất nhiều quà nhưng kho báu của ngài rất khiêm tốn, vì Eje đã lấy trộm mất phần lớn; mộ của ngài thật nhỏ nhoi bên cạnh mộ của các pharaon vĩ đại và nghi thức an táng cũng đơn giản, vô vị như cuộc sống của ngài giữa các món đồ chơi của mình trong hoàng cung. Sau khi đóng niêm phong lên cửa mộ ngài xong, Eje tuyên bố mãn tang, sai kéo cờ hiệu vui lên các cột của Đại lộ Nhân Sư, còn Horemheb cho các chiến xa của mình đến chiếm giữ tất cả các quảng trường và các giao lộ của Thebes. Nhưng không ai nổi dậy phản đối Eje lên ngôi pharaon, vì dân chúng đã mệt mỏi và kiệt sức như con thú bị những mũi giáo đâm chọc, dồn đuổi dọc suốt con đường dài vô tận, cũng không ai hỏi ông ta có quyền gì với vương miện hay mong đợi điều gì tốt lành từ ông ta.

Thế là Eje trở thành pharaon và các giáo sĩ mà ông ta mua chuộc với vô số quà cáp đã xúc dầu thánh cho ông ta trong đền cả, đội lên đầu ông ta vương miện màu đỏ và trắng, vương miện có hình giấy cói và hoa huệ, vương miện của vương quốc Hạ và vương quốc Thượng. Ông ta được rước ra trước dân chúng trên chiếc thuyền vàng của Amon, dân chúng hét lên ca ngợi ông ta vì ông ta đã sai phát cho họ bánh và bia là món quà quý hiếm

với người dân Thebes, vì Ai Cập đã trở nên nghèo đến thế. Nhưng tôi biết và nhiều người khác cũng biết rằng quyền uy của ông ta chỉ là ảo mộng và từ nay Horemheb sẽ trở thành người cai trị thật sự của Ai Cập vì phía sau anh ta có cả rừng cung và giáo. Nhiều người thậm chí kinh ngạc tại sao Horemheb lại không nắm lấy quyền về tay mình mà lại để Eje già nua và bị căm ghét thừa kế ngai vàng của các pharaon.

Nhưng Horemheb biết rõ những gì anh ta làm, vì cơn thịnh nộ của dân chúng vẫn chưa nguôi, đau khổ của Ai Cập vẫn chưa dứt, trong khi những nguồn tin khẩn cấp từ xứ Kush báo về đã kéo anh ta vào một cuộc chiến khác chống lại người da đen. Sau khi ổn định quyền lực của Ai Cập ở miền nam và cho chôn lại những cột đá mốc biên giới ở bên kia các dốc núi, anh ta biết mình phải đương đầu với một cuộc chiến khác với Hittite và Syria. Vì vậy, anh ta muốn dân chúng kết tội Eje về tất cả những đau khổ, đói khát mà họ phải chịu và vào một lúc nào đó sau này sẽ ca ngợi anh ta, Horemheb, người chiến thắng, người đem lại hòa bình và là một quốc vương khả kính.

Eje không nghĩ như thế, mà quyền uy và sự lộng lẫy của những chiếc vương miện đã làm ông ta hoa mắt và ông ta hoan hỉ thực hiện bốn phận của mình trong giao kèo đã mặc cả với Horemheb vào ngày Pharaon Ekhnaton tạ thế. Vậy nên các giáo sĩ đã long trọng rước Công chúa Baketamon đến đền thờ Sekhmet, mặc cho nàng chiếc áo choàng đỏ của nữ thần, trang điểm cho nàng những đồ trang sức của nữ thần và nâng nàng lên bệ thờ Sekhmet. Horemheb cùng các đội quân của anh ta đến ngôi đền ăn mừng chiến thắng trong cuộc chiến chống Hittite và giải phóng Syria vừa qua. Cả Thebes reo mừng chiến công của anh ta và trước ngôi đền, anh ta phân phát vòng vàng và huy chương cho binh lính rồi cho họ đi vào thành phố. Sau đó, anh ta bước vào đền và các giáo sĩ đóng cánh cổng bằng đồng lại phía sau anh ta. Sekhmet xuất hiện trước mặt anh ta trong hình hài Công chúa Baketamon và anh ta đón nhận phần

của mình, vì anh ta là một người lính và anh ta đã chờ đợi rất lâu.

Đêm đó, Thebes mừng lễ hội Sekhmet, ánh đuốc và đèn đỏ rực trên bầu trời Thebes; đoàn bộ bắn thủ của Horemheb uống cạn tất cả các quán rượu và quầy bia, phá cửa các nhà thổ và làm đám con gái khóc văng khắp các đường phố. Nhiều người bị thương vào đêm hôm đó và lính tráng đốt vài ngôi nhà trong lúc ăn mừng, nhưng không có thiệt hại lớn nào xảy ra và vào sáng sớm, binh lính lại kéo đến tập trung trước đền Sekhmet để được thấy Horemheb bước ra khỏi đền. Họ reo hò âm ỉ, mắng mỏ và chửi rủa tục tũ bằng nhiều thứ tiếng vì quá ngạc nhiên khi thấy cánh cổng đồng từ từ mở ra và Horemheb xuất hiện, mặt, tay, và vai đầy những vết xước tóe máu như thể bị một con sư tử cào cấu bằng móng vuốt của nó, vì quả thật Sekhmet đã rất trung thành với hình đầu sư tử cái của thần. Điều này khiến binh lính của anh ta vô cùng phấn khích, vì thế họ càng yêu quý anh ta hơn. Nhưng các giáo sĩ đã đưa Công chúa Baketamon đến bờ sông trong một chiếc kiệu bịt kín và Công chúa trở lại hoàng cung mà không xuất hiện trước dân chúng.

Công chúa đi rồi, binh lính xông vào đền, gom nhặt những mảnh xiêm áo đỏ của Công chúa vương vãi trên nền, chia cho nhau để làm kỷ niệm và lấy những mảnh vải ấy làm bùa chú khi tán tỉnh những người đàn bà không thích họ. Đêm tân hôn của Horemheb bạn tôi diễn ra như vậy và anh ta vui sướng đến mức nào tôi không thể biết, vì ngay sau đó Horemheb đã tập hợp các đội quân của mình và kéo đến dốc núi đầu tiên ở phía nam để bắt đầu cuộc chiến mới trên đất Kush. Còn các giáo sĩ của Sekhmet không thiếu đồ hiến tế, trong lúc anh ta giao chiến mà họ béo ra và phồng, phù lên với quá nhiều thịt và rượu trong đền.

Giáo sĩ Eje vô cùng sung sướng, lóa mắt trước quyền uy của mình và nói với tôi:

- Không còn ai cao hơn ta ở miền đất Kemet này, và ta sống hay ta chết có gì khác đâu, vì pharaon không bao giờ chết mà sống mãi muôn đời và nếu ta có chết, ta sẽ lên thuyền vàng của Amon cha ta và dong buồm trên bầu trời đến thẳng miền tây. Điều này thật tuyệt vời vì ta không muốn Osiris cân đo trái tim ta trong chiếc cân của thần, và các bồi thẩm của thần, toàn khỉ đầu chó chính trực, có thể đưa ra những lời buộc tội tệ hại chống lại ta và ném cha ta vào hòng Hà Bá. Vì ta đã già rồi và đêm đêm những việc ta đã làm nhìn ta từ trong bóng tối. Vì thế, ta rất hài lòng khi mình là pharaon và không còn phải sợ cái chết.

Ông ta đã nói với tôi như thế vì việc làm của tôi đã trói chặt tôi với ông ta, và tôi không thể nói xấu ông ta mà không nói xấu chính mình. Ông ta đã già và mệt mỏi, đầu gối run rẩy trong mỗi bước đi, khuôn mặt già nua nhăn nheo và mái tóc đen đã nhuộm bạc. Vì thế, ông ta cảm thấy cô đơn và tìm đến tôi vì những tội ác chung đã trói buộc chúng tôi với nhau và ông ta không giấu tôi điều gì. Nhưng tôi cười chua chát và chế nhạo ông ta:

- Ông là một lão già và tôi đã nghĩ ông khôn ngoan hơn đấy. Lễ nào ông tin là thứ dầu hôi rình của các giáo sĩ đã thay đổi đời ông mãi mãi. Thật ra, dù đội vương miện trên đầu hay không, ông vẫn là ông già ấy và không lâu nữa, tử thần sẽ đến gặp ông và ông sẽ không còn trên đời này.

Khi ấy, miệng ông ta bắt đầu run lên, nổi hoảng sợ hiện lên trong mắt và ông ta lớn tiếng kêu than rồi nói:

- Lễ nào ta đã hoài công làm tất cả những việc xấu xa? Lễ nào ta đã hoài công gieo rắc cái chết quanh mình suốt cuộc đời? Không, chắc chắn người sai rồi, Sinuhe ạ, các giáo sĩ sẽ cứu ta khỏi vực sâu địa ngục và giữ thân xác ta mãi mãi trường tồn. Thi thể ta linh thiêng, vì ta từng là pharaon và việc làm của ta cũng thiêng liêng, không ai có thể buộc tội ta về những việc ta làm, vì ta là pharaon.

Như thế, đầu óc ông ta bắt đầu mù mịt đi và ông ta không còn vui thú gì với quyền uy của mình nữa. Mà thật ra ông ta không còn ham thích bất cứ điều gì, vì quá sợ chết nên ông ta giữ gìn sức khỏe của mình, không dám uống rượu, chỉ ăn bánh khô và sữa đun sôi. Cơ thể ông ta đã quá tàn tạ, không thể ân ái với đàn bà được nữa vì trong những ngày còn sung sức, ông ta đã đầu độc mình bằng nhiều loại thuốc kích dục khác nhau và giành được sự sủng ái của Hoàng hậu Teje. Thời gian càng trôi đi, ông ta càng sợ bị ám sát và có nhiều ngày ông ta không dám đụng đến thức ăn, thậm chí không dám hái quả trong vườn thượng uyển, vì sợ quả trên cây bị đánh thuốc độc từ khi còn xanh. Thế là ông ta bị những việc làm của chính mình bủa vây trong những ngày về già và trong nỗi sợ hãi, ông ta càng đa nghi và độc ác, đến nỗi triều thần tránh xa ông ta, nô lệ lẫn trốn khi ông ta đến và hoàng cung trở nên hoang tàn khi ông ta còn là Pharaon trên ngai vàng.

Nhưng hạt đại mạch giống đã bắt đầu nảy mầm trong cơ thể Công chúa Baketamon, vì các giáo sĩ đã tính chính xác thời gian của nàng có lợi cho Horemheb, và trong cơn tức giận bất lực, Công chúa đã tự hủy hoại cơ thể và làm cho nhan sắc thật tàn tạ nhằm giết chết đứa con trong dạ, bất chấp tính mạng của mình. Tuy nhiên, sự sống trong cơ thể nàng mạnh hơn cái chết và khi thời gian đến, nàng đã đau đớn, khó khăn sinh hạ cho Horemheb một đứa con trai vì hông nàng hẹp và hài nhi quá lớn; các danh y cùng nô lệ phải giấu hài nhi đi, không cho Công chúa thấy để nàng không làm hại nó. Trong dân gian sau đó đã lưu truyền rất nhiều câu chuyện về đứa trẻ này và sự ra đời của nó, dân chúng kể rằng nó được sinh ra với đầu sư tử, một vài người nói nó được sinh ra với chiếc mũ trên đầu. Nhưng tôi có thể làm chứng rằng đứa bé không có gì khác thường, nó bụ bẫm, khỏe mạnh và từ xứ Kush, Horemheb đã nhắn tin về ra lệnh ghi vào sách vàng của hoàng cung tên Ramses cho thằng bé.

Horemheb vẫn tham chiến ở xứ Kush, các chiến xa của anh ta đã tràn qua các đồng cỏ từ đầu đến cuối xứ, gây thiệt hại lớn cho

người da đen, vì người da đen không có kinh nghiệm chiến đấu với các chiến xa. Anh ta cho đốt làng mạc, nhà tranh của họ, bắt vợ con họ về Ai Cập làm nô lệ, còn đàn ông trai tráng, anh ta bắt vào lính, huấn luyện thành chiến binh và họ trở thành những chiến binh tốt vì không còn nhà cửa, vợ con. Khi chinh chiến ở xứ Kush, Horemheb cũng dùng cách này xây dựng một quân đội mới chống lại người Hittite, vì lính da đen là những người có sức khỏe, không sợ chết một khi đã kích động mình đến cuồng nhiệt theo tiếng trống linh thiêng và nhảy theo hàng dài xung quanh trống.

Horemheb đã gửi về Ai Cập rất nhiều nô lệ để trồng trọt trên các cánh đồng và sai lùa những đàn gia súc lớn từ xứ Kush đến Ai Cập nên lương thực dần dà dồi dào hơn trên đất Kemet, trẻ em không còn thiếu sữa, các giáo sĩ không thiếu thịt thà và đồ cúng tế. Nhưng rất nhiều bộ tộc đã rời bỏ nơi sinh sống của họ ở xứ Kush, chạy dạt vào những khu rừng rậm nằm ngoài cột đá biên giới Ai Cập, nơi trú ngụ của voi và hươu cao cổ, làm đất đai xứ Kush hoang vắng trong nhiều năm. Nhưng điều này không gây thiệt hại nhiều cho Ai Cập, vì kể từ thời Ekhnaton, dân xứ Kush không còn nộp thuế cho Ai Cập, mặc dù dưới thời các pharaon vĩ đại đây là nguồn thu dồi dào nhất của Ai Cập, hơn cả Syria.

Sau hai năm chinh chiến ở xứ Kush, Horemheb trở về Thebes với rất nhiều chiến lợi phẩm, phân phát quà cho dân Thebes, ăn mừng chiến thắng trong mười ngày đêm khiến mọi công việc ở Thebes ngưng lại; những người lính say xỉn bò lổm ngổm dọc các đường phố kêu be be như lũ dê và đàn bà Thebes đã sinh những đứa trẻ có nước da nâu đen. Horemheb bế con trai trên tay, dạy con tập đi và kiêu hãnh nói:

- Nhìn này Sinuhe, từ trong lòng ta sinh ra một triều đại mới và dòng máu thánh chảy trong huyết quản con trai ta, mặc dù ta sinh ra với phân giữa các ngón chân.

Anh ta cũng đến gặp Eje, nhưng Eje đóng chặt cửa và sợ hãi dồn cả đồng ghế lẫn giường đến chặn cửa, đồng thời hét toáng lên qua cánh cửa bằng giọng the thé già nua:

- Horemheb, cắt khỏi đây ngay vì ta là pharaon và ta biết rất rõ người đến đây giết ta để lấy vương miện đội lên đầu người.

Nhưng Horemheb cười hờn hậu với ông ta, đá tung cánh cửa rồi ấn ông ta xuống giường, lắc lắc ông ta và nói:

- Ta sẽ không giết ông, con cáo già của ta, ta sẽ không giết ông, lão mối của ta, vì với ta ông còn quan trọng hơn cả một nhạc phụ và tính mạng của ông rất quý với ta. Đúng là phổi của ông đang rên rỉ, nước giải đang chảy ra từ miệng ông và đầu gối của ông đang run rẩy, nhưng ông phải cố chịu đựng, Eje ạ. Ông phải gắng chịu thêm một cuộc chiến nữa để Ai Cập có pharaon, người hứng chịu các cơn thịnh nộ của dân chúng khi ta đi vắng.

Nhưng Eje không tin những lời anh ta nói mà chỉ khóc lóc thảm thiết, hai tay run rẩy ôm đầu gối anh ta và cầu xin cho mạng sống của mình. Khi ấy, Horemheb thương hại ông ta và bỏ đi, nhưng sau đó đã giám sát ông ta bằng cách cho những người thân tín của mình giữ các chức tước cao trong triều để đề phòng Eje làm những điều ngu ngốc khi anh ta đi vắng. Thời của Eje đã hết và ông ta chỉ còn là một lão già điên khùng, đầu bạc, phải khó khăn lắm mới giữ được vương miện trên cái đầu run run vì sợ của mình trong các nghi lễ trước quốc dân.

Horemheb đã mang về cho Baketamon vợ mình những món quà lớn và quý, nào cát vàng đựng trong giỏ đan, da lông sư tử mà anh ta đã hạ bằng cung tên, lông đà điểu và những con linh dương sống, nhưng Baketamon thậm chí không muốn nhìn những món quà ấy. Nàng nói với anh ta: “Người có thể là phu quân của ta trước mọi người và ta đã sinh cho người một đứa con trai. Hãy hài lòng với điều đó, vì nghe đây: nếu người chạm vào ta một lần nữa, ta sẽ khắc nhổ lên giường của người và phản

bội người như chưa có người vợ nào phản bội chồng mình như thế. Để làm nhục người, ta sẽ ăn nằm với nô lệ hay cứu vạn, hay ngủ trong chợ Thebes với những kẻ lái lừa, và không một gã đàn ông hạ đẳng nào mà ta không ăn nằm để hạ nhục người nếu người vẫn dám động vào ta. Vì trong mắt ta, khắp Ai Cập chẳng có ai hạ đẳng như người, bàn tay người và cả cơ thể người tanh mùi máu, đến nỗi ta buồn nôn khi người đến gần ta”.

Nhưng sự chống đối của Công chúa càng làm dục vọng của Horemheb cháy bỏng hơn, và khi nhìn hai má hóp lại, vòng hông thon thả, cái miệng giễu cợt của nàng, anh ta bắt đầu thổ hổn hển và thấy khó giữ yên được đôi tay mình. Vì vậy, anh ta đến gặp tôi và đau khổ than vãn:

- Sinuhe, tại sao lại thế này! Tôi đã làm gì xấu mà vợ tôi xa lánh giường của tôi. Anh biết là tôi đã làm mọi cách để chinh phục nàng và có danh tiếng tốt để xứng đáng với địa vị của nàng. Và anh biết là tôi không thường xuyên ăn nằm với những đàn bà đẹp mà dám lính dấn đến lầu của tôi như phần chia chiến lợi phẩm mà tôi đã trao cho những con bọ bắn thủ của mình để chúng vui vẻ. Thật thế, tôi có thể đếm trên đầu ngón tay và ngón chân những người đàn bà tôi ăn nằm cùng trong bao năm qua, song họ đều không hề đem đến cho tôi hứng thú, mà khi ôm áp họ tôi chỉ nghĩ đến nàng, Baketamon, và Baketamon mê hoặc tôi như mặt trăng. Đây là thứ bùa chú gì mà làm thịt da tôi xót xa và châm chích tâm hồn tôi như nọc rắn độc vậy?

Tôi nói với anh ta:

- Đừng quan tâm đến người phụ nữ điên ấy, chính nàng đau khổ hơn anh nhiều vì tính kiêu ngạo của mình. Thebes đầy rẫy đàn bà xinh đẹp và thậm chí một ả nô lệ thấp kém nhất cũng có thể đem lại cho anh thứ nàng cho.

Nhưng Horemheb nói:

- Sinuhe, anh nói trái với lòng mình, vì anh biết rất rõ rằng không thể ra lệnh cho tình yêu.

Tôi cảnh cáo anh ta:

- Vậy anh đừng cố ra lệnh cho tình yêu của nàng, vì điều đó sinh ra tội ác.

Nhưng Horemheb không tin tôi mà nói.

- Sinuhe, hãy cho tôi thuốc để tôi cho nàng uống để ngủ, và tôi có thể đến bên nàng và ân ái với nàng, vì thật ra người phụ nữ này nợ tôi rất nhiều ân ái.

Tôi từ chối và không cho anh ta loại thuốc như vậy, nhưng anh ta quay sang các thầy thuốc khác và họ đã cho anh ta những loại thuốc nguy hiểm khiến phụ nữ cuồng dại và làm bụng dạ họ bùng bùng khiến họ nghĩ lửa đang bùng cháy trong người mình. Horemheb đã bí mật cho Baketamon uống những loại thuốc đó và được thỏa mãn dục vọng với nàng, nhưng sau khi vùng ra khỏi vòng tay của anh ta, Baketamon còn căm thù anh ta hơn và nói: “Hãy nhớ những gì ta đã nói với người và nhớ rằng ta đã cảnh báo người”.

Tuy nhiên, Horemheb đã mù quáng và điên dại trong dục vọng vô độ của mình, anh ta tiếp tục ép Công chúa uống rượu và thuốc mê cho đến khi nàng ngủ và chỉ tỉnh dậy khi bị động đến người, vì vậy không thể chống cự khi Horemheb cưỡng đoạt nàng. Nhưng Horemheb vui và thỏa mãn với nàng đến đâu, tôi không thể nói mà chỉ nghĩ niềm vui của anh ta thật cay đắng và tình yêu trở nên chua xót với anh ta. Vì thế, anh ta nhanh chóng trở lại Syria để chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại Hittite, vì anh ta nói:

- Các pharaon vĩ đại đã dựng cột đá biên giới của Ai Cập ở Kadesh và ta chỉ yên lòng khi các chiến xa của ta vào được Kadesh chìm trong biển lửa.

Khi nhận ra một hạt đại mạch giống nữa đã bắt đầu nảy mầm xanh trong mình, Công chúa Baketamon lui về cung thất và không muốn gặp bất kỳ ai mà một mình chôn chặt nỗi nhục nhã vào lòng. Đám hầu hạ và nô lệ phải mang thức ăn để canh cửa cho nàng và nàng ăn ít đến mức các thái y sợ nàng sẽ chết. Khi thời gian sinh nở đến gần, họ cho người bí mật canh gác vì sợ nàng sẽ sinh con một mình và thả con vào thuyền sậy trôi sông như những người mẹ sợ nhục thường làm khi sinh con. Song Công chúa không làm gì như thế, mà khi thời khắc ấy đến, nàng cho gọi các thái y, những cơn đau đẻ đã đem đến cho nàng nụ cười trên môi và nàng đã sinh cho Horemheb một đứa con trai và đặt tên nó là Sethos mà không hỏi ý Horemheb. Nàng cảm hận con mình đến mức đặt cho nó cái tên của thần Seth và gọi nó là “sinh ra từ thần Seth”.

Khi đã hồi phục sau sinh nở, nàng sai xúc dầu lên người và vẽ mặt, mặc đồ vải lanh hoàng gia rồi sai đám nữ nô lệ chèo thuyền đưa mình sang bên kia sông và một mình đến Chợ Cá Thebes. Ở đó, nàng gợi chuyện những người lái lừa, những người kén nước, những người làm cá và nói với họ:

- Ta là Công chúa Baketamon và là vợ của Horemheb, tể tướng Ai Cập. Ta đã sinh hạ cho ông ta hai con trai, nhưng ông ta là một người đàn ông tẻ nhạt và lừa dối, người tanh mùi máu và ta không thích thú gì với ông ta. Vì vậy, hãy vui vẻ với ta, để ta cũng có thể vui vẻ với các người, vì ta rất thích bàn tay đầy sẹo của các người lẫn mùi rác rưởi khỏe mạnh trên da các người và ta cũng thích mùi cá.

Đám đàn ông ở Chợ Cá hết sức kinh ngạc trước lời nói của nàng, sợ hãi và tránh xa nàng, nhưng nàng ngoan cố bám theo và nói cười, rủ rê họ và khoe cho họ thấy sắc đẹp của mình:

- Ta không đủ xinh đẹp với các người hay sao mà các người ngại ngùng? Có thể ta già và xấu, nhưng ta không đòi các người quà mà chỉ cần mỗi người cho ta một hòn đá, lớn nhỏ tùy các người

chọn cho mỗi lần ân ái; nếu ta làm cho ai đó được sung sướng hơn, người ấy hãy mang cho ta hòn đá to hơn và hãy tin là ta sẽ làm hết sức để đem lại đê mê cho các người.

Điều như thế này chưa bao giờ xảy ra với những người đàn ông ở Chợ Cá và tôi nghĩ cũng chưa bao giờ xảy ra trên khắp đất Ai Cập. Vậy nên họ nhìn nàng đầy thèm khát, mắt họ lóe sáng vì vẻ đẹp của nàng, vải lanh hoàng gia nàng quàng trên người quyến rũ họ và mùi dầu thơm nàng xúc bốc lên đầu họ. Họ nói với nhau:

- Chuyện như thế này chưa bao giờ xảy ra. Chắc chắn đây là nữ thần hiện ra với chúng ta vì thần thấy chúng ta dễ thương. Vậy nên chúng ta sẽ sai nếu chống lại ý thần linh, vì thần không như đám đàn bà trần tục chúng ta thường thấy và niềm vui mà thần chào mời chúng ta chắc chắn là một niềm vui linh thiêng.

Một vài người còn nói:

- Ít nhất thì niềm sung sướng này cũng rẻ, vì đám phụ nữ da đen cũng không bán mình rẻ hơn thế đâu mà ít nhất cũng sẽ đòi một mẩu đồng cho mỗi lần vui vẻ. Chắc chắn đây là một nữ thần lầu xanh đang thu thập đá để xây một ngôi đền mới cho nữ thần mèo Bast, vì thế chúng ta sẽ làm vui lòng thần bằng việc thực hiện ý nguyện của thần.

Thế là những người đàn ông ở Chợ Cá, sau một hồi ngập ngừng, lưỡng lự, nói hết điều này đến điều khác, theo nàng đến bãi sậy ven bờ sông, nơi bọn họ tránh được ánh mắt dòm ngó của mọi người. Những người làm cá nói với nhau:

- Chúng ta đừng theo cô ta, vì biết đâu cô ta từ thủy cung hiện lên và sẽ kéo chúng ta xuống thủy cung, có khi cô ta chính là thần đầu mèo, đầu cô ta sẽ biến thành đầu mèo và cô ta sẽ chồm lên trên hai chân sau, cào cào, vạt của quý của chúng ta nếu chúng ta ôm cô ta vào lòng để ân ái.

Thế nhưng họ vẫn bám theo nàng vì bị sắc đẹp và mùi thơm của nàng bỏ bùa; những tay lái lừa cười nhạo những người làm cá và nói:

- Mặc kệ cho đầu cô ta biến thành đầu cá, mà chúng tôi cũng không sợ chân sau của cô ta miễn là được vui thú cùng cô ta.

Baketamon ăn nằm cả ngày với những người đàn ông Chợ Cá trong bãi sậy ven sông và làm hết sức mình để đem khoái lạc đến cho họ, để họ vui vẻ mang đá đến cho nàng. Nhiều người mang đến những tảng đá to được mua từ đám thợ đục đá với giá hời, họ cảm kích với khoái lạc nàng cho họ đến thế. Họ nói với nhau:

- Quả thật chúng tôi chưa từng gặp người đàn bà nào như vậy, miệng như có mật tan chảy, vú như táo chín, vòng tay ôm nóng như than hồng để nướng cá.

Họ giục nàng sớm trở lại Chợ Cá và hứa để dành nhiều đá, những hòn đá lớn cho nàng, còn nàng mỉm cười then thùng và cảm ơn họ về lòng tốt và niềm khoái lạc mà họ đã mang lại cho nàng. Tối đến khi trở lại hoàng cung, nàng đã phải thuê một chiếc thuyền chèo hơn ở bãi sông để chở theo toàn bộ số đá mà nàng đã gom góp được trong ngày.

Vậy nên hôm sau, nàng lấy một chiếc thuyền lớn hơn và sai đám nô tỳ chèo đến Thebes rồi để họ đợi ở bến thuyền, còn mình đi đến Chợ Rau. Ở đó nàng gợi chuyện những nông dân đến Thebes vào lúc mờ sáng với bò và lừa từ trang trại của họ, những người có đôi bàn tay chai sạn lấm lem bùn đất và làn da thô ráp dưới ánh nắng mặt trời; nàng cũng bắt chuyện với những người quét dọn đường phố và dọn hốt phân ở hố xí; và chuyện trò với đám gác chợ, những người cầm cây giáo gỗ chỉ cho từng người bán hàng chỗ của họ trong chợ. Nàng nói với họ:

- Ta là Công chúa Baketamon và là vợ của Horemheb, tể tướng Ai Cập. Ta đã sinh hạ cho ông ta hai con trai, nhưng ông ta là một

người đàn ông tẻ nhạt và lười biếng, trong người ông ta không có chút sinh lực nào để đem đến khoái lạc cho ta. Ông ta còn tệ bạc với ta và cướp đi những đứa con yêu quý của ta và đuổi ta ra khỏi nhà của mình khiến ta không có lấy một mái lều để trú thân. Vì vậy, hãy đến ân ái cùng ta để ta cũng được hưởng niềm khoái lạc từ các người. Ta cũng không đòi hỏi các người quà cáp gì ngoài một hòn đá nhỏ từ mỗi người, và ta tin chắc rằng đến những con bé da đen ở Thebes cũng không chịu cho các người niềm khoái lạc rẻ thế này.

Những người nông phu, quét rác và gác chợ da đen hết sức kinh hãi trước lời nói của nàng và bức xúc nói với nhau:

- Cô ta không thể nào là công chúa được vì chưa bao giờ có công chúa nào hành xử như thế này.

Nhưng nàng đã ngọt ngào dụ dỗ họ và cởi xiêm áo khoe cho họ thấy sắc đẹp của mình rồi đi trước, dẫn họ ra bãi sậy bên sông, khiến họ bỏ mặc xe rau quả, cả bò và lừa của mình, bỏ những đường phố chưa quét dọn và đi theo nàng. Họ nói với nhau bên bờ sông:

- Đâu phải ngày nào người nghèo cũng được dâng tận miệng món ngon thế này, mà da cô ta cũng không làm ta nhớ đến nước da đen nhẻm của các bà vợ, còn xiêm áo của cô ta là hàng của quý tộc, da cô ta là da của người quý phái và mùi của cô ta là mùi của người cao sang. Vì thế, chúng ta sẽ là đồ ngu nếu không tận hưởng niềm vui mà cô ta ban cho chúng ta và chúng ta hãy cố gắng đem đến cho cô ta trong khả năng tốt nhất của mình sự khoái lạc mà cô ta không có, vì cô ta là người vợ bị bỏ rơi.

Thế là họ ân ái với nàng rồi mang đá đến cho nàng. Những nông phu mang cho nàng đá lát từ bậc thềm các quán rượu, lính canh mang đến những viên đá lấy trộm từ các tòa nhà của pharaon để được hưởng khoái lạc với nàng. Nhưng sau khi hoan lạc với nàng, họ bắt đầu thấy sợ, và bàn với nhau:

- Nếu cô ta đúng là vợ của Horemheb, thì khi nghe được chuyện này, Horemheb sẽ đến và giết chúng ta, vì ông ta đáng sợ hơn sư tử, ngạo mạn và coi trọng danh dự của mình, mặc dù bản thân không thể đem lại cho vợ mình khoái lạc. Nhưng nếu chúng ta có nhiều người thì ông ta không thể giết tất cả, vì ông ta không thể giết cả Thebes chỉ vì vợ mình. Do đó, hãy giúp cô ta kiếm được nhiều đá, vì lợi ích của chính chúng ta thôi.

Nói rồi, họ quay lại Chợ Rau và kể với bạn bè, người quen về niềm hoan lạc vừa được nếm trải và đưa những người này đến bãi sậy, khiến ngày hôm đó, bãi sậy bị giẫm nát thành một lối mòn rộng và đến chập tối, cả bãi sậy giống như bãi hà mã quần nhau. Chợ Rau hỗn loạn, vô số sọt hàng bị mất trộm, những con lừa khát nước hí vang ở các góc phố, lũ bò rống ồm ồm và các chủ quán bia đôn đáo chạy dọc trên phố, vừa kêu khóc vừa dứt tóc vì những viên đá lát bậc cửa quý giá của họ đã bị mất. Chập tối, Công chúa Baketamon then thùng cảm ơn tất cả những người đàn ông Chợ Rau vì sự thân thiện của họ đối với nàng và khoái lạc mà họ mang lại cho nàng. Rồi họ giúp nàng chất đá lên thuyền và chiếc thuyền chứa đầy đá nặng nhấn sâu vào nước chỉ chực chìm làm các nô tỳ khó nhọc lắm mới chèo được chiếc thuyền sang sông, cập bến của hoàng cung.

Tối hôm đó, khắp Thebes đều biết chính nữ thần đầu mèo đã hiện hình cho dân chúng thấy và hoan lạc với họ, và những lời đồn đại càng lúc càng kỳ lạ lan khắp Thebes, vì những người vốn không tin vào thần linh đã nghĩ ra những lời giải thích khác. Họ nói:

- Vào thời kim tự tháp, các vị thần còn hiển linh với con người nhưng thế giới đã già nua lắm rồi và thần linh sẽ không còn hiển linh với con người nữa. Bởi vậy, người đàn bà này phải thuộc hàng quý phái bậc cao, vì bà ta dám hành xử như thế.

Hôm sau, Công chúa Baketamon đi đến Chợ Than và vui thú với những người đàn ông bán than, đến chiều tối đắm sậy bên bờ

sông Nile đầy muối than và bị giẫm nát. Các giáo sĩ của nhiều ngôi đền nhỏ xót xa than phiền, vì những người đàn ông Chợ Than là những người vô đạo, đã không chút hổ thẹn khi dỡ đá đền thờ để đổi lấy thú vui mà còn liếm mép khoe với nhau:

- Quả thật chúng tôi đã được nếm món ngon thiên đàng, mỗi cô ta tan chảy trong miệng chúng tôi, đôi vú như than hồng nóng rực trong tay chúng tôi và trước đây chúng tôi chưa từng biết trên đời lại có niềm hoan lạc đến nhường này.

Nhưng khi lời khoe khoang rằng nữ thần đã xuất hiện trong dân chúng lần thứ ba lan đến Thebes thì một sự xáo động lớn đã chế ngự Thebes, khiến ngay cả những người đàn ông chân thật cũng trốn vợ đến các quán rượu, gỡ đá từ các tòa nhà của pharaon trong đêm và sáng hôm sau, tất cả đàn ông Thebes, ai nấy kẹp một hòn đá trong nách đi từ chợ này sang chợ khác, nóng lòng chờ đợi sự xuất hiện của nữ thần đầu mèo. Còn các giáo sĩ thấy lo lắng và sai lính canh đi lùng bắt người đàn bà đã gây ra quá nhiều lộn xộn và những lời đồn đại ngớ ngẩn.

Nhưng ngày hôm đó Công chúa Baketamon không sang Thebes, chỉ nghỉ ngơi thư giãn trong hoàng cung cho bớt mệt mỏi sau những vất vả, mỉm cười với tất cả những ai nói chuyện với mình, tỏ ra rất dịu dàng, dễ mến, ngưỡng chừng vươn uốn người trong khi nói và lấy tay che miệng khi ngáp. Triều thần hết sức ngạc nhiên về cách ứng xử này của nàng vì không ai đoán được rằng Công chúa chính là người đàn bà bí ẩn đã xuất hiện trước dân chúng ở Thebes và ân ái cùng những người đốt than và những người làm cá.

Công chúa Baketamon xem những hòn đá có kích thước và màu sắc khác nhau mà mình thu gom được rồi gọi người thợ cả trông coi việc xây dựng chuồng gia súc của pharaon đến vườn thượng uyển và dịu dàng nói với anh ta:

- Ta đã thu gom những viên đá này từ bờ sông và chúng đều thiêng liêng đối với ta, mỗi viên đều gắn với mỗi ký ức vui sướng của ta, đá càng to thì sự vui sướng càng lớn. Vì thế, người hãy dùng những viên đá này xây cho ta một vọng lâu để ta có mái che đầu mình, vì chồng ta hờ hững với ta và đuổi ta ra khỏi nhà ông ấy, như người chắc cũng đã nghe và biết quá rõ. Hãy xây cho ta vọng lâu rộng rãi, tường cao và bắt đầu xây ngay đi, vì ta sẽ thu gom thêm đá cho người theo mức người cần mà không phải lo giữa chừng thiếu đá.

Người thợ cả xây chuồng trại là một người đàn ông tuềnh toàng, chiếc khố xám màu tro vì bụi của đá đẽo bám vào, đôi vai nổi u vì gánh đá và anh ta không quen nói chuyện với những người quyền quý. Vì vậy, anh ta lúng túng đi đi ngón chân trên đất trước mặt Công chúa Baketamon, mắt nhìn xuống và khúm núm nói:

- Bẩm Công chúa Baketamon cao quý, tôi e mình không đủ tài để xây dựng một vọng lâu xứng đáng với tước vị của người. Những viên đá có kích thước và màu sắc khác nhau nên lắp ghép chúng không hề dễ, mà đòi hỏi phải có khiếu thẩm mỹ tuyệt vời. Vì vậy, tốt hơn là Công chúa cho gọi một thợ cả cao sang nào đó chuyên xây đền thờ hay một nghệ nhân khéo tay để làm việc này, vì tôi sợ sự vụng về của mình sẽ làm hỏng suy nghĩ cao đẹp của Công chúa, làm lãng phí vô số đá Công chúa thu gom về.

Nhưng Công chúa Baketamon then thùng chạm tay vào cục u trên vai anh ta và nói:

- Ôi, người vác đá xây chuồng gia súc, ta chỉ là một phụ nữ nghèo bị chồng ruồng rẫy và ta không thể gọi những thợ xây cao sang đến phục vụ mình. Ta cũng không thể tặng người một món quà xứng đáng như ta muốn khi người xây vọng lâu này, nhưng khi vọng lâu xây xong, ta sẽ cùng người ngắm nhìn nó, và nếu ta vừa ý, ta sẽ ân ái với người trong vọng lâu này, ta hứa đấy. Vì ta không có gì khác để thưởng cho người, nhưng ta có

thể đem đến cho người một niềm vui nho nhỏ khi ta chưa đến nỗi già và xấu, hãy coi đó là tiền công của người. Ta cũng tin người sẽ mang lại khoái lạc cho ta, vì người là một người đàn ông cường tráng, cánh tay người rắn chắc, còn ta là một người đàn bà nhỏ bé và ta thêm khát khoái lạc vì chồng ta không làm ta thỏa mãn, như người chắc biết rõ.

Lời Công chúa nói và sự đụng chạm của nàng khiến người thợ xây chuồng gia súc hết sức phấn kích, anh ta ngắm nhìn sắc đẹp của nàng và nhớ lại tất cả những chuyện cổ tích trong đó công chúa yêu những người đàn ông bình thường và ân ái cùng họ. Anh ta rất sợ Horemheb, nhưng ham muốn dục vọng của anh ta mạnh hơn nỗi sợ và những lời của Baketamon mời gọi, ve vuốt anh ta. Vì vậy, anh ta vội vàng bắt tay vào xây vụng lâu trong vườn của hoàng cung từ những viên đá do Baketamon thu gom và xây nó bằng tất cả khả năng của mình; giống như đang trong cơn mộng du, anh ta xây điều ao ước ấy của mình bằng những viên đá lên tường vụng lâu. Ham muốn, đam mê và tình yêu của anh ta đã biến anh ta thành một nghệ sĩ lớn; vì ngày ngày được nhìn ngắm Công chúa Baketamon, trái tim anh ta bùng lửa và bùng cháy thành tro như cây sậy khô dưới ánh mắt hình trái xoan của Công chúa. Anh ta làm việc như một kẻ điên, sụt cân, xanh xao vì công việc và niềm khao khát; bằng những viên đá có kích thước và màu sắc khác nhau, anh ta xây một vụng lâu mà trước đây chưa một ai từng thấy.

Nhưng trong khi vụng lâu đang xây, số đá mà Baketamon thu gom đã dần hết và Công chúa phải kiếm thêm. Vì vậy, nàng lại cho người chèo thuyền đưa mình đến Thebes, thu nhặt đá từ khắp các khu chợ, từ hẻm Nhân Sư và vườn của các ngôi đền, đến nỗi cuối cùng không nơi nào ở Thebes mà nàng không đến để thu nhặt đá. Những người đàn ông mang đá đến cho Công chúa đã che giấu nàng trước đám lính canh, nhưng cuối cùng đội lính canh của các giáo sĩ và của pharaon đã tìm được nàng và định bắt rồi giải nàng đến trước các quan tòa vì những hành

xử của nàng. Nhưng Công chúa ngẩng cao đầu đầy kiêu hãnh và nói với lính canh:

- Ta là Công chúa Baketamon và ta muốn xem ai dám phán xử ta, bởi dòng máu linh thiêng chảy trong huyết quản ta và ta là người thừa kế vương quyền của các pharaon. Tuy nhiên, ta không trừng phạt các người vì sự ngu ngốc của các người mà sẽ vui lòng ân ái với cả các người vì các người là những người đàn ông đẹp trai và cường tráng. Nhưng để được điều đó, ai trong các người cũng phải mang về cho ta một viên đá và hãy lấy đá từ nhà của các quan tòa hay từ đền miếu. Đá càng to thì niềm hoan lạc ta ban cho càng lớn và ta sẽ giữ lời hứa của mình, sẽ làm hết sức mình và trong việc này ta đã khá thuần thục rồi.

Những người lính canh nhìn Công chúa và sự điên khùng của những người đàn ông Thebes khác đã lan sang họ; thế là họ cũng đi, dùng giáo nạy lấy những tảng đá lớn từ cổng nhà các quan tòa và sân đền thờ Amon rồi mang đến cho nàng và Công chúa đã hào phóng giữ lời hứa của mình với họ. Nhưng tôi phải có đôi lời rằng vẫn nên coi trọng Công chúa, vì nàng không bao giờ trơ trẽn và táo tợn khi thu gom đá, mà ân ái với đám đàn ông xong, nàng ngượng ngùng quấn mình trong xiêm áo, mắt nhìn xuống đất và không cho phép ai chạm vào mình nữa. Nhưng những lần sau đó, Công chúa phải vào các nhà vui và nhờ những bức tường che chắn, bí mật thu gom đá và nàng đã đến rất nhiều nhà vui ở các khu phố nghèo; với bất kỳ ai, nàng cũng chỉ đòi một viên đá cho niềm hoan lạc mà mình đem đến cho họ. Vì vậy, chủ của các nhà vui kiếm được rất nhiều từ Công chúa và sẵn lòng mời nàng đến với họ, nhưng mỗi ngày nàng chỉ đến một nhà vui mới để tránh lính canh và các đám đông.

Đến lúc này, mọi người ai cũng đã biết những việc Công chúa làm và người trong cung cấm kéo đến vườn thượng uyển để bí mật nhìn tòa vọng lâu mà người thợ xây chuồng gia súc xây bằng đá do Công chúa mang về. Nhìn thấy chiều cao của các bức tường và số lượng đá lớn, nhỏ trên tường, các cung nữ đều đưa

tay che miệng và kêu lên vì sợ hãi. Nhưng không ai dám nói bất cứ điều gì với Công chúa, không ai dám nhắc nhở nàng; còn Eje, người lẽ ra có thể dùng quyền uy của Pharaon để ngăn cản Công chúa, khi nghe kể về việc làm của nàng lại hết sức vui mừng với tất cả sự điên rồ của tuổi già và đoán việc này sẽ gây tổn hại cho Horemheb, vì ông ta mừng rỡ với tất cả những gì gây hại cho Horemheb.

Nhưng Horemheb đang chinh chiến ở Syria, đã đánh chiếm được Sidon, Simyra, Byblos từ tay người Hittite và gửi nhiều chiến lợi phẩm, nô lệ về Ai Cập cùng rất nhiều món quà lớn quý giá cho vợ mình. Mọi người ở Thebes ai cũng biết chuyện gì đang xảy ra trong hoàng cung, nhưng không một ai dám cả gan báo cho Horemheb về những việc làm của Công chúa; những người vốn được anh ta trao cho quyền cao chức trọng trong triều cũng nhắm mắt trước việc làm của Baketamon và nói với nhau:

- Đây là xích mích trong gia đình, người đàn ông khôn ngoan thà đặt tay vào giữa các thớt đá hơn là xen vào giữa vợ chồng người khác vì sẽ bị cả hai căm ghét.

Vì thế, Horemheb không được biết bất cứ điều gì về những chuyện xảy ra ở Thebes trong thời gian anh ta chinh chiến ở Syria, và tôi nghĩ đó là điều tốt nhất cho Ai Cập, vì nếu biết việc làm của Baketamon, chắc chắn tâm trí anh ta sẽ không yên trong khi đang phải lo chiến trận.

5

Tôi đã kể nhiều về những gì xảy ra với người khác trong thời gian giáo sĩ Eje trị vì Ai Cập, nhưng chưa kể về mình. Điều này dĩ nhiên có lý do, vì bản thân tôi không còn nhiều điều để kể. Dòng đời tôi không còn nổi sóng mà chậm chậm, yên ả lắng xuống rồi kẹt lại trong vũng nước cạn. Tôi

sống những năm ấy của đời mình dưới sự chăm sóc của Muti trong căn nhà vốn là xưởng đúc đồng mà Muti đã dựng lại sau khi bị đốt cháy, đôi chân tôi đã rã rời đi trên những con đường đầy bụi, đôi mắt tôi đã mệt mỏi nhìn thấy sự bất an của thế giới và trái tim tôi đã mỗi mòn vì những điều phù phiếm xảy ra trên thế giới. Vì vậy, tôi ở trong nhà, khép mình và không khám cho bệnh nhân ở nhà nữa mà chỉ thỉnh thoảng chữa bệnh cho hàng xóm và đôi khi cho những người nghèo nhất vì họ không có quà để biếu các thầy thuốc khác. Tôi cho đào một cái ao mới trong sân nhà, thả vào đó những con cá sặc sỡ và có những ngày dài, tôi ngồi suốt dưới gốc sung dâu trong tiếng lửa kêu trên đường phố trước nhà và lũ trẻ con chơi đùa trong bụi đất, ngắm nhìn lũ cá chầm chậm bơi trong ao nước mát. Cây sung dâu đầy bông từ lần bị cháy lại bắt đầu nhú những lá xanh trên cành và Muti chăm sóc tôi chu đáo, nấu cho tôi đồ ăn ngon, để tôi uống rượu vừa đủ bất cứ khi nào tôi muốn và cẩn thận để tôi ngủ đủ, không cho làm việc quá sức.

Thế nhưng thức ăn đã mất hết vị trong miệng tôi và rượu không mang lại cho tôi niềm vui, chỉ làm tôi nhớ lại tất cả những việc làm xấu xa của mình vào những buổi tối khi tiết trời dịu mát, nhớ lại khuôn mặt khi hấp hối của Pharaon Ekhnaton và khuôn mặt khô ngô của Hoàng tử Shubattu. Vậy nên tôi không còn muốn dùng tài năng của mình chữa bệnh cho mọi người, bởi đôi tay tôi là đôi tay tội lỗi, chỉ gieo rắc cái chết, cho dù tôi ước mong đôi tay mình hữu ích. Nên tôi chỉ ngắm nhìn những con cá dưới ao trong vườn nhà mình và ghen tị với chúng, loài có máu lạnh và ham muốn rứt rứt, sống cả đời dưới nước và không phải hít thở không khí nóng nực trên mặt đất.

Khi ngồi trong vườn nhìn ngắm cá, tôi tâm sự với trái tim mình và nói:

- Hãy trấn tĩnh lại, trái tim loạn nhịp kia, vì lỗi không phải của mi, mà tất cả mọi chuyện xảy ra trên đời cả thiện lẫn ác đều điên dại, đều không có đích đến mà chỉ có lòng tham, nỗi căm hờn và

dục vọng thống trị thế giới. Lỗi không phải của mi, Sinuhe, vì con người mãi mãi là như thế và sẽ không bao giờ thay đổi. Năm tháng trôi đi, con người sinh ra và con người chết đi, cuộc sống của họ như một luồng gió nóng và con người không hạnh phúc khi sống mà chỉ hạnh phúc trong cái chết. Vì vậy, không có sự phù phiếm nào lớn hơn cuộc đời con người, lỗi không phải của mi, mà con người vẫn luôn như vậy theo thời gian. Mi hoài công dìu con người xuống dòng sông thời gian, vì tâm anh ta không thay đổi và anh ta sẽ nhô lên khỏi sông hết như khi bước xuống. Mi hoài công thử thách con người bằng chiến tranh và sự khốn cùng, bằng dịch bệnh và hỏa hoạn, bằng thần linh và giáo mạc, vì những gì phải trải qua sẽ chỉ khiến con người chai cứng lại cho đến khi anh ta tồi tệ hơn cả cá sấu, do đó chỉ người chết mới là người tốt.

Nhưng trái tim tôi phản đối:

- Hãy ngấm cá thôi, Sinuhe, nhưng ta vẫn sẽ không để cho anh bạn yên chừng nào anh bạn còn sống, mà mỗi ngày trong cuộc đời anh bạn, ta sẽ nói: “Chính anh là người có tội”, và mỗi đêm trong cuộc đời anh bạn, ta sẽ len lỏi vào trong giấc ngủ của anh: “Sinuhe, anh là người có tội, vì ta, trái tim của anh, vô độ hơn cá sấu và ta muốn anh được nhận đủ những gì của mình”.

Tôi điên lên với trái tim mình:

- Mi là trái tim gàn dở và ta ngán mi quá rồi, vì mi chỉ đem đến cho ta rắc rối, khó chịu, buồn phiền và đau khổ trong suốt cuộc đời ta. Ta biết quá rõ lý trí ta là kẻ sát nhân và lý trí ta có bàn tay nhớp nhúa, nhưng số lần giết người của ta không thấm gì so với số vụ giết người xảy ra trên mặt đất và không ai quy tội ta. Vì thế, ta hoàn toàn không hiểu tại sao mi cứ lải nhải rằng ta có tội và không để cho ta được yên, vì ta là ai mà cứu rỗi thế giới và ta là ai mà thay đổi bản tính con người.

Nhưng trái tim tôi nói:

- Ta không nói về những vụ anh bạn giết người và cũng không quy tội cho anh, cho dù đêm đêm và ngày ngày, ta gõ thành thịch cho anh từ: “tội phạm, tội phạm”. Hàng ngàn rồi hàng ngàn người đã chết vì anh bạn, Sinuhe. Họ chết vì đói khát và dịch bệnh, chết vì vũ khí và thương tật, chết dưới bánh xe của chiến xa, chết đói trên đường hành quân nơi sa mạc. Vì anh bạn, những hài nhi đã chết trong dạ con của mẹ chúng; vì anh bạn, những cây gậy đã nện xuống những cái lưng còng, vì anh bạn mà bắt công chà đạp công lý, vì anh bạn mà lòng tham thắng tính thiện lương, vì anh bạn mà phường trộm cắp cai trị thế giới. Quả thật, biết bao người đã chết vì anh, Sinuhe ạ. Màu da của họ khác nhau và lưỡi họ nói những ngôn ngữ khác nhau, nhưng họ đã chết một cách vô tội, Sinuhe ạ, vì họ không có được tri thức của anh và tất cả những người đã chết và sẽ chết đều là anh em của anh, và họ sẽ chết vì anh và anh là kẻ duy nhất có tội. Vậy nên tiếng khóc của họ len lỏi vào giấc ngủ của anh, tiếng khóc của họ lấy đi hương vị thức ăn ngon trong miệng anh và tiếng khóc của họ phá tan mọi niềm vui của anh, Sinuhe ạ.

Nhưng tôi đã luyện tâm hồn mình chai sạn và nói với trái tim mình:

- Đàn cá là anh em của ta vì chúng không biết thốt ra những từ ngữ viển vông. Đàn sói nơi sa mạc là anh em của ta, những con sư tử độc ác là anh em của ta, nhưng con người thì không phải vì con người luôn biết việc họ làm.

Trái tim tôi chế nhạo tôi:

- Có thật con người biết việc mình làm không? Đúng là anh bạn biết và anh bạn có tri thức, vì thế ta bắt anh bạn chịu đau khổ cho đến ngày cuối cùng của cuộc đời vì tri thức của mình, còn những người khác thì không. Vì vậy, chỉ mình anh bạn là kẻ có tội, Sinuhe ạ.

Lúc đó, tôi vò xé quần áo mình và gào to:

- Hãy để những hiểu biết của ta bị nguyên rửa, hãy để đôi tay ta bị nguyên rửa, hãy để đôi mắt ta bị nguyên rửa! Nhưng đáng bị nguyên rửa nhất là trái tim ngu ngốc của ta, trái tim không cho ta được yên trong những ngày tháng của cuộc đời mình và bịa đặt những điều sai trái để buộc tội ta. Hãy đưa ngay cho ta cái cân của Osiris để cân trái tim dối trá của ta và hãy để cho bốn mươi con khỉ đầu chó chính trực của ngài xét xử ta vì ta tin chúng hơn trái tim khốn khổ của mình.

Từ trong bếp, Muti vội vàng bước ra, nhúng một cái áo xuống nước ao rồi quấn quanh đầu tôi và chườm bình lạnh vào trán tôi. Bà mắng tôi xa xả, bắt tôi lên giường và ép tôi uống đủ loại thuốc lá vị đắng chát cho đến khi tôi trấn tĩnh lại. Tôi bị ốm một thời gian dài và trong thời gian đó, tôi nói với Muti về cái cân của Osiris, bảo bà ta đưa tôi cái cân bột và nói với bà về Merit và bé Thoth. Bà chăm sóc tôi tận tình và tôi nghĩ bà rất vui khi có thể giữ tôi trong giường và cho tôi ăn. Sau đó bà nghiêm khắc cấm tôi không được ngồi trong vườn dưới ánh nắng mặt trời vì tóc tôi đã rụng hết và cái đầu hói của tôi không thể chịu được những tia độc hại của mặt trời. Nhưng tôi đâu ngồi dưới nắng, mà ngồi trong bóng râm mát mẻ của cây sung dâu, ngắm nhìn những con cá, anh em của tôi, vì chúng không biết nói.

Nhưng thời gian trôi, tôi đã khỏe lại, trầm lặng hơn trước, bình tâm hơn trước và cũng đã giảng hòa với trái tim mình nên trái tim tôi không còn hành hạ tôi nhiều nữa. Tôi không còn nói với Muti về Merit và bé Thoth nữa mà chỉ giữ họ trong tâm mình và biết rằng họ phải chết để sức chịu đựng của tôi cạn kiệt và tôi cô đơn, vì nếu họ ở bên tôi thì tôi đã đủ đầy, hạnh phúc và trái tim tôi đã im lặng. Nhưng tôi cần phải luôn cô đơn theo số phận đã được an bài và vì thế mà tôi đã một mình trôi dạt sông trong chiếc thuyền sậy vào đêm tôi cất tiếng khóc chào đời.

Sau khi bình phục, tôi bí mật mặc quần áo thô ráp của người nghèo, cởi đôi dép dưới chân ra rồi rời khỏi ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng và không trở lại nữa. Tôi đi đến bến thuyền và

khuân vác đồ đạc với những người khuân vác cho đến khi lưng tôi đau và đôi vai vẹo đi. Tôi đến Chợ Rau và nhặt những mớ rau hỏng làm thức ăn cho mình rồi tôi đến Chợ Than, đập bệ lò của thợ đốt than và thợ rèn. Tôi làm công việc của nô lệ và phu khuân vác, ăn bánh mì và uống bia của họ và nói với họ:

- Không có sự khác biệt giữa con người với con người, ai cũng trần trụi sinh ra trên đời và trái tim con người là thước đo duy nhất. Không thể đo con người bằng màu da hay ngôn ngữ, cũng không thể đo bằng quần áo hay đồ trang sức, và không thể đo con người bằng sự giàu có hay nghèo khó của họ mà chỉ bằng trái tim. Vì vậy, người lương thiện tốt hơn kẻ ác độc, công lý tốt hơn bạo lực, ngoài ra tôi không biết gì khác, và đây là tất cả kiến thức của tôi.

Tôi nói với họ như thế trước những túp lều đất sét của họ vào lúc chập choạng khi những người vợ nhóm lửa trên đường phố và mùi cá rán dâng lên trong không khí, tràn ngập khu phố nghèo. Họ cười tôi và nói:

- Sinuhe, ông thật ngớ ngẩn khi làm công việc của nô lệ, dù ông biết đọc và biết viết. Chắc chắn ông đã phạm tội gì rồi và muốn ẩn náu nơi đây, và lời ông nói sặc mùi Aton, người mà chúng tôi không còn được phép nhắc đến tên. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ không báo ông cho lính canh, mà sẽ giữ ông lại với chúng tôi để được giải khuây bằng những lời nói điên rồ của ông. Nhưng ít nhất ông không nên so sánh chúng tôi với những người Syria bản thủ và những người da đen khốn khổ, vì tuy chỉ là nô lệ và phu khuân vác, chúng tôi vẫn là người Ai Cập và là người Ai Cập, chúng tôi tự hào về màu da và ngôn ngữ, quá khứ và tương lai của chúng tôi.

Tôi nói với họ:

- Đó là lời nói điên rồ, vì chừng nào con người còn ngạo mạn và coi mình tốt đẹp hơn người khác, thì chừng đó xiềng xích, gậy

gộc, giáo mác và quạ đen còn theo sát gót chân họ. Vì vậy, con người chỉ nên được đánh giá theo tâm họ và tâm của tất cả mọi người đều như nhau, tâm người này không tốt hơn tâm kẻ khác, vì tất cả nước mắt đều cùng là nước và cùng mặn, dù đó là nước mắt của người da đen, người da nâu hay người Syria, nước mắt của người nghèo hèn hay người cao quý.

Nhưng họ cười phá lên với tôi và đập tay vào đầu gối, nói:

- Ông quả thật là một gã điên rồ, và chắc ông chưa từng trải nghiệm cuộc đời mà đã lớn lên trong một cái bao. Vì con người không thể sống nếu không cảm thấy mình tốt hơn người khác và không có người nào khốn khổ đến mức không cảm thấy mình tốt hơn người khác về mặt nào đó. Người này tự hào về sự khéo léo của đôi tay, người kia tự hào về sức mạnh của đôi vai, kẻ trộm tự hào về những mảnh khoe, quan tòa tự hào về sự thông thái, kẻ tham lam tự hào về lòng tham, kẻ tiêu hoang tự hào về sự hoang phí, người vợ tự hào về đức hạnh, gái điếm tự hào với tính lăng lơ. Không gì mang lại cho con người niềm vui lớn hơn khi biết mình trội hơn người khác về một mặt nào đó. Bởi vậy chúng tôi rất vui khi thấy chúng tôi khôn ngoan và tinh ranh hơn ông, mặc dù chúng tôi là những người nghèo khổ và nô lệ, còn ông biết đọc và biết viết.

Tôi nói với họ:

- Nhưng người tốt hơn kẻ gian ác và sự công bằng tốt hơn sự bất công.

Nhưng họ trở nên tức giận và đáp lại:

- Điều gì là tốt và điều gì là xấu? Nếu chúng tôi giết một lão chủ gian ác luôn lấy gậy đánh chúng tôi, ăn cắp thức ăn của chúng tôi và bỏ đói vợ con chúng tôi thì việc làm của chúng tôi là việc làm tốt, nhưng lính canh lại giải chúng tôi ra trước mặt quan tòa của pharaon, cắt tai, xẻo mũi chúng tôi và treo ngược chúng tôi lên tường. Đó là công lý, nhưng công lý phụ thuộc vào các

quả cân được dùng để cân đo, và công lý với chúng tôi thường là bất công, vì chúng tôi không được phép đặt những quả cân của mình lên bàn cân công lý và quả cân của các quan tòa của pharaon khác với quả cân của chúng tôi.

Họ mời tôi ăn cá mà vợ họ rán và tôi uống bia nhạt của họ rồi nói:

- Giết người là tội ác hèn hạ nhất mà con người có thể phạm; giết người vì việc thiện cũng là tội ác như giết người vì cái ác, nên không nên giết một người mà hãy chữa cho anh ta khỏi tính ác độc.

Lúc đó, họ đưa tay che miệng và nhìn xung quanh rồi la lối:

- Chúng tôi không bao giờ muốn giết ai, vì roi và gậy đã buộc chúng tôi phải nhún nhường, phải nuốt hết những lời mắng mỏ, sỉ nhục và xúc phạm mà không giết bất kỳ ai. Nếu ông muốn chữa cho mọi người khỏi tính ác độc và đem công lý thay cho bất công thì hãy đến gặp những người quyền quý, giàu có và các quan tòa của pharaon và nói với họ những điều này, vì chúng tôi nghĩ ông gặp nhiều điều ác độc và bất công ở chỗ họ hơn ở chỗ chúng tôi.

Họ nói thế và vừa cười vừa dùng khuỷu tay hích và nháy mắt với nhau. Nhưng tôi nói với họ:

- Tôi muốn nói với các người hơn vì các người là dân và đông như cát và sao trời, mọi điều ác độc và bất công đều đến từ các người, cũng như mọi điều tốt lành đều đến từ các người. Các người cũng có lỗi vì khi người ta nói với các người: “Đi đi”, các người đi và làm tất cả những gì họ sai khiến. Cả những người mộ lính của pharaon cũng thường đến với các người, cho các người đồng, mảnh vải rồi đặt giáo vào tay các người và đưa các người ra trận. Nếu các người không làm theo, họ sẽ trói các người vào dây thừng và dẫn các người ra trận trong xiềng xích. Trong chiến tranh, các người đâm và giết những người giống

như mình. Các người đâm thủng bụng anh em mình và rất tự hào về những việc làm ấy. Nhưng tất cả sự chém giết đều đáng khinh, máu sẽ đổ và sẽ chảy lên đầu các người. Vì thế, các người hoàn toàn không vô can.

Đôi ba người trong số họ ngẫm nghĩ về lời tôi nói và thở dài:

- Thật ra chúng tôi không ai vô tội, nhưng chúng tôi đã sinh ra trong một thế giới xấu xa, và chúng tôi bắt đầu cuộc sống bằng tiếng khóc khi rời bụng mẹ, vì vậy tiếng khóc đeo bám chúng tôi trên mọi nẻo đường đời. Nô lệ là thân phận muôn đời của chúng tôi và các giáo sĩ dùng phép thuật buộc chúng tôi phục vụ ông chủ của mình ngay cả sau khi chết bằng cách sai khắc tên chúng tôi vào những bức tranh gỗ theo ông chủ xuống mồ. Nhưng dù sao, ông cũng hãy đến gặp những người giàu có và quyền quý để nói về những điều này, vì theo suy nghĩ của chúng tôi, điều ác và sự bất công từ họ mà ra, bởi vì quyền lực ở trong tay họ. Nhưng đừng trách chúng tôi nếu họ cắt tai ông vì những lời ông nói và bắt ông đến hầm mỏ hoặc treo ngược ông lên tường, vì những lời ông nói là những lời nguy hiểm. Nếu ai đó trong chúng tôi nói những lời như vậy, chúng tôi sẽ không dám nghe anh ta dù chúng tôi lắng nghe ông, bởi rõ ràng ông là một gã đàn ông đại dột và vô hại. Nhưng nguy hiểm nhất là những điều ông nói về chiến tranh, vì giết người trong chiến tranh là vinh quang của người lính và Horemheb, tướng quân vĩ đại của chúng ta, sẽ giết ông không chút do dự nếu nghe ông nói điều này với mọi người, mặc dù bản thân ông ta là một người đàn ông vô tích sự, không thể làm hài lòng ngay cả vợ mình.

Tôi nghe theo lời khuyên của họ và rời khỏi túp lều đất sét của họ. Tôi đi theo những con phố lớn của Thebes với đôi chân trần, trên người là bộ quần áo màu xám của người nghèo, nói chuyện với các thương nhân, những người trộn cát vào bột mì; tôi nói chuyện với các ông chủ cối xay, những kẻ lấy ống bịt miệng nô lệ để họ không ăn được bột mà họ xay; tôi nói chuyện với các quan tòa, những người cướp tài sản thừa kế của những đứa trẻ mồ côi

và xử án sai để được nhận những món quà lớn. Tôi đã nói chuyện với tất cả bọn họ, lên án những việc làm và sự gian ác của họ, khiến họ hết sức kinh ngạc.

Họ bảo nhau:

- Tay thầy thuốc Sinuhe này là ai mà dám nói những lời táo bạo, dù trên người chỉ khoác áo nô lệ? Chúng ta phải cẩn trọng, vì ông ta chắc là do thám của Pharaon. Nếu không, làm sao ông ta dám mạnh mẽ nói với chúng ta như vậy.

Vì thế, họ nghe tôi nói không chán, các thương gia gọi tôi vào phòng và tặng quà cho tôi, các chủ cối xay đãi tôi rượu, các quan tòa hỏi ý kiến tôi và phán xử theo lời khuyên của tôi. Thế là họ đưa ra các phán quyết ủng hộ người nghèo chống lại người giàu, mặc dù họ đã nhận được từ người giàu những món quà lớn, và điều này làm dấy lên một sự bất mãn lớn và ở Thebes, người ta nói:

- Ngay cả quan tòa của pharaon cũng không còn đáng tin nữa, chính họ còn gian dối hơn những tên trộm mà họ xét xử.

Nhưng khi tôi đến nhà các vị quyền quý, họ chế nhạo tôi, xuyt chó ra cắn tôi và sai người hầu lấy roi đuổi tôi ra khỏi sân, vì vậy tôi vô cùng xấu hổ và co cẳng chạy, quần áo rách bươm, chân tay bị trầy xước, máu chảy dọc đường phố Thebes trong khi đàn chó vẫn đuổi theo sau. Mọi người đập tay lên đầu gối cười nhạo tôi, các thương gia và quan tòa của pharaon thấy nổi nhục nhã của tôi và không còn tin lời tôi nữa mà đuổi tôi ra khỏi nhà họ và gọi lính gác dùng cán giáo đánh tôi. Họ nói với tôi:

- Nếu ông lại đến nhà buộc tội chúng tôi với những lời dối trá, chúng tôi sẽ truy tố ông tội truyền bá những lời ác độc và xúi giục dân chúng và quạ sẽ mổ thi thể ông trên tường.

Lúc đó, tôi trở về ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng cũ ở khu phố nghèo trong hồ then, thấy mọi cố gắng của mình đều vô ích, vì

cái chết của tôi không đem lại lợi lộc cho bất cứ ai, chỉ có lũ quạ sung sướng. Muti kêu than thảm thiết và chấp hai tay trên đầu mình khi nhìn thấy tình trạng thảm hại của tôi. Bà lau rửa cơ thể tôi và vừa bôi mỡ lên vết thương cho tôi vừa bực tức mắng mỏ tôi:

- Quả là bản tính đàn ông không thể chữa chạy được và ông nên xấu hổ, Sinuhe ạ, khi trốn nhà ra đi vào lúc tuổi già thế này dù đầu ông đã hói và cổ ông đã nhăn nheo. Có phải ông đã đổi quần áo sang trọng của mình để lấy rượu trong các quán rượu và đánh nhau trong nhà thổ khiến đầu nổi cục, chân bị trầy xước không. Ông không cần trốn khỏi nhà để uống rượu, mà từ giờ trở đi tôi sẽ để cho ông uống bao nhiêu tùy thích, tôi không ngăn ông nữa. Ông cũng có thể mời bạn nhậu đến nhà, nếu ông muốn, vì tôi bồn chồn không yên trong những ngày và đêm ông không về nhà. Cả Kaptah cũng hỏi và lo lắng cho ông vì ông ta đã trở về Thebes và ông không còn cô đơn nữa.

Bà ấy bôi thuốc mỡ tốt lên những vết thương và chỗ xước rồi cho tôi mặc quần áo sạch và rầy la tôi gay gắt:

- Chắc chắn sẽ tốt hơn nếu người ta cắt bég cái của nợ bé tẹo dưới khố của đàn ông, vì nó làm ông ta say xỉn và hổ thẹn, cãi vã và ẩu đả đến tận già. Sinuhe ạ, nếu ông không tìm được tính đực của mình tốt hơn, thì hãy lấy vợ về nhà mình hoặc mua một đứa nô tỳ trẻ để nó thỏa mãn ham muốn và an ủi ông, đồng thời ban ngày có thể giúp tôi trong việc nội trợ vì tôi đã già, tay run và món rán cứ bị cháy trong khi tôi trộn nước sốt. Đánh lộn trong nhà thổ vì những ả đàn bà tà dâm là không xứng đáng với ông, Sinuhe ạ. Đáng ra ông phải biết điều đó và hổ thẹn về việc làm của mình.

Những lời bà ấy nói xúc phạm tôi ghê gớm vì tôi không nghĩ mình đã già lắm, dù đầu tôi đã hói. Tuy nhiên, tôi không dám kể cho bà ấy biết vì sao tôi bỏ trốn khỏi nhà, mà cứ để bà tin tôi là một kẻ say xỉn và thích đàn đúm như những gã đàn ông khác,

để bà không nhốt tôi vào phòng tối, lấy quần áo ướt quần quanh người tôi, giữ tôi trong giường và gọi thầy thuốc đến thả đĩa vào khuỷu đầu gối tôi. Vì chắc chắn bà ấy sẽ làm thế nếu tôi kể tôi đến gặp người nghèo và đến gặp những người quyền quý nói về cái ác và cái thiện, về công lý và bất công. Vì vậy, tôi để bà ấy rầy la tôi theo ý thích và ngỗng rán của bà tan chảy ngon lành trong miệng tôi sau khi tôi đã ăn bánh mì và cá rán trong dầu thiu của nô lệ và rượu của bà ngọt ngào trong miệng tôi sau khi tôi đã uống bia nhạt của người nghèo. Tim tôi dịu lại và tôi độ lượng ngẫm nghĩ về những việc làm của mình theo cách nghĩ của một thầy thuốc và nhận ra rằng với con mắt của thầy thuốc, tôi đã mắc bệnh và lẽ ra tôi phải được khoan sọ để khỏi bệnh, vì tôi không còn bằng lòng với thế gian như nó vốn có, mà tự coi mình có tội trong bất cứ điều xấu xa nào xảy ra trên thế gian.

Vì thế, tôi lại ngồi xuống trong khu vườn của mình dưới bóng cây sung dâu, ngắm nhìn những con cá cầm lặng trong ao và tâm trí tôi trầm tĩnh lại khi nhìn chúng trong tiếng lửa kêu trên con phố trước nhà và khi nhìn những đứa trẻ chơi trò trận giả, ném phân lửa vào nhau. Kaptah cũng đến thăm tôi, vì quả thật ông ấy đã trở về Thebes, không còn sợ nô lệ và phu khuân vác mà bây giờ lại trở nên thật nhún nhường. Ông ấy oai vệ đến nhà tôi, mười tám nô lệ da đen khênh chiếc kiệu được trang trí và sơn màu, còn ông ấy ngồi trong kiệu trên những tấm thảm mềm và dầu xúc đất tiền nhỏ từ trán xuống mặt để ông ấy khỏi ngửi thấy mùi hôi thối của khu phố nghèo. Ông ấy đã lại béo lên rất nhiều và một thợ kim hoàn Syria đã làm cho ông con mắt mới bằng vàng và đá quý thay cho con mắt bị mù. Ông ấy rất tự hào về nó mặc dù nó cọ xát rất khó chịu trong hốc mắt, nên ông đã gỡ nó ra khi ngồi xuống cạnh tôi dưới gốc sung dâu vì không ai thấy chúng tôi.

Trước tiên, ông ấy ôm tôi và sung sướng òa khóc vì được gặp tôi. Ông ấy nặng như một ngọn núi khi nghiêng người đặt đôi bàn tay to bè của mình lên vai tôi và dưới sức nặng ấy, chiếc ghế mà Muti mang ra cho ông ấy sụp xuống, vỡ ra từng mảnh nên ông

cuốn vạt áo của mình lên và ngồi xuống đất trước mặt tôi. Ông ấy kể với tôi rằng cuộc chiến ở Syria sắp kết thúc và đội chiến xa của Horemheb đã đến được Kadesh nhưng không đủ sức đánh chiếm Kadesh. Ông ấy khoe khoang về sự giàu có của mình và những thương vụ lớn mà ông đã làm ở Syria; ông ấy kể đã mua một lâu đài cũ trong khu quyền quý và thuê hàng trăm thợ xây dựng xây lại nó cho xứng với sự giàu có của mình, vì việc sở hữu và trông coi một quán rượu ở bến cảng không còn thích hợp với danh giá của ông ấy nữa.

Ông ấy bảo với tôi:

- Tôi đã nghe nhiều lời xấu xa về ông ở Thebes, Sinuhe, ông chủ của tôi, người ta nói ông đã kích động người dân chống lại Horemheb và các quan tòa cũng như những người quyền quý rất giận ông, vì ông đã buộc tội họ, nói họ phạm nhiều sai trái và bất công. Tôi khuyên ông nên cẩn trọng, vì nếu ông vẫn tiếp tục nói những lời nguy hiểm như thế, họ sẽ đày ông đến hầm mỏ. Nhưng cũng có thể họ không dám làm thế vì ông vẫn có ân nghĩa với Horemheb, nhưng nhà ông đã bị cháy một lần và cũng có thể trong một đêm tối nào đó, họ sẽ lại đến đánh chết ông, đốt nhà ông thành tro, nếu ông vẫn tiếp tục nói những lời như thế và kích động kẻ nghèo chống lại người giàu. Vậy nên hãy kể cho tôi nghe thực ra ông bị sao vậy và điều gì khiến kiến bò vào đầu ông, để tôi có thể giúp ông, như những người hầu trung thành luôn phải giúp đỡ ông chủ của mình.

Tôi cúi đầu trước mặt ông ấy và kể cho ông ấy nghe tất cả những gì tôi đã nghĩ và đã làm, kể nỗi niềm của trái tim tôi. Ông ấy nghe tôi nói, gật gật đầu khiến đôi má dày ụ sệ xuống. Nghe tôi nói xong, ông ấy bảo:

- Tôi biết ông là người đơn giản và điên khùng, ông chủ Sinuhe của tôi ạ, song tôi đã nghĩ sự điên khùng của ông sẽ đỡ dần theo tuổi tác. Thế nhưng ông còn điên khùng hơn, dù đã tận mắt chứng kiến tất cả những điều xấu xa xảy ra vì Aton và chính

Aton đã phá nát niềm vui của ông. Có thể ông đã bị nhiễm bệnh của Ekhnaton ở Akhetaton, song tôi nghĩ bệnh này của ông phát sinh là do nhàn rỗi, vì sự nhàn rỗi nên những ý tưởng bất chợt, vợ vẫn quấy rầy ông. Nên sẽ tốt hơn nếu ông lại bắt đầu hành nghề của mình và dùng tài năng của mình nghiên cứu hộp sọ của con người và chữa bệnh cho họ, bởi một người khỏi bệnh sẽ mang lại nhiều lợi ích hơn tất cả những lời nói của ông, những điều chỉ làm tổn thương bản thân ông và những người bị ông dụ dỗ bằng lời nói của mình. Còn nếu không muốn hành nghề của mình, ông có thể dành thời gian cho một sở thích hữu ích nào đó, như những người giàu nhàn rỗi vẫn làm. Tôi nghĩ ông không sẵn hà mã được, mà có lẽ cũng không thích mùi mèo, dù ông có thể thành người nổi tiếng khi nuôi các giống mèo thuần chủng như Pepitamo. Nhưng chắc chắn ông có thể sưu tập những bi ký cổ và lập thành danh mục; có thể thu thập các vật dụng và đồ trang sức được chạm khắc, rèn đúc từ thời các kim tự tháp; có thể sưu tầm các nhạc cụ Syria hoặc tranh, tượng của các vị thần da đen được binh lính trở về từ cuộc chiến ở xứ Kush rao bán. Thật vậy, Sinuhe, trên thế gian này có vô số cách để con người dùng thời gian nhàn rỗi của mình, để những suy nghĩ viển vông không quấy rầy anh ta. Đàn bà và rượu hoàn toàn không phải là cách giết thời gian tồi tệ nhất và trò chơi xúc xắc nhanh chóng xua tan cơn gió độc, mặc dù đó là những trò chơi nguy hiểm đối với một kẻ yếu đuối như ông, thưa ông chủ Sinuhe của tôi, nếu ông cho phép tôi được nói vậy. Nhưng vì Amon, hãy chơi xúc xắc, hãy vung vãi vàng của ông vào đàn bà, hãy rượu chè say sưa, làm bất cứ điều gì, miễn là ông không hủy hoại bản thân bằng những lời nói vô bổ, vì tôi rất yêu quý ông và tôi không muốn điều xấu đến với ông, thưa ông chủ Sinuhe của tôi.

Ông ấy nói thêm:

- Trên đời không có gì hoàn hảo cả, rìa các ổ bánh mì thường bị cháy sém, trái cây nào cũng bị sâu đục và con người ta khi uống rượu đều cảm thấy khó chịu sau cơn say. Tương tự thế, không có công lý nào hoàn hảo mà mọi công lý đều bao hàm sự bất công,

ngay cả những việc làm tốt cũng có thể dẫn đến hậu quả xấu và những ý định tốt nhất lại có thể gieo rắc nhiều chết chóc nhất, như trường hợp của Ekhнатon đã dạy ông. Nhưng nhìn tôi đây, ông chủ Sinuhe của tôi, tôi bằng lòng với khiếm khuyết của mình và béo tốt lên trong sự hòa hợp với thần linh và con người, các quan tòa của pharaon cúi đầu trước tôi, mọi người ca tụng tên tôi; trong khi đó những con chó đá vào chân ông. Sinuhe, hãy bình tâm lại, ông chủ của tôi, vì ông không có lỗi, thế giới là như vậy, xưa đã thế và sau này vẫn thế.

Tôi vô cùng ghen tị nhìn thân hình béo tốt và sự giàu có của ông ấy, vì ông ấy có thể bình tâm như thế, nhưng tôi nói:

- Cứ như ông nói đi, Kaptah. Tôi sẽ bình tâm và lại bắt đầu hành nghề của mình, nhưng hãy nói cho tôi biết người ta còn nhớ đến Aton và vẫn nguyện rửa Aton không, vì ông nhắc đến Aton, mặc dù tên của ngài đã bị cấm không được nhắc đến và tên của ngài đã khiến nhiều người bị đày vào hầm mỏ và bị treo ngược trên tường.

Kaptah nói:

- Đúng là Aton đã bị lãng quên nhanh cũng như khi các cột trụ của Akhetaton sụp đổ, những bức tường vỡ vụn và cát lấp đầy sàn các ngôi nhà. Nhưng tôi đã thấy một số nghệ sĩ vẽ những bức tranh theo phong cách của Aton, những người kể chuyện kể những câu chuyện nguy hiểm, hình thánh giá Aton được vẽ trên cát ở chợ và trên các bức tường nhà vệ sinh công cộng, vì vậy Aton có lẽ vẫn chưa hoàn toàn bị quên lãng.

- Cứ như ông nói đi, Kaptah, - lúc đó tôi hứa với ông ấy. - Tôi sẽ bình tâm, bắt đầu hành nghề lại và dần dần tôi cũng sẽ tập sưu tầm những thứ mà ông gợi ý, nhưng vì không muốn bắt chước người khác nên tôi sẽ sưu tầm những gì người khác không sưu tầm, tôi sẽ “sưu tầm” tất cả những người còn nhớ tới Aton.

Nhưng Kaptah cho là tôi nói đùa, và cười với những lời tôi vừa nói như với lời bốn cột tẩu tẩu, vì cũng như tôi, ông ấy biết rõ rằng Aton đã gây ra cho Ai Cập và cho bản thân tôi biết bao điều tồi tệ đến như thế nào. Sau đó, chúng tôi chuyện trò vui vẻ về nhiều việc và Muti mang cho chúng tôi rượu và chúng tôi cùng uống cho đến khi nô lệ của ông ấy đến, đỡ ông ấy đứng dậy, vì ông ấy khó tự mình đứng lên do quá to béo, và ông ấy ngồi kiệu rời nhà tôi. Hôm sau, ông ấy gửi cho tôi rất nhiều quà làm cuộc sống của tôi trở nên xa hoa và dễ chịu, để tôi không thiếu gì mà chỉ vui sống, nếu tôi còn biết thích thú, mừng vui.

6

Thế là tôi lại cho treo tám biển thầy thuốc trên cửa nhà mình, bắt đầu hành nghề lại và yêu cầu bệnh nhân trả quà tùy theo khả năng của họ, còn những bệnh nhân nghèo, tôi không bắt trả quà cáp, nên trong sân nhà tôi từ sáng đến tối đầy kín bệnh nhân và tôi không được lợi nhiều từ tài năng chữa trị của mình. Khi chữa cho bệnh nhân, tôi thận trọng hỏi họ về Aton vì không muốn làm họ sợ và cũng không muốn họ đồn thổi những lời xấu xa về tôi, khiến danh tiếng vốn đã đủ xấu của tôi ở Thebes càng thêm tệ hại. Nhưng theo thời gian, tôi nhận ra rằng Aton đã bị lãng quên, không còn ai hiểu ngài nữa mà chỉ những kẻ cuồng tín và chịu nhiều bất công mới nhớ đến ngài và xây dựng lại hình ảnh của ngài trong tâm thức họ theo mức độ cuồng tín cũng như những bất công mà họ phải chịu đựng, còn thì thánh giá Aton được dùng như dấu hiệu phù thủy độc ác nhằm hãm hại con người.

Khi nước lũ lại rút xuống, giáo sĩ Eje qua đời; nghe kể ông ta chết đói vì sợ bị đầu độc nên không dám ăn bất cứ thứ gì, kể cả bánh từ bột do chính mình xay, nặn và rán trong hoàng cung, vì ông ta nghĩ hạt đại mạch đã bị đầu độc nhằm vào ông ta ngay khi mới trở bông trên đồng. Khi ấy, Horemheb chấm dứt cuộc chiến ở Syria, để người Hittite nắm quyền tại Kadesh vì anh ta không

đủ sức chiếm nó, và hân hoan, dong buồm ngược sông trở về Thebes ăn mừng tất cả chiến công của mình. Anh ta không coi Eje là một pharaon đích thực nên không để tang sau khi Eje chết, mà tuyên bố ông ta là một pharaon giả, gây ra chiến tranh liên miên, tăng sưu thuế gây đau khổ cho Ai Cập. Ngay sau khi Eje chết, Horemheb chấm dứt chiến tranh và cho đóng cổng đền Sekhmet, khiến dân chúng tin rằng anh ta hoàn toàn không muốn chiến tranh mà chỉ phải tuân theo lệnh của pharaon độc ác. Vì vậy, người dân hân hoan chào đón anh ta trở về, ca ngợi anh ta và binh lính của anh ta.

Nhưng ngay sau khi về đến Thebes, việc đầu tiên Horemheb làm là cho gọi tôi đến gặp để nói chuyện và anh ta nói với tôi:

- Sinuhe, bạn của tôi, giờ tôi đã nhiều tuổi hơn lúc chúng ta chia tay, tâm trí tôi luôn bị giày vò vì những lời anh nói, buộc tội tôi là một kẻ khát máu, chỉ mang đến tai họa cho Ai Cập. Nhưng giờ đây tôi đã có được những gì tôi muốn và đã giành lại sự huy hoàng vĩ đại cho Ai Cập, nên không hiểm họa ngoại bang nào còn đe dọa Ai Cập, bởi tôi đã bẻ gãy mũi giáo của Hittite, để việc chinh phục Kadesh lại cho Ramses con trai tôi, vì bản thân tôi đã nếm trải quá đủ mùi vị chiến tranh và muốn xây dựng cho con tôi một vương quốc vững mạnh. Lúc này, Ai Cập thật bần, như một trại gia súc nghèo khổ rách nát, nhưng rồi anh sẽ thấy, nhanh thôi, tôi bắt đầu lừa phân rác ra khỏi Ai Cập như thế nào và tôi sẽ lấy công lý thay vào những bất công, phân xử từng người theo việc làm của họ, người siêng năng theo sự siêng năng của họ, kẻ lười biếng theo sự lười biếng của anh ta, kẻ trộm cắp theo hành vi trộm cắp của hắn ta và người phạm tội theo tội lỗi của họ. Thật vậy, Sinuhe bạn ơi, những ngày xưa huy hoàng sẽ trở lại Ai Cập cùng với tôi và tất cả sẽ như xưa. Vì vậy tôi cũng sẽ ra lệnh xóa tên Tutankhamon và Eje đáng thương khỏi danh sách các pharaon, như tên của Ekhnaton đã bị xóa khỏi danh sách các vị vua, như thể thời của họ chưa bao giờ tồn tại và tôi sẽ tính triều đại của tôi bắt đầu từ cái đêm Pharaon Đại để qua đời,

khi tôi đến Thebes với ngọn giáo trong tay và chim ưng bay phía trước.

Anh ta trở nên buồn bã và dựa đầu vào bàn tay, chiến tranh để lại những vết nhăn trên khuôn mặt anh ta và đôi mắt chất chứa nỗi buồn khi anh ta nói:

- Quả thật thế giới bây giờ đã khác với hồi chúng ta còn trai tráng, khi người nghèo có đủ những thứ họ cần và dầu hay mỡ đều không thiếu trong những căn lều đất sét. Nhưng những ngày xưa ấy sẽ trở lại cùng với tôi, Sinuhe ạ, Ai Cập sẽ phồn thịnh và giàu có. Tôi sẽ cho thuyền bè của mình đến Punt; tôi sẽ mở lại các mỏ đá và các mỏ khoáng sản từ lâu hoang phế để xây dựng các ngôi đền lớn hơn xưa và để thu gom vàng, bạc và đồng vào kho của pharaon. Thật đấy, mười năm nữa thôi anh sẽ không nhận ra Ai Cập nữa, Sinuhe ạ, vì anh sẽ không còn thấy những người ăn xin và người tàn tật trên đất Kemet. Vì kẻ yếu đuối sẽ nhường chỗ cho những người đáng sống; tôi sẽ tẩy sạch dòng máu yếu đuối và bệnh tật khỏi Ai Cập, cũng như sẽ xóa sạch nạn gian tà và trộm cướp để Ai Cập lại trở thành một dân tộc hùng mạnh, sẽ chinh phục toàn thế giới dưới sự lãnh đạo của các con trai tôi.

Nhưng tôi không hân hoan trước những lời anh ta nói, mà ngược lại chúng làm bụng dạ tôi nhộn nhạo, sự lạnh giá găm nhấm tim gan tôi. Vì thế, tôi không cười mà đứng câm lặng trước anh ta. Anh ta nổi nóng, đôi mày cau lại như trước và bắt đầu quất roi vàng vào bắp chân mình, nói:

- Sinuhe, anh vẫn sững sủa, ủ ê như trước và trong mắt tôi, anh như một bụi gai cần cỗi, không hiểu sao tôi lại nghĩ mình sẽ rất vui khi thấy anh. Anh là người đầu tiên tôi cho gọi ngay, trước khi tôi kịp bế con trai mình vào lòng và ôm ấp vợ tôi, Baketamon, vì chiến tranh đã khiến tôi cô đơn, uy quyền đã làm tôi cô độc, khiến tôi không còn có ai ở Syria để chia sẻ niềm vui và nỗi buồn của mình, mà khi nói với ai điều gì, tôi luôn phải

cân nhắc lời nói của mình theo ý định và mong muốn của tôi về người ấy. Nhưng tôi không muốn bất cứ điều gì từ anh, tôi chỉ muốn có tình bạn của anh thôi, Sinuhe ạ. Nhưng hình như tình bạn của anh với tôi đã không còn và anh không còn vui khi gặp tôi nữa.

Tôi cúi đầu thật sâu trước mặt anh ta, trái tim cô đơn của tôi gào thét vì anh ta, và tôi nói:

- Horemheb, trong những người bạn chung thời trai trẻ của chúng ta, anh là người duy nhất còn sống sau tất cả những gì đã xảy ra, vì thế tôi luôn yêu quý anh. Bây giờ uy quyền trong tay anh, anh sẽ sớm đội lên đầu mình vương miện của cả hai vương quốc và không ai có thể ngăn cản sức mạnh của anh được nữa. Vì vậy tôi cầu xin anh, Horemheb, để Aton trở lại. Vì người bạn Ekhnaton của chúng ta, hãy cho Aton trở lại; vì tội ác khủng khiếp của chúng ta, hãy phục hồi Aton để tất cả các dân tộc có thể là anh em với nhau và sẽ không có sự khác biệt giữa con người và con người, cũng như sẽ không bao giờ có chiến tranh nữa.

Nghe thế, Horemheb lắc đầu thương hại và nói:

- Sinuhe ạ, anh vẫn điên rồ như trước. Anh không hiểu sao, Ekhnaton đã ném đá xuống nước và nước bắn lên rất mạnh, nhưng tôi đã dàn mặt nước phẳng lại, như thể ngài ta chưa hề tồn tại. Anh không hiểu sao, chim ưng của tôi đã đưa tôi đến hoàng cung gặp Ekhnaton vào đêm Pharaon Đại đế qua đời để Ai Cập không sụp đổ mà vẫn tồn tại sau ngài, vì thần linh không muốn Ai Cập đổ nát. Vì thế tôi khôi phục lại mọi thứ trước đây, vì con người không bao giờ hài lòng với hiện tại mà trong mắt anh ta chỉ có quá khứ là tốt lành và tương lai sẽ tốt đẹp. Tôi sẽ nối kết quá khứ và tương lai. Tôi sẽ vắt người giàu, những kẻ đã quá giàu, và tôi cũng sẽ ép thần linh, những vị thần quá mỡ màng béo tốt, để trong vương quốc của tôi người giàu không quá giàu, người nghèo không quá nghèo và không con người

hay thần linh nào tranh giành quyền lực với tôi. Nhưng nói với anh chỉ vô ích, vì anh không hiểu suy nghĩ của tôi. Suy nghĩ của anh là suy nghĩ của kẻ yếu thế và bất lực, những kẻ không có quyền sống trên đời, mà chỉ được sinh ra để kẻ mạnh chà đạp và họ đáng bị chà đạp. Vậy nên các dân tộc yếu bị các dân tộc mạnh chèn ép, kẻ lớn cướp miếng ăn từ miệng của kẻ bé. Xưa đã thế và sau này vẫn thế.

Thế là Horemheb và tôi chia tay nhau, không còn là bạn bè như trước. Khi tôi bước ra khỏi nhà anh ta, anh ta đến với các con trai, ôm chặt chúng vào lòng và ném chúng lên cao trong niềm vui sướng của mình, rồi từ phòng các con, anh ta đi đến cung thất của Công chúa Baketamon và nói với nàng:

- Ái phi của ta, nàng như mặt trăng ngời ngời trong tâm trí ta suốt những năm tháng qua và ta nhớ nàng khôn xiết. Giờ đây việc của ta đã xong và nàng sẽ sớm là một hoàng hậu anh minh bên cạnh ta, dòng máu thánh trong nàng cho nàng quyền ấy. Rất nhiều máu đã đổ vì nàng, Baketamon ạ. Các thành phố đã bị đốt cháy vì nàng và tiếng kêu than của dân chúng vang vọng đến trời cao cũng vì nàng ở bất cứ nơi nào quân đội của ta đi qua. Lẽ nào ta không được nhận phần thưởng của mình?

Baketamon mỉm cười triu mến với anh ta và e lệ đặt tay lên vai anh ta và nói:

- Horemheb, phu quân của thiếp, tướng quân vĩ đại của Ai Cập, chắc chắn phu quân sẽ được nhận phần thưởng của mình. Vì thế, thiếp đã cho xây trong vườn của thiếp một vọng lâu, một vọng lâu từ xưa tới nay không đâu sánh bằng để thiếp đón phu quân theo cách phu quân đáng được hưởng và thiếp đã tự mình thu gom từng viên đá từ các bức tường khi bị nổi khát khao chế ngự trong lúc chờ đợi phu quân. Chúng ta hãy đến vọng lâu để phu quân được nhận phần thưởng của mình trong vòng tay của thiếp và để thiếp mang đến cho phu quân niềm hoan lạc.

Horemheb vô cùng sung sướng với những lời Công chúa nói và Baketamon then thùng nắm lấy tay anh ta và dẫn anh ta ra khu vườn, các cung nữ vội ẩn nấp, nín thở vì kinh hoàng khi nghĩ điều gì sẽ xảy ra, cả đám nô lệ và chăn ngựa cũng chạy trốn để lại hoàng cung vắng lặng. Thế là Baketamon đưa Horemheb đến vọng lâu của mình, nhưng khi Horemheb không kiên nhẫn thêm được nữa, muốn ôm choàng lấy Công chúa thì Baketamon đã dịu dàng ngăn lại và nói:

- Horemheb, hãy kìm bản tính đàn ông của mình một chút, để thiếp có thể kể cho phu quân biết thiếp đã xây vọng lâu này khó nhọc thế nào, vì thiếp hy vọng phu quân nhớ những gì thiếp đã nói khi phu quân cưỡng ép thiếp lần cuối. Vì thế, hãy nhìn kỹ những viên đá này và biết rằng mỗi viên đá trên tường và dưới sàn, mà chúng đâu có ít, là kỷ vật cho một lần truy hoan của thiếp trong vòng tay của một người đàn ông khác. Thiếp đã xây vọng lâu này bằng niềm hoan lạc của mình để vinh danh phu quân, Horemheb ạ. Viên đá trắng và to đó là của một người làm cá được thiếp làm cho mê mẩn mang đến, viên đá xanh lục kia thiếp có được từ người dọn nhà xí ở Chợ Than và tám viên đá nâu liền nhau kia là của một người bán rau ôm ấp thiếp bao lâu cũng không mệt và ca tụng hết lời niềm hoan lạc mà thiếp trao cho anh ta. Horemheb, chừng nào phu quân còn kiên nhẫn, thiếp sẽ kể cho phu quân nghe sự tích của từng viên đá và chúng ta còn nhiều thời gian. Chúng ta vẫn còn bao nhiêu năm chung sống và về già cũng sẽ ở bên nhau, nhưng thiếp tin mình có đủ chuyện để kể về những viên đá này cho đến lúc già, mỗi lần phu quân muốn ôm ấp thiếp.

Ban đầu, Horemheb không tin những lời nàng nói mà coi đó là những lời đùa cợt điên rồ và cử chỉ then thùng của Công chúa đã lừa anh ta. Nhưng khi nhìn vào đôi mắt hình trái xoan của Baketamon, anh ta thấy trong đó nỗi căm hận, thứ đáng sợ hơn cả cái chết, và tin lời Công chúa. Khi hiểu ra, anh ta điên lên vì giận dữ và rút phắt con dao Hittite của mình ra để giết Baketamon, người đã nhục mạ phẩm giá đàn ông và tính phù

phiếm của anh ta với cái cách khùng khiếp đến như thế. Nhưng Baketamon lập tức vạch trần bầu vú ra trước mặt anh ta và nói đầy giễu cợt:

- Đâm đi, Horemheb, hãy dùng dao hất vương miện trên đầu người đi vì ta là nữ tu của Sekhmet, mang dòng máu linh thiêng. Nếu người giết ta, người sẽ mất quyền hợp pháp để ngồi lên ngai vàng của các pharaon.

Lời nói của Baketamon khiến Horemheb kìm mình lại, vì anh ta phải hòa ái với Baketamon, bởi chỉ có cuộc hôn nhân với Baketamon mới giúp anh ta hợp pháp kế vị ngai vàng của các pharaon. Như thế, Baketamon đã gông cùm anh ta và anh ta không làm được gì nàg, mà sự trả thù của Baketamon thật hoàn hảo vì Horemheb thậm chí không dám phá vọng lâu của nàg và nó cứ hiện ra trước mắt anh ta mỗi ngày khi anh ta từ trong cung điện của mình nhìn ra. Ngẫm nghĩ, cân nhắc mọi chuyện, anh ta thấy không còn cách nào khác ngoài việc giả vờ không biết gì về những việc làm của Baketamon. Vì nếu anh ta cho phá dỡ vọng lâu, mọi người sẽ nhận ra rằng anh ta biết việc Baketamon đã để cho bàn dân thiên hạ ở Thebes khắc nhổ vào giường của anh ta như thế nào. Vì vậy, anh ta thà chịu đựng những lời chê cười của dân chúng sau lưng mình hơn là hạ mình công khai nổi ô danh. Nhưng từ đó trở đi, anh ta không còn động chạm hay quấy rầy Baketamon nữa mà sống một mình, và tôi cũng buộc phải có lời khen Baketamon, vì Công chúa không bắt tay vào xây thêm công trình mới mà bằng lòng với vọng lâu xinh đẹp của mình.

Chuyện xảy ra với Horemheb là vậy đấy và tôi không nghĩ rằng anh ta còn vui mừng nhiều lắm với vương miện của mình, khi các giáo sĩ xúc dầu cho anh ta và đội chiếc vương miện đỏ và trắng, hoa huệ và giấy cói, của miền Thượng và miền Hạ lên đầu anh ta. Anh ta trở nên đa nghi và không còn tin tưởng hoàn toàn vào bất cứ ai mà luôn nghĩ rằng mọi người đang cười nhạo sau lưng mình vì Baketamon. Thế là Horemheb vĩnh viễn chịu

một cái gai nhọn trong hông mình và nỗi đau trong tim không bao giờ phai. Anh ta cũng không thể vui vẻ với bất kỳ người phụ nữ nào nữa, vì những tổn thương phải chịu với anh ta là quá khủng khiếp. Vậy nên anh ta lấy công việc để làm chai đi nỗi buồn tủi và uất hận, bắt đầu lùa phân rác ra khỏi Ai Cập để trả lại mọi thứ trước đây cho Ai Cập và đem công lý thay cho bất công.

7

Để thật công tâm, tôi cũng phải kể về những việc Horemheb đã làm rất tốt, vì dân chúng đã ngợi ca, tán tụng tên anh ta, coi anh ta là một vị vua tốt và chỉ sau những năm đầu anh ta nắm quyền, người dân đã xếp anh ta vào hàng những pharaon vĩ đại của Ai Cập. Anh ta đã vắt ép những kẻ giàu có và quyền quý, không cho phép bất cứ ai trở nên quá giàu hoặc quá cao sang ở Ai Cập, để không ai có thể tranh giành quyền lực với anh ta và việc này làm cho dân chúng hết sức hài lòng. Anh ta trừng phạt những quan tòa giả và khôi phục quyền lợi cho người nghèo; anh ta cải cách thuế vụ bằng việc lấy từ quốc khố của pharaon trả lương cho những người thu thuế, không cho họ còn quyền bòn rút thuế từ người dân để làm giàu cho mình.

Tâm trí mãi mãi không yên, anh ta miệt mài vi hành dọc đất nước, từ châu này sang đạo khác, từ làng nọ đến tổng kia để điều tra những việc làm sai trái. Và những cái tai bị cắt, những cái mũi đầy máu của những người thu thuế lạm quyền đánh dấu hành trình của anh ta; tiếng gậy vục chan chát và tiếng gào khóc vang lên khắp những nơi anh ta đến xét xử. Ngay cả người nghèo cũng có thể trực tiếp bày việc của họ với anh ta, các quan lại dưới quyền anh ta không dám ngăn cản người nghèo đến gặp anh ta và anh ta công minh phân xử cho họ. Anh ta lại cho thuyền đến xứ Punt và vợ con các thủy thủ lại khóc trên bến cảng, lấy đá cào xước mặt theo tập quán tốt đẹp, và Ai Cập đã

giàu có lên rất nhiều, vì mỗi năm có ba trong mỗi mười thuyền trở về mang theo rất nhiều của cải. Anh ta cũng xây dựng nhiều ngôi đền mới và ban cho các vị thần những gì thuộc về thần linh, theo danh vị và quyền lợi của thần, không thiên vị bất kỳ vị thần nào, trừ Horus, và không thiên vị ngôi đền nào, trừ đền Hetnetsut, nơi mọi người tôn thờ hình ảnh của chính anh ta như một vị thần và cúng tế bò đực cho anh ta. Vì tất cả những việc này, dân chúng đã cầu nguyện cho anh ta, hết lời ca ngợi anh ta và kể biết bao nhiêu câu chuyện lạ kỳ về anh ta ngay khi anh ta đang sống.

Kaptah cũng làm ăn rất phát đạt và mỗi năm lại giàu có hơn, đến nỗi không một người đàn ông nào ở Ai Cập có thể cạnh tranh được với ông ấy về độ giàu có. Vì không có vợ con nên ông ấy trao cho Horemheb quyền thừa kế để những ngày cuối đời được sống yên ổn và ngày càng thu vén thêm được nhiều của cải. Chính vì vậy, Horemheb không siết ông ấy tội tệ như siết những người giàu có khác ở Ai Cập, và không cho những người thu thuế hoành hành ông ấy quá nhiều.

Kaptah thường mời tôi đến nhà mình, ở khu thượng lưu và có vườn cây, nằm trọn cả một khoảng đất giữa các con phố, khiến ông không có đến một người hàng xóm nào để thi thoảng quấy rầy ông. Ông ấy ăn bằng bát đĩa tráng vàng, trong nhà ông nước chảy ra từ vòi bạc kiểu Hy Lạp, bồn tắm bằng bạc, bệ ngồi nhà xí bằng gỗ mun và tường nhà xí ốp toàn đá quý tạo thành những bức tranh rất đẹp mắt. Ông ấy cho tôi ăn những món tuyệt ngon, cho tôi uống rượu thời các kim tự tháp và khi ông ấy ăn, các nhạc công, ca sĩ và các vũ nữ xinh đẹp và nổi tiếng nhất của Thebes trình diễn những điệu nhảy điêu luyện nhất để ông tiêu khiển. Tuy nhiên, ông ấy không có nhiều lạc thú với đàn bà vì cái bụng của ông ấy cản trở đường đi của tình ái và ông chọn thỏa mãn cho cái bụng mình hơn là vui thú với phụ nữ.

Ông ấy cũng tổ chức những bữa tiệc linh đình, giới thượng lưu giàu có Ai Cập rất vui lòng đến nhà ông ấy, mặc dù ông sinh ra là

nô lệ và trong cách cư xử vẫn giữ nhiều thói quen từ thuở nô lệ như lấy tay vắt xỉ mũi, ợ rất to trong bữa ăn. Ông ấy là một chủ nhà hào phóng, phân phát những món quà quý giá cho khách của mình và những lời khuyên liên quan đến thương mại của ông thật tinh ranh và khôn ngoan, vậy nên ai cũng được lợi từ việc kết bạn với ông ấy. Những lời nói và câu chuyện của ông ấy thật khôi hài và kỳ cục, ông thường khoác lên người áo quần nô lệ để tiêu khiển các vị khách và kể cho họ nghe đủ lời dối trá lừa lọc theo thói quen của nô lệ, vì ông ấy quá giàu có nên chẳng sợ lời nhạo báng nào về quá khứ của mình, mà còn ngạo mạn vênh váo trước giới quyền quý Ai Cập rằng trước kia mình từng là nô lệ. Ông ấy nói với tôi:

- Sinuhe, ông chủ của tôi ơi, tạo hóa thật kỳ lạ, khi con người đủ giàu, anh ta không thể nghèo đi mà chỉ ngày càng giàu hơn, ngay cả khi anh ta không muốn giàu thêm nữa. Nhưng sự giàu có của tôi bắt nguồn từ ông, Sinuhe ạ, vì thế tôi luôn luôn công nhận ông là ông chủ của tôi, và ông sẽ không phải chịu túng thiếu trong những ngày còn sống, mặc dù vì chính bản thân mình, ông cứ nghèo khó lại tốt hơn, bởi ông không biết dùng của cải đúng cách mà với của cải ấy, ông chỉ gieo rắc hỗn loạn và gây ra nhiều tai họa. Vì vậy, đúng là tốt hơn khi ông đã phung phí hết của cải của mình trong những ngày tháng tồi tệ của pharaon giả, vì tôi sẽ trông coi lợi ích cho ông và lo sao cho ông không thiếu thứ gì mà ông đòi hỏi.

Ông ấy cũng ưu ái các nghệ sĩ và họ đã chạm hình ông vào đá và khắc ông thành người quyền quý và tinh tế; họ đeo tạc thân thể ông thật thanh tú, bàn tay và bàn chân nhỏ, gò má cao và trong các bức tượng, cả hai mắt của ông đều nhìn thấy, ông ngồi trầm tư, chân vắt chéo, cuộn giấy trên đầu gối với cây viết trong tay, dù ông chưa bao giờ thậm chí gắng học đọc và viết mà các thư lại của ông đọc, viết và tính những con số lớn thay ông. Những bức tượng này khiến Kaptah và các giáo sĩ Amon rất thích chí. Ông ấy đã trao những món quà lớn cho các giáo sĩ Amon khi từ Syria trở về để được an lành với thần linh và họ đã cho phép

dựng tượng ông trong ngôi đền lớn và ông đã tự trả công cho bức tượng này.

Kaptah cũng cho xây cho mình một lăng mộ hùng vĩ ở thành phố của người chết và các nghệ sĩ đã vẽ lên tường lăng mộ rất nhiều bức hình về cuộc sống hằng ngày và những thú vui của ông. Họ vẽ ông ấy rất quý phái, đủ hai mắt và không có bụng to, vì ông ấy muốn lừa thần linh và đến miền tây cực lạc trong hình dạng ông ấy muốn chứ không phải dáng hình vốn có của mình, dù trong cuộc sống thường ngày ông ấy chỉ muốn được là chính bản thân vì như thế đỡ phiền hà hơn là phải tỏ ra quyền quý. Để đánh lừa thần linh, ông ấy cho làm một cuốn tử thư để đặt vào lăng. Đây là cuốn tử thư được chế tác công phu nhất và phức tạp nhất trong những cuốn sách tôi từng thấy, gồm mười hai cuộn, cả tranh và các bản viết với nhiều bài thần chú để trấn an các linh hồn nơi địa ngục và thêm cân Osiris với những quả cân giả và hối lộ những con khỉ đầu chó chính trực. Ông ấy làm tất cả những việc này bởi theo ông ấy cần tắc vô ưu, dù ông không tài nào nhớ nổi thần chết mà sùng kính bộ hung của chúng tôi hơn bất kỳ vị thần nào.

Nhưng tôi mừng cho Kaptah vì sự giàu có và hạnh phúc của ông ấy, cũng như tôi mừng cho tất cả mọi người về niềm vui và sự mãn nguyện của họ và tôi không còn muốn tước đi của họ những điều họ tưởng tượng ra nếu những viễn ảnh ấy khiến họ hạnh phúc. Vì thật ra cuộc đời con người được thêu dệt nên theo viễn cảnh bằng nhiều cách. Vì vậy, sự thật là tồi tệ và cay đắng với con người và với nhiều người; thà giết họ đi còn hơn làm tiêu tan các viễn cảnh của họ. Vì vậy tôi không cố ý phá vỡ điều người khác tưởng tượng nếu họ hạnh phúc với chúng và không vì chúng mà làm việc ác mà chỉ hài lòng những gì mình tưởng tượng ra.

Nhưng viễn cảnh không làm trán tôi mát hơn, niềm vui không làm trái tim tôi an nhiên và công việc cũng không làm tôi tự tại, mặc dù trong những năm này tôi đã làm rất nhiều việc, chữa

lành không biết bao nhiêu bệnh nhân và tôi cũng đã mấy lần khoan sọ người, phần lớn khỏi bệnh và chỉ có ba người chết nên tôi đã có tiếng là người khoan sọ giỏi. Tôi bất mãn suốt đời và có lẽ tôi đã nhiễm từ Muti tính cay nghiệt của bà ấy, thói quen lâu bầu, ca cảm của bà ấy đã lây sang tôi, khiến tôi không ngớt ca thán, mắng mỏ tất cả những người tôi gặp. Tôi quở trách Kaptah về tính háu ăn, tôi trách mắng người nghèo về sự lười biếng, người giàu về sự ích kỷ, các quan tòa về sự thờ ơ của họ. Tôi không vừa lòng với bất kỳ ai mà bất mãn với tất cả mọi người và chế nhạo họ một cách thậm tệ. Nhưng tôi không bao giờ giấu cọt bệnh nhân và trẻ con mà gắng chữa chạy và không gây quá nhiều đau đớn không cần thiết cho họ; tôi còn bảo Muti phát những chiếc bánh mật ong bà ấy rán cho những cậu bé trên phố mà đôi mắt của chúng khiến tôi nhớ đến đôi mắt sáng của Thoth.

Mọi người nói về tôi:

- Gã Sinuhe này là một lão già sâu não và cay nghiệt, lá gan ông ta sừng vù và túi mật trào khỏi miệng khi ông ta nói, vì vậy ông ta già đi quá sớm, không còn biết vui với cuộc sống của mình nữa. Những việc làm xấu xa của ông ta cũng đeo bám ông ta khiến đêm ông ta không ngủ được. Vậy nên chúng ta hãy nhân từ và bỏ qua cho ông ta, vì lưỡi ông ta đâm bản thân mình nhiều hơn là châm chọc chúng ta.

Quả đúng như vậy, sau khi đã rầy la, mắng mỏ chán chê và rơi nước mắt xót xa cho những kẻ lười không có lương thực, sau khi đã cởi áo mình khoác lên người những gã say, xin lỗi những kẻ giàu sang về những lời mắng mỏ của mình, tôi tin vào sự công tâm của các quan tòa. Tôi làm thế bởi tôi vẫn còn yếu đuối và không thể đổi thay bản tính của mình.

Nhưng tôi cũng còn nói xấu về Horemheb và trong mắt tôi, tất cả việc làm của anh ta đều xấu xa; tôi oán trách nhất những con bọ bẩn thỉu được anh ta nuôi bằng quốc khố của pharaon, sống

một cuộc đời lười biếng và luôn khoe khoang về những chiến công của mình trong các quán bia và nhà vui, đâm thủng đầu và chém đứt chân tay nhau trong các cuộc ẩu đả, hãm hiếp con gái của người nghèo khiến đàn bà con gái không còn thấy an toàn trên đường phố Thebes. Nhưng Horemheb đã bỏ qua cho những con bọ bắn thỉu của mình tất cả những gì họ làm và luôn giải thích những việc làm đó theo hướng tốt nhất. Nếu người nghèo xin gặp Horemheb thưa kiện về việc của con gái họ thì anh ta nói đáng ra họ phải tự hào vì nhờ binh lính phối giống mà Ai Cập sẽ có dòng máu tốt khỏe mạnh. Vì Horemheb căm ghét đàn bà và chỉ coi họ là người sinh ra những đứa trẻ chứ không cho họ nhân phẩm gì khác.

Những người muốn tốt cho tôi thường nhắc nhở tôi không được nói xấu về Horemheb, đưa tay bịt miệng tôi khi tôi lớn tiếng nói xấu anh ta ở nơi đông người, vì họ sợ cho tôi cũng như sợ cho chính họ; họ lảng xa tôi, để tôi lại một mình. Vì thời gian trôi qua, Horemheb càng trở nên đa nghi với tất cả mọi người và muốn biết tất cả những gì dân chúng nói về mình, nên chẳng bao lâu sau, không một nơi công cộng hay quán rượu nào không có tai mắt của Horemheb lắng nghe lời ca thán và oán trách của dân chúng. Tôi cũng phải thừa nhận rằng bằng cách này, Horemheb biết được rất nhiều việc làm sai trái mà dân chúng không dám kêu van đến anh ta và anh ta đã trừng phạt những kẻ làm sai rất nghiêm khắc. Nhưng những người dám chỉ trích việc làm của anh ta còn phải chịu cực nhiều hơn thế, biết bao người đã bị đánh tóe máu và biết bao người bị dày đến các hầm mỏ và mỏ đá vì đã nói lời cay độc, một vài người bị coi là phù thủy và bị ném làm mồi cho cá sấu. Nhưng Horemheb nuôi tai mắt của mình bằng ngân khố của pharaon, nên họ không được thưởng từ những lần cấp thông tin và cũng không được nhận tài sản của những người đã bị họ ẩn vào cối chết. Thế nên người ta có thể thoát khỏi tai họa do miệng lưỡi mình gây nên bằng cách tặng quà cho tai mắt của Horemheb, cho họ uống thật nhiều rượu, và người nghèo thoát được bằng cách để vợ hoặc

con gái của mình ngủ với những người này, nên tai mắt của Horemheb sống nhàn hạ, phê phỡn và hăng hái phục vụ chủ.

Chính Horemheb đã nói: “Ta đã ban cho mỗi người theo công sức bỏ ra và cả người nghèo cũng được nhận đầy đủ theo phần mình, mỡ hoặc dầu có đủ trong các lều đất sét. Ta cũng rất vui khi lại thấy những đứa trẻ béo khỏe ở Ai Cập vì trẻ em là của cải của Ai Cập và những thằng bé khỏe mạnh sẽ trở thành những người lính tốt, còn những bé gái béo khỏe sẽ đẻ nhiều con hơn những đứa gầy gò. Nhưng nhàn rồi sinh ra lười biếng, xa xỉ sinh ra bất an và những lời nói độc hại. Vì thế ta phải kiểm soát quyền lực của mình, bởi nếu không chẳng còn lâu nữa, dân Ai Cập sẽ quá cứng đầu dưới sự chần dặt của cây trượng quyền uy của ta”.

Vì vậy, anh ta bắt dân chúng làm việc công ích quá sức, bắt xây những con đường lát đá, bắt đào những con kênh lớn để người dân không kịp có âm mưu chống lại anh ta trong những ngày nhàn rỗi của thời hưng thịnh. Nên trong thời gian anh ta trị vì, người dân như bò đực ngày càng béo ra nhưng luôn bị một ngọn giáo hích bên mạn sườn nên không bao giờ được yên ổn nghỉ ngơi. Horemheb sai khắc chạm các ảnh tượng và văn bia vào những ngôi đền anh ta cho xây dựng để ca ngợi những việc làm và chiến công của mình, nên hằng ngày người dân thấy ngay trước mắt mình Pharaon đã khôi phục lại Ai Cập như thế nào, công lý thay cho bất công và mỗi người dân được nhận đủ phần mình như thế nào. Cả những người kể chuyện rong ngồi trên thảm ở cổng thành hay góc phố cũng ca tụng những việc làm hiển hách của anh ta, kể những câu chuyện thần tiên về sự ra đời của anh ta và Horemheb ưu ái tặng quà, ban phát cho họ lương ăn, dầu và bia. Nhưng đám người kể chuyện rong thường khó bảo và thích đùa bỡn, không có gì là thiêng liêng với họ, vì thế họ thêu dệt thêm nhiều sợi chỉ sắc sảo vào các câu chuyện kể của mình, khiến người nghe buộc phải cười. Nhưng bản thân Horemheb vì quá tự phụ nên không nhận ra những người kể chuyện mà anh ta ban thưởng đã bí mật chế nhạo anh ta trong

chuyện kể của họ, cũng không phải tất cả người nghe đều hiểu người kể chuyện mà họ chỉ há hốc mồm và giơ tay lên cao tỏ vẻ kinh ngạc khi những người này kể rằng Horemheb được sinh ra khi thần Horus dừng chân ở Hetnetsut trong chuyến du hành của mình để lom khom bên vệ đường.

Nhưng thời gian trôi qua và Horemheb trở nên đa nghi hơn, rồi một hôm lính của ông ta đến nhà tôi, xỏ dép vào chân tôi, quần áo quanh người tôi và dùng cán giáo đuổi người bệnh khỏi sân nhà tôi để đưa tôi đến gặp Horemheb. Lúc đó mùa xuân vừa đến, nước đã rút bớt và những đàn én chí chóc lao vun vút như tên bắn trên dòng sông chở đầy phù sa vàng. Toán lính dẫn tôi đến trước mặt Horemheb. Ông ta đã già đi nhiều trong những năm sau này, cổ còng xuống, khuôn mặt ngả vàng và cơ bắp nổi như những cái mấu nhỏ trên thân thể gầy gò và dài ngoằng. Ông ta nhìn tôi với đôi mắt không còn chút niềm vui nào và gọi tên tôi, nói:

- Sinuhe, ta đã nhiều lần cho rằng đe ông, nhưng ông phớt lờ những lời cảnh cáo ấy của ta, vẫn cứ nói với người dân rằng nghề lính là nghề đáng khinh bỉ nhất và thấp hèn nhất trong tất cả các nghề, ông còn bảo những đứa trẻ thà chết trong bụng mẹ còn hơn sinh ra làm lính và hai hoặc ba đứa con với một người đàn bà là đủ, không cần phải đẻ thêm nữa, và người mẹ hạnh phúc khi nuôi dạy ba đứa con sẽ tốt hơn là bất hạnh và nghèo khó khi nuôi chín hay mười đứa. Ông còn nói tất cả các vị thần đều như nhau, tất cả các ngôi đền đều là những ngôi nhà tối tăm và ông nói thần của Pharaon giả vĩ đại hơn tất cả các thần khác. Ông còn bảo người ta không nên bán hay mua người khác làm nô lệ, lại còn nói nông dân là người sở hữu đất mà họ canh tác và sở hữu nhà kho mà họ dùng để thu hoạch mùa màng, mặc dù đất đai là của pharaon hay thần linh. Ông còn nói cách ta trị vì không khác ách cai trị của người Hittite là mấy và ông còn nói nhiều điều rồ dại hơn thế nữa, nên nếu là người khác, chỉ nói ít hơn thế nhiều đã phải đập đá trong mỏ đá một thời gian dài. Ta đã kiên nhẫn với ông, Sinuhe ạ, vì ông từng là bạn của ta và

chừng nào giáo sĩ Eje còn sống, ta còn cần ông bởi ông là nhân chứng duy nhất của ta chống lại lão. Nhưng bây giờ ta không cần đến ông nữa, vì chừng nào ông còn sống, những việc về ông và nhất là tất cả những gì ông biết về ta có thể làm hại ta. Nếu khôn ngoan ra, ông đã nên giữ mồm giữ miệng, sống lặng lẽ và bằng lòng với những gì mình có, vì thực sự ông chẳng thiếu gì, nhưng thay vào đó ông lại nhổ rác rưởi từ miệng mình lên đầu ta và ta không còn chịu đựng lâu hơn được nữa.

Ông ta trở nên tức giận và bắt đầu dùng roi vàng quất vào đôi chân đã gầy đi của mình rồi cau mày nói tiếp:

- Quả thật người giống như bọ chết giữa các ngón chân ta, ruồi trâu trên vai ta, và ta không chấp nhận trong vườn mình những bụi cây không ra hoa kết trái mà chỉ mọc ra những chiếc gai độc. Mùa xuân lại đến trên đất Kemet và én bắt đầu vui mình vào bùn cả mùa hè khi nước rút, bồ câu đang gù gù kêu và những cây keo đang nở hoa. Đây là khoảng thời gian tồi tệ, vì mùa xuân luôn đem đến sự khắc khoải bồn chồn và những lời nói vô bổ; những thằng nhãi ranh cuồng nhiệt chỉ thấy hờn căm trong mắt và nhật đá dưới đất lên ném vào lính canh và ảnh tượng của ta trong đền đã bị phân bỏ làm nhem nhuốc. Vì thế, ta phải đuổi người ra khỏi Ai Cập, Sinuhe, để người không bao giờ nhìn thấy xứ Kemet nữa, vì nếu ta để người ở lại đây, sẽ có ngày ta phải cho giết người, mà ta không muốn làm điều đó, bởi vì người từng là bạn ta. Vì những lời điên rồ của người có thể như đốm lửa nhỏ đốt cháy đám sậy khô và một khi sậy bắt lửa sẽ rực cháy thành tro. Những lời nói xấu xa, độc địa đôi khi còn nguy hiểm hơn những ngọn giáo và ta tẩy rửa chúng khỏi xứ Kemet, như người làm vườn tốt nhổ sạch cỏ dại trên các luống rau của mình, và ta hiểu người Hittite khi họ lấy giáo xiên thủng và treo lũ phù thủy dọc đường họ qua. Ta sẽ không để xứ Kemet cháy trong biển lửa một lần nữa, không vì con người cũng không vì thần linh, vì thế ta sẽ trục xuất người, Sinuhe, bởi chắc chắn người chưa bao giờ là người Ai Cập, mà chỉ là một quái thai kỳ dị

nào đó mang dòng máu pha tạp, khiến những suy nghĩ bệnh hoạn làm tổ trong cái đầu ốm đau của người.

Có lẽ ông ta đã đúng và có lẽ nỗi day dứt của trái tim tôi xuất phát từ sự hòa trộn giữa dòng máu linh thiêng của các pharaon với dòng máu loãng của xứ Mitanni hấp hối lúc hoàng hôn trong huyết quản tôi. Nhưng tôi đã phì cười trước lời nói của ông ta và vì phép lịch sự, tôi đưa tay che miệng để kìm nén tiếng cười. Bởi lẽ tôi vô cùng sợ hãi trước những lời đó, vì Thebes là thành phố của tôi, nơi tôi sinh ra, lớn lên và tôi không muốn sống ở bất kỳ nơi nào khác ngoài Thebes. Nhưng tiếng cười của tôi đã xúc phạm Horemheb ghê gớm, vì ông ta chờ tôi cúi rạp mình xuống đất trước mặt ông ta và cầu xin ông ta rủ lòng thương hại. Vậy nên ông ta vung chiếc roi của pharaon ra phía trước và hét lên:

- Được. Ta sẽ vĩnh viễn đày người khỏi Ai Cập và khi người chết, xác của người không được mang về Ai Cập để chôn cất, mặc dù ta cho phép xác người được bảo quản theo tập quán. Xác người sẽ được chôn trên bờ biển phía đông, nơi từ đó người ta căng buồm đến xứ Punt và là nơi ta đày người đến, vì ta không thể đày người đến Syria bởi xứ đó vẫn còn là một đồng than âm ỉ cháy không cần ống thổi; mà ta cũng không thể đày người đến xứ Kush, bởi người cho rằng màu da con người không quan trọng, người da đen và người Ai Cập đều bình đẳng, do đó người có thể gieo rắc những suy nghĩ ngu xuẩn của người vào đầu người da đen. Nhưng nơi bờ biển hoàn toàn hoang vắng, người có thể diễn thuyết cho những ngọn sóng đỏ, diễn thuyết cho những ngọn gió đen sa mạc và từ trên những vách đá, người có thể tùy thích thuyết giảng cho bầy chó hung sa mạc, quạ đen và rắn. Lính gác sẽ khoanh vùng khu vực người được phép đi lại và sẽ giết người nếu người vượt qua ranh giới họ vạch cho người. Còn những thứ khác, người sẽ không thiếu, giường mềm, thức ăn dồi dào và bất cứ thứ gì thích hợp mà người muốn sẽ được gửi đến cho người, vì bị đày đến nơi cô quạnh đã là một hình phạt đủ khắc nghiệt cho người và ta không muốn hành hạ người theo bất kỳ cách nào khác nữa bởi vì người từng là bạn ta,

miễn là mục đích của ta được thực hiện và ta thoát khỏi những lời nói điên rồ của người.

Tôi không hề sợ cô đơn, vì cả đời tôi chỉ có một mình và sinh ra tôi đã cô đơn, nhưng trái tim tôi tan chảy vì buồn khi nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ được nhìn lại Thebes, và không bao giờ được cảm nhận lớp bùn mềm của đất Kemet dưới chân mình cũng như sẽ không bao giờ được uống nước sông Nile nữa. Vì thế, tôi nói với Horemheb:

- Tôi không có nhiều bạn vì mọi người lẩn tránh tôi bởi sự phẫn uất và cái lưỡi sắc bén của tôi, nhưng có lẽ ông cho phép tôi nói lời tạm biệt với những người bạn của mình. Tôi cũng muốn chào tạm biệt Thebes, đi dọc Đại lộ Nhân Sư một lần nữa và cảm nhận mùi nhang khói cúng thần linh trong những cây cột sắc sỡ của ngôi đền lớn và mùi cá rán vào lúc chập tối ở khu phố nghèo khi những người vợ nhóm lửa trước những túp lều đất sét và những người chồng đi làm về vai sệ xuống vì mệt mỏi.

Chắc Horemheb sẽ đồng ý với yêu cầu của tôi nếu tôi khóc trước mặt ông ta và cúi rạp mình xuống đất trước mặt ông ta, vì ông ta là người đàn ông tự phụ và lý do chính khiến ông ta phẫn uất với tôi có lẽ vì ông ta biết tôi không ca ngợi ông ta và sâu thẳm trong đáy lòng mình, tôi không coi ông ta là một pharaon đích thực. Nhưng dù tôi là một kẻ yếu đuối và có trái tim cừu, tôi không muốn nhún nhường trước mặt ông ta, vì tri thức không nên quỳ gối trước uy quyền. Bởi vậy, tôi lại đưa tay ra trước miệng để che giấu nỗi sợ hãi và lo lắng đằng sau những cái ngáp, vì tôi luôn buồn ngủ những khi sợ hãi nhất. Lúc ấy Horemheb nói:

- Ta không cho phép dènh dàng vô ích lúc chia tay, vì ta là một quân nhân và một người đàn ông cương nghị, không thích sự ủy mị, mềm yếu. Do đó ta để người ra đi dễ dàng và cho đưa người đi ngay lập tức. Ta không muốn có bất kỳ cuộc bạo loạn hay chống đối nào chỉ vì người, bởi người được nhiều người biết

đến ở Thebes, nhiều hơn người có thể nghĩ. Người phải rời đi trong một chiếc kiệu che kín và nếu ai đó muốn đi theo người đến chốn lưu đày, ta cũng cho phép. Nhưng người đó phải ở bên người suốt đời mình và phải ở lại nơi lưu đày ngay cả khi người đã chết và người đó cũng sẽ phải chết ở đó. Vì những suy nghĩ nguy hiểm như bệnh dịch, dễ dàng lây lan từ người này sang người khác.

Ta không muốn nguồn lây nhiễm từ người theo ai khác trở lại Ai Cập. Còn nếu người ám chỉ bạn mình là tên nô lệ của một cối xay ngũ cốc có các ngón tay đánh vào nhau, là gã nghệ sĩ say xỉn hay ngồi xổm bên vệ đường vẽ thần linh và một vài đứa da đen đã tụ tập trong nhà người, thì người không cần phải mất công đến tạm biệt họ, vì họ đã đi xa và sẽ không bao giờ trở lại nữa.

Ngay lúc đó tôi căm thù Horemheb nhưng lại càng hận mình hơn vì bàn tay tôi vẫn còn gieo rắc cái chết cho người khác dù tôi không muốn. Tôi biết chắc Horemheb đã sai giết hại hoặc đày đến các mỏ đồng ở Sinai mấy người bạn mà tôi đã tụ tập quanh mình vì họ vẫn nhớ Aton. Vì vậy tôi không nói gì với Horemheb nữa, mà cúi đầu trước mặt ông ta, hai tay đặt ngang đầu gối và toán lính gác kéo tôi ra xa ông ta. Trước khi tôi rời đi, ông ta còn hai lần mở miệng định nói điều gì đó với tôi và cũng bước sau tôi một hai bước, nhưng rồi dừng lại và quất roi vào chân mình, nói: “Lệnh Pharaon đã ban!”.

Thế là lính của ông ta nhốt tôi vào kiệu, đưa tôi ra khỏi Thebes và khênh tôi băng qua ba ngọn núi phía đông đi vào sa mạc, dọc theo con đường lát đá mà ông ta đã cho xây dựng. Họ đưa tôi đi trong hai mươi ngày tới khi chúng tôi đến bến cảng nơi các thuyền đi Punt xếp và dỡ hàng mỗi năm một lần, sau khi đã dong buồm từ Thebes xuống hạ lưu sông rồi theo kênh đào từ sông ra biển phía đông. Trong cảng có khu dân cư, vì thế toán lính giải tôi đi dọc bờ biển mất ba ngày đến một ngôi làng bị bỏ hoang nơi ngư dân từng sinh sống. Tại đây họ đo cho tôi một khoảng đất và xây cho tôi một ngôi nhà để tôi sống suốt những

năm tháng còn lại của đời mình. Tại đây tôi không thiếu bất cứ thứ gì mình muốn mà tôi sống như một người giàu có trong căn nhà của mình; tôi có bút viết, giấy tốt nhất và những hộp gỗ mun, trong đó tôi cất giữ những quyển sách mình viết và đồ nghề của thầy thuốc. Nhưng đây là quyển sách cuối cùng tôi viết, sách thứ mười lăm và tôi không còn gì để kể nữa, với lại tôi cũng đã quá mệt, tay tôi rã rời và đôi mắt tôi mờ mờ đến nỗi khó có thể phân biệt được các ký tự trên giấy còi.

Tôi nghĩ mình không đủ sức để sống nếu không viết và khi viết, tôi sống lại cuộc đời mình, mặc dù cuộc đời tôi không có nhiều điều tốt đẹp để kể. Tôi đã viết tất cả những điều này cho mình, để đủ sức tiếp tục sống và lý giải cho mình vì sao mình sống. Nhưng vì sao tôi sống, tôi thật không biết và khi viết quyển sách cuối cùng này, tôi biết về điều đó còn ít hơn khi tôi mới bắt đầu. Tuy nhiên, việc viết lách trong những năm này đã an ủi tôi rất nhiều, vì mỗi ngày đều chỉ có biển ở trước mặt tôi, tôi đã thấy biển đỏ và đã thấy biển đen, ngày thì xanh và đêm thì trắng, trong những ngày nắng rát, biển xanh sẫm hơn cả những viên đá xanh. Tôi đã quá chán nản khi nhìn biển, vì biển quá rộng và khiến con người ta khiếp sợ khi phải nhìn nó cả đời mình, đầu anh ta đau nhức khi ngắm nhìn sự vĩ đại của biển và trái tim anh ta rơi xuống đáy vực khi ngắm biển lúc chiều tà.

Suốt những năm này, tôi cũng ngắm nhìn những ngọn núi đỏ xung quanh, tôi cũng nghiên cứu những con bọ chét cát; bọ cạp và rắn quen tôi đến mức không chạy trốn tôi nữa mà lắng nghe lời tôi khi tôi nói chuyện với chúng. Nhưng tôi nghĩ rắn và bọ cạp là những người bạn xấu với con người, vì thế tôi chán ngấy chúng cũng như chán ngấy tất cả những ngọn sóng nhấp nhô của biển cả không cùng.

Nhưng tôi phải kể rằng trong năm đầu tiên tôi sống trong ngôi làng đầy xương vụn và những túp lều đổ nát này, khi các con thuyền lại dong buồm đến Punt, Muti đã theo một đoàn hành hương của Pharaon từ Thebes đến thăm tôi. Bà ấy đến bên tôi,

đặt hai tay xuống ngang đầu gối trước mặt tôi, chào tôi và buồn bã khóc khi thấy tình cảnh khốn khổ của tôi, vì má tôi đã hõm xuống, bụng tôi đã tóp đi và tôi thờ ơ với tất cả, tôi chỉ nhìn chăm chăm vào biển để thời gian trôi đi cho đến khi đầu tôi đau nhức. Nhưng Muti đã tươi tỉnh lại rất nhanh và bắt đầu rầy la tôi âm ỉ:

- Sinuhe, không phải là tôi đã cảnh báo ông cả ngàn lần là ông sẽ chui đầu vào thùng lọng vì bản tính đàn ông của mình, nhưng đàn ông điếc hơn đá và đàn ông là những thằng nhãi ranh cứ phải đập đầu cho thùng tường mặc dù tường không nhức nhích. Thực sự ông đã đập đầu vào tường đủ rồi, ông chủ Sinuhe ạ. Đã đến lúc ông phải bình tâm lại và sống một cuộc đời thông minh cho đến khi cái của nợ nhỏ bé mà đàn ông hay ngượng ngùng giấu dưới chiếc khố của họ không còn quấy rầy ông và làm đầu ông nóng bừng bừng nữa, vì nó là nguyên nhân của tất cả những việc xấu xa xảy ra trên thế gian.

Nhưng khi tôi trách bà ấy và nói lẽ ra bà không nên rời khỏi Thebes để đến đây với tôi vì bây giờ bà không được phép trở lại Thebes nữa, mà khi đến đây bà đã trói chặt cuộc đời mình với cuộc đời tôi, một kẻ bị lưu đày, việc mà tôi hoàn toàn không cho phép nếu tôi biết được ý định của bà. Bà ấy vừa rầy la tôi rất lâu vừa giễu cợt nói:

- Việc xảy ra hoàn toàn ngược lại với mong muốn của ông như thế này lại là điều tốt nhất từng xảy ra trong đời ông.

Tôi tin rằng Pharaon Horemheb là người bạn thực sự của ông khi ngài cho ông đến một nơi yên bình thế này vào những ngày tuổi già của ông. Cả tôi cũng đã thấy mệt mỏi với sự ồn ào của Thebes, với những người hàng xóm chuyên cãi vã xích mích, những người mượn nồi chảo không chịu trả và hất rác của họ vào sân nhà tôi. Nghĩ lại, tôi thấy ngôi nhà vốn là xưởng đúc đồng từ sau vụ cháy không còn như trước nữa, cái bếp lò làm cháy món rán của tôi, dầu ôi thiu trong các hũ của tôi, sàn nhà

lùa gió vào chân tay tôi và các ô cửa sổ không ngừng cọt kẹt. Trái lại, ở đây chúng ta có thể bắt đầu lại từ đầu và làm mọi thứ theo ý muốn của mình; tôi đã tìm thấy một chỗ rất tốt có thể làm vườn rau, trồng các loại gia vị và cải xoong, thứ mà ông rất thích, ông chủ của tôi ạ. Thật thế, tôi sẽ bắt những thằng lười này vào việc ngay, chúng được Pharaon cử đến để bảo vệ ông khỏi bọn cướp và những kẻ bắt lương. Tôi sẽ bắt chúng hằng ngày sẵn thịt tươi cho ông, bắt chúng đánh cá ngoài biển, mò trai hến và tôm cua ven bờ, mặc dù tôi cũng nghĩ cá biển và trai hến không ngon như cá dưới sông. Tôi cũng dự định lúc nào đó sẽ chọn nơi thích hợp đặt mộ cho mình, nếu ông cho phép, thưa ông chủ, bởi vì một khi đã đến được đây, chắc chắn tôi sẽ không rời đây đi đâu nữa. Tôi đã vô cùng mệt mỏi khi phải lang thang hết nơi này đến nơi khác để tìm ông và những chuyến đi khiến tôi khiếp sợ, vì tôi chưa bao giờ bước chân ra khỏi Thebes.

Cứ như thế, Muti an ủi tôi và làm tôi vui hơn bằng những lời rầy la của bà ấy và tôi nghĩ chỉ nhờ có bà, tôi mới quay lại với cuộc sống và bắt đầu viết, bởi vì sẽ thật có lỗi với bà ấy nếu tôi chết và để bà sống một mình trong những ngày tuổi già ở nơi lưu đày của tôi. Muti khuyến khích tôi viết, vậy nên tôi đã làm việc siêng năng với cây viết của mình, dù bà không biết đọc và tôi biết thật ra trong thâm tâm, bà coi việc viết lách của tôi là trò chơi vô vị. Nhưng bà muốn tôi có việc làm để cuộc sống của tôi có mục đích ở nơi đày ải, bà lo sao cho tôi không viết vào tối muộn và làm hỏng mắt của mình mà chỉ viết vừa phải và thỉnh thoảng nghỉ ngơi, thưởng thức tất cả đồ ăn ngon bà nấu cho tôi. Như lời bà nói lúc đầu, bà đã bắt lính canh của Pharaon làm việc, khiến cuộc sống của họ khổ sở đến mức họ không ngót nguyên rửa bà khi không có mặt bà, gọi bà là phù thủy, là kẻ ăn thịt người. Nhưng họ không dám chống lại bà, vì nếu cãi lại bà, họ sẽ bị bà quát mắng với những lời lẽ thô tục nhất, miệng lưỡi bà sắc nhọn hơn cả thanh gai người ta hay dùng chọc bò để chúng gồng mình kéo xe, bà sẽ kể cho họ nghe về cái của nợ nhỏ bé mà họ giấu kín trong chiếc khố của mình, những câu chuyện khiến họ

phải xấu hổ cúi gằm mặt nhìn xuống đất và ngón chân cào cào bởi bùn.

Tôi cũng nghĩ Muti có tác động khá tốt đối với họ, vì bà buộc họ đi lại liên tục khiến họ không còn thời gian để chán chường khi phải canh giữ tôi, không còn thời gian để nguyên rửa tôi, lập kế hoạch giết tôi để vứt bỏ cái của nợ là tôi và trở lại Thebes, trái lại rất vui sướng vào những lúc được nghỉ ngơi. Muti thưởng cho họ những chiếc bánh ngon bà nướng, ủ cho họ những vò to đầy bia mạnh và cho họ được ăn những loại rau tươi ngon từ vườn của bà. Muti còn dạy họ cách nấu các món ăn khác nhau để khỏi bị ốm vì họ chỉ được nhận những khẩu phần ăn đơn điệu khi làm phận sự của mình. Hằng năm khi các thuyền buôn dong buồm đến Punt, Kaptah gửi từ Thebes đến cho chúng tôi rất nhiều thứ theo chỉ dẫn của bà ấy và ông ấy cũng bảo thư lại của mình viết thư kể cho tôi biết chuyện ở Thebes để tôi không sống như một kẻ bị nhốt kín trong hầm. Với tất cả những việc này, lính canh được hưởng rất nhiều từ việc canh gác tôi, học được những điều hữu ích từ Muti và trở nên tương đối khá giả với những món quà của tôi nên không còn liên tục mong muốn được trở về Thebes.

Nhưng sau khi đã kể xong tất cả những điều này, tôi thấm mệt và mắt tôi cũng mỏi. Những con mèo của Muti nhảy vào lòng tôi và lấy đầu cọ cọ vào bàn tay đang cầm cây viết của tôi khiến tôi không thể viết được nữa. Trái tim tôi mệt mỏi vì tất cả những gì tôi đã kể, chân tay tôi cũng rã rời và tôi chỉ muốn được nghỉ ngơi mãi mãi. Có lẽ tôi không hạnh phúc nhưng tôi cũng không quá bất hạnh với nỗi cô đơn của mình, vì càng cô đơn và càng xa con người, tôi càng thấy rõ con người hơn, hiểu việc làm của họ hơn và thấy tất cả những việc con người làm trong cuộc đời mình đều là phù phiếm.

Nhưng tôi cầu mong phước lành cho giấy và bút của mình, vì chúng đã cho tôi cảm giác mình lại là một đứa bé trai trôi dọc sông Nile trên chiếc thuyền sậy nhuộm đen bồ hóng, chưa cảm

thấy nỗi buồn của cuộc sống và nỗi đau của tri thức. Tôi lại là cậu bé trong ngôi nhà của bố tôi, Senmut, và những giọt nước mắt của Meti, người làm cá, rơi xuống tay tôi nóng hổi. Tôi đã cùng Minea lưu lạc trên những con đường của Babylon và đôi cánh tay xinh đẹp của Merit đã ôm cổ tôi. Tôi đã khóc cùng những người chịu nhiều đau khổ và tôi đã phân phát đại mạch của mình cho người nghèo. Tôi muốn nhớ tất cả những điều này, chứ không muốn nhớ những việc làm xấu xa của mình và cũng không muốn nhớ lại nỗi buồn vì những mất mát của mình.

Tất cả những điều này do tôi, Sinuhe, Người Ai Cập, viết ra cho riêng tôi. Không phải cho thần linh, cũng không cho người khác, cũng không nhằm lưu danh mình muôn thuở, mà chỉ cho chính bản thân nghèo khổ, buồn đau và cho trái tim tôi, trái tim đã phải nhận quá đủ phần của nó. Vì tôi không thể hy vọng tên mình sẽ được lưu lại trong các sách, bởi tôi biết rõ các lính canh sẽ xóa sạch tất cả những gì tôi viết, một khi tôi chết. Họ sẽ tiêu hủy các bản văn của tôi cũng như phá sập các bức tường nhà tôi theo lệnh của Horemheb và tôi không biết mình có nên tiếc điều đó không, vì sau tất cả những gì tôi đã trải qua, tôi không muốn tên mình được lưu danh muôn thuở.

Tuy nhiên, tôi giữ gìn cẩn thận mười lăm quyển sách này và Muti đã đan một bì bằng sợi cọ bền chắc cho mỗi quyển; tôi cất các quyển sách được bọc bì này vào một chiếc hộp bằng bạc, rồi tôi bỏ chiếc hộp bạc này vào một hộp gỗ cứng và tôi khóa chiếc hộp gỗ này, cất vào một cái tủ bằng đồng như những quyển sách của thần Thoth từng được đóng vào một chiếc hộp và ném xuống đáy sông. Nhưng liệu Muti có giấu được đám lính canh những quyển sách của tôi và cất chúng vào mộ tôi hay không, tôi không biết và tôi cũng không quan tâm điều đó.

Vì tôi, Sinuhe, là một con người; là một con người, tôi sống trong mỗi người từng sống trước tôi và tôi sống trong mỗi người sinh ra sau tôi. Tôi sống trong tiếng khóc và niềm vui của con

người, trong nỗi buồn và nỗi sợ của con người, trong thiện và ác, công lý và bất công, yếu mềm và mạnh mẽ. Tôi sẽ sống mãi mãi như một con người trong từng người, vì vậy tôi không muốn đồ cúng tế nơi mộ mình và sự bất tử cho tên mình. Điều này được Sinuhe, Người Ai Cập, người đã sống cô đơn trong suốt cuộc đời mình, viết ra.